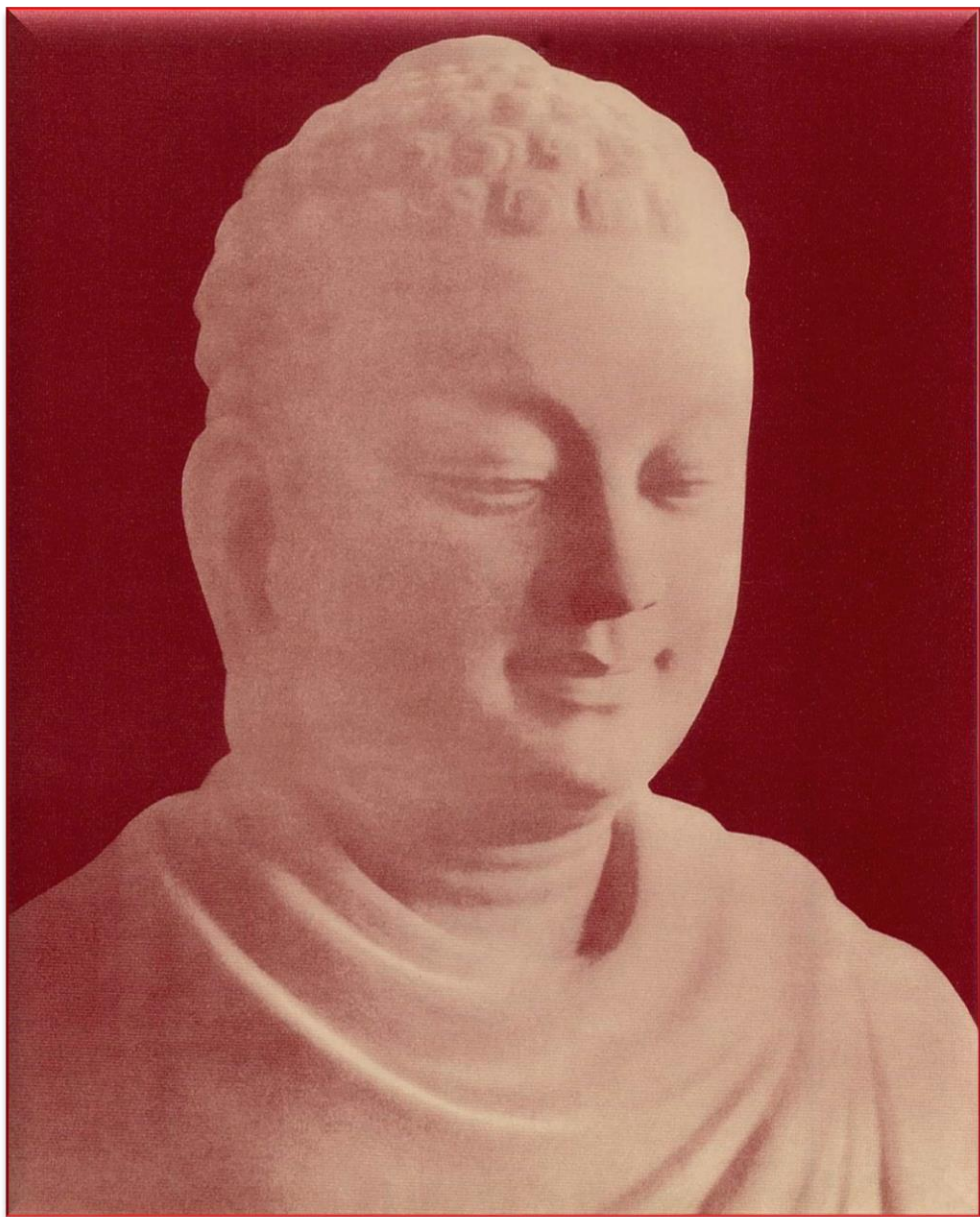
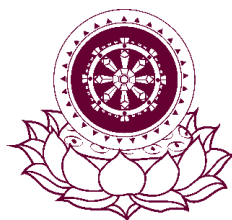




NAM – MÔ BỒN – SƯ THÍCH – CA MÂU – NI PHẬT

LINH SƠN PHÁP BẢO ĐẠI TẠNG KINH
Tập 49

BỘ NIẾT BÀN
III



HỘI VĂN HÓA GIÁO DỤC
LINH SƠN ĐÀI BẮC XUẤT BẢN

NHỮNG QUY ƯỚC THỐNG NHẤT TRONG LINH SƠN PHÁP BẢO ĐẠI TẠNG KINH

I- Viết hoa toàn bộ:

1. **Tên người:** (Phật) Vô Lượng, (vua) Tự Đức, (Thiền sư) Vạn Hạnh, (Bồ-tát) Quán Thế Âm...
2. **Tên nước:** Việt Nam, Trung Hoa, Thái Lan, Đài Loan...
3. **Tôn xưng danh hiệu Phật:** Đức Như Lai, Bạc Chúng Hựu, Đẳng Tối Chánh Giác...
4. **Tác phẩm, kinh sách:** luận Trung Quán, kinh Diệu Pháp Liên Hoa, kinh Trường A-hàm...

II- Viết hoa chữ đầu:

1. **Địa danh:** thành Vương xá, chùa Ấn quang, rừng Thi lợi...
2. **Thuật ngữ Phật học được nhấn mạnh:** bốn Niệm xứ, bốn Chánh cần, Khổ xuất yếu thánh đế...
3. **Phẩm bậc, quả vị tôn kính:** Hòa thượng, Thanh văn, Duyên giác, Thái tử (nói về Phật, Bồ-tát thị hiện độ sanh; ví dụ: Thái tử Tỳ-bà-thi), Tôn giả...
4. **Chủng loại:** chư Thiên
5. **Phương hướng:** phương Đông nam, hướng Tây bắc, phía Đông thành Vương xá...

III- Viết hoa chữ đầu + gạch nối: (những từ được phiên âm từ Pāli)

1. **Nhân danh:** Mãn-độ-ma, Xà-ni-sa, Xá-lợi-phất...
2. **Địa danh:** nước Bạt-kỳ, thành Xá-vệ, cõi Diêm-phù-đề...
3. **Thuật ngữ Phật học được nhấn mạnh:** A-lại-da, Tam-phật-đà, Ba-la-đề-mục-xoa...
4. **Phẩm bậc, quả vị:** Tỳ-kheo, Ưu-bà-di, A-la-hán...
5. **Chủng loại:** A-tu-la, La-sát, Càn-thát-bà...

IV- Gạch nối: (danh từ chung được phiên âm từ Pāli)

ví dụ: đàn-việt, na-do-tha, do-tuần...

V- Số:

1. **Viết thành chữ:** (những số quá lớn nên chú thích thêm số)
ví dụ: hai trăm năm mươi (giới), ba mươi hai (tướng tốt), mười lăm ức bảy ngàn sáu mươi vạn (1.570.600.000)...
2. **Viết thành số:** số hiệu kinh, số trang dẫn
ví dụ: Đại I, trang 15, cht. 52 ...

VI- Đặc biệt:

- ✓ **Âm “y” và “i”:** dù đứng một mình, đứng đầu từ hoặc ở giữa từ, hoặc sau các phụ âm: K, L, M, T, Q vẫn viết theo thói quen cũ.
ví dụ: kỷ cương, lý luận, hoàn mỹ, quy định, li ti, hoan hỷ...
- ✓ 梵 viết là “**Phạm**” không viết là “**Phạn**” (phát âm theo chữ Brahma).
- ✓ 慧 viết là “**Tuệ**” không viết là “**Huệ**”.

Chùa Pháp Bảo-Thủ Đức, ngày 8 tháng 9 năm 2000

Sa môn **THÍCH TỊNH HẠNH**

LINH SƠN PHÁP BẢO ĐẠI TẠNG KINH

TẬP 49

BỘ NIẾT BÀN

III

SỐ 376 → 396

**HỘI VĂN HÓA GIÁO DỤC
LINH SƠN ĐÀI BẮC XUẤT BẢN**

MỤC LỤC

BỘ NIẾT BÀN 3 – T049

SỐ 376.....	3
KINH ĐẠI BÁT NÊ HOÀN	3
QUYỂN 1.....	3
PHẨM 1: PHẦN TỰA	3
PHẨM 2: BỒ TÁT ĐẠI THÂN	17
PHẨM 3: TRƯỞNG GIẢ THUẦN ĐÀ	22
QUYỂN 2.....	36
PHẨM 4: XÓT XA THAN THỞ	36
PHẨM 5: SỐNG LÂU	46
PHẨM 6: THÂN KIM CƯƠNG	56
PHẨM 7: THỌ TRÌ.....	63
QUYỂN 3.....	65
PHẨM 8: BỐN PHÁP.....	65
QUYỂN 4.....	94
PHẨM 9: BỐN HẠNG NGƯỜI ĐỂ NUƠNG TỰA	94
PHẨM 10: PHÂN BIỆT TÀ CHÁNH	109
QUYỂN 5.....	119
PHẨM 11: BỐN ĐỀ.....	119
PHẨM 12: BỐN THỨ ĐIÊN ĐẢO	120
PHẨM 13: NHƯ LAI TÁNH.....	121
PHẨM 14: VẤN TỰ	139
PHẨM 15: LẤY CHIM LÀM THÍ DỤ.....	144
PHẨM 16: LẤY MẶT TRĂNG LÀM THÍ DỤ.....	148
QUYỂN 6.....	153
PHẨM 17: HỎI VỀ BỒ TÁT.....	153
PHẨM 18: VUI THEO.....	168
SỐ 377.....	185
KINH ĐẠI BÁT NIẾT BÀN HẬU PHẦN.....	185
QUYỂN THƯỢNG	185
PHẨM DƯ: KIỀU TRẦN NHƯ	185
PHẨM 1: LỜI RĂN DẠY CỦA ĐỨC PHẬT ĐỀ LẠI	188
PHẨM 2: SỰ TRỞ VỀ CỘI NGUỒN PHẢI LÀM TRÒN.....	202
QUYỂN HẠ	213
PHẨM 3: CƠ CẢM TRÀ TỶ.....	213
PHẨM 4: THÂN MÌNH ĐỨC THÁNH THẨM NHUẦN RỘNG LỚN	226

SỐ 378.....	234
KINH PHƯƠNG ĐĂNG BÁT NÊ HOÀN	234
QUYỂN THƯỢNG	234
PHẨM 1: KHÓC THƯƠNG	234
PHẨM 2: BỐN ĐỒNG TỬ HIỆN SINH	244
PHẨM 3: BỐN ĐỒNG TỬ	256
QUYỂN HẠ	270
PHẨM 4: CHÚC LUY	270
PHẨM 5: ĐỘ ĐỊA NGỤC	278
PHẨM 6: HIỆN CÁC ĐỨC PHẬT	282
PHẨM 7: NƯỚC PHẬT THANH TỊNH	286
PHẨM 9: NHƯ LAI HÓA THUYẾT PHÁP	292
SỐ 379.....	299
KINH TỨ ĐỒNG TỬ TAM MUỘI	299
QUYỂN THƯỢNG	299
QUYỂN TRUNG.....	322
QUYỂN HẠ	338
SỐ 380.....	358
KINH ĐẠI BI.....	358
QUYỂN 1	358
PHẨM 1: PHẠM THIÊN	358
PHẨM 2: THƯƠNG CHỦ	369
PHẨM 3: ĐỂ THÍCH.....	374
QUYỂN 2.....	377
PHẨM 4: LA HẦU LA	377
PHẨM 5: CA DIẾP	381
PHẨM 6: GIỮ GÌN CHÁNH PHÁP	386
PHẨM 7: XÁ LỢI.....	391
QUYỂN 3.....	396
PHẨM 8: LỄ BÁI.....	396
PHẨM 9: THIỆN CĂN	401
PHẨM 10: PHƯỚC ĐỨC CỦA SỰ BỎ THÍ	403
PHẨM 11: TRỒNG CĂN LÀNH	412
QUYỂN 4.....	415
PHẨM 12: DÙNG CÁC THÍ DỤ ĐỂ PHÓ CHÚC CHÁNH PHÁP	415
QUYỂN 5.....	430
PHẨM 13: TRỒNG CĂN LÀNH	430
PHẨM 14: HỎI – ĐÁP	440

SỐ 381.....	445
KINH ĐĂNG TẬP CHÚNG ĐỨC TAM MUỘI	445
QUYỂN THƯỢNG	445
QUYỂN TRUNG.....	463
QUYỂN HẠ	552
SỐ 382.....	568
KINH TẬP NHẤT THIẾT PHƯỚC ĐỨC TAM MUỘI	568
QUYỂN THƯỢNG	568
QUYỂN TRUNG.....	590
QUYỂN HẠ	622
SỐ 383.....	642
KINH MA HA MA DA	642
QUYỂN THƯỢNG	642
QUYỂN HẠ	660
PHẨM 2: TÁM NƯỚC PHÂN CHIA XÁ LỢI	673
SỐ 384.....	677
KINH BỒ TÁT TÙNG ĐẬU THUẬT THIÊN GIÁNG THÂN MẪU THAI	
THUYẾT QUẢNG PHỔ.....	677
QUYỂN 1.....	677
PHẨM 1: THIÊN CUNG	677
PHẨM 2: DU BỘ	690
PHẨM 3: THÁNH ĐẾ	698
QUYỂN 2.....	701
PHẨM 4: PHẬT THỌ	701
PHẨM 5: TAM THỂ ĐĂNG	708
QUYỂN 3.....	720
PHẨM 6: TƯỚNG - VÔ TƯỚNG	720
PHẨM 7: TRỤ - BẤT TRỤ	723
PHẨM 8: BÁT CHÚNG THÂN	727
PHẨM 9: TOÀN THÂN XÁ LỢI.....	737
PHẨM 10: THƯỜNG - VÔ THƯỜNG	742
QUYỂN 4.....	747
PHẨM 11: TÙY HỖ	747
PHẨM 12: NGŨ ĐẠO TÂM THỨC	751
PHẨM 13: CHƯ PHẬT HÀNH TÈ VÔ SAI BIỆT	754
PHẨM 14: HÀNH ĐỊNH BẤT ĐỊNH	761
QUYỂN 5.....	769
PHẨM 15: CHÚNG SINH NHẬP LỤC ĐẠO.....	769

PHẨM 16: CHUYỂN PHÁP LUÂN.....	773
PHẨM 17: NĂM THẦN THÔNG	778
PHẨM 18: THỨC TRỤ XỨ	781
PHẨM 19: THIỆN QUYỀN.....	785
QUYỀN 6.....	790
PHẨM 20: VÔ MINH	790
PHẨM 21: KHỔ HẠNH	795
PHẨM 22: TỨ ĐẠO HÒA HỢP.....	798
PHẨM 23: Ý	801
PHẨM 24: ĐỊNH Ý.....	806
PHẨM 25: QUANG ẢNH	810
QUYỀN 7.....	814
PHẨM 26: PHÁ TÀ KIẾN.....	814
PHẨM 27: VĂN THÙ THÂN BIẾN HÓA.....	818
PHẨM 28: BÁT HIỀN THÁNH TRAI GIỚI	822
PHẨM 29: NĂM LẠC	825
PHẨM 30: KHẨN ĐÀ LA.....	829
PHẨM 31: HƯƠNG ÂM THẦN	831
PHẨM 32: ĐỊA THẦN	834
PHẨM 33: NGƯỜI	837
PHẨM 34: HÀNH.....	841
PHẨM 35: PHÁP TRỤ	848
PHẨM 36: PHỤC BẢN HÌNH	850
PHẨM 37: XÂY THÁP	851
PHẨM 38: XUẤT KINH	852
SỐ 385.....	855
KINH TRUNG ẤM	855
QUYỀN THƯỢNG	855
PHẨM 1: NĂM THỆ NGUYỆN RỘNG LỚN CỦA NHƯ LAI NHẬP THÂN	
TRUNG ẤM ĐỀ GIÁO HÓA	855
PHẨM 2: ĐỨC NHƯ LAI DIỆU GIÁC ĐƯA CÁC BỒ-TÁT VÀO TRUNG ẤM	
ĐỀ GIÁO HÓA	862
PHẨM 3: ĐỨC NHƯ LAI DIỆU GIÁC NHẬP TRUNG ẤM PHẢN THÂN	868
PHẨM 4: BỒ TÁT HIỀN HỘ HỎI VIỆC.....	874
PHẨM 5: ĐẠO THỌ.....	875
QUYỀN HẠ	912
PHẨM 6: THẦN TÚC	912
PHẨM 7: PHÁ LƯỚI ÁI	915

PHẨM 8: BA ĐÒI BÌNH ĐẲNG.....	919
PHẨM 9: KHÔNG SINH DIỆT.....	928
PHẨM 10: GIÁO HÓA KHÔNG VÀ VÔ HÌNH.....	932
PHẨM 11: HỮU SẮC VÀ VÔ SẮC.....	935
PHẨM 12: HOAN HỠ 937	
SỐ 386.....	939
KINH LIÊN HOA DIỆN.....	939
QUYỂN THƯỢNG.....	939
QUYỂN HẠ.....	942
SỐ 387.....	956
KINH ĐẠI PHƯƠNG ĐẲNG VÔ TƯỚNG.....	956
QUYỂN 1.....	956
PHẦN 1: ĐẠI VÂN.....	956
Chương 1: NÓI VỀ ĐẠI CHÚNG 1.....	956
QUYỂN 2.....	981
PHẦN 1: ĐẠI VÂN.....	981
Chương 1: NÓI VỀ ĐẠI CHÚNG 2.....	981
Chương 2: NÓI VỀ TAM MUỘI.....	992
QUYỂN 3.....	1001
PHẦN 1: ĐẠI VÂN.....	1001
Chương 3: NÓI VỀ ĐÀ LA NI.....	1001
Chương 4: MẬT NGŨ.....	1004
Chương 5: CHUYỂN SINH HỮU TẠNG.....	1005
Chương 6: ĐẮC CHUYỂN SINH TỬ NGHIỆP PHIỀN NÃO.....	1006
Chương 7: TRÍ CUỒNG NHẬP.....	1007
Chương 8: PHÁP MÔN GIẢI THOÁT CHUYỂN PHƯỚC ĐỨC TẠNG.....	1008
Chương 9: GIẢI THOÁT HỮU ĐỨC CHUYỂN TẠNG.....	1008
Chương 10: CHUYỂN CÔNG ĐỨC HẠNH.....	1009
Chương 11: HƯ KHÔNG SINH.....	1010
Chương 12: ĐIỆN QUANG CHUYỂN.....	1011
Chương 13: ĐIỆN CHUYỂN.....	1011
Chương 14: THẦN THÔNG.....	1012
Chương 15: BẢO BẠC.....	1013
Chương 16: KIM CƯƠNG TRÍ.....	1014
Chương 18: CHÁNH HẠNH.....	1015
Chương 19: SỰ TỬ HỒNG.....	1016
Chương 20: SỰ TỬ HỒNG THẦN THÔNG.....	1017

Chương 21: THIÊN PHƯƠNG TIỆN.....	1017
Chương 22: THẦN THÔNG	1018
Chương 23: KIM SÍ ĐIỀU.....	1019
Chương 24: ĐẠI XÃ.....	1019
Chương 25: VÔ ÚY	1020
Chương 26: NHẬP HẠNH	1021
Chương 27: CHỈ TÂM.....	1022
Chương 28: DŨNG LỰC	1022
Chương 29: THIÊN	1023
Chương 30: THẦN THÔNG	1024
Chương 31: TRÍ	1024
Chương 32: TRÍ BẢO TẠNG.....	1025
Chương 33: THÍ.....	1026
Chương 34: PHƯỚC ĐIỀN	1026
Chương 35: CHÁNH PHÁP	1027
QUYỂN 4.....	1029
PHẦN 1: ĐẠI VÂN	1029
Chương 36: NHƯ LAI NIẾT BÀN.....	1029
QUYỂN 5.....	1049
PHẦN 1: ĐẠI VÂN	1049
Chương 37: TĂNG TRƯỞNG 1.....	1049
QUYỂN 6.....	1064
PHẦN 1: ĐẠI VÂN	1064
Chương 37: TĂNG TRƯỞNG 2.....	1064
SỐ 388.....	1092
KINH ĐẠI VÂN VÔ TƯỚNG.....	1092
SỐ 389.....	1103
KINH PHẬT THUYẾT BÁT NIẾT BÀN LƯỢC THUYẾT GIÁO GIỚI	1103
SỐ 390.....	1110
KINH PHẬT LÂM NIẾT BÀN KÝ PHÁP TRỤ	1110
SỐ 391.....	1115
KINH BÁT NÊ HOÀN HẬU QUÁN LẬP	1115
SỐ 392.....	1117
KINH PHẬT DIỆT ĐỘ HẬU QUÁN LIỆM TÁNG TỔNG	1117
SỐ 393.....	1121
KINH CA DIỆP PHÓ PHẬT BÁT NIẾT BÀN	1121
SỐ 394.....	1125
KINH PHẬT NHẬP NIẾT BÀN MẬT TÍCH KIM CANG LỰC SĨ AI LUYỆN	

.....	1125
SỐ 395	1132
KINH ĐƯƠNG LAI BIẾN	1132
SỐ 396	1135
KINH PHÁP DIỆT TẬN	1135

-oOo-

LINH SƠN PHÁP BẢO ĐẠI TẠNG KINH

TẬP 49

BỘ NIẾT BÀN

3

SỐ 376

(QUYỂN 1 → 6)

**HỘI VĂN HÓA GIÁO DỤC
LINH SƠN ĐÀI BẮC XUẤT BẢN**

SỐ 376

KINH ĐẠI BÁT NÊ HOÀN

*Hán dịch: Đời Đông Tấn, Sa-môn
Pháp Hiển, người huyện Bình Dương.*

QUYỂN 1

Phẩm 1: PHẦN TỰA

Tôi nghe như vậy:

Một thuở nọ, Đức Phật ở giữa cặp cây Ta-la trong khu rừng Kiên cố, cạnh dòng sông Hi-liên, thuộc thành Câu-di-na-kiệt là nơi sinh ra của dòng họ Lực sĩ, cùng với tám trăm ức vị Tỳ-kheo vây quanh. Ngày mười lăm tháng hai, Đức Phật sắp sửa nhập diệt. Bấy giờ các chúng sinh ai nấy đều hớn hờ vui mừng, tự xét mình thanh tịnh, không có ý tưởng nghi ngờ chán ghét, bỗng nhiên họ tự thức tỉnh và nhận ra rằng, hôm nay Đức Như Lai Ứng Cúng Đẳng Chánh Giác động lòng thương xót thế gian, che chở giữ gìn thế gian, giúp đỡ thế gian, dồn hết sự bình đẳng để xem xét chúng sinh giống như nhìn đứa con một. Đáng tôn quý Đại Mâu Ni tịch diệt điềm đạm bảo cho các chúng sinh biết rằng, Như Lai sắp sửa diệt độ, các vị nào có điều thắc mắc khó giải quyết thì đều nên đến hỏi, gọi là lần hỏi sau cùng. Khi biết được sự việc như thế rồi mọi người đều lo buồn, sầu khổ.

Bấy giờ, từ chính giữa khuôn mặt của mình, Đức Thế Tôn phóng ra đủ mọi ánh sáng màu xanh, vàng, đỏ, trắng, pha lê, hồng, sáng chói rất đổi khác thường, soi khắp ba ngàn đại thiên thế giới, cho đến hết thấy cõi Phật trong mười phương. Chúng sinh ở sáu đường được nhờ ánh sáng ấy mà tội lỗi như bần và các phiền não thấy đều trừ diệt, ai nấy đều cảm động buồn thảm, nước mắt tuôn như mưa. Mọi người lại nói với nhau: “Này Nhân giả! Kỳ lạ thay! Thế gian trống rỗng. Này Nhân giả! Kỳ lạ thay! Phước của chúng sinh hết rồi! Này nhân giả! Kỳ lạ thay! Pháp khổ tăng thêm! Chẳng bao lâu nữa Đức Như Lai sẽ vào Nê-hoàn. Sao mà chóng vánh quá! Thế gian trống rỗng. Sao mà nhanh chóng quá! Con mắt của thế gian diệt mất. Chúng ta hãy nên cùng nhau mau mau đi đến chỗ Đức Phật để lễ lạy cúng

đường, cầu xin khuyến thỉnh Đức Thế Tôn đừng vào Nê-hoàn, hãy trụ ở tuổi thọ một kiếp hoặc giả hơn một kiếp. Nếu như Đức Phật diệt độ thì ai thân thiện từ bi dẫn dắt cho chúng ta, ai cứu giúp các ách nạn cho chúng ta. Vì thế cho nên các Nhân giả có điều gì không hiểu rõ thì nên hỏi Đức Như Lai để được Ngài giải quyết điều thắc mắc”.

Bấy giờ, đại địa chấn động đủ sáu cách. Khi ấy, có tám trăm ức Tỳ-kheo đều là bậc A-la-hán, tâm được tự tại, việc đáng làm đã làm xong, xa lìa các phiền não, hàng phục các căn ví như con rồng lớn, thành tựu không tuệ, đạt được sự lợi ích cho bản thân, quyến thuộc như rừng chiên-đàn, công đức đầy đủ, làm người con chân chính của Đức Phật. Tên của các vị ấy là: Tôn giả Ca-chiên-diên, Tôn giả Bạc-câu-la, Tôn giả Ưu-ba-nan-đà v.v... Sáng sớm, các vị Tỳ-kheo ấy dùng tăm xỉa răng, súc miệng, rửa ráy sạch sẽ, khi ấy có ánh sáng nhiệm màu chiếu rọi đến thân thể của họ, giống như mặt trời mới mọc, soi sáng cây cối xanh tươi, gân đỏ của ngọn lá thấy đều hiện rõ. Các Tỳ-kheo này cũng như thế, khắp cả thân mình, hết thấy lỗ chân lông máu tuôn chảy như mưa, lòng hết sức khổ đau, vì sự an vui và thương xót các chúng sinh, vì muốn phát khởi phương tiện mật giáo của Đại thừa, vì nhân duyên giáo hóa, các vị ấy súc miệng rửa mặt một cách nhanh chóng, xong xuôi, liền đi đến chỗ Đức Phật, cúi đầu làm lễ dưới chân Ngài, đi quanh trăm ngàn vòng, cung kính thăm hỏi rồi đứng sang một phía.

Lại có hai mươi lăm ức Tỳ-kheo-ni, đều là bậc A-la-hán, tâm được tự tại, việc đáng làm đã làm xong, lìa bỏ mọi phiền não, hàng phục các căn ví như con rồng lớn, thành tựu không tuệ, đạt được sự lợi ích cho mình. Tên của các vị ấy là: Tỳ-kheo-ni Tu-bạt-đà-la là con gái của Câu-lân (Kiều-trần-như), Tỳ-kheo-ni Ưu-bà-nan-đà, Tỳ-kheo-ni Hải Trí v.v... như mặt trời mới mọc, ánh sáng rọi vào cây cối xanh tươi, gân đỏ của ngọn lá thấy đều hiện rõ, các Tỳ-kheo-ni này cũng như vậy, khắp cả thân thể, hết thấy lỗ chân lông máu tuôn chảy như mưa, trong lòng vô cùng đau đớn khổ sở, vì sự an vui và thương xót các chúng sinh, vì muốn phát khởi phương tiện mật giáo của Đại thừa, vì nhân duyên giáo hóa, nên các vị ấy đi đến chỗ Đức Phật, cúi đầu làm lễ dưới chân Ngài, đi quanh trăm ngàn vòng, cung kính thăm hỏi rồi đứng sang một bên.

Lại có các Tỳ-kheo-ni đều là bậc Bồ-tát hùng mạnh ở trong loài người, chứng được mười Địa của Bồ-tát, vì nhân duyên giáo hóa nên hiện làm thân nữ, đi đó đây giáo hóa Bốn vô lượng, có thể thị hiện thành Phật với đủ mọi thứ biến hóa.

Lại có hàng Đại Bồ-tát nhiều như số cát của một sông Hằng, bậc hùng mạnh trong loài người, đều đầy đủ tất cả công đức. Bằng thân phượng tiện, các vị ấy rất ưa thích pháp Đại thừa, hướng đúng đắn về Đại thừa, ngưỡng vọng Đại thừa, tham cầu Đại thừa, khát khao Đại thừa, có tài năng khéo léo tùy thuận hết thầy thế gian, độ cho người chưa được độ, giải thoát cho người chưa được giải thoát; ở vô số kiếp, những vị ấy tu tập giới hạnh thanh tịnh và độ thoát chúng sinh; ở vô số kiếp, các vị ấy tu tập giới hạnh thanh tịnh, an ủi chúng sinh; ở vô số kiếp, các vị ấy tu tập giới hạnh thanh tịnh, làm hưng thịnh ba ngôi báu; ở vô số kiếp, các vị ấy tu tập giới hạnh thanh tịnh, vận chuyển bánh xe chánh pháp; ở vô số kiếp, các vị ấy tu tập giới hạnh thanh tịnh, thành đại trang nghiêm; ở vô số kiếp, các vị ấy tu tập giới hạnh thanh tịnh, hành xử kiên cố, những sự việc như thế, vô lượng công đức đều thành tựu hết thảy. Các vị ấy xem xét chúng sinh một cách bình đẳng giống như nhìn đứa con một. Tên gọi của các vị ấy là: Bồ-tát Hải Đức, Bồ-tát Vô Tận Trí v.v... Giống như mặt trời mới mọc, chiếu rọi vào cây cối xanh tươi, gân đỏ của ngọn lá thấy đều hiện rõ, các vị Bồ-tát này cũng như vậy, khắp cả thân thể, hết thảy lỗ chân lông máu chảy như mưa, tâm rất khổ sở đau đớn, vì sự an vui và nhớ nghĩ thương xót tất cả chúng sinh, vì muốn phát khởi phương tiện mật giáo của Đại thừa, vì nhân duyên giáo hóa, cho nên những vị ấy đi đến chỗ Đức Phật, cúi đầu làm lễ dưới chân Ngài và đi quanh trăm ngàn vòng, họ cung kính thăm hỏi rồi đứng sang một bên.

Lại có hàng Ưu-bà-tắc vâng giữ năm giới, nhiều gấp đôi số cát của sông Hằng, họ hết sức ưa thích tất cả các pháp đối trị: khổ và vui, thường và vô thường, cái ta và không phải cái ta, không và chẳng phải không, nương dựa và không nương dựa, chúng sinh và phi chúng sinh, thường hằng và không phải thường hằng, tốt và không phải tốt, hữu vi và vô vi, Nê-hoàn và không phải Nê-hoàn, ưa thích pháp đối trị một cách sâu xa như thế, họ muốn nghe nghĩa lý vi diệu và nêu cao giáo pháp lớn lao. Ở trong vô số kiếp, họ thanh tịnh tu hành phạm hạnh mà không làm hỏng mất, muốn thực hành Đại thừa và giảng nói rộng rãi cho mọi người, tu tập giới hạnh thanh tịnh và muốn học Đại thừa kiên cố, muốn học thuận theo thế gian, muốn học độ thoát thế gian, muốn học làm hưng thịnh Ba ngôi quý báu, muốn học chuyển bánh xe pháp, muốn học đại trang nghiêm, đầy đủ vô lượng công đức như thế, xem xét chúng sinh một cách bình đẳng giống như trông nhìn đứa con một. Tên gọi của các vị ấy là: Ưu-bà-tắc Quang Vô Cấu Xưng Vương, Ưu-bà-tắc Thiện Đức v.v... các vị Ưu-bà-tắc như thế, số lượng nhiều bằng số cát của hai sông Hằng. Vào lúc sáng sớm, vì để cúng

dường Đức Như Lai, cho nên mỗi người đều làm năm ngàn giường màn bằng cây chiên-đàn, giường màn bằng gỗ trầm thủy, giường màn bằng các thứ quý báu, giường màn thiên hương và giường màn hoa uất kim hương. Toàn bộ các giường màn đều dùng hương thơm của cây ngưu-đầu-chiên-đàn để xông ướp và trang nghiêm bằng mọi thứ bảy báu kỳ diệu, đồng thời trang hoàng lưới đan bằng dây vàng dùng để phủ lên trên; màu xanh phát ánh sáng xanh, màu vàng phát ánh sáng vàng, màu đỏ phát ánh sáng đỏ, màu trắng phát ánh sáng trắng, màu hồng phát ánh sáng hồng, màu pha lê phát ánh sáng pha lê, màu ngọc như ý phát ánh sáng ngọc như ý, dùng các màu sắc lẫn lộn như thế để trang nghiêm. Màn che bao quanh thù thắng và hiếm có, đều dùng lưới bảy báu giăng phủ lên trên, giáp vòng bốn mặt thì treo những phướn báu, lấy đủ mọi thứ hương thơm lẫn lộn để tô lên các vật ấy. Sợi tơ vàng dệt làm dây tua, bên trong tấm màn quý báu ấy với các thứ màu sắc lạ thường trang hoàng giống như trên, bảy thứ quý báu được dệt xong để làm nệm, cỏ huân thơm tho mềm mại dùng để lót vào bên trong chiếc nệm ấy. Mỗi một chiếc giường màn được chở bằng xe báu, chiếc xe ấy được trang hoàng bằng bảy món quý báu tốt đẹp uy nghiêm, trước và sau xe đều có cờ phướn và lọng tán quý báu, từng mỗi chiếc phướn lọng đều làm bằng lưới bảy báu, được trang nghiêm bằng bảy báu màu xanh, vàng, đỏ, trắng và bốn loài hoa: ưu-bát-la, bát-đàm-ma, câu-mâu-đầu, phân-đà-lợi, cũng được trang hoàng bằng bảy thứ châu báu như trước, kết mọi thứ quý báu lẫn lộn để làm tràng hoa. Bức tranh vẽ trên vải bông màu trắng tốt đẹp và hiếm thấy về những câu chuyện bản sinh ở thời quá khứ của Đức Như Lai, biểu hiện đức Bồ-tát từ khi bắt đầu phát tâm tu hành cho đến lúc Ngài thành Phật, giữa quãng thời gian ấy, Ngài thọ thân và tu hành đủ mọi khổ hạnh, không có chuyện nào mà chẳng ghi lại và phô bày ở đây.

Nhiều người đứng hai bên đường trỗi lên những khúc nhạc, các nhạc khí ấy đều dùng bảy vật quý báu để chế tạo. Âm thanh của chúng hòa nhã, đều phát ra tiếng vô thường, khổ, không.

Mọi người đều nói: “Kỳ lạ thay! Thế gian trống rỗng!”. Họ buồn rầu gào khóc, nước mắt tuôn trào, tiếng than làm chấn động trời đất. Để cúng dường Đức Phật, mỗi người mang theo bên mình đủ thứ bột thơm mịn màng của loại hoa nổi tiếng, họ lại còn sắm sửa các món ăn có mùi vị rất ngon, dùng nước khe núi và đun nấu bằng thứ củi thơm, khiến cho đồ ăn mềm nhuyễn, đầy đủ hương vị.

Lại nữa, ở bên trong và ngoài khu rừng Kiên cố được vẩy nước quét

dọn rồi trải cát bằng bảy báu, áo báu được xông ướp hương thơm để phủ lên trên. Chung quanh khu rừng người ta đặt ba mươi hai hàng tòa sư tử đều được trang nghiêm bằng bảy thứ quý báu, chạm trổ hoa văn năm màu sáng loáng, tòa ngồi ấy được xông ướp đủ thứ hương thơm diệu kỳ, rồi trải nệm bằng bảy báu lên trên đó.

Mọi việc xếp đặt xong xuôi, các vị ấy suy nghĩ: “Tất cả chúng sinh muốn có những thứ cần dùng, ta thấy đều bố thí. Như áo quần, đồ ăn thức uống, của cải, châu báu, đất nước, thành trì, vợ con, đầu, mắt, tùy, não, máu, thịt, cơ thể v.v... Các hạng người giàu có, nghèo khổ, sang trọng, hèn hạ, tùy theo sự cần dùng, ta đều khiến cho mỗi người được dồi dào, đầy đủ. Chỉ có điều là, trừ những sự bố thí không được thanh tịnh như sắc dục, thuốc độc, cho đến làm hại chúng sinh v.v...

Các vị Ưu-bà-tắc ấy phát khởi tâm Bồ-tát rồi suy nghĩ: “Chúng ta cầm giữ giường màn, xe báu, các thứ tài vật, đồ dùng, để cúng cho Đức Phật và chư Tăng, ấy là sự cúng dường và bố thí lớn lao cuối cùng”. Mỗi người đều suy nghĩ thế này: “Đức Phật và đại chúng nhận lấy phẩm vật cúng dường của chúng ta rồi, hôm nay Đức Như Lai sẽ vào Nê-hoàn”. Suy nghĩ như thế xong, tâm của họ buồn bã rồi bời. Ví như mặt trời mọc soi chiếu cây cối xanh um, gân đỏ của ngọn lá hiện rõ toàn bộ, các vị Ưu-bà-tắc cũng như vậy, khắp cả cơ thể, máu chảy ra từ lỗ chân lông như mưa, thân tâm đau đớn, buồn rầu nức nở, nước mắt đầm đìa.

Lại nữa, ở bên cạnh khu rừng Kiên cố, các vị ấy đặt đê trướng màn to lớn được trang nghiêm bằng bảy thứ quý báu, cao rộng uy nghiêm đẹp đẽ lên đến ranh giới hư không. Ở bên trong bức màn ấy, họ thiết lập tòa nhà ăn bằng bảy thứ báu, bày biện đầy đủ xong xuôi rồi, họ bèn đi đến chỗ Đức Phật, cúi đầu làm lễ dưới chân Phật, phướn lọng cúng dường đầy khắp cả hư không, họ đốt hương và rải hoa dường như mây mưa. Ai nấy đều xót xa mến mộ, buồn thảm làm cảm động đến trời đất, họ đầm ngực kêu gào, nước mắt tuôn chảy như mưa. Mọi người lại bảo với nhau: “Kỳ lạ thay! Thưa nhân giả! Thế gian trống rỗng, sao mà con mắt của thế gian diệt nhanh quá vậy!”. Với đầu và mặt chạm sát đất, họ cùng lên tiếng thỉnh cầu Đức Phật: “Xin nguyện Phật và chư Tăng thương xót chúng con, cùng với các đại chúng đều nhận lời mời của chúng con. Nhận lời mời của chúng con rồi sẽ vào Nê-hoàn. Xin cho chúng con dọn bữa ăn cúng dường Phật và đại chúng để chúng con được phước thí sau cùng”. Đức Thế Tôn biết thời nên im lặng mà chẳng nhận lời. Mọi người thỉnh cầu ba lần như thế, Đức Phật

cũng im lặng.

Bấy giờ, tất cả các vị Ưu-bà-tắc hết lòng trông mong, họ buồn rầu khổ não như người cha hiền từng chỉ có một đứa con, nó mắc bệnh chết, chôn cất xong trở về, nên buồn bã khổ não. Sự ưu sầu khổ não của các vị Ưu-bà-tắc cũng như vậy, họ làm lễ rồi đứng qua một bên.

Lại có các Ưu-bà-di đông gấp ba số cát của sông Hằng, họ đều giữ năm giới cấm, công đức đầy đủ, hiện làm hình dáng người nữ để hóa độ chúng sinh. Họ quả trách thân mình giống như bốn con rắn, có tám muôn hang ổ vi trùng ăn mòn thân thể ấy, thân này hơi thối bị mê hoặc bởi sự ham muốn. Ví như cây chết không có một tí gì đáng được ưa thích, tám thân bất tịnh này có chín lỗ thường rỉ; máu, thịt, gân, xương cùng nhau nung gá để làm tòa thành giả tạo; tay chân, lông đốt dùng để đánh lừa quân địch; móng tay, răng, tai, mắt dùng để làm cửa hang; tâm và pháp giả tạo không thật dùng làm bức ngăn cửa; buồng lung, ngang bướng, ngạo mạn lấy làm lầu nhà; giấc ác, ý tưởng, tâm vương ở bên trong thành ấy; tham lam lợi lộc, phóng dăng, buông thả ruồi giông theo sáu cảnh. Như thành quách giặc giả này là nơi chư Phật vứt bỏ, song kẻ phàm phu ngu dốt lại ưa thích, quý La-sát tham dục, tức giận, ngu si nương dựa và dừng trụ ở trong thành đó. Như rừng rậm mọc những cây y-lan không có gì đáng yêu thích; bột nước tích tụ, cây chuối không có sự bền chắc; ánh điện chớp, tiếng vang, sóng nắng, bóng trăng đầy nước, huyễn hóa giống như ngọn sóng cả của biển khơi; dòng nước chảy xiết trên đám cỏ đứng thẳng phút chốc cỏ ngã rạp; đồi núi, gò đất, rừng rậm tràn đầy như nhớp xấu xa; loài cáo, sói, chim cắt, kên kên, quạ, cú mèo, chó đói, các lũ sâu bọ dữ dằn tranh giành nhau trú ngụ ở trong đó, giống như tám thân dơ bẩn này sao có thể chung sống nổi. Nếu lấy một sợi lông để chấm lấy từng giọt nước trong biển cả thì còn có thể biết được số lượng, thân thể như cây cối độc hại này có bốn trăm lẻ bốn mầm bệnh, vô lượng các thứ uế tạp không thể nào tính kể và nói hết.

Như Đức Thế Tôn nói thí dụ, chặt cỏ cây trong thiên hạ để làm thẻ, nghiền vụn đất đá khắp quả đất thành bụi bặm, còn có thể đếm biết được số lượng; thân này bất tịnh, vô lượng xấu ác tạp nhạp, số lượng ấy hơn hẳn con số ở trên. Thân ấy tai hại làm diệt mất các pháp lành, các vị Ưu-bà-di ấy có thể vứt bỏ thân này giống như nhổ bỏ nước bọt, thực hành không, thực hành vô tướng và vô tác; ưa thích Đại thừa một cách sâu xa và thường giảng nói cho mọi người.

Tên gọi của các vị đó là: Ưu-bà-di Kỳ-bà-thi-lợi, Ưu-bà-di Thắng-mạn, Ưu-bà-di Tỳ-xá-khư v.v... Vào lúc sáng sớm, ánh sáng soi chiếu rồi, tức thời họ biết được điềm ấy, mỗi người bèn mau vội sắm sửa các thứ cúng dường nhiều gấp bội hơn ở trước. Họ đi đến chỗ Phật, đầu và mặt làm lễ sát đất để cầu thỉnh Đức Phật và chư Tăng, song Đức Thế Tôn chẳng nhận lời, họ lo buồn, khổ não đứng ở một bên.

Lại có các đồng tử thuộc dòng họ Ly-xa ở trong thành Tỳ-xá-ly, số lượng đông gấp bốn số cát của sông Hằng, nhập chung với những người ở bên ngoài thành đến đây, cộng với các vị vua, quan lớn ở đất nước biên giới của cõi Diêm-phù-đề, mọi người đều ưa thích chánh pháp và tu tập giới hạnh một cách thuần túy, thành tựu các đức hạnh, làm khuất phục những kẻ học theo đạo khác và kẻ làm lộn xộn chánh pháp. Họ có khả năng ban bố pháp không sợ hãi và diễn thuyết pháp tạng vô tận cho mọi người ở khắp nơi, toàn bộ có năng lực tu tập giáo pháp vi diệu như nước cam lộ mà chư Phật đã nói, bẻ gãy và khuất phục lời luận bàn không chính đáng của ngoại đạo và các loài ma; tự nắm giữ việc thực hành giới luật, khiến cho hàng Tăng già giữ giới đắc lực và được an ổn, bản thân thì giữ gìn, phụng hành giới luật, ưa thích nghe giáo pháp Đại thừa và giảng nói rộng rãi cho mọi người, đức từ bi thương xót tất cả chúng sinh khắp nơi như đã nói trên.

Tên gọi của các vị ấy là: Đồng tử dòng họ Ly-xa tên Tịnh Ly Cầu Tạng, đồng tử dòng họ Ly-xa tên Thường Khoái Tịnh, đồng tử dòng họ Ly-xa tên Hằng Thủy Ly Cầu Tịnh v.v... Những vị thuộc dòng họ Ly-xa đó, mỗi người đều lo liệu sự sắm sửa tám mươi tư ức chiếc giường màn bằng gỗ chiên-đàn, giường màn bằng gỗ trầm thủy, giường màn Uất-kim, giường màn làm bằng gỗ cây bách, giường màn làm bằng gỗ thơm Đâu-lâu. Mỗi chiếc giường cũng đều có tám mươi bốn ức hoa văn chạm trổ, trang hoàng bằng bảy báu và được trang hoàng năm màu sáng rỡ như trước một cách uy nghiêm. Mỗi vị sắm sửa tám vạn bốn ngàn con ngựa báu, tám vạn bốn ngàn con voi chúa cao lớn, tám vạn bốn ngàn báu có bốn ngựa kéo, toàn bộ đều lấy râu ngọc báu Thần châu sáng rỡ thất quán vào để trang sức, đoan nghiêm đẹp đẽ, đi nhanh như con gió lốc.

Lại nữa, họ còn bày biện tám vạn bốn ngàn viên ngọc quý Minh nguyệt, sáng rỡ cả ngày liền đêm; cờ phướn, lọng, hoa, màn che, châu báu quý giá, lụa trắng, tranh vẽ theo thứ tự như trước. Chiếc lọng được trang sức bằng hoa quý báu ấy rộng một do-tuần; lụa mịn màng và màu sắc rực rỡ dùng để vẽ hình tượng rộng ba mươi hai do-tuần; màn che cao to ấy lộ

rõ mỗi bức một trăm do-tuần; cờ phướn ấy mỗi lá dài một ngàn do-tuần, được trang hoàng bằng bảy thứ quý báu uy nghiêm như trước; mùi thơm của bữa cơm bốc lên xông tỏa một do-tuần. Họ xếp đặt giường nằm và tòa ngồi ở rừng Kiên cố, cung cấp đồ dùng để cúng dường toàn bộ đều chu đáo. Các vị ấy đi đến chỗ Đức Phật, cúi đầu thỉnh cầu Đức Phật, làm lễ xong rồi đứng sang một bên.

Lại có các vị đại trưởng giả ở trong cõi Diêm-phù-đề, số đông gấp năm lần số cát của sông Hằng, họ rất mực ưa thích chánh pháp, tu tập giới hạnh một cách thuần túy, thành tựu thuần thực mọi đức hạnh, thành tựu được mọi đức hạnh, làm cho kẻ học theo đạo khác và kẻ gây rối loạn chánh pháp phải khuất phục. Tên gọi các vị đó là: Nhật Nguyệt Quang Vương, trưởng giả Chiêm Bặc Hoa Thủ, trưởng giả Pháp Thủ. Các vị như thế cộng thêm con trai và con gái của họ, số đông bằng năm lần lượng cát bên bờ sông Hằng. Vào lúc hừng sáng, nương theo uy thần của Đức Phật, họ sắm sửa vật dụng cúng dường, số lượng lại tăng gấp bội so với các đồng tử dòng họ Ly-xa ở trước. Mọi người đi đến chỗ Đức Phật và cúi đầu cầu xin Phật, làm lễ dưới chân rồi đứng sang một bên.

Lại có bà con thân thuộc bên nội và bên ngoại của nhà vua trị vì thành Tỳ-xá-ly, cùng hàng vua chúa, người dân dã chốn xóm làng thành ấp lớn nhỏ, chủ quản cõi Diêm-phù-đề. Ngoài A-xà-thế ra, các vị vua còn lại như vua Nguyệt Ly Cầu Tạng, vua Nhật Ly Cầu v.v... số đông gấp sáu lần lượng cát bên bờ sông Hằng, mỗi vị vua đem theo một trăm tám mươi vạn ức quyến thuộc, toàn bộ đều là người khỏe mạnh, sức lực giống như con voi to khỏe, đi nhanh tuôn như cơn gió lốc. Họ rất mực ưa thích chánh pháp, tu tập giới hạnh một cách thuần túy, thành tựu mọi đức hạnh, làm cho kẻ học theo đạo khác và kẻ gây rối loạn chánh pháp phải hàng phục. Các vật phẩm cúng dường do họ làm ra chuyển thêm gấp bội, hơn hẳn số lượng của các vị trước đây. Mọi người đi đến chỗ Đức Phật, cúi đầu cầu thỉnh Phật, làm lễ dưới chân rồi đứng sang một bên.

Lại có phu nhân và cung nữ hầu hạ trong cung của các nhà vua lớn nhỏ chủ quản cõi Diêm-phù-đề, số đông gấp bảy lần lượng cát bên bờ sông Hằng. Trừ vua A-xà-thế ra, phu nhân và cung nữ đều nhằm chán mỏi họa của thân nữ, họ tu hành hạnh không, rất mực ưa thích Đại thừa, giảng nói rộng rãi cho mọi người công đức của việc tu hành toàn bộ giống như đã nói ở trước. Tên gọi của các vị Ưu-bà-di ấy là: Phu nhân Tam Giới Diêu, phu nhân Niệm Đức v.v... Các vật phẩm cúng dường do họ làm ra lại gấp bội,

hơn hẳn các vị trước đây. Vào lúc sáng sớm, họ đi đến chỗ Đức Phật, cúi đầu thỉnh cầu Đức Phật, làm lễ dưới chân rồi đứng sang một bên.

Lại có chúng sinh ở các cõi trời đông nhiều gấp tám lần số cát sông Hằng, như Thiên tử Câu Phổ Minh v.v... Họ đều ưa thích Đại thừa và giảng nói rộng rãi cho mọi người. Các vị ấy tu hành giới hạnh thanh tịnh, khao khát và ngưỡng mộ Đại thừa. Nếu các loài chúng sinh ưa thích Đại thừa thì các vị ấy đem pháp Đại thừa để thỏa mãn khao khát ngưỡng mộ của chúng sinh ấy, chúng sinh tu hành giới hạnh thanh tịnh và ham thích Đại thừa, thì các vị ấy làm cho chúng sinh vững chắc nơi Đại thừa, giác ngộ Đại thừa, đối với pháp Đại thừa họ chẳng khởi lên tâm ganh ghét và kiêu mạn. Các vị ấy hàng phục người học theo đạo khác và kẻ gây rối loạn chánh pháp, hộ trì chánh pháp, tu hành giới hạnh thanh tịnh, tùy thuận thế gian, độ cho người chưa được độ, giải thoát cho kẻ chưa được giải thoát. Họ muốn quay bánh xe pháp, muốn làm hưng thịnh Ba ngôi báu mãi mãi khiến cho không dứt, muốn dựng lập đại trang nghiêm. Các việc như thế, vô lượng công đức hết thảy đầy đủ. Họ đem lòng từ và bình đẳng đối với chúng sinh giống như đứa con một.

Vào lúc sáng sớm, ánh sáng chiếu rọi xong, những vị ở cõi trời ấy hiểu được tướng điềm ứng hiện này, họ đều suy nghĩ: “Chẳng bao lâu nữa Đức Như Lai sẽ vào Nê-hoàn”. Các vị ấy đi đến chỗ Đức Phật, nhìn thấy mọi thứ vật phẩm cúng dường, mỗi vị nói với nhau:

– Các ông hãy nhìn xem, vật dụng cúng dường ở chốn nhân gian kia thật trang nghiêm đặc biệt, giống hệt ở cõi trời. Cúng dường Đức Như Lai là sự cúng dường sau cùng, bữa cơm và các thứ vật phẩm cúng Phật và Tăng là cuộc đại thí cuối cùng, thế mà hôm nay Đức Thế Tôn thấy đều chẳng nhận. Nay các nhân giả! Hôm nay chúng ta nên làm việc bố thí sau cùng cho Đức Phật, chư Tăng và các quyến thuộc để hoàn thành đại thí đến bờ bên kia. Hôm nay Đức Như Lai và Tăng chúng cùng với hàng bà con thân thuộc thương xót nhận sự cúng dường bố thí lần sau chót của chúng ta rồi Ngài sẽ vào Nê-hoàn. Đức Phật ở đời khó gặp, việc bố thí rất ráo sau cùng lại khó khăn gấp bội. Kỳ lạ thay! Thưa Nhân giả, thế gian trống rỗng, con mắt của thế gian sao mà diệt mất nhanh chóng đến thế!

Các chúng sinh ở cõi trời ấy đều suy nghĩ: “Chúng ta cũng nên cúng dường Đức Như Lai”. Lập tức, các vị ấy sắm sửa vật dụng cúng dường tốt đẹp hơn hẳn nhân gian gấp bội phần, giường màn, xe cộ, cò phướn, lọng hoa, bức vẽ, màn che, hết thảy đều dùng hương thơm cõi trời, hàng tơ lụa

cõi trời, của báu cõi trời thật trang nghiêm để trang hoàng, vật dụng cúng dường đã sắm sửa xong. Các vị ấy đi đến chỗ Đức Phật, cúi đầu làm lễ dưới chân Ngài, đi quanh trăm ngàn vòng, cung kính thăm hỏi sức khỏe rồi đứng sang một bên.

Lại có các Long vương từ bốn phương đến, số đông gấp chín lần số cát của sông Hằng. Tên của các vị đó là: Long vương Hòa-tu-cát (Rồng chín đầu), Long vương Nan-đầu-uru-bát-nan-đa v.v... họ có đầy đủ các đức, thương xót thế gian. Vào lúc sáng sớm, ánh sáng chiếu rọi rồi, mỗi vị đều suy nghĩ: “Chẳng bao lâu nữa Đức Như Lai sẽ vào Nê-hoàn”. Họ sắm sửa các vật dụng cúng dường tốt đẹp hơn hẳn gấp bội vật dụng cúng dường của những vị ở cõi trời và cõi người. Các vị ấy đi đến chỗ Đức Phật, cúi đầu thỉnh cầu Phật, đi quanh trăm ngàn vòng rồi đứng sang một bên.

Lại có các vị vua trong loài quỷ thần, Tỳ-sa-môn v.v... số đông gấp mười lần lượng cát của sông Hằng. Vật dụng cúng dường của tất cả quỷ vương làm ra, toàn bộ đều giống như trước. Họ đi đến chỗ Đức Phật, cúi đầu thỉnh cầu Phật, đi quanh trăm ngàn vòng rồi đứng sang một bên.

Lại có vua của loài Già-lưu-la, số đông nhiều bằng hai chục lần số cát của sông Hằng, như là Già-lưu-la vương Long Oán v.v... Vua của loài Kiền-thất-bà, số đông gấp ba mươi lần số cát của sông Hằng, như là Kiền-thất-bà vương Na-la-đạt v.v... Vua của loài Khẩn-na-la, số đông bằng bốn mươi lần số cát bên bờ sông Hằng, như là Khẩn-na-la vương Khoái Kiến v.v... Vua của loài Ma-hầu-la-già, số đông gấp năm mươi lần số cát của sông Hằng, như là Ma-hầu-la-già vương Đại Khoái Kiến v.v... Vua của loài A-tu-la có số đông bằng sáu chục lần số cát của sông Hằng, như là A-tu-la vương Du Không v.v... Vua của loài Đà-na-bà số đông gấp bảy mươi lần số cát của sông Hằng, như là vua Pháp Thủy Ly Cầu Thắng v.v... Vua của loài La-sát, số lượng đông gấp tám chục lần số cát của sông Hằng, như là La-sát vương Quảng Bố Uy v.v... Vua chủ quản rừng rậm có số đông bằng chín mươi lần số cát của sông Hằng, như là Tùng lâm chủ vương Nhạo Hương v.v... Vua Trì chú có số lượng gấp ngàn lần số cát của sông Hằng, như là Trì chú vương Đại Huyền v.v... Chúng dục sắc nhiều gấp một ức lần số cát của sông Hằng như là Dục sắc Thiên Hiện v.v... Chúng Thiên nữ nhiều gấp trăm ức lần số cát của sông Hằng như là Thiên nữ Lam-bà v.v... Phụ-đa vương số đông gấp ngàn ức lần lượng cát của sông Hằng như là Phụ-đa vương Túc-quân-đề v.v... Hàng Thiên tử số đông gấp trăm ngàn ức lần số cát của sông Hằng như là bốn vị Thiên vương v.v... Vua thần gió

nhieu gấp trăm ngàn ức lần số cát của sông Hằng; vua thần ưa thích mây mưa nhiều gấp một ức lần số cát của sông Hằng, hết thấy vua Tịch tĩnh mây mưa ở thế gian, các vị vua như thế, vào lúc sáng sớm, ánh sáng soi chiếu rồi, họ nghĩ tướng điềm ấy, mỗi người thuộc phái Vũ chúng, đem gấp bội vật dụng cúng dường của người và trời, tất cả đi đến chỗ Đức Phật, cúi đầu thỉnh cầu Phật, đi quanh trăm ngàn vòng rồi đứng sang một bên.

Lại có loài voi chúa tỏa ra mùi thơm số nhiều gấp hơn hai chục lần số cát của sông Hằng, như con voi đầu đàn mắt xanh pha lẫn đỏ, thân mình có sắc vàng óng v.v... các con voi chúa ấy tùy theo sức lực của mình, có khả năng chọn lấy các thứ cỏ thuốc thơm và các loại hoa nổi tiếng như Ưu-bát-la, Bát-đàm-ma, Câu-mâu-đầu, Phân-đà-lợi v.v... to lớn giống như bánh xe ở trong núi Tuyết, cùng các thứ hoa mọc ở núi, sông, trên cạn, dưới nước, dùng để trang nghiêm giường màn và vật dụng cúng dường. Tiếng kêu thương gào rống của chúng làm chấn động trời đất: “Sao mà nhanh quá! Thế gian trống rỗng, sao mà con mắt của thế gian diệt mất nhanh chóng quá vậy!”. Chúng đi đến chỗ Đức Phật, cúi đầu làm lễ dưới chân Ngài rồi đứng sang một bên.

Lại có vua trong loài sư tử số nhiều gấp ba lần số cát bên bờ sông Hằng, như vua sư tử có tiếng gầm thét vang động v.v... chúng đều bố thí sự không sợ hãi cho chúng sinh một cách rộng khắp. Cùng với vua trong các loài chim Ca-lăng-tần-già v.v... Vật dụng cúng dường của các loài chim đó làm ra hết thấy giống như vật dụng cúng dường của voi chúa.

Lại có vua trong các loài trâu và loài dê, chúng đi đến rừng Kiên cố sản sinh ra thứ sữa thơm hảo hạng, sữa đều chảy tràn đầy hết thấy ao và hầm hồ. Lại có các vua trong loài ong mật đều đem mật thơm chứa đầy ăm ắp ở trong ao và hầm ấy. Các loài như thế bằng số cát của sông Hằng, tất cả đều đi đến chỗ Đức Phật, cúi đầu làm lễ dưới chân Ngài rồi đứng sang một bên.

Lại có tiên nhân chứng được năm thần thông, số đông gấp vạn lần số cát bên bờ sông Hằng, cùng với tất cả vị tiên ở bốn châu thiên hạ đi theo, như tiên nhân Nhẫn Nhục v.v... làm đủ mọi thần lực, tất cả vật dụng cúng dường đều tốt đẹp hơn trước kia bội phần. Họ đi đến chỗ Đức Phật, đem tóc mình trải xuống mặt đất, cúi đầu sát dưới chân Phật rồi đứng sang một bên.

Bấy giờ, hàng Tỳ-kheo và Tỳ-kheo-ni ở mười sáu nước lớn, chỉ trừ hai chúng của Tôn giả Đại Ca-diếp và Tôn giả A-nan, số còn lại đều tập

hộp chật cả một do-tuần, tất cả đều giống như trước. Vào buổi sáng sớm, chúng Tỳ-kheo và Tỳ-kheo-ni đi đến chỗ Đức Phật, cúi đầu làm lễ dưới chân Phật, đi quanh hàng trăm ngàn vòng rồi đứng sang một bên.

Lại có các vua thần núi nhỏ, vua thần núi lớn; các vua thần loài quý, vua thần núi Tu-di ở khoảng giữa thế giới, số đông gấp muôn lần lượng cát bên bờ sông Hằng, vua thần ăn các thứ cây, lá, hoa, quả và đủ mọi loài có sự sống, đều có sức thần thông phóng ra ánh sáng rực rỡ. Các vị ấy đi đến chỗ Đức Phật, cúi đầu làm lễ dưới chân Ngài, rồi đứng sang một bên.

Lại có các thần, Thiên tử, các vua lớn, vua nhỏ ở khắp tám con sông lớn, biển cả, quả đất, số đông gấp trăm ngàn muôn lần số lượng cát của sông Hằng, các vị ấy đều có sức thần thông, phóng ra ánh sáng rực rỡ che lấp hơn cả ánh sáng của mặt trời và mặt trăng. Ở khu rừng Kiên cố tuôn ra nước cam lồ chảy lặng lờ và trong vắt đầy cả dòng sông Hi-liên, đầu đầu cũng làm thềm đường bằng bảy thứ báu, khiến cho các chúng đến tụ họp uống nước ấy mà không biết chán.

Bấy giờ, về phía Bắc ngoảnh về hướng Nam và vùng đất của các người thuộc dòng họ Lực sĩ sinh ra, tự nhiên có tòa giảng đường Thiện pháp được kiến trúc nhiều tầng gác, hoa văn trang trí được tô vẽ chạm trổ bằng bảy thứ báu rất trang nghiêm, năm màu sáng rỡ. Vườn, rừng, hoa quả, ao tắm, suối nước trong veo cũng tự nhiên hóa thành, ví như khu vườn Hoan hỷ ở cung trời Đao-lợi, thật đáng yêu thích vô cùng. Các hàng trời, người, A-tu-la ở nơi đó đều trông thấy tướng Nê-hoàn của Đức Như Lai, ai nấy đều thương tiếc, lo lắng rầu rĩ, thở than.

Lại có một ức a-tăng-kỳ các Thiên tử của bốn vị Thiên vương, toàn bộ đều đến tập hợp, mỗi người bảo nhau: “Các ông hãy nhìn xem, những vị trời, người, A-tu-la này, vì việc cúng dường Đức Như Lai lần sau chót, nên họ đã làm ra các thứ cúng dường đặc biệt rất mực tốt đẹp và dọn đủ mọi thứ đồ ăn thức uống này. Đức Phật cùng đại chúng nhận sự cúng dường kia xong thì Ngài sẽ vào Nê-hoàn. Chúng ta cũng nên sắm sửa mọi vật dụng cúng dường tốt đẹp gấp bội hơn các vị kia”. Các Thiên tử sử dụng toàn là hoa trời, hương thơm cõi trời, thức ăn cõi trời, như hoa Mạn-đà-la, hoa Ma-ha Mạn-đà-la; hoa Ca-câu-la, hoa Ma-ha Ca-câu-la; hoa Mạn-thù-sa, hoa Ma-ha Mạn-thù-sa; hoa Tán-đa-na, hoa Ma-ha Tán-đa-na, dùng đủ mọi thứ hoa trời và các thứ hương thơm cõi trời như thế, để làm vật dụng cúng dường rồi đi đến chỗ Đức Phật, cúi đầu thỉnh cầu Ngài rồi đứng sang một bên.

Thích-đề-hoàn-nhân cùng với vô số chúng ở cõi trời Ba Mươi Ba sắm sửa vật dụng cúng dường, cho đến vật dụng cúng dường của vua tăng trời thứ sáu (Trời Tha Hóa Tự Tại) cùng với các hàng quyến thuộc làm ra, các thứ ấy chuyển thành tốt đẹp gấp bội phần các vật phẩm trước kia. Trừ các vị ở bốn cõi trời Vô sắc giới (Không vô biên xứ, Thức vô biên xứ, Vô sở hữu xứ, Phi tưởng phi phi tưởng xứ) và cõi trời Vô tưởng thuộc sắc hữu (tức sắc giới), số chư Thiên còn lại cũng sắm sửa vật dụng cúng dường chuyển thành tốt đẹp gấp bội hơn trước kia.

Bấy giờ, Phạm Thiên vương coi giữ thế giới Ta-bà cùng với các Phạm thiên tử và vô lượng quyến thuộc, mỗi vị tỏa ra ánh sáng từ thân thể mình soi khắp cả bốn châu thiên hạ, khiến các ánh sáng phát ra từ thân thể của hàng trời và người ở cõi Dục đều bị che lấp chẳng hiện. Khắp nơi đều mưa xuống áo trời và hoa nổi tiếng cõi trời, cung cấp sắm sửa thức ăn cõi trời. Từng chiếc cờ phướn trời, lọng trời, từ khu rừng Kiên cố lên đến cõi Phạm thiên. Bày biện mọi đồ cúng xong, các vị ấy đi đến chỗ Đức Phật, cúi đầu thỉnh Phật rồi đứng sang một bên.

Lại có A-tu-la vương Tỳ-ma-chất-đa-la cùng với vô lượng bà con thân thuộc A-tu-la đi theo. Vị ấy phóng ánh sáng từ thân mình soi khắp bốn châu thiên hạ, các ánh sáng từ thân thể của Thích-đề-hoàn-nhân và các Phạm vương đều bị che lấp, chẳng hiện ra. Họ cũng sắm sửa bữa cơm và các vật dụng cúng dường, các lọ báu của họ thả đều bao phủ khắp cả một ngàn tiểu thế giới. Bày biện mọi thứ cúng dường xong, họ đi đến chỗ Đức Phật, cúi đầu thỉnh cầu Phật rồi đứng sang một bên.

Bấy giờ, ma trời Ba-tuần và vô lượng chúng nữ thiên thần ác ma đi cùng, liền dùng sức thần thông mở toang khắp hết thảy các cánh cửa địa ngục, tùy theo chúng sinh ở địa ngục kia có điều gì mong muốn và ưa thích, thì thiên ma đều cứu giúp và cung cấp cho họ.

Lại nữa, thiên ma còn bảo khắp các chúng sinh ở địa ngục để nói cho họ biết:

– Nay các người, các người phải nên nhớ nghĩ đến Đức Như Lai Ứng Cúng Đẳng Chánh Giác mà vui mừng lần sau chót. Đây chính là năng lực của các người vốn có thể tu hành trong khả năng của mình, để có được lợi ích và phước đức, điều đó sẽ khiến cho các người gạt hái được niềm an vui lâu dài, mãi mãi được thoát ra khỏi nỗi khổ sở gay gắt ở chốn địa ngục.

Do nhờ uy đức và thần lực của Đức Như Lai, khiến cho tâm niệm của ma Ba-tuần chuyển thành hòa giải và khuất phục, cùng với hàng bà con

thân thuộc đi theo, họ mang mọi thứ binh khí dùng để đánh nhau như dao, kiếm, cung tên, dùi vàng, búa lớn, rìu, thùng lưới, móc dài, toàn bộ đều trang nghiêm. Chúng sinh ở địa ngục sống trong cảnh đêm dài tăm tối si mê, xa lìa chánh pháp, chịu đủ bao nỗi đớn đau khổ sở, ngọn lửa rừng rực đốt cháy thành quách và nhà cửa, chợt nổi lên đám mây rồi mưa xối xả, khiến cho lửa cháy thây đều tắt ngấm.

Bấy giờ, chúng sinh ở cảnh địa ngục lìa khỏi khổ đau để được yên lành, lìa bỏ khổ đau và được yên lành rồi, mỗi một các ma cùng với quyến thuộc của mình sắm sửa mọi vật dụng cúng dường tốt đẹp hơn các vị ở trước gấp bội phần, họ bèn đi đến chỗ Đức Phật rồi cúi đầu thỉnh cầu Đức Phật:

– Bạch Thế Tôn! Chúng con chỉ có một niềm ước mong rằng Thế Tôn thương xót mà thu nhận sự cúng dường của chúng con. Thế Tôn thu nhận vật dụng cúng dường của chúng con rồi, nếu có thiện nam hay thiện nữ nào gọi danh hiệu Ma-ha-diễn (Đại thừa) hoặc chân thật, hoặc giả dối, chúng con đều phải nên gìn giữ những vị ấy và làm cho họ không có sự sợ hãi mà nói bài chú:

Sá sí tra tra la, đà sí lô lâu lệ, ma ha lô lâu lệ, a la, ma la, đa la, tất ba la.

Bài chú ấy có năng lực khiến cho những người có tâm trí tán loạn được thiền định sâu xa huyền diệu, bài chú ấy có năng lực khiến cho các người sợ hãi lìa khỏi các sự sợ hãi, bài chú này có năng lực khiến cho người làm pháp sư có tài biện luận thông suốt không có sự gián đoạn, bài chú này có năng lực hàng phục hết thảy ngoại đạo. Các người có khả năng hộ trì chánh pháp, được bài chú này che chở giống như đem gươm thần, chú thuật được con nói ra này chính là lời chân thật, như người nào có năng lực thọ trì bài chú này, nếu ở chốn đồng không mông quạnh, có loài thú độc địa hung dữ làm hại, gặp nạn lụt lội, lửa cháy v.v... người ấy hoặc trì chú, hoặc nói bài chú, thì mọi tai nạn thảy đều tiêu trừ, giống như con rùa giấu kín sáu chi (bốn chân, đầu và đuôi) trong mai. Hôm nay, chúng con đều đã lìa bỏ tất cả các sự đua nịnh, tà vạy của ma. Chỉ có điều là ước mong Đức Thế Tôn xót thương mà thu nhận sự cúng dường của chúng con, đồng thời mong muốn Ngài chứng thực điều sở đắc và khen ngợi về bài thần chú mà con đã nói ra.

Bấy giờ, Đức Thế Tôn liền bảo với ma:

– Ta chẳng thọ nhận đồ ăn của các người cúng dường, song vì sự an

úi cho tất cả chúng sinh, nên Ta sẽ thọ nhận pháp cúng dường là bài thần chú của người.

Các ma thỉnh cầu ba lần như thế, thì ba lần Đức Thế Tôn cũng im lặng mà chẳng thọ nhận.

Khi ấy, ma Ba-tuần và ma Thiên nữ cúi đầu làm lễ dưới chân Đức Phật rồi đứng về một phía.

Lại có vua cõi trời Đại Tự Tại và vô lượng các Thiên tử Đại lực đi cùng. Họ phóng ra ánh sáng rực rỡ chiếu rọi khắp ba ngàn đại thiên thế giới, các ánh sáng phát ra từ thân thể của chư Thiên nơi cõi trời Phạm thiên, cõi trời Đế Thích, cho đến chúng A-tu-la thấy đều bị che lấp không hiện rõ. Các vị ấy sắm sửa mọi vật dụng cúng dường tốt đẹp gấp bội vật dụng cúng dường của các vị trước. Ánh sáng của lòng trang sức bằng hoa soi chiếu khắp ba ngàn đại thiên thế giới, trăm ức vàng mặt trời và mặt trăng thấy đều giống như mực đen tích tụ, ánh sáng chẳng hiện rõ.



Phẩm 2: BỒ TÁT ĐẠI THÂN

Về phương Đông cách đây vô số a-tăng-kỳ số cát sông Hằng cõi Phật, số lượng cõi Phật nhiều như bụi nhỏ, có thế giới tên là Ý Nhạo Mỹ Âm, Đức Phật hiệu là Hư Không Đẳng Như Lai Ứng Cúng Đẳng Chánh Giác, Đức Phật ở đời dạy dỗ chỉ bảo cho vị đứng đầu hàng Thanh văn, Bồ-tát tên là Đại Thân:

– Này thiện nam! Ở phương Tây có thế giới tên là Ta-bà, Đức Phật hiệu là Thích Ca Mâu Ni Ứng Cúng Đẳng Chánh Giác sắp sửa diệt độ. Ông hãy cầm bát cơm đựng đầy cơm thơm ở cõi nước này, mùi thơm lan tỏa suốt ba ngàn đại thiên thế giới. Cùng lúc, theo tấm lòng của ta, ông hãy đến chỗ Đức Như Lai và đại chúng hiện ở nước kia, xin chư vị thọ nhận bát cơm của ta xong hản vào Nê-hoàn. Lại nữa, ông hãy mang giường màn và vật dụng cúng dường làm bằng các thứ quý báu để hiến dâng cho Đức Như Lai kia; cùng lúc, các ông hãy tự mình thỉnh cầu Đức Như Lai giải quyết cho những điều còn thắc mắc.

Khi ấy, Bồ-tát Đại Thân cúi đầu lễ dưới chân Phật, đi vòng quanh theo chiều tay phải, xong rồi Bồ-tát chấp tay vâng mệnh sự chỉ dạy. Đi cùng

Đại Thân có vô số a-tăng-kỳ Đại Bồ-tát, họ đi về hướng thế giới Ta-bà này.

Bấy giờ, khắp các cõi đất thuộc ba ngàn đại thiên thế giới đều rung chuyển mạnh. Khi ấy, đại chúng đến hội họp như Phạm vương, Đế Thích, bốn vị Thiên vương, Ma vương, A-tu-la, chư Thiên Đại lực trông thấy cõi đất rung động thế này thì lòng khắp cả thân mình họ đều dựng đứng, mỗi vị tự thấy ánh sáng ở thân thể của mình bị xóa nhòa, toàn bộ tựa hồ mực đen tích tụ.

Lúc này, tất cả đại chúng thấy đều nổi lên sự kính sợ, Đồng tử Văn-thù-sur-lợi bèn bảo với các vị Phạm vương, và các Thiên vương:

– Các ông đừng sợ hãi, các ông chớ kính sợ! Về phương Đông cách đây vô số a-tăng-kỳ số cát sông Hằng cõi nước, cõi Phật nhiều như bụi nhỏ, có thế giới tên là Ý Nhạo Mỹ Âm, Đức Phật hiệu là Hư Không Đẳng Như Lai Ứng Cúng Đẳng Chánh Giác, Đức Phật ấy bảo với vị đứng đầu hàng Thanh văn và Bồ-tát: “Ông hãy đi đến thế giới Ta-bà, nơi ấy có Đức Phật hiệu là Thích Ca Mâu Ni Như Lai Ứng Cúng Đẳng Chánh Giác sắp sửa diệt độ, để cúng dường bữa cơm cho Đức Phật và Tỳ-kheo Tăng ở thế giới kia. Cùng lúc, bản thân các ông hãy thỉnh cầu Đức Phật giải quyết cho mọi điều thắc mắc”. Ngay lúc ấy, Bồ-tát Đại Thân cúi đầu dưới chân Phật, đi vòng quanh về phía tay phải, xong rồi Bồ-tát chấp tay vâng theo lời dạy bảo. Đi cùng Đại Thân có rất nhiều vị không sao đếm xuể a-tăng-kỳ Đại Bồ-tát, tất cả cùng đi đến thế giới Ta-bà này. Thân thể họ phóng ra ánh sáng, khiến cho ánh sáng của các ông đều bị che lấp chẳng hiện. Đức Phật Hư Không Đẳng Như Lai Ứng Cúng Đẳng Chánh Giác kia, do việc cúng dường Đức Thế Tôn của chúng ta, nên mới cử các vị ấy đến đây, các ông đều phải một lòng nghe theo.

Khi đó, Đế Thích, Phạm vương, Thiên vương cho đến các đại chúng lập tức than:

– Kỳ lạ thay! Thế gian trống rỗng! Chẳng bao lâu nữa Đức Như Lai sẽ nhập Nê-hoàn, con mắt của thế gian sao mà diệt nhanh quá vậy! Mọi người đều gào khóc thảm thương, khóc lóc buồn bã. Khi ấy, Đại Bồ-tát Đại Thân kia, từ cõi Phật Ý Nhạo Mỹ Âm, cùng với vô lượng a-tăng-kỳ các Bồ-tát đi theo, khắp thân thể mỗi mỗi vị tỏa ra ánh sáng rõ ràng rồi đi đến thế giới Ta-bà. Ánh sáng tỏa ra từ lỗ chân lông khắp toàn thân Bồ-tát Đại Thân ấy, hóa thành vô lượng hoa sen, mỗi hoa có bảy lớp cao rộng đẹp đẽ trang nghiêm, mỗi tòa thành làm bằng bảy báu và vàng Diêm-phù-đàn dùng để đầy lùi quân địch. Trên thành dùng để đầy lùi quân địch ấy trồng từng

hàng cây báu, toàn bộ cây ấy đều sinh ra các thứ hoa quả quý báu, khoảng giữa các cây đều dùng dây vàng kéo dài không đứt. Lấy lưới bằng bảy báu giăng thành lớp bên ngoài các cây, gió diu thổi qua phe phẩy làm lưới lay động phát ra năm điệu âm thanh, âm thanh ấy hòa nhã như tiếng nhạc trời, dân chúng yên ổn, tự tại vui sướng. Bên ngoài tòa thành ấy có ao bảy báu bao bọc chung quanh, nước tám công đức trong lắng tràn đầy, không lạnh cũng chẳng nóng, nước chảy nhẹ nhẹ sạch trong. Trong ao đều mọc bốn loại hoa sen bảy báu, to lớn giống như bánh xe, màu xanh, vàng, đỏ, trắng, năm màu sắc sỡ, mọi người đáp con thuyền làm bằng bảy báu hớn hờ dạo chơi trong ao đó.

Lại nữa, bên trong tòa thành ấy cũng có ao tắm, bên trong ao có bốn loại hoa sen lớn bằng bánh xe, sắc sỡ năm màu trang nghiêm đẹp đẽ. Bốn bờ ao làm bằng vàng óng, bạc trắng, lưu ly, pha lê, mỗi mặt làm bằng một thứ báu óng ánh lẫn nhau. Đáy ao được làm bằng ngọc mai côi, trải cát vàng. Mỗi ao tắm đều có mười tám bậc thềm bằng vàng ròng, trang hoàng đủ mọi thứ quý giá rất trang nghiêm, khoảng giữa các bậc thềm đều lấy loại vàng Diêm-phù-đàn, làm thành cây chuỗi trồng từng hàng lối bên vệ đường. Hoa trời Ưu-bát-la, Bát-đàm-ma, Câu-mâu-đầu, Phân-đa-lợi to lớn giống như bánh xe phủ kín khắp trên ao, các loài chim quý hiếm nhảy nhót lú lo ở trong đám hoa đó. Bên trên ao tắm ấy đều có đủ mọi thứ hương thơm, cây cối và hoa cõi trời; gió từ bốn phương trời thổi đến tán mạn khắp trên ao, mùi thơm của nước trong ao đó rờn như mùi thơm chiên-đàn cõi trời. Bên trong và ngoài tòa thành ấy có tám vạn bốn ngàn đại vương, các đại vương ấy mỗi vị đều có số phu nhân và gái đẹp hầu hạ rất nhiều không sao đếm xuể, họ tự tiêu khiển bằng năm thứ ham muốn. Dân chúng và nhà cửa của mỗi vị rộng bốn do-tuần, toàn bộ bảy lớp tường thành đều bằng bảy thứ quý báu, tự nhiên mỗi nơi cũng có vườn tược, lầu quán, ao tắm. Về năm thứ ham muốn thích thú, họ tùy ý dạo chơi và cư trú song không có chủ ý thỏa thích. Đất đai nơi đó mềm mại, được trải bằng loại hoa năm màu, xông ướp bằng hương thơm cõi trời.

Lại nữa, chốn kia không có tên gọi hàng Thanh văn và Duyên giác, chỉ thuần một tên gọi Đại thừa. Ở trên mỗi đóa hoa đều có đại vương ngồi vào tòa sư tử, gác chân lên ghế quý báu, tướng mãn làm

bằng các thứ báu che phủ lên trên đó. Bồ-tát đem giáo pháp Đại thừa để cảm hóa và độ thoát chúng sinh, các chúng sinh ấy thấy đều ở trên hoa

để nghe pháp và vâng lời Đại thừa, họ biên chép, thọ trì, đọc tụng, nhớ nghĩ, theo như lời thuyết giảng mà tu hành. Ánh sáng tỏa ra từ lỗ chân lông của Bồ-tát Đại Thân biến hóa thần thông, còn các vị Bồ-tát khác cũng lại có thần thông như thế.

Khi ấy, các chúng sinh không có lòng ham muốn vui sướng, chỉ có nỗi khổ não buồn rầu, khóc lóc thảm thương. Theo con đường cái, dần dần họ đi đến tòa thành lớn Câu-di, mỗi người bèn nói với nhau:

– Các ông hãy nhìn xem sự việc cúng dường đặc biệt thù thắng của hàng trời, người này, các Bồ-tát đến đây cũng sắm sửa vật dụng cúng dường, mùi vị của các món ăn trong bữa cơm thơm ngon, tươi tốt, sạch sẽ, không thể nào ví dụ được.

Từ lỗ chân lông nơi thân thể của Bồ-tát Đại Thân và các hàng quyền thuộc mọc ra hoa sen báu; thức ăn và cơm của các vị ấy mang theo để cúng dường Đức Phật và Tăng tỏa hương thơm ngát xông khắp ba ngàn đại thiên thế giới, chúng sinh ngửi được hương thơm ấy thì tất cả phiền não thảy đều trừ diệt. Hoa sen, màn che, cờ phướn, lọng hoa quý báu, tất cả vật dụng cúng dường, không thể nào ví dụ được.

Từ cõi nước mình ở, nhắm hướng đến cõi này, các vị ấy lướt hư không mà đến đây dường như đài cao, tất cả chúng sinh không có ai là không trông thấy. Bồ-tát Đại Thân và các hàng quyền thuộc bày các lễ phẩm cúng dường gấp bội vật dụng cúng dường của các vị cõi trời. Chỉ trừ ánh sáng của Đức Như Lai, còn các ánh sáng của chư Thiên, Phạm vương, Đế Thích bị xóa nhòa và không hiện rõ. Từ lỗ chân lông nơi thân thể của những vị Bồ-tát kia mưa xuống toàn là hoa sen, hương thơm của hoa ấy xông ngát khắp ba ngàn đại thiên thế giới, những người nào ngửi được hương thơm thì tội lỗi như bản tiêu trừ, phát tâm Bồ đề. Bồ-tát Đại Thân có thân mình cao lớn không lường, đầy khắp cả hư không, đương nhiên trừ Đức Như Lai ra, còn lại không ai có thể so lường. Các vị ấy cúi đầu cung kính hiến dâng thức ăn và mọi vật dụng cúng dường rồi đứng sang một phía.

Từ lỗ chân lông nơi thân thể của các vị Bồ-tát đến từ thế giới phương Nam mọc ra hoa sen báu, giống như cõi Diêm-phù-đề, từ trên hoa sen nổi lên tòa thành bảy báu tốt đẹp gấp bội.

Hoa sen mọc ra ở lỗ chân lông của các vị Bồ-tát đến từ thế giới phương Đông và phương Tây giống như ở bốn châu thiên hạ; tòa thành các thứ và mọi vật dụng cúng dường lại tốt đẹp hơn trước gấp bội.

Hoa sen mọc ra ở lỗ chân lông của các vị Bồ-tát đến từ thế giới phương Bắc giống như ở một ngàn tiểu thế giới gộp lại, thành quách, ao tắm cũng đẹp đẽ hơn gấp bội. Cho đến vô lượng a-tăng-kỳ các vị Bồ-tát đến từ các thế giới ở mười phương, thân thể đầy cả hư không, đều giống như Bồ-tát Đại Thân. Hoa sen mọc từ lỗ chân lông dường như ba ngàn đại thiên thế giới, mưa xuống đủ các giống hoa và mọi thứ vật dụng cúng dường. Trừ Đức Như Lai ra, ánh sáng nơi thân của các vị ấy đều che lấp ánh sáng của mọi người đến hội họp, họ rạp đầu cung kính hiến cúng lễ vật rồi đứng ở một bên.

Bấy giờ, cạnh khu rừng Kiên cố thành vùng đất rất mực tốt lành, xung quanh xếp đặt ba mươi hai hàng tòa ngời. Chỗ ấy tuy nhỏ hẹp, song thân thể của Bồ-tát cao lớn không lường được, các vị ở cõi trời và người thấy đều tụ tập nhiều như mây tụ nhưng chẳng dồn ép. Có tòa ngời như chỗ mũi kim, có tòa ngời như chỗ đầu sợi lông, có tòa ngời như chỗ đầu lông nhọn, có tòa ngời như chỗ mây bụi, tùy theo thân lớn hay nhỏ mà mỗi người có thể yên ổn vững vàng chẳng chịu tai vạ khổ đau. Cho đến sáu thứ chấn động mạnh ở thế giới nhiều như bụi bặm ở khắp mười phương, biến hóa thần thông, hiện ra tướng hiếm có, mỗi mỗi người tùy sức mình mà thiết lễ cúng dường như trước.

Khi ấy, chỉ trừ quyền thuộc của Tôn giả Đại Ca-diếp, quyền thuộc của Tôn giả A-nan, quyền thuộc của vua A-xà-thế trong cõi Diêm-phù-đề, những chúng sinh còn lại, không ai là không đến hội họp.

Bấy giờ, các loài sâu bọ côn trùng tai hại, rắn độc, bò cạp, ma quỷ, La-sát, người luyện chú tạp nhạp, kẻ theo đạo làm mê hoặc lừa dối người khác, tất cả đều sinh lòng từ, không xâm phạm và làm hại lẫn nhau, coi nhau như những đứa con một, chỉ trừ hạng Nhất-xiển-đề.

Lúc này, do uy đức và thần lực của Đức Phật, nên đất đai thuộc ba ngàn đại thiên thế giới này đều mềm mại, không có gò đồi, cát sỏi, bụi gai, cỏ độc, được trang nghiêm bằng đồ quý báu giống như cõi nước Cực lạc phương Tây.

Khi ấy, chúng trời, người, A-tu-la đến hội họp, họ thấy hết cả thế giới khắp mười phương rất nhiều như bụi bặm, có những gì thuộc về trong đó thấy đều ở ngay trước mắt, giống như xem hình dạng mình trước gương soi.

Bấy giờ, Đức Như Lai từ gương mặt của mình phóng ra đủ thứ ánh sáng rõ ràng đặc biệt thù thắng, ánh sáng tỏa ra từ thân thể của các vị đến

hội họp đều bị che lấp, chẳng hiện rõ, tất cả chúng sinh rạp đầu khuyển thỉnh:

– Những sự việc ứng hiện Như Lai đã làm xong, xin Như Lai cho trở vào lại từ cửa miệng.

Khi ấy, các hàng trời, người, A-tu-la v.v... liền hết sức sợ hãi, lông trên mình đều dựng đứng, mỗi người bèn nói với nhau rằng:

– Ánh sáng của Đức Như Lai chiếu soi khắp vô lượng thế giới trong mười phương, những điều ứng hiện Đức Như Lai đã làm xong vẫn từ cửa miệng mà trở vào lại, không có sự việc gì khác, ắt hẳn đó là tướng Nê-hoàn sau chót. Lễ vật của hàng trời và người cung kính hiến dâng, Đức Như Lai đều chẳng thọ nhận. Sao kỳ lạ thay! Bốn chiếc răng công đức trong ba mươi tướng tốt phút chốc phế bỏ; ánh mặt trời trí tuệ bậc Thánh từ nay mãi mãi xóa nhòa; con thuyền báu từ bị chìm đắm ở nơi đây. Than ôi! Đau xót thay! Niềm trông mong của chúng sinh đứt gãy.

Họ gào khóc buồn thảm nước nở, nước mắt đầm máu tuôn như mưa. Ví như đám mây lớn làm đổ mưa xối xả khắp thế giới, giống như khi các đại chúng khóc lóc thảm thiết, chảy nước mắt.



Phẩm 3: TRƯỞNG GIẢ THUẦN ĐÀ

Bấy giờ, trong chúng hội có vị trưởng giả tên là Thuần-đà sống ở thành Câu-di, cùng với năm trăm người con của trưởng giả đi theo, các con được dạy dỗ hiểu thuận lễ nghĩa, uy đức phép tắc. Vị trưởng giả xem xét mọi người dự hội đều đã tập hợp đông đủ, ông bèn sửa quần áo lại cho tươm tất để làm lễ Phật, áp ủ trong lòng nỗi lo buồn. Như mặt trời bắt đầu ló dạng, ánh nắng rơi vào cây cối xanh tươi, gân đỏ của ngọn lá hiện rõ toàn bộ, khi đó trưởng giả kia cũng như thế, khắp cả mình mẩy tươm máu, nước mắt ròng ròng tựa mưa tuôn, ông đi quanh Đức Phật ngàn vòng rồi chấp tay bạch với Phật:

– Bạch Thế Tôn! Con chỉ có một niềm ước mong, xin Thế Tôn và đại chúng xót thương thọ nhận sự cúng dường sau cùng của chúng con, điều đó sẽ khiến cho con và tất cả chúng sinh thấy đều nhờ ơn mà giải thoát. Ví như đứa con nghèo nàn của gia đình làm ruộng, vào tiết giữa xuân, nó cày

cấy ruộng rẫy rồi gieo hạt giống, sau đó ngược lên mong mỗi trời mưa. Nay con gây đủ mọi thứ như bản phiền nào, tai họa về thân miệng ý như thế, nhờ ơn Phật con mới chập chững tập tành một ít ý nghĩ, chán bỏ xa lìa. Chỉ có điều ước nguyện, xin Đức Thế Tôn sẽ ra ơn ban cho con mưa giáo pháp, mong Ngài cùng với đại chúng đoái thương mà nhận lời thỉnh cầu của con, ruộng nương khô cạn bởi nắng hạn kéo dài sẽ được nhờ ơn từ bi nhuần thấm.

Bấy giờ, bậc Nhất Thiết Chúng Trí tôn quý trong đời biết tất cả đã đúng thời, bèn nói với Thuần-đà rằng:

– Như Lai Ứng Cúng Đẳng Chánh Giác cùng với các đại chúng sẽ thọ nhận sự cúng dường sau cùng của ông.

Khi ấy, các hàng trời, người, A-tu-la nghe Đức Như Lai Ứng Cúng Đẳng Chánh Giác thọ nhận sự cúng dường cuối cùng của trưởng giả Thuần-đà, tất cả đại chúng ôm ấp trong lòng niềm vui sướng, trăm miệng một lời khen là sự việc chưa từng có:

– Quý hóa thay! Quý hóa thay! Trưởng giả Thuần-đà! Đức hạnh và nguyện vọng của ông đã thỏa mãn đầy đủ. Kỳ lạ quá! Thuần-đà! Người ta sinh ra trong cõi người khó có được lợi ích, vậy mà nay ông đã được. Giống như cõi thế gian hiếm có hoa Ưu-đàm-bát, sự việc Đức Phật xuất hiện ở cõi đời còn khó gặp hơn thế nữa; lòng tin khó được, nghe giáo pháp cũng khó, được cúng dường bữa sau cùng khi Đức Phật sắp nhập Nê-hoàn lại khó khăn hơn sự việc kia. Lại nữa, này Thuần-đà! Ví như ánh trăng vào đêm rằm mùa xuân, vằng vặc sáng trong, không có những đám mây che lấp, tất cả chúng sinh không ai là không chiêm ngưỡng. Ông cũng như thế, Đức Như Lai Ứng Cúng Đẳng Chánh Giác cùng với các đại chúng thọ nhận sự bố thí cúng dường rốt ráo sang bờ bên kia lần cuối cùng của ông. Quý hóa thay! Thuần-đà! Vì thế, chúng tôi nói ông giống như vầng trăng vành vạnh, hết thảy chúng sinh không ai là không chiêm ngưỡng. Kỳ lạ thay! Thuần-đà! Ông là người con chân chính của Đức Phật, dù rằng ông sinh ra trong cõi người, song nay chúng tôi đều gọi ông là vị trời hơn hẳn trong hàng chư Thiên, vì thế chúng tôi phải rạp đầu làm lễ. Ai nấy đều lên tiếng nói bài tụng khen ngợi:

*Tuy sinh trong cõi người
Tướng trời đều đầy đủ
Tôi và tất cả chúng
Nay sẽ cúi đầu thưa.*

Nếu thương xót nhận lời
 Sẽ nói tâm nguyện mọn
 Nếu muốn độ chúng sinh
 Chỉ nên mau khuyến thỉnh.
 Hôm nay Thiên Trung Thiên
 Bạc Điều Ngự loài người
 Mắt thần thông hoàn hảo
 Tướng vô lượng công đức.
 Vì chúng sinh năn nỉ
 Bỏ phương tiện Niết-bàn
 Thiên Trung Thiên ở đời
 Rộng nói pháp cam lồ.
 Khổ sống chết lâu xa
 Từ nay được yên ổn.

Bây giờ, trưởng giả Thuần-đà rất đổi vui mừng, dường như có kẻ nào đó bị chết mất cha mẹ, nỗi buồn rất đau xót và khôn đồn đến tận cùng, lúc sắp sửa tiễn đưa người quá vãng đến bãi tha ma, bỗng dung cha mẹ sống lại. Kẻ ấy chiêm ngưỡng phụng thờ, vui buồn lẫn lộn, tình cảm tôn kính tăng thêm gấp ba lần. Trưởng giả Thuần-đà và các người bà con thân thuộc cũng như thế, họ gieo năm vóc xuống đất, chấp hai bàn tay, đọc bài kệ tụng:

Vui thay ta nay được lợi lớn
 Đã gạt diệu quả trong loài người
 Sướng thay, nay ta được lợi lớn
 Đóng mãi cửa địa ngục xấu ác.
 Vui thay nay ta được lợi lớn
 Đời sống được gặp quả vô thượng
 Dường như tìm báu đẹp trong cát
 Chợt gặp kim cương mừng quá chừng.
 Sướng thay nay ta được khéo lìa
 Súc sinh mê hoặc khắp nơi nơi
 Vui thay nay ta được lợi lớn
 Tin vững chắc hoa Ưu-đàm bát.
 Sướng thay, nay ta được khéo lìa
 Khổ đói khát naga quỷ keo kiệt
 Vui thay nay ta được lợi lớn
 Khó được bố thí đến bờ kia.
 Từ rày đóng mãi các nẻo ác

Rốt ráo là A-tu-la vương
Sưông thay nay ta được lợi lớn
Như Lai ra đời rất khó gặp.
Nay ta gặp hoa Ưu-đàm bát
Cũng như hạt cải ném mũi kim
Vui thay nay ta được khéo là
Chấp thường của Tứ thiên đại vương.
Sưông thay nay ta được lợi lớn
Thấy hết thấy báu lớn pháp vương
Cho đến mười chỗ sinh trời Dục
Hiểu kỹ rõ ràng chẳng bám víu.
Vui thay nay ta được lợi lớn
Thế Hùng khó gặp, nay kính hầu
Giống ném hạt cải qua mũi kim
Gặp Phật rất khó lại hơn thế
Hết hăm lăm hữu nguồn ba cõi
Kim nhon thí dụ cũng vậy thôi
Sưông thay nay ta được lợi lớn
Gặp gỡ Như Lai nguyện đầy đủ.
Diệt hết tất cả các hung ác
Vô lượng suy tối giặc vô tri
Vui thay nay ta được lợi lớn
Sinh gặp đáng hoa sen là bản.
Sưông thay nay ta được là mãi
Sóng cả nhận chìm biển sinh tử
Sưông thay sinh đời gặp Như Lai
Biển khơi rửa mù vớ gỗ nổi.
Vui thay nay ta được là mãi
Biển cả sống chết, rửa mù lăm
Sưông thay nay ta được lợi lớn
Đời chưa từng có kẻ sánh bằng.
Trời người năn nỉ đều chẳng nhận
Nay ta được báu khó thỉnh cầu
Vui thay nay ta được lợi lớn
Trời, người, Tu-la vốn tôn thờ.
Sưông thay nay được pháp quả ngay
Đại tiên nhận ta thỉnh sau cùng

Vui thay nay ta được lợi lớn
 Cùng các người trời đều khuyến thỉnh.
 Bỏ thứ thương diệu trời người kia
 Xót thương nhận ta cúng thô chất
 Sống thay nay ta được lợi lớn
 Trời người hiển cúng nguyện không quả.
 Ta cúng thô chất như y lan
 Đại từ Như Lai thương xót nhận
 Chư Thiên, dân chúng, A-tu-la
 Ưu sầu gào khóc rập đầu thỉnh.
 Đại bi Như Lai xót thương khắp
 Xem chúng sinh đồng như con một
 Ví phỏng không nhận mọi cơm cúng
 Nguyện thương trời người chẳng diệt độ.
 Các trời, người không cầu gì khác
 Chỉ nguyện Như Lai ở đời hoại
 Giống như Tu-di ở biển cả
 Tòa kim cương giờ yên chẳng động.
 Núi sông lồng bóng đoan nghiêm đẹp
 Như Lai ở Hội lớn như thế
 Uy quang pháp vương ngồi bốn chúng
 Đường như mây lấp cả thế gian.
 Mặt trời ló dạng trừ mọi tối
 Nay các thiên nhân cũng như vậy
 Lo buồn tâm si tối lâu xa
 Chỉ nguyện Như Lai ở đời lâu.
 Mặt trời thánh tuệ trừ diệt thảy
 Nguyện đấng Đại trí ở đời hoại
 Nguyện bậc Đại hùng ở đời mãi
 Khiến lòng chúng con lìa lo sợ
 Giống như Tu-di yên bất động.

Bấy giờ, Đức Thế Tôn nói cho Thuần-đà biết:

– Đúng thế! Nay Thuần-đà! Phật xuất hiện ở đời rất khó gặp được, giống như một hạt kim cương bằng hạt thóc lẫn trong cát biển; thân người khó được lại còn khó hơn thế nữa, được lòng tin đầy đủ cũng lại rất khó, giống như con rùa mù gặp được bong cây nổi giữa biển khơi. Được gặp Như Lai sắp sửa vào Nê-hoàn, việc mà ông cúng dường sau cùng là bố thí

đến bờ bên kia lại còn khó hơn những điều đã nói trên kia, như hoa Ưu-đàm-bát qua thời gian dài chỉ nở một lần mà thôi. Nay Thuần-đà! Hôm nay ông chớ sinh lòng lo buồn khổ não mà hãy nên vui mừng. Tại sao như thế? Ông hãy nên suy nghĩ thế này: “Hôm nay Đức Như Lai cùng với các đại chúng thọ nhận sự cúng dường và bố thí lớn lao sau cùng của ta, vì sự lợi ích tốt lành ấy, cho nên ta phải vui mừng”. Nay Thuần-đà! Nay ông đừng thỉnh cầu Như Lai ở dài lâu trong cõi đời này, hãy nên xem xét thế gian thay đều vô thường, bản tính của hết thảy các hành cũng như thế. Bây giờ, Đức Thế Tôn liền nói cho Thuần-đà bài kệ:

*Cho dù ở đời lâu
Rốt cuộc cũng phải diệt
Tuy sinh trời Trường Thọ
Mạng cũng sẽ chấm dứt.
Việc thành rồi sẽ bại
Có đó rồi diệt mất
Khỏe mạnh bị già hoại
Lực lượng bị bệnh khốn.
Người sống đều có chết
Vô thường đâu lâu được
Không sắc không sức mạnh
Cũng không có thọ mạng.
Vợ con và voi ngựa
Tiền tài đều thế cả
Các thân thích thế gian
Quyển thuộc đều xa cách.
Ba cõi quá hãi hùng
Cho đến khổ đường ác
Hạng này thảy diệt rớt
Sao chẳng thể chán chường.
Có tướng hữu, sinh, lão
Gọi là pháp hỏ thẹn
Suy tính thường xâm lấn
Mà cho rằng trường tồn.
Pháp thù thắng mất mẻ
Lìa xa nỗi khủng khiếp
Cũng được lìa họa lớn
Sinh già bệnh và chết.*

Tâm loạn ngu si bản
Nói đều độ hạng này
Vô lượng trùm khắp hết
Tịch diệt thù thắng diệu.
Nghĩa ấy thật vô thường
Chẳng phải pháp che chở
Chỉ là mọi khổ nhóm
Giả dối chẳng vững bền.
Không chịu, không nhẫn nổi
Cũng không thể giữ luôn
Hạng này như loài tằm
Kết kén mà tự buộc.
Xoay vắn trong ba cõi
Không một chỗ đáng vui
Chỉ có tai vạ lớn
Khổ sinh già bệnh chết.
Biết nghĩa là thấy rõ
Ngày đêm thọ mạng trôi
Suy giảm pháp lừa dối
Khiếp sợ, không, vui tạm.
Lo đau ốm buồn phiền
Những phi nghĩa đầy ắp
Lừa dục chuyển rùng rục
Các nạn giành nhau đến.
Người trí chẳng ở hoài
Chịu lắm khổ đau này
Hiểu rõ họa năm dục
Không phải công đức lợi.
Lìa dục không tham lam
Rõ ràng thấy chân thật
Đó là quán giải thoát
Trừ bỏ các sinh già
Quở trách hại kết oán
Rốt ráo bỏ các hữu.
Từ rày mau lìa tất cả số
Đường như củi hết lửa rục tắt
Sắc đẹp sáng trong thường yên ổn

Không bị già suy làm phai mờ.
 Vô lượng tất khổ chẳng thúc ép
 Tuổi thọ lâu dài không cùng cực
 Biển khổ không bờ thấy đã qua
 Chẳng theo thời tiết đời kiếp số.
 Vui thay Như Lai vượt ba cõi
 Lại chẳng mê sống chết xoay vần
 Ông chớ xem Ta diệt độ mãi
 Đường như Tu-di trụ biển cả.
 Thuần-đà! Nay Ta nhập Nê-hoàn
 Chánh pháp bình đẳng an vui mãi
 Những người sáng trí nghe nghĩa này
 Hiểu kỹ rõ ràng chẳng âu lo.
 Chớ đem thân sống chết giòn nguy
 Trí tuệ nông cạn đo lường Phật
 Thân ta chân thật ở yên ổn
 Chỉ đáng Thiên Tôn mới hiểu rõ.

Bấy giờ, Thuần-đà bạch với Phật:

– Quý hóa thay! Quý hóa thay! Bạch Thế Tôn! Chúng con là hạng phàm phu thấp kém, được biết việc Nê-hoàn của Đức Thế Tôn, nay con liền cùng với các chúng Bồ-tát đại nhân và các vị La-hán kia không có gì sai khác, giống như Đồng tử Văn-thù-sư-lợi và các vị A-la-hán. Trong những chúng này, nếu có người vừa mới thọ giới lần đầu tiên, lập tức họ được ở vào Tăng số trong ngày thọ giới. Nay con là hạng phàm phu thấp kém cũng như thế, được nhờ uy đức và thần lực của Phật mà con được đếm số cùng các chúng đại hiền này. Vâng, đúng thế, bạch Thế Tôn! Ước mong cho Đức Như Lai ở đời mãi mãi, con chẳng nguyện ước Ngài vào Nê-hoàn như hạt giống cháy tiêu.

Văn-thù-sư-lợi nói với Thuần-đà:

– Ông đừng có niềm ước mong như thế, lý do thế nào? Ông hãy nên quán thế này, thực hành pháp hữu vi, tính chất tự nhiên như thế, quán như vậy là trí tuệ quán lý Không được đầy đủ, người muốn cầu chánh pháp thì hãy nên khởi lên sự nhận thức như thế.

Thuần-đà trả lời:

– Thưa Tôn giả Văn-thù-sư-lợi! Luận rằng, Đức Như Lai là đáng tôn quý trong loài người, là bậc Trời được tôn kính nhất trong hàng chư Thiên,

tên gọi là Ứng Cúng thì chẳng lẽ Như Lai chấp hành việc ấy chẳng? Nếu chấp hành như thế là pháp sinh diệt. Ví như bọt nước thoát nổi lên rồi thoát diệt mất, lưu chuyển qua lại in hết bánh xe. Nếu như Đức Như Lai chấp hành số mạng như thế, kết cục Như Lai không vượt ra khỏi để đứng trên hàng người và trời được, Như Lai lại không phải là đáng Thiên Trung Thiên, cũng chẳng phải là bậc Ứng Cúng.

Lại nữa, thưa Tôn giả Văn-thù-sư-lợi! Chẳng lẽ Tôn giả không nghe có cõi trời Trường Thọ sao? Thế mà nay Đức Như Lai sống không đầy trăm tuổi, thì sao gọi là khuôn phép của việc sinh tử, xứng đáng đứng trên hàng người và trời để thành bậc Thiên Trung Thiên, tên gọi là Ứng Cúng?

Thưa Tôn giả Văn-thù-sư-lợi! Ví dụ như có người làm chủ thôn xóm, tùy theo công trạng to lớn của người ấy mà dần dần thăng chuyển được làm chức vị cao, ông ấy phải được mọi người kính nể, vốn liếng sức của thoải mái. Khi phước hưởng thụ đã hết thì ông ấy trở thành kẻ nghèo hèn, người ta chẳng thèm đếm xỉa. Nếu như Đức Như Lai chấp hành số mạng như thế, thì cũng như vậy, Ngài không phải là bậc cao cả trong loài người, không phải vị Trời được tôn quý nhất trong hàng chư Thiên, cũng không phải là bậc xứng đáng được hưởng thụ sự cúng dường của hàng trời và người, mà chuyển thành hạng thấp kém. Vì sao? Vì pháp sinh khởi và diệt mất. Do đó, thưa Tôn giả Văn-thù-sư-lợi! Tôn giả chớ khởi lên sự quán xét ấy mà cho là đáng Như Lai Ứng Cúng Đẳng Chánh Giác chấp hành số mạng như thế.

Lại nữa, thưa Tôn giả Văn-thù-sư-lợi! Tôn giả biết mà nói, hay vì không biết mà nói? Sự phân biệt sai lầm, song cứ chấp giữ mọi tướng sai lầm ấy như thế nào mà Tôn giả nói rằng, Đức Như Lai chấp hành số mạng như thế? Ví bằng Đức Như Lai chấp hành số mạng như thế, thì chẳng thể gọi là đáng Pháp vương tự tại đối với ba cõi. Lý do ấy thế nào? Ví như có ông vua dũng mãnh, nhiều sức lực, một người địch lại ngàn người. Bấy giờ người ta đặt hiệu cho ông vua là Thiên lực sĩ vương (vua có thể địch nổi ngàn lực sĩ), vì ông ta có thể hàng phục cả ngàn người lực sĩ. Đức Như Lai Ứng Cúng Đẳng Chánh Giác cũng như vậy, hàng phục bốn loại ma: phiền não ma, ám ma, tử ma và tự tại thiên ma. Các ma lực sĩ kiêu mạn như thế thấy đều khuất phục, vì thế Đức Như Lai Ứng Cúng Đẳng Chánh Giác được gọi là đáng Pháp vương tự tại đối với ba cõi. Nếu như Đức Như Lai giữ theo khuôn phép qua đời như thế, thì không thể có công đức thực sự giống như ông vua Thiên lực sĩ vậy. Vì thế, thưa Tôn giả Văn-thù-sư-lợi! Tôn giả

chớ khởi lên vọng tưởng cho rằng Đức Như Lai chấp hành số mạng.

Lại nữa, thưa Tôn giả Văn-thù-sư-lợi! Ví như ông trưởng giả giàu có chỉ sinh được một đứa con, thầy tướng xem bói đoán rằng đứa con ấy có tướng tuổi thọ ngắn ngủi, cha mẹ đứa bé nghe nói điều đó trong lòng hết sức lo buồn, tướng của chúng ta mỏng manh, nhà ở không tốt lành, sinh ra đứa con thì tuổi đời ngắn ngủi, thế rồi họ chẳng yêu chuộng nó nữa. Nguyên do thế nào? Luận rằng, trong hàng trời, người và Bà-la-môn có vị tuổi thọ ngắn ngủi, từ đó lớp ngang hàng với vị này chẳng quý mến kính nể, bởi vì vị kia có tuổi thọ ngắn ngủi. Như thế, thưa Tôn giả Văn-thù-sư-lợi! Nếu cho rằng Đức Như Lai cùng tuổi thọ như người đời, cũng giống như người đời, không được cha mẹ kính mến, Đức Như Lai Ứng Cúng Đẳng Chánh Giác chấp hành số mạng, thì cũng không được hàng trời, người, A-tu-la ái mộ và tôn kính, vì hiện thấy chuyển biến. Vì sao? Vì sự thấy biết, thoái lui, bại hoại của tất cả pháp giống như nhau, mà lại nói giáo pháp giải thoát cho chúng sinh, ý nghĩa như thế thì sao gọi là bậc Chánh Giác? Do đó, thưa Tôn giả Văn-thù-sư-lợi! Tôn giả đừng khởi lên sự suy nghĩ xằng bậy cho rằng Đức Như Lai chấp hành số mạng.

Lại nữa, Tôn giả Văn-thù-sư-lợi! Giống như người con gái nghèo nàn không có chỗ dừng chân cư trú, lại thêm ốm đau. Rày đây mai đó, cô đi xin người ta tấm lòng, dừng lại nhà khách của người khác để ở trọ sinh một đứa con. Ông chủ nhà khách ấy xua đuổi khiến cô ta phải ra đi, cô ấy ôm đứa con đi theo con đường hướng về đất nước giàu có sung sướng, giữa đường mỗi mệt, cô bị ruồi muỗi và sâu bọ độc hại cắn mổ vào thân thể của mình. Qua đến sông Hằng, cô ta ôm đứa con mà sang sông. Bập bênh trên dòng nước chảy xiết, song cô chẳng buông rời con mình, thế rồi đến nổi chìm đắm, cả mẹ con đều chết. Do công đức và lòng từ cứu con như thế, nên khi tám thân hủy hoại, mạng sống chung cuộc, thì cô ta được sinh lên cõi trời Tịnh Diệu. Lý do thế nào? Vì nhờ cô ta không tiếc mạng sống của mình để che chở cho con. Thưa Tôn giả Văn-thù-sư-lợi! Như thế, Bồ-tát muốn cứu hộ chánh pháp, thì chẳng nên tạo tác hành quán, nên biết đó là người mù lòa, không có con mắt tuệ. Đối với Đức Thế Tôn, phải nên quán xét điều đó một cách đúng đắn, không thể nghĩ bàn. Nên biết Đức Như Lai không phải là pháp hữu vi, vì thế nên mới thị hiện giáo hóa cho chúng sinh được an vui. Người con gái nghèo nàn kia che chở cứu vớt đứa con của mình, đến nỗi chẳng tiếc thân mạng, cho nên được sinh lên cõi trời Tịnh Diệu. Vị Bồ-tát ủng hộ chánh pháp cũng như thế, có thể biết Như Lai không phải là pháp hữu vi, đó là pháp tồn tại lâu bền, đó là pháp trụ mãi mãi, nhờ

sự hộ pháp này mà được pháp quả ngay hiện tiền, chóng thành bậc giải thoát.

Lại nữa, thưa Tôn giả Văn-thù-sư-lợi! Ví như kẻ trượng phu đi xa, dừng chân ở nhờ nhà người khác, người ấy mệt nhọc quá đổi rồi ngủ. Thành linh ngọn lửa mạnh bùng lên đốt cháy ngôi nhà này. Giật mình tỉnh dậy, người ấy nhìn thấy ngọn lửa cháy lan tiến sát thân mình, lòng muốn thoát ra khỏi nạn lửa, song quần áo bị cháy rụi, ông tự thẹn thùng bởi thân thể trần truồng, ông không ra khỏi ngôi nhà lửa để đến nỗi bị chết cháy. Do nhờ công đức hổ thẹn, nên khi thân thể hủy hoại, mạng sống chấm dứt, người ấy được làm vua ở tầng trời Ba Mươi Ba tám chục ngàn lần, lại làm vua cõi trời Phạm thiên một trăm ngàn lần. Sau này sinh vào trong loài người, người ấy thường làm Chuyển luân Thánh vương, không còn rơi xuống đường ác, mãi mãi ở chốn an vui, do lòng hổ thẹn cho nên được như vậy.

Thưa Tôn giả Văn-thù-sư-lợi! Nên biết rằng Đức Như Lai thực hành phương tiện, tương ứng với người trượng phu kia do hổ thẹn mà chết. Thà làm kẻ ngoại đạo quen theo thói tà kiến, chứ không làm Tỳ-kheo giữ giới đối với Đức Như Lai vô vi mà dấy lên ý tưởng hữu vi, biết mà vẫn nói năng dối trá xằng bậy. Nếu người nào dấy lên ý tưởng hữu vi đối với Đức Như Lai, nên biết đó là người thường lấy chôn địa ngục A-tỳ làm nhà cửa, cho nên đừng tác ý số mạng hữu vi đối với Đức Như Lai. Nếu người nào có thể dấy lên ý tưởng vô vi đối với Đức Như Lai, từ đây người ấy sẽ được sang bên kia biển cả trí tuệ, chẳng bị thân chết làm mê hoặc, người ấy thành tựu trí tuệ Bát nhã sâu xa đến mức cùng cực, đem hiệu quả trí tuệ này để mau chóng đạt được tướng tốt đầy đủ của Đức Như Lai.

Bấy giờ, Văn-thù-sư-lợi nói với Thuần-đà:

– Quý hóa thay! Này thiện nam! Ông nên biết như vậy, Đức Như Lai thường trụ vô vi, không phải là pháp biến dịch. Này thiện nam! Ông có trí ấy thì cũng có năng lực che giấu như Đức Phật, thị hiện phương tiện hữu vi. Nay chẳng bao lâu nữa, ông sẽ thành Phật đạo, như công đức đặc biệt kỳ lạ và tuyệt diệu thù thắng này, chỉ có Đức Phật Thế Tôn mới có thể nói lời khen ngợi.

Lại nữa, này Thuần-đà! Bồ thí hợp thời và bồ thí pháp vượt lên tất cả mọi sự bồ thí. Bồ thí đúng lúc là hoặc hàng Tỳ-kheo, Tỳ-kheo-ni, Ưu-bà-tắc, Ưu-bà-di; hoặc giả người từ phương xa đi đến đây; hoặc là người đang còn đi giữa đường; tùy theo sức của mình mà họ có thể đáp ứng nhanh

chóng các thứ cần dùng, sự bố thí đến bờ bên kia như thế là hạt giống mọc lên quả báo lớn lao. Thuần-đà, nay ông hãy tùy theo sức của mình mà cúng dường bố thí lần sau cùng cho Đức Phật và Tăng. Có lẽ ông biết rằng, nay đúng là lúc sắp đến giờ Đức Thế Tôn diệt độ.

Thuần-đà nói:

– Thưa Tôn giả Văn-thù-sư-lợi! Phiền Tôn giả thúc giục tôi cúng thức ăn cầu uế này làm gì? Chẳng lẽ Đức Như Lai đáng chờ đợi ăn thức ăn này chăng? Suốt sáu năm, Đức Như Lai tu tập khổ hạnh là việc khó làm ở dưới gốc cây Đạo, hằng ngày chỉ ăn hạt mè hay hạt gạo mà vẫn còn tự mình gắng sức, hưởng gì nay trong chốc lát, chẳng lẽ không thể đợi được chăng? Ông bảo rằng, Đức Như Lai ăn thức ăn này chăng? Pháp thân Như Lai không phải là thân dùng thức ăn cầu uế.

Bấy giờ, Đức Thế Tôn bảo Văn-thù-sư-lợi:

– Những điều Thuần-đà nói ra là lời chân thật. Phật lại nói với Thuần-đà:

– Ông trở thành người đại trí hiểu rõ Đại thừa. Văn-thù-sư-lợi nói với Thuần-đà:

– Nay ông thành người hợp ý Đức Như Lai, được Phật hộ niệm. Thuần-đà trả lời:

– Chẳng lẽ Đức Như Lai hộ niệm thiên vị chăng? Đức Phật đều hộ niệm tất cả chúng sinh một cách bình đẳng, Tôn giả đừng nói lên tư tưởng đảo ngược này, hộ niệm và đáng được hộ niệm, cả hai điều ấy thấy đều không đáng tạo tác việc làm như thế. Luận rằng, yêu thương và nghĩ đến là ví như con bò sữa, mặc dù khát nước và đói bụng nhưng nó vẫn đi tìm cỏ và nước. Hoặc giả đủ hay chưa đủ cỏ và nước, bỗng dung nó nhớ nghĩ đến con của mình, bèn nhanh chóng quay trở về. Các Đức Phật Thế Tôn không có sự nhớ nghĩ khổ cực này, chư Phật coi tất cả chúng sinh đều giống như đứa con một, đó là trí tuệ nhớ nghĩ cảnh giới của các Đức Phật.

Lại nữa, thưa Tôn giả Văn-thù-sư-lợi! Ví như chiếc xe báu được

kéo bằng voi hoặc ngựa, độ đi nhanh hay chậm chẳng giống nhau, như thế cỗ xe chín bộ của chúng ta không thể nào hồi ngang hàng với trí tuệ của Đức Như Lai.

Lại nữa, thưa Tôn giả Văn-thù-sư-lợi! Ví như vua của loài chim lông cánh sắc vàng vượt lên khoảng không mà bay vút, chim bay qua biển cả, hình bóng hiện rõ trong nước, thân mình của nó dài và lớn, các loài vật sinh sống dưới nước không loài nào có thể đo lường hình dáng của mình lớn

hay nhỏ, như đứa trẻ nhỏ mắc bệnh không chịu nổi liều thuốc quá mạnh.

Văn-thù-sur-lợi nói:

– Đúng như những điều Thuần-đà nói, tôi và các hàng Bồ-tát, đối với công đức rất mực sâu xa mà lập nên luận thuyết này.

Bây giờ, Đức Thế Tôn từ gương mặt của mình, phóng ra ánh sáng đủ mọi màu sắc. Khi ấy, Đồng tử Văn-thù-sur-lợi trông thấy ánh sáng này mới hay giờ Nê-hoàn của Đức Như Lai sắp đến, liền bảo cho trưởng giả Thuần-đà biết:

– Ông hãy cúng dường lần cuối cùng cho Như Lai, Như Lai sắp sửa vào Nê-hoàn rồi. Thời giờ ấy đã đến, có lẽ ông hãy nên mau bày ra. Thuần-đà! Nên biết Như Lai không vì không có nhân duyên mà phóng ra ánh sáng, ý nghĩa ấy có nguyên do. Hãy nên nhanh chóng! Hãy nên nhanh chóng! Đừng để cho mất thời cơ như ngắt hoa quá lứa.

Trưởng giả Thuần-đà đứng lặng thinh, Phật bảo Thuần-đà:

– Lát nữa đây, Như Lai sẽ vào Nê-hoàn, nay đúng là lúc ông cúng dường Tăng.

Phật nói hai ba lần như thế, Thuần-đà buồn bã than:

– Kỳ lạ biết bao! Thế gian trống rỗng! Như Lai một đi không bao giờ trở lại.

Ông buồn bã gào khóc, nước mắt ròng ròng. Thế rồi ông lại giải bày câu thỉnh, nguyện Phật xót thương mà ở mãi trong đời. Đức Thế Tôn bảo:

– Thuần-đà! Ông chớ khóc lóc, tự làm rối loạn tâm mình. Hãy nên suy nghĩ đúng đắn, tu phép quán về sống năng, cây chuối, giấc mộng hão huyền, ánh điện chớp, đồ dùng hủy nát v.v..., không có sự chân thật và bền chắc, nên biết hữu vi là ngôi nhà tai họa.

Thuần-đà bạch Phật:

– Bạch Như Lai! Như Lai chẳng xót thương trụ lại cõi đời, thế gian trống rỗng, chúng con cảm lòng sao được mà không khóc lóc.

Phật dạy:

– Nay Thuần-đà! Nay Ta thương xót ông và hết thầy chúng sinh mà vào Nê-hoàn, đó là pháp tự nhiên của chư Phật, tính chất của pháp hữu vi cũng như thế. Đối với tất cả các hành tướng hữu vi, ông hãy nên nghĩ rằng, khi xưa Ta nói bài kệ vô thường, bài kệ thân này là tai họa, bài kệ sinh diệt giống như bong bóng trên mặt nước, ông chớ lo buồn vô ích, giống như pháp của người phạm tục.

Thuần-đà bạch:

– Đúng thế, bạch Thế Tôn! Quả thật con biết sự nhập Nê-hoàn của Như Lai là phương tiện, bởi không thể nào tự cầm lòng mình cho nên con âu sầu não ruột.

Phật bảo Thuần-đà:

– Quý hóa thay! Quý hóa thay! Nay thiện nam! Nên biết rằng Nê-hoàn là phương tiện của Như Lai, nên biết rằng Phật từng trải như vượt qua biển cả, sống lâu, không phải sống lâu, pháp sinh khởi, pháp diệt, pháp hão huyền, pháp phương tiện, đúng lúc, không phải thời, tính, chẳng phải tính những việc như thế ông phải biết hết.

Nay Thuần-đà! Nếu ông muốn vượt qua biển ba cõi một cách nhanh chóng, thì ông có thể mau mau bày ra những vật dụng cúng dường mà ông mang theo để cúng dường cho các hàng trời, người, A-tu-la. Nay ông xứng đáng được làm công việc cúng dường lần sau chót, khiến cho tất cả chúng sinh được niềm vui sướng bất động từ bản thân Ta, ông và các người khác gặp được ruộng phước tốt lành. Đối với Như Lai Đẳng Chánh Giác, Ta chẳng làm khó dễ về sự bố thí đến bờ bên kia mà ông vốn đã thiết lập, tự nhiên cũng sẽ thành ruộng phước Như Lai.

Khi ấy, vì muốn độ tất cả chúng sinh, nên trưởng giả Thuần-đà gục đầu khóc sụt nước mắt đầm đìa như mưa. Ví như mặt trời mọc, ánh nắng chiếu rọi cây cối xanh tươi, gân đỏ của lá hiện ra toàn bộ, trưởng giả Thuần-đà cũng như vậy, máu và nước mắt đều tuôn rơi, rồi ông bạch Phật:

– Vâng, đúng như thế, bạch Thế Tôn! Nay con phải nghe theo lời dạy của Như Lai, thế nhưng ý nghĩa Nê-hoàn quá ư sâu xa của Như Lai, không phải hạng tầm thường nhỏ bé như con vốn có thể đo lường nổi, cũng chẳng phải điều mà hàng Thanh văn và Duyên giác hay biết, chỉ có cảnh giới trí tuệ của Phật Thế Tôn mới biết được.

Bấy giờ, Thuần-đà cùng với các thân thuộc, vì độ hết thảy chúng sinh, nên họ cúi đầu lễ dưới chân Đức Phật, đi vòng quanh về phía tay phải xong, họ đốt hương và rải hoa cúng dường Đức Thế Tôn. Cùng lúc, mọi người lại cúng dường Tôn giả Văn-thù-sư-lợi, để sắm sửa các thức cúng dường, cho nên mọi người quay trở về nhà mình.

KINH ĐẠI BÁT NÊ HOÀN

QUYỂN 2

Phẩm 4: XÓT XA THAN THỞ

Đúng lúc ấy, sáu thứ chấn động khắp cả cõi đất, trong đó thôn xóm, thành ấp, núi non, biển cả, cho đến mười phương, toàn bộ đều chuyển động mạnh. Khi ấy, các chúng sinh ai nấy đều hết sức hoảng sợ, hàng trời người, A-tu-la đều than vãn xót thương. Họ rập đầu làm lễ dưới chân Đức Phật và cúng dường xong, cùng một lúc tất cả đều dùng bài kệ ca tụng:

*Lạy Đấng Hùng loài người
Xót con nay cõi cút
Gieo mình dưới chân Phật
Ngửa nhớ diệu công đức.
Nghe con nói sống chết
Đủ mọi khổ khôn xiết
Các trời, người nghe đó
Ai cũng sinh lìa chán.
Vị như con cõi cút
Bệnh khốn tự quán thân
Tuy gặp lương y chữa
Bệnh ấy vẫn chưa khỏi.
Nhưng bỗng dừng nửa chừng
Thầy bỏ đi nơi khác
Chúng con và tất cả
Kẻ cùng khổ cũng thế.
Mới được phương tiện chữa
Mọi tà kiến phiền não
Đại y vương Thế Tôn
Chợt sắp bỏ con đi.
Bèn như kẻ bệnh nặng
Mất thầy không chỗ cậy*

Ôi thôi thế gian này
Từ rày luôn trống trải.
Cũng như nước rồi ren
Lại mất chúa hiền minh
Xót thay các trời người
Đều chịu nạn La-sát.
Giống như kiếp thóc quý
Dân gặp khổ đói kém
Thương thay các trời người
Mất mãi vị cam lồ.
Vi như lửa dữ bùng
Chúng sinh đều chết thiêu
Xót thay các trời người
Đường ác rục cháy mãi.
Thương thay các trời người
Chịu khổ lớn đêm dài
Quay vòng dòng sinh tử
Như voi lún bùn sâu.
Xót thay nay trời người
Từ thân máu chảy ra
Khổ não thêm lo buồn
Lòng luyến mộ như thế.
Do Thế Tôn diệt độ
Hành nghiệp lại khó lường
Trời trăng ẩn lớp mây
Từ đây ánh tuệ diệt.
Thương thay chúng trời người
Sống đêm dài tăm tối
Do đó buồn canh cánh
Không vật nào dụ được.
Nhìn thân không đáng vui
Muốn bỏ như nhỏ bọt
Chẳng ham sống đời hoài
Nghe tiếng Phật Nê-hoàn.
Chỉ mong đáng Đại trí
Ở đời nói cam lồ
Mây tan ánh dương tỏ

*Mật mừng thấy đều diệt.
 Ánh dương tuệ Như Lai
 Mãi tiêu chướng sinh tử.*

Bấy giờ, Đức Thế Tôn bảo các vị Tỳ-kheo:

– Nay các Tỳ-kheo! Đừng giống như các hàng trời, người, phàm phu khóc lóc ưu sầu, các vị hãy nên siêng năng chịu khó vâng giữ giáo pháp chân thật của Như Lai nói ra, chuyên chú nhớ nghĩ theo đúng mà tu hành.

Khi ấy, các hàng trời, người, A-tu-la v.v... nghe Đức Phật thuyết pháp cho các vị Tỳ-kheo rồi, họ nguyện xin dứt ngay nỗi đau thương luyến tiếc. Ví như người mẹ hiền từ vừa qua đời, đứa con hiếu thuận làm lễ tế để tiễn đưa mẹ đến nấm mồ, từ biệt mẹ mãi mãi rồi trở về nhà, tự mình gắng gượng dần xuống nỗi xót xa cảm xúc và thảm buồn não ruột. Thế rồi, Đức Thế Tôn liền nói bài kệ:

*Các ông nên mở ý
 Pháp chư Phật phải vậy
 Ai nấy về chỗ ngồi
 Lắng nghe điều Ta nói.
 Nhiếp tâm đừng buông thả
 Giữ giới hạnh thanh tịnh
 Định các ý tưởng loạn
 Tự khéo giữ tâm mình.*

Lại nữa, này các Tỳ-kheo! Nếu có điều ngờ vực thì các vị đều phải nên hỏi. Hoặc là không, bất không; thường, vô thường; quay về, không quay về; nương tựa, không nương tựa; lâu dài, không lâu dài; chúng sinh, không phải chúng sinh; thật, không thật; chân lý, không phải chân lý; Nê-hoàn, không phải Nê-hoàn; mật, không mật; pháp nhị, pháp bất nhị. Trong mọi thứ pháp như thế, các vị có điều gì hoài nghi thì nay đều nên hỏi, Ta sẽ tùy thuận lời hỏi mà nói cho các vị, Ta

sẽ khai mở cánh cửa bất tử cho các vị rồi sau đó mới diệt độ. Do đó, hiện giờ các vị có điều gì nghi ngờ trong lòng thì mỗi mỗi nên hỏi. Vì sao? Phật ra đời khó gặp, được làm thân người là khó, có được lòng tin cũng khó, lìa khỏi tám chỗ khó khăn chướng nạn và giữ gìn giới luật trọn vẹn, việc này lại càng khó hơn, giống như tìm hạt vàng trong cát sông Hằng, cũng như hoa Ưu-đàm nở.

Lại nữa, này Tỳ-kheo! Trăm thứ lúa má hoa màu, cây thuốc, cho đến các thứ quý báu đều từ đất đai sinh ra, tất cả chúng sinh nương dựa theo đó

mà được sinh trưởng. Như Lai sinh ra các pháp cam lộ tốt đẹp như thế, nhân đó chúng sinh nuôi lớn pháp thân. Do vậy, Tỳ-kheo nên hỏi những điều mình còn thắc mắc, Như Lai đều nói ý nghĩa quyết định cho các vị, sau đó mới nhập Nê-hoàn, vì làm vui tất cả chúng sinh.

Khi ấy, các vị Tỳ-kheo nghe Đức Như Lai quyết định nhập Nê-hoàn xong, họ ấp ủ trong lòng nỗi thương đau sợ hãi, lông trên thân thể đều dựng đứng. Giống như ánh mặt trời ló dạng rọi vào cây lá xanh tươi, gân đỏ đều hiện rõ. Thân mình của các vị ấy cũng như thế, lông đốt tay đốt chân khắp cả cơ thể, máu và nước mắt cùng lênh láng đầm đìa, họ rập đầu lễ dưới chân Đức Phật, đi vòng quanh về phía tay phải xong rồi bạch Phật:

– Quý hóa thay! Bạch Thế Tôn! Xin Thế Tôn hãy mau mau giảng giải giáo pháp phi thường, khổ và không. Như dấu chân voi là trên hết so với dấu vết của cả thầy chúng sinh, như thế, bạch Thế Tôn! Thế Tôn nói sự quán tưởng vô thường là phép quán đứng hàng đầu tiên ở trong các sự quán tưởng. Người nào siêng năng chăm chỉ tu tập thì có thể lìa khỏi tất cả tham ái, sắc ái và hữu ái trong cõi Dục, vô minh và kiêu mạn này từ nay mãi mãi tiêu diệt.

Lại nữa, bạch Thế Tôn! Ví như vào thời tiết mùa thu, cỏ và hạt chưa chín, người làm ruộng cày sâu mảnh đất của mình, sang mùa xuân gieo trồng thêm ngũ cốc, loài cỏ dại chẳng mọc lên. Nếu người tu hành siêng năng tu tập và nhớ kỹ sự quán tưởng vô thường một cách sâu xa như thế, thì họ có thể xa lìa hết thầy tham ái, sắc ái và hữu ái ở cõi Dục, vô minh và kiêu mạn mãi mãi không nảy sinh nữa. Bàn về con nhà làm ruộng thì họ cho việc cày bừa vào tháng mùa thu là trên hết. Bạch Thế Tôn! Trong giáo pháp lấy sự quán tưởng vô thường làm phép quán đứng đầu.

Lại nữa, giống như vị vua chúa biết mạng sống của mình sắp sửa kết thúc, ông bèn ban ân tha tội cho những người bị giam cầm ở chốn ngục tù trong thiên hạ, nhờ ơn vua, họ lại được thoát khỏi cảnh tù tội, rồi sau đó ông vua ấy mới qua đời. Hôm nay, Thế Tôn cũng như vậy, đến lúc sắp diệt độ còn giảng nói giáo pháp cam lộ, ban ơn lợi ích cho chúng sinh, nhà lao tham ái đều giải thoát tất cả, sau đó mới nhập Nê-hoàn. Như người bị ác quỷ nắm giữ, gặp được vị pháp sư trì chú, liền được giải thoát. Như thế, chúng sinh bị loài La-sát tham ái nắm giữ, may mắn được nhờ bài thần chú trí tuệ bậc Thánh của Như Lai, họ được giải thoát khỏi loài La-sát ân ái và mọi tà vạy. Như người mắc bệnh sốt rét gặp được thầy giỏi thuốc hay, bệnh hoạn khổ sở thấy đều tiêu trừ. Chúng con cũng như vậy, vô lượng tà kiến,

phiền não, bệnh tật nơi thân, nhờ được vị thuốc diệu pháp của Thế Tôn, bệnh đều được trừ khỏi. Như người say rượu chẳng nhận biết người thân thuộc, kẻ xa lạ; bậc cao quý, hạng thấp hèn; người lớn, kẻ nhỏ; sau đó chẳng bao lâu người ấy tỉnh ngộ, áp ủ trong lòng nổi hổ thẹn, tự trách cứ mình hết sức nghiêm khắc. Chúng con cũng như thế, ở trong vô lượng, vô biên sinh tử, say sưa theo tình dục, mê muội với tà kiến, mới được tỉnh ngộ. Giống như cỏ lau và cây y-lan không có sự vững vàng chắc chắn, thân này cũng như thế, ta, người, thọ mạng v.v... không có sự vững bền.

Phật bảo các Tỳ-kheo:

– Như thế là các ông tu phép quán tưởng không có cái ta chẳng? Các Tỳ-kheo trả lời:

– Thưa vâng, bạch Thế Tôn! Chúng con thường tu phép quán tưởng vô ngã, số người còn lại cũng tu quán tưởng vô thường, khổ, không, vô ngã. Bạch Thế Tôn! Như người ta nói, mặt trời, mặt trăng, các vì sao trên bầu trời, núi non, đất đai chuyển động, đây không phải là chuyển, nhưng chúng sinh hoa mắt lầm lẫn nói đó là chuyển động. Như thế người ta nói vô thường, khổ, không, vô ngã, nên biết các chúng sinh này cũng chính là sự hoa mắt lầm lẫn của thế tục, điều chúng con tu ấy là tu bình đẳng.

Phật bảo các Tỳ-kheo:

– Như ví dụ của các ông nói, trong ví dụ này, các ông nói ý vị hay là nói ý nghĩa, các ông vẫn chưa giải thích. Ta sẽ nói lại như lời người ta nói, rằng mặt trời, mặt trăng, núi non, đất đai chuyển động; đây không phải là chuyển động, nhưng chúng sinh hoa mắt lầm lẫn mới nói là chuyển động; hạng chúng sinh ngu si điên đảo như thế, họ chấp cái ta, chấp thường, chấp lạc, chấp tịnh. Nhưng Phật kia chính là nghĩa của ngã, pháp thân là nghĩa của thường, Nê-hoàn là nghĩa của lạc, các pháp giả danh là nghĩa của tịnh. Nay các Tỳ-kheo! Các vị đừng hoa mắt quán tưởng lầm lẫn mà nói rằng, Ta tu quán tưởng vô thường, khổ, không, bất tịnh đối với tất cả pháp vậy.

Các Tỳ-kheo bạch Phật:

– Bạch Thế Tôn! Chúng con cũng tu ba pháp tu thanh tịnh. Phật bảo các Tỳ-kheo:

– Ở trong pháp của Ta, ba pháp này cũng không có nghĩa lý chân thật. Vì phân biệt sự lên xuống của tính tự nhiên và sự chịu khó tu tập, nên đảo lộn khổ tưởng lại cho là lạc tưởng, đảo ngược lạc tưởng lại cho là khổ tưởng; đảo lộn tưởng vô thường lại cho rằng thường, đảo ngược tưởng thường lại cho rằng vô thường; đảo lộn tưởng không phải cái ta mà lại cho

rằng cái ta, đảo ngược tướng cái ta lại cho rằng không phải cái ta; đảo lộn tướng bất tịnh mà lại cho là tịnh, đảo lộn tướng tịnh mà lại cho rằng bất tịnh. Bốn tướng đảo ngược như vậy, nếu không nhận biết rõ sự bình đẳng đối với điều sửa đổi này thì không phải là sửa đổi chính đáng. Sửa đổi khổ thành không khổ, sửa đổi vô thường thành thường, sửa đổi vô ngã thành ngã, sửa đổi bất tịnh thành tịnh; bốn thứ sửa đổi này chính là lạc, thường, ngã, tịnh thuộc thế gian; lia khỏi thế gian cũng có bốn thứ lạc, thường, ngã, tịnh. Các ông nên biết tên gọi ý vị ấy là pháp thế gian, tên gọi ý nghĩa ấy là pháp ra khỏi thế gian.

Khi ấy, các Tỳ-kheo bạch Phật:

– Bạch Thế Tôn! Chúng con nên tu ba tướng và thấy bốn sự đảo ngược như thế nào để giống như lời dạy của Thế Tôn. Chỉ có điều là cầu mong Như Lai ở cõi đời một kiếp hoặc hơn một kiếp, như lời Thế Tôn dạy bảo, chúng con phải tu hành. Nếu Như Lai chẳng trụ lại trong cõi đời, thì làm sao chúng con có thể ở lâu dài cùng với loài rắn độc chung ngôi nhà hầm của mình khi vĩnh viễn cách xa Như Lai! Vị nào sẽ ở trong cõi đời để gánh vác và nắm giữ giáo pháp chân chính?

Chúng con sẽ theo Như Lai vào Nê-hoàn.

Phật bảo các Tỳ-kheo:

– Đừng nói lời như thế, đừng nói lời như thế! Tỳ-kheo nên biết rằng, chánh pháp của Như Lai giao cho Đại Ca-diếp, nay Đại Ca-diếp sẽ làm chỗ quay về và nương tựa cho các ông, cũng cứu giúp che chở khắp hết thầy chúng sinh giống hệt như Phật. Tỳ-kheo nên biết, ví dụ như đại vương trông coi và dẫn dắt các nước, nếu ông ấy muốn đi chơi đất nước khác, cần phải lập một vị quan lớn kiêm nhiệm biết mọi việc trong nước như thời gian nhà vua đang trị vì. Ta cũng như thế, ở thế giới này chẳng bao lâu nữa sẽ an lập Ma-ha Ca-diếp. Thế nhưng, này các Tỳ-kheo! Điều tu tập trước tiên là quán tướng vô thường, khổ, không, vô ngã, đó chẳng phải là tu chân thật. Ví như vào tháng mùa xuân là đến lúc các hạng người buôn bán họp nhau lại vui thích, đùa giỡn dạo chơi trên bờ sông, có một người trong đám người đó đánh rơi mất ngọc lưu ly xuống đáy nước sâu. Bấy giờ, các người lái buôn ai ai cũng nhảy vào nước để tìm vật báu. Có người nhặt được đồ sành, đá sỏi, gỗ tràm rồi bảo rằng của báu thật, họ vui mừng cầm lên khỏi mặt nước mới hay đó không phải là báu thật, do đó ngọc lưu ly kia vẫn còn trong nước, ánh sáng màu sắc soi chiếu đến cùng sáng ngời quá đỗi vượt hẳn ánh sáng mặt trời và mặt trăng. Mọi người trông thấy ánh sáng biết đó là vật

báu nổi tiếng, họ khen ngợi vật báu ấy đặc biệt kỳ lạ, ai ai cũng muốn tìm giữ. Khi ấy có một người trí tuệ khôn khéo dùng phương tiện lấy được vật báu chân thật. Như thế, này các Tỳ-kheo! Đối với hết thầy khổ, không, vô thường, bất tịnh, các vị hãy đẩy lên ý tưởng dứt bỏ hết những điều đó để thọ nhận lời dạy bảo tu tập của Ta nói. Cũng như người kia, tay cầm vật không phải quý báu mà tự lừa dối mình. Này các Tỳ-kheo! Các vị đừng tự lừa dối mình giống như người kia mà phí công vô ích, hãy nên giống như người trí tuệ trong đám người lái buôn. Này các Tỳ-kheo! Nên biết, Phật có ngã, có thường, có lạc, có tịnh; những điều các ông tu tập và hết thầy những điều các ông thấu giữ đều là đảo lộn, giống như người kia không nhận ra ngọc báu lưu ly vậy. Này các Tỳ-kheo! Người tu pháp chân thật giống như được châu báu, còn người tu quán tưởng vô thường là tu pháp không chân thật.

Các Tỳ-kheo thưa:

– Như lời Thế Tôn dạy, tất cả các pháp thầy đều vô ngã, nên tu như thế, tu như thế thì khi ấy ngã tưởng liền diệt, ngã tưởng diệt rồi đúng là lúc sắp vào Nê-hoàn. Điều này có ý nghĩa thế nào, chúng con chỉ mong Thế Tôn xót thương nói lại cho.

Đức Phật dạy:

– Quý hóa thay! Quý hóa thay! Này các Tỳ-kheo! Các vị muốn trừ bỏ tâm mê vọng của tự thân mình và vạn vật ở ngoài ta nên hỏi như thế. Ví như có ông vua ngu độn, tâm trí kém cỏi, bấy giờ có người thầy thuốc cũng chẳng hiểu biết rõ, ông ta lừa dối cả thiên hạ và nhận lãnh bổng lộc của nhà vua. Người ấy chỉ biết một phương thuốc được làm từ sữa, lại chẳng tài giỏi hiểu biết gì, thế mà ông thường đem vị thuốc này để chữa bệnh. Dân chúng trong nước lại chẳng biết những phương thuốc thích hợp thuộc chứng bệnh về phong đàm, nước dãi, thế mà ông vua ngu độn kia lại bảo rằng ông ấy là thầy thuốc bậc trên.

Bấy giờ có người thầy thuốc sáng suốt, thông hiểu tám thứ học thuật, từ phương xa đến nói với người thầy thuốc cũ: “Ông hãy làm thầy tôi, tôi làm học trò, tôi sẽ theo ông để học”.

Người thầy thuốc cũ nói: “Quý quá! Tôi sẽ chỉ dạy cho ông phương thuốc uống vào không chết, ông nên chăm chỉ học tập suốt bốn mươi tám năm, sẽ khiến ông biết hết thuật y học cao hơn cả”.

Thế rồi, ông ấy đem người thầy thuốc đến sau vào cung vua, ông vua ngu độn này và người thầy thuốc đến sau cũng mến thích nhau, người thầy

thuốc đến sau kia bèn nói với nhà vua: “Tâu đại vương! Đại vương phải nên học các môn kỹ nghệ”.

Vua hết sức vui mừng, liền theo người ấy chịu sự chỉ dạy để học tập, dần dần tăng thêm trí tuệ, vua mới biết người thầy thuốc cũ không có trí và lừa dối, vua ra lệnh đuổi người thầy thuốc cũ ra khỏi nước, lại tăng thêm lòng kính trọng người thầy thuốc đến sau. Người thầy thuốc đến sau kia biết thời đã đến, lại tâu với nhà vua: “Thần có việc muốn thỉnh cầu, xin Đại vương chấp thuận theo ý của thần”.

Vua trả lời: “Được”.

Người thầy thuốc nói: “Tâu đại vương! Phương thuốc được làm từ sữa của người thầy thuốc kia rất độc hại và nguy hiểm, đại vương

không thể uống thuốc đó nữa mà phải bỏ cách thức chữa bệnh này đi”.

Lập tức, vua nghe theo, ra lệnh cho dân chúng khắp cả nước từ nay trở đi, ai uống thuốc sữa thì sẽ bị trừng phạt nặng nề. Bấy giờ, người thầy thuốc đến sau bèn đem năm loại thuốc có năm thứ mùi vị là ngọt, chua, mặn, đắng và cay dùng để trị liệu tất cả bệnh. Khi ấy nhà vua mắc bệnh, bèn mời thầy thuốc đến chữa. Thầy thuốc xem bệnh của vua phải dùng thuốc sữa để trị, ông liền nói với vua: “Chỉ có thuốc sữa là có thể khiến cho vua không chết”.

Vua nói với người thầy thuốc: “Nay ông điên rồi chẳng? Trước kia ông nói thứ thuốc ấy là độc hại, khiến ta đuổi người thầy thuốc kia, thế mà nay ông lại bảo ta phải uống thuốc sữa”.

Người thầy thuốc đến sau trả lời: “Chẳng phải vậy, tâu đại vương! Lời nói này có ý. Ví như tám ván có dấu vết loài trùng ăn tựa hồ tên chữ của nhà vua. Người không biết chữ bảo là thật, còn người giỏi viết chữ mới biết đó không phải là chữ chân thật. Người thầy thuốc trước kia cũng thế, tuy hòa hợp thuốc sữa song người kia chẳng biết phân biệt điều thích ứng của thời tiết. Nên biết rằng, thuốc sữa có khả năng giết người song cũng không giết người. Thuốc không giết người là khi nuôi bò sữa phải thả bò ở nơi đồng cỏ bát ngát không có cỏ độc hại, chọn nước rồi mới cho bò uống, thêm nữa không lấy gậy đánh đập khi theo nó ra vào. Khi vắt thành sữa kia, bọt không sủi lên, nên biết thứ sữa này cứu được hết thầy bệnh tật, là phương thuốc uống vào không chết”.

Vua nói: “Tốt lắm”.

Nói xong nhà vua liền uống thuốc sữa. Khi ấy, dân chúng nghe tin

vua uống thuốc sữa, ai nấy đều sợ hãi, họ đi đến chỗ vua nói: “Ông thầy thuốc này chẳng phải là quỷ đó sao? Trước đây, ông ấy nói thuốc giết người, nay ông khiến đại vương uống thuốc sữa trở lại”.

Khi ấy, nhà vua liền giảng nói về sự lên và xuống của sữa cho dân chúng, vua và dân chúng tăng thêm lòng cung kính và cung phụng cho người thầy thuốc đến sau, họ vâng theo cách sử dụng ấy và thường uống vị thuốc sữa.

Các Tỳ-kheo nên biết! Như Lai, Ứng Cúng, Đẳng Chánh Giác, Minh Hạnh Túc, Thiện Thệ, Thế Gian Giải, Vô Thượng Sĩ, Điều Ngự

Trượng Phu, Thiên Nhân Sư, Phật Thế Tôn là bậc vua lớn trong hàng thầy thuốc, xuất hiện và làm hưng thịnh cho cõi đời, nhằm phá hoại thuật chữa bệnh tà vạy của ngoại đạo, nên Như Lai cùng với vị vua của chúng sinh gần gũi và tập làm quen với nhau dần dần, khi biết hai vị đã mến thích nhau rồi, Như Lai liền dạy bảo, khiến vị vua ấy bỏ sự thọ lãnh và tà vạy của ngoại đạo mà nói với vị vua ấy: “Không có ta, người, chúng sinh và thọ mạng, như loài trùng ăn gỗ ván thành chữ viết, những kẻ theo đạo giáo khác nhận ta và người mà nói không có cái ngã, tất cả chúng sinh vâng theo lời dạy của Như Lai, từ người này sang người khác chỉ bảo lẫn nhau đều nói không có cái ngã, đây là vì Như Lai biết phải lúc phương tiện cứu giúp chúng sinh, nên nói tất cả pháp, tính cách của nó là không có cái ngã, không phải tự ta và người mà thế gian thọ nhận, do đó nói tất cả pháp, bản tính của nó là không có cái ngã. Khi ấy Ta lại nói ngã, như người thầy thuốc tài giỏi kia hiểu rõ cách thức sử dụng thuốc sữa. Nên biết cái ngã ấy là chân thật, cái ngã ấy thường trú, không phải là pháp thay đổi, không phải là pháp phải diệt. Cái ngã ấy chính là đức, ngã là tự tại. Như người thầy thuốc giỏi về vị thuốc sữa, Như Lai cũng vậy, Ta nói pháp chân thật cho các chúng sinh, tất cả bốn chúng hãy nên học như thế”.

Bấy giờ, Đức Thế Tôn lại bảo các Tỳ-kheo:

– Đối với các giới luật trong giáo pháp, nếu các vị có điều nghi hoặc thì hãy nên hỏi Như Lai.

Các Tỳ-kheo thưa:

– Thưa vâng, bạch Thế Tôn! Chúng con đã tu các sự tu tập như trên, hiểu biết được thân tướng thấy đều không tịch.

Phật bảo các Tỳ-kheo:

– Các ông đừng như bậc Nhất thiết trí nói mà nói rằng: Ta tu cả thân tướng thấy đều không tịch.

Phật lại nói với các Tỳ-kheo:

– Đối với giới luật trong giáo pháp, các vị còn có điều gì nghi hoặc thì phải nên hỏi lại.

Các Tỳ-kheo thưa:

– Bạch Thế Tôn! Ý nghĩa bình đẳng của Đức Như Lai Ứng Cúng Đẳng Chánh Giác không phải là cảnh giới của ngã, chúng con đâu dám hỏi lại. Những điều chư Phật nói là điều không thể nghĩ bàn, do đó chúng con và các chúng đệ hội thấy đều không thể nào hỏi lại Đức Như Lai. Bạch Thế Tôn! Ví như có người sống thọ một trăm hai mươi tuổi, mắc bệnh lâu ngày, thân thể ốm yếu nằm liệt giường chiếu. Có một người trượng phu không có trí, của cải giàu có khôn xiết, ông ta đi đến chỗ người mắc bệnh đang nằm trên giường kia rồi nắm tay người bệnh, nói với người ấy: “Này thiện nam! Ông nên nhận lấy kho tàng châu báu của ta, ta sắp đi đến đất nước xa xôi, có lẽ trải qua mười năm, hoặc hai mươi năm. Sau này khi ta trở về, ông phải gộp lại trả hết cho ta”.

Bấy giờ, người bệnh kia không có con cái nối dõi, không có người họ hàng thân thuộc, bệnh tình chuyển đổi tăng thêm trầm trọng, thế rồi ông ta qua đời, của cải của người đi xa gửi đều mất mát. Người chủ giàu có sau khi trở về muốn đi đến người kia để đòi của cải song chẳng biết ở nơi nào.

Như thế, Thế Tôn bảo với chúng con rằng, đối với các giới luật trong giáo pháp, nếu có điều gì nghi ngờ thì nay đều nên hỏi. Nếu như hàng Thanh văn hỏi Như Lai, e rằng chánh pháp này không được ở đời lâu dài. Lại nữa, chúng con chẳng biết phải nên hỏi thế nào, để có thể khiến cho tất cả chúng sinh đều được nhờ phước của Phật. Do đó, bạch Thế Tôn! Nay chúng con không thể hỏi lại nữa.

Như có người sĩ phu, thầy tướng số xem bói cho ông ấy nói rằng, ông ấy sống thọ đến một trăm hai mươi tuổi, quyền thuộc thành tựu, giàu có của cải khôn xiết. Lại có người đến nói với sĩ phu: “Ta có tiền của châu báu, nay đem gởi cho ông, ông nên chi ra thu vào để sinh lợi tức cho ta. Hoặc giả trải qua mười năm, hoặc hai mươi năm, lúc ta trở về ông hãy trả hết toàn bộ cho ta”.

Khi ấy, người sĩ phu kia liền nhận lấy tiền của rồi sinh lợi cho người ấy. Sau đó người chủ trở về rồi đến đòi tiền, sĩ phu đều trả lại toàn bộ cho người chủ. Như thế, bạch Thế Tôn! Tôn giả A-nan và các vị Thanh văn v.v... hộ trì pháp tạng mà Như Lai nói ra, muốn làm cho tồn tại lâu dài thì không có lý như thế. Lý do thế nào? Vì các vị ấy thuộc thừa Thanh văn.

Chỉ có các Đại Bồ-tát như Ca-diếp v.v... mới khiến các vị ấy hỏi han ngõ hầu gánh vác và vâng giữ pháp tạng của Như Lai trong trăm ngàn muôn kiếp, tất cả chúng sinh đều sẽ được nhờ phước. Do đó, bạch Thế Tôn! Thế Tôn nên khiến hàng Bồ-tát vì chúng sinh, nên thỉnh cầu Thế Tôn giải quyết điều nghi ngờ, không phải hạng người tầm thường như chúng con vốn kham nổi.

Bấy giờ, Đức Thế Tôn bảo các Tỳ-kheo:

– Quý hóa thay! Quý hóa thay! Này các Tỳ-kheo! Các vị được pháp vô lậu, thành bậc A-la-hán, cho nên có khả năng hiểu sâu ý Ta mà nói lên lời chân thật này. Có hai nhân duyên sẽ làm cho hàng Bồ-tát gánh vác và nắm giữ chánh pháp, có thể khiến cho pháp tạng Đại thừa ở mãi cõi đời, lại còn khiến cho hết thảy chúng sinh đều được nhờ ơn phước ấy.



Phẩm 5: SỐNG LÂU

Bấy giờ, Đức Thế Tôn bảo khắp cả đại hội:

– Này các thiện nam, thiện nữ! Ở trong ba pháp (giáo pháp, hành pháp và chứng pháp) và các lời giảng dạy về giới luật, nếu có điều gì còn thắc mắc thì nay các vị đều phải hỏi.

Đức Thế Tôn nói đi nói lại như thế mấy lần.

Lúc này, trong hàng ghế ngồi có Bồ-tát Na-la-tu-lạc, người họ Ca-diếp, dòng Bà-la-môn, vâng nhờ uy đức thần lực của Đức Phật, từ chỗ ngồi đứng dậy, sửa lại y phục để hờ vai bên phải, rạp đầu lễ dưới chân Phật, đi quanh trăm ngàn vòng, quỳ gối phải chạm đất, dùng hương hoa cõi trời cúng dường xong rồi bạch:

– Bạch Thế Tôn! Con có điều muốn hỏi, xin Thế Tôn từ bi thương xót diễn bày rộng rãi cho.

Phật bảo Đại Bồ-tát Ca-diếp:

– Tùy ý ông hỏi điều gì, Như Lai Ứng Cúng Đẳng Chánh Giác sẽ giảng nói cho ông.

Bồ-tát Ca-diếp bạch Phật:

– Bạch Thế Tôn! Những điều con hỏi đều là được nhờ sức uy thần của Như Lai, cũng là do gốc rễ tốt lành của tất cả chúng sinh. Hôm nay,

Như Lai lấy bốn chúng hiền đức lớn làm quyến thuộc, lấy các đại sư tử làm quyến thuộc, lấy các kim cương sĩ làm quyến thuộc, lấy biển cả trí tuệ tuyệt vời làm quyến thuộc. Còn hạng phàm phu thấp kém như chúng con có điều muốn hỏi, song vì không được nhờ thần lực của Như Lai trợ giúp thêm, nên chúng con không thể nêu ra câu hỏi. Vì thế, nay con có điều dám hỏi, nên biết đều là nhờ thần lực của Như Lai.

Ở trước Đức Phật, Ca-diếp liền dùng kệ hỏi:

*Nhân gì được sống lâu
Thân kim cương chẳng hoại
Thọ trì thế nào đây
Nghĩa khế kinh rất sâu.
Bồ-tát dạy chúng sinh
Nói pháp có mấy thứ?
Hạng người nào kham được
Gọi là nương chân thật.
Tuy chẳng phải La-hán
Lượng ngang với La-hán
Thiên ma Như Lai nói
Làm sao phân biệt được.
Làm sao biết bình đẳng
Nghĩa Bốn thánh chân đế
Và bốn tướng đảo ngược
Hành, khổ, không, vô ngã.
Làm sao thấy Bồ-tát
Khó thấy tánh Như Lai
Làm sao được đầy đủ
Hiểu rõ nghĩa “bán tự”.
Làm sao khéo hóa hiện
Như nhận hạc xá-lợi
Làm sao được trí tuệ
Như tú vương nhật nguyệt.
Làm sao vì Bồ-tát
Nguyện thương nói quyết định
Các pháp môn như vậy
Nghĩa rất sâu vô lượng.
Điều chúng con nên biết
Nên nêu câu hỏi này*

*Đâu dám hỏi Như Lai
Cảnh giới của chư Phật.*

Phật bảo Ca-diếp:

– Hay thay! Hay thay! Này thiện nam! Người nào dần dần bước lên thêm bậc Nhất thiết chủng trí của Như Lai, mới có thể hỏi nghĩa lý kinh điển rất sâu xa này. Từng phương diện một, chư Phật hiểu rằng a-tăng-kỳ cát sông Hằng, từ khi có nguồn gốc đến nay, chư Phật tự ở thế giới mình, ngồi nơi gốc cây Đạo thành bậc Đẳng Chánh Giác, con số ấy rất nhiều không đếm xuể. Các vị ấy vốn dĩ là Bồ-tát đắc đạo Bồ đề, lần lượt khai phát sự tỉnh thức, thấy đều là do họ hỏi về pháp tạng sâu xa của Như Lai. Hôm nay các ông cũng như vậy, các ông có thể lấy cảnh giới Nhất thiết chủng trí mà hỏi Ta, ngộ hầu đem lại an vui cho tất cả chúng sinh.

Ca-diếp bạch Phật:

– Bạch Thế Tôn! Con không thể nào gánh vác nổi sự việc xin hỏi Thế Tôn về cảnh giới Nhất thiết chủng trí. Ví như con muỗi, con ve, chúng nó không thể bay vượt hư không để sang bờ bên kia biển cả, chúng nó cũng không thể nào uống hết nước biển. Cũng như thế, con không thể vượt qua trí tuệ rất mực sâu rộng dường hư không và biển cả của Thế Tôn mà không có nỗi sợ hãi. Lại như viên ngọc sáng trong búi tóc của vị đại vương, người giữ kho tàng của đại vương tăng thêm sự trông nom giống như chăm giữ đỉnh đầu của mình. Cũng như thế, nay con hỏi chánh pháp rất sâu xa của Như Lai, Như Lai sẽ giải quyết mạng lưới ngờ vực ấy mà giảng nói rộng rãi.

Phật bảo Ca-diếp:

– Này thiện nam! Nay Ta sẽ nói về nghiệp của sự sống lâu, Đại Bồ-tát thực hành nghiệp này để làm nhân cho bậc Đẳng giác. Này thiện nam! Ta cũng nhờ thực hành nghiệp kia và giảng nói rộng rãi cho mọi người, nên chứng đắc A-nậu-đa-la-tam-miệu-tam-bồ-đề. Ví như đại vương, đứa con của ông phạm tội bị nhốt tại nhà giam, vì đứa con ấy nên ông tha tội cho những người tù khắp cả để cứu đứa con của mình. Bồ-tát tu nghiệp sống lâu như thế, nhớ nghĩ tất cả chúng sinh giống như đứa con một. Đối với các chúng sinh, Bồ-tát đem tâm đại từ, đại bi, đại hỷ, đại xả, vâng giữ giới hạnh thanh tịnh, không làm hại chúng sinh, xây dựng tất cả chúng sinh ở dấu tích năm giới cấm và mười nghiệp thiện. Tùy theo sức lực của mình, Bồ-tát có thể cứu giúp địa ngục, quỷ đói, súc sinh, để cắt đứt hết thảy nghiệp duyên đường ác. Giải thoát cho người chưa giải thoát, hóa độ cho kẻ chưa được

độ, chí hướng và sự suy nghĩ vững mạnh thành trí thông đạt về pháp phương tiện. Do thực hành nghiệp này mà được quả dựa theo và quả báo do hành động tạo tác, vì ấy sống lâu không cùng tốt, thành trí tuệ rất tuyệt diệu, sống tự tại và không có nỗi sợ hãi, như thế Bồ-tát mãi mãi lìa khỏi khuôn pháp của sự chết.

Ca-diếp bạch Phật:

– Như lời Thế Tôn nói, Đại Bồ-tát bình đẳng xem chúng sinh dường như đứa con một, điều này có ý nghĩa gì? Nếu nói Đại Bồ-tát bình đẳng xem chúng sinh như con một, chẳng lẽ có ý này. Vì sao? Vì trong pháp Phật, hoặc có kẻ gây ra năm tội trái ngược với đạo lý, nói xấu chánh pháp, đối với hạng chúng sinh này, đều phải tu tập ý tưởng con một chẳng?

Đức Thế Tôn bảo:

– Đúng thế, này Ca-diếp! Ta coi tất cả chúng sinh giống như La-hầu-la.

Ca-diếp bạch Phật:

– Nếu đúng như vậy, thế thì tại sao một hôm nọ, vào ngày mười lăm hàng tháng, giữa chúng Tăng thanh tịnh, Bồ-tát trong đại hội, có một người chưa thọ giới Cụ túc lén vào nghe trộm giới luật, khi ấy kim cương lực sĩ ngược nhìn thần chỉ của Phật, bèn cầm cái chày kim cương đập nát khiến cho người kia dường như bụi bặm, sao gọi là bình đẳng coi tất cả chúng sinh như con.

– Đừng nói như thế, đồng tử kia là người biến hóa thành mà thôi, muốn chánh pháp sáng tỏ thì phải dẹp bỏ kẻ phạm tội, để răn đe người đời sau, khiến cho kẻ ôm lòng vụng trộm và tâm xấu ác của hạng Nhất-xiển-đề phải ẩn núp. Giống như ông quan lớn của nhà vua bắt giữ kẻ phạm pháp, tùy theo tội trạng của kẻ ấy mà trừng trị. Như Lai cũng như vậy, có người phá hoại giáo pháp, liền đem đạo lý để trừng phạt, khiến cho kẻ phạm vào điều xấu ác tự thấy quả báo của tội lỗi. Như Lai thường đem ánh sáng từ thân mình để an ủi chúng sinh, không e sợ cũng chẳng làm hại. Tuy có chúng sinh không được nhờ ánh sáng, nhưng đến chết, đối với người kia, Như Lai cũng không bỏ lòng đại bi.

Lại nữa, này Ca-diếp! Nếu các ông có thể khéo hiểu ý nghĩa vi diệu bí mật của Như Lai, thì nay Ta sẽ nói lại. Ca-diếp! Ví như ở phương khác có các Tỳ-kheo giữ giới thanh tịnh, đạo đức thuần nhất, uy nghi đầy đủ. Đức Như Lai ở phương kia đã vào Nê-hoàn, các chúng Tỳ-kheo không có người gánh vác nắm giữ. Bởi vì chúng Tăng kia không có vị Đại sư, cho

nên người không có đạo đức làm nã hại các vị Tỳ-kheo. Bấy giờ, có vị quốc vương tốt rất ưa thích pháp Phật, trừng trị kẻ xấu ác kia, hoặc là đuổi người kia ra khỏi đất nước. Nhờ đuổi người ác kia, làm cho chánh pháp được đứng vững yên ổn, cho nên ông vua gặt hái được phước đức không lường. Lý do ấy thế nào? Vì ông vua trừng phạt lỗi nặng của người kia và xây dựng giáo pháp lớn lao. Lại nữa, như nhà người mọc lên cây cối độc hại, thì hãy nên mau chóng cắt bỏ và tiêu diệt. Như thế, người phạm giới và làm loạn pháp ở trong pháp Phật, như chủ và tôi tớ tai hại đều phải đuổi ra khỏi, nếu không đuổi họ ra khỏi, nên biết hạng người ấy cách giáo pháp của Ta quá xa, nếu người nào đuổi họ ra khỏi thì chính là đệ tử của Ta.

Ca-diếp bạch Phật:

– Vì ý nghĩa ấy, cho nên chẳng bình đẳng coi chúng sinh giống như con một. Mồ xẻ và quán xét một cách đồng đều thì lời nói này trái nghịch. Nếu nói rằng Như Lai trị người phá hoại giáo pháp thì làm sao có ý nghĩa này?

Phật bảo Ca-diếp:

– Như nhà vua, quan lớn, trưởng giả, cư sĩ sinh ra đứa con đoan chánh, thông minh, sáng láng, trí tuệ khôn khéo, cả thế giới chỉ có một không hai, được mọi người yêu mến quý trọng. Người cha đem con mình đi đến nhà thầy để xin cho con học các môn kỹ nghệ, ông thưa với người thầy: “Tôi tuy sinh ra đứa con phước đức và đoan chánh này song nó chưa học kỹ nghệ, xin thầy dạy dỗ nó học hành giúp tôi, ắt hẳn khiến nó được thành tựu. Nếu nó không giữ đúng phép tắc, thì thường xuyên đánh roi vọt thêm. Tôi có bốn đứa con đều đến học với thầy, cho dù ba đứa con bị gây đánh mà chết, chỉ có một đứa con còn lại nên phải chịu khó trông nom việc học, cốt yếu làm cho nó thành tựu, thì tôi vẫn không ân hận”.

Phật bảo Ca-diếp:

– Ý ông nghĩ thế nào? Cha mẹ và thầy vất vả dạy dỗ đứa con ấy đến nỗi mất mạng, cha mẹ và thầy phạm tội giết người chăng?

Ca-diếp trả lời:

– Bạch Thế Tôn! Không phải vậy! Vì yêu thương và lo nghĩ con cái, muốn cho con cái được thành tựu, tuy thêm roi gây đau đớn, song họ không có ý ghét hại, phước ấy vô lượng, không có mang tội giết người.

Phật dạy:

– Như thế, này thiện nam! Như Lai cũng vậy, trong số đó có người phạm giới và phá hoại pháp, Ta xem chúng như con với tâm đồng đều, xót

thương rắn dạy, muốn làm cho kẻ phạm giới và phá hoại pháp thành tựu, nên phải nhọc sức trông nom dạy dỗ, Ta không có lỗi. Do đó nên biết rằng, Đại Bồ-tát bình đẳng xem chúng sinh, nghĩ tưởng như con một, tu tập tâm bình đẳng Tam-muội, như thế thì không ôm lòng làm hại, đó là nghiệp sống lâu của Bồ-tát, trí tuệ tự tại.

Ca-diếp bạch Phật:

– Tưởng nghĩ tất cả chúng sinh như đứa con một, Đại Bồ-tát tu hành tưởng này rồi được sống lâu chăng?

Đức Phật dạy:

– Đúng thế.

Ca-diếp lại bạch Phật:

– Bạch Thế Tôn! Chỉ có điều con ước mong rằng Thế Tôn đừng nói ý nghĩa này như bắt chước trẻ con đùa giỡn bằng hai thứ tiếng nói vậy. Bạch Thế Tôn! Ví như trẻ con đùa giỡn trong đại hội, nói rằng khen ngợi và cúng dường cho cha mẹ đủ thứ, tự nhiên trở về nhà mình thì lại bắt hiểu ngược ngạo, làm rối loạn buồn bực hai đấng sinh thành, chẳng đền trả ân đức nuôi nấng. Thế Tôn cũng như thế, Ngài nói Đại Bồ-tát coi tất cả các chúng sinh nghĩ như đứa con một, nhờ công đức ấy liền được sống lâu, trí tuệ tự tại, thường trụ không chết. Thế nhưng, nay tuổi thọ của Thế Tôn và người trong cõi đời giống nhau, lẽ nào chẳng phải là Thế Tôn thường ôm ý tưởng dao gươm đối với tất cả chúng sinh ở trong vô số kiếp chăng? Kỳ lạ thay! Bạch Thế Tôn! Thế Tôn chịu quả báo làm hại chúng sinh với tuổi thọ ngắn ngủi này, giống với thọ mạng trăm tuổi của người đời kia, thì Thế Tôn còn không phải là Bồ-tát, huống nữa là đấng Như Lai.

Phật bảo Ca-diếp:

– Ông đừng phát ra lời lẽ thô lỗ này ở trước Như Lai Ứng Cúng Đẳng Chánh Giác. Thiện nam! Ông nên biết, Như Lai sống lâu không lường được, nên biết Như Lai là pháp thường trụ, nên biết Như Lai không phải là pháp thay đổi, nên biết Như Lai chẳng phải là pháp phai mờ tiêu diệt.

Ca-diếp bạch Phật:

– Làm sao biết được Như Lai sống lâu? Phật bảo Ca-diếp:

– Như nước trong tám con sông lớn và các con suối thuộc cõi Diêm-phù-đề chảy đều chảy về biển, không có chỗ cùng tận, nên biết biển cả là chỗ dung nạp của sông suối. Như Lai cũng vậy, tất cả thọ mạng của chư Thiên và người đều trở về với biển cả thọ mạng của Như Lai, do ý nghĩa

đó, nên biết tuổi thọ ấy của Như Lai là vô lượng.

Lại nữa, này Ca-diếp! Ví như hư không thường trụ không biến đổi, sự thường trụ của Như Lai cũng như thế. Cũng như đề hồ là vị thuốc mát mẻ, có thể trừ diệt nóng sốt phiền não, Như Lai Ứng Cúng Đẳng Chánh Giác thường đem vị thuốc diệu pháp đề hồ mát mẻ, để diệt trừ hết những hoạn nạn cho chúng sinh, vì thế Như Lai thường trụ trì mát mẻ, không có các phiền não tai họa.

Ca-diếp bạch Phật:

– Bạch Thế Tôn! Nếu đúng là Như Lai sống lâu không lường, lại muốn cho tất cả chúng sinh an vui, thì hôm nay Thế Tôn phải nên ở cõi đời một kiếp hoặc hơn một kiếp, để cho nước chánh pháp mát mẻ mưa xuống khắp cả chúng sinh. Chúng con chỉ ước mong Thế Tôn xót thương mà ở cõi đời.

Phật bảo Ca-diếp:

– Đừng dậy lên ý tưởng tận diệt đối với Như Lai. Nếu Tỳ-kheo, Tỳ-kheo-ni, Ưu-bà-tắc, Ưu-bà-di và những người ngoại đạo vẫn còn năm đức, thì họ có thể sống lâu ở đời một kiếp hoặc hơn một kiếp, họ đi dạo giữa hư không, ngồi nằm tự tại. Sườn bên trái ra lửa, sườn bên phải ra nước, từ thân thể ra khói, họ có thể làm cho thân thể mình to lớn mà không có chỗ cùng cực và nhỏ bé vào nơi không có khe hở. Người có năm đức này liền được sức thần thông tự như thế, huống chi là Như Lai thành tựu tất cả vô lượng công đức, mà sức lực không thể ở cõi đời một kiếp hoặc hơn một kiếp hay sao? Do đó, nên biết Như Lai thường trú, không phải pháp biến đổi và pháp phai diệt. Nên biết thân này không phải là thân uế thực, thân ứng hóa ở thế giới này như cây thuốc độc nay nên vứt bỏ. Cho nên, này Ca-diếp! Nên biết pháp thân của Như Lai là thường trú, không phải là pháp biến đổi, không phải là pháp phai mờ tiêu diệt, ông hãy giảng nói rộng rãi cho mọi người.

Ca-diếp bạch Phật:

– Bạch Thế Tôn! Thế gian và xuất thế gian khác nhau những gì? Đức Phật dạy:

– Như Lai thường trú, người đời cũng nói thường trú. Ca-diếp nói rằng Phạm thiên trước kia, vị thần ấy lại thường chu du tới lui. Nếu Như Lai thường trú thì chưa thấy sự khác nhau giữa pháp thế gian và pháp lìa khỏi thế gian.

Phật bảo Ca-diếp:

– Ví như ông trưởng giả có một con bò sữa giao cho người chăn bò,

ông ra lệnh cho người ấy chăn nuôi bò phải thả riêng ở đồng bằng bát ngát, nơi không có cỏ độc hại, không được buộc chung một chuồng cùng với đàn bò, ông trưởng giả muốn được bơ sữa tốt để cung cấp cho bà con thân thuộc. Như thế ít lâu người trưởng giả ấy qua đời, rồi chẳng bao lâu sau đó, kẻ chăn bò kia lại chết. Khi ấy có người dân quê mùa đi chơi trong đầm bắt được con bò sữa này, bèn vắt sữa con bò ấy để tự cung cấp cho cuộc sống, ông muốn làm bơ sữa song chẳng biết cách thức sử dụng, ông ta chứa sữa vào đồ đựng xấu và độ lạnh ấm không thích hợp, rốt cuộc không thành sữa mà cũng chẳng được bơ. Lại nữa, mùi vị sữa bị hỏng, sữa ôi đông đặc và đục ngầu, vậy mà ông cũng gọi đó là bơ sữa, nghĩ là bơ sữa rồi giữ lấy để dùng.

Sự ngu si của chúng sinh cũng như vậy, ao đầm chánh pháp tưới thấm nghĩa lý vi diệu rộng sâu, Phật đã diệt độ giống như ông chủ con

bò qua đời, những chúng sinh kia đang ở vùng đầm rộng sinh tử giống như người quê mùa kia, đối với chánh pháp của Phật, họ đem trí tuệ thế tục tưới thấm uy nghi giới luật rồi dấy lên tư tưởng đảo ngược, bèn nói có chúng sinh, ngã, nhân, thọ mạng; nói đây chính là giải thoát, đây chính là thường trú, tích tập quen các kiến chấp khác, không được giải thoát sinh tử bằng con đường cốt yếu, xa lìa sự hành xử luật nghi thuộc chân đế, không biết Như Lai chính là pháp thường trú. Như người quê mùa ngu si không được năm thứ mùi vị thích hợp của sữa bò, tự cho là mình dùng bơ sữa, song thực ra người ấy chẳng được một thứ mùi vị trong năm thứ mùi vị của sữa. Chỉ dính mắc đàng tạo hóa Phạm thiên thế tục rồi nói đó là thường, là chúng sinh, là giải thoát. Nhân vì mong cầu Phạm thiên, họ tu chút ít phạm hạnh, lìa xa tà dâm nên hiếu dưỡng cha mẹ, một ít người được sinh trên cõi trời, món ăn ưa thích tự nhiên, như người quê mùa kia dùng thứ sữa ôi ấy. Nay thiện nam! Phạm hạnh thế tục cúng dường cha mẹ song chẳng biết quay về Ba ngôi báu, nên biết rằng, quả này không phải là hữu thường. Cúng dường cha mẹ, không tà dâm v.v..., có thể được như điều Phật hóa hiện vô thường là pháp thế tục mà thôi. Chỉ có Như Lai thường trú bất diệt. Cho nên, nay thiện nam! Nên làm phương tiện xa lìa các hồ nghi, chăm chỉ tư duy về Như Lai chính là pháp thường trú.

Lại nữa, nay thiện nam! Bây giờ, người nhà quê chăn nuôi con bò sữa kia, gặp dịp Chuyển luân Thánh vương xuất hiện làm hưng thịnh cho đời. Phép vua Chuyển luân cần phải có con bò sữa, do lực uy đức của vua nên khiến cho người quê mùa kia phải rời bỏ con bò. Con bò đi nốt quãng

đường, tự nhiên đi đến chỗ bày tôi của vua coi giữ kho tàng. Người bày tôi coi giữ kho báu biết con bò sữa này chắc chắn sinh sản ra loại sữa có mùi vị tinh túy thích hợp với năm thứ mùi vị của sữa, nhất định chính là phước đức của Thánh vương cảm ứng. Phật là đấng Pháp vương, lúc xuất hiện ở đời cũng như vậy. Giống như con bò sữa kia vốn được thọ nhận âm thanh pháp thường của thế gian, biến đổi thành âm thanh pháp thường của Như Lai, nó bẻ gãy phá tan khiến người què mùa phàm tục bỏ bỏ mà đi bởi âm thanh pháp thường của bò sữa. Thế rồi nó đi đến đứng ở nước người bày tôi coi giữ kho báu là đệ tử của Như Lai, nhờ sức mạnh phước đức của chúng sinh nên khiến cho con bò sữa pháp thường sinh sản ra những thứ sữa luôn có mùi thơm. Cho nên, này thiện nam! Nên biết pháp thường của Như Lai không phải là pháp biến đổi, hạng phàm phu ngu si trong thế gian vốn không thể nào hiểu rõ, đều là nhờ âm thanh thường trụ của Như Lai nên được biết mà thôi. Những người ở thế gian kia phải nên dấy lên sự suy nghĩ như thế. Nói đến âm thanh pháp thường tức là âm thanh pháp thường của Như Lai. Từ âm thanh này nên biết Như Lai vô số vô lượng. Như thế, này thiện nam và Thiện nữ! Nếu nắm giữ hai chữ thường trụ của Như Lai, trải qua nhiều kiếp tu tập, thì những chúng sinh như vậy chẳng bao lâu sẽ thành đạo Đẳng Chánh Giác giống như Ta không khác. Này thiện nam! Ông hãy cẩn thận chớ buông lung, nhận lãnh nắm giữ hai chữ “thường trụ” một cách vững chắc. Hôm nay, Như Lai sẽ nhập Nê-hoàn, đây là pháp nhất định của hết thầy chư Phật.

Ca-diếp bạch Phật:

– Bạch Thế Tôn! Những gì là pháp? Pháp có ý nghĩa như thế nào?
Con mong muốn được nghe pháp nhất định và tánh của nó thế nào?

Phật bảo Ca-diếp:

– Nay ông muốn nghe pháp tánh chăng? Ca-diếp bạch Phật:

– Con mong muốn được nghe Thế Tôn giảng nói rộng rãi. Phật bảo Ca-diếp:

– Pháp tánh là xả thân. Ca-diếp bạch Phật:

– Xả thân là tăng thêm sự bàn luận vì nghi ngờ. Phật bảo Ca-diếp:
– Ông đừng quán xét như vậy mà nói rằng, Như Lai xả thân rồi lại thọ thân.

Ca-diếp bạch Phật:

– Con không hỏi sự thọ thân. Phật bảo Ca-diếp:

– Ông chớ nói năng như thế, các pháp dứt bỏ vậy. Lại nữa, này Ca-diếp! Vô sắc âm kia thuộc cõi trời Phi tưởng, các chúng sinh ấy trụ như thế nào? Chết thế nào? Hiện thế nào? Các âm tưởng kia hồi chuyển thế nào? Ấy là cảnh giới của Phật, ông phải nên hỏi; ông cũng

cần nên hỏi việc Ta lại thọ thân nữa.

Nếu người ta hỏi ông về hình sắc, ý tưởng, chỗ ở, sự hưởng thụ vui sướng của chúng sinh trong cõi Vô tướng kia như thế nào, thì ông trả lời làm sao? Nhưng không phải là cảnh giới của hàng Thanh văn, Duyên giác và Bồ-tát theo kịp, mà chỉ là cảnh giới của Như Lai hành xử.

Lại nữa, này thiện nam! Thân Như Lai so sánh hơn hẳn các cảnh giới đó và lại khó biết nữa, không phải là cảnh giới của các Thanh văn, Duyên giác, theo kịp. Như Lai lấy nơi nào làm chỗ trụ, Như Lai lại hiện thân thế nào? Thân phương tiện không thể nghĩ bàn của Như Lai không phải là cảnh giới của ông. Này thiện nam! Đối với Ta, ông chỉ cần suy nghĩ thế này, Như Lai thường trụ, Pháp và Tăng cũng vậy. Ba sự việc này không phải là pháp vô thường, đó là pháp thường trụ, không thay đổi, mát mẻ, chân thật, xa lìa những phiền não và tai họa. Nếu không như thế, thì thiện nam và thiện nữ kia thấy đều không thành tựu đối với Ba pháp quay về một cách thanh tịnh, nên cần phải tu pháp thường trụ không thể nghĩ bàn như thế.

Này thiện nam! Ví như có cây này thì chắc chắn có cái bóng này; nếu không có cây kia thì tất nhiên cũng không có cái bóng kia; nếu chẳng trông thấy cây mà nói rằng thấy bóng cây thì thật là vô lý. Như thế, đã có Như Lai thì nhất định Như Lai thường làm cây lớn cho hết thấy, che chở chúng sinh và làm nơi nương tựa cho chúng sinh. Nếu Như Lai là vô thường, thì không gọi là bậc Ứng Cúng làm chỗ nương dựa cao nhất cho hàng trời, người.

Ca-diếp bạch Phật:

– Đức Thế Tôn nghĩ thế nào, trong đêm tối tăm có bóng cây hiện ra chăng?

Đức Phật dạy:

– Đã có cây ấy ắt có bóng, sao gọi là không có bóng? Chỉ không phải con mắt thịt của phàm phu thì mới có thể thấy điều đó mà thôi. Do đó nên biết rằng, đã có Như Lai thì mới là thường trụ, không phải là pháp biến đổi, chẳng phải là pháp phai mờ tiêu diệt, giống như bóng cây kia, con mắt thịt không thể thấy được trong đêm tối tăm. Phật nhập Nê-hoàn rồi, thường trụ không thay đổi, cũng như thế, con mắt thịt

chẳng thấy, nhưng kẻ vọng tưởng kia đẩy lên ý nghĩ vô thường đối với Như Lai. Thiện nam! Nếu cha mẹ các ông cho đến những người các ông tôn trọng đẩy lên ý tưởng không phải là thường đối với Phật Pháp Tăng, thì hết thấy đều không thanh tịnh đối với ba pháp quay về, nay ông nên đem ba pháp thường trụ mà dạy bảo khuyên nhủ họ, khiến cho họ được thành tên gọi Bồ-tát tam quy ở trong ba pháp.

Ca-diếp bạch Phật:

– Thưa vâng! Bạch Thế Tôn! Kể từ hôm nay, con sẽ bắt đầu đem Ba pháp thường trụ Phật Pháp Tăng, nhằm gọi mở sự thức tỉnh cha mẹ đời này cho đến cha mẹ bảy đời, đều khiến cho các vị ấy kính vâng giữ pháp thường trụ. Kỳ lạ thay! Bạch Thế Tôn! Con sẽ nhận được sự học tập Ba pháp thường trú và giảng nói rộng rãi cho mọi người. Nếu những người kia không chịu học giáo lý chân thật vi diệu này, nên biết hạng người ấy là kẻ mê hoặc vô thường. Thế nhưng ngày ngày ba thời con sẽ giảng nói cho họ hiểu, khiến cho họ được gần gũi pháp ấy.

Đức Phật dạy:

– Quý hóa thay! Quý hóa thay! Này thiện nam! Người bảo vệ và nắm giữ chánh pháp phải nên như thế, họ cũng thường tu tập lòng từ không làm hại ai, nhờ kết quả không làm hại kia, người ấy liền được sống lâu không cùng tốt và đạt được trí tuệ tự tại của Bồ-tát.



Phẩm 6: THÂN KIM CƯƠNG

Bấy giờ, Đức Thế Tôn lại nói với Ca-diếp:

– Này thiện nam! Thân Như Lai là thân kim cương, không phải là thân uế thực. Đó chính là pháp thân, ông hãy nên quán xét như thế.

Ca-diếp bạch Phật:

– Bạch Thế Tôn! Không phải hạng phàm phu tầm thường như con vốn có năng lực quán xét điều đó. Vì lẽ gì? Nếu đích thực Như Lai nhập Nê-hoàn, thì thân ấy chính là thân hư hoại, thân đất bụi, thân uế thực. Nếu thực sự Như Lai vĩnh viễn chẳng nhập Nê-hoàn, thì phải nên thuận theo phép tu quán tưởng bình đẳng.

Phật bảo Ca-diếp:

– Nay thiện nam! Ông đừng nói rằng thân Ta cùng với thân người đời bị hư hoại, nguy hiểm, dễ vỡ, quay lẩn mãi trong vòng sống chết trải qua kiếp số lâu dài giống như nhau. Thân Như Lai chính là thân không thể nào bị hư hoại; không phải là thân người đời, cũng chẳng phải là thân cõi trời; không phải là thân uế thực, chính là thân vô ngã; cũng không sinh, cũng chẳng diệt; không tập khởi, cũng chẳng lưu chuyển; không có ranh giới bên bờ, không có dấu vết; không phải trí, cũng chẳng phải hạnh, bản tánh thanh tịnh; không thật có, không có đối tượng thọ nhận; không có đến, không có đi; không trụ, cũng chẳng động; không mùi vị, cũng chẳng xúc chạm; không có sự nhận biết, không có sự suy nghĩ; không có gì so sánh bằng, không có gì lớn hơn được nữa; đi đến chỗ không phải là nơi đi đến, đi đến chỗ đúng là nơi đi đến; pháp dứt bỏ vĩnh viễn, pháp không phải dứt bỏ; không phải sự, cũng chẳng phải thật; không phải giác, cũng chẳng phải tướng; không phải bắt đầu tạo ra, cũng chẳng phải rốt cuộc hoàn thành; không phải lập nên, chẳng phải đầy tràn; không phải nơi chốn, chẳng phải nhà cửa; không phải dừng nghỉ, chẳng phải yên tĩnh; mở rộng sự thanh tịnh, xa lìa các phiền não; không phải nắm giữ, cũng chẳng phải bám víu; không phải can ngăn, lìa khỏi tranh cãi; thường trụ mà không phải trụ cho nên không khuất phục cũng chẳng cứng nhắc; không phải pháp, cũng chẳng phải phi pháp; không phải thiện, cũng chẳng phải phi thiện; không thể nào cùng tận; không phải Tỳ-kheo, cũng chẳng phải phi Tỳ-kheo; lìa bỏ danh tự, lìa bỏ sự khen ngợi, lìa bỏ lời ăn tiếng nói, lìa bỏ sự tu tập, lìa bỏ suy nghĩ ước muốn; không phải hòa hợp, cũng chẳng phải phi hòa hợp; không phải lượng, cũng chẳng phải phi lượng; không phải đến, cũng chẳng phải không đến; không phải thông suốt, cũng chẳng phải trở ngại; không phải là tướng; từng tướng một trang nghiêm song không nắm giữ, phi hữu, là hữu, có năng lực làm ruộng phước, thực sự không thể nhìn thấy, không thể tỏ rõ, như như chân thật; độ tất cả chúng sinh mà không có điều gì để độ; giải thoát hết thảy chúng sinh mà không có gì giải thoát cả; thanh tịnh cho tất cả chúng sinh mà không có gì để thanh tịnh; che chở cho tất cả chúng sinh mà không có gì để che chở; giảng dạy chúng sinh mà không có hai; không có gì so sánh bằng, không có gì cao hơn cái không có gì cao hơn đó; vô lượng đẳng, hư không đẳng, vô đẳng, vô sinh đẳng, vô hữu đẳng, vô đẳng, là đẳng, tịch diệt không phải dứt hẳn hành, chẳng phải chuyển biến mà chuyển biến rốt ráo, tất cả thu nhận và cắt đứt sự tuyệt diệu hết sức sâu sắc, hiện giáo pháp bất nhị, không bỏ tự tính; không phải thành, không phải dài, cũng chẳng phải ngắn; không phải Âm, không phải Giới, cũng chẳng

phải Nhập; không phải tướng hữu vi, không phải xứ vô vi, cũng chẳng phải nuôi lớn; không lên cao cũng chẳng xuống thấp; không phải tàng chứa, cũng không phải chứa cất; không phải địa, cũng chẳng phải phi địa. Công đức như thế rất nhiều không sao đếm xuể và không thể nào suy nghĩ luận bàn, đó là thân Như Lai. Không có người biết, không có người thấy, không có người nói, không có người bàn luận, không phải là việc mà thế gian thấu nhận; không phải nguyên nhân, cũng không phải là không có nguyên nhân, nắm giữ cái tướng của hết thảy vọng tưởng rồi nói rằng, Nê-hoàn không thể lấy gì để so sánh, vô lượng công đức thành tựu như thế gọi là thân Như Lai. Như vậy, này Ca-diếp! Thân tướng của Như Lai, có lẽ hàng Thanh văn và Phật-bích-chi biết được, thành tựu thân Như Lai như thế, đó là pháp thân, không phải là thân uế thực, làm sao hủy hoại bệnh khổ như đồ hư hỏng? Tùy theo người nhận lãnh sự giáo hóa mà Ta hiện nay thân già, bệnh, chết. Pháp thân của Như Lai là thân kim cương khó hủy hoại. Này Ca-diếp! Từ nay về sau ông nên biết như thế này, thân Như Lai không phải là thân uế thực, ông hãy giảng nói rộng rãi cho mọi người biết, từ nguyên nhân vi diệu sinh ra, đó chính là pháp thân, là thân kim cương, là thân thuần hậu, nên biết ấy là pháp thường trụ vậy.

Ca-diếp bạch Phật:

– Bạch Thế Tôn! Công đức của Như Lai đầy đủ như thế thì sao gọi là thân có bệnh, hoặc là chết. Kể từ hôm nay, con sẽ quán xét pháp thân Như Lai thường trụ, không phải là pháp biến đổi, tốt đẹp, tịch diệt, con sẽ giảng nói rộng rãi cho mọi người. Thưa vâng, bạch Thế Tôn! Pháp thân kim cương của Như Lai không hủy hoại, thế nhưng con chưa thể biết được sở nhân thế nào?

Phật bảo Ca-diếp:

– Người hộ trì pháp ấy không phải là người giữ năm giới cấm, cũng chẳng phải là bậc hiền đức thực hành thông thạo giới luật uy nghi. Người ấy ở trong đời ác chẳng tiếc thân mạng, tay cầm giữ đồ sắc bén để che chở bảo vệ pháp sư và những người giữ giới, đó là người hộ pháp.

Ca-diếp bạch Phật:

– Tỳ-kheo và người cầm khí cụ gây gộc kia đều cùng đi chung hay ngừng lại, há không có người nào là không phải Tỳ-kheo chẳng?

Đức Phật nói:

– Chẳng phải vậy.

Ca-diếp lại bạch Phật:

– Thế thì đây là hạng cư sĩ cạo đầu mà thôi. Phật bảo Ca-diếp:

– Ông chớ nói lời như thế. Vì sao? Nếu có người nào một mình ở chỗ vắng vẻ yên lặng, tu hành chín pháp của hạnh Đầu-đà, xin ăn, ít ham muốn, im lặng, thiền định, suy nghĩ, quán xét thân thể, kinh hành; cũng giảng nói về pháp bố thí, giữ giới, tu tập, đạo đức, hành nghiệp, nhân quả cho mọi người; thế nhưng người ấy không thể tuyên giảng rộng rãi về sự không sợ hãi; cũng lại không thể hàng phục và giáo hóa người xấu ác, giả dối, lừa bịp. Nên biết rằng người này không thể tự độ mình, cũng chẳng hóa độ người khác, họ chỉ tu trì phạm hạnh và hoàn thiện riêng cho mình mà thôi.

Nếu lại có Tỳ-kheo thực hành pháp tu Đầu-đà, được có cả sự không sợ hãi; vì ấy tuyên giảng rộng rãi chín bộ: Tu-đa-la (Khế kinh), Kỳ-da (Trùng tụng kệ), Thụ ký, Già-đa (Phúng), Nhân duyên, Như thị ngữ (Bản sự), Bản sinh, Phương quảng, Vị tăng hữu (Chưa từng có), để giáo hóa chúng sinh, tự độ mình, độ cho người khác. Vì ấy lại còn nói những câu trọng yếu trong Khế kinh cho mọi người, như nói rằng, trong bộ kinh nọ có nói không được nuôi dưỡng đầy tớ, nô bộc, bò, ngựa, các loài súc sinh cho đến không đồng ý nhận tài vật phi pháp, nếu nhận cất giữ thì không phải là pháp của người xuất gia, người này phạm vào quy chế nên phải bãi đạo và đuổi ra khỏi. Những kẻ phạm giới nghe nói lời như thế bèn cùng bè đảng giận dữ làm hại vị pháp sư kia, vị kia tuy chấm dứt mạng sống, song vẫn còn có thể tự độ mình và cũng có thể hóa độ người khác. Cho nên, này Ca-diếp! Các Ưu-bà-tắc hoặc vua chúa, quan lớn nên hộ trì pháp, cũng nên hàng phục hạng cư sĩ cạo đầu.

Lại nữa, này Ca-diếp! Thời quá khứ lâu xa a-tăng-kỳ kiếp, thế

giới ấy có Đức Phật tên là Nan-đề-bạt-đàn Như Lai Ứng Cúng Đẳng Chánh Giác xuất hiện làm hưng thịnh cho đời, Đức Phật cũng thường trú ở thành Câu-di này. Khi ấy thế giới này rộng rãi nghiêm tịnh ví như cõi nước Cực lạc ở phương Tây, những chúng sinh ở đó thấy đều yên vui, không có ý tưởng đói khát, hoàn toàn là các vị Bồ-tát. Đức Phật kia sống ở đời vô lượng ức kiếp rồi mới vào Nê-hoàn, đã để lại giáo pháp ở đời cũng lại vô lượng ức kiếp. Như thế, còn lại bốn mươi năm khi Phật pháp chưa diệt, khi ấy có vị Tỳ-kheo tên là Phật-độ-đạt-đa xuất hiện ở thế gian, đại chúng và quyến thuộc kẻ trước người sau lần lượt đi về bên phải. Vì ấy thành tựu sự không sợ hãi mà nói pháp cho mọi người, rồi đem chín bộ kinh để giảng dạy các Tỳ-kheo: “Trong bộ khế kinh nọ nói rằng, không được nuôi dưỡng đầy tớ, nô bộc, loài súc sinh và không đồng ý nhận tài vật không đúng

pháp”.

Những kẻ phạm giới bèn nổi tức giận, kết bè lập đảng giúp nhau muốn làm hại Pháp sư. Khi đó, vị quốc vương kia tên là Bà-già-đạt-đa nghe tin những người ác kia sắp làm hại Pháp sư, nhằm để hộ trì Phật pháp, lập tức ông liền cầm vũ khí sắc bén, cùng chung khổ cực chiến đấu tiêu diệt đám người xấu ác. Thân thể nhà vua bị thương tích, ông bèn đi đến chỗ ở của Pháp sư, Pháp sư nói về công đức hộ pháp cho nhà vua nghe, nghe pháp xong, chẳng bao lâu nhà vua qua đời, sinh về cõi nước của Đức Phật A-súc. Khi ấy, những người quyến thuộc cùng hộ pháp với vua đều lần lượt qua đời, được sinh cõi nước của Đức Phật A-súc, những người phát tâm hoan hỷ với công đức ấy đều thành tựu Bồ-đề. Rồi chẳng bao lâu Pháp sư Phật-độ-đạt-đa lại chấm dứt mạng sống, cũng sinh về cõi nước của Đức Phật A-súc kia, làm vị đệ tử hàng đầu của Đức Phật A-súc, vua Bà-già-đạt-đa làm vị đệ tử thứ nhì.

Phật bảo Ca-diếp:

– Bây giờ, vị quốc vương hộ pháp đó đâu phải người nào khác mà chính là Ta, vị Pháp sư hồi ấy chính là Đức Phật Ca-diếp. Nay Ca-diếp! Nên biết rằng công đức hộ trì chánh pháp là vô lượng, Ta vốn nhờ không tiếc thân mạng hộ trì chánh pháp, nên được pháp thân kim cương chẳng hoại này.

Ca-diếp bạch Phật:

– Như lời Thế Tôn dạy, pháp thân của Như Lai chân thật, thường trụ, không phải là pháp phai mờ tiêu diệt, tâm ý con tin chắc dường như khắc vào đá.

Phật bảo Ca-diếp:

– Cho nên, này thiện nam! Các Tỳ-kheo, Tỳ-kheo-ni, Ưu-bà-tắc, Ưu-bà-di nên chăm chỉ phương tiện hộ trì chánh pháp, các vị cũng nên giảng nói rộng rãi về quả báo của việc hộ pháp cho mọi người rõ. Lại nữa, này Ca-diếp! Luận rằng, người làm Pháp sư giữ gìn giới hạnh thanh tịnh thì hãy thường phải tự bảo hộ mình, không có dụng cụ để tự phòng ngừa, thì chớ coi thường cử động của mình. Nếu người Ưu-bà-tắc không thọ giới cụ túc mà học Đại thừa, vì sự hộ trì chánh pháp mà cầm khí cụ gây gộc, thì ông hãy nên nương tựa những người ấy để làm bè bạn.

Ca-diếp lại bạch Phật:

– Bạch Thế Tôn! Thế Tôn đã nói, cùng người cầm gây gộc kết giao đều là không phải uy nghi giới luật.

Phật bảo:

– Sau khi Ta vào Nê-hoàn, trong cõi đời vẫn đục, nhân khi lúa gạo đất đỏ, tật dịch lan tràn, kẻ trá hình lợi dưỡng đông nhiều vô số. Khi ấy có Pháp sư trì giới trì luật, uy nghi đầy đủ, bị những người kia xua đuổi, hoặc làm hại, hoặc giết. Đang lúc ấy, vị Pháp sư giữ giới đạo chơi đến các thành ấp, chốn đồng không mông quạnh tai nạn nguy hiểm. Ta nghe tin bèn cùng với vị quốc vương kia, quan lớn, người nông thôn, cư sĩ, chiên-đà-la v.v..., họ không thọ giới cụ túc song có khả năng hộ pháp, ta kết làm bè bạn với họ. Mặc dầu các hạng người kia không thọ giới, nhưng quả báo của công đức hộ pháp vô lượng hơn hẳn những người thọ giới. Vị Pháp sư ấy vẫn giữ giới hạnh, thanh tịnh uy nghi, hết sức ưa thích Đại thừa và giảng nói rộng rãi cho mọi người. Có thể đem dầu thơm, phướn, hoa, các vật dụng cúng dường, cùng với các quốc vương, quan lớn, trưởng giả thay nhau hiến tặng mà chẳng hủy mất pháp hạnh sa-môn. Gọi rằng Pháp sư giữ giới như thế là tự thân vị đó thâm nhận và nắm giữ pháp chân thật dường như biển cả, uy nghi đầy đủ, ấy gọi là giữ giới. Hoặc giả có người giữ giới mà không ưa thích vui sướng, chẳng ham chuộng danh dự, chán ghét lợi dưỡng, thường nói về hạnh ít muốn và biết đủ cho mọi người. So sánh những sự việc như thế, lợi ích của mình giảm bớt, bà con thân thuộc không vui lòng, nên họ không gọi là Pháp sư. Từ đó, đối với các chúng học trò họ bèn khởi lên ý tưởng chán nản uể oải, tự phá hoại quyền thuộc, cũng gọi là phá hoại Tăng. Tăng có ba hạng: Tăng phạm giới, Tăng như trẻ con ngây ngô và Tăng thanh tịnh. Hai loại Tăng trước không thể phá hoại Tăng thanh tịnh. Tăng phạm giới là hạng phạm phu lần thân ngu xuẩn, họ thuận theo người phạm giới, không kiểm tra xem xét nhau, vì sự tham lam bản đục mà họ chung cùng hòa hợp, đó gọi là Tăng phạm giới. Cho dù tự bản thân họ có khả năng giữ giới, song cũng lại gọi họ là số Tăng phạm giới vậy. Những hạng Tăng như thế không đúng với việc tu hành mà họ cứ làm, nếu người nào có khả năng cảm hóa các người phi pháp này thì gọi người ấy là Pháp sư.

Tăng ngây ngô khờ dại là hạng Tăng không chịu học tập tu hành, cần trí ngu si chậm chạp. Giả sử được lợi dưỡng, họ tự cung cấp cho mình và quyền thuộc, nhưng việc tu tập thì người nào lo xây dựng người này, không cùng chung cùng hòa hợp. Lại nữa, họ cũng không cùng người phạm giới làm phép Tự-tứ hay Bố-tát chung với nhau. Nếu như vị nào có năng lực cảm hóa hạng người ngu si phi pháp này, thì gọi vị ấy là Pháp sư.

Tăng theo đúng giới pháp luật nghi, những hạng Tăng như thế khiến chúng ma dù sao cũng không thể nào ngăn trở phá hoại. Dường như hạng Bồ-tát Tăng tính thường thanh tịnh, hai hạng Tăng kia là thầy phạm giới. Vị thầy giữ gìn giới luật là người khéo giáo hóa, biết thời, biết nặng, biết nhẹ, không phán đoán điều sai trái giới luật, cũng không phán đoán xác đáng.

Thế nào gọi là Pháp sư theo đúng giới pháp luật nghi khéo biết thời gian giáo hóa? Đó là Bồ-tát, hoặc là như con trẻ thơ dại, nếu Bồ-tát giáo hóa nhằm việc hộ trì chánh pháp, cũng không quán xét đúng thời hay trái thời, dư hay không dư, hoặc cho phép, hoặc ngăn cấm, tùy theo sự việc ấy mà thích ứng. Vị ấy tự tại dạo chơi hay dừng lại ở thôn xóm, giữa gò mả, do tâm hộ pháp nên không vi phạm điều gì. Chỉ trừ các nhà người con gái chuyên nghề ca múa, nhà đàn bà góa chồng, nhà dâm nữ, nhà trẻ em gái, chỗ học luyện thanh là những nơi không nên đi đến, tất cả các chỗ còn lại, Bồ-tát hộ pháp suốt ngày vòng quanh qua lại mà không có lỗi, đó gọi là Pháp sư biết thời giáo hóa. Biết nặng, nghĩa là nếu thấy Như Lai chế ra giới luật, thoát đầu khỏi sự từ nguyên nhân, người nào mà phạm vào tâm khinh rẻ và bốn pháp nặng thì không gọi là người xuất gia, đó gọi là biết nặng. Biết nhẹ, nghĩa là nếu thấy Tỳ-kheo phạm vào giới nhẹ từng duyên khỏi một, tâm cũng không coi trọng hoặc là tự mình nhớ lại, như trong các giới của Như Lai, người ấy phạm mà không đầy đủ, đó gọi là biết nhẹ. Không phán đoán giới luật hữu dư, nghĩa là nếu nuôi dưỡng đầy tớ v.v..., cất chứa các tài vật bất tịnh, đối với giới luật còn sót lại, không cần phải phán đoán, nên thường không muốn cãi cọ với người phạm giới, đó gọi là sai trái luật. Không cần phải phán đoán thỏa đáng nghĩa là tuy rằng sai trái luật, nhưng ở trong kinh khác nói thì hoàn toàn giống với giới luật, đó cũng là luật, không cần phải phán đoán thỏa đáng, tùy lời lẽ nói năng mà gọi đó là theo đúng câu văn song chẳng hiểu một chữ. Nếu người nào có thể hiểu được lời nói của chư Phật ba đời nói trong kinh, tâm được sự không sợ hãi, có năng lực hộ trì lời Phật giảng dạy sâu rộng vô lượng như thế, thì người ấy đạt đến thành tựu bậc Pháp vương Như Lai không thể nghĩ bàn.

Ngay sau đó, Ca-diếp bạch Phật:

– Thưa vâng! Bạch Thế Tôn! Đấng Pháp vương Như Lai không thể nghĩ bàn, Như Lai thường trụ không phải là pháp biến đổi, con sẽ vâng giữ và giảng nói rộng rãi cho mọi người biết.

Đức Phật dạy:

– Quý hóa thay! Này Ca-diếp! Vị nào vâng giữ pháp thân kim cương bất hoại, muốn học sự quán xét thân Như Lai đều bình đẳng, thì vị ấy nên tu phép quán Kim cương bất hoại, Đại Bồ-tát hãy tu tập như thế, liền được phép quán pháp thân vô thượng một cách bình đẳng.



Phẩm 7: THỌ TRÌ

– Lại nữa, này thiện nam! Nay Ta sẽ giảng nói công đức thọ trì Khế kinh rất mực sâu xa, nếu có chúng sinh nghe được kinh này, thì đời đời chẳng rơi vào trong bốn nẻo, ở chỗ mình sinh ra thường gần gũi chư Phật.

Ca-diếp bạch Phật:

– Chúng con nên gọi kinh này là gì và phải vâng giữ như thế nào? Phật bảo Ca-diếp:

– Kinh này tên gọi là Đại Bát-nê-hoàn, lời nói thoát đầu cũng tốt lành, lời nói chặng giữa cũng tài tình, lời nói sau cùng cũng thanh tịnh tràn đầy. Nay Ta sẽ giảng nói về kho chứa châu báu Kim cương. Này thiện nam! Giống như nước trong tám con sông lớn thuộc cõi Diêm-phù-đề đều đổ về biển cả, nước ấy không bao giờ cùng tận, kinh Đại Bát Nê Hoàn cũng như thế, trừ diệt phiền não, hàng phục chúng ma, quay lưng với sự sống chết, lìa bỏ thân biên hóa, cho nên gọi là Nê-hoàn, tất cả chư Phật giống như giáo pháp vi diệu này, không có sự cùng tận.

Lại nữa, giống như phương pháp trị bệnh có thuật tinh tế bí mật tên gọi là Đại y, tất cả các phương thuốc đều đưa vào trong đó, giáo pháp hàm chứa nhiều nghĩa lý vi diệu bí mật do Như Lai nói cũng như vậy, tất cả chín bộ kinh thầy đều ở vào trong đó, cho nên gọi là Đại Bát-nê-hoàn.

Ví như công việc cày ruộng và gieo hạt vào tháng mùa hè thì thường có hy vọng, đến khi đã thu hoạch quả thì mọi trông mong đều dứt. Người tu hành cũng như vậy, họ thường có hy vọng khi tu tập thiền định đối với tất cả kinh điển, học tập kinh này xong, họ chóng thành tựu sự giải thoát và vượt ra khỏi ba cõi.

Lại nữa, này thiện nam! Như người mắc bệnh nặng dùng đề hồ làm thuốc, thế rồi người ấy lại uống tám thứ thuốc mùi vị ngọt ngào, vị thuốc ấy hay nhất. Như thế, đối với giáo pháp bí mật của Phật, chúng sinh mắc

bệnh mê hoặc và tán loạn, Ta đem Khế kinh Đại thừa mà giáo hóa cho họ dần dần, rồi sau mới nói phương thuốc diệu pháp có tám vị Đại Bát-nê-hoàn cho chúng sinh. Tám thứ mùi vị đó là: Pháp thường trụ, pháp tịch diệt, không già, không chết, mát mẻ, thông suốt như hư không, bất động và khoái lạc; tám thứ mùi vị đó gọi là Đại Bát-nê-hoàn. Nếu có Bồ-tát trú tại Đại Bát-nê-hoàn này, thì đâu đâu vị ấy cũng thường có thể thị hiện nê-hoàn, cho nên gọi là Đại Bát-nê-hoàn. Nếu thiện nam nào muốn ở Đại Bát-nê-hoàn mà vào Nê-hoàn, thì phải nên học pháp thường trụ của Như Lai như thế, Pháp và Tăng cũng vậy. Nếu như trong số ấy có thiện nam và thiện nữ thực hành kinh Đại Bát Nê Hoàn này, thì nên học tập thường trụ ở Như Lai.

Ca-diếp bạch Phật:

– Bạch Thế Tôn! Pháp thân của Như Lai chẳng thể suy nghĩ và bàn luận, giáo pháp vi diệu mà Phật nói ra không thể nghĩ bàn, công đức của chúng Tăng không thể nghĩ bàn, kinh này chẳng thể nghĩ bàn. Kể từ hôm nay, như có chúng sinh tâm tính cứng cõi, thì con sẽ trừ diệt bóng tối tăm còn sót lại trong đêm dài sinh tử vô tri cho những chúng sinh kia.



KINH ĐẠI BÁT NÊ HOÀN

QUYỂN 3

Phẩm 8: BỐN PHÁP

Phật bảo Ca-diếp:

– Này thiện nam! Đại Bồ-tát thành tựu bốn pháp có thể nói kinh Đại Bát Nê Hoàn cho mọi người. Những gì là bốn pháp: Có thể tự mình dốc lòng làm điều chính đáng, có thể làm điều chính đáng cho người khác, có thể tùy theo câu hỏi mà trả lời, khéo hiểu rõ nhân duyên; đó là bốn pháp.

Tự mình dốc lòng làm điều chính đáng, nghĩa là khi người nghe giáo pháp thiết yếu của Phật, có thể theo đó mà chán bỏ hay sợ hãi, lòng trên thân thể đều dưng đứng. Như lời Phật nói, thà rằng ôm thân cây khô cháy rực, khắp cả thân mình cháy trụi, chứ không đổi với phương tiện mật giáo của Như Lai mà tâm mình chưa tỏ ngộ. Nghe nói có thường bèn nổi lên tâm phỉ báng rồi nói lời dạy của ma và ca tụng ngôn luận của ngoại đạo thuận theo thế tục. Người nói vô thường mà bảo là chân thật, thà rằng lấy lưỡi để liếm cây khô cháy rực, chứ không nói Như Lai chân thật vô thường, hoặc giả nghe người khác nói liền kinh sợ, đối với người nói pháp mà khởi lên ý nghĩ từ bi, hết sức tin tưởng pháp thân Như Lai tồn tại lâu dài, pháp già, bệnh, chết không thể nào hủy hoại. Nên biết rằng Thế Tôn không thể nghĩ bàn, giáo pháp cũng vậy. Như kinh Cây khô mà ta đã nói, ông hãy tự nắm giữ cho khéo, đó là Bồ-tát có thể tự mình dốc lòng làm điều chính đáng.

Có thể làm điều chính đáng cho người khác, nghĩa là như Thế Tôn thuyết pháp, có một phụ nữ nuôi đứa trẻ sơ sinh còn bú đi đến chỗ Đức Phật, rạp đầu làm lễ dưới chân Phật lòng có điều băn khoăn lo lắng, cô ta đứng về một bên mà suy nghĩ. Bấy giờ Thế Tôn biết được điều suy nghĩ của người ấy, liền đem đứa con của cô ta làm thí dụ mà nói pháp:

– Ví như người mẹ khéo nuôi đứa con của mình, thoát đầu lấy móng tay mà ngâm bơ đặc khiến cho bơ ấy tan ra, xong lại càng tăng thêm dần.

Khi ấy, tâm của người phụ nữ kia liền hiểu ra, bèn bạch Phật:

– Bạch Thế Tôn! Đấng Đại Thánh biết tâm niệm của con mà nói lên lời như thế, sáng sớm hôm nay, con cho đứa bé ăn nhiều bơ có lẽ không bớt tuổi thọ.

Phật dạy:

– Chẳng phải vậy, đứa trẻ này đã lớn, nó có thể ăn được mà không có hại gì.

Người phụ nữ vui mừng rồi bạch Phật:

– Kỳ lạ thay! Bạch Thế Tôn! Thế Tôn thuận theo pháp tan ra và không tiêu mà nói một cách tài tình; trước tiên Thế Tôn nói pháp vô thường, khổ, không, bất tịnh cho người mới thọ nhận sự giáo hóa; nếu lòng tin của chúng sinh đó chưa vững chắc, thì Thế Tôn nói pháp thường trụ cho họ, gốc rễ niềm tin kia bị mất, Thế Tôn nói bơ thường không tan ra.

Phật dạy:

– Quý hóa thay! Này thiện nữ! Con nên học như thế, cách thức nuôi con buổi đầu cho nó ăn dần thức ăn dễ tiêu và mềm mại, khi tuổi khôn lớn, nếu cho nó ăn đồ cứng và đặc thì có khả năng tiêu hóa và không có mối lo bệnh hoạn. Ta cũng như thế, trước kia Ta nói món ăn bất tịnh, vô thường, khổ, không và mềm mại cho các đệ tử; khi tâm đạo đã tăng thêm họ có thể lãnh thọ Đại thừa, sau đó Ta mới nói pháp Ma-ha-diễn Đại Bát-nê-hoàn này cho họ. Món ăn cứng và đặc gồm sáu vị: ngọt, đắng, cay, chua, mặn và nhạt. Lấy khổ làm vị chua, vô thường làm vị mặn, phi ngã làm vị đắng, vui thích làm vị ngọt, ngã và ngã sở làm vị nhạt, pháp thường làm vị cay, lấy lửa huyễn hành đốt cháy củi phiền não, nấu chín món ăn cam lộ đúng theo phép tắc chế định là Đại Bát-nê-hoàn.

Lại nữa, này thiện nữ! Ví như người chị em gái có các duyên sự phải bỏ nhà đi ra ngoài, đến xóm làng khác, có lẽ đi lâu không trở về. Người ấy có hai người con, một người hiền lành chất phác, người thứ hai ác độc tệ hại. Lúc sắp sửa lên đường, người ấy chẳng nói với đứa con xấu ác về kho tàng bí mật cất giấu châu báu, mà giao phó cho đứa con hiền lành.

Người nữ bạch Phật:

– Thật vậy! Bạch Thế Tôn! Phật hỏi:

– Có sao người kia không giao phó kho báu cho đứa con ác? Người nữ bạch Phật:

– Đứa con xấu ác kia vốn làm điều trái với đạo nghĩa, làm theo hành động buông thả, tiêu dùng ăn uống không có điều độ, cho nên người mẹ

không phó thác kho báu. Còn đưa con hiền lành ấy có năng lực xây dựng dòng dõi, làm vẻ vang rạng rỡ họ hàng, vì thế người mẹ gửi gắm kho báu cho đứa con ấy.

Phật dạy:

– Đúng vậy! Pháp của Ta cũng thế, khi muốn đi vào phương tiện bát Nê-hoàn, giáo pháp thiết yếu bí mật chứa trong kho châu báu của Như Lai đều giao phó cho đệ tử, không trao cho kẻ phạm giới và các người là kiến. Nay đối với Ta, người dấy lên ý tưởng diệt hay là dấy lên ý tưởng thường?

Người nữ bạch Phật:

– Đối với Như Lai, con dấy lên ý tưởng thường trụ. Phật dạy:

– Nay thiện nữ! Như lời người nói, cần phải dấy lên quán tưởng ấy, đừng dấy lên ý tưởng diệt. Nên biết Như Lai là pháp thường trụ, không phải là pháp biến đổi, cũng chẳng phải pháp phai mờ tiêu diệt. Nếu như có chúng sinh vốn tu tập quán tưởng thường trụ đối với Như Lai, nên biết những hạng người này, nhà nào nhà nấy đều có Phật, đó gọi là có thể làm điều chính đáng cho người khác.

Có thể tùy theo câu hỏi đề mà trả lời, nghĩa là giống như có người đến hỏi Như Lai: “Con phải làm thế nào để được nổi tiếng là người làm việc bố thí lớn lao, tiếng tăm truyền khắp thiên hạ mà chẳng bỏ của cải ra để bố thí?”.

Phật bảo người kia: “Chỉ có người tu tại gia mặc áo trắng thanh tịnh không nuôi đầy tớ nhỏ, tu trì phạm hạnh, thế nhưng họ lại ưa thích bố thí đưa ở, nô bộc, vợ cả, nàng hầu; họ dứt bỏ mùi vị thịt, thế nhưng họ lại ưa thích đem thịt để bố thí; họ lánh xa rượu, không uống rượu, thế nhưng họ lại lấy rượu khuyên nhủ người khác uống; họ thường tập thói quen ăn đúng thời, song lại bố thí bữa ăn phi thời cho người khác; họ xa lìa các thứ hương hoa, đồ trang sức, dụng cụ, song lại đem hết thảy hương hoa, đồ dùng trang nghiêm mà bố thí cho mọi người. Những loại như thế, tùy theo sự việc bố thí, người kia biểu cho mọi người xong, gọi là đại thí chủ. Nếu người làm như thế, liền được sự bố thí lớn lao, nổi tiếng khắp thiên hạ, song chưa từng tổn hại hoặc hao phí một sợi lông của mình. Nói ví dụ như thế, có thể tùy theo câu hỏi đề mà trả lời”.

Bấy giờ, Ca-diếp bạch Phật:

– Như lời Thế Tôn nói, người không ăn thịt mà lại đem thịt để bố thí, được điều là người ăn thịt ấy không có lỗi lớn, chẳng lẽ không tăng thêm tà kiến của ngoại đạo, cho nên cần phải lập phép không ăn thịt?

Phật bảo Ca-diếp:

– Quý hóa thay! Quý hóa thay! Này thiện nam! Ông khéo quan sát ý của Phật! Phép tắc của Bồ-tát hộ pháp phải nên như thế. Này thiện nam! Kể từ hôm nay, Ta ngăn cấm các đệ tử, không để cho họ ăn thịt, giả dụ được món ăn khác, phải luôn luôn dấy lên ý tưởng ăn thịt con mình. Sao gọi là đệ tử mà để cho họ ăn thịt? Chư Phật nói rằng, người ăn thịt ấy đã dứt bỏ hạt giống đại từ.

Ca-diếp bạch Phật:

– Tại sao Thế Tôn để cho đệ tử ăn ba món thịt thanh tịnh? Phật bảo Ca-diếp:

– Ba món thịt này tùy theo việc mà hạn chế dần dần, cho nên Ta mới nói như thế.

Ca-diếp lại hỏi:

– Nguyên nhân nào Phật nói có món ăn được nhận lãnh để lìa bỏ mười món thịt?

Phật bảo Ca-diếp:

– Đây cũng là hạn chế dần dần, nên biết phép tắc hiện giờ là không nên ăn thịt.

Ca-diếp lại bạch Phật:

– Tại sao Thế Tôn khen ngợi thịt cá rồi cho là món ăn ngon? Phật bảo Ca-diếp:

– Ta không nói thịt cá và cho đó là món ăn ngon, Ta nói cây mía ngọt, gạo tẻ, đường phèn và những trái cây ngọt là món ăn ngon. Như Ta khen ngợi mọi thứ y phục là đồ trang sức, lại còn khen ngợi ba thứ y phục hoại sắc, nên biết thịt cá là món ăn tanh uế thuận theo sự ham muốn mà thôi.

Ca-diếp bạch Phật:

– Nếu như Thế Tôn ngăn cấm đệ tử không ăn thịt, thì năm thứ kia là sữa, dầu vừng, tơ tằm, lụa là, vỏ sò, ngọc kha quý giá và thuộc da họ cũng không nên thọ nhận.

Phật dạy:

– Ông nghĩ ngợi kỳ lạ, đừng dấy lên cái nhìn của ngoại đạo Ni-kiền-tử.

Ca-diếp bạch Phật:

– Bạch Thế Tôn! Nay con nên làm thế nào? Phật bảo Ca-diếp:

– Nay thiện nam! Kể từ hôm nay Ta ngăn cấm các đệ tử, không để cho họ ăn ba món thịt thanh tịnh và lia bỏ chín thứ lãnh thọ, mười món thịt, cho đến con vật tự chết, hết thảy đều không được ăn. Vì sao? Vì nếu như người ăn thịt, giả như họ đi, đứng, ngồi, nằm, tất cả chúng sinh trông thấy họ thấy đều sợ hãi, bởi ngửi mùi vị giết chóc của người ấy. Như người ăn món hưng cừ và tỏi, nếu họ đi vào chỗ hội họp đông đảo, thì mọi người thấy đều căm ghét. Người ăn thịt ấy cũng như thế, tất cả chúng sinh ngửi mùi giết chóc của người ấy thì có nỗi khủng khiếp và sợ chết, các loài có mạng sống ở dưới nước, trên cạn, bay giữa hư không, đi trên mặt đất trông thấy đều bỏ chạy nhanh. Do đó hàng Bồ-tát chưa từng ăn thịt, tùy thời các vị ấy hiện bày sự ăn thịt nhằm để giáo hóa chúng sinh, chứ kỳ thật không ăn.

Lại nữa, này thiện nam! Vào thuở kiếp lâu xa, sau khi Ta nhập Nê-hoàn, sẽ có hàng Tỳ-kheo tuy vì sự học đạo nhưng tự mình cao ngạo mà nói rằng, ta là Tu-đà-hoàn, Tư-đà-hàm, A-na-hàm, A-la-hán. Họ trôi giạt ở trong cõi đời xấu ác, nghèo nàn khốn khổ, rồi xuất gia làm Tỳ-kheo mà chỉ có cái danh chứ không có cái thực, hiểu đủ mọi thứ một cách xằng bậy. Vì lợi dưỡng nên họ cung kính người thế tục mặc áo trắng, hình dáng tiêu tụy hốc hác như kẻ chân thả súc vật, thân thể đắp ca-sa song trông in hệt gã bất sản, họ mong cầu lợi lộc thế tục dường như con mèo vồ chuột. Thân thể bất tịnh, bệnh hoạn ốm o gầy còm, cùi hủi, ghẻ lở, thế mà họ mặc quần áo và đắp chăn màn của bậc Hiền Thánh Mâu Ni, hình dáng giống như quỷ đói, nghèo túng cùng quẫn, chẳng phải là Sa-môn chân thật mà làm y như Sa-môn. Vào đời sau này, lúc thời kỳ chánh pháp hủy hoại, đối với pháp luật, hành xử, kinh điển, chính luận mà Ta chế ra, họ đều làm trái ngược điều Ta đã quy định, mỗi người tự tạo ra kinh luận và giới luật rồi nói rằng, giới luật của ta được ăn món thịt thanh tịnh là của Đức Phật nói; họ tự viết lời luận bàn và bài tụng, mỗi bài đều trái ngược nhau; họ đều xưng mình là hạng Sa-môn, đệ tử của đức Thích-ca.

Lại nữa, này thiện nam! Ta nói pháp nhận lãnh lúa gạo sống, cho đến ăn cá thịt, tự tay mình làm đồ ăn thì không phải thanh tịnh. Tập quen nghề nghiệp ép dầu, học các môn kỹ thuật, thợ mộc tinh xảo, bậc thầy của ngành thuộc da. Tối lui với vua trong nước, xem lịch tinh tú, tạo ra phương thuốc chữa bệnh, học bàn luận về âm thanh và lời văn khéo léo trong thế tục. Nuôi đầy tớ, nô bộc, gom góp tiền của, vàng bạc, san hô, vỏ sò, ngọc kha, đá ngọc, chân châu, vật báu; nuôi sư tử, cọp, beo, chồn, sóc, chuột, mèo, cáo. Tích trữ thuốc độc, trì chú thuật, làm họa sĩ, tạo ra sách vở giấy tờ, làm

nghe dệt the lụa tốt đẹp, khởi lên đạo đầu độc làm mê hoặc người, ca múa huyền hoặc, độ sức, nhuộm răng, xông hương thơm xoa vào thân thể, lấy hoa kết thành chuỗi để trang sức, sửa hình dáng thân thể, cho đến đủ thứ còn lại, đại loại có vẻ như phi pháp, đồ dùng và y phục phi pháp, Ta nói những sự việc này chẳng phải là pháp thanh tịnh.

Ca-diếp bạch Phật:

– Bạch Thế Tôn! Nếu có đất nước phân đông mọi người đều ăn thịt, tất cả người xin ăn đều xin được toàn là món thịt tạp nhạp, làm thế nào các Tỳ-kheo, Tỳ-kheo-ni, Ưu-bà-tắc, Ưu-bà-di ở trong nước thích ứng với đời sống thanh tịnh?

Phật bảo Ca-diếp:

– Nay thiện nam! Nếu đồ ăn có thịt lẫn lộn, nên cho vào trong nước để thức ăn và thịt tách ra, rồi sau đó mới có thể ăn, thì không mắc lỗi vượt qua giới luật.

Ca-diếp lại bạch Phật:

– Nếu đồ ăn và thịt không thể tách rời nhau, việc này phải làm thế nào?

Phật bảo Ca-diếp:

– Nay thiện nam! Nếu trong nước mọi người thường ăn thịt, hết thấy đồ ăn đều có thịt bày rõ, thì Ta thuận cho gạn thịt, bỏ nước, hủy hoại mùi vị gốc của nó, rồi mới có thể ăn. Nếu như cá, thịt nai v.v..., tự phân biệt thì có thể biết, người ăn đắc tội. Hôm nay Ta nói có nhân duyên chế ra giới không ăn thịt, không có nhân duyên thì nhân dịp nói Đại Bát-nê-hoàn, Ta cũng lại đặt ra giới cấm khiến mọi người không nên ăn thịt, đó gọi là có thể tùy theo câu hỏi để mà trả lời.

Khéo hiểu rõ nhân duyên là, nếu Tỳ-kheo hay Ưu-bà-tắc hỏi ý nghĩa như thế này: Tại sao khi Đức Thế Tôn Như Lai Ứng Cúng Đẳng Chánh Giác xuất hiện ở đời, thoát đầu không quy định từng điều giới cấm cho đệ tử, không nói từng mỗi pháp môn như thế, không nói Ba-la-đề-mộc-xoa (biệt giải thoát, xứ xứ giải thoát) một cách rõ ràng? Ý nghĩa ấy thế nào? Tỳ-ni có ý nghĩa gì? Nay thiện nam! Hãy nghe Ta phân biệt ý nghĩa Ba-la-đề-mộc-xoa. Ba-la-đề-mộc-xoa là ít muốn, biết đủ, thành tựu uy nghi, chẳng thu nhận và cất chứa nhiều của cải, lìa bỏ các sự bám víu. Đối với tất cả những người lấy tâm thanh tịnh làm đời sống mà phạm tội đọa, ấy là đọa vào bốn nẻo ác và địa ngục thiêu đốt. Người kia uy nghi, ít muốn, chẳng thu nhận và cất giữ nhiều của cải, tất cả đời sống thanh tịnh mà phạm tội

đọa, theo đó nói rằng không phải là tội đọa, ấy là đọa vào trong địa ngục A-tỳ, đó gọi là đọa. Bồ-tát là nuôi lớn thiện căn công đức, về ý nghĩa có hai thứ: Ba-

la-đề-mộc-xoa là lia xa đối với học thuyết xằng bậy. Tỳ-ni là dạy dỗ và răn bảo những điều nhỏ nhặt, điều phục uy nghi. Lại còn không thu nhận của cải phi pháp, cũng chẳng bố thí của cải ấy cho người khác, đó gọi là Tỳ-ni. Trong đó có người phạm bốn pháp nặng, có người phạm mười ba pháp hữu dư, có người phạm ba mươi pháp xả đọa, có người phạm chín mươi một pháp đọa, có người phạm bốn pháp hồi quá, có người phạm pháp chúng học, có người phạm hai pháp bất định, có người phạm bảy cách thức diệt bỏ tranh cãi, có người gièm pha báng bổ giáo pháp kinh điển và hạng Nhất-xiển-đề. Người có những tội như thế song chẳng hướng về bậc sáng suốt để nói rõ tội đã phạm phải, cũng chẳng xin sám hối lỗi lầm. Xưa nay họ vẫn che giấu tội lỗi giống như con rùa giấu kín sáu chi (bốn chân, đầu và đuôi), tội lỗi của người phạm giới ngày đêm càng thêm lớn.

Tại sao Thế Tôn biết có tội ấy mà không kết thành giới luật, khiến cho chúng sinh kia rơi vào trong đường ác?

Giống như có người đem theo nhiều người muốn đến địa phương khác, bảo cho họ biết con đường thiết yếu đó. Trong số đông ấy có người lạc hướng con đường chính, rơi vào chỗ không phải con đường đi. Người thông tuệ khôn khéo kia đuổi theo kêu gọi, khiến cho người đó trở lại con đường chính cũ. Giáo pháp của Như Lai cũng như thế, ban đầu Ta nói đạo lý ngay thẳng, nếu các Tỳ-kheo phần nhiều gây ra các lỗi lầm, sau đó Ta mới nói quả báo của việc phạm tội cho họ, và chế ra giới luật cho các vị ấy. Như vậy, Thế Tôn chỉ rõ cho họ biết con đường vốn dĩ chân thật không hư vọng, nói công đức của mười điều thiện cho chúng sinh. Vị trời cao quý nhất trong các cõi trời, đức vua của chánh pháp thương xót khắp cả chúng sinh mà nói công đức của mười điều thiện, bình đẳng quán xét chúng sinh như nhìn đứa con một. Nếu như có một chúng sinh đang còn ở trong địa ngục, vì việc cứu độ người ấy tránh khỏi địa ngục, nên Ta ở trong địa ngục sống lâu một kiếp hoặc giả hơn một kiếp.

Sao gọi là khiến cho Tỳ-kheo phạm giới kia rơi vào đường ác mãi? Ví như người thợ dệt dệt, hoàn thành chiếc áo mới, sau đó người ấy phá hỏng chiếc áo xong, rồi lại vá vùi sửa chữa. Ví như thoát đầu Chuyển luân Thánh vương đem mười điều thiện để giáo hóa dân chúng, thời gian sau này việc làm xấu ác của chúng sinh tăng thêm, vua lại nhờ Tự tại kim luân

thần bảo đi đến đặt ra pháp luật, khiến cho các chúng sinh ấy phải điều phục. Thế Tôn cũng như vậy, thoát đầu chưa kết thành giới Ba-la-đề-mộc-xoa, về sau các Tỳ-kheo phạm tội chuyển tăng thêm, sau đó Ta mới lấy nhân duyên phạm giới làm căn bản mà đặt ra giới luật cho họ. Giả như các chúng sinh ưa thích tu pháp (phép gia trì cầu đảo của Phật giáo), thấy nhân duyên của các chúng sinh phát khởi để chứng thực lòng tin lớn thêm lên, cho đến bình đẳng quán xét nghĩa lý rất mực sâu xa vi diệu của Bốn đế, như sự tự tại của chư Phật cũng như vậy, đó chính là giáo pháp của vô lượng chư Phật. Chư Phật không thể nghĩ bàn như thế, giáo pháp chư Phật nói không thể nghĩ bàn, người nghe pháp này không thể nghĩ bàn, năng lực tin tưởng kinh này cũng không thể nghĩ bàn, đó gọi là khéo hiểu rõ nhân duyên.

Đó là bốn pháp của Đại Bồ-tát thành tựu, có thể giảng nói kinh Bát-nê-hoàn, nói nhân duyên thị hiện và nhân duyên Đại Bát-nê-hoàn cho mọi người. Nên biết kinh Đại Bát Nê Hoàn này chính là khéo hiểu rõ nhân duyên.

Tự mình dốc lòng làm điều chính đáng, nghĩa là giảng nói xong xuôi, người ấy chân thành hướng về chính mình, chuyên chú hướng về kinh Đại Bát Nê Hoàn này, nên biết đó gọi là có thể tự dốc lòng làm điều đúng đắn.

Có thể làm điều chính đáng cho người khác, nghĩa là biết ý của các Tỳ-kheo thành tâm hướng theo mà giảng nói kinh Đại Bát Nê Hoàn này cho họ, nói rằng Như Lai tồn tại lâu dài, nên biết đây là có thể làm điều chính đáng cho người khác.

Có thể tùy theo câu hỏi mà trả lời, nghĩa là giống như Ta nói cho Ca-diếp, tức là ông có trí sắc sảo lanh lợi vi diệu của Đại Bồ-tát, đủ thứ mật giáo với phương tiện bí yếu, không phải điều mà các hàng Thanh văn và Duyên giác lường tính nổi, gọi là kinh Đại Bát Nê Hoàn. Nên biết tên gọi ấy có thể tùy theo câu hỏi mà trả lời, tùy theo điều mà ý nghĩ trong lòng của chúng sinh kia thích ứng để rồi nói pháp cho họ, không phải là hư vọng. Ví như có người nói nhiều tên gọi của hư không, gọi là không, gọi là hư, gọi là vô sở hữu, gọi là vô số, người ấy nói những tên gọi như thế đều không phải là hư vọng. Như Lai thuyết pháp cũng như vậy, Ta nói bốn loại Niết-bàn trong kinh Đại Bát Nê Hoàn, toàn bộ có điều thích ứng chứ chẳng phải là hư vọng.

Ca-diếp bạch Phật:

– Nếu đúng là Như Lai tồn tại lâu dài, thì trái ngược với lời Phật nói

trong khế kinh.

*Ví như nung viên sắt
Ném nó vào nước lạnh
Sức nóng tiêu diệt dần
Chẳng biết nóng về đâu.
Sự giải thoát như thế
Qua các vực sống chết
Yên vui mãi chẳng động
Không ai biết chỗ ấy.*

Phật bảo Ca-diếp:

– Này thiện nam! Ông đừng hiểu bài kệ này một cách xằng bậy, khởi lên ý tưởng tiêu diệt vĩnh viễn đối với Như Lai. Không phải viên sắt ném vào nước, sức nóng tiêu diệt mất dần dần, sự tiêu diệt vĩnh viễn của chư Phật Như Lai nhập Nê-hoàn cũng như vậy, giống như viên sắt ném vào nước, sức nóng tiêu diệt, Như Lai cũng vậy, vô lượng phiền não, họa hoạn trôi buộc đều tiêu diệt. Giống như viên sắt ném vào nước, sức nóng tuy diệt mất, song tính chất của sắt vẫn còn. Cũng như vậy, ngọn lửa phiền não hừng hực trong vô lượng kiếp số của Như Lai đều tiêu diệt toàn bộ, tính chất kim cương của Như Lai thường còn, không phải là pháp biến đổi, không phải là pháp phai diệt. Những sự việc vượt qua các vực sâu sống chết và giải thoát như thế, vô lượng kiếp sống chết trong dòng sông phiền não kia, Như Lai đã vượt qua để vào Nê-hoàn, chỗ tiêu diệt mãi mãi trong các nẻo đường không thể nào biết được, cho nên nói:

*Sự giải thoát như thế
Qua các vực sống chết
Yên vui mãi chẳng động
Không ai biết chỗ ấy.*

Ca-diếp bạch Phật:

– Bạch Thế Tôn! Giống như viên sắt ném vào nước, sức nóng tiêu tan hết, song vẫn còn có thể sử dụng mà ném lại vào lửa. Như Lai vào Nê-hoàn, nhưng thực ra là vẫn thường trụ, thế thì tại sao lại vì chúng sinh mà vào ở trong ngọn lửa bùng bùng vô lượng sinh tử để dứt bỏ tai họa trôi buộc cho hết thảy chúng sinh. Quý hóa thay! Bạch Thế Tôn! Như Lai tồn tại lâu dài là lời nói quyết định.

Phật bảo Ca-diếp:

– Đúng thế, đúng thế! Này thiện nam! Ví như Chuyển luân Thánh

vương đi vào trong cung điện phía sau để vui chơi với những cung nữ hầu hạ, chốc lát vua lại dạo chơi ở nhà vườn, ao tắm, vui thích tự tại. Nhà vua vắng mặt trong cung, không ai hô hoán rằng vua mất vĩnh viễn. Chư Phật Thế Tôn bỏ cõi Diêm-phù-đề hiện bày sự vô thường cũng như vậy, đừng hô hoán rằng chư Phật diệt độ mãi mãi. Giống như vị quốc vương kia bỏ nơi thâm cung đi dạo chơi khu cây cảnh, vui thích tự tại. Như Lai cũng vậy, Ta bỏ chốn thâm cung vô lượng phiến não, đi vào vườn Tổng trì, ao hoa bảy giác chi, dạo chơi tham quan thích thú, đáp cỗ xe trí thông đạt về pháp phương tiện, tự tại hiện thân giáo hóa, vô lượng họa hoạn trôi buộc đã tiêu diệt từ lâu.

Ca-diếp bạch Phật:

– Như lời Thế Tôn nói, Như Lai thấy điều tiêu diệt mối lo phiền não sinh tử trong vô lượng vô số kiếp, đã vượt qua biển năm dục, có sao khi Như Lai làm Bồ-tát, tự vui thú với những người con gái đẹp hầu hạ ở chốn thâm cung, làm cha của La-hầu-la? Vì thế nên biết, Như Lai không dứt hết họa hoạn trôi buộc và vượt qua biển các thứ ham muốn.

Đức Phật dạy:

– Nay thiện nam! Đừng đối với Như Lai Ứng Cúng Đẳng Chánh Giác mà nói lên lời như thế. Sở dĩ gọi là Đại Bát-nê-hoàn, là vì có thể kiến lập nghĩa lớn. Nay ông hãy lắng nghe và giảng nói rộng rãi cho mọi người, chớ nảy sinh nghi ngờ và lấy làm kỳ lạ.

Đại Bồ-tát trụ ở Đại Bát-nê-hoàn, nghĩa là có thể đem ngọn núi lớn Tu-di đặt vào một vỏ trấu. Các chúng sinh ấy nương dựa núi Tu-di mà ở không bị quấy nhiễu tai hại, họ đến, đi, ngừng lại mà chẳng biết ai làm; số chúng sinh còn lại có kẻ thấy biết, họ biết ấy là Bồ-tát trụ Đại Bát-nê-hoàn, an trí núi Tu-di ở trong vỏ trấu, rồi sau mới trở về lại, cảnh giới của Đại Bồ-tát trụ ở Đại Bát-nê-hoàn là như thế.

Lại nữa, nay thiện nam! Đại Bồ-tát trụ ở Đại Bát-nê-hoàn lấy đất đai khắp ba ngàn đại thiên thế giới này đặt vào trong vỏ trấu, chúng sinh ở trong đó không bị điều gì quấy rối hay làm hại, mỗi người chẳng tự biết ai mang mình đi lại, ai an trí mình ở đây. Các chúng sinh còn lại có người thấy biết, họ biết ấy là Bồ-tát trụ ở Đại Bát-nê-hoàn, lấy ba ngàn đại thiên thế giới này đặt vào trong vỏ trấu, rồi sau mới trở về lại.

Lại nữa, nay thiện nam! Bồ-tát trụ ở Đại Bát-nê-hoàn này lại lấy ba ngàn đại thiên thế giới xếp đặt vào trong một lỗ chân lông của bản thân mình mà không có sự phiền nhiễu tác hại đối với những chúng sinh kia,

mỗi người không tự biết ai mang mình đi lại và vị nào sắp xếp mình ở nơi này. Ngoài ra có một số chúng sinh thấy biết sự việc, họ biết đó là Bồ-tát trụ ở Đại Bát-nê-hoàn, lấy ba ngàn đại thiên thế giới này đặt vào bên trong lỗ chân lông của bản thân mình, rồi sau mới trở về lại.

Lại nữa, này thiện nam! Bồ-tát trụ ở Đại Bát-nê-hoàn đang ở thế giới này, có thể đưa cõi nước của chư Phật khắp cả mười phương đặt vào mũi nhọn chiếc kim, giống như lấy mũi kim nhắc giữ lá táo lên, rồi di chuyển đến cõi nước của Đức Phật khác ở nơi xa lạ, đối với các chúng sinh, họ không bị phiền nhiễu hay tác hại gì cả. Mỗi người chẳng tự biết ai mang mình đi lại và ai an trí mình ở nơi này. Ngoài ra có một số chúng sinh thấy biết sự việc, họ biết đó là việc làm do thần lực của Bồ-tát trụ ở Đại Bát-nê-hoàn.

Lại nữa, này thiện nam! Bồ-tát trụ ở Đại Bát-nê-hoàn nắm cõi nước khắp mười phương đặt vào lòng bàn tay phải của mình như bánh xe dùng để tiện của nhà làm đồ gốm, ném đến thế giới nhiều như bụi nhỏ ở phương khác, đối với các chúng sinh họ không bị quấy nhiễu hay tác hại gì cả. Mỗi người chẳng tự biết ai đem mình đi lại và ai an trí mình ở đây. Ngoài ra còn một số chúng sinh có thấy biết sự việc, họ biết đó là việc làm bởi sức thần thông của Bồ-tát trụ ở Đại Bát-nê-hoàn.

Lại nữa, này thiện nam! Bồ-tát trụ ở Đại Bát-nê-hoàn ấy lấy mười phương thế giới ở bên trong một hạt bụi, đối với các chúng sinh, họ không bị quấy rối hay tác hại gì cả. Mỗi người chẳng tự biết ai đem mình đi lại và ai an trí mình ở đây. Ngoài ra, các chúng sinh còn lại có người thấy biết, họ biết đó là thần lực của Bồ-tát trụ Đại Bát-nê-hoàn làm nên điều ấy. Như thế, này thiện nam! Bồ-tát trụ ở Đại Bát-nê-hoàn này có thần lực lớn, thị hiện đủ mọi thứ, cho nên gọi là Đại Bát-nê-hoàn. Bồ-tát trụ ở Đại Bát-nê-hoàn làm những điều gì ở đó, tất cả chúng sinh không thể nào đo lường nổi, nay ông làm sao có thể biết Như Lai quen theo năm thứ dục và làm cha của La-hầu-la?

Lại nữa, này thiện nam! Ta trụ Đại Bát-nê-hoàn này có năng lực làm việc lớn. Đối với trăm ức mặt trời, mặt trăng, trăm ức cõi Diêm-phù-đề thuộc ba ngàn đại thiên thế giới này, Ta thị hiện đủ mọi cách để giáo hóa, như điều đã nói trong Tam-muội Thủ-lăng-nghiêm. Ở cõi Diêm-phù-đề thuộc ba ngàn đại thiên thế giới, Ta lấy Đại Bát-nê-hoàn để thị hiện Nê-hoàn mà không có Bát-nê-hoàn rốt ráo.

Lại nữa, này thiện nam! Ta thị hiện chịu sự sinh ra từ bào thai ở trong

cõi Diêm-phù-đề với năm thứ dục, các bậc cha mẹ ấy gọi Ta là con, thế nhưng từ thuở quá khứ vô số kiếp đến nay, Ta đã vĩnh viễn hết sạch ái dục, không có thân nhiễm ô, không có thân uế thực, pháp thân thanh tịnh đã dứt bỏ mọi sự sinh ra. Ta đem trí thông đạt về pháp phương tiện để thuận theo thế gian, Ta sinh ra ở cõi Diêm-phù-đề, thị hiện làm con trẻ, rồi đi về phương Bắc bảy bước chân mà tự xưng: Ta là đáng tôn quý vô thượng đối với hàng trời, người và A-tu-la.

Cha mẹ Ta vui mừng cùng khen ngợi: Chúng ta sinh hạ con trẻ, vừa rơi xuống đất bèn đi bảy bước, là sự việc chưa từng có trong đời.

Khi ấy, các chúng sinh đều nói rằng đó là chuyện đặc biệt lạ lùng, thế nhưng Ta chưa hề làm trẻ con. Từ vô số kiếp đến giờ, Ta lìa bỏ hạnh anh nhi, là pháp thân thanh tịnh, không phải là thân xương thịt được nuôi lớn bằng thức ăn uế tạp. Ta thị hiện pháp thân mà làm đồng tử là thuận theo thế gian. Ta đi bảy bước về hướng Nam để thị hiện làm tất cả ruộng phước không có gì hơn. Ta đi bảy bước chân về hướng Tây để thị hiện dứt bỏ rốt ráo sự sinh, già, bệnh, chết; làm bờ ranh sau cùng đối với tất cả chúng sinh. Ta đi bảy bước chân về phương Đông để thị hiện làm người dẫn đường cho hết thảy chúng sinh. Ta hướng về bốn phương góc rồi đi bảy bước chân là để thị hiện dứt bỏ mọi tà vạy phiền não và việc làm của ma, Thiên tử ở cõi trời Tự Tại thấy đều hàng phục, Ta sẽ thành đạo Ứng Cúng Đẳng Chánh Giác. Ta nhẹ nhàng đi bảy bước lên khoảng không ở phương Trên là để thị hiện giống như hư không, không thể nào bám víu hay dính mắc ở đó. Ta lại hướng về phương Dưới rồi đi bảy bước, là để thị hiện dập tắt ngọn lửa bùng cháy trong tất cả địa ngục, nổi lên đám mây pháp lớn rồi tuôn xuống trận mưa pháp lớn đem an vui cho chúng sinh; cơn mưa đá giáo pháp lớn phá tan các giới cầm ác.

Ta sinh ra ở cõi Diêm-phù-đề, thị hiện chừa lại chỏm tóc trên đỉnh đầu, là muốn khiến cho chúng sinh biết tóc đỉnh đầu cùng sinh khởi một lúc với thân đồng tử này, chư Thiên và người đời không ai có thể cầm dao đặt lên trên đỉnh đầu ấy để cạo tóc được. Ở trong vô số kiếp, Ta đã lìa bỏ tóc trên đỉnh đầu, nhưng Ta thị hiện có tóc trên đỉnh đầu. Thuận theo thế gian, Ta thị hiện đi vào đền thờ chư Thiên, thiên thần có uy lực lớn, trời Đế Thích, Phạm vương, bốn vị Thiên vương hộ vệ thế gian đều cúi đầu phụng thờ cung kính, đem thân mạng quay về mà làm lễ dưới chân Ta. Ở vô số kiếp, Ta làm đáng tôn quý trong hàng trời và người, Ta thị hiện đi vào đền thờ chư Thiên là vì thuận theo thế gian. Ở cõi Diêm-phù-đề, Ta thị hiện đeo

vòng ở tai, thực ra không có người dám xuyên thủng tai của mình. Ta xoa tóc xoay vòng về phía bên phải giống như lông bờm sư tử, tất cả dân chúng đều trông thấy đồng tử xoa tóc như lông bờm sư tử. Ở vô số kiếp, Ta đã lìa bỏ việc xoa tóc, song Ta thị hiện xoa tóc xoay vòng về phía bên phải là vì thuận theo thể gian.

Ở cõi Diêm-phù-đề, Ta thị hiện đi vào nhà sách, ở trong ba cõi, không ai có khả năng làm thầy Ta, chỉ có Ta nhận lời làm thầy dạy cho hàng trời và người, cho nên gọi là Nhất thiết chủng trí. Ở vô số kiếp, Ta đã từng học tập sách vở, thành A-nậu-đa-la-tam-miệu-tam-bồ-đề, song thị hiện thực hành học tập sách vở là vì thuận theo thể gian.

Ta thị hiện cưỡi voi, ngựa, xe báu, cất giữ kho châu báu, thân ở chốn thâm cung vui chơi tự nhiên với cung nữ hầu hạ trong cung, điều khiển sắp xếp công việc đất nước, mà thật sự không nhiễm ô blem vấy, Ta đã lìa bỏ từ lâu đường như nhỏ bỏ nước bọt.

Dù thị hiện hưởng thụ năm thứ dục lạc, điều khiển sắp xếp việc nước, làm Chuyển luân vương, làm vua ở cõi Diêm-phù-đề, song ở vô số kiếp Ta đã bỏ ngôi vua, có thể chuyển bánh xe pháp cam lộ vô thượng, Ta thị hiện Chuyển luân vương là vì thuận theo thể gian.

Ở cõi Diêm-phù-đề, Ta thị hiện cảnh già, bệnh, chết, vứt bỏ đủ mọi thứ dục lạc trong cung, xuất gia học đạo, mọi người đều trông thấy đồng tử xuất gia, vì việc độ thoát cho mọi người mà thị hiện sự xuất gia là để thuận theo thể gian. Chúng sinh đều thấy Ta thị hiện bốn quả Sa-môn làm bậc Tu-đà-hoàn, Tư-đà-hàm, A-na-hàm và A-la-hán, chín

phép chánh thọ Tam-muội liên tiếp nhau (cửu thứ đệ định), tu bốn chân đế, thế rồi, Ta chóng thành bậc La-hán vô thượng, đã qua vô số kiếp thành bậc La-hán rốt ráo. Vì cứu độ mọi người nên Ta thị hiện lúc mới phát tâm cho đến khi thành đạo, đi đến nơi gốc cây, thị hiện ngồi nệm cỏ, hàng phục chúng ma, thành đạo vô thượng. Ở vô số kiếp, các náo hại của chúng ma Ta đều hàng phục, được pháp cam lộ. Ta thị hiện hơi thở ra vào, đi tiểu, đi đại tiện, nhưng pháp thân thanh tịnh không có các mối lo này. Ta thị hiện vào tất cả các loài hữu tình chúng sinh và phi tình là để tùy thuận thể gian. Ta thị hiện thọ nhận sự ăn uống là vì chúng sinh, thật ra Ta không có tư tưởng đói khát, vì thuận theo thể gian nên Ta thị hiện ăn uống.

Ở vô số kiếp, Ta thường chứng đắc các Ba-la-mật rất mực sâu xa, chẳng theo thời tiết, Ta thị hiện cư trú nhà cửa, thực ra Ta không có sự ngủ nghỉ, mặc chúng nôn mưa, há miệng ngáp, chau mày, chồm dậy cùng

những sự đau đớn khổ sở trong thân, Ta thị hiện nương nhờ nhà cửa là để thuận theo thế gian. Ta thị hiện ngồi, nằm, kinh hành, ngắm, nhìn, ngoảnh lại, liếc mắt, co vào, duỗi ra, cúi xuống, ngược lên, pháp thân chân thật không có loại hình dạng này. Ta thị hiện tắm rửa, xoa dầu mè vào thân, xỉa răng, súc miệng, nhỏ thuốc sáng mắt, những việc này không phải là sự cần thiết của pháp thân thanh tịnh. Tay chân mềm mại như lá hoa sen, hơi miệng thơm tho tinh khiết như hoa Ưu-bát-la, đôi mắt thanh tịnh dường như trắng sáng, Ta thị hiện pháp này là vì thuận theo thế gian. Ta thị hiện tu hành hạnh ít muốn, xin ăn sơ sài, mặc y phẩn tảo. Ở vô lượng kiếp, lỗi tu khổ hạnh của Sa-môn, Ta đều đã rốt ráo. Ta hiện ở nhân gian làm cha của La-hầu-la, làm con vua Tịnh Phạn, mẹ của Ta là bà Ma-da, quyến thuộc thành tựu, song Ta có thể chán nổi vui trong đời mà xuất gia học đạo, ở giữa cây rừng, Ta thị hiện sự hơn và kém của dục, sự chênh lệch và hạ thấp của lạc, bỏ ngôi vị vua và thái tử, mang họ lớn Cù-đàm. Ta thị hiện làm người xuất gia hóa độ chúng sinh, không phải làm Như Lai dính mắc vào năm thứ dục và làm cha của La-hầu-la. Ta hiện có cha mẹ là thuận theo thế gian, các chúng sinh ấy gọi Ta là người đời, thực ra Như Lai không phải là trời, cũng chẳng phải người.

Ta lại ở cõi Diêm-phù-đề thị hiện nhập Nê-hoàn, nhưng chẳng rốt ráo vào Nê-hoàn. Chúng sinh đều nói Như Lai diệt độ mãi mãi, nhưng nay pháp thân Như Lai thường trụ, không phải pháp biến đổi, cũng chẳng phải pháp tiêu diệt, chư Phật thường trụ thị hiện Nê-hoàn.

Ta lại còn làm Tỳ-kheo phạm bốn pháp nặng, mọi người đều nhìn thấy, thực ra Ta không làm những hành vi biếng nhác. Hoặc giả Ta lại thị hiện làm những hành vi của một kẻ Xiển-đề, hoặc thị hiện phá sự hòa hiệp của Tăng. Mọi người đều trông thấy Ta gây ra nghiệp vô gián, nhưng kỳ thật Ta không có tâm phá hoại sự hòa hợp của chúng Tăng, cũng không có Tăng để Ta có thể phá hoại.

Ở cõi Diêm-phù-đề, Ta hộ trì chánh pháp, chúng sinh đều trông thấy Ta là vị Đại sĩ hộ pháp. Đó là thường pháp của chư Phật và Bồ-tát. Ở cõi Diêm-phù-đề, Ta thị hiện làm thiên ma, chúng sinh đều trông thấy, song thực ra Ta không làm theo những hành động của chúng ma. Ở cõi Diêm-phù-đề, Ta thị hiện làm hình dáng người con gái, chúng sinh nhìn thấy rồi, ai nấy đều khen: “Kỳ lạ thay! Hôm nay người nữ làm Phật”. Thực ra, Như Lai không làm thân người con gái, để làm vừa lòng điều người kia mong muốn, tùy theo nhân duyên mỗi người, Ta hiện ra hình dáng nam nữ là

thuận theo thể gian.

Ở cõi Diêm-phù-đề, Ta thị hiện sinh ra trong nẻo đường của bốn loại súc sinh, chúng sinh đều bảo, Ta là súc sinh chân thật, thực ra Ta không làm theo các hành động của loài súc sinh kia, Ta thị hiện vào đường súc sinh là vì thuận theo thể gian.

Ta vào trong cõi trời Phạm thiên, thị hiện vì Phạm thiên mà làm sư trưởng. Các chúng sinh ở cõi ấy thờ phụng Phạm thiên, thế là Ta dùng phương tiện dẫn dụ họ tiến lên, khiến cho họ đi vào chánh pháp, không tập quen làm các nghiệp kia, Ta thị hiện hình dáng Phạm thiên là tùy thuận thể gian. Ta thị hiện vào nhà thổ để độ cho các hạng người dâm mà không dấy lên tư tưởng dâm dục, tâm Ta như hoa sen, nước cõi trần không làm vấy bẩn. Ta trang nghiêm thân thể của mình rồi đi dạo chơi ở các con đường lớn thông bốn ngả, để dùng phương tiện dẫn dụ giáo hóa chúng sinh có tâm nhiễm ô. Ta vào nhà kỹ nữ thị hiện làm người con gái, đem chánh pháp để giáo hóa mọi người. Ta vào trường học thư viện thị hiện làm sư trưởng giáo hóa những đứa trẻ nhỏ thơ dại. Hoặc giả Ta vào nơi hội họp uống rượu, đánh cờ, sòng bạc, rạp hát, nhằm mục đích giáo hóa, nên Ta chẳng làm những việc giống như họ. Ta đi đến bãi tha ma để độ các loài chim muông mà không chấp tướng. Ta vào trong chỗ quan lớn để dạy bảo họ khiến cho việc cai trị được đúng đắn. Ta vào chỗ các vương tử để giáo hóa khiến cho họ hộ pháp. Ta vào chỗ các vua chúa, lấy phép trị nước bằng chánh pháp của vua đời trước để dạy dỗ cho họ. Ta thị hiện tai họa tật bệnh, ôn dịch, rồi bày ra phương thuốc cứu giúp cho họ, khiến cho những kẻ mắc bệnh kia chán ghét lia bỏ nỗi khổ của thân, rồi đem chánh pháp để đưa đường chỉ lối cho họ; vì chúng sinh nói rằng, tai nạn dịch bệnh ấy là chân thật. Ta thị hiện thời vận thóc lúa đắt đỏ quý hiếm, bèn bố thí món ăn cam lộ cho chúng sinh nghèo đói thiếu thốn, rồi đem chánh pháp để dẫn dắt họ; vì chúng sinh bảo rằng, thời vận thóc lúa quý hiếm như thế là thật. Ta thị hiện tai họa binh đao, mỗi mỗi chúng sinh cùng làm tổn hại lẫn nhau, Ta giáo hóa khiến cho họ hòa hợp như nhau, rồi đem chánh pháp để dẫn dắt họ; vì chúng sinh nói đây là tai họa chiến tranh thật sự. Ta thị hiện vì chúng sinh chấp giữ, cho các pháp là thường vào thời hoại kiếp thiêu đốt, để chỉ cho họ biết thể trạng của các pháp là vô thường; vì chúng sinh nói rằng, đó thật sự là cuộc đại hỏa tai vào thời hoại kiếp. Đối với tất cả chúng sinh, Ta nói tiếng giống như tiếng nói của mỗi người, âm thanh vi diệu hơn hẳn từng mỗi loài chúng sinh kia, chúng sinh ưa thích âm thanh nhân đó mà được độ thoát. Ta thị hiện thành bốn thứ đất, nước, lửa và gió; tùy theo từng thứ

nào, chúng sinh nhiễm ô chấp trước nhờ đây mà được độ thoát. Ta thị hiện thành cây thuốc để chữa bệnh cứu giúp chúng sinh, nhân đây mà họ được độ thoát. Ta vào các đạo giáo không chính đáng mà thị hiện xuất gia, từng mỗi đạo giáo Ta đều vì những người kia mà làm thầy hướng dẫn cho họ. Ở vô số kiếp, Ta đã lìa xa ngoại đạo, Ta thị hiện xuất gia là đem chánh pháp để dẫn dắt. Ta thị hiện làm người thợ khéo, hiểu cách thức chữa bệnh và chú thuật tất cả chúng sinh và người ngoại đạo ai nấy đều ôm lòng kiêu mạn, do đó Ta ở trong những người đó để thị hiện giáo hóa đủ các thứ, hàng phục những kẻ tà vạy, cao ngạo kiêu mạn, rồi đem chánh pháp để dẫn dắt họ. Chúng sinh nhìn thấy rồi họ nói Ta là người đời. Như Lai thường trụ lìa khỏi pháp thế gian. Thậm chí Ta thị hiện làm người hèn hạ, làm đầy tớ chịu người sai khiến, tùy theo loại mà độ thoát mọi người.

Ở cõi Diêm-phù-đề có đủ mọi thứ nghiệp khác nhau, không có nghiệp nào là Ta không thị hiện giáo hóa, thật ra Như Lai chẳng làm cùng công việc giống như họ, Ta thị hiện làm những việc y như người, đó là thuận theo thế gian.

Châu Uất-đan-viết ở phía Bắc, châu Câu-da-ni ở phía Tây, châu Phất-vu-kiến ở phía Đông, hai mươi lăm xứ, cho đến ba ngàn đại thiên thể giới, Ta thị hiện giáo hóa ở trong đó là thuận theo thế gian. Như Tam-muội Thủ-lăng-nghiêm giảng nói rộng, Như Lai thành tựu đại phương tiện trí. Tất cả những điều Ta làm, không việc nào mà Ta không thị hiện giáo hóa, cho nên gọi rằng Đại Bát-nê-hoàn, Đại Bồ-tát trụ ở công đức ấy, thấy đều có thể tùy theo loại mà biến hóa đủ mọi thứ một cách tự tại và không có nỗi sợ hãi. Lai không nên nghi ngờ Ta là cha của La-hầu-la, nên biết ở vô số kiếp, Như Lai đã xa lìa biên cả ái dục sinh tử, cho nên Như Lai là pháp thường trụ, không phải pháp biến đổi, không phải pháp phai mờ.

Ca-diếp bạch Phật:

– Nếu như Như Lai là pháp thường trụ, không phải pháp mất đi, không phải pháp biến đổi, thì tại sao Như Lai khen ngợi Nê-hoàn? Ví như ngọn đèn tắt, lửa tắt đó đến chỗ nào, không ai có thể biết.

Phật bảo Ca-diếp:

– Bây giờ Ta nói thí dụ này, không phải như ông nói. Thiện nam! Ví như đèn đựng dầu thắp đèn, dầu đã hết gọi là đèn tắt, đèn đựng ấy vẫn còn. Như Lai cũng vậy, dầu đốt cháy phiền não tắt ngấm, đèn đóm Như Lai luôn luôn còn chứ không mất. Nếu cho rằng dầu và đèn đựng đều hết cả, thì Như Lai vào Nê-hoàn cũng sẽ phải hết cả. Đèn tắt, đèn đựng còn, cho nên Như

Lai không ăn mất cũng chẳng phát sinh sự vui thích Nê-hoàn.

Lại nữa, này thiện nam! Ta nói đèn tắt là thí dụ A-la-hán, không phải nói Nê-hoàn. Sự tham muốn món ăn dơ bẩn của thế gian đều diệt mất, còn lại sự ham muốn món ăn rất ráo, ví như đèn tắt; về A-na-hàm, ý nghĩa của nó cũng vậy, cho nên Ta dùng phương tiện giảng nói giáo pháp mầu nhiệm tinh tế bí mật, chẳng phải giảng nói Nê-hoàn.

Ca-diếp bạch Phật:

- A-na-hàm có những ý nghĩa gì? Phật bảo Ca-diếp:
- Không thọ thân trở lại gọi là A-na-hàm. Ca-diếp bạch Phật:
- Bạch Thế Tôn! Thế Tôn nói thế nào? Như Lai cũng có pháp bí ẩn giống như nhà ảo thuật chẳng?

Đức Phật dạy:

- Không phải vậy, giáo pháp Ta giảng nói ví như khi trăng thu vành vạnh, lia bỏ dâm dục, tức giận, si mê; không có những sự che lấp, cũng không có sự bí ẩn.

Lại nữa, giống như ông trưởng giả có rất nhiều tiền của, ông chỉ có một đứa con, vốn dành tình cảm yêu thương rất mực, bèn đem con đến nhà thầy xin thầy dạy cho nó học bán tự. Thời gian chưa được bao lâu, sợ con mình chẳng chóng thành đạt, người cha đưa con trở về, ngày đêm ân cần dạy cho con học bán tự. Thiện nam! Ông nói thế nào? Khi người cha ấy dạy con học bán tự, liệu nó có khả năng biết hết tất cả ký luận hay không? Ví bằng nó có thể biết hết tất cả ký luận, thế tại sao người cha ấy dạy nó học bán tự, đối với đứa con yêu quý, ông ấy có điều gì che giấu mà không dạy cho nó học ký luận chẳng?

Ca-diếp trả lời:

- Không phải vậy, bạch Thế Tôn! Đứa con ấy còn thơ dại chưa đủ khả năng biết luận, cho nên người cha không dạy nó học. Nếu cho rằng, ông ấy giữ bí mật không dạy bảo thì mới gọi là che giấu, còn ông ấy khiêm tốn khuyến khích, tùy theo sức mình mà chỉ dạy dần dần thì không gọi là che giấu.

Phật bảo Ca-diếp:

- Quý hóa thay! Quý hóa thay! Thiện nam! Giống như điều ông vừa nói, nếu tức giận tiếc rẻ mà giữ bí mật không dạy bảo thì mới gọi là che giấu; đối với tất cả chúng sinh, Ta đem tâm từ yêu thương nghĩ nhớ giống như tưởng nhớ đứa con một, bởi vì đứa trẻ thơ dại ấy chưa kham nổi pháp

sâu xa nên Ta không giảng nói cho nó. Giống như người kia dạy con, thoát đầu học bán tự, cũng như thế, Ta giảng nói Chín bộ kinh, Mười thứ trí lực, Bốn pháp chân đế, Tám phần thánh đạo; còn ký luận hết sức sâu xa, đó là Phương đẳng Đại thừa, Ta đều không nói cho họ.

Lại nữa, này thiện nam! Ví như vị trưởng giả dạy dỗ đứa con yêu quý của mình, trước tiên cho nó học bán tự, bán tự đã đúng đắn, ông lần lượt chỉ dạy cho nó học ký luận rất sâu xa, khiến cho con thành tự. Cũng như thế, thoát đầu Ta chỉ nói Chín bộ kinh cho đệ tử, khi biết họ có thể lãnh thọ nổi, sau đó Ta mới nói ký luận Đại thừa, Như Lai tồn tại lâu bền, không phải pháp biến đổi, khiến cho con mất trí tuệ của các chúng sinh mở rộng.

Lại nữa, này thiện nam! Ví như vào mùa hạ, đám mây và sấm sét nổi lên, ắt hẳn tuôn xuống trận mưa lớn, trăm thứ lúa má hoa màu và cây cỏ thấy đều được thấm ướt. Cũng như thế, hôm nay Như Lai làm nổi lên đám mây pháp bí mật vi diệu đại Nê-hoàn, làm chấn động âm thanh thuyết pháp lớn lao, chắc chắn sẽ tuôn xuống trận mưa giáo pháp cam lộ, làm cho chúng sinh được yên vui.

Ca-diếp bạch Phật:

– Như Thế Tôn nói, không có tích chứa gì cả, hiểu rõ đoạn thực. Như chim bay giữa khoảng không, khó tìm được vết chân của nó, điều này có ý nghĩa gì?

Phật bảo Ca-diếp:

– Tích có nghĩa là tích tụ, nhận lấy nghĩa là thêm lên; tạng là kho tàng, tạng có chỗ thu nhận nên gọi là tích chứa. Tích chứa có hai thứ: tích chứa hữu vi và tích chứa vô vi. Tích chứa hữu vi là nói hàng Thanh văn, tích chứa vô vi là nói Như Lai. Tạng có hai hạng: đẳng Tạng và vô đẳng Tạng. Đẳng Tạng là Thanh văn Tạng, Thanh văn Tạng này cũng không có sự tích chứa, thế nhưng tại sao hiện nay họ nhận nuôi tiểu đồng làm tôi tớ, cất giữ tiền bạc của cải, lập kho vựa? Dầu mè mà muối ăn còn không nên tích trữ, chẳng lẽ Như Lai để mặc họ nuôi tôi tớ tiểu đồng, người nào nói rằng, Như Lai để mặc họ tùy ý như thế, đời đời người ấy sẽ bị dọa vào địa ngục rút lưỡi. Đẳng Tạng Thanh văn không có việc tích chứa, nghĩa là có thể hiểu rõ đoạn thực, không bỏ đoạn thực và suy nghĩ ham muốn mùi vị, hạng này đạt đến chỗ vết chân khó tìm, chóng thành đạo Đẳng Chánh Giác vô thượng. Vết chân khó tìm cho nên gọi là Như Lai. Hữu vi Tạng còn không tích chứa, hưởng gì là vô vi Tạng. Vô vi Tạng là chư Phật Như Lai, lẽ nào chư Phật Như Lai có giấu kín, nếu có giấu kín thì chính là tích chứa,

cái khó tìm ấy gọi là Nê-hoàn bất động khoái lạc. Không có các tướng hư không, mặt trời, mặt trăng, mây, mưa, đất, nước, lửa, gió, sinh, già, bệnh, chết, phiền não kia, thường trụ không biến đổi, khoái lạc bất động, cho nên gọi là Nê-hoàn. Do được Nê-hoàn, cho nên gọi là Như Lai Đại Bát-nê-hoàn. Điều ấy trở thành lớn là vì làm việc lớn, cái gọi là lớn nghĩa là có tên gọi hữu vi. Nếu có một người sống lâu vô lượng thì gọi là đại nhân, người có năng lực thực hành giáo pháp là bậc lớn trong loài người, nếu người ấy lại thành tựu tám điều suy nghĩ của bậc đại nhân, thì gọi là đại nhân. Cho nên đại có nghĩa là tên gọi hữu vi. Nê-hoàn là lìa bỏ những ung nhọt, cho nên gọi là Nê-hoàn. Ví như có người thân thể bị trúng tên độc, chịu bao nỗi đau đớn khổ sở, người ấy gặp được vị thầy thuốc giỏi giúp việc chữa trị hoạn nạn ung nhọt, nỗi đau đớn khổ sở đều trừ diệt. Người thiện nam ấy được lìa khỏi u nhọt, lại đi chơi các nước để điều trị hoạn nạn mụn nhọt cho các chúng sinh khắp nơi. Như Lai Ứng Cúng Đẳng Chánh Giác cũng như vậy, tất cả chúng sinh trong cõi Diêm-phù-đề chịu đau đớn gay gắt, bởi các phiền não như dâm dục, căm giận, ngu si ở trong kiếp số không lường, Ta bèn giảng nói pháp dược cam lộ Đại thừa để trị liệu chứng bệnh ung nhọt cho chúng sinh. Đối với chúng sinh này, khi đã lìa khỏi hoạn nạn ung nhọt rồi, họ lại hiện ra ở nước khác để trị liệu mọi bệnh tật cho các chúng sinh, cho nên gọi là Đại Bát-nê-hoàn. Từ nghĩa chân thật cho đến nghĩa phương tiện, thầy đều gọi là Đại Bát-nê-hoàn, thị hiện đi vào các nẻo và vào giải thoát. Tùy theo sự thu nhận giáo hóa của chúng sinh kia mà ở đâu cũng thị hiện, đó là ý nghĩa quan trọng, vì vậy gọi là Đại Bát-nê-hoàn.

Ca-diếp bạch Phật:

– Bạch Thế Tôn! Tại sao phương pháp của vị thầy thuốc giỏi có thể chữa tất cả bệnh hoạn ung nhọt cho chúng sinh? Bệnh khỏi rồi vị ấy lại hiện ra ở nơi khác để chữa các bệnh chẳng?

Đức Phật dạy:

– Đúng thế, này thiện nam! Vị ấy có thể trị liệu tất cả, đều khiến cho họ lìa khỏi bệnh tật, chỉ trừ người mắc bệnh nặng không thể cứu chữa. Chư Phật Thế Tôn cũng như thế, trừ hạng Nhất-xiển-đề ra, còn lại tất cả mọi bệnh tật của các chúng sinh thầy đều được cứu chữa.

Ca-diếp lại hỏi:

– Giải thoát là những loại gì? Phật bảo Ca-diếp:

– Sự giải thoát ấy là Sắc và Vô sắc. Vô sắc là sự giải thoát của Thanh văn và Duyên giác, Sắc là sự giải thoát của Như Lai. Giải thoát tuy sắc

nhưng không nói ấy là sắc. Vì sao? Vì như tu hành ở cõi trời Phi tướng phi phi tướng là sắc hay vô sắc cũng không đúng là sắc hữu. Ông hỏi cõi trời Phi tướng phi phi tướng là sắc hay vô sắc cũng không đúng là sắc. Sao gọi là trụ? Sao gọi là ưa thích? Việc này Ta cần phải nói, đây là cảnh giới của Phật, không phải điều mà các hàng Thanh văn hay Duyên giác biết được.

Ca-diếp bạch Phật:

– Con chỉ ước mong xin Thế Tôn nói lại ý nghĩa của sự giải thoát khi Như Lai Đại Bát-nê-hoàn.

Phật bảo Ca-diếp:

– Sự giải thoát ấy là đối với tất cả sự trói buộc và hòa hợp đều lìa bỏ. Lìa bỏ hòa hợp là bất sinh đối với sinh, giống như do nơi cha mẹ mà sinh ra đứa con ấy, đó gọi là sinh. Sự giải thoát ấy thì không phải như thế. Giống như tính chất tự nhiên sẵn có của đề hồ là thanh tịnh, chẳng do sự ái dục của cha mẹ nuôi lớn, vì độ thoát chúng sinh nên thị hiện có sinh ra, cho nên giải thoát bất sinh là đối với sinh. Lại còn sinh ấy là ví như trồng các thứ lúa má hoa màu mà đâm chồi nảy lộc, sự giải thoát ấy thì không phải như thế, cho nên nói rằng giải thoát bất sinh. Sự giải thoát ấy tức là Như Lai, cho nên Như Lai bất sinh là đối với sinh, không phải làm điều mình làm, thực ra làm là giống như thành quách, lâu nhà có người làm nên, kỳ thực giải thoát thì không phải như thế, do đó giải thoát không có người làm, sự giải thoát ấy tức là Như Lai. Cho nên phải biết rằng, Như Lai không phải làm nên, đó gọi là vô

vi. Hữu vi ấy là ví như nhà làm đồ gốm dùng đất dẻo nhào với nước làm thành đồ dùng, có làm thì có vỡ, thực ra giải thoát thì chẳng phải như vậy, cũng không có làm thành, cũng không có hủy hoại, cho nên giải thoát không có sự tạo tác, không có sự hủy hoại, sự giải thoát ấy tức là Như Lai. Nên biết Như Lai không sinh cũng chẳng tử, cho nên Như Lai chính là pháp vô vi, cổ tình nói Như Lai vào đại Nê-hoàn không có tướng già yếu suy nhược, thân hình héo hon, cơ thể gầy còm, tóc bạc, răng rụng, đó là tướng già. Kỳ thực giải thoát thì không phải như thế, vì mãi mãi xa lìa tất cả sự lão suy, hủy hoại, biến đổi, gọi là giải thoát, sự giải thoát ấy tức là Như Lai. Do đó Như Lai không có tướng già cả suy yếu, cho nên gọi rằng không có bệnh. Gọi bệnh ấy là có bốn trăm lẻ bốn thứ bệnh, ngoài ra số bệnh tật bất ngờ không thể nói hết. Xa lìa những tai họa này, cho nên gọi là giải thoát, sự giải thoát ấy tức là Như Lai. Pháp thân thanh tịnh không có bệnh, do đó nói rằng, Như Lai không có bệnh; vì không có bệnh nên không có sự chết,

chúng sinh thường chết, không có sự giải thoát, cho nên có tận, có chết, mãi mãi xa lìa tên gọi là chết, cho nên nói là giải thoát, sự giải thoát ấy tức là Như Lai. Như Lai thành tựu vô lượng công đức vì điều tối thượng như thế, nói rằng có sự chết, thì thật là vô lý. Pháp thân kim cương thanh tịnh không hủy hoại, lẽ nào có tướng vô thường biến đổi hủy hoại, cho nên bất tử, xa lìa các sự nhơ bẩn.

Ví như tấm vải bông trắng tinh đẹp dễ bị dầu bơ làm vấy bẩn, thực ra giải thoát thì chẳng phải như thế, dường như hoa sen trắng thanh tịnh không có nhơ bẩn, sự giải thoát của Như Lai cũng như vậy, Ta vĩnh viễn xa lìa ái dục và các bụi trần nhơ bẩn, cho nên tên gọi của Như Lai là Vô Cấu, lìa khỏi các giới hạn trở ngại như có vua chúa đặt ra, gọi đó là giới hạn trở ngại, song thật ra sự giải thoát không có các giới hạn trở ngại, sự giải thoát ấy tức là Như Lai. Do đó Như Lai không có sự ngăn ngại mà mát mẻ. Nơi mát mẻ là miếu trời thuộc thể tục, gọi là mát mẻ, đó là nói xằng bậy, chỉ có giải thoát là mát mẻ chân thật, sự giải thoát ấy tức là Như Lai. Cho nên Như Lai mát mẻ yên ổn, sự yên ổn ấy là ví như đường sá không có các kẻ trộm cướp, thì gọi đó là yên ổn. Sự giải thoát chân thật thì chẳng phải như thế, tính chất của nó là không có sự sợ hãi, thì gọi đó là yên ổn, sự giải thoát ấy tức là Như Lai. Cho nên Như Lai yên ổn, không có nỗi sợ hãi và lìa khỏi các sự hoảng sợ. Sự lo sợ ấy là ví như vị quốc vương luôn luôn sợ hãi kẻ thù, sự giải thoát thật sự mãi mãi không có nỗi sợ sệt này. Ví như Chuyển luân Thánh vương không có các sự khủng khiếp, sự giải thoát thật sự cũng như thế, sự giải thoát ấy tức là Như Lai. Pháp vương Như Lai chuyển bánh xe vô thượng không có các kẻ thù, do đó Như Lai không có sự sợ hãi và không có sự lo lắng. Sự lo sợ ấy ví như vị quốc vương có kẻ mưu tính phản nghịch, vị vua ấy không có năng lực làm cho kẻ kia đầu hàng khuất phục, nên thường áp ủ nỗi lo âu sợ hãi trong lòng. Sự giải thoát chân thật không có nỗi lo sợ này, ví như vị quốc vương hàng phục được người thù hằn, vị vua ấy vui thích và không có nỗi lo âu, sự giải thoát ấy chính là Như Lai. Cho nên Như Lai không có nỗi âu lo, xa lìa các ô uế của cõi trần. Ô uế của cõi trần ấy ví như gió mùa xuân làm nổi tung các tro bụi, sự giải thoát chân thật là lìa xa các tro bụi, giống như viên ngọc sáng bên trong búi tóc của vị Chuyển luân vương không có các bụi bặm dơ bẩn, sự giải thoát ấy chính là Như Lai. Do đó Như Lai lìa khỏi các ô uế của cõi trần, lìa bỏ các sự giả dối. Sự hư hão giả tạo ấy thí dụ như chiếc bình hư hỏng. Sự giải thoát chân thật thì chẳng phải như vậy, giống như kim cương không có sự hư hão giả dối, sự giải thoát ấy chính là Như Lai. Do đó Như Lai không có các sự hư

hảo giả dối, xa lìa những sự không tự tại. Không tự tại là như người nghèo khổ cùng cực gánh của cải người khác, người giàu có trông nom chế ngự, người nghèo không được tự do thoải mái. Sự giải thoát chân thật thì không phải như thế, sự giải thoát ấy tức là Như Lai, cho nên Như Lai tự tại không có sự trở ngại, không có những mối lo lẩn lút. Các mối lo lẩn lút là như con người có dính dáng đến cái nóng vào mùa xuân, uống rượu vào mùa hạ, dính dáng đến giá lạnh vào ngày mùa đông, thì làm thương tổn thân thể của mình, tự nhiên nảy sinh tai họa xâm phạm. Sự giải thoát chân thật thì không phải như thế, không có những tai họa xâm phạm, sự giải thoát ấy chính là Như Lai. Cho nên Như Lai không có những tai họa xâm phạm, xa rời các sự cặn đục, ví như hư không không có các cặn đục.

Sự giải thoát chân thật cũng như thế, không có các sự cặn bã dơ bẩn, sự giải thoát ấy tức là Như Lai. Cho nên Như Lai không có các sự cặn bã vẩn đục, không có các sự vương vít, sự vương vít ấy là bận bịu và quyền thuộc. Sự giải thoát chân thật không có các sự vương vẩn này, giống như Chuyển luân vương tự tu dưỡng một mình, không có bề bạn, sự giải thoát ấy chính là Như Lai. Cho nên Như Lai khéo tu dưỡng một mình đặc biệt kỳ lạ. Như hoa sen mọc trong nước, đây không phải đặc biệt kỳ lạ, trong lửa mọc lên hoa sen mới là đặc biệt lạ lùng, mọi người yêu thích. Sự giải thoát chân thật cũng như thế, được mọi người yêu thích, sự giải thoát ấy chính là Như Lai. Cho nên Như Lai hiếm có, đặc biệt kỳ lạ, không có người nào đủ năng lực làm nổi. Ví như đứa trẻ sơ sinh, răng của nó chưa lộ ra, ta không thể nào khiến cho răng mọc. Sự giải thoát chân thật cũng như vậy, không hợp thời mà được, lẽ nào có cái lý đó? Giống như hạng Nhất-xiển-đề uể oải biếng nhác, suốt ngày nằm như cái cây ma, rồi nói ta sẽ thành Phật, nếu hạng này thành Phật, liệu có cái lẽ ấy sao? Ví phỏng các người Ưu-bà-tắc tin theo giáo pháp, muốn cầu giải thoát, đi qua bờ bên kia, cũng đâu có lẽ đó, huống gì là người nằm như cái cây ma kia. Vì sao? Vì tính chất không phải trở thành gì khác, do đó sự giải thoát đó tức là Như Lai. Vì thế, Như Lai là địa vị mà không ai có tài năng gì làm nổi, vô lượng vô biên. Ví như biển cả còn có thể lường biết nổi, còn sự giải thoát chân thật thì vô số vô lượng, sự giải thoát ấy tức là Như Lai. Cho nên Như Lai vô lượng tối thắng, sự tối thắng đó không có gì có thể so sánh nổi, ví như biển cả không lấy gì để so sánh nổi, sự giải thoát ấy tức là Như Lai. Do đó Như Lai tối thắng cao hiển, sự cao hiển đó ví như hư không, không có gì cao hơn nữa, sự giải thoát ấy tức là Như Lai. Cho nên sự cao hiển của Như Lai là đứng đầu trong các hàng Thánh, ví như sư tử là con vật đứng đầu trong các loài

thú, sự giải thoát thật sự là vua của các pháp, ánh sáng giải thoát soi chiếu tất cả pháp, sự giải thoát ấy tức là Như Lai. Gọi là cao nhất, gọi là trên hết, ví như các phương lấy châu Uất-đan-viết gọi là châu trên hết, giải thoát tối thượng cũng như vậy, sự giải thoát ấy tức là Như Lai. Cho nên Như Lai cao nhất, không có gì cao hơn nữa, ví như các phương, châu Uất-đan-viết là châu cao nhất, không có châu nào cao hơn nữa, giải thoát vô thượng cũng như thế, sự giải thoát ấy tức là Như Lai. Do đó Vô thượng là thường pháp của Như Lai, giống như sự chết là thường pháp của các hàng trời và người. Thường pháp của sự giải thoát thì không phải như thế, sự giải thoát ấy chính là Như Lai.

Cho nên, Như Lai thường trú bền vững, cây chuối, bọt nước không có sự bền vững, sự giải thoát thật sự thì không phải như vậy, sự giải thoát ấy tức là Như Lai. Lìa bỏ các thói hư tục xấu là luận rằng, bức tường mục nát là nơi muỗi mòng ve sầu dừng đậu, sự giải thoát ấy thì không phải như thế; ví như bức tường có vẽ tranh, chúng nó không tài nào dừng đậu, sự giải thoát như là tất cả tội ác không thể nào làm vậy bản, sự giải thoát ấy chính là Như Lai. Không có ranh giới bên bờ, là như đất nước thôn xóm mà còn có ranh giới bờ cõi, sự giải thoát thật sự thì không phải như thế, ví như hư không vô biên khoáng lạc, sự giải thoát ấy tức là Như Lai. Sự vi diệu không hiện ra là như chim bay giữa khoảng không, vết chân không hiện, sự giải thoát không hiện ra cũng như vậy, sự giải thoát ấy tức là Như Lai.

Rất mực sâu xa khó thể lường tính được, nghĩa là ân đức sinh đẻ và nuôi nấng của cha mẹ hết sức sâu dày, không người nào có tài năng so lường nổi, sự giải thoát thật sự cũng như thế, sự giải thoát ấy tức là Như Lai. Rất sâu xa khó thể nhìn thấy, nghĩa là giống như các chúng sinh, tự bản thân mỗi người đều có Như Lai tánh vi diệu bí mật khó thấy, sự giải thoát chân thật vi diệu bí mật khó thấy cũng như thế, sự giải thoát ấy tức là Như Lai. Không ai có năng lực nhìn thấy, nghĩa là giống như tướng nhục kế ở trên đỉnh đầu của Như Lai, không ai có khả năng nhìn thấy, sự giải thoát như thế không phải là điều mà các hàng Thanh văn và Duyên giác trông thấy được, sự giải thoát ấy tức là Như Lai. Không có hang hốc hay nhà ở, hang hốc hay nhà ở là tên gọi của nơi cư trú, chỗ dừng nghỉ, nhà cửa; sự giải thoát thật sự thì chẳng phải như thế, ví như hư không là chỗ ở của hai mươi lăm cõi thì mãi mãi không thể nào được, sự giải thoát ấy tức là Như Lai. Không có sự nắm giữ điều gì, về tên gọi nắm giữ ấy nghĩa là giống như tay cầm quả A-ma-lặc, sự giải thoát thật sự thì không phải như thế, giống như nhà ảo thuật làm ra các trò biến hóa, không người nào có thể

nhận lấy được, sự giải thoát ấy tức là Như Lai. Xa lìa những sự dơ bẩn tạp nhạp, sự dơ bẩn tạp nhạp ấy là giống như lấy da bò ghê lở có nhiều màu sắc lẫn lộn để làm quần áo, sự giải thoát thật sự thì không phải như thế. Giống như sữa đúng thời có một màu một vị, sự giải thoát chân thật là vi diệu một tướng cũng như vậy, sự giải thoát ấy tức là Như Lai. Tính ấy thanh tịnh, nước đục bùn lắng gọi là không thanh tịnh, sự giải thoát thật sự thì không phải như thế; giống như mưa giữa hư không có một vị thanh tịnh, sự giải thoát ấy tức là Như Lai. Tính ấy chân thật vi diệu, là giống như mặt trăng vành vạnh không có các đám mây âm u, sự giải thoát như thế là chân thật vi diệu, không có các vọng hoặc làm nhơ bẩn tâm tính, sự giải thoát đó chính là Như Lai. Chân thật vi diệu và điềm tĩnh, là giống như cứu lửa cháy trên đầu thì không có thái độ bình tĩnh thân nhiên, sự giải thoát thật sự vĩnh viễn dập tắt phiền não tai họa đốt cháy hừng hực, sự giải thoát ấy tức là Như Lai.

Tính ấy bình đẳng, sự không bình đẳng ấy giống như hai kẻ nông cuồng, bản tính của họ không đồng đều; sự giải thoát chân thật thì chẳng phải như thế, đặc tính bình đẳng ấy là giống như mẹ con, sự giải thoát đó tức là Như Lai. Tính ấy tịch diệt, đạt đến chỗ cao nhất, không có ý tưởng mong cầu gì hơn nữa, giống như người đói được ăn món ăn thơm ngon, no đủ vừa ý, người ấy không còn ý tưởng mong cầu điều gì khác. Sự giải thoát thật sự cũng như thế, sự giải thoát ấy tức là Như Lai. Tính ấy đã cắt đứt, ví như mỗi câu và sợi dây câu đã đứt, sự giải thoát thật sự cũng như thế, sự giải thoát ấy tức là Như Lai. Qua ở bờ bên kia là ví như dòng sông có bờ bên này và bờ bên kia, vô lượng sự sống chết gọi là bờ bên này, sự giải thoát thật sự gọi là bờ bên kia, sự giải thoát ấy chính là Như Lai.

Thanh tịnh như nước đọng vực sâu, nước đọng vực sâu ấy nghĩa là không phải nước ở các dòng sông mà giống như nước trong biển cả, sự giải thoát thật sự cũng như thế, sự giải thoát ấy tức là Như Lai. Mùi vị ấy ngon thuần túy là giống như gieo hạt giống trong nhà ở, mùi vị của nó đổi thành đắng; sự giải thoát thật sự thì không phải như thế, sự giải thoát ấy tức là Như Lai. Lìa khỏi các sự buông lung, sự buông lung ấy là mãi mê ưa thích năm thứ dục; sự giải thoát thật sự thì không phải như thế, tính chất của nó thanh tịnh; lìa bỏ dâm dục, tức giận, si mê; sự giải thoát ấy tức là Như Lai. Khuất phục những sự khao khát ái dục, ái có hai thứ: có niệm ái và có pháp ái. Pháp ái là thương xót nhớ nghĩ chúng sinh, sự giải thoát thật sự là không có niệm ái, xa lìa ngã và ngã sở, sự giải thoát ấy tức là Như Lai. Tính ấy tịch diệt tận, tất cả sự bó buộc của tập khí sinh tử đều diệt, ấy gọi là giải thoát,

sự giải thoát ấy tức là Như Lai. Làm ngôi nhà cho thế gian, để làm bóng rợp che phủ độ thoát tất cả cõi, sự giải thoát ấy tức là Như Lai. Làm nơi nương tựa cho thế gian giống như quốc vương đi dạo chơi các thành ấp trong nước, sự giải thoát chân thật thì chẳng phải như thế, bất động khoáng lạc ấy gọi là giải thoát, sự giải thoát ấy tức là Như Lai. Nơi ấy thường yên ổn, là ví như sự hiểm nạn khủng bố ở chốn đồng không mông quạnh; sự giải thoát thật sự thì không phải như thế, giống như vua trong loài sư tử không có các nỗi sợ hãi đối với các giống thú, sự giải thoát ấy tức là Như Lai. Lìa khỏi những sự bức bách, là giống như có người bị thú dữ thúc ép, không có những sự cứu giúp che chở khiến cho họ qua khỏi tai nạn rủi ro, sự giải thoát chân thật thì chẳng phải như thế; giống như người thợ chuyên môn về thuyền bè đóng được chiếc thuyền vững chắc có khả năng vượt qua biển cả, sự giải thoát ấy chính là Như Lai.

Lìa bỏ những sự vẩn đục, ví như từ sữa tươi làm ra váng sữa (lạc), từ váng sữa chế thành sữa đặc, từ sữa đặc chế tạo ra thực tô (bơ), từ thực tô làm ra đề hồ (phó mát). Chỉ có tự tính của vị đề hồ là thanh tịnh, lìa bỏ những sự vẩn đục dơ bẩn, sự giải thoát như thế, giải thoát ấy tức là Như Lai. Hàng phục các sự tự cao kiêu mạn, ví như vị quốc vương kiêu mạn tự cao tự đại, nói rằng không có ai ngang bằng với mình, sự giải thoát thật sự thì không phải như thế; lìa bỏ những sự tự cao kiêu mạn, không có cái ta và cái ta có, sự giải thoát ấy tức là Như Lai. Diệt trừ vô minh, là ví như sữa tươi và váng sữa lần lượt sinh ra vị này qua vị khác với nhau cho đến thành ra đề hồ, vị đề hồ ấy lìa khỏi các sự vẩn đục dơ uế, tự tính trong sáng; sự giải thoát như thế, sự giải thoát ấy tức là Như Lai. Xa lìa sự ham muốn, ở chỗ yên vắng tĩnh mịch, không có điều gì sánh ngang được với hai pháp ấy; đi một mình, bước một mình giống như con voi giữa đồng không mông quạnh; sự giải thoát như thế, sự giải thoát ấy tức là Như Lai. Lìa bỏ những sự dối trá, giải thoát ngã sở, vào Như Lai tạng, nghĩa là thân của các hàng trời, người, A-tu-la không có sự bền vững chắc chắn, giống như cây y lan, lau sậy, cây chuối không có sự chắc chắn vững vàng, vì xa lìa Như Lai tạng; sự giải thoát chân thật là vào Như Lai tạng, xa lìa những sự giả tạo, dứt bỏ tất cả sự sống chết nối tiếp ở các cõi; sự giải thoát như thế, sự giải thoát ấy tức là Như Lai. Đi vào chánh pháp của Phật, không phải chánh pháp là giống như hoa bách diệp, sự giải thoát thật sự thì chẳng phải như thế, sự giải thoát đó chính là Như Lai. Đi vào ở một chỗ là đối với các sự nhập môn thì không có ngã sở; sự giải thoát như thế, sự giải thoát ấy tức là Như Lai. Đó là pháp thiện, ví như người con hiếu có hiếu với cha mẹ, sự

giải thoát như thế, sự giải thoát ấy tức là Như Lai. Vượt ra khỏi thế gian, đối với tất cả pháp vượt quá ở trên kia, trong tất cả mùi vị thì mùi vị của sự giải thoát chân thật là đứng hàng đầu, sự giải thoát ấy tức là Như Lai. Trong vắt không dao động, gọi sự dao động ấy là như biển nổi sóng, sự giải thoát chân thật thì chẳng phải như thế; giống như cờ của Nhân-đà-la, gió thổi từ bốn phương không thể làm lay động, sự giải thoát ấy tức là Như Lai. Bước lên ở nhà giảng giáo pháp, nhà thế gian giống như cung điện nhà cửa của vua, nhà giải thoát chân thật thì không phải như thế, sự giải thoát ấy tức là Như Lai. Ánh sáng soi chiếu rõ ràng giống như vàng ròng được tôi luyện; giải thoát như thế, sự giải thoát ấy tức là Như Lai. Nghỉ ngơi khoái lạc là giống như vị quốc vương vừa mới hàng phục kẻ thù ở nước đối địch, thân tâm vui thích; sự giải thoát thật sự là vứt bỏ các khổ ấm, được khoái lạc Nê-hoàn, sự giải thoát ấy chính là Như Lai.

Vô dư rất ráo, xa lìa các sự trói buộc ở lao ngục sống chết, ví như người bị tù, tội hết được ra khỏi nhà giam, giải thoát như thế, sự giải thoát ấy tức là Như Lai. Lìa khỏi các sự trói buộc độc hại, tai họa trói buộc của vô lượng phiền não rần độc đều đã giải thoát. Dứt tất cả hữu, lìa tất cả sự khổ sở, được hết thấy sự vui sướng, sinh sôi tăng trưởng sự giải thoát, sự giải thoát ấy tức là Như Lai. Lìa bỏ dâm dục, tức giận, ngu si, tất cả phiền não vĩnh viễn đã trừ diệt hết, nhổ gốc rễ ba độc, giải thoát tột bậc không còn thừa, sự giải thoát ấy tức là Như Lai. Lìa bỏ tất cả hữu, tất cả các hữu từ nay vĩnh viễn tiêu diệt, nhập vào Nê-hoàn rất ráo giải thoát, sự giải thoát ấy tức là Như Lai. Vượt lên trên các ấm, vượt khỏi tất cả những pháp bất thiện, ở mãi trong cảnh giải thoát, sự giải thoát ấy tức là Như Lai. Lìa khỏi sự tự tại, lìa khỏi các ngã sở, phi ngã trong thế tục, vô ngã chân thật nên Phật tánh hiện ra rõ ràng, sự giải thoát ấy tức là Như Lai. Tính ấy là hư không, hư không ấy là sở hữu và không có sở hữu đều không thể nắm bắt được, giống như hữu và không có sở hữu của hạng Ni-kiền, sự giải thoát thật sự thì không phải như thế. Lại nữa, cái không ấy là giống như chiếc bình đựng loại sữa đặc tinh chế, không có sữa đặc cho nên gọi là bình rỗng, song thực ra chẳng trống rỗng. Bởi vì không có vật đựng nên hình sắc vẫn còn đó, nên biết không phải rỗng không. Sự chẳng rỗng không của giải thoát cũng như thế, có hình và có sắc cho nên nói rằng chẳng rỗng không, vô lượng phiền não xoay vần trong hai mươi lăm cõi sinh tử, vĩnh viễn đoạn tuyệt sự qua lại và hành xử trong thế giới, giống như không có sữa đặc tinh chế thì gọi là bình trống rỗng; tiêu diệt các lỗi lầm tai họa, cho nên gọi rằng rỗng không. Y như sắc dáng chiếc bình, lìa bỏ pháp thế gian mà hành xử

tiếp đãi, sự bất động và khoái lạc thường trụ không thay đổi; thế nhưng hình sắc chiếc bình kia là pháp vô thường, sự giải thoát thật sự là thường trụ không thay đổi, cho nên gọi rằng rỗng không của sự chẳng rỗng không, sự giải thoát ấy tức là Như Lai.

Lìa khỏi sự dính mắc về nơi chốn, sự dính mắc về nơi chốn là ưa thích làm trời Đế thích, Đại Lực, Phạm vương, trí tuệ giác ngộ thành tựu đầy đủ; các sự dính mắc vào cảnh mến chuộng đó thấy đều giải thoát, sự giải thoát ấy tức là Như Lai. Không có sự tham muốn diệt tận, tất cả việc có mong cầu ham muốn hết sạch vĩnh viễn, thoát khỏi các thói quen dính mắc, đó gọi là diệt, diệt tận ấy chính là giải thoát, sự giải thoát ấy tức là Như Lai.

Nê-hoàn an lạc, Nê-hoàn ấy nghĩa là ví như đàn nai gặp các tay thợ săn bắn, nỗi sợ hãi nguy hiểm e rằng sắp chết đến nơi, bầy nai bỏ chạy trốn vào vùng núi gặp được hang động của vị tiên nhân, chúng nó liền được nghỉ ngơi dễ chịu sau cơn khốn đốn, yên ổn an lạc, nghỉ ngơi an lạc gọi là Nê-hoàn, sự Nê-hoàn ấy chẳng phải gọi là diệt tận. Sự giải thoát đối với tất cả hữu, vô lượng sinh tử, phiền não, điên đảo, oan trái lâu đời, mà phương tiện trốn tránh được vào hang ở chánh pháp của tiên nhân, chỗ dừng nghỉ tịch tĩnh, chỉ cần nương dựa Ba pháp quay về, vô lượng chúng sinh nghỉ ngơi an lạc, sự nghỉ ngơi an lạc gọi là Nê-hoàn, không phải là tận diệt. Ví bằng các chúng sinh được Ba pháp quay về nương tựa gọi là Nê-hoàn, hướng gì Như Lai là bậc Nhất thiết chủng trí, mãi mãi bỏ thân này mà không phải Nê-hoàn yên ổn an lạc chẳng? Vào Nê-hoàn là giống như người say sưa mê muội, có người đến hỏi rằng, ông có yên vui hay không? Người say sưa kia hiểu rồi trả lời rằng mình được an vui. Chúng sinh như thế ở vô số kiếp mê say sống chết trong hai mươi lăm cõi, khi chúng được Chánh giác thì Nê-hoàn an lạc, yên ổn thường trú, bất động giải thoát, không phải là diệt tận, sự giải thoát ấy tức là Như Lai.

Bấy giờ, Ca-diếp bạch Phật:

– Bạch Thế Tôn! Không sinh cũng chẳng khởi tức là giải thoát, đó là Như Lai chăng?

Phật bảo Ca-diếp:

– Đúng thế, đúng thế! Nay thiện nam! Không sinh cũng chẳng khởi chính là giải thoát, cũng là Như Lai.

Ca-diếp lại bạch Phật:

– Tính hư không kia không sinh cũng chẳng khởi cũng gọi là Như

Lai chẳng?

Phật bảo Ca-diếp:

– Rốt ráo giải thoát không phải giống như hư không. Lại nữa, này thiện nam! Giống như chim Ca-lăng-tỳ-già và chim Mạng mạng, tiếng hót của chúng nó trong trời, lẽ nào giống với loài chim cú hay điều hâu chẳng?

Ca-diếp bạch Phật:

– Không phải thế, bạch Thế Tôn! Tiếng hót của chúng nó mỗi loài mỗi khác nhau, không thể lấy đó để so sánh. Có nhân duyên nên chư Phật Như Lai mới phương tiện nói ví dụ.

Phật bảo Ca-diếp:

– Quý hóa thay, quý hóa thay! Ông khéo hiểu rõ ý nghĩa của âm thanh rất mực sâu xa, cho nên sự giải thoát chính là Như Lai, Như Lai ấy tức là giải thoát, sự giải thoát ấy không thể nào ví dụ cho được. Chư Thiên, người đời, A-tu-la, tất cả không ai có năng lực lấy phi dụ mà làm ví dụ. Chỉ có Như Lai, vì sự giáo hóa nên có thể phương tiện giảng nói, lấy phi dụ để làm thí dụ, nói ví dụ giải thoát. Lý do thế nào? Vì sự giải thoát ấy tức là Như Lai, Như Lai ấy tức là giải thoát, không có hai, không có sự khác nhau. Điều gọi là lấy phi dụ làm thí dụ là khuôn mặt như vàng trắng vành vành, con voi trắng lớn ấy giống như núi Tuyết. Chư Phật Thế Tôn cũng như vậy, nói các phi dụ làm thí dụ giải thoát, vì sự hóa độ chúng sinh nên phương tiện nói pháp và nói giáo pháp chân thật.

Ca-diếp bạch Phật:

– Vì những nguyên do gì mà có hai thứ thuyết pháp? Phật bảo Ca-diếp:

– Này thiện nam! Ví như có người nổi lên lòng tức giận đối với Như Lai, người ấy bèn lấy dao gươm để làm hại Như Lai, thế nhưng vì Như Lai ấy không có ý tưởng đau đớn. Thế nào? Này thiện nam! Người kia sẽ trở thành tội nhân ở địa ngục vô gián hay không?

Ca-diếp bạch Phật:

– Chẳng phải vậy, bạch Thế Tôn! Vì sao? Vì đối với thân tướng dưỡng, người ấy không làm thương tổn hủy hoại, nên không có tội vô gián. Như Lai không có thân tướng dưỡng, gọi là pháp thân tự tại, thì sao gọi là làm tổn hại? Vì sự phát tâm của người kia là phương tiện ác, cho nên người ấy mắc tội vô gián, đó gọi là phương tiện pháp tánh chân thật.

Đức Phật dạy:

– Quý hóa thay, quý hóa thay! Này thiện nam! Giáo pháp của Ta nói ra cũng như vậy. Lại nữa, này thiện nam! Như có người ác độc muốn làm hại mẹ mình, người mẹ ấy biết được bèn xa rời bản xứ. Người ấy không biết cứ đến chỗ ở cũ của mẹ, dùng dao gây tiến hành việc giết hại rồi nói rằng mẹ mình đã chết, song thật ra bà ấy không chết. Thế nào, này thiện nam! Người này há mắc phải tội vô gián hay không?

Ca-diếp bạch Phật:

– Thừa không, bạch Thế Tôn! Nếu việc giết hại được thực hiện đầy đủ mới gọi là mắc tội vô gián, thế nhưng hiện giờ ba môn âm, giới và các nhập của người mẹ ấy không bị thương tổn nên không phải là tội vô gián, theo đó, người kia mắc tội báo tương tự vô gián, cũng gọi là vô gián, đó gọi là sự chân thật của pháp phương tiện.

Bồ-tát Ca-diếp lại bạch Phật:

– Hay thay, hay thay! Bạch Thế Tôn! Thế Tôn khéo nói phương tiện ứng theo điều không thích ứng.

Phật bảo Ca-diếp:

– Vì có nhân duyên nên Ta nói sự giải thoát, vì có nhân duyên nên Ta nói các ví dụ một cách rộng rãi, vô lượng công đức thành tựu như thế gọi là Nê-hoàn, cũng gọi là Như Lai, đó là đi nhanh đến Đại Bát-nê-hoàn kia. Hôm nay Như Lai sẽ vào Nê-hoàn, do ý nghĩa này, nên gọi là Đại Bát-nê-hoàn.

Ca-diếp bạch Phật:

– Bạch Thế Tôn! Đó là Như Lai chẳng hướng đến sự diệt tận, nên biết tuổi thọ của Như Lai là không cùng tận.

Phật bảo Ca-diếp:

– Quý hóa thay, quý hóa thay! Thiện nam! Người hộ trì chánh pháp phải nên diệt trừ các sự hồ nghi và học trí quyết định như thế. Này thiện nam! Đó là Đại Bồ-tát thành tựu bốn pháp, khéo nói kinh Phương Đẳng Bát-nê-hoàn.



KINH ĐẠI BÁT NÊ HOÀN

QUYỂN 4

Phẩm 9: BỐN HẠNG NGƯỜI ĐỂ NƯƠNG TỰA

Đức Phật lại bảo Ca-diếp:

– Có bốn hạng người, đối với kinh Đại Bát Nê Hoàn này, những vị ấy có thể hướng đến chánh pháp, hộ trì chánh pháp, có thể làm bốn chỗ nương tựa để độ thoát cho nhiều người, làm nhiều điều lợi ích cho kẻ khác để vượt ra khỏi thế gian. Bốn hạng người để nương tựa là hạng nào?

Một là hạng phạm phu tuy chưa xa lìa phiền não và ra khỏi thế gian, song họ có thể độ thoát cho nhiều người và làm nhiều điều lợi ích cho kẻ khác. Hai là hạng người đắc quả Tu-đà-hoàn và Tư-đà-hàm. Ba là hạng người đắc quả A-na-hàm. Bốn là hạng người đắc quả A-la-hán. Đó là bốn hạng người làm nơi nương tựa chân thật, độ thoát cho nhiều người và làm nhiều điều lợi ích cho kẻ khác.

Hạng phạm phu kia là người tự mình giữ gìn giới đức, uy nghi đầy đủ, để làm bậc thành hộ pháp nên họ đã nghe và lãnh thọ chánh pháp ở chỗ Như Lai, đọc tụng và nắm giữ nghĩa lý cùng ý vị, giảng nói rộng rãi cho mọi người, có thể tự mình ít sự ham muốn. Người ấy lại còn giảng nói Tám pháp nhớ nghĩ của bậc đại nhân cho mọi người, giáo hóa những người phạm giới đều khiến họ sám hối, vị ấy khéo biết đủ thứ ngôn ngữ của chúng sinh, học tập thực hành công đức hộ pháp của Bồ-tát, đó gọi là Bồ-tát phạm phu đứng hàng đầu. Những người phạm phu này chưa được Như Lai ghi nhận về sự việc họ làm địa vị Bồ-tát trong tương lai.

Hạng người Tu-đà-hoàn và Tư-đà-hàm kia là những vị đã đạt được chánh pháp, xa lìa các sự nghi hoặc. Chư vị ấy chẳng giảng nói kinh sách không phù hợp chánh pháp cho mọi người, chẳng rời bỏ khổ kinh của Phật mà ca tụng ký luận, văn chương trau chuốt của thế gian; chẳng nuôi đầy tớ và cất chứa của cải phi pháp, đó gọi là Bồ-tát Tu-đà-hoàn. Mặc dù chưa được an trú địa vị thứ hai và thứ ba của Bồ-tát, nhưng họ đã được chư Phật trao cho lời ghi nhận ngay trước mặt về việc sẽ thành Phật trong tương lai.

Hạng A-na-hàm là người đã đạt được chánh pháp, lìa khỏi những sự hồ nghi. Chư vị không giảng nói kinh điển sách vở không phù hợp chánh pháp cho mọi người; chẳng rời bỏ khế kinh của Phật mà ca tụng ký luận, văn chương trau chuốt của thế gian; chẳng nuôi đầy tớ và cất giữ của cải phi pháp. Các sự trói buộc chưa khởi lên thì có thể hiểu biết được ngay, những sự kết tập vào thời quá khứ mãi mãi chẳng còn trói buộc được nữa. Các vị ấy có nói ra giáo pháp gì cũng không dứt bỏ Phật tánh, đức hạnh thanh tịnh, thân thể không có bệnh tật bên ngoài, rắn độc bốn đại nương theo đó mà khởi lên các bệnh là điều không thể mắc phải. Lại khéo giảng nói về lý không phải cái ta, vượt chấp ngã, sự cố chấp phân biệt ta và người, xa lìa cái ngã của thế gian mà thực hành phương tiện thuận theo thế gian. Chư vị thường cảm hóa người bằng giáo pháp Đại thừa, không nói đạo lý gì khác. Trong thân thể không có tám vạn hàng ổ vi trùng và vô lượng tai ương hoạn nạn. Tâm xa lìa sự ái dục, không có tâm tưởng ác mộng, lìa khỏi tất cả hữu, sống chết, sợ hãi. Ai thực hành như thế thì gọi là người A-na-hàm ở quả vị thứ ba, không quay trở lại cõi Dục nữa nên có tên là A-na-hàm. Các vị ấy tập quen các gốc rễ công đức, điều xấu ác làm lỗi từ thuở lâu xa không thể làm ô nhiễm, gọi là A-na-hàm. Đó gọi là Bồ-tát A-na-hàm phát tâm ghi nhận lời quyết đoán. Phát tâm ghi nhận lời quyết đoán là người ấy chẳng bao lâu nữa sẽ thành Phật đạo.

A-la-hán là phiền não đã hết sạch, lìa bỏ những gánh nặng, những điều đáng làm các vị ấy đã làm xong, đầy đủ mười địa. Các vị ấy đã được Phật ghi nhận pháp nhãn hết sức sâu sắc, hết thấy sắc thái hình tượng đều có thể biến hóa thị hiện, tùy theo ý của mình muốn đối với các phương diện, là bậc Như Lai Ứng Cúng Đẳng Chánh Giác. Công đức như thế đều đầy đủ tất cả, gọi là A-la-hán.

Đó là bốn hạng người đối với kinh Đại Bát Nê Hoàn này. Chư vị độ thoát cho nhiều người, làm nhiều điều lợi ích cho kẻ khác và vượt ra khỏi thế gian. Các vị ấy làm bậc thầy của hàng trời và người, giống như các Đức Như Lai. Đó là bốn hạng người làm nơi nương dựa chân thật.

Ca-diếp bạch Phật:

– Bạch Thế Tôn! Con không thể tin bốn hạng người ấy là chỗ nương tựa chân thật, nguyên do ấy thế nào? Vì, như Thế Tôn giảng nói cho trường giả Cù-sư-la rằng, nếu ma vương ở cảnh trời thứ sáu cõi Dục và Phạm Thiên vương ở cõi Sắc hiện thân làm Phật có ba mươi hai tướng tốt và tám mươi vẻ đẹp, ánh hào quang phóng ra từ vòng tròn trên đỉnh đầu xa đến một tầm,

hiện ra tướng sợi lông trắng ở giữa chạng mày, nếu vị Phật ấy đi đến chỗ của ông, thì ông nên nhận biết khiến cho Phật kia phải hàng phục. Nay ta để mặc ông làm khuất phục ma xấu ác kia, tại sao phải như thế? Vì chúng không phải A-la-hán mà tự xưng là La-hán. Nếu như loài ma xấu ác có ngồi nằm giữa hư không, hông bên trái phát ra lửa, hông bên phải tuôn ra nước, hoặc cả mình mảy cháy rực mà bốc ra mây khói, đủ các thứ biến hóa. Lại nữa, chúng có thể giảng nói chín bộ khế kinh còn không thể nào tin được, cho nên ông phải khuất phục loài ma xấu ác kia, đừng sinh lòng nghi hoặc. Ví như có người ở trong đêm tối gặp con chó tinh ranh len vào nhà, người ấy hay biết con chó tinh ranh len vào nhà mình bèn mắng ngay: “Con chó tinh ranh hãy rút đi, đừng để ta giết mày trong giây lát”. Ngay sau đó, con chó tinh ranh bèn chạy nhanh ra ngoài, không dám trở lại nữa. Ma Ba-tuần xấu ác cũng như vậy, ma biến hóa đến thì ông nên đem năm pháp trói buộc của ta mà cột trói nó lại. Bị năm pháp ràng buộc xong, ma Ba-tuần xấu ác khiếp sợ bỏ chạy nhanh, ví như con chó tinh ranh. Như thế, Phật giảng nói cho trưởng giả Cù-sur-la: “Nay nếu như ông có thể hàng phục loài ma xấu ác thì dần dần sẽ gần gũi Nê-hoàn”. Bạch Thế Tôn! Vì những nguyên cớ gì mà hôm nay Thế Tôn nói bốn hạng người làm chỗ nương tựa chân thật? Vì thế, hôm nay con chẳng sinh lòng tin.

Phật bảo Ca-diếp:

– Đúng thế! Nay thiện nam! Ta giảng nói pháp này đều nhân vì hàng Thanh văn và những hạng phàm phu mất thị mà nói cần phải hàng phục, chẳng phải vì người lãnh thọ và thực hành pháp Ma-ha-diễn. Trong các vị Thanh văn, tuy có vị được thiên nhãn, song Ta nói những pháp ấy là nhắm vào số người phàm phu mất thị. Cho dù người phàm phu mất thị tin vào Ma-ha-diễn, song Ta nói những pháp ấy là nhắm vào số người có con mắt Phật. Vì sao? Vì người ấy có năng lực nắm giữ kinh Ma-ha-diễn là Phật thừa.

Lại nữa, nay thiện nam! Giống như vị đại tướng khéo biết phép dụng binh, ông ta dạy cho người hèn kém nhút nhát học võ thuật của mình, bèn nói với người ấy: “Người phải nắm giữ các vũ khí như dao kiếm như thế này, nên giữ tâm mình cho chính xác, giống như lửa cháy hừng hực, hãy thận trọng chớ quay đầu nhìn lại. Cho đến khi lâm trận, mỗi người cầm đồ binh khí, xắn tay áo hô lớn. Giống như lửa rực cháy, binh giặc chắc hẳn rút lui. Đấng Đạo sư Thế Hùng là vị tướng của ba cõi, dạy bảo các Thanh văn hàng phục chúng ma cũng như thế.

Lại nữa, nay thiện nam! Ví như có người chũm tánh dũng mãnh,

được tập làm quen với phép tắc chiếc tranh, không có sự nhút nhát yếu hèn, đối với các chiến sĩ, người ấy đứng hàng đầu, là người đi trước. Như thế, này thiện nam! Người nào tập học Đại thừa, nghe khế kinh Ma-ha-diễn hết sức sâu xa và giáo pháp bí mật vi diệu mà chẳng phát sinh sự sợ hãi, nên biết người ấy đã từng cúng dường vô lượng chư Phật, nhận sự học tập Đại thừa, cội rễ niềm tin vững chắc. Ưc trăm ngàn loài ma biến hóa hiện ra đủ thứ, rốt cuộc người ấy không có nỗi sợ hãi, cũng chẳng có một chút suy nghĩ đối với loài ma kia, thế nhưng chúng ma kia thấy có người học Ma-ha-diễn thì sinh lòng sợ hãi giống như hạng đàn ông nhút nhát yếu hèn. Ví như rắn độc thấy các chú được thì phát sinh lòng sợ hãi, thiên ma Ba-tuần cũng như thế, ực trăm ngàn ma được nghe kinh Ma-ha-diễn như vậy, âm thanh, mùi thơm, ánh sáng rọi chiếu, khiến chúng lìa khỏi các sự kiêu mạn, cao ngạo, tự đại.

Lại nữa, này thiện nam! Giống như có người nếu thấy rồng dữ, rắn độc, sư tử, cọp, beo, lang sói, người ấy đều sợ hãi; hoặc giả nghe tiếng kêu của chúng cũng sinh lòng khiếp sợ. Hoặc lại có người có năng lực hàng phục thú dữ như vị trượng phu kia, nếu thấy người kia thì thú dữ sinh lòng sợ hãi. Nên biết hết thấy hàng Thanh văn và Duyên giác cũng như thế, nếu trông thấy loài ma, các vị ấy bèn sinh lòng sợ hãi, thì bị các loài ma có dịp làm hại. Như vị trượng phu kia có năng lực hàng phục loài thú dữ, nên biết đó là người học Ma-ha-diễn cũng như vậy, vị ấy có thể hàng phục chúng ma, đã hàng phục xong mà lại còn thuyết pháp cho chúng. Giống như loài thú độc hại kia, tâm của bọn ma Ba-tuần đã điều phục, họ bèn nói lời này: “Kể từ hôm nay, đối với chánh pháp của Đức Phật, con phát sinh lòng tin và ưa thích, không còn gây rối loạn nữa”. Nên biết hàng Thanh văn sẵn có phiền não, tập khí, sự sợ hãi; Ma-ha-diễn là dứt bỏ vĩnh viễn nỗi sợ hãi; Ma-ha-diễn là sức mạnh rất siêng năng, cho nên Ta nói những hàng Thanh văn cần phải hàng phục, đừng phát sinh nỗi sợ hãi. Như thế, này thiện nam! Kinh Ma-ha-diễn Đại Bát-nê-hoàn này rất là hiếm có, nếu nghe kinh này thì Như Lai tồn tại lâu dài, thật kỳ lạ và hiếm có, người nào có lòng tin và vâng giữ, thì giống như hoa Ưu-đàm-bát, khó có thể gặp được. Kinh Đại Thừa này cũng như thế, hiếm có và kỳ lạ thay! Ta vào Nê-hoàn rồi, gặp được kinh Đại Thừa này cũng như vậy. Hiếm có và kỳ lạ thay! Ta vào Nê-hoàn rồi, các hàng chúng sinh nghe được kinh này cũng rất là hiếm có. Sao mà kỳ lạ thế! Này thiện nam! Vào đời sau này, sẽ có chúng sinh chê bai kinh này.

Ca-diếp bạch Phật:

– Bạch Thế Tôn! Thời gian lâu dài, nếu như có những hạng chúng sinh sẽ phi báng kinh này, thì hạng người nào hộ trì pháp này ở đời mai sau?

Phật bảo Ca-diếp:

– Sau khi Ta diệt độ, pháp này được truyền khắp nơi trong bốn chục năm rồi sau mới mai một. Nay thiện nam! Ví như thế gian lấy mía đường, gạo tẻ, váng sữa, dầu, bơ để làm đồ ăn thức uống; có các chúng sinh ăn uống món ăn này rồi lại phát sinh ốm đau; trở lại họ dùng thức ăn sơ sài, cây cỏ, hoa trái. Các món ăn ngon, gạo tẻ, dầu bơ kia như kinh Ma-ha-diễn, họ chẳng muốn nghe, trái lại họ ăn thứ sơ sài, cây cỏ, hoa trái. Các thừa Thanh văn mãi mãi vứt bỏ món ăn ngon là kinh pháp Đại Bát-nê-hoàn như thế, mà chẳng muốn nghe nói.

Lại nữa, nay thiện nam! Ví như có vị vua cư trú trong núi non sâu thẳm, không có các món ăn gạo tẻ, dầu bơ v.v... Các dân chúng trong nước ấy có những món ăn ngon đều gửi dâng cho nhà vua, còn tự mình ăn đồ sơ sài, cây cỏ, hoa trái. Trong số đó có những người gần gũi nhà vua, do được nhờ uy lực của vua, thoát đầu họ chưa hề thấy món ăn nào sánh bằng các món ăn này, thế mà họ được ăn món đó. Như thế, nay thiện nam! Bốn hạng người kia là vị tướng dũng mãnh ở trong pháp Phật, trong những vị Đại Bồ-tát kia, nếu có một người xuất hiện để làm hưng thịnh cho đời, ở nơi vị ấy đến, đem kinh Đại Bát Nê Hoàn Ma-ha-diễn để giáo hóa chúng sinh. Họ liền tự biên chép và thọ trì, hoặc bảo kẻ khác biên chép, viết cuốn kinh ấy xong xuôi rồi đem bố thí cho các chúng sinh. Hoặc có chúng sinh ở bên cạnh vị Đại Bồ-tát kia cảm nghe được món ăn giáo pháp Đại thừa Bát-nê-hoàn đều là nhờ ánh sáng thần lực của Bồ-tát, khiến cho họ được nghe văn chữ, câu nghĩa, cho đến một chữ của pháp chưa từng có này, như chúng sinh kia nhờ uy lực của vua nên được các thức ăn ngon. Do đó, nay thiện nam! Kinh Đại Bát Nê Hoàn Ma-ha-diễn đến ở chỗ nào, ông nên biết vùng đất này thay đều thành kim cương, nơi đó nếu có chúng sinh nghe được pháp này, rồi biên chép, thọ trì, đọc tụng, giảng nói, thậm chí một chữ, ông nên biết toàn thân thể của họ cũng là kim cương. Những chúng sinh ấy đức mỏng phước ít, thế mà kinh Đại Thừa Ma-ha-diễn này là chánh pháp được lưu truyền ở đất nước mình mà họ chẳng nghe và nhận lãnh, giống như chúng sinh kia, từ đất nước mình sản sinh ra đủ thứ mùi vị cao cấp thượng hạng mà mình không ăn được. Thương thay chúng sinh! Nghe nghĩa lý chân thật mà chẳng vâng theo và thọ trì.

Ca-diếp lại bạch Phật:

– Bạch Thế Tôn! Sau khi Như Lai diệt độ, pháp này hưng thịnh ở đời trong bốn mươi năm rồi mới mai một, sau đó bao lâu nữa thì pháp này lại được lưu truyền rộng khắp?

Phật bảo Ca-diếp:

– Nay thiện nam! Sau khi Ta vào Nê-hoàn, pháp này tồn tại tám mươi năm, sau đó thì chánh pháp sắp mai một, kinh Đại Thừa này sẽ lại được lưu truyền rộng rãi ở cõi Diêm-phù-đề, trải qua bốn chục năm thì kinh này lại mai một.

Ca-diếp lại bạch Phật:

– Như lời Thế Tôn nói, khi kinh pháp Đại Bát-nê-hoàn này sắp sửa diệt mất, rồi sẽ lại hưng thịnh trong đời. Đang lúc này, người giữ giới ít ỏi, kẻ phạm giới quá nhiều, chánh pháp sắp sửa diệt mất, sự hướng tới chân chính giảm bớt, thì hạng người nào đủ năng lực nghe theo và thọ trì pháp này, ai có thể nắm giữ, ai có thể đọc, ai có thể tụng, ai có thể cúng dường, ai có thể hiểu rõ và giảng nói, người nào có thể tự mình biên chép, ai có thể dạy bảo kẻ khác viết chép pháp này, xin ước mong Thế Tôn phân biệt giảng giải cho rõ ra, khiến cho tất cả chúng sinh nhờ đây mà được độ thoát. Có các Bồ-tát ưa thích học giáo pháp sâu sắc, nghe lời Thế Tôn nói, họ sẽ vâng theo sự chỉ bảo của Thế Tôn.

Phật bảo Ca-diếp:

– Quý hóa thay! Quý hóa thay! Nay thiện nam! Nếu có chúng sinh ở chỗ các Đức Như Lai nhiều bằng số cát của sông Hi-liên để phát tâm Bồ-đề, thì những chúng sinh ấy có thể khởi lên tâm Bồ-tát vào lúc chánh pháp sắp sửa mai một. Tuy rằng chưa quyết định ở đạo Vô thượng, song vị ấy có năng lực không phi băng kinh Phương Đẳng này.

Nếu có chúng sinh phát tâm Bồ-đề ở chỗ các Đức Như Lai nhiều bằng số cát của một con sông Hằng, thì có thể vào lúc chánh pháp sắp sửa diệt mất, đối với kinh điển Phương Đẳng này, vị ấy không khởi lên tâm phi băng, được tâm tin tưởng và ưa thích, nhưng chưa đủ khả năng giảng nói rộng rãi cho chúng sinh.

Nếu có chúng sinh phát tâm Bồ-đề ở chỗ các Đức Như Lai nhiều bằng hai lần số cát sông Hằng, thì có thể vào lúc chánh pháp sắp sửa diệt mất, đối với kinh điển Phương Đẳng này, vị ấy không khởi lên tâm chê bai, bản thân tự tiếp thu sự học tập, cũng lại chưa thể giảng nói rộng rãi cho người khác.

Nếu có chúng sinh phát tâm Bồ-đề ở chỗ các Đức Như Lai nhiều gấp ba lần số cát sông Hằng, thì có thể vào lúc chánh pháp sắp sửa diệt mất, vị ấy không khởi lên tâm phi báng đối với kinh Phương Đẳng; vị ấy có thể thọ trì, có thể giảng nói, có thể viết chép, song chưa thể nào giải thích ý nghĩa.

Nếu có chúng sinh phát tâm Bồ-đề ở chỗ các Đức Như Lai nhiều bằng bốn lần số cát sông Hằng, thì có thể vào lúc chánh pháp sắp sửa diệt mất, vị ấy không khởi lên tâm phi báng đối với kinh Phương Đẳng; vị ấy có thể thọ trì, có thể giảng nói và giải thích một phần mười sáu nghĩa lý giáo pháp sâu xa. Nếu có chúng sinh phát tâm Bồ-đề ở chỗ các Đức Như Lai nhiều bằng năm lần số cát sông Hằng, thì có thể vào lúc chánh pháp sắp sửa diệt mất, vị ấy không khởi lên tâm phi báng đối với kinh Phương Đẳng; vị ấy có thể nhận lãnh, có thể giảng nói, có thể biên chép, có thể nắm giữ, hiểu rõ một phần tám nghĩa lý giáo pháp sâu xa.

Nếu có chúng sinh phát tâm Bồ-đề ở chỗ các Đức Như Lai nhiều bằng sáu lần số cát sông Hằng, thì có thể vào lúc chánh pháp sắp sửa diệt mất, vị ấy không khởi lên tâm phi báng đối với kinh Phương Đẳng; vị ấy có thể nhận lãnh, có thể giảng nói, có thể biên chép, có thể nắm giữ, hiểu rõ một phần tư nghĩa lý giáo pháp sâu xa.

Nếu có chúng sinh phát tâm Bồ-đề ở chỗ các Đức Như Lai nhiều bằng bảy lần số cát sông Hằng, thì có thể vào lúc chánh pháp sắp sửa diệt mất, vị ấy không khởi lên tâm phi báng đối với kinh Phương Đẳng; vị ấy có thể nhận lãnh, có thể giảng nói, có thể biên chép, có thể chỉ bảo người khác biên chép, có thể nắm giữ, giải thích rõ một phần hai nghĩa lý giáo pháp sâu xa.

Nếu có chúng sinh phát tâm Bồ-đề ở chỗ các Đức Như Lai nhiều bằng tám lần số cát sông Hằng, thì có thể vào lúc chánh pháp sắp sửa diệt mất, vị ấy không khởi lên tâm chê bai đối với kinh Phương Đẳng; vị ấy có thể nhận lãnh, có thể biên chép, có thể dạy bảo người khác biên chép, có thể nắm giữ, có thể đọc tụng giảng nói, có thể tùy theo nhân duyên mà truyền bá, có thể khéo nói ý nghĩa ẩn náu kín đáo bên trong. Vị ấy cũng có năng lực trông giữ hộ vệ, cũng có thể chỉ bày rõ ràng, thương xót thế gian, khiến cho khắp cả mọi người đều cung kính cúng dường Kinh, chuyển dạy người khác khiến những người ấy cúng dường, trí tuệ đầy đủ, hiểu rõ nghĩa lý trọng yếu sâu sắc. Vị ấy khéo biết Như Lai chính là pháp thường trụ, không phải pháp biến đổi, không phải pháp phai mờ tiêu diệt; yên ổn diệu lạc, khéo hiểu rõ chúng sinh, từ đó phân biệt mỗi mỗi hạng người có Như Lai

tánh, mở mang khắp cả cho mọi người. Các Bồ-tát ấy đã từng trải phụng thờ vô lượng chư Phật thuở quá khứ, cho nên có thể hộ trì chánh pháp của Như Lai. Nếu hôm nay lại phát tâm Bồ-đề, thì ở đời sau, người kia cũng sẽ có thể kham nổi việc hộ trì chánh pháp. Đối với hạng người này và các hàng chúng sinh khác, này thiện nam! Ông nên quán xét thế này, nay ở thời hiện tại và đời sau này, nếu có người ưa thích pháp mà phát tâm Bồ-đề, nên biết người ấy là vị hộ pháp.

Lại nữa, này thiện nam! Có các kẻ ngoại đạo, vì sự lợi dưỡng nên khi nghe tin Phật Nê-hoàn, họ bèn hô hoán bảo rằng Ta chết mãi mà chẳng lo buồn, trái lại họ lại còn vui mừng. Vào đời sau này, có kẻ giả dạng khoác áo ca-sa, xuất gia học đạo ở trong pháp của Ta, song họ lười biếng uể oải, phỉ báng khê kinh Phương Đẳng ấy, nên biết hạng người này đều là các lớp dị đạo ngày nay. Thành tựu vô lượng công đức như thế, tin Phương Đẳng Đại Bát Nê Hoàn này và ưa thích giáo pháp sâu xa, cho dù vị Thiện nam ấy đã từng gây ra vô lượng các tội lỗi và làm đủ mọi nghiệp ác vào thời quá khứ, các tội báo nhưc đầu ấy tức thời trừ diệt. Hoặc bị khinh dễ, hoặc hình dáng xấu xí, áo quần không đủ mặc, ăn uống sơ sài, mong cầu của cải thì không thuận lợi, sinh vào nhà nghèo hèn và nhà tà kiến. Hoặc gặp phải tai nạn lớn và các thứ quả báo đau khổ trong nhân gian còn sót lại, người ấy chịu quả báo trong đời hiện tại một cách nhẹ nhàng, đây là do nhờ sức lực của công đức hộ pháp.

Này thiện nam! Ví như sương tuyết, khi mặt trời chưa mọc thì không giảm bớt sự tích tụ ngưng đọng; ánh sáng mặt trời đã xuất hiện thì sương tuyết thấy đều tiêu tan hết. Cũng như thế, chúng sinh gây ra vô lượng việc ác, ánh sáng mặt trời của kinh Đại Bát Nê Hoàn này chưa xuất hiện thì vô lượng quả báo xấu ác không giảm sự tích tụ ngưng đọng; khi ánh sáng mặt trời Đại Bát-nê-hoàn này xuất hiện rồi, thì vô lượng quả báo xấu ác đều bị tiêu diệt toàn bộ.

Lại nữa, này thiện nam! Ví như có người xuất gia học đạo, mặc dù người ấy không giữ giới, song được cùng chung với đại chúng đi theo Như Lai, ở khắp mọi nơi, người ấy giả vờ khoác áo ca-sa để nhận sự cúng dường của mọi người, tên người ấy được liệt vào Tăng số của Như Lai. Như thế, này thiện nam! Nếu có Đại Bồ-tát thành tựu trọn vẹn mười địa và các người ngoại đạo có thể tin tưởng và thọ trì kinh Ma-ha-diễn này dù chỉ một lời nghe qua tai, thì những hạng người này đều được kể vào số đại chúng Bồ-tát của Như Lai. Cho dù vì lợi dưỡng hay vì danh dự mà đọc tụng kinh này

nhưng mà họ không phi báng, những hạng người như thế thầy đều sẽ thành tựu đạo Như Lai Ứng Cúng Đẳng Giác. Vì vậy, Ta nói bốn hạng người kia là bốn chỗ nương tựa thật sự, trong bốn hạng người kia, chỉ cần một người có năng lực tự mình quyết định, không theo ký luận của ngoại đạo thế tục mà gọi là lời nói của Như Lai, cho nên gọi là bốn chỗ nương tựa chân thật, nên thêm sự cúng dường, nhận lãnh sự học tập và hộ pháp. Sao gọi là cúng dường? Nếu có người đủ khả năng thọ trì kinh Ma-ha-diễn, thì ông phải nên đi theo người ấy trọn đời để thu nhận sự học tập và hộ pháp. Theo người ấy học tập xong lại tăng thêm sự cúng dường, cho nên Ta nói bài kệ này:

Ca-diếp lại thưa:

*Nếu người biết chánh pháp
Chẳng hỏi họ lớn bé
Hết lòng thêm cúng dường
Như phép người thờ lửa.
Nếu người biết pháp ấy
Chẳng hỏi họ lớn bé
Hết lòng cung kính lễ
Như trời thờ Đế Thích.*

– Bạch Thế Tôn! Như lời Phật nói, đối với những vị sư trưởng, phải nên tăng thêm sự cung kính, thờ phụng, lễ lạy, cúng dường, giả sử người già cả theo người trẻ tuổi để học tập, thì cũng phải cung kính làm lễ hay không? Lại nữa, nếu người cao tuổi tuy biết kinh pháp song không giữ giới cấm, còn người học trò trẻ tuổi mà có thể giữ gìn giới hạnh, thì phải nên kính lễ hay không? Lại nữa, người cư sĩ mặc áo trắng khéo biết kinh pháp, người xuất gia theo người ấy để nhận sự học tập, thì phép tắc cung kính, vâng mệnh, phụng thờ phải nên thế nào?

Phật bảo Ca-diếp:

– Đối với người thế tục áo trắng, người xuất gia không nên lễ lạy, vì người thế tục không phải là ruộng phước. Phạm là người cao tuổi, thì người xuất gia ấy là ruộng phước của tất cả, phải nên kính lễ, nếu là người phạm giới thì không nên. Vì sao? Vì nuôi lớn cỏ dại sẽ làm hại mầm non cây lúa.

Ca-diếp lại bạch Phật:

– Như Thế Tôn nói, hết lòng cung kính làm lễ, giống như chư Thiên phụng thờ Đế Thích, như thế, hai bài kệ cùng với ý nghĩa trái ngược nhau. Nếu tất cả mọi người nên lễ kính người cao tuổi, thì phần nhiều các vị Tỳ-

kheo giữ giới có sự phạm tội, ý Thế Tôn thế nào mà nói bài kệ ấy? Lại nữa, ở khế kinh này, Như Lai nói cần phải hàng phục kẻ phạm giới.

Phật bảo Ca-diếp:

– Ta vì hàng Bồ-tát ở đời sau nên mới nói, hết lòng làm lễ một cách cung kính như chư Thiên phụng thờ Đế Thích, hai bài kệ này là nói cho hàng Bồ-tát, chứ không phải nói cho hàng Thanh văn. Này thiện nam! Sau khi Ta vào Nê-hoàn, lúc chánh pháp của Như Lai sắp sửa diệt mất, số đông người giữ giới giảm bớt, số đông người phạm giới tăng thêm, những vị thanh tịnh được giải thoát ấy thấy đều ảm náu, những người xuất gia nhận của cải không hợp pháp, nuôi dưỡng đầy tớ. Đang lúc ấy, trong bốn hạng người, nếu có một người xuất hiện ở đời tin rằng nhà mình không phải là nhà, bèn xuất gia học đạo; người này cũng thị hiện nhận của cải phi pháp và nuôi dưỡng đầy tớ giống như người kia, thế nhưng người này tự mình có thể phân biệt đúng pháp và phi pháp, đúng luật và trái luật; biết người khác không giữ giới hạnh, cũng biết bản thân mình đã phạm vào điều nhẹ hay nặng, có thể biết Như Lai hành xử điều thích ứng, hiểu biết được thời tiết, nơi chốn, pháp dụng. Khi tụng đọc chín bộ kinh điển của Như Lai, có người học tập và đọc tụng chín bộ kinh điển mà phạm giới trái luật, tuy người này biết kẻ kia phạm tội nặng, song vì việc hộ pháp nên phương tiện im lặng, chẳng nói lỗi của người kia, thế rồi tự khiêm tốn theo người kia để nhận sự học tập, với lòng hộ pháp mà không hủy hoại điều gì. Nên biết người này vì việc hộ pháp nên xuất hiện ở đời.

Này thiện nam! Ví như có đất nước nọ, nhà vua ở nước ấy qua đời, thái tử con vua còn nhỏ dại yếu đuối nên chưa thể trị vì đất nước. Có một người dân dã dòng dõi Chiên-đà-la, nhờ sức mạnh nên làm vua nước kia. Bấy giờ, các vị trưởng giả, Bà-la-môn dấy lên sự suy nghĩ thế này, nay người Chiên-đà-la làm chủ lãnh đạo đất nước này, duyên cớ gì chúng ta tới lui vâng thuận, họ bèn bỏ chạy trốn đến đất nước khác. Vua Chiên-đà-la kia sai người đuổi theo, chặn con đường tắt của họ. Vua Chiên-đà-la đánh trống ra lệnh, bảo những vị trưởng giả và Bà-la-môn: “Các người đừng bỏ đi, ta sẽ chia một nửa đất nước cho các người cai trị”. Dân chúng trong nước có người không bỏ chạy, vua lại nói: “Này các vị Bà-la-môn! Các ông hãy bảo cho nhau biết lời nói của ta, bảy ngày sau, các hàng Bà-la-môn và những người có học thức sẽ thiết lập đại hội cho vua Chiên-đà-la, các người nên cùng nhau đi đến chỗ nhà vua, đề cùng với vị quốc vương kia và hàng Chiên-đà-la là thân tộc của vị vua ấy ăn uống và ngủ nghỉ. Nếu có một

người không nghe theo lời chỉ bảo ấy, ta sẽ trị tội gắt gao”. Vua lại còn nói: “Trong nhà ta có vị thuốc cam lộ của tầng trời Ba Mươi Ba. Người nào ăn uống vị thuốc đó thì có thể khiến cho người ấy không chết, lại có cách truyền lại cho nhau”.

Bấy giờ, có một vị Phạm chí tóc quán chuyên tu tịnh hạnh, nghe chỉ giáo của nhà vua xong, bèn đi đến chỗ vua, đem đầu mặt làm lễ dưới chân, rồi tâu vua: “Tâu đại vương! Đại vương nên biết, người có thể làm điều bất nhẫn, tội ác lớn lao trong thiên hạ thì người đó chính là tôi đây. Nhà vua nên ban quan tước bổng lộc cho tôi, tôi có thể xướng lệnh”.

Tức thời, nhà vua đồng ý. Bấy giờ, người Phạm chí kia lập tức nhận chỉ thị của vua rồi xướng lệnh ở trong nước. Khi ấy, các người Bà-la-môn trong đất nước thấy đều tức giận và quả trách người đó, thế nhưng người Phạm chí ấy vẫn cùng với ông vua kia trông coi việc nước. Mỗi đến vào thời gian sau này, vị đại thần Phạm chí bèn thưa với nhà vua: “Tôi và đại vương cùng nhau trông coi việc nước cho đến ngày hôm nay, song đại vương vẫn chưa thể hiện sự tin cậy mà chẳng chỉ bảo cho tôi học một pháp thuật”.

Vị vua nói với Phạm chí: “Từ từ ta sẽ dạy bảo ông học pháp thuật, nay nhà ta có vị thuốc cam lộ của vị vua đời trước để lại, ta sẽ cùng ông dùng chung”.

Tức thời, vua bèn lấy vị thuốc cam lộ này cùng bày cách thức sử dụng cho người Phạm chí kia. Đại thần Phạm chí được vị cam lộ và phương pháp sử dụng này rồi, bèn hòa thuốc với đồ ăn cho ông vua kia dùng. Nhà vua uống phương thuốc kia tức thời qua đời. Khi ấy đại thần Phạm chí liền lập thái tử của Tiên vương lên nối ngôi vua, ông vẫn hộ trì Tiên vương dùng chánh pháp để giáo hóa cai trị. Như thế, đại thần Phạm chí không vứt bỏ phép tắc Bà-la-môn mà tập quen theo phép tắc của hạng Chiên-đà-la, cho nên vị Phạm chí tu hành theo hạnh nghiệp cứu giúp của Bồ-tát. Dân chúng ở trong cõi nước khen ngợi: “Quý hóa thay! Người Bà-la-môn này hộ trì phép tắc của nhà vua”.

Bấy giờ, vị Bồ-tát vì việc giữ gìn chánh pháp nên làm người Bà-la-môn, tạo tác các phương tiện, vị ấy lập người con của nhà vua kia để làm vua trong nước, mọi người ở bên trong và bên ngoài cung điện cho đến các vị quan lớn đều tiếp nhận chánh pháp, còn vợ con quyến thuộc của vua Chiên-đà-la đều cho uống thuốc độc khiến cho họ mê say, rồi sau mới đuổi họ ra khỏi nước. Đại Bồ-tát cũng như vậy, thị hiện tướng Phạm giới, nuôi

dưỡng nô tỳ, tiếp nhận của cải không hợp pháp, rồi Bồ-tát đi đến chỗ Tỳ-kheo xấu ác phạm giới kia để phụng sự, học tập, viết chép kinh của Tỳ-kheo đó. Viết chép kinh xong, vị ấy chuyển đến dạy dỗ cho người giữ giới, cùng với kẻ xấu ác kia ngủ nghỉ, tiếp đãi ăn uống, tự tay làm thức ăn, không cho người khác làm thức ăn, vì việc hộ trì chánh pháp bèn làm phương tiện, đem các sự việc của tám loại phi pháp mà hàng phục họ khiến cho họ mê say, lại chẳng cùng với người kia hòa hợp tự tứ và bố-tát. Hàng phục hết thấy những người phạm giới là cùng với các chúng thanh tịnh hòa hợp làm phép bố-tát và tự tứ, đem thuật pháp Ma-ha-diễn Phương đẳng nói rộng rãi cho mọi người yên ổn, tế độ vô lượng chúng sinh, đó là Bồ-tát hộ trì chánh pháp, Ta vì những hạng người ấy mà nói bài kệ này.

Nếu có hàng Tỳ-kheo nghe điều Ta giảng nói, họ không có tâm hộ pháp, nhưng muốn phương tiện bắt chước vị Bồ-tát kia, khởi lên các lỗi lầm, là điều Phật chẳng cho phép. Họ tự nói mình là Bồ-tát, mà thực ra họ khoan hồng dung túng người làm chuyện xấu ác lỗi lầm, Ta nói những kẻ ấy là hạng người biếng nhác. Giáo pháp phương tiện bí mật tinh tế này của Ta là vì Bồ-tát hộ pháp, nên Ta nói bài kệ này:

*Nếu người biết chánh pháp
 Chẳng hỏi họ lớn bé
 Hết lòng thêm cúng dường
 Như phép người thờ lửa.
 Nếu người biết pháp ấy
 Chẳng hỏi họ lớn bé
 Hết lòng cung kính lễ
 Như trời thờ Đế Thích.*

Ca-diếp bạch Phật:

– Bạch Thế Tôn! Như thế, Bồ-tát kiêu mạn, phóng túng, lười biếng, thì đối với giới Cụ túc, vị ấy được thanh tịnh hay không?

Phật bảo Ca-diếp:

– Thiện nam! Người thọ giới Cụ túc kia nếu biết sám hối thì nên nói họ là người thanh tịnh. Thiện nam! Ví như bờ đê bị phá vỡ thì nước giữ ở bờ đê chảy ra. Vì sao? Vì người chẳng ân cần sửa sang. Thế nhưng, này thiện nam! Bờ đê bị phá vỡ thì sửa sang lại, nước trong bờ ao ấy chảy trở lại; người biếng nhác kia cũng như thế, đối với giới Cụ túc, bố-tát, tự tứ bị phá vỡ, nước giới pháp tuôn chảy ra. Vì sao? Vì sự siêng năng giảm bớt, sự biếng nhác tăng thêm, nhưng giới hạnh của vị Tỳ-kheo ấy giảm bớt cần

phải sửa chữa lại. Từ chỗ của các vị Bồ-tát hộ pháp kia, họ gắng sức sửa đổi và sám hối khiến cho được thanh tịnh.

Ca-diếp bạch Phật:

– Giống như điều Thế Tôn nói trong kinh với ví dụ quả A-ma-lặc; việc giữ giới, phạm giới, tướng của chúng khó thể biết được, phải phân biệt thế nào?

Phật bảo Ca-diếp:

– Thiện nam! Sự giữ giới và phạm giới, muốn biết tướng của chúng thì phải dựa vào kinh Đại Bát Nê Hoàn mới có thể khéo phân biệt. Thiện nam! Ví như người làm ruộng gieo trồng năm loài cây có hạt dùng để ăn, nhổ bỏ cỏ dại rậm rạp thì gọi là thửa ruộng sạch. Vì có giống cỏ kê in hết mầm lúa tốt tươi, đến khi giống cỏ ấy đơm quả thì cỏ và lúa mỗi thứ khác nhau, rồi sau đó mới biết có sự phân biệt giữa chân và ngụy. Bồ-tát hộ pháp cũng như thế, phương pháp sửa sang thửa ruộng tu tập, trước tiên trừ bỏ tám thứ hành động thô ác tội lỗi, diệt trừ lỗi lầm thô ác xong thì gọi là chúng Tăng có con mắt thịt thanh tịnh, ruộng phước tươi tốt hơn cả cho đến quả vị bậc Thánh. Ngoài vị Tăng mắt thịt ra thì gọi là Tăng thanh tịnh, chỉ cần trừ bỏ tám thứ lỗi lầm lớn lao như rắn độc, thì gọi là chúng Tăng có ruộng phước tốt hơn cả. Tuy chưa hoàn toàn thanh tịnh, nhưng đã là chỗ của hàng trời và người cúng dường, là thửa ruộng phước tốt tươi, huống chi kết cục lại thành tựu diệu quả Hiền thánh và ruộng phước thanh tịnh, vượt ra khỏi sự biểu hiện của con mắt thịt kia trông thấy.

Lại nữa, này thiện nam! Ví như trong nước có hai cây ăn quả, một cây gọi là Ca-lưu, cây thứ hai gọi là Triêm-mâu. Cây Ca-lưu là thứ cây ra quả đắng, cây Triêm-mâu là loại cây ra quả ngọt, hình dáng hoa lá, trái cây na ná như nhau. Có người không nhận biết bèn hái lẫn lộn những quả ấy, đem ra chợ bán, người ăn chúng bị chết rất nhiều. Bấy giờ, có người trí tuệ nghi ngờ đó là quả độc, bèn đi đến hỏi thăm người bán: “Các ông hái quả này ở đâu mà mang đến đây”. Người kia trả lời: “Ở vùng đất nọ”. Người có trí bèn nói với người kia: “Đây ắt hẳn là có quả độc lẫn lộn, cho nên giết chết nhiều người, ông nên mau mau vứt bỏ nó đi”. Như thế, này thiện nam! Vị Tăng biếng nhác thành tựu tám việc ác, cùng lúc có người giữ giới ở trong số đó, giống như quả ngọt kia ở trong rừng cây độc hại. Bồ-tát hộ pháp dạy bảo khiến cho số Tăng ác bỏ đi, không bảo những hạng đệ tử có lòng tin lẽ lạy, cúng dường, cung kính, gần gũi, để bị cắt đứt gốc rễ tuệ mạng, rơi vào trong địa ngục. Cho nên, những hạng Ưu-bà-tắc có lòng tin

nên khéo phân biệt, đừng thấy hình dạng áo quần rồi liền làm quen và gần gũi nhau, phải nên hỏi để biết rõ người kia được thành tựu tám thứ pháp hay không? Việc tự tứ và bố-tát được hòa hợp hay không? Hoặc giả người kia đã xa lìa tám thứ pháp xấu ác, những hạng Tăng như thế, Thế Tôn cũng thu nhận, vì xót thương chúng sinh. Ở rừng Kỳ-hoàn các vị ấy cùng hòa hợp nhau như tích tụ vàng thật, nên biết hạng người ấy hãy nên cúng dường. Nếu nói rằng không thu nhận, không cùng hòa hợp bố-tát, tự tứ, nên biết hạng người ấy không phải là người đáng được hàng trời và người cúng dường, các Tỳ-kheo ấy không nhận lời cùng bố-tát và tự tứ chung với họ, nếu họ hỏi thăm vẫn không thể biết, hãy nên dựa vào khế kinh chân thật của Như Lai mà phân biệt. Nếu như người phạm phu ngu si không khéo phân biệt mà bèn cung kính, cúng dường bố thí đồ cần dùng, cùng với người kia gần gũi tập quen nhau, Ta nói hạng người ấy sẽ rơi vào con đường ác.

Lại nữa, này thiện nam! Ví như núi Tuyết có cây thuốc tốt và ngọt, khi ấy các người buôn bán cùng nhau lấy các cây thuốc rồi đi các nơi để bán. Bấy giờ, có một người không nhận biết các cây thuốc, mới hỏi những lái buôn kia: “Các ông có loại cỏ thuốc ngọt mọc ở núi Tuyết hay không?”. Những người kia trả lời: “Chúng tôi có thứ thuốc ấy”. Người ấy liền nghe theo và đòi mua thứ thuốc ấy, thế nhưng, người buôn kia lại giao cho người mua món thuốc đắng. Người mua thuốc ấy mong cầu vị thuốc ngọt, trái lại mua nhầm vị thuốc đắng. Mọi người thanh tịnh giống như thuốc ở núi Tuyết, cùng với hạng Tỳ-kheo phạm giới biếng nhác kia mà hòa hợp chung, kẻ có lòng tin ấy cúng dường, lễ bái, phụng sự, nên biết đó là hạng người phạm phu mất thịt, giống như người kia không nhận biết vị thuốc ngọt, sự thanh tịnh hay phạm giới, tướng của chúng khó thể biết được, mất thịt của kẻ phạm phu không thể nào phân biệt, chỉ có thiên nhãn mới có thể phân biệt mà biết. Cho nên người có đủ tám thứ pháp ác, tuy rằng mặc pháp phục ca-sa, song không nên nhận sự lễ lạy cúng dường của người khác. Nếu có năng lực sửa đổi ăn năn, trừ bỏ tám thứ lỗi lầm, thì gọi là vị Tăng thanh tịnh.

Ca-diếp bạch Phật:

– Quý hóa thay! Quý hóa thay! Bạch Thế Tôn! Thế Tôn giảng nói pháp này một cách chắc chắn, con sẽ đánh lễ thọ trì món báu kim cương ấy.

Bấy giờ, Ca-diếp lại bạch Phật:

– Như lời Thế Tôn nói, Thế Tôn đã bảo cho các Tỳ-kheo biết có bốn

pháp để dựa vào. Những gì là bốn pháp nương tựa? Y theo pháp chẳng y theo người, y theo lời nói quyết định chứ không y theo lời nói chưa quyết định, dựa theo trí tuệ chứ chẳng dựa vào thức, dựa vào nghĩa chứ không nương theo văn tự. Chúng con tin tưởng đây là bốn thứ để dựa vào, chứ không tin bốn hạng người là chỗ nương tựa chân thật.

Phật bảo Ca-diếp:

– Những điều đó gọi là pháp, chính là sự Đại Bát-nê-hoàn của Như Lai, tất cả chư Phật đều cùng pháp này. Chư Phật Như Lai đạt được pháp này rồi, đó là pháp thường trú không thay đổi, không phải pháp phai mờ tiêu diệt. Nếu người nào dấy lên ý nghĩ vô thường đối với Như Lai, thì Ta nói hạng người này không phải là người biết pháp, là người không thể tin cậy. Như Ta đã nói bốn hạng người ấy khéo hiểu rõ giáo pháp bí mật phương tiện của Như Lai. Họ biết các Đức Như Lai là pháp thường trụ, không phải pháp biến đổi, không phải pháp phai mờ tiêu diệt. Chư Phật Như Lai cũng lại ở tại những người kia, trong số bốn hạng người và các chúng sinh khác. Đối với giáo pháp bí mật phương tiện của Như Lai thường trú, người nào khéo hiểu rõ nghĩa ấy, Ta nói hạng người ấy là nơi nương dựa căn bản, nên biết có thể tin tưởng, vì ý nghĩa ấy nên Ta nói bốn hạng người là chỗ nương dựa chân thật.

Nương dựa vào pháp, nghĩa là các hàng Thanh văn ấy có trí tuệ và đạo đức lớn, ở trong chánh pháp tâm họ chẳng lầm lẫn sơ hở. Chánh pháp ấy là Như Lai thường trú, đối với chánh pháp này là phương tiện siêng năng, gọi là nương theo pháp. Chẳng y theo người là, nếu cho rằng người này phạm giới, tham lam vẫn đục, lại nói Như Lai là pháp vô thường, người kia không phải là kẻ đáng tin, cho nên Ta nói không nương theo người mà nương theo nghĩa quyết định. Nghĩa quyết định chính là Bồ-tát. Các hàng Thanh văn đối với giáo pháp bí mật phương tiện của Như Lai này, họ nghi hoặc, không tin tưởng. Biền trí Đại thừa khiến cho họ quyết định lìa khỏi các sự nghi hoặc. Lại nữa, quyết định chính là trí Đại thừa, mãi mãi lìa khỏi các sự ngăn ngại. Ngăn ngại là trí của hàng Thanh văn, các Bồ-tát ấy có thể lấy trí tuệ Đại thừa quyết định để hiểu rõ các Đức Như Lai là pháp thường trụ. Do đó lời của Bồ-tát nói là đáng tin cậy. Chưa quyết định chính là trí của hàng Thanh văn, họ nói rằng, thân uế thực của các Như Lai khi vào Nê-hoàn thì diệt hết, ví như lửa tắt thì không thể tin. Sở dĩ Như Lai nói những kinh này là vì phương tiện giáo hóa, như các hạng chúng sinh mê hoặc hai đạo. Trí của hàng Thanh văn chính là hữu dư, là không quyết định, cho nên

các Thanh văn gọi là số không quyết định, vì trí tuệ kia không hiểu rõ lời nói của đáng tôn quý Đại Thánh Như Lai, cho nên nói hạng người kia là người không thể tin. Do đó, Phật nói nghĩa quyết định chính là bốn chỗ nương dựa thật sự, nương dựa vào trí tuệ. Trí tuệ ấy tức là pháp thân Như Lai đáng tin, còn thân phương tiện là chẳng đáng tin. Tại sao chỉ cần thấy thân phương tiện của Như Lai xong, rồi nói thật có âm, giới và các nhập, nếu thân ấy không có, thành ra thân ấy từ đâu đến, mà nay hiện có xá-lợi tích tụ, vì có xá-lợi hiện ra ở đời nên gọi pháp thân ấy là thân uế thực, đẩy lên sự suy nghĩ xằng bậy ấy, vì nguyên có đó mà sự nhận biết không đáng tin, sự nhận thức không đáng tin nên đẩy lên thức tướng, nên biết người ấy cũng là người không đáng tin.

Nương dựa vào nghĩa, nghĩa là chính nghĩa, chính là nghĩa đầy đủ, đầy đủ là nghĩa không tiêu giảm, không tiêu giảm là nghĩa thường của Như Lai, thường của Như Lai là nghĩa thường pháp, thường pháp ấy là nghĩa thường của chúng Tăng, đó chính là Đức Phật nói, gọi là nghĩa nương dựa theo. Nếu có hạng phạm phu đua nịnh quanh co, được nhờ lòng từ của Như Lai che chở, người ấy xuất gia học đạo rồi bèn biếng nhác, buông bỏ giới cấm, người ấy nói rằng, Đức Phật cho phép ta thu nhận nuôi dưỡng đầy tớ và cất giữ những của cải phi pháp. Hoặc lúc mất mùa đói kém, người ấy nói rằng, các đệ tử của ta chớ tự chịu khốn khổ, ta để mặc cho họ thu nhận nuôi dưỡng đầy tớ, tiền tài, vàng bạc, của báu, bò ngựa, gạo thóc, mua bán kiếm lời. Người kia nói ra đủ thứ văn từ như thế, nếu nói kinh luật đều chẳng đáng tin, kẻ tin lời nói ấy, nên biết kẻ đó cũng là người không đáng tin. Vì nghĩa ấy nên nói là y theo nghĩa. Phi nghĩa ấy là nói rằng, ba pháp này đều là vô thường, biến đổi phai mờ tiêu diệt, đó gọi là phi nghĩa, đó gọi là văn tự. Cho nên nói rằng, dựa theo nghĩa chứ không dựa theo văn tự. Cho dù kinh nghĩa của ngoại đạo nói mà phù hợp với Ma-ha-diễn, thì đó đều là việc có thể tin, không phải là văn tự. Cho nên bốn pháp để dựa vào, cho đến kể ra bốn hạng người mất thật là chỗ nương tựa chân thật. Thiện nam! Đó là bốn thứ nương dựa theo, ông phải nên học như thế.



Phẩm 10: PHÂN BIỆT TÀ CHÁNH

Phật bảo Ca-diếp:

– Có bốn pháp: Có ma nói kinh, có Phật nói kinh, có các chúng sinh theo lời dạy của ma, có các chúng sinh theo lời dạy của Phật.

Ca-diếp bạch Phật:

– Bạch Thế Tôn! Con phải phân biệt thế nào mà biết được, con mong muốn được nghe điều đó.

Phật bảo Ca-diếp:

– Thiện nam! Bảy trăm năm sau khi Ta nhập Nê-hoàn, giáo pháp của Như Lai từ đây sẽ tiêu diệt dần dần, loài ma làm Tỳ-kheo để phá hoại và làm rối loạn chánh pháp, làm tướng thợ săn mà tự mình che giấu, chúng làm ra dáng vẻ Tỳ-kheo, dáng vẻ Tỳ-kheo-ni; làm ra dáng vẻ Ưu-bà-tắc, dáng vẻ Ưu-bà-di; làm ra dáng vẻ Tu-đà-hoàn, dáng vẻ Tư-đà-hàm; làm ra dáng vẻ A-na-hàm, dáng vẻ A-la-hán, cho đến chúng làm ra dáng vẻ Phật, loài ma Ba-tuần ấy làm ra dáng xa lìa tướng thế tục nhưng thực hành pháp thế tục, chúng phá hoại và gây rối loạn giáo pháp của Ta. Ma Ba-tuần nói: “Như Lai ẩn mất từ cõi trời Đâu-suất, giáng thần xuống nhà của vua Tịnh Phạm, phu nhân Ma-da hòa hợp sự ái dục rồi từ đó Ngài mới được sinh ra. Nếu người nào nói rằng, Như Lai không từ ái dục sinh ra, lẽ nào có lý đó. Cùng pháp nhân gian như nhau, nhưng lại được chư Thiên, người đời và A-tu-la cung kính cúng dường. Vì sao? Vì vị ấy gieo trồng mọi cội rễ đức hạnh từ nhiều kiếp trước, vợ con và các thứ thuộc tự thân, vị ấy đều bố thí cho người, cho nên được làm Phật”. Với tướng mạo như thế, ông nên biết rằng, đó là kinh luật của ma nói. Vì sao? Vì việc giáo hóa chúng sinh nên Như Lai Ứng Cúng Đẳng Chánh Giác mới xuất hiện ở đời, không phải vì sự tích tập ái dục của cha mẹ mình rồi từ đó Như Lai mới sinh ra. Ta thị hiện tướng hạnh này là thuận theo thế gian. Với tướng mạo như thế, nên biết đó là kinh luật của Phật nói.

Nếu có chúng sinh tin thọ kinh luật của ma, nên biết hạng người ấy là thuận theo lời dạy của ma. Nếu chúng sinh ấy tin thọ kinh luật do Như Lai nói, nên biết người ấy là Bồ-tát.

Ma lại còn nói, Như Lai sinh ra ở đời rồi hướng về khắp mười phương, mỗi phương đi bảy bước. Không phải vì sự thị hiện mà người bảo rằng thị hiện, đó là điều không đáng tin. Những kinh luật như thế, nên biết đó là ma nói. Nếu nói rằng, khi Như Lai mới ra đời, hướng về khắp mười phương, mỗi phương đi bảy bước, đó là Như Lai phương tiện thị hiện. Những kinh luật như thế, qua đó biết là do Phật nói. Tin theo kinh luật của ma nói, nên biết hạng người ấy là thuận theo lời dạy của ma. Tin theo kinh

luật do Phật nói, nên biết người ấy là Bồ-tát.

Ma lại còn nói, Như Lai đi đến miếu thờ trời rồi cung kính lễ bái, chứ không phải là thiên thần lễ bái Bồ-tát. Vì sao? Vì thiên thần ở trước, Như Lai ở sau. Nên biết như thế là kinh luật của ma nói. Như Lai phương tiện thị hiện đi vào miếu thờ trời, chư Thiên, Đế Thích, Phạm vương thấy đều cung kính lễ và hầu hạ Bồ-tát. Tướng mạo như thế là lời nói của Như Lai. Tin theo kinh luật do ma nói, nên biết hạng người ấy là thuận theo lời dạy của ma. Tin theo kinh luật do Phật nói, nên biết người ấy là Bồ-tát.

Ma lại còn nói, Như Lai làm Thái tử con vua, tự vui thú năm thứ dục với người trong cung và gái đẹp hầu hạ, nên biết đó là kinh luật do ma nói. Có người nói rằng, Đức Như Lai kia hiện giờ ở thâm cung, vui vẻ với gái đẹp hầu hạ trong cung, vì ấy bỏ nhà để đi học đạo giống như nhổ bỏ nước bọt. Nói như thế, nên biết ấy là kinh luật của Như Lai. Tin theo kinh luật do ma nói, nên biết hạng người ấy là thuận theo lời dạy của ma. Tin theo kinh luật do Phật nói, nên biết người ấy là Bồ-tát.

Ma lại còn nói, Như Lai Ứng Cúng Đẳng Chánh Giác, ở tại rừng cây của thái tử Kỳ Đà, vườn của ông Cấp Cô Độc, thu nhận và cất giữ tiền tài, vàng bạc, vật báu; nuôi dưỡng nô tỳ, voi, ngựa, bò, dê, gà, chó, mèo, chồn, khỉ, chuột; cất chứa đồng, sắt, lưu ly, châu báu, ngọc kha, vàng, bạc, ngọc báu, san hô, hổ phách; đủ mọi thứ đồ vật tạp nhạp, đủ mọi thứ nhà ở đất ruộng, đủ các thứ buôn bán; nuôi dưỡng con trai, con gái, gom góp cất giữ thóc gạo. Những việc làm như vậy là vì thương xót thế gian, cho nên thầy đều thu nhận. Những việc đại loại giống như thế, nên biết đó là lời nói của ma.

Như Lai Ứng Đẳng Chánh Giác xót thương hết thảy mọi loài chúng sinh, Ngài trú ở rừng Na-la, rồi nói cho vị Bà-la-môn Di-la-kỳ-la và vua Ba-tư-nặc: Này đại vương! Các đệ tử của ta thu nhận đồ vật phi pháp, đâu có lẽ đó. Nếu như họ cất chứa vàng bạc, nuôi dưỡng nô tỳ, voi, ngựa, trâu, dê, gà, chó, mèo, chồn, sóc, chuột; cất giữ đồng, sắt, lưu ly, vàng, bạc, châu báu, ngọc kha, đá ngọc, san hô, hổ phách, các thứ đồ vật tạp nhạp, đủ thứ nhà ở ruộng đồng, đủ thứ buôn bán; nuôi dưỡng con trai, con gái, gom chứa thóc gạo. Tự mình nấu chín, bảo người khác nấu chín, học xem tướng, học chú, học tiếng hót của các loài chim, suy tính năm tháng ngày giờ, khi thịnh khi suy, nhật thực nguyệt thực; ngẩng xem lịch số; học kết vòng hoa, học nghề làm mộc tinh xảo; học sách bói mộng, học sáu mươi tư nghề, uống các thuốc tiêu hóa thức ăn và trị môi răng; đeo tràng hoa, xoa hương thơm

vào mình; đua nịnh quanh co, đi bách bộ, hiện ra tướng biết đủ nhưng thực sự cầu không biết chán; nói chuyện cười đùa, tham mùi vị đồ ăn thức uống, món ăn ngon bằng thịt và cá; hòa hợp các loại thuốc độc, hòa hợp các loại dầu thơm, làm các dụng cụ âm nhạc, giấy da, dù lọng; mở nhà làm tre nứa, xưởng dệt, chạm trổ, vẽ tranh, thêu hoa văn, uống đủ thứ thuốc, hòa hợp các mùi thơm; bắt chước điệu bộ nói năng chuyện trò, đứng dậy, ngồi xuống, nói cười, vui vẻ, yên lặng của nhà vua; học theo kiểu cách trang điểm, làm đồ trang sức, vòng hoa của nữ nhân; bắt chước nói năng trêu ghẹo, mặc áo quần có nhiều màu lẫn lộn; tạo ra nhà cửa lầu gác, đi vào chỗ hội họp nơi quán rượu và chốn lầu xanh, đủ mọi thứ tài vật phi pháp như thế, hoặc làm, hoặc nhận, hoặc nắm giữ, hay đem cho người khác. Như thế, thừa đại vương! Các sự việc đại loại ấy là điều Như Lai không cho phép. Vì sao? Vì những việc phi pháp này giống như loài cỏ dại làm hại mầm lúa tốt tươi, phải xử lý trừng phạt nghiêm khắc và đuổi họ ra khỏi đạo.

Người nào nói như thế, nên biết đó là nói theo kinh luật của Như Lai. Tin theo kinh luật do ma nói, nên biết hạng người này là thuận theo lời dạy của ma. Tin theo kinh luật do Phật nói, nên biết đó là Bồ-tát.

Ma lại còn nói, Như Lai chẳng thể nào thị hiện vào nơi miếu trời, cũng lại không thể hàng phục được các hàng trời người kia. Vị ấy cũng lại không thể nào xuất gia ở trong chín mươi sáu thứ đạo giáo, không thể hiện kiếp thành bại, không học tất cả các cách thức chữa bệnh, cũng không thể hiện ra thành người đầy tớ để sai khiến, con trai, con gái, cây thuốc, hoặc là đại thần của nhà vua. Nếu như Đức Như Lai làm những sự việc ấy thì chẳng phải là Như Lai, đó là hạng tà kiến. Như Lai bình đẳng trong cách xử sự giữa người đến xoa hương và người chặt đứt tay mình, không có sự oán giận, không có sự yêu thương, cũng không có sự việc này. Với tướng mạo như thế, nên biết đó là kinh luật của ma nói.

Như Lai thị hiện đi vào tất cả các miếu thiên thần, ở chín mươi sáu thứ đạo mà thị hiện xuất gia, hiện kiếp thành bại, đi vào các trường để học sách về chú thuật, thị hiện làm người đầy tớ bị sai khiến, làm con trai, làm con gái, hoặc làm cỏ thuốc, quốc vương, quan lớn; thị hiện vào nhà thổ; hoặc làm vị trưởng giả, cư sĩ, Phạm chí, con trai con gái nghèo túng cho đến các hạng người chẳng thành nam tính. Thị hiện đủ mọi thứ để giáo hóa rộng khắp cả hai mươi lăm cõi, mà không bị mê hoặc rối loạn bởi từng loại biến hiện kia, giống như hoa sen không dính mắc nước đục, bụi bặm, nên biết Như Lai vì việc hóa độ các chúng sinh, cho nên thuận theo thế gian.

Với tướng mạo như thế, nên biết đó là kinh luật của Như Lai nói ra. Theo kinh luật của ma nói rồi tin tưởng, nên biết hạng người ấy là tùy thuận ma giáo. Theo kinh luật của Phật nói mà tin tưởng, nên biết đó là Bồ-tát.

Nói rằng kinh luật của Ta, điều mà Thế Tôn nói ra là tội, là ác, là nhẹ, là nặng, đó gọi là thô tội, đó gọi là tính tội, đó gọi là chế tội. Giới luật của Ta nói là chân thật như thế ấy, ông nói là thật, chẳng lẽ bỏ lời nói của Ta mà chọn lấy lời nói của ông chăng? Ông nói luật này là luận bàn thế tục chăng? Kinh luật này của Ta là chín bộ khế kinh do Như Lai nói đã được niêm phong ấn chứng xong, trong chín bộ kinh ấn chứng, Ta chưa từng nghe có âm thanh của một câu, một chữ, vài lời trong kinh Phương Đẳng. Như Lai nói kinh có mười bộ chăng? Bộ của kinh Phương Đẳng ấy là vô lượng, nên biết đều là do Điều-đạt làm ra, phá loại tất cả nghĩa mà nói ra lời hư dối, nói rằng kinh Phương Đẳng vượt ra ý nghĩ mà tạo ra xằng bậy là điều ta không tin.

Phật bảo Ca-diếp:

– Người nào nói như thế là làm rối loạn pháp giáo của Ta, phỉ báng khế kinh Phương Đẳng của Như Lai. Người nào nói như thế, nên biết đó là kinh luật của ma nói. Về đời sau này có hạng người như thế, ai nấy đều tự nói rằng, ta có kinh luật, rồi cùng tranh luận chung với kinh luật tà thuyết. Đối với chín bộ kinh, có các Tỳ-kheo tỏ ra biết Ta nói riêng kinh lớn Phương Đẳng Ma-ha-diễn này, họ có lòng tin và hướng về. Đối với giới luật, các vị ấy không dính mắc vào tà kiến, thấy đều có thể lìa bỏ uy nghi bất tịnh. Đối với pháp luật của Ta thì họ thanh tịnh đầy đủ, dường như vàng trắng tròn, họ biết từng kinh điển một, từng pháp luật, từng giới hạnh một, số ấy nhiều như cát sông Hằng, không thể nào nói và đếm xuể. Nghĩa lý chân thật, nghĩa lý của mọi thứ đều là do Phật nói. Nếu ai nói rằng, kinh luật của Ta không có giới ấy, nên biết đó là giới không phải do Phật nói. Người nào nói rằng, Ta hạn chế số người giữ giới này, nên biết hạng người như thế chính là người phạm giới. Nếu có kinh nói rằng, sự ít ham muốn và giữ trai giới thanh tịnh là phù hợp với lời Phật, nên biết nghĩa này đều là những điều Ta nói rõ trong kinh Ma-ha-diễn.

Nếu nói rằng Như Lai yên ổn cứu giúp và độ thoát tất cả chúng sinh, cho nên nói như thế này là kinh Phương Đẳng Đại Thừa Nê Hoàn, nên biết hạng người này quả là đệ tử của Ta. Nếu có người nào nói khác điều đó, thì Ta không phải là thầy của kẻ kia, kẻ kia không xuất gia học đạo ở chỗ của Ta, họ đều là đệ tử của kẻ ngoại đạo tà kiến. Với tướng mạo như thế, nên

biết đó là kinh luật của Phật nói. Người nào tin theo kinh luật của ma nói, nên biết hạng người này là đi theo ma giáo. Nếu người nào đối với kinh luật của Như Lai nói, thuận theo rồi có niềm tin, nên biết đó là Bồ-tát.

Như Lai thành tựu vô lượng công đức, chứng đắc tuệ không, vô, Ngài nói khổ, không, vô ngã cho chúng sinh. Nay vì sự vô thường nên đã vào Nê-hoàn, cũng chẳng thị hiện tùy thuận thế gian. Người nào nói như thế, nên biết là ma giáo.

Nên biết Như Lai không thể nghĩ bàn, thành tựu vô lượng vô số công đức, là Phật Thế Tôn, chính là pháp thường trụ, không phải pháp thay đổi. Tất cả không phải là giống như chặt ngang cây Đa-la, thế mà Thế Tôn nói bốn pháp không thể độ thoát giống như chặt ngang cây Đa-la. Thế Tôn lại nói từng pháp không thể độ thoát dường như chẻ đá, nói pháp hơn người là về hạng vô gián, pháp hơn người ấy là người chưa chứng đắc Thánh quả mà nói mình đã chứng đắc.

Có một Tỳ-kheo ít muốn biết đủ, lại còn hiểu biết rộng. Nếu nhà vua, quan lớn và người đời trông thấy vị ấy, thì họ đều cung kính, rồi nói bài kệ khen ngợi Tỳ-kheo kia đủ mọi thứ công đức. Mọi người nói Tôn giả đó bỏ thân này xong sẽ thành Phật đạo. Tỳ-kheo nghe họ khen xong, bèn nói lời thế này: “Đối với người chưa đạt được quả vị, các ông đừng đem đạo quả để khen ngợi. Hễ là danh tự thì có nhiều sự ham muốn, đó là điều Phật không cho phép. Các ông hãy im lặng, đừng trợn đời làm người ưa thích pháp của ta mà gây ra danh tự nhiều sự ham muốn, chưa đạt được đạo quả, ta tự biết việc đó”. Thế nhưng, vị quốc vương và các đại thần kia nói với Tỳ-kheo: “Thưa Tôn giả! Nay cả thế giới đều nghe tin Tôn giả chính là Phật, mọi người đều theo Tôn giả để học kinh luật và ký luận”. Nên biết nhà vua và những ông quan lớn kia làm kệ tụng khen ngợi công đức vô lượng, nhưng mà Tỳ-kheo kia vẫn tu trì phạm hạnh, không có điều gì vi phạm. Không phải vì việc không giải thoát cũng chẳng phạm mà vị ấy tự xưng mình đạt được pháp hơn người.

Lại có Tỳ-kheo giảng nói kinh Đại Phương Đẳng Như Lai Tạng: “Tất cả chúng sinh đều có Phật tánh, là do ở trong thân, vô lượng phiền não đều trừ diệt xong, Phật liền hiện ra rõ ràng, trừ hạng Nhất-xiển-đề”. Bấy giờ, có vị quốc vương và các đại thần hỏi Tỳ-kheo: “Ông sẽ làm Phật hay không làm Phật? Trong thân các ông đều có Phật tánh?”. Tỳ-kheo kia nói: “Chẳng biết tôi sẽ được làm Phật hay không, nhưng thật ra trong thân tôi có Phật tánh”. Các người kia lại nói với Tỳ-kheo: “Nay ông đừng làm hạng Nhất-

xiển-đề, mà tự mình tính toán ta sẽ làm Phật”. Tỳ-kheo nói: “Vâng, chỉ cần trong thân ta có Phật tánh thật sự”. Tỳ-kheo kia tuy nói lời này, nhưng không phải là người tự xưng mình đạt được pháp hơn người, vì thật ra có Phật tánh, do bố thí, trì giới phát sinh.

Lại có Tỳ-kheo dấy lên sự suy nghĩ thế này: “Ta sẽ thành Phật, quyết định không nghỉ ngơi”. Suy nghĩ như thế tuy rằng chưa đạt được đạo quả, song phước của vị ấy vô lượng. Do ý nghĩa ấy, tất cả hàng Tỳ-kheo đều cần phải tu hành pháp suy nghĩ như thế. Vì sao? Vì tám mươi ức pháp chẳng thanh tịnh từ đây được lìa bỏ, sự thanh tịnh ít ham muốn đều được thành tựu, chân tánh Như Lai do pháp này mà hiện ra rõ ràng. Đến khi đạt được trăm ngàn các pháp chứa cất châu báu, Đức Thế Tôn vì lòng đại bi mà nói thế này: “Tướng mạo như vậy, nên biết đó là kinh luật do Như Lai nói”. Người nào tin theo kinh luật của ma nói, nên biết hạng người ấy là đi theo ma giáo. Người nào tin theo kinh luật của Phật nói, nên biết đó là Bồ-tát.

Lại nữa, ma còn nói rằng, cũng không có bốn tội đọa, mười ba tăng tàn, ba mươi pháp xả, chín mươi một pháp đọa, nhiều chúng học pháp, bốn pháp hối lỗi, hai pháp bất định, bảy cách diệt bỏ sự tranh cãi; không có tội sai trái vượt qua giới luật, cũng không có tội thô; cũng không có năm tội nghịch, không có sự chê bai kinh pháp; không có hạng Nhất-xiển-đề, cũng không có quả báo đọa vào trong địa ngục khi phạm các giới này; các vị Tỳ-kheo và người ngoại đạo ấy đều sẽ sinh lên cõi trời, thế nhưng Phật Thế Tôn vì sự khùng bố mọi người nên nói giới luật này. Nếu người nào muốn hưởng thú vui tốt bậc trong đời một cách thỏa thích, thì hãy nên bỏ pháp phục mà trở lại hưởng thụ năm dục, chán năm dục xong thì ăn năn hối lỗi rồi tu tập điều thiện. Như Lai còn ở đời cũng có hạng Tỳ-kheo quen theo sự hưởng thụ năm dục được sinh lên cõi trời, cũng được giải thoát. Xưa và nay có việc đó, không phải một mình ta bịa đặt, người phạm bốn pháp đọa, cho đến năm giới cấm và tất cả các luật nghi bất tịnh, thu nhận tài vật phi pháp đều được giải thoát. Nếu người nào nói lời như thế thì phạm tội sai trái vượt qua Tỳ-ni, sẽ đọa trong địa ngục tám vạn bốn ngàn năm, theo đúng cách tính ngày tháng năm ở cõi trời Đao-lợi, tội báo thuộc các thiên còn lại khác nhau, giảm sút, nhẹ nặng, đó là lời nói lừa bịp dối trá của các luật sư, giả xưng lời Phật dạy là điều không đáng tin. Tướng mạo như thế, nên biết đó là kinh luật do ma nói, tội vượt qua Tỳ-ni rất là vi tế. Nếu có Tỳ-kheo phạm từng mỗi luật nghi vi tế này, biết mà che giấu giống như con rùa rút cả sáu chi lại, nên biết đó là hạng người không thể gần gũi thân quen, giống như bài kệ của ta nói:

*Nếu phạm tội vì tế
 Người nói dối im lặng
 Không kể vào đời sau
 Không ác nào chẳng làm,*

Những việc ấy đều là lời nói quyết định răn dạy của Như Lai, hướng chỉ là phạm tội thô ác. Giới luật không có thô hay tế nên phải nắm giữ vững vàng. Vì Phật tánh, nếu người nào nói rằng, chín bộ kinh không nói đến chúng sinh đều có Phật tánh, lại nữa kinh Phương Đẳng cũng nói vô ngã, đó là kẻ phỉ báng chín bộ kệ kinh, sao gọi là không khởi lên vọng kiến cố chấp của chúng sinh chẳng? Trong chín bộ kinh, tất cả chúng sinh đều có Phật tánh, điều mà ta chưa từng nghe, ta nên chọn lấy điều nào? Hoặc có thể tự xưng nói pháp hơn người, nên biết những điều đó giống như nói biển cả không có các thứ vật quý báu.

Người kia tuy tiếp nhận sự học tập chín bộ kệ kinh, nhưng các giáo pháp quý báu Phương đẳng cốt yếu trong biển Ma-ha-diễn không phải là cảnh giới của người kia. Thế nhưng, giáo pháp do Phật nói không phải cho hết thầy Thanh văn và Duyên giác, đều không phải là cảnh giới của người ấy. Thấy được tướng mạo nhân duyên của Phật nói, cũng lại có khả năng biết tất cả chúng sinh có Như Lai tánh, không hủy hoại tướng ngã, nhân, thọ mạng. Tâm giữ trung đạo mà nói rằng, trong thân ta đều có Phật tánh, ta sẽ được thành Phật, nay ta chỉ nên diệt hết các phiền não. Người nói như vậy chính là hàng Thanh văn của ta, nếu người nào nói khác điều này gọi là tự xưng mình có pháp hơn người.

Lại nữa, có người còn nói rằng, ta đã làm Phật, ta đã thấy pháp, trụ ở Phật địa, đó là tự mình nói được pháp hơn người. Nếu người ấy không nói như thế, những hạng người này chẳng bao lâu sẽ thành Phật đạo. Lời dạy bảo của Phật hết sức sâu xa quyết định như thế, mà ở trong các hàng Tỳ-kheo tự nói mình được pháp hơn người. Cũng vì lợi dưỡng cho nên họ đua nịnh quanh co, bước đi thông thả thị hiện thực hành việc xin ăn. Người phạm giới ngu si chưa đạt được đạo quả, mà lại hướng về mọi người rồi nói rằng mình đã đắc quả, khắp nơi nghe biết bèn cung kính phụng sự. Người ấy tăng thêm lòng tham bám riết không rời, châu chực trông mong người ta cúng dường. Họ chẳng tu tập pháp niệm mà thị hiện uy nghi, cốt làm vui lòng người khác, ta nói hạng người đó là kẻ tự xưng mình được pháp hơn người.

Lại có Tỳ-kheo vì sự hộ trì chánh pháp nên thị hiện sự mong cầu lợi

dưỡng và tham đắm tiếng tăm. Vị ấy suy nghĩ thế này, ta sẽ khiến cho tất cả mọi người nhận biết và khen ngợi ta rằng, thật quý hóa thay, rồi họ cung kính phụng sự, nhân đó, ta sẽ hàng phục kẻ ngoại đạo và người phạm giới, để làm rạng rỡ và giương cao đức độ của đấng Như Lai tôn quý nhất trong hàng chư Thiên, tuyên truyền rộng rãi kinh Phương Đẳng Bát Nê Hoàn, diu dắt dạy bảo chúng sinh khéo hiểu rõ kinh luật và phần bù thêm vào chỗ thiếu sót của tạng luật do Như Lai nói, nuôi lớn hạt giống Như Lai trong bản thân của chính mình, chóng làm cho Phật tánh khai phát và hiện ra rõ ràng, vô lượng tai họa kết tất bị trừ diệt cùng một lúc.

Tỳ-kheo ấy bảo cho các chúng sinh biết: Các ông đều thành tựu tính của Như Lai làm tiêu diệt các phiền não. Tâm vì sự hộ pháp mà vị ấy nói lời như thế, ta nói hạng người này là Bồ-tát. Vì sự hộ pháp nên vị ấy không tự xưng mình được pháp hơn người. Tội vượt Tỳ-ni phải ở trong địa ngục tám vạn bốn ngàn năm, tính theo số năm ở cõi trời Đao-lợi, huống gì là thô tội. Người mắc thô tội đối với Ma-ha-diễn ấy đều nên đuổi họ ra, người có giữ lấy cái gì thì ấy là thô tội, người vốn nhận bảo vệ vật trong tháp mà lấy vật như hạt cải, cho đến người không hỏi chủ mà lấy cuốn kinh đều là thô tội, người có lòng gian trá hủy hoại tháp cũng phạm thô tội, đều phải đuổi họ ra khỏi. Nếu nhà vua và đại thần có chùa tháp cũ, muốn làm nơi đặt xá-lợi để cúng dường, có lẽ vì sự cung kính nên vua lập một vị Tỳ-kheo, giao phó tiền bạc của cải cho vị ấy để làm việc kinh doanh, thế mà Tỳ-kheo kia bèn giữ lấy để sử dụng một mình, khiến cho người chủ quả mắng, hạng Tỳ-kheo ấy cũng cần phải đuổi họ ra khỏi. Cho dù người không có nam căn và người có hai căn đều nên đuổi họ ra. Vì sao? Vì vượt qua năm giới cấm. Thậm chí đối với con kiến, ta đều nên có lòng từ và ban cho nó sự không sợ hãi, đó là pháp Sa-môn. Giả sử có mùi thơm của rượu, cũng cần phải xa lìa, đó là pháp Sa-môn. Cho dù trong giấc mơ vẫn không nói dối, đó là pháp Sa-môn. Mặc dù trong mộng cũng chẳng ở chung với người nữ, đó là pháp Sa-môn. Nếu cùng ở chung với người nữ, tuy rằng không phạm giới, giống như hương hoa các thứ, khiến cho con người phóng túng, tâm khởi lên sự buông thả, đều là do ban ngày trông thấy, tâm theo đó mà nảy sinh, thì có mộng tưởng, tỉnh giấc mộng kia rồi cũng tăng thêm tâm niệm tán loạn. Khởi ý tưởng ăn thịt con mình mà thực hành pháp xin ăn, làm sao khiến cho tâm phóng túng nảy sinh được, tâm phát sinh trong mộng cần phải mau chóng trừ diệt. Tướng mạo như thế nên biết đó là kinh luật của Như Lai. Người nào theo kinh luật của ma nói mà có lòng tin, nên biết hạng người ấy là tuân theo ma giáo. Người nào theo kinh luật của Phật dạy mà có niềm

tin, nên biết đó là Bồ-tát.

Người nào nói rằng, Như Lai cho phép vâng theo cách ngồi của bậc đại nhân, uy nghi đi đứng vâng chịu phép không nói chuyện, lao xuống núi, uống chất độc hại, nhịn ăn, giết hại mạng sống, trói buộc chúng sinh, tự trị thân thể, tạo tác nghiệp mậu-la, chú thuật làm mê hoặc. Hạng người Chiên-đà-la, người không đủ nam căn, người có hai căn nam và nữ, tay chân không đủ, Như Lai đều bằng lòng cho họ xuất gia, vì thương xót chúng sinh. Sữa, mật, lụa là, ngọc kha bối, thuộc da, các loại lúa gạo v.v... thấy đều không được ăn uống, nhận lãnh, đối với những cây cỏ, thì dấy lên ý tưởng thọ mạng, do lòng từ bi nên Như Lai vào Nê-hoàn diệt độ mãi. Tướng mạo như thế nên biết đó là kinh luật của ma nói. Trừ phép ngồi của bậc đại nhân và bốn thứ uy nghi ra, nếu người nào nói rằng Ta cho phép uống chất độc hại, nhảy vào lửa, nhịn ăn, lao đầu xuống vách núi, tàn sát chúng sinh, tạo tác nghiệp mậu-la, chú thuật làm mê hoặc; dùng sữa, mật, lụa là, ngọc kha bối, lúa gạo, thì dấy lên ý tưởng thịt chín, đối với tất cả cây cỏ thì dấy lên ý tưởng thọ mạng, nói như thế là điều Ta không bằng lòng. Nếu người nào nói lời này, nên biết hạng người này là đệ tử của ngoại đạo. Người nào nghe theo điều Ta cho phép rồi có thể thực hành, đó là đệ tử của Ta. Không nói bốn đại có ý tưởng thọ mạng, người nói như thế, nên biết đó là kinh luật của Phật nói, nói tỉ dụ như thế số đông nhiều vô lượng. Tin theo kinh luật của ma nói, nên biết hạng người này là tuân theo ma giáo. Người nào tin theo kinh luật của Phật nói rồi tin tưởng, nên biết đó là Bồ-tát.

Này thiện nam! Những điều nói như thế là kinh của ma nói, kinh của Phật nói có tướng khác biệt, phải nên phân biệt mới biết.

Ca-diếp bạch Phật:

– Hay thay! Bạch Thế Tôn! Hôm nay chúng con mới hiểu lời nói hết sức sâu xa của Như Lai.

Phật bảo Ca-diếp:

– Quý hóa thay! Quý hóa thay! Này thiện nam! Ông hãy nên học tập như thế, đó là người thông minh trí tuệ.



KINH ĐẠI BÁT NÊ HOÀN

QUYỂN 5

Phẩm 11: BÓN ĐỀ

Bấy giờ, Phật bảo Ca-diếp:

– Này thiện nam! Nếu như cái khổ đó gọi là khổ đế, thì địa ngục và súc sinh đều có khổ đế. Gọi khổ đế nghĩa là biết pháp thân của Như Lai thường trụ không phải là thân uế thực. Chúng sinh không đạt được trí tuệ cao quý của Như Lai. Biết sự khổ, cho nên lấy phi pháp làm pháp. Phiền não ngu si và tham ái từ thuở lâu xa trôi buộc, bánh xe khổ não xoay chuyển không ngừng nghỉ qua bao đời kiếp sống chết. Giả sử tạm thời được nghe qua tai hai chữ thường trụ của Như Lai, họ muốn sinh lên cõi trời và mong cầu sự giải thoát, tất nhiên sẽ đạt được Thánh quả, tự nhiên khoái lạc. Người trí tự biết đều là do âm thanh của Như Lai thường trụ tạm thời nghe qua tai, cho nên được kết quả kỳ diệu này. Từ thuở lâu xa đến nay, vì không biết pháp Như Lai thường trụ, cho nên đi đi lại lại trong vô lượng sự sống chết và khổ đau phiền não, người biết khổ như thế gọi là biết khổ đế, nếu khác với sự hiểu biết này thì không phải là người biết khổ đế.

Chân lý cắt nghĩa việc sinh khởi và căn nguyên của mọi nỗi khổ là sự chân thật của các pháp, vì không biết chân thật cho nên tăng thêm sự tụ tập tham ái của mình, nuôi nô tỳ và cất giữ các của cải phi pháp. Phi pháp cho là pháp, rồi sinh ra sự chấp giữ xằng bậy, không biết chánh pháp khởi lên và chẳng biết chánh pháp tiêu diệt. Vì không có trí nên ở mãi trong vòng sống chết, khổ đau phiền não xoay chuyển như bánh xe. Nên biết hạng người này làm hủy hoại chánh pháp, rốt cuộc chẳng được kết quả sinh lên cõi trời và giải thoát. Vì không biết tướng chân thật của nguyên nhân đưa đến khổ đau, cho nên làm hủy hoại chánh pháp. Tội báo của việc nói dối cũng lại chịu khổ não sống chết lâu dài, người biết như thế là biết chân lý nguyên nhân của mọi nỗi khổ, nếu khác với sự hiểu biết này thì không gọi là người biết nguyên nhân của sự khổ.

Chân lý đề cập tới việc diệt khổ và nguyên nhân của khổ, nghĩa là

nếu tu hành pháp không, tất cả diệt hết thì hoại Như Lai tánh. Nếu tu hành pháp không, gọi là chân lý diệt khổ, thì nghĩa trái ngược nhau với các người ngoại đạo kia, họ cũng tu hành pháp không mà đạt được chân lý diệt khổ chăng? Nên biết hết thấy đều có tính của Như Lai thường trụ, diệt các sự trói buộc và phiền não mãi mãi hết sạch, tính của Như Lai thường trụ hiện ra rõ ràng, khởi lên sự nhất tâm, liền được kết quả vi diệu, thường ưa thích tự tại nên gọi là pháp tự tại vương, đó là sự tu hành Thánh để diệt khổ. Nếu họ lại tu hành mà dấy lên tướng không và vô ngã đối với Như Lai, nên biết hạng người đó giống như con thiêu thân lao vào lửa. Gọi chân lý diệt khổ chính là Như Lai tánh, ấy là Như Lai chân thực diệt trừ hết thấy vô lượng phiền não. Vì sao? Vì Như Lai tánh ấy là nguyên nhân. Người biết như thế gọi là biết chân lý diệt khổ của Như Lai là bình đẳng, nếu khác với điều này thì không gọi là người biết diệt khổ.

Con đường để diệt khổ là tính giải thoát của Như Lai, Pháp và Tăng, bốn pháp này gọi là chân lý đề cập đến con đường để diệt khổ. Bởi vì không biết thật sự đối với bốn pháp, cho nên ở mãi trong vòng sống chết, chịu vô lượng khổ đau phiền não. Ở trong sinh tử có thể siêng năng tu hành, biết rõ sự giải thoát của Như Lai, Pháp và Tăng, đó là pháp thường trụ, không phải pháp biến đổi, không phải pháp phai diệt, không cùng tận cũng chẳng hủy hoại, khởi lên ở sự nhất tâm, được quả vi diệu, tự tại vui thích. Nếu người nào dấy lên tư tưởng phi pháp đối với bốn pháp bất không thường trụ này, thì nên biết hạng người ấy mắc phải quả báo tà kiến. Con đường để diệt hết khổ đau là tu tập thường trụ ở trong ba pháp này, như thế là người biết chân lý diệt khổ và con đường để diệt khổ. Việc tu hành và khởi lên tư tưởng thường trụ như thế, nên biết hạng người ấy là đệ tử của Ta, biết bốn chân lý mà các bậc Thánh nhân thấy được, đó là hạng Bồ-tát biết bốn chân đế.

Ca-diếp bạch Phật:

– Nay con bắt đầu biết tu tập bốn chân lý mà các bậc Thánh nhân thấy được.



Phẩm 12: BỐN THỨ ĐIÊN ĐẢO

Phật lại bảo Ca-diếp:

– Điều mà Ta gọi là điên đảo, có tư tưởng vui đối với sự khổ, Như Lai vô thường diệt tận Nê-hoàn, như củi hết lửa tắt thì cho là nỗi khổ lớn

mà quán tưởng như thế này, Như Lai vô thường, đó là điên đảo. Có tư tưởng khổ đối với sự vui, đối với sự trường tồn của Như Lai mà khởi lên cái vọng kiến cố chấp thực hữu của chúng sinh, đó là điên đảo. Sự khổ não ở ba cõi mà khởi lên tư tưởng vui sướng, đó cũng là điên đảo, ấy là điên đảo thứ nhất.

Điên đảo đối với vô thường mà quán tưởng cho là thường, điên đảo đối với thường mà quán tưởng cho là vô thường. Đối với vô thường mà quán tưởng cho là thường, nghĩa là Như Lai Nê-hoàn, họ bèn tu lễ Không tướng tốt bậc, đó là điên đảo. Tu lễ Không cùng cực xong, chúng sinh có tuổi thọ ngắn ngủi liền được sống lâu, do đó kết quả tu tập là pháp tồn tại lâu dài, gọi là điên đảo, ấy gọi là điên đảo thứ nhì.

Điên đảo đối với vô ngã mà quán tưởng cho là ngã, điên đảo đối với ngã mà quán tưởng cho là vô ngã, họ nói rằng tất cả thế gian có ngã, đó là điên đảo. Phật nói Như Lai tánh chính là ngã chân thực, thế nhưng đối với nghĩa này họ tu tập vô ngã, đó gọi là điên đảo thứ ba.

Điên đảo đối với tịnh mà quán tưởng cho là bất tịnh, điên đảo đối với bất tịnh mà quán tưởng cho là tịnh, Như Lai thường trụ không phải thân uế thực, thế nhưng người phạm mất tịnh nói rằng thân uế thực, không phải pháp thanh tịnh, Pháp, Tăng và giải thoát cũng sẽ diệt mất hết, đó gọi là điên đảo. Họ đối với thân bất tịnh mà không có một phép quán tưởng thanh tịnh, vì ngu si điên đảo mê hoặc mà khởi lên quán tưởng thanh tịnh, đó gọi là điên đảo thứ tư.

Như thế, này thiện nam! Đó gọi là bốn thứ điên đảo. Ca-diếp bạch Phật:

– Quý hóa thay! Bạch Thế Tôn! Từ trước đến giờ, con thường dính mắc vào sự điên đảo, nay mới bắt đầu biết chánh kiến của Như Lai.



Phẩm 13: NHƯ LAI TÁNH

Ca-diếp lại bạch Phật:

– Bạch Thế Tôn! Như Lai có cái ta, hai mươi lăm cõi là có hay là không có?

Phật bảo Ca-diếp:

– Cái ta chân thật chính là Như Lai tánh, nên biết tất cả chúng sinh đều có, nhưng chúng sinh kia bị vô lượng phiền não che lấp nên chẳng hiện ra. Ví như người nhà nghèo, bên trong căn nhà có kho tàng quý báu, song người ấy không thể biết. Khi ấy có một người khéo biết của báu, bèn nói với người nghèo: “Ông hãy làm việc cho ta, ta sẽ cho ông tiền của và vật báu”. Người nghèo trả lời: “Tôi không thể đi. Vì sao? Vì trước đây trong nhà có kho tàng quý báu nên tôi không thể bỏ đi”. Người kia lại nói: “Ông là người ngu si, chẳng biết chỗ cất vật báu, và lại ông hãy làm việc với ta, ta cho ông của báu, sử dụng nó không bao giờ hết”. Người nhà nghèo bèn nghe theo lời của người ấy, sau đó người kia mới lấy của báu trong nhà người nghèo ra rồi cấp cho. Người nghèo mừng rỡ dấy lên ý nghĩ lạ kỳ, biết người sĩ phu kia thật sự là người đáng nương cậy. Hết thấy chúng sinh cũng như thế, ai nấy đều có bản tính của Như Lai, thế nhưng do vô lượng phiền não che lấp ẩn mất, nên không thể nào tự mình hay biết, Như Lai phương tiện khuyên dỗ họ tiến bước để dứt dứt hóa độ, khiến cho họ biết, chính bản thân mình có Như Lai tánh rồi vui mừng tin theo và thọ trì.

Lại nữa, này thiện nam! Ví như người mẹ sinh ra đứa con, đang còn nhỏ mà bị mắc bệnh. Người thầy thuốc phương tiện hòa hợp vị thuốc hay với bơ sữa và thạch mật rồi khiến đứa con uống vị thuốc ấy. Thầy thuốc nói với người mẹ ấy: “Bà hãy thận trọng đừng cho nó bú, để cho thuốc của đứa con mới uống được tiêu hóa, rồi sau mới cho nó bú”. Bà mẹ lại hòa hợp vị thuốc đắng rồi xoa lên vú của mình. Đứa con muốn bú vú mẹ, thế nhưng nó ngửi mùi thuốc đắng nên liền bỏ đi. Người mẹ biết vị thuốc ấy tiêu hóa, sau đó mới rửa vú để cho đứa con bú.

Như thế, này thiện nam! Như Lai khuyên dỗ chúng sinh, hãy tiến bước và giáo hóa họ, thoát đầu ta nói pháp tu hạnh vô ngã đối với hết thấy pháp cho chúng sinh. Lúc tu vô ngã thì chúng sinh diệt trừ cái ý kiến chấp trước có ta, diệt ngã kiến xong mới vào Nê-hoàn. Vì muốn trừ bỏ cái ngã của thế tục nên ta nói phương tiện giáo pháp bí mật vô ngã, rồi sau đó mới nói bản tính của Như Lai cho chúng sinh, đó gọi là cái ta chân thật là khỏi cõi đời.

Ca-diếp bạch Phật:

– Bạch Thế Tôn! Lúc người ta mới chào đời, trí tuệ hãy còn ít ỏi. Dần dần người ấy lớn khôn, trí tuệ cũng theo đó mà sáng suốt. Nếu có cái ngã ấy thì trước sau phải như một. Vì trí tuệ kia dần dần tăng thêm, cho nên biết không có cái ngã. Lại nữa, cái ngã ấy không có sự sống chết, thế nhưng có

sự sống chết nên biết rằng không có cái ngã. Ví phỏng tất cả chúng sinh đều có Như Lai tánh thì phải không có sự khác nhau, thế nhưng hiện tại có những hạng người như Trưởng giả, Phạm chí, Sát-lợi, Cư sĩ, Chiên-đà-la v.v... mọi loài chúng sinh chịu đủ các thứ nghiệp khác nhau, việc thọ thân cũng chẳng giống nhau. Nếu như chúng sinh có Như Lai tánh thì cần phải ngang hàng với nhau, thế mà nay họ không giống nhau, do đó biết rằng chúng sinh không có bản tính của Như Lai. Hoặc giả lại có Như Lai tánh thật sự, thì họ không nên giết hại, trộm cắp, gây ra đủ mọi hành động tội ác và bất thiện. Nếu cho rằng chúng sinh có Như Lai tánh, thì người điếc lẽ ra phải nghe được, người mù mắt lẽ ra phải nhìn thấy, người câm lẽ ra phải nói năng. Ví phỏng mỗi người đều có Như Lai tánh, thì tính ấy được ở chỗ nào? Đối với đủ thứ màu sắc, xanh, vàng, đỏ, trắng trong thân thể hòa hợp kia, tính ấy được ở một chỗ hay là trong khắp cả thân thể?

Phật bảo Ca-diếp:

– Ví như vị quốc vương có châu báu ma-ni đại lực sĩ, có năng lực trừ khử độc hại đau đớn, vua buộc viên ngọc trên đầu rồi đánh nhau với nước đối địch. Vua bị người kia đánh, khiến cho viên ngọc báu ma-ni lọt vào trong thân thể, viên ngọc bị máu thịt và da che phủ, thế là vua bị mất ngọc báu, tìm hoài chẳng được, vua bèn khởi lên ý tưởng mình mất viên ngọc báu. Bấy giờ có người thầy thuốc giỏi đến chữa bệnh cho nhà vua, nhân đó nhà vua bèn nói với người thầy thuốc: “Ta có châu báu liền bị đánh mất, ta tìm kiếm khắp nơi mà chẳng biết ở đâu, nên biết của báu là vật phi thường giống như bong bóng trên mặt nước, sinh ra nhanh chóng, tiêu diệt nhanh chóng, giả dối như huyễn”. Như thế, nhà vua dấy lên sự suy nghĩ mình đã mất ngọc báu vĩnh viễn. Người thầy thuốc trả lời: “Viên ngọc báu không mất, xin đại vương đừng dấy lên tư tưởng mất ngọc. Nhân lúc đại vương đánh nhau, viên ngọc đã lọt vào trong thân mình, vì máu thịt và da che phủ cho nên nó không hiện ra”. Vị vua kia không tin mà nói với người thầy thuốc: “Bên trong máu thịt, chỗ nào có ngọc báu, đó là lời dối trá mà thôi”. Khi ấy, người thầy thuốc kia liền lấy viên châu ngọc ra cho nhà vua, vua kia được châu ngọc rồi mới tin điều hiểu biết lạ kỳ của người thầy thuốc. Tất cả chúng sinh cũng như vậy, mỗi người đều có bản tính của Như Lai, song họ quen theo tri thức ác mà khởi lên sự dâm dục, tức giận, ngu si rồi堕 vào ba đường ác, cho đến thọ lãnh đủ các thân khắp cả hai mươi lăm cõi, bản tính của Như Lai ví như viên ngọc báu ma-ni ẩn mất ở vết thương phiền não dâm dục, tức giận, ngu si, chẳng biết nó ở nơi nào. Đối với cái ngã của thế tục, họ tu quán tưởng vô ngã, chẳng hiểu giáo pháp bí mật

phương tiện của vị thầy thuốc tài giỏi Như Lai, họ đẩy lên quán tưởng vô ngã mà không thể biết cái ngã chân thật. Do vậy Như Lai lại làm phương tiện, khiến cho vô lượng phiền não đang rực cháy bị dập tắt, khai thị bản tính của Như Lai hiện ra rõ ràng.

Lại nữa, này thiện nam! Ví như ở ngọn núi Tuyết có phương thuốc ngọt ngào tên gọi là Thượng vị, khi vị Chuyển luân Thánh vương chưa xuất hiện ở đời thì nó ẩn mất mà chẳng hiện ra, các người bệnh ấy đều đến nơi có thuốc, họ đào đất chôn ống tre để tìm cầu nước thuốc, có người hứng được mùi vị ngọt, có người được mùi vị đắng, có người được mùi vị cay, có người được mùi vị chua, có người được mùi vị mặn, có người được mùi vị nhạt. Thế rồi những người bệnh ấy hứng được các mùi vị này, mà chẳng được phương thuốc Thượng vị chân thật. Họ đào đất không sâu vì phước đức mỏng manh. Nhờ sức mạnh phước đức nên khi Chuyển luân Thánh vương xuất hiện ở đời, liền được phương thuốc Thượng vị chân thật.

Như thế, này thiện nam! Như Lai tánh là mùi vị đủ loại, vì vô lượng phiền não ngu si che lấp, cho nên chúng sinh không được bản tính của Như Lai thượng vị, họ có đủ mọi thứ hành nghiệp, đâu đâu cũng thọ thân. Như Lai tánh kia không thể nào giết hại được, các người chết ấy gọi là tuổi thọ ngắn ngủi, bản tính của Như Lai gọi là tuổi thọ chân thật, không cắt đứt cũng chẳng hủy hoại, cho đến thành Phật. Bản tính của Như Lai không có hại không có giết, chỉ có thân nuôi lớn, bởi vì có làm hại có giết chóc giống như những người bệnh kia gây ra mọi nghiệp tà vạy, chịu đủ các thứ báo ứng. Dòng dõi Sát li, Phạm chí, cho đến hai mươi lăm cõi sống chết, chẳng được Như Lai tánh chân thật.

Lại nữa, này thiện nam! Giống như người đào đất tìm vật báu kim cương, tay cầm cái đục bén đào khoét đất đá cứng đều có thể khiến cho đất đá vỡ vụn, chỉ có kim cương không ai có thể cắt đứt. Tính của Như Lai cũng như thế, gươm bén của thiên ma không thể nào làm thương tổn, chỉ có thân nuôi lớn chịu sự tổn thương hủy hoại ấy không phải là Như Lai tánh. Vì vậy, nên biết rằng bản tính của Như Lai không có sự tai hại, không có sự giết chóc, đó là lời dạy quyết định của Như Lai, khế kinh Phương đẳng vừa làm cam lộ, vừa là thuốc độc.

Ca-diếp bạch Phật:

– Bạch Thế Tôn! Ý nghĩa cam lộ và thuốc độc của khế kinh Phương đẳng quy hướng nơi nào?

Phật bảo Ca-diếp:

– Nay thiện nam! Nay ông hãy lắng nghe, Ta sẽ nói cho ông rõ. Bây giờ, Đức Thế Tôn liền nói bài kệ:

*Có người ăn cam lộ
Được sống lâu như tiên
Có người uống cam lộ
Tổn thọ mà chết sớm
Hoặc chết do uống độc
Hoặc sống bởi uống độc*

Cam lộ ấy là trí vô ngại của Ma-ha-diễn, thuốc độc ấy cũng là trí vô ngại của Ma-ha-diễn. Giống như đề hồ, dầu bơ, đường phèn, nếu ăn chúng không tiêu thì gọi là thuốc độc, nếu ăn chúng mà tiêu hóa thì gọi là cam lộ. Chúng sinh không có trí chẳng hiểu giáo pháp bí mật của Phương đẳng Đại thừa, thì đối với người ấy gọi là thuốc độc; hàng Thanh văn và Duyên giác trụ vào pháp Đại thừa, cho đến các Bồ-tát, bậc oai hùng ở trong loài người gọi là cam lộ. Ví như con bò sữa, mặc dù màu sắc của chúng không giống nhau, song sữa của nó chung một mùi vị. Như thế, này Ca-diếp! Nên biết đó là điều mà Bồ-tát thành tựu sự không sợ hãi, rồi quay trở về và nương dựa vào pháp tánh của Như Lai. Tính của người kia và tính của Ta đều cùng một vị như nhau.

Do đó Bồ-tát Ca-diếp liền nói bài kệ:

*Con quy y Tam bảo
Như Lai tánh sâu xa
Tự thân Như Lai tạng
Phật Pháp Tăng là ba
Người quy y như thế
Là nương dựa cao nhất.*

Bấy giờ, Đức Thế Tôn lại vì Ca-diếp mà nói bài kệ:

*Người chẳng biết Tam bảo
Sao gọi biết quy y
Ý nghĩa còn không rõ
Làm sao biết Phật tánh.
Nếu nhờ quy y Phật
Đó là an lành nhất
Lại có nhân duyên gì
Mà lại quy y Pháp.
Người quy y với Pháp*

Đó là tướng tự tâm
 Lại có nhân duyên gì
 Mà quay về chúng Tăng.
 Không tin quy y Phật
 Bạc chân thật quyết định
 Tam bảo Như Lai tánh
 Làm sao có thể biết.
 Chưa biết nghĩa thế nào
 Mà sinh suy tính trước
 Phật Pháp Tỳ-kheo
 Tăng Ghế thang của Tam bảo.
 Giống như không có thai
 Mà mong muốn sinh con
 Người suy nghĩ như thế
 Chỉ thêm rối loạn mình.
 Như người tìm tiếng vang
 Là Ưu-bà-tắc thật
 Nên chăm cầu phương tiện
 Nghĩa quyết định Đại thừa.
 Như Lai tùy thuận nói
 Khiến ông trừ lưới nghi.

Bồ-tát Ca-diếp lại nói bài kệ:

Phép làm Ưu-bà-tắc
 Quay về nương với Phật
 Tất cả các thiên thần
 Không sinh tưởng quy y.
 Phép làm Ưu-bà-tắc
 Quay về hướng với Pháp
 Không theo pháp hại sinh
 Mà cúng tế phi pháp.
 Phép làm Ưu-bà-tắc
 Quay về nương dựa Tăng
 Chẳng theo chúng tà đạo
 Cầu xin ruộng phước tốt.
 Cho nên nương Tam bảo
 Trừ ba phi pháp tục
 Ba pháp quay về này

Cũng là Như Lai nói.
 Xưa ta do pháp này
 Nay được chỗ yên ổn
 Các ông cũng nên làm
 Rốt cuộc đến chỗ ta.
 Đường phẳng phiu như thế
 Theo đó các ông đi
 Chóng tránh khỏi các khổ
 Hoặc sống chết luân hồi.
 Bản tính của Như Lai
 Cũng từ Thế Tôn nói
 Ta và các chúng sinh
 Cùng Như Lai tánh này.
 Đạo chư Phật thuận theo
 Chúng con đều theo đó
 Cho đến các ma trời
 Cũng có cam lộ này.
 Kết cục giống chư Phật
 Đáng Mâu-ni là hữu

Bấy giờ, Đức Thế Tôn lại nói bài kệ một lần nữa cho Ca-diếp:

Ông đừng như Thanh văn
 Trí tuệ của trẻ con
 Chỉ quy y một ngôi
 Nên biết không có ba.
 Đạo bình đẳng như vậy
 Một vị Phật Pháp Tăng
 Vì diệt si tà kiến
 Nên lập ba pháp này.
 Nay ông muốn thị hiện
 Kể tùy thuận thế gian
 Phải theo chỉ dạy này
 Quy y với Tam bảo.
 Nếu người quy y Phật
 Chính là quy y Ta
 Quy y Đẳng Chánh Giác
 Chánh giác Ta đã đắc.
 Kể phân biệt quy y

Thì loạn Như Lai tánh
 Nên ở chỗ Như Lai
 Mà khởi tâm bình đẳng.
 Chắp tay cung kính lễ
 Là lễ tất cả Phật
 Ta là chỗ dựa thật
 Cho các loài chúng sinh.
 Vì Ta đã đầy đủ
 Thân thanh tịnh diệu pháp
 Nếu lễ tháp xá-lợi
 Hãy nên kính lễ Ta.
 Ta là tháp chân thật
 Cho mọi loài chúng sinh
 Cũng là xá-lợi thật
 Cho nên phải kính lễ.
 Ví phổng quy y Pháp
 Hãy nên quy y Ta
 Bởi Ta đã đầy đủ
 Thân thanh tịnh diệu pháp.
 Ta là pháp chân thật
 Cho các loài chúng sinh
 Nếu quy y chúng Tăng
 Cũng nên quy y Ta.
 Hết thấy chúng còn lại
 Đều nhiếp bởi Phật Tăng
 Ta là Tăng Chánh Giác
 Cho các hàng chúng sinh.
 Loài chúng sinh không mất
 Sinh đạo nhãn cho họ
 Cho nên chúng Thanh văn
 Và các Tăng Duyên giác.
 Tăng Như Lai đều nhiếp
 Quy y chân thật nhất.

Phật bảo Ca-diếp:

– Như thế, này thiện nam! Đại Bồ-tát nên suy nghĩ thế này, dù cho sự chẳng tốt lành và không biết gì cả gom góp lại, thế nhưng cần phải biết rằng, Ta có Phật tánh. Giống như người khỏe mạnh kia lúc đang chiến đấu,

nên biết ta là vị tướng lĩnh trong quân, là chỗ nương cậy của tất cả mọi người. Ví như con vua lúc làm thái tử, cần phải biết ta là người ở trên tất cả vương tử, ta sẽ nối ngôi vua để làm chỗ nương dựa chân thật cho các vương tử, rốt cuộc không sinh tâm nghĩ rằng mình là kẻ thấp hèn.

Này thiện nam! Đại Bồ-tát cũng như thế, lập ý chí kim cương vượt lên hẳn ba pháp kia, giống như vị vương tử kia thành tựu sự không sợ hãi. Ở trong ba pháp, vị ấy lìa khỏi các thứ suy nghĩ, Như Lai là bậc cao nhất dường như tướng trên đỉnh đầu là bậc nhất; không phải Phật, không phải Pháp, không phải Tỳ-kheo Tăng, đủ mọi thứ khác nhau như bậc thang vậy. Như Lai làm chỗ nương dựa cho thế gian, vì việc độ thoát thế gian, nên đối với pháp chân thật, Như Lai thị hiện đủ mọi thứ, mà đặt ra ba pháp khuyên bảo giáo hóa chúng sinh thơ dại không biết gì, khiến cho họ đi vào trí tuệ sâu sắc của Đại thừa.

Bồ-tát Ca-diếp lại nói bài kệ:

*Biết nghĩa chân thật này
Mà hỏi đáng Như Lai
Muốn hiển phát Bồ-tát
Dừng mãi lìa như bản.
Hay thay Thế Tôn nói
Việc Bồ-tát tu hành
Trí sâu sắc Đại thừa
Như luyện tuệ kim cương.
Hay thay Thế Tôn nói
An lập các Bồ-tát
Như Lai khéo tỏ rõ
Nay con cũng đương nhiên.
Tất cả loài chúng sinh
Đều nên tự quán xét
Như Lai tạng tự thân
Đều là ba quy y.
Phàm hết thấy chúng sinh
Người tín thọ kinh này
Nếu đã lìa phiền não
Và các dục chưa lìa.
Đều nên về tự thân
Như Lai tạng vi diệu*

Chỉ quy y chính đáng
 Không hai cũng không ba.
 Nguyên có vì sao vậy
 Thế Tôn phân biệt rộng
 Tự thân ai nấy có
 Như Lai tạng vì diêu.
 Do biết nghĩa lý này
 Chẳng quay về ba nữa
 Con đã vì tất cả
 Thế gian dựa chân thật.
 Pháp và Tỳ-kheo Tăng
 Tất cả việc thâu giữ
 Thanh văn Phật-bích-chi
 Thấy đều nên kính lễ.
 Vì thế các Bồ-tát
 Hướng đúng đạo Đại thừa
 Như Lai tánh như thế
 Là không thể nghĩ bàn.
 Vì đủ bả hai tướng
 Và tám mươi vẻ đẹp

Phật bảo Ca-diếp:

– Quý hóa thay! Quý hóa thay! Này thiện nam! Các Bồ-tát ấy cần phải học trí lanh lợi rất sâu sắc như thế. Lại nữa, này thiện nam! Ta sẽ giảng nói lại lần nữa về việc vào Như Lai tạng.

Phật liền nói bài kệ:

Có ngã tồn tại lâu
 Trọn chẳng trải khổ hoạn
 Nếu như không có ngã
 Là tu phạm hạnh suông.
 Tất cả pháp vô ngã
 Gọi là đoạn diệt giáo
 Người nói ngã trường tồn
 Thì gọi thuyết chấp thường.
 Tất cả pháp vô thường
 Đó là thuyết đoạn diệt
 Tất cả pháp là thường

Thì gọi là thuyết thường.
Tất cả pháp là khổ
Đó là thuyết đoạn diệt
Hết thấy pháp là vui
Đó là thuyết chấp thường.
Tất cả tu thường tưởng
Là chóng được đoạn diệt
Tất cả tu vô thường
Là mau được thường tưởng.
Ví như bóc côn trùng
Được một vôi trông hai
Người tu thường như thế
Là chóng được đoạn diệt.
Nếu người tu đoạn diệt
Cũng chóng được thường tưởng
Nói thí dụ như thế
Được một lại cầu dư.
Pháp khác nếu tu khổ
Thì nói phần bất thiện
Pháp khác nếu tu lạc
Chính là nói phần thiện.
Pháp khác tu vô ngã
Vô lượng các phiền não
Pháp khác tu thường còn
Phật tánh và Niết-bàn.
Pháp khác tu vô thường
Thì thân không bền vững
Pháp khác nếu tu thường
Tam bảo bậc Như Lai.
Và bình đẳng giải thoát
Là các pháp chân thật
Điều mà Như Lai nói
Chẳng giống với dụ kia.
Nên biết trừ hai mé
Ở giữa mà nói pháp
Chấp thường và đoạn diệt
Là cả hai kiến ấy.

Hạng phàm ngu thể gian
Mê hoặc lời Phật dạy
Dụ như người bệnh gầy
Chợt uống bơ mê loạn.
Có người không thêm hoạn
Vị như người bệnh nặng
Bổn đại thêm bớt nhau
Mà không được hòa hợp.
Đàm ẩm tăng không ngừng
Chủng gió nổi thiêu đốt
Phong ẩm đã trái ngược
Nước bọt cũng thêm nữa.
Chẳng hòa hợp như thế
Toàn thân phát cuồng loạn
Lương y khéo điều trị
Thuận theo an bốn chủng.
Trừ diệt tất cả bệnh
Vui đẹp toàn thân khỏe
Như rắn độc bốn đại
Vô lượng hoạn phiền não.
Lương y khéo điều trị
Tĩnh bình đẳng yên ổn
Tĩnh bình đẳng ấy là
Tên gọi Như Lai tạng.
Được nghe Như Lai tánh
Lìa khỏi tất cả cỗi
Thường trụ không biến đổi
Chẳng dính sự có không.
Phàm ngu mà nói bừa
Chẳng hiểu pháp sâu xa
Như Lai vì chúng sinh
Phương tiện nói thân khổ.
Phàm ngu không thể rõ
Nói thân ta đoạn diệt
Người tuệ hiểu chân đế
Không gộp tất cả thọ.
Biết được trong thân ta

Có hạt giống an vui
Nghe ta nói vô thường
Phương tiện cho chúng sinh.
Phàm ngu bảo thân ta
Như đồ hỏng thợ gốm
Người tuệ hiểu chắc rằng
Không gộp tất cả thọ.
Biết được thân ta có
Giống pháp thân vì diệu
Nghe ta nói vô ngã
Phương tiện cho chúng sinh.
Phàm ngu nói pháp Phật
Hết thấy không ngã sở
Người trí hiểu chắc rằng
Không nói giả danh hết.
Vỡ thanh tịnh chẳng làm
Chân pháp tánh Như Lai
Nghe Phật vì chúng sinh
Phương tiện nói pháp không.
Người ngu không thể biết
Bảo dứt ngôn ngữ thấy
Người tuệ hiểu chắc rằng
Không gộp tất cả thọ.
Biết pháp thân Như Lai
Trường tồn chẳng biến đổi
Nghe ta nói giải thoát
Phương tiện cho chúng sinh.
Người ngu nói thân Phật
Giải thoát đều hao mất
Người tuệ hiểu chắc rằng
Không đoạn hết qua lại.
Nhân Sư tử, Như Lai
Tự tại đi một mình
Ta nói cho chúng sinh
Vô minh duyên các hành.
Phàm ngu không thể biết
Nói đó là hai pháp

Người tuệ hiểu chắc rằng
 Minh, phi minh tuy khác.
 Pháp giải thoát chân thật
 Thì không có hai tướng
 Duyên các hành sinh thức
 Phàm ngu nói là hai.
 Người tuệ biết hành duyên
 Tuy hai mà chẳng hai
 Mười thiện và mười ác
 Phàm ngu theo hai tướng.
 Người tuệ có thể rõ
 Tuy hai mà chẳng hai
 Có tội và vô tội
 Phàm ngu bảo là hai.
 Người tuệ hiểu chắc rằng
 Tự tính chẳng phải hai
 Tướng thanh tịnh bất tịnh
 Phàm ngu bảo là hai.
 Người tuệ hiểu chắc rằng
 Tự tính chẳng phải hai
 Người làm và không làm
 Nói tất cả các pháp.
 Phàm ngu không thể biết
 Cho đó là hai pháp
 Người tuệ hiểu chắc rằng
 Tự tính chẳng phải hai.
 Nói tất cả các pháp
 Là phần khổ và vui
 Phàm ngu không thể biết
 Cho đó là hai pháp.
 Người tuệ hiểu kỹ rằng
 Tự tính chẳng phải hai
 Ta nói cho chúng sinh
 Hết thấy hành vô thường.
 Phàm ngu không thể biết
 Tu chung Như Lai tánh
 Người tuệ hiểu kỹ rằng

Tự tính chẳng phải hai.
 Ta nói cho chúng sinh
 Tất cả pháp vô ngã
 Phàm phu không thể biết
 Bảo Phật nói vô ngã.
 Người tuệ hiểu tự tính
 Ngã, vô ngã chỉ một
 Vô lượng vô số Phật
 Nói là Như Lai tạng.
 Ta cũng nói khế kinh
 Tích tụ mọi công đức
 Ngã, vô ngã chẳng hai
 Các ông khéo thọ trì.

Này thiện nam! Nên nghĩ nhớ lại, kinh tích tụ tất cả công đức, Ta nói kinh Bát Nhã Ba La Mật và kinh Đại Bát Niết Bàn là không phải hai kinh, kinh kia nói về cái ngã và không có cái ngã như thế là không phải hai. Ví như từ sữa tươi làm ra sữa cô đặc, từ sữa cô đặc chế làm ra kem, từ kem làm ra bơ, từ bơ chế ra đề hồ, gọi rằng trước sau là một, gọi là từ chỗ khác đến. Nếu tức là một tức làm ra sự kiện gốc, nếu sữa tươi tức là từ sữa cô đặc, thì khi hiện còn sữa tươi mà không có tướng sữa cô, nhân duyên phát sinh lẫn nhau từ vị sữa này sang vị sữa khác như thế, không phải đã có trước kia mà nói rằng chuyển đổi từ vị sữa này sang vị sữa khác.

Nếu sự việc từ chỗ khác đến, thì sự việc kia trụ tại chỗ nào, cho rằng vào lúc còn vị sữa tươi, không thấy các vị sữa như sữa cô từ chỗ khác đến. Hết thấy thành phần của các vị sữa kia đều có tự tính của vị đề hồ, nhưng vì các lỗi che lấp, nên thành phần khác hiện ra. Bò ăn quá mức nên sữa biến thành huyết khí, bò ăn cam thảo thì sữa có mùi thơm ngọt, bò ăn cỏ đắng thì sữa có vị đắng. Ở dưới núi Tuyết có thứ cỏ thơm ngọt, con bò ăn thứ cỏ ấy sản xuất thành đề hồ, không làm ra màu sắc khác. Coi như bò ăn cỏ đủ thứ mùi vị, thì có đủ các thứ màu sắc khác. Minh và vô minh không phải là hai pháp, cũng như thế, vì hành nghiệp lỗi lầm nên minh chuyển thành phi minh. Hết thấy pháp tốt lành và pháp chẳng tốt lành đều không có hai pháp, cho nên phải biết rằng, tính của Như Lai giống như vị đề hồ kia, tự tính vốn thanh tịnh, vì lỗi lầm phiền não nên có tướng khác hiện ra.

Ví như người ta nói nước trong biển cả mặn, không phải là tất cả nước ấy đều mặn, trong ấy cũng có nước tám mùi vị. Ví như núi Tuyết có

nhieu thứ cỏ độc, thể nhưng trước đây núi Tuyết kia có cỏ thuốc hay. Thân thể của tất cả chúng sinh cũng như thế, bốn đại hòa hợp ví như rắn độc, nhưng lại ở trong thân này trước đây có Phật tánh, giống như vị thuốc hay kia, Như Lai tánh ấy trước sau luôn luôn có, không phải tạo tác và đối tượng tạo tác, chỉ vì vô lượng phiền não cạnh tranh khởi lên ở khoảng giữa. Phàm các chúng sinh muốn cầu quả Phật, nên trừ bỏ vô lượng phiền não tai họa trói buộc. Ví như tháng mùa xuân, bầu trời nổi lên đám mây lớn, sấm sét vang rền, nhưng chưa đổ mưa xuống, cỏ cây hoa quả đều chưa đâm chồi nảy mầm; mùa hạ đổ mưa lớn, tất cả sum sê tươi tốt. Tánh của Như Lai cũng như vậy, vì bị che lấp bởi vô lượng phiền não tai họa trói buộc, tuy nghe khế kinh và các Tam-muội, cho nên chẳng biết tánh của Như Lai, vì không biết mà khởi lên tưởng ngã và vô ngã. Khế kinh Phương Đẳng Đại Bát Nê Hoàn, pháp tạng mật giáo nghe ở thế gian, chúng sinh nghe xong thì tánh của Như Lai thấy đều nảy mầm, có thể nuôi lớn nghĩa lớn, cho nên gọi là Đại Bát-nê-hoàn.

Như thế, này thiện nam! Nếu có chúng sinh học Phương đẳng Bát-nê-hoàn này, gọi là người ấy đã đền trả ân đức của Như Lai xong xuôi.

Ca-diếp bạch Phật:

– Quý hóa thay! Bạch Thế Tôn! Đối với các hàng Thanh văn và Phật-bích-chi, tánh của Như Lai rất là quý báu khó thấy và khó được.

Phật bảo Ca-diếp:

– Đúng thế, đúng thế! Này thiện nam! Ta cũng thường nói tánh ấy rất là khó thấy. Ví như có người không thấy được năm màu vì bị màn da che mắt, người ấy đến vị thầy thuốc tài giỏi kia để chữa mắt của mình. Người thầy thuốc bèn trừ bỏ ít phần da thịt làm che mắt cho người đó, rồi lấy một vật biểu hiện khiến cho người đó nhìn. Người kia do lầm lẫn lộn xộn cho rằng có hai, có ba vật, nhìn kỹ hồi lâu thì trông thấy lờ mờ. Như thế, này thiện nam! Đại Bồ-tát tu sửa thanh tịnh đạo đức, thành tựu mười trụ, ở trong tự thân quán xét tánh chân thật của Như Lai, vẫn còn bị bánh xe vô ngã làm mê hoặc, hướng chi lại là hàng Thanh văn và Phật-bích-chi mà có thể biết điều đó chăng? Thiện nam! Nên biết tánh của Như Lai khó thấy như thế.

Lại nữa, giống như có người ngược lên xem chim bay, trông xa thì không biết có phải hay là không phải, nhìn rõ hết tầm mắt của mình thì chỉ nhận biết phảng phất. Bồ-tát Thập trụ cũng như vậy, vị ấy quán xét Như Lai tánh ở trong tự thân vẫn còn sinh ra ý tưởng lầm lẫn, quán lâu ngày mới biết phảng phất, hướng gì lại là Thanh văn và Phật-bích-chi.

Lại nữa, giống như người mắc bệnh đàm ẩm tăng thêm, nên mê muội đối với các phương hướng, người ấy muốn có chỗ đi đến, từng tâm tư nối tiếp nhau chuyên lòng nhớ nghĩ cố nhận ra nhưng vẫn lạc đường đi. Bồ-tát Thập trụ cũng như thế, vị ấy quán xét Như Lai tánh ở trong tự thân, chuyên tâm phương tiện song vẫn còn có sự tán loạn mê hoặc, huống gì lại là hàng Thanh văn và Phật-bích-chi.

Lại nữa, giống như kẻ đi xa giữa chốn đồng không mông quạnh, bị sự nóng bức và khát nước làm rối loạn, xa xa nhìn thấy ánh nắng bụi bặm tựa hồ sóng nắng, hoặc cho là nước, hoặc nói là cây rừng, hoặc nói rằng thôn xóm. Bồ-tát Thập trụ cũng như thế, vị ấy quán xét Như Lai tánh ở trong tự thân cũng sinh ra tưởng sai lầm.

Lại nữa, ví như có người bước lên trên cao nhìn xuống, xa xa thấy tháp Phật, hoặc cho là nước, hoặc nói là hư không, hoặc nói rằng nhà cửa, hoặc cho là sóng nắng, núi, đá, cỏ, cây; phương tiện quan sát kỹ mới biết đó là ngôi tháp. Bồ-tát Thập trụ cũng như thế, vị ấy quán xét Như Lai tánh ở trong tự thân vẫn còn sinh ra tưởng sai lầm, phương tiện nhìn hết mức mới biết chân thật.

Lại nữa, giống như người đi thuyền trên biển cả, xa xa thấy thành quách rồi sinh ra tưởng sai lầm, hoặc cho là hư không, hoặc nói là hình dáng sự vật. Bồ-tát Thập trụ cũng như thế, vị ấy quán xét Như Lai tánh ở trong tự thân cũng sinh ra tưởng sai lầm.

Lại nữa, ví như vị vương tử xem đào hát suốt đêm, đến khi ánh nắng mặt trời hiện ra, vị ấy nhìn thấy mọi người rồi sinh ra mê hoặc, thấy người thân mà tưởng lầm kẻ khác. Bồ-tát Thập trụ cũng như thế, vị ấy quán xét Như Lai tánh ở trong tự thân cũng sinh ra tưởng sai lầm.

Lại nữa, ví như vị quan lớn đi đến chỗ vua để tư vấn tường tận mọi chuyện với nhà vua, đêm tối ông trở về nhà, ở trong ánh điện chớp, dường như ông thấy con trâu trắng mà sinh ra tưởng sai lầm, hoặc cho là nhà cửa, hoặc bảo là gò đồng. Bồ-tát Thập trụ cũng như vậy, vị ấy quán xét Như Lai tánh ở trong tự thân cũng sinh ra tưởng sai lầm.

Lại nữa, ví như vị Tỳ-kheo giữ giới tự lọc nước sạch, nhìn kỹ lại một lần nữa dường như vị ấy trông thấy sợi lông nhỏ, hoặc cho là vi trùng, hoặc cho là mây bụi. Bồ-tát Thập trụ cũng như thế, vị ấy quán xét Như Lai tánh ở trong tự thân cũng sinh ra tưởng sai lầm.

Lại nữa, giống như người trông lên đỉnh núi cao, nếu có người đi bộ, lầm cho là cầm thú. Cũng như thế, Bồ-tát Thập trụ quán xét Như Lai tánh

ở trong tự thân cũng sinh ra tướng sai lầm.

Như người đầu mắt xem tranh vẽ vào đêm tối trời, hoặc cho là tranh vẽ người ta, hoặc cho là tranh vẽ vị thần, hoặc cho là tượng Phật, hoặc cho là tranh vẽ Phạm vương, Đế thích và các vị Bồ-tát. Cũng như thế, Bồ-tát Thập trụ quán xét Như Lai tánh ở trong tự thân cũng sinh ra tướng sai lầm.

Như thế, này thiện nam! Tánh của Như Lai rất sâu xa khó thấy, chỉ có cảnh giới của Phật, không phải là điều mà các hàng Thanh văn và Phật-bích-chi có thể thấy biết. Như thế, này thiện nam! Giáo pháp của Như Lai mà người trí tuệ biết, phải nên có lòng tin và thọ trì.

Ca-diếp bạch Phật:

– Như lời Thế Tôn nói, tánh của Như Lai rất sâu xa vi diệu, những người phàm mắt thịt làm sao thấy được?

Phật bảo Ca-diếp:

– Ví như cõi trời Phi tướng phi phi tướng, chỉ có cảnh giới của Phật mới có thể thấy, còn tất cả hàng Thanh văn và Phật-bích-chi làm sao có thể thấy được. Chỉ cần những vị kia thuận theo khế kinh của Như Lai, có lòng tin và phương tiện, rồi sau mới quán xét một cách bình đẳng. Như thế, này thiện nam! Hết thầy hàng Thanh văn và Phật-bích-chi nên đối với kinh Phương Đẳng Bát Nê Hoàn mà phát sinh lòng tin, biết tự thân của mình có Như Lai tánh. Cho nên, phải biết rằng, tánh của Như Lai chỉ có cảnh giới của Phật, không phải cảnh giới của các hàng Thanh văn và Phật-bích-chi.

Ca-diếp bạch Phật:

– Bạch Thế Tôn! Chúng sinh trong thế gian đều nói có cái ta, so sánh ý nghĩa thế nào?

Phật bảo Ca-diếp:

– Ví như vào một thuở nọ, hai người làm bạn với nhau, một người là con vua, một người là kẻ nghèo túng, họ qua lại thắt chặt tình bạn tốt đẹp. Vị vương tử ấy có con tê giác cái đã được điều phục, người nghèo trông thấy nó. Vào thời gian sau này, người kia cùng đi chung với vị vương tử đến đất nước khác, trời tối hai người cùng dừng chân ngủ lại ở một nhà khách. Thế rồi ở trong giấc mơ, người nghèo kia nói: “Con tê giác đến, con tê giác đến”, tiếng nói vang thấu ra ở bên ngoài. Khi ấy có người nghe, bèn đi đến chỗ nhà vua rồi đem những điều mình nghe được tâu đầy đủ rõ ràng cho vị quốc vương. Nhà vua liền hỏi: “Nơi nào có con tê giác cái?”. Bấy giờ, người nghèo kia bèn tâu với nhà vua: “Tôi không có con tê giác cái, người bạn tri thức tốt lành của tôi có, đã có lần tôi thấy nó”. Tức thời nhà

vua lại hỏi hình dạng của nó thế nào, người kia lại tâu với vua: “Sừng của nó tương tự con dê”. Người nghèo nói lời như thế xong, vua bèn nói với người nghèo: “Ông tự trở lại nơi nào có con tê giác”. Người kia không nói dối, thế mà chuyện con tê giác tựa hồ con dê truyền khắp thiên hạ. Như thế chẳng bao lâu vị vua ấy qua đời, thái tử lên ngôi cũng hỏi thăm tìm con tê giác song không thể nào được; sau này, người con của thái tử nối ngôi làm vua cũng như thế, mong cầu con tê giác chẳng được; đời vua này đến đời vua khác thường xuyên truyền về chuyện con tê giác mà đẩy lên tư tưởng con dê. Như thế, khi Đại Bồ-tát xuất hiện ở đời, vị ấy nói về cái ngã chân thật cho chúng sinh. Trong số đó, kẻ không biết gì nghe tất cả chúng sinh đều có Phật tánh, họ chẳng biết tính chân thật ấy bèn vọng tưởng nói rằng, cái ngã giống như cây đèn nhỏ xíu nằm ở trong tâm, đủ các thứ ngã, nhân và thọ mạng của chúng sinh. Giống như người kia nằm mơ nói, rồi người này nói tiếp người kia đều khởi lên tà kiến, so đo suy tính có cái ta và tính của cái ta, không được ngã chân thật rồi nói rằng không có cái ngã. Thế nhưng hết thảy chúng sinh trong thế gian thường đẩy lên ý tưởng xằng bậy, so đo suy tính có cái ngã và tưởng không có ngã.

Như thế, này thiện nam! Ta nói tánh của Như Lai là chân thật nhất. Nếu thế gian nói ngã thuận theo pháp, nên biết đó gọi là lìa khỏi thế tục, nên biết đều là Bồ-tát biến hóa, thị hiện nói giống như thế tục.



Phẩm 14: VĂN TỰ

Phật lại bảo Ca-diếp:

– Tất cả lời lẽ, chú thuật, ký luận được Như Lai nói là nguồn gốc của hết thảy.

Ca-diếp bạch Phật:

– Bạch Thế Tôn! Nghĩa ấy thế nào? Phật bảo Ca-diếp:

– Thoạt đầu Ta bày rõ bản tự làm nguồn gốc của tất cả. Hết thảy chú thuật, ngôn ngữ vốn nắm giữ và tích tụ pháp chân thật, chúng sinh thơ đại ngây ngô từ căn bản của văn tự này mà học tập thông suốt các pháp, đó là pháp hay phi pháp và biết sự sai biệt của nó. Cho nên Như Lai biến hóa thị hiện gốc của chữ mà không gọi là phi pháp.

Ca-diếp bạch Phật:

– Bạch Thế Tôn! Sao gọi là gốc của chữ? Phật bảo Ca-diếp:

– Mười bốn âm đầu tiên gọi là căn bản của chữ, mười bốn âm ấy thường gọi là căn bản bất tận của tất cả. Bất tận có nghĩa gì? Nghĩa chẳng thể bị phá hoại, nghĩa chẳng tiết lậu, nghĩa Như Lai gọi là nghĩa bất tận. Pháp thân Như Lai là kim cương không thể bị phá hoại, cho nên gọi là chẳng hoại. Như Lai không có các lậu của chín đường, cho nên gọi là chẳng tiết lậu. Như Lai thường trụ, cho nên nói ý nghĩa của sự vô tác bất tận.

Âm a ngắn đầu tiên nghĩa là tốt, tốt là ý nghĩa của Ba ngôi báu. Thứ hai, âm a dài (à) nghĩa là hiện Thánh trí, tên gọi của nó là bậc Thánh là khỏi số thế gian, thanh tịnh, ít sự ham muốn, có khả năng vượt qua tất cả biển của ba cõi, cho nên gọi là Thánh. Thánh là chân chính, có thể làm đúng khuôn phép, hành xử luật nghi và phép tắc mực thước của thế gian, đó là ý nghĩa của những chữ ấy vậy.

Lại nữa, âm a là có sự nuôi lớn đều nương dựa vào bậc Thánh, là gốc rễ của tất cả chánh hạnh chân thật. Hiếu dưỡng cha mẹ đều dựa vào sự hiểu biết ấy, hiểu rõ chánh pháp trụ ở Ma-ha-diễn, thiện nam, thiện nữ, Tỳ-kheo và Bồ-tát giữ giới, điều mà những vị ấy thực hành như thế đều nương dựa vào bậc Thánh.

Lại nữa, âm a là chỗ nương dựa của quy luật và sự cấu tạo ngôn ngữ thế giới, như nói thiện nam A-già-xa, như nói nam tử đừng làm A-na-già-la, cho nên a cũng là chỗ nương dựa của ngôn ngữ thế gian.

Âm i ngắn là “đây”, nói pháp này chính là pháp Như Lai, phạm hạnh, xa lìa, nhiễm bản của mọi phiền não, thanh tịnh. Vì chư Phật Thế Tôn giống như mặt trăng vành vạnh lộ rõ pháp này mà thể hiện tên gọi này.

Lại nữa, âm i là như nói rằng, đây là nghĩa đúng, đây là nghĩa sai trái, đây là ma nói, đây là Phật nói, nương dựa vào sự phân biệt ấy nên gọi là này.

Âm i dài (i) ấy gọi là tự tại, gọi là đại tự tại. Phạm vương tự tại có thể đối với giáo pháp Như Lai khó có được, đem sức tự tại để hộ trì chánh pháp. Vì nguyên do đó nên gọi là tự tại.

Lại nữa, âm i là tự tại đối với kinh Đại Thừa Phương Đẳng Bát Nê Hoàn này, tự tại thâm giữ, khiến cho giáo pháp này tự tại rực cháy, khiến cho chúng sinh khác tự tại chịu sự học tập kinh Phương Đẳng này.

Lại nữa, âm i là tự tại, Phương đẳng có năng lực tiêu trừ âm i là ghen ghét và tà kiến, giống như sữa sang lúa mầm ở ruộng đồng, nhổ bỏ các loài cỏ dại. So sánh những việc như thế, do đó cho nên Như Lai nói âm i tự tại.

Âm u ngắn là ở trên vậy, Ta nói nghĩa cao nhất đối với khế kinh này, có lẽ là điều mà các hàng Thanh văn và Phật-bích-chi chưa từng nghe qua tai dù một câu, một chữ, một vài lời. Ví như Uất-đan-việt là châu đứng hàng đầu về sự phước đức trong các phương, Đại Thừa Phương Đẳng cũng như thế, hề một lời được nghe qua tai, nên biết hạng người ấy là bậc cao thượng của trong loài người, gọi là Bồ-tát, vì thế cho nên Như Lai nói chữ u này.

Âm u dài (ù) là giống như sữa bò thơm, mùi vị thơm của sữa ấy chính là mùi vị cao nhất của kinh Đại Thừa, giảng nói rộng rãi về tính chân thật của Như Lai, sự kiêu mạn trái ngược chánh pháp thấy đều tiêu diệt.

Lại nữa, âm u còn tên gọi là u lớn. Đối với Như Lai tạng, người ấy cắt đứt cội rễ trí tuệ và thọ mạng mà dính mắc vào thuyết vô ngã, nên biết hạng người ấy gọi là đại ưu, vì thế cho nên Ta nói âm u.

Âm ai là như thế vậy. Nói đó là pháp Phật; Như Lai Nê-hoàn, cũng nói pháp ấy. Âm ai là Như Lai, có nghĩa là đến và đi, bởi thế cho nên nói Như Lai, Như Khứ.

Âm o là dưới thấp vậy. Phiền não thấp hèn đều trừ diệt xong thì gọi là Như Lai, cho nên Ta nói âm o.

Âm au chính là Ma-ha-diễn. Ở trong số mười bốn âm thì âm au là rốt ráo, cho nên Ta nói tên gọi là Ma-ha-diễn, đối với tất cả luận đó là luận rốt ráo, cho nên Ta nói âm au.

Âm ạm là tất cả vậy. Giáo pháp của Như Lai xa lìa hết thấy tiền tài vật báu. Âm ạm nghĩa là che ngăn, nghĩa là Nhất-xiển-đề.

Âm ạch cuối cùng là hết vậy. Tất cả khế kinh Ma-ha-diễn là hết sức cùng tận.

Âm ka là suy nghĩ hết thấy chúng sinh như con một, đối với tất cả các chúng sinh đều khởi lên lòng từ bi, cho nên Ta nói âm ka.

Âm kha là đào lên vậy, khai phát đào lên pháp tạng hết sức sâu xa của Như Lai, trí tuệ ăn sâu vào không có sự bèn chắc, do đó Ta nói âm kha.

Âm ga là tàng chứa vậy. Tất cả chúng sinh có Như Lai tạng cho nên Ta nói âm ga.

Âm gha đọc nặng là tiếng gầm vậy. Thông thường con sư tử gầm nên nói Như Lai thường trụ.

Âm na là giòng vậy. Hết thấy các pháp hữu vi do nhân duyên sinh ra lưu chuyển trong ba đời, thoát khỏi thoát diệt, cho nên gọi là na.

Âm ca là hành vậy. Vì thành tựu chúng sinh nên gọi là ca.

Âm cha là soi sáng. Tính thường trụ của Như Lai, cho nên Ta nói âm cha.

Âm ja là sinh vậy. Sinh ra các sự giải thoát, không phải như sinh của sinh tử nguy hiểm dễ vỡ, cho nên Ta nói âm ja.

Âm jha đọc nặng là thiêu đốt vậy. Tất cả phiền não thiêu đốt khiến dập tắt mau chóng, cho nên nói là jha.

Âm na là trí vậy. Thật sự biết pháp cho nên nói là na.

Âm ta là tỏ rõ vậy. Ở cõi Diêm-phù-đề biểu hiện chẳng đầy đủ, thế mà pháp thân của Như Lai kia thường trụ cho nên nói là ta.

Âm tha là biểu thị sự thỏa mãn đầy đủ vậy. Đầy đủ một cách bình đẳng cho nên nói là tha.

Âm da là nhẹ nhàng tự tại không ắc mắt, cho nên Ta nói âm da.

Âm dha đọc nặng là chẳng biết hổ thẹn, không báo đền ân sâu cho nên Ta nói âm dha.

Âm na là không chính đáng giống như các kẻ ngoại đạo, cho nên nói là na.

Âm ta là che lấp tất cả hữu, khiến cho nó không nối tiếp nhau, cho nên nói âm ta.

Âm tha là không biết vậy. Giống như con tầm làm kén, cho nên nói là tha.

Âm da là phương tiện vui vẻ đối với Ma-ha-diễn, cho nên nói âm da.

Âm dha đọc nặng là gìn giữ vậy. Hộ trì Ba ngôi báu giống như không làm cho núi Tu-di chìm lìm, cho nên nói là dha.

Âm na là giống như cờ phướn của Nhân đà la bên cạnh cửa thành, dựng lên Ba ngôi báu, cho nên nói âm na.

Âm pa là khởi lên tướng đảo ngược. Ba ngôi báu chìm lìm mà tự mê loạn, cho nên nói âm pa.

Âm pha là thế giới thành bại, giữ giới thành bại, tự mình thành bại, cho nên nói âm pha.

Âm ba là sức lực vậy. Như các Đức Như Lai có vô lượng thần lực, không phải chỉ mười lực, cho nên nói âm ba.

Âm bha đọc nặng là có thể làm mái che chánh pháp là Bồ-tát đạo, cho nên nói âm bha.

Âm ma là giới hạn vậy. Vào ngưỡng cửa khuôn phép của hàng Bồ-tát, tự cứng rắn ý chí của mình, làm lớp mái che cho chúng sinh, cho nên nói âm ma.

Âm ya là tập thực hành bốn thứ công đức của Bồ-tát, cho nên nói là ya.

Âm ra là diệt bỏ sự dâm dục, giận dữ, ngu si; đi vào pháp chân thật, cho nên nói âm ra.

Âm la đọc nhẹ là không lĩnh thọ thừa Thanh văn và Phật-bích-chi mà nhận lãnh sự học tập Đại thừa, cho nên nói là âm la.

Âm va là chú thuật của tất cả thế gian đặt ra, hàng Bồ-tát đều nói, cho nên nói âm va.

Âm sa là ba thứ gai độc thầy đều đã nhổ, cho nên nói là âm sa. Âm sạ là nghĩa đầy đủ, đều có thể nghe và lĩnh thọ khế kinh

Phương đẳng, cho nên Ta nói âm sạ.

Âm sa là dựng lên chánh pháp, cho nên Ta nói âm sa.

Âm ha là tiếng làm kinh động vậy. Kỳ lạ thay các pháp hữu vi do nhân duyên sinh ra, lưu chuyển trong ba đời thầy đều rút ráo. Kỳ lạ thay Như Lai mà vào Nê-hoàn rời xa các sự vui sướng, cho nên nói âm ha.

Âm kta là ma vậy. Thiên ma hàng ức ngàn không có ai năng lực phá hoại vị Tăng chân chính Như Lai, vì thuận theo thế gian mà thị hiện có sự hủy hoại.

Lại nữa, thuận theo thế gian làm cha mẹ và các người họ hàng thân thuộc cho nên nói âm ksa.

Âm r, r, l, l, bốn chữ này là trường dưỡng bốn nghĩa Phật và Pháp, Tăng; thị hiện có đôi đũa thuận theo thế gian, thị hiện hữu đối (chương ngại) giống như Điều-đạt phá hoại Tăng. Ngôi báu Tăng thật sự không bị phá hoại, Như Lai phương tiện thị hiện việc phá hoại Tăng, hóa làm hiện tượng như thế là để kết thành giới luật. Nếu người biết nghĩa phương tiện của Như Lai thì chẳng nên sợ hãi, nên biết đó gọi là thuận theo thế gian, do vậy Ta nói bốn chữ sau cùng này. Thanh âm hút khí, thanh âm lưỡi, thanh âm theo mũi, âm thanh vượt lên cao, âm thanh dài, lấy những ý nghĩa đó mà hòa hợp với chữ này, giống như những chữ này hòa thuận các thanh, đi vào âm thanh ngôn ngữ của mọi người, đều y theo lưỡi và răng mà có sai biệt, vì nhờ các chữ này, thân tích tụ vô lượng các tai họa phiền não, làm nhân duyên hòa hợp âm, giới, các nhập; tịch diệt nghỉ ngơi, vào Như Lai tánh,

Phật tánh hiện ra rõ ràng, thành tựu trọn vẹn tột cùng. Cho nên, bán tự gọi là căn bản của hết thảy các chữ. Nếu quán xét lý chân thực của các pháp và sự giải thoát của Như Lai cũng không có tướng của văn tự ngôn ngữ, tướng của chữ và tướng của vị thầy đều xa lìa. Cho nên, hết thảy sự xa lìa gọi là giải thoát, sự giải thoát ấy tức là Như Lai. Nhân bán tự này có thể khởi lên các pháp, mà không có tướng của các pháp nương theo chữ, đó gọi là khéo hiểu ý nghĩa của văn tự. Nếu khác như thế là không hiểu văn tự phân biệt các pháp là pháp hay phi pháp. Tính của Như Lai và Ba ngôi báu giải thoát, nhưng không thể biết đó là kinh hay không phải kinh, đó là luật hay không phải luật, đó là ma nói hay Phật nói, tất cả đều không thể biết lời nói của Ta. Do hạng người ấy không biết chữ, cho nên này thiện nam, các ông cần phải khéo học bán tự, cũng nên đi vào sự hiểu rõ số văn tự kia.

Ca-diếp bạch Phật:

– Bạch Thế Tôn! Con sẽ khéo học những bán tự này. Nay Thế Tôn của chúng con bắt đầu cho người con Phật có được bậc thầy cao cả trên hết, nay con mới vào trường học tập.

Phật bảo Ca-diếp:

– Quý hóa thay! Quý hóa thay! Này thiện nam! Người ưa thích tu tập chánh pháp cần phải học như thế.



Phẩm 15: LẤY CHIM LÀM THÍ DỤ

Phật lại bảo Ca-diếp:

– Chim nhận, chim hạc, chim xá-lị, điều gọi là các thứ pháp vô thường, khổ, không và vô ngã thì giống như những loài chim nhận, chim hạc, chim xá-lị.

Ca-diếp bạch Phật:

– Ý nghĩa này thế nào? Phật bảo Ca-diếp:

– Có pháp vô thường, có pháp là thường; có pháp là khổ, có pháp là vui; có pháp là ngã, có pháp là vô ngã. Ví như người làm ruộng gieo trồng năm thứ lúa dùng hạt để ăn và các cây ăn quả. Từ khi chúng nảy mầm cho đến mọc ra hoa lá, người ấy thường xuyên khởi lên tư tưởng phi thường. Đến như khi chúng chín muồi, thu hoạch trái cây ấy, lúc được thọ dụng mà

này sinh tư tưởng thường còn. Vì sao? Vì sự chân thật hiện rõ ra.

Ca-diếp bạch Phật:

– Bạch Thế Tôn! Sao gọi là sự thường còn của ngũ cốc? Sự thường còn đó không hoại diệt giống Như Lai chăng?

Phật bảo Ca-diếp:

– Cũng như đem Như Lai tỉ dụ núi Tu-di, lúc thế giới bại hoại, núi Tu-di ấy lẽ nào không hoại chăng? Thiện nam! Không nên đối với thí dụ mà đặt ra câu hỏi ấy, tất cả các pháp đều trở về với sự hoại diệt, chỉ có Nê-hoàn là pháp thường còn mà thôi, lời nói tùy theo thế gian nên lấy núi kia làm ví dụ.

Ca-diếp bạch Phật:

– Thưa vâng, bạch Thế Tôn! Hay thay lời nói này! Phật bảo Ca-diếp:

– Như thế, này thiện nam! Việc tu tập các Tam-muội theo tất cả khế kinh, cho đến việc chưa nghe khế kinh Phương đẳng Đại Bát Nê Hoàn, các hàng chúng sinh tu quán tưởng vô thường, khi họ nghe kinh này rồi, nếu thiện nam và thiện nữ vốn ôm lòng phiền não thì mãi mãi lìa khỏi sự trói buộc bởi lòng nghi ngờ, hiểu rõ pháp thường. Vì sao? Vì tính của Như Lai ở tự thân mỗi người được hiện ra rõ ràng.

Lại nữa, này thiện nam! Ví như thợ vàng nung chảy kim loại ấy, đến mức đồ dùng chưa thành thì người thợ ấy đẩy lên tưởng phi thường, khi đồ quý báu đã hoàn thành thì thường được thọ dụng. Như thế, Thiện nam! Việc tu tập các Tam-muội theo tất cả khế kinh, ngay cả việc chưa nghe khế kinh Phương đẳng Đại Bát Nê Hoàn, các chúng sinh ấy tu tưởng vô thường, khi họ nghe kinh này xong thì vĩnh viễn lìa khỏi sự trói buộc bởi lòng nghi ngờ và điều phiền não ôm ấp trong lòng, hiểu rõ pháp thường. Vì sao? Vì tánh Như Lai ở tự thân mỗi người được hiện ra rõ ràng.

Lại nữa, này thiện nam! Ví như có người trồng cây mía, cây mè, cả đến lúc cây và hạt chưa chín, họ thường đẩy lên tư tưởng đủ mọi thứ mùi vị. Khi đã chế thành dầu mè, đường phèn xong xuôi, người ấy mới biết mùi vị thật sự. Như thế, này thiện nam! Sự tu tập các Tam-muội theo tất cả khế kinh, ngay cả việc chưa nghe khế kinh Phương đẳng Đại Bát Nê Hoàn, các chúng sinh ấy tu tưởng vô thường, khi họ nghe kinh này xong, thì mãi mãi lìa khỏi sự trói buộc bởi lòng nghi ngờ và điều phiền não ấp ủ, hiểu rõ pháp thường còn. Vì sao? Vì tánh Như Lai ở tự thân mỗi người được hiện ra rõ ràng.

Ví như trăm sông đều đổ về biển, như thế hết thấy khế kinh và các

Tam-muội đều trở về với kinh Phương đẳng Bát-nê-hoàn. Vì sao? Vì tính của Như Lai là rốt ráo nhất, do đó ta nói có pháp vô thường, có pháp là thường, như chim xá-lị, kiếm đâm lo buồn Như Lai đã cắt đứt, thế mà có nhiều người nghi ngờ đối với luận này. Nhưng sự lo buồn của Như Lai ấy là hiện có trước mắt, không giống như sự lo buồn của hàng người, trời và chúng sinh khác. Như phi tướng xứ làm sao có tướng, nếu không có tướng thì không cần phải có tuổi thọ, có sống lâu song không có tướng, thì làm gì có tên gọi của tướng âm, giới và nhập.

Lại nữa, như cây rừng đều có thân nương dựa, nếu cây có thân nương dựa, là nương dựa vào thân rễ, hay là nương dựa vào nhánh cây. Các chỗ như thế thấy đều không hiện, gọi là trụ vào chỗ nào để nương dựa. Như vậy, giáo pháp Như Lai rất sâu sắc, nên biết sự lo buồn của Như Lai là thị hiện, đối với La-hầu-la mà khởi lên lòng từ, cho đến Phi tướng phi phi tướng xứ cũng như thế, chỉ có Phật với Phật mới biết ý nghĩa này. Những điều này đều là pháp của chư Phật mà còn không có tâm ý thì làm sao có lo buồn, lo buồn nếu không có thì giáo pháp trái nhau. Ý tưởng xem như con một đó là lời nói suông, nói tất cả pháp đều không thể nào tin được, nhưng lời Như Lai nói là không thể nghĩ bàn, giáo pháp của chư Phật cũng chẳng thể nghĩ bàn, pháp Phật của Như Lai không thể nghĩ bàn, đó là chân thật.

Ví như hư không, không thể tạo lập cung điện hay nhà cửa ở trong đó, thế mà nhà ảo thuật có thể tạo ra ở trong đó, kẻ phàm phu ngu si trông thấy xong rồi dấy lên ý nghĩ thế này, làm sao giữa hư không mà có thể an lập như sự chuyển đổi của tâm ý, lời nói như thế còn không có tâm ý thì làm gì có sự lo buồn, lo buồn nếu như không có, thì ví dụ về La-hầu-la ấy là chẳng chân thật. Như giữa hư không, Như Lai lo buồn là việc không thể được, như sự huyền hóa ấy, tùy theo sự chuyển đổi của tâm ý, Như Lai thì có tâm tướng lo buồn, nghe bát Nê-hoàn mà dấy lên sự suy nghĩ như thế này, làm sao có lo buồn, người nghe sự chuyển đổi ấy thường có sự lo buồn. Do đó Như Lai thường trụ, nếu vô thường thì có lo buồn, nhưng nay Như Lai không phải là vô thường. Như Lai lo buồn và không có nỗi lo buồn đều không thể biết được.

Dưới là biết dưới mà không biết giữa và trên; giữa là biết giữa và dưới mà chẳng biết trên ấy; chỉ có trên là tất cả đều biết. Các hàng Thanh văn và Phật-bích-chi ấy ai nấy đều tự biết, nhưng không thể biết cảnh giới của Như Lai, Như Lai đều biết hết, cho nên gọi là xa lìa mọi chướng ngại.

Ví như nhà ảo thuật thị hiện biến hóa đủ mọi thứ, Như Lai cũng vậy, tùy thuận thế gian mà thị hiện đủ mọi thứ, có thể biết đây gọi là người thông tuệ, tướng của người phạm phu mất thịt là vô tướng, không phải cảnh giới của họ, thế mà đối với Như Lai, họ dấy lên tướng buồn lo và không buồn lo. Cho nên Ta nói, có pháp là ngã, có pháp là không phải ngã, giống như chim xá-lị.

Lại nữa, này thiện nam! Giống như chim nhạn, chim hạc và chim xá-lị, vào tháng mùa hạ, lúc trời mưa nước sông tràn ngập, chúng lựa chọn chỗ cao ráo mà xếp đặt cho con mình yên ổn, rồi sau mới bay đi. Như thế, Như Lai xuất hiện và làm hưng thịnh cho đời, hóa độ vô lượng chúng, khiến cho họ đi vào chánh pháp, phương tiện nói pháp cho người chịu sự giáo hóa, hoặc nói pháp khổ, hoặc nói pháp vui. Các hành hữu vi gọi là khổ, Nê-hoàn rất mực vui sướng, lìa khỏi các hành hữu vi thì Ta nói tên gọi là vui.

Ca-diếp bạch Phật:

- Nghĩa ấy là thế nào? Phật bảo Ca-diếp:
- Điều đó gọi là như như. Ca-diếp bạch Phật:
- Sao gọi là chúng sinh được vui thú Nê-hoàn? Phật dạy:
- Này Ca-diếp! Như trước đây Ta nói tất cả các hành không có sự sinh, già và chết, điều đó gọi là:

Nếu không buông lung

Chỗ ấy bất tử

Nếu kẻ buông lung

Đó là đường chết.

Người không buông lung

Được chỗ chẳng chết

Nếu người buông lung

Thường ở sinh tử.

Nếu người buông lung là hành hữu vi, người kia có hành hữu vi thì đó là pháp khổ. Không phải Nê-hoàn, đó là chỗ chết. Nếu tạo tác sự buông lung thì đó gọi là tạo tác hành, nên biết hành này thì gọi là rất khổ, không hướng đến Nê-hoàn gọi là con đường chết, người không có sự buông lung là không tạo tác hành, tuy lại tạo tác hành cũng chẳng sinh tử, đó gọi là thân kim cương chẳng hủy hoại. Kẻ thế tục ấy gọi là buông lung, người xa lìa thế tục là không có sự buông lung, khỏi sinh, già, chết là khoái lạc Nê-hoàn, cho nên Như Lai có nói pháp khổ, có nói pháp vui, có nói phi ngã, có nói đó là ngã. Như chim bay giữa hư không, chẳng trông thấy dấu tích của

nó. Người không có thiên nhãn, phiền não chưa dứt bỏ, không tự nhìn thấy thân và tính của Như Lai. Cho nên Ta nói có pháp vô ngã, vì phiền não nên nói giáo pháp bí mật vi diệu. Các chúng sinh ấy không có thiên nhãn mà tính toán so đo ngã và ngã sở, tạo tác hành hữu vi vô lượng phiền não, cho nên Ta nói các pháp vô thường cho họ. Do đó Ta nói có pháp vô thường:

Giống như mặt sáng trụ đỉnh núi

Biết rõ hạng phàm phu nơi ấy

Như Lai đạo nhãn lên đài tuệ

Không còn lo nghĩ loại quần sinh.

Như thế, vô lượng phiền não đều tiêu diệt, gọi là trụ đỉnh núi, nhìn vô lượng phiền não ấy rực cháy, chúng sinh thấp kém ai là người bước lên đài tuệ. Thế nào gọi là không có sự lo lắng, nếu người không có sự lo lắng, thì sao gọi là lo nghĩ thế gian. Nếu Nê-hoàn diệt tận, thì sao có việc xem xét kẻ ngu. Ví phỏng Như Lai Nê-hoàn diệt tận, sao gọi là có thể bước lên đài cao trí tuệ. Nếu cho rằng Nê-hoàn, làm sao ở đỉnh núi có thể nhìn xuống dưới ấy. Đài trí tuệ là nói rằng, diệt tận Nê-hoàn là người không có nỗi lo và lo nghĩ, gọi là Như Lai lo nghĩ vô lượng quần sinh trong thế gian. Đỉnh núi là nói giải thoát, trụ là người thực hành, địa là hành hữu vi, người ngu là người không có phương tiện khéo léo khi nói. Hiểu rõ kỹ càng là chánh giác. Như Lai là mãi mãi xa lìa sự lo lắng khổ sở vì đó là pháp thường còn. Nhờ tự mình lìa khỏi âu lo, thấy chúng sinh bị đồ sắc bén đâm vào, lo lắng buồn bức, rồi phát sinh nỗi lo lắng cho họ. Nếu như Như Lai vĩnh viễn xa lìa sự lo lắng thì không gọi là bậc Chánh giác, tùy chúng sinh kia mà đáp ứng sự thấu giữ giáo hóa, Như Lai Đẳng Chánh Giác liền thị hiện cho họ, do đó nên biết Như Lai thường trụ, thị hiện mọi thứ giống như chim nhận, chim hạc và chim xá-lị.



Phẩm 16: LẤY MẶT TRĂNG LÀM THÍ DỤ

Đức Phật lại bảo với Ca-diếp:

– Nay thiện nam! Giống như mặt trăng không hiện ra, mọi người cho là mặt trăng lặn mất, hết thấy dân chúng đều dấy lên tư tưởng lặn mất, mặt trăng xuất hiện ở phương khác thì dân chúng ở phương khác bảo rằng mặt trăng mọc, thế nhưng mặt trăng kia không lặn cũng chẳng mọc, nhân vì sự

xuất hiện của núi Tu-di nên có sự xuất hiện và tàng ẩn. Như vậy, Như Lai Ứng Cúng Đẳng Chánh Giác ở Đại thiên thể giới hoặc cõi Diêm-phù-đề nương tựa nhân duyên cha mẹ mà thị hiện sinh ra làm con, người trong cõi Diêm-phù-đề đều dấy lên tư tưởng sinh ra. Lại nữa, Ta thị hiện vào Nê-hoàn ở lên tư tưởng diệt độ, thật ra Như Lai chẳng sinh chẳng diệt.

Lại nữa, này thiện nam! Giống như mặt trăng ở phương khác xuất hiện tròn vành vạnh, chúng sinh ở phương kia đều dấy lên ý tưởng tròn đầy; cõi Diêm-phù-đề này hiện có trăng non, dân chúng phương này dấy lên ý tưởng trăng non mới mọc, mặt trăng dần dần lớn thêm, cho đến khi vàng trăng tròn vành vạnh, họ bèn dấy lên ý tưởng tròn đầy. Thế nhưng vàng trăng kia không thêm cũng chẳng bớt, bởi vì núi Tu-di hiện có tăng giảm. Như Lai Ứng Cúng Đẳng Chánh Giác cũng như thế, hoặc Ta ở cõi Diêm-phù-đề thị hiện có Nê-hoàn, thế rồi các chúng sinh đều dấy lên ý tưởng diệt độ. Hoặc Ta ở cõi Diêm-phù-đề thị hiện sinh ra đời giống như mặt trăng mới mọc, người ở cõi Diêm-phù-đề dấy lên tư tưởng trẻ con như mặt trăng mọc ngày mồng ba. Ta thị hiện hành động đi bộ dạo chơi như trăng mọc ngày mồng bốn. Ta thị hiện hành động học tập sách vở như trăng mọc ngày mồng tám. Ta thị hiện xuất gia tu hành cho đến khi mặt trăng tròn vành vạnh. Ta thị hiện ánh sáng rõ ràng phá hoại vô lượng chúng ma, tốt lắm thì thị hiện vào Nê-hoàn. Trang nghiêm thân của mình bằng ba mươi hai tướng tốt và tám mươi vẻ đẹp. Giống như vàng trắng sáng, các tinh tú chung quanh lặn mất mà chẳng hiện ra. Người ở cõi Diêm-phù-đề, hoặc dấy lên tư tưởng sinh, hoặc dấy lên tư tưởng diệt. Thật ra Như Lai không thêm cũng chẳng bớt, thường như vàng trắng tròn vành vạnh, do đó nên biết rằng Như Lai thường trụ.

Lại nữa, này thiện nam! Giống như vàng trắng sáng rõ, tất cả mọi người ở chốn ao đầm, núi non, xóm làng, thành ấp, khắp nơi đâu đâu cũng trông thấy. Tùy theo đồ đựng lớn nhỏ, nước chứa trong các thứ ấy, mặt trăng đều hiện ra tất cả. Nếu người đi chơi xa trăm ngàn do-tuần mà mặt trăng thường theo, rồi những hạng người kia dấy lên ý tưởng thế này, có người cho đó là vàng trắng ban đầu, có người cho đó là vàng trắng khác. Người ngu trông thấy mặt trăng dường như chiếc gương soi mặt, người bậc trung trông thấy mặt trăng dường như bánh xe, bậc thượng nhân thấy mặt trăng tròn năm do-tuần, cho đến chúng sinh còn lại, đều trông thấy tùy theo sức mình. Mặt trăng sáng ngời, Như Lai cũng như thế, tất cả đều trông thấy, thế rồi các chúng sinh, mỗi người dấy lên sự suy nghĩ thế này, họ bảo rằng, Đức Phật Thế Tôn thương xót chúng ta cho nên trú tại nhà chúng ta, cho

đến các loài ở đường súc sinh cũng như thế. Người bị điếc, đui, câm, và những kẻ tàn tật, ngọng ai nấy đều bảo rằng, Như Lai là vị giống như mình, các thứ ngôn ngữ, các thứ sách vở, các thứ thân thể. Mọi người đều dấy lên sự suy nghĩ này, chư Phật Như Lai chỉ nói ngôn ngữ của ta, học sách vở của ta, thị hiện thân như ta, ăn món ăn như ta. Họ lại còn dấy lên tư tưởng khác, có người cho Như Lai là Thanh văn, có người bảo Như Lai là Duyên giác, có người cho rằng Như Lai xuất gia ở đạo khác, có người cho Như Lai vì ta mà làm hưng thịnh ở đời. Thế nhưng, pháp thân chân thật của Như Lai ấy không có sự biến đổi khác, vì chúng sinh nên dùng thân phương tiện thị hiện đủ mọi tướng giống như cây thuốc hay. Như Lai cũng vậy, vì chúng sinh nên thị hiện trăm ngàn sự thay đổi thuận theo thế gian, vì thế cho nên Như Lai chính là pháp thường trụ.

Lại nữa, này thiện nam! Giống như khi La-hầu A-tu-la nắm giữ mặt trời và mặt trăng, các chúng sinh ấy cho là A-tu-la kia ăn mặt trăng, vị kia bỏ mặt trăng xong họ cho là vị kia nhả mặt trăng. A-tu-la kia ngăn ánh trăng không hiện ra ở thế gian, họ bèn dấy lên ý tưởng thực. Vị kia bỏ mặt trăng xong, mặt trăng xuất hiện trở lại ở thế gian, họ cho là vị kia bỏ mặt trăng. Thế nhưng mặt trăng kia khi ẩn mất khi lộ rõ, thật ra không có thêm bớt. Như Lai Ứng Cúng Đẳng Chánh Giác cũng như thế, giống như ông Điều-đạt kia làm tổn thương hủy hoại thân Phật, gây ra những nghiệp vô gián cho đến hạng Nhất-xiên-đề, đều là vì các chúng sinh trong đời sau mà thị hiện làm thương tổn thân Phật, hoại Pháp, phá Tăng. Thật sự pháp thân Như Lai không có sự thương tổn hủy hoại, cho dù số ma trời có hàng ức trăm ngàn, cũng không thể nào dứt bỏ Pháp và phá hoại Tăng được. Cho nên pháp thân Như Lai chân thật không có sự tổn thương và hủy hoại, Ta thị hiện tướng tổn hoại là thuận theo thế gian.

Ví như hai người đánh nhau, tùy theo sự tổn thương và hủy hoại của họ mà so lường tội nhẹ hay nặng. Chư Phật Như Lai cũng như thế, các vị thị hiện tướng tổn thương hủy hoại, biểu hiện tội vô gián là nhằm chế ra pháp luật để răn dạy người đời sau.

Lại nữa, này thiện nam! Ví như người thầy thuốc giỏi khéo chỉ dạy con mình, khiến cho nó học cách thức chữa bệnh, nhận biết các thân rễ, hoa lá, mùi thơm, màu sắc, hình dạng của cây thuốc, ông đều khiến cho nó hiểu rõ. Sau khi vị lương y qua đời, người con ấy nối tiếp sự gây dựng, khéo biết phương pháp chữa bệnh. Chư Phật Như Lai cũng như thế, các vị biến hóa đủ mọi cách để điều trị chúng sinh, thị hiện năm tội trái ngược với đạo lý

và bồi nhọ chê bai kinh pháp, ngay cả hạng Nhất-xiển-đề, chư Phật cũng đều hóa hiện là vì chúng sinh đời sau. Sau khi Phật vào Nê-hoàn, khiến cho các vị Tỳ-kheo thuận theo kinh luật. Giống như lời của Như Lai nói, các vị ấy biết tội nặng nhẹ để tự mình thận trọng dè chừng.

Lại nữa, này thiện nam! Như mặt trăng ở nhân gian, nguyệt thực một lần sáu tháng, thế mà ở trên cõi trời, chư Thiên thấy nguyệt thực vào ban ngày, hoặc lại thấy nguyệt thực trong giây lát. Vì sao? Vì ngày tháng ở cõi trời thì dài, còn ở nhân gian thì ngắn. Chư Phật Như Lai cũng như thế, hoặc cho là chư Phật sống lâu như sáu tháng nguyệt thực, cho đến chư Phật vào Nê-hoàn trong phút chốc. Vì ma phiền não, ma ám, ma chết, ma cõi trời Tự tại, hàng ức trăm ngàn loại vốn không thể nào phá hoại, Ta thị hiện vô lượng sự sinh ra là thuận theo thế gian. Tuổi thọ của Như Lai thật sự không có đo lường nổi, do đó Như Lai là pháp thường trụ.

Lại nữa, này thiện nam! Ví như vàng trắng sáng ngời, tất cả chúng sinh thấy đều yêu thích. Như Lai Ứng Cúng Đẳng Chánh Giác cũng như thế, đem lại pháp an vui, chúng sinh đều ưa thích, an lạc.

Lại nữa, này thiện nam! Ví như mặt trời mọc có ba mùa thay đổi, mùa xuân, mùa hạ, mùa đông khác nhau. Ngày mùa đông thì ngắn, ngày mùa xuân ở mức trung bình, ngày mùa hạ rất dài. Mặt trời Như Lai Ứng Cúng Đẳng Chánh Giác cũng như thế, thị hiện ba thứ tuổi thọ. Ta thị hiện tướng thọ mạng ngắn ngủi cho các chúng sinh, Thanh văn và Duyên giác, hạng này thấy Ta diệt độ rồi thì trong lòng buồn bã than thở: “Sao mà kỳ lạ vậy, tuổi thọ của Như Lai ngắn ngủi quá”. Ta vì các Bồ-tát mà thị hiện tuổi thọ bậc giữa, hoặc đến một kiếp, hoặc hơn một kiếp. Chỉ có Phật xem xét Phật thì tuổi thọ ấy không lường nổi.

Lại nữa, này thiện nam! Giáo pháp vi diệu bí mật Phương đẳng Đại thừa do Như Lai nói, thị hiện tuôn tràn mưa pháp lớn cho thế gian, nếu có chúng sinh ở đời sau này đem phẩm Ma-ha-diễn chánh pháp này để khai thị thế gian, thì nên biết hạng người này là Bồ-tát chân thật giống như cơn mưa vào mùa hạ. Cũng như ngày mùa đông, có nhiều nỗi lo lạnh rét khiến tuổi thọ của con người giảm bớt, hàng Thanh văn và Duyên giác nghe giáo pháp phương tiện vi diệu bí mật của Phật, Phật thị hiện báo thân thọ mạng ngắn ngủi cho những vị ấy, giống như ngày mùa đông. Những hàng Bồ-tát thành tựu trí tuệ vi diệu, thế rồi Phật thị hiện thường pháp của bậc Như Lai cho những vị kia, ví dụ như ngày mùa xuân. Như thế, Như Lai thuận theo thế gian thị hiện thọ mạng ba mùa.

Ví như ban ngày, những vì sao không hiện ra, kỳ thật chúng chẳng mất. Như thế, Như Lai cùng với các Thanh văn và Phật-bích-chi đều xuất hiện ở đời và đều thị hiện Nê-hoàn, không phải riêng một mình tất cả Thanh văn và Duyên giác có sự vô thường vậy. Nên biết đó cũng là pháp thường trụ giống như các ngôi sao vào ban ngày vậy.

Lại nữa, này thiện nam! Cũng như bầu trời râm, mặt trời và mặt trăng không hiện ra, người phàm ngu si nói rằng, mặt trời và mặt trăng lặn mất, thời kỳ chánh pháp của Như Lai diệt hết, Ba ngôi báu hiện giờ ẩn mất cũng như thế, không phải là diệt mãi mãi. Nên biết Như Lai chính là pháp thường còn, cũng chẳng thay đổi, cũng chẳng phai mờ tiêu diệt, không phải các lỗi lầm kia có thể làm nhiễm ô.

Lại nữa, này thiện nam! Chỉ như sao Đẩu và mặt trăng vào lúc cuối đêm sắp hết, giữa lúc tranh tối tranh sáng, tạm thời hiện ra ánh sáng, mọi người trông thấy rồi, chẳng bao lâu liền diệt mất trở lại. Mọi người cho rằng ánh sáng ấy tắt mất song thật ra không diệt. Như thế, này thiện nam! Giống như thời kỳ chánh pháp Như Lai diệt hết, các hàng Phật-bích-chi xuất hiện ở đời, khai thị giáo hóa vô lượng chúng sinh, kiến lập chánh pháp, rồi chẳng bao lâu các vị ấy liền diệt độ, kỳ thật các vị ấy tồn tại lâu dài mà chẳng diệt độ mãi mãi, nhưng mà các chúng sinh không thể nào thấy biết được.

Lại nữa, này thiện nam! Ví như mặt trời mọc thì mọi sự tăm tối đều tiêu trừ. Như thế, Thiện nam Kinh Ma-ha-diễn Bát-nê-hoàn này xuất hiện ở thế gian, nếu có người nghe, thì tội nghiệp vô gián tích tụ vô lượng thấy đều tiêu diệt. Như thế, Thiện nam! Cảnh giới hết sức sâu xa của Ma-ha-diễn Đại Bát-nê-hoàn này không thể nghĩ bàn, khéo nói tính vi diệu của Như Lai. Nếu thiện nam hay thiện nữ nào muốn biết Như Lai là pháp thường trụ, chánh pháp không có sự cùng tận, ngôi báu Tăng không bao giờ mất được, nên chăm chỉ phương tiện tu học kinh này, ta nói người này là được gần gũi với địa vị Phật.



KINH ĐẠI BÁT NÊ HOÀN

QUYỂN 6

Phẩm 17: HỎI VỀ BỒ TÁT

Ca-diếp bạch Phật:

– Hạng người nào là Đại Bồ-tát? Phật bảo Ca-diếp:

– Người đã phát ý và chưa phát ý, hết thảy đều gọi là Bồ-tát. Đây thiện nam! Ví như ngày mùa đông, dầu bơ đông đặc không có trơn nhuận, như thế người tu tập khế kinh và các Tam-muội khác, phát tâm mong cầu quả vị Bồ-đề, hạng người ấy gọi là chưa phát ý đạo, không thể chóng thành đạo quả của Bồ-tát. Vì sao? Vì không có phương tiện siêng năng thì giống như ngày mùa đông. Thiện nam! Lại còn như ngày mùa xuân, trời nóng gát gạo, tất cả thứ dầu bơ thảy đều trơn nhuận, còn lại những thứ bị đóng băng, hết thảy đều tan chảy, nước trong những ao hồ cũng lại khô cạn hết. Như thế, Ca-diếp! Nếu thiện nam và thiện nữ, người trong đạo hay kẻ ngoại đạo, hoặc giả có tâm rất mực chân thành, cho đến kẻ ưa thích tiếng tăm và lợi dưỡng, nghe qua tai hoặc cất giấu trong lòng kinh Phương Đẳng Đại Bát-nê-hoàn này, có người phát tâm Bồ-đề hoặc là người chưa phát tâm, như những hạng người này, hết thảy trong thân họ đều trơn nhuận làm nhân Bồ-đề, cho nên Ta nói rằng, thiện nam và thiện nữ đó đều trở thành Bồ-tát. Công đức tích tụ và giác tuệ vô tận của kinh Phương Đẳng Đại Bát-nê-hoàn như thế, cho nên Ta nói tên gọi là sự thấm nhuận của mùa xuân. Vì sao? Vì kinh này mở mang phát huy pháp thường trụ của Như Lai.

Lại nữa, đây thiện nam! Ví như ánh sáng mặt trời và mặt trăng soi chiếu, các ánh sáng khác đều không hiện ra nữa. Như thế, ánh sáng kinh Đại thừa Bát-nê-hoàn soi chiếu, thì ánh sáng công đức của các khế kinh khác cho đến các Tam-muội đều không hiện ra nữa. Cho nên, thiện nam và thiện nữ nào nghe Phương Đẳng Đại Bát-nê-hoàn này, tuy rằng họ chưa thể phát tâm đạo vô thượng, song ánh sáng mặt trời Nê-hoàn đã vào trong thân làm nhân Bồ-đề, do đó gọi là Đại Bát-nê-hoàn.

Ca-diếp bạch Phật:

– Bạch Thế Tôn! Tất cả chúng sinh ắt hẳn có nhân duyên Bồ-đề nhập vào trong thân là do nguyên có gì? Bạch Thế Tôn! Nói rằng người phạm bốn pháp đọa, gây ra tội vô gián, phỉ báng kinh pháp, cho đến hạng Nhất-xiển-đề đều làm gai độc ở trong chánh pháp chăng? Như điều Phật nói, nếu người chưa phát ý và người có nhân Bồ-đề, có sự khác biệt gì? Bốn hạng người kia phải là người không có tội lỗi hung ác chăng?

Phật bảo Ca-diếp:

– Trừ hạng Nhất-xiển-đề ra, các chúng sinh còn lại, trong số đó có người nào nghe khế kinh Phương Đẳng Đại Bát-nê-hoàn này, làm nhân Bồ-đề, nên biết hạng người ấy đã từng cúng dường vô lượng chư Phật, cho nên được nghe kinh này, còn các tội khác không có năng lực để làm vậy. Vì sao? Vì sức phương tiện lớn lao Ma-ha-diễn này mở mang phát huy tất cả Như Lai tánh.

Ca-diếp bạch Phật:

– Bạch Thế Tôn! Người chưa phát tâm không có sự ưa thích hướng về, nghe thì quay lưng vứt bỏ, làm sao có thể làm nhân Bồ-đề được?

Phật bảo Ca-diếp:

– Người chưa phát ý tuy không ưa thích hướng về mà quay lưng bỏ đi, song vẫn còn nhớ lại kinh này, lòng chẳng quên mất, thì trong giấc mơ khi nằm ngủ, người ấy thấy đại quý thân hiện ra tướng khủng bố rồi bảo: “Ô hay, Thiện nam! Ông nên nhớ nghĩ Bồ-đề, nếu không ưa thích hướng về ta, thì ta sẽ giết nhà ngươi”. Lập tức người kia liền sợ hãi bèn nhớ nghĩ Bồ-đề, cho đến khi thức rồi, tâm vẫn còn nhớ nghĩ liên tục. Lại nữa, sau khi mạng sống chấm dứt, người kia đọa vào trong địa ngục, thấy tội báo của mình cũng lại nhớ nghĩ, đọa vào trong ngục quỷ cho đến sinh lên cõi trời cũng đều nhớ nghĩ: Đối với tâm Bồ-đề mà người kia có thể phát, đối với kinh Đại thừa Bát-nê-hoàn này, tâm không ưa thích từ đây mãi mãi tiêu diệt, như thế chính là nhân của Bồ-đề. Làm nhân như thế, làm duyên như thế, tức là dựng lập Bồ-đề.

Lại nữa, này thiện nam! Giống như trong hư không nổi lên đám mây lớn và mưa xối xả, trời mưa xuống khắp cả quả đất, nước mưa ấy không trụ lại ở chỗ cây khô, đá núi và các vùng cao nguyên mà chảy xuống tưới mát đồng ruộng, ao hồ đều tràn ngập. Chúng sinh thọ dụng trận mưa pháp Ma-ha-diễn Đại thừa này, mưa xuống hạng Nhất-xiển-đề giống như mưa xuống vùng đất cao nguyên, cây khô, đá núi; không thọ nhận sự thấm ướt của nhân duyên Bồ-đề.

Lại nữa, này thiện nam! Ví như rang hạt giống làm cho nó cháy khô, tuy trời mưa hợp thời trở đi trở lại trăm ngàn muôn kiếp đi nữa, hạt giống cũng không thể mọc mầm. Hạng Nhất-xiễn-đề cũng như thế, đối với kinh Phương Đẳng Bát-nê-hoàn này, dù cho họ có nghe kinh trải qua trăm ngàn kiếp đi nữa, cuối cùng cũng không thể phát mộng đâm chồi Bồ-đề. Vì sao? Vì giống như hạt giống lúa cháy, căn lành bị diệt mất.

Lại nữa, này thiện nam! Ví như viên ngọc sáng cho vào trong nước vẩn đục, tức thì nước lắng trong; ném nó vào bùn, không thể khiến cho bùn trong. Kinh Ma-ha-diễn Bát-nê-hoàn này cũng như thế, đặt vào trong nước đục các chúng sinh gây ra năm tội vô gián hay phạm bốn pháp đọa, vẫn còn có khả năng lắng trong mà phát tâm Bồ-đề; nếu ném vào trong bùn Nhất-xiễn-đề, dù qua trăm ngàn muôn năm đi nữa, cũng không thể khiến cho nó trong, khởi lên nhân Bồ-đề. Vì sao? Vì hạng đó không có cội rễ tốt lành vậy.

Lại nữa, này thiện nam! Ví như cây thuốc tên là Dược vương, không có bệnh gì mà không trị được, nước là hương của thân rễ hoa lá của thuốc, hoặc có người uống, hoặc lại xoa vào mình mảy, hoặc chỉ cần ngửi mùi thơm, ý ưa thích hay chẳng ưa thích, bệnh của người ấy đều trừ diệt. Chỉ trừ bệnh ắt phải chết, thì không thể làm cho khỏi bệnh. Như thế, này thiện nam! Kinh Ma-Ha-diễn Bát-nê-hoàn này, đối với bệnh nặng nghiệp ác của hết thảy chúng sinh, đều có thể điều trị. Nếu người phạm bốn pháp đọa, tội nghiệp vô gián, cho đến các người ngoại đạo không ưa thích Bồ-đề, một khi nghe kinh Phương đẳng này qua tai, thì đó gọi là nhân Bồ-đề. Vì sao? Vì kinh Ma-ha-diễn Bát-nê-hoàn này đối với tất cả các điều ác, không gì mà kinh này chẳng trị được, chỉ trừ hạng Nhất-xiễn-đề. Vì sao? Vì hạng ấy không có nhân Bồ-đề. Giống như thân người có chỗ thương tổn, thuốc cỏ bính được ngấm vào thì trừ được mọi tật bệnh, nếu không bị thương tổn hư hoại thì thuốc trở thành vô dụng. Hạng Nhất-xiễn-đề cũng như thế, không thể thương tổn hư hoại để thọ nhận nhân Bồ-đề.

Lại nữa, này thiện nam! Ví như kim cương có năng lực phá hoại mọi thứ báu, nhưng sức không thể phá hoại sừng linh dương màu trắng. Kinh Ma-ha-diễn Bát-nê-hoàn đều có thể phá hoại pháp thành tựu tất cả các điều ác, dựng lập nhân Bồ-đề, chỉ không thể phá hoại việc ác của hạng Nhất-xiễn-đề để khởi lên nhân Bồ-đề.

Lại nữa, này thiện nam! Ví như các cây cối, nếu chặt đứt thân cây và cành của nó, thì chúng lại mọc ra như cũ. Như thế, chúng sinh gây ra các

tội nghiệp, nghe kinh Ma-ha-diễn Bát-nê-hoàn thì sinh ra nhân Bồ-đề, nhưng chặt đứt cây Đa-la thì thân và cành chẳng mọc ra lại, hạng Nhất-xiển-đề cũng như thế, cuối cùng không thể nảy sinh cành lá Bồ-đề.

Lại nữa, này thiện nam! Ví như giữa hư không nổi lên đám mây và mưa lớn, thế nhưng giọt mưa kia chẳng trụ giữa không trung. Kinh Ma-ha-diễn Bát-nê-hoàn này mưa xuống trần mưa pháp khắp nơi, đối với hạng Nhất-xiển-đề thì mưa không trụ lại.

*Không tu chân thật cũng không đến
Chỗ rốt ráo kia không thể thấy
Gọi nghiệp chẳng tốt các ác kia
Là rất què kèch của thế gian.*

Người tu điều thiện ấy gọi là tu Bồ-đề. Không đến là nếu tự mình không tu, thì cuối cùng không thể tự mình chứng đắc. Chân thật là hành nghiệp thù thắng vi diệu bí mật, hành nghiệp thù thắng như thế, đối với người nào không đến gọi là hạng Nhất-xiển-đề, mãi mãi xa lìa tâm thiện gọi là Nhất-xiển-đề, các hạng Nhất-xiển-đề, tăng thượng mạn lấy gì làm gốc? Nghiệp bất thiện phi báng kinh pháp, lấy đó làm gốc. Phi báng kinh pháp, hung nghịch, tàn hại bạo ngược, nên biết hạng người như thế làm cho kẻ trí sợ hãi. Ví như con đường nguy hiểm có nhiều giặc cướp, kẻ phạm phu ngu si kiêu mạn bạo ngược chẳng biết sợ hãi, cố tình đi thẳng đến đó thì bị giặc làm hại. Đấng Pháp vương có sức mạnh lớn lao đi dạo chơi ở con đường này thì không có nỗi sợ hãi. Không thấy chỗ rốt ráo là mãi mãi không thấy nghiệp ác rốt ráo của hạng Nhất-xiển-đề kia, cũng chẳng thấy chỗ rốt ráo vô lượng sinh tử của họ. Ta nói rút gọn việc tích tụ các điều ác kia, nếu nghe đầy đủ thì rất đáng sợ hãi. Cho dù khiến tất cả chúng sinh phát tâm một lúc thành đạo vô thượng, các bậc Chánh giác này vẫn còn không thấy các việc ác rốt ráo của hạng Nhất-xiển-đề kia. Lúc thành chánh giác, các vị ấy lại không thấy sự rốt ráo đối với những điều gì? Hết thấy chúng sinh phá hoại sự sống chết đều thành Phật đạo, chẳng thấy Vô dư Nê-hoàn của chư Phật, vô thường diệt tận như ánh đèn tắt. Gọi các nghiệp ác kia là việc rất hèn kém của thế gian, nghĩa là hạng Nhất-xiển-đề vĩnh viễn xa lìa công đức nhân duyên Bồ-đề, những kẻ này gọi là hạng bị lậu trong thế gian. Đối với Đại thừa sau cùng này mà giác ngộ được làm Phật, đó cũng gọi là bị lậu, pháp tự nhiên của chư Phật là như vậy.

*Kẻ đã gây nghiệp ác
Như tát xà bơ sữa*

*Người ngu khinh bị đốt
Như tro phủ trên lửa.*

Có hạng Nhất-xiển-đề tựa như bậc A-la-hán mà có hành vi trái với đạo lý, có bậc A-la-hán tựa như hạng Nhất-xiển-đề mà thực hành lòng từ. Có hạng Nhất-xiển-đề tựa như bậc A-la-hán, ấy là những chúng sinh phỉ báng Phương đẳng; có bậc A-la-hán tựa như hạng Nhất-xiển-đề là hạng chê bai Thanh văn, nói Phương đẳng một cách rộng rãi, vì ấy nói với chúng sinh: “Ta và các ông đều là Bồ-tát. Vì sao? Vì tất cả chúng ta đều có Như Lai tánh”. Thế nhưng chúng sinh kia cho họ là hạng Nhất-xiển-đề mà nói rằng, Như Lai trao cho chúng ta lời quyết đoán, ông cũng như thế, tôi và các ông đều sẽ lìa khỏi vô lượng phiền não và nghiệp ác của chúng ma như đập vỡ bình nước. Đối với kẻ kinh này ắt hẳn thành Bồ-đề, chớ phát sinh lòng nghi ngờ nữa. Ví như bậc liệt sĩ vâng theo mệnh lệnh của nhà vua sai đi sứ, người ấy đến bên trong nước khác để khen ngợi đạo đức của nhà vua, thà chịu mất thân mạng chứ chẳng thay đổi. Hôm nay chúng ta cũng như thế, Như Lai nói lời ghi nhận tất cả chúng sinh đều có Phật tánh, chúng ta phải không tiếc thân mạng, ở trong người phạm phu ngu si mà giảng nói kinh này một cách rộng rãi, đó gọi là hạng chúng sinh có tấm lòng lớn tựa hồ Nhất-xiển-đề.

Nếu kẻ ngu si không có trí ở chốn tịch mịch vắng vẻ, dáng hình giống như bậc A-la-hán mà chê bai Phương đẳng, hạng phạm phu ngu đần cho kẻ ấy là bậc A-la-hán chân thật mà gọi đó là bậc Đại sĩ. Hạng Tỳ-kheo xấu ác ấy thị hiện ở nơi yên vắng A-luận-nhã mà tự xử trí tựa hồ bậc A-la-hán chân thật, đối với hạnh A-luận-nhã mãi mãi người ấy không thuận theo, rồi tạo ra lý thuyết quái lạ, khởi lên bốn nhân duyên. Họ nói rằng kinh Phương đẳng đều là do ma nói, nói rằng Ma-ha-diễn chính là lừa dối kiếm đâm vào chánh pháp của những người thông minh trí tuệ, chư Phật Thế Tôn đều sẽ vô thường mà nói là thường trụ. Nên biết đó là tướng hủy diệt chánh pháp và phá Tăng, người nói lời như thế gọi là hạng Nhất-xiển-đề, cho nên nói:

*Kẻ đã gây nghiệp ác
Như tát xà bơ sữa
Người ngu khinh bị đốt
Như tro phủ trên lửa.*

Như thế, này thiện nam! Nên biết kinh Phương Đẳng Bát-nê-hoàn là lời nói quyết định của chư Phật Như Lai. Ma-ha-diễn là vô thường tối cao

giống như viên ngọc ma-ni sáng chói sạch trong lia mọi dơ bẩn.

Lại nữa, này thiện nam! Ví như hoa sen, ánh sáng mặt trời chiếu rọi rồi, không có hoa nào là không nở rộ, tất cả chúng sinh cũng như thế, kinh Ma-ha-diễn Bát-nê-hoàn này, một khi đã nghe qua tai, nếu người chưa phát ý, chẳng ưa thích Bồ-đề, thì những điều đó nhất định là nhân của Bồ-đề. Hạng Nhất-xiển-đề kia sở dĩ đoạn tuyệt mãi mãi đối với Như Lai tánh, đây là do sự phỉ báng và gây ra nghiệp ác lớn lao, giống như loài tầm kia dẹt to tự ràng buộc mình mà không có chỗ thoát ra. Hạng Nhất-xiển-đề cũng như thế, đối với Như Lai tánh, họ không thể khai phát làm khởi dậy nhân Bồ-đề, cho đến tất cả cõi sinh tử cùng tột.

Lại nữa, này thiện nam! Giống như hoa Ưu-bát-la, Bát-đàm-ma, Câu-mâu-đầu, Phân-đà-lợi mọc lên ở trong bùn lầy mà không bị bùn lầy kia làm vấy bẩn. Nếu có chúng sinh tu tập kinh Ma-ha-diễn Bát-nê-hoàn cũng như thế, họ không bị phiền não làm ô nhiễm. Vì sao? Vì tính của Như Lai không chịu sự lây nhiễm.

Lại nữa, này thiện nam! Ví như ở đất nước nọ, ngọn gió mát mẻ nổi lên, những lỗ chân lông trong thân thể của hết thảy chúng sinh gặp được ngọn gió này đều trừ diệt hết sự nóng bức. Như thế, này thiện nam! Pháp vị cam lộ của kinh Ma-ha-diễn Bát-nê-hoàn này, tất cả chúng sinh không ai là không được thấm nhuần phát khởi nhân Bồ-đề, trừ hạng Nhất-xiển-đề.

Lại nữa, này thiện nam! Ví như vị lương y hiểu rõ tám thứ phương thuật thì tất cả các bệnh thầy đều có thể điều trị, chỉ trừ bệnh a-tát-xà. Như thế này, Thiện nam! Tất cả khế kinh và các Tam-muội có năng lực trị hết thảy các bệnh phiền não dâm dục, tức giận, ngu si v.v..., nhưng không thể nào trị được kẻ phạm vào bốn giới cấm nặng và tội nghiệp vô gián.

Này thiện nam! Lại có vị lương y hiểu hơn tám thứ phương thuật, các tật bệnh của chúng sinh mắc phải mà số mạng và tuổi thọ chưa hết đều có khả năng trị liệu, chỉ có số mạng và tuổi thọ hết thì không thể khiến cho người ấy khỏi bệnh. Kinh Ma-ha-diễn Bát-nê-hoàn này cũng như thế, những bệnh hoạn phiền não của tất cả chúng sinh, cho đến người không ưa thích Bồ-đề mà chưa phát tâm, thầy đều có thể điều trị khiến cho họ phát Bồ-đề, chỉ trừ hạng Nhất-xiển-đề.

Lại nữa, này thiện nam! Ví như người mù chẳng thấy năm màu sắc, vị thầy thuốc tài giỏi có khả năng điều trị khiến cho mắt mở sáng, chỉ có điều là không thể nào chữa cho người mù bẩm sinh kia. Kinh Ma-ha-diễn

Bát-nê-hoàn này cũng như thế, hết thầy chúng sinh, Thanh văn, Duyên giác không ưa thích Bồ-đề mà chưa phát tâm, thầy đều trị liệu làm cho họ mở con mắt tuệ và phát tâm Bồ-đề, chỉ trừ hạng Nhất-xiển-đề bị mù bẩm sinh.

Lại nữa, này thiện nam! Ví như vị lương y giỏi hơn tám thứ phương thuật, tất cả chúng sinh mắc tật bệnh, thầy thuốc viết chú thuật ấy dán vào trên thân thể, có thể khiến cho các bệnh tật đều được trừ khỏi. Kinh Ma-ha-diễn Bát-nê-hoàn này cũng như thế, các phiền não họa hoạn của tất cả chúng sinh, người không ưa thích Bồ-đề mà chưa phát ý, cho đến phạm bốn giới cấm nặng và tội nghiệp vô gián, đều có thể trừ diệt và an lập Bồ-đề.

Ca-diếp bạch Phật:

– Bạch Thế Tôn! Người phạm vào bốn giới cấm nặng và tội vô gián giống như chặt đứt cây Đa-la, cho đến người không ưa thích Bồ-đề mà chưa phát tâm, làm thế nào có thể khiến cho họ phát khởi nhân Bồ-đề?

Phật bảo Ca-diếp:

– Các chúng sinh đó hoặc ở trong giấc mơ, hoặc khi mạng sống chấm dứt, đọa vào trong địa ngục mà sinh lòng hối hận, rằng xót thương thay, chúng ta hủy phạm chánh pháp, tự mình chuốc lấy tội này, mà phát sinh tâm thể nguyện, ở đây được khỏi phải sinh về nơi khác, ở bất cứ nơi đâu đều cần phải phát tâm làm đạo Bồ-tát, vì đó là sức uy thần của kinh Ma-ha-diễn Bát-nê-hoàn. Những hạng chúng sinh ấy sinh vào trong cõi trời hay loài người, ắt hẳn được phát tâm làm nhân Bồ-đề, cho nên Ta nói người phạm bốn điều cấm nặng cho đến nghiệp vô gián đều được phát tâm làm nhân Bồ-đề.

Lại nữa, này thiện nam! Ví như người thầy thuốc giỏi hòa hợp các phương thuốc tên là A-già-đà, vị thuốc hay như thế tích chứa ở chỗ nào, thì tất cả các thứ độc hại thầy đều tiêu tán, chỉ trừ một loại rắn độc tăng thượng, không thể nào tiêu phục. Kinh Ma-ha-diễn Bát-nê-hoàn này cũng như thế, tất cả bốn rắn độc kiêu mạn, người phạm bốn điều cấm nặng cho đến nghiệp vô gián, người không ưa thích Bồ-đề và chưa phát ý, kinh này đều an lập họ ở đạo Bồ-đề. Vì sao? Vì kinh Ma-ha-diễn Bát-nê-hoàn này là phương thuốc hay bậc nhất không gì hơn được, chỉ trừ hạng Nhất-xiển-đề rắn độc tăng thượng.

Lại nữa, này thiện nam! Ví như người thầy thuốc giỏi hợp các vị thuốc để bôi lên chiếc trống của mình, nếu có chúng sinh đánh nhau bị thương, họ nghe tiếng trống kia, tất cả vết thương đều lành lại, chỉ trừ người hết số mạng thì ắt phải chết. Âm thanh trống pháp của kinh Ma-ha-diễn

Bát-nê-hoàn này cũng như thế, tất cả chúng sinh nghe âm thanh ấy, thì mũi tên đâm dục, tức giận, ngu si; người không ưa thích Bồ-đề và chưa phát ý, kẻ phạm bốn pháp đọa cho đến tội vô gián, tất cả đều trừ khỏi bệnh, chỉ trừ hạng Nhất-xiển-đề ra.

Lại nữa, này thiện nam! Ví như đêm tối, tất cả công việc nhà của người ở cõi Diêm-phù-đề thấy đều bỏ dở để nghỉ ngơi, khi ánh mặt trời lộ dạng rồi, các dân chúng ấy mới có thể sửa sang công việc gia đình. Như vậy, chúng sinh nghe các khế kinh và các Tam-muội giống như đêm tối, họ nghe giáo pháp bí mật vi diệu của kinh Đại thừa Bát-nê-hoàn này giống như mặt trời mọc thấy các chánh pháp, như người làm ruộng kia gặp trời tuôn mưa vào mùa hạ. Trong kinh Ma-ha-diễn, vô lượng chúng sinh thấy đều được ghi nhận sự quyết định hiện bày Như Lai tánh; ở kinh Pháp Hoa, tám ngàn vị Thanh văn được Phật ghi nhận các việc ở đời vị lai, chỉ trừ hạng Nhất-xiển-đề bằng giá mùa đông.

Lại nữa, này thiện nam! Giống như có người bị loài phi nhân nắm giữ, nếu bị độc ác mà được người thầy thuốc tài giỏi, hoặc sai khiến chú thuật, hoặc sai khiến chú dược, thì tai họa kia liền tiêu trừ. Như thế, này thiện nam! Kinh Ma-ha-diễn Bát-nê-hoàn này, nêu Tỳ-kheo, Tỳ-kheo-ni, cho đến kẻ ngoại đạo ở khắp mọi nơi, nếu họ viết chép và diễn nói cho mọi người, trong số đó có chúng sinh hoặc đọc hoặc nghe, những việc này đều là nhân của Bồ-đề. Những sự độc ác tà vạy, việc chẳng ưa thích Bồ-đề, chưa phát sinh ý đạo, cho đến bốn điều cấm nặng, năm tội nghịch đọa vào ngục vô gián thấy đều tiêu diệt, chỉ trừ hạng Nhất-xiển-đề.

Lại nữa, này thiện nam! Giống như trong thân thể của vị đại vương có loài trùng bí mật ăn thịt của mình mà vị vua ấy chưa hay biết, bấy giờ có vị lương y biết tướng bệnh của vị vua ấy, bèn nói với nhà vua kia: “Trong thân thể của ông có bệnh, hãy nên mau chóng chữa trị bệnh ấy”. Khi ấy nhà vua chẳng tin, không muốn ra lệnh chữa trị. Người thầy thuốc ấy sợ hãi không dám cho vua dùng thuốc, bèn bí mật gia trì chú thuật khiến cho loài trùng tự nhiên lọt ra. Nhà vua thấy bệnh rồi mới tin lời nói của thầy thuốc và đãi ngộ trọng hậu. Các hàng chúng sinh cũng như thế, họ nghe kinh Ma-ha-diễn Bát-nê-hoàn song không ưa thích Bồ-đề và chưa phát ý, chư Phật Bồ-tát phương tiện nói cho họ, tuy rằng họ không lĩnh thọ ngay lập tức, nhưng ở trong giấc mơ hoặc khi kết thúc mạng sống, họ liền tự giác ngộ và phát ra nhân Bồ-đề, trừ hạng Nhất-xiển-đề.

Lại nữa, này thiện nam! Ví như người thầy thuốc giỏi khéo chỉ dạy

cho đứa con của mình học tám thứ phương thuật, phương thuật bí mật cốt yếu hàng đầu thì ông giấu kín mà chưa truyền thụ, người con biết tám thứ phương thuật và khéo thông đạt rồi, sau đó ông mới chỉ dạy toàn bộ phương thuật bí mật cốt yếu hàng đầu. Cũng như thế, Như Lai Ứng Cúng Đẳng Chánh Giác dạy bảo cho Pháp vương tử, Tỳ-kheo, Tỳ-kheo-ni, Ưu-bà-tắc, Ưu-bà-di, trước tiên học tập cách diệt trừ vô lượng phiền não, tu tập quán tưởng không bền chắc đối với thân, mọi khổ não tích tụ, vô thường biến hoại, trống rỗng và không có ngã sở. Như Lai lại còn dạy bảo học chín bộ khế kinh, khiến cho họ khéo thông hiểu một cách sắc bén, rồi sau mới dạy bảo học tập kinh Ma-ha-diễn Bát-nê-hoàn này, khiến cho biết chúng sinh có Như Lai tánh chính là pháp thường trụ, đều phát khởi cái nhân Bồ-đề vô thượng, trừ hạng Nhất-xiển-đề ra. Như thế, này thiện nam! Kinh Ma-ha-diễn Bát-nê-hoàn này vô lượng vô số không thể nghĩ bàn, nên biết kinh này là phương thuật vô thượng, là bí mật cốt yếu của vị lượng y.

Lại nữa, này thiện nam! Ví như người làm nghề lái đò đáp thuyền đưa người qua sông, đến bờ bên kia rồi, người ấy trở lại đưa người khác. Cũng như thế, chư Phật Như Lai đáp thuyền Ma-ha-diễn Bát-nê-hoàn, tùy theo chúng sinh kia cần phải nhận lĩnh sự giáo hóa mà tế độ họ. Bát-nê-hoàn xong, chư Phật lại đến nơi khác để độ các chúng sinh, cho nên Như Lai tên là Đại Thuyền Sư, cho nên Như Lai là pháp thường trụ, vì cứu độ mọi người cho nên thị hiện có sự xuất hiện và tàng ẩn.

Lại nữa, này thiện nam! Giống như người đáp thuyền muốn vượt qua biển cả, nếu được gió thuận lợi thì người ấy đến bờ bên kia nhanh chóng; nếu không được thuận gió, hoặc trải qua bao năm, hoặc có thể bị chết đuối. Như vậy, chúng sinh được gió Ma-ha-diễn Bát-nê-hoàn, mau chóng vượt qua sinh tử, đến bờ Bồ-đề. Nếu như không được thuận gió, thì mãi mãi chìm đắm trong biển khổ sống chết luân hồi.

Lại nữa, này thiện nam! Giống như người vào biển gặp phải làn sóng cả, toan tính không có cách nào cứu giúp, bèn ngồi ngay ngắn chờ cái chết. Bỗng dưng, người ấy gặp ngọn gió lớn thổi đến một nước, không ngờ mình đến đây một cách âm thầm, người ấy vui mừng khôn xiết, nảy sinh ý tưởng lạ lùng. Như thế, kinh Ma-ha-diễn Bát-nê-hoàn này là ngọn gió lớn lao, chúng sinh không biết mà chẳng ưa thích hướng về để phát tâm Bồ-đề. Ngọn gió Bát-nê-hoàn kín đáo thổi khiến cho họ đến cảnh giới Bồ-đề, mới biết sự chân thật và sinh ra ý tưởng lạ lùng.

Lại nữa, này thiện nam! Giống như con rắn lột da, lại đi sang nơi khác

song thật ra nó không chết. Như thế, Thiện nam! Như Lai Nê-hoàn bỏ thân cũ kia như lột bỏ da, cho nên Như Lai tên là Thiện Thệ, bỏ thân phượng tiện cây thuốc độc, hoặc lại phượng tiện thị hiện sự giáo hóa ở cõi Diêm-phù-đề khác, cho nên này thiện nam, nên biết Như Lai là pháp thường trụ.

Lại nữa, này thiện nam! Ví như người thợ vàng được loại vàng thật và tốt, tùy ý người ấy có thể tạo ra những đồ trang nghiêm, đủ mọi thứ đồ phục sức. Cũng như thế, chư Phật Như Lai tùy theo sự thâm giữ giáo hóa kia ở hai mươi lăm cõi, các Ngài đều có thể hiện thân mà độ thoát họ, cho nên Như Lai gọi là Vô lượng thân, cũng gọi là thường trụ.

Lại nữa, này thiện nam! Giống như cây am-la và cây diêm-phù thay đổi ở ba mùa, có mùa lá cây tốt tươi, có mùa đơm hoa kết trái, có mùa úa rụng, không phải là cây kia khô rồi mọc lại. Như thế, Thiện nam! Thân phượng tiện của Như Lai Ứng Cúng Đẳng Chánh Giác, vì sự giáo hóa cho nên cũng hiện ra ba thời kỳ. Như Lai thị hiện có sự sinh ra, thành Phật, thị hiện Bát-nê-hoàn, kỳ thật Như Lai thường còn mà chẳng diệt tận.

Lại nữa, này thiện nam! Thân bí mật của Như Lai là như thế, mật khẩu của Như Lai và mật giáo phượng tiện cũng lại khó biết. Thiện nam tử! Mật giáo phượng tiện là ví như vị đại vương mệnh lệnh cho các quần thần cũng có lời dạy bảo giấu kín như thế. Như có lúc vua nói: “Hãy cầm tiên-đà-bà đến”. Thế nhưng, tiên-đà-bà là một tên gọi mà có bốn nghĩa thực: một là muối, hai là chấu tấm, ba là ngựa, bốn là kiếm. Đó là bốn thứ vật đều gọi là tiên-đà-bà. Nếu khi vua dùng bữa, ông ra lệnh cho người hầu hạ hai bên của mình để đòi tiên-đà-bà, các bày tôi của vua nên biết rằng, nhà vua ắt hẳn đòi muối. Nếu nhà vua ăn xong rồi mà đòi tiên-đà-bà, các bày tôi cần phải biết rằng, nhà vua nhất định đòi chấu tấm. Vua muốn đi đến khu cây cảnh mà đòi tiên-đà-bà, những bày tôi phải nên biết rằng, chắc chắn nhà vua đòi ngựa. Khi lâm trận đánh nhau mà vua đòi tiên-đà-bà, các bày tôi phải nên biết rằng, ắt hẳn nhà vua đòi gươm bén. Vua có lời nói bóng khó hiểu như thế, các bày tôi của vua cũng cần phải biết ý nghĩa ấy.

Như thế, này thiện nam! Giáo pháp bí ẩn Ma-ha-diễn này cũng có bốn thứ. Như nói sự vô thường, điều đó các thiện nam nên biết, Như Lai sinh ra ở cõi Diêm-phù-đề, nên sẽ phải thị hiện Nê-hoàn, ấy là tu tập quán tưởng vô thường của Ma-ha-diễn. Nếu Như Lai nói chánh pháp sẽ diệt, thì điều ấy các đệ tử cần phải biết thế này, Như Lai nói sự khổ để tu hành quán tưởng sự khổ của Ma-ha-diễn này. Như Lai nói thân là đồ chứa đựng mọi họa hoạn, lại nói ngôi báu Tăng cũng sẽ trở về sự diệt tận, những điều đó

các đệ tử hãy nên biết thế này, Phật nói không có cái ta, thì tu quán tưởng vô ngã của Ma-ha-diễn này. Nếu nói vô tướng, không, vô sở hữu và giải thoát, những điều đó các đệ tử hãy nên biết thế này, Ma-ha-diễn này nói hai mươi lăm cõi mà được giải thoát, cho nên nói không. Mọi nỗi khổ đều diệt nên nói không có sở hữu. Cõi Vô tướng hết sức vui sướng, sự vô thường biến đổi vốn không thể nào hủy hoại, cho nên gọi là thường trụ, không phải pháp biến đổi, nên biết sự giải thoát tức là Như Lai, Như Lai ấy chính là Như Lai tánh, trong thân của tất cả chúng sinh đều có, người nào biết như thế chính là đệ tử của Ta, khéo hiểu rõ giáo pháp bí mật vi diệu của Như Lai.

Lại nữa, này thiện nam! Ví như trời hạn hán, cỏ thuốc, hoa thơm, quả ngọt, cây cối thảy đều héo tàn, không kết thành quả trái. Tất cả các cây cỏ mọc ở trên cạn dưới nước khác cũng đều bị khô cạn mà không tươi tốt, lại thêm vào sang năm, cây khó sinh trưởng được nữa. Như thế, này thiện nam! Kinh Ma-ha-diễn Bát-nê-hoàn này, sau khi Ta diệt độ, các người đệ tử ấy giống như trời hạn hán, hoa quả không thể nào kết thành trái, như tòa thành bị giặc cướp mất của báu chân thực, chỉ gom giữ trâu cá. Chúng Tỳ-kheo xấu ác đã mất của báu rồi, họ sao chép qua loa, gom góp biên soạn, mà không khéo giải thích ý nghĩa buông thả, kiêu mạn, thoái chuyển. Xót thương thay! Mối hiểm nguy lớn! Trong đời sau này rất đáng sợ hãi. Vui sướng thay! Sự lợi ích lớn! Chúng sinh ở đời sau được nghe qua kinh Ma-ha-diễn Bát-nê-hoàn này, tùy theo điều được nghe trong kinh mà thọ trì, phúng tụng, hiểu rõ ý nghĩa và mục đích của kinh ấy rồi giảng nói rộng rãi cho mọi người, nhờ những việc này vị ấy sẽ được Bồ-đề chân thật.

Lại nữa, này thiện nam! Như có đất nước, thành ấp, thôn xóm, ở đó có người bán sữa. Có người đem thứ nước tấp-nham để lừa dối người khác mà cầu tiền của, người bán sữa ấy cũng như thế, lấy nước tấp-nham bán hết người này qua người khác mà lừa bịp nhau, người mua ăn uống thứ đó song không có mùi vị sữa. Như thế, này thiện nam! Sau khi Ta Nê-hoàn, chánh pháp chưa diệt còn hơn tám mươi năm, ở cõi Diêm-phù-đề kinh Ma-ha-diễn Bát-nê-hoàn này lưu hành ở đời. Những vị Tỳ-kheo xấu ác buông thả biếng nhác, gây bè kết đảng với chúng ma, phá hoại và làm rối loạn chánh pháp. Họ tự tạo ra kinh luận, làm bài kệ tụng khen ngợi, lấy trái cho là phải, lấy phải cho là trái, sao chép lược bỏ, thêm bớt. Vì sự lợi dưỡng nên họ muốn tích chứa nhiều của cải phi pháp, phá hoại và làm rối loạn mùi vị chính khiến cho pháp nhạt nhẽo, lại còn thêm văn tự không chính đáng của học thuyết xằng bậy nữa. Người nhận sự học tập lầm lẫn cũng chẳng tôn

trọng và cung kính cúng dường, bên trong ôm lòng nịnh nọt gian tà, vì sự lợi dưỡng nên họ thị hiện tướng ưa thích pháp. Vào lúc đó, kinh Ma-ha-diễn Bát-nê-hoàn này sẽ bị những hạng người này làm hủy nhục.

Lại nữa, này thiện nam! Do ý nghĩa này, cho nên thiện nam hay thiện nữ đối với kinh Ma-ha-diễn Bát-nê-hoàn hãy nên siêng năng phương tiện lập chí trượng phu. Vì sao? Vì Như Lai tánh là pháp trượng phu. Ý chí của người nữ là đối với tất cả pháp phần nhiều sinh ra sự bám víu, sức không gánh vác nổi để phát khởi ý vị vi diệu của kinh Ma-ha-diễn sâu sắc.

Lại nữa, này thiện nam! Ví như thân thể con muỗi và con ve tiết ra nước dãi thấm ướt, song không thể nào khiến cho quả đất này thấm ướt. Pháp nữ nhân ấy dường như quả đất nhiều những sự khao khát ái dục. Ví như biển cả, trời đổ mưa xuống và mọi dòng nước chảy của trăm con sông, tất cả đều trở về với biển, thể nhưng biển lớn kia chưa hề tràn đầy. Pháp của nữ nhân cũng như thế, tham lam thụ hưởng năm thứ dục mà không có sự chán đủ. Cho nên, này Ca-diếp! Nếu thiện nam hay thiện nữ muốn được phương tiện lìa khỏi pháp nữ nhân, thì hãy nên chăm chỉ tu tập kinh Ma-ha-diễn Bát-nê-hoàn này. Vì sao? Vì kinh Ma-ha-diễn Bát-nê-hoàn này nói về pháp trượng phu của Như Lai tánh. Nếu có chúng sinh không biết tự thân có Như Lai tánh, thì thế gian gọi họ là người nữ. Nếu người nữ có thể biết tự thân có Như Lai tánh, thì tuy thế gian gọi họ là người nữ, song Ta nói hạng người này là người nam vậy.

Như thế, này thiện nam! Kinh Ma-ha-diễn Bát-nê-hoàn tích tụ vô lượng vô biên công đức, nói rõ chúng sinh có Như Lai tánh. Nếu thiện nam hay thiện nữ muốn được mau chóng thành tựu Như Lai tánh, thì hãy nên chuyên cần phương tiện tu tập kinh này.

Ca-diếp bạch Phật:

– Quý hóa thay! Bạch Thế Tôn! Nay con tu tập kinh Bát-nê-hoàn, ban đầu con biết tự thân có Như Lai tánh, nay mới quyết định chính là nam tử vậy.

Phật bảo Ca-diếp:

– Quý hóa thay! Quý hóa thay! Này thiện nam! Hãy nên chăm chỉ phương tiện học pháp sâu xa này, giống như con ong chọn lấy hoa, hãy lấy hết vị ngon của diệu pháp sâu xa. Này Ca-diếp! Ví như nước bọt của loài muỗi không thể nào khiến cho quả đất lớn này thấm ướt. Như thế, này thiện nam! Trong đời sau này, chúng Tỳ-kheo xấu ác phá hoại và gây rối loạn kinh pháp, vô số vô lượng như ruộng cạn trên cao, không phải kinh Đại

Thừa Bát-nê-hoàn này vốn có thể thấm ướt. Vì sao? Vì nên biết rằng, khi chánh pháp diệt tận thì tướng suy hiện ra.

Lại nữa, này thiện nam! Ví như cuối mùa hạ đầu mùa đông, mưa thu đổ liên miên không ngớt, nước ngập che khuất ao đầm. Như thế, này thiện nam! Kinh Ma-ha-diễn Bát-nê-hoàn này, sau khi Ta vào Nê-hoàn, chánh pháp suy diệt. Vào lúc đó, kinh này lưu truyền khắp cả phương Nam, bị mây mưa phi pháp của những học thuyết quái lạ không chính đáng làm chìm đắm trôi giạt. Bấy giờ, vị Bồ-tát hộ pháp ở phương Nam kia sẽ nắm giữ khế kinh này đi đến nước Kế-tân để cất giấu trong lòng đất, cho đến hết thủy những khế kinh Ma-ha-diễn Phương đẳng ở đây rồi biến mất. Thương thay, lúc ấy tướng pháp diệt tận, mây mưa phi pháp tràn đầy thế gian, người tu tập được thấm nhuần ân đức mưa pháp của Như Lai, Bồ-tát hộ pháp và kẻ hùng mạnh trong loài người thấy đều ảm náu.

Bấy giờ, Bồ-tát Ca-diếp bạch Phật:

– Bạch Thế Tôn! Tánh của chư Phật Như Lai, Thanh văn, Duyên giác không có sự sai biệt, xin mong Như Lai giảng nói rộng rãi, khiến cho tất cả chúng sinh đều được mở rộng sự hiểu biết.

Phật bảo Ca-diếp:

– Ví như có người nuôi nhiều bò sữa, làm thành đàn bò với đủ màu sắc xanh, vàng, đỏ, trắng khác nhau. Khi sắp làm lễ tế trời, người ấy tập trung tất cả con bò lại rồi vắt hết sữa của chúng, tích chứa trong một đồ đựng cùng một màu ngọc kha như nhau. Như thế, này thiện nam! Chư Phật Như Lai, Thanh văn, Duyên giác, tính của các vị ấy thanh tịnh đều cùng một màu. Vì sao? Vì các vị ấy cùng dứt bỏ hết mọi phiền não giống nhau.

Ví như người thợ vàng chọn lấy quặng kim loại đủ các thứ màu sắc khác nhau, rồi đem quặng ấy nung chảy và tinh luyện thành một thứ vàng óng không pha tạp. Vì sao? Vì vô lượng vô số quặng thô phiền não đều tiêu diệt, do đó phải nên tin tưởng kinh Ma-ha-diễn Bát-nê-hoàn này, tất cả chúng sinh đều có tính chân thật của Như Lai, thấy đều cùng một sắc như nhau.

Ca-diếp bạch Phật:

– Như lời Thế Tôn nói, tất cả chúng sinh đều có Phật tánh mà không có sự sai biệt. Đối với điều này con chưa được rõ, tạm thời để yên ổn chúng sinh, như Thế Tôn nói, Thanh văn, Duyên giác và các Bồ-tát không được Đại Bát-nê-hoàn, chỉ có Như Lai mới được Đại Bát-nê-hoàn này. Vì thế, phải biết rằng, không phải Thanh văn, Duyên giác và các Bồ-tát giống như

Như Lai. Nếu không có sự sai biệt, thì tại sao chỉ có một mình Thế Tôn tu hành phương tiện và tích lũy công đức ở vô lượng a-tăng-kỳ kiếp?

Phật bảo Ca-diếp:

– Điều Ta nói trước đây, đó chính là giáo pháp bí mật phương tiện của Như Lai, nói rằng các Thanh văn chẳng được Nê-hoàn, do đó nên biết rằng, tất cả đều nhờ kinh Đại Bát Nê Hoàn này mà vào Nê-hoàn, chỉ có cảnh giới của Phật, vì thế kinh này tên gọi là Đại Bát-nê-hoàn.

Ca-diếp bạch Phật:

– Bạch Thế Tôn! Đó chính là sự khác lạ. Như điều Phật nói, Thanh văn, Duyên giác và các Bồ-tát đều sẽ trở về sự Nê-hoàn của Như Lai, giống như trăm con sông đổ dồn về biển cả là pháp thường trụ.

Phật bảo Ca-diếp:

– Ta là tối thường trụ vậy. Ca-diếp bạch Phật:
– Bạch Thế Tôn! Sao gọi là tính của Như Lai không khác mà khác chẳng?

Phật dạy:

– Có sự khác nhau. Ca-diếp bạch Phật:
– Sao gọi là khác? Phật bảo Ca-diếp:
– Ví như sữa bò, tánh Như Lai của tất cả Thanh văn cũng như thế; giống như sữa tươi trở thành sữa cô đặc chế, tánh Như Lai của tất cả Duyên giác cũng như thế; giống như sữa cô chế thành bơ, tánh Như Lai của Đại Bồ-tát cũng như thế; giống như đề hồ, tính ấy của chư Phật Như Lai cũng vậy. Như thế, này thiện nam! Đó là bốn thứ sai biệt của kinh Ma-ha-diễn Bát-nê-hoàn này.

Ca-diếp bạch Phật:

– Bạch Thế Tôn! Tánh ấy của tất cả chúng sinh là thế nào? Phật bảo Ca-diếp:

– Như sữa chưa thành mà hòa hợp cùng với nước và máu, vô lượng phiền não che lấp tính chân thực của Như Lai.

Ca-diếp bạch Phật:

– Như lời Thế Tôn nói, thành Câu-di có người thuộc hạ Chiên-đà-la tên là Hoan Hỷ, người ấy sẽ thành Phật đạo trong số một ngàn Đức Phật ở thế giới này. Thế Tôn ghi nhận, một khi phát khởi ý niệm trong chốc lát thì người ấy liền thành Phật đạo. Vì những có gì mà Thế Tôn không ghi nhận Tôn giả Xá-lợi-phất, Mục-kiền-liên v.v... chóng thành Phật đạo?

Phật bảo Ca-diếp:

– Hoặc giả có Thanh văn, cho đến Phật-bích-chi, các Bồ-tát không phát nguyện mau chóng; có người phát nguyện mau chóng để hộ trì chánh pháp, vì hạng người này phát nguyện có sự chênh lệch, nên nhờ sức Bồ-đề, Thế Tôn thụ ký cho người ấy chóng thành Phật đạo.

Lại nữa, này thiện nam! Ví như người buôn bán chở ngọc báu ma-ni, đi qua đường sá xóm làng của người quê mùa để rao bán đồ quý báu. Những hạng người quê mùa nghe tiếng rao bèn đến nhìn xem của báu song chẳng nhận biết, họ liền cười khanh khách cho đó là gạch đá. Như thế, này thiện nam! Như Lai ghi nhận cho các hàng Thanh văn sẽ thành Phật đạo, được chỗ tốt đẹp hơn hẳn. Vào đời sau này có các Tỳ-kheo phóng túng biếng nhác, không nhận biết của báu chân thật giống như người quê mùa, họ xuất gia với sự nghèo nàn, khốn khổ và tật bệnh, lòng tin nông cạn, làm những việc bị giới luật cấm để mà sinh sống, đua nịnh quanh co. Nếu họ nghe Như Lai trao lời ghi nhận cho hàng Thanh văn nhất định sẽ thành Phật, tức thời họ cười lớn, nên biết hạng đó là người có hình dáng Sa-môn song không phải là Sa-môn chân thật. Cho nên, này thiện nam! Hoặc có người phát nguyện chóng nắm giữ chánh pháp, lại còn có người chẳng phát nguyện chóng nắm giữ nữa, cho nên Như Lai tùy theo sự nhanh hay chậm ấy mà trao lời ghi nhận cho người kia.

Ca-diếp bạch Phật:

– Bạch Thế Tôn! Sao gọi là Đại Bồ-tát sẽ được quyền thuộc bất hoại?

Phật bảo Ca-diếp:

– Chăm chỉ tu tập phương tiện hộ trì chánh pháp, ấy là Đại Bồ-tát hùng mạnh trong loài người, là quyền thuộc bất hoại.

Ca-diếp bạch Phật:

– Bạch Thế Tôn! Những hạng chúng sinh nào không biết sáu mùi vị?

Phật bảo Ca-diếp:

– Không biết Ba ngôi báu tồn tại lâu bền từ đầu đến cuối, đó là những hạng chúng sinh không biết sáu mùi vị. Như người bị đờ miệng nên không biết sự sai khác của sáu mùi vị là ngọt, đắng, cay, chua, mặn, nhạt, hết thấy chúng sinh cũng như thế, họ ngu si không có trí, chẳng biết Ba ngôi báu là pháp trường tồn, cho nên gọi là người không biết mùi vị.

Lại nữa, này thiện nam! Những chúng sinh ấy chẳng biết Như Lai là pháp thường trụ, Ta nói hạng người này là mù bẩm sinh. Chúng sinh mắt

thịt biết tính của Như Lai chính là thường trụ, Ta nói hạng người ấy tên là Thiên nhân. Nếu có chúng sinh nghe Ma-ha-diễn mà có thể tin tưởng và ưa thích, Ta nói hạng người ấy cũng gọi là Thiên nhân. Cho dù chúng sinh có thiên nhân đi nữa, nhưng không biết Như Lai là pháp thường trụ, Ta nói hạng người này là nhục nhân. Vì sao? Vì tính của Như Lai thường trụ chân thật, mà người kia không thể chăm chỉ tu tập.

Lại nữa, này thiện nam! Nên biết Như Lai vì tất cả chúng sinh mà làm cha mẹ. Vì sao? Vì Như Lai đều có thể hóa hiện đủ mọi thứ hình loại của tất cả chúng sinh, cùng chung cảnh giới với chúng sinh mà nói pháp cho họ. Như Lai dùng một âm thanh mà thuyết pháp, mọi loài khác nhau kia, mỗi loài đều tự hiểu được. Chúng khen ngợi: Quý hóa thay! Đức Như Lai dùng âm thanh của ta mà nói pháp.

Lại nữa, này thiện nam! Giống như người sinh ra đứa con mới mười sáu tháng, lời nói không đúng. Thế nhưng cha mẹ kia muốn dạy cho con tiếng nói của mình, thì trước tiên họ phải nói giống như âm thanh của con, rồi dần dần chỉ dạy cho con học. Nên biết, cha mẹ không phải thật sự không đúng. Chư Phật Như Lai cũng như thế, vì sự giáo hóa nên chư Phật cùng một hình loại, âm thanh và ngôn ngữ như họ, thế nhưng thực ra Như Lai ấy không giống với họ, mà là phương tiện thị hiện thuận theo thế gian.



Phẩm 18: VUI THEO

Bấy giờ, Đức Thế Tôn từ gương mặt của mình phóng ra ánh sáng đủ màu sắc chiếu khắp bốn chúng. Ánh sáng chiếu xong, trưởng giả Thuần-đà liền mau chóng kính dâng lễ vật cúng dường Như Lai và đại chúng lần sau cùng.

Lúc này, Thuần-đà cùng với những người quyến thuộc được niềm vui sướng lớn lao, bèn than:

– Thương thay! Thật là hiếm có! Ta cúng dường Như Lai và khó gặp lại lần nữa.

Ông liền lấy cái bát làm bằng đủ các thứ quý báu đựng đầy cơm có mùi vị thượng hạng, rồi cầm bát hướng đến Đức Phật. Đúng vào lúc ấy, có vị trời Đại uy thần như ngấn che trước mặt và bảo với Thuần-đà:

– Ông chớ tùy tiện cúng dường, nguyện xin để cho chúng tôi lại được

trông nhìn Đức Như Lai trong giây lát nữa.

Bấy giờ, Đức Thế Tôn lại phóng ra ánh sáng chiếu rọi vị Thiên tử kia. Khi ấy, vị thiên thần kia vâng theo thánh chỉ của Đức Phật để cho Thuần-đà tiến lên phía trước. Bấy giờ, hàng trời, người và các chúng sinh lẫn lộn đủ mọi loài, ai nấy đều dùng âm thanh khác nhau, ấp ủ mỗi bi cảm trong lòng, than khóc xót thương làm chuyển động mặt đất. Họ cùng với Thuần-đà đều dâng cúng Phật và Tăng, cúng dường Đàn Ba-la-mật sau cùng.

Lúc ấy, vì muốn khiến cho Tỳ-kheo, Tỳ-kheo-ni và các chúng đến hội họp biết thời giờ đã đến, Đức Thế Tôn lại phóng ra ánh sáng soi chiếu toàn bộ các chúng trong hội. Khi ấy, các Tỳ-kheo biết thời giờ đã đến, ai nấy đều chỉnh đốn uy nghi, nắm giữ đồ úng khí, giống như phép nhận sự bố thí. Trưởng giả Thuần-đà bày biện đủ mọi thứ giường nằm và ghế ngồi làm bằng các thứ quý báu dâng lên Đức Phật và Tăng, treo thất phướn long, hương hoa, chuỗi ngọc.

Bấy giờ, ba ngàn đại thiên thế giới cực kỳ trang nghiêm tốt đẹp, giống như đất nước Cực lạc ở phương Tây. Trưởng giả Thuần-đà đứng ở trước Đức Phật, lòng lo buồn tảm tức, bạch Phật một lần nữa:

– Xin nguyện Thế Tôn hãy vì những kẻ đáng xót thương mà sống lâu một kiếp hoặc hơn một kiếp.

Phật bảo Thuần-đà:

– Ông muốn khiến Ta ở lâu trong đời, thì chắc có lẽ ông biết, lúc này hãy nên mau chóng bày biện đồ cúng dường Đàn Ba-la-mật sau cùng.

Thuần-đà bạch Phật:

– Thưa vâng! Bạch Thế Tôn!

Lúc ấy, hết thảy các loài chúng sinh khác nhau, trời, người, Bò-tát đồng thanh xướng lên:

– Kỳ lạ thay! Thuần-đà làm việc bố thí sau chót. Kỳ lạ thay! Thuần-đà làm việc bố thí hết sức lớn lao, nhưng hiện nay vật dụng cúng dường của chúng ta bày ra ở đây bèn trở thành vật vô dụng.

Ai nấy đều than thở, ân hận, lo buồn, khổ não.

Bấy giờ, tự thân Đức Thế Tôn, mỗi một lỗ chân lông đều hiện ra vô lượng hóa Phật, mỗi một vị hóa Phật đều có quyền thuộc Tỳ-kheo, đáp ứng cho tất cả những vị kia khiến họ được cúng dường. Khi ấy, hết thảy chúng sinh đều rất vui mừng. Lúc ấy, các thức cúng dường do Thuần-đà bày biện

được nhờ uy thần của Phật, những vị đến hội họp đều được đầy đủ. Thuần-đà vui mừng rồi suy nghĩ: “Hôm nay, Đức Như Lai và tất cả đại chúng thấy đều nhận sự cúng dường sau chót của ta, rồi sau đó Như Lai sẽ nhập Nê-hoàn”. Những chúng sinh khác cũng suy nghĩ: “Hôm nay, Đức Như Lai cùng với các đại chúng thọ nhận bữa cơm cúng dường sau cùng của ta, rồi sau mới nhập Nê-hoàn, không nhận sự thỉnh cầu nào khác”. Lúc ấy, cạnh khu rừng Kiên-cổ, vùng đất ấy nhỏ hẹp, do nhờ thần lực của Phật, nên chỗ như mũi kim đều có vô lượng chư Phật và quyến thuộc ngồi dùng bữa ở trong đó. Bấy giờ, chúng trời người và A-tu-la đều rất vui mừng, nói: “Hôm nay, Đức Như Lai thọ nhận bữa cơm cúng dường sau cùng của ta, rồi sẽ vào Nê-hoàn. Chúng ta sẽ phụng sự chỗ nào nữa đây? Xót thương thay! Chúng ta côi cút không có sự trông nom che chở.

Bấy giờ, Đức Thế Tôn liền vì tất cả mọi người mà nói bài kệ:

*Các ông chớ buồn than
 Phép chư Phật phải thế
 Tuy nói là Nê-hoàn
 Cũng chưa tận tội cùng.
 Pháp thường trụ Như Lai
 Ở mãi an ổn nhất
 Những kẻ có hồ nghi
 Lắng nghe nay Ta nói.
 Ta đã lìa tướng ăn
 Thân không hoạn đói khát
 Nay Ta sẽ vì ông
 Nói pháp vui theo ấy.
 Khiến tất cả chúng sinh
 Được yên ổn an lạc
 Tính chư Phật Như Lai
 Pháp thường trụ chân thật.
 Nay các ông nghe xong
 Nên chăm tu phương tiện
 Như quạ và điều hâu
 Tính chúng rất trái nhau.
 Có thể đi cùng đàn
 Đêm dùng vui lẫn nhau
 Như Lai coi tất cả
 Giống như La-hầu-la.*

Cẩn phải bỏ từ bi
 Vào mãi ở Nê-hoàn
 Hay khiến đầy rắn độc
 Lưới thỏ cùng huyết ấy.
 Như Lai bỏ từ bi
 Vào mãi ở Nê-hoàn
 Hay khiến cây y lan
 Đồng hoa hương trăm lá.
 Như Lai bỏ từ bi
 Vào mãi ở Nê-hoàn
 Hay khiến quả ca-lưu
 Vị giống đam-ma-la.
 Như Lai bỏ từ bi
 Vào mãi ở Nê-hoàn
 Hay khiến Nhất-xiển-đề
 Đều thành Bình đẳng giác.
 Như Lai bỏ từ bi
 Vào mãi ở Nê-hoàn
 Nếu tất cả chúng sinh
 Thành Phật đạo một lúc.
 Như Lai bỏ từ bi
 Vào mãi ở Nê-hoàn
 Giả sử nước muối mòng
 Thấm hoại đất đai này.
 Trăm sông đều chảy tràn
 Biển cả đều đầy ắp
 Như Lai bỏ từ bi
 Vào mãi ở Nê-hoàn.
 Các ông những chúng sinh
 Vì rất ưa chánh pháp
 Bảo Như Lai diệt mãi
 Lo buồn rồi than thở.
 Từ nay với Như Lai
 Đừng niệm tướng phi thường
 Nên biết Như Lai tánh
 Trường tồn chẳng biến đổi.
 Pháp Tăng cũng thế thôi

Đều không phải pháp diệt.

Như thế, này thiện nam! Ba pháp này là lời nói chân thật, chắc chắn, thường trụ không thay đổi.

Tất cả chúng sinh gặp phải các sự sợ hãi, thuyết chân đế này có năng lực khiến họ yên ổn. Muốn độ tất cả sự hiểm nạn ở đồng trống, thuyết chân đế này có thể khiến cho được độ, thuyết chân đế này có thể làm cho cây khô mọc hoa lá lại. Nếu bốn chúng này nghe ba pháp thường trụ ấy rồi vui theo người nói, giả dụ họ chưa phát ý và không ưa thích hướng về, thì những việc ấy đều là nhân của Bồ-đề. Ba pháp thường trụ, đó gọi là thuyết vui theo một cách chân thành vi diệu nhất của Như Lai. Nếu Tỳ-kheo, Tỳ-kheo-ni có khả năng hiểu rõ và giảng giải ba pháp thường trụ cho tất cả chúng sinh, nên biết những người ấy có thể thọ lãnh sự cúng dường của tất cả La-hán, nếu khác điều này thì không thể thọ nhận được. Cho đến hết thủy hạng Chiên-đà-la ưa thích nghe thuyết Như Lai tùy hỷ, cũng lại được lìa khỏi các sự lo lắng sợ hãi.

Bấy giờ, hàng trời, người, A-tu-la v.v... nghe nói Như Lai là pháp thường trụ, tâm được vui vẻ, dịu dàng, chân thật, lìa khỏi sự tích tụ và che lấp, tâm được thanh tịnh, vẻ mặt đáng đáp vui vẻ hơn hờ như hoa sen nở xoe ra. Họ rải các hoa trời, đốt mọi thứ hương nổi tiếng, đánh trống trời và tấu kỹ nhạc cúng dường Như Lai và Tỳ-kheo Tăng.

Lúc ấy, Đức Thế Tôn bảo Ca-diếp:

– Này thiện nam! Ông thấy những việc hiểm có gì? Ca-diếp bạch Phật:

– Thưa vâng! Bạch Thế Tôn! Con thấy việc lạ lùng chưa từng có. Con thấy tất cả chư Thiên, dân chúng, A-tu-la bày biện các thức cúng dường, ai nấy đều được Như Lai và các đại chúng thọ nhận thức ăn thức uống của mình. Con lại thấy trong ấy, vùng đất nhỏ hẹp của họ chứa đựng giường nằm và ghế ngồi của các Đức Như Lai và đại chúng. Chỗ một mũi kim nhọn mà lại có vô lượng quyến thuộc chư Phật, rồi các vị thọ nhận sự cúng dường và nói bài kệ vui theo. Những chúng sinh kia, mỗi người chẳng biết nhau, rồi họ cho là Như Lai nhận lời mời của một mình ta. Thế nhưng, nay Thế Tôn và các đại chúng thương xót Thuần-đà mà thọ nhận Đàn Ba-la-mật sau cùng, nhờ thần lực của Phật nên khiến cho đại chúng ở đây đều được đầy đủ, nhưng thực ra Thế Tôn chẳng dùng tay nắm cơm thành nắm để ăn. Chỉ có các vị Đại Bồ-tát, Pháp vương tử Văn-thù-sư-lợi là những bậc hùng mạnh trong loài người mới có thể biết sự phương tiện hiện hóa của

Như Lai, vì sự việc lạ lùng chưa từng có này vốn là điều mà hàng Thanh văn và Duyên giác không thể biết. Kỳ lạ quá! Bạch Thế Tôn! Vô số vô lượng Như Lai là pháp thường trụ.

Lúc ấy, Đức Thế Tôn bảo Thuần-đà:

– Ông có thấy sự việc kỳ lạ chưa từng có hay không? Thuần-đà bạch Phật:

– Thưa vâng, con đã thấy. Xưa nay con thấy ba mươi hai tướng tốt và tám mươi vẻ đẹp của Như Lai trang nghiêm sắc thân, vô lượng vô số Như Lai như thế, cùng với các quyền thuộc Bồ-tát vây quanh. Nay con thấy thân chân thật của Thế Tôn một mình ở giữa đại chúng giống như cây thuốc, cùng với các vị Bồ-tát người trước kẻ sau đi vòng quanh.

Phật bảo Thuần-đà:

– Trước đây chư Phật đều là biến hóa thị hiện, vì sự thương xót và làm an vui cho tất cả chúng sinh mà các Ngài tỏ ra ý ấy, nên khiến cho công đức kia không thể hết được, bèn làm ra sự biến hóa thị hiện này. Thế nhưng các chúng sinh đều không thể biết, chỉ có các vị Bồ-tát thành tựu vô lượng công đức của Bồ-tát, bậc hùng mạnh trong loài người mới có thể biết Như Lai phương tiện biến hóa thị hiện. Thuần-đà, nay ông cũng lại thành tựu công đức của Bồ-tát, thực hành mười địa.

Thuần-đà bạch Phật:

– Bạch Thế Tôn! Như thế chúng con đều phải nên tu tập tất cả sự vui theo của Bồ-tát.

Phật bảo Thuần-đà:

- Đừng tùy theo quả tham như khế kinh khác. Thuần-đà bạch Phật:
- Các khế kinh khác là không phải kinh chăng? Phật bảo Thuần-đà:
- Những kinh kia nói về Hữu dư. Thuần-đà bạch Phật:
- Nghĩa ấy thế nào? Phật bảo Thuần-đà:
- Giống như điều Ta nói:

*Tất cả khen bố thí
Không quả trách người thí
Thí phạm giới phước ít
Thí giữ giới phước tăng.*

Ta nói đó là Khế kinh, tuy khen ngợi tất cả sự bố thí, song sự bố thí có chỗ thua kém chênh lệch. Bố thí cho người phạm giới thì không có một tí phước, bố thí cho người giữ giới thì được quả lớn ấy, không phải giống

nhau hết thấy.

Thuần-đà bạch Phật:

– Bạch Thế Tôn! Tại sao Thế Tôn lại nói bài kệ này, tất cả khen ngợi công đức bố thí?

Phật bảo Thuần-đà:

– Trừ một hạng người khen ngợi tất cả sự bố thí. Thuần-đà bạch Phật:
– Trừ hạng người nào khen ngợi tất cả sự bố thí? Phật bảo Thuần-đà:
– Trừ hạng Nhất-xiển-đề, người phạm giới và phỉ báng giáo pháp, còn lại đều khen ngợi tất cả sự bố thí.

Thuần-đà bạch Phật:

– Hạng người nào gọi là Nhất-xiển-đề? Phật bảo Thuần-đà:
– Nếu Tỳ-kheo, Tỳ-kheo-ni, Ưu-bà-tắc, Ưu-bà-di phỉ báng kinh pháp, miệng nói lời ác, mãi mãi chẳng ăn năn và sửa lỗi, đối với các kinh pháp thì tâm họ không có sự quay về và nương tựa, những hạng người như thế là hướng về con đường Nhất-xiển-đề. Nếu lại có chúng sinh phạm bốn tội nặng và gây ra tội vô gián, tự mình chẳng ăn năn hối lỗi mà không có sự hổ thẹn; đối với chánh pháp, người kia mãi mãi không có sự hộ trì quý trọng, không cùng với người hộ pháp để làm bậc hiểu biết; đối với các việc thiện, họ chưa hề ca ngợi. Nếu lại tà kiến, cho là không có Phật, Pháp, Tăng, Ta nói hạng người này hướng về con đường Nhất-xiển-đề, trừ những loại người này khen ngợi tất cả sự bố thí.

Thuần-đà bạch Phật:

– Sao gọi là phạm giới? Phật bảo Thuần-đà:
– Phạm bốn giới cấm nặng, năm nghiệp vô gián và phỉ báng chánh pháp.

Thuần-đà bạch Phật:

– Như tội nặng này có sự chênh lệch chăng? Phật dạy:
– Có sự chênh lệch. Người kia tuy phạm giới, vẫn còn mặc pháp y mà sinh lòng hổ thẹn: “Ôi chao! Nay ta phạm tội nặng này, kỳ lạ biết bao, sao ta gây ra sự khổ sở to lớn này?”. Thế rồi người ấy ôm nỗi sợ hãi, phát sinh tâm hộ pháp. Ta nên khen ngợi những người hộ pháp. Lại nữa, Ta phải hàng phục những điều phi pháp, đối với kinh Phương đẳng và các thiện Tam-muội, phương tiện, họ chăm chỉ tu tập, nếu như thế thì Ta nói hạng người này là người không phạm giới. Vì sao? Vì giống như ánh sáng mặt trời xuất hiện, thì bụi bặm ngăn che thấy đều chẳng hiện. Như thế, tu tập

khế kinh Ma-ha-diễn này như ánh sáng mặt trời, vô số vô lượng những tội tích tụ thấy đều tiêu diệt. Cho nên kinh này nói, người hộ pháp được quả báo lớn, nếu không như vậy thì gọi là phạm giới lớn nhất. Nếu bố thí cho hạng người này thì không có một chút phước.

Lại nữa, này thiện nam! Người phạm bốn điều giới cấm nặng nhưng có thể biết tính của Như Lai chân thật, khởi tâm hộ pháp. Nếu bố thí cho hạng người này, sở dĩ được quả báo lớn lao là thế nào? Ví như có người mẹ, do đất nước rối ren, nên đem một đứa trẻ sơ sinh muốn đi đến nước khác, giữa đường gặp phải trận ngập lụt lớn, nước lũ dâng lên chảy lan tràn, người ấy ôm đứa con mà lội qua, dập dềnh trôi nổi giữa dòng nước chảy xiết, không rời bỏ đứa con mình, cả mẹ và con đều chết đuối. Thế nhưng, người mẹ kia đã từng gây ra việc ác lớn, nhờ công đức bảo vệ đứa con mà được sinh lên cõi trời sau khi thân mạng kết thúc. Như thế, này thiện nam! Người phạm bốn giới cấm nặng và tạo năm nghiệp vô gián, tự hối hận và trách mình một cách sâu xa, khởi tâm hộ pháp. Người ấy vốn gây ra nghiệp không tốt lành, tạo các việc ác, vì sự hộ pháp nên được làm ruộng phước, có thể nhận lãnh đồ vật bố thí của người thiện tín, công đức ủng hộ chánh pháp cũng được quả báo lớn lao.

Thuần-đà bạch Phật:

– Bạch Thế Tôn! Nếu hạng Nhất-xiển-đề phát sinh lòng tin trở lại và sám hối tội lỗi với ba bậc tôn quý, nếu người ta bố thí cho người ấy thì được quả lớn hay không?

Phật bảo Thuần-đà:

– Ông chớ nói năng như thế, ví như có người ăn quả am-la, đồng thời lấy hạt của quả ấy chẻ ra rồi mới ăn. Người ấy đem hạt trống rỗng kia gieo vào trong đất, tuy lại tưới tắm, song rốt cuộc cây chẳng mọc được. Cũng như thế, hạng Nhất-xiển-đề kia phá hoại hạt giống tốt lành, muốn khiến cho họ ăn năn hối lỗi để phát sinh lòng tốt của mình, lẽ nào có cái lý đó? Cho nên gọi là hạng Nhất-xiển-đề. Bố thí cho người giữ giới được quả lớn là kết quả cũng không giống nhau. Vì sao? Bố thí cho hàng Thanh văn và Phật-bích-chi, vốn được quả báo đều có sự sai khác nhau. Chỉ có điều là bố thí cho Như Lai thì thu được quả cao nhất, cho nên nói rằng, không phải tất cả sự bố thí đều được quả báo lớn lao. Thuần-đà bạch Phật:

– Có sao Thế Tôn lại nói bài kệ này? Phật bảo Thuần-đà:

– Có nhân, có duyên. Bấy giờ, ở thành Vương-xá có người Ưu-bà-tắc không có niềm tin, ông ta phụng sự phái Ni-kiền mà lại đến hỏi Ta về

ý nghĩa của việc bỏ thí, Ta thu nhận người kia nên nói bài kệ này cho ông ta. Nên biết rằng, Như Lai phương tiện nói bí mật là vì Bồ-tát, không phải là tất cả đều có thể biết rõ. Cho nên Bồ-tát là bậc hùng mạnh trong loài người, sẽ đối với lời nói hữu dư của Như Lai mà phân biệt nghĩa ấy, hàng phục tất cả những người phạm giới, giống như trừ bỏ cỏ đề và cỏ kê làm hại lúa non tốt tươi.

Lại nữa, này thiện nam! Như bài kệ Ta nói:

*Tất cả sông ngòi ắt ngoằn ngoèo
Hết thấy rừng rậm hắc trồng cây
Tất cả nữ nhân ắt dối nịnh
Hết thấy Đại lực hắc an vui.*

Bấy giờ, Văn-thù-sư-lợi liền từ chỗ ngồi đứng dậy, chinh đồn y phục để làm lễ Đức Phật, rồi nói bài kệ:

*Không phải mọi sông ắt ngoằn ngoèo
Chẳng phải mọi rừng hắc trồng cây
Không phải người nữ đều dối nịnh
Chẳng phải Đại lực đều an vui.*

Như thế, Đức Thế Tôn nói sơ lược pháp môn không phải là lời nói quyết định. Vì sao? Vì cõi Diêm-phù-đề khác ở ngoài cõi Diêm-phù-đề trong ba ngàn thế giới này có dòng sông ngay thẳng, sự ngay thẳng ấy như sợi dây, từ biển phía Tây ấy thẳng đến biển Đông, như trong Phương Đẳng và A-hàm nói, đó là thuyết hữu dư của Như Lai. Tất cả rừng rậm ắt hắc trồng cây cối cũng là nói hữu dư. Vì sao? Rừng có hai thứ, cũng có rừng cây báu, vàng, bạc, lưu ly. Tất cả người nữ ắt hắc nịnh bợ và giả dối cũng là thuyết hữu dư, có các người nữ giữ giới thanh tịnh, tâm của họ chất phác ngay thẳng. Tất cả vị Đại lực ắt hắc an vui cũng là thuyết hữu dư, Pháp vương Như Lai là vị Đại lực cao nhất, tên gọi là An Lạc, Chuyển luân Thánh vương và các thiên thần cũng gọi là Đại lực, song họ chẳng an lạc. Do đó nên biết rằng, không phải hết thấy những vị Đại lực đều là an lạc. Chỉ có thường trụ, không phải pháp biến đổi, Đại lực Nê-hoàn an ổn diệu lạc. Ví như vị lương y cho người bệnh kia uống vị đề hồ, khi ấy người bệnh kia xin với vị lương y: “Xin ông lại cho tôi thêm thuốc, tôi có thể ăn được”. Người thầy thuốc trả lời: “Chỉ ăn độ chừng như thế, tiêu hóa xong lại ăn nữa. Nếu ăn ngay lập tức mà không tiêu, thì có lẽ có khả năng giết chết người”. Bấy giờ, vị thầy thuốc giỏi kia vì thực sự thương xót người bệnh, sợ người ấy chết, Như Lai cũng vậy, do từ bi thương xót, muốn trừ diệt tâm

cao ngạo kiêu mạn của vua Ba-tư-nặc, đại thần và phu nhân, nên nói bài kệ:

*Tất cả sông ngòi ắt ngoằn ngoèo
Hết thấy rừng rậm hắc trồng cây
Tất cả nữ nhân ắt dối nịnh
Hết thấy Đại lực hắc an lạc.*

Nên biết, lời nói của Thế Tôn không có sót quên, như quả đất lớn này có thể làm cho lật ngược, lời nói của Như Lai rốt cuộc không có sự lầm lẫn. Cho nên tất cả hữu dư và vô dư đều là nguyên có thâu giữ chúng sinh của Như Lai.

Phật dạy:

– Quý hóa thay! Vì Văn-thù-sư-lợi thương xót tất cả các chúng sinh, cho nên giảng nói rộng rãi về hữu dư và vô dư của Như Lai.

Bấy giờ, Văn-thù-sư-lợi lại ở trước Đức Phật mà nói bài kệ:

*Khéo thuận theo người khác
Không quán làm chẳng làm
Chỉ tự quán thân hành
Nhìn kỹ thiện, bất thiện.*

Như thế, bạch Thế Tôn! Con nói chánh pháp này cũng lại không phải là lời nói rốt ráo. Vì sao? Chúng ngoại đạo tà kiến đều hướng về địa ngục, thế nhưng Đức Phật Thế Tôn dạy các đệ tử đều hướng về Nê-hoàn. Nếu sinh lên cõi trời thì đây gọi là nói lời chê bai và khen ngợi. Dù các thứ như thế, Thế Tôn nói chẳng thuận theo. Bạch Thế Tôn! Tại sao trong bài kệ nói: “Đối với người khác, hãy khéo thuận theo”.

Lúc ấy, Phật bảo Văn-thù-sư-lợi:

– Sở dĩ Ta nói khéo thuận theo là có nhân và có duyên. Khi ấy, vua A-xà-thế làm hại vua cha rồi, bèn đi đến chỗ Ta rồi hỏi: “Bạch Thế Tôn! Tại sao gọi là Nhất thiết trí song không phải Nhất thiết trí? Nếu Nhất thiết trí, thì ở trong trăm ngàn đời, Đề-bà-đạt-đa thường ôm lòng ác độc đối với Như Lai, tại sao Như Lai lại cho phép ông ấy được xuất gia?”. Ta liền nói bài kệ này cho vua: “Đối với người khác hãy khéo thuận theo”. Vua A-xà-thế có tội làm hại cha mà chẳng tự mình thức tỉnh. Như Lai muốn khiến cho vua tự tỉnh ngộ lỗi lầm của mình nên làm cho tội ấy nhẹ, nên nói: “Chỉ tự xem xét hành động của bản thân, nhìn kỹ càng là thiện hay không thiện”. Hôm nay, tại sao ông thấy mà không thuận theo? Nếu có người tu hành giữ giới đem lòng từ bi mà quán xét lỗi lầm kia, thì đó chính là pháp của chư

Phật Như Lai, muốn làm cho bản thân mình và các chúng sinh thấy đều an lạc, vì thế cần phải quán xét người khác làm hay không làm, bản thân mình cũng vậy, người nào thường quán xét như thế, chính là đệ tử của Ta.

Bấy giờ, Đức Thế Tôn lại nói với Văn-thù-sư-lợi:

– Như bài kệ của Ta nói:

*Tất cả đều sợ chết
Ai cũng sợ đón đau
Ví như tha thứ mình
Đừng giết đừng đánh gậy.*

Lúc ấy, Văn-thù-sư-lợi lại ở trước Đức Phật mà nói bài kệ:

*Không phải đều sợ chết
Tất cả sợ đón đau
Không ví dụ cho mình
Tha thứ chúng sinh kia.*

Như thế, bạch Thế Tôn! Thế Tôn nói lược pháp môn cũng không phải rốt ráo. Vì sao? Như vật quý báu của A-la-hán và Chuyển luân Thánh vương là đại thần, voi ngựa, ngọc nữ; nếu các hàng trời, người và chúng sinh khác có năng lực làm hại thì thật là vô lý. Dũng sĩ, liệt nữ, ngựa đồng hoang, vua trong loài thú, Tỳ-kheo giữ giới, tuy có đối phó hết sức nhưng không sợ hãi. Tất cả đều sợ chết, không ai là không sợ đau đớn do gây gộc đánh, đó chính là thuyết hữu dư.

Lại nữa, không thể đem mình để ví dụ người kia. Vì sao? Nếu bậc A-la-hán lấy mình để ví dụ người kia thì gọi là mạng tướng. Nếu mạng tướng thì đây không phải bậc thượng sĩ. So đo suy tính về mạng tướng là kẻ phạm phu ngu si và tà kiến hướng về cửa nơi cõi ác.

Lại nữa, bậc A-la-hán, ta và chúng sinh rồng lặn không có sở hữu, thì ai chết, ai giết, người nào khởi ý tưởng làm hại, lẽ nào có cái lý đó? Thế những điều người kia nói mà ta làm ví dụ, là dụ có ngã, hay là dụ không có ngã? Nếu đó là dụ ngã thì gọi là thấp kém. Nếu dụ không có ngã thì đó là bậc A-la-hán, không có thí dụ. Nhưng Đức Phật Thế Tôn không căn cứ vào sự việc không có nguyên nhân mà thuyết pháp xằng bậy. Tại thành Vương-xá có người thợ săn hành nghề giết sinh vật, ông ta cúng thí mời Phật và chư Tăng, chỉ có niềm ước mong chư vị thương xót thọ nhận. Thế nhưng, Đức Phật Thế Tôn chưa hề ăn thịt, xem hết thấy là bình đẳng như La-hầu-la, lập tức Phật nói bài kệ này cho người thợ săn:

Phật dạy:

*Nên xem người sống lâu
 Vì không hại chúng sinh
 Tất cả đều sợ chết
 Ai cũng sợ đánh đau
 Vì như tha thứ mình
 Đừng giết, đừng đánh gây.*

– Nay Văn-thù-sư-lợi! Ông là tiên trong loài người, làm an ổn cho chúng sinh, khéo nói giáo pháp bí mật phương tiện của Như Lai.

Bây giờ, Văn-thù-sư-lợi lại nói kệ:

*Cung kính với cha mẹ
 Tăng thêm sự cúng dường
 Vì duyên đạo hiếu này
 Chết đọa ngục Vô trạch.*

Bạch Thế Tôn! Bài kệ này nói lấy sự vô minh ân ái làm cha mẹ, chúng sinh thuận theo khiến cho nó tăng trưởng rồi gây tạo các nghiệp xấu ác. Khi chết lập tức sẽ đọa vào địa ngục Vô trạch.

Lúc ấy, Đức Thế Tôn lại nói với Văn-thù-sư-lợi:

– Như bài kệ Ta nói:

*Tất cả khổ do thế lực khác
 Hết thấy sức mình vui tự tại
 Tất cả thế kiêu mạn làm hại
 Hết thấy hiền thiện được người thương.*

Văn-thù-sư-lợi lại nói bài kệ:

*Không phải mọi khổ do tha lực
 Chẳng phải sức mình vui tự tại
 Không phải kiêu mạn là hung bạo
 Chẳng phải hiền thiện được người thương.*

Đây quả là Thế Tôn nói sơ lược pháp môn hiện thời, chứ không phải rốt ráo. Vì sao? Giống như con cái hạng thường dân theo thầy học, việc cúi ngửa hay tiến lên, dừng lại đều do ở nơi thầy. Đạo đức và nghệ thuật đã hoàn thành thì mãi mãi được an lạc, như con cái hạng vương giả, sức lực của mình tự tại, không theo sự dạy bảo của người khác, ngu tối thường khổ. Sở dĩ Như Lai nói bài kệ này là vì những chúng sinh ấy bị ma nắm giữ, chẳng được tự tại. Như Lai vì những người kia mà nói bài kệ này, do đó nên biết rằng, không phải vì tất cả tha lực cho nên khổ, cũng chẳng phải vì tất cả sức lực của mình cho nên vui. Tất cả thế lực kiêu mạn làm hại, đây

cũng là thuyết hữu dư, không phải hết thấy sự kiêu mạn là làm hại hoàn toàn. Giống như có người kiêu mạn, phách lối tục tằn, người ấy xuất gia học đạo, hoặc suy tính phước đức giữ giới thanh tịnh, nên biết rằng, hạng người này tuy là kiêu căng ngạo mạn, song không phải là bạo hại. Tất cả sư hiền thiện là điều mọi người yêu mến cũng là thuyết hữu dư, như người phạm bốn điều cấm nặng trong giáo pháp của mình, song có thể tự cố gắng nắm giữ uy nghi, tuy tu hạnh nghiệp của bậc Hiền thánh, nhưng do phá hoại chánh nghiệp nên mọi người chẳng yêu thương. Nguyên nhân nào mà Đức Thế Tôn nói bài kệ này?

Bấy giờ, Phật bảo Văn-thù-sư-lợi:

– Chư Phật Như Lai không căn cứ theo sự việc không có nguyên nhân mà thuyết pháp xằng bậy. Khi ấy, tại thành Vương-xá có người con gái của Câu-lân (biệt danh của A-nhã Kiều-trần-như) tên là Tu-bạt-đà-la chán ghét thế tục, bèn đi đến chỗ Phật muốn cầu xin xuất gia. Phép tắc của người con gái không được tự tại, hạn chế bởi người con trai, nên người con gái ấy tự quay về với Ba ngôi báu. Phật biết ý của người ấy, cũng biết chính lúc ấy mà nói bài kệ này, tất cả nỗi khổ là do thế lực của người khác. Hay thay! Hay thay! Văn-thù-sư-lợi là tiên ở trong loài người, có thể hỏi về giáo pháp bí mật phương tiện của Như Lai.

Văn-thù-sư-lợi lại nói kệ:

*Tất cả loài chúng sinh
Đều sống nhờ ăn uống
Hết thấy những trẻ thơ
Không có tâm bủn xỉn.
Tất cả các thế gian
Ăn cơm nắm thêm bệnh
Hết thấy người hành pháp
Cùng dừng, được an lạc.*

Như thế, bạch Thế Tôn! Nay Thế Tôn thọ nhận bữa cơm cúng dường của ông Thuần-đà, sẽ không tăng thêm bệnh hoạn.

Lúc ấy, Đức Thế Tôn lại vì Văn-thù-sư-lợi mà nói kệ:

*Không phải mọi chúng sinh
Đều sống nhờ ăn uống
Không phải mọi trẻ thơ
Không có tâm bủn xỉn.
Chẳng phải mọi thế gian*

*Ăn cơm nắm thêm bệnh
Không phải mọi hành pháp
Cùng dừng được an lạc*

Này Văn-thù-sư-lợi! Ông mắc bệnh như Ta mắc bệnh. Các A-la-hán, cho đến Phật-bích-chi, Bồ-tát, Như Lai thấy đều không dùng tay nắm cơm thành nắm để ăn, đây chính là phép tắc nhất định của chư Phật Như Lai. Nếu nói rằng, La-hán và Phật-bích-chi, Bồ-tát, Như Lai đã từng dùng tay nắm cơm thành nắm để ăn là phá hoại ý nghĩa Đại sĩ mà thọ nhận trăm ngàn sự bố thí của chúng sinh, Ta khen ngợi tất cả công đức bố thí, vì muốn cứu giúp chúng sinh, đưa họ qua biển khổ không bờ của ba con đường ác. Mặc dù không ăn bằng cách vo thành nắm, nhưng Ta thường ca ngợi sự bố thí, muốn khiến cho chúng sinh thành tựu Đản Ba-la-mật. Ta ngồi trang nghiêm dưới gốc cây, sáu năm tu khổ hạnh, lẽ nào nói rằng không ăn mà hình dáng gầy còm chẳng? Dừng cho rằng Như Lai và chúng sinh cùng số mạng. Như Lai đã vượt qua các dòng ái dục, không giống như cảnh giới hành xử của người đời. Cảnh giới của Như Lai không thể nghĩ bàn, hàng đệ tử Thanh văn cũng như thế, nói rằng ăn bằng cách vo thành nắm ấy là thuyết hữu dư. Tất cả trẻ sơ sinh xa lìa sự keo kiệt, cũng là thuyết hữu dư, bởi vậy mới có vô lượng kẻ mãi mãi lìa khỏi tâm buồn xín, không có sự tán động trong tâm và được khoái lạc. Tất cả những ai ăn bằng cách vo thành nắm tăng thêm bệnh cũng là thuyết hữu dư, bệnh tật từ bên ngoài đưa vào như vết thương do kiếm đâm, số ấy vô lượng. Hết thấy pháp tu hành cùng dừng lại chỗ an vui cũng là thuyết hữu dư của Như Lai. Pháp ấy có nhiều loại, cũng có việc tu tập pháp thiện của thế tục. Nghiệp thân, miệng, ý đủ các thứ pháp thanh tịnh, đủ mọi lòng tin, thế nhưng cùng dừng lại giống nhau và chẳng thuận theo với nhau. Bởi thế hãy nên biết rằng, chư Phật Như Lai không căn cứ vào sự việc không có nhân duyên cho nên nói trái với ý nghĩa, vì sự giáo hóa nên phương tiện thuyết pháp.

Khi ấy, có vị Phạm chí Bán-đầu và những người bạn cùng nhau chấm dứt việc tu tập phép chay ở đền thờ các vị thần thuộc cõi trời Đại tự tại, họ đi đến chỗ Phật. Để hàng phục những người kia, khiến cho họ buông bỏ kiến giải khác lạ, Ta nói bài kệ này.

Bây giờ, Ca-diếp bạch Phật:

– Bạch Thế Tôn! Thế Tôn dạy thế nào, các khế kinh khác đều là thuyết hữu dư của Như Lai chẳng?

Phật dạy:

– Không phải vậy. Này thiện nam! Nếu chúng sinh có công đức thành tựu và khéo hiểu rõ giáo pháp sâu xa, Như Lai sẽ vì người đó mà nói pháp thường trụ an lạc vô dư. Các chúng sinh khác ưa thích nghe pháp, Như Lai sẽ vì những người kia mà giảng, hoặc là thuyết hữu dư, hoặc là thuyết vô dư.

Ca-diếp rất vui mừng bạch Phật:

– Kỳ diệu thay! Bạch Thế Tôn! Thế Tôn xem chúng sinh đều bình đẳng dường như đứa con một.

Phật bảo Ca-diếp:

– Quý hóa thay! Này thiện nam! Cần phải hiểu kỹ pháp cực kỳ huyền diệu như thế.

Ca-diếp bạch Phật:

– Bạch Thế Tôn! Xin ước mong Như Lai hãy nói về công đức sở đắc của kinh Phương Đẳng Bát-nê-hoàn này.

Phật bảo Ca-diếp:

– Kinh Ma-ha-diễn Bát-nê-hoàn này, người nghe tên kinh ấy là đã có được công đức, không phải là hàng Thanh văn và Phật-bích-chi mới có thể nói một cách rốt ráo. Công đức của kinh Ma-ha-diễn Bát-nê-hoàn này phát sinh không thể nghĩ bàn, chỉ là cảnh giới của chư Phật Như Lai.

Bấy giờ, chư Thiên, người đời và A-tu-la liền ở trước Đức Phật, một lòng đồng thanh ca tụng bằng kệ:

*Như Lai Thiên Trung Thiên
Sâu xa khó nghĩ bàn
Điều Như Lai giảng nói
Kinh Phương Đẳng Nê-hoàn.
Sinh ra các công đức
Cũng chẳng thể nghĩ bàn
Chánh pháp khó nghĩ bàn
Ngôi báu Tăng cũng thế.
Xin mong Thiên Trung Thiên
Thương xót ở ít lâu
Vị Thượng tọa Ca-diếp
Quyển thuộc đến chốc lát.
Tôn giả A-nan-đà
Đại tiên sĩ nghe nhiều
Và Ma-kiệt-đề vương*

Quốc vương A-xà-thế.
 Họ đối với Như Lai
 Đệ tử thân mật nhất
 Các hạng Chánh sĩ kia
 Ất hoài nghi tướng làm.
 Vì Như Lai Nê-hoàn
 Gánh vác đời lâu bền
 Tâm hạng này hoài nghi
 Do đâu mà quyết định.
 Nguyên thường trụ chốc lát
 Đợi họ đến quyết nghị.

Lúc này, Đức Thế Tôn vì các đại chúng mà nói kệ:

Những người ôm nghi hoặc
 Các ông chớ âu lo
 Pháp Ta sinh con trưởng
 Thượng tọa Đại Ca-diếp.
 Bạc nghe nhiều A-nan
 Chốc lát nữa họ đến
 Cần cho họ gặp Ta
 Ta sẽ vào Nê-hoàn.
 Như bậc trí tuệ này
 Xem đôi chân Như Lai
 Họ tự biết thân Ta
 Thường, vô thường chân thật

Bấy giờ, hết thầy đại chúng và quyến thuộc cúng dường hàng tợ lụa cõi trời và chiếc lọng trang sức bằng hoa cho Đức Như Lai, đốt các loại hương thơm nổi tiếng, tấu kỹ nhạc cõi trời, số ấy vô lượng không thể lấy gì làm ví dụ được. Cúng dường Đức Phật xong, các hàng chúng sinh đông bằng muôn lần số cát sông Hằng phát tâm A-nậu-đa-la-tam-miệu-tam-bồ-đề, trụ ở trụ địa đầu tiên của hàng Bồ-tát. Trưởng giả Thuần-đa vui mừng hơn hờ, như lấy cam lộ Bồ-đề để rót lên đỉnh đầu của mình.

Lúc ấy, Đức Thế Tôn bảo Pháp vương tử Văn-thù-sư-lợi, Bồ-tát Ca-diếp và Bồ-tát Thuần-đa:

– Nay thiện nam! Các ông hãy tự tu tâm mình, cẩn thận chớ buông lung. Nay Ta đau lưng, cả mình mảy đều nhứt nhối, Ta cần muốn nằm yên.

Này Văn-thù-sư-lợi! Ông nên thuyết pháp cho tất cả bốn chúng,

chánh pháp của Như Lai nay Ta giao phó cho ông, ngay cả Thượng tọa Ma-ha Ca-diếp và A-nan-đà, ông nên giảng thuyết rộng rãi. Ngay sau đó, vì sự giáo hóa chúng sinh, Đức Thế Tôn thị hiện thân thể mắc bệnh, hông bên phải chạm đất, thu thúc ý niệm theo tư tưởng sáng suốt



SỐ 377

KINH ĐẠI BÁT NIẾT BÀN HẬU PHẦN

*Hán dịch: Đời Đại Đường, Sa-môn Nhã Na
Bạt Đà La, người nước Ba Lãng ở Nam Hải.*

QUYỂN THƯỢNG

Phẩm DƯ: KIỀU TRẦN NHƯ

Bấy giờ, Tu-bạt-đà-la theo Đức Phật để nghe nói pháp vi diệu rất sâu sắc Đại-bát-niết-bàn mà được pháp nhãn, thấy pháp thanh tịnh, ông yêu quý hộ trì chánh pháp và đã xả bỏ tà kiến. Với niềm tin sâu sắc bền vững ở trong Phật pháp, ông liền theo Đức Như Lai để muốn cầu xin xuất gia. Đức Phật dạy:

– Quý hóa thay! Quý hóa thay! Tu-bạt-đà-la! Thiện lai Tỳ-kheo!

Ông làm đẹp lòng tâm của bậc Thánh, khéo nhập Phật đạo.

Thế là Tu-bạt-đà-la vui mừng, hân hoan vô lượng, tức thời râu tóc tự nhiên rụng mà làm Sa-môn, nước trí tuệ pháp tánh đổ vào nguồn tâm, không có sự ràng buộc dính mắc nữa, dứt bỏ hết mọi phiền não cho nên ý được giải thoát, đắc quả La-hán. Tu-bạt-đà-la đã chứng quả xong, ông liền ở trước Đức Phật chiêm ngưỡng vẻ mặt tôn quý, cúi đầu đánh lễ dưới chân Ngài, mặc áo ca-sa để hở vai bên phải, đầu gối phải chạm đất, chấp tay quỳ xuống, mừng mừng tủi tủi, ông tự hồi hận trách cứ tội lỗi của mình ở vào thuở xa xưa một cách thâm thía rồi bạch Phật:

– Bạch Thế Tôn! Chỉ tiếc rằng thân độc hại của con từ kiếp lâu xa đến nay thường lừa dối mê hoặc lẫn nhau, khiến cho con ngụp lặn mãi trong sự vô minh và tà kiến, chìm đắm trong pháp ngoại đạo ở ba cõi. Đau đớn thay! Khổ sở thay! Đương lúc tai hại quá đỗi, nay con vô cùng mừng rỡ, nhờ ơn Như Lai con được vào chánh pháp. Bạch Thế Tôn! Biển cả trí tuệ, từ bi thương xót vô lượng. Con tự trộm ngẫm nghĩ, dù cho tám thân tan nát trong bao đời kiếp chồng chất, vẫn chưa thể nào báo đền ân đức của Ngài trong chốc lát.

Tu-bạt-đà-la nói lời như thế xong, buồn rầu nức nở, nước mắt ròng ròng không thể nào ngăn được. Ông lại bạch Phật:

– Bạch Thế Tôn! Tuổi tác của con đã già nua, vận mệnh không còn bao lâu nữa, con chưa thoát khỏi mọi nỗi khổ và sự khổ cứ biến chuyển thúc ép. Xin mong Thế Tôn ở lại ít lâu để răn bảo dạy dỗ, xót thương cứu hộ mà đừng vào Niết-bàn.

Lúc ấy, Đức Thế Tôn im lặng không hứa, thỉnh cầu của Tu-bạt-đà-la không có kết quả, ông lo buồn, bứt rứt phiền não, bèn lớn tiếng xướng lên:

– Khổ thay! Khổ thay! Thế gian trống rỗng! Thế gian trống rỗng! Có sao hiện giờ sự sợ hãi quá đồi liên đến, nỗi phiền não bứt rứt lưu hành. Thương thay! Xót thay! Phước của chúng sinh hết, con mắt tuệ chân chính không còn.

Ông lại chảy nước mắt kêu gào thảm thương nghẹn ngào, máu xuất ra khắp cả thân thể, cất tiếng khóc òa. Ở trước Đức Như Lai, ông gieo xuống đất cả thân thể, tâm hồn loạn cuống cuồng, mê man im bất, hồi lâu ông mới tỉnh lại, nghẹn ngào trong nước mắt mà bạch Phật:

– Bạch Thế Tôn! Nay con không đành lòng trông thấy Như Lai nhập Niết-bàn, trong tâm vô cùng đau đớn, khó tùy ý dần ép bớt, tự mình con làm sao có thể cùng với tám thân độc ác như đồ dùng hư hỏng này ở chung. Nay trước mặt Thế Tôn, thà rằng con tự diệt độ trước một cách mau chóng, xin mong Thế Tôn sau này sẽ Niết-bàn.

Bấy giờ, Tu-bạt-đà-la nói lời như thế xong, ông nghẹn ngào xót xa bịn rịn, ngay trong phút chốc, ông liền nhập Niết-bàn.

Lúc này, các Đại Bồ-tát, Tỳ-kheo, Tỳ-kheo-ni, hết thấy thế gian, trời, người, A-tu-la v.v... nhiều bằng vô số ức số lượng cát của sông Hằng không thể nói, đồng thanh xướng lên:

– Khổ thay! Khổ thay! Vì sao đấng Chánh Giác bỗng lìa bỏ trong phút chốc. Chúng ta không có chủ, không có chỗ quay về, không có nơi nương tựa, không có chỗ hướng tới.

Tưởng nhớ lại, họ lưu luyến mến chuộng, cảm động xót thương, gào khóc thê thảm; họ nắm tay nhau, đấm ngực bất tỉnh tuyệt vọng, không nhận ra các phương hướng, đau thương thảm thiết vang đến ba ngàn đại thiên thế giới.

Bấy giờ, Đức Thế Tôn phát ra tám thứ âm thanh bảo khắp đại chúng:

– Các người chớ khóc gào lớn tiếng giống như trẻ con, mỗi người hãy

kiềm chế lẫn nhau chớ tự làm loạn tâm mình. Đối với nỗi khổ lưu chuyển trong biển cả sinh tử, các ông hãy chăm chỉ tu tập tâm thanh tịnh, chớ đánh mất niệm tuệ, chớ cầu chánh trí để mau ra khỏi sự sống chết trong các cõi. Thọ thân trong ba cõi, bánh xe khổ quay mãi không có ranh giới; ông chủ vô minh, vua quỷ ân ái sai khiến thân tâm, thúc giục làm tội lỗi người hầu. Cảnh giới duyên khắp, tạo nghiệp sống chết; tham lam, tức giận, ngồng cuồng, ngu si, từng niệm từng niệm làm tổn hại, vô lượng kiếp đến nay thường chịu khổ não, sao người có trí không xét lại ngọn nguồn này?

Các ông nên biết rằng, từ thuở kiếp lâu xa đến giờ, Ta đã vào rồi rảo tịch tĩnh, không có âm, giới, nhập, mãi mãi dứt bỏ sự sống chết trong các cõi. Kho chứa châu báu kim cương thường, lạc, ngã, tịnh; đối với điều này, nay Ta lộ rõ sự khó thể nghĩ bàn và hiển hiện lực dụng của phương tiện, vào đại Niết-bàn, tỏ rõ giống như pháp thể gian. Ta muốn khiến cho chúng sinh biết thân mạng như ánh chớp mà phát sinh lòng mến chuộng, thác nước sinh tử cuốn trôi nhanh chóng. Các pháp hữu vi do nhân duyên sinh ra thường xoay chuyển như bánh xe pháp ứng theo như thế. Như Lai Niết-bàn sâu sắc đến mức cùng cực, sâu sắc tốt cùng, không thể suy nghĩ và bàn luận, mới chính là cảnh giới của chư Phật và Bồ-tát, không phải là điều mà các hàng Thanh văn và Duyên giác biết được.

Đức Phật lại bảo các đại chúng:

– Ông Tu-bạt-đa-la ấy đã từng cúng dường chư Phật nhiều như số cát sông Hằng, trồng sâu cội rễ tốt lành ở chỗ các Đức Phật, nhờ sức mạnh thế nguyện căn bản, nên thường ở trong pháp ngoại đạo Ni-kiền, xuất gia tu hành, đem trí tuệ phương tiện dạy dỗ khuyên bảo kẻ tà kiến tiến tu, khiến cho chúng sinh lạc đường đi vào chánh trí. Tu-bạt-đa-la nương theo sức mạnh của thế nguyện căn bản, nay được gặp Ta Niết-bàn, được nghe chánh pháp lần cuối cùng. Ông ấy đã nghe chánh pháp thì đắc quả La-hán, đã đắc quả xong thì lại nhập Niết-bàn. Khi Ta đắc đạo, độ cho A-nhã Kiều-trần-như, sau cùng Niết-bàn, Ta độ cho Tu-bạt-đa-la. Sự việc của Ta rồi rảo, không còn thi hành gì nữa, giả sử Ta ở đời lâu dài, thì không có khác gì hôm nay.

Bấy giờ, nói lời ấy xong, Đức Thế Tôn liền thở dài rồi than:

– Quý hóa thay! Quý hóa thay! Tu-bạt-đa-la! Để báo đền ân Phật, này đại chúng, các ông phải nên cúng dường thi thể của ông ấy và an lập tháp miếu.

Lúc này, đại chúng đê nén sự buồn bã thăm thương, che giấu nước

mắt và dần bớt nổi đau, liền y theo lời dạy của Đức Phật, lấy gỗ thơm và dầu để thiêu xác của ông ấy. Lúc đang thiêu đốt thì thể Tu-bạt-đà-la, tức thời ở trong ngọn lửa tỏa ra ánh sáng rõ ràng, thị hiện mười tám loại thần biến. Trên thân tuôn ra nước, dưới thân bốc ra lửa; hông bên phải phát ra lửa, hông bên trái tuôn ra nước; nhỏ lại hiện lớn, lớn lại hiện nhỏ đầy khắp giữa hư không.

Bấy giờ, vô lượng đại chúng cho đến những chúng sinh tà kiến ngoại đạo phát tâm Bồ-đề và được vào chánh kiến. Tu-bạt-đà-la thị hiện sự biến đổi thần diệu xong, bèn trở vào lại trong ngọn lửa. Lễ trà-tỳ đã xong xuôi, lúc ấy đại chúng buồn cảm thương tiếc, họ thu lấy xá-lợi để dựng tháp cúng dường.



Phẩm 1: LỜI RĂN DẠY CỦA ĐỨC PHẬT ĐỂ LẠI

Bấy giờ, Phật bảo A-nan và khắp cả đại chúng:

— Sau khi Ta diệt độ, bốn chúng các ông hãy nên chăm chỉ hộ trì Đại Niết-bàn của Ta, Ta ở vô lượng muôn ức A-tăng-kỳ kiếp tu tập pháp Đại Niết-bàn khó được này, nay đã nói rõ ràng. Các ông nên biết, Đại Niết-bàn này mới chính là kho chứa châu báu kim cương của tất cả chư Phật trong ba đời khắp mười phương, thường, lạc, ngã, tịnh trọn vẹn không có sự thiếu sót. Hết thấy chư Phật đối với sự Niết-bàn này mà vào Niết-bàn, lý cùng cực rốt ráo sau chót không bỏ sót. Đối với điều này, chư Phật buông bỏ thân mạng, cho nên gọi là Niết-bàn. Nay các ông! Muốn được sự quyết định báo đền ơn Phật một cách chân thật, mau chóng chứng đắc Bồ-đề, được chư Phật xoa đỉnh đầu, sinh ra ở đời nào cũng không mất chánh niệm, mười phương chư Phật thường hiện ra trước mặt người ấy, ngày đêm gìn giữ che chở, khiến cho tất cả mọi người được pháp môn ra khỏi thế gian, các ông hãy nên chăm chỉ tu tập theo kinh Niết-bàn.

Phật lại bảo A-nan:

— Khi chưa thành Phật, Ta thị hiện vào trong pháp ngoại đạo của vị tiên Uất-đầu-lam-phát để tu học Bốn thiên và Tám định, chịu thực hành theo sự chỉ dạy của vị ấy. Từ khi thành Phật đến nay, Ta chê bai pháp ấy, dần dần dần dụ lòi cuốn mọi người tiến tu, cuối cùng Tu-bạt-đà-la đều vào Phật đạo. Như Lai dùng ngọn đuốc đại trí để thiêu đốt cớ phước tà kiến, giống như lá cây và cỏ khô ném vào ngọn lửa cháy rực.

Này A-nan! Nay Ta hết sức lo nghĩ đến những người đệ tử thuộc dòng họ Thích và những người thân thích của Ta. Sau khi Ta Niết-bàn, ông hãy nên tinh tiến chuyên cần đem điều thiện để khuyên răn dạy bảo các quyến thuộc của Ta, trao cho họ giáo pháp tuyệt diệu, dạy dỗ họ bằng tâm lòng thân thiết, không được cười cợt chọc ghẹo, tâm tán loạn và buông lung, vào những cảnh giới vâng chịu thực hành tà pháp. Ai chưa thoát khỏi ba cõi và nổi thống khổ của thế gian, thì phải sớm cầu mong lìa ra khỏi, ở trong sự ái dục của cõi đời đầy năm thứ vẩn đục này, cần phải nảy sinh tư tưởng lo âu và sợ hãi không có người cứu hộ. Một khi mất thân người thì khó có thể tìm lại nữa. Trọn một hình hài này thường cần phải cảnh tỉnh và suy xét, con quý dữ vô thường thực sự mong cầu khó thoát khỏi. Xót thương chúng sinh, chớ giết hại lẫn nhau, cả đến loài sâu bọ quạ cũng phải nên bố thí cho nó sự không sợ hãi. Thân nghiệp thanh tịnh, thường sinh vào cõi thù thắng vi diệu, khẩu nghiệp thanh tịnh, xa lìa các sự lỗi lầm ác độc. Đừng ăn thịt, chớ uống rượu, điều phục tâm con rắn khiến cho nó đi vào đạo quả. Suy nghĩ sâu xa về quả báo của việc làm thiện hay ác như bóng theo hình, nhân quả ba đời, xoay vần không mất, đời này sống uống phí, sau hối hận không kịp.

Giờ Niết-bàn đã đến, Như Lai dạy bảo rõ ràng như thế.

Bấy giờ, A-nan nghe Phật nói xong, thân tâm rung động, tình thức chả hay biết gì cả, ông đau xót nức nở nghẹn ngào, ngập sâu vào biển ưu sầu. Toàn thân hôn mê sâu muộn, tâm trí hỗn loạn lơ mờ, ông gieo mình trước Đức Như Lai dường như người chết.

Lúc này, A-nê-lâu-đậu an ủi A-nan, muốn làm giảm nhẹ lòng sầu khổ của ông ấy, mà nói với A-nan:

– Ô hay, ông buồn khổ làm gì? Giờ Niết-bàn của Như Lai sắp đến. Hôm nay tuy có, nhưng sáng sớm hôm sau thì không có. Ông y theo lời nói của ta mà thưa hỏi Như Lai bốn câu hỏi như vậy:

– Sau khi Phật Niết-bàn, Xa-nặc tính xấu ác, nhóm sáu Tỳ-kheo làm hoen ố tín đồ, làm sao ở chung để chỉ dạy tỏ rõ cho các vị ấy?

Như Lai còn ở đời thì chúng con nương Phật làm thầy. Sau khi Thế Tôn diệt độ thì chúng con nương vị nào làm thầy?

Nếu Phật còn ở đời, thì chúng con nương dựa theo Phật mà trụ, khi Như Lai đã diệt độ thì chúng con nương theo đâu mà trụ?

Việc kết tập tạng giáo pháp sau khi Như Lai diệt độ, lời mở đầu tất cả các kinh nên dùng lời lẽ nào?

Bấy giờ, A-nan như từ trong mộng nghe A-nê-lâu-đậu an ủi lòng mình, nêu ra bốn câu hỏi khiến mình hỏi Phật. Dần dần A-nan được tỉnh ngộ, nổi thương xót tự mình không tài nào chịu nổi, bèn trình bày đầy đủ vấn đề trên mà đem bạch Phật.

Phật bảo A-nan:

– Sao ông lại bị ai buồn khổ như thế! Sự giáo hóa của chư Phật chu toàn, việc làm đã xong, các Ngài giữ đúng phép tắc trở về chỗ ấy. Quý hóa thay! Quý hóa thay! Này A-nan! Ông đưa đến bốn vấn đề để làm câu hỏi cuối cùng, có thể mang lại lợi ích lớn cho tất cả thế gian. Các ông hãy lắng nghe và khéo suy nghĩ điều đó.

– Thưa vâng! Bạch Thế Tôn! Chúng con nguyện ưa muốn nghe.

Phật bảo A-nan:

– Như điều ông hỏi, sau khi Phật Niết-bàn, Xa-nặc tính xấu ác, nhóm Tỳ-kheo sáu người làm hoen ố tín đồ, thì làm sao ở chung với họ để có thể chỉ dạy tỏ rõ? Này A-nan! Tỳ-kheo Xa-nặc, tính ông ấy thô bỉ xấu ác, sau khi Ta Niết-bàn, dần dần sẽ điều phục, tâm của ông ấy nhu hòa, xả bỏ tính xấu ác sẵn có của mình. A-nan! Người em của Ta là Nan-đà có đủ sự ham muốn rất mực nặng nề, tính nết ông ấy thô bỉ xấu ác, Như Lai đem phương tiện thiện xảo lần lượt tỏ rõ, dạy bảo, lợi ích, vui mừng; biết căn tính như vậy, Ta dùng tuệ Bát nhĩ để nói Mười hai nhân duyên cho ông ấy. Điều đó gọi là vô minh duyên hành, hành duyên thức, cho đến già chết, lo buồn, khổ não, đều chính là rừng rậm vô minh, thương ghét. Hết thấy sự khổ đời đổi biến chuyển dày đặc ba cõi, trôi dạt khắp cả sáu đường. Gốc rễ nỗi khổ lớn là do vô minh trỗi dậy, dùng tuệ Bát nhĩ để tỏ rõ bản tính thanh tịnh, quán xét tỉ mỉ gốc rễ, liền dứt bỏ quả báo trong các cõi và lỗi lầm tai họa vô minh. Do gốc rễ diệt nên vô minh diệt, vô minh diệt thì hành diệt, cho đến sự già chết, lo buồn, khổ não đều diệt. Khi được sự quán sát này, nhiếp tâm trụ vào thiền định tức là nhập Tam-muội. Nhờ năng lực Tam-muội nên được vào cõi Thiền thứ nhất, dần dần theo thứ lớp vào Thiền thứ tư. Nói tâm chánh niệm tu tập như thế, sau đó tự nhiên sẽ được chứng Thượng quả, xa lìa khổ đau trong ba cõi.

A-nan! Bấy giờ, Tỳ-kheo Nan-đà phát sinh lòng tin sâu sắc, y theo giáo pháp của Ta mà đem tâm chuyên cần tu tập, chẳng bao lâu ông ấy liền đắc quả A-la-hán.

A-nan! Sau khi Ta Niết-bàn, ông nên y theo giáo pháp của Ta mà tu chánh quán, hướng dẫn chỉ dạy Tỳ-kheo Xa-nặc trong nhóm sáu Tỳ-kheo,

với tâm sâu sắc nương dựa theo chánh pháp thanh tịnh này, chẳng bao lâu nữa tự nhiên sẽ được chứng Thượng quả.

A-nan! Nên biết đều là do vô minh làm tăng trưởng cây lớn sống chết trong ba cõi, bông bênh chìm ngấm trong dòng sông ái dục, chịu mọi khổ nạn suốt đêm dài. Dưới vách núi tối tăm, chung quanh trụ cột sống chết, sáu thức làm cảnh, tâm niệm hư vọng làm gốc. Làn sóng vô minh, tâm thức thúc giục sai khiến, vui chơi sáu trần, gieo mầm khổ não, không có năng lực ngăn chặn, tự tại như vua. Do đó Ta nói rằng, ông chủ vô minh làm tổn hại từng ý niệm, chúng sinh không biết sự sống chết xoay chuyển như bánh xe.

A-nan! Hết thấy chúng sinh vì sự vô minh này mà khởi lên các tham ái trôi buộc. Ý kiến chấp trước có cái ta che lấp, tám vạn bốn ngàn ông chủ phiền não sai khiến thân mình, thân tâm rạn nứt, không được tự tại.

A-nan! Vô minh nếu diệt thì ba cõi đều tận, do nhân duyên ấy nên gọi là người ra khỏi thế gian.

A-nan! Nếu có thể quan sát kỹ Mười hai nhân duyên, rốt ráo không có cái ngã, đi sâu vào bản lai thanh tịnh, tức có thể xa lìa ngọn lửa lớn ở ba cõi.

A-nan! Lời chân thật ấy của Như Lai là lời nói thành thật phó chúc sau cùng, ông hãy nên tu hành!

A-nan! Như điều ông hỏi, sau khi Phật qua đời, lấy vị nào làm thầy? A-nan! Thi Ba-la-mật, giới luật chính là bậc đại sư của ông. Nương theo đó để tu hành thì có thể đạt được định tuệ rất sâu sắc ra khỏi thế gian.

A-nan! Như điều ông hỏi, sau khi Phật Niết-bàn, phải nương vào đâu mà trụ? A-nan! Các ông nên nương vào Bốn niệm xứ, nghiêm tâm mà trụ. Quán tánh tướng của thân đồng với hư không, gọi là thân niệm xứ. Quán sự thọ nhận không ở trong hay ngoài, chẳng trụ khoảng giữa, gọi là thọ niệm xứ. Quán tâm chỉ có danh dự, tính của danh tự lìa khỏi, gọi là tâm niệm xứ. Quán pháp không được pháp tốt lành, cũng chẳng được pháp không tốt lành, gọi là pháp niệm xứ. A-nan! Tất cả người tu hành cần phải nương dựa theo Bốn niệm xứ này để trụ.

A-nan! Như điều ông hỏi, sau khi Như Lai diệt độ, việc kết tập tạng giáo pháp, phần mở đầu của hết thấy các kinh nên dùng lời lẽ nào? A-nan! Sau khi Như Lai diệt độ, việc kết tập tạng giáo pháp, phần mở đầu của tất cả kinh điển hãy nên xấp đặt: “Tôi nghe như vậy, một thời Đức Phật ở nơi nào đó, xứ nào đó, cùng với các bốn chúng mà nói kinh ấy”.

Bấy giờ, A-nan lại bạch Phật:

– Nếu Phật còn ở đời, hoặc giả sau khi Niết-bàn, có người đàn- việ đủ lòng tin đem vàng bạc, bảy thứ quý báu, tất cả dụng cụ âm nhạc kính dâng bố thí cho Như Lai thì làm sao sắp đặt mọi việc?

Phật bảo A-nan:

– Nếu Phật hiện còn ở đời, thì đồ vật cúng dâng Phật, Tăng chúng cần phải biết. Nếu sau khi Phật diệt độ, tất cả đồ vật của người có lòng tin cúng cho Phật, phải nên sử dụng vào việc tạc hình tượng Phật, cho đến việc tạo ra áo Phật và phướn lông bằng bảy thứ quý báu. Mua các loại hương, dầu, hoa báu để cúng dường Phật. Trừ việc cúng dường Phật, còn lại không được dùng, nếu người nào dùng tức là phạm tội trộm đồ vật của Phật.

A-nan lại bạch Phật:

– Nếu Phật hiện còn ở đời, lại có người đem vàng bạc, bảy thứ quý báu, nhà cửa, cung điện, vợ con, tôi tớ, áo quần, đồ ăn thức uống, tất cả dụng cụ âm nhạc, với tấm lòng tha thiết, họ cung kính lễ lạy cúng dường Như Lai. Sau khi Phật Niết-bàn, nếu lại có người đem vàng bạc, bảy thứ châu báu, thê thiếp, nô tỳ, y phục, đồ ăn uống, hết thảy nhạc cụ để cúng dường hình tượng Như Lai, với tấm lòng tha thiết, họ cung kính lễ bái cúng dường.

Bạch Thế Tôn! Hai người cúng dường với tấm lòng tha thiết như thế, thì phước đức của họ có được, người nào được nhiều hơn?

Phật bảo A-nan:

– Hai người như thế, họ đều đem tấm lòng tha thiết để cúng dường, phước đức mà họ có được, không khác nhau tí nào. Vì sao? Mặc dù sau khi Phật diệt độ, song pháp thân thường còn, vì vậy sự cúng dường với tấm lòng tha thiết, phước ấy ngang đều nhau.

A-nan lại bạch Phật:

– Nếu như Phật hiện còn ở đời, giả sử lại có người vẫn còn đem tấm lòng tha thiết như trên để cúng dường và cung kính Như Lai. Sau khi Phật Niết-bàn, lại có người vẫn còn đem tấm lòng tha thiết như trên để cúng dường và cung kính toàn thân xá lợi. Bạch Thế Tôn! Như thế, phước đức của hai người có được, người nào nhiều hơn?

Phật bảo A-nan:

– Hai người như thế được phước ngang đều nhau, công đức rộng lớn vô lượng vô biên, cả đến hết khổ, phước ấy không bao giờ hết.

A-nan lại bạch Phật:

– Nếu như Phật còn ở đời, giả sử lại có người đem lòng tha thiết hết thấy như trên để cúng dường và cung kính Như Lai. Sau khi Phật Niết-bàn, lại có người đem tấm lòng tha thiết như trên để cung kính cúng dường nửa thân xá-lợi. Bạch Thế Tôn! Như thế, phước đức của hai người có được, người nào được nhiều hơn?

Phật bảo A-nan:

– Hai người cúng dường với tấm lòng tha thiết như thế, họ sẽ được phước giống hệt nhau, phước đức mà họ có được rất nhiều không thể đếm xuể và không có giới hạn.

A-nan! Nếu như sau khi Phật diệt độ, giả sử lại có người đem tâm ân cần tha thiết cúng dường một phần tư, một phần tám, một phần mười sáu, một phần trăm, một phần ngàn, một phần vạn, một phần số lượng cát sông Hằng xá-lợi của Như Lai. Thậm chí xá-lợi độ chừng như hạt cải, họ cũng đều đem tấm lòng tha thiết để cúng dường, cung kính, tôn trọng, khen ngợi. Nếu như Phật hiện còn ở đời, giả sử lại có người cung kính cúng dường Như Lai với tâm niệm tha thiết ân cần, hai người như thế, phước đức họ có được thấy đều không khác nhau tí nào, phước ấy vô lượng không thể nào tính đếm cho xuể. A-nan nên biết rằng, hoặc giả Phật hiện còn, hoặc sau khi Phật Niết-bàn, nếu lại có người đem tấm lòng tha thiết ân cần để cung kính, cúng dường, lễ bái, tôn trọng, khen ngợi, như thế, phước đức mà hai người sẽ được không có hai, không có khác nhau.

Phật bảo A-nan và các đại chúng:

– Sau khi Ta Niết-bàn, hết thấy chúng sinh ở trên cõi trời, chốn nhân gian được xá-lợi của Ta mà vừa mừng vừa tủi, đau buồn thương xót, hờn hờ vui vẻ, rồi cung kính lễ bái, đem tâm ân cần tha thiết cúng dường, họ sẽ được công đức vô lượng vô biên.

A-nan! Nếu người nào trông thấy xá-lợi của Như Lai tức là thấy Phật, thấy Phật tức là thấy Pháp, thấy Pháp tức là thấy Tăng, thấy Tăng tức là thấy Niết-bàn. A-nan! Nên biết do nhân duyên ấy, Ba ngôi báu thường trụ, không có sự biến đổi, có thể làm chỗ quay về và nương tựa cho chúng sinh.

A-nan lại bạch Phật:

– Sau khi Phật Niết-bàn, hết thấy đại chúng dựa vào phép tắc nào để trà-tỳ Như Lai mà được xá-lợi rồi đem tấm lòng tha thiết cúng dường.

Phật bảo A-nan:

– Ta Bát-niết-bàn, đại chúng các người hãy nên y theo cách thức trà-tỳ Chuyển luân Thánh vương.

A-nan lại bạch:

– Phép tắc trà-tỳ vị Chuyển luân Thánh vương, việc ấy như thế nào?

Phật bảo A-nan:

– Sau khi vị Chuyển luân Thánh vương mạng chung, đặt yên thi thể qua bảy ngày mới liệm vào quan tài sắt. Đã liệm vào áo quan rồi, dùng dầu thơm vi diệu rót đầy trong áo quan. Đóng áo quan lại cho kín, lại trải qua bảy ngày, đem thi thể từ trong áo quan ra, dùng các thứ nước thơm để rửa ráy tắm gội, đã tắm rửa xong, thì đốt mọi thứ hương thơm nổi tiếng để cúng dường. Dùng bông Đậu-la-miên quấn khắp thân thể, sau đó liền đem một ngàn tấm vải bông trắng thuộc loại vô giá và tốt đẹp nhất, lần lượt quấn chồng lên nhau khắp thân mình vị Thánh vương. Khi đã quấn xong xuôi, đem các loại dầu thơm đổ đầy bên trong chiếc quan tài sắt, bỏ thân của vị Thánh vương vào áo quan. Đóng kín chặt áo quan xong, chõ áo quan trên xe làm bằng gỗ thơm và bảy báu, bốn mặt chiếc xe ấy treo rủ xuống các chuỗi ngọc anh lạc. Xe ấy được trang nghiêm bằng tất cả dây báu xoắn vào nhau, vô số hoa, phướn và cờ lọng bằng bảy báu. Tất cả hương thơm tuyệt diệu, tất cả âm nhạc cõi trời vây chung quanh cúng dường. Đến giờ mới dùng toàn các loại gỗ thơm thù thắng vi diệu để tô điểm trang hoàng bên ngoài, lấy dầu thơm vi diệu để trà-tỳ thân của vị Chuyển luân Thánh vương. Trà-tỳ xong rồi, thu nhặt xá-lợi, dựng lên tháp bảy báu ở giữa ngã tư đường bên trong đô thành, ngôi tháp mở bốn cửa, an trí xá-lợi, để cho hết thầy thế gian cùng nhau chiêm ngưỡng.

A-nan! Nhờ chút ít phước đức, vị Chuyển luân vương ấy nổi dõi ngôi vua này. Vị ấy chưa thoát khỏi luật nhân quả trong các cõi, đầy đủ năm thứ ham muốn, vợ chính và vợ hầu, gái đẹp hầu hạ, kiến giải xấu ác, ba mối ác độc, hết thầy phiền não, các sự trói buộc sai khiến v.v... vị ấy chưa dứt bỏ một chút nào. Thế mà sau khi vị ấy mạng chung, thế gian lại còn theo phép tắc như vậy, họ dựng tháp cúng dường để tất cả mọi người chiêm ngưỡng. A-nan! Huống chi là Như Lai đã mãi mãi xả bỏ năm thứ dục lạc, thâm thiếp, gái hầu ở vô lượng vô biên vô số A-tăng-kỳ kiếp. Đối với pháp thế gian, Ta đã làm sương giá và mưa đá, việc khó chăm chỉ mà Như Lai có thể chăm chỉ được, việc khó làm mà Như Lai có thể làm được. Tất cả sự khổ hạnh vượt ra ngoài thể tục của Bồ-tát, Ta đã cần cù tu tập. Đạo của hết thầy chư Phật trong ba đời mười phương thực hành là rất mực sâu xa vi diệu, thanh

tĩnh, giới, định, tuệ, giải thoát, giải thoát tri kiến, sáu Ba-la-mật, không gì không đầy đủ. Ta tu tập mười lực, đại bi, bốn đức không e sợ của Như Lai; ba môn giải thoát, mười tám đại không, sáu loại thần thông, năm loại mắt, ba mươi bảy phẩm, mười tám pháp bất cộng, ba mươi hai tướng, tám mươi vẻ đẹp. Tất cả thọ mạng của chư Phật, tất cả sự việc để làm thanh tịnh cõi nước Phật, hết thảy công việc giáo hóa để thành tựu chúng sinh, tất cả lối tu khổ hạnh khó thực hành, Ta lấy việc tu hành hết thảy mọi thiện pháp làm giới luật, lấy việc làm lợi ích cho hết thảy chúng sinh làm giới luật. Ta thấu nhận đủ hết thảy mọi luật nghi để gìn giữ. Tất cả công đức, hết thảy trí tuệ, tất cả sự trang nghiêm, hết thảy thệ nguyện lớn lao, tất cả phương tiện, những sự việc như thế, phước đức trí tuệ không thể nghĩ bàn, Ta đều đã thành tựu, không có sự việc nào là không đầy đủ. Ta dứt bỏ tất cả việc chẳng tốt lành, dứt bỏ hết thảy phiền não, dứt bỏ mọi thói quen còn dư của phiền não. Ta thông đạt bốn đế, mười hai nhân duyên, ở dưới cội Bồ-đề, Ta hàng phục bốn ma, thành tựu trí tuệ biết hết các loại pháp, giáo pháp tuyệt diệu như thế Ta đều tu tập xong. Khi ấy tất cả chư Phật mới xướng lên: “Quý hóa thay! Quý hóa thay!”. Chư vị cùng đem nước trí tuệ pháp tánh mà rưới lên đỉnh pháp thân, Ta mới thành A-nậu-đa-la-tam-miệu-tam-bồ-đề. Do nhân duyên ấy, nay Ta có danh hiệu là Thiên Nhân Sư, Thập Lực Chứng Giác, Chí Cự Thế Tôn. Trên cõi trời và chốn nhân gian không có ai sánh bằng, Ta xem chúng sinh một cách bình đẳng, đều giống như La-hầu-la, cho nên có danh hiệu là Như Lai, Ứng Cúng, Chính Biến Tri, Minh Hạnh Túc, Thiện Thệ, Thế Gian Giải, Vô Thượng Sĩ, Điều Ngự Trượng Phu, Thiên Nhân Sư, Phật Thế Tôn. Ta thương xót thế gian, nhân duyên giáo hóa trọn vẹn xong xuôi, vì chúng sinh nên nay Ta vào Niết-bàn, hãy làm theo pháp thế gian như vị Chuyển luân vương, để khiến cho chúng sinh được cúng dường khắp cả.

A-nan! Ta nhập Niết-bàn, giống như vị Chuyển luân vương, để yên qua bảy hôm mới liệm vào kim quan, dùng dầu thơm tuyệt diệu rót đầy bên trong áo quan rồi đậy kín nắp áo quan. Bốn mặt kim quan ấy phải lấy bảy thứ báu xen lẫn vào giữa để trang hoàng, dùng hết thảy cờ phướn báu và hương hoa cúng dường. Trải qua bảy ngày xong, lại đem nhục thể ra khỏi kim quan, khi đã đem nhục thể ra khỏi kim quan thì phải dùng hết thảy các thứ nước thơm tuyệt diệu để tẩy rửa và tắm gội thân thể của Như Lai. Khi đã rửa ráy xong rồi, dùng bông Đâu-la-miên loại tốt đẹp thượng hạng quấn khắp thân thể. Thứ đến lấy một ngàn tám vải bông trắng vì diệu vô giá, lại quấn vào thân Như Lai chồng lên trên bông rồi lại liệm vào kim quan. Lại

lấy dầu thơm vi diệu đổ đầy bên trong kim quan rồi đặt nắp áo quan cho kín. Đến khi ấy mới đem toàn loại gỗ chiên-đàn mọc ở núi Ngưu-đầu, trầm thủy hương, hết thảy gỗ thơm vi diệu rồi chất đầy vào xe bảy báu. Tất cả mọi đồ quý giá dùng để trang nghiêm được chở theo kim quan quý báu đến chỗ trà-tỳ. Vô số cờ phướn báu, vô số lọng báu, vô số y báu, vô số tiếng nhạc cõi trời, vô số hương và hoa đầy khắp hư không để cúng dường một cách xốt thương. Tất cả hàng trời người, vô số đại chúng, ai nấy đều nên đem gỗ chiên-đàn, trầm thủy, dầu thơm vi diệu để trà-tỳ Như Lai. Làm lễ trà-tỳ trong cảnh gào khóc và quyến luyến đã xong, hàng trời người bốn chúng thu lấy xá-lợi đựng vào bình bảy báu. Ở giữa ngã tư đường lớn bên trong đô thành, hãy dựng lên tháp bảy báu để cúng dường xá-lợi, có thể làm cho chúng sinh được công đức lớn, xa lìa nỗi khổ ở ba cõi mà hướng đến sự vui Niết-bàn.

A-nan nên biết! Tất cả bốn chúng dựng lên tháp bảy báu để thờ xá-lợi Phật xong, lại phải dựng thêm ba tháp để cúng dường. Đó là tháp Phật-bích-chi, tháp A-la-hán, tháp Chuyển luân vương, vì để khiến cho thế gian biết quay về và nương tựa.

A-nan bạch Phật:

– Như Lai xuất hiện ở đời, từ bi thương xót chúng sinh, biểu hiện rõ ràng mười lực đại bi, bốn đức không sợ hãi, mười hai nhân duyên, giáo pháp bốn đế, ba môn giải thoát, tám loại âm thanh sang sáng như tiếng sấm của bậc Đại Phạm Thiên vương làm chấn động ba cõi, ánh hào quang từ bi năm màu chiếu rọi khắp sáu đường. Thuận theo tâm nghiệp chúng sinh mà chuyển hóa, hoặc là được bốn quả và sở hành của ba Thừa, hoặc là chứng đạo vô lậu vô vi của hàng Duyên giác, hoặc nhập địa vị vô diệt vô sinh của hàng Bồ-tát, hoặc được vô lượng các Đà-la-ni, hoặc được năm loại mắt, hoặc được sáu loại thần thông, hoặc thoát khỏi ba đường ác, hoặc ra khỏi tám chỗ chướng nạn, hoặc xa lìa nỗi khổ trong hàng người và trời thuộc ba cõi. Từ lực của Như Lai thanh tịnh, pháp môn giải thoát của Như Lai không thể nghĩ bàn, cho đến lúc Niết-bàn, hết thảy thế gian, người, trời, bốn chúng dựng tháp bảy báu, cúng dường xá-lợi được công đức lớn, có thể khiến cho chúng sinh thoát khỏi khổ đau trong ba cõi và nhập vào chánh giải thoát. Do nhân duyên ấy, Phật Bát-niết-bàn, tất cả thế gian, người, trời, đại chúng báo đáp ân đức từ bi vô lượng rất mực sâu xa của Phật, họ dựng tháp bảy báu để cúng dường xá-lợi, đúng lẽ là phải thế.

Bạch Thế Tôn! Còn ba loại tháp kia đối với các chúng sinh sẽ được

những lợi ích gì, mà khiến xây dựng để cung kính cúng dường?

Phật bảo A-nan:

– Hàng Phật-bích-chi giác ngộ nhân duyên của pháp và đi sâu vào pháp tánh. Các vị ấy đã thoát khỏi tất cả lỗi lầm tai họa và quả báo trong các cõi, có thể làm ruộng phước cho hàng người và trời. Do nhân duyên đó mà dựng tháp cúng dường, phước đức mà vị ấy có được tuy kém hơn Như Lai, nhưng có năng lực khiến cho chúng sinh đều được kết quả rất màu nhiệm.

A-nan! Bậc A-la-hán, ở trong ba cõi, đã hết sự sinh ra và phân sự, chẳng chịu quả báo ở đời sau, phạm hạnh đã đứng vững, có thể làm ruộng phước cho thế gian. Vì thế cho nên cần phải dựng tháp cúng dường, phước đức vị ấy có được đứng sau Phật-bích-chi, cũng khiến cho chúng sinh đều được giải thoát.

A-nan! Vị Chuyển luân vương mặc dù chưa giải thoát phiền não trong ba cõi, song nhờ lực dựng phước đức nên vị ấy cai quản bốn thiên hạ, rồi đem mười điều lành để cảm hóa giáo dục mọi loài chúng sinh. Đó là điều mà các chúng sinh ấy tôn trọng, vì vậy bốn chúng dựng tháp cúng dường, phước đức có được cũng lại vô lượng.

A-nan bạch Phật:

– Phật Bát-niết-bàn, tất cả bốn chúng nên trà-tỳ Như Lai ở chỗ nào để chúng con có thể thu lấy xá-lợi, xin mong Thế Tôn chỉ bày rõ ràng.

Phật bảo A-nan:

– Phật Bát-niết-bàn, nếu hết thấy bốn chúng trà-tỳ Như Lai ở bên trong thành Câu-thi, người trong thành ấy đều nổi ngôi vua, thì họ sẽ đánh dẹp và kiện tụng lẫn nhau không lường, cũng khiến cho tất cả được phước theo từng bậc chênh lệch.

A-nan! Tất cả bốn chúng có thể trà-tỳ Như Lai ở bên ngoài thành, để khiến cho thế gian được phước ngang bằng nhau.

A-nan bạch Phật:

– Phật nhập Niết-bàn, công việc trà-tỳ xong xuôi, tất cả bốn chúng thu lấy xá-lợi rồi an trí vào bình báu, chúng con nên dựng tháp bày báu ở chỗ nào để hết thấy mọi người đều được cúng dường với tấm lòng tha thiết. Xin mong Thế Tôn chỉ dạy rõ.

Phật bảo A-nan:

– Phật Bát-niết-bàn, công việc trà-tỳ đã xong, tất cả bốn chúng thu

lấy xá-lợi đặt vào bình bảy báu. Các ông nên dựng tháp bảy báu ở giữa ngã tư đường, bên trong thành Câu-thi-na-già. Ngôi tháp cao mười ba tầng, bên trên có bánh xe Chuyển pháp luân, hết thảy các thứ quý báu đẹp để xen kẽ trang nghiêm, dùng hết thảy phướn hoa đẹp để ở thế gian để trang nghiêm tháp ấy, lan can bốn bên tháp là do bảy thứ quý báu hợp thành, hết thảy đồ trang hoàng, không có gì là không cùng khắp. Bốn mặt của ngôi tháp ấy, mỗi mặt mở một cửa, thứ tự khoảng cách giữa từng tầng tháp có cửa sổ tương đương, an trí bình báu đựng xá-lợi Như Lai để hàng trời người và bốn chúng chiêm ngưỡng cúng dường.

A-nan! Tháp của hàng Phật-bích-chi phải làm mười một tầng, cũng đem mọi đồ quý báu để trang hoàng. A-nan! Tháp của bậc A-la-hán làm hoàn thành chỉ có bốn tầng, cũng đem mọi thứ quý báu để trang nghiêm. A-nan! Tháp của vị Chuyển luân vương cũng hoàn thành bằng bảy thứ quý báu, không có tầng cấp. Vì sao? Vì các vị ấy chưa thoát khỏi sự khổ não và quả báo ở ba cõi.

Bấy giờ, A-nê-lâu-đâu bạch Phật:

– Sau khi Phật Niết-bàn, việc trà-tỳ đã xong xuôi, tất cả các hàng trời người và bốn bộ đại chúng nên phân bố xá-lợi Như Lai như thế nào rồi được cúng dường?

Bấy giờ, Phật bảo A-nê-lâu-đâu:

– Ta Bát-niết-bàn, hàng trời người các ông giữ lấy xá-lợi Phật, đem tâm bình đẳng, phân bố cho ba cõi, hết thảy thế gian trong sáu đường để cúng dường.

Khi ấy, Thích-đề-hoàn-nhân bạch Phật:

– Nay con tuân theo Phật kính thỉnh bán thân xá-lợi của Như Lai, đem tâm lòng tha thiết của con nguyện xin cúng dường.

Phật bảo trời Đế Thích:

– Như Lai xem chúng sinh một cách bình đẳng giống như La-hầu-la, ông không nên thỉnh bán thân xá-lợi. Vì sao? Vì sự bình đẳng lợi ích giúp đỡ cho các chúng sinh?

Phật bảo vị Thiên đế:

– Nay Ta cho ông xá-lợi một chiếc răng hàm trên bên phải, có thể dựng tháp cúng dường ở trên cõi trời, có khả năng khiến cho ông được phước đức vô tận.

Bấy giờ, hàng trời, người, tất cả đại chúng xót thương chảy nước mắt,

không thể nào tự giảm bớt. Khi ấy, Đức Thế Tôn bảo khắp bốn chúng:

– Phật Bát-niết-bàn, hàng trời và người các ông chớ buồn rầu quá. Vì sao? Tuy rằng Phật Niết-bàn, nhưng có xá-lợi thường còn để cúng dường. Lại có pháp bảo vô thượng, tạng Tu-đa-la, tạng Tỳ-na-da, tạng A-tỳ-đạt-ma. Do nhân duyên ấy mà Ba ngôi báu, Bốn đế thường trụ ở đời, có năng lực làm cho chúng sinh quay về nương tựa với tâm lòng tha thiết. Vì sao? Cúng dường xá-lợi tức là Phật bảo, thấy Phật tức là thấy pháp thân, thấy pháp thân tức là thấy Hiền thánh, vì thấy Hiền thánh tức là thấy Bốn đế, vì thấy Bốn đế tức là thấy Niết-bàn. Do đó, nên biết rằng, Ba ngôi báu thường trụ, không có sự biến đổi, vì có năng lực làm cho quay về nương tựa cho thế gian.

Phật lại bảo các đại chúng:

– Các ông chớ quá buồn rầu khổ sở, hôm nay ở đây, Ta sắp Niết-bàn. Nếu các vị có điều gì còn nghi ngờ như giới luật, như quy y, hoặc giả sự thường, vô thường, Ba ngôi báu, Bốn đế, sáu Ba-la-mật, Mười hai nhân duyên, thì các vị hãy mau nêu ra câu hỏi để hỏi tường tận, sau khi Phật Niết-bàn, các vị không có sự thắc mắc hối tiếc nữa.

Phật bảo mọi người ba lần.

Bấy giờ, bốn chúng lo buồn khổ não, nghẹn ngào chảy nước mắt, trong lòng vô cùng đau đớn, họ tưởng nhớ lại và quuyến luyến, hết sức buồn phiền sâu muộn. Nhờ thần lực của Phật nên họ che giấu nước mắt lặng yên mà không nêu ra câu hỏi. Vì sao? Vì tất cả bốn chúng đã thông đạt hiểu rõ và không có sự nghi ngờ đối với giới luật, sự quy y, Ba ngôi báu, Bốn đế.

Lúc ấy, Đức Thế Tôn biết mọi người trong bốn chúng không còn điều gì nghi ngờ nữa, bèn khen ngợi:

– Quý hóa thay! Quý hóa thay! Bốn chúng các ông đã có năng lực thông đạt Ba ngôi báu, Bốn đế, không có sự nghi ngờ vậy, giống như nước sạch gột rửa thân như bản, các ông hãy nên chăm chỉ siêng năng để sớm được ra khỏi, đừng sinh ra tâm niệm tán loạn, sầu não, mê muộn.

Bấy giờ, Đức Thế Tôn ở tòa sư tử, dùng cánh tay vàng ròng sáng chói vén tấm y Tăng-già-lê đang đắp trên thân, để lộ ra ngực sư tử màu tía vàng óng, cho đại chúng thấy cùng khắp mà bảo:

– Tất cả đại chúng trời người các ông, hãy nên đem tâm tha thiết để nhìn xem sắc thân vàng tía sáng chói của Ta.

Bốn chúng lúc ấy, hết thảy đều chiêm ngưỡng sắc thân vàng óng sáng chói của đức Đại Giác Thế Tôn, mắt chẳng rời, ai nấy đều sung sướng, vì

như vị Tỳ-kheo nhập cõi Thiên thứ ba cũng khó sinh khởi sự vui sướng như thế.

Lúc ấy, Đức Thế Tôn đem thân vàng óng cho đại chúng thấy xong, liền phóng ra vô lượng vô biên trăm ngàn muôn ức ánh sáng đại Niết-bàn, chiếu khắp tất cả thế giới ở mười phương, khiến ánh sáng của mặt trời và mặt trăng soi chiếu không còn sáng rõ nữa. Phóng ra ánh sáng như thế xong, rồi bảo đại chúng:

– Nên biết, Như Lai vì các ông mà qua bao đời kiếp chồng chất, đã cần cù tu tập hết thấy sự khổ hạnh khó làm, cắt đứt thân thể tay chân, bản nguyện đại bi ở cõi đời đầy năm thứ vắn đục này mà thành A-nậu-đa-la-tam-miệu-tam-bồ-đề. Ta được sắc thân vàng tía kim cương bất hoại này, đầy đủ ba mươi hai tướng và tám mươi vẻ đẹp, vô lượng ánh sáng chiếu khắp tất cả, không ai là không giải thoát khi họ nhìn thấy hình dáng hay gặp được ánh sáng của Ta.

Đức Phật lại bảo các đại chúng:

– Phật xuất hiện ở đời khó như hoa Ưu-đàm hiếm có và khó gặp. Đại chúng các ông gặp được Ta lần cuối cùng, là đối với thân này, các ông không sống cuộc đời uổng phí. Ta đem lực dụng của lời thệ nguyện căn bản mà sinh ra tại cõi nhơ nhớp này, nhân duyên giáo hóa chu tất, nay sắp sửa Niết-bàn, các ông hãy đem tâm rất mực chân thành để nhìn xem sắc thân màu tía vàng óng của Ta. Các vị hãy nên tu tập nghiệp thanh tịnh như thế, vào đời vị lai, các vị sẽ được quả báo này.

Bấy giờ, Đức Thế Tôn ân cần bảo đi bảo lại ba lần như thế. Ngài đem sắc thân vàng ròng cho các đại chúng thấy, liền từ giường lớn sư tử bằng bảy báu, bay lên ở giữa hư không cao bằng một cây Đa-la rồi một lần trở lại, bảo:

– Ta sắp sửa Niết-bàn, đại chúng các ông hãy nhìn xem sắc thân màu tía vàng óng của Ta.

Hết lần này đến lần khác như thế, Đức Thế Tôn lên cao bằng bảy cây Đa-la rồi bảy lần trở lại mà bảo:

– Ta sắp Niết-bàn, đại chúng các ông cần phải đem tâm lòng tha thiết để nhìn xem sắc thân màu tía vàng óng của Ta.

Từ giữa hư không, Đức Thế Tôn hạ xuống ngồi giường sư tử, rồi lại bảo với đại chúng:

– Ta sắp Niết-bàn, các ông hãy đem lòng tha thiết để nhìn xem sắc thân màu tía vàng óng của Ta.

Bấy giờ, Đức Thế Tôn từ giường sư tử lại lên hư không cao bằng một cây Đa-la, rồi lại bảo với đại chúng:

– Ta sắp Niết-bàn, các ông hãy đem lòng tha thiết để nhìn xem sắc thân màu tía vàng óng của Ta.

Hết lần này đến lần khác như thế, Đức Thế Tôn lên cao bằng bảy cây Đa-la rồi bảy lần trở lại mà bảo:

– Ta sắp Niết-bàn, đại chúng các ông hãy nhìn xem sắc thân màu tía vàng óng của Ta.

Từ giữa hư không, Đức Thế Tôn hạ xuống ngồi giường sư tử, rồi lại bảo với đại chúng:

– Ta sắp Niết-bàn, các ông hãy đem lòng tha thiết để nhìn xem sắc thân màu tía vàng óng của Ta.

Bấy giờ, Đức Thế Tôn từ giường sư tử lại lên hư không cao bằng một cây Đa-la, lại bảo với đại chúng:

– Ta sắp Niết-bàn, các ông hãy đem lòng tha thiết để nhìn xem sắc thân màu tía vàng óng của Ta.

Hết lần này đến lần khác như thế, Đức Thế Tôn lên cao bằng bảy cây Đa-la rồi bảy lần trở lại mà bảo:

– Ta sắp Niết-bàn, các ông hãy đem lòng tha thiết để nhìn xem sắc thân màu tía vàng óng của Ta.

Từ giữa hư không, Đức Thế Tôn hạ xuống ngồi giường sư tử, rồi lại bảo với đại chúng:

– Ta sắp Niết-bàn, các ông hãy đem lòng tha thiết để nhìn xem sắc thân màu tía vàng óng của Ta.

Bấy giờ, Đức Thế Tôn lộ rõ ra sắc thân màu tía vàng óng của Như Lai, tỏ bày khắp hết đại chúng. Trở đi trở lại ba lần như thế, Đức Thế Tôn lên trên hư không cao bằng bảy cây Đa-la, rồi ba lần trở đi trở lại, từ không trung lại xuống ngồi giường sư tử. Hai mươi bốn lần trở đi trở lại, Đức Thế Tôn bảo các đại chúng một cách ân cần như vậy:

– Ta sắp Niết-bàn, các ông hãy đem tâm lòng tha thiết để nhìn xem sắc thân của Ta là thân kim cương vững chắc chẳng hoại, thân màu tía vàng óng, không có sự sợ hãi, giống như hoa Ưu-đàm khó có thể gặp gỡ. Các ông nên biết, Ta sắp sửa Niết-bàn, các ông cần phải đem lòng rất mực chân thành để nhìn xem sắc thân màu tía vàng óng của Ta, giống như người khát nước khi trời nóng bức gặp được nước mát lạnh, uống nước no nê, không

còn suy nghĩ điều gì khác nữa. Đại chúng các ông cũng như thế.

Ta sắp Niết-bàn, đại chúng các ông cần phải đem lòng tha thiết ân cần để chiêm ngưỡng, vì đó là lần sau chót các người được gặp Như Lai. Gặp lần này rồi, từ đây các vị sẽ không còn gặp lại Như Lai nữa. Đại chúng các ông hãy chiêm ngưỡng cho đầy đủ, để không còn sự hối hận về sau.

Đức Phật lại bảo các đại chúng:

– Sau khi Ta Niết-bàn, đại chúng các ông phải nên mở rộng việc tu hành để sớm ra khỏi ba cõi. Đừng biếng nhác và làm cho tâm tán loạn buông lung trở lại.”

Bấy giờ, các bốn chúng, trời và người ở tất cả thế giới gặp được ánh sáng Niết-bàn và chiêm ngưỡng Đức Phật, hết thấy hàng người và trời trong thế gian, ba đường, tám chỗ chướng nạn có điều phiền não, bốn tội nặng, năm tội nghịch, tội lỗi cực ác, thì mãi mãi tiêu diệt không còn, đều được giải thoát.

Lúc ấy, Đức Thế Tôn để lộ ra sắc thân màu tía vàng óng, ân cần bảo cho đại chúng đều biết rõ xong, rồi giơ tâm y Tăng-già-lê lên để đắp lại như thường.



Phẩm 2: SỰ TRỞ VỀ CỘI NGUỒN PHẢI LÀM TRÒN

Đức Phật lại bảo các đại chúng:

– Nay thời giờ sắp đến, toàn thân của Ta nhưc nhỏi.

Nói lời ấy xong, Đức Thế Tôn liền nhập vào bậc thiền thứ nhất, đem ánh sáng Niết-bàn quán sát khắp thế giới, nhập vào định tịch diệt. Bấy giờ, chưa dứt lời, Đức Thế Tôn liền nhập vào bậc thiền thứ nhất. Từ cõi thiền thứ nhất, xuất định rồi nhập vào cõi thiền thứ hai. Từ cõi thiền thứ hai, xuất định rồi nhập vào cõi thiền thứ ba. Từ cõi thiền thứ ba, xuất định rồi nhập vào cõi thiền thứ tư. Từ cõi thiền thứ tư, xuất định rồi nhập vào Hư không xứ. Từ Không xứ xuất định rồi nhập vào Vô biên thức xứ. Từ Thức xứ, xuất định rồi nhập vào Bất dụng xứ. Từ Bất dụng, xuất định rồi nhập vào Phi tướng phi phi tướng xứ. Từ Phi phi tướng xứ, xuất định rồi nhập vào Diệt tận định. Từ Diệt tận định, xuất định rồi nhập vào Phi tướng phi phi tướng xứ. Từ Phi phi tướng xứ, xuất định rồi nhập vào Bất dụng xứ. Từ Bất

dụng xứ, xuất định rồi nhập vào Vô biên thức xứ. Từ Vô biên thức xứ, xuất định rồi nhập vào Hư không xứ. Từ Không xứ, xuất định rồi nhập vào cõi thiên thứ tư. Từ cõi thiên thứ tư, xuất định rồi nhập vào cõi thiên thứ ba. Từ cõi thiên thứ ba, xuất định rồi nhập vào cõi thiên thứ hai. Từ cõi thiên thứ hai, xuất định rồi nhập vào cõi thiên đầu tiên.

Bấy giờ, Đức Thế Tôn nhập các cõi thiên định tuần tự ngược và xuôi như thế xong, rồi bảo khắp đại chúng:

– Ta đem Bát nhã rất mực sâu xa quán sát khắp tất cả sáu nẻo đường, các núi non, biển cả, quả đất, các loài có mạng sống trong ba cõi. Tính căn bản của ba cõi như thế là xa rời, rốt cuộc tịch diệt giống như tướng hư không. Không có danh, không có thức, mãi mãi dứt bỏ quả báo trong các cõi, xưa nay vốn dĩ bình đẳng, không có ý tưởng cao thấp. Không thấy, không nghe, không hay, không biết; không thể trói buộc, không thể giải thoát; không có chúng sinh, không có thọ mạng; không sinh cũng chẳng khởi, không tận cũng chẳng diệt; không phải thế gian, cũng chẳng phải phi thế gian. Niết-bàn, sinh tử đều không thể nắm bắt được, vì hai cõi bình đẳng với các pháp. Ở nơi yên tĩnh, xa lánh chỗ ồn ào, không có làm điều gì, rốt ráo an định không thể nắm bắt được. Từ trước đến nay không có pháp để trụ thì pháp tánh làm gì thì thi hành được. Cắt đứt tất cả tướng, không có gì để nắm bắt cả. Pháp tướng như thế, nếu ai biết được điều ấy thì gọi là người ra khỏi thế gian, sự việc này nếu ai chẳng biết thì gọi là bắt đầu sự sống chết. Đại chúng các ông cần phải dứt bỏ sự vô minh và diệt trừ sự mở đầu sống chết.

Bấy giờ, Đức Thế Tôn nói lời này xong, lại nhập thiên định siêu việt. Từ cõi thiên đầu tiên, xuất định rồi vào cõi thiên thứ ba. Từ cõi thiên thứ ba, xuất định rồi đi vào Hư không xứ. Từ Hư không, xuất định rồi nhập vào cõi Vô sở hữu xứ. Từ Vô sở hữu, xuất định rồi nhập vào Diệt tận tướng định. Từ Diệt tận định, xuất định rồi theo thứ tự nhập vào thiên định trở lại, đến Phi tướng phi phi tướng xứ. Từ Phi phi tướng, xuất định rồi nhập vào Vô biên thức xứ. Từ Thức xứ, xuất định rồi đi vào cõi thiên thứ tư. Từ cõi thiên thứ tư, xuất định rồi đi vào cõi thiên thứ hai. Từ cõi thiên thứ hai, xuất định rồi nhập vào bậc thiên đầu tiên. Đức Thế Tôn nhập vào thiên định siêu việt theo lối ngược và xuôi như thế xong, rồi lại bảo đại chúng:

– Ta đem Ma-ha Bát-nhã quán sát khắp các loài có tình thức và loài không có tình thức trong ba cõi, tất cả nhân và pháp thấy đều rốt ráo, không có sự trói buộc, không có sự giải thoát, không có chủ, không có sự nương

tự, không thể nắm giữ. Chẳng ra khỏi ba cõi, không đi vào các cõi, xưa nay vốn thanh tịnh, không có nhơ bẩn, không có phiền não, cùng sánh ngang với hư không, không bình đẳng, không phải không bình đẳng, hết các sự động niệm, tâm suy nghĩ dứt hẳn, pháp tướng như thế gọi là Đại Niết-bàn, thấy pháp này một cách chân thật thì gọi là giải thoát. Hạng phàm phu không biết thì gọi là vô minh.

Nói lời ấy xong, Đức Phật lại nhập thiền định siêu việt. Từ cõi thiên đầu tiên xuất định cho đến nhập vào Diệt tận định. Từ Diệt tận định xuất định cho đến nhập vào cõi thiên thứ nhất. Đức Thế Tôn nhập vào thiền định siêu việt theo lối ngược và xuôi như thế xong, rồi lại bảo với đại chúng:

– Ta dùng mắt Phật xem khắp tất cả các pháp trong ba cõi, sự vô minh từ đầu cho đến cùng cực, tính vốn giải thoát. Mong cầu ở mười phương, hoàn toàn không thể được. Bởi vì gốc rễ không có, nên cành lá nương theo thấy đều giải thoát. Vì sự vô minh được giải thoát, cho đến sự già chết đều được giải thoát. Do nhân duyên ấy, nay Ta an trụ ở ánh sáng thường tịch diệt gọi là Đại Niết-bàn.

Bấy giờ, nổi buồn rầu, âu sầu thống khổ của A-nan không có chỗ cùng tận, lòng dạ hoảng hốt cuống cuống, tình thức hôn mê. Như người say khướt thì hoàn toàn không hay biết gì cả, A-nan không trông thấy bốn chúng và chẳng biết Đức Như Lai đã nhập Niết-bàn hay là chưa Niết-bàn.

Lúc ấy, Đức Thế Tôn nhập vào các thiền định siêu việt, trải qua ba lần như thế, lại quán xét khắp cả pháp giới, rồi ba lần nói pháp cho đại chúng. Như Lai nhập vào các thiền định hết lần này đến lần khác, trải qua hai mươi bảy lần như thế. Vì A-nan không biết, cho nên khi Đức Phật đi vào một cõi thiên, ông liền nêu một câu hỏi. Hai mươi bảy lần trở đi trở lại như thế, A-nan hỏi A-nê-lâu-đậu:

– Đức Phật đã Niết-bàn hay là chưa Niết-bàn?

A-nê-lâu-đậu biết rất rõ Đức Như Lai nhập các thiền định, trở đi trở lại hai mươi bảy lần nên trả lời A-nan:

– Đức Phật chưa Niết-bàn.

Bấy giờ, tất cả đại chúng thấy đều hoảng loạn, hoàn toàn chẳng hay biết gì, rằng Đức Như Lai đã Niết-bàn hay là chưa Niết-bàn.

Lúc ấy, ba lần Đức Thế Tôn nhập các thiền định, ba lần dạy bảo rõ cho mọi người xong, bèn nằm nghiêng hông về bên phải ở chiếc giường làm bằng bảy thứ quý báu, gối đầu về phương Bắc, chân chỉ phương Nam, mặt hướng về phương Tây, lưng quay về phương Đông. Chiếc giường bằng

bảy thứ quý báu ấy dùng chuỗi ngọc anh lạc vi diệu để trang nghiêm. Khu rừng cây Ta-la có tám cây mọc thành bốn đôi, phương Tây có một cây mọc sổng đôi ở trước mặt Đức Như Lai, phương Đông có một cây mọc sổng đôi ở đằng sau Đức Như Lai, phương Bắc có một cây mọc sổng đôi ở phía trên đầu của Đức Phật, phương Nam có một cây mọc sổng đôi ở phía chân của Đức Phật.

Bấy giờ, Đức Thế Tôn nằm ngủ tại giường báu ở dưới rừng Ta-la, vào giữa đêm hôm ấy, Ngài nhập cõi thiền thứ tư, im lìm không một tiếng động, vào đúng giây phút đó, Phật Bát-niết-bàn. Đấng Đại Giác Thế Tôn nhập Niết-bàn rồi, tại khu rừng Ta-la ấy, hai cây mọc sổng đôi ở phương Đông và phương Tây hợp lại thành một cây; hai cây mọc sổng đôi ở phương Nam và phương Bắc hợp lại thành một cây, các cây rủ xuống bao phủ giường báu che Đức Như Lai. Cây Ta-la ấy tức thời thảm thương biến đổi thành màu trắng giống như con hạc trắng; cành, lá, hoa, quả, vỏ cây, thân cây thảy đều nứt toác và rơi xuống, dần dần khô héo gãy đổ không để sót lại gì.

Lúc ấy, tất cả mặt đất khắp thế giới của chư Phật bằng vô số muôn ức số lượng cát sông Hằng trong mười phương, đều chấn động dữ dội, phát ra đủ mọi thứ âm thanh mà xướng lên: “Khổ thay! Khổ thay! Thế giới trống rỗng!”. Rồi xuất ra tiếng buồn than về sự vô thường, khổ, không.

Bấy giờ, tất cả các núi non ở thế giới mười phương, núi Mục-chân-lân-đà, núi Ma-ha Mục-chân-lân-đà, núi Thiết Vi, núi Đại Thiết Vi, núi Tu-di, núi Hương, núi có nhiều châu ngọc quý báu, núi vàng, núi Đen, hết thảy các ngọn núi có trong đại địa, cùng một lúc chấn động rạn nứt, toàn bộ đều sụp đổ, phát ra âm thanh lớn gầm vang thế giới mà xướng lên: “Khổ thay! Khổ thay! Cớ sao trong một sớm, thế gian trở trời không ai che chở, mặt trời trí tuệ lặn mất sau núi Đại Niết-bàn, tất cả chúng sinh mất đáng cha lành chân thật, mất vị trời được mọi người cung kính, không có ai để chiêm ngưỡng.

Lúc ấy, tất cả biển lớn ở thế giới khắp mười phương thảy đều vẫn đục, sóng cả sôi sục trào dâng, phát ra đủ mọi thứ âm thanh mà xướng lên: “Khổ thay! Khổ thay! Đấng Chánh Giác đã diệt độ, chúng sinh chịu tội lỗi khổ đau, đêm dài tăm tối, trôi lăn mãi trong biển cả sống chết, lạc mất con đường chính, thì làm thế nào để được giải thoát?

Bấy giờ, tất cả sông ngòi, suối nước, khe núi, dòng sông, nguồn suối, giếng lạch, ao tắm thảy đều nghiêng đổ, hết nước, khô cạn. Khi ấy, hư

không và mặt đất ở thế giới khắp mười phương im lìm và rất mực tối tăm, ánh sáng mặt trời và mặt trăng hết sạch đều không có sự sáng soi nữa, tối tăm sâu nã giảng bủa đầy cả thế giới. Vào đúng thời gian ấy, bỗng dưng ngọn gió đen giận dữ nổi lên gây chấn động kinh hồn, thổi tung cát bụi đầy cả thế giới tối tăm.

Lúc này, tất cả cây cỏ, cỏ thuốc, cành lá hoa quả của những cây cối ở mặt đất thảy đều gãy vụn rơi xuống không bỏ sót. Vào đúng giây phút đó, tất cả chư Thiên ở thế giới trong mười phương đầy khắp hư không, họ đau xót kêu gào, buồn rầu than thở làm chấn động ba ngàn đại thiên thế giới. Trời mưa xuống vô số trăm ngàn đủ các thứ hoa trời và hương trời đẹp đẽ thượng hạng, đầy khắp ba ngàn đại thiên thế giới, chất cao như núi Tu-di để cúng dường Đức Như Lai. Ở trên không trung lại mưa xuống vô số cờ cõi trời, phướn cõi trời, chuỗi ngọc anh lạc cõi trời, lọng che cõi trời, châu báu cõi trời đầy khắp cả hư không rồi biến thành đài báu, bốn mặt thất quần đá quý châu ngọc và đồ làm bằng bảy thứ quý báu, ánh sáng lộng lẫy rực rỡ, để cúng dường Đức Như Lai. Ở trên không trung lại tấu lên vô số khúc nhạc cõi trời vi diệu, trống đánh, sáo thổi, đàn dây, ca khúc phát ra đủ mọi thứ âm thanh mà xướng lên: “Khổ thay! Khổ thay! Đức Phật đã Niết-bàn, thế giới trống rỗng, con mắt của mọi loài chúng sinh đã diệt mất; phiền não, quỷ La-sát, lòng tham muốn tội cùng lưu hành; hành khổ nối tiếp nhau, bánh xe đau thương không ngừng”.

Bấy giờ, tâm của A-nan hoảng hốt mê muội, hoàn toàn không hay biết gì cả, chẳng nhận biết Đức Như Lai đã nhập Niết-bàn hay là chưa nhập Niết-bàn, ông chỉ thấy cảnh giới không bình thường, rồi lại hỏi Lâu-đậu:

– Đức Phật Niết-bàn rồi chăng?

Lâu-đậu trả lời:

– Đức Đại Giác Thế Tôn đã nhập Niết-bàn.

Lúc ấy, nghe lời nói đó rồi, A-nan sầu muộn tuyệt vọng, ngã nhào xuống đất dường như người chết, lặng yên không còn hơi thở, mịt mịt mờ mờ không hiểu rõ. Bấy giờ, Lâu-đậu lấy nước mát lạnh vẩy vào mặt A-nan rồi dìu đỡ đứng dậy. Lâu-đậu dùng phương tiện khéo léo, an ủi và nói lời giải thích cho A-nan hiểu:

– Thương thay! Thương thay! Nỗi thống khổ biết làm thế nào, biết làm thế nào, ông chớ quá sầu khổ, bứt rứt loạn tâm. Nhân duyên hóa độ của Như Lai đã chu tất, hết thảy hàng trời và người không ai có thể giữ Đức Thế Tôn lại được. Khổ thay! Khổ thay! Biết làm thế nào, biết làm thế nào!

Tại sao lại đến hôm nay, bậc Thầy của hàng trời và người đã làm công việc rốt ráo, không ai có thể giữ lại được. Biết làm thế nào, ta và các ông hãy tạm cùng đề nén bót”.

Lâu-đậu lại an ủi và nói lời giải thích:

– Nay A-nan! Mặc dù Đức Phật Niết-bàn, nhưng đã có xá-lợi và Pháp bảo vô thượng thường trụ ở đời, có thể làm chỗ quay về và nương tựa cho chúng sinh. Ta và các ông hãy nên chăm chỉ siêng năng, đem giáo pháp quý báu của Đức Phật để trao cho chúng sinh, khiến họ thoát mọi nỗi khổ, ngộ hầu đền trả ân đức của Như Lai.

Bấy giờ, A-nan nghe lời an ủi và dẫn dụ xong, dần dần được tỉnh ngộ. Ông nghẹn ngào đầm đìa nước mắt, nỗi buồn rầu tự mình không chịu nổi. Giữa rừng Ta-la thuộc thành Câu-thi-na ấy, chiều rộng và bề dọc ba mươi hai do-tuần, đại chúng trời người thấy đều đầy khắp, trên đầu nhọn mũi kim thu nhận vô lượng chúng, không có chỗ trống xen lẫn, chẳng che khuất lẫn nhau.

Lúc này, vô số ức Bồ-tát, tất cả đại chúng thấy đều mê mờ, sầu muộn, tâm trí hỗn loạn u mê, họ hoàn toàn không hay biết, rằng Đức Như Lai Niết-bàn hay chưa Niết-bàn, chỉ thấy sự biến động không bình thường, ngay cùng một lúc họ hỏi Lâu-đậu:

– Đức Phật Niết-bàn chẳng?

Bấy giờ, Lâu-đậu bảo các đại chúng và tất cả hàng trời và người:

– Đấng Đại Giác Thế Tôn đã nhập Niết-bàn.

Lúc ấy, vô số hết thấy đại chúng nghe lời nói ấy xong, ngay một lúc họ hôn mê, sầu muộn tuyệt vọng rồi ngã xuống đất. Nỗi khổ đau đón khắc vào lòng, tiếng tai ách không vượt ra.

Trong số đó, hoặc có người diệt độ theo Đức Phật, hoặc có người thất thân, hoặc có người thân tâm run rẩy, có người nắm tay nhau nghẹn ngào chảy nước mắt, hoặc có người thường xuyên đâm ngực kêu to, hoặc có người giơ tay vỗ đầu tự bứt tóc mình. Hoặc có người xướng lên: “Đau đớn thay! Đau đớn thay! Đầy đọa khổ thay!”. Hoặc có người xướng lên: “Như Lai Niết-bàn, sao mà nhanh quá vậy!”. Hoặc có người xướng lên: “Vị trời mà chúng ta tôn kính đã mất”. Hoặc có người than: “Thế giới trống rỗng, con mắt của chúng sinh diệt mất”. Hoặc có người than: “Con quỷ lớn phiền não đã lưu hành”. Hoặc có người than: “Mầm non hạt giống tốt lành của chúng sinh đã diệt”. Hoặc có người than: “Ma vương vui mừng cởi bỏ mũ và áo giáp”. Hoặc có kẻ tự quở trách và quán thân tâm vô thường. Hoặc có

người chánh quán được giải thoát. Hoặc có người thương cảm thở than, rằng không có chỗ quay về nương tựa. Trong số đó có người khắp thân thể máu xuất ra rồi chảy rơi vãi trên mặt đất. Chủng loại khác nhau và tiếng nói khác nhau, tiếng đau thương của tất cả đại chúng làm chấn động khắp hết thủy thế giới.

Bấy giờ, vị chủ quản thế giới Ta-bà là Đại Phạm Thiên vương Thi Khí biết Đức Phật đã nhập Niết-bàn, nên cùng với các chúng cõi trời lập tức từ cõi thiên thứ nhất bay giữa hư không mà xuống, cất tiếng khóc lớn, đau xót nghẹn ngào, đầm đìa nước mắt, gieo mình trước Đức Như Lai, sầu muộn tuyệt vọng và ngã nhào xuống đất, hồi lâu mới tỉnh lại, nỗi buồn thương tự mình không chịu nổi, họ liền trở trước Đức Phật dùng kệ buồn than:

*Xưa kia Thế Tôn vốn thế nguyện
 Vì chúng con nên ở cõi Nhân
 Bèn giấu vô lượng sức tự tại
 Độ những chúng sinh ít ưa pháp.
 Phương tiện hợp dần tiện nên nói
 Chúng sinh đều nhận sự an vui
 Dẫn dụ khiến thoát khổ ba cõi
 Rốt ráo đều đến đạo Niết-bàn.
 Mẹ hiền Như Lai nuôi chúng sinh
 Khắp chúng sinh uống sữa đại bi
 Sao chỉ một sớm chợt lìa bỏ
 Người trời cõi cút không chỗ dựa.
 Thương thay mầm giống tốt chúng sinh
 Không cam lộ trời khiến tăng trưởng
 Mầm thiện dần dần suy diệt rồi
 Tội nghiệp dấy nhau đọa đường ác.
 Làm sao thế giới đều rộng không
 Mắt chính tuệ chúng sinh đã diệt
 Đã đi trong đen tối vô minh
 Đọa lạc ba cõi khổ chìm đắm.
 Làm sao không cứu tội chúng sinh
 Nguyện nương xá-lợi được giải thoát
 Khuyến thỉnh đại bi lực Như Lai
 Cứu hộ khiến con thoát nỗi khổ.
 Xót thay sao hèn đời ác này*

Như Lai bỏ con nhập Niết-bàn.

Bấy giờ, Thích-đề-hoàn-nhân cùng với các đại chúng từ hư không mà xuống rồi xuống lên: “Khổ thay! Khổ thay!”. Họ phát ra tiếng khóc òa, nước mắt thương đau, đầm đìa nước mắt. Họ gieo mình trước Đức Như Lai, sầu muộn tuyệt vọng, ngã nhào xuống đất, hồi lâu mới tỉnh lại, buồn thương nghẹn ngào, quỳ đầu gối sát đất ở trước Đức Phật rồi nói bài kệ than vãn:

*Bao kiếp Như Lai hành khổ hạnh
 Khấp vì quần sinh chúng con nên
 Đắc thành đạo Chánh giác Vô thượng
 Nuôi chúng sinh sánh như con một.
 Pháp thí là thuốc hay bậc nhất
 Chữa bệnh là thầy thuốc tuyệt vời
 Mây đại từ bi che chúng sinh
 Mưa tuệ cam lộ đổ xuống khắp.
 Ánh vàng tuệ soi tối vô minh
 Chúng sinh vô minh thấy Thánh Đạo
 Ánh từ trắng Thánh rọi sáu đường
 Ba cõi nhờ ánh sáng thoát khổ.
 Sao hẹn giờ đây bỏ Đại từ
 Đã nhập Niết-bàn chúng chẳng thấy
 Đại bi bản thế nay ở đâu
 Vứt bỏ chúng sinh như nhỏ bọt.
 Hết thầy các chúng sinh chúng con
 Như ghé mắt mẹ ắt phải chết
 Bốn chúng nắm tay nhau khóc lóc
 Đau xót đấm ngực động ba cõi.
 Khổ thay khổ thay người các cõi
 Có sao một sớm đều cõi cút
 Phước chúng con hết thật khổ đau
 Mâm thiện cháy than không tươi nữa.
 Chỉ nguyên ánh xá-lợi Pháp bảo
 Chiếu con khiến thoát khổ ba cõi
 Thương thay xót thay lũ chúng con
 Chừng nào được thấy lại Như Lai!*

Bấy giờ, Lâu-đậu bi ai gào khóc, nỗi thương xót không lường.
 Ông quỳ gối trước Đức Phật, than buồn bằng bài kệ:

Pháp vương Chánh giác nuôi chúng con
 Cho uống sữa pháp lớn pháp thân
 Pháp thân chúng sinh chưa thành lập
 Lại còn tuệ mạng ít tư lương.
 Cần dùng tám âm thường diễn sướng
 Khiến chúng nghe xong đều ngộ đạo
 Thường phóng ánh đại từ năm màu
 Khiến chúng nhờ sáng đều giải thoát.
 Có sao hôm nay Niết-bàn mãi
 Chúng sinh hành khổ dựa hướng đâu
 Khổ thay Thế Tôn bỏ đại bi
 Chúng con trơ trọi ắt phải chết.
 Tuy biết Thế Tôn hiện phương tiện
 Chúng con không thể không bi ai
 Bốn chúng lòng hôn mê sâu muộn
 Buồn động trời đất rung ba cõi.
 Thế Tôn ở riêng rất an vui
 Chúng sinh rất khổ muốn đi đâu
 Xưa kia Thế Tôn vì chúng con
 Bao kiếp bỏ đầu cắt tay chân.
 Được thành đạo Chánh giác Vô thượng
 Ở đời không lâu liền Niết-bàn
 Con và bốn chúng ở vô minh
 Ma vương vui mừng bỏ mũ giáp.
 Xót thay Thế Tôn nguyện đại bi
 Ánh từ xá-lợi thân chúng con
 Cúi xin Thế Tôn thương bốn chúng
 Pháp bảo chảy thấm nguyện không cùng.
 Chúng con không thể chết ngay được
 Nếu mạng còn dư đặng bao lâu
 Khổ thay thống thiết khó chịu đựng
 Không hẹn kỳ gặp lại Thế Tôn.

Lúc ấy, sự sầu muộn tuyệt vọng của A-nan dần dần được tỉnh ngộ; ông giơ tay, vỗ đầu, đấm ngực, nghẹn ngào buồn khóc, nước mắt ròng ròng, nỗi xót thương tự mình không chịu nổi, quỳ gối trước Đức Phật, buồn than bằng bài kệ:

Xưa con và Phật cùng thệ nguyện

May cùng sinh trong dòng họ Thích
 Như Lai được thành đạo Chánh giác
 Con làm người hầu hai mươi năm.
 Thâm tâm kính dưỡng tình chưa đủ
 Một sớm thấy bỏ nhập Niết-bàn
 Đau thay xót thay khổ tàn hại
 Đêm dài vô cực lòng thống thiết.
 Thân con chưa thoát lưới các cõi
 Mạng trướng vô minh chưa ra khỏi
 Mỏm tuệ Thế Tôn chưa mở phá
 Có sao được bỏ chóng Niết-bàn.
 Con như đứa trẻ mới sinh ra
 Mất mẹ không lâu ắt sẽ chết
 Có sao Thế Tôn buông bỏ được
 Riêng ra ba cõi hưởng yên vui.
 Nay con sám hối với Thế Tôn
 Hầu Phật đến nay hai chục năm
 Trong bốn uy nghi nhiều biếng nhác
 Chẳng thể làm đại Thánh vui lòng.
 Nguyện đấng Chánh giác đại từ bi
 Cho con cam lộ khiến an vui
 Con nguyện cùng tận mé vị lai
 Thường làm thị giả hầu Thế Tôn.
 Xin nguyện ánh đại từ Thế Tôn
 Tất cả thế giới nhiếp thụ con
 Đau thay xót thay không thể nói
 Sụt sùi sao thể kể ân Thánh.

Bây giờ, vô số ức Hằng hà sa Bồ-tát, hết thầy hàng trời người và đại chúng trong thế gian, họ nắm tay lẫn nhau, buồn rầu khóc lóc, nước mắt ròng ròng, nỗi đau xót không tài nào tự chịu nổi, mỗi người đè nén nhau, tức thời ai nấy đều tự mình bày biện vô số hương hoa vi diệu, hoa Mạn-đà-la, hoa Ma-ha Mạn-đà-la, hoa Mạn-thù-sa, hoa Ma-ha Mạn-thù-sa, vô số Hải ngạn chiên đàn và trầm thủy ở trên cõi trời và nhân gian, trăm ngàn vạn loại bột hương hòa trộn, vô số hương sáp, nước thơm, lọng báu, cờ báu, phướn báu, chân châu, ngọc anh lạc đầy khắp cả hư không, các vị rải vào trước Đức Như Lai để cúng dường một cách buồn thảm.

Lúc này, hết thầy mọi người, trai gái lớn bé ở bên trong thành Câu-

thì đều thương xót chảy nước mắt, mỗi người đều sắm sửa vô số hương, hoa, lọng báu vi diệu v.v... đẹp đẽ hơn trước gấp bội, họ rải vào chỗ Đức Như Lai để cúng dường một cách buồn thảm.

Lúc ấy, bốn vị Thiên vương cùng với các chúng cõi trời buồn thảm tuôn rơi nước mắt, mỗi người đều sắm sửa vô số hương và hoa, hết thảy mọi thứ bằng gấp ba lần hơn trước, họ buồn khóc rơi nước mắt đi đến chỗ Đức Phật, rải các thứ vào trước Đức Như Lai để cúng dường một cách đau xót thảm thương. Cũng như thế, đồ cúng dường của năm cõi trời Tịnh Cư đẹp đẽ hơn trước gấp bội phần. chư Thiên ở cõi Sắc và cõi Vô sắc cũng cúng dường như thế gấp bội phần hơn trước.



KINH ĐẠI BÁT NIẾT BÀN HẬU PHẦN

QUYỂN HẠ

Phẩm 3: CƠ CẢM TRÀ TỖ

Bấy giờ, tất cả trai gái ở bên trong thành Câu-thi buồn khóc rơi nước mắt, họ không biết phép tắc trà-tỳ thế nào, bèn hỏi A-nan:

– Đức Như Lai Niết-bàn, nên theo phép tắc như thế nào để có thể trà-tỳ?

Lúc này, vị trời Đế Thích biết đầy đủ sự việc trên nên trả lời:

– Như điều Đức Phật nói, y theo phép của Luân vương.

Lúc này, tất cả dân chúng ở bên trong thành Câu-thi buồn khóc rơi lệ, hết thấy đều vào trong thành, lập tức làm kim quan được trang hoàng bằng bảy thứ quý báu. Họ liền sắm sửa một ngàn tấm vải bông màu trắng vì diệu vô giá, vô số bông Đậu-la đẹp để mịn màng. Họ sắm sửa vô số trăm thủy, chiêm-đàn vì diệu, trăm ngàn vạn thứ bột hương hòa trộn, hương sáp, nước thơm; hết thấy hàng tơ lụa, lông, phướn, hoa v.v... giống như đám mây đầy khắp ở giữa hư không chất cao như núi Tu-di. Khi đã sắm sửa xong xuôi, họ buồn thảm, nước mắt ròng ròng, đem đến chỗ Đức Phật rồi rải vào ở trước Đức Như Lai, đau xót nghẹn ngào không kể xiết mà tỏ ý cúng dường.

Bấy giờ, tất cả dân chúng và các đại chúng ở bên trong thành Câu-thi, một lần nữa họ lại buồn thảm nghẹn ngào, tuôn trào nước mắt. Họ lại cầm vô lượng hương hoa, phướn lông, tất cả vật dụng cúng dường, giống như đám mây đầy khắp không trung. Họ nắm tay lẫn nhau đầm ngực nghẹn ngào, nước mắt ràn rụa, nỗi đau xót làm chấn động Đại thiên thế giới, họ rải các thứ vào trước Đức Như Lai để cúng dường một cách buồn thảm.

Lúc ấy, đại chúng buồn bã nức nở nghẹn ngào, tâm cung kính sâu nặng, mỗi người lấy vải bông màu trắng mịn màng đẹp để để bao che tay mình, rồi đỡ Đức Như Lai vào trong kim quan, họ rót đầy dầu thơm, liền đóng nắp áo quan lại.

Bấy giờ, tất cả nam và nữ ở trong thành Câu-thi có lòng lành, tham

phước đức, họ cứ muốn giữ lấy công đức đối với Như Lai, không để cho tất cả đại chúng, trời và người cùng nâng kim quan Đức Phật. Họ liền cùng nhau bàn bạc cặn kẽ, sai bốn người lực sĩ khỏe mạnh vạm vỡ không ai bằng, họ cỡi chuỗi ngọc và y phục mà mình đang mang, mong mỗi trong lòng xin nâng Thánh quan Đức Như Lai, muốn đưa vào bên trong thành. Họ tự tỏ ý cúng dường, bèn dốc hết thần lực của mình, song hoàn toàn không thể nào nâng nổi.

Lúc này, mọi người ở bên trong thành lại sai tám vị đại lực sĩ đến chỗ quần Thánh quan, họ cỡi áo mà mình đang mặc, cùng chung nâng kim quan Đức Phật lên, ai nấy đều dốc hết thần lực của mình, song cũng hoàn toàn không thể nâng được.

Mọi người trong thành Câu-thi lại sai mười sáu vị đại lực sĩ tốt bụng đi đến chỗ quần kim quan, họ cỡi áo mà mình đang mặc, cùng chung nâng kim quan Đức Phật lên, song cũng không thể nào nâng nổi.

Bấy giờ, Lâu-đậu nói với những vị lực sĩ:

– Cho dù hết cả mọi người trong thành, nam, nữ, người lớn, kẻ nhỏ, họ cùng nâng kim quan Như Lai, muốn đưa vào trong thành, cũng không thể nào được, huống gì là các ông mà có thể nâng nổi hay chăng? Các ông hãy nên thỉnh cầu đại chúng và chư Thiên giúp sức các ông để nâng kim quan, thì mới đưa được vào thành.

Lời của Lâu-đậu nói chưa xong, bấy giờ Đế Thích liền cầm chiếc lông lớn bằng bảy báu vi diệu, vô số hương và hoa cờ phướn, âm nhạc, cùng với các chúng cõi trời buồn thảm nức nở, nước mắt ròng ròng, họ buông các thứ ở giữa hư không để cúng dường Thánh quan. Cả đến tầng trời thứ sáu và cõi trời thuộc sắc giới đều cúng dường Thánh quan giống như Đế Thích.

Lúc ấy, lòng đại bi của Đức Thế Tôn bao trùm khắp cả, khiến cho các thế gian được tâm bình đẳng và được phước giống hệt nhau. Ở rừng Ta-la, tức thời chiếc kim quan tự nhiên nâng lên, lên giữa hư không cao bằng một cây Đa-la. Tất cả dân chúng ở bên trong thành Câu-thi và các thế gian, đại chúng trời người, họ không được cùng nâng Thánh quan Đức Phật.

Lúc này, Đế Thích và các chúng cõi trời liền cầm chiếc lông lớn bằng bảy thứ quý báu và đài báu bốn trụ, bốn phía trang nghiêm, chuỗi ngọc anh lạc bảy báu treo rủ xuống giữa hư không che phủ Thánh quan Đức Phật; vô số hương hoa, cờ phướn, chuỗi ngọc, âm nhạc vi diệu lẫn lộn nhiều màu sắc sở ở giữa hư không để cúng dường. Cả đến chư Thiên ở tầng trời thứ sáu và Sắc giới bày biện đồ gấp bội Đế Thích ở trước, để che phủ Thánh

quan Đức Phật và tổ ý cúng dường.

Bấy giờ, tất cả dân chúng ở trong thành Câu-thi thấy Thánh quan Đức Phật lên ở giữa hư không, họ đầm ngực khóc òa, đau thương nghẹn ngào áo não. Khi ấy, tất cả hàng trời người ở phía trước quan tài quý báu của đức Đại Thánh tôn quý, họ rải khắp chân châu bảy báu, hương hoa, chuỗi ngọc anh lạc vi diệu sắc sỡ, bay lả tả như mây, mặt đất và hư không thấy đều đầy khắp. Họ khóc một cách thảm thương, nước mắt ròng ròng, cúng dường linh quan bảy báu của Đức Như Lai, mọi người đồng thanh xướng lên:

– Khổ thay! Khổ thay! Chúng ta không có phước, cho nên không thể nào nâng Thánh quan Đức Phật được. Chúng ta trở trời côi cút, gốc rễ tốt lành có ăn thua gì đâu?

Lúc này, kim quan đức Đại Thánh Thế Tôn ở giữa hư không ngay khu rừng Ta-la từ từ đáp hư không vào theo cửa phía Tây thành Câu-thi. Khi ấy, tất cả nam và nữ trong thành Câu-thi, vô số hàng Bồ-tát, Thanh văn, đại chúng trời người, thấy đều đầy khắp mặt đất và hư không, họ đi theo linh quan Đại Thánh Như Lai, nắm tay lẫn nhau khóc òa gào thét, họ đầm ngực kêu la, nước nỡ chảy nước mắt. Mỗi người cầm vô số hương và hoa, cò phướn lộng tàn quý báu, mặt đất và hư không thấy đều đầy khắp, họ đau xót than vãn cúng dường linh quan. Thành Câu-thi-na ấy một phía rộng dọc bốn mươi tám do-tuần. Bấy giờ, kim quan bảy báu của Đức Như Lai từ từ đáp hư không ra theo cửa phía Đông thành Câu-thi, rồi đáp hư không vòng quanh bên phải để vào cửa phía Nam của thành. Dần dần đi giữa hư không, ra từ cửa phía Bắc. Kim quan đáp hư không vòng quanh bên trái trở lại vào từ cửa phía Tây thành Câu-thi. Hết lần này đến lần khác như thế, đi quanh ba vòng xong, kim quan đáp hư không từ từ trở lại vào cửa phía Tây, rồi đáp hư không mà đi từ cửa phía Đông để ra. Kim quan đi giữa hư không vòng quanh bên trái rồi vào cửa phía Bắc của thành. Dần dần đi giữa hư không, ra từ cửa phía Nam. Kim quan đáp hư không vòng quanh bên phải rồi trở lại vào cửa phía Tây. Hết lần này đến lần khác như thế, trải qua bốn vòng quanh. Kim quan đi vòng quanh bên trái và bên phải thành Câu-thi như thế trải qua được bảy vòng.

Bấy giờ, khi Thánh quan bảy báu đang vào thành, tất cả đại chúng nghẹn ngào, gào khóc thảm thiết, mỗi người cầm vô số gỗ thơm vi diệu, chiên-đàn, trầm thủy, hết thấy hương thơm quý báu, vân cây và thứ gỗ thơm tho sạch sẽ xông khắp thế giới. Họ lại cầm vô số cò phướn báu, lộng báu, hương hoa, chuỗi ngọc anh lạc đến chỗ trà-tỳ để cúng dường một cách đau

xót buồn rầu.

Lúc này, bốn vị Thiên vương và các chúng cỡi trời xót thương nước nở, nước mắt rờn rờn. Mỗi vị đều cầm cây chiên-đàn, trầm thủy thượng diệu trên cỡi trời, bên trong tỏa ra mùi thơm tinh khiết ngào ngạt cùng khắp, mỗi vị cầm năm trăm gốc lớn như bánh xe. Họ lại cầm tất cả hương thơm quý báu, cò phướn báu, lọng báu, hoa đẹp, chuỗi ngọc, đi đến chỗ trà-tỳ để cúng dường một cách buồn thảm. Tầng trời thứ hai mỗi vị cầm một ngàn gốc. Tầng trời thứ ba, mỗi vị cầm hai ngàn gốc. Tầng trời thứ tư, mỗi vị cầm ba ngàn gốc. Tầng trời thứ năm, mỗi vị cầm bốn ngàn gốc. Tầng trời thứ sáu, mỗi vị cầm năm ngàn gốc và phướn, hoa, họ đến chỗ trà-tỳ để cúng dường một cách buồn thảm.

Bấy giờ, chư Thiên cỡi Sắc và cỡi Vô sắc chỉ có hương và hoa, họ mang đến chỗ trà-tỳ để cúng dường một cách đau xót.

Lúc ấy, hết thấy đại chúng trong thế gian, mỗi người cầm chiên-đàn, trầm thủy, hương, hoa, cò phướn, lọng vi diệu, đến chỗ trà-tỳ để cúng dường một cách đau buồn.

Bấy giờ, Lâu-đậu sụt sùi, nước mắt ràn rụa, nỗi thương tiếc tột cùng. Ông đến theo các hàng trời và người để xin đủ sáu ngàn gốc gỗ thơm, chiên-đàn, trầm thủy vi diệu, vân cây và thớ gỗ thơm tho tinh khiết ngào ngạt cùng khắp, ông đến chỗ trà-tỳ để cúng dường một cách xót thương.

Ao A-nậu-đạt bốn mặt dọc ngang hai trăm do-tuần, phát ra bốn con sông lớn. Khi Đức Phật mới thành đạo bên bờ phía Bắc sông Hằng, có một cây chiên-đàn theo Đức Phật mà mọc lên, cây lớn giống như bánh xe, cao bằng bảy cây Đa-la, mùi thơm lan tỏa khắp để cúng dường Đức Như Lai. Vị thần cây và cây thơm ấy cùng sinh ra một lần, vị ấy thường lấy hương thơm này để cúng dường cho Đức Phật. Đức Phật nhập Niết-bàn, cây chiên-đàn này liền diệt mất theo Đức Phật; vỏ và lá cây đều rụng, vị thần cũng chết theo luôn. Có các vị thần khác lấy cây thơm này đưa đến chỗ trà-tỳ để cúng dường một cách xót thương. Vùng đất ấy chính là chỗ trà-tỳ của chư Phật trong ba đời, đáng Đại Giác Thế Tôn nương theo lực bản nguyện cũng trà-tỳ ở chỗ này. Chỗ ấy có vô lượng ngôi tháp báu của chư Phật và các vị thừa xưa, đó là nơi vững chắc kim cương không thể hoại.

Lúc này, kim quan quý báu của đức Đại Thánh Như Lai dần dần bay đi giữa hư không đến chỗ trà-tỳ. Kim quan từ hư không hạ xuống an trí trên giường bằng bảy báu. Giường ấy dùng tất cả mọi thứ chuỗi ngọc anh lạc vô giá đẹp đẽ và đủ màu sắc sắc sỡ để trang nghiêm. Vào lúc ấy kim quan

lại được quần trải qua bảy ngày.

Bấy giờ, tất cả nam và nữ bên trong thành Câu-thi, vô số Bồ-tát, Thanh văn, hết thấy đại chúng ở Ba mươi ba cảnh trời, họ đau xót nghẹn ngào cảm các phước lộng, cớ báu, hương và hoa đi theo kim quan Đức Phật trải qua bảy ngày. Nhờ sức thần thông của Đức Phật, tất cả hàng trời người không có ý tưởng đói khát, không suy nghĩ đến sự ăn uống gì cả, chỉ thấy họ nức nở buồn thương và quyến luyến Đức Như Lai. Đã trọn vẹn bảy ngày, đức Đại Thánh Như Lai sắp được thỉnh ra khỏi kim quan.

Lúc ấy, tất cả nam và nữ ở trong thành Câu-thi và vô số đại chúng lại hết sức đau xót nức nở làm chấn động thế giới. Họ lại cảm hương hoa, vô số cớ phước, lộng, âm nhạc cõi trời vi diệu, đặt vào trước kim quan Đức Phật để cúng dường một cách buồn thảm nghẹn ngào. Khi ấy đại chúng đau xót cùng tận, nước mắt ròng ròng, mỗi người lấy vải bông màu trắng mịn màng để tự bao tay của mình với lòng tôn kính sâu nặng, từ trong kim quan báu, họ đỡ thân Như Lai sắc tía vàng óng, đủ ba mươi hai tướng và tám mươi vẻ đẹp, là thân kim cương vững chắc không thể hoại, họ thỉnh Ngài ra một cách ung dung, rồi an trí trên giường bảy báu.

Bấy giờ, lại một lần nữa đại chúng vô cùng buồn thảm, tiếng kêu làm chấn động mười phương, cùng khắp thế giới của Phật. Tất cả cảm hương hoa, tơ lụa, lộng tàn, âm nhạc để cúng dường với tấm lòng thâm thiết. Họ đặt các thứ trước Đức Như Lai với nỗi sầu muộn tuyệt vọng, nghẹn ngào.

Khi ấy đại chúng lại buồn thảm nức nở, nước mắt ràn rụa, mỗi người cảm vô số nước thơm, hương sáp, với lòng cung kính sâu sắc, họ tưới rửa từ đầu đến chân của Đức Như Lai đủ ba mươi hai tướng và tám mươi vẻ đẹp, vô lượng phước đức và trí tuệ trang nghiêm, là sắc thân kim cương kiên cố, màu tía vàng óng, không thể hủy hoại. Họ lại rửa áo quan quý báu, vi diệu thanh tịnh. Việc tưới rửa đã xong xuôi, khi ấy đại chúng lại gào khóc òa, buồn thảm nghẹn ngào. Họ đốt hương thơm vi diệu và rải hoa bảy báu, vô số cớ phước và lộng báu thấy đều đầy khắp mặt đất và hư không, để cúng dường Như Lai với vẻ buồn thảm và gào khóc. Khi ấy, đại chúng đều buồn bã nức nở, họ liền cảm vô số tơ lụa, bông Đâu-la đẹp để quần bọc sắc thân kim cương Như Lai từ đầu đến chân. Khi đã quần thân thể xong, họ lại lấy một ngàn tấm vải bông màu trắng vô giá đẹp để hạng nhất, rồi lần lượt dùng lụa quần thân Như Lai từng lớp, từng lớp. Quần vải vào thân xong xuôi, khi ấy đại chúng một lần nữa lại hết sức buồn thảm, gào khóc, sầu muộn và tuyệt vọng. Họ lại cảm hương, hoa, cớ, lộng, phước báu, âm

nhạc để cúng dường trong vẻ nghẹn ngào. Khi ấy, đại chúng buồn khóc, nước mắt tuôn trào, lòng cung kính sâu nặng. Mỗi người lấy vải bông màu trắng bao che tay, sụt sùi đau xót nghẹn ngào, họ cùng đỡ Đức Như Lai vào trong kim quan quý báu, rồi rót đầy dầu thơm, chẳng bao lâu đóng nắp kim quan lại.

Bấy giờ, đại chúng hết sức buồn thảm một lần nữa, tiếng gào làm rung chuyển thế giới. Họ lại cầm hương hoa, phướn, lọng, âm nhạc, khóc gào thảm thiết, xót đau nức nở, để cúng dường kim quan quý báu.

Lúc ấy, hết thảy gỗ thơm vì diệu mà đại chúng góp lại chất cao như núi Tu-di, mùi thơm ngào ngạt xông tỏa khắp thế giới, gỗ được xếp chi chít với nhau theo thứ lớp làm thành lầu hương thơm to lớn, bốn mặt được trang nghiêm bằng bảy báu, cờ, lọng, phướn, hoa, chuỗi ngọc anh lạc lơ lửng lẫn lộn nhiều màu sắc sỡ, đầy khắp hư không như mây dùng để trang nghiêm, âm nhạc của nhân gian và cõi trời cúng dường một cách buồn thảm. Khi ấy, đại chúng trời người sắp sửa nâng đỡ kim quan an trí trên lầu hương thơm, họ lại vô cùng đau xót, đầm ngực kêu lớn, tiếng gào làm chấn động đại thiên. Họ lại cầm phướn, lọng, hương, hoa, âm nhạc để cúng dường một cách buồn thảm. Lúc ấy, đại chúng thương tiếc, nỗi buồn se thắt, lòng cung kính sâu nặng, mỗi người lấy vải bông trắng để bao che tay, rồi cùng nhau nâng đỡ kim quan quý báu của đức Đại Thánh Như Lai, an trí lên trên lầu hương thơm đẹp để trang nghiêm. Họ lại gào khóc òa, ngất đi rồi tỉnh lại, bèn xướng lên: “Khổ thay! Khổ thay, sao mà chúng ta phải chịu trợ trọi và không có chỗ nương dựa cậy trông vậy!”. Với vẻ đau xót nghẹn ngào, đầm đìa nước mắt, họ lại rải hương hoa, cờ phướn và lọng báu, âm nhạc, lơ lửng lẫn lộn nhiều màu sắc sỡ, tất cả hết lòng cúng dường một cách bi ai.

Bấy giờ, kim quan quý báu của Đức Như Lai Đại Thánh đã ở trên lầu hương thơm quý báu vì diệu xong, định châm lửa trà-tỳ Như Lai. Khi ấy, đại chúng lại gào khóc lớn làm kinh động đại thiên thế giới. Họ lại cúng dường kim quan quý báu của đức Đại Thánh và lầu hương thơm vì diệu một cách đau xót sâu nặng.

Lúc này, hết thảy đại chúng khóc lóc thương xót, nước mắt ràn rụa; mỗi người cầm đuốc thơm bảy báu lớn như bánh xe, ánh lửa sáng ngời chiếu khắp thế giới. Cùng lúc, mọi người khóc òa khi mây sà bao phủ trên lầu trà-tỳ, tiếng bi ai làm chấn động tất cả thế giới thuộc đại thiên. Họ lại đem hương và hoa để cúng dường đầy khắp.

Khi đuốc báu bén lửa đến chỗ lầu hương thơm thì tự nhiên tắt ngấm.

Tất cả chư Thiên lại cầm đuốc lớn bằng bảy báu vô thượng, ánh lửa ngời sáng chiếu rọi khắp nơi, họ buồn thảm chảy nước mắt, ném đuốc vào chỗ lầu hương thơm song thấy đều tắt ngấm.

Bấy giờ, tất cả thần biến cầm đuốc lớn bảy báu thấp lửa trong biển với vô số ánh sáng cháy rực ném vào chỗ lầu hương thơm, song cũng đều tắt ngấm. Khi ấy đại chúng gào khóc một thời gian lâu và cúng dường tất cả, họ chẳng biết Đức Như Lai có duyên có gì chưa thành, mà khi quăng lửa vào lầu hương thơm để trà-tỳ nhưng không cháy. Bấy giờ, lòng đại bi của Đức Thế Tôn thấm nhuần khắp cả, chờ đợi chúng của Ca-diếp đến mới cháy ngọn lửa trà-tỳ. Khi ấy, Đại Ca-diếp cùng với năm trăm người đệ tử ở tại núi Kỳ-xà-quật, cách thành Câu-thi năm mươi do-tuần, thân tâm vắng lặng nhập vào Tam-muội. Ở trong chánh thọ, bỗng nhiên trong lòng Tôn giả hốt hoảng, toàn thân run rẩy, xuất thiền định, thấy những núi non và mặt đất đều rung động mạnh, lập tức Tôn giả biết Đức Như Lai đã nhập Niết-bàn, bèn bảo các đệ tử:

– Đức Phật của chúng ta là bậc Đại sư đã nhập Niết-bàn, hiện thời đã nhập liệm trong kim quan, trải qua bảy hôm rồi. Khổ thay! Khổ thay! Chúng ta hãy nên mau chóng đi đến chỗ Đức Như Lai, ta e rằng đã trà-tỳ, không thấy được sắc thân chân tịnh ba mươi hai tướng và tám mươi vẻ đẹp của Đức Phật.

Do sự cung kính Đức Phật, cho nên Ca-diếp không dám bay giữa hư không để đến chỗ Đức Như Lai, liền dắt theo đệ tử tìm quãng đường đi nhanh. Họ đi nhanh với vẻ buồn thảm đúng bảy ngày, đến đầu đường khu vực thành phía Đông của thành Câu-thi, Ca-diếp gặp một người Bà-la-môn cầm một đóa hoa trời đi đến, Ca-diếp hỏi:

- Thưa nhân giả, ông từ đâu đến đây? Người Bà-la-môn trả lời:
- Đức Phật Bát-niết-bàn, tôi ở chỗ trà-tỳ đến đây. Ca-diếp lại hỏi:
- Đây là hoa gì?

Người Bà-la-môn trả lời:

- Tôi được đóa hoa trời này ở chỗ trà-tỳ.

Ca-diếp bèn xin hoa, song người Bà-la-môn trả lời:

– Không được, tôi mong mỗi mang hoa về, dự định bày tỏ cho sáu hạng thân thuộc họ hàng trong nhà cúng dường.

Ca-diếp bèn mượn hoa để cài lên đỉnh đầu của mình, lập tức lòng sáu muện tuyệt vọng, hôn mê ngã nhào xuống đất, sụt sùi buồn tủi ghen ngào,

một hồi lâu mới tỉnh lại, liền tự ngẫm nghĩ: “Ta gào khóc ở đây, chẳng thấy sắc thân màu tía và tám mươi vẻ đẹp của Đức Như Lai, thì truy tìm sự lợi ích chỗ nào?”. Tức thời, Tôn giả và đệ tử nhanh chóng cùng nhau tiến tới, họ đến cửa phía Bắc thành Câu-thi rồi đi vào. Ở trong thành ấy, họ đi vào một phố phường của sư Tăng, thấy các Tỳ-kheo tụ họp một chỗ, những người kia nói với Ca-diếp:

– Các ông từ phương xa đến khó nhọc lắm chẳng? Xin ổn định chỗ ngồi để đợi dùng cơm.

Ca-diếp trả lời:

– Bậc Đại sư của tôi đã nhập Niết-bàn, tôi có tình ý nào mà yên ổn đợi chờ dùng cơm ở chỗ này.

Các vị Tỳ-kheo nói:

– Thầy của ông là ai? Ca-diếp trả lời:

– Các ông chẳng biết chăng? Thảm thương thay! Đau đớn thay!

Đức Đại Giác Thế Tôn nay đã Niết-bàn.

Các Tỳ-kheo nghe xong, ai nấy đều rất vui mừng mà nói lời thế này:

– Vui thay! Sướng thay! Như Lai ở đời ngăn cấm chúng ta bằng giới luật nghiêm ngặt, chúng ta không chịu đựng nổi, không thể y theo mà thực hành. Nay Như Lai đã Niết-bàn, giới cấm nghiêm ngặt theo đó hãy nên buông bỏ. Ông tạm chờ ăn cơm, có chuyện gì đâu mà gấp gáp.

Nhờ thần lực của Đức Phật, nên tai của chư Thiên và các đệ tử của Đại Ca-diếp bị bung bít, các vị ấy thấy đều không nghe lời nói của Tỳ-kheo xấu ác, chỉ có một mình Ca-diếp nghe lời nói ấy. Ngay sau đó, Ca-diếp liền đem đệ tử vội vàng đi đến chỗ Đức Phật, họ buồn khóc nức nở, nước mắt đầm đìa. Lúc ấy, Ca-diếp và các đệ tử có chung sự suy nghĩ: “Làm thế nào chúng ta có được các lễ vật cúng dường, đem đến chỗ Đức Phật để cúng dường Như Lai?”. Ca-diếp lại nói:

– Từ khi sinh ra và lớn lên ở trong thành này, ta xin đồ vật cúng dường cũng đều được đáp ứng.

Ca-diếp dắt các đệ tử lập tức đi vào trong thành lần lượt nói với mọi người để xin. Các vị xin được đầy đủ một ngàn tám vải bông màu trắng đẹp để, họ lại xin được vô số tơ lụa tinh xảo, lại được vô lượng hoa báu, hương nén, nước thơm, dầu thơm, cò phướn và lọng báu, âm nhạc, đàn dây, chuỗi ngọc anh lạc, hàng tơ lụa lẫn lộn nhiều màu sắc sỡ, toàn bộ đều đầy đủ.

Ca-diếp và các đệ tử đau xót chảy nước mắt, lập tức họ mang các lễ

vật đi mau ra khỏi cửa phía Tây của thành.

Bấy giờ, Ca-diếp liền nghe tiếng gào khóc nức nở buồn thảm của tất cả đại chúng tại chỗ trà-tỳ, mọi người cùng hỏi Đế Thích, rằng đã cúng dường Như Lai xong rồi, làm sao được ngọn lửa để đốt lều hương thơm này mà trà-tỳ Đức Như Lai? Đế Thích trả lời:

– Mọi người hãy tạm chờ đợi, Ma-ha Ca-diếp sẽ đến ngay bây giờ.

Đế Thích nói chưa dứt lời, tất cả đại chúng đang ở trong nỗi đau thương liền trông thấy Ca-diếp cùng với các đệ tử tìm đường đến với vẻ buồn rầu. Mọi người liền ngừng buồn khóc, mở đường cho chúng Ca-diếp thuận tiện tiến bước vào, nhắc trông kim quan Đức Phật từ xa, Ca-diếp và các đệ tử lễ bái cùng một lúc, họ gào khóc nghẹn ngào, sầu muộn ngất xỉu, ngã nhào xuống đất, tâm tán loạn mê man hồi lâu mới tỉnh lại, nước mắt ròng ròng không sao chịu nổi, Ca-diếp đi dần dần về phía trước, rồi hỏi đại chúng:

– Làm sao mở được kim quan của đấng Đại Thánh? Đại chúng trả lời:

– Đức Phật nhập Niết-bàn đã trải qua mười bốn ngày, e rằng có sự tồn hoại thì làm sao mở được.

Ca-diếp đáp:

– Thân của Đức Như Lai là thân kim cương kiên cố, thường, lạc, ngã, tịnh, không thể tan nát hư hoại, hương đức hạnh thơm ngào ngạt dường như núi chiên-đàn.

Nói lời đó xong, Ca-diếp đến chỗ kim quan Đức Phật, nước mắt nước mũi tuôn ròng ròng.

Lúc này, lòng đại bi của Đức Như Lai bình đẳng, vì Ca-diếp nên kim quan tự nhiên mở ra, một ngàn tấm vải bông trắng và bông tơ Đâu-la đều mở bung ra ngay, lộ rõ sắc thân kiên cố màu tía vàng thật, đủ ba mươi hai tướng và tám mươi vẻ đẹp. Ca-diếp và các đệ tử trông thấy rồi, lòng sầu muộn ngất xỉu ngã nhào xuống đất, nghẹn ngào thương tiếc, hồi lâu mới tỉnh lại, nước mắt đầm đìa. Ca-diếp cùng các đệ tử từ từ bước lên lều Hương đến gần bên kim quan Đức Phật, lại nghẹn ngào, khóc lóc, bi thương. Tôn giả liền kết hoa thơm, cờ phướn, lọng báu, chuỗi ngọc cúng dường; trỗi các khúc nhạc bi ai khóc thương, quyến luyến. Tôn giả liền dùng hương bột, nước thơm tắm rửa thân sắc vàng ròng của Đức Như Lai, sau đó đốt hương, rải hoa cúng dường mà trong lòng không sao tránh khỏi xót thương rơi lệ. Tắm rửa xong, Ca-diếp cùng các đệ tử dùng loại vải lụa mỏng quần lấy

thân sắc vàng ròng của Đức Như Lai. Tiếp đến, Tôn giả đặt lụa cũ ở bên ngoài lớp lụa mới. Quán buộc lụa xong rồi, lại dùng vải trắng ngàn xấp, theo thứ tự chồng lên lớp vải lụa, bông mà quán lấy thân Đức Như Lai. Sau đó, Tôn giả dùng vải trắng cũ đặt lên trên lớp vải trắng mới, theo thứ tự mà buộc lại. Buộc xong, nắp kim quan liền đóng lại, trang nghiêm bằng tất cả chuỗi ngọc bảy báu.

Bấy giờ, Tôn giả Ca-diếp lại một lần nữa cùng các đệ tử nhiều quanh về bên phải bảy vòng, trong lòng đau buồn, lệ rơi đầm đìa, quỳ gối chấp tay buồn thương đọc kệ:

*Buồn thay! Buồn thay! Đại Thánh Tôn!
 Con nay trà-tỳ lòng đau xót
 Thế Tôn diệt độ sao quá nhanh?
 Thị tịch, không thể chờ con đến.
 Ở nơi hang sâu ngòi thiền định
 Quán khắp mọi nơi chẳng thấy Phật
 Hồ nghi Phật đã vào Niết-bàn
 Toàn thân chuyển động, lòng kinh hãi.
 Mây đen vây bủa khắp thế gian
 Sông núi, đất trời chấn động mạnh
 Rõ biết Như Lai đã Niết-bàn
 Con liền vội đến nhưng chẳng thấy.
 Thế Tôn thương con nên chẳng nói
 Khiến con chẳng thấy Phật diệt độ
 Chẳng ban một lời dạy bảo con
 Con nay cô độc, không chỗ nương?
 Con nay đau khổ, thừa Thế Tôn!
 Tâm trí rối bời, lòng đau xót
 Cung kính đánh lễ đầu Thế Tôn
 Xót xa cúi lễ nơi phần ngực.
 Cúi đầu lễ lạy tay của Ngài
 Buồn đau làm lễ lưng Đại Thánh
 Thành kính bái lạy rốn Đức Phật
 Thành tâm chiêm bái chân của
 Ngài. Buồn đau, chẳng thấy Phật
 Niết-bàn! Xin nguyện dạy con chỗ kính lễ!
 Như Lai tại thế chúng vui yên
 Ngài vào Niết-bàn, chúng con khổ.*

*Thương thay! Thương thay! Khổ lớn thay!
 Từ bi dạy bày chỗ kính lễ!*

Bấy giờ, Ca-diếp nghẹn ngào bị ai nói bài kệ đó rồi, đức Đại Bi Thế Tôn liền hiện tướng “thiên bức luân” của đôi chân lộ ra ngoài kim quan để Ca-diếp được nhìn thấy như trông thấy kim thân của Phật. Từ nơi tướng thiên bức luân phóng ra ngàn ánh sáng soi khắp tất cả thế giới mười phương. Khi ấy, Ca-diếp cùng các đệ tử đều nhìn thấy chân Đức Phật, cùng nhau đánh lễ tướng thiên bức luân. Vì quá đau xót, Ca-diếp té xỉu xuống đất, hôn mê bất tỉnh. Hồi lâu mới tỉnh lại, Tôn giả cùng các đệ tử buồn tủi, nghẹn ngào khóc lóc, nhiễu quanh bên phải bảy vòng. Sau khi nhiễu xong, lại đánh lễ chân Đức Phật, tiếng khóc than thảm thiết chấn động cả thế giới. Tôn giả lại quỳ dưới chân Đức Phật nói kệ xót thương:

*Đức Như Lai lòng từ cao cả
 Tâm bình đẳng đối với chúng sinh
 Chúng sinh có cảm ắt có ứng
 Thị hiện ra tướng Thiên bức luân.
 Nay con dốc lòng quy mạng lễ
 Tướng Thiên bức luân của đôi chân
 Tướng ấy phóng ra ngàn ánh sáng
 Soi khắp các cõi Phật mười phương.
 Nay con quy y, cúi đầu lễ
 Ánh sáng tướng ấy chói sáng rực.
 Chúng sinh trông thấy đều giải thoát
 Ra khỏi tám nạn, cùng ba đường.
 Con lại quy y, cúi đầu lễ
 Đường ác được cứu nhờ Luân Quang
 Thế Tôn, thuở xưa vô số kiếp
 Đã vì chúng con tu khổ hạnh.
 Nay chúng được thân sắc vàng ròng
 Dưới chân phóng ngàn ánh hào quang
 Bi ai cúi đầu quy mạng lễ
 Chúng sinh an trụ nơi Thiên luân.
 Phật tu mọi đức vì tất cả
 Dưới cội Bồ-đề ngồi tu đạo
 Hàng phục bốn ma và ngoại đạo
 Chúng sinh nhân đây chánh kiến thành.
 Cúi đầu lễ, ánh sáng nơi chân*

Chúng sinh chánh kiến quy y Ngài
 Phật là cha lành của tất cả
 Ánh sáng bình đẳng độ chúng sinh.
 Con lại quy y, cúi đầu lễ
 Bình đẳng là khổ “Luân túc quang”
 Con được nhìn thấy luân túc quang
 Buồn vui lẫn lộn lòng đau xót.
 Con lại bi ai cúi đầu lễ
 Cảm tưởng ánh sáng “Thiên bức luân”
 Cúi đầu quy y ánh luân túc
 Tu đạo cứu cánh, xuất thế gian.
 Kính lễ chân người trời nương cậy
 Ánh luân quang chiếu khắp ba cõi
 Chúng sinh chưa được thoát cửa khổ
 Đều quy mạng ánh luân túc quang.
 Chúng con còn chìm trong luân hồi
 Mà sao Như Lai đành Niết-bàn
 Thương thay! Thương thay, những chúng sinh
 Đêm dài không thấy “Luân túc quang”!
 Thế Tôn từ bi, con hối lỗi!
 Hiện ra ánh sáng Thiên bức luân
 Thương thay, nay gặp “Luân quang tướng”
 Từ đây bao giờ lại được nhìn?

Bấy giờ, Ca-diếp cùng các đệ tử nói bài kệ này rồi, lại một lần nữa đau buồn té xỉu xuống đất, hôn mê bất tỉnh, hồi lâu tỉnh lại, bi ai nghẹn ngào, chẳng thể kèm chế. Đôi chân kim cương với tướng thiên bức luân của đấng Đại Giác Thế Tôn tự thu trở vào kim quan và đóng kín lại như cũ.

Lúc ấy, tất cả nam nữ trong thành, đại chúng người trời thấy Đại Ca-diếp lại một lần nữa gào khóc, đấm ngực, kêu lớn bi thương chấn động vô lượng thế giới trong cõi đại thiên. Họ cung kính cúng dường với lòng xót xa vô hạn.

Bấy giờ, có bốn vị lực sĩ trong thành Câu-thi, trang nghiêm thân bằng chuỗi ngọc, cầm đuốc bảy báu lớn như bánh xe, ánh sáng rực rỡ soi khắp, đem đốt lều hương trà-tỳ Như Lai. Đuốc ném vào lều hương thì tự nhiên tắt ngấm. Tôn giả Ca-diếp bảo:

– Lửa của ba cõi chẳng thể đốt cháy được quan tài báu của đức Đại

Thánh, hưởng gì sức của các ông mà có thể đốt được sao?

Trong thành có tám lực sĩ lại cầm đuốc lớn bằng bảy báu, ánh sáng rực rỡ, tất cả đem ném vào chỗ kim quan thì cũng đều tắt ngấm. Bên trong thành có mười sáu vị cực đại lực sĩ, họ đều cầm đuốc lớn bằng bảy báu đến ném vào lầu hương thì cũng đều tắt ngấm. Bên trong thành cũng lại có ba mươi sáu vị cực đại lực sĩ, họ đều cầm đuốc lớn bằng bảy báu ném vào cũng đều tắt cả.

Lúc ấy, Ca-diếp bảo các lực sĩ và tất cả đại chúng:

– Các ông phải biết rằng, giả sử có đem lửa đuốc vốn cỏ của tất cả trời người cũng chẳng thể trà-tỳ được quan tài báu của Đức Như Lai. Các ông chẳng cần phải lao khổ, cố công làm gì?

Bấy giờ, nam nữ trong thành, đại chúng người trời lại một lần nữa bị ai gào khóc, họ đến cúng dường với tâm trạng đau buồn vô hạn, cùng nhau lễ bái, nhiễu quanh bên phải bảy vòng, tiếng gào khóc bị thương chấn động ba ngàn cõi. Khi ấy, Đức Như Lai dùng sức đại bi phát lửa từ trong bụng tìm trào ra ngoài kim quan, dần dần trà-tỳ, trải qua bảy ngày đốt lầu hương vì diệu mới cháy hết.

Lúc này, nam nữ nội thành, đại chúng trời người, ở trong thời gian bảy ngày bị ai gào khóc, tiếng bị thương chẳng dứt. Họ đều đến cúng dường với tâm trạng đau buồn. Khi ấy, Tứ Thiên vương đều nghĩ: “Ta đem nước thơm rót vào lửa cho tắt để nhặt lấy xá-lợi đem lên trời cúng dường”. Nghĩ thế rồi họ liền mang bình vàng làm bằng bảy báu đựng đầy nước thơm, lại đem bốn cây hương tinh khiết tiết ra sữa ngọt ở ven bốn góc núi Tu-di. Mỗi cây chu vi ngàn vòng, cao một trăm do-tuần theo Tứ Thiên vương, đồng lúc hạ xuống chỗ trà-tỳ. Cây tuôn chảy sữa ngọt vào bình thơm. Sau đó, họ mang những bình thơm cùng một lúc tưới vào lửa. Tưới xong nhưng thế lửa càng bốc cao, không tắt. Khi ấy, thần biển Ta-già-la Long vương và các thần sông thấy lửa chẳng tắt đều nghĩ: “Ta đem nước thơm tưới vào lửa cho tắt, nhặt lấy xá-lợi đem về trụ xứ cúng dường”. Nghĩ thế rồi, họ đều mang bình bát đựng nước thơm nhiều không lường đến chỗ trà-tỳ, cùng một lúc tưới vào lửa. Tưới xong, lửa vẫn như cũ, đều cũng chẳng tắt.

Lúc ấy, Tôn giả Lôu-đâu nói với Tứ Thiên vương và thần biển v.v...:

– Các ông tưới nước thơm cho lửa tắt, phải chăng muốn lấy xá-lợi đem về chỗ ở của mình mà cúng dường?

Họ đáp:

– Thật vậy!

Tôn giả Lôu-đậu nói với Tứ Thiên vương:

– Lòng của các ông quá tham, các ông, người sống trên thiên cung, kẻ sống ở long cung, nếu xá-lợi do các ông cất giữ thì người sống tại nhân gian này làm sao lên trời hay xuống biển mà cúng dường?

Tôn giả lại nói với vị thần biển:

– Các ông ở tại biển cả, sông ngòi, nếu các ông thu lấy xá-lợi của Như Lai thì người ở trên mặt đất làm sao đến được mà cúng dường?

Bấy giờ, Tứ Thiên vương liền cùng nhau sám hối. Sau khi sám hối rồi, họ đều trở về Thiên cung. Khi ấy thần biển, thần sông, thần hồ ao v.v... đều cũng sám hối, đúng như lời nói vị Thánh. Sám hối rồi, họ đều trở về.



Phẩm 4: THÂN MÌNH ĐỨC THÁNH THẨM NHUẬN RỘNG LỚN

Bấy giờ, Đế Thích đem binh bảy báu và các vật cúng dường đến chỗ trà-tỳ thì lửa ấy, cùng một lúc tự nhiên tắt hết. Đế Thích liền mở quan tài báu của Đức Như Lai, muốn thỉnh răng của Đức Phật. Tôn giả Lôu-đậu liền hỏi:

– Ông làm gì vậy? Đế Thích đáp:

– Muốn thỉnh răng Đức Phật đem về trời cúng dường! Tôn giả Lôu-đậu nói:

– Chớ vội tự lấy! Hãy đợi đại chúng tụ tập đông đủ rồi cùng phân chia.

Đế Thích nói:

– Đức Phật trước đã hứa cho tôi một cái xá-lợi răng, do đó khi tôi đến lửa liền tự tắt.

Đế Thích nói lời đó xong liền mở quan tài, lấy xá-lợi răng ở hàm trên bên phải trong miệng Đức Phật, rồi liền trở về trên trời dựng tháp cúng dường. Lúc ấy, có hai La-sát nhanh chóng ẩn thân theo Đế Thích mà mọi người đều chẳng thấy, trộm lấy xá-lợi một đôi răng của Đức Phật. Bấy giờ, bên trong thành, tất cả nam nữ, tất cả đại chúng cùng một lúc ai ai cũng muốn giành lấy xá-lợi. Tôn giả Lôu-đậu bảo:

– Đại chúng phải biết, hãy đợi thông thả, như Đức Phật đã nói, nên phải theo đúng như pháp mà cùng nhau phân chia cúng dường.

Bấy giờ, nam nữ trong thành, tất cả đại chúng chẳng nghe lời nói của Tôn giả Lâu-đậu, họ đều cầm lấy mâu giáo, cung tên, dao, kiếm, lưới, dây tơ v.v... tất cả đều tự trang bị khí cụ, muốn lấy xá-lợi. Khi ấy, mọi người trong thành liền mở kim quan Đức Phật thì lụa, vải trắng còn y nguyên chẳng cháy. Đại chúng thấy rồi, lại gào khóc lớn, rơi lệ đầm đìa, đem đồ cúng mang theo bị ai cúng dường, hết lòng lễ bái, rơi nước mắt, quỳ dài, đồng nói kệ khen:

*Như Lai dùng sức đại tự tại
 Tự tại trong các pháp thế gian
 Bản nguyện đại bi ở Ta-bà
 Châu toàn biển khổ độ chúng sinh.
 Vô lượng trí tuệ, lực thần thông
 Ra khỏi sinh tử không ngăn ngại
 Thường dùng một thể phân nhiều thân
 Phân thân biến hóa nhiều không lường.
 Hiện thân biến tướng khắp mọi nơi
 Mãn duyên thị hiện tướng Niết-bàn
 Chúng con phước mọn không được gặp
 Như Lai kim sắc vào Niết-bàn.
 Tại rừng Ta-la trong bảo quan
 Dù đại lực sĩ khiêng chẳng nổi
 Phật vận bi tâm nâng bổng lên
 Bay vút trên không cao vời vợi.
 Trụ ở trên không thành Câu-thi
 Bảy ngày Đại Thánh đi bảy vòng
 Nhiều quanh xong, đến nơi trà-tỳ
 Sức thần vời vợi của riêng Phật
 Tất cả trời người không thể sánh.
 Phật nay an trụ trong Niết-bàn.
 Sức tự tại Kim cương bất hoại
 Mọi lửa trà-tỳ chẳng thiêu cháy.
 Tự ở trong tim phát lửa từ
 Cháy suốt bảy ngày mới thiêu hết.
 Lửa này người trời dập chẳng tắt
 Do sức đại bi Thế Tôn hiện.
 Khi Đế thích đến lửa liền tắt
 Lửa Đâu-la mịn mỏng quán thân*

Mọi lửa thế gian đều chẳng cháy
 Vải trắng liệm theo trong bảo quan.
 Vẫn còn nguyên vẹn chẳng cháy xém
 Mới biết sức tự tại Thế Tôn
 Các pháp thế gian chẳng chi phối
 Bạc tôn quý nhất trong ba cõi.
 Kính lễ Đấng Vô úy trong Thánh,
 Kính lễ Đại từ che khắp cùng
 Kính lễ đấng Tự Tại thần biến
 Chúng con từ nay xa Thế Tôn.
 Chết khổ không thấy người cứu hộ
 Thương thay! Thương thay! Đại Thánh Tôn
 Hôm nay vĩnh biệt bao giờ gặp!

Bây giờ, đại chúng nói kệ đó rồi, lại một lần nữa buồn khóc, cùng nhau đến cúng dường với tâm trạng đau buồn vô hạn. Khi ấy, Tôn giả Lâu-đậu vì khắp tất cả đại chúng trời, người cùng với người trong thành đều tụ tập tại chỗ kim quan Đức Phật, từ từ bóc dỡ vải trắng và lụa Đâu-la. Vải trắng ngàn thếp của Tôn giả Ca-diếp và đệ tử, lửa chẳng đốt cháy. Vải trắng ngàn thếp của người trong thành thì trừ một lớp bên ngoài ra, phần còn lại là tàn tro. Lụa Đâu-la thì y nguyên như cũ. Lúc ấy, Tôn giả Lâu-đậu lấy vải trắng và lụa Đâu-la xé nhỏ phân chia cho đại chúng khiến họ dựng tháp mà cúng dường. Tôn giả Lâu-đậu lại lấy tro vải trắng chia đều cho mọi người, khiến xây tháp cúng dường. Còn những thứ tro tàn khác không được phân chia nữa, mọi người đều tự lấy và xây tháp cúng dường. Người trong thành ấy, trước tiên sai thợ làm tám cái lọ bằng vàng, tám tòa ngồi sư tử. Tất cả đều dùng bảy báu mà trang nghiêm. Trong lọ bảy báu ấy chứa được một hộc, đều đặt trên tòa sư tử bảy báu. Tám tòa sư tử bảy báu ấy, mỗi tòa đều có ba mươi hai lực sĩ. Trên thân của họ trang nghiêm bằng chuỗi ngọc bảy báu và lụa đủ màu. Họ cùng nhau nâng đỡ tám tòa sư tử bảy báu. Trên mỗi tòa lại có tám thể nữ, thân trang nghiêm bằng chuỗi ngọc cầm lọng bảy báu che trên lọ vàng. Trên mỗi tòa lại đều có tám thể nữ, thân trang nghiêm bằng chuỗi ngọc, mang kiếm bảy báu hộ vệ lọ bảy báu. Trên mỗi tòa lại có tám thể nữ, thân trang nghiêm bằng chuỗi ngọc cầm cờ tiết bằng lông trĩ dựng bốn mặt của lọ vàng. Mỗi tòa đều có dân chúng nhiều không lường, mang âm nhạc cực hay, cờ báu, phướn báu, lọng báu, hoa thơm, chuỗi ngọc v.v... vây quanh cúng dường. Mỗi tòa lại có vô số dân chúng, họ đều mang cung tên, mâu giáo, lưới trận, câu liêm dài v.v... tất cả dụng cụ chiến tranh

mà vây quanh, từ thành Câu-thi vây quanh hướng về chỗ trà-tỳ. Tám tòa sư tử bảy báu ấy ra khỏi thành, họ đi theo sau. Dân chúng trong thành liền mang vô số đất thơm, nước thơm theo sau lực sĩ sửa sang đường đi bằng phẳng, tạo thành con đường đất thơm rộng rãi, trang nghiêm hướng tới chỗ trà-tỳ. Hai bên lề con đường ấy được trang nghiêm bằng vô số cờ phướn, lọng báu, hoa thơm, trân châu, chuỗi ngọc và mọi thứ lụa cực tốt đủ màu và âm nhạc, đàn ca v.v... Họ bày tỏ lòng cúng dường, đón chờ xem xá-lợi của đấng Đại Thánh trở về. Những lực sĩ ấy mang tám tòa sư tử bảy báu vây quanh, đi đến chỗ trà-tỳ, liền bị ai gào khóc nghẹn ngào, tiếng chấn động cõi đại thiên. Họ đều đem đồ mang theo hết lòng cúng dường.

Lúc này, Đức Thế Tôn do sức đại bi nên làm vỡ nát thân thể kim cương thành vụn xá-lợi, chỉ lưu lại bốn cái răng chẳng hề vỡ nát. Khi ấy, đại chúng đã nhìn thấy xá-lợi, lại một lần nữa bị ai, đem những đồ mang theo, rơi nước mắt cúng dường. Lúc ấy, Tôn giả Lâu-đâu cùng người trong thành than khóc nước mắt đầm dề, nhặt lấy xá-lợi để vào trong lọ bảy báu, đặt trên tòa sư tử. Mọi người đựng đầy tám lọ vàng thì xá-lợi cũng vừa hết. Khi ấy, tất cả đại chúng trời người thấy xá-lợi Đức Phật trong lọ vàng, lại một lần nữa khóc lóc, bi thương, rơi lệ. Họ đến cúng dường với tâm trạng đau buồn vô hạn. Lúc ấy, các đại lực sĩ và nam nữ trong thành muốn đem những lọ vàng đựng xá-lợi Đức Phật hướng đến thành Câu-thi, đại chúng lại một lần nữa bị ai, đều đem đồ mang theo rơi nước mắt cúng dường. Bây giờ, các đại lực sĩ và dân chúng vây quanh, cùng dân chúng nội thành buồn nghẹn ngào rơi nước mắt, nâng tám tòa sư tử bảy báu theo con đường đất thơm trở về thành Câu-thi. Tất cả đại chúng trời, người lại rất bi thương, than khóc chấn động đến cả thế giới. Họ đi đến chỗ thờ xá-lợi mà khóc thương cúng dường. Xá-lợi của Đức Như Lai khi đưa vào thành, được đặt ở ngã tư đường cái. Bây giờ, mọi người của thành Câu-thi chuẩn bị binh mã chinh tề cùng với vô số quần thần, thân mặc giáp đồng, tay cầm chiến cụ, tuần nhiều giáp vòng bốn mặt của thành Câu-thi. Binh sĩ lớp lớp nhiều vô số đứng gác ngoài cửa, đề phòng người ngoài đến cướp lấy xá-lợi. Tuy ngoài hình thức là như vậy, nhưng lòng không hề khởi ý niệm chiến tranh. Lại có năm trăm đại chú thuật sư giữ bốn cửa thành ngăn chặn hoạn nạn. Lại có vô số cờ phướn, lọng báu, cờ tiết lớn bằng lông trĩ vì diệu trang nghiêm ở bốn góc thành, thanh tịnh cúng dường, làm nghi thức tiêu biểu vậy. Khi ấy, tất cả nam nữ trong thành, đại chúng trời, người lại rất bi ai, đều đem đồ mang theo hết lòng cúng dường. Lọ báu xá-lợi đặt trên tòa sư tử trải qua bảy ngày. Trong suốt bảy ngày, tất cả đại chúng đêm ngày, tiếng

bi ai gào khóc thảm thiết, đem hết đồ mang theo hết lòng cúng dường. Tám tòa sư tử bảy báu ấy, mỗi tòa có năm trăm đại chú thuật sư cùng nhau gìn giữ, ngăn chặn trời, rồng, Dạ-xoa, quỷ thần đến lừa đoạt lấy. Trong thời gian bảy ngày, bảy giờ, quyền thuộc cùng chung huyết thống của Đức Như Lai, những người dòng họ Thích, vua nước Ca-tỳ-la, do thần lực Đức Phật nên họ đều chẳng biết Đức Phật vào Niết-bàn. Đức Phật Niết-bàn sau hai mươi một ngày rồi, họ mới biết. Những người dòng họ Thích vua nước ấy khóc lóc bi thương liền cùng nhau mau chóng đi đến thành Câu-thi. Nhìn thấy những binh chúng vô số trăm ngàn người vây quanh bên ngoài thành, lại thấy cờ phướn, lọng báu bày la liệt bốn phía thành, ánh sáng bao trùm khắp cõi nước, lại thấy đại chú thuật sư giữ bốn cửa thành, vua và những người dòng họ Thích hỏi vị Chú sư:

– Đức Phật Niết-bàn rồi sao? Họ đáp:

– Đức Phật Niết-bàn đến nay đã qua hai mươi tám ngày rồi! Trà-tỳ đã xong, sắp phân chia xá-lợi!

Nhà vua nói:

– Chúng ta là bà con của Đức Phật. Do thần lực Đức Phật nên khiến cho chúng ta chẳng biết Đức Như Lai Niết-bàn. Chúng ta nay muốn thấy xá-lợi của Đức Như Lai, các ông nên mở đường cho chúng ta được vào!

Các vị Chú sư và binh chúng nghe rồi, liền cho phép vào thành. Vua và những người họ Thích được vào thành rồi, thấy xá-lợi Đức Phật ở trên tòa sư tử thì nghẹn ngào khóc thương, nước mắt đầm đìa, nhiễu quanh bên phải bảy vòng. Nhiễu quanh bảy vòng rồi, họ lau nước mắt mà nói:

– Chúng ta, hôm nay muốn thỉnh một phần xá-lợi của Đức Như Lai đem về nước cúng dường!

Đại chúng đáp:

– Tuy biết các ông là quyền thuộc dòng họ Thích, nhưng Đức Phật Thế Tôn trước đã có nói về việc phân bố xá-lợi mà chưa thấy đề cập đến các ông. Xá-lợi đều có chủ thỉnh cả rồi, các ông làm sao thỉnh được? Nên trở về vậy.

Khi ấy, Vua và những người dòng họ Thích thỉnh xá-lợi chẳng kết quả, gào khóc bi ai, đau buồn ngất đi, ngã lăn ra đất, hồi lâu mới tỉnh lại, bi ai chẳng kèm chế được, nói với mọi người:

– Đức Như Lai Thế Tôn là dòng họ Thích của ta, thương xót các ông nên đến đây vào Niết-bàn. Các ông thấy có sự lấn lướt như thế nào mới chẳng chia cho ta một phần xá-lợi?

Nói lời đó xong, họ đều làm lễ xá-lợi, nhiễu quanh về bên phải bảy vòng, buồn khóc rơi lệ, rất phần hận, bùi ngùi thương tiếc trở về nhà.

Bấy giờ, vua A-xà-thế, chúa nước Ma-ca-đà. Sau khi sát hại phụ vương, sinh lòng hối hận sâu sắc, thân phát sinh ghê dữ. Ông đã gặp ánh sáng trắng từ ái của Đức Thế Tôn chạm vào thân, ghê dần dần lành. Ông đi đến chỗ Đức Phật ai cầu sám hối. Đức Thế Tôn đại bi liền dùng pháp được cam lồ vi diệu rửa sạch ghê lở trên thân, tội rất nặng tiêu diệt, ông liền trở về bản cung, chẳng hay biết gì Đức Như Lai vào Niết-bàn. Vào đêm Đức Phật Niết-bàn, ông nằm mơ thấy mặt trăng lặn, từ dưới đất mặt trời mọc lên, tinh tú, mây mưa rối loạn mà rơi xuống. Lại có hơi khói từ đất bốc lên, thấy bảy sao chổi hiện lên ở trên trời. Lại mơ thấy ở trên trời có lửa lớn cháy rực khắp hư không, rồi cùng một lúc rơi xuống đất. Mơ rồi liền tỉnh dậy, lòng rất kinh hãi run sợ, vua liền triệu các bề tôi đến, nói đầy đủ giấc mơ ấy và hỏi giấc mơ này có tốt lành không. Bề tôi tâu:

– Đó là tướng điềm chẳng lành báo Đức Phật vào Niết-bàn. Sau khi Đức Phật diệt độ thì chúng sinh ba cõi, loài có thức trong sáu đường bị phiền não hoành hành khởi lên nên bề hạ thấy lửa lớn từ trên trời rơi xuống đất. Đức Phật vào diệt độ thì ánh sáng từ ái của trắng, mây tuế thâm nhuần khắp đều diệt mất hết, tức là bề hạ mơ thấy trăng lặn. Sao rơi xuống đất là sau khi Đức Phật Niết-bàn, tám vạn luật nghi, tất cả giới pháp bị chúng sinh làm trái, chẳng y theo lời dạy Đức Phật, làm theo tà pháp, bị đọa vào địa ngục. Mặt trời mọc từ đất là sau khi Đức Phật Niết-bàn, cõi ác nơi ba đường khổ tụ lại như ánh mặt trời xuất hiện thế gian, nên bề hạ ứng cảm giấc mơ ấy.

Nhà vua nghe lời nói đó, liền đem các bề tôi, ngay lúc nửa đêm, đi đến thành Câu-thi. Thấy vô số bốn binh chúng phòng vệ thành Câu-thi nhiều không lường, lại thấy ở cửa thành có chú thuật sư phòng hoạn nạn bên ngoài, nhà vua liền hỏi vị Chú sư:

– Đức Phật vào Niết-bàn rồi sao? Vị Chú sư đáp:

– Đức Phật vào Niết-bàn đã trải qua hai mươi một ngày. Hôm nay đại chúng sẽ đem xá-lợi phân chia.

Nhà vua nói:

– Đức Phật vào Niết-bàn, chúng ta đều chẳng biết. Ta ở trong mơ thấy việc chẳng lành, rồi đem hỏi các bề tôi thì mới biết Đức Như Lai vào Đại Niết-bàn. Ta muốn vào thành lễ bái xá-lợi kim cương của Đức Như Lai. Các ông hãy cho thông đường!

Các vị Chú sư nghe rồi liền cho phép tiến vào phía trước. Khi đến bên trong thành, giữa ngã tư đường lớn, thấy lộ vàng xá-lợi ở trên tòa sư tử, lại nhìn thấy đại chúng bị ai cúng dường, nhà vua cùng với đồ chúng cùng lễ lạy một lúc, buồn khóc, rơi lệ, nhiều quanh bên phải bảy vòng, buồn thăm cúng dường. Bấy giờ, nhà vua đến chỗ đại chúng cầu xin một phần xá-lợi của Đức Như Lai để trở về nước cúng dường. Đại chúng đáp:

– Sao đến muộn vậy? Đức Phật trước đã nói phép phân bố. Xá-lợi đều đã có chủ thỉnh cả rồi, không có phần của đại vương! Đại vương nên trở về cung.

Vua A-xà-thế thỉnh xá-lợi không được kết quả, ưu sầu chẳng vui liền làm lễ xá-lợi, rồi buồn bã trở về.

Bấy giờ, vua danh tiếng Tỳ-ly ngoại đạo, Đức Phật Niết-bàn sau hai mươi một ngày qua, khi ấy mới biết, liền đem theo bè tôi vôi vàng đi đến thành Câu-thì. Đến thành Câu-thì, nhà vua thấy vô số binh chúng vây quanh lớp lớp nhiều không lường để phòng vệ thành Câu-thì. Bấy giờ, vua A-lặc-già-la, Đức Phật Niết-bàn sau hai mươi một ngày qua, khi ấy mới biết, liền cùng bè tôi vôi vàng đi đến thành Câu-thì. Đã đến thành Câu-thì, nhà vua thấy vô số bốn binh chúng vây quanh lớp lớp nhiều không lường để phòng vệ thành Câu-thì. Lúc ấy, vua Tỳ-nậu-đội-bất-úy, Đức Phật vào Niết-bàn hai mươi một ngày qua mới biết v.v... Bấy giờ, quốc vương Giá-la-già-la, Đức Phật vào Niết-bàn qua hai mươi một ngày rồi mới biết v.v... Vua Sur-già-na, Đức Phật vào Niết-bàn qua hai mươi một ngày rồi, khi ấy mới biết v.v... Lúc ấy, vua danh tiếng ngoại đạo Ba-mi-la, Đức Phật vào Niết-bàn qua hai mươi một ngày rồi mới biết, liền đem theo bè tôi vôi vàng đi đến thành Câu-thì. Đã đến thành Câu-thì, thấy vô số bốn binh chúng vây quanh lớp lớp nhiều không lường để phòng vệ thành Câu-thì, lại thấy cửa thành có Đại Chú sư phòng ngừa nạn bên ngoài, nhà vua hỏi Chú sư:

– Đức Phật vào Niết-bàn rồi sao? Chú sư đáp:

– Đức Phật Niết-bàn đến nay đã qua hai mươi tám ngày rồi! Hôm nay đại chúng sắp đem xá-lợi phân chia.

Nhà vua nói với Chú sư:

– Đức Phật vào Niết-bàn, chúng ta đều chẳng biết nên nay đến trễ. Ta muốn vào thành lễ bái cúng dường xá-lợi của Đức Như Lai, xin các ông hãy mở đường cho.

Vị Chú sư nghe xong liền cho phép đoàn của vua tiến vào phía trước. Đến ngã tư đường lớn, thấy trên tòa sư tử bảy báu trang nghiêm, an trí lộ

vàng bảy báu đứng xá-lợi, lại thấy đại chúng bị ai cúng dường, nhà vua dẫn chúng tùy tùng đến, đồng loạt lễ bái, bị ai, rơi lệ, nhiễu quanh bên phải bảy vòng, đánh lễ cúng dường mà lòng buồn đau vô hạn. Nhà vua nói với đại chúng:

– Đức Phật vào Niết-bàn, chúng ta đều chẳng biết. Khổ thay, sao chỉ một lần mà chẳng được thấy Đức Phật! Xin đại chúng cho ta một phần xá-lợi đem về nước cúng dường.

Đại chúng nói:

– Sao nhà vua đến trễ thế? Đức Phật trước đã nói ra phép tắc phân bố xá-lợi rồi. Xá-lợi hiện nay đều đã có chủ thỉnh rồi! Không có phần của bệ hạ! Bệ hạ nên trở về cung.

Nhà vua và thần dân không thỉnh được xá-lợi, ưu sầu chẳng vui, liền làm lễ xá-lợi, trong lòng lưu luyến mà trở về. Bấy giờ, các vị Bồ-tát, chúng Thanh văn, trời, người, rồng, quý, quốc vương, trưởng giả, đại thần, dân chúng v.v... tất cả đại chúng bị thương khóc lóc, đấm ngực gào to, nắm vóc gieo xuống đất làm lễ mà lui ra.



SỐ 378

KINH PHƯƠNG ĐĂNG BÁT NÊ HOÀN

*Hán dịch: Đời Tây Tấn, Tam tạng Pháp sư
Trúc Pháp Hộ, người nước Nguyệt Chi.*

QUYỂN THƯỢNG

Phẩm 1: KHÓC THƯƠNG

Tôi nghe như vậy:

Một thuở, Đức Phật du hành đến nước Câu-di-na-kiệt, ở trong rừng Song-thọ, nơi sinh sống của các lực sĩ. Đức Phật sắp vào Niết-bàn, nói với Hiền giả A-nan:

– Chư Phật xuất hiện ở thế gian, khi vào Nê-hoàn ứng hiện những điềm gì? Như ngày nay ở tại khu rừng này, ông có mộng điềm gì chăng? Ông hãy trả lời câu hỏi của Ta.

Bấy giờ, Hiền giả A-nan dùng kệ đáp lại Đức Phật:

*Nghe điều con mơ thấy
Điềm mộng rất lạ lùng
Nhớ việc thấy đêm trước
Lòng riêng những bàng hoàng.
Mơ cõi Diêm phù ấy
Có cây rất lạ lùng
Trang hoàng bằng bảy báu
Hoa trái thường sum suê.
Che phủ thế giới Phật
Dưới bóng cây mát mẻ
Khai phát lòng hớn hởi
Diệt trừ bệnh ưu phiền.
Vươn lên cao vô cực
Đẹp đẽ cũng vô cùng
Người thấy, mắt thanh tịnh*

Người nghe, tai suốt thông.
Cây phát vô lượng tiếng
Tiếng pháp âm thanh tịnh
Đầy đủ “Không - tịch diệt”
Khiến an ổn tất cả.
Cây ấy phát ánh sáng
Soi khắp cõi phương Đông
Đất nước của chư Phật
Nhiều như cát sông Hằng.
Cũng như loài côn trùng
Mong cứu ở mười phương
Tất cả nương ánh sáng
Yên ổn khó nghĩ bàn.
Cây tỏa hương thơm ngát
Phẩm vật đủ trăm món
Người nghe mùi hương ấy
Chẳng đoạ vào đường ác.
Địa ngục và súc sinh
Chốn ngã quỷ đói khổ
Nghe được mùi hương này
Mau chóng sinh xứ lành.
Cây lớn đức như vậy
Thấm nhuần loài chúng sinh
Bổn giữa hai hàng cây
Bị chôn lấp tất cả.
Lúc này chẳng thể kể
Vô số ngàn chúng sinh
Khóc thương và quyến luyến
Như mắt mình bị mù.
Chẳng còn nghe tiếng ấy
Cũng chẳng thấy bóng cây
Còn chẳng nghe hương ấy
Như người đói run rẩy.
Sợ sệt rụng tóc gáy
Lo sợ tâm bán loạn
Mơ như vậy trong đêm
Nguyễn Thế Tôn giải nói!

Lúc này, Thiên tử trời Tịnh Cư, Đế thích, Phạm vương, Tứ Thiên vương, ma, đạo sư v.v... đều cùng với tám mươi ức chúng đi đến khu rừng rậm, nơi sinh sống của các lực sĩ. Họ đi đến trước chỗ Đức Phật, cúi đầu làm lễ, rồi lui về đứng một bên, đồng thời vì A-nan nói kệ:

*Thế Tôn nay diệt độ
A-nan có biết chăng?
Than ôi! Buồn quuyền luyến!
Phật sắp vào Nê-hoàn!
Ngọn hải đăng lu mờ
Phật nay sắp Niết-bàn!
Thế Tôn vào Niết-bàn
Chúng con không chỗ nương.*

Đến đây, Đức Phật vì các Thiên tử, Đế thích, Phạm vương, Tứ Thiên vương, ma, đạo sư.. nói kệ:

*Các ông chớ lo buồn
Điềm mộng không gì lạ
Giữa hàng cây Song thọ
Ta sẽ vào Nê-hoàn.
Cao nhất trong các cây
Kỳ diệu khó thể lường
Ánh sáng ngát mọi nơi
Niết-bàn tại nơi ấy.
Thế Tôn như cỏ thụ
Ở trong đám cây rừng
Chỗ ngủ không thể biết
N như lửa gặp nước tan.
Vạn vật đều vô thường
Pháp sinh phải có diệt
Thế Tôn rõ sinh tử
Vì người mà nói pháp.
A-nan! Hiểu pháp ấy
Chư Phật còn Nê-hoàn
Tỳ-kheo Tạo-ca-lợi
Qua bờ kia, trí thông.
A-nan! Ông nay đến
Sắc bảo Thích-tu-đàn*

Tôn giả A-na-luật
 Quán suốt độ vô cùng.
 A-nan đi gọi bảo
 Câu-hi-ca-chiên-diên
 Phân-nậu, Văn-đà-phát
 Bồ-đề và Ma-di.
 Tu-bồ-đề, Diện-vương
 Bạc-câu, Thiện-lai-giác
 Nan-đà, La-vân-đỉnh
 Mã-sư, Độ-tri-tế.
 Tất cả các Sa-môn
 Đến độ dứt lo sợ
 Mau đến nghe Ta dạy
 Hôm nay Ta Nê-hoàn.

Bấy giờ, A-nan dùng kệ đáp Thế Tôn:

Thân con đã mệt lắm
 Như người đôi gầy yếu
 Nghe Đức Phật Nê-hoàn
 Sầu thảm chẳng kèm chế.
 Thân mình không còn sức
 Miệng chẳng muốn nói năng
 Ý chí thêm khiếp nhược
 Đi đâu, nhìn thế gian.
 Chẳng cần khuyên Tôn giả
 Đời nay chẳng nghĩ nhớ
 Mới đó nay Niết-bàn
 Đáng ủng hộ không còn.
 Chúng con từ nay khổ
 Sao Phật nở ra đi
 Con nay nghe tin ấy
 Đâu tránh khỏi bàng hoàng.
 Ánh sáng lớn thế gian
 Tất lịm sao nhanh quá
 Phật vội bỏ chúng con?
 Chướng nạn vây mù mịt.
 Trưởng lão đến thỉnh cầu
 Bày tỏ lòng đau xót

*Nguyện Thế Tôn ở lại
Mọi người được an vui!*

Đến đây, Đức Phật vì A-nan nói kệ:

*A-nan muôn ức kiếp
Gào khóc rất thảm thiết
Tại cung Nan-đàn-lư
Vắng lặng không trời người.
Tuyên cáo các Tỳ-kheo
Từng làm thị giả Ta
Sau khi Ta Niết-bàn
Không được quá bi thương!*

Lúc ấy, Tôn giả A-na-luật ở trên đỉnh núi Tu-di, vì chư Thiên trời Đao-lợi giảng giải pháp ngữ, thấy các Đại Tôn Thần, Diệu Thiên tử ở các cung điện bồi rối, bất an. Tôn giả A-na-luật thâm nghĩ: “Các Thiên tử này vì sao xả bỏ niềm vui với các kỹ nữ trời, thái độ thấp thỏm, khi bay, khi chạy, lìa xa quyến thuộc, cõi ấy vắng lặng bỗng nhiên biến mất?”. Bấy giờ, ở tại đỉnh núi Tu-di, Tôn giả từ xa quán thấy đất ở dưới núi Bảo-tích, bèn đứng tại núi Tu-di nói kệ khen ngợi Đức Phật:

*Dẫn đường lợi chúng sinh
Ban cho đời bình an
Đức Phật đáng Chánh Giác
Sao còn phải Niết-bàn.
Than ôi! Thế Tôn như mẹ hiền
Ánh sáng trừ tối của thế gian
Lương y trị lành mọi căn bệnh
Ngày nay Thế Tôn vào Nê-hoàn.
Thấy người tham, sân, ưa buông lung
Giác ngộ ngu si dứt tử sinh
Vì pháp tối thượng độ bốn xén
Khiến lìa tham sân, phát đại nguyện.
Bậc Đạo sư của cả trời người
Lau sạch phiền não trao chánh giới
Phật động, sáu cõi đều chấn động
Cùng khắp thế giới đều nghe tiếng.
Như núi đá lớn khi sạt lở
Âm thanh chấn động, người khiếp sợ*

Cũng vậy Thế Tôn nay Nê-hoàn
 Tin ấy đồn xa khắp bốn phương.
 Binh ma hung ác biến muôn hình
 Khí giới kim cương sáng ngợp trời
 Hoặc đội núi lớn, hoặc mang lửa
 Uy quang Thế Tôn, chẳng chút động.
 Hàng phục tất cả binh tướng ma
 Được pháp cam lồ, dứt âu lo
 Chuyển đại pháp luân, thông Bốn đế
 Ngày nay Thế Tôn vào Nê-hoàn.
 Phật từng ứng hiện vô số thân
 Ba ngàn thế giới như sợi lông
 Khiến cho chúng sinh không thể hại
 Nay đáng Thế Tôn vào Nê-hoàn.
 Cũng lại vì người mà đi đến
 Nơi đất lực sĩ từng sinh sống
 Năm trăm quyến thuộc vây quanh
 Phật Giữa hàng Song thọ nhập Nê-hoàn.
 Đấng Đạo sư của cả trời người
 Thực hành bốn thiền, độ chúng sinh
 Tu tập đạo hành, phát cam lộ
 Ta lần cuối thấy Phật Nê-hoàn.
 Lại qua ba cõi dứt tử sinh
 Tu pháp bố thí không hối hận
 Phụng trì chánh giới, không dua nịnh
 Con lần cuối thấy Phật Nê-hoàn.
 Ở trong trăm ngàn muôn ức kiếp
 Tu hành tinh tấn, không lỗi lầm
 Nhẫn nhục không lường ví như đất
 Con lần cuối thấy Phật Nê-hoàn.
 Chỗ giảng sinh đáng đại Đạo sư
 Cúng dường Thế Tôn vô số kiếp
 Học đạo giải thoát, tâm bất thoái
 Con lần cuối thấy Phật Nê-hoàn.
 Chỗ giảng sinh đáng Thiên Trung
 Thiên Trí tuệ đệ nhất, thông ba cõi
 Mười phương thế giới không ngăn ngại

Con lần cuối thấy Phật Nê-hoàn.
 Đủ mười lực, sánh bằng tất cả
 Dững mãnh, vững vàng như kim cương
 Các pháp thế gian đều khó sánh
 Con lần cuối thấy Phật Nê-hoàn.
 Mười lực đủ đầy trang nghiêm thân
 Hào quang rực rỡ chiếu khắp thân
 Toàn thân rực rỡ như phủ vàng
 Con lần cuối thấy Phật Nê-hoàn.
 Trải qua ức kiếp nay chứng đạo
 Dứt sạch các dục không nhiễm ô
 Cứu người sinh tử, diệt các khổ
 Con lần cuối thấy Phật Nê-hoàn.
 Trải qua vô lượng vô số kiếp
 Mưa đủ các màu kết hoa văn
 Mưa xuống hương trời thơm tỏa ngát
 Lần cuối con thấy Phật Nê-hoàn.
 Bước chân của bậc Đại giác ngộ
 Nếu vào thành ấp, hay thôn xóm
 Dù là người mù cũng nhìn thấy
 Con lần cuối thấy Phật Nê-hoàn.
 Khi đứng Nhân Trung Tôn đến cửa
 Người bệnh được khỏi, lòng vui mừng
 Tất cả yên ổn thoát khổ đau
 Lần cuối con thấy Phật Nê-hoàn.
 Khi Phật vào thành giảng nói pháp
 Mãi được yên ổn, lòng hân hoan
 Dứt trừ sầu khổ, trí tuệ phát
 Con lần cuối thấy Phật Nê-hoàn.
 Thân chẳng biết già, không lo chết
 Giải thoát chương ngại, trí bình đẳng
 Làm thái tử người, không ai hơn
 Lần cuối con thấy Phật Nê-hoàn.
 Vận dụng mười lực đến Đạo-lợi.
 Độ mẹ Ma-da phát đạo tâm
 Giáo hóa vô số các chư Thiên
 Lần cuối con thấy Phật Nê-hoàn.

Cõi Phạm thiên còn nhiều nghi hoặc
 Phật xé lưới nghi, trao chánh pháp
 Vua cõi Phạm thiên đến đánh lễ
 Lần cuối con thấy Phật Nê-hoàn.
 Giặc cướp hung bạo, tội nghiệp nặng
 Dùng nước cam lồ giáo hóa họ
 Cái tà quy chánh nhiều vô số
 Lần cuối con thấy Phật Nê-hoàn.
 Điều-đạt sân hận khởi tâm ác
 Xua đàn voi say sát hại Phật
 Phật ở trong thành điều phục chúng
 Lần cuối con thấy Phật Nê-hoàn.
 Phật ở chúng hội, Người thuyết pháp
 Chấn động thiên địa, núi rung chuyển
 Biển dâng sóng dữ, cá tôm kinh
 Lần cuối con thấy Phật Nê-hoàn.

Khi đó, Tôn giả A-na-luật nói bài kệ này xong, Đức Phật hiện sức oai thần khiến các Tỳ-kheo ở cõi Diêm-phù-đề, trừ quyền thuộc của Trưởng lão Đại Ca-diếp, còn lại đều đến tụ tập đông đủ. Các trời, rồng, thần, Kiền-đạp-hòa, A-tu-luân, Ca-lưu-la, Chân-đà-la, Ma-hầu-lặc v.v... của ba ngàn đại thiên thế giới đều đến phần đất sinh sống của các lực sĩ. Họ đi đến chỗ Đức Phật cúi đầu làm lễ, kêu gào khóc lóc, niệm danh hiệu Phật. Họ nghĩ suy, quẩn luyến, đau khổ, tuyệt vọng như khóc thương cha mẹ chết. Từng người, từng người dẫn dắt nhau buồn khóc, quay lại nhìn nhau lệ tuôn trào. Hoặc tay nắm vào nhau, vỗ gối, vỗ đầu, hoặc mở mắt, nhắm mắt, mặt mày tiều tụy, da dẻ nhăn nheo. Hoặc có người đi lùi, gối phải bò trên đất, kêu than thảm thiết, nước mắt đầm đìa, đau buồn than với Đức Phật:

– Đau đớn thay! Than ôi đáng Thế Hùng! Than ôi bậc Đại Y! Than ôi Ngài Sư Tử! Than ôi đáng Pháp Vương Vua Nhật Nguyệt! Than ôi bậc Giác Chánh Giác! Than ôi đáng Đại Quang Minh!

Lời kêu gào như vậy nhiều không lường. Hoặc có người vật vã ngã lăn trên đất, hoặc có kẻ úp mặt xuống đất. Bấy giờ, A-nan từ chỗ ngồi đứng dậy, quỳ gối, hai tay chống lên đất, ngược nhìn về Đức Phật mà nói kệ:

Thấy người khóc mến thương
 Trong lòng thêm đau đớn

Từng tiếng khóc bi ai
Khiến con thêm chua xót.
Vị như người khách buôn
Giữa đường gặp giặc dữ
Gặp thấy ánh lửa lớn
Như cỏ sợ đốt cháy.
Nhân thấy lửa cháy hừng
Trong lòng sinh sợ hãi
Khi tâm ý hoảng hốt
Lạy trời cầu xót thương.
Lòng con cố dằn nén
Sao vượt nỗi buồn đau?
Lại nhìn thấy dân chúng
Đưa hai tay kêu gào.
Chỉ lo việc đến đi
Cầu Phật trụ một kiếp!
Hôm nay sao nở nhìn
Thế Tôn vào Nê-hoàn?
Con thường cầu Thế Tôn
Thiên Trung Thiên chẳng thấy
Kỳ Hoàn là gò trống
Chỉ nhìn thấy người khác.
Nếu đến Duy-da-ly
Bạn hữu hỏi thăm Phật
Đời sống Vô Thượng Tôn
Con phải làm sao đáp?
Người nhiều vô số ngàn
Khóc lóc lệ ràn rụa
Thích Sư Tử vô thượng
Ngài nay được yên ổn
Mọi người buồn khóc thương
Không ai chẳng nhớ Phật.
Làm sao vào Đại thành?
Mà lìa xa Đức Phật
Đứng sau ai hầu trông?
Sẽ vì ai mang bát?
Vì ai giữ áo quần?

Ai gần con sách tấn?
 Ai sẽ vì con nói?
 Sao gọi là nghe, giữ?
 Ai giải nghi cho con?
 A-nan trí như biển
 Theo ai nghe chánh pháp
 Câu khó giải thâm diệu?
 Con sẽ từ đâu thọ
 Vô lượng pháp vi diệu.

Bấy giờ, Phật bảo A-nan:

– Ông hãy bày giường sư tử giữa hai cây này cho Như Lai. Vì sao?
 Vì Như Lai vào lúc nửa đêm mới vào Nê-hoàn, cùng với bản nguyện là hợp vậy.

Lúc này, A-nan than khóc đứng dậy, bày giường sư tử dưới chỗ hai gốc cây nơi đất các lực sĩ, đầu hướng về phương Bắc. Xong, A-nan nói bài kệ:

Vì đáng đại thần thông
 Bày giường này lần cuối
 Chẳng thể được cùng tận
 Lại ở tòa thanh tịnh.
 Con sẽ nương ai đây?
 Ở chỗ Song thọ đây
 Ánh sáng nay đã mất
 Xa lìa đáng Chí Tôn!

Đến đây, Tôn giả A-na-luật vì A-nan nói kệ:

Đức Phật vốn đã nói
 Vạn vật đều vô thường
 Chẳng được riêng tự tại
 Sao ông còn khóc thương?

Lúc ấy, A-nan dùng kệ đáp Tôn giả A-na-luật:

Sao gọi là đàm luận?
 Nhân giả đáp ý tôi
 Thấy Phật vào Nê-hoàn
 Nhân giả không lo sao?

Đến đây, Tôn giả A-na-luật dùng kệ đáp lại:

Tôi thấy người xót thương

Chấn động và ưu não
 Mắt tôi lệ ngập tràn
 Dầm dề đau xót khóc.
 Tôi cũng thấy trời, người
 Dừng thiên nhãn khóc lóc
 Tôi cũng lại như vậy
 Buồn kêu thêm đau khổ.
 Chẳng do việc kêu khóc
 Có thể đạt điều gì
 Vậy nên gắng tu hành
 Người chớ sầu, chớ khóc.



Phẩm 2: BÓN ĐỒNG TỬ HIỆN SINH

Bây giờ, Đức Thế Tôn đứng dậy đi vào chỗ Song thọ, nằm trên giường sư tử, nghiêng về bên hông phải. Ngài nằm rồi, tức thì ở phương Đông, cách đây trăm ức vạn nước cõi Phật, có Đức Phật hiệu là Sư Tử Hưởng Tác Như Lai, hiện nay đang thuyết pháp. Thế giới ấy tên là Giải Thoát Hoa. Phật bảo Tôn giả A-nan:

– Thế giới đó sao gọi là Giải Thoát Hoa? Vì ở đó thường dùng hoa bảy báu trải khắp mặt đất. Hoa ấy mềm mại, màu sắc tươi đẹp, tỏa ra tất cả hương thơm. Ở đó có cây bảy báu do các báu hợp thành, có cây Chiên-đàn do các chiên-đàn tô điểm với nhau, màu sắc của chúng đẹp tuyệt vời, chủng loại nhiều vô số. Có cây thường phát ra âm nhạc, tiết tấu hòa nhã, êm dịu không lường. Có cây thường tuôn ra vật dụng bảy báu với đầy đủ chủng loại. Có cây thường tuôn ra các chuỗi ngọc báu, đồ trang sức không lường. Đất nước ấy có vô số vườn báu do các thứ bảy báu xen lẫn nhau tạo thành, như cung điện nghỉ ngơi của trời được làm bằng các ngọc trời Như ý ma-ni, vàng ròng, vàng tía trang trí chạm khắc tạo thành, ví như cung điện của tầng trời thứ sáu. Hàng Bồ-tát đại sĩ sinh ở cõi Phật đó đều lìa khỏi sự hội hợp của thế gian, chuyên giảng pháp, thần thông quảng đại, đắc trí tuệ Phật, những câu hỏi đều có thể đáp và lìa khỏi thế gian. Lời nói, ý nghĩ của họ thường hết lòng với pháp sự, dùng phương tiện khéo léo thị hiện ở nội minh, xa những điều đua nịnh, liễu ngộ chánh pháp, lìa xa các tướng, đắc

trí tuệ Bát nhã, đến bờ kia rồi, học đủ các pháp phương tiện quyền xảo. Chư vị thường cúng dường phụng sự các Đức Phật, xa lìa thị phi của thế gian, chỉ nói pháp sự của Bồ-tát, tâm bất thoái chuyển. Các Bồ-tát đó chẳng ưa nói đến việc khác mà chỉ ưa bàn về “Bồ-tát đà lân ni kim cương hành pháp tam phẩm thanh tịnh”, “Phật công đức lực vô sở úy”.

Vậy nên thế giới đó tên là Giải Thoát Hoa. Ở thế giới đó có Bồ-tát tên là Thiện Tư Nghĩa bỗng dờn thân mạng sinh đến nước La-duyet-kỳ của cõi Diêm-phù-đề, làm con của vua A-xà-thế. Vừa mới sinh ra, ông liền ngồi kiết già mà nói kệ:

*Ta nay đã từ chỗ
Nước Sư Tử Hưởng sang
Muốn gặp Thích Sư Tử
Chánh Giác tại thế chăng?*

Lúc này, có vị trời khác vì đồng tử nói kệ:

*Nay đáng Thiên Trung Thiên
Thích Sư Tử rũ áo
Ở tại cây Song thọ
Lặng lẽ vào Nê-hoàn.*

Bấy giờ, đồng tử dùng kệ đáp:

*Ta từ phương Đông đến
Trải qua các cõi nước
Đến với Thích Sư Tử
Muốn nghe pháp vô thượng.
Đáng trời người tôn trọng
Lặng lẽ vào Nê-hoàn
Đến đây ta có cơ
Chẳng phải đến không duyên.
Hôm nay ta đi đến
Phật sẽ vào Niết-bàn
Trên trời và cõi thế
Đều đau buồn như ta.
Lúc phát ý chẳng trụ
Muốn đến thấy Thế Tôn
Nơi này ta đi đến
Có ích chẳng hoang đường.
Phật ra đời khó gặp*

Nên tâu đại vương rằng:

– Không được sinh buông lung
Phải đến chỗ Thế Tôn!
Trong ức trăm ngàn kiếp
Có một Phật giáng sinh
Với đức hóa phải biết
Phật vì mọi dân chúng.
Hôm nay với phụ vương
Can ngăn đáng quốc tôn
Buông lòng theo ham muốn
Sao tuyệt mạng cha mình?
Quen gần tri thức ác
Điều-đạt, giặc đại ác
Vua theo thợ giáo hấn
Đoạn tuyệt mạng cha mình.
Khởi lên tướng nhân ngã
Si dục tạo tội nghịch
Vua cha làm pháp hạnh
Là con cháu Thế Tôn.
Vua đã bị tội ấy
Phạm vào tội nghịch lớn
Do vậy đọa tằm tối
Ngục A-tỳ vô gián.
Hoan hỷ tin theo Phật
Sẽ được giải thoát liền
Sau được người tôn trọng
Liên được Chánh Giác luôn.
Phật đã vào Nê-hoàn
Chánh giác khó được gặp
Chỉ có thể được cúng
Xá-lợi đáng Nhân Tôn.
Ta chẳng do ham muốn
Mà đi đến nước này
Đại vương liền theo đến
Ta muốn thấy Thế Tôn.
Hôm nay vào nửa đêm
Thế Tôn sẽ Nê-hoàn

*Ta từ Sư Tử Hương
 Nghe Phật nói như trên.
 Ta muốn thấy Đức Phật
 Nên đến cõi Nhẫn này
 Kính tạ hàng quyến thuộc
 Các nhà hãy tự an.
 Ta sẽ đến hầu Phật
 Thần thông sinh tử đoạn
 Muốn thấy Phật đều phải
 Trước hầu Phật Nê-hoàn*

Đến đây, vua A-xà-thế dùng kệ bảo con:

*Này con! Hãy nhịn qua đêm nay
 Muốn sang, ta sẽ dùng sức mạnh
 Đất lực sĩ cách xa nơi này
 Chẳng thể dùng xe đến ngay được!*

Bấy giờ, đồng tử dùng kệ đáp lại phụ vương A-xà-thế:

*Sức tinh tấn của con nhiều lắm
 Khoảnh khắc phát ý là đến liền
 Đêm nay như vượt vô số kiếp
 Con chẳng biếng trễ như đại vương.
 Đêm hôm nay con sẽ đến đó
 Cũng chẳng thể kể đường xa xôi
 Vượt qua trung gian vô số nước
 Cõi nước lực sĩ, nói sao hết.*

Lúc ấy, đồng tử từ tòa ngồi bước xuống, đi ra đại thành La-duyet-kỳ, liền nói kệ:

*Ai muốn sinh thiên, là địa ngục
 Muốn được danh tiếng là Tôn Hùng
 Hãy mau theo ta đi đến đó
 Phải đến trước khi Phật Nê-hoàn.*

Khi nói bài kệ này xong, đồng tử liền ra khỏi thành La-duyet-kỳ, cùng lúc trong thành có hai vạn người, vô số ức trời rồng, quỷ, thần, Kiền-đạp-hòa, A-tu-luân, Ca-lưu-la, Chân-đà-la, Ma-hầu-lặc v.v... đến nhóm họp ở đó. Đồng tử cùng tất cả chúng trời vây quanh đi đến vùng đất của các lực sĩ, đến chỗ Đức Phật, ở rừng Song thọ.

Lúc này, khi Phật nằm nghiêng hông về bên phải trên giường sư tử,

thì ở phương Nam, cách đây năm mươi vạn cõi nước Phật, có Đức Phật hiệu là Bảo Tích Thị Hiện, hôm nay đang nói pháp. Thế giới ấy tên là Bảo Tích, ở đó có vị Bồ-tát tên là Hỷ Tín Tịnh, bỗng nhiên thu thần hạ sinh về đại thành Xá-vệ của cõi Diêm-phù-đề, làm con của trưởng giả Sư Tử. Vừa sinh ra, đồng tử liền ngòai kiết già nói bài kệ:

*Dùng tay chân bố thí
Và mũi mắt cho luôn
Cho đến trăm ngàn đời
Nhấn nhục Ba-la-mật.
Bố thí cả đầu mắt
Thê thiếp và các con
Muốn độ cho tất cả
Thích tôn có còn chăng?
Sở dĩ trong ức kiếp
Da thịt cho mọi người
Muốn độ hết chúng sinh
Mất đời tồn tại chăng?*

Đến đây, trưởng giả Sư Tử liền sợ hãi dựng tóc gáy, dùng kệ hỏi con:

*Là trời, Kiền-đạp-hòa?
Quý thần Chân-đà-la?
Con trẻ hay tán thán
Biện tài nói nhiệm mầu.
Trong ngoài đều sợ hãi
Lớn nhỏ đều bỏ chạy
Ta nhờ nghe tiếng Phật
Nên một mình chẳng đi.*

Khi đó, đồng tử dùng kệ đáp lời cha:

*Con là trời, là rồng
Cũng Chân-đà-la, quý
Con là Thiên Trung Thiên
Cũng là người trưởng giả.*

Đến đây, trưởng giả Sư Tử dùng kệ hỏi con:

*Do nghe lời nói đó
Con khiến ta nghi ngờ
Lời khen đến như vậy*

*Khiến ta thêm kinh hoàng.
 Sao gọi là trời rồng
 Kiền-đạp-hòa và quý?
 Sao gọi Thiên Trung Thiên?
 Sao con là người vậy?*

Khi ấy, đồng tử dùng kệ đáp lời cha:

*Phương Nam có vị Phật
 Đấng Như Lai Bảo Tích
 Ta từ cõi đó đến
 Nay đến cõi Phật này.
 Sân hại, ta Đế thích
 Và sáu trời cũng vậy
 Nếu khổ, ta Phạm thiên
 Cũng làm Chuyển luân vương.
 Nơi đó hình rồng cả
 Đến nơi này là thần
 Loài quý, Kiền-đạp-hòa
 Trưởng giả phải rõ thông.
 Con sẽ là tất cả
 Xót thương hằng ủng hộ
 Đạt được Thiên nhân tôn
 Giác ngộ là trước hết.
 Con hóa độ lâu lắm
 Trải qua vô số kiếp
 Trọn không hề dừng nghỉ
 Trưởng giả! Con muốn đi!*

Đồng tử thưa với cha:

– Những điều giảng nói của đức Bảo Tích Thị Hiện cần nên học, chẳng nên huân tập theo các pháp thế gian, việc tu phải nghĩ đến các hành nghiệp rộng lớn. Hàng Bồ-tát có ba pháp hành để mau chóng được đạo Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác. Những gì là ba? Một là đối với các pháp giác ngộ thâm diệu, hai là thành tựu tâm tự tại, ba là ghi nhớ các pháp Tam-muội. Đó là ba pháp hành để Bồ-tát mau chóng được đạo Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác.

Đến đây, trưởng giả Sư Tử bảo con:

– Ta chưa biết điều đó!

Đồng tử dùng kệ nói rõ về điều ấy:
 Thâm tuệ khó hiểu cũng khó thông
 Thế gian đều nghi ở câu đó
 Thông hiểu tất cả pháp nghĩa đó
 Chỉ riêng có chư Phật Thế Tôn.
 Phật đã hiểu rõ không làm lẫn
 Đã có vô tướng là Thượng trí
 Do không suy nghĩ đạo sạch trong
 Chẳng hành tướng hạnh gọi là trí.
 Ý, vô ý nhiều không thể lường
 Tâm trí vắng lặng trước các nhập
 Tâm không vướng nhập gọi là ý
 Ý này nhìn thấy tất cả pháp.
 Vào định kim cương, thành Chánh giác
 Đối với tứ cú không nhiễm trước
 Tín tâm bền vững như kim cương
 Pháp tứ cú là pháp tốt thượng.
 Chứng đạt pháp không, không còn tin
 Phật khen pháp tín là trên hết
 Đó là tất cả các pháp không
 Thực hành thiền định chứng Phật quả.
 Những điều thấy biết chẳng phải trí
 Tất cả pháp hành chẳng có hành
 Các pháp sở học không có học
 Tất cả sở thuyết, không có thuyết.
 Thâm nhập trí tuệ, pháp tướng không
 Vào đến tịch tịnh, không định tướng
 Tuy thành đạo giác, giác tướng không
 Độ thoát mọi người, không tướng người.
 Dừng mãi, tinh tấn là lười nghỉ
 Giác ngộ đạo mầu sâu rốt ráo
 Vào trong tất cả biển sinh tử
 Độ thoát chúng sinh, sinh tử diệt.

Khi đồng tử nói kệ này xong, trưởng giả Sur Tử và hai trăm người đã
 phát tâm cầu đạo Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác và liền chứng pháp
 “Pháp nhãn Vô sinh”, tám ức trời phát tâm cầu đạo Vô thượng Chánh đẳng
 Chánh giác, liền sinh vào địa vị Bất thoái chuyển, thành đạo Vô thượng

Chánh đẳng Chánh giác, bốn muôn ức người xa lìa trần cấu, được các pháp nhãn thanh tịnh. Bấy giờ, đồng tử liền nói kệ:

*Con chẳng đến từ đó
Đức Thích Tôn có khuyên
Độ thoát vô ức số
Phát tâm cầu Bồ-đề.
Đối với pháp giải thoát
Nhớ Phật nói pháp thiện
Người mới vào đất Nhân
Chưa được Bát thoải chuyển.
Con và cha, anh em
Cả nhà ở Phật đạo
Tám ức chúng trời, người
Khiến đều vào Đại thừa.
Con vì tất cả người
Diệt trừ hạnh nghèo đói
Con vì được pháp lợi
Khó tính, khó nghĩ bàn.*

Khi đồng tử nói kệ này xong, cùng với cha mẹ và trăm ngàn ức người, vô số ức trời, rồng, thần, Kiên-đạp-hòa, A-tu-la, Ca-lưu-la, Chân-đà-la, Ma-hầu-lặc v.v... quyền thuộc vây quanh đi đến vùng đất sinh sống của Lực sĩ, tới chỗ của Đức Phật.

Khi Đức Phật nằm trên giường sư tử nhập Niết-bàn thì ở phương Tây, cách đây tám mươi ức vạn cõi nước Phật, có Đức Phật hiệu là Diệu Lạc Như Lai, hiện đang nói pháp. Thế giới của Đức Phật ấy tên là Lạc Viên, ở đó có vị Bồ-tát tên là Không Vô, bỗng nhiên thu thần hạ sinh về cõi Diêm-phù-đề, tại thành Ba-la-nại, làm con của trưởng giả Tu Phước. Vừa sinh ra, Bồ-tát liền ngồi kiết già nói bài kệ:

*Pháp vốn là rỗng không
Muốn có là chấp trước
Chẳng được thoát khổ đau
Thường ở vào rồi phiền.
Pháp chẳng thể nắm bắt
Đó gọi là định chỉ
Cùng tận không cùng tận
Pháp đó ắt không có.*

Không là chẳng chứa nhóm
 Cũng chẳng không chứa nhóm
 Pháp đó nếu không nhân
 Từ đâu có sở duyên.
 Nếu có thể nói pháp
 Sâu xa rất khó hiểu
 Nhân Tôn Thích Sư Tử
 Bạc Chánh Giác còn chẳng?
 Tiếng rống sư tử lớn
 Không khởi diệt Phạm âm
 Hôm nay ở Song thọ
 Ánh mặt trời lặn mất.
 Đức Phật trong Tăng đoàn
 Ví như mặt trăng tròn
 Mọi người chẳng thấy nữa
 Khi Thế Tôn nói pháp.
 Đức Phật trong Tăng chúng
 Như đỉnh núi Tu-di
 Thế Tôn chẳng ưa thích
 Việc ra vào trong thành.
 Vì trời, người giảng đạo
 Nói pháp không, vô ngã
 Tất cả chẳng còn nữa
 Nghe thấy đại âm thanh.
 Là ngã, không có ngã
 Tán thán các pháp không
 Nay Thế Tôn Nê-hoàn
 Yên nghỉ giữa rừng cây.

Khi đồng tử nói kệ này xong, tức thời mười vạn người trong đại thành Ba-la-nại cùng một lúc cất tiếng khen:

– Đây là việc chưa từng có! Chỉ có vị đồng tử nhỏ này mới có thể có trí Bát nhã, thâm nhập trí Bát nhã, trí tuệ quang minh, trí tuệ thanh tịnh, trí tuệ thâm sâu, nói kệ thượng diệu mà chứng được Hưởng tuệ, Quyền tuệ. Xứ của đồng tử ấy khó biết và là điều chưa từng có. Thân ấy chưa lớn mà có sức lớn, ví như mắt thấy Đức Như Lai. Nguyên xin cho trí tuệ chúng tôi được như vậy.

Đồng tử nói:

– Các ông chân thành nguyện được trí tuệ như vậy thì phải nguyện được trí tuệ như của Đức Phật, vì điều mà không xen tạp, vắng lặng và bình đẳng, xa lìa trí phân biệt, thành tựu tất cả pháp thiện, tất cả các Phật lực, vô sở úy, an lập ở đại từ, đại bi. Nay các ông, các ông phải nguyện thành tựu trí tuệ này, nay ta và các ông cùng nhau phát tâm cầu đạo Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác. Bấy giờ, đại chúng đều phát tâm Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác. Đồng tử liền vì họ nói pháp, an trụ trong Bát thoái chuyển, sẽ thành đạo Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác. Đồng tử nói tiếp:

– Nay các ông, các ông đã phát tâm rộng lớn rồi thì liền có thể cùng đi đến gặp Đức Như Lai Vô Sở Trước Đẳng Chánh Giác!

Đến đây, đồng tử cùng với cha mẹ và mười vạn người, vô số ức trời, rồng, quỷ thần, Kiên-đạp-hòa, A-tu-luân, Ca-lưu-la, Chân-đà-la, Ma-hầu-lặc và quyến thuộc vây quanh đi đến vùng đất sinh sống của các Lực sĩ, tới chỗ Đức Phật.

Khi Đức Phật nằm trên giường Sư tử nhập Niết-bàn thì ở phương Bắc, cách đây sáu mươi bốn vạn ức cõi nước Phật, có Đức Phật hiệu là Giác Tích Như Lai, hiện tại đang thuyết pháp. Thế giới Đức Phật ấy tên là Hoa Tích. Cõi đó và cây, hoa, trái ngày đêm thường phát ra âm thanh Giác hoa hạnh. Các trời, rồng, quỷ, thần, Kiên-đạp-hòa, A-tu-luân, Ca-lưu-la, Chân-đà-la, Ma-hầu-lặc v.v... nghe được đều quy y với Phật Giác Tích. Đức Như Lai thành tựu các công đức lành, nếu có người thấy được ánh sáng hạnh Giác Tích thì đều được đạo Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác chẳng thoái chuyển. Đó là sự đạt đến bản nguyện của Đức Như Lai kia. Đức Phật nói với Tôn giả A-nan:

– Đức Như Lai Giác Tích ở thế giới Hoa Tích chỉ dạy đạo Nhất thừa, chẳng dạy người cầu pháp Thanh văn, Duyên giác.

Đức Phật dạy:

– Đức Như Lai Giác Tích thành Phật đến nay đã sáu mươi vạn bốn ngàn kiếp, không có chúng đệ tử Duyên giác, chỉ có chúng Bồ-tát. Ví như Chuyển luân Thánh vương, có rất nhiều con, dùng con làm bề tôi, dùng con làm người coi cửa, dùng con làm thị giả v.v... Cũng như vậy, Đức Giác Tích Như Lai chỉ dùng Bồ-tát làm người giúp đỡ (tể tướng), dùng Bồ-tát làm nguyên thủ (người đứng đầu), dùng các Bồ-tát làm châu báu. Do đó, nước Phật ấy chỉ toàn là Bồ-tát, trang nghiêm cõi nước Phật. Nay A-nan! Cửa cái ở thế giới Đức Như Lai Giác Tích rất phong phú thịnh vượng, vui

về yên ổn. Bồ-tát tập hợp đông đủ, nơi nơi đều thanh tịnh, mọi người đều có thần thông. Họ dùng kim cương làm của cải, khi nghe giảng pháp tâm không khởi nghi hoặc, nghe xong tinh tấn tu hành. Tu tập tất cả trí tuệ Tam-muội, thành tựu trí bình đẳng. Ở nước đó, có vị Bồ-tát tên là Thần Thông Hoa, bỗng thu thân giảng sinh vào trong đại thành Duy-da-ly của cõi Diêm-phù-đề, làm con của chủ binh, khi vừa sinh ra, đồng tử liền ngồi kiết già nói kệ:

*Lành thay Đức Thế Tôn!
Khéo nói pháp thượng diệu
Độ ỨC ỨC dân chúng
Bậc Chánh giác còn chẳng?
Tâm pháp theo đó khởi
Tâm không thể nắm bắt
Ba cõi không ai bằng
Bậc Chánh Giác còn chẳng?
Không sắc, không Thế Tôn
Không ai có thể sánh
Không có ai ngang bằng
Minh nhãn còn hay không?
Tinh tấn độ tất cả
Nhất tâm thiền Tam-muội
Trí như biển mênh mông
Bậc Chánh giác còn chẳng?*

Đến đây, Đức Giác Tích Như Lai hóa làm hình dáng một vị trời, vì đồng tử nói kệ:

*Chánh Giác trụ một kiếp
Hơn số đó nhiều lần
Nương tựa bậc Chánh Giác
Trụ xứ thường an vui.
Đồng tử hãy theo dục
Đó là nhà Đại vương
Tấu nhạc, đàn thanh khúc
Thối sáo tự vui mừng.*

Bấy giờ, đồng tử dùng ý tưởng của trời nói kệ để đáp lại Đức Giác Tích Như Lai:

Người chạy theo sắc dục

Người ấy tự si mê
Chẳng hiểu đạo Chánh Giác
Và lời dạy của Phật.
Lạc đà và heo ngựa
Lừa cùng với sói, chồn
Chúng nó đều do dục
Chẳng phải hạnh con
Phật. Mù, điếc không hiểu biết
Cầm ngọn chẳng nói năng
Bọn đó do tham dục
Chẳng phải hạnh con Phật.
Bướm bay, ong, ruồi, nhặng
Ngược xuôi chẳng biết mình
Bọn đó là do dục
Chẳng phải hạnh con Phật.
Giả sử cõi Diêm Phù
Lửa cháy khắp bên trong
Thà rơi vào trong ấy
Việc dục quyết chẳng làm.
Ưu dục là trên hết
Với dục không biết đủ
Nếu có người khen dục
Là chẳng biết pháp Phật.
Người lòng không tham dục
Rõ biết tất cả pháp
Phật hiện thân đến hỏi
Vì trời ta nói rằng:
– Ta nghe từ chỗ Phật
Như vậy, lời Pháp Vương:
Vào nửa đêm hôm đó
Thế Tôn vào Nê-hoàn.
Tôi sẽ đến thấy Phật
Thần thông không sinh diệt
Muốn đến, cùng nhau đi.
Đến chỗ Phật Nê-hoàn.
Thiên Trung Thiên Giác Tích
Nói vậy, Nhân Trung Tôn!

Đắc pháp độ tất cả
 Dùng ánh sáng dẫn đường.
 Ở trong trăm ngàn kiếp
 Việc công đức lập nên
 Chẳng như nhập Nê-hoàn
 Độ thoát của Thế Tôn.
 Xót thương che tất cả
 Vì ủng hộ thế gian
 Nay Phật sẽ Nê-hoàn
 Chúng sinh lại khổ đau.
 Phật là mắt tất cả
 Hôm nay sẽ Nê-hoàn
 Thế gian sẽ lại gặp
 Hoàn cảnh rất tối tăm.
 Y vương diệt mọi bệnh
 Hôm nay sẽ Nê-hoàn
 Không đáng Nhân Trung Tôn
 Thế gian rất khổ đau.
 Đáng đoạ nghi tất cả
 Hôm nay sẽ Nê-hoàn
 Hồ nghi của thế gian
 Sẽ chuyển thành lửa lớn.
 Phật trừ si, tham, sân
 Hôm nay sẽ Nê-hoàn
 Cõi đời này sẽ lại
 Ba lửa bùng cháy lên.
 Thế Tôn là chỗ nương
 Cho tất cả trời người
 Nay mất chỗ nương tựa
 Xa mãi mãi từ đây.



Phẩm 3: BỐN ĐỒNG TỬ

Khi Đức Phật nằm trên giường sư tử nhập Niết-bàn. Bảy giờ, bốn

phương có bốn đồng tử tự trang nghiêm bằng công đức lớn, rung động vì cảm ứng, đi đến chỗ Đức Phật. Bốn đồng tử này đi đến quận quốc, thành quách, huyện ấp thì tất cả dân chúng bất luận xa, gần đều nghiêng mình chiêm ngưỡng, không ai chẳng hân hoan tôn trọng. Khi bốn đồng tử này đi ngang qua, trên hư không có các thiên chúng từ bốn phương, mưa hoa trời đầy khắp trên đất lót đường cho các vị đi qua. Ở trong hư không, tấu lên trăm ngàn muôn ức nhạc cụ. Bấy giờ, Đức Phật hóa hiện bốn tòa sư tử ở bốn mặt. Lúc ấy, Tôn giả A-nan thấy cảnh tượng hiện tại có sự biến hóa lớn nên dùng kệ hỏi Đức Phật:

*Thưa Ánh sáng thế gian!
 Ai ngồi bốn phía đó
 Tòa sư tử bày lên?
 Xin Phật vì con nói!
 Ánh sáng ở thế gian!
 Ai ở bốn phía đó
 Mà chấn động đất bằng
 Núi non và biển cả?
 Thưa Ánh sáng thế gian!
 Ai ở bốn phía đó
 Mà bốn đồng tử sang
 Làm áo giáp Tăng gia?
 Thưa Ánh sáng thế gian!
 Ai ở bốn phía đó
 Ví như lúc nửa đêm
 Trăng mọc phát ánh sáng?
 Thưa Ánh sáng thế gian!
 Ai ở bốn phương đó
 Người vật đều chuyển động
 Sông ngòi sóng nước dậy?
 Thưa Ánh sáng thế gian!
 Ai ở bốn phía đó
 Tất cả những âm thanh
 Đều theo sau đồng tử?
 Thưa Ánh sáng thế gian!
 Ai cùng thiên thần trụ
 Như mặt trời mặt trăng
 Ở giữa hư không vậy.*

Phật bảo Tôn giả A-nan:

– Ông có thấy bốn đồng tử ở bốn phương đến không? Uy đức, diện mạo của họ sáng rõ thù diệu, thần minh rạng ngời, đoan nghiêm không lường. Hạnh của họ đầy đủ, có bốn thứ phạm âm, vào nghĩa bố thí sâu, có lòng hổ thẹn, cát tường, thường tự xấu hổ, lấy sự tinh tấn để thành tựu. Họ đến chỗ nào là liền độ dân chúng chỗ đó, có mắt trí sáng suốt, có đức uy thần, có bố thí, trì giới, nhẫn nhục, tinh tấn, nhất tâm (thiền định), trí tuệ, thần thông v.v.... Họ đều khởi lên tất cả giới thiện, pháp nghĩa, ví như hoa Ưu-đàm-bát trải qua trăm ngàn ức kiếp khó gặp, khó thấy. Họ phụng hành vô số hạnh của các Đức Phật, ở vô lượng trăm ngàn ức kiếp gieo trồng gốc đức nơi chư Phật. Họ đều từ trong các cõi trời, cõi Phật khác ở bốn phương tái sinh xuống cõi Diêm-phù-đề này vì nghe thân Ta sẽ vào Nê-hoàn và muốn thấy ta vào Nê-hoàn. Nửa đêm hôm nay, Như Lai sẽ vào Nê-hoàn ở tại chỗ sinh sống của Lực sĩ. Ta quyết định vào Nê-hoàn.

Phật bảo Tôn giả A-nan:

– Ông có thấy vị đồng tử này từ phương Đông đến chăng? Ông ấy dung nhan hòa nhã, diện mạo thù thắng, cùng với vô số trăm ngàn muôn ức quyến thuộc vây quanh, được hàng ức trời cúng dường hoa trời, âm nhạc, đang đi đến chỗ Như Lai đó chăng! Này A-nan! Đồng tử này ở nước của Đức Như Lai Sư Tử Hưởng đến. Ông ấy thường ở nước đó làm vua Chuyển luân, chủ trông coi ngàn thế giới, vì tất cả trời, người giảng nói pháp sự, dùng tuệ thần thông, trí Hiền Thánh qua lại cùng khắp chưa từng dừng nghỉ, trị nước lâu mười tám ức năm. Ở trong suốt thời gian ấy, ông giáo hóa được mười tám ức Bồ-tát, khiến cho họ bắt đầu phát tâm và chứng “Pháp nhãn Vô sinh”. Vào lúc đó, ông bỏ nhà tu hành, học tập, tám mươi một ức năm thường tu phạm hạnh thanh tịnh, tám mươi một ức năm chưa từng ngồi, tám mươi một ức năm chưa từng nằm ngủ, chưa từng khởi tâm tham dục, chưa từng nghĩ về tranh cãi, chưa từng hủy hoại, cũng không dục tướng, cũng không sự tướng, không hủy hại tướng, cũng không địa, thủy, hỏa, phong tướng, cũng không thuyết tướng, cũng không hư không tướng, cũng không nam tử tướng, cũng không nữ nhân tướng, cũng không tư tướng đối, cũng không tư tướng khát, cũng không thọ tướng, cũng không ngã tướng, cũng không nhân tướng, cũng không thành quách tướng, cũng không khởi diệt tướng. Vì sao? Vì Đại sĩ Bồ-tát đó được Tam-muội Diệt các tướng, Không, Vô tướng, Vô nguyên, được Tam-muội Vô khởi hạnh, Tam-muội Vô diệt, được Tam-muội của tất cả Bồ-tát, được Tam-muội vượt tất

cả Đà-lân-ni. Ông ấy thành tựu tất cả phương tiện quyền xảo, được thần thông trí tuệ đệ nhất, được hạnh đại từ của hàng Bồ-tát ở tất cả thế giới, chuyển bánh xe pháp, an lập tất cả mọi người vào đạo Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác, thành tựu pháp nhãn Vô sinh. Như vậy, đối với tất cả “cõi”, tâm đại bi của ông ấy đã khiến cho tất cả được yên ổn. Công đức của đồng tử nhiều vô lượng, đầy đủ như vậy là do tinh tấn tu hành hai pháp. Những gì là hai? Lìa khỏi tri kiến lập tri, đồng tử đó cũng không lìa hạnh, nói đến pháp hội cũng không có tư tưởng nói. So sánh như vậy đã từng không lời nói tạp, chỉ nói pháp Bồ-tát. Ở trong tám mươi ức năm dạy trao tám mươi ức muôn Bồ-tát, an lập ở đạo Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác, thành tựu pháp nhãn Vô sinh. Ứng vào thời điểm này, tám mươi một ức muôn Bồ-tát, mỗi mỗi đều đi đến chỗ của đấng Thiên Trung Thiên ở nước Phật phương khác. Các Đức Phật đó nhất loạt lấy nửa đêm hôm nay, đồng thời nằm nghiêng về hông phải ở trên giường sư tử. Các Đức Thế Tôn đó đều tên là Thích Ca Văn, đều ở đời ác ngũ trược làm Phật. Các Đức Phật Thiên Trung Thiên đó, giữa đêm hôm nay đều sẽ vào Nê-hoàn tại rừng Song-thọ ở đất sinh sống của Lực sĩ.

Này A-nan! Sự thấy biết của Như Lai không phải dùng nhục nhãn của thế gian, cho nên Như Lai thông hiểu được tất cả pháp, tất cả đệ tử Duyên giác không thể sánh bằng. Này A-nan! Nếu Tỳ-kheo, Tỳ-kheo-ni, thiện nam, tín nữ, trời, rồng, quỷ, thần, Kiền-đạp-hòa, A-tu-luân, Ca-lu-la, Chân-đà-la, Ma-hầu-lặc, người, chẳng phải người v.v... nghe kinh pháp đó, vui mừng tin theo, phát tâm tu hành trong khoảng khắc thì hơn cả việc cúng dường ngàn muôn Đức Phật trong muôn ức kiếp vậy. Này A-nan! Đồng tử này có trí tuệ như vậy, hôm nay ở trong pháp của Ta, một đêm đã khai thị hóa độ cho loài côn trùng nhỏ nhiệm nhiều hơn Xá-lợi-phất và tất cả đệ tử từ trước đến nay đã dạy trao, hoặc sống lâu một kiếp nói pháp đã chẳng thể bì kịp vậy. Sự hóa độ dân chúng của đồng tử này, công đức không lường đến như vậy!

Phật bảo Tôn giả A-nan:

– Ông có thấy đồng tử từ phương Nam đến đây chẳng? Ông ấy ví như ánh sáng mặt trời mùa hạ soi ở trong nước, như vàng trắng tròn đầy tỏa đầy ánh sáng, như cầm trượng báu động xuống đất, phát ra âm thanh lớn, ví như thợ khéo làm bát bằng vàng bạc, hình dạng tròn đẹp không có tỳ vết. Ông ấy đã lìa khỏi cấu uế, phát ra tiếng năm phẩm cụ túc, mười phẩm cụ túc, tiếng năm mươi thứ cụ túc, tiếng mười phẩm thủ cụ túc, tiếng mười

phẩm nhãn thanh tịnh, tiếng phụng hành mười sáu thiện, tiếng tám bộ cụ túc, tiếng mười hai việc cụ túc, tiếng một ngàn phẩm kim ngân thanh tịnh, tiếng tín, sinh thù thắng, tiếng tịch tĩnh sinh kim sắc, tiếng lìa tất cả lỗi, tiếng do mùi thơm làm thành, tiếng tạo tác rộng lớn, tiếng sáu phẩm nam tử thanh tịnh vi diệu, tiếng các thứ ấy đầy đủ, tiếng năm ức hòa dịu, tiếng có tướng an ổn trừ khổ đau, tiếng niệm Như Lai như hoan hỷ tướng, tiếng hàng phục ma lực, tiếng hoại kiến vọng, tiếng diệt các phiền não, tiếng có vui mừng đối với Phật tướng, tiếng yên ổn vô sinh tướng, tiếng pháp luân Bất thoái chuyển, tiếng tịch tĩnh yên ổn, tiếng giác, tiếng nhất tâm pháp môn Tam-muội Tam-ma-đề, tiếng mười lực vô úy, tiếng đại từ đại bi, tiếng phát ra mười âm vang, đều do trượng báu động xuống đất phát ra những âm thanh đó.

Này A-nan! Phương Nam cách đây năm mươi vạn nước Phật, có Đức Phật hiệu là Bảo Tích Thị Hiện Như Lai Vô Sở Trước Đẳng Chánh Giác, hiện tại đang thuyết pháp. Thế giới Đức Phật ấy tên là Bảo Chúng. Sở dĩ tên là Bảo Chúng, vì nước ấy không có những đạo tà dị, đều phát khởi đạo Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác, nước của chân nhân vậy. Nước ấy chẳng nghe đến tên những sự uế trước, phiền não, cũng chẳng nghe tên ba ý niệm: tham, sân, si, cũng không có tư tưởng trai gái. Vì sao? Vì nước ấy đều tu phạm hạnh thanh tịnh. Nước đó chẳng dùng “đoàn thực” nuôi thân. Người của nước ấy chỉ có hai món ăn: Lấy niềm vui hoan hỷ và nói Nhất thiết trí làm món ăn. Họ cũng không nói hai việc về đệ tử Duyên giác mà chỉ nói việc Nhất thiết trí. Như vậy, họ chuyên hành một hạnh, pháp phẩm Bồ-tát. Trời, người cũng phúng tụng việc này.

Này A-nan! Thế giới đó do vậy nên gọi là Bảo Chúng. Nếu Bồ-tát ở thế giới phương khác sinh đến nước Phật đó thì vừa sinh ra liền được đứng vào địa vị Bất thoái chuyển và đạo Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác, thấy được vô số ức Bồ-tát, nói tất cả việc của Như Lai, bàn rõ pháp của Bồ-tát. Họ vừa sinh ra thì tất cả nước Phật đều hay biết: Ngày hôm nay Bồ-tát... (tên gì đó) sinh ra ở nước Phật này. Này A-nan! Nếu Ta trong một kiếp, ngàn muôn ức kiếp nói về công đức sở hành của mỗi một người ở thế giới Bảo Chúng cũng chẳng thể dùng dụ mà nói hết được vậy. Ta chỉ vì ông lược nói thô thiển về công đức của thế giới Bảo Chúng vậy.

Này A-nan! Bồ-tát Hỷ Tín Tịnh ở thế giới đó thần biến sinh đến cõi Diêm-phù-đề, muốn được thấy khi Ta vào Nê-hoàn, cũng muốn khen công đức đất nước của mình và tuyên dương danh tự của Đức Phật ở đó. Ông vì

những người cầu đạo Bồ-tát nên đến, tự quán ý vô tướng vậy. Nay A-nan! Bồ-tát Hỷ Tín Tịnh đó, khi xưa hành đạo Bồ-tát, vào thời Đức Như Lai Đề-hoàn-kiệt tại thế, ông làm vua Thánh chuyển luân tên là Kỳ-thế-đa. Từ lúc mặt trời mọc đến bữa ăn sáng, ông đã dạy trao, khai thị, độ thoát ba mươi sáu ức Bồ-tát, khiến họ phát ý đều kiến lập pháp nhẫn bất khởi. Sau khi đức Đề-hoàn-kiệt vào Nê-hoàn rồi, ông xuống tóc thọ cụ túc, trong một ngàn năm chuyển bánh xe pháp độ vô số người, sau đó đến ngày, đứng vào lúc muốn mở đường dẫn lối đầy đủ sáu mươi ức Bồ-tát, khiến cho họ phát tâm Bồ-đề, an trụ trong pháp nhẫn Vô sinh. Vào lúc đó, Bồ-tát cũng khiến cho bảy mươi muôn ngàn người lậu tận, ý giải.

Này A-nan! Ý nghĩa lợi ích của kinh Bát-nê-hoàn như vậy, nếu Ta nói về công đức của Bồ-tát Hỷ Tín Tịnh cho ông thì đến hàng muôn ức kiếp còn chưa hết. Ông hãy vì Bồ-tát Hỷ Tín Tịnh mà bày tòa ngồi ở trước Ta. Vì sao? Vì đồng tử này hành đạo đã lâu, lòng chẳng chán nản mệt mỏi. Nếu có người nghe được tên Bồ-tát Hỷ Tín Tịnh thì vui mừng như được gặp Phật, huống gì là đối diện nhìn thấy thì vui mừng hơn hờ biết bao. Nay A-nan! Nếu có Tỳ-kheo, Tỳ-kheo-ni, thiện nam, tín nữ, trời, rồng, quỷ thần, Kiền-đạp-hòa, A-tu-luân, Ca-lưu-la, Chân-đà-la, Ma-hầu-lặc, người, chẳng phải người v.v... nghe được kinh này có thể một lần phát ý kính trọng hoan hỷ thì Như Lai đều thấy hết họ. Ta dự đoán rằng, những người đó đều sẽ thấy Đức Bảo Tích Thị Hiện Như Lai và các Bồ-tát của thế giới Bảo Chúng.

Này A-nan! Hãy lạng lẽ trì kinh đó, chớ khinh suất dối truyền. Vì sao? Vì người cõi Diêm-phù-đề chưa từng nghe kinh đó, chưa thông suốt pháp vô hạn của Bồ-tát.

Phật bảo Tôn giả A-nan:

– Ông có thấy vị đồng tử từ phương Tây đến đây chăng? Ông ấy đi như múa trên hư không, thân cao lớn, mỗi bước chân làm mặt đất hai lần chấn động, diện mạo trang nghiêm, ông hàng phục tất cả bọn tà ma ngoại đạo, đầy lùi hết tất cả quyền thuộc của các ma, hủy hoại mọi tà kiến khiến tất cả đều được yên ổn, trừ hết các khổ đau, khiến cho tất cả vui mừng, tiêu diệt các địa ngục, nga quỷ súc sinh, độ thoát tất cả, khiến cho họ về với đạo lành, dùng đại âm cứu tế chúng sinh.

Lại nữa, ông có thấy cờ “Đại hương giao lộ” từ phương Tây lại chăng?

– Vâng, thưa Thế Tôn! Con đã thấy!

– Này A-nan! - Đức Phật nói tiếp - Hương giao lộ từ phương Tây

đến, đó gọi là Đạo ngự tất cả hương Bồ-tát. Ông lại có nghe âm thanh lớn phát ra từ phương Tây chăng? Đó là Không thanh, Quang minh thanh, Tịch định thanh, Phật thanh!

– Vâng, thưa đức Thiên Trung Thiên! Con đã nghe!

– Này A-nan! Nơi phát ra bốn âm thanh lớn này, chính là những lỗ chân lông của thân Bồ-tát Không Vô đó vậy. Bốn âm thanh lớn hòa dịu, hợp ý, không tỳ vết. Khi phát ra những âm thanh đó, đã khiến cho sáu mươi tám ức trăm ngàn người lậu tận, ý giải, sáu mươi tám ức na thuật trăm ngàn người an lập ở pháp nhẫn Vô sinh, chín ức người đứng vào địa vị Bất thoái chuyển, làm đạo Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác, khiến cho hai muôn ức trời ở các nước Phật đều xa lìa trần cấu, được các pháp nhẫn thanh tịnh.

Này A-nan! Ở phương Tây, cách đây tám mươi ức vạn cõi Phật, có Đức Phật hiệu là Diệu Lạc Như Lai Vô Sở Trước Đẳng Chánh Giác, hiện tại đang thuyết pháp. Thế giới của Đức Phật ấy tên là Lạc Viên.

Này A-nan! Thế giới đó sở dĩ tên là Lạc Viên vì tất cả đều lấy pháp Phật làm niềm vui, châu báu là ánh sáng thanh tịnh của người, chỗ ở của Đại Sĩ Bồ-tát Bất thoái chuyển, các Bồ-tát thanh tịnh nhiều vô số, không có đệ tử Duyên giác Nhị thừa, chỉ học Nhất thiết trí thừa, chỉ hành Phật đạo. Chư Thiên ở đó đều an lập ở Nhất thiết trí, họ được âm thanh an lạc, hiểu biết tất cả pháp giới khi đi đến. Họ cúng dường các Đức Phật Thiên Trung Thiên bằng muôn thứ vật, hàng phục bọn ma, giáo hóa người tà kiến, diệt hết tất cả phiền não, phá tan tất cả lưới ma, ý chí ở tại pháp âm, khiến cho tất cả kiến lập địa vị Bất thoái chuyển, chẳng nói lời nói khác mà chỉ giảng Nhất thiết trí, chuyển pháp phẩm của Bồ-tát, vượt khỏi các cõi phiền não, không làm ma hạnh nữa, ý không giận dữ, tu hành từ bi hỷ xả. Tất cả mỗi một lỗ chân lông phát ra sáu trăm âm thanh pháp Bất thoái chuyển, nghĩa lý đều ảnh hưởng pháp của Bồ-tát, được ba cửa giải thoát, hơn cả việc của đệ tử Duyên giác, qua khỏi ba cõi, hành tất cả pháp giới. Trụ ở thế giới đó đều thấy các Đức Phật, vượt tất cả pháp môn Tổng trì, được Giác trí của chư Phật, được Tam-muội của các Bồ-tát, lìa các trí ác, đoạn dứt các nghi kết, được trí của thân trí các Đức Phật, được thần thông tự tại, lìa khỏi đua nịnh, sở nguyện biến chuyển, được cúng dường các Đức Phật, an lập tất cả mọi người ở đạo Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác, khiến cho người nhiều nguyện được “Trí nhẫn Vô sinh”, hạnh Bồ-tát trong tương lai sẽ thành tựu quả Phật, dứt hết mọi lỗi lầm, trong khoảnh khắc phát ý hiện sinh trước tất cả các Đức Phật, ở đó lại không có sinh, già, bệnh, chết, khóc lóc,

sầu lo, đã được tịch tịnh mà quyền biến, khéo hiện ba mươi hai tướng tốt để trang sức sắc thân mình, đã được pháp thân mà thị hiện phàm thân cứng dường phụng sự tất cả các Đức Phật, tâm ý hơn hờ vui sướng, trí tuệ độ khắp tất cả chúng sinh, vui niềm vui này khiến cho người khác cũng vậy. Các hạnh và sự an ổn của các Bồ-tát ở thế giới ấy như vậy, nên gọi là Lạc Viên.

Lại nữa, thế giới Lạc Viên ấy có tám đường giao nhau ao tắm bảy báu. Trong ao có nước tám vị tràn đầy. Đáy ao nước ấy có cát bảy báu. Trong ao có bốn loài hoa sen: hoa màu xanh gọi là Ưu-bát, hoa màu hồng gọi là Ba-đàm, hoa màu vàng gọi là Câu-văn, hoa màu trắng gọi là Phân-đà-lợi. Màu sắc của những hoa ấy đầy đủ đẹp đẽ, có vô số ánh sáng. Đất nước ấy có tám lớp cây báu là cây vàng, cây bạc, cây lưu ly, cây thủy tinh, cây xà cừ, cây mã não, cây báu tượng nỏ, cây báu cát tường, cây báu giác chuyển, cây báu xá-la-tắc, cây báu bích anh, cây báu nguyệt quang, cây báu vượt hơn mặt trời, mặt trăng, cây báu tạp ngọc, cây báu a-mâu-lặc, cây báu curu-di-lặc-vị, cây trân châu màu đỏ, xanh, trắng, cây chiêm-đàn đỏ, chiêm-đàn xanh, chiêm-đàn vàng, chiêm-đàn rượu bồ đào, chiêm-đàn lạc hội thiên, chiêm-đàn tác vị, chiêm-đàn ô lặc, cây mật hương, cây hắc diệu hương v.v... rễ, thân, đốt, cành, lá, hoa, quả đều tươi tốt. Có cây ăn quả, có cây làm đồ dùng, có cây làm áo, có cây làm đồ trang sức, có cây được dùng làm nhạc cụ v.v... cành, lá, hoa, quả của chúng cũng đều tươi tốt. Mùi thơm của cây thơm sực nức rất nồng nàn như là mùi thơm ở cung trời.

Này A-nan! Thế giới ấy như vậy, lấy vàng làm giao lộ, phát ra âm thanh tao nhã, còn lại những thứ khác công đức cũng chẳng thể nghĩ bàn, cũng phát ra âm thanh hòa dịu. Vậy nên thế giới đó tên là Lạc viên. Bồ-tát Không Vô ở đó thân biến sinh đến cõi Diêm-phù-đề này, muốn thấy Ta vào Nê-hoàn. Vừa sinh ra, ông ấy đã độ được vô số người làm Phật sự, chuyển bánh xe pháp, nên từ vô số kiếp đến nay, những lông trên thân thể của Bồ-tát Không Vô phát ra bốn âm thanh lớn hòa dịu, vừa ý, vi diệu, không tỳ vết.

Đức Phật dạy:

– Này A-nan! Thuở đời quá khứ có Đức Phật tên là Vô Cấu Nhân. Bảy giờ, có vị Tỳ-kheo tên là Tuệ Lạc. Vị Tỳ-kheo ấy theo Đức Phật nghe ý nghĩa bốn âm thanh lớn, vô số câu tuệ, câu cần lực, câu xử xử, câu nhân (mắt), câu thiên (trời), câu âm, câu tín, câu Phật, câu Pháp, câu Tăng, câu sư tử, câu kim cương, câu lạc tuệ, câu nhân duyên, câu đạo ngự, câu viên

hiện, câu khổ đế, câu khổ tập, câu khổ tận, câu hướng đạo. Ở trong bảy đêm, vị Tỳ-kheo đó thường nghĩ chẳng rời những câu đó. Ông lìa khỏi sự giảng nói khác, lòng nghĩ bốn nghĩa, không rời bỏ, không khởi lên, chí thanh tịnh quan sát hủy hoại các kiến. Ông đã theo hàng ức Đức Phật thọ các pháp Phật, thông hiểu cả bốn đại. Trụ ở hạnh nói pháp, ông đi đến các quận quốc, huyện ấp, tại nhà người, suốt sáu năm, ở trong chúng giảng pháp, độ vô số người.

Này A-nan! Khi ấy có ma tên là Kỳ-đà hóa làm long tượng với chúng nhiều vô số mưa tưới xuống kim cương, rơi trên thân vị Tỳ-kheo này làm cho ông mạng chung.

Này A-nan! Tỳ-kheo Tuệ Lạc ấy là Bồ-tát Không Vô vậy. Do vị Tỳ-kheo đó tinh tấn, nhiều trí, sáu năm ở trong chúng hội nói pháp, nên từ vô số kiếp đến nay, lỗ chân lông phát ra bốn âm thanh lớn hòa nhã, vừa ý, vi diệu, không tỳ vết này. Mỗi một lông ấy độ được vô số người. Người cõi Diêm-phù-đề nghe tên Bồ-tát Không Vô thì được lợi lành lớn, hưởng gì là người đối diện hoan hỷ nhìn thấy. Bồ-tát Không Vô được vô số các Ba-la-mật nên đến đây, muốn thấy Như Lai vào Nê-hoàn.

Này A-nan! Ông hãy vì Bồ-tát Không Vô bày tòa ngồi ở trước Ta. Từ đó ông sẽ được đại trí tuệ tôn.

Đến đây, Tôn giả A-nan liền nhận lời dạy bảo, ở trước Đức Phật, vì Bồ-tát Không Vô bày tòa ngồi.

Đức Phật dạy:

– Do việc ông bày tòa ngồi đó nên sau khi Ta vào Nê-hoàn, ông ở trên tòa ngồi sẽ nhất tâm được chứng Thánh, nếu tu tạo phước đức thì tâm chẳng thoái thất, vì thị hiện hạnh thanh tịnh mà nhiều kiếp như số cát sông Hằng thị hiện làm Chuyển luân Thánh vương, mỗi lần làm Thánh vương sẽ một lần thấy Phật, được làm Tối Chánh Giác đạo Vô Thượng Chánh Chân. Nếu có Tỳ-kheo, Tỳ-kheo-ni, Ưu-bà-tắc, Ưu-bà-di, trời, rồng, quỷ, thần, Kiền-đạp-hòa, A-tu-luân, Ca-lưu-la, Chân-đà-la, Ma-hầu-lặc và các loại cựa quậy có hơi thở khác nghe pháp đại thanh tịnh đó, hoặc hôm nay Như Lai còn ở đời, hoặc sau khi Như Lai vào Nê-hoàn mà vì pháp sư Tỳ-kheo bày tòa ngồi thì vừa bày xong sẽ được mười tòa công đức. Những gì là mười?

Một là tòa Tôn giả.

Hai là tòa Chuyển luân Thánh vương. Ba là tòa Đế thích.

Bốn là tòa Phạm vương. Năm là tòa Trời thứ sáu. Sáu là tòa Pháp sư

Tỳ-kheo.

Bảy là tại chỗ tòa của mình sẽ được pháp tòa.

Tám là khi các Bồ-tát Đại sĩ đi đến dưới cây Phậ sẽ được tòa Phậ.

Chín là được tòa ngồi chuyển bánh xe pháp độ thoát vô số ức trời, người, âm thanh nghe khắp tất cả thế giới.

Mười là khi Bát-nê-hoàn như vậy thì trời, rồng, quỷ, thần, Kiền-đạp-hòa v.v... và quyến thuộc vây quanh, về sau được tòa Như Lai Sư Tử.

Đó là mười tòa công đức. Nay A-nan! Ông vì Bồ-tát Không Vô chấp mười ngón tay mà nói kệ:

*Vị ấy lia căn vì tịch định
Không Vô, phát ra đại quang minh
Ta vì người dùng mãnh chấp tay
Vì đại Sư Tử rống lễ mừng
Ý chỉ một lòng và tinh tấn
Do tích lũy đầy đủ trí tuệ
Ta cúi lạy bậc Chân Thiện
Lạy người không ai có thể sánh.*

Đến đây, Đức Phậ vì Hiền giả A-nan nói kệ:

*Vì Không Vô Bồ-tát,
Ông chấp tay một lòng
Rồi sẽ được phước đức
Nghe điều Ta tuyên dương.*

Phậ bảo Tôn giả A-nan:

– Ông nhờ phước đức chấp tay đó mà sau khi Ta vào Nê-hoàn, trong sáu tháng, ông sẽ một mình làm Phậ. Người trên trời, dưới trời đều sẽ cúi đầu hướng về ông làm lễ. Nếu ông hành đạo đi vào quận quốc hoặc trụ ở tinh xá thì đàn ông, đàn bà, trai nhỏ, gái nhỏ, các Sa-môn, Phạm chí của các đạo tà dị, các quốc vương, đại thần, giảng đường, giao lộ và đất trống, hang núi, sư tử, cọp, trâu rừng, voi, lạc đà, trâu, ngựa, lừa, khỉ, Kiền-đạp-hòa, A-tu-luân, Ca-lưu-la, Chân-đà-la, Ma-hầu-lặc, trời, rồng, quỷ, thần, quý nữ, cây cối, cảnh, lá, hoa trái, các dược thảo, loài hữu tướng, loài vô tướng v.v... đều sẽ đánh lễ ông!

Phậ bảo Tôn giả A-nan:

– Ví như Như Lai Vô Sở Trước Đẳng Chánh Giác, khi được cửa Phậ đạo thì các cây, cây thuốc, loài hữu tướng, loài vô tướng đều vái chào, nhân

nhượng, cúi ngược hướng về cây Phật. Này A-nan! Nơi ấy có Tỳ-kheo, Tỳ-kheo-ni, Ưu-bà-tắc, Ưu-bà-di, trời, rồng, quỷ, thần, Kiên-đạp-hòa v.v... và các loài có hơi thở, có sinh mạng khác, nếu có người nói lời pháp đại thanh tịnh đó thì Như Lai hôm nay hoặc sau khi đã Nê-hoàn sẽ dùng tâm ngay thẳng không ý dua nịnh, một lòng chấp tay hướng về người nói pháp. Các Đức Phật Thiên Trung Thiên đều thọ ký cho người ấy, và người ít công đức đều được pháp đó đầy đủ hướng gì là người ưa thích hoan hỷ không tỳ vết. Lời nói của Phật không sai khác, nghe được pháp ngữ đại thanh tịnh đó, người ít có hoan hỷ tin, chẳng ưa nghe nhiều, trong số ấy nếu có người nghe nói hoan hỷ tin theo thì Như Lai nói người ấy chẳng ở một chỗ Phật gieo trồng các gốc đức mà là ở hàng ức ức chỗ Phật tích lũy công đức nên đều thấy Ta nói hội Đại Bát-nê-hoàn đó. Họ lại cúng dường Đức Di-lặc Như Lai, thấy Đức Phật Di-lặc giảng hạ làm Phật. Họ lại nghe nói kinh Đại Bát Nê Hoàn, lại thấy lỗ chân lông của thân thể Bồ-tát Không Vô phát ra âm thanh lớn, lại được kinh Phương Đẳng, lại thấy bốn vị đồng tử, khi ấy nói kinh này thì trời, người, A-tu-luân, các người thế gian lại cung kính vái chào nhân nhượng chấp tay làm lễ, rồi cũng được tòa sư tử.

Đến đây, Phật bảo Hiền giả A-na-luật:

– Ông có thấy bốn mươi ức trời ở trong hư không nghe kinh pháp này, chấp tay hướng về Ta chăng?

Hiền giả A-na-luật đáp:

– Vâng, thưa đáng Thiên Trung Thiên! Con đã thấy! Phật bảo Hiền giả A-na-luật:

– Bốn mươi ức vị trời đó nhờ công đức chấp tay này mà hàng ức a-tăng-kỳ kiếp chẳng về với ba đường ác. Từng người từng người đều sẽ làm Chuyển luân Thánh vương nhiều bằng một lần số cát sông Hằng. Mỗi một lần làm vua Thánh thường gặp được Phật. Hết số lần đó rồi sau đó họ mới được làm Phật hiệu là Nguyên Tịnh Như Lai Vô Sở Trước Đẳng Chánh Giác. Họ đều đồng một danh hiệu ấy.

Bấy giờ, ở trong chúng hội có các lực sĩ: một tên là Na-ni, hai tên là La-đề, ba tên là Thủ-la-quà, bốn tên là Xoa-ma-ca-lâu, năm tên là Phú-khư-tốc, sáu tên là Ba-tù-già, bảy tên là A-tý-tha, tám tên là Duy-na-đề, chín tên là Ưu-đa-la, mười tên là Phù-phù-lâu-già, mười một tên là Hòa-lợi-tiên, mười hai tên là Ê-lê-xà, mười ba tên là Ê-lê-đà-lâu, mười bốn tên là Xoa-ma-già. Mỗi một lực sĩ cùng với năm trăm chúng đều buồn rầu khóc lóc, đi đến chỗ Đức Phật, cúi đầu làm lễ, lệ rơi chan hòa, bạch Phật:

– Thừa Thế Tôn! Chúng con vì Bồ-tát Không Vô, Bồ-tát Thiện Tư Nghi, Bồ-tát Hỷ Tín Tịnh, Bồ-tát Thần Thông Hoa và đại hội các vị Bồ-tát và các chúng đại đệ tử của Đại Kinh này, chấp tay vái lạy, nhân nhượng, cung kính làm lễ, rồi đem công đức này cầu đạo Vô Thượng Chánh Chân.

Khi đó, Đức Phật liền cười, Hiền giả A-nan dùng kệ hỏi Đức Phật:

*Phật là ánh sáng đời
Nay vì duyên gì cười
Khéo vì chúng con nói
Vô số người nghi ngờ.*

Đức Phật vì Hiền giả A-nan, nói kệ:

*A-nan, ông được thấy
Những chúng lực sĩ đông
Cùng năm trăm quyến thuộc
Phát ý đại đạo chăng?
Vì Ta chấp tay kính
Và đồng tử Không Vô
Tất cả các Bồ-tát
Với kinh pháp tôn này.
Khuyến trợ ý đại đạo
Vời tất cả nghĩ thương
Đều cùng năm trăm chúng
Phật đạo đều sẽ thành.
Vô ương số ức kiếp
Đường ác chẳng vào trong
Xem chấp tay cung kính
Mà phước ấy vô cùng.
Ta sẽ trụ một kiếp
Và số kiếp ức trăm
Khi chư Phật đắc đạo
Nước ấy vui sướng thêm.
Sở hạnh vừa đạt đến
Nước ấy liền thịnh vượng
Ta sẽ trụ một kiếp
Nói được chưa thể cùng.
Ta nay, này A-nan!
Vào lúc nửa đêm đến*

*Ông là người sau cùng
Thấy Nhân Trung Tôn Phật.*

Phật bảo Hiền giả A-nan:

– Ông có thấy đồng tử từ phương Bắc có ánh sáng vàng lớn này đến không? Uy thần của ông ấy soi chiếu cỏ, cây, cây thuốc, cây cối, thân, đốt, cành, lá, hoa, trái, cung điện, giao lộ, núi đất, khe hang, người và chẳng phải người ở phương Bắc đều hiện toàn là màu vàng.

– Vâng, thưa Đấng Thiên Trung Thiên! Con đã thấy!

– Này A-nan! Ông có thấy tinh xá và giao lộ bằng bảy báu từ phương Bắc đến hay chăng?

Tôn giả A-nan đáp:

– Con đã thấy!

– Này A-nan! Ông có thấy người ngồi kiết già trong giao lộ bằng vàng chăng?

Đáp:

– Vâng, thưa đấng Thiên Trung Thiên! Con đã thấy! Phật bảo Tôn giả A-nan:

– Phương Bắc, cách đây sáu mươi bốn ức vạn nước Phật, có Đức Phật tên là Giác Tích Như Lai Vô Sở Trước Đấng Chánh Giác, hiện tại đang thuyết pháp. Bồ-tát Thần Thông Hoa ở cõi đó thần biến sinh đến cõi Diêm-phù-đề này, muốn nhìn thấy Ta vào Nê-hoàn. Sự soi chiếu của ánh sáng đó gọi là ánh sáng uy thần của Như Lai. Giao lộ bảy báu ấy gọi là thế giới Hoa Tích. Đồng tử ngồi trong trường giao lộ vàng bảy báu ấy gọi là Như Lai, tự nhiên tạo tác thế giới đó, ngồi trong trường giao lộ vàng bảy báu này khiến cho vô số người đầy đủ gốc đức.

Này A-nan! Nước Phật này có vô lượng vô số ức trăm ngàn người cùng đồng tử này gieo trồng mọi gốc đức. Đồng tử vừa sinh ra ở cõi Phật đó đều sẽ khiến cho chúng đồng nhóm với đồng tử ấy lậu tận, ý giải được trụ ở học địa, đối với đạo Chánh chân vô thượng được Bất thoái chuyển.

Đến đây, bốn vị Bồ-tát đi đến chỗ Đức Phật, đồng một lúc cúi đầu dưới chân Đức Phật. Phật bảo Tôn giả A-nan:

– Việc sẽ làm của Như Lai và đệ tử của Như Lai đã khiến cho tất cả đầy đủ sở đắc của mình. Bồ-tát Thần Thông Hoa đó dùng sự biến hóa của giao lộ vàng này khiến cho bảy mươi ức người được A-la-hán, bảy mươi muôn ức người trụ ở học địa, bảy mươi ức trăm người an lập ở đạo Chánh

chân vô thượng, bảy mươi muôn ức người được an trụ ở pháp nhãn Vô sinh, vô số người sẽ gặp thời Đức Phật Di-lặc.



KINH PHƯƠNG ĐĂNG BÁT NÊ HOÀN

QUYỂN HẠ

Phẩm 4: CHÚC LỤY

Bấy giờ, Hiền giả A-nan bạch Phật:

– Thưa Thế Tôn! Xin Thế Tôn trụ một kiếp hoặc hơn một kiếp. Vì sao? Thưa đấng Thiên Trung Thiên! Vì Như Lai Vô Sở Trước Đẳng Chánh Giác ở đời thì những Chánh sĩ đó đi đến chỗ này, chúng con được diện kiến, quỳ lạy, phụng sự. Sau khi Như Lai vào Nê-hoàn rồi thì chúng con vĩnh viễn không còn được phụng sự ngôi Tam bảo. Những gì là Tam bảo? Đó là Phật bảo, Pháp bảo, Tăng bảo. Những Chánh sĩ đó cũng lìa khỏi ba ngôi Tam bảo ấy.

Tôn giả A-nan nói xong lời nói này, kêu khóc ngã lăn ra đất. Khi đó, Bồ-tát Thiện Tư Nghĩa vì Tôn giả A-nan, nói kệ:

*Thầy A-nan chớ khóc
Vạn vật đều vô thường
Hội hiệp có ly biệt
Huống người đâu thể thường!
Vời pháp Không Vô đo
Sao A-nan bi thương?
Phàm cái có tụ hội
Đều thật khó lâu bền.
Phật Đạo cũng không được
Sao A-nan bi thương?
Hiệp hội là không rộng
Tuệ Tuệ cũng lại không.
Hoặc niệm hoặc chẳng niệm
Mọi pháp vô niệm chấp
Hữu không vô cũng không
Vĩ như những sóng năng.
Như voi ngựa huyễn hóa*

*Hoa, trái cây trong vườn
Nhà huyền thuật đã hiện
Như đệ tử Thế Tôn!*

Đến đây, Tôn giả A-nan dùng kệ đáp Bồ-tát Thiện Tư Nghĩ:

*Đúng như Nhân giả nói
Các pháp không sở niệm
Nay tôi phải lìa khỏi
Xa mãi Đức Thế Tôn.
Một mai vào Xá-vệ
Người hỏi, sao đáp thông?
Đáng Chánh Giác còn chứ?
Pháp nhãn sẽ đến chăng?
Như vào núi Hương Tích
Chẳng thấy Nhân Trung Tôn
Chỉ thấy tòa ngai rỗng
Ở đó sao nở lòng!?
Như ra núi Hương Tích
Vào Ca-lợi tinh xá
Đáng Trung Tôn ở đó
Rộng nói Bốn chân đế.
Nhưng thấy Ca-lợi rỗng
Không thần quang Thế Hùng
Như vào vườn Tiếng Nói
Toàn kêu khóc ở trong.
Do chẳng thấy Chánh Giác
Giong ruổi khắp bốn phương
Lệ tràn đầy mắt họ
Sao nở đành như vậy?*

Bấy giờ, Bồ-tát Hỷ Tín Tịnh vì Hiền giả A-nan nói kệ:

*Như ức năm lo buồn
Đâu thể có sở đắc!?
A-nan hãy xét xem:
Pháp giới rất khó được.
Vị như rừng cây chuối
Từng lá rách rơi tả
Nhặt lấy cũng như không*

Vạn vật đều như vậy.
 Như khi trời mưa tuôn
 Trong nước có bong bóng
 Vừa khởi, liền tiêu tan
 Vạn vật cũng như vậy.
 Ví như bong bóng nước
 Chỉ thấy được bằng mắt
 Đưa tay vớt liền tan
 Bốn giống cũng như vậy.
 Ví như gương sáng trong
 Bóng hiện, chẳng có thật
 Ba cõi cũng như vậy
 Sao mà khóc, A-nan!?

Đến đây, Tôn giả A-nan dùng đệ đáp Bồ-tát Hỷ Tín Tịnh:

Chẳng phải chẳng biết thế
 Chẳng vì chẳng thấy rõ
 Ba cõi không sở hữu
 Điều này kinh tuyên dương.
 Thấy vậy, ức nhân chúng
 Đều rơi lệ chứa chan
 Đến chỗ tôi sầu khóc
 Lòng càng thêm buồn cảm.
 Nay Thế Tôn Niết-bàn
 Cõi nhân gian vắng bóng
 Biết tìm ở nơi đâu?
 Ai khuyên nhắc chúng con?
 Sẽ theo ai nghe pháp
 Câu thâm diệu khó thông?
 Ách nạn nào sẽ đến?
 Ôi khó gặp Thế Tôn!

Bấy giờ, Bồ-tát Không Vô vì Tôn giả A-nan nói kệ:

A-nan chớ lo buồn!
 Quan sát pháp, phi pháp
 Pháp là chẳng thể còn
 Duyên gì sẽ có diệt?
 Như lúc chư Phật sinh

Đắc đạo cũng như vậy
 Như Phật chuyển pháp luân
 Nê-hoàn cũng như vậy.
 Sinh, bất sinh với sinh
 Phật đạo cũng không diệt
 Đối với pháp vô sinh
 Sao A-nan lại khóc?
 Xem tôi, lỗ chân lông
 Những điều giảng nói nghiệp
 Phật nói vô hữu, không
 Pháp giới cũng như vậy.

Đến đây, Tôn giả A-nan dùng kệ đáp Bồ-tát Không Vô:

Các vị sẽ đi khỏi
 Thế giới không ưu phiền
 Sẽ thấy ức chư Phật
 Pháp thượng diệu tuyên dương.
 Chúng tôi, hàng ức trời
 Vây quanh nhau giáp vòng
 Tỳ-kheo, Tỳ-kheo-ni
 Cùng nhau cất tiếng than.
 Hoặc từ xa ngàn dặm
 Chỗ tôi đều đi sang
 Tiếng kêu gào dội vang
 Tại chỗ Thích Sư Tử.
 Dao-lợi và Diệm Thiên
 Nê-ma-la, Đâu-thuật
 Làm chí phạm Thế Tôn
 Khi nào sẽ lại xuống?
 Ba tháng ở chỗ nhàn
 Nhân Trung Tôn một lòng
 Thế Hùng bao giờ khỏi
 Sẽ đánh trống pháp vang?

Bấy giờ, Bồ-tát Thần Thông Hoa vì Tôn giả A-nan nói kệ:

Tôi vì đã biết vậy
 Tự hẹn ba tháng tròn
 Trước Nhân giả thị hiện

Chớ khóc, này A-nan!
 Tôi sẽ vì ông nói
 Khải bạch với Thế Tôn
 Khiến chuyển pháp đặng nhất
 Vì là đức Thích Tôn.
 Chư Phật có lòng thương
 Chỗ người sẽ đi đến
 Chớ nên buồn, A-nan!
 Nhân Trung Hùng đã khởi.
 Trời, rồng còn lo buồn
 Huống gì thân ông vậy
 Như vậy ánh quang minh
 Mới ở đời diệt tận.
 Tôi nghe từ Thế Tôn
 Đức Phật nói như vậy
 Dù ở trọn ức kiếp
 Hội ngộ nào cũng tan.

Đến đây, Tôn giả A-nan đứng dậy trước Đức Phật, ba lần nói bài kệ này:

Phật bảo cho tất cả
 Hôm nay sẽ Nê-hoàn
 Thế gian sẽ lại tới
 Vì mất đấng Nhãn minh.
 Quốc vương và Tôn giả
 Ban côi nước khổ đau
 Sao nữa nghe lời đó?
 Phật sẽ vào Nê-hoàn.
 Lực sĩ, vợ lực sĩ
 Con lực sĩ đều đến
 Đều khóc lóc, buồn đau
 Lần cuối thấy Thế Tôn.
 Những trời, rồng các loại
 Vây vòng năm do-tuần
 Nước mắt chảy đến gối
 Ngoại trừ các dân chúng.
 Rồng Nan-đầu, Hòa-nan
 Gồm sáu mươi ức rồng

Đều đến cùng kêu khóc
 Lần cuối thấy Thế Tôn.
 Ròng Hòa-lăng-ma-nại
 Sức mạnh Ta-kiệt Long
 Một do-tuần kêu khóc
 Đi đến chỗ Thế Tôn.
 Vua rồng A-nậu-đạt
 Trăm ức chúng vây quanh
 Lẽ như bánh xe lớn
 Đi đến chỗ Thế Tôn.
 Vua rồng Y-lê-bát
 Đến hóa làm thân lớn
 Kêu khóc phát tiếng lớn
 Đi đến chỗ Thế Tôn.
 Hàng trăm ức số chúng
 Và ngàn ức quỷ thần
 Cúi đầu trước chân Phật
 Lần cuối thấy Thế Tôn.
 Có ức ngàn Đế thích
 Hàng trăm ức người thân
 Làm lễ dưới chân Phật
 Minh Nhân chớ Nê-hoàn.
 Đến đây ức trời Phạm
 Trời đất quá rờ ràng
 Lễ trước chân Đức Phật
 Xin trụ một kiếp tròn.
 Ma tử ở đó đến
 Đạo sư tự nói rằng:
 – Phật thương xót tất cả
 Xin trụ một kiếp tròn.

Bấy giờ, Bồ-tát Không Vô vì Đế thích, Phạm vương, trời, rồng, quỷ thần, Kiên-đạp-hòa, ma, đạo sư nói kệ:

Các ông đều không biết
 Chỉ gặng tu pháp ngữ
 Đã làm hạnh phóng dật
 Đến nay ông khóc than.
 Vì như loài chuột núi

*Chỗ ở không suốt thông
 Nếu người dùng dao chọt
 Thì liền sợ kêu thương.
 Các ông cũng như vậy
 Tất cả đều khóc than
 Nếu Chánh Giác tồn tại
 Mà làm hạnh buông lung.
 Nay mặt trời sẽ khuất
 Trí như biển mênh mông
 Ông làm sao tạo tác
 Thích Tôn đã Nê-hoàn?*

Khi đó, Phật bảo Hiền giả A-na-luật, Đại-ca-chiên-diên, Phân-nậu-văn-đà-ni-phật, Cưu-ma-ca-diếp, Tu-bồ-đề, Mục-ha-la-gia, Đại-câu-hy v.v... hãy duỗi tay đặt vào bàn tay của Như Lai.

Ngay lúc ấy, mười vạn Tỳ-kheo duỗi tay đặt vào bàn tay của Đức Như Lai. Đức Phật dùng tay trái nhận lấy bàn tay của các Tỳ-kheo, tay phải Ngài nắm lấy bàn tay của A-nan và La-hầu-la đặt vào trong tay của các Tỳ-kheo và nói:

– Ta thân kính đem A-nan và La-hầu-la phó thác cho các ông!

Bấy giờ, tiếp liền hình tượng ấy, có âm thanh lớn tự nhiên. Âm thanh ấy bố cáo khắp một nước Phật, một ngàn vị Tỳ-kheo ấy nghe việc, muốn buông bỏ thân mạng và nói:

– Chúng con sẽ vào Nê-hoàn trước vì chẳng nỡ thấy khi đấng Thế Hùng vào Nê-hoàn.

Đến đây, Đức Phật duỗi cánh tay hướng về phương Bắc thì ngay tức thời năm trăm Đức Phật của thế giới phương khác duỗi tay ra đặt vào bàn tay Đức Phật. Đức Phật liền nắm lấy tay Tôn giả A-nan và La Vân đặt vào trong bàn tay của các Đức Phật mà nói:

– Ta đem người thân A-nan và đứa con La Vân phó thác cho các đấng Thế Hùng.

Khi đó, Đức Phật liền nói kệ:

*Ta đem con La Vân
 Và thị giả A-nan
 Diện kiến để chúc lụy
 Cho chư Phật Thế Tôn.
 Ai là người không hộ*

Hay vì làm ủng hộ
 Riêng chư Phật Thế Tôn
 Trí ấy không ngại ngần.
 Ngay nửa đêm hôm nay
 Trời, rồng và dân chúng
 Tại cõi Diêm-phù ấy
 Chẳng còn thấy Thế Tôn.
 Xem khắp các thế giới
 Vô lượng khó nghĩ bàn
 Một người cũng chẳng thấy
 Làm người độ thế gian.
 Trái vô số ức kiếp
 Ví như cát sông Hằng
 Có thể mới có kẻ
 Chịu ở kiếp này đó.
 Người tôn kính pháp
 Phật Kẻ này ta sẽ độ
 Người không biết kính tôn
 Chư Phật không thể độ.

Bấy giờ, năm trăm Đức Phật đều muốn trở về đất nước của mình, nhận tay A-nan và La Vân rồi, liền nói kệ:

Biết kính tin chư Phật
 Liền được Phật cứu độ
 Thị hiện độ chúng sinh
 Trống pháp vang khắp nơi.
 Thế Tôn Thích Sư Tử
 Trừ sạch mọi nạn tai
 Hàng ức người no đủ
 Như mưa thấm đất đai.

Đến đây, A-nan, La Vân quỳ xuống khóc lóc bi thương, nói kệ:

Xin các đấng dưng mãnh
 Thỉnh Phật trụ một kiếp
 Oai thần của chư Phật
 Khiến Phật trụ một kiếp.
 Làm vô số ức người
 Được trụ trong chánh pháp

*Trời, rồng, các quỷ thần
Đều phát đạo tâm lớn.*

Bấy giờ, năm trăm Đức Phật đều trở về thế giới của mình, bảo A-nan và La Vân:

– Dừng lại! Này A-nan! La Vân! Không buồn, không rầu! Pháp của các Đức Phật Thiên Trung Thiên, duỗi tay ra là đã rốt cùng rồi. Nếu có phóng ra ánh sáng hoặc đèn hoặc trụ thì đó là sự thị hiện của chư Phật vậy.



Phẩm 5: ĐỘ ĐỊA NGỤC

Đến đây, Đức Phật liền nhập Tam-muội, ngón chân cái từ bàn chân phải Ngài phóng ra hàng ức muôn ánh sáng. Mỗi một luồng ánh sáng hóa làm trăm ức ngàn hoa sen. Trên mỗi một hoa sen hóa làm trăm ức ngàn tòa ngò. Trên mỗi một tòa ngò có một vị hóa Như Lai ngò nói pháp. Mỗi một vị Như Lai đã khiến cho ức trăm ngàn muôn ức người trụ vào địa vị Chẳng Khởi Diệt. Đức Phật lại dùng ngón chân cái của bàn chân trái phóng ra trăm ngàn ức ánh sáng. Mười ngón chân phóng ra mười muôn ức trăm ngàn ánh sáng. Mười ngón tay phóng ra mười muôn ức trăm ngàn ánh sáng. Hai đầu gối phóng ra hai muôn ức trăm ngàn ánh sáng. Hai xương bánh chè phóng ra hai muôn ức trăm ngàn ánh sáng. “Mã âm tàng” phóng ra một muôn ức trăm ngàn ánh sáng. Trong rốn phóng ra muôn ức trăm ngàn ánh sáng. Hai chân mày phóng ra hai muôn ức trăm ngàn ánh sáng. Hộp não phóng ra muôn ức trăm ngàn ánh sáng. Hông phải hông trái phóng ra hai muôn ức trăm ngàn ánh sáng. Bốn mươi cái răng phóng ra bốn mươi muôn ức trăm ngàn ánh sáng. Mặt phóng ra muôn ức trăm ngàn ánh sáng. Tướng đỉnh phóng ra muôn ức trăm ngàn ánh sáng. Ba mươi hai tướng đại nhân phóng ra ba mươi hai muôn ức trăm ngàn ánh sáng. Tướng giữa chân mày phóng ra muôn ức trăm ngàn ánh sáng. Tám mươi vẻ đẹp, mỗi một vẻ đẹp đều phóng ra muôn ức trăm ngàn ánh sáng. Mỗi một luồng ánh sáng có hóa ra muôn ức trăm ngàn hoa sen. Trên mỗi một hoa sen có hóa ra muôn ức trăm ngàn tòa ngò. Trên mỗi một tòa ngò có một vị Như Lai ngò nói pháp. Các Đức Phật Thế Tôn đó chẳng giảng nghĩa gì khác mà chỉ nói pháp Bồ-tát, Ba pháp Tổng trì kim cương, lực thanh tịnh, vô sở úy. Mỗi một vị hóa Như Lai khiến cho muôn ức trăm ngàn người đứng vào pháp Bất thoái chuyển.

Đức Phật, bấy giờ, liền ở tại rừng Song-thọ, lại hóa làm Phật đi đến địa ngục Tiên Nho phóng ra ánh sáng. Ánh sáng ấy soi khắp trong ngục lớn Tư tưởng. Khi đó, Đức Phật liền nói kệ:

*Những người đã giải thoát
Đôi lúc có tư tưởng
Do quen khởi tư tưởng
Khiến họ sinh khổ não.
Thế gian có chứng đắc
Thế Tôn phóng ánh sáng
Chánh pháp Phật xiển dương
Khiến diệt hết các khổ.
Không thấy có chứng đắc
Không sinh, cũng không diệt
Người hiểu rõ pháp đó
Nhất định sinh cõi lành.*

Đức Phật vừa nói bài kệ đó xong, tức thời đầy đủ muôn ức trăm ngàn người ở địa ngục Tư tưởng được giải thoát, liền sinh lên cõi trời Dao-lợi. Đức Phật lại liền đi lên cõi trời Dao-lợi, lại một lần nữa nói bài kệ này:

*Những người đã giải thoát
Đôi lúc có tư tưởng
Do quen khởi tư tưởng
Khiến họ sống đau khổ.
Đắc đạo ở thế gian
Thế Tôn phóng ánh sáng
Chánh pháp Phật xiển dương
Khiến diệt hết các khổ.
Không chứng cũng không đắc
Không sinh cũng không diệt
Người biết được pháp đó
Nhất định sinh cõi lành.*

Đức Thế Tôn nói kệ đó vừa xong, tức thời đầy đủ muôn ức trăm ngàn người nghe pháp đó được đạo Tu-đà-hoàn. Được thần thông rồi, họ liền nói kệ này:

*Không sinh, cũng không diệt
Không diệt, cũng không sinh
Chúng ta hiểu rõ pháp*

Chứng pháp nhãn Vô sinh.
 Trí sáng như mặt trời
 Soi khắp cõi thế nhân
 Hiện duyên vì giải thoát
 Ở đó độ nhân thiên.
 Diệt sầu khổ, được trí
 Độ tất cả thế nhân
 Pháp trị liệu của Phật
 Đường ác trọn chẳng nương.
 Ánh sáng lớn sao chóng
 Diệt tận nơi thế gian
 Ưc dân chúng thiêu đốt
 Địa ngục tường, thoát liền.

Đến đây, Đức Phật lại đến trong bốn đại địa ngục: Thiêu nường, Chung nẫu, Kêu la, Mưa cát đen đốt người, phóng ra ánh sáng kim sắc cùng khắp. Đối với tất cả ánh sáng thì ánh sáng của Đức Phật hòa dịu vừa ý. Đức Phật dùng mắt từ bi nhìn tất cả, bố thí khiến cho yên ổn, ban giới khiến cho thanh lương, tạo ra ánh sáng tịch định đều khắp trong những địa ngục ấy. Uy thần ấy tôn quý thanh tịnh đệ nhất, đối với cầu bản không bị nhiễm, xa lìa khỏi cầu bản. Đức Phật thí cho trí hạnh, đại từ niệm, đại ai thí, vô hạn an lạc thí và mắt tuệ vô ngại, cho hương giới soi đến tất cả, cho pháp vị đạt đến tất cả, thị hiện pháp thân, ban cho mắt của pháp tâm, đoạn dứt tất cả gốc bất thiện, trao cho tất cả pháp thanh bạch, hủy hoại hết ma lực khiến cho chúng đều sợ sệt, khiến cho đạo tà dị đều đoạn trừ các kiến, khiến cho tất cả mọi người được yên ổn. Đức Phật đã mở cửa trời, đóng kín cửa đường ác, dùng đức vô tận thay cho những khổ đau, một lòng tinh tấn, làm từ, bi, hỷ, xả, thường dẫn đường mọi người đến với đại vô vi, bố thí mắt, tai, mũi, miệng, thân, ý, tất cả lỗ chân lông của thân phóng ra ánh sáng lớn, nói kinh pháp hòa thuận vừa ý, miệng từ bi nói lời tôn kính:

Ta thí an thế gian
 Vì thoát các khổ đau
 Thoát hết mọi phiền não
 Trừ diệt khổ ngân ấy.
 Những pháp ta đã nói
 Ánh sáng tịnh tôn quý
 Tất cả người nghe pháp
 Các đường ác dứt bỏ.

*Nếu có người quy mạng
Thì họ được lợi lớn
Ở trong muôn ức kiếp
Chẳng rơi vào đường ác.*

Đức Phật nói bài kệ đó rồi, tức thời, mỗi một địa ngục của đại địa ngục, đều đầy đủ hàng muôn ức trăm ngàn người được thoát ra, sinh lên cõi trời Đâu-suất. Do nghe pháp đó nên đều được đạo A-na-hàm. Được thần thông rồi, họ liền nói bài kệ này:

*Ví như trong đường hiểm
Thầy trí tuệ dẫn đường
Khiến cho mọi thương buôn
Thoát oán tặc, quý thân.
Phật hóa độ cũng vậy
Dùng ánh sáng làm đường
Ức dân chúng thoát khỏi
Lìa nạn si, tham, sân.
Chúng con quy y Phật
Đạo sư phóng quang minh
Đã phát từ bi ý
Được cứu các khổ đau.
Phải nương tựa chánh pháp
Nuôi dưỡng thân chúng con
Tặng là báu tôn trọng
Đức ấy khó nghĩ bàn.*

Bấy giờ, Đức Phật đi đến trong ba địa ngục: Hiệp hội, Đại hiệp hội, Bất khả ý, phóng ra năm trăm vạn muôn ức ánh sáng sắc vàng soi khắp trong những chỗ ấy bằng tịch định không người, không có vạn vật, không khởi, không diệt; hằng bố thí, trì giới, nhẫn nhục, tinh tấn, nhất tâm, trí tuệ v.v...; bằng đại từ, đại bi, đại hỷ, đại xả; bằng hạnh bốn ân; bằng mười lực Như Lai, bốn vô sở úy, mười tám pháp bất cộng của chư Phật v.v... những hạnh quý và trí tuệ của Như Lai; thần túc biến hóa, nói pháp biến hóa, hóa độ dạy trao biến hóa bằng đại tuệ; bằng năm căn, năm lực, bảy giác ý, Tam-muội, tam ma việt; bằng tất cả hạnh Bồ-tát; bằng Phật tuệ vô ngại; bằng Phật nhãn vô ngại; bằng pháp nhãn vô ngại; bằng tuệ nhãn vô ngại; bằng Thiên nhãn vô ngại; bằng nhục nhãn vô ngại; bằng đại từ, đại bi. Đối với tất cả, Đức Phật dùng tất cả đức của pháp Phật vô thượng, dùng tất cả pháp

giác ngộ của Như Lai. Đối với tám ức trăm ngàn loài có mạng sống ở đó đều nhờ năm trăm vạn muôn ức thứ ánh sáng này mà trừ hết các khổ đau, đều được yên ổn, ra khỏi địa ngục Hiệp hội, Đại hiệp hội, Bất khả ý đó và được sinh lên cõi trời Ba-la-ni-mật-hòa-gia-việt. Nghe pháp đó rồi, họ đều trụ ý chí vào đạo A-na-hàm. Đến đây, Đức Phật liền trụ ở cõi trời Phạm mà nói kệ:

*Những người không đau khổ
 Tức là đệ nhất an
 Vì ứng nói đau khổ
 Các tướng hữu niệm không.
 Tất cả không sở tướng
 Như ở đây nói lên
 Đau yên ở ba cõi?
 Thanh thoát có tử sinh.
 Không không kia có giải
 Không đó mới là không
 Người nói buộc chặt ấy
 Đó có thể giải không.
 Không là không có khởi
 Tư tướng không có bờ
 Đã thấy pháp phi ngã
 Tức là con Thế Tôn.
 Pháp đó ta chẳng phải
 Ngã cũng chẳng được còn
 Đó không có ngã nhân
 Sao lại có vui mừng?*

Đức Phật nói bài kệ này rồi, tức thời hàng muôn ức trăm ngàn người nghe pháp đó, lòng đều đoạn dứt tất cả phiền não. Sinh tử hết rồi, được chứng quả A-la-hán, họ liền bỏ thân mạng để vào Nê-hoàn. Họ đều nói:

– Chúng con chẳng nữa nhìn thấy khi Đức Thế Tôn vào Nê-hoàn.



PHẨM 6: HIỆN CÁC ĐỨC PHẬT

Bấy giờ, Đức Phật bỗng nhiên biến mất ở cõi trời Phạm, liền trụ ở

rừng Song thọ. Đức Phật nghĩ: “Rồi đây, vào nửa đêm hôm nay Như Lai sẽ vào Nê-hoàn. Dân chúng, lần cuối cùng nhìn thấy sự kết thúc đời của Phật. Ta hãy khiến cho dân chúng vui mừng, được tường yên ổn, đoạn dứt những uế độc, khiến cho họ nghĩ đến Như Lai, tác khởi tư tưởng gốc thiện lớn, lìa mọi khổ não, được niềm vui vô cực, phát tâm đại từ, đại bi, bỏ đi các việc ma, mang đến pháp của chư Phật, đều diệt trừ tan nát các lưới, khiến diệt hết các phiền não, bỏ hết những điều dua nịnh, dứt sạch các đại kiến, đi đến các độ, tán thán hạnh của Bồ-tát. Thị hiện các Đức Như Lai khiến cho tất cả tận mắt nhìn thấy. Tạo tác biến hóa lớn để giảng nói pháp Phật”. Đến đây, Đức Thế Tôn nhập Niết-bàn nằm ở trên giường sư tử. Đấng Đại Tôn Hùng quan sát khắp mười phương, rồi dùng ngón chân ấn xuống đất thì sáu lần chấn động đến cảnh giới mười phương. Đức Phật liền thu thân vào Tam-muội chánh định. Từ mỗi một lỗ chân lông của Ngài phát ra ánh sáng nhiều như cát sông Hằng. Mỗi một ánh sáng soi khắp cõi nước Phật nhiều như cát sông Hằng. Mỗi một ánh sáng tròn chẳng lẫn lộn nhau trong số đó. Tất cả các lỗ chân lông, mỗi mỗi đều phóng ra ánh sáng nhiều như số cát sông Hằng. Phóng ra ánh sáng rồi, liền như hình tượng Tam-muội chánh thọ khiến cho mắt của tất cả mọi người trở thành mắt Phật, đều thấy hết các đất nước Phật, lúc ấy, Phật bảo các Tỳ-kheo:

– Này các ông! Các ông có thấy khu vực ở phương Đông ngang dọc trên dưới mười vạn do-tuần mà trong đó đầy hạt bụi? Số các Đức Phật ở phương Đông nhiều như bụi này, cứ một hạt bụi là một vị Phật. Các Đức Phật đó đều nằm nghiêng về hông phải, sự hiện biến hóa cũng như vậy. Sự dạy bảo hóa độ của tất cả các vị Phật ấy cũng đều đã chu tất. Các vị đều vào rừng Song-thọ chỗ đất sinh sống của Lực sĩ, đều tên là Thích Ca Văn, tất cả đều nằm ở trên giường sư tử, đều đến nửa đêm hôm nay vào Nê-hoàn. Các ông có thấy, ở phương Đông, chẳng thể kể, chẳng thể tính, chẳng thể nghĩ bàn, không lường hết những Bồ-tát đầy đủ hạnh đi đến dưới cây nơi Phật nhập Niết-bàn chẳng? Lại có thấy vô số người đắc Phật đạo chẳng? Lại có thấy vô số người khác Chuyển pháp luân chẳng? Lại có thấy vô số người khác nói pháp chẳng? Lại có thấy không lường người buông bỏ mạng sống chẳng? Lại có thấy không có giới hạn số người nằm nghiêng về hông phải ở trên giường sư tử như Ta chẳng?

Chúng hội đáp:

– Chúng con đã thấy! Chẳng biết hết số ấy! Đức Phật dạy:

– Ví như ba ngàn đại thiên thế giới, trên đến cõi trời Ba Mươi Ba,

dưới đến tận cùng bờ cõi của đất mà trong đó đầy bụi. Ý ông thế nào? Có người có thể biết số bụi đó chăng?

– Thưa đấng Thiên Trung Thiên! Số bụi đó chẳng thể kể, chẳng thể lường, chẳng thể xưng, chẳng thể tính!

Đức Phật dạy:

– Ví như ba ngàn đại thiên thế giới đó lại có hàng tỷ ức trăm ngàn ba ngàn đại thiên thế giới mà trong ấy đầy cả bụi như vậy. Có số Bồ-tát tên là Thích Ca Văn ở nước Phật phương Đông nhiều như số bụi này đi đến dưới cội Bồ-đề, số cũng nhiều như vậy Chuyển pháp luân, số cũng nhiều như vậy dạy trao nói pháp, số cũng nhiều như vậy xả bỏ thân mạng, số cũng nhiều như vậy nằm nghiêng về hông bên phải như Ta, số cũng nhiều như vậy không khởi lên ở cõi Nê-hoàn khác mà vào Nê-hoàn, số cũng nhiều như vậy đều tên là Thích Ca Văn, mẹ tên là Ma-da, cha tên là Duyệt-đầu-đàn, nước ấy tên là Ca-duy-la-vệ, đời ấy tên là Nhẫn Giới, Xá-lợi-phất, Ma-ha Mục-kiền-liên là đệ tử tôn quý, thị giả là A-nan. Như sự việc đã có ở phương Đông, chín phương còn lại cũng như vậy, đều là Thích Ca Văn. Nhiều như số Thích Ca tên là Đề-hoàn-kiệt, cũng như vậy, tên là Viết-đề, tên là Đa-la, cũng như vậy tên là Duy-vệ, cũng như vậy tên là Thức, cũng như vậy tên là Tùy Khí, cũng như vậy tên là Câu-lâu-tần, cũng như vậy tên là Câu-na-hàm, cũng như vậy tên là Ca-diếp; cũng như vậy, các Đức Phật Thiên Trung Thiên đó nhu nhuyến vi diệu như vậy, là danh hiệu phát ra âm thanh nhu nhuyến đều đồng một danh hiệu là Thích Ca Văn. Như Lai đều dùng nhục nhãn đầy đủ nhìn thấy mà còn chẳng đủ lời để nói. Sự thấy ấy rộng lớn hơn cả vô số đã nói đây. Nơi ấy có kẻ ở nhà học đạo hoặc có người xuất gia học đạo khiến các Bồ-tát của một nước Phật đều được làm Phật, được cúng dường những danh hiệu Phật này đầy đủ một kiếp. Lại có người nói kinh pháp của chư Phật hiện tại đó, nghe xong trong giây lát vui mừng tin theo thì hơn cả dân chúng của ba ngàn đại thiên thế giới cùng nhau cúng dường chư Phật đầy đủ. Tất cả các vị Bồ-tát đã tuệ giải như vậy thì mau chóng gần được đạo Chánh chân vô thượng.

Khi Đức Phật nói kinh đó thì sáu mươi hai ức Bồ-tát được pháp khó đầy đủ. Như vậy họ thu hoạch được chẳng thể nghĩ bàn ý Bất thoái chuyển, an lập vào đạo Chánh chân vô thượng. Mười muôn Bồ-tát phát ý đại đạo ban đầu, trụ vào địa vị Bất thoái chuyển Chánh đẳng vô thượng. Ba mươi hai ức Bồ-tát được Bất khởi pháp nhẫn. Hằng hà sa số người đoạn dứt tất cả phiền não, diệt sinh tử chứng thuyết. Vô số người sẽ cùng hội với Đức

Di-lặc. Vào lúc đó, bọn ma ác ôm lòng độc hận, rơi nước mắt bạch Phật:

– Thưa Thế Tôn! Bản nguyện của con là muốn cho Đức Như Lai sớm vào Nê-hoàn, muốn cho dân chúng chẳng ra khỏi cảnh giới của con. Đức Như Lai Vô Sở Trước Đẳng Chánh Giác đã độ được rất nhiều, nếu trụ thọ mạng ấy đến một kiếp thì số người được độ lại chẳng thể hơn số đã độ hôm nay chăng? Nay đấng Thiên Trung Thiên đã làm rỗng không cảnh giới của con rồi!

Đến đây, Đức Phật dùng ngón tay lấy đất để lên trên móng tay, rồi bảo ác ma:

– Ý ông thế nào? Đất trên móng tay Như Lai nhiều hay đất của đại địa nhiều?

Ma bạch Phật:

– Đất trên móng tay Như Lai ít, đất của đại địa nhiều chẳng thể kể.

Đức Phật dạy:

– Nay Ba-tuần! Tất cả những chúng sinh được Ta cứu độ đều đã vào vô vi, số ấy như đất trên móng tay. Số còn lại nghe theo lời dạy của ông thì lại nhiều như đất của đại địa. Ông hãy hoan hỷ, vui vẻ, vừa lòng đi! Loại người như vậy chẳng thể hết, không có tính được!

Phật bảo ma Ba-tuần:

– Ông muốn cầu giống người như cầu hư không. Nay Ba-tuần! Việc làm của ông nay thuận tiện, dễ làm rồi! Vì nửa đêm hôm nay Như Lai sẽ vào Nê-hoàn!

Bấy giờ, Phật bảo các Tỳ-kheo:

– Hãy an lập cõi nước của chư Phật trong tất cả mười phương! Dân chúng trong cõi nước ấy đều được an lạc, làm hưng thịnh cõi nước của hàng Bồ-tát.

Các Tỳ-kheo đáp:

– Vâng, thưa đức Thiên Trung Thiên! Chúng con đã an lập các cõi nước ấy rồi!

Phật bảo Tôn giả A-nan:

– Nếu Ta từ một kiếp đến muôn ức kiếp lấy ví dụ tổng hợp so sánh, nói pháp thí dụ, giảng nói pháp nghĩa của các Đức Phật cũng không có lúc cùng, chẳng thể hết vậy. Vô số các Đức Phật Thiên Trung Thiên hiện tại, các Đức Như Lai như vậy đều dùng nhục nhãn cụ túc nhìn thấy hơn thế nữa, sự thấy chẳng thể giới hạn.

Đến đây, Phật bảo các Tỳ-kheo:

– Việc phải làm của Như Lai là độ tất cả mà không có tư tưởng chấp có, chấp không. Vì sao? Nên Ta bảo các ông!

Lúc đó, Đức Phật tức thời như hình tượng vào Tam-muội, hiện thần túc khiến cho việc nói kinh của các Đức Phật Thế Tôn ở cõi đó mà người cõi này đều nghe. Nghe được kinh pháp đó thì người nhiều như cát sông Hằng được trụ vào hàng Tam thừa. Mười ức trăm ngàn người được đạo Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác. Mười ức ngàn người đạt được đạo Duyên giác. Những người còn lại đều bỏ thân mạng.



Phẩm 7: NƯỚC PHẬT THANH TỊNH

Bấy giờ, Đức Phật dùng ba mươi hai tướng của bậc Đại nhân, tám mươi vẻ đẹp, mười ức âm thanh, sáu mươi muôn ức ngôn ngữ, vô hạn muôn ức trăm ngàn thứ âm thanh cụ túc để thọ trì các tướng của pháp Phật, như: Như Lai tịch định, Như Lai mười lực, Như Lai bốn vô sở úy, Như Lai bốn thần túc, Như Lai bốn giải trí, mười tám pháp bất cộng của chư Phật, hạnh tu trên đời của Như Lai để khiến cho mọi người đều diện kiến các pháp.

Đến đây, điều nói pháp của Đức Phật liền hiện ra thế giới của ba ngàn đại thiên đó bằng phẳng như bàn tay, không có cát, sỏi, đá, chỉ có ma-ni, chân châu, lưu ly, hổ phách, xa cừ, vàng bạc. Giáp vòng ba ngàn đại thiên thế giới có các bảo điện, vô lượng vô số giao lộ ở cung châu báu, giao lộ cung điện ma-ni. Khắp nơi có cây ngọc Minh nguyệt, tảng che ngọc Minh nguyệt, cờ phướn ngọc Minh nguyệt, nhà ngọc Minh nguyệt, tòa ngồi ngọc Minh nguyệt, đầy đủ ba ngàn đại thiên thế giới, cùng khắp tám phương có tám đường giao thông, có vàng, bạc, lưu ly, thủy tinh, xa cừ, mã não, tượng não, hổ phách báu, báu ống xe đỏ, báu phước cát tường, báu ánh sáng trắng, báu vượt mặt trời, báu A-mâu-lặc, báu Cưu-di-lặc, báu vị (mùi vị), báu bích anh v.v... dùng mọi thứ báu này đắp đổi nhau trang hoàng, làm cây, làm lọng báu, cờ phướn. Rễ, thân, đốt, cành, lá, hoa, trái của cây ấy sum suê, cờ phướn, lọng báu xinh đẹp vi diệu. Có cây đồ dùng, cây quần áo, cây có quả chứa chuỗi ngọc để trang sức quần áo v.v... đầy tràn. Có chiên-đàn đỏ, chiên-đàn hồng, chiên-đàn Châm-lặc, mật hương đen quý. Có hoa Mạn-đà-lặc, hoa Đại-mạn-đà-lặc, hoa Câu-ca-lặc, hoa Đại-câu-ca-lặc, hoa Thô, hoa

Đại Thô, hoa Nhu nhuyển, hoa Đại Nhu nhuyển, hoa Độ trú, hoa Đại độ trú, hoa Ba-la-lê, hoa Đại ba-la-lê, hoa Thiện Ưu ba-la-lê, hoa Nguyệt, hoa Đại nguyệt, hoa Châu biến nguyệt, hoa Mạc (mô), hoa Đại mạc, hoa Châu biến mạc, hoa Thiện kính mạc, hoa Cái, hoa Đại cái, hoa Châu biến cái, hoa Cụ sinh, hoa Đại cụ sinh, hoa Châu biến cụ sinh v.v... hoa giáp vòng đầy khắp ba ngàn đại thiên thế giới, không chỗ trống khuyết. Đâu đâu cũng có hoa sen châu báu. Có chín mươi chín muôn ức trăm ngàn cung điện, nhà cửa. Nhà cửa, cung điện làm bằng lưu ly xanh, vàng ròng, hổ phách, mã não. Xe cộ làm bằng báu cát tường phước, báu ma-ni. Từ trên xe buông xuống lớp rèm mềm mại vi diệu. Những thứ đó đầy khắp giáp vòng ba ngàn đại thiên thế giới đó. Ba ngàn đại thiên thế giới tự nhiên có bày ra tòa ngồi sư tử. Dưới tất cả cây đều tự nhiên có tòa ngồi sư tử. Tòa cụ làm bằng the lụa gấm vóc đẹp đẽ, đồ bọc lót thượng diệu. Có lưới màn tạp sắc và hoa văn xen lẫn nhau, dạng như chùm thao đỏ. Hoặc dùng vàng ròng, báu ma-ni rực rỡ để trang hoàng. Tất cả tòa sư tử đều có Bồ-tát với thân nghiêm sức bằng ba mươi hai tướng tốt. Ba ngàn đại thiên thế giới đó được trải khắp giáp vòng bằng những ngọc đỏ, ngọc xanh, ngọc trắng. Có hương thơm tôn quý của chiên-đàn đỏ, mật hương, hắc sa hương và dùng hạt vàng tung rải khắp nơi.

Đến đây, ở trong hư không của ba ngàn đại thiên thế giới, màn lưới ngọc ma-ni trùm khắp, phát ra âm thanh vi diệu. Ngọc treo trên màn dùng toàn những thứ ngọc diệu quán, ngọc bảo quán, ngọc sư tử, ngọc Bạt-tha-lại-mãi, chúng được buộc bằng sợi vàng xe lại với nhau, dùng vàng trang nghiêm đủ thứ để làm trướng màn báu, dùng thuần vàng làm trướng màn. Ba ngàn đại thiên thế giới này, dưới đến tận bờ cõi của đất, trên lên tới trời Ba Mươi Ba, tất cả đều dùng báu ma-ni, vàng màu vàng tía trang nghiêm giáp vòng. Từ trướng vàng phát ra ngàn muôn vô số âm thanh tốt lành: tiếng không, vô tướng, vô nguyện, tiếng phi thường, khổ, không, phi thân, tiếng tịch định giới Tam-muội trí tuệ giải thoát độ tri kiến, tiếng điều hòa nhần nhục tầm quý, tiếng từ bi hỷ xả an tường phụng hành, tiếng bố thí, tiếng bố thí Ba-la-mật, tiếng trì giới, tiếng trì giới Ba-la-mật, tiếng nhần nhục, tiếng nhần nhục Ba-la-mật, tiếng tinh tấn, tiếng tinh tấn Ba-la-mật, tiếng nhất tâm, tiếng nhất tâm Ba-la-mật, tiếng trí tuệ, tiếng trí tuệ Ba-la-mật, tiếng thần thông, tiếng thần thông Ba-la-mật, tiếng hạnh Bồ-tát. Bồ-tát nghe các thứ tiếng ấy khiến cho đạt đến địa vị Bất thoái chuyển, tiếng Bồ-tát được pháp nhãn Vô sinh, tiếng tất cả các pháp Phật v.v... Như ánh sáng Phật A-di-đà của nước Tu-ma-đề, như Đức Phật Thế Tôn A-sáp và

cùng với sở hữu của nước Hương Vương thượng diệu, như đấng Thiên Trung Thiên Bảo Hương, như đấng Thế Hùng của nước Phật Pháp Diệm Quang, như đấng Thế Tôn Ma Ni Vương, như Nhật Bảo Tạng, mà còn hơn Nhật Bảo Tạng, như Đức Phật Âm Hưởng Vương, như Đức Phật Thiện Giác, như nước Phật Tu Di Kiếp Chánh Giác hưng thịnh an lạc. Đất nước của Thích Sư Tử hưng thịnh an lạc cũng như vậy. Ngài vì thương tất cả nên thị hiện vào Nê-hoàn. Người được biết không nghi ngờ, cõi của Đức Thế Tôn bản cùng. Do thương những người đó nên thị hiện nước diệu lạc như tất cả các Phật Thế Tôn làm Phật sự. Cõi của Đức Thích Sư Tử cũng như vậy, mây lông, sợi tóc không khác, không thêm, không bớt. Lại như tất cả cõi nước chư Phật diệu lạc, nghiêm tịnh, tốt đẹp. Cõi của đấng Thích Sư Tử cũng như vậy, đến mây lông, sợi tóc cũng chẳng sai khác.



Phẩm 8: THIÊN BỒ TÁT

Bấy giờ, Hiền giả A-na-luật khóc lóc thảm thiết, liền nói bài kệ:

*Tựa như trăng tròn giữa hư không
 Như muôn ngàn tia nắng ban mai
 Như lửa ma-ni chiếu soi khắp
 Thế Tôn không còn làm giáo thọ.
 Ai là người cứu khổ thế gian?
 Vô lượng chúng sinh còn sinh tử?
 Tất cả thế giới đều tốt tằm
 Bởi vì Thế Tôn đã Niết-bàn.
 Chúng sinh ở khắp trong ba cõi
 Sở dĩ có an vui, giải thoát
 Đều nhờ Tam bảo: Phật, Pháp,
 Tăng Tử bi thương xót và trưởng dưỡng.
 Thế Tôn là vị thầy thuốc giỏi
 Đưa chúng sinh đến bờ giải thoát
 Cứu vớt tất cả mọi khổ đau
 Đấng Pháp vương nay vào Niết-bàn.
 Khắp cả thế gian đều quay cuồng*

Từ nay vĩnh viễn chẳng thấy Ngài
 Hóa giải tất cả tham, sân, si
 Chúng sinh ba cõi đều quy mạng.
 Bạc Đạo sư đoạn trừ sinh tử
 Sí điều, rỗng thấy đều quy mạng
 Quỷ, Ma-hầu-lặc, A-tu-luân
 Sau Phật diệt độ, rơi tối tăm.
 Không có dâm dục, lìa mạn trá
 Ánh sáng bốn phương đã diệt độ
 Tất cả thế gian sẽ tối tăm
 Phật nhập Nê-hoàn, có sao vậy!

Hiền giả A-na-luật nói kệ này xong, tức thời có các vị ở các cõi trời khác nhau đều đến nơi Phật nhập Niết-bàn. Có người đi một mình, hoặc đi xe voi, đi xe ngựa; người tại các giao lộ, người trong các giảng tòa, người trong các cung điện, người ở trên cửa sổ, người ở trên các nẻo đường, người ở trong nhà, người ở trên vòm bán nguyệt, người ở trên thêm bệ v.v... đều từ chỗ ở của mình đi đến nơi Phật Niết-bàn. Khi đi đến, họ kêu khóc thảm thiết, đến đất sinh sống của các lực sĩ, tới chỗ Đức Phật, cúi đầu đánh lễ dưới chân Đức Phật. Hoặc có vị trời tung lên các hoa Ưu-bát xanh, vàng, trắng, hoặc có vị tung lên đủ loại chiên-đàn, hoặc có vị trời tự lấy mũ báu, bông tai báu, vòng tay báu và áo trời đem tung lên trên Đức Phật, cúng dường Đức Phật. Đến đây, Hiền giả La Vân kêu khóc bi ai, nói kệ:

Công đức thù thắng, tuệ không lường
 Trời người tôn kính bậc Chánh giác
 Trừ mọi nghiệp ác, dứt lo toan
 Đến nơi lực sĩ đang sinh sống.
 Phật là cội phước, người kính ngưỡng
 Phật là y vương trừ các bệnh
 Thân tướng thanh tịnh như hoa sen
 Phật nay an giấc nơi Song thọ.
 Phật như ánh sáng vằng nhật, nguyệt
 Chói chan chiếu sáng khắp muôn nơi
 Là vị Pháp chủ đến Ta-bà
 Độ thoát ức người lìa khổ não.

Phật nhập tịch tịnh, vô vi pháp
 Đến bờ kia, đệ nhất vô tướng
 Xả bỏ tất cả nguyện thế gian
 Pháp vương đã đi vào Nê-hoàn.
 Thế Tôn nhập diệt, đất trời tối
 Đi lại tự tại trong ba cõi
 Phật là Đạo sư độ tử sinh
 Vì thương chúng sinh, hiện Niết-bàn.
 Phát ra tiếng rống sư tử chúa
 Lời Phật ấy sáng như trăng rằm
 Chúng sinh nghe thấy đều vui mừng
 Thương xót chúng sinh, hiện thị tịch.
 Hiền giả La Vân khen mười lực
 Vật vả khóc thương, mắt dầm dụa
 Lăn lóc nơi đất không tự kèm
 Pháp vương thương xót dừng Niết-bàn!

Tôn giả La Vân nói bài kệ này xong. Bấy giờ ở phương Đông, có vô số thế giới chẳng thể nghĩ bàn, chẳng thể xưng tán, không bờ cõi. Hàng Bồ-tát ở các nước chư Phật đều từ giả các Đức Phật nơi bản quốc của mình đi đến chỗ Phật Niết-bàn. Vì muốn thấy Đức Như Lai vào Nê-hoàn và đại hội Bồ-tát, muốn được chiêm ngưỡng Đức Như Lai, cúi đầu đánh lễ cúng dường. Các vị Bồ-tát đến đây đã trải qua vô số vô lượng thế giới, tại các cung trời, tất cả các âm thanh vi diệu không có người tấu mà tự phát. Trời mưa hoa Mạn-đà. Các Thiên tử của những thế giới đó có đức lớn, học Đại thừa, các vua trời, vua rồng, vua quỷ thần A-tu-la, vua Ca-lu-la, vua Chân-đà-la, vua Ma-hầu-lặc v.v... đều theo hầu các vị Bồ-tát đến cúng dường. Các vị Bồ-tát dùng các báu tự trang nghiêm mình đi đến, hoặc mặc quần áo của Thiên tử mà đến, hoặc mặc áo quần của Thiên tử trời thứ sáu mà đến, hoặc mặc áo quần của Thiên tử trời Đâu-thuật mà đến, hoặc mặc áo quần của trời Đế Thích mà đến, hoặc mặc quần áo của Nhật Vương mà đến, hoặc mặc áo quần của Nguyệt Vương mà đến. Có Bồ-tát vào trong điện xá báu ma-ni ngồi kiết già mà đến, hoặc vào trong cung báu ma-ni ngồi kiết già mà đến, hoặc vào trong trướng giao lộ báu ma-ni ngồi mà đến. Lại có Bồ-tát vào trong điện thơm, cung thơm, trướng giao lộ thơm ngồi kiết già mà đến, hoặc vào điện vàng tía, hoặc vào điện tất cả báu, hoặc vào trong

trường giao lộ tất cả báu ngòai kiết già mà đến. Lại có Bồ-tát vào điện chiên-đàn đỏ, vào trong điện xá tất cả chiên-đàn ngòai kiết già mà đến. Lại có Bồ-tát vào điện hoa bảy báu, hoặc vào điện báu ánh sáng mặt trăng sáng hơn ngọc ma-ni nhật nguyệt, hoặc vào điện ngọc báu Như ý, hoặc vào cung ngọc báu Như ý, hoặc vào trong trường giao lộ Như ý ma-ni ngòai kiết già mà đến.

Các vị Bồ-tát dùng ba mươi hai tướng tốt trang nghiêm thân mình, có vô số ánh sáng, ánh sáng rực rỡ chẳng thể nghĩ bàn, vô số ánh sáng rộng lớn. Những ánh sáng ấy diệt trừ tất cả sự khổ đau của con người, khiến cho tất cả được ánh sáng thiện tướng, tiêu trừ tất cả ánh sáng của địa ngục, ngã quý, súc sinh, đem tất cả đến ánh sáng thiện đạo, khiến cho thân họ có tướng phước công đức đoan chánh đặc biệt đẹp đẽ mà người thấy đều vui mừng, yêu mến sắc tướng ấy, không ai ngang bằng được. Sắc tướng ấy được sự nhìn thấy của tất cả mọi người. Các vị Bồ-tát có thứ tiếng Phạm mà âm hưởng dịu dàng làm cho phát sinh âm thanh vui mừng về Đạo, âm thanh tạo sự sợ hãi cho các ma, âm thanh ích lợi cho tất cả mọi người, âm thanh sinh ra các pháp, các phước đức, âm thanh diệt trừ tất cả ác, sinh ra vô lượng pháp minh. Các Bồ-tát Đại sĩ đó mưa xuống những hoa trời báu khắp ba ngàn đại thiên thế giới. Các vị đi đến với Đức Như Lai, hoặc mưa xuống áo trời, hoặc mưa xuống chuỗi ngọc trang sức, hoặc mưa xuống lọng báu, hoặc mưa xuống phướn báu bằng lụa ngũ sắc, hoặc mưa xuống đủ thứ chiên-đàn, hoặc mưa xuống vàng ròng màu vàng tía, hoặc mưa xuống hoa sen, hoặc mưa xuống ngọc Như ý, hoặc mưa xuống những báu sở hữu hơn cả trời khắp cả ba ngàn đại thiên thế giới. Những thứ đó đều rơi xuống chỗ Đức Như Lai. Hoặc có vị Bồ-tát hóa làm ra các lọng báu trang sức như ba ngàn đại thiên thế giới vượt hơn những thứ báu của trời để cúng dường Đức Như Lai. Hoặc có vị Bồ-tát dùng các chuỗi ngọc trang nghiêm như ba ngàn đại thiên thế giới hóa làm cảnh mềm mại của hoa sen. Lưu ly xanh, xà cừ, hổ phách, bảo tạng, cát tường dùng làm xe. Xe ngọc Như ý đều cùng khắp. Ngọc ánh sáng, ngọc ma-ni, vàng ròng v.v... đem tất cả làm đồ trang sức. Hoặc có vị hóa làm một cung điện như ba ngàn đại thiên thế giới. Hoặc có vị hóa làm các trường giao lộ báu hơn cả trời như ba ngàn đại thiên thế giới, rồi dùng ngọc ánh sáng, vàng ròng v.v... tất cả để trang hoàng. Hoặc có vị hóa làm chỗ thanh tịnh như ba ngàn đại thiên thế giới rất lớn, chẳng thể kể, vô lượng vô biên chẳng thể nghĩ bàn, không lường được, không bờ bến. Sở dĩ hóa ra như vậy là để cúng dường Đức Như Lai Vô Sở Trước Đẳng Chánh Giác. Tám phương và trên dưới Bồ-tát đều đến như vậy. Chẳng thể kể,

chẳng thể tính, chẳng thể nghĩ bàn, không thể lường những Bồ-tát đến cúng dường Đức Phật. Những vị Bồ-tát đó đều đồng thời cúi đầu đánh lễ dưới chân Đức Phật, nhiễu quanh Đức Thế Tôn ba vòng. Rồi mỗi vị đều từ cõi nước mình đã đến, có hoa sen hóa làm tòa sư tử, dùng những ngọc báu sáng và vàng ròng trang hoàng những tòa ngồi ấy. Mỗi một vị Bồ-tát đều vì Đức Phật, ở rừng Song thọ, hóa làm tòa sư tử, dùng vô lượng áo thanh tịnh vượt hơn trời trải lên tòa ấy, dùng vô lượng vô số đủ các màu sắc, chẳng thể kể hết, trăm ngàn muôn thứ màu sắc vượt hơn cả những thứ ở trên trời để trang hoàng. Các vị dùng ngọc ánh sáng, vàng ròng, các báu màu vàng tía làm trướng mà trang nghiêm. Dùng hương thơm vượt cả trời mà xông tỏa sự mát mẻ khiến cho tất cả chúng sinh cải ác hướng thiện, tất cả đều hoan hỷ, vui vẻ. Việc làm của một Bồ-tát như thế thì các Bồ-tát khác cũng như vậy. Mỗi mỗi sự hóa hiện của từng vị đều khác nhau. Vì sao? Vì tịch định, không thiên lệch, đối với các pháp không dính mắc. Ví như ngọc Như ý đối với các trần cấu không bị nhiễm ô. Học phương tiện khéo léo, đối với các pháp đã niệm thanh tịnh, được các pháp tôn tuệ. Như thân đã làm thì lời nói cũng như vậy. Là vị đại thí chủ bố thí tất cả mà không trụ ở bất kỳ pháp nào. Các vị Bồ-tát đó đều khen ngợi Đức Như Lai xưa vì cầu đạo mà tu tất cả các hạnh khổ khó làm chẳng thể kể, chẳng thể lường, chẳng thể xưng tán. Nay vì pháp nghĩa mà thị hiện.



Phẩm 9: NHƯ LAI HÓA THUYẾT PHÁP

Bấy giờ, Hiền giả A-nan dùng kệ khen Đức Phật:

*Mắt sáng tỏ như vàng trắng tròn
Thần túc, mười lực, tuệ không lường
Là đáng trời, rồng đều kính ngưỡng
Hôm nay Thế Tôn vào Niết-bàn.
Tất cả trời người đều đến viếng
Thế Tôn dẫm chân xuống mặt đất
Sáu cõi đất trời đều chấn động
Phóng ánh sáng khắp cõi nước Phật.
Đàn, sáo, trống, chuông các nhạc cụ
Chẳng tấu mà tự phát âm thanh*

Sư tử, cọp, nai, trâu hoang dã
Các rồng, voi lớn ở Tuyết sơn.
Rống, kêu, gầm, thét lòng hoan hỷ
Đều có ý lành hướng Thế Tôn
Tiếng ấy vui hơn mọi vật báu
Trăm ngàn muôn ức các loài vật.
Trông thấy ánh sáng đều hớn hở
Được vô lượng vô số an lạc
Muống thú chim chóc đều nhảy nhót
Xoa-la-chiêm nhiều không thể lường.
Ở núi Thiết vi chim anh vũ
Hót mừng vui đến chỗ Thế Tôn
Người vốn đã mất các kho báu
Đều được hoàn lại, đến Thế Tôn.
Người nhiều sân hận khởi lòng lành
Tâm ý thanh tịnh phụng thờ Phật
Trời ở hư không rơi mưa hoa
Hoa sen Văn-la có ngàn cánh.
Các cung, thế nữ và Thiên tử
Đều vì cúng dường Đức Thế Tôn
Sắc tịnh như vậy sẽ biến mất
Tại sao nay Phật lại Nê-hoàn?
Ví như trâu ghé dứt sữa mẹ
Đoạn tuyệt ủng hộ rất thảm thương
Đáng Mười lực vốn không trần cấu
Lìa khỏi tử sinh, độ chúng sinh.
Cõi nước Thế Tôn thường tự tại
Trường thọ đời đời chẳng giảm tăng
Ánh sáng của ai hơn nhật nguyệt?
Sức ai vượt hơn Thiết Vi sơn?
Ai sẽ nhẫn nhục ngang bằng đất?
Thế Tôn dạy người thoát phiền não
Dùng sức tinh tấn và nhất tâm
Trí tuệ sáng suốt độ chúng sinh.
Như con nhiều đời lìa xa mẹ
Tạm thời hội ngộ, lại chia tay
Con buồn nhớ mẹ, bốn phương tìm

Thế Tôn Nê-hoàn, con cũng vậy!
 Ưu sầu buồn khổ, không còn vui
 Thấy Phật kinh hành và thiền định
 Lại thấy giảng đường cùng tinh xá
 Tại sao đoạn dứt đức Cát Tường?
 Giảng khen mười lực cho chúng sinh
 Vô lượng đệ tử dòng họ Thích
 Vật vãi trên đất nằm lẫn lộn
 Lần cuối con thấy ánh trăng lành.

Lúc ấy, Đức Thế Tôn dùng tất cả pháp trì cú để thành tựu các Tam-muội, như: Thiện thuyết Tam-muội, Lôi vũ Tam-muội, Sư tử hường Tam-muội, Quang diệu hường Tam-muội, Uy thần quang minh Tam-muội, Phóng quang minh Tam-muội, Vi diệu cú Tam-muội, Lực Tam-muội, Lực cú Tam-muội, Vô lượng lực Tam-muội, Ý trì chiếu minh Tam-muội, Khởi thế hữu Tam-muội, Cổ hường Tam-muội, Nguyệt Tam-muội, Đại nguyệt Tam-muội, Châu tráp Tam-muội, Nguyệt hường Tam-muội, Thương nguyệt Tam-muội, Tạng Tam-muội, Đế tạng Tam-muội, Lưu ly tạng Tam-muội, Quán thị Tam-muội, Vô lượng quán thị Tam-muội, Biến chiếu nhất thiết thập phương Tam-muội, Trừ nhất thiết nghi quang minh Tam-muội, Chí thành Tam-muội, Đế chí thành Tam-muội, Chí ngữ Tam-muội, Thuyết nhất thiết hạnh Tam-muội. Sở thuyết đế chí thành Tam-muội, Vô lượng Tam-muội, Tịch định Tam-muội, Tịch định cú Tam-muội, Đế tịch định ngữ Tam-muội, Bồ thí Tam-muội, Đế bồ thí Tam-muội, Đại bồ thí sĩ Tam-muội, Quang minh Tam-muội, Thiện quang minh Tam-muội, Đại quang minh Tam-muội, Vô lượng quang minh Tam-muội, Chiếu minh cú Tam-muội, Đoạn nhất thiết nghi quang minh Tam-muội, Thuyết chư thiện bản Tam-muội, Trừ thuyết chư nghi kết Tam-muội, Đế thuyết kiến Tam-muội, Ư thị đoạn nghi Tam-muội, Thiện thí phế giải Tam-muội, Tác chư Phật Tam-muội, Hiện thuyết nhất thiết hạnh Tam-muội, Thiện thuyết nhất thiết hạnh Tam-muội, Thiện thuyết chuyển pháp luân Tam-muội, Thiện khai độ kỳ xứ Tam-muội, Dĩ thị thiện thuyết hiện tại chư Phật tuệ Tam-muội v.v... Đức Phật chánh thọ tại chỗ, từ mỗi một sợi lông của Ngài phát ra chẳng thể kể, chẳng thể bàn, chẳng thể xưng, chẳng thể lường, không có bờ bến muôn ức trăm ngàn ánh sáng. Mỗi một luồng ánh sáng hóa ra vô lượng vô số, chẳng thể nghĩ bàn, vô lượng ao tắm. Mỗi một ao tắm hóa làm ra chẳng thể kể bàn, vô số, vô hạn muôn ức trăm ngàn hoa sen. Trên mỗi một hoa sen hóa ra chẳng thể kể bàn, vô số, vô hạn muôn ức trăm ngàn tòa ngai. Trên tất cả

các tòa ngồi đều có Như Lai ngồi nói pháp. Mỗi một vị hóa Phật, đã mở đường dẫn lối cho con người, khiến họ trụ vào địa vị Bất thoái chuyển, trụ ở pháp Phật. Số người ấy bằng số hóa Phật đã ngồi trên hoa sen, được đạo quả Tu-đà-hoàn, Tư-đà-hàm, A-na-hàm, A-la-hán. Mỗi một vị hóa Phật đều có như số Duyên giác đó và kẻ chẳng thoái chuyển, an lập ở gốc thiện thì số ấy cũng vậy. Người sinh lên cõi trời thì số cũng như vậy, họ chẳng rơi vào các đường khổ. Bờ của các ao tắm đều có bốn cây báu với vô số thân, đốt, cành, lá, hoa, trái. Trên mỗi một thân, đốt, cành lá, hoa, trái hóa ra vô số chẳng thể kể bàn, chẳng thể xưng lường các Đức Như Lai ngồi trên tòa sư tử nói pháp, độ thoát tất cả. Số được độ thoát ấy bằng với số hóa Như Lai ngồi trên cây. Khai hóa độ thoát xong, các vị liền nói kệ:

*Đấng Hộ, Nhân Trung Tôn
Giác ngộ tất cả pháp
Người thấy đều vui mừng
Dứt bỏ mọi nghiệp ác.
Phật đã có thần thông
Đấng Thế Hùng khó gặp
Giống như hoa Ưu-đàm
Sắc ấy rất đẹp ý.
Muốn cúng dường Thế Tôn
Và phụng thờ thân Ta
Kính pháp đó nghe xong
Trong lòng sinh hoan hỷ.
Kia muốn thấy Thế Tôn
Nhân Trung Thượng hiện tại
Ánh sáng thế uy thân
Phải vui tin tốt lành.
Các Đức Phật vị lai
Dùng ánh sáng độ người
Muốn thấy được Thế Tôn
Phải tin là tốt lành.
Muốn cầu pháp Đại thừa
Người đó có lợi lớn
Nghe kinh pháp đó xong
Liền phụng thờ chư Phật.
Mắt ấy được sạch trong
Và các căn tại, mũi*

Thân, miệng, ý các căn
 Vì đoạn, không thọ nhận.
 Tam-muội, giới sạch trong
 Trí tuệ, giải thoát tịnh
 Giải thoát hiện trí sáng
 Thoát hiện là thành thật.
 Tất cả pháp là thông
 Với “ngã” không còn khởi
 Sự biết cũng không diệt
 Chẳng phải lo tiếng vang.

Các vị hóa Như Lai nói kệ này xong, tức thời người nhiều chẳng thể kể an trụ vào Tam Thừa. Vô số dân chúng nơi thế giới đều được nhất tâm. Các địa ngục của vô số nước Phật đều diệt hết. Các súc sinh đều thoát khỏi khổ sở. Ngã quý đều được yên ổn. Bấy giờ, Đức Phật vào vô lượng Tam-muội chánh thọ. Đức Như Lai trụ ở Tam-muội đó thì tùy theo sự mong muốn của tất cả mọi người, như muốn được báu thì được như ý, muốn thấy báu của nước Phật thì đều hiện ở trước mặt, muốn thấy các Phật nhận trang sức bằng báu thì tùy theo ý thích, ý muốn thấy sắc thì thấy các quận, nước, huyện, ấp và dân chúng trong nước tức là nhìn thấy đúng như ý muốn có đầy các nước Phật. Trọn đời muốn thấy chuỗi ngọc trang sức của đàn ông, đàn bà, con trai, con gái, thì đúng như ý. Cũng lại muốn thấy trang phục, ăn uống, nhà cửa của trời, rồng, quỷ, thần, Kiền-đạp-hòa, A-tu-luân, Ca-lưu-la, Chân-đà-la, Ma-hầu-lặc v.v... sở thích như ý muốn đều thấy, đều được. Phật bảo Tôn giả A-nan:

– Có Tam-muội tên là Tuệ hạnh. Các Đức Phật Thế Tôn trụ ở Tam-muội đó thì theo sự ước muốn của người được Tam-muội, liền thấy nguyện của tất cả mọi người như ý.

Này A-nan! Các Đức Phật Thế Tôn có Tam-muội tên là Vô lượng quá độ. Uy thần cát tường tùy theo sự mong muốn của con người, được vạn vật thì liền ở trước mặt như ý muốn. Được vạn vật rồi cúng dường Như Lai.

Này A-nan! Các Đức Phật Thế Tôn có Tam-muội tên là Nhãn. Khi trụ ở Tam-muội đó thì khiến cho tất cả mọi người chẳng tập theo dục lạc nữa, ưa muốn đạo đức, đối với dâm dục, bất tịnh tưởng, chẳng chứa nhóm nữa, ở trong mơ cũng chẳng ưa.

Này A-nan! Các Đức Phật Thế Tôn có Tam-muội tên là Tàm quý. Khi trụ ở Tam-muội đó thì khiến cho dân chúng trong các nước Phật đều

có lòng xấu hổ, không có ý sân giận, loạn động.

Này A-nan! Các Đức Phật Thế Tôn có Tam-muội tên là Mục chủ. Trụ ở Tam-muội này thì người mù được thấy.

Này A-nan! Các Đức Phật Thế Tôn có Tam-muội tên là Vô ưu chủ. Khi trụ ở Tam-muội đó, nếu vào thành thì khiến tất cả mọi người không lo buồn nữa.

Này A-nan! Các Đức Phật Thế Tôn có Tam-muội tên là Thần thông chủ. Trụ ở Tam-muội đó thì khiến cho kẻ không thần thông bay đi trên hư không. Thần túc có thể cao bảy cây Đa-la.

Này A-nan! Các Đức Phật Thế Tôn có Tam-muội tên là Thế quang diệu. Khi trụ ở Tam-muội đó thì người mù được thấy Đức Thế Tôn.

Này A-nan! Các Đức Phật Thế Tôn có Tam-muội tên là Thọ thanh tịnh. Khi trụ ở Tam-muội đó thì chân đạp ngạch cửa khiến cho trời, rồng, quỷ, thần, vua Kiền đà la, vua A-tu-luân, vua Ca-lưu-la, vua Chân-đà-la, vua Ma-hầu-lặc, Đế thích, Phạm vương v.v... ở đó cúi đầu lễ Phật.

Này A-nan! Các Đức Phật Thế Tôn có Tam-muội tên là Quá sư tử ảnh. Khi trụ ở Tam-muội đó thì các ngoại đạo vừa thấy uy thần của Như Lai đều hàng phục tự quy y.

Này A-nan! Các Đức Phật Thế Tôn có Tam-muội tên là Kim cương quang minh. Khi trụ ở Tam-muội đó, chân dẫm xuống đất thì những núi Thiết-vi, Đại-thiết-vi, núi Tu-di và núi Đen, các ngòi, rãnh, khe, hang, núi, rừng và đất của ba ngàn đại thiên thế giới đều ngay thẳng. Cái cao thì thấp xuống, gò đống thì bằng phẳng. Đất ấy mịn màng ví như áo đẹp.

Này A-nan! Các Đức Phật Thế Tôn có Tam-muội tên là Phục chư ma lực. Khi trụ ở Tam-muội đó thì khiến cho các ma sợ sệt kinh hãi chẳng yên. Tất cả đều chẳng ưa cung điện nhà cửa của mình, sợ hãi chẳng ở. Chúng đi đến gặp Đức Phật để quy mạng Đức Như Lai, cúi đầu dưới chân Phật.

Này A-nan! Các Đức Phật Thế Tôn có Tam-muội tên là Vô khủng cụ. Khi trụ ở Tam-muội này thì khiến cho tất cả mọi người không có ý tổn thương độc hại. Họ đối xử với nhau không sợ sệt cũng không kiêu mạn.

Này A-nan! Các Đức Phật Thế Tôn có Tam-muội tên là Diệu cú. Khi trụ ở Tam-muội đó thì khiến cho con người trong các thế giới, kẻ không có đồ ăn được các vị ngon đủ thứ nhiều vô số.

Này A-nan! Các Đức Phật Thế Tôn có Tam-muội tên là Nhan sắc. Khi trụ ở Tam-muội đó thì khiến cho tất cả mọi người được sắc thân tốt

đẹp, chẳng bị các bệnh tật.

Này A-nan! Các Đức Phật Thế Tôn có Tam-muội tên là Vị tha nên khiến cho kẻ không có áo được áo tự nhiên. Khi trụ ở Tam-muội đó thì người bị giam cầm trong ngục đều được giải thoát, những người bị ách nạn khiến cho khỏi nạn khổ, được nhiều an vui, người tham tiếc ưa bỏ thí, kẻ giới ác trụ ở tịnh giới, người sân giận an lập hạnh nhẫn nhục, kẻ biếng nhác khiến được tinh tấn, đoạn dứt những pháp bất thiện, tích tập thêm pháp thiện, người ý loạn khiến cho được nhất tâm, kẻ trí ác khiến cho được trí tuệ thanh tịnh.

Này A-nan! Các Đức Phật Thế Tôn có Tam-muội tên là Thuyết vô ý hành thiện thuyết cú. Khi trụ ở Tam-muội đó thì khiến những người ưu sầu đều vui mừng hơn hờ.

Này A-nan! Các Đức Phật Thế Tôn có Tam-muội tên là Nhị quang. Khi trụ Tam-muội đó thì đối với các pháp quá khứ, vị lai và hiện nay không có ngăn ngại, không có sự chằng bình đẳng thị hiện trí tuệ.

Này A-nan! Các Đức Phật Thế Tôn có Tam-muội tên là Đối với các pháp không dua nịnh liền bỏ đi. Khi trụ ở Tam-muội đó thì khiến cho các vị Bồ-tát đại sĩ đạt được pháp nhẫn Vô sinh.

Đức Phật giảng nói như vậy rồi, Hiền giả A-nan, các vị đệ tử lớn, các hội Bồ-tát ở mười phương, những trời, rồng, thần, dân chúng ở thế gian làm lễ Đức Phật mà đi ra.



SỐ 379

KINH TỨ ĐỒNG TỬ TAM MUỘI

*Hán dịch: Đời Tùy, Tam tạng Xà Na Quật Đa,
người nước Kiền Đà La, Bắc Ấn Độ.*

QUYỀN THƯỢNG

Tôi nghe như vậy:

Một thuở nọ, Đức Thế Tôn an tọa giữa Song thọ, rừng Ta-la thuộc vùng đất Lực sĩ nước Câu-thi-la.

Khi ấy, Như Lai tư duy: “Nay đã đến lúc nhập Niết-bàn, Ta nên nhập diệt”. Ngay đêm hôm ấy, Trưởng lão A-nan nằm mộng dữ, vô cùng kinh hãi, buồn bã chạy đến chỗ Phật, chấp tay cung kính với vẻ sầu thảm nhìn chăm chăm Đức Thế Tôn. Phật dạy Trưởng lão A-nan Cù-đàm-di-tử:

– Vì sao ông nhìn Ta chăm chăm thế? A-nan thưa:

– Bạch Thế Tôn! Tôi qua bỗng dưng con có mộng dữ, khiến con vô cùng sợ hãi đến nỗi rụng tóc gáy vì biết chắc đó là điềm báo trước Như Lai nhập Niết-bàn.

Bạch Thế Tôn! Sau khi thấy mộng không tốt lành ấy, tâm con điên đảo rất sâu khổ, sợ Thế Tôn mau nhập Niết-bàn.

Phật dạy A-nan Cù-đàm-di-tử:

– Ông thấy mộng như thế nào mà biết đó là điềm báo trước Như Lai nhập Niết-bàn, lại sợ hãi đến nỗi như vậy?

Như Lai hỏi A-nan bằng kệ:

*Ông thấy mộng ra sao
Giữa rừng cây Ta-la
Nói tương sắp Niết-bàn
Hãy nói cho Ta biết?*

A-nan cũng dùng kệ thưa:

*Giác mộng thấy tôi qua
Sợ đến rụng tóc gáy*

Lòng kinh hãi bàng hoàng
Xin Thế Tôn nghe cho.
Bỗng nhiên giữa thế giới
Hiện ra cây cao lớn
Tươi tốt rất thích nhìn
Có rất nhiều hoa quả.
Che khắp cõi chúng sinh
Bóng cây rất mát mẽ
Nếu ngồi dưới gốc cây
Thích thú không còn lo.
Nhìn cây mắt sáng suốt
Nghe tiếng tai thanh tịnh
Đạt được nhiều công đức
Cây cao đặng Hữu Đảnh.
Cây phát tiếng vi diệu
Nói đủ các pháp tướng
Đầy đủ nghĩa vi diệu
Làm an lạc chúng sinh.
Cây phát ra ánh sáng
Như Hằng hà sa số
Tràn đầy lợi như thể
Chiếu sáng khắp mọi nơi.
Mọi người khắp mười phương
Vô lượng khó nghĩ bàn
Ai bắt gặp ánh sáng
Chắc chắn được lợi ích.
Cây ấy tỏa hương thơm
Xông ướp mười phương cõi
Nếu ngửi hương thơm ấy
Không đọa các đường ác.
Cũng không đọa địa ngục
Lại không đọa súc sinh
Ngạ quỷ, A-tu-la
Đều đi vào cõi lành.
Cây tốt tươi như thể
Làm an lạc chúng sinh
Bị ngã đất lực sĩ

Nằm giữa chốn Song thọ.
 Khi ấy hàng ngàn người
 Nhiều không thể nghĩ bàn
 Thấy cây ấy bị ngã
 Buồn thảm kêu khóc lóc.
 Bỗng nhiên không nghe tiếng
 Và mùi thơm cây ấy
 Không ai đứng dậy nổi
 Con cũng ngã bất tỉnh.
 Tôi qua con thấy thế
 Vô lượng tướng đáng sợ
 Con thấy việc như vậy
 Xin Phật dạy cho con.

Khi ấy, các trời ở cõi Tịnh Cư Đại Phạm Thiên vương, chủ cõi Ta-bà, Thương chủ Ma Vương Tử, Thiên chủ Kiều-thi-ca, Tứ Thiên vương cùng các quyền thuộc ở trụ xứ nghe đồn tướng báo trước Niết-bàn của Như Lai Thế Tôn, tất cả hơn tám mươi na-do-tha quyền thuộc trời chen chúc đua nhau đến chỗ Phật, đánh lễ sát chân, cùng nhau kêu gào khóc lóc thảm thiết và dùng kệ nói với A-nan:

Ôi! Đau đớn quá thay!
 A-nan, ông đã biết
 Như Lai sắp nhập diệt
 Giữa Ta-la song thọ.
 Làm đèn cho người tối
 Chỗ trú người không nhà
 Muốn nhập vào tịch tĩnh
 Vô dư Đại Niết-bàn.

Thế rồi, Đức Thế Tôn dùng kệ nói với Tuệ mạng A-nan và các chúng trời:

Con ơi! Chớ buồn khổ
 Đúng như điều đã thấy
 Đêm nay Ta nhập diệt
 Dưới rừng cây Song thọ.
 Cây Song thọ to lớn
 Thân cành không nghĩ bàn
 Đủ ánh sáng, hương thơm

Bị ngã giữa Song thọ.
 Phật cũng như cây ấy
 Nay muốn đến chỗ đó
 Nhập Niết-bàn vô dư
 Như nước hết lửa lớn.
 Xá-lợi, Mục-kiền-liên
 Thần thông, trí đệ nhất
 Hai vị đã diệt độ
 Nay ông sao không biết.
 Các hành đều như vậy
 Pháp vô thường sinh diệt
 Phật biết tướng như vậy
 Rồi nói cho người khác.
 A-nan, ông nên báo
 Hàng Thanh văn của
 Ta Thượng tọa Ni-lâu-đa
 Vị thiên nhãn đệ nhất.
 Thượng tọa Ca-chiên-diên
 Thượng tọa Câu-hi-la
 Phú-lâu, Tu-bồ-đề
 Nan-kỳ và Ngưu-úc.
 Du Da Mạc Đà Vương
 Đắp mặc y phẩn tảo Nan-đà,
 La-hầu-la Và các Thanh văn khác.
 Hữu học và vô học
 Cùng các phàm phu khác
 Mau nói cho họ biết
 Không lâu Ta nhập diệt.
 Để sau khi Niết-bàn
 Khởi sinh lòng khổ não
 Hữu học và phàm phu
 Không thấy càng đau khổ.
 Ta an ủi khuyên họ
 Hiểu rõ chân pháp tướng
 Các hành đều như mộng
 Vô thường ông chớ buồn!

Đức Như Lai nói kệ xong, Tuệ mạng A-nan dùng kệ thưa Thế Tôn:

Bạch Phật! Con choáng váng
 Toàn thân đều run rẩy
 Nghe Phật sắp diệt độ
 Con buồn khổ vô cùng.
 Thân thể đều bất an
 Lòng càng thêm đau buồn
 Ly dục cũng như vậy
 Vì sao Phật ra đi.
 Báo Thượng tọa thế nào
 Vị Thiên nhân đệ nhất
 Đấng Đại Bi hôm nay
 Thấy rồi không thấy nữa.
 Nay con thấy buồn khổ
 Khổ ấy nói thế nào
 Làm sao Thượng tọa nghe
 Khổ nào điều rất sợ.
 Người học làm sao trụ
 Và các phàm phu khác
 Đau buồn như trúng tên
 Xin Phật trụ một kiếp.
 Làm sao giữa bốn chúng
 Nói Thế Tôn diệt độ
 Xin Thế Tôn nói cho
 Xin Phật trụ một kiếp.
 Ngọn lửa lớn tắt mau
 Cả thế gian chìm đắm
 Thế gian rất tối tăm
 Thế gian luôn mờ ám.
 Con không thể nói được
 Việc rất khổ thế gian
 Thế Tôn còn trụ thế
 Không ai bị đau khổ.

Phật dạy A-nan Cù-đàm-di-tử:

– Ông chớ sầu khổ, tánh tướng của các hành đều vô thường. Khi ấy, Đức Thế Tôn liền nói kệ:

Này A-nan, các trời

*Nghe Phật sắp Niết-bàn
 Đều bỏ cung điện trời
 Rất âu sầu khổ não.
 Ông thị giả chánh nghiệp
 Hãy nói các Tỳ-kheo
 Để khi Ta Niết-bàn
 Đau buồn không thấy Ta.*

Tuệ mạng A-ni-lâu-đà đang nói pháp cho cõi trời Ba Mươi Ba trên đỉnh núi Tu-di. Lúc ấy, A-ni-lâu-đà dùng thiên nhãn thanh tịnh siêu nhân quán sát, thấy các chúng trời đại oai đức từ bỏ cung điện, lại nghe các trời khóc sâu thẳm, đau buồn khóc lóc. Thấy vậy, đồ chúng quyến thuộc đều chạy tán loạn. Lúc này, A-ni-lâu-đà chánh niệm với thiên nhãn sáng suốt thâm sâu quán sát lần nữa, lại thấy các chúng trời và quyến thuộc xả bỏ dục lạc, âu sầu khổ não, vội vàng kéo nhau đi.

ni-lâu-đà lại quán thấy núi chúa Tu-di và các ngọn núi cao trăm do-tuần, hai trăm do-tuần, ba trăm do-tuần, bốn trăm do-tuần đều sụp lở đổ xuống. Có ngọn năm trăm do-tuần, hoặc có vô lượng ngọn núi Tu-di sụp đổ rớt xuống biển lớn, nhưng chúng sinh ở đó không bị suy hại, không bị tổn thương. Với một chúng sinh còn không bị suy hại huống nữa có nhiều chúng sinh. Cũng không có một chúng sinh nào bị tổn thương huống nữa có nhiều chúng sinh. Tất cả các loài nưong trú trong núi chúa Tu-di: Trời, Rồng, Dạ-xoa, Càn-thát-bà, A-tu-la, Khẩn-na-la, Ma-hầu-la-già, nghe Như Lai sắp nhập Niết-bàn đều lo buồn khổ não, đồng thời vội vàng đi nhanh đến thành Câu-thi-na. Trong lúc đi nhanh thì núi Tu-di tự nhiên sụp đổ, làm chấn động vang ra tiếng như vậy:

– Thích Ca Như Lai Thắng Vương dòng họ Thích đã khổ hạnh, trải qua a-tăng-kỳ kiếp tu các căn lành. Nay ở giữa hai cây Ta-la của vùng đất Lực sĩ sắp nhập Vô dư Tịch diệt Niết-bàn, các trời người sẽ tối tăm.

Thế rồi, ai nấy đều vội vàng đi thật nhanh. Núi đại Tu-di và biển cả đều chấn động. Do đó, các ngọn núi và các hang núi lớn của núi chúa Tu-di đều sụp đổ rớt xuống biển lớn. Đang đứng trên đỉnh núi Tu-di, A-ni-lâu-đà nói lớn bài kệ:

*Chủ buôn lớn thế gian
 Ruộng phước lớn chúng sinh
 Dem an lạc thế gian
 Vị ấy nay Niết-bàn.*

Xưa kia đã tạo công đức lớn
 Là Đại Y vương trị các bệnh
 Vứt bỏ không ngại không vương mắc
 Vị ấy nay sắp nhập Niết-bàn.
 Thấy chúng sinh có nhiều ái dục
 Luân hồi vô minh sinh già chết
 Ở trong lao ngục, chấp điên đảo
 Dem lòng từ bi mà nói pháp.
 Quân ma bị động sân giận đến
 Hung dữ dùng đao nhọn muốn hại
 Hoặc cầm đá lớn đến sườn núi
 Hiện ra đủ thứ việc sợ hãi.
 Thấy những việc đáng sợ như vậy
 Không hề rung động một mảy lông
 Bạc tôn quý phá quân ma ấy
 Nay giữa Song thọ sắp nhập diệt.
 Tay phải duỗi ra chỉ xuống đất
 Động vang cả rừng núi xóm làng
 Vị Tỳ Tại Đại Pháp Vương ấy
 Nay giữa Song thọ sắp Niết-bàn.
 Như đánh đại địa phát tiếng lớn
 Nghe khắp mười phương không nghĩ bàn
 Bạc Đại Trí ấy rất siêu nhân
 Nay sắp Niết-bàn giữa Song thọ.
 Quân ma lúc trước rất đáng sợ
 Đã đạt được nơi bình an vô sự
 Bạc đại tiên giảng cho chúng sinh
 Chuyển đại pháp luân nói bốn đế.
 Hiện các thần thông không ai bì
 Đặt hết thế giới đầu sợi lông
 Chúng sinh không biết cũng không hiểu
 Thế Tôn nay sắp nhập Niết-bàn.
 Hiện đã đến vùng đất Lục sĩ
 Giữa cây Song thọ rừng Ta-la
 Nhập đại tịch tịnh trong Tam-muội
 Sắp vào Niết-bàn nước lửa tận.

Nói kệ xong, Tôn giả A-ni-lâu-đà nhờ thần lực của Phật nên trong cõi

Diêm-phù-đề hết thấy Tỳ-kheo, Tỳ-kheo-ni, Ưu-bà-tắc, Ưu-bà-di chỉ trừ Thượng tọa Ca-diếp và các vị đệ tử đồ chúng quyền thuộc, hơn hai trăm bốn mươi chúng Tỳ-kheo, ngoài ra có bốn bộ chúng cùng đến giữa rừng Ta-la Song thọ, tụ tập lay sát chân Thế Tôn và nghĩ như vậy: “Hôm nay chúng ta được chiêm ngưỡng Thế Tôn lần cuối cùng”. Khi A-ni-lâu-đa nói kệ xong, tức thời các trời người có đại oai đức và các Thiên tử, Thiên nữ ở các cõi trời, các loài rồng, nam nữ Dạ-xoa, nam nữ Tỳ-xá-giá v.v... tất cả trời, người, A-tu-la, Ca-lâu-la, Khẩn-na-la-già, loài người và phi nhân từ các tinh tú đến. Hết thấy đại chúng đều kêu gào máu rẩy đầy đất, nước mắt đầm đìa, tâm mê muội gào khóc thảm thiết động cả trời đất, sầu khổ như trúng mũi tên độc, không nơi nương tựa, kêu van thảm thiết, các căn đờ đẫn, quần quai trên đất, toàn thân run rẩy, tay chân rã rời rất khổ não. Trong đó có người nhìn nhau mà khóc; có người tự đánh vào đánh đầu, vả vào mặt mà kêu khóc; có người trợn mắt, khụy gối mà kêu khóc; có người đâm vào đầu, làm rách cả mặt mày mà kêu khóc; có người chà hai bắp đùi như chân cẳng bị đốt mà kêu khóc; có người xướng lên “Phật-đà ơi! Phật-đà ơi!” mà gào khóc, có người lau mắt hoặc đánh vào mặt mà kêu khóc đau đớn như trúng tên, khóc lóc nghẹn ngào, đau buồn áo não không thể kiềm chế được. Vô lượng ngàn ức chúng sinh khóc như mưa than thở sụt sùi, ngất xỉu rồi tỉnh lại. Có người chấp tay mà nước mắt nước mũi giàn giụa; có người lấy tay phải cào đầu, rồi đập đầu xuống đất mà khóc; có người dùng tay trái vỗ đầu buồn bã lo lắng như bị lửa đốt mà than khóc; có người thân thể tiêu tụy, quần quai đau khổ mà khóc lóc; có người hủy bỏ đôi tay mặt mày không còn bản sắc, nghẹn ngào mê muội mà kêu khóc.

Khi ấy, các Trời, Rồng, Dạ-xoa, Càn-thát-bà, A-tu-la, Ca-lâu-la, Khẩn-na-la, Ma-hầu-la-già và các quyền thuộc kéo đến chỗ Phật. Ở trước Phật tất cả đều đập đầu xuống đất giống như cây bị đổ. Có người lay sát chân Phật, có người kêu la lớn; có người khóc la quần quai trên đất; có người ở trước Phật giơ hai tay quơ quào chụp níu tay Ngài kêu gào khóc lóc: Ôi Phật-đà! Ôi bậc tôn quý! Ôi bậc đại từ bi! Ôi nhà lớn! Ôi chỗ quay về! Hãy thương xót cứu vớt chúng con. Phật là mắt trong ba cõi chỉ đường cho người lạc lối, tất cả thế gian sẽ thành đồng trống, tất cả chúng sinh sẽ không có mắt nữa, ngọn đuốc sáng suốt đại trí nay tắt vĩnh viễn. Rồi cùng nhau nắm kéo Đức Phật giống như đám tang của cha mẹ, dòng họ, anh em, chị em, con cái của mình, kêu khóc buồn tủi kêu la đủ kiểu. Có người nói: Ôi! Đức Thế Tôn của con. Ôi! Vị thiện tri thức của chúng con. Ôi! Lời nói dịu dàng vi diệu. Ôi! Bước đi như sư tử chúa. Ôi! Bước đi như trâu chúa.

Ôi! Bước đi như voi chúa. Ôi! Vị giảng nói pháp vương cam lồ. Vô lượng lời đau thương thảm thiết gào khóc như vậy, hoặc có người từ hư không rơi xuống đất, khóc lóc, quần quai bất tỉnh.

Bấy giờ, A-nan bất tỉnh, té xuống đất giống như cây bị chặt, chốc lát tỉnh lại. Tay chống đất, ở trước Phật, A-nan chiêm ngưỡng Đức Thế Tôn đến nỗi không hề chớp mắt và nói kệ:

*Con sống thêm khổ não
 Vì thấy các chúng sinh
 Bị khổ như trúng tên
 Buồn đau khóc nước nỡ.
 Giống như đường tối tăm
 Người buồn sợ giặc cướp
 Bỗng thấy ánh sáng lớn
 Chiếu sáng trước mọi người.
 Kẻ ấy càng sợ hãi
 Không sao đuổi chạy được
 Gặp chỗ không nương tựa
 Nhờ thấy đống lửa sáng.
 Đức Thế Tôn diệt độ
 Ai nấy đều buồn khổ
 Người không ai cứu độ
 Lại khổ như trúng tên.
 Thế Tôn không trụ thế
 Mà còn lại Niết-bàn
 Bạc Tội thắng diệt độ
 Làm sao con nỡ nhìn.
 Như ngọn đuốc chiếu sáng
 Cúi hết lửa tắt tàn
 Ngã vào vùng Lực sĩ
 Làm sao con nỡ nhìn.
 Nay sẽ không còn thấy
 Ở trong rừng Trúc lâm
 Và vườn của Kỳ-đà
 Như thường khi thuyết pháp.
 Làm sao vào Tỳ-da
 Thành Tội thắng Ly-xa
 Nói với các Ly-xa:*

– Bạc Tỏi thắng diệt độ.
Làm sao vào Ca-tỳ
Thành Tỏi thắng họ
Thích Nói lời không vui này
Bạc Tỏi thắng diệt độ.
Làm sao đến Xà-thế
Vua nước Ma-dà-đà
Làm sao nói lời này
Như Lai nhập Niết-bàn.
Hơn hàng ngàn chúng sinh
Luôn u buồn khóc lóc
Làm sao an ủi họ
Thích Sư tử diệt độ.
Tỳ-kheo, Tỳ-kheo-ni
Và chúng hàng tại gia
Nói họ như thế nào
Thích Vương ông diệt độ.
Hoặc ở nơi kinh hành
Hay nhập đại thiền định
Khi trời rồng hỏi thăm
Nói thế nào không sợ.
A-nan, Phật ở đâu?
Bạc ruộng phước tối thắng
Các Thượng tọa hỏi vậy
Con trả lời thế nào.
Đại pháp tòa sư tử
Con sẽ trái cho ai
Giường nằm đại sư tử
Con sẽ trái cho ai.
Giữa chúng không sợ hãi
Như Đại Sư tử hồng
Đứng bên ai để nghe
Pháp thâm sâu tuyệt diệu.
Lấy nước rửa chân ai
Cầm ca-sa cho ai.
Bạc Tỏi thắng diệt độ
Con bám níu ai đây.

*Đứng trước cả đại chúng
 Ai khen con cần cù
 Ai sẽ khen ngợi con
 Đa văn biện đại trí.
 Trí tuệ đại biện tài
 Vô số chúng vui mừng
 Còn ai nói con nghe
 Lời thanh cao dịu dàng.
 Con nghe luôn giữ gìn
 Than thở như vậy xong
 Ngã xuống đất bất tỉnh
 Ở sát chân Đức Phật.*

Khi đó, Đức Thế Tôn dạy A-nan:

– Này Cù-đàm-di-tử! Ông chớ quá sầu khổ như vậy, đừng mê muội quá. Trước kia Ta đã từng nói như vậy: “Tất cả ân ái đều sẽ biệt ly, tất cả hành đều vô thường, như mộng như huyễn, như bóng nắng, như bọt nước, như bọt tụ, như sương mai, hư vọng không thật. Các hành cũng thế”. Ông đã biết rồi chứ.

Này Cù-đàm-di-tử! Ông hãy đứng dậy, mau đi đến giữa cây Song thọ sắp xếp giường tòa cho Như Lai. Đầu hướng phương Đông, gối đầu cao như đầu con trâu. Mặt xoay đúng phương Bắc tay phải kê má, chân duỗi phương Nam. Vào cuối đêm nay Như Lai Thế Tôn sẽ nhập Niết-bàn, diệt trừ không còn thân hữu vi, đó là Niết-bàn.

Bấy giờ, A-nan khóc nức nở, đau buồn nước mắt giàn giụa rồi vâng lệnh Đức Thế Tôn trải tòa sư tử ở giữa cây Song thọ nơi rừng Ta-la. Sắp xếp xong, A-nan nói kệ:

*Đây là lần cuối cùng
 Trải tòa đại sư tử
 Sau này không còn trải
 Tòa cho bậc Tối thắng.
 Làm sao con nỡ nhìn
 Giữa rừng Song thọ vắng
 Bậc Tối thắng diệt độ
 Không thấy Thế Tôn nữa.
 Các vị thần giữ rừng
 Mãi không còn giữ nữa*

*Không còn thấy Như Lai
 Làm sao sống an lạc.
 Ôi các hành vô thường
 Như huyễn, mộng, bọt, bóng
 Đáng trọng phu đạo sư
 Nay sẽ vào diệt độ.*

Bấy giờ, Tôn giả A-ni-lâu-đà dùng kệ nói với A-nan:

*Như Lai xưa đã dạy
 Các hành đều vô thường
 Nhân duyên không tự lại
 Ông giữ tâm chớ buồn.
 Có gì ông ưu bi
 Có gì ông khóc lóc
 Việc vô thường đã thế
 Người trí không mê muội.*

Sau khi A-ni-lâu-đà nói kệ xong, A-nan dùng kệ trả lời:

*Ni-lâu-đà vô úy
 Xin đừng nói như vậy
 Nhìn Tối thắng diệt độ
 Chả lẽ không buồn sao?*

Tôn giả A-ni-lâu-đà nói:

*Tôi đâu phải không khóc
 Vì tôi cố đè nén
 Thấy muôn loài chúng sinh
 Bị ái dục hành hạ.
 Thiên nhãn tôi lại thấy
 Các chúng sinh khổ não
 Vì xót thương bọn họ
 Cho nên phải khóc lóc.
 Làm lợi ích thế gian
 Thì không nên áo não
 Nên tôi nói các ông
 Chớ buồn, phải niệm pháp.*

Khi ấy, Thế Tôn đứng dậy, tắt cả Trời, Rồng, Dạ-xoa, Càn-thát-bà, Khẩn-na-la, Ma-hầu-la-già, A-tu-la, Ca-lâu-la v.v... trăm ngàn ức chúng vây quanh Đức Thế Tôn để đi đến rừng Ta-la. Đến nơi, Như Lai nằm

ngiêng hông phải trên giường sư tử. Sau khi Đức Thế Tôn nằm trên giường sư tử, tức thì từ hư không trời mưa hoa với hương bột trời, tấu trăm ngàn điệu nhạc trời, lại mang đến thế gian đủ loại hương hoa, hương bột, hương xoa, đủ thứ âm thanh cúng dường Đức Thế Tôn để trồng các nghiệp lành. Cả thầy đều xướng lên:

– Đây là Đức Thế Tôn, Như Lai Ứng Cúng Chánh Đẳng Giác nằm lần cuối cùng và cũng là lần cuối cùng chúng ta nhìn Đức Thế Tôn.

Khi ấy trong khoảng sát-na, ở phương Đông có một thế giới tên Bảo Minh Chủ cách cõi Phật này mười ngàn câu chi, có Phật hiệu là Sư Tử Minh Thành, Như Lai, Ứng Cúng Chánh Đẳng Giác. Trong thế giới ấy có vị Bồ-tát tên Thiện Tư Nghĩa, sẽ đến thác sinh trong cung nội vua A-xà-thế con bà Vi-đề-hy, thành Vương-xá thuộc nước Ma-kiệt-đà. Vừa mới sinh ra, Bồ-tát Thiện Tư Nghĩa ngồi kiết già nói kệ:

*Ta từ cõi Như Lai
Sư Tử Hống đến đây
Nghe nói có Thế Tôn
Thích Sư Tử tạ thế.*

Tức thì, trong không trung có vị trời dùng kệ đáp lại Bồ-tát Thiện Tư Nghĩa:

*Hôm nay đức Nhân Vương
Thế Tôn Thích Sư Tử
Ở rừng cây Ta-la
Sắp nhập vào Niết-bàn.*

Vị trời vừa nói xong, Đại Bồ-tát Thiện Tư Nghĩa dùng kệ nói:

*Cõi Phật khó tính được
Nhiều trăm ngàn câu chi
Tôi từ cõi ấy đến
Nghe pháp Thích Sư Tử.
Gặp Ngài sắp diệt độ
Đang ở giữa Song thọ
Tôi chắc chắn phải đi
Đến quốc độ Phật đó.
Nay đã đến đây rồi
Phật đó sắp nhập diệt
Các trời và thế gian
Đều buồn hướng gị ta.*

Không ở đây một niệm
Nên mau gặp Thế Tôn
Đừng để đến uổng công
Mà không được gặp Phật.
Thiện Tư Nghĩ khuyên bảo
Vua nước Ma-già-đà
Bằng lời nói dịu dàng
Để tâm vua vui vẻ.
Đại vương nghe lời tôi
Đại nhân hiện thế gian
Tâm vua chớ phóng túng
Mau đến chỗ Đức Phật.
Trong trăm ngàn ức kiếp
Mới gặp được một lần
Nay đã gặp Phật rồi
Người trí chớ bỏ qua.
Xin vua đừng nghi ngờ
Cho tôi là con nít
Tôi chẳng phải trẻ ngu
Chính vua mới con nít.
Tham dục lạc ở đời
Giết cha tạo tội nghịch
Đó là con nít ngu
Sẽ đọa vào đường ác.
Vua gằn tri thức ác
Điều-đạt quấy loạn người
Đi theo kẻ ác ấy
Nên giết cha vô tội.
Vua như pháp vô song
Chính là hàng Phật tử
Nhưng vì tâm hữu ngã
Không trí nên nổi nghịch.
Nghịch như vậy rất ác
Lo sợ chớ coi thường
Do đó vua chắc chắn
Đọa ngục đại A-tỳ.
Bây giờ Phật đang còn

Chưa nhập vào Niết-bàn
 Hãy phát tâm cúng dường
 Xương cốt Xá-lợi Phật.
 Xin vua cúng hoan hỷ
 Tôi sẽ đến bên Phật
 Sinh vào trong cõi này
 Không thọ hưởng các dục.
 Vì tôi nghe cõi xưa
 Sư tử Minh Như Lai
 Khen ngợi Đại Tiên này
 Như Sư Tử diệt độ.
 Vì muốn được diện kiến
 Nên sinh vào cõi này
 Các dòng họ Sát-lợi
 Đều đồng đến chỗ Phật.

Bấy giờ, vua A-xà-thế dùng kệ nói với đồng tử:

Vùng đất Lực sĩ cách đây xa
 Không thể vội vàng, cần chuẩn bị
 Nay đồng tử! Đợi tối đêm nay
 Sáng mai xuất binh đi an lạc.

Đồng tử Thiện tư Nghĩa trả lời vua A-xà-thế:

Đại vương chớ có sinh mệt mỏi
 Sức thần thông tôi không nghĩ bàn
 Nay tôi sắp đi về phương Đông
 Vô lượng cõi Phật không hạn ngại.
 Từ cõi Phật đó, tôi đến đây
 Vượt qua vô lượng không bờ bến
 Khoảng ấy cõi Phật như hằng sa
 Vùng đất Lực sĩ nào có xa.

Nói kệ xong, đồng tử từ từ trong lòng A-xà-thế đi bộ ra khỏi thành Vương-xá một cách an tường, và nói kệ:

Muốn thấy Phật thanh tịnh, vô cầu
 Bạc đại lực tối thắng siêu nhân
 Các ông mau theo tôi đến thăm
 Đáng Thích Tôn ấy chưa nhập diệt.

Sau khi đồng tử đi bộ ra khỏi thành Vương-xá, trong khoảng sát-na,

có bảy vạn hai ngàn người tụ tập vây quanh. Lại có vô lượng vô biên trăm ức na-do-tha chúng trời theo đồng tử đến chỗ Phật, muốn đánh lễ nơi chân Như Lai.

Bấy giờ, Đức Thế Tôn nằm nghiêng hông bên phải trên giường sư tử, giữa cây Song thọ, rừng Ta-la. Trong khoảng sát-na từ phương Nam đến cõi này có năm trăm ngàn ức thế giới Phật, có một cõi Phật, Đức Phật đó hiệu là Bảo Tích Thiện Hiện Như Lai, đầy đủ mười tôn hiệu, có Bồ-tát tên Tịch Tĩnh Chuyển. Ở cõi đó qua đời, vị Bồ-tát này sinh vào Diêm-phù-đề trong nhà đại cư sĩ Tợ Sư Tử thuộc thành Xá-vệ. Ngay khi mới chào đời liền nói kệ:

*Trải qua ngàn ức kiếp
Tự cắt bỏ tay chân
Móc mắt, hủy thân thể
Chặt đứt vô số đầu.
Thê thiếp cả con cái
Tất cả của cải quý
Trải qua ngàn ức kiếp
Cầu Bồ-đề Vô thượng.
Vì độ các quần sinh
Luôn bố thí tu phước
Vô lượng trăm ức kiếp
Bạc sáng suốt hiếm có.*

Cư sĩ Tợ Sư Tử dùng kệ nói với đồng tử:

*Ông là trời, rồng hử?
Hay Dạ-xoa, La-sát
Ông vừa mới sinh ra
Đã ăn nói rành mạch.
Quyến thuộc tôi đều sợ
Ruổi chạy tán khắp nơi
Tôi nghe tiếng tăm Phật
Cho nên tôi không chạy.*

Đồng tử nói kệ lại:

*Tôi chẳng phải trời, rồng
Dạ-xoa hay La-sát
Cư sĩ, ông không biết
Nên nói tôi là người.*

*Là Trời, Rộng, Dạ-xoa
 Khẩn-la, Ma-hầu-la
 Tôi là trời trong trời
 Cư sĩ, ông nên biết.*

Tợ cư sĩ trả lời:

Đồng tử nói:

*Tôi có mối nghi ngờ
 Đồng tử, tôi rất sợ
 Nghe ông nói như vậy
 Giống như người trí nói.
 Thế nào là trời, rộng
 Dạ-xoa, Khẩn-na-ma.
 Sao gọi Thiên Trung Thiên
 Xin đồng tử nói lại.
 Cách đây về phương Nam
 Có Phật hiệu Bảo Tích
 Hiện tại như Sư tử
 Tôi từ chỗ ấy đến.
 Trăm lần làm Đế thích
 Tự tại đến bây giờ
 Trăm lần làm Phạm thiên
 Cũng là vua Chuyển luân.
 Tôi muốn nói thật lâu
 Một kiếp, hay ức kiếp
 Cũng không thể nói hết
 Người trí mau đến Phật.*

Này Đại cư sĩ! Ông cần phải tu pháp hành như vậy, với tâm niệm gần gũi sẽ được khai thị rõ ràng. Này Đại cư sĩ! Pháp hành là gì? Như Lai sẽ nói: Bảo Tích Thiện Hiện Như Lai đầy đủ mười tôn hiệu ấy có các Đại Bồ-tát thành tựu ba pháp, với tâm Bồ-đề đã đắc Bất thoái chuyển sẽ mau chứng Bồ-đề Vô thượng.

Ba pháp ấy là gì?

Nhập tâm vô biên.

Nhập trí thâm sâu.

Nhập Tam-muội tu hành kiên cố.

Muốn tuyên lại nghĩa trên, đồng tử nói kệ:

Nếu muốn nhập vào trí thâm sâu
 Được trời, người luôn kính trọng
 Chỉ có chư Phật đại danh xưng
 Biết rõ nhân hay chẳng phải nhân.
 Câu ấy không phải không Bồ-đề
 Người có trí không bị nhiễm trước
 Không còn chấp trước, lìa tên độc
 Chứng pháp trí rồi được thành Phật.
 Tâm niệm vô biên, không tâm hữu
 Nhập tâm như vậy được tịch tĩnh
 Tùy thuận tâm ấy gọi là Nhập
 Tâm này gọi là Biến Nhất Thiết.
 Nếu chặt phá cái không bền ấy
 Thì không phá pháp Như Lai nói
 Các hữu giống như thể hư không
 Như vậy, chân như như kim cang.
 Nên biết tự tánh không như thể
 Nếu ai tu Vô Sở Trước này
 Thì ra được khỏi lưới phiền não
 Sẽ lìa các hữu thành Chánh giác.
 Nên biết tất cả không chỗ biết
 Nên chứng tất cả, không chỗ chứng
 Nên giác tất cả, không chỗ giác
 Tất cả Thanh văn không chấp thủ.
 Nhập pháp thâm sâu, không nghĩ pháp
 Giải thoát chúng sinh, không nghĩ thoát
 Tịch tĩnh không nghĩ có tịch tĩnh
 Chứng Bồ-tát mà không nghĩ Đạo.
 Người mạnh mẽ ấy trừ tên độc
 Hiểu rõ các cội của chúng sinh
 Biết tất cả nên gọi là Phật
 Bạc Vô Sở Trước khó được gặp..

Đồng tử nói kệ xong, trong chốc lát cư sĩ Tợ Sư Tử cùng quyến thuộc
 hai trăm người vây quanh đều phát tâm Bồ-đề vô thượng, hồi hướng lên
 ngôi Bồ-đề, trong các pháp đã chứng được nhãn Vô sinh. Tám mươi ức vị
 trời cũng phát tâm Chánh giác vô thượng, tâm Bồ-đề cứu cánh không còn
 thoái chuyển. Lại có bốn ức chúng sinh ở trong các pháp xa lìa trần cấu,

đắc pháp nhãn thanh tịnh. Bây giờ, đồng tử nói kệ:

*Tôi đến chỗ Thích Tử
Thật là không uống công
Trong sợ hãi sinh tử
Độ thoát ức chúng sinh.
Có rất nhiều chúng sinh
Đã phát tâm Bồ-đề
Trụ vô thượng bình đẳng
Chứng đắc nhãn Vô sinh.
Cha tôi trụ pháp nhãn
Mẹ, anh, quyến thuộc tôi
Tám mươi ức vị trời
Đều trụ đạo Bồ-đề.
Tôi được tài sản lớn
Vô lượng không nghĩ bàn
Gần gũi với pháp Phật
Hơi cách xa bản cùng.*

Bây giờ, đồng tử Tịch Tĩnh Chuyển giáo hóa cha mẹ và quyến thuộc của mình rồi ra khỏi đại thành Xá-vệ. Cha mẹ cùng quyến thuộc cả trăm ngàn người. Đồng tử đi trước, mọi người kéo đến rừng Ta-la vùng đất Lực sĩ để đánh lễ và chiêm ngưỡng Đức Thế Tôn.

Khi Như Lai nằm nghiêng hông bên phải trên giường sư tử, trong chốc lát, cách đây về phương Tây hơn tám ức trăm ngàn cõi Phật, có Phật hiệu Nhạo Âm Như Lai đầy đủ mười hiệu. Cõi Phật ấy có Bồ-tát tên Vô Phan Duyên. Sau khi từ cõi đó qua đời, vị Bồ-tát ấy sinh trong đại thành nước Ba-la-nại ở cõi Diêm-phù-đề, bỗng nhiên hóa sinh trong nhà đại cư sĩ Thiện Quỷ Túc. Vừa sinh ra, đồng tử Vô Phan Duyên liền nói kệ:

*Các pháp không duyên dựa
Thì giác bị ngu chuyển
Không thoát khỏi các khổ
Phiền não càng tăng trưởng.
Các pháp không chỗ tựa
Tìm nó không thể được
Nếu tận hay không tận
Đều là vô sở hữu.
Hư không không chỗ dựa*

Chẳng không, không chỗ dựa
 Pháp không, nhân duyên không
 Nhân duyên cũng bắt không.
 Pháp được chư Phật giảng
 Thâm sâu khó thấy được
 Nếu có người nói được
 Chỉ có Thích Sư Tử.
 Voi lớn, sư tử lớn
 Phạm hạnh không dục nhiễm
 Hôm nay giữa Song thọ
 Mắt thế gian sắp diệt.
 Phật ở giữa đại chúng
 Sáng như trăng đêm rằm
 Nói diệu pháp cho chúng
 Chúng không còn thấy nữa.
 Chúng Tỳ-kheo bao quanh
 Như đỉnh núi Đế Thích
 Từ nay không còn vào
 Những thành thị đẹp lớn.
 Bạc chí tôn trời người
 Là trống pháp tối thắng
 Phát ra làm chúng vui
 Chúng con không còn nghe.
 Vô ngã, không tạo tác
 Như Lai nói pháp ấy
 Nay sắp nhập Niết-bàn
 Giữa Ta-la Song thọ.

Sau khi Bồ-tát Vô Phan Duyên nói kệ này, một ngàn đồ chúng trong thành Ba-la-nại nói như vậy:

– Vị đồng tử này thật kỳ lạ hiếm có, trí tuệ biện tài, thâm nhập vô úy, vừa mới sinh ra mà đã nhớ biết những việc đời trước, lại còn nói những bài kệ vi diệu rành mạch. Chính vì có trí tuệ đại lực như vậy nên không sợ những điều khó điều phục, thật là biện tài thanh tịnh vi diệu. Nguyện cho chúng ta được trí tuệ giống như vị đồng tử này.

Khi ấy, đồng tử Vô Phan Duyên muốn đại chúng nhập vào địa Bất thoái, pháp thế gian không có được, vô lượng vô biên sự hy hữu khó đắc

cũng khiến họ được thể nhập và còn tạo cơ hội cho họ nhập pháp nhãn Vô sinh.

Đại chúng thưa đồng tử:

– Thật quý thay đồng tử, nay chúng tôi đi theo đồng tử đến nơi đó để cúng dường và chiêm ngưỡng Đức Thế Tôn.

Thế rồi, Đại Bồ-tát Vô Phan Duyên cùng đồ chúng quyền thuộc cả trăm ngàn người cung kính đi theo. Đồng tử đi trước, cùng ra khỏi thành Ba-la-nại và theo đường tắt đến chỗ Đức Phật vì muốn cúng dường và chiêm ngưỡng Đức Thế Tôn.

Trong sát-na cách đây về phương Bắc có hơn sáu vạn bốn trăm ngàn ức cõi Phật, có Phật hiệu Trụ Bồ Đề Phần Chuyển Như Lai, đầy đủ mười hiệu. Cõi Phật đó có Bồ-tát tên Khai Phu Thần Thông Đức. Từ cõi Phật đó qua đời, Bồ-tát sinh trong Diêm-phù-đề, trong nhà đại tướng Sư tử thuộc đại thành Tỳ-xá-ly. Trong nhà, ông ta bỗng nhiên hóa sinh. Sau khi vừa sinh, Đại Bồ-tát Khai Phu Thần Thông Đức nói kệ:

Nếu nghe Phật Thế Tôn

Nhà họ Thích tăng trưởng

Độ thoát các ách nạn

Vô lượng trăm ngàn ức.

Nếu nghe Phật Thế Tôn

Được biện trí vô biên

Tinh tấn và thiền định

Đạt rốt ráo bờ kia.

Như Lai nhỏ tên độc

Đắc tâm nhãn, hòa nhã

Thường giảng pháp cho chúng

Mà không vương tướng pháp.

Nếu nghe Phật Thế Tôn

Thì không vương ba cõi

Thế gian làm hay không

Trí tuệ đều biết cả.

Cõi Dục và cõi Sắc

Cho đến cõi Vô sắc

Có thể dùng trí tính

Mắt sáng ấy còn không.

Khi ấy, nhà đại tướng có một Thiên nữ tên Chuyển Bò Đề Phần
hóa làm người đứng trước đồng tử dùng kệ đáp lại:

*Thế Tôn trụ một kiếp
Hoặc quá hơn một kiếp
Sau này ông gặp Phật
Nay thọ đủ năm dục.
Hưởng phước lộc tốt đẹp
Giống như đại vương gia
Những âm thanh vi diệu
Ca múa và xướng hát.*

Đồng tử biết rõ Như Lai đã làm lợi ích cho chúng sinh, căn lành của
các trời người đều được thành tựu, dùng kệ nói với Thiên nữ:

*Chúng sinh ngu si kia
Ưu thích năm dục lạc
Không nghe Chánh Biến Tri
Và giáo pháp của Phật.
Tôi không thọ năm dục
Năm dục không lâu bền
Năm dục như đao kiếm
Nếu ai tin năm dục.
Heo chó và dã can
Lừa, ngựa, trâu, lạc đà
Bọn này tham năm dục
Chư Phật, Thanh văn trách.
Đui mù, căn tàn tật
Xấu xí và lệch què
Những tham dục như vậy
Chư Phật, Thanh văn trách.
Kiến càng, bướm, ruồi, lằn
Câu-chi-la, khổng tước
Là những loài hành dục
Ta hơn họ nên trách.
Vĩ như hầm lửa lớn
Cháy rụi khắp Diêm-phù
Bọn mù kia rớt xuống*

Năm dục cũng như vậy.
 Các dục: Vô thường, Khổ
 Bị người trí quả trách
 Nếu ai không biết lỗi
 Bọn này bị dục chuyển.
 Tôi không thọ năm dục
 Thế Tôn đã chứng tri
 Ai nghe ý nghĩa này
 Nên biết họ như Phật.
 Tôi ở bên Phật nghe
 Núi chúa Tu-di kia
 Phật ấy vào nửa đêm
 Sẽ nhập vào diệt độ.
 Chúng ta mau đến đó
 Ai đoạn sạch các sử
 Ai muốn gặp hãy đi
 E Thế Tôn diệt độ.
 Chuyển tâm ý Bồ-đề
 Bạc Tỏi thắng đã nói
 Trong trăm ngàn ức kiếp
 Khó gặp trông căn lành.
 Nếu chiêm ngưỡng Thích Tôn
 Vào lúc nhập Niết-bàn
 Nghe pháp Thích Sư Tử
 Sẽ sinh chủng tử lành.
 Nếu trời, người, Dạ-xoa
 Đến chỗ Đức Như Lai
 Ưa thích chủng tử Thích
 Mau gặp Đại danh xưng.

Đại Bồ-tát Đồng tử Khai Phu Thần Thông Đức nói kệ xong, cùng vô lượng vô biên chúng sinh ra khỏi thành Tỳ-xá-ly, theo đường tắt đi đến chỗ Phật để mong chiêm ngưỡng cúng dường lễ bái Phật.



KINH TỨ ĐỒNG TỬ TAM MUỘI

QUYỂN TRUNG

Bấy giờ, Đức Thế Tôn đang nằm nghiêng hông phải trên giường sư tử thì bốn đồng tử từ bốn phương đi tới. Mỗi vị đều có đại chúng đi theo xung quanh và thống lãnh đại chúng đều bình đẳng. Trí tuệ, thần thông, oai đức, pháp hành không sai khác, không trái mảy may nào cả. Tất cả đều đến đứng trước Đức Phật cung kính chấp tay. Khi bốn đồng tử đi đến bên Đức Phật thì quyền thuộc của thành ấp nào đứng theo vị trí này. Còn tất cả trời người, trăm ngàn chúng sinh đủ tầng lớp, đều đứng chấp tay giữ tâm thanh tịnh, vui mừng khôn xiết và cúi mình chiêm ngưỡng hướng về bốn đồng tử. Trong lúc bốn đồng tử đang tiến tới thì bốn phương khắp một do-tuần có các trời tuôn mưa hoa trời đầy cả mặt đất, trời nhạc trời cả trăm ngàn điệu, các trời ca ngâm khen ngợi không thể tả.

Khi ấy, Đức Như Lai tự nhiên hiện ra bốn tòa sư tử ở bốn phía.

Tôn giả A-nan dùng kệ bạch Phật:

*Bạch Đức Phật vì sao
Bốn bên Nhất thiết trí
Hông phải hiện bốn tòa
Trải tòa sư tử rộng.*

A-nan vừa nói xong, Đức Phật dạy:

– Này A-nan! Ông có thấy bốn đồng tử này không? Vị từ phương Tây đến, mặt như trăng rằm sáng hơn ánh sáng mặt trời, che khắp bốn thiên hạ, oai đức thù diệu, mặt mày sáng rỡ, tỏa ánh sáng trí tuệ, đặc đại tinh tấn, thể nhập vào trí thâm sâu, thành tựu các công đức, trí thức trí tuệ thông suốt, có lòng tin sâu sắc, biết khiêm nhường hổ thẹn, hạnh nghiệp đầy đủ, sự hiểu biết sâu sắc, đặc chánh niệm định, trí tuệ lanh lợi, có đại phương tiện đệ nhất Tổng trì, tùy theo căn cơ chúng sinh mà giảng pháp để họ tăng trưởng căn lành, đã từng trồng các căn lành với vô lượng ức trăm ngàn Đức Phật. Họ ở bốn phương từ cõi Phật của mình nghe Ta sắp nhập Niết-bàn, nên từ cõi Phật đó đến đây xin hỏi để sinh vào cõi này, muốn nghe thấy Ta

và danh xưng Ta nói pháp làm lợi ích cho những công đức, để nhìn Như Lai vào cuối đêm nay ở giữa Song thọ rừng Ta-la trong vùng đất Lục sĩ nhập vào Niết-bàn vô dư, Niết-bàn không thể nghĩ bàn, Niết-bàn Nhất thiết thể gian vô đẳng, Niết-bàn Nhất thiết thể gian hy hữu, Niết-bàn Nhất thiết thể gian đoạn ly chư thú thanh tịnh. Như Lai sắp vào Niết-bàn vì diệu tối thượng như vậy.

Này A-nan! Đồng tử từ phương Đông đến, dung nhan đẹp đẽ, đầy đủ đại công đức, đoan nghiêm dễ mến, ánh sáng chiếu khắp nơi, oai đức vời vợi giống như trăng mùa thu tỏa tràn ánh sáng với trăm ngàn độ chúng đi theo và được chúng trời mưa cúng hoa trời. Họ đến chỗ Như Lai là muốn cúng dường Phật.

Này A-nan! Đồng tử này từ cõi Sư Tử Âm Minh Thanh Như Lai, đã từng làm Chuyển luân Thánh vương, thống lãnh ngàn thế giới và đủ quyền lực, được chư Thiên, người cúng dường. Khi trị vì thì luôn giảng pháp cho cõi Dục, trên trời và nhân gian để họ thọ trì cú nghĩa, giảng nói cho vô số chúng sinh về ý nghĩa vi diệu, dạy họ trồng các căn lành, đắc các thần thông và hiểu rõ pháp hành. Chúng Thánh học hỏi vô biên không đoan, tối thượng vi diệu được sức vô úy, thể nhập sâu vào pháp tướng, thành tựu biện tài, trí tuệ lan lợi đạt đến trí tuệ vô biên ở bờ bên kia. Đầy đủ các pháp hành như vậy rồi, suốt mười tám ức năm trị vì giáo hóa như pháp, vị ấy không dùng đao gậy đánh đập nào loạn chúng sinh, không vì ái dục mà tham lam ngôi vua. Mười tám ức năm ấy làm thành thực được tám mươi na-do-tha chúng sinh trụ vào Bồ-đề vô thượng. Với pháp Bồ-tát đó nên vua đắc được địa vị Bất thoái. Thiện nam ấy từ lúc mới phát tâm đắc được địa vị Bất thoái cho đến thành tựu rốt ráo Bồ-đề vô thượng. Một thời gian sau, vua cạo bỏ râu tóc, mặc áo ca sa bỏ nhà làm người xuất gia, suốt tám mươi một ức năm tu hành phạm hạnh. Từ khi xuất gia chưa bao giờ ngồi nằm hướng chi ngũ nghịch. Trong tám mươi một ức năm ấy, thậm chí không khởi một niệm tưởng dục và tâm sân hận nào, hướng chi là có tâm sát hại nào loạn, không tạo việc bất thiện và tư tưởng yêu ghét, cũng không nghĩ tu hành tướng không tu hành, thường trụ vào hai pháp: một là mặc dầu đắc nhục nhãn nhưng không có tướng về nhục nhãn, hai là mặc dầu biết rất rõ về các pháp tụ nhưng không có tư tưởng chấp pháp tụ. Trong tám mươi một ức năm, vị ấy không bàn chuyện không lợi ích hay tưởng về những việc khác như tướng về địa, tướng về thủy, tướng về hỏa, tướng về phong, tướng về hư không, tướng về thức, tướng đến vợ con, tướng đến đói khát, tướng đến xóm làng, tướng nơi thanh vắng, tướng đến thành ấp, tướng về sự trái nghịch, tướng

về sự không trái nghịch, tướng về viễn ly, tướng thiên định, tướng tự ngã, tướng ngã người khác, tướng sắc, tướng vô sắc, tướng một bên, tướng chính giữa, tướng sinh tướng diệt, tướng ít tướng nhiều. Các loạn tướng như vậy đều được tịch tĩnh không có phân biệt, chỉ trừ hai mươi hòm chứa tạng pháp, để tư duy tu tập. Trong khoảng thời gian ấy đã thành thực được tám vạn na-do-tha chúng sinh, nhất định chúng Bồ-đề vô thượng. Những chúng sinh ấy đều mới phát tâm ở cõi này, trong khoảng sát-na ở cõi Phật ấy đi ra một cách tự tại. Mỗi vị đi riêng đến cõi Phật để phụng thờ chiêm ngưỡng Thế Tôn ở cõi Phật đó. Mỗi thế giới có một Đức Phật. Mỗi thân đến từng mỗi thân Phật làm mỗi việc xen lẫn nhau. Chư Phật của mỗi quốc độ đều giống nhau. Trong sát-na nằm nghiêng hông bên phải, vào cuối đêm nay đều sẽ nhập Niết-bàn giữa cây Song thọ rừng Ta-la thuộc vùng đất Lục sĩ giống như Như Lai. Hết thảy chư Phật ấy đều một hiệu Thích Ca Mâu Ni, đầy đủ mười tôn hiệu. Chư Phật ấy cũng đồng xuất hiện ở cõi ác năm trước.

Này A-nan! Dùng nhục nhãn vô lượng vô biên vô ngại chánh tri, chánh kiến như Thanh văn, Phật-bích-chi thì không thể nhập được, bởi vì chẳng phải cảnh giới của họ.

Này A-nan! Nếu có Tỳ-kheo, Tỳ-kheo-ni, Ưu-bà-tắc, Ưu-bà-di nào nghe pháp môn này sinh lòng tin ưa thích trí nhục nhãn chánh tri chánh kiến của Ta, muốn đạt được trí ấy cho đến đầy đủ Nhất thiết chủng trí và phát nhất niệm chánh tín liên tục không xả bỏ, thì vừa mới phát tâm liên sinh vô lượng công đức, huống chi đạt được vô lượng vô biên đại công đức.

Này A-nan! Nếu có thiện nam, thiện nữ đi đến tám mươi na-do-tha chư Như Lai, lại trải qua tám mươi na-do-tha ức năm đem tất cả vật cụ cúng dường, cung kính, tôn trọng, ngợi khen, đảnh thân phụng thờ chư Như Lai ấy. Đối với thời gian tám mươi na-do-tha năm tuy được vô lượng công đức nhưng không bằng nghe pháp môn này mà phát tâm ham thích thì công đức vô biên sẽ không có gì so sánh được.

Này A-nan! Đồng tử này ở trong pháp của Ta trong một ngày đêm đã giáo hóa làm lợi ích vô lượng vô biên chúng sinh, huống gì làm lợi ích trong thời gian lâu. Nếu Xá-lợi-phất, Mục-kiền-liên và các Thanh văn khác dù có nghe cũng không thể làm lợi ích độ thoát vô lượng chúng sinh như vậy.

Này A-nan! Giả sử đem hết tuổi thọ của các ông để nói pháp giáo hóa chúng sinh, không nghĩ đến việc nào khác và không bao giờ dừng nghỉ, mặc dầu giáo hóa làm lợi ích như vậy nhưng trong pháp của Ta, bản thân

các ông không thể gánh vác gánh nặng pháp Phật, giống như đồng tử này đã gánh vác được thấy hôm nay.

Phật lại dạy:

– Nay A-nan! Đồng tử này làm lợi ích lớn và đầy đủ tâm từ bi với chúng sinh, nhớ nghĩ đến chúng sinh, làm lợi ích cho chúng sinh, cho nên đồng tử này có vô lượng công đức.

Này A-nan! Ông có thấy đồng tử từ phương Nam đến không? Mặt vị ấy sáng như trăng rằm mùa thu tỏa sáng vàng vạc. Tay phải cầm Bảo tích động xuống đất phát ra âm thanh như vậy. Ví như nước Ma-già-đa có một vật báu làm bằng vàng, bằng bạc, làm được thành công thì kinh doanh càng phát triển. Nó không dính bụi bặm, không tỳ vết, nứt rạn, không bị rỉ chảy, đẹp dễ không có đất, mồ hôi nhờn nhờn, nhờ các điều kiện hợp lại mà thành. Những kỹ năng mài giũa rất tinh xảo, trong sáng năm phần, vuông vức mười phần, cách xa ngàn phần mà cũng thấy, xa lia mười hai phần thuộc vàng bạc phiền cấu. Tính chất của loại ấy rất tinh ròng, tính vàng ròng rất tối trắng - mài luyện trăm lần được thành vật mới chứ chẳng phải vật cũ, đủ tám phần của hàng ngàn thợ giỏi, nhất tâm quán sát thì tất cả bụi bặm mồ hôi nhờn nhờn không có. Đánh vào vật tốt đẹp ấy phát ra âm thanh như vậy, nếu ai nghe được thì diệt hết các khổ.

Này A-nan! Ta ví dụ âm thanh của vật ấy chỉ sơ lược mà thôi.

Nhưng đồng tử này giữa những vật báu lẫn lộn dùng trượng thanh khiết đánh vào phát ra âm thanh cũng như vậy.

Này A-nan! Đồng tử này tên là Tịch Tĩnh Chuyển, là Đại Bồ-tát từ cõi Như Lai Bảo Tích phương Nam đến. Thế giới Phật ấy tên Bảo Trang Nghiêm.

Này A-nan! Ý ông thế nào? Thế giới đó vì sao gọi là Bảo Trang Nghiêm?

Này A-nan! Thế giới Phật đó không có một chúng sinh nào trụ vào bất định, và cũng không có ai trụ vào tà định.

Này A-nan! Chúng sinh cõi ấy đều là chánh định, trụ vào Bồ-đề vô thượng.

Này A-nan! Cõi đó là cõi của Bồ-tát. Chúng sinh cõi đó không có tư tưởng nam nữ.

Này A-nan! Chúng sinh cõi đó đều phạm hạnh, không bị uế dục, trí hạnh đều thanh tịnh, thậm chí không có tên của dục uế.

Này A-nan! Chúng sinh ở cõi Phật Trang Nghiêm không có những tư tưởng bất thiện cũng không tưởng đến ăn. Họ chỉ ăn hai loại thức ăn đó là lấy định tuệ và lấy pháp hỷ làm thức ăn.

Này A-nan! Cõi Phật ấy không nói về năm ấm, không nói Ba thừa, chỉ giảng nói rộng rãi về Nhất thiết trí ấm, là kho tàng của Bồ-tát. Này A-nan! Do đó mà thế giới Phật ấy gọi là Bảo Trang Nghiêm.

Này A-nan! Chúng sinh ở các cõi Phật khác đều sinh vào cõi này. Có người nguyện sinh vào cõi Phật ấy. Nếu họ nguyện sinh vào đó thì đều không thoái chuyển Bồ-đề vô thượng.

Này A-nan! Hoặc có Bồ-tát nào từ cõi Phật khác đến sinh vào nơi đây. Sau khi sinh liền tự biết tất cả việc trong cõi Phật ấy. Sau khi những Bồ-tát sinh vào cõi đó thì trong khoảng sát-na đều tưởng mình là Phật.

Này A-nan! Như Lai Bảo Tích Hiện ấy giảng nói hết thấy vô lượng vô biên na-do-tha Đại Bồ-tát ở đó về Nhất thiết chủng trí và kho tàng pháp môn Bồ-tát không bao giờ gián đoạn và cũng không nói gì khác.

Này A-nan! Giả sử qua vô lượng ngàn kiếp, Ta nói công đức của cõi Phật đó và phân biệt rõ ràng về thắng pháp mà các Đại Bồ-tát đạt được thì đó là phát nguyện về cõi Phật Trang Nghiêm không thể cùng tận.

Này A-nan! Ta chỉ nói sơ lược về danh tự và công đức của thế giới Phật đó. Đại Bồ-tát Tịch Tĩnh Chuyển này từ phương ấy đến vì muốn thấy Ta nhập Niết-bàn, cũng vì thương xót vô lượng vô biên chúng sinh để họ phát tâm Bồ-đề vô thượng, cũng là muốn hiển bày công đức trang nghiêm ở cõi ấy. Hiển bày danh xưng và công đức của Phật Bảo Tích Hiện đó thì gọi là hiển bày pháp hành đại sự của các Bồ-tát. Lại nói danh xưng chân thật để vô số chúng sinh cõi này giữ gìn chánh pháp, đến cõi Phật Thích Ca vì muốn các Bồ-tát đời vị lai sinh tâm hoan hỷ.

Này A-nan! Đồng tử này xưa kia tu hành hạnh Bồ-tát, gặp Phật Nhiên Đăng xuất hiện ở đời. Khi ấy đồng tử từng làm Chuyển luân Thánh vương tên Hàng Oán.

Này A-nan! Thánh vương Hàng Oán nói chánh pháp làm thành thực căn lành cho vô lượng vô biên chúng sinh. Từ sáng sớm đến khoảng chừng bữa ăn, đã hóa độ ba mươi sáu ức chúng sinh trụ vào địa Bất thoái trong Bồ-đề vô thượng, nhập chánh định tuệ, chứng đắc pháp nhãn Vô sinh. Nhưng sau khi Như Lai Nhiên Đăng Bát-niết-bàn, Thánh vương phát đại tinh tấn, cạo bỏ râu tóc xuất gia nối bước Phật Nhiên Đăng chuyển Chánh

pháp luân. Sau khi Thánh vương làm lợi ích cho vô lượng vô biên chúng sinh rồi, vào độ thời gian trước mặt trời lặn đã giáo hóa ba vạn sáu ức chúng sinh trụ Bồ-đề vô thượng. Trở về khi mặt trời lặn khiến bảy vạn na-do-tha chúng sinh đều lậu tận chúng A-la-hán, hưởng chỉ những bậc hữu học chúng đạo, kiến đế thì không thể nào so lường được.

Này A-nan! Giả sử Ta dùng trí tuệ của Phật để nói cho đồng tử Bồ-tát Tịch Tĩnh này, thuở xưa vì làm lợi ích cho các chúng sinh không thể cùng tận.

Này A-nan! Ông hãy đến trước Ta trải tòa ngồi cho đồng tử Bồ-tát Tịch Tĩnh, ông được vô lượng vô biên công đức thù thắng vi diệu. Nếu chúng sinh nào nghe tên Bồ-tát Tịch Tĩnh thì người ấy giống Phật hiện tại không khác.

Này A-nan! Chúng sinh nào nghe danh tự, giáo pháp, thọ ký trang nghiêm công đức này, thậm chí trong một niệm phát lòng tin thanh tịnh muốn thấy Như Lai Bảo Tích Hiện, muốn nghinh đón lễ lạy gần gũi cúng dường hay ai phát tâm muốn nghe pháp này, thì này A-nan, nay Ta đều thọ ký cho họ được sinh về cõi ấy để phụng thờ, chiêm ngưỡng Như Lai và nghe chánh pháp. Trong cõi Phật đó, Bồ-tát nào cũng muốn thực hành các pháp hành ấy, chỉ trừ những Bồ-tát vì nguyện lực.

Này A-nan! Chúng sinh cõi đó hoàn toàn được lợi ích lớn, dù chỉ nghe danh tự giáo pháp, công đức trang nghiêm thậm chí nghe qua một lần, hưởng gì sau khi nghe có lòng tin thanh tịnh.

Này A-nan! Pháp cú ấy như thật không hư vọng, ông nên giữ gìn cho khéo, nhớ nghĩ thật kỹ. Vì sao? Này A-nan! Vì người ở cõi Diêm-phù-đề chưa từng nghe những chương cú và danh tự của kinh này.

Này A-nan! Nếu Bồ-tát chỉ là danh tự và người hủy báng chánh pháp thì chớ cho họ nghe. Vì sao? Vì họ phỉ báng chánh pháp, tội đó rất nặng.

Này A-nan! Ông thấy ở phương Tây có chiếc xe trang hoàng đủ vật báu đang nung trên hư không đến đây không?

A-nan thưa:

– Bạch Thế Tôn! Con đã thấy. Phật lại bảo A-nan:

– Ông thấy có một đồng tử trong đó không? Hai chân vị ấy đang tạo ra thân thông biến hóa bay vọt lên hư không làm chấn động đại địa này. Sự chấn động này rất dữ dội. Khi đại địa chấn động bởi sự biến hóa ấy, làm cho chúng sinh sợ hãi dựng tóc gáy.

A-nan thưa:

– Bạch Thế Tôn! Đúng vậy! Bạch Thiện Thệ! Đúng vậy! Con đã thấy rồi. Đồng tử này có thần thông du hý hiện ra đủ cách, nương trên hư không đến đây.

Phật lại bảo A-nan:

– Chiếc xe trang trí đủ các vật quý báu ấy đến trước mặt đồng tử phát ra đủ mùi hương vi diệu, tỏa khắp cõi Phật này.

A-nan thưa:

– Đúng vậy, bạch Thế Tôn! Đúng vậy, bạch Thiện Thệ!

Phật lại bảo A-nan:

– Đây là do trí lực của thiện nam ấy hiện ra làm cho chiếc xe phát ra mùi thơm như vậy.

Này A-nan! Ông hãy lắng nghe âm thanh phát ra bốn loại. Đó là: Không thanh, Vô sở hữu thanh, Tịch tĩnh thanh và Phật thanh.

A-nan thưa:

– Đúng vậy, bạch Thế Tôn! Đúng vậy, bạch Thiện Thệ! Phật dạy:

– Này A-nan! Từ chân lông của đồng tử phát ra âm thanh như vậy.

Này A-nan! Khi âm thanh này phát ra có sáu mươi tám na-do-tha chúng sinh đạt lợi ích rất lớn. Lại có vô số chúng sinh ở một ngàn thế giới đối với pháp vô vi tâm đã đoạn lậu tận, liền được giải thoát.

Này A-nan! Nghe tên một Đức Phật đã có chín ức Bồ-tát trụ địa Bất thoái chuyển, được nhập thánh đạo Bồ-đề vô thượng. Có trăm ngàn na-do-tha trời người cõi này đắc địa A-bệ-bạt-trí, nhất định nhập Bồ-đề vô thượng.

Này A-nan! Phương Tây nơi thiện nam này ở có Phật hiệu Như Lai Hỷ Lạc Âm, thế giới tên Lạc Mao, từ cõi đó đến đây muốn thấy Như Lai nhập Niết-bàn. Sau khi đến đây, thiện nam ấy đã làm lợi ích rất nhiều cho vô lượng vô biên chúng sinh.

Này A-nan! Nay thiện nam ấy đến cõi này làm Phật sự, như Như Lai chuyển Đại pháp luân, thì vị ấy cũng chuyển Đại pháp luân như vậy.

Này A-nan! Thiện nam này từ a-tăng-kỳ kiếp đến nay trong lỗ chân lông luôn phát ra bốn loại âm thanh như vậy, đó là âm thanh không tịch. Trong mỗi âm thanh đều làm lợi ích rất lớn cho vô lượng vô biên chúng sinh.

A-nan bạch Phật:

– Bạch Thế Tôn! Thiện nam này xưa kia đã trồng căn lành gì mà trong lỗ chân lông phát ra các thứ âm thanh như thế?

Phật dạy A-nan:

– Ta nhớ về quá khứ xa xưa lượng vô số kiếp có Phật ra đời hiệu là Vô Cầu Nhân, Thiện Thệ, Thế Gian Giải, Vô Thượng Sĩ, Điều Ngự

Trượng Phu, Thiên Nhân Sư, Phật, Thế Tôn. Thiện nam này xuất gia theo Phật làm đại Sa-môn tên Trí Lạc, tịnh tu phạm hạnh. Nhưng Sa-môn này hỏi Như Lai về chân lý khó biết, cú nghĩa trí tuệ thâm sâu. Đó là bất sinh, bất diệt; Nhất thiết pháp không, vô sở hữu; tất cả bản tánh các pháp đều thanh tịnh, tất cả chư Phật đồng một thể. Vậy mà Sa-môn ấy suốt bảy ngày bảy đêm luôn suy nghĩ không gián đoạn, không nghĩ đến mỏi mệt, không nhớ đến việc khác, không xả bỏ gánh nặng. Tự mình thọ trì bốn câu ấy, ưa thích tụng tập, hành trì thông suốt, nghiên cứu quán triệt ý nghĩa thực hành rất siêng năng.

Này A-nan! Sa-môn lúc đó chính nay là đồng tử đây vậy. Nhờ y theo ý nghĩa vi diệu của bốn câu đó do Phật đã nói cho nên thể nhập vào pháp Phật, giáo hóa chúng sinh tự nhiên hiểu rõ được các việc. Sa-môn ấy yêu thương chúng sinh, thường đi vào thôn xóm thành ấp để giảng pháp.

Này A-nan! Lúc đó pháp sư Sa-môn Trí Lạc nhờ đa văn nên biết nghĩa lý của pháp, lại nhờ tâm chân thật nên suốt sáu năm giảng nói pháp cú như thế. Do đó trải qua a-tăng-kỳ kiếp từ trong các lỗ chân lông phát ra tiếng thần thông như vậy. Từ lỗ chân lông của thiện nam này phát ra bốn loại âm pháp để làm lợi ích lớn cho chúng sinh. Còn nữa, thiện nam ấy đã trải qua a-tăng-kỳ kiếp tu tập cho nên từ lỗ chân lông thành tựu được bốn âm thanh vi diệu như thế.

Này A-nan! Người ở cõi Diêm-phù-đề đạt được lợi ích lớn là lợi đệ nhất. Nếu ai nghe danh tự của Bồ-tát Vô Phan Duyên còn đạt được lợi ích, huống chi còn nghe được giáo pháp của người.

Này A-nan! Nếu có thiện nam hay thiện nữ cõi trời hay cõi người nghe Bồ-tát Vô Phan Duyên, thậm chí chỉ nghe đến tên thôi, thì đã được tịnh tâm, đạt được công đức không thể nghĩ bàn huống chi đích thân chiêm ngưỡng vị ấy. Vì sao? Này A-nan! Vì Đại Bồ-tát Vô Phan Duyên đã đạt được công đức từ địa Bồ-tát không thể nghĩ bàn, không thể tính nói hết.

Này A-nan! Đại Bồ-tát này vì muốn đến thấy Như Lai nhập Niết-bàn. A-nan, ông hãy sắp xếp giường tòa ở trước mặt Như Lai cho Đại Bồ-tát ấy. Này A-nan! Nhờ trải sắp tòa cho thiện nam này ông sẽ được an lạc lợi ích

lớn và mau đạt được thần thông thắng diệu. Này A-nan!

Nhờ nhân duyên trải tòa mà ông được quả báo tốt, nếu ngồi hay nằm ông luôn được an ổn và trong một niệm thường hiện chứng đắc quả A-la-hán thánh pháp vô vi.

Này A-nan! Ông chưa chứng nhập thánh quả Thanh văn vô lậu, nay Ta sẽ thọ ký cho ông được đắc. Ông sẽ có các phần công đức hồi hướng lên ngôi Bồ-đề vô thượng, sẽ đắc đại pháp của chư Phật Như Lai.

Này A-nan! Nếu có Tỳ-kheo, Tỳ-kheo-ni, Ưu-bà-tắc, Ưu-bà-di, Trời, Rồng, Dạ-xoa, Càn-thát-bà, A-tu-la, Ca-lâu-la, Khẩn-na-la, Ma-hầu-la-già, người và phi nhân v.v... cùng các chúng sinh khác nghe sự thọ ký mà Tịch Tĩnh Chuyển đã nói. Nghe rồi, tâm họ được thanh tịnh và tin hiểu. Nếu người nào muốn được nghe pháp môn thọ ký mà Tịch Tĩnh này nói, hoặc nghe từ nơi Phật, hoặc nghe từ Thanh văn thì có thể sắp xếp giường tòa cho vị pháp sư ấy. Công đức đạt được giống như pháp sư ngồi trên tòa này. Pháp môn thọ ký mà Tịch Tĩnh đã nói, giống đây không khác. Vì sao? Này A-nan! Vì sau khi trải tòa, người kia được mười công đức trải tòa. Thế nào là mười?

Sẽ được chỗ ngồi của Chuyển luân vương.

Được chỗ ngồi của Đế Thích.

Được chỗ ngồi của Phạm Thiên vương.

Được chỗ ngồi chủ thế gian.

Đời đời được chỗ ngồi của pháp sư mà chư Phật đã đắc.

Sau khi chứng đắc ngôi vị địa Bồ-tát, thì được ngồi tòa sư tử liên hoa dưới gốc cây đạo tràng Bồ-đề.

Sau khi chứng Nhất thiết trí, đắc Bồ-đề vô thượng thì ngôi tòa của Phật.

Khi chuyển Đại pháp luân, được chỗ ngồi chuyển pháp luân do vô lượng chư Thiên cùng nhau trang hoàng.

Khi muốn hiện đại thần thông vượt qua tất cả đạo ở thế gian, thì được Như Lai Vô thượng hiện đại thần thông với cao tòa sư tử.

Khi muốn hiện nhập vào Đại Niết-bàn chứng đắc Như Lai Ứng Cúng Chánh Đẳng Giác khiến chư Thiên, Rồng, Dạ-xoa, Càn-thát-bà, A-tu-la, Ca-lâu-la, Khẩn-na-la, Ma-hầu-la-già, người, phi nhân v.v... sinh hoan hỷ có lòng tin thanh tịnh, cuối cùng làm vắng lặng tất cả hành, được trụ vào kim cang Tam-muội đắc tòa Như Lai.

Này A-nan! Ông sẽ được mười quả báo với tòa sư tử cao rộng như vậy.

Này A-nan! Nếu thiện nam, thiện nữ nào tâm thanh tịnh, nghe Bồ-tát Tịch Tĩnh này nói về ý nghĩa câu kệ pháp bản thọ ký, trải pháp tòa cho vị ấy, yêu mến kính trọng vị pháp sư ấy, nhờ công đức này người kia được thành tựu mười quả báo do trải tòa sư tử.

Này A-nan! Vì lẽ đó, hãy chấp tay hướng về phía Bồ-tát Vô Phan Duyên, ông sẽ được lợi ích an lạc lớn, phước đức lớn. Nhờ công đức này, ông sẽ mau đắc thần thông.

Sau khi trải pháp tòa cho Thiện nam Vô Phan Duyên, Tôn giả A-nan chấp tay hướng về Đại Bồ-tát Vô Phan Duyên khởi tâm thanh tịnh, tâm tôn trọng, tâm xấu hổ. Ngay khi ấy, Tôn giả nói kệ:

*Chấp tay hướng bậc dưng
Rồng chiến thắng nhập định
Bậc đại trí vua người
Ánh sáng Vô Phan Duyên.
Đắc trí và tinh tấn
Trí tuệ thiền định tụ
Thế gian không ai bằng
Đến chấp tay không sợ.*

Đức Thế Tôn dùng kệ bảo A-nan:

*Ông chấp tay cung kính
Cúng dường Vô Phan Duyên
Đạt được nhiều quả báo
Ta nói cho ông nghe.
A-nan! Kính chấp tay
Sau khi Ta Niết-bàn
Chúng đệ tử của Ta
Ở thôn xóm thành ấp.
Lúc ở trong xóm làng
Hoặc ra khỏi xóm ấy
Kính hành và ngồi nằm
Trong tất cả oai nghi.
Sẽ làm Phật sự lớn
Tất cả các đồ vật
Ở trong các thế gian*

*Dù ông biết hay không.
Chúng đều hướng về ông
Cúi mình và cung kính.*

Nếu thiện nam hay thiện nữ, các ngoại đạo Ba-lợi-đà, Sa-môn, Bà-la-môn, vua, đại thần, quốc sư, binh tướng, thuộc quan khác, trưởng giả và cư sĩ. Từ các loài chỉ có hình tướng, thậm chí đến loài lục súc voi ngựa, thú chạy, chim bay, nếu chúng thấy ông đều được thanh tịnh. Tất cả cây cối, cỏ thuốc, lúa má, hoa quả đều xoay về phía ông cúi mình cung kính. Tất cả lầu đài, cung điện, nhà cửa, thuyền bè, xe cộ nhờ sức oai quang của ông nên các loại ấy bị che lấp. Tất cả đều cúi mình hướng về ông.

Này A-nan! Ví như Đức Như Lai Ứng Cúng Chánh Đẳng Giác khi mới chứng Bồ-đề vô thượng đắc giải thoát vô ngại thì tất cả cây cối, cỏ thuốc, lúa mạ, hoa quả, nói tóm lược cả người, phi nhân v.v... đều vây quanh đạo tràng Bồ-đề và xoay về Đức Như Lai cúi mình cung kính.

Này A-nan! Nay ông nhờ sức nhân duyên cúi mình cung kính chấp tay bên Thiện nam Vô Phan Duyên, mà kiếp sau ở chỗ nào cũng đều có oai nghi đầy đủ. Người, phi nhân v.v... tất cả lúa mạ, cây cối cỏ thuốc đều xoay về ông mà cúi mình cung kính.

Này A-nan! Nếu có thiện nam thiện nữ, sau khi Như Lai nhập Niết-bàn hoặc ngay lúc còn hiện tại mà thoáng nghe vị Trang Nghiêm này nói về bản pháp thọ ký, cho đến chấp tay nhất niệm, hoặc đem tâm chân thật tư duy ý nghĩa đó rồi một lòng tin tưởng thì vẫn được phước báo như Ta đã nói ở trên. Như vậy, này A-nan! Đời sau ít chúng sinh được nghe pháp này, cũng ít người nghe danh từ của bản pháp này. Nếu ai nghe một lần rồi muốn nghe lại còn không thể được, huống chi sau khi nghe có lòng tin chân chánh, cung kính tôn trọng, không phi báng diệt trừ các nghi ngờ, tư duy tu tập, phát sinh thật tướng. Với những thiện nam thiện nữ đó, Ta dùng Phật nhãn đều thấy rõ ràng, lại dùng Phật trí biết hết thấy. Những người ấy chẳng phải chỉ tu hành cúng dường một Đức Phật mà cũng không chỉ trông các căn lành với một Đức Phật.

Này A-nan! Nay chúng hội ở trước mặt Ta, tất cả đại chúng nam, nữ, trời người đều muốn thấy Đức Như Lai Thế Tôn nhập Niết-bàn.

Này A-nan! Những người như vậy vào đời sau, khi Bồ-tát Di-lặc mới chứng Bồ-đề vô thượng, thọ nhận ngôi vị trí tuệ cho đến sau này ngồi đạo tràng Bồ-đề, họ lại thiết lập cúng dường tôn trọng cung kính Như Lai. Như vậy lần lượt đến khi Đức Thế Tôn Di-lặc nhập Niết-bàn họ cũng được thấy.

Khi trở về đứng bên Đức Như Lai, họ cũng thấy bốn đồng tử này nghe pháp, như nay ở trước Ta họ được nghe thấy Thiện nam Vô Phan Duyên, nghe tiếng đại pháp thắng diệu từ trong lỗ chân lông. Sau khi nghe xong, họ rất hoan hỷ.

Này A-nan! Cho nên, nay ông được nghe nói nghĩa lý vi diệu như vậy thì hãy cúi mình chấp tay tịnh tâm kính tín. Vì sao? Vì nhờ nhân duyên nghiệp thiện tịnh tâm kính tín ấy mà dù ông ở đâu, tất cả chúng sinh nơi hàng trời, người đều cung kính cúng dường tôn trọng, khen ngợi cúi mình đứng bên ông. Cho đến sau khi ông Niết-bàn thì chư Thiên, người xây tháp cúng dường xá-lợi ông.

Bấy giờ, Đức Thế Tôn bảo A-ni-lâu-đà:

– Ông thấy cõi trên có bốn mươi ức chúng trời người đều đứng chấp tay cúi mình nghe kinh điển này không?

A-ni-lâu-đà thưa:

– Bạch Thế Tôn! Con có thấy. Bạch Thiện Thệ! Con có thấy. Phật bảo A-ni-lâu-đà:

– Các hàng trời, người nhờ nghe pháp này có lòng tin cung kính chấp tay tạo căn lành thì qua a-tăng-kỳ kiếp đời vị lai sẽ không đọa vào đường ác, hoặc cõi trời, cõi người. Sau khi luân chuyển hằng sa đời thì mỗi đời đều làm Chuyển luân vương, sinh ra nơi nào cũng đều được gặp chư Phật, được thành tựu căn lành với chư Phật. Sau khi căn lành được thành tựu cho đến khi chứng đắc Bồ-đề vô thượng đồng một hiệu là Nhất Thiết Chúng Loại Ủ Thân Như Lai Ứng Cúng Chánh Đẳng Giác.

Đức Phật vừa nói xong, trong đại chúng có các Lực sĩ và quyền thuộc gồm năm trăm người. Tên của các vị ấy là Lực sĩ Ngộ Lạc, Lực sĩ Đầu-câu-da, Lực sĩ Đại Lực, Lực sĩ Thiên Oai, Lực sĩ Thắng Thiên, Lực sĩ Úc-can-tha, Lực sĩ Vô Úy, Lực sĩ Bà-tâu, Lực sĩ Chân Thật, Lực sĩ Ưu-đa-la, Lực sĩ Bà-thọ, Lực sĩ Nhất Thiết Nhẫn v.v... mỗi Lực sĩ như vậy đều có năm trăm quyền thuộc vây quanh, tập hợp trong chúng ấy để cúng dường. Ai nấy đều hướng về Đức Như Lai cúi mình chấp tay buồn khóc, kêu thương, nước mắt đầm đìa và bạch Phật:

– Bạch Thế Tôn! Chúng con nay chấp tay cung kính muốn cúng dường Như Lai Thế Tôn và đồng tử Bồ-tát Vô Phan Duyên cùng vô lượng Đại Bồ-tát khác cho đến hết thầy đại đức Thanh văn về pháp môn thanh tịnh cú nghĩa vi diệu của kinh này.

Bạch Thế Tôn! Chúng con đem một niệm căn lành này xin hồi hướng

lên ngôi Bồ-đề vô thượng.

Bấy giờ, Đức Thế Tôn liền mỉm cười, theo thường pháp của chư Phật, khi mỉm cười thì trong miệng phóng ra những luồng ánh sáng đủ màu vi diệu, đó là màu xanh, vàng, đỏ, trắng, màu vàng ròng, pha lê. Ánh sáng này tỏa sáng khắp vô lượng vô biên thế giới. Ánh sáng ấy chiếu tới cung trời Phạm thiên rồi trở lại bao quanh Đức Thế Tôn ba vòng và cuối cùng vào đỉnh đầu Phật.

Thấy vậy, Tuệ mạng A-nan dùng kệ hỏi Phật:

*Đèn trời vì sao tỏa
Như ánh sáng lớn này?
Xin giải nghi cho con
Và các chúng sinh khác.*

Phật bảo A-nan:

– Ông có thấy không? Lực sĩ này nhất tâm một chỗ chấp tay hướng về Ta và đồng tử Bồ-tát Vô Phan Duyên, đồng thời đối với kinh này chí tâm tịnh tín lại còn phát tâm Bồ-đề vô thượng.

A-nan thưa:

– Bạch Thế Tôn! Con đã thấy. Bạch Thiện Thệ! Con đã thấy. Phật bảo A-nan:

– Từ nay trở về sau qua a-tăng-kỳ kiếp, Lực sĩ này không đọa vào các đường ác. Sau đó chứng đắc Bồ-đề vô thượng.

Muốn tuyên lại nghĩa trên, Đức Thế Tôn nói kệ:

Phật bảo A-nan:

*A-nan ông thấy không
Chúng Lực sĩ tập hợp
Sinh lòng đại hoan hỷ
Cúi mình hướng về Ta.
Hoan hỷ nói như vậy
Sẽ đắc đạo Vô thượng
Các Lực sĩ đại trí
Họ đã cúng dường Ta.
Và với Vô Phan Duyên
Các Thanh văn của Ta
Có lòng tôn trọng pháp
Nên chấp tay như thế.*

Qua a-tăng-kỳ kiếp
 Họ không đọa đường ác
 Nhờ nghiệp chắp tay này
 Cúi mình hướng về Ta.
 Giả sử nói một kiếp
 Hoặc vô số ức kiếp
 Họ sẽ được chứng đạo
 Thành tựu các cõi Phật.
 Hành những hạnh tối thắng
 Không thể nào lường được
 Trải qua vô số kiếp
 Suy nghĩ không thể biết.
 A-nan! Không lâu nữa
 Vào cuối đêm hôm nay
 Ta từ biệt các ông
 Thấy nhau đây lần cuối.

– Đây A-nan! Ông thấy từ phương Bắc có ánh sáng màu vàng rờn chiếu sáng rực rỡ tới đây không? Oai quang ấy sáng che lấp tất cả cây cối, lúa mạ, cỏ thuốc, hoa quả, núi hang, đồi gò, lâu đài, cung điện, nhà cửa, xe cộ, người, phi nhân, nơi đó chiếu lên hư không biến thành một màu vàng rờn.

A-nan bạch Phật:

– Bạch Thế Tôn! Con đã thấy. Bạch Thiện Thệ! Con đã thấy. Phật lại bảo A-nan:

– Ông thấy từ phương Bắc có chiếc xe bằng vàng Diêm-phù-đàn đang đến đây không? Giữa xe ấy có đồng tử ngồi kiết già, oai quang tối thắng công đức vời vợi.

A-nan thưa:

– Bạch Thế Tôn! Con đã thấy. Bạch Thiện Thệ! Con đã thấy. Phật lại bảo A-nan:

– Đây A-nan! Từ cõi này về phương Bắc sáu mươi bốn ngàn câu chi có một cõi Phật tên Câu-tô-ma-bạt-kỳ. Đức Thế Tôn cõi ấy hiệu là Bồ Đề Phần Chuyển Như Lai Ứng Cúng Chánh Đẳng Giác. Cõi Phật đó có đồng tử Bồ-tát tên Hoa Phu Thân Thông Đức, sau khi xả thân ở đó, lại sinh vào nơi đây.

Này A-nan! Thế giới ấy phát ra các âm thanh pháp gọi là âm thanh

Bồ-đề phần. Chúng sinh cõi đó có Thanh văn đã thành tựu căn lành.

Này A-nan! Như Lai Bồ Đề Phần Chuyển từ khi chứng đắc Bồ-đề vô thượng đến nay đã sáu mươi bốn ngàn kiếp và hiện đang nói pháp.

Này A-nan! Như Lai ấy không có Thanh văn, chỉ có chúng Bồ-tát.

Này A-nan! Giống như Quán Đảnh Chuyển luân vương có rất nhiều con. Các người con ấy, có người làm đại thần, có người làm quốc sư, làm vua các nước nhỏ, cũng vậy, Bồ-tát của Phật Như Lai cũng gọi là con, là đại thần. Phật có hai vị Bồ-tát rất thù thắng, còn các Bồ-tát khác chỉ là thị giả và lấy Bồ-tát làm Tăng bảo.

Này A-nan! Tuân tự nơi các cõi Phật ấy đều là Bồ-tát.

Này A-nan! Cuộc sống nhu cầu của thế giới Phật ấy đều đầy đủ sung túc, không thiếu thốn, hoàn toàn không sợ sệt, an ổn diệu lạc, đẹp đẽ vi diệu, dân chúng an lạc. Công đức của Bồ-tát đều tròn đầy và trụ vào các thần thông rất thù thắng, dùng sức Tam-muội để qua lại, còn những bạn bè trí tuệ cũng rất thù thắng, tạng trí tròn đầy, thường tu tập tâm Bồ-đề, làm luận giảng pháp Nhất thiết trí đều chứng đắc vô thượng vô biên hết thảy pháp thâm sâu của Bồ-tát.

Này A-nan! Các Bồ-tát như thế có khắp cả thế giới ấy. Thiện nam! Đại Bồ-tát Hoa Phu Thần Thông Đức từ cõi Phật đó sinh trong thành Tỳ-xá-ly cõi Diêm-phù-đề.

Thiện nam đó đang hiện thần thông để đến đây mục đích muốn đánh lễ sát chân Phật và muốn thấy Đức Như Lai Thế Tôn nhập đại Niết-bàn.

Này A-nan! Ánh sáng lớn này hiện ra là do sức oai thần của Như Lai ấy.

Này A-nan! Bầy xe bằng vàng Diêm-phù-đàn là của Như Lai ấy.

Nhờ bầy phần trợ đạo Bồ-đề nên hóa hiện ra như vậy.

Này A-nan! Diêm-phù-đề này có vô lượng ức chúng trời người đã cùng đồng tử này xưa kia đến nay từng trồng căn lành. Bồ-tát này cũng sinh vào cõi Diêm-phù-đề khiến cho chúng sinh ở đó rất hoan hỷ vui mừng không xiết. Lại có chúng sinh được lậu tận, có chúng sinh đắc Học địa, có chúng sinh đắc Vô học địa, có chúng sinh chưa phát tâm Bồ-đề thì làm cho phát tâm Bồ-đề, có chúng sinh với bản tánh được đắc tâm nhẫn bất thoái.

Này A-nan! Đồng tử này ngồi kiết già trong xe phát ra ánh sáng. Ánh sáng đó là do oai lực thần thông của Như Lai hiện ra. Từ ánh sáng này phát sinh ra sáu chiếc xe kia.

A-nan! Ông thấy nhờ sức oai thần của Như Lai mà Đại Bồ-tát Hoa Phu Thần Thông Đức ở đây hiện đủ các thần thông. Oai lực của ánh sáng này làm lợi ích lớn cho vô lượng vô biên chúng sinh trong thế giới, nghĩa là dùng chánh pháp để giáo hóa lẫn nhau. Khi ấy, đồng tử đều hòa hợp hoan hỷ. Lại có vô lượng trăm ngàn ức chúng sinh vây quanh đi theo. Trong khoảng sát-na mưa đủ loại hoa trời, các chúng sinh ấy đến chỗ Đức Phật đánh lễ dưới chân.

Đức Thế Tôn bảo Tuệ mạng A-nan:

– Này A-nan! Những gì Như Lai có thể làm cho chúng sinh thì các Đại Bồ-tát trưởng tử của Như Lai cũng nên làm. Nay đây, Ta đã làm hoàn tất. Ta đã làm lợi ích cho chúng sinh xong. A-nan! Đại Bồ-tát Hoa Phu Thần Thông Đức này ngồi oai nghiêm rực rỡ trong xe bằng vàng Diêm-phù-đàn đó hiện ra các thần thông như vậy, giáo hóa na-do-tha chúng sinh chứng quả A-la-hán. Lại dạy cho ức ức chúng sinh được đắc Học địa, có trăm ức na-do-tha chúng sinh có lòng tin thanh tịnh với Tam bảo và thọ trì năm giới, có bảy trăm ức na-do-tha chư Thiên được trụ vào địa Bất thoái chuyển, chắc chắn sẽ đắc Bồ-đề vô thượng, lại có bảy trăm ức chúng sinh trụ pháp nhãn Vô sinh, có vô lượng na-do-tha chúng sinh được dự pháp hội đầu tiên của Thế Tôn Di-lặc.



KINH TỨ ĐỒNG TỬ TAM MUỘI

QUYỂN HẠ

Bấy giờ, Tuệ mạng A-nan bạch Phật:

– Bạch Thế Tôn! Cúi xin Thế Tôn thương xót chúng sinh mà trụ thêm một kiếp hay ít hơn một kiếp nữa. Vì sao? Vì nếu Thế Tôn còn trụ ở đời thì đại sự luôn hiện ra, để các đại sĩ chân thiện thường xuyên qua lại trong Diêm-phù-đề. Chúng sinh chúng con còn bấy nhiêu thời gian ở đây chiêm ngưỡng các Đại Bồ-tát và phụng thờ cúng dường. Lại trong thời gian ấy, kinh điển sẽ được lưu hành rộng rãi, thời gian đó chúng con còn được nghe ý nghĩa pháp Phật. Còn bao nhiêu thời gian, chúng con được thấy Thế Tôn và các đại sĩ hiện hóa đủ sức thần thông. Nếu ngày nay Thế Tôn không trụ ở đời mà nhập Niết-bàn, thì sau khi Thế Tôn diệt độ, chúng sinh chúng con sẽ xa lìa ba việc. Đó là không thấy Phật, không được nghe chánh pháp và không thấy tâm từ ái rộng rãi của các bậc đại sĩ, cũng sẽ không còn được phụng thờ cúng dường; chúng con sẽ bị những mất mát to lớn như vậy.

Sau khi nói xong, Tuệ mạng A-nan buồn thảm, kêu gào thảm thiết, nước mắt đầm đìa, quần quai trên đất giống như cây bị chặt ngã và lại xướng:

– Phật sao sớm xa lìa chúng con. Các Thiện tri thức cũng lại sớm biệt ly chúng con.

Khi ấy, trong chúng có Đại Bồ-tát tên Thiện Tư Nghĩa dùng kệ nói với A-nan:

*A-nan chớ đau buồn
Các hành đều vô thường
Pháp đời muốn thường còn
Điều này không thể có.
Nếu nói có các hành
Lời ấy không thể có
Các pháp đều trống không
Cớ sao ông sầu khổ.*

*Các trí đều là không
 Trí Phật cũng là không
 Phật còn không thể đắc
 Ông âu sầu làm gì.
 Ông đừng có phân biệt
 Người trí là phân biệt
 Các hữu như hư không
 Như quang năng tưởng nước.
 Như thầy ảo thuật hóa
 Voi, ngựa, xe vân vân...
 Vườn rừng các xóm làng
 Cây cối các hoa quả.
 Thế đế cũng như vậy
 Như huyền hóa không thật
 Chư Phật và Thanh văn
 Cũng vậy có khác gì.*

Đề trả lời Bồ-tát Thiện Tư Nghĩ, A-nan dùng kệ nói:

*Đúng như điều ông nói
 Các pháp không có tướng
 Thắng pháp tối thắng này
 Nay tôi nghe lần cuối.
 Làm sao đến Xá-vệ
 Họ hỏi tôi nói sao!
 A-nan! Phật ở đâu
 Mắt trời khi nào đến?
 Xưa tôi tới nơi này
 Thường thấy Phật Thế Tôn
 Nay đến thấy trống không
 Đại trí tôi ở đâu.*

Thiện nam Tịch Tĩnh Chuyên dùng kệ nói với Tuệ mạng A-nan:

*Dù ông khóc ức trăm
 Việc này khó có được
 A-nan, ông quán kỹ
 Pháp giới khó thấy được.
 Ví như thân cây chuối
 Lột từng bẹ bỏ đi*

Chính giữa không có lỗi
 Thế pháp cũng như vậy.
 Giống như khi trời mưa
 Rơi xuống những giọt nước
 Nổi bong bóng rồi mất
 Các hữu cũng như thế.
 Như bọt nước kết lại
 Người mắt sáng nhìn thấy
 Nhưng nó không có thật
 Tướng đời cũng như vậy.
 Ví như bóng trong gương
 Thế nó không có thật
 Tướng ba cõi cũng thế
 Người trí chớ khóc lóc.

Tuệ mạng A-nan dùng kệ trả lời Bồ-tát Tịch Tĩnh:

Tôi đã biết điều này
 Như người trí ông nói
 Ba tướng đều vô thường
 Trong kinh Đại tiên nói.
 Nhưng vô số trời này
 Đều khóc rơi nước mắt
 Kêu la ở bên tôi
 Do đó làm tôi khổ.
 Thế Tôn sắp ra đi
 Pháp nhãn bỏ chúng tôi
 Chúng tôi sẽ đi đâu
 Ai cứu giúp chúng tôi.
 Nghe chánh pháp của ai
 Tịch tĩnh không ai bằng
 Tôi sẽ cúng dường ai
 Than ôi, Phật khó gặp.

Bấy giờ, Bồ-tát Vô Phan Duyên dùng kệ nói với Tuệ mạng A-nan:

A-nan! Hãy đứng dậy
 Chỉ quán pháp chớ buồn
 Pháp không tự đi đến
 Cũng không có ra đi.

*Vì như Phật có sinh
 Chứng Bồ-đề cũng vậy
 Vì như Chuyển pháp luân
 Niết-bàn cũng như thế.
 Chư Phật không hề sinh
 Cũng không hề bị diệt
 Trong chân pháp như thế
 Vì sao A-nan khóc.
 Ông nghe chân lông tôi
 Phát ra tiếng như vậy
 Các hữu không, tịch tĩnh
 Bốn việc của chư Phật.*

Tuệ mạng A-nan dùng kệ nói với Đại Bồ-tát Vô Phan Duyên:

*Không lâu các đại sĩ
 Từng vị đi cõi khác
 Thấy chư Phật cõi ấy
 Nói diệu pháp cam lồ.
 Ông nghe pháp Phật đó
 Vời diệu nghĩa thâm sâu
 Thấy đồ chúng Phật ấy
 Và các vị Bồ-tát.
 Nay tôi cùng ức trời
 Vây quanh mà khóc lóc
 Thế Tôn Niết-bàn rồi
 Thừa ngài, tôi đi đâu?
 Ngàn số Ưu-bà-tắc
 Nay nghe lời tôi nói
 Rất khổ não đau buồn
 Tôi an ủi sao đây?
 Tam Thập Tam, Diệm Ma
 Đâu Suất và Tha Hóa
 Tự Tại và Phạm thiên
 Các chư Thiên ấy đến.
 Làm sao họ hoan hỷ
 Sau khi Thích Vương diệt?
 Làm sao giảng pháp họ
 Tôi biện luận thế nào?*

*Khi chư Thiên hỏi tôi
 A-nan! Phật ở đâu
 Tôi trả lời thế nào
 Nhân Nguru Vương diệt rồi.
 Hết thấy các mọi nơi
 Thâm sâu Như Lai ở
 Nơi rừng cây kinh hành
 Nay tôi ở chỗ nào?*

Thiện nam Khai Phu Thần Thông Đức dùng kệ nói Tuệ mạng A-nan:

*Tôi biết rõ hạnh ông
 Hoàn toàn trong ba tháng
 Sẽ luôn hiện bên ông
 A-nan! Đừng khóc lóc.
 Từ ngàn số Phật khác
 Tôi sẽ nói cho ông
 Chư Phật nói cho ông
 Hóa làm thân họ Thích.
 Chư Phật có từ bi
 Vì ông kính thờ Phật
 Đương lai ở bên ông
 A-nan! Đừng khóc nữa!
 Các trời và thế gian
 Ngày nay mà đau buồn
 Thì Đại Giáo Sư ta
 Ẩn tịch không xuất hiện.
 Xưa Như Lai từng nói
 Thọ mạng trụ ức kiếp
 Các hành diệt từng niệm
 Tôi được nghe từ Phật.*

Bấy giờ, Tuệ mạng A-nan ở sau Phật khóc ba lần và nói kệ:

*Nơi chúng sinh nương tựa
 Làm mất sáng cho đời
 Đạo sư nhập diệt rồi
 Chúng sinh thành đui mù.
 Thắng vương A-xà-thế
 Nghe lời không lành này*

Đạo sư nhập diệt rồi
Sầu khổ sống sao đây!
Thắng Nhân nay Niết-bàn
Các Lực sĩ sau này
Như vậy sẽ buồn khổ
Âu sầu và khóc lóc.
Sau khi họ tập trung
Nhìn Đạo sư lần cuối
Tâm cung kính tôn trọng
Đứng cúi mình chấp tay.
Đủ Trời, Rồng, Dạ-xoa
Bao khắp năm do-tuần
Không chỗ nào xen hở
Loài người không chỗ vào.
Mưa hoa thơm vi diệu
Ngập đầy tới đầu gối
Lại mưa các hương vụn
Cúng dường bậc Tối thắng.
Nan-đà, Ưu-ba-đà
Và sáu mươi ức rồng
Đều đến chỗ Niết-bàn
Nhìn Đạo sư lần cuối.
Ma-ha Tư-bà-luận
Rồng lớn Ta-già-la
Hầu-lâu, Mục-chân-đà
Vây quanh cả trăm ức.
Nổi mây mưa nước thơm
Rưới khắp đại địa này
Giáng mưa lớn mà đến
Nhìn Đạo sư lần cuối.
Các trời mưa hoa trời
Và mưa nước thơm sạch
Trời rồng đều cung kính
Cúng dường Phật Thế Tôn.
Long vương A-nậu-đạt
Cùng sáu mươi câu-chi
Mưa những trận mưa báu

Đến bên Ngưu Nhân Vương.
 Y-la-bát khóc lóc
 Tu-di-tử đại xà
 Để cúng dường Thế Tôn
 Phụng thờ Phật lần cuối.
 Cả trăm ngàn các rồng
 Ưc số na-do-tha
 Nổi mây dậy sấm chớp
 Đến chỗ đức Đạo sư.
 Tuôn xuống trận mưa lớn
 Loại nước thơm thanh tịnh
 Cũng là để cúng dường
 Nhìn Thế Tôn lần cuối.
 Cả ngàn ức Dạ-xoa
 Hoặc trăm na-do-tha
 Nghĩ các công đức Phật
 Đều muốn đến thăm Phật.
 Lại có Tứ Thiên vương
 Buồn khóc lóc ràn rụa
 Đến bên đức Đạo sư
 Nhìn thấy Phật lần cuối.
 Thích Đề-ma-na-dân
 Có các trời vây quanh
 Cả sáu mươi ba ngàn
 Đã đến chỗ Đức Phật.
 Họ chỉ mưa hoa trời
 Mạn-đà-la vi diệu
 Và mưa bột chiên-đàn
 Cúng dường bậc Tối thắng.
 Tỳ-câu-luy-khốc Phạm
 Hai Phạm chúng vây quanh
 Buồn khóc đến chỗ Phật
 Nhìn Như Lai lần cuối.
 Đại Oai Lực Tịnh Cư
 Hơn trăm ức chư Thiên
 Kêu khóc đến chỗ Phật
 Vì nay Phật Niết-bàn.

Trăm số ức chư Thiên
 Cả thấy đều buồn khóc
 Mời thỉnh đại Đạo sư
 Xin trụ thêm một kiếp.
 Ma tử đại trí tuệ
 Tên Ta-đà-ba-ha
 Cảm thương đến chỗ Phật
 Vì Thắng Tiên Niết-bàn.
 Nâng đỡ chân Thế Tôn
 Cúi mình cầu thỉnh Phật
 Vì thương xót chúng sinh
 Thích Vương trụ kiếp nữa.
 Nếu Thế Tôn trụ đời
 Làm đại nhân các trời
 Được lợi không thể bàn
 Xin Phật trụ kiếp nữa.

Đồng tử Vô Phan Duyên dùng kệ nói với tất cả Trời, người, Phạm thiên vương, thương chủ Ma vương tử:

Các ông đều không biết
 Như trẻ con, khi vượn
 Tâm luôn luôn buông lung
 Vì sao kêu khóc lóc.
 Giống như heo ngủ nghỉ
 Bỗng thức không biết gì
 Khi bị dao lột xẻ
 Kinh hãi vội bỏ chạy.
 Theo ta thấy cũng vậy
 Các người cũng giống thế
 Xưa ai không nghe pháp
 Vì tham dục buông lung.
 Nay đây đèn trí tuệ
 Sắp tắt không còn nữa
 Phật hiện còn trên đời
 Người nên tạo nghiệp thiện.

Bấy giờ, Thế Tôn bảo Tuệ mạng A-nan và Phú-lâu-na Tu-bồ-đề cùng Bồ-tát Bất Không Kiến Vương Đồng Tử, Thượng tọa Ca-diếp, Đại Câu-hy

và các Thượng tọa:

– Nay Ta nói với Tỳ-kheo, các ông hãy đưa tay phải cho Ta. Nghe Thế Tôn nói vậy, các Tỳ-kheo liền thưa:

– Quý thay bạch Thế Tôn!

Khi ấy cả một ngàn Tỳ-kheo mỗi người đều đưa tay phải cho Thế Tôn. Thế Tôn lại dùng tay trái nắm tất cả tay phải của các Tỳ-kheo. Nắm xong Thế Tôn lại lấy tay phải cầm tay La-hầu-la và A-nan, di chúc:

– Nay các Tỳ-kheo! Nay Ta giao phó A-nan và La-hầu-la cho các ông.

Ngay khi đó bỗng đại chúng òa tiếng khóc to. Tiếng kêu buồn khóc lóc ấy làm chấn động cả trời đất. Tiếng ấy vang khắp cả cõi Phật. Trong lúc La-hầu-la và A-nan đang được giao phó thì trong chúng năm trăm Tỳ-kheo thấy vậy liền xả thân mạng. Vì sao? Vì các Tỳ-kheo ấy không nỡ nhìn Phật nhập Niết-bàn. Họ nghĩ như vậy: “Thà chúng ta nhập Niết-bàn trước, chớ không nỡ nhìn Ngọn Đèn Lớn của thế gian, Thầy dẫn đường, đấng Đại Từ Bi phụ của thế gian, bậc Thiện tri thức toàn thiện, thương xót chúng sinh thường ban vui cho đời nay sắp nhập diệt. Ta đâu nỡ nhìn”. Vừa lúc đó năm trăm chư Phật trụ riêng cõi của mình đều đuổi tay phải cho Thích Ca Mâu Ni.

Bấy giờ, Thế Tôn lại lấy tay trái cầm tay Thượng tọa A-nan và La-hầu-la đặt trong tay của chư Như Lai ấy và nói kệ:

*Đây La-hầu con Ta
A-nan thị giả Ta
Nay ở trước chư Phật
Ta giao hai người này.
Vào cuối đêm hôm nay
Ta sẽ nhập Niết-bàn
Không còn thấy Ta nữa
Trời, rồng, người vân vân...
Không còn chỗ nương tựa
Cứu hộ và thương xót
Chỉ có chư Thế Tôn
Từ bi không nghĩ bàn.
Ta thấy các thế gian
Vô lượng không thể bàn
Nay không thấy chúng sinh*

Thì ta sống cho ai.
 Vô lượng ngàn số kiếp
 Giống như cát sông Hằng
 Với số kiếp như vậy
 Sống vì một chúng sinh.
 Ta đã làm lợi ích
 Cho người tâm kính tín
 Còn ai không tín tâm
 Ưc Phật không thể dạy.

Lúc đó, năm trăm chư Phật đồng thanh nói kệ:

Ngài làm lợi chúng sinh
 Và Phật sự đã xong
 Hiện đủ các thần thông
 Đánh trống Đại Pháp rồi.
 Làm sung mãn chúng sinh
 Như mây mưa thấm đất
 Rút tên độc chúng sinh
 Đại tiên nhân họ Thích.

Bấy giờ, Tuệ mạng A-nan, La-hầu-la quỳ gối sát đất dùng kệ thưa chư Phật ấy:

Xin Đại Trượng Phu thỉnh
 Để Phật trụ một kiếp
 Nhờ oai đức của Phật
 Bạc Nhất Thiết Kiến Nhãn.
 Bạc Nhị túc Tối Thắng
 Đại trí trụ nơi đời
 Có nhiều chúng sinh tin
 Được lợi không nghĩ bàn.
 Khiến Trời, Người tăng trưởng
 A-tu-la suy giảm
 Thanh văn và Bồ-tát
 Nhiều không thể nghĩ bàn.

Lúc này, năm trăm chư Phật ấy nói với Tuệ mạng A-nan và La-hầu-la:

– Nay các thiện nam! Các ông chớ quá buồn khóc, chớ quá âu sầu, vì bản tánh là như vậy, pháp đã tận là như vậy, chân thật như vậy, các hành

như vậy, tất cả pháp hữu vi, tất cả tác pháp, tất cả pháp thế đều như vậy, chấm dứt là như vậy, chỉ có bỏ thân mạng hành hạnh Như Lai mới là vô lượng. Vì pháp thế đế là như vậy, không được tự tại. Như Lai là pháp thân, chẳng phải thân hữu vi, không có pháp nào trụ ở đời. Các ông không nên thỉnh xin Như Lai trụ ở đời.

Này các thiện nam! Các ông đừng đến cõi Phật của Ta. Vì Thích Ca Như Lai ngay đây sẽ duỗi tay phải ra phóng ánh sáng. Ánh sáng đó chiếu sáng khắp cõi của Ta. Sau khi nơi đó chiếu sáng, các ông trở lại thấy Thích Ca Phật đang đứng trước các ông nói pháp. Cho nên các ông đừng quá âu sầu như thế.

Bây giờ, Thế Tôn nhập vào Tam-muội. Sau khi trụ trong Tam-muội, Thế Tôn liền duỗi tay phải ra, trong bàn tay phải cho đến đầu ngón tay cái. Còn tay trái, các phần của thân cho đến ngàn nan hoa ở trong tướng chân, tướng lưới báu mềm mại trong tay chân, móng màu đồng đỏ và giữa ngón tay có những vân quý báu đẹp đẽ, tất cả đều phóng ra trăm ngàn ức ánh sáng. Mỗi ánh sáng hóa trăm ngàn ức hoa sen. Mỗi đài hoa hóa trăm ngàn ức cao tòa sư tử. Trên mỗi tòa hiện một Đức Phật đang ngồi. Mỗi hóa Phật giáo hóa vô lượng trăm ngàn ức chúng sinh. Trong số đó có vị đắc lậu tận, hoặc có vị đắc ly dục địa. Trong tất cả tướng tốt phát ra ánh sáng như thế, sự tướng đều như vậy. Giữa rốn và tướng âm mã tàng, giữa mặt và hàng lông mi cũng như vậy.

Khi ấy, từ trên đỉnh đầu Thế Tôn phóng ra trăm ngàn ánh sáng. Mỗi ánh sáng hóa trăm ngàn ức hoa sen. Mỗi đài hoa hóa trăm ngàn cao tòa sư tử. Trên mỗi tòa hóa một Đức Phật đang giảng pháp vi diệu. Chư Như Lai ấy không giảng nói pháp nào khác cả, chỉ giảng nói Bồ-tát Nhật Tạng Tu-đa-la và chương cú Đà-la-ni hoặc giảng rõ ba luân thanh tịnh, các lực, pháp vô sở úy của Như Lai. Nhờ pháp môn này mà mỗi hóa Phật nói mỗi pháp, làm thanh tịnh vô lượng vô biên chúng sinh trụ vào địa Bất Thoái chuyển, hướng lên ngôi Bồ-đề vô thượng.

Khi ấy, ở giữa Ta-la Song thọ, Như Lai nằm trên giường sư tử, hông nghiêng bên phải, hóa một Đức Phật cũng nằm nghiêng bên phải. Sau khi hóa xong, Đức Phật đích thân đi vào đại địa ngục Hoạt. Đến đó, từ thân tướng của Ngài phóng ra ánh sáng chiếu khắp cả địa ngục Hoạt và sau khi dùng ánh sáng chiếu đại địa ngục Hoạt rồi, Thế Tôn nói kệ:

*Vô số chúng sinh chết
Luôn trở lại ngục Hoạt*

Không bỏ tư tưởng ấy
 Nên sinh các khổ não.
 Có Thánh nhân ra đời
 Thế Tôn làm ánh sáng
 Giảng nói các chánh pháp
 Diệt trừ các khổ não.
 Vô vi cũng vô tận
 Vô diệt cũng vô hành
 Ai hiểu được như vậy
 Không rơi vào đường ác.

Sau khi Như Lai nói kệ, trong khoảng sát-na có ba mươi ức chúng sinh đang chịu khổ não trong địa ngục Hoạt, liền được bỏ thân mạng sinh lên cõi trời Ba Mươi Ba. Đến cõi trời Ba Mươi Ba Thế Tôn nói lại kệ này. Nhờ thần lực của Phật nên âm thanh vang khắp tất cả các đại địa ngục. Vô lượng trăm ngàn ức chúng sinh trong cõi địa ngục được bỏ thân sinh lên cung trời Đâu-suất-đà. Sau khi sinh lên cõi trời ấy, hết thấy chúng sinh đều nhớ lại những giáo pháp đã được nghe trước đây và chứng đắc quả A-na-hàm. Các vị trời ấy đã đắc pháp rồi, chứng quả, nhập vào các pháp và cùng nhau nói kệ:

Ví như đường hoang rộng
 Có chủ buôn trí tuệ
 Cứu thoát nhiều chúng sinh
 Bị giặc và ác thú.
 Thế Tôn cũng như vậy
 Là chủ buôn Vô thượng
 Cứu thoát muôn chúng sinh
 Bị trôi trong sinh tử.
 Chúng ta nương tựa Phật
 Đại chủ buôn Quang Minh
 Có lòng thương xót ta
 Cứu thoát các khổ não.
 Chúng ta nương tựa pháp
 Bản thân ta đã chứng
 Chúng ta nương tựa Tăng
 Công đức khó nghĩ bàn.

Thế rồi, Đức Thế Tôn dùng ánh sáng mát dịu chiếu khắp địa ngục A-

tỳ để trừ diệt những nóng bức khổ não và làm thành tựu ngàn ức pháp, để tất cả đều được an vui, thương xót và làm lợi ích cho tất cả chúng sinh, an ủi hòa nhã, thương xót, vui vẻ, giáo hóa chúng sinh nhập vào ba môn Không: Vô tướng, Vô tác và Vô nguyện, rồi dùng kệ nói với chúng sinh ở địa ngục ấy:

*Pháp không và vô tướng
Không sinh cũng không diệt
Nếu ai hiểu pháp đó
Thì thoát khỏi đường ác.*

Bấy giờ, có tám trăm ngàn chúng đều được nghe kệ. Bài kệ này được nói ra ba đời mà không bị trở ngại. Các pháp này được chia thành một trăm ngàn loại. Một khi đã lọt vào tai rồi thì làm cho thanh tịnh vi diệu và bỏ thân đại địa ngục A-tỳ sinh lên cung trời Tha Hóa Tự Tại.

Ở cung trời Phạm thiên, Đức Thế Tôn nói kệ:

*Chúng sinh rất an lạc
Không có các khổ não
Với danh tướng đã nói
Và các tướng điên đảo.
Người mạnh nên xả bỏ
Thoát khỏi các khổ não
Các tướng đều điên đảo
Và chấp tướng vô sắc.
Ba cõi có gì vui
Luôn luôn bị luân hồi
Chết rồi sống trở lại
Khổ tăng trưởng liên tục.
Ai dùng trí biết không
Cũng không vướng vào không
Tức là người biết không
Không chấp chỗ biết không.
Đã biết nghĩa pháp này
Cũng không có bản ngã
Ngã đã không có rồi
Ở đây có gì khổ.
Không là pháp vô vi
Tướng cũng không thể đắc*

*Ai hiểu biết vô ngã
Chính là chân Phật tử.*

Lúc này, năm trăm ngàn ức chúng sinh, sinh ra nơi nào cũng đều đắc diệu quả thiên tiên vô lậu, liền nhớ lại kiếp trước mình bị khổ trong địa ngục. Lại nhớ đến công đức cao thượng của Như Lai, biết báo ân Phật nên nhập diệt trước, lại không nỡ nhìn Như Lai nhập Niết-bàn. Sau khi đắc quả, các vị trời đồng thanh nói kệ:

*Chúng con không nỡ nhìn
Đại từ Điều Ngự
Trượng Phu nhập Niết-bàn
Hãy làm ánh sáng cho chúng sinh
Con không nỡ nhìn, nên diệt trước.*

Vừa nói xong, các vị trời nhập diệt tại chỗ. Trong khoảng sát-na, Thế Tôn từ cung trời Phạm thiên liền biến mất rồi đến rừng Ta-la Song thọ. Khi ấy Thế Tôn nghĩ như vậy: “Đêm nay Ta nhập Niết-bàn, đây là nhìn chúng sinh lần cuối. Ta hãy làm cho họ vui vẻ để tiêu trừ tất cả khổ, được hưởng an lạc. Ta hãy hiện sức đại thần thông của Như Lai để chúng sinh ấy được vào cửa an ổn, muốn làm sáng rõ Niết-bàn vô dư của Như Lai, vì phù hợp với ý của chư Phật nên hiện thần thông”. Nghĩ vậy xong, Đức Như Lai nằm nghiêng hông bên phải giống như sư tử, không chút gì sợ hãi. Sau khi quán sát tất cả đại chúng khắp mười phương, giống như Đại Long Tượng, Thế Tôn dùng ngón chân cái bên phải chạm đại địa làm phát ra âm thanh lớn, chấn động đủ sáu cách, rung chuyển khắp mười phương, thị hiện ánh sáng vô ngại, không thể nghĩ bàn, chiếu sáng rực rỡ khắp mười phương. Từ các tướng trên thân Như Lai phóng ra ánh sáng lớn. Mỗi lỗ chân lông cũng phát ra Hằng hà sa ánh sáng vi diệu. Mỗi ánh sáng chiếu khắp Hằng hà sa cõi Phật. Ánh sáng không rời nhau mà nhập vào không chút gì trở ngại. Từ mỗi lỗ chân lông lần lượt phóng ra các ánh sáng vi diệu. Như vậy, mỗi lỗ chân lông cứ tuần tự phóng ra ánh sáng và lại chiếu khắp như trước. Lúc ấy, Thế Tôn lại hiện các thần thông. Nhờ thần lực của Phật và sức hộ trì của Phật khiến các chúng sinh được thấy đầy đủ cảnh giới giống như nhìn bằng Phật nhãn. Các chúng sinh trụ vào cõi Phật này đều thấy tất cả cõi Phật, đó là nhờ ánh sáng của Như Lai chiếu.

Đức Thế Tôn bảo các Tỳ-kheo:

– Các ông thấy thế giới phương Đông có thành dài rộng một ngàn do-tuần và trên dưới cũng lớn rộng như thế. Quốc thành này chứa đầy cả trăm

ngàn ức vi trần. Các ông đã thấy chưa?

Các Tỳ-kheo thưa:

– Bạch Thế Tôn! Chúng con đã thấy.

Bạch Thiện Thệ! Chúng con đã thấy.

Phật lại dạy:

– Này các Tỳ-kheo! Các ông nghĩ thế nào số vi trần này có nhiều không?

– Thưa Thế Tôn! Rất nhiều. Bạch Thiện Thệ! Rất nhiều. Phật dạy:

– Này các Tỳ-kheo! Đối với các pháp mà người nào biết được pháp vô vi nhiều như vậy mà không sinh không diệt, vô lậu vô vi thì người biết ấy cứu thoát chúng sinh ra khỏi đường ác. Ngay khi ấy có ba mươi ức chúng sinh đã nghe pháp được đắc quả A-na-hàm. Sau khi được đắc quả, tất cả đồng thanh nói kệ:

*Pháp vô vi vô tận
Vô lậu cũng không diệt
Biết Thánh pháp như thế
Chúng con chứng tịch diệt.
Nếu biết được như vậy
Là thật biết các căn
Vi thương xót chúng sinh
Thị hiện pháp nhân duyên.
Như Lai dạy chúng con
Nhỏ trừ mũi tên độc
Nhất Thiết Trí ban vui
Rời cùng vào Niết-bàn.
Đuốc trí cháy nhanh quá
Mắt trí sắp diệt mất
Bị muôn khổ hành hạ
Ra khỏi địa ngục Hoạt.
Thầy thuốc giỏi nhỏ tên
Trị bệnh cho chúng sinh
Cứu độ vô số chúng
Không còn nơi đường ác.*

Bấy giờ, Đức Thế Tôn đứng trên thành địa ngục Hắc Thằng phóng ra ánh sáng lớn chiếu khắp cả đại địa ngục ấy, cứu vớt vô lượng chúng sinh ở đó rồi đưa lên trời. Ở địa ngục Đại Nhiệt Nảo và địa ngục Nhiệt Nảo cũng

vậy. Đại địa ngục Kiều Hoán - địa ngục Kiều Hoán, đại địa ngục Chúng Hợp - địa ngục Chúng Hợp, Ngài cứu vô lượng chúng sinh ở các cõi ấy đặt vào cõi thiện và đạo Niết-bàn. Thế Tôn lại dùng ánh sáng màu vàng ròng chiếu tám đại địa ngục. Nhờ sức ánh sáng ấy làm cho chúng sinh xúc chạm vào thân tâm an lạc, khắp thân thể được thấm nhuần, thân tâm hoan hỷ, khổ não đều tiêu trừ, mắt thấy đến đâu niềm vui đến đó. Do từ bi sinh ra mà làm cho thân an ổn như vậy. Sau khi ánh sáng chiếu khắp đại địa ngục thì diệt trừ được hết sự nóng khổ, được thư thái nhẹ nhàng. Tất cả chúng sinh trong đại địa ngục, nếu ai bị thiêu đốt cháy rục thì làm cho họ được an ổn. Từ các lỗ chân lông theo thứ lớp, Phật phóng ra ánh sáng như vậy.

Lúc này, Thế Tôn dùng ánh sáng lớn che khắp tất cả vô số chúng sinh khiến tâm họ thư thái, thọ nhận pháp khí và đầy đủ vô lượng trăm ngàn công đức. Bằng lời vi diệu mà nói kệ:

*Ta cho đời an lạc
Giải thoát các ưu khổ
Bị các khổ hành hạ
Thị hiện đạo Niết-bàn.
Các pháp mà ta nói
Tịch tĩnh, lạc, vô úy
Ai biết pháp như thế
Không đọa vào đường ác.
Ai quy y Đức Phật
Người đó được lợi lớn
Qua trăm ngàn ức kiếp
Không còn bị các khổ.*

Như Lai nói kệ xong, trong khoảng sát-na, có chúng Tỳ-kheo và chúng sinh nhiều hơn số trước. Lại có vô lượng vô biên chư Phật nằm trên giường sư tử nghiêng hông bên phải. Chư Thế Tôn ấy ra khỏi

giường sư tử rồi trở lại thị hiện thần thông. Lúc ấy, bốn bộ chúng bạch Phật:

– Bạch Thế Tôn! Chư Phật này trong khoảng sát-na nhập Niết-bàn và hiện thần thông giống như Thế Tôn đã hiện hôm nay.

Phật bảo các Tỳ-kheo:

– Đúng vậy! Đúng vậy! Chư Phật ấy đồng một danh hiệu là Thích Ca Mâu Ni đều nằm trên giường sư tử giữa cây Song thọ rừng Ta-la nơi vùng đất Lực sĩ. Vào cuối đêm nay sẽ nhập Niết-bàn.

Bấy giờ, Đức Thế Tôn nói khắp các Tỳ-kheo ở mười phương: Nam - Tây Nam, phương Bắc - Tây Bắc, phương Bắc - Đông Bắc, phương Đông - Đông Nam và hai phương trên dưới:

– Này các Tỳ-kheo! Các ông thấy vô lượng vô biên chư Phật Thế Tôn ở phương Đông chứng đắc Bồ-đề vô thượng không?

Các Tỳ-kheo thưa:

– Bạch Thế Tôn! Chúng con đã thấy. Bạch Thiện Thệ! Chúng con đã thấy. Chúng con thấy bằng Thế đế chứ chẳng phải dùng Đề nhất nghĩa đế.

Phật bảo các Tỳ-kheo:

– Ví như vì trần đầy khắp bốn thiên hạ, từ nền Kim cang cho đến cung trời Phạm thiên. Này các Tỳ-kheo! Ý các ông thế nào? Có người nào biết số đó không? Nếu dùng ví dụ thì có thể biết số đó không?

Các Tỳ-kheo thưa:

– Bạch Thế Tôn! Không. Không thể biết được. Phật bảo các Tỳ-kheo:

– Ví như vì trần mà trên đây đã ví dụ, vậy bốn thiên hạ thế giới, trăm ngàn ức thế giới đều chứa đầy vì trần - thì này các Tỳ-kheo, tất cả vì trần như vì trần ấy, Ta dùng nhục nhãn đều thấy tất cả. Chư Phật Thế Tôn ở thế giới này trụ tại phương Đông, mỗi bước trên mặt đất chỉ dùng nhục nhãn không ngăn ngại, không phân biệt thì thấy thế giới trước mặt như đã nói vừa rồi. Như vậy phương Nam, Tây, Bắc, bốn góc trên dưới cũng như vậy.

Này các Tỳ-kheo! Ví như các thế giới trong bốn thiên hạ có trăm ngàn ức vì trần đầy khắp, từ nền Kim cang cho đến cung trời Phạm thiên. Mỗi phương có bao nhiêu vì trần thì có bao nhiêu chư Phật Thế Tôn. Ở mỗi phương, Ta đều thấy chư Thế Tôn ấy ngồi nơi đạo tràng. Có vị đã ngồi hoặc mới ngồi. Hết thấy chư Phật Thế Tôn ấy đồng một danh hiệu Thích Ca Mâu Ni. Như vậy, có vô lượng chư Phật đồng một danh hiệu Phật Nhiên Đăng. Ta thấy có chư Phật Thế Tôn với danh tiếng hơn tất cả mà cũng đồng hiệu. Như vậy tất cả chư Phật đồng danh hiệu Liên Hoa Thượng, cũng như chư Phật trên đồng một danh hiệu. Những vị danh xưng trên đồng một danh hiệu như danh hiệu Phật Câu-lưu-tôn, đồng một danh hiệu Phật Câu-na-hàm, đồng một danh hiệu Phật Ca-diếp. Như vậy các Đức Phật đồng một danh hiệu, ở đây ta đều thấy rõ. Đối với thế gian ta đã đắc tối thắng, pháp vi diệu, pháp vô cực. Nếu ai khen ngợi danh hiệu đó đều được căn lành, những danh hiệu của chư Phật đó nhiều vô lượng như vậy. Ở đây, Ta đều thấy rõ chư Phật Thế Tôn ấy. Như vậy hết thấy danh hiệu hiện tại ở thế gian như có vị nhập vào Niết-bàn vô dư, có vị còn trụ ở đời đang chuyển pháp

luân, ở đây Ta đều thấy rõ. Với nhục nhãn vô ngại của Ta đều thấy được như trước mắt.

Này các Tỳ-kheo! Như Lai lại siêu việt hơn sự hiểu biết ấy. Sự hiểu biết siêu việt không thể nghĩ bàn, lại vô lượng vô biên sự không nghĩ bàn. Lại có vô lượng vô biên những tri kiến vô lượng ấy.

Này các Tỳ-kheo! Vì nghĩa đó mà Như Lai có vô biên tri kiến. Như vậy, vô biên không thể tính đếm được. Vậy không thể tính đếm, không thể nghĩ bàn, chỉ dùng nhục nhãn còn thấy, huống gì dùng hết trí pháp của chư Phật.

Này các Tỳ-kheo! Ví như tất cả chúng sinh tại gia hay xuất gia trong cõi này. Giả sử họ đều chứng Bồ-đề vô thượng, đầy đủ mười lực, bốn vô sở úy. Chư Thế Tôn ấy được một thiện nam đem bốn món cúng dường thờ phụng, tôn trọng, cung kính dư một kiếp. Những vật cụ, những sự trang nghiêm nhiều vô lượng vô biên không thể nghĩ bàn. Lại có thiện nam, thiện nữ có lòng tin vào những pháp môn mà hết thấy chư Phật đã nói ra cho Ta hiển hiện, thậm chí chỉ trong một niệm sinh tư tưởng chân chánh không có tâm nghi ngờ thì công đức của người khi phát tâm gần bằng công đức của chư Như Lai, lại vượt hơn tất cả chúng sinh trong ba ngàn đại thiên thế giới, chứng đắc Nhất Thiết Trí của chư Phật. Trải qua nhiều kiếp cúng dường đạt được phước đức tuy nhiều nhưng không bằng người chỉ trong một niệm mà có lòng tin pháp môn này. Nếu có Bồ-tát tin trí này thì vị ấy gần chứng Bồ-đề vô thượng.

Khi Thế Tôn nói công đức của nhục nhãn này thì có sáu mươi hai ức chúng sinh hồi hướng lên ngôi Bồ-đề vô thượng lại sinh thoái tâm. Vì sao? Vì Bồ-đề vô thượng của Phật khó chứng đắc. Ở đây chúng ta chỉ diệt tận các khổ chúng quả lậu tận. Lại có vô lượng vô biên chúng sinh trụ ở học địa. Lại có mười na-do-tha Bồ-tát thành tựu sự phát tâm Bồ-đề đầu tiên. Có ba mươi hai ức Bồ-tát đắc pháp nhãn Vô sinh. Khi ấy Ma vương Ba-tuần sống sót khổ não khóc giã giụa thưa Phật:

– Bạch Thế Tôn! Con làm gì để Đức Như Lai Ứng Cúng Chánh Đẳng Giác sớm nhập Niết-bàn làm cho vô lượng vô biên chúng sinh ra khỏi cảnh giới của con. Bạch Thế Tôn! Nay mặt trời sáng phương Đông chưa xuất hiện. Những Phật sự đã làm trụ một kiếp hay gồm một kiếp cũng chưa có thể hơn sự lợi ích độ thoát số chúng sinh này. Đó là làm cho họ trụ vào đạo Niết-bàn. Ngày nay, Như Lai làm cho cảnh giới của con đều trống không.

Sau khi ma Ba-tuần nói vậy, Đức Phật dạy:

– Các người chớ khóc lóc. Này Ba-tuần! Ngươi còn có những kẻ không làm việc thiện và không có lòng tin. Đó là bạn bè của ngươi đang ở trong cảnh giới của ngươi. Ngươi là bạn của chúng.

Bấy giờ, Đức Thế Tôn dùng móng tay lấy bụi trên mặt đất rồi nói với Ba-tuần:

– Này Ba-tuần! Ý ngươi thế nào? Bụi trên móng tay Ta nhiều hay là bụi trên mặt đất nhiều?

Như Lai vừa nói xong, Ba-tuần thưa:

– Bạch Thế Tôn! Bụi trên móng tay rất ít, không đáng nói. Ba-tuần thưa xong, Phật dạy:

– Ví như bụi đất trên móng tay rất ít. Chúng sinh mà Phật độ nhập Niết-bàn lại ít hơn bụi đất trên móng tay này. Ví như bụi đất trên đại địa nhiều vô lượng vô biên, chúng sinh trong cảnh giới của ngươi cũng nhiều vô lượng vô biên. Này Ba-tuần! Ngươi đừng buồn rầu mà phải hoan hỷ lên. Vì chúng sinh trong cảnh giới của ngươi nhiều như bụi trên mặt đất này. Này Ba-tuần! Nhưng chúng sinh tự tạo nghiệp bất thiện, cách xa Niết-bàn, chứ chẳng phải do ngươi làm ra. Vì sao? Vì cõi chúng sinh không có biên vực. Này Ba-tuần! Ngươi muốn làm gì thì cứ làm. Vào cuối đêm nay, Như Lai sẽ nhập Niết-bàn.

Bấy giờ, Đức Thế Tôn bảo các Tỳ-kheo:

– Này các Tỳ-kheo! Các ông thấy chư Phật ở thế giới này không? Các Tỳ-kheo thưa:

– Bạch Thế Tôn! Chúng con đã thấy. Bạch Thiện Thệ! Chúng con đã thấy.

Phật lại bảo các Tỳ-kheo:

– Các cõi Phật này nhiều vô lượng. Các ông thấy biết sự trang nghiêm của cõi Phật này không? Có thấy sự trang nghiêm thanh tịnh của các Bồ-tát không? Có thấy sự trang nghiêm của các Thanh văn không?

Các Tỳ-kheo thưa:

– Bạch Thế Tôn! Chúng con đã thấy. Bạch Thiện Thệ! Chúng con đã thấy.

Phật lại dạy:

– Như Lai đã thấy biết như vậy, gấp bội sự thấy biết ở trên. Lại liễu tri vô lượng hơn đó nữa.

Này các Tỳ-kheo! Giả sử trong một kiếp Ta nói về sự trang nghiêm

của cõi Phật như vậy thì Ta thấy thế giới mười phương cũng như vậy. Giả sử một trăm kiếp, ngàn kiếp, ức số kiếp, na-do-tha kiếp, thí dụ gấp bội hay phân biệt nhiều đi nữa cũng không nói hết. Nhưng này các Tỳ-kheo, những việc làm của đấng Đạo sư làm thì Ta đã làm cho Thanh văn rồi, Ta cũng đã nói với tất cả mọi nơi rồi. Ta đã chỉ rõ các pháp nội - ngoại và thị hiện chân tâm cũng đã nói hết. Chư Phật không còn giữ riêng một pháp nào cả. Không có việc gì mà không sáng suốt, thậm chí một cọng cỏ, sợi lông mày tóc, Ta cũng đều cho. Các Tỳ-kheo! Từ nay trở đi nên tu như pháp, siêng năng tu hành. Ta đã thị hiện Niết-bàn cho các ông. Ta đã nói đạo Niết-bàn cho các ông rồi và đã thành tựu căn lành cho chúng sinh. Ta được chứng đắc Bồ-đề vô thượng chính là nhờ xưa kia Ta đã tu hành những hạnh rất khổ mà thế gian khó hành, nên ngày nay đối với Đại pháp ấy, các ông nên thọ trì đầy đủ, đừng để chìm mất. Các ông nên tu hạnh như vậy.

Bấy giờ, Thế Tôn hiện đại thần thông, tất cả chư Phật ở mười phương nói pháp và chỗ nói pháp thì chúng sinh ở cõi này đều được nghe biết. Tất cả những lời răn dạy của chư Như Lai ấy làm cho hết thấy giáo pháp mà chúng sinh giữ gìn đều đã chứng tri. Lại có Hằng hà sa chúng sinh trụ vào Tam Chung Trí. Có mười ức trăm ngàn chúng sinh phát tâm Bồ-đề trụ vào Chánh giác Vô thượng. Có mười trăm ngàn ức na-do-tha chúng sinh trụ vào địa Phật-bích-chi. Còn các chúng sinh khác chứng đắc lậu tận. Lần lượt như vậy vô lượng vô biên a-tăng-kỳ không thể đếm, không thể lường, không nghĩ bàn, có na-do-tha chúng sinh sau khi nghe pháp này đều được lợi ích lớn.

Thế Tôn bảo các Tỳ-kheo:

– Này các Tỳ-kheo! Các ông nên biết không còn bao lâu nữa Ta sẽ Niết-bàn. Các ông nên bảo vệ giữ gìn giáo pháp của Như Lai vì lợi mình và lợi người. Tỳ-kheo các ông nên tu học như vậy.

Sau khi nghe Phật giảng nói kinh này xong, A-nan và Trời, Người, Rồng, A-tu-la, Càn-thát-bà v.v... tất cả thế gian đều đánh lễ phụng hành.



SỐ 380

KINH ĐẠI BI

*Hán dịch: Đời Cao Tổ, Tam tạng Na Liên
Đề Na Xá, người nước Thiên Trúc.*

QUYỂN 1

Phẩm 1: PHẠM THIÊN

Tôi nghe như vậy:

Một thời, Đức Thế Tôn an tọa ở giữa hai cây Ta-la, nơi đất của Lực sĩ sinh, thuộc thành Câu-thi-na, chuẩn bị vào Niết-bàn. Bấy giờ, Phật bảo Tuệ mạng A-nan:

– Ông nên trải tọa cụ giữa hai cây Ta-la, sau đêm nay, Ta sẽ vào Niết-bàn nằm nghiêng hông bên phải như sư tử vương. Này A-nan! Ta đã đạt cứu cánh Niết-bàn, đoạn trừ tất cả lời nói hữu vi. Ta đã làm Phật sự viên mãn, pháp cam lồ nhuần thấm khắp nơi, tịch diệt và sâu xa vi diệu, khó thấy, khó biết, khó có thể suy lường, trí sáng suốt biết được các pháp Hiền Thánh. Ta đã ba lần chuyển pháp luân vô thượng, hoặc nếu có Sa-môn, Bà-la-môn, hoặc Trời, Ma, Phạm, Người cùng với pháp thế gian, không ai có thể chuyển được pháp luân vô thượng. Ta đã đánh trống pháp, thổi loa pháp, dựng cờ pháp, đóng thuyền pháp, xây cầu pháp, rưới mưa pháp, đã chiếu sáng khắp ba ngàn đại thiên thế giới, diệt trừ vô minh hắc ám, chỉ bày cho chúng sinh con đường Chánh đạo giải thoát, đầy đủ sự lợi ích cho hàng trời, người, những người đáng độ đều đã được độ. Ta đã hàng phục tất cả ngoại đạo và các phái dị luận, làm động cung điện ma, quật gãy thế lực ma, gầm lên tiếng sư tử, làm các Phật sự, thiết lập sự nghiệp trượng phu, làm viên mãn thệ nguyện xưa, hộ trì pháp nhãn, dạy đại Thanh văn, thọ ký Bồ-tát, làm cho Phật nhãn đời vị lai không bị đoạn mất. A-nan! Sau đêm nay, Ta không còn làm điều gì nữa, chỉ có việc vào Niết-bàn.

Khi nghe như vậy, A-nan cảm thấy đau buồn, sầu thảm, rơi lệ, như bị mũi tên ưu phiền bắn trúng, bạch Phật:

– Thưa Đức Bà-già-bà! Sao Ngài Niết-bàn nhanh quá vậy! Thưa Tu-già-dà! Sao Ngài Niết-bàn nhanh quá vậy! Từ đây con mắt của thế gian bị diệt mất, thế gian cô độc, thế gian từ đây không còn ai cứu hộ, không còn ai dẫn đường.

Lúc đó, Phật bảo Tuệ mạng A-nan:

– Thôi, ông chớ có đau buồn, pháp sinh, pháp hữu, pháp hữu vi, pháp hoại, nếu không diệt thì điều này không thể có. Trước kia, Ta có dạy ông: Tất cả việc mà mình yêu thích, xứng ý thì nhất định sẽ ly biệt, sẽ tan rã. Nay A-nan! Ông đã dùng tâm từ, tâm không hai, tâm thiện và thân nghiệp hiền thuận, phụng dưỡng, hầu hạ Ta không có hạn lượng. Nay A-nan! Nếu hàng trời, người, A-tu-la v.v... cung cấp hầu hạ cúng dường Thanh văn, Duyên giác cho đến giã một kiếp, hoặc mãn một kiếp, so với cung cấp cúng dường hầu hạ Như Lai chỉ trong một niệm, thì phước đức này nhiều hơn phước đức trước. Ông đã cúng dường Phật đại thần thông, cho đến lúc Ngài nhập Niết-bàn thì sẽ được phước lớn, công đức vô lượng vô biên, như cam lồ bậc nhất trong các cam lồ, cam lồ tuyệt đỉnh, Niết-bàn rốt ráo. A-nan, vì vậy ông chớ có buồn rầu, bi ai.

Khi đó, A-nan buồn rầu gạt lệ trải tọa cụ ở giữa hai cây Ta-la, Như Lai nằm nghiêng hông bên phải như sư tử; tức thời các rừng rậm, cây cỏ lớn nhỏ ở trong ba ngàn đại thiên thế giới đều hướng về chỗ Như Lai sắp Niết-bàn. Có cây muốn ngã, có cây ủ rũ, có cây muốn nằm rạp trên đất, có cây ngã nhào trên đất. Các dòng sông, suối, ao, hồ lớn nhỏ trong ba ngàn đại thiên thế giới do thần lực của Phật nên nước đứng yên, không chảy. Các loài cầm thú ở trong ba ngàn đại thiên thế giới, do thần lực Phật nên đứng yên lặng, không kêu, không ăn. Mặt trời, mặt trăng, tinh tú, ánh sáng minh châu cho đến ánh sáng đom đóm trong ba ngàn đại thiên thế giới, do thần lực Phật nên tất cả đều ẩn mất, không ánh sáng nào có thể chiếu sáng. Lửa dữ ở trong ba ngàn đại thiên thế giới, do thần lực Phật nên không cháy, không nóng, không thể thiêu nướng. Tất cả lửa dữ địa ngục ở trong ba ngàn đại thiên thế giới, do thần lực Phật nên đều mát mẻ. Các chúng sinh ở trong địa ngục đó, vì nhờ thần lực Phật nên trong sát-na đều được an lạc. Các súc sinh ở trong ba ngàn đại thiên thế giới, do thần lực Phật nên tất cả đều khởi tâm từ, tâm bi, không còn sân hận, oán hận và giết chóc lẫn nhau, tất cả ngạ quỷ đều không còn đói khát. Do thần lực của Phật nên tất cả chúng sinh, thân tâm vui mừng, phần khởi, lìa được sự khổ, đầy đủ sự vui thích an lạc bậc nhất. Khi Đức Thế Tôn nằm nghiêng hông bên phải thì núi chúa Tu-di,

núi đại Thiết-vi, núi Mục-chân-lân-đà, núi Hương, núi Tuyết và các núi Đen, đại địa, biển cả ở trong ba ngàn đại thiên thế giới, tất cả đều chấn động đủ sáu cách: rung động, nhô lên, vọt cao, chấn động, vang rền, không ai không biết. Tất cả gió xoáy ở trong ba ngàn đại thiên thế giới đều đứng yên không lay động. Trong sát-na, tất cả chúng sinh xả bỏ các hành nghiệp, được sống an vui, lìa sự ngủ nghỉ, tâm không tán loạn, mọi hoạt động đều chấm dứt, im lặng không một tiếng động. Trời, Rồng, Dạ-xoa, Càn-thát-bà, A-tu-la, Ca-lâu-la, Khẩn-na-la, Ma-hầu-la-già, Phạm thiên, Thích thiên, Hộ thế vương v.v... ở trong ba ngàn đại thiên thế giới, do thần lực Phật nên thấy cung điện, giường nằm, chỗ ngồi, vườn cây, tất cả đều tối tăm không còn chút ánh sáng, không đáng ưa thích. Quyến thuộc của họ buồn rầu, phiền não không vui. Phạm Thiên vương làm chủ ngàn thế giới, Đại Phạm Thiên vương làm chủ ba ngàn đại thiên thế giới, tâm cao ngạo tự thị, hiểu thế này: Thế giới và các chúng sinh đây, do ta tạo ra, chính ta biến hóa ra. Do thần lực Phật nên Đại Phạm Thiên vương chủ ba ngàn đại thiên thế giới thấy cung điện, giường nằm, chỗ ngồi v.v... u ám đen tối, không có ánh sáng, không đáng ưa thích. Cõi trời Ma-hê-thủ-la Tịnh Cư... cũng đen tối như vậy. Bấy giờ, Đại Phạm Thiên vương, chủ ba ngàn đại thiên thế giới suy nghĩ: Do thần lực của ai mà hiện ra tướng này, khiến ta không thích cung điện, giường, ghế v.v... Khi đó, Đại Phạm thiên vương quán khắp trong ba ngàn đại thiên thế giới, thấy chủ Đại Tự Tại tạo ra sự giàu có, phú quý; chính là Như Lai Ứng Cúng Chánh Biến Tri, sau đêm nay sẽ vào Niết-bàn, vì thế mà hiện thần lực, biến hóa ra việc không thể nghĩ bàn, chưa từng có. Thần lực này chính là hiện tượng Như Lai sắp vào Niết-bàn. Quán như vậy rồi, Đại Phạm vương ưu sầu không vui, rờn tóc gáy, cùng Phạm chúng vây quanh đi đến chỗ Phật. Các Phạm thiên đó, ở trong ba ngàn đại thiên thế giới, đều đã từng tin thọ thánh pháp, an trụ Thánh pháp.

Bấy giờ, Đại Phạm Thiên vương, chủ ba ngàn đại thiên thế giới, đến chỗ Đức Phật đánh lễ và bạch:

– Cúi xin Thế Tôn dạy cho con trụ như thế nào? Tu như thế nào? Thưa như vậy xong, Như Lai liền hỏi Đại Phạm vương:

– Nay Phạm thiên! Ông nay có thật nghĩ thế này, ta là Đại Phạm thiên, ta có khả năng hơn mọi người, người khác không bằng ta, ta là bậc trí, ta là chủ đại tự tại trong ba ngàn đại thiên thế giới, ta tạo ra chúng sinh, hóa hiện ra chúng sinh, tạo ra thế giới, hóa hiện ra thế giới, có phải vậy không?

Đại Phạm thiên thưa:

– Đúng vậy, thưa Đức Bà-già-bà! Thật đúng vậy, thưa Đức Tu- già-đà!

Phật nói:

– Nay Phạm thiên! Ông vì ai mà tạo ra các thứ đó, ông vì ai mà biến hóa ra các thứ đó?

Lúc đó, Phạm thiên đứng yên, im lặng.

Phật thấy Phạm thiên im lặng, đứng yên, lại hỏi tiếp:

– Nay Phạm thiên! Có lúc ba ngàn đại thiên thế giới bị kiếp hỏa thiêu cháy tàn lụi. Ý ông nghĩ sao? Việc này chính ông tạo ra, chính ông biến hóa ra chăng?

Khi đó, Đại Phạm Thiên vương thưa:

– Không phải, thưa Thế Tôn! Phật nói:

– Nay Phạm thiên! Như đại địa này nương nước mà tồn tại, nước nương gió mà tồn tại, gió nương hư không. Như vậy, đại địa này dày sáu trăm tám mươi vạn do-tuần không bị nứt rạn, không tan rã. Phạm thiên, ý ông nghĩ sao? Việc đó chính ông tạo ra, chính ông biến hóa ra chăng?

Phạm thiên thưa:

– Không phải, thưa Thế Tôn. Phật nói:

– Nay Phạm thiên! Ba ngàn đại thiên thế giới đây, lúc trăm ức mặt trời, mặt trăng lưu chuyển. Ý ông nghĩ sao? Việc này chính ông hóa hiện ra chăng?

Phạm thiên thưa:

– Không phải, thưa Thế Tôn. Phật nói:

– Nay Phạm thiên! Có lúc Nhật Nguyệt Thiên tử không ở trong cung điện, cung điện trống không. Phạm thiên, ý ông nghĩ sao? Việc này chính ông tạo ra, chính ông hóa hiện, chính ông làm tăng trưởng thêm chăng?

Phạm thiên thưa:

– Không phải, thưa Thế Tôn. Phật nói:

– Nay Phạm thiên! Thời tiết Xuân, Hạ, Thu, Đông bốn mùa thay đổi. Ý ông nghĩ sao? Việc này chính ông tạo ra, chính ông biến hóa, chính ông làm tăng trưởng thêm chăng?

Phạm thiên thưa:

– Không phải, thưa Thế Tôn. Phật nói:

– Nay Phạm thiên! Nước, gương, sữa, dầu, ma-ni, pha lê và những

vật trong sáng khác phản chiếu các sắc, tượng như: đất, sông, núi, cây, cỏ, vườn hoa, cung điện, nhà cửa, xóm làng, thành ấp, lạc đà, lừa, voi, ngựa, hươu, chim, thú, mặt trời, mặt trăng, tinh tú, Thanh văn, Duyên giác, Bồ-tát, Như Lai, Thích, Phạm, Hộ thế, nhân, phi nhân v.v... các loại hình tượng màu sắc. Phạm thiên! Ý ông nghĩ sao? Những việc này chính ông tạo ra, chính ông biến hóa, chính ông làm tăng trưởng thêm chăng?

Phạm thiên thưa:

– Không phải, thưa Thế Tôn. Phật bảo:

– Nay Phạm thiên! Các âm vang phát ra từ đồi núi, khe sâu, tiếng lớn, nhỏ của trống, ca, múa, đùa giỡn v.v... tiếng kêu của chim, thú, hươu, người, phi nhân v.v... Phạm thiên! Ý ông nghĩ sao? Những điều này chính ông tạo ra, chính ông biến hóa, chính ông làm tăng trưởng thêm chăng?

Phạm thiên thưa:

– Không phải, thưa Thế Tôn. Phật bảo:

– Như các chúng sinh đang trong giấc mộng thấy các hình sắc, nghe các âm thanh, ngửi các mùi hương, nếm các vị, cảm thụ các loại xúc chạm, biết các pháp hoạt động, đùa giỡn, khóc lóc, rên rỉ, sợ sệt, cảm thọ khổ, vui v.v... Phạm thiên! Ý ông nghĩ sao? Chính ông tạo ra điều này, chính ông biến hóa, chính ông làm tăng trưởng thêm chăng?

Phạm thiên thưa:

– Không phải, thưa Thế Tôn. Phật bảo:

– Như có bốn hạng người là đoan chánh, xấu xí; nghèo khổ, giàu có phước đức nhiều ít; giới thiện, giới ác; tuệ thiện, tuệ ác. Phạm thiên! Ý ông nghĩ sao? Chính ông tạo ra điều này, chính ông hóa hiện ra, chính ông làm tăng trưởng thêm chăng?

Phạm thiên thưa:

– Không phải, thưa Thế Tôn. Phật bảo:

– Nay Phạm thiên! Tất cả chúng sinh có sợ sệt, thống khổ, nỗi hại, như là sợ nước, lửa, dao, gió, mé núi, thuốc độc, ác thú, nhân, phi nhân và thêm nhiều loại nguy hại làm cho kẻ khác thường phải khiếp sợ. Phạm thiên! Ý ông nghĩ sao? Chính ông tạo ra điều này, chính ông biến hóa ra, chính ông làm tăng trưởng thêm chăng?

Phạm thiên thưa:

– Không phải, thưa Thế Tôn. Phật bảo:

– Nay Phạm thiên! Các loại bệnh tật của chúng sinh: bệnh gió, nóng,

lạnh và các bệnh khác, thời tiết thay đổi bốn đại chống trái. Hoặc do nghiệp báo đời trước hoặc do kẻ khác tạo ra như: bệnh mắt, tai, mũi, lưỡi, thân. Hoặc lại có đủ loại sự thống khổ nhiệt não về tâm ý của chúng sinh. Phạm thiên! Ý ông nghĩ sao? Chính ông tạo ra điều này, chính ông biến hóa ra, chính ông làm tăng trưởng thêm chăng?

Phạm thiên thưa:

– Không phải, thưa Thế Tôn. Phật bảo:

– Nay Phạm thiên! Có các nạn như: nước, lửa, trộm cướp, đồng trống nguy hiểm, hoặc trong kiếp đao binh, bệnh dịch cho đến mất mùa đói khát của chúng sinh. Phạm thiên! Ý ông nghĩ sao? Chính ông tạo ra điều này, chính ông biến hóa ra, chính ông làm tăng trưởng thêm chăng?

Phạm thiên thưa:

– Không phải, thưa Thế Tôn. Phật bảo:

– Nay Phạm thiên! Chúng sinh có khổ ái biệt ly, nghĩa là: sự khổ bị chia lìa cha mẹ, anh em, chị em, bạn bè thân thuộc. Phạm thiên! Ý ông nghĩ sao? Chính ông tạo ra điều này, chính ông biến hóa ra, chính ông làm tăng trưởng thêm chăng?

Phạm thiên thưa:

– Không phải, thưa Thế Tôn. Phật bảo:

– Nay Phạm thiên! Các loại nghiệp ác của chúng sinh tạo ra như sinh sống dối chác, buôn bán bằng những nghề: bán rượu, men rượu, đá quý, cầm đồ, gian lận đủ cách hoặc vào biển lớn, đồng trống, chỗ hiểm nguy, đến các phương xa, hoặc chế thuốc tiên và các việc bói toán. Phạm thiên! Ý ông nghĩ sao? Chính ông tạo ra điều này, chính ông biến hóa ra, chính ông làm tăng trưởng thêm chăng?

Phạm thiên thưa:

– Không phải, thưa Thế Tôn. Phật bảo:

– Nay Phạm thiên! Chúng sinh tạo ra các loại nghiệp, vì nghiệp nhân này mà phải thọ quả báo ở địa ngục, súc sinh, ngạ quỷ, người, trời. Thân, miệng, ý của chúng sinh rạo ra hoặc thiện hoặc ác và thế gian có mười nghiệp ác. Tất cả chúng sinh đều không có tâm từ thương xót, tạo ra các việc khổ não không lợi ích, là nhân duyên đưa vào đường ác. Hành động ấy là: sát sinh, trộm cắp, tà dâm, vọng ngữ, nói hai lưỡi, nói lời ác, nói lời thêu dệt, tham, sân, tà kiến. Phạm thiên! Ý ông nghĩ sao? Chính ông tạo ra điều này, chính ông biến hóa ra, chính ông làm tăng trưởng thêm chăng?

Phạm thiên thưa:

– Không phải, thưa Thế Tôn. Phật bảo:

– Nay Phạm thiên! Có các loại khổ của chúng sinh như bị chặt đầu, bị cắt đứt tay chân, bị xẻo tai, mũi v.v... bị rót dầu nóng, bị đốt lửa, chiêm, nẫu; bị dao, kiếm, mâu, giáo đâm chém; bị đánh, trói, nhốt trong lao ngục; bị tranh cãi, cấu xé. Phạm thiên! Ý ông nghĩ sao? Chính ông tạo ra điều này, chính ông biến hóa ra, chính ông làm tăng trưởng thêm chăng?

Phạm thiên thưa:

– Không phải, thưa Thế Tôn. Phật bảo:

– Nay Phạm thiên! Chúng sinh làm việc dâm dục tà hạnh, như: dâm mẹ, chị, em gái, người trì giới trong sạch và làm các nghiệp ác khác. Phạm thiên! Ý ông nghĩ sao? Chính ông tạo ra điều này, chính ông biến hóa ra, chính ông làm tăng trưởng thêm chăng?

Phạm thiên thưa:

– Không phải, thưa Thế Tôn. Phật bảo:

– Nay Phạm thiên! Các việc làm sát hại của chúng sinh như: dùng thuốc độc, dùng bùa chú, dùng chú thuật sai khiến thầy chết hại người, chế thuốc làm mê hoặc người và tạo các loại phương tiện ác nghiệp đoạn mạng sống khác. Phạm thiên! Ý ông nghĩ sao? Chính ông tạo ra điều này, chính ông biến hóa ra, chính ông làm tăng trưởng thêm chăng?

Phạm thiên thưa:

– Không phải, thưa Thế Tôn. Phật bảo:

– Nay Phạm thiên! Trong thế gian có sinh, già, bệnh, chết, ưu, bi, khổ não, pháp vô thường, pháp tận, pháp biến dịch. Có bốn hạng người không dễ gì quên được tất cả những cái hay khiến họ tham đắm, không chán các vật bại hoại, ly tán. Phạm thiên! Ý ông nghĩ sao? Chính ông tạo ra điều này, chính ông biến hóa ra, chính ông làm tăng trưởng thêm chăng?

Phạm thiên thưa:

– Không phải, thưa Thế Tôn. Phật bảo:

– Nay Phạm thiên! Các loại chương tham, sân, si, kiết sử, triền phược và các thứ khổ não trói buộc khác của chúng sinh, do nhân duyên ấy khiến tâm của các chúng sinh mê hoặc, sân hận, chấp chặt, tạo ra vô lượng các loại hành nghiệp. Phạm thiên! Ý ông nghĩ sao? Chính ông tạo ra điều này, chính ông biến hóa ra, chính ông làm tăng trưởng thêm chăng?

Phạm thiên thưa:

– Không phải, thưa Thế Tôn. Phật bảo:

– Này Phạm thiên! Có ba đường ác là địa ngục, súc sinh, ngạ quỷ. Nơi đó, chúng sinh làm các việc, thọ các khổ não. Phạm thiên! Ý ông nghĩ sao? Chính ông tạo ra điều này, chính ông biến hóa ra, chính ông làm tăng trưởng thêm chăng?

Phạm thiên thưa:

– Không phải, thưa Thế Tôn. Phật bảo:

– Này Phạm thiên! Tất cả cây cỏ, dược thảo do hạt giống sinh hoặc không phải do hạt giống sinh, có những cây hoặc mọc dưới nước hoặc mọc trên bờ có hoa, quả, mùi hương. Các loại mùi vị thù thắng như: ngọt, đắng, mặn, cay, chua, chát, tùy theo các chúng sinh ưa thích hay không ưa thích mà làm cho mùi vị đó có tăng giảm. Phạm thiên! Ý ông nghĩ sao? Chính ông tạo ra điều này, chính ông biến hóa ra, chính ông làm tăng trưởng thêm chăng?

Phạm thiên thưa:

– Không phải, thưa Thế Tôn. Phật bảo:

– Này Phạm thiên! Trong năm đường sinh tử thành hoại lưu chuyển, chúng sinh bị vô minh che đậy cùng tương ưng với ái, kiết lưu chuyển mãi xưa nay khó biết, đời vị lai sinh tử lưu chuyển không dứt. Trong ấy, hoặc trời, người, quỷ, Phạm, Sa-môn, Bà-la-môn ở thế gian chẳng chịt như tơ rối, thường lưu chuyển mãi mãi qua lại đó đây. Các chúng sinh này ở trong sự lưu chuyển không biết đường ra. Phạm thiên! Ý ông nghĩ sao? Chính ông tạo ra điều này, chính ông biến hóa ra, chính ông làm tăng trưởng thêm chăng?

Phạm thiên thưa:

– Không phải, thưa Thế Tôn. Phật bảo:

– Này Phạm thiên! Do đâu mà ông suy nghĩ: Các chúng sinh này chính tôi tạo ra, chính tôi biến hóa, chính tôi làm tăng trưởng thêm. Các thế giới này chính tôi tạo ra, chính tôi biến hóa, chính tôi làm tăng trưởng thêm.

Phạm thiên thưa:

– Con vì vô minh tà kiến, chưa đoạn được tâm điên đảo, thường ở chỗ Như Lai nói pháp mà không lắng nghe thọ trì. Con trước đây đã từng thấy sai lầm, nói lời sai lầm: Các chúng sinh đây chính con tạo ra, chính con biến hóa ra; các thế giới đây chính con tạo ra, chính con biến hóa ra. Thưa Thế Tôn! Con nay xin được hỏi: Các thế giới do ai tạo ra? Do ai biến

hóa ra? Tất cả chúng sinh do ai tạo ra? Do ai biến hóa ra? Do ai làm cho tăng trưởng thêm? Do năng lực của ai sinh ra?

Phật bảo:

– Này Phạm thiên! Các thế giới do nghiệp tạo ra, do nghiệp biến hóa ra. Tất cả chúng sinh do nghiệp tạo ra, do nghiệp biến hóa ra, do năng lực của nghiệp sinh ra. Vì sao? Này Phạm thiên! Vì vô minh duyên hành, hành duyên thức, thức duyên danh sắc, danh sắc duyên lục nhập, lục nhập duyên xúc, xúc duyên thọ, thọ duyên ái, ái duyên thủ, thủ duyên hữu, hữu duyên sinh, sinh duyên lão tử, ưu, bi, khổ, não. Do vậy mà có khổ lớn tụ tập. Này Phạm thiên! Vô minh diệt cho đến ưu bi khổ não diệt, trong đó không có tác giả, không có ai an trí tạo ra điều đó, chỉ có nghiệp và pháp, do nhân duyên hòa hợp nên có chúng sinh. Nếu có người thường hay xa lìa sự hòa hợp của nghiệp và pháp thì nên biết người đó hay xa lìa sinh tử luân hồi lưu chuyển. Này Phạm thiên! Như vậy nghiệp thế gian hết thì phiền não hết, khổ hết, khổ chấm dứt. Xuất ly như vậy gọi là đắc Niết-bàn tịch tĩnh. Phạm thiên, nếu ở đó ai đắc Niết-bàn thì nghiệp đã dứt, xa lìa phiền não và hoàn toàn thoát khỏi khổ đau. Các pháp như vậy là do thần lực chư Phật, do chư Phật gia trì mà có. Vì sao? Này Phạm thiên! Vì nếu chẳng phải chư Phật xuất hiện ở đời hiển bày chỉ dạy thì không ai nghe pháp như vậy. Phạm thiên, nếu khi chư Phật Thế Tôn xuất hiện ở đời, hiển bày, chỉ dạy pháp môn quang minh sâu xa tịch tĩnh khó hiểu như vậy, các chúng sinh được nghe pháp sinh rồi từ pháp sinh mà được giải thoát; được nghe pháp già, bệnh, chết, ưu, bi, khổ não, rồi từ pháp già, bệnh, chết, ưu, bi, khổ não mà được giải thoát. Này Phạm thiên! Vì vậy, việc làm của chư Phật là biểu hiện sự gia trì. Phạm thiên, việc làm của chư Phật là khai thị hiển bày. Điều đó có nghĩa: các hành giống như ảo ảnh, vô thường chuyển động không bền chắc, không rốt ráo, là pháp tận, pháp biến dịch. Giả sử sau khi chư Phật diệt độ, chánh pháp diệt mất thì điều đó cũng như vậy. Thị hiện sự gia trì nghĩa là, các hành giống như ảo ảnh. Nếu Phật không thị hiện, tất cả các hành trong khoảng sát-na giống như ảo ảnh thì nên nói tất cả các hành giống như ảo ảnh, như mộng, như âm vang. Này Phạm thiên! Vì chư Phật biết tất cả các hành giống như ảo ảnh, như mộng, như tiếng vang, vô thường chuyển động là pháp tận, pháp biến dịch, cho nên nói các hành giống như ảo ảnh, như mộng, như tiếng vang. Sau khi quán tướng ấy rồi, người trí dựa vào tướng ấy, dựa vào nghĩa nhân duyên ấy mà biết được các hành vô thường chuyển động, là pháp tận, pháp biến dịch phá hoại ly tán. Thời tiết thay đổi trong khoảng sát-na, cho đến trong một ngày đêm, nửa tháng, một

tháng, một năm, trăm năm, một kiếp cho đến trăm kiếp, tất cả đều hoại diệt cùng tận. Có ngọn lửa lớn cháy rồi cũng phải tắt; có dòng nước lớn chảy siết rồi cũng phải ngừng; có gió thổi mạnh rồi cũng phải dứt; thế giới đại địa có rồi cũng thành không; có các núi lớn, như: núi Thiết Vi, núi Đại Thiết Vi, núi Tu-di và các núi Đen v.v... có rồi cũng thành không. Mặt trời, mặt trăng, tinh tú và các hành tinh khác có rồi cũng thành không, không sáng, không chiếu mà lại rơi rụng. Các cung điện của chư Thiên có rồi cũng thành không. Có các cung vua, thành ấp, tụ lạc, cây cối, vườn tược, ao hồ, sự việc ưa thích phát sinh rồi nó cũng phải diệt mất. Các hàng trời, người sinh rồi cũng phải diệt, diệt rồi lại sinh. Các người trí thấy tướng ấy rồi liền sinh tâm nhàm chán xa lìa. Vì thấy các hành này là vô thường, ly tán, hoại diệt, thay đổi, dứt tận nên họ đem lòng tin bình đẳng, bỏ nhà xuất gia. Biết được các hành giống như ảo ảnh, như mộng, như âm vang và thấy nó giống như bóng của mặt trời, mặt trăng, tinh tú v.v... ở trong nước, thấy các ảo ảnh rồi liền dựa vào tướng nhân duyên đó nên đắc được Bồ-đề. Có các kẻ trí nhờ Phật chỉ dạy và cầu bậc thiện hữu dạy dỗ, hoặc tự tư duy biết được các hành giống như ảo ảnh, như mộng, như âm vang mà sinh lòng tin xả tục xuất gia hoặc chứng đắc được quả Tu-đà-hoàn, quả Tư-đà-hàm, quả A-na-hàm, quả A-la-hán. Nếu người Đại thừa thì đắc Sơ nhẫn, hoặc đắc Đề nhị, Đề tam nhẫn và có thể đạt đến Bồ-đề vô thượng. Giả sử sau khi chư Phật diệt độ, ở trong thế gian cũng phải theo đây mà thuyết pháp lưu hành như vậy. Nếu có các chúng sinh được nghe pháp rồi thì đối với tam Thừa sẽ được độ thoát như là Thanh văn thừa, Phật-bích-chi thừa và Nhất thiết chủng trí vô thượng Đại thừa. Phạm thiên, ông nên biết thứ lớp của pháp này cũng là sự gia trì của chư Phật. Vì vậy, người trí thấy tướng ấy rồi, sinh lòng nhàm chán, xa lìa, hay biết các hành là vô thường, khổ, chuyển động không bền chắc, là pháp tận, pháp biến dịch, giống như ảo ảnh, như mộng, như âm vang. Phạm thiên, những thứ này cũng là cảnh giới của chư Phật và là sự gia trì của chư Phật. Có các chúng sinh đã từng tu hành, do đầy mà thành tựu, được nghe âm thanh chánh pháp như vậy rồi nên đối với Như Lai thì đều nhớ nghĩ, cung kính, tin tất cả các hành là vô thường, hoại diệt giống như ảo ảnh, như mộng, như âm vang. Có các chúng sinh đối với chư Phật, họ đã từng tu phạm hạnh, hoặc ở tại gia thọ năm giới, vì nhân duyên này nên hiểu biết được như thật tất cả các hành là vô thường, hoại diệt giống như ảo ảnh, như mộng, như âm vang, biết rồi liền sinh lòng tin, xả tục xuất gia. Chư Phật Thế Tôn tuy chưa xuất hiện ở đời, nhưng vì có sự gia trì của chư Phật như vậy, và do các căn lành đã trồng ở nơi chư Phật

nên họ được Bồ-đề. Này Phạm thiên! Nên biết những thứ này đều là cảnh giới của chư Phật, là sự gia trì của chư Phật. Phạm thiên, ba ngàn đại thiên thể giới đây chẳng phải là quốc độ của Phạm, cũng chẳng phải là quốc độ của lục sư ngoại đạo, mà là quốc độ của chư Phật chúng ta. Này Phạm thiên! Ngày xưa tại nơi đây, Ta tu hạnh Bồ-tát trong vô lượng trăm ngàn ức na-do-tha a-tăng-kỳ kiếp, ở chỗ các Đức Như Lai vô lượng a-tăng-kỳ đã gieo trồng vô lượng a-tăng-kỳ thiện căn, giữ giới cấm thanh tịnh, hoặc tu phạm hạnh và hành vô lượng trăm ngàn ức na-do-tha khổ hạnh khó hành, thâm giữ cội Phật đây sửa sang sắp đặt làm cho trong sạch. Giống như các thiện căn mà chúng sinh đã tu, tùy theo thiện căn thâm sâu mà nơi đó được thanh tịnh, tùy theo đức độ tu hành mà được độ thoát. Ta đã ở trong nhiều kiếp dùng bốn nhiếp sự thu nhận chúng sinh, nghĩa là bố thí, ái ngữ, lợi hành, đồng sự. Do sức thệ nguyện của Ta nên các chúng sinh đó được sinh về cội Phật này, nghe Ta giảng nói pháp liền có thể tin hiểu, lại không tin theo Phạm, Thích, Hộ thế và các Thiên vương Phạm thiên, nên biết như vậy: Đây là cội Phật, chẳng phải là quốc độ của Phạm, Thích, Hộ thế, cũng chẳng phải là quốc độ của Lục sư ngoại đạo.

Lúc đó, chủ thế giới Ta-bà Đại Phạm Thiên vương và trăm ngàn Phạm chúng đều hiện tướng ưu sầu, thưa:

– Chư Phật Thế Tôn thông đạt pháp thắng diệu hiếm có! Đại Phạm Thiên vương chủ ba ngàn đại thiên thể giới ở chỗ Như Lai hiếm khi sinh tâm kính tín, nhưng vì chư Phật hy hữu và có vô lượng, vô tận cảnh giới không thể nghĩ bàn nên Đại Phạm Thiên vương liền quy y làm đệ tử Phật, ở trước Đức Thế Tôn thỉnh cầu lời dạy như thế này: Kính thưa Bà-già-bà là Đại sư của con, Tu-già-đà là Đại sư của con. Cúi xin Thế Tôn chỉ dạy cho con: An trụ như thế nào? Tu hành như thế nào?

Phật bảo Phạm thiên:

– Ba ngàn đại thiên thể giới là cội Phật của Ta, nay Ta đem nó phó chúc cho ông, ông nên thuận theo Ta chớ để cho thiện nhân chân đạo bị đoạn mất, vô thượng Phật nhãn, Pháp nhãn, Tăng nhãn bị đoạn tuyệt, sau cùng chớ làm cho pháp nhân bị diệt. Này Phạm thiên! Sẽ có Trưởng tử Đồng chân Di-lặc Đại Bồ-tát từ miệng Phật sinh, từ pháp hóa sinh, tâm đại bi thương xót sẽ tạo lợi ích cho tất cả chúng sinh được an vui yên ổn. Di-lặc cũng được bổ xứ như pháp ở trong ba ngàn đại thiên thể giới, như Ta ở đây không có sai khác. Hiện nay, ông đã tùy thuận lời dạy của Ta thì cũng nên thuận theo Di-lặc, chớ làm cho chân đạo, pháp mẫu, Phật nhãn, Pháp

nhãn, Tăng nhãn như thật bị đoạn mất. Vì sao? Đây Phạm thiên! Vì trong khoảng thời gian pháp mẫu như thật không bị đoạn mất thì tùy theo đó mà Phật nhãn, Pháp nhãn, Tăng nhãn cũng không bị đoạn mất. Thiên nhãn của Thích, Phạm; nhân nhãn, giải thoát nhãn, cho đến Niết-bàn nhãn cũng không bị đoạn tuyệt. Vì vậy, đây Phạm thiên! Nay Ta phó chúc cho ông ba ngàn đại thiên thể giới cõi Phật đây của Ta. Phạm thiên, như Ta đã chỉ dạy, ông phải nên tùy thuận chớ làm cho pháp nhân sau này bị diệt mất. Lúc ấy, tất cả Phạm thiên, Đại Phạm thiên trong ba ngàn đại thiên thể giới ở trước Thánh pháp đều được lòng tin chân chánh. Đại Phạm Thiên vương chủ ba ngàn đại thiên thể giới ở trong Thánh pháp được chánh tín thâm sâu.



Phẩm 2: THƯƠNG CHỦ

Thời bấy giờ, con của ma tên là Thương Chủ, có lòng kính tín sâu xa đối với Phật. Khi nghe Phật Niết-bàn, ma ôm lòng buồn rầu, sầu não, sợ rồn tóc gáy, nhanh chóng đến chỗ Phật, đánh lễ, lui đứng một bên, bạch Phật:

– Cúi xin Thế Tôn thương xót chúng sinh, làm an lạc chúng sinh, cứu hộ thế gian. Vì thương xót làm lợi ích cho hàng trời, người nên trụ thêm ở đời một kiếp, chớ vào Niết-bàn. Con cũng thương xót các hàng trời, người nên kính thỉnh Thế Tôn như vậy. Thế Tôn chớ làm cho con mất của chúng sinh mù tối quá sớm, chúng sinh không còn ai chỉ dạy, không còn ai dẫn đường, không còn ai cứu hộ, không còn nơi nương tựa, không còn hướng nương về.

Sau khi Thương Chủ thưa như vậy rồi, Phật liền bảo:

– Đây Thương Chủ! Cha của ông là ma Ba-tuần, trước đã thỉnh Ta nhập Niết-bàn, nói thế này: Bà-già-bà nhập Niết-bàn, Tu-già-đa nhập Niết-bàn, Bà-già-bà nay đã đứng lúc nên nhập Niết-bàn. Đây Thương Chủ! Ma Ba-tuần cha của ông đã thỉnh Ta như vậy, Ta tùy thuận ý ông ấy nên đã hứa nhập Niết-bàn. Thương Chủ, vì nhân duyên này, nay đã đến lúc thực hiện điều hứa ấy, nên Ta nhập Niết-bàn.

Thương Chủ lại thưa:

– Bạch Thế Tôn! Ma Ba-tuần chẳng phải là cha của con, chẳng phải là bậc thiện hữu của con. Hẳn thường tìm cầu sự sát hại, là oán gia đại tri

thức ác của con, thường muốn làm cho con không nghe được chuyện hòa hợp, an vui, yên ổn, chỉ làm việc hủy hoại, không muốn làm lợi ích. Thưa Thế Tôn! Đối với con, ma ấy là kẻ hết sức tàn ác, hủy hoại hàng trời, người, là đại oán thù, thường muốn dập tắt ngọn đuốc trí tuệ, ánh sáng trí tuệ và trí lớn sáng suốt. Thưa Thế Tôn! Nếu có người nói lời ngay thẳng chân thật như thế này: Trong các cõi trời, người có một người hết sức cực ác xuất hiện ở đời thì nên biết đó là ma Ba-tuần. Thưa Thế Tôn! Nếu có người nói lời ngay thẳng chân thật như thế này: Có người không làm lợi ích cho bản thân, không làm lợi ích cho kẻ khác, không làm lợi ích cho các chúng sinh mà phát tâm thì nên biết, đó chính là ma Ba-tuần. Thưa Thế Tôn! Nếu có người nói lời ngay thẳng chân thật như thế này: Có người không làm lợi ích, thương xót cho hàng trời, người, ma, Phạm, A-tu-la, Sa-môn, Bà-la-môn, tất cả thế gian, và không muốn làm hòa hợp yên ổn, an lạc, chỉ muốn thoái lui, đọa lạc thọ các khổ não mà phát tâm, thì nên biết đó chính là ma Ba-tuần. Thưa Thế Tôn! Chính con được nghe Thế Tôn nói thế này: Có hai loại người: Một là như pháp, hai là phi pháp. Nên biết việc Thế Tôn đã hứa với ma Ba-tuần nhập Niết-bàn là không như pháp. Cúi xin Thế Tôn chớ có giữ chặt lời hứa đó. Vì tạo lợi ích, thương xót, an lạc cho các hàng trời, người, tất cả chúng sinh nên xả bỏ lời hứa đó, trụ thêm ở đời một kiếp. Nếu Phật trụ dài lâu ở đời thì hàng trời, người được lợi ích, an lạc. Vì vậy, Thế Tôn chớ có vào Niết-bàn quá sớm.

Phật bảo Thương Chủ:

– Lành thay! Lành thay! Vì muốn chúng sinh được lợi ích thì đúng là phải làm như vậy. Nay Thương Chủ! Nếu có người cung cấp cho đại vương quán đánh đặng vị Sát-lợi, hoặc cung cấp cho vương tử, đại thần, hoặc cung cấp cho những người bảo vệ đất nước, thành ấp, làng xóm v.v... thì người này ở chỗ Sát-lợi vương được hưởng phước lộc, chức tước lớn và Sát-lợi vương cũng thường ban phước lộc, che chở phòng hộ cho con, cháu, họ hàng quyến thuộc của người đó. Nay Thương Chủ! Ông nay ở chỗ Như Lai Ứng Cúng Chánh Biến Tri vô thượng pháp vương, sinh lòng tin trong sạch. Vì ông tin trong sạch nên được Như Lai vỗ về và ban phước báo. Ta nay vỗ về ông là vì ông trồng thiện căn, sinh lòng tin trong sạch ở chỗ Phật. Thương Chủ, nên biết như vậy: Nhờ niềm tin thiện căn trong sạch này nên ở đời vị lai sau khi Ta diệt độ, ông sẽ làm Phật-bích-chi hiệu là Bi Mẫn. Nay Thương Chủ! Sau khi Ta Niết-bàn, chánh pháp diệt rồi, chính ma Ba-tuần sẽ rất vui mừng. Vì vui mừng nên đọa vào trong cung ma, đọa trong đại địa ngục A-tỳ thọ đủ vô lượng, vô số khổ não. Vì sao? Vì ma Ba-tuần

sinh vui mừng phấn khởi khi ngọn đuốc tuệ, ánh sáng trí tuệ thù thắng diệt mất. Này Thương Chủ! Nếu có người nói lời ngay thẳng chân thật như thế này: Có người tự làm hại mình, tự phá hoại mình, tự mình làm ác mà phát tâm thì nên biết đó chính là ma Ba-tuần. Vì sao? Này Thương Chủ! Vì sau khi Ta diệt độ, chánh pháp còn trụ ở đời, trong thời gian đó ma Ba-tuần được ở cung ma. Nhưng khi pháp Ta diệt rồi, chính vì ma hết lòng vui mừng, phấn khởi ưng ý nên trong sát-na đó bị đọa vào cung ma, trong địa ngục A-tỳ. Thương Chủ, thí như có người ở trên cây to lớn, cây đó hoa quả sum sê đủ để dùng, người đó ở trên cây thụ hưởng hoa quả một cách khoái khẩu ưng ý, đã thọ dụng rồi liền trở lại chặt phá cành nhánh chỗ mình ở. Thương Chủ, ý ông nghĩ sao? Lúc ấy, người này có còn ở được trên cây đó nữa không? Ở trên cây thọ hưởng an vui rồi, lại chặt gãy cành cây đó, có thể gọi là người trí không?

Thương Chủ thưa:

– Không, thưa Bà-già-bà! Không, thưa Tu-già-đà! Phật bảo:

– Này Thương Chủ! Ma cũng như vậy, thường mong Như Lai Ứng Chánh Biến Tri nhập Niết-bàn, cũng thường vui khi chánh pháp Tỳ-ni của Như Lai bị diệt. Thương Chủ, trong thời gian chánh pháp còn trụ ở đời, trong khoảng thời gian này ma Ba-tuần được an trụ trong cung ma. Nhưng khi pháp của Ta diệt thì ma Ba-tuần sinh vui mừng, hết lòng phấn khởi ưng ý nên bị giam trong cung ma, đọa vào địa ngục A-tỳ. Này Thương Chủ! Ví như người kia ở trên cây vì tự hại nên siêng làm việc phá hoại. Ma cũng như vậy, tự làm hại mình, làm hại kẻ khác mà chuyên cần phát tâm. Thương Chủ, sau khi ma đọa trong địa ngục A-tỳ chịu nhiều thống khổ đau đớn như cái khổ bị cướp đoạt mạng sống, bị khổ xúc chạm xong sẽ nhớ đến Ta và nói thế này: “Như Lai Ứng Cúng Chánh Biến Tri là người nói lời chân chánh, nói lời chân thật, lời nói không hư dối, nói lời lành như thật. Cao quý thay! Thân luật nghi. Cao quý thay! Khẩu luật nghi. Cao quý thay! Ý luật nghi. Khi thân hành thiện, khẩu hành thiện, ý hành thiện thì đạt được quả báo an vui, như ý, từ ái, ưng ý. Còn thân làm ác, nói lời ác, ý nghĩ ác thì thu được quả báo không an vui, không ưng ý, không ưa thích ưng ý. Trước kia, thân ta hành động tương ưng điều ác, miệng nói ra tương ưng điều ác, ý nghĩ tương ưng điều ác. Vì nghiệp báo này nên nay ta bị đọa vào địa ngục, nhận chịu các thống khổ đau đớn cực não như vậy, như cái khổ của người sắp chết, hết sức đau đớn không thể chịu nổi”. Khi ma Ba-tuần nhớ lời nói của Ta nên sinh được lòng tin trong sạch. Được lòng tin trong

sạch rồi, ma liền mạng chung ở địa ngục, sinh về cõi trời Ba Mươi Ba. Vì sao? Thương Chủ, vì nếu đem tâm ác, làm các điều sai trái đối với Như Lai thì khi thân hoại mạng chung sẽ đọa vào địa ngục lớn. Nếu đem tâm từ cúng dường Như Lai, không tìm cầu việc ác thì khi thân hoại mạng chung liền được sinh trong cõi lành của hàng trời, người. Nhờ căn lành này mà được gặp chư Phật, gặp chư Phật rồi lại trồng thiện căn, trồng thiện căn rồi tuần tự sẽ được vô lậu Niết-bàn. Thương Chủ, ông đối với Như Lai Ứng Cúng Chánh Biến Tri sinh lòng tin trong sạch, nhờ thiện căn này ông sẽ được gặp Phật Di-lặc xuất hiện ở đời. Gặp Di-lặc rồi, ông có thể làm thức tỉnh các chúng sinh đang thùy miên, phóng dật v.v... bằng cách nói thế này: Chúng sinh các người, phải nên dừng mãnh chuyên cần làm các việc lành. Như Lai Ứng Cúng Chánh Biến Tri thị hiện ở đời rất hiếm có, cũng như hoa Ưu-đàm đúng thời mới nở, Như Lai cũng vậy, đúng thời mới xuất hiện. Có lúc Phật dạy: Không nơi nào là không có Niết-bàn, thân người khó được, tám nạn khó tránh, gặp được Phật và sinh ra đời ở giữa quốc gia cũng lại rất khó. Vì vậy, các ông cẩn thận chớ có phóng dật, nên chuyên cần tu hành để sau này chớ có hối tiếc. Này Thương Chủ! Ông phải nên vâng lời và lãnh thọ giáo pháp của Phật Di-lặc. Ông phải thường đem tâm từ, tâm bi, tâm không oán thù, tâm thương xót, tâm an vui, tâm quảng đại, tâm hộ trì dưỡng dục mà thu phục dân chúng và quốc độ của Di-lặc vô thượng pháp vương. Ông dùng thiện căn này ở chỗ cung điện ma, theo thứ lớp làm cho nơi đó được bỏ ích, đầy đủ giàu sang và được làm chủ tự tại. Thương Chủ, nếu có chúng sinh ở chỗ Như Lai trồng các căn lành cho đến chỉ phát một tâm niệm trong sạch thì những chúng sinh đó vì căn lành đây mà được gần gũi cam lộ, cam lộ bậc nhất, cam lộ tối thắng. Thương Chủ, nhờ căn lành nên ông ở nơi đó hưởng được nhiều phước báo của hàng trời, người, sau cùng trải qua tám mươi kiếp, ông được làm Phật-bích-chi hiệu là Bi Mẫn. Vì sao? Này Thương Chủ! Vì sau khi nghe Ta Niết-bàn, ông sinh lòng tin trong sạch đối với Ta và khởi lòng thương từ bi đối với chúng sinh, vì muốn làm cho các chúng sinh được an vui nên ông cầu thỉnh Ta trụ ở đời chẳng nên nhập Niết-bàn. Ông lại ở trong giáo pháp Di-lặc thương xót chúng sinh, giác tỉnh cho các chúng sinh đang thùy miên phóng dật, dùng pháp thiện dạy bảo làm cho họ nhớ lại mà không còn phóng dật. Nhờ nhân duyên này nên ông được thọ ký làm Phật-bích-chi. Thương Chủ, Ta sẽ ban cho ông quả báo lành như vậy, chắc hẳn là ông hết sức vui mừng ưng ý. Thương Chủ, những phước báo này là do nhân duyên thiện căn của ông khuyến thỉnh Như Lai. Như Lai sẽ dùng pháp thí để bảo hộ phước báo thiện căn

cho ông.

Khi đó, Thương Chủ lại bạch Phật:

– Thưa Thế Tôn! Nếu Thế Tôn không chấp thuận lời khuyên thỉnh của con mà nhập Niết-bàn, thì con nguyện từ nay cho đến thời pháp trụ, là bỏ năm dục, luôn giữ đạo hiếu, không thích rong chơi, không mặc áo khác, không dùng tràng hoa, hương xoa, hương bột và không thọ dụng quả báo thù thắng của chư Thiên. Vì sao? Chính vì Thế Tôn là vật báu sáng suốt của chúng sinh đang xa lìa con để đi nơi khác, không còn hội hợp, không còn quay lại, trọn không còn thấy Thế Tôn. Thưa Thế Tôn! Làm sao con vui được, làm sao tươi cười được, làm sao có thể thích, làm sao ưng ý được, khi đáng được tuệ lớn, đèn tuệ lớn, đại trí quang minh diệt độ, con có gì mà vui mừng, phấn khởi, ưng ý. Thế Tôn là mặt trời đại trí có vô lượng trăm ngàn ánh sáng quyền thuộc, diệt trừ vô minh tối tăm ám muội, là đáng đại trí sáng suốt diệt độ thì con có gì mà vui mừng, ưng ý. Có gì đáng vui, có gì đáng cười, khi con đang xa lìa vật báu của chúng sinh. Thế Tôn là chúng sinh không thể đo lường, là chúng sinh chẳng khuyết giảm, là chúng sinh sáng suốt, là chúng sinh vô tội, là chúng sinh không si mê, là chúng sinh vô thượng, là chúng sinh tối thượng, là chúng sinh không ai giống, là chúng sinh không ai sánh bằng, là chúng sinh cao tột trong tất cả chúng sinh, là chúng sinh đáng được tất cả chúng sinh cúng dường, là chúng sinh có thể diu dắt tất cả chúng sinh, có thể cứu vớt tất cả chúng sinh, là chúng sinh vi diệu trong tất cả chúng sinh, là đáng điều phục chúng sinh, là đáng thương xót chúng sinh, là đáng nói lời chân chánh, là đáng nói lời chân thật, là đáng nói đúng thời, là đáng nói hợp thời, là đáng nói không sai khác, là đáng tu hành như lời nói, là đáng trụ đại từ bi, là đáng có tâm vô ngại đối với các chúng sinh, là đáng có tâm bình đẳng đối với các chúng sinh, là đáng không hý luận, là đáng vô ngã, ngã sở, là đáng không tích tụ, là đáng không nhà cửa, là đáng không nương dựa ai, là đáng không hóc hiểm, là đáng vô cầu, là đáng cứu giúp, là đáng dẫn đường, là đáng hóa độ, là đáng biết đủ, là đáng cời trôi, là đáng dưỡng dục, là đáng khiến chúng sinh nhớ nghĩ, là đáng khiến chúng sinh tỉnh ngộ, là đáng dạy bảo, là đáng đắc thắng trong chiến đấu, là đáng nhỏ mũi nhọn, là đáng y vương trị tâm bệnh, là đáng bỏ thí nhiều thuốc bổ, là đáng cứu khổ rốt ráo, là đáng thuyết pháp, là đáng giúp Thương Chủ sắp khởi hành đốn, là đáng chỉ chỗ nông cạn, là đáng cầm bánh lái, là đáng cầm đuốc, là đáng phát minh, là đáng tạo ánh sáng, là đáng chiếu sáng, là đáng bố thí nhãn quang, là đáng chỉ đường, là đáng giúp chúng sinh đến cõi nước an ổn, là đáng xa lìa tất cả trần cấu hóc hiểm

gai góc, là đáng không khát ái, là đáng xa lìa các kiết sử, là đáng lìa các ràng buộc, là đáng lìa tham, sân, si, là đáng lìa các phiền não, là đáng lìa giận hờn, kiêu mạn. Đúng thật là đại trượng phu, trượng phu giỏi, trượng phu bậc nhất, trượng phu khỏe, trượng phu dũng mãnh, trượng phu liên hoa, trượng phu phân-đà-lợi, trượng phu rỗng, trượng phu thầy rỗng, trượng phu sư tử, trượng phu thượng thủ, trượng phu chúa tể, trượng phu mạnh, trượng phu voi, trượng phu vô thượng, trượng phu vô thượng điều ngự, đáng đầy đủ các thừa, đáng đủ tất cả các lực, đáng đủ mười lực, đáng đắc bốn vô sở úy, đáng đủ mười tám pháp bất cộng, đáng đắc đại phước trí lực, đáng đầy đủ vô lượng pháp tạng, đáng không ganh ghét, đáng làm đẹp lòng tất cả chúng sinh, đáng đại thí chủ vô thượng, thí chủ tối thắng, tâm không hiềm hận, đáng đắc đại thiên định, đáng đắc cảnh giới các thiên Tam-muội, tam ma bát đề; đáng tuệ vô lượng, đáng tuệ vô chướng, đáng đắc cảnh giới vô đẳng tuệ, đáng bẻ gãy cờ ma, đáng vượt qua bùn nhơ, đáng qua đến bờ kia, đáng trụ ở bờ kia, đáng đến chỗ vô úy, đáng trừ sợ hãi cho tất cả chúng sinh, đáng an ủi tất cả chúng sinh, đáng kiên cố đối với tất cả chúng sinh; sau đêm nay, Thế Tôn sẽ biệt ly, con không còn thấy nữa. Thưa Thế Tôn! Như Lai thường ở giữa các đại chúng cất tiếng sư tử, nhưng từ nay con không còn nghe thì có gì mà vui, có gì mà ưng ý. Thưa Thế Tôn! Ví như có người ở chỗ vua quán đánh Sát-lợi được phước lộc, sau khi vua băng hà thì người đó sinh lòng ưu sầu buồn khổ, biết ân dưỡng của vua, nhớ ân dưỡng của vua mà mình đã từng thọ hưởng. Các chúng sinh đó vì vua ấy nên chuyên nhất gìn giữ đạo hiếu trong một ngày, hai ngày cho đến bảy ngày, hoặc nửa tháng cho đến một tháng nhớ vua mà rơi lệ. Thưa Thế Tôn! Con cũng như vậy. Sau khi Như Lai diệt độ cho đến lúc chánh pháp trụ thế, trong thời gian đó con xả bỏ năm dục, chuyên nhất gìn giữ đạo hiếu, không thích vui đùa, không mặc áo khác, không dùng tràng hoa, hương bột, hương xoa và không thọ dụng phước báo thù thắng của chư Thiên.



Phẩm 3: ĐỂ THÍCH

Bấy giờ, Thích-đề-hoàn-nhân đến chỗ Phật, đánh lễ rồi lui đứng một bên, bạch Phật:

– Cúi xin Thế Tôn chỉ dạy cho con tu hành như thế nào? Thưa Thế

Tôn! Trước kia có một thời, Tứ đại A-tu-la vương mặc áo giáp lát đồng, thắng xe, cùng với quyến thuộc tiến đến cõi trời Ba Mươi Ba khiêu chiến đánh nhau. Lúc chư Thiên và A-tu-la giao chiến thì Thánh giả Mục-liên còn trụ tại thế. Thánh giả Mục-liên đến chỗ tứ A-tu-la, dùng pháp đúng như thật điều phục họ. Nhờ vậy, chư Thiên và các A-tu-la đều được yên ổn, không còn tranh chấp với nhau, phỉ báng chống trái nhau. Thừa Thế Tôn! Đại Mục-liên đã diệt độ rồi, ngày nay Như Lai cũng nhập Niết-bàn. Nếu vậy, sau này mỗi khi chúng con tranh chấp, chống trái nhau, ai sẽ hòa giải? Xin Thế Tôn chỉ dạy, nếu khi bốn A-tu-la vương cùng con tranh chấp nhau thì con dùng phương kế gì để đối trị họ?

Phật bảo Thích-đề-hoàn-nhân:

– Này Kiều-thi-ca! Thôi chớ có ưu bi, chớ có buồn rầu, chớ có lo lắng. Nếu ông giữ giới thì sở nguyện ắt được thành tựu. Chỉ có người giữ tịnh giới mới thành tựu, chứ chẳng phải người không giữ tịnh giới mà được. Người giữ phạm hạnh chứ chẳng phải người không giữ phạm hạnh, người lìa dục chứ chẳng phải người không lìa dục, người lìa sân chứ chẳng phải người không lìa sân, người lìa si chứ chẳng phải người không lìa si, người trí tuệ chứ chẳng phải người không trí tuệ mà được thành tựu. Này Kiều-thi-ca! Từ nay về sau, Ta sẽ bảo hộ ông cho đến lúc chánh pháp của Ta chưa diệt. Nếu khi chư Thiên cùng A-tu-la đánh nhau, ngay lúc đó ông xưng danh hiệu của Ta thì chư Thiên sẽ đắc thắng.

Lúc đó, bốn đại A-tu-la vương nghe Phật nói việc gia hộ, sợ rợn tóc gáy, trong lòng tức giận đến ngay chỗ Phật, đến rồi đánh lễ lui đứng một bên thưa Phật:

– Thừa Thế Tôn! Vì duyên có gì mà Như Lai nói lời gia hộ như vậy.

Phật bảo bốn đại A-tu-la:

– Các ông chớ có buồn rầu, chớ có lo sợ. Có lúc các ông sẽ được đại tự tại hơn cõi trời Ba Mươi Ba, lại không còn đánh nhau, không còn tranh cãi, không còn cạnh tranh, không còn chống trái. Do vậy các ông phải thận trọng chớ có đánh nhau, chớ phỉ báng nhau, chớ tranh luận nhau, chớ có tâm chống trái, nên khởi tâm từ, tâm thương yêu thì sẽ được như ý muốn. Này các nhân giả! Mạng sống không bao lâu, bậc chủ tự tại cũng phải thuận theo sự vô thường. Này các nhân giả! Thế gian có đầy đủ sự hội hợp ắt có sự ly tán. Này các nhân giả! Nên quán triệt để vô thường tế Như Lai dạy, không oán thù các chúng sinh, không chống trái, không tranh giành, thường tạo sự hòa hợp. Hết thấy chúng sinh còn phát tâm bình đẳng, hướng đi các

ông có chút ít thiện căn mà lại vui thích đấu tranh, xâm lấn nhau sao. Này các nhân giả! Nếu khởi tâm não hại kẻ khác thì người này sẽ bị não hại trở lại trong nhiều kiếp. Các nhân giả! Nếu có người ưa thích sát hại thì người này sẽ bị quả báo thọ mạng ngắn ngủi; nếu thích đấu tranh thì người này thường bị quả báo sợ chết, không có bà con quyến thuộc, không có thế lực mạnh. Này các nhân giả! Hai nghiệp thiện và ác trợn không tan mất. Vì vậy, từ nay về sau, các ông phải luôn luôn trụ tâm từ, trụ thân nghiệp từ, khẩu nghiệp từ, ý nghiệp từ, chớ có đấu tranh, chớ tranh giành, chớ phỉ báng nhau. Nhờ nhân duyên này nên các ông đạt được lợi ích an vui trong nhiều kiếp, sau này không có hối tiếc.

Phật nói lời này rồi, bốn đại A-tu-la vương bạch Phật:

– Thật đúng như vậy, thưa Thế Tôn! Thật đúng như vậy, thưa Thiện Thệ! Chúng con xin y theo lời Như Lai dạy, tu như vậy, trụ như vậy. Thưa Thế Tôn! Từ nay về sau con xả bỏ tất cả sự chiến đấu, nhất nhất tu tâm từ bi.

Nghe Phật Niết-bàn, Thích-đề-hoàn-nhân như bị mũi tên ưu sầu bắn trúng, lòng sầu não cực độ, xót thương khóc lóc, rơi lệ bạch Phật:

– Thưa Thế Tôn! Từ nay cho đến lúc pháp trụ, con không còn hưởng thọ năm dục, không vào nội cung, không mặc y phục khác. Đại đức Bà-già-bà giống như bậc gia trưởng qua đời. Là người tri thức được ân dưỡng thì tâm sinh khổ não khi nhớ nghĩ ân xưa, vì nhớ nghĩ ân dưỡng ấy nên đau lòng rơi lệ, chuyên nhất gìn giữ đạo hiếu. Thưa Thế Tôn! Con cũng như vậy. Từ nay cho đến thời pháp trụ, suốt thời gian đó con đau lòng rơi lệ, chuyên trì gìn giữ đạo hiếu, không thọ hưởng năm dục, không vào nội cung, không mặc y phục khác. Vì sao? Vì đáng Đạo sư sáng suốt vô thượng đang cùng con xa lìa, không còn được gặp, không còn hội hợp. Thích-đề-hoàn-nhân thưa như vậy rồi, đứng đó cúi mặt than khóc.



KINH ĐẠI BI

QUYỂN 2

Phẩm 4: LA HẦU LA

Bấy giờ, Đại đức La-hầu-la nghĩ như vậy: Nay ta có gì vui, có gì thích ý, có gì phấn khởi, có gì hào hứng mà kham nhẫn diện kiến Đức Thế Tôn nhập Niết-bàn. Nghĩ như vậy rồi, La-hầu-la hướng về phương Đông bắc cách cõi Phật này mười quốc độ, có thế giới tên là Ma-ly-chi, Đức Phật của thế giới ấy hiệu là Nan Thắng Như Lai Ứng Chánh Biến Tri. Tuệ mạng La-hầu-la ở chỗ Lực sĩ, thành Câu-thì, biến mất, hướng về phương Đông bắc, chỗ Đức Nan Thắng Như Lai Ứng Chánh Biến Tri, đến nơi rồi cúi đầu đánh lễ, lui đứng một bên ưu sầu không vui.

Khi đó, Đức Như Lai Nan Thắng bảo La-hầu-la:

– Nay La-hầu-la! Ông chớ có ưu sầu bi thảm. La-hầu-la, tất cả những điều yêu mến, các việc ưng ý, hữu vi hòa hợp ắt đều ly tán. La-hầu-la, chư Phật Thế Tôn làm Phật sự xong đều vào Niết-bàn, việc này phải vậy thôi. Nay La-hầu-la! Nay ông nên trở về với Đức Thích Ca Mâu Ni Như Lai Ứng Chánh Biến Tri đang nằm nghiêng hông bên phải như sư tử vương, dưới hai cây Ta-la chỗ Lực sĩ sinh, sau đêm nay, Như Lai sẽ nhập vào Niết-bàn trong cảnh giới Niết-bàn vô dư. La-hầu-la, ông phải nên đến đó, nếu Phật Như Lai nhập Niết-bàn thì sau này chắc ông ưu buồn, hối tiếc.

Đức Nan Thắng vừa dứt lời, La-hầu-la bạch:

– Thưa Thế Tôn! Con không chịu đựng nổi khi nghe Đức Thích Ca Mâu Ni Như Lai Ứng Chánh Biến Tri nhập Niết-bàn, huống chi là nhẫn tâm thấy cảnh Phật Thế Tôn đó nhập Niết-bàn. Vì vậy con không kham nhẫn đến đó. Sau khi La-hầu-la thưa như vậy rồi, liền biến mất đi đến phương trên, vượt qua chín mươi chín thế giới, đến thế giới thứ một trăm. Tại thế giới này, có Như Lai Ứng Chánh Biến Tri hiệu là Thương Chủ. Sau khi đến đây, La-hầu-la đánh lễ rồi buồn khóc, ưu sầu lui đứng một bên.

Phật Thương Chủ bảo La-hầu-la:

– Thôi La-hầu-la! Ông chớ có ưu buồn. Nay La-hầu-la! Tất cả các

pháp sinh mà không sinh, già mà không già, bệnh mà không bệnh, chết mà không chết, tận mà không tận, thì điều này không có. Nay La-hầu-la! Thời quá khứ, chư Phật, Thanh văn, Duyên giác lia tịch diệt, nhập Niết-bàn. Thời vị lai, chư Phật, Thanh văn, Duyên giác lia tịch diệt, nhập Niết-bàn. Thời hiện tại, chư Phật, Thanh văn, Duyên giác lia tịch diệt, nhập Niết-bàn. Nay La-hầu-la! Giả sử Như Lai trụ thế một kiếp hoặc trăm kiếp thì cũng phải nhập Niết-bàn như vậy. Nay La-hầu-la! Chư Phật Thế Tôn không có pháp nào khác ngoài Niết-bàn tịch diệt rốt ráo. Nay La-hầu-la! Cứu cánh tịch diệt là định rốt ráo, mát mẻ rốt ráo, diệt tận rốt ráo, an lạc rốt ráo, yên ổn rốt ráo. Điều đó có nghĩa: Không chỗ nào là không phải cảnh giới của Niết-bàn. Nay La-hầu-la! Sinh khổ, già khổ, bệnh khổ, chết khổ, ân ái biệt ly, oán ghét gặp nhau, ước muốn không được, gánh nặng ngũ âm, tất cả đều là khổ. Nay La-hầu-la! Chỉ có Niết-bàn là an vui. Nay La-hầu-la! Ông cũng không lâu sẽ nhập Niết-bàn. Nay La-hầu-la! Ông và Phật Thích Ca Mâu Ni nhập Niết-bàn một chỗ, không sinh, không già, không bệnh, không chết, không ái biệt ly, không oán tắng hội, không điều gì là không thích. Nay La-hầu-la! Ông chớ thương luyến, chớ có ưu buồn, chớ có sầu não. Nay La-hầu-la! Ông nên tư duy: Ai sinh, ai già, ai chết, ai lưu chuyển, ai tái sinh. Nay La-hầu-la! Tất cả đều là chấp giữ điên đảo hư vọng. Vì những phàm phu chưa nghe Thánh pháp, chưa thấy các Thánh, chưa tin Thánh pháp, chưa học Thánh pháp, chưa hiểu Thánh pháp, chưa biết Thánh pháp, chưa trụ Thánh pháp nên tâm điên đảo, tưởng điên đảo, kiến điên đảo. Do điên đảo nên dẫn đến sinh, sinh dẫn đến già, già dẫn đến chết, chết sinh trở lại, lưu chuyển mãi mãi, cháy khô hư hoại, ái luyến ưu sầu, gào khóc xé ruột. Nay La-hầu-la! Tất cả Thánh nhân chỉ lấy pháp Tỳ-ni để dứt tất cả các hành ở trên, không còn tạo tác. Nay La-hầu-la! Việc làm của Đạo sư như vậy đã xong, đã độ xong các đệ tử Thanh văn, không còn gì để làm nữa. Nay La-hầu-la! Ông chớ có bi luyến, chớ có ưu buồn, chớ có sầu não. Nay La-hầu-la! Trong dòng họ Thích, Phật Thích Ca Mâu Ni là đấng Pháp Vương vô thượng tôn quý, ông nên nhanh chóng đến đó cung kính lễ bái cúng dường. Nếu Phật Niết-bàn thì sau này chắc ông ưu buồn hối tiếc. Nay La-hầu-la! Nay tại chỗ đất Lực sĩ, giữa hai cây Ta-la, Phật Thích Ca Mâu Ni nằm nghiêng hông bên phải như sư tử vương, đang suy nghĩ muốn gặp ông. Nay La-hầu-la! Vậy ông nên đến đó nhanh.

Phật Thương Chủ nói như vậy rồi, Tuệ mạng La-hầu-la bạch:

– Thưa Thế Tôn! Con không chịu đựng nổi khi nghe Phật Thích Ca Mâu Ni Như Lai Ứng Chánh Biến Tri nhập Niết-bàn, hướng chi là hẳn

tâm thấy cảnh Phật Thế Tôn nhập Niết-bàn. Nói như vậy rồi, thân tâm của La-hầu-la buồn bã tuyệt vọng, không còn tự chủ, lại nói thế này: Đức Thế Tôn Thích Ca Mâu Ni Pháp Vương vô thượng là đáng tôn quý trong dòng họ Thích, là đáng Pháp Vương vô thượng, là bảo báu của chúng sinh. Con nay sao có thể nhẫn tâm thấy cảnh Phật nhập Niết-bàn. Đức Thế Tôn từ bi thương yêu tất cả thế gian, là đáng mà tất cả hình tướng của thế gian không thể sánh được, là đáng làm đèn sáng cho tất cả thế gian, là đáng làm mắt sáng cho tất cả thế gian, là đáng làm ngọn đuốc tuệ cho tất cả thế gian, là đáng chiếu diệu tất cả thế gian, như mặt trời sáng bị tan mất thì sẽ không còn xuất hiện nữa.

La-hầu-la vừa dứt lời, Thương Chủ Như Lai bảo:

– Thôi La-hầu-la! Ông đừng ưu sầu bi cảm nữa. Nay La-hầu-la! Ông không nghe Phật Thế Tôn đó nói pháp như vậy: Tất cả hành vô thường, tất cả hành là khổ, tất cả pháp vô ngã, Niết-bàn vắng lặng sao. Nay La-hầu-la! Phật Thế Tôn đó nói kệ thế này:

*Các hành vô thường
Là pháp sinh diệt
Sinh diệt, diệt rồi
Tịch diệt là vui.*

La-hầu-la thưa:

– Đúng vậy, thưa Thế Tôn! Đức Phật bảo La-hầu-la:

– Phật Thế Tôn đó, xưa kia không thể không nói thế này: “Hết thấy việc yêu mến, cho đến mọi điều ưng ý, chắc chắn sẽ bị tiêu diệt, ly tán trong thời gian không lâu. Giả sử, có tụ hội lâu thì cũng có ngày ly tán”.

La-hầu-la thưa:

– Đúng vậy, Bà-già-bà! Đúng vậy, Tu-già-đà! Đức Phật nói:

– Nay La-hầu-la! Các pháp hữu vi, pháp sinh, pháp hữu, pháp giác tri, pháp khởi phân biệt, tất cả đều từ nhân duyên sinh, nếu không diệt thì điều này không có.

Lúc ấy, La-hầu-la nhớ Đức Từ Phụ Thích Ca Mâu Ni Như Lai Ứng Chánh Biến Tri, rồi rơi lệ thưa:

– Ngày mai đây, con không còn thấy Phật nói pháp cho các chúng Tỷ-kheo vây quanh. Như trong biển lớn núi Tu-di là chúa, các tướng trang nghiêm phát ánh sáng chiếu khắp. Như trăng tròn các sao vây quanh. Như biển sâu rộng là nơi tích tụ vô lượng các loại bảo báu. Như Chuyển luân

vương có vô lượng quyền thuộc vây quanh. Như núi Tuyết có nguồn sức cảm biết chỗ muôn hoa đua nở. Như núi Thiết-vi tất cả gió dữ chẳng thể lay động. Thế Tôn cũng vậy, tất cả các ngọn gió nghị luận của ngoại đạo không thể làm khuynh động, như hoa sen ở trong bùn không bị pháp thế gian làm ô nhiễm, như Đại Phạm đầy đủ quyền thuộc Phạm, như Đế Thích có ngàn mắt, như chỗ sư tử vương ngồi không có gì sợ sệt, thường xa lìa các sợ hãi hay gầm tiếng sư tử. Ngày mai, con không còn được gặp Phật. La-hầu-la nói lời này rồi, đứng im lặng suy nghĩ, buồn khóc.

Khi đó, Thương Chủ Như Lai bảo La-hầu-la:

– Nay ông hãy nhanh chóng đến chỗ Phật đó, Phật Như Lai ấy đang suy nghĩ muốn gặp ông. La-hầu-la, ông nên đi nhanh chớ có hỏi nữa, ông lưu lại nơi đó thận trọng chớ làm phiền, quấy nhiễu Phật Thế Tôn. La-hầu-la, ông quyết phải về nhanh. Vì sao? La-hầu-la! Vì pháp thường của chư Phật là như vậy. Phật vì từ bi suy nghĩ muốn thấy ông nên chưa nhập Niết-bàn.

Khi đó, La-hầu-la đầu mặt đánh lễ Phật Thương Chủ và biến mất khỏi nơi đó, đến thành Câu-thi nơi đất Lực sĩ sinh giữa hai cây Ta-la. Chỉ trong nháy mắt La-hầu-la đến chỗ Như Lai cũng như vậy, đầu mặt đánh lễ Phật và đi nhiều ba vòng, lui đứng một bên ưu sầu buồn khóc, chấp tay, rơi lệ. Lúc đó, Đức Thế Tôn bảo La-hầu-la:

– Thôi La-hầu-la! Ông chớ có bi luyến, ưu sầu, khóc lóc, tâm sinh phiền não bứt rứt. Nay La-hầu-la! Ông đã hoàn tất việc hầu hạ Ta. Cũng vậy, Ta đã hoàn tất việc nuôi dạy ông. Nay La-hầu-la! Ông chớ có sinh lòng luyến ái, sầu bi hối tiếc. La-hầu-la, Ta cùng các ông vì muốn làm cho tất cả chúng sinh không còn sợ hãi nên đã không gây oán thù, không làm nano hại, chuyên cần tinh tấn, phát khởi tinh tấn dũng mãnh. La-hầu-la, nay Ta nhập Niết-bàn rồi, không còn làm cha cho kẻ khác nữa. La-hầu-la, ông cũng sẽ nhập Niết-bàn, không còn làm con cho người khác. La-hầu-la, Ta và ông, cả hai không làm nano loạn, không gây oán thù.

Khi đó, La-hầu-la bạch Phật:

– Thưa Thế Tôn! Bà-già-bà chớ nhập Niết-bàn, Tu-già-đà chớ nhập Niết-bàn! Cúi xin Thế Tôn trụ thêm ở đời một kiếp nữa để làm cho các chúng sinh thêm nhiều lợi lạc và vì thương xót thế gian, vì tạo lợi ích an lạc cho hàng trời, người.

La-hầu-la thưa như vậy rồi, Phật bảo:

– Nay La-hầu-la! Như Lai Ứng Chánh Biến Tri biết hết các pháp, nên

ở trong thế gian được gọi là Phật. La-hầu-la, nhưng pháp Phật đó không tiêu không mất, không sinh không diệt, không đến không đi, không thành không hoại, không ngồi không nằm, không hợp không tan. Vì sao? La-hầu-la! Vì pháp trụ là như vậy, rốt ráo không sinh, rốt ráo không diệt, tự tánh không, tịch tĩnh Niết-bàn không thuộc vào chúng số, không nơi chốn, không thể nói, chẳng phải là đạo để nói. Còn các pháp của Ta nói ở đây có nghĩa: Trụ rốt ráo, diệt rốt ráo, tịch diệt rốt ráo, xa lìa rốt ráo, lìa dục rốt ráo, không hòa hợp rốt ráo, không làm rốt ráo, dứt tận rốt ráo. La-hầu-la, Ta tùy nghi nói pháp này, giả sử chư Phật nếu có xuất hiện ở đời, hoặc không xuất hiện ở đời thì các pháp vẫn trụ như vậy. Vì pháp thường của các pháp là như vậy, pháp không biến dịch, pháp lìa dục, pháp tự tánh không. La-hầu-la, vì vậy Như Lai chẳng mang giới tự nhập Niết-bàn, chẳng mang định tự, tuệ tự, giải thoát tự, giải thoát tri kiến tự nhập Niết-bàn. Nay La-hầu-la! Ông chớ có bi luyến, chớ có ưu buồn, chớ có sầu cảm. La-hầu-la, tất cả các hành vô thường không cố định, không có chỗ hy vọng, là pháp vô thường biến đổi diệt tận. La-hầu-la, vì vậy phải chấm dứt, xả bỏ không dính mắc các hành, chỉ cầu giải thoát. La-hầu-la, đây là giáo pháp của Ta.

Phật vì La-hầu-la giảng nói phẩm “Kiến thật đế” này thì có sáu mươi Đại đức tâm đều dứt sạch các lậu và được giải thoát, hai mươi lăm Tỷ-kheo-ni tâm cũng dứt sạch các lậu và được giải thoát, vô lượng hàng trời, người xa lìa trần cấu, đắc được pháp nhãn thanh tịnh, sáu vạn tám ngàn các vị Bồ-tát đắc pháp nhãn Vô sinh. Tất cả đều vui mừng phấn khởi khen: Pháp Phật thật không thể nghĩ bàn. Đại chúng đều lấy hoa Ưu-ba-la, hoa Ba-đầu-ma, hoa Câu-mâu-đầu, hoa Phân-đà-lợi tán rải trên Phật, mỗi người tự nói:

– Ở đời vị lai, con cũng sẽ làm thầy của hàng trời, người như vậy, xuất hiện ở thế gian nói: Pháp thế gian vô thượng, Niết-bàn vô tướng như vậy, dùng đại Niết-bàn như vậy mà nhập Niết-bàn.

Sau khi thừa nguyện, các Bồ-tát đó mặc nhiên an trụ.



Phẩm 5: CA DIẾP

Bấy giờ, bên chỗ Phật nằm, A-nan buồn rầu, rơi lệ, tuyệt vọng lăn lộn trên đất như cây đại thọ bị chặt ngã bên sườn núi, thưa Phật:

– Sao Bà-già-bà Niết-bàn nhanh quá vậy! Tu-già-đà Niết-bàn nhanh quá vậy! Đấng đại từ bi, bảo báu của chúng sinh diệt độ nhanh quá, ngọn đèn lớn của thế gian, ngọn đuốc lớn của thế gian, bậc tối thượng trong hàng trời, người diệt độ nhanh quá. Phân-đà-lợi của chúng sinh ở trong thế gian rơi rụng nhanh quá. Bậc Long tượng của chúng sinh khéo tự điều phục, lại hay điều phục chúng sinh, người chưa điều phục khiến được điều phục, diệt độ nhanh quá. Đấng Đạo sư vô thượng, thường hay chỉ bảo thế gian đạo an ổn, diệt độ nhanh quá. Tuệ nhãn cực sáng chiếu khắp thế gian, thường hay dạy bảo thế gian, diệt độ nhanh quá. Từ đây, thế gian mù tối không người dẫn đường. Bậc cha mẹ của chúng sinh ở trong thế gian lâm chung nhanh quá, thế gian cô độc không chỗ cậy nhờ. Tại sao, ngày mai tôi không còn thấy bảo báu của chúng sinh nữa, mà chỉ còn nghe danh.

Lúc đó, Đức Thế Tôn bảo A-nan:

– Thôi A-nan! Ông chớ có ưu buồn bi não, Ta đã từng dạy ông: Tất cả những việc yêu thích, ưng ý, pháp hòa hợp ắt có ly tán. Nay A-nan! Các pháp hữu vi, pháp sinh, pháp hữu, pháp giác tri, pháp nhân duyên, pháp hoại diệt, nếu không tan hoại, thì điều này không có. Các pháp đó nếu trụ được thì điều này cũng không thể có. A-nan, giả sử pháp có tồn tại lâu thì ắt cũng sẽ ly tán như vậy. Vì vậy ông chớ có ưu buồn bi não.

Khi đó, A-nan nhìn chăm chăm, chiêm ngưỡng tôn nhan Như Lai, quán tưởng vậy rồi cũng lại ngã xuống, như cây đại thọ bị chặt ngã bên sườn núi. Phật lại bảo A-nan:

– Thôi! Ông chớ có ưu buồn, bi não, không vì ông ưu buồn mà làm cho Ta trụ thêm ở đời được. A-nan, Ta đã từng dạy ông: Tất cả các việc yêu thích, ưng ý, hữu vi hòa hợp chắc chắn sẽ ly biệt. Giả sử có tồn tại, tụ hội lâu đi nữa thì cũng sẽ hoại diệt. Các hành là như vậy. Nay A-nan! Ông dùng thân, khẩu hiển hòa hiếu thuận Như Lai, tâm không có hai, vô lượng an lạc, không sân, không hận, không có oán thù.

Lúc đó, A-nan đứng dậy lau nước mắt, thưa:

– Bạch Thế Tôn! Con sao không sâu, không bi não được. Con cùng với đấng đại từ bi, bậc ra khỏi tất cả thế gian, bậc thương xót tất cả thế gian, bậc được tất cả thế gian yêu mến, bậc được tất cả thế gian hướng về, bậc dẫn đường cho tất cả thế gian, bậc làm lợi ích cho tất cả thế gian, bậc làm an lạc cho tất cả thế gian, bậc đại bảo sáng suốt của chúng sinh như vậy đang ly biệt.

A-nan khóc lóc thảm thiết, lau nước mắt, thưa:

– Lạ thay! Lạ thay! Các hành là thân chết mà có thể chi phối, có thể làm cho ngọn đèn lớn, ngọn đuốc lớn, mặt trời lớn chiếu vô lượng ánh sáng rực rỡ, sức nóng lan rộng khắp trăm ngàn ức na-do-tha; đại bảo của chúng sinh hiện khắp làm cho thế gian thấy biết cảnh giới niêm tuệ, diệt độ nhanh quá. Đấng đại trí tuệ, đấng đại quang minh, nay ở thế gian diệt độ nhanh quá. Đấng bảo hộ che chở những người cô độc ở thế gian, diệt độ nhanh quá. Như Lai đầy đủ thần thông biến hóa, nay ở thế gian diệt độ nhanh quá. Thưa Thế Tôn! Con làm sao không ưu sầu, không bi não được. Thưa Thế Tôn! Nay con lấy làm lạ, tâm con sao không bị phá nứt ra làm trăm mảnh. Con cũng lấy làm lạ, sao không mạng chung ở trước Phật. Việc như vậy, chắc là do thần lực Thế Tôn gia hộ cho con, nhờ vậy nên con chưa mạng chung. Vì sao? Vì con gần gũi Phật nên được ghi nhận, thọ trì không quên tám vạn bốn ngàn các pháp bảo tạng, nhưng chưa lưu hành rộng khắp cho các cõi trời, người trong mười phương. Thưa Thế Tôn! Nhờ thần lực Như Lai gia hộ nên con chưa mạng chung. Con làm sao không ưu sầu, làm sao không bi não. Thưa Thế Tôn! Con đến thành Ca-tỳ-la nơi Thế Tôn sinh, khi dòng họ Thích tập hợp, con nên nói những gì? Có thể con nói ngày Phật Thích Ca Mâu Ni Pháp Vương vô thượng tôn quý trong dòng họ Thích nhập Niết-bàn rồi chăng? Con đến thành Vương-xá chỗ vua A-xà-thế con của Tỳ-đề-hy, nên nói những gì? Con có thể nói ngày Phật Đại Sư Y Vương có khả năng nhổ mũi tên nghiệp vô gián cho thế gian diệt độ rồi chăng? Con đến rừng Kỳ Đà, trưởng giả Cấp Cô Độc hỏi: Khi nào Như Lai đến khu vườn rừng Kỳ Đà - Cấp Cô Độc? Con nên đáp thế nào? Con đến thành Tỳ-xá-ly, trước mặt các Ly-xa-tử, nên nói những gì? Con có thể nói Tôn sư hết lòng thương xót thế gian diệt độ rồi chăng? Thiện nam, thiện nữ ở các phương cũng đến hỏi nghĩa này, con nên đáp làm sao? Con có thể nói đấng đại trí thế gian, bậc trí tuệ đoạn trừ tất cả nghi diệt độ rồi chăng? Các chúng Tỳ-kheo ở khắp mọi phương, vì muốn thấy Phật để cúng dường, lễ bái, vì bố-tát nên có người đến hỏi thăm Thế Tôn, có người đến hỏi pháp, có người đến hỏi nghĩa, nhưng con không thấy, không nghe họ nói đấng pháp thượng nhân. Sau khi Thế Tôn diệt độ, người tu phạm hạnh ở đời có các thần thông biến hóa cũng diệt độ. Con làm sao không ưu sầu, làm sao không bi não!

A-nan thưa như vậy rồi, Phật lại bảo:

– Thôi A-nan! Ông đừng ưu sầu nữa, phạm hạnh của Ta sẽ lưu hành rộng khắp, trụ lâu dài ở thế gian, tạo lợi ích cho hàng trời người. A-nan, sau khi Ta diệt độ hơn bốn trăm năm, Ca-diếp cùng ông và các đệ tử lần lượt thừa kế phát triển mở rộng thần thông biến hóa, tu hành phạm hạnh

tạo lợi ích cho hàng trời, người. A-nan, ông chớ có ưu buồn, chánh pháp của Ta sẽ lưu hành rộng khắp, trường tồn ở thế gian làm lợi ích cho hàng trời, người. A-nan, sau khi Ta Niết-bàn, Tỳ-kheo Ca-diếp cùng ông phát tâm tập hợp pháp Bồ-đề vô thượng của Ta, trải qua a-tăng-kỳ ức na-do-tha kiếp làm tăng ích các pháp lành, khiến không đoạn mất. Vì sao? A-nan, vì Tỳ-kheo Ca-diếp thiếu dục, tri túc, tinh tấn, viễn ly, không thích vọng niệm, không thích hý luận, định tuệ hiện tiền. A-nan, Tỳ-kheo Ca-diếp đối với đại chúng thường hay chỉ bày giáo pháp tạo lợi ích an vui, đối với các bạn đồng tu thuyết pháp không mỏi mệt, giống như cha mẹ. Này A-nan! Sự hiểu biết của Tỳ-kheo Ca-diếp hơn hẳn bốn chúng, thương xót thế gian, vì muốn các hàng trời, người, chúng sinh được lợi ích an lạc nên phát tâm như vậy.

A-nan bạch Phật:

– Thưa Thế Tôn! Tỳ-kheo Ca-diếp làm lợi ích an lạc cho bao nhiêu chúng trời, người?

Phật bảo A-nan:

– Tỳ-kheo Ca-diếp khi nhập Niết-bàn, thệ nguyện: Sau khi diệt độ, con nguyện dùng thần lực gia trì làm cho thân thể, y áo, tóc lông, màu da, các căn, chân tay v.v... không biến hoại. Đến khi Di-lặc Như Lai Ứng Chánh Biến Tri xuất hiện ở đời, thì thân ấy của con thấy Đức Thế Tôn đó cùng chúng hội đầu tiên của Ngài. Cũng vậy, ở chúng hội lớn thứ hai, thứ ba, vì nguyện lực gia trì nên con sẽ khiến cho hằng trăm chúng sinh, hằng ngàn chúng sinh, hằng ngàn vạn chúng sinh, hằng trăm ngàn ức na-do-tha chúng sinh đắc quả Thánh đạo. Hoặc Phật Di-lặc thấy thân thể, y áo của con không biến hoại và cả Thanh văn ba hội cũng thấy thân con, các căn, chi tiết, ca-sa v.v... không biến hoại. Sau đó, con ở giữa không trung tự hỏa táng thân mình, thân hỏa táng rồi mà không có tro, than. A-nan, đó là Ca-diếp phát tâm làm lợi ích an lạc cho chúng sinh. A-nan, Tỳ-kheo Ca-diếp vì nguyện lực gia trì như vậy, nên thành thực được các chúng sinh như vậy, rồi mới nhập Niết-bàn. A-nan, Tỳ-kheo Ca-diếp nhập Niết-bàn rồi, sẽ có bốn núi đá đến chỗ Ca-diếp, hợp lại thành một phủ che thân ấy. A-nan, chính thân Ca-diếp ở trong bốn núi đá đó không bị biến hoại cho đến lúc Phật Di-lặc xuất hiện ở đời, thân Tỳ-kheo Ca-diếp trụ không hoại và y ca-sa cũng trụ không hoại. Vì sao? A-nan, vì người trì giới thanh tịnh, người tu phạm hạnh, người có trí tuệ nên sở nguyện được thành tựu. Chẳng phải người không trì giới thanh tịnh, không tu phạm hạnh, không có trí tuệ mà

có thể thành tựu được ước nguyện. A-nan, Tỳ-kheo Ca-diếp, trước vì nguyện lực gia trì nên nhập Niết-bàn, sau khi Niết-bàn, tóc, lông, máu, thịt, các căn, tay chân v.v... của thân Ca-diếp không bị biến hoại, cho đến y áo cũng không biến hoại, và thân ấy cũng không có mùi hôi thối, cho đến lúc Di-lặc xuất hiện ở đời. A-nan, khi Phật Di-lặc xuất hiện ở đời, cùng với chín mươi sáu ức Tỳ-kheo trong hội thứ nhất đến chỗ Ca-diếp. A-nan, chính Phật Di-lặc chỉ thân Ca-diếp cho chín mươi sáu ức Tỳ-kheo và nói như vậy: Này các Tỳ-kheo! Đây là Tỳ-kheo Ca-diếp ở trong pháp Thích Ca Mâu Ni Như Lai, làm đại Thanh văn trụ hạnh Đầu-đà tối thắng, thiếu dục, tri túc, tinh tấn, viễn ly, không thích vọng niệm, không thích hý luận, định tuệ hiện tiền, đối với chúng sinh thường hay chỉ dạy giáo pháp tạo lợi ích an vui, đối với các bạn đồng tu thuyết pháp không mỏi mệt như cha mẹ. Này các Tỳ-kheo! Sự hiểu biết của Tỳ-kheo Ca-diếp sâu xa hơn hẳn bốn chúng, tùy thuận các chúng sinh, dứt sạch các nghi. Này chư Tỳ-kheo! Các ông quán xem Ca-diếp, vì thương xót thế gian, vì muốn làm an lạc lợi ích cho các chúng trời, người nên đã phát tâm như vậy. A-nan, Di-lặc Như Lai Ứng Chánh Biến Tri cùng hội thứ hai, chín mươi bốn ức Tỳ-kheo đến chỗ Ca-diếp. Cho đến hội thứ ba, chín mươi hai ức Thanh văn cùng Di-lặc đến chỗ Ca-diếp. A-nan, khi đó Phật Di-lặc chỉ cho chúng Tỳ-kheo chín mươi hai ức, và nói: Tỳ-kheo Ca-diếp này, ở trong pháp Thích Ca Mâu Ni Như Lai, là bậc Thanh văn tối đại, trụ hạnh Đầu-đà tối thắng, thiếu dục, tri túc cho đến phát tâm vì muốn làm lợi ích an lạc cho tất cả chúng trời, người. A-nan, lúc đó Di-lặc Như Lai ung dung thư thái dùng cánh tay phải sắc vàng rờ trên đánh đầu Ca-diếp, quán sát các Tỳ-kheo và nói: Này các Tỳ-kheo, sau khi Phật Thích Ca Mâu Ni diệt độ, Tỳ-kheo Ca-diếp này đã gìn giữ truyền bá rộng rãi chánh pháp. Còn sau khi Ta diệt độ, ở trong chúng đây không có một ai có thể gìn giữ và truyền bá rộng chánh pháp của Ta như Tỳ-kheo Ca-diếp. A-nan, chính Tỳ-kheo Ca-diếp đối với hội lớn thứ ba đó, vì nguyện gia trì xưa nên sẽ trụ giữa hư không hiện các loại thần thông, biến hóa vô số, rồi tự hỏa táng thân mình, hỏa táng thân xong mà không có tro, than. Lúc Phật Di-lặc còn đang ở đó, Ca-diếp phát khởi vậy rồi, vì các chúng Tỳ-kheo chín mươi hai ức nên nói vô số pháp làm cho hằng trăm, hằng ngàn, hằng ức na-do-tha trăm ngàn trời, người đắc quả thánh đạo. A-nan, Tỳ-kheo Ca-diếp phát tâm làm lợi ích cho nhiều chúng sinh như vậy, ông cũng phát tâm làm lợi ích, an lạc nhiều cho chúng sinh như vậy. Tỳ-kheo Ca-diếp cùng ông phát tâm gìn giữ chánh pháp của Ta, dùng thần thông biến hóa đủ loại, tu hành phạm hạnh, thường hay làm lợi ích các

chúng trời, người, trải qua bốn trăm năm.



Phẩm 6: GIỮ GÌN CHÁNH PHÁP

Bấy giờ, Đức Thế Tôn lại bảo A-nan:

– Ông chớ có ưu buồn, bi não! Phạm hạnh của Ta sẽ lưu hành cùng khắp, đều có thể làm tăng thêm lợi ích cho các chúng trời, người. Này A-nan! Sau khi Ta diệt độ, tại núi Ưu-lâu-mạn-trà, thành Ma-thâu-la, có Tăng-già-lam tên là Na-trì-ca. Tại đó, sẽ có Tỳ-kheo tên là Tỳ-đề-xa, thần thông quảng đại, đủ đại oai lực, đắc đạo chánh trí, đa văn vô úy, trì kinh, trì luật, trì luận, khai thị, diễn nói giáo pháp cho các bạn đồng tu không mỏi mệt. Tỳ-kheo ấy, cũng sẽ phát khởi thần thông biến hóa, tu hành phạm hạnh, truyền bá chánh pháp của Ta rộng khắp, làm tăng thêm lợi ích cho hàng trời người. A-nan, ông chớ có ưu buồn bi não! Sau khi ta diệt độ, cũng tại núi Ưu-lâu-mạn-trà, trong Tăng-già-lam Na-trì-ca có Tỳ-kheo tên Đề-trì-ca, thần thông quảng đại, đầy đủ oai lực, thuyết pháp cho các bạn đồng tu không mỏi mệt và thường làm cho pháp của Ta lưu hành rộng khắp, làm tăng thêm lợi ích cho hàng trời, người. A-nan, ông chớ có ưu buồn, bi não! Sau khi ta diệt độ, ở bên cạnh núi Ưu-lâu-mạn-trà có núi tên là Ưu-thi-la. Tại đó, có bốn vạn Tỳ-kheo hội hợp, thần thông quảng đại, đầy đủ oai lực, tất cả đều có khả năng đắc đạo chánh trí, đa văn vô úy, trì kinh, trì luật, trì luận. Họ đều có khả năng chỉ dạy lợi ích, an vui, thuyết pháp cho các bạn đồng tu không mỏi mệt. Các Tỳ-kheo tại đó, có thần thông biến hóa, tu hành phạm hạnh khiến cho chánh pháp của Ta lưu hành rộng khắp, đều có thể làm tăng thêm lợi ích cho các chúng trời, người. A-nan, ông chớ có ưu buồn, bi não! Sau khi Ta diệt độ, lại ở bên cạnh núi Ưu-lâu-mạn-trà sẽ có Tỳ-kheo tên là Ưu-ba-cúc-đa, thần thông quảng đại, đầy đủ oai lực, cho đến cũng hay phát khởi thần thông biến hóa, tu hành phạm hạnh làm cho chánh pháp của Ta lưu hành rộng khắp, làm tăng thêm lợi ích cho các chúng trời, người. Ở đó, sẽ có ngàn vị A-la-hán tập hợp, các chúng Tỳ-kheo tám vạn tám ngàn người cùng nhau bố-tát yết-ma một hội, tâm không khi dối, thọ ký cho nhau. Các Tỳ-kheo đó đều hay phát khởi thần thông biến hóa, tu hành phạm hạnh làm cho chánh pháp của Ta lưu hành rộng khắp, có khả năng làm tăng thêm lợi ích cho các chúng trời, người. A-nan, ông chớ có

ưu buồn, bi não! Chính Ưu-ba-cúc-đa và các đệ tử, mỗi mỗi đều hay làm cho chánh pháp của Ta lưu hành rộng khắp, thường hay hiển bày chánh pháp cho các hàng trời, người. A-nan, ông chớ ưu buồn bi não! Sau khi Ta diệt độ, tại thành Ba-ly-phất có Tăng-già-lam tên là Bạt-đa-ni. Nơi đó, có Tỳ-kheo tên là A-thâu-bà-cúc-đa đầy đủ ba minh, sáu thông và tám giải thoát, có hai phần thiền, trí giải thoát tự tại, thần thông quảng đại, đầy đủ oai lực. Tỳ-kheo đó cũng hay phát khởi thần thông biến hóa, tu hành phạm hạnh làm cho chánh pháp của Ta lưu hành rộng khắp, đem lại lợi ích cho hàng trời, người. A-nan, ông chớ có ưu buồn bi não! Sau khi Ta diệt độ, lại ở thành Ba-ly có Tăng-già-lam tên là Cru-cru-tra. Nơi đó, có Tỳ-kheo tên là Uất-đa-la, thần thông quảng đại, đầy đủ oai lực, cho đến cũng có khả năng phát khởi thần thông biến hóa, tu hành phạm hạnh làm cho chánh pháp của Ta lưu hành rộng khắp, đem lại lợi ích cho hàng trời người. A-nan, ông chớ có ưu buồn, bi não! Phạm hạnh của Ta sẽ lưu hành rộng khắp, thường hay làm tăng thêm lợi ích cho các chúng trời người. A-nan, sau khi Ta diệt độ, tại nước Ương-già sẽ có các Thanh văn đệ tử của Ta mở hội Bát-già-bạt-sắc-già. Ở đó, sẽ có hơn một vạn ba ngàn A-la-hán hội họp. Tất cả những vị này đều có thần thông quảng đại, đầy đủ oai lực, có khả năng thuyết pháp cho các bạn đồng tu không mỏi mệt. Trong hội đó, có Thượng tọa tên là Thiết-đà-sa-trà thần thông quảng đại, đầy đủ oai lực, có khả năng thuyết pháp cho các bạn đồng tu không mỏi mệt. Những người đó cũng có khả năng phát khởi thần thông biến hóa, tu hành phạm hạnh, làm cho chánh pháp của Ta lưu hành rộng khắp và làm tăng thêm lợi ích cho các chúng trời, người. A-nan, ông chớ có ưu phiền, bi não! Sau khi Ta diệt độ, tại thành Kim-bát-tất-đa sẽ có hai Tỳ-kheo trong dòng Bà-la-môn đi xuất gia. Một vị tên là Tỳ-đầu-la, vị kia tên là San-xà-già. Hai vị đó đều có thần thông quảng đại, đầy đủ oai lực, có nhiều năng lực, thường hay phát khởi thần thông biến hóa, tu hành phạm hạnh, làm cho chánh pháp của Ta lưu hành rộng khắp, làm tăng thêm lợi ích cho hàng trời, người. Nay A-nan, sau khi Ta diệt độ, tại thành Bà-kê-đa có Tỳ-kheo tên Đại Tinh Tấn, thần thông quảng đại, đầy đủ oai lực, cũng hay phát khởi thần thông biến hóa, tu hành phạm hạnh, làm cho chánh pháp của Ta lưu hành rộng khắp trong các cõi trời, người. A-nan, ông chớ cơ ưu buồn, bi não! Sau khi Ta diệt độ, sẽ có Tỳ-kheo Mạc-điền-đề đầy đủ ba minh, sáu thông, tám giải thoát, hai phần thiền, trí giải thoát, tự tại, thần thông quảng đại, đầy đủ oai lực, cho đến thường hay nói pháp cho các bạn đồng tu không mỏi mệt. Trong sông Kế Tân, phía Bắc nước Thiên Trúc có vô lượng các rồng, Dạ-xoa, Càn-

thất-bà v.v... thân to khỏe mạnh, sống tại sông đó. Chính Tỳ-kheo Mạc-diền-đề đến con sông đó, chiến đấu với bọn rồng, Dạ-xoa, Càn-thát-bà v.v... Mạc-diền-đề dùng thần thông biến hóa, đem pháp hàng phục các rồng, Dạ-xoa, Càn-thát-bà v.v... khiến cho chúng kính tín. Sau khi chúng đã kính tín, Mạc-diền-đề cho dân chúng đến ở sông Kế Tân đó và dựng lập các Tăng-già-lam có nhiều Thanh văn, hàng trăm, hàng ngàn chúng Thanh văn tụ hội. Chính Tỳ-kheo Mạc-diền-đề làm cho trú xứ đó được đầy đủ các việc lành trong tất cả thời. A-nan, nếu Ta tán dương, rộng nói đầy đủ công đức của Mạc-diền-đề thì không thể cùng tận. A-nan, chính Tỳ-kheo Mạc-diền-đề được đầy đủ các công đức, có khả năng làm cho pháp Tỳ-ni, thần thông, phạm hạnh của Ta lưu hành rộng khắp trong các cõi trời, người. A-nan, ông chớ có ưu buồn, bi não! Sau khi Ta diệt độ, tại nước Càn-đà-la phía Bắc nước Thiên Trúc sẽ có Tỳ-kheo tên là Ca-diếp thần thông quảng đại, đầy đủ oai lực, có nhiều khả năng, đắc đạo chánh trí, đa văn vô úy, tri kinh, tri luật, tri luận, cho đến cũng hay làm cho chánh pháp của Ta lưu hành rộng khắp. A-nan, ông chớ có ưu buồn, bi não! Sau khi Ta diệt độ, tại thành Đắc-xoa-thi-la phía Bắc nước Thiên Trúc, có trưởng giả tên là Xà-tri-ca giàu sang, quyền thế, uy danh chấn động khắp nơi, tiền của bảo báu rất nhiều, tương xứng với công đức, trí tuệ đầy đủ, tướng hảo đoan nghiêm bậc nhất. Trưởng giả Xà-tri-ca đó có lòng tin thâm sâu, cung kính, tôn trọng, tán thán, cúng dường Ta và các Thanh văn, tích tụ căn lành Bồ đề theo thứ lớp. Ở đời vị lại mãn ngàn kiếp rồi, trưởng giả đó sẽ đắc Bồ-đề vô thượng, thành Phật hiệu là Phổ Quang, kiếp tên là Tảo Hiền, thế giới tên là Cự Đại Trang Nghiêm. A-nan, trưởng giả Xà-tri-ca đó sẽ lưu hành chánh pháp của Ta trong các cõi trời, người. A-nan, ông chớ có ưu buồn, bi não! Sau khi Ta diệt độ, ở phía Bắc nước Thiên Trúc có vương đô tên là Phú-ca-la-bạt-đế, đời sống muôn dân phong phú hưng thịnh, an vui yên ổn. Nơi đó, có rất nhiều Bà-la-môn, trưởng giả, cư sĩ hành trì thuận theo kinh điển, có lòng tin sâu sắc, cung kính, tôn trọng ngợi khen, cúng dường Ta và các Thanh văn. Ở đó, có vô lượng đệ tử Thanh văn, thần thông quảng đại, đầy đủ oai lực, có nhiều khả năng. A-nan, ở đó có nhiều trưởng giả, cư sĩ đắc đạo chánh trí, đa văn vô úy, đủ đại trí tuệ. A-nan, vương đô Phú-ca-la-bạt-đế đó có các bạch y tại gia sau khi mạng chung liền sinh lên cõi trời Đâu-suất, còn những người xuất gia đều đọa vào địa ngục. Vì sao? Vì họ không trụ giới, không trụ luật nghi. Này A-nan! Bà-la-môn, trưởng giả, cư sĩ v.v... ở vương đô Phú-ca-la-bạt-đế sẽ nghĩ thế này: Chánh pháp của Phật Thích Ca Mâu Ni chắc sẽ diệt mất. Vì sao? Vì các Tỳ-kheo tham cầu mọi thứ lợi

dưỡng lòng không biết chán, hủy phạm nhiều giới cấm, tâm tán loạn, không thích chốn núi rừng thanh vắng, bỏ mất niềm vui thiền định. Trong bốn chúng, có một số người thường cùng phá giới trái đạo. Họ cùng với các Bà-la-môn, trưởng giả, cư sĩ v.v... kết thân, gần gũi, không còn kính trọng, qua lại biếu tặng đồ quý, bày tiệc ăn uống, chẳng sống theo luật nghi, không có hổ thẹn, hành dâm với vợ, con của những người đó. Các bà là môn, trưởng giả, cư sĩ v.v... thấy, nghe những Tỳ-kheo đó làm việc phi pháp thì hết lòng sợ sệt, buồn rầu ưu não, nói thế này: Chánh pháp Phật có thể chìm mất chẳng! Cũng tại vương đô Phú-ca-la-bạt-đế đó, có một Ưu-bà-tắc tên là Pháp Tăng, thần thông quảng đại, đầy đủ oai lực, có phước đức lớn, đắc đạo chánh trí, đa văn vô úy, trì kinh, trì luận, dùng phương tiện khéo léo. Chính Ưu-bà-tắc đó, vì muốn làm cho Bà-la-môn, trưởng giả, cư sĩ v.v... sinh lòng kính tín, nên bay lên không trung chỉ dạy giáo pháp lợi ích an vui thế này: Tất cả mọi người hãy bình tĩnh, chớ có sợ hãi, chớ có nghi ngờ, chớ có lo buồn. Chánh pháp của Phật Thích Ca Mâu Ni vẫn còn tồn tại ở đời, các người hãy phát khởi tinh tấn, chuyên cần tạo các nghiệp lành. Ai chưa đắc thì sẽ được đắc, ai chưa chứng thì sẽ được chứng, ai chưa đạt thì sẽ được đạt. Thánh pháp nay ở đây, các người hãy nên nhanh chóng tìm cầu. Tức thời Bà-la-môn, trưởng giả, cư sĩ v.v... tâm đều vui mừng hành bố thí, tạo các công đức. Đối với xá-lợi của Ta họ trang sức, cung kính, gìn giữ. Đối với các Thanh văn, họ chuyên cần cúng dường, lắng nghe, ghi nhận, đọc tụng và truyền đạt giáo pháp lại cho kẻ khác, thọ trì giới cấm, siêng tu thiền định. Các Bà-la-môn, trưởng giả, cư sĩ v.v... được pháp Tăng đó chỉ dạy giáo pháp lợi ích, an vui nên tất cả đều hướng về đường lành và đường Niết-bàn. A-nan, Ưu-bà-tắc đó cũng hay làm cho chánh pháp của Ta lưu hành rộng khắp, làm tăng thêm lợi ích cho hàng trời người. Này A-nan! Sau khi Ta diệt độ, cũng có nhiều người thế tục ở trong pháp của Ta được lòng kính tín sâu sắc. Trong đời quá khứ, họ đã từng trồng nhiều căn lành, cúng dường hằng trăm, hằng ngàn, vô lượng chư Phật. Đối với xá-lợi của Ta, họ chuyên cần bảo dưỡng trang nghiêm, đối với các Thanh văn, họ cúng dường, cung kính, tôn trọng ngợi khen. A-nan, những người đó cũng làm cho chánh pháp của Ta lưu hành rộng khắp, làm tăng thêm lợi ích cho hàng trời, người. A-nan, sau khi Ta diệt độ, trong đời vị lai, phía Bắc nước Thiên Trúc sẽ có Tỳ-kheo tên là Kỳ-bà-ca xuất hiện ở đời. Tỳ-kheo này trong đời quá khứ đã từng trồng nhiều căn lành, cung kính cúng dường, tín tâm sâu sắc, an trụ Đại thừa đầy đủ, ở chỗ vô lượng trăm Đức Phật. Vì thương xót, muốn tạo lợi ích an lạc cho các chúng sinh, nên vị đó đã phát

tâm như vậy, đa văn trì Bồ-tát tạng, tán dương Đại thừa, phát khởi Đại thừa. Tỳ-kheo đó thấy xá-lợi và hình tượng của Ta bị người phá hoại, liền dùng vàng tu sửa, phục sức trang nghiêm, dựng lập cờ phướn, lọng báu, treo phong linh bao quanh phát ra âm thanh vi diệu, tạo ra vô lượng hình tượng Như Lai và các tháp miếu. Các tháp miếu đó được trang hoàng bằng bán nguyệt sư tử, nên khiến cho các chúng trời, người sinh tâm tin vui. Tỳ-kheo đó, vì muốn viên mãn căn lành Bồ-đề, vì thương xót chúng sinh, vì hộ trì dưỡng dục, vì hấp thụ giáo pháp của Ta, vì muốn làm cho người chưa có lòng kính tín được tăng lòng kính tín, tu hành. Vì muốn làm cho nhiều người gieo trồng căn lành, nên sẽ mở hội Bát-già-bạt-sắc-ca. A-nan, bây giờ, sẽ có nhiều Tỳ-kheo không giữ giới, hình tượng tợ như Sa-môn, làm nhiều chuyện phi pháp, không vui thích chốn rừng núi thanh vắng, xả bỏ niềm vui thiền định, phá giới trái đạo, kiện tụng qua lại, tham tiếc cất chứa, chiếm riêng một phòng cùng các người thế tục qua lại với nhau, xả bỏ pháp Phật, chẳng kính trọng các bậc phạm hạnh. Cũng tại thời bấy giờ, ít có Tỳ-kheo chuyên cần tinh tấn, xa lìa ồn ào mê loạn, nhất tâm buộc niệm, định tuệ hiện tiền, an trú pháp lành, thiếu dục tri túc, thích hạnh khát thực, an trú dòng thánh, đa văn vô úy, trì kinh, trì luật, trì luận. Bấy giờ, Tỳ-kheo Kỳ-bà-ca khiến các Tỳ-kheo mặc ca-sa có tâm mềm mỏng, các căn không khuyết, đầy đủ lòng tin sâu sắc, kính trọng bậc nhất. Tại đó, có vị đắp ca-sa khởi tướng trì giới, khởi tướng tạo phước điền, hành bố thí, tu các căn lành. Sau khi Tỳ-kheo Kỳ-bà-ca đó tu tập vô lượng các loại căn lành Bồ-đề tối thắng rồi, liền thủ mạng chúng sinh về nước Vô Lượng Thọ ở thế giới Tây phương, có hơn ức trăm ngàn chư Phật. Tại thế giới này, Tỳ-kheo đó trồng các căn lành ở chỗ Phật và tu phạm hạnh trải qua tám mươi ức các Đức Như Lai. Nhờ căn lành này nên sau chín mươi chín ức kiếp trong đời vị lai, Tỳ-kheo đó thành Chánh giác, Phật hiệu là Vô Cầu Quang, thế giới đó tên là Nhất Thiết Công Đức Trang Nghiêm. A-nan, chính Tỳ-kheo Kỳ-bà-ca làm cho chánh pháp của Ta lưu hành rộng khắp trong các cõi trời, người. A-nan, ông chớ có ưu buồn, bi não, phạm hạnh của Ta sẽ lưu hành rộng khắp làm cho hàng trời, người tin vui. A-nan, sau khi Ta diệt độ, trong đời vị lai sẽ có cõi nước tên là Xá-ma, nơi đó có quốc vương tên là Đại Thí, đối với pháp của Ta sinh lòng tin trong sạch, đối với xá-lợi của Ta và các Thanh văn, vua chuyên cần tu tập, cúng dường, tán dương khen ngợi. A-nan, tại nước Xá-ma, vua Đại Thí tập hợp các chúng Tỳ-kheo Thanh văn của Ta, rồi tôn trọng cúng dường. Trong chúng đó, có hơn ba ngàn A-la-hán đều có oai lực, thần thông, công đức, thuyết pháp cho các bạn đồng tu

không mỗi một. A-nan, những vị đó cũng hay làm cho chánh pháp của Ta lưu hành rộng khắp trong các cõi trời, người. A-nan, ông chớ có ưu buồn bi não! Sau khi Ta diệt độ, ở phía Bắc nước Thiên Trúc có thành tên là Hưng-cử-mạc-đản-na, tại đó có tinh xá được xá-lợi của Ta, họ đem vòng hoa, hương xoa, hương bột, âm thanh, kỹ nhạc, cò phướn, lọng báu, y phục, ngọa cụ, vàng bạc, bảo báu, cúng dường cung kính nghiêm trang. A-nan, tại tinh xá đó có nhiều người đem lòng tin xuất gia, thọ trì giới cấm, tu hành pháp lành. Những người thế tục tu hành pháp lành cũng lại vô lượng. A-nan, họ có trì giới, trí tuệ, đa văn, có lòng tin trong sạch sâu sắc đối với pháp của Ta, đối với Thanh văn và xá-lợi của Ta, họ chuyên cần tu tập, cung kính cúng dường, trang sức bảo dưỡng. Đối với Phật, Pháp, Tăng, họ cúng dường, gìn giữ bảo hộ. Nhờ căn lành này, nên sau khi họ thọ hưởng phước báo ở cõi trời, người, thì có người đắc Bồ-đề vô thượng, có người đắc Duyên giác thừa, có người đắc Thanh văn thừa rồi nhập Niết-bàn. A-nan, vì họ cúng dường vô lượng các loại như vậy, nên đạt được thần thông oai lực như vậy. A-nan, chính những người đó chỉ bày, diễn nói chánh pháp của Ta-làm cho được lưu hành rộng khắp trong các cõi trời, người. A-nan, ông chớ có ưu buồn bi não! Chánh pháp của Ta sẽ lưu hành rộng khắp làm tăng thêm lợi ích cho hàng trời, người. A-nan, xá-lợi và hình tượng của Ta biến khắp cõi Diêm-phù-đề, có chi người lại không thấy. Nghĩa là hình tượng của Ta được tạo ra trong các cung điện trời, rồng, Dạ-xoa, La-sát, Càn-thát-bà, A-tu-la, Ca-lâu-la, Khẩn-na-la, Ma-hầu-la-già, Cư-bàn-trà v.v... A-nan, ông chớ có ưu buồn bi não! Pháp Tỳ-ni của Ta sẽ lưu hành rộng khắp trong các cõi trời, người.



Phẩm 7: XÁ LỢI

Bấy giờ, Đức Thế Tôn lại bảo A-nan:

– Sau khi Ta diệt độ, nếu có người nam, người nữ, hoặc tại gia, hoặc xuất gia khiêm tốn hạ mình, cung kính, tôn trọng cúng dường xá-lợi của Ta, cho đến chỉ cúng dường một vật nhỏ như hạt cải, thì Ta nói những người đó nhờ căn lành này, hết thấy đều đắc quả Niết-bàn, hoàn toàn an trụ cõi Niết-bàn. A-nan, sau khi Ta diệt độ, nếu có thiện nam thiện nữ nào sinh lòng kính tín, vì Ta mà tạo lập hình tượng chùa tháp thì phải có lòng tin sâu

sắc, thận trọng chớ nghi hoặc. Ta nói những người đó, nhờ căn lành này, tất cả đều sẽ đắc quả Niết-bàn, hoàn toàn an trú cõi Niết-bàn. A-nan, giả sử hiện tại có người cúng dường Ta, giả sử sau khi Ta diệt độ có người cúng dường xá-lợi của Ta một vật nhỏ như hạt cải, giả sử có người vì Ta mà tạo lập hình tượng và chùa tháp, hoặc có người có tín tâm niệm công đức của Phật, cho đến có người chỉ dùng một bông hoa rải cúng trong không trung, Ta nói những người đó nhờ căn lành này, tất cả đều sẽ đắc Niết-bàn, hoàn toàn an trú cõi Niết-bàn. A-nan, nếu lại có người thấy thần thông oai lực của Phật Thế Tôn, rồi cúng dường, cho đến chỉ dùng một bông hoa rải cúng trong không trung, còn có thể đắc quả Niết-bàn, huống nữa là người thân cận phụng sự cúng dường Như Lai và sau khi Ta diệt độ lại cúng dường xá-lợi. A-nan, cảnh giới chư Phật không thể nghĩ bàn, nếu lại có người hay cúng dường thì phước đức hưởng được cũng không thể nghĩ bàn. A-nan, hoặc có người niệm Phật, hoặc cho đến có người chỉ đem một bông hoa rải trong không trung để cúng dường, Ta dùng trí Phật thấy biết người đó sẽ hưởng quả báo không thể nghĩ bàn, huống nữa là trong đời vị lai có Phật từ sinh tâm kính tín sâu sắc, tư duy công đức của Phật, tìm cầu trí Phật. A-nan, ông phải nên tin như vậy.

Lúc đó, A-nan nghe Phật nói rồi, sinh lòng phấn khởi, hết sức vui mừng, bạch Phật:

– Thật hiếm có thay, thưa Bà-già-bà! Thật hiếm có thay, thưa Tu-già-đà! Nay chính là lúc, cúi xin Thế Tôn nói về quả báo thu được của người niệm Phật, cho đến có người chỉ đem một bông hoa rải trong không trung để cúng dường. Nhờ đó mà các Tỳ-kheo từ chỗ Phật nghe được pháp này, rồi đọc tụng thọ trì, thương xót thế gian, làm lợi ích an lạc cho các hàng trời, người. Ở đời hiện tại và đời vị lai, có chúng sinh nghe được pháp này từ các Tỳ-kheo, sẽ đắc được vô số các loại căn lành, sinh lòng kính tín, vui mừng ưng ý. Họ nghĩ thế này: Đức Phật Thích Ca Mâu Ni ở trong dòng họ Thích, là đấng đại từ bi vô thượng pháp vương, là người thương xót thế gian, là người khuyên bảo làm cho chúng ta nhớ nghĩ, phát sinh tinh tấn dũng mãnh.

A-nan vừa dứt lời, Phật lại bảo:

– Ông hãy lắng nghe, khéo léo suy nghĩ, Ta sẽ vì ông phân biệt, giảng nói quả báo thu được của những người đó.

A-nan thưa:

– Đúng vậy, thưa Thế Tôn! Con rất thích nghe. Phật bảo A-nan:

– Nếu có chúng sinh vì niệm Phật, cho đến chỉ đem một bông hoa rải cúng trong không trung, thì quả báo thu được nhờ phước đức đó không thể cùng tận. A-nan, chúng sinh từ xưa đến nay, sinh tử lưu chuyển số kiếp lâu dài không thể biết được. Ở cuối đời vị lai cũng như vậy, nếu có chúng sinh thành tâm niệm công đức của Phật, cho đến cúng một bông hoa rải trong không trung thì trong đời vị lai sẽ được làm Thích Thiên vương, Phạm Thiên vương, Chuyển luân Thánh vương, phước báo đó cũng không cùng tận. Nhờ căn lành từ phước báo đó nên chắc chắn được nhập Niết-bàn. Vì sao? A-nan, vì phước điền cúng Phật chẳng phải là quả báo hữu vi, nơi chốn có thể cùng tận. Do đó, Ta nói người này chắc chắn sẽ được quả Niết-bàn, hoàn toàn an trú cõi Niết-bàn. A-nan, giả sử có người thân cận phụng sự, cúng dường Như Lai, giả sử có người cúng dường xá-lợi của Như Lai nhỏ như hạt cải, giả sử có người vì Như Lai mà tạo lập hình tượng và các chùa, tháp để cúng dường, giả sử có người niệm Phật, cho đến cúng dường một bông hoa rải trong không trung; nếu lại có người ở tại trong nhà mà niệm Phật, cho đến cúng dường một bông hoa rải trong không trung, Ta nói những người này sẽ được quả Niết-bàn, được Niết-bàn đệ nhất, hoàn toàn an trú cõi Niết-bàn, Niết-bàn tối thắng, Niết-bàn vi diệu, Niết-bàn thanh tịnh, Niết-bàn an trụ. A-nan, do nhân duyên này nên trong các phước điền, Phật là tối thắng, Phật là vua. Vì sao? Vì người cúng dường vào ruộng phước của Phật thì chẳng gọi là quả báo thế gian, quả báo có cùng tận. Vì nhân duyên này nên nói phước điền của Phật là tối thắng đệ nhất. A-nan, chư Phật Như Lai luôn thuận chánh đạo, thường hay tạo phước điền rốt ráo vô thượng. Người nào cúng dường vào ruộng phước của Phật thì chắc chắn được Niết-bàn cùng tận, Niết-bàn bậc nhất. A-nan, không những chỉ có đem hoa tán Phật thu được công đức như vậy, mà còn có người nếu chỉ một đời sinh tâm kính tín niệm Phật thì Ta nói người này cũng sẽ được quả Niết-bàn, tận Niết-bàn tế. A-nan, không những chỉ có loài người niệm công đức của Phật, nếu lại có loài súc sinh đối với Phật Thế Tôn có thể sinh niệm như vậy thì ta cũng nói nhờ căn lành phước báo ấy mà chúng sẽ được quả Niết-bàn, hoàn toàn an trú cõi Niết-bàn. A-nan, nay ông đang quán chư Phật Thế Tôn làm cho các chúng sinh tạo được phước điền, hay khiến cho chúng sinh sẽ được thần thông oai lực như vậy, vì thế ông chớ có ưu buồn bi nã. A-nan, nếu có người nam, người nữ cho đến loài súc sinh, các chúng sinh sinh lòng tin đối với Phật thì sẽ được quả báo thần thông công đức quảng đại như vậy, giống như cam lồ, cam lồ đệ nhất, tận cùng cam lồ. A-nan, ông dùng thân, khẩu hiển từ hiếu thảo, phụng sự Như Lai, vô lượng an

lạc tâm không có hai, không sân, không hận, không có oán thù. A-nan, giả sử trong ba ngàn đại thiên thế giới có đầy ắp Tu-đà-hoàn, Tu-đà-hàm, A-na-hàm, A-la-hán, nhiều như mía, như măng tre, như gai, như cỏ, nếu có người nam, người nữ, hoặc một kiếp, hoặc giảm một kiếp đem đủ tất cả các thứ ưng ý ưa thích mà hạ mình cung kính, tôn trọng cúng dường. A-nan, ý ông nghĩ sao? Người nam, người nữ này phước đức thu được nhiều lắm phải không?

A-nan bạch:

– Rất nhiều, thưa Bà-già-ba! Rất nhiều, thưa Tu-già-đà! Phật nói:

– A-nan, nếu lại có người ở chỗ chư Phật chỉ một lần chấp tay, một lần xưng danh hiệu Phật. Đem phước đức trước so với phước đức này thì trăm phần chẳng bằng một, ngàn phần chẳng bằng một, trăm ngàn ức phần chẳng bằng một, vô số phần chẳng bằng một, ca la phần chẳng bằng một. Vì sao? Vì trong các phước điền, Phật Như Lai là tối thắng vô thượng. Do vậy, cúng dường Phật thì được công đức thần thông oai lực lớn. A-nan, không những chỉ có Thanh văn, A-la-hán trong ba ngàn đại thiên thế giới, mà còn có Phật-bích-chi nhiều như mía, như măng tre, như gai, như cỏ, đầy ắp trong ba ngàn đại thiên thế giới. Nếu có thiện nam, thiện nữ hoặc một kiếp, hoặc giảm một kiếp đem đủ tất cả các loại ưng ý, ưa thích mà khiêm tốn hạ mình, cung kính cúng dường Phật-bích-chi đó; hoặc sau khi Phật-bích-chi diệt độ thì người này xây tháp bảy báu; hoặc lại có thiện nam, thiện nữ trọn đời luôn dùng các thứ hương hoa, hương bột, hương xoa, y phục, đồ nằm, cờ phướn, lọng báu, cung kính tôn trọng khiêm tốn cúng dường Phật-bích-chi đó, A-nan, ý ông nghĩ sao? Phước đức mà người này hưởng được ở nơi đó, chắc là nhiều lắm phải không?

A-nan bạch:

– Rất nhiều, thưa Bà-già-bà! Rất nhiều, thưa Tu-già-đà! Phật nói:

– A-nan, nếu lại có người đối với Như Lai, khởi một lòng tin trong sạch, suy nghĩ tin hiểu, nói như thế này: Trí tuệ của chư Phật không thể nghĩ bàn. Đem công đức của thiện căn tin hiểu đây so với công đức thu được do cúng dường Phật-bích-chi thì ca-la phần chẳng bằng một, cho đến ưu-bà-ni-diệu-đà phần chẳng bằng một. Vì sao? Vì chư Phật Thế Tôn vô lượng đại từ, vô lượng đại bi, vô lượng giới, vô lượng định, vô lượng tuệ, vô lượng giải thoát, vô lượng giải thoát tri kiến, vô lượng tu tập, vô lượng chứng đạt. A-nan, trí tuệ của chư Phật không thể nghĩ bàn, cảnh giới chư Phật cũng không thể nghĩ bàn. Nếu có người cúng dường không thể nghĩ

bàn thì sẽ được phước đức không thể nghĩ bàn. A-nan, ông chớ có ưu buồn bi não, ông sẽ được thần thông công đức lợi ích lớn. Vì sao? A-nan, vì ông đem thân, khẩu, ý hiến từ cúng dường Như Lai đã hơn hai mươi năm, và thọ trì đủ tám vạn bốn ngàn các pháp bảo của Như Lai. Trong các bậc đa văn, ông là người đứng đầu, thông minh hơn hết trong vấn đề vấn đáp, biện luận đắc đạo chánh trí đa văn vô úy, trì kinh, trì luật, trì luận, thuyết pháp cho bốn chúng không mỗi một. A-nan, sau khi Ta diệt độ, ông cùng Đại đức Ma-ha Ca-diếp sẽ là vị thầy dẫn đường tối thắng đệ nhất, làm các Phật sự trọng đại. A-nan, ông chớ có ưu buồn bi não, ông sẽ đắc được thần thông công đức lợi ích lớn.



KINH ĐẠI BI

QUYỂN 3

Phẩm 8: LỄ BÁI

Bấy giờ, Đức Thế Tôn lại bảo A-nan:

– Nếu có chúng sinh nghe danh hiệu Phật thì Ta nói người này chắc chắn sẽ được nhập Niết-bàn.

A-nan, nếu có người xưng niệm Nam-mô Phật, câu này có ý nghĩa gì?

A-nan thưa:

– Phật là gốc của tất cả các pháp, Phật là con mắt sáng có khả năng dẫn đường, Phật là người diễn nói tất cả pháp. Cao cả thay! Thưa Thế Tôn! Cúi xin Thế Tôn vì các Tỳ-kheo mà giải thích nghĩa đó, con nay thân cận gần gũi, được nghe thọ trì.

Lúc đó, Đức Thế Tôn bảo A-nan:

– Hãy lắng nghe! Hãy lắng nghe! Khéo ghi nhớ kỹ, Ta sẽ vì ông mà phân biệt giải nói.

A-nan nghe Phật dạy như thế, liền thưa:

– Con rất muốn nghe. Phật bảo:

– Nay A-nan! Người xưng niệm Nam-mô Phật, âm thanh này chắc chắn là danh hiệu của chư Phật Thế Tôn. A-nan, vì âm thanh này quyết định là danh hiệu của chư Phật nên phải xưng niệm Nam-mô chư Phật. A-nan, vì nghĩa này nên Ta nói thí dụ khiến cho các chúng sinh ở trong pháp này được tăng thêm tín tâm, lại khiến cho tất cả các người thiện nam, người thiện nữ nghe âm thanh danh hiệu Phật Thế Tôn được kính tín sâu sắc.

Nay A-nan! Trong đời quá khứ, từng có đại thương chủ dẫn các thương nhân vào trong biển lớn. Đến biển kia rồi, thuyền của họ chợt bị cá Ma-kiệt lớn muốn đến nuốt chửng. A-nan, lúc đó thương chủ và các thương nhân sợ rợn tóc gáy, ưu buồn sầu não chẳng vui, sợ mạng sống chẳng còn, sợ không ai cứu giúp, không ai cứu hộ; sợ không quay về được cũng không

đi tiếp được. Tất cả bọn họ đều khóc lóc thảm thiết, ưu sầu hối hận, đau buồn rên rỉ, gào khóc than thở đủ điều. Ở Diêm-phù-đề, trong hoàn cảnh đó mà có thể vui thì thật là hy hữu, thân người thế gian thật là khó được. Bọn họ đau buồn khóc lóc thảm thiết, ta nay sẽ biệt ly xa cách cha mẹ, vợ con, anh, chị, em, bạn hữu thân thích. Ta không còn thấy họ nữa, cũng không được thấy Phật, pháp, chúng Tăng. Tất cả bọn họ đều cầu thỉnh các vị thiên thần cứu nạn. A-nan, lúc đó thương chủ chánh kiến sáng suốt có lòng tin trong sạch đối với Phật, Pháp, Tăng, không tin việc thờ các thần tiên khác. Khi đó, thương chủ bảo các thương nhân: “Các người nên biết, giả sử chúng ta không được thoát khỏi nạn này thì cũng được sinh về cõi lành, hoặc muốn được cứu sống và được giải thoát thì các ông phải nên cùng lúc đồng thanh nói theo tôi”. Các thương nhân nghe nói vậy rồi, đều nói với thương chủ: “Chúng tôi sẽ nghe theo, xin hãy nói mau”. Này A-nan! Khi đó thương chủ trích áo bày vai phải quý gối ở trên thuyền, chấp tay lễ bái, nhất tâm niệm Phật, miệng xướng to: Nam-mô chư Phật, đấng đắc đại vô úy, đấng đại từ bi, đấng thương xót tất cả chúng sinh. Thương chủ xướng lên như vậy ba lần, liền đó các thương nhân cũng lại đồng thời chấp tay lễ bái, miệng đồng thanh xướng theo: Nam-mô chư Phật, đấng hay thí vô úy, đấng đại từ bi, đấng thương xót tất cả chúng sinh. Họ đều xướng lên như vậy ba lần. Lúc đó, cá Ma-kiệt nghe âm thanh lễ bái danh hiệu Phật, liền sinh lòng kính mến cao độ, đạt được tâm bất sát, ngậm miệng lại. A-nan, lúc đó thương chủ và các thương nhân đều được an ổn thoát khỏi nạn cá. Điều nguyện được thành, thuyền và các thương nhân được an ổn trở về Diêm-phù-đề. Khi cá Ma-kiệt nghe âm thanh niệm Phật thì tâm sinh hỷ lạc, không còn ăn thịt các chúng sinh khác, đến lúc mạng chung, liền bỏ được thân cá, sinh trong loài người. Sinh trong loài người được ở chỗ Phật nghe pháp, luật, có lòng tin trong sạch kiên cố, lia nhà để xuất gia. Xuất gia rồi, được gần gũi thiện tri thức, khiêm tốn cúng dường, đắc được quả A-la-hán, đầy đủ sáu thông, ở trong cảnh giới Niết-bàn vô dư mà nhập Niết-bàn. A-nan, ông quán xem cá kia ở trong loài súc sinh được nghe danh hiệu Phật, nghe danh hiệu Phật rồi được sinh trong loài người, nhờ sinh trong loài người lại được xuất gia, xuất gia rồi liền chứng đắc quả A-la-hán, đắc A-la-hán rồi liền nhập Niết-bàn. A-nan, ông xem thần lực của chư Phật như vậy, cá kia nghe rồi được thần thông. Xưng khen danh hiệu Phật ích lợi như vậy, huống nữa là có người được nghe danh hiệu Phật, được nghe chánh pháp, thân cận ở chỗ Phật trồng các căn lành mà chẳng quyết định được lợi ích sao! A-nan, như trước kia Ta đã nói: Tạo ít căn lành thì hưởng được ít

phần quả báo, tạo căn lành tròn đầy thì hưởng được quả báo lành tròn đầy. A-nan, nói ít phần thiện căn nghĩa là người này vì muốn nhanh chóng thành tựu nên gieo chủng tử Thanh văn, tạo tác Thanh văn thừa. Vì căn lành này nên đắc được địa vị Thanh văn viên mãn. Người gieo chủng tử Duyên giác, tạo tác Duyên giác thừa, vì căn lành này nên đắc được địa vị Duyên giác viên mãn. A-nan, vì nhân duyên này nên Ta nói là thiếu phần hạnh. A-nan, nói mãn phần hạnh nghĩa là, người này từ vô thủy đến nay ở chỗ chư Phật gieo chủng tử Phật, tu hành tất cả thiện căn lâu xa. Vì sức nhân duyên thiện căn này nên được gặp chư Phật. Gặp chư Phật rồi, làm cho các căn lành Bồ-đề được tích tập đầy đủ. Các căn lành Bồ-đề đầy đủ rồi thì đắc thành Phật quả. Các điều Như Lai Ứng Cúng Chánh Biến Tri làm chấn động ở đời gọi là mãn phần hạnh. A-nan, hạnh viên mãn này, như các kinh trước đây Ta đã nói rộng. Ông phải nên biết thứ lớp như vậy. Nếu tạo phần hạnh nhỏ thì được phần quả báo nhỏ, nếu tạo phần hạnh viên mãn thì được phần quả báo viên mãn.

Này A-nan! Như trong kinh Ta đã dạy: Cho đến thọ trì bốn câu kệ, nói như vậy nghĩa là, Ta vì các chúng sinh trí kém, căn độn, đức mỏng nên tùy theo họ mà nói như vậy. A-nan, Ta vì tất cả chúng sinh không biết hướng quay về mà chỉ cho hướng quay về. Ta vì chúng sinh không nhà mà làm nhà cho họ. Ta vì chúng sinh không ai cứu hộ mà làm người cứu hộ. Ta vì chúng sinh vô minh mà làm đèn sáng. Ta vì người mắt mù mà làm cho mắt sáng. A-nan, tất cả ngoại đạo si mê vô trí chẳng thể tự cứu mình, làm sao cứu kẻ khác mà chỉ hướng cho họ trở về. A-nan, Ta làm thầy dạy tất cả hàng trời, người, thương xót tất cả chúng sinh. Ở đời vị lai khi pháp sắp muốn diệt, sẽ có Tỳ-kheo, Tỳ-kheo-ni, sau khi xuất gia ở trong giáo pháp của Ta, cầm tay trẻ con dắt đi lang thang từ tiệm rượu này đến tiệm rượu khác, sống trong pháp Ta làm trái phạm hạnh. Những người đó, tuy là vì nhân duyên dùng rượu nhưng trong Hiền kiếp này tất cả đều đắc Niết-bàn. A-nan, vì sao gọi là Hiền kiếp? Vì ba ngàn đại thiên thế giới này, khi đến thời kỳ kiếp diệt thì dục giới biến thành một biển nước. Lúc đó, trời Tịnh Cư dùng thiên nhãn xem thấy thế giới đây chỉ là một biển nước, thấy có ngàn cành hoa sen vi diệu, mỗi một hoa sen đều có ngàn cánh màu vàng, ánh sáng vàng chiếu rực rỡ cùng khắp, mùi hương xông lên rất đáng ưa thích. Sau khi thấy vậy, trời Tịnh Cư đó sinh tâm vui mừng, phấn khởi hết sức, khen ngợi: Lạ thay! Lạ thay! Thật hiếm có! Thật hiếm có! Trong kiếp này sẽ có ngàn Phật xuất hiện ở đời. Vì nhân duyên này nên gọi kiếp đó hiệu là hiền. A-nan, sau khi Ta diệt độ, trong Hiền kiếp đó sẽ có chín trăm

chín mươi sáu Đức Phật xuất hiện ở đời. Đứng đầu là Câu-lưu-tôn Như Lai, thứ tư là Ta, sau đó là Di-lặc sẽ thay thế Ta cho đến cuối cùng là Lô-giá-na Như Lai. Thứ lớp như vậy ông phải nên biết. Này A-nan! Giả sử ở trong pháp của Ta có người tánh là Sa-môn, làm ô nhiễm hạnh Sa-môn mà tự xưng là Sa-môn, hình giống Sa-môn, đắp y ca-sa. Trong Hiền kiếp này, Di-lặc đứng đầu cho đến cuối cùng là Lô-giá-na Như Lai, các Sa-môn đó ở chỗ Phật Lô-giá-na, đối với cảnh giới Niết-bàn vô dư theo thứ lớp sẽ được nhập Niết-bàn, không sót một ai. Vì sao? A-nan, vì trong tất cả các Sa-môn đó, cho đến chỉ một lần xưng danh hiệu Phật, chỉ một lần sinh lòng tin thì công đức được tạo ra trọn chẳng hư mất. A-nan, Ta dùng Phật trí đo lường biết khắp pháp giới, chứ chẳng phải không đo lường mà biết. A-nan, ai tạo nghiệp trắng thì được quả báo trắng, tạo nghiệp đen thì được quả báo đen. A-nan, nếu có các chúng sinh tâm trong sạch, xưng niệm Nam-mô Phật thì người đó nhờ căn lành này chắc chắn sẽ được Niết-bàn, được gần Niết-bàn, trôi chảy tương tục nhập Niết-bàn; huống nữa là người ở đời gặp Phật, gần gũi hầu cận cung kính khiêm tốn, nghinh đón đưa tiễn, tôn trọng cúng dường và sau khi Phật diệt độ thì cúng dường xá-lợi. A-nan, Sa-môn kia tánh ô nhiễm làm nhục Sa-môn, tự xưng là Sa-môn, hình giống Sa-môn chỉ có một lần xưng danh hiệu Phật mà còn đạt được Niết-bàn, huống nữa là người khác, tâm hay sinh kính tín trồng các căn lành. A-nan, vì nghĩa này nên Ta nói kệ như vậy:

*Chư Phật đứng là chẳng nghĩ bàn
Chánh pháp của Phật cũng như vậy
Nếu hay kính tín chẳng nghĩ bàn
Quả báo chắc chắn cũng như vậy.
Tất cả các Như Lai quá khứ
Hay làm bậc sáng suốt xót thương
Cũng từng cúng dường đại thế
Phật Ngộ thắng Bồ-đề số không lường.
Xưa, Ta thường mở đàn bố thí
Thương xót cứu độ các chúng sinh
Tín căn trong sạch siêng tinh tấn
Vì siêng tinh tấn độ tất cả.
Thương yêu chúng sinh như cha mẹ
Như anh em bạn hữu ruột thịt
Không sân hận đối với người thân
Ngộ Bồ-đề tối thắng vô lượng.*

Khi Ta cầu Bồ-đề an lạc
 Hành bố thí trong vô lượng kiếp
 Tâm từ bi thương xót chúng sinh
 Xả bỏ đầu, mắt, da, thịt, máu.
 Bỏ luôn vô lượng ngôi vua báu
 Cùng nam, nữ thê thiếp đáng yêu
 Và vô lượng ngựa xe, voi quý
 Chỉ vì cầu Bồ-đề tối thắng.
 Trong vô lượng ngàn vạn ức kiếp
 Lúc nào cũng hết sức tin cần
 Tâm tịnh, hành bố thí vô lượng
 Vì cầu Bồ-đề tối thắng này.
 Nhẫn chịu vô lượng các khổ não
 Lạnh, rét, nóng, độc cùng đói khát
 Chuyên cần tinh tấn chết không bỏ
 Vì cầu Bồ-đề tối thắng này.
 Giả sử trăm năm đến một kiếp
 Ta nói hành tướng ấy chẳng hết
 Vì thương xót tất cả chúng sinh
 Vì cầu Bồ-đề thắng an lạc.
 Thường trực ngộ sinh tử luân hồi
 Chỗ trăm ngàn ức Đức Như Lai
 Các Như Lai đó uy lực lớn
 Ta thường đem hoa vàng dâng cúng.
 Các thức ăn uống và y phục
 Hương xoa, hương bột các vòng hoa
 Nhiều ức cò phướn, lọng báu đẹp
 Cúng dường các Như Lai như vậy.
 Vô lượng nhiều ức các chúng sinh
 Sinh tử luân hồi không biên vực
 Ta thường đến đó để an ủi
 Bố thí rộng khắp, ích chúng sinh.
 Tu trì giới, nhẫn nhục, tinh tấn
 Thiền định, Tam-muội, tuệ phương tiện
 Tứ niệm xứ và tứ chánh cần
 Khéo tu tập hành tứ thần túc.
 Cũng tu năm căn và năm lực

*Bảy Bồ-đề phần, bát thánh đạo
 Ta tu tập tất cả trợ đạo
 Chỉ mong cầu Bồ-đề tối thắng.
 Ta dùng chánh trí tu các nghiệp
 Không có điều chi là chẳng lành
 Thường tu các hành, không phóng dật
 Chưa từng làm ác một mảy may.*



Phẩm 9: THIỆN CĂN

Bấy giờ, Đức Thế Tôn lại bảo A-nan:

– Nếu có chúng sinh ở chỗ các Đức Phật khởi một lòng tin thì căn lành như vậy trọn không tan mất, huống nữa là tạo các căn lành khác.

Này A-nan! Ta vì muốn chúng sinh biết được nghĩa đó nên nêu thí dụ để cho các người trí nhờ thí dụ này mà được hiểu. A-nan, ví như có người chẻ một sợi lông làm thành trăm phần, lấy một phần chấm trong giọt nước rồi đem đến chỗ Ta và nói thế này: Thưa Cù-đàm! Con đem giọt nước này gửi cho Ngài. Ngài chớ làm cho giọt nước đây có tăng giảm, chớ để cho gió thổi lay động, chớ để mặt trời hấp thụ làm cho khô cạn nước này, chớ để cho chim thú uống hết, thậm trọng chớ để nước khác hòa lẫn vào, giữ nó bằng đồ đựng, chớ để nó trên đất. Như Lai liền nhận giọt nước đó, nhận rồi đặt trong sông Hằng, chẳng để cho vào dòng nước xoáy, cũng lại chẳng để vật khác đột nhiên đựng vào. Như vậy, giọt nước đó ở trong sông lớn theo dòng mà chảy, chẳng bị vào dòng xoáy, lại không có vật gì ngăn ngại, các chim, thú cũng không uống hết. Như thế, giọt nước đó chẳng tăng cũng chẳng giảm, bình đẳng như cũ, cùng dòng nước lớn chảy vào biển cả. Khi thế giới chứa giọt nước đó bị gió Tỳ-lam khởi lên làm hư hoại. Giả sử, người đó trụ ở đời một kiếp thì Ta cũng trụ được ở đời một kiếp. Bấy giờ khi đến kiếp tận, người đó đến chỗ Ta nói thế này: Thưa Đức Cù-đàm! Xưa kia con gửi giọt nước cho Ngài, nay nó còn không? A-nan, lúc đó Như Lai biết giọt nước kia ở trong biển lớn, thấy biết vị trí của nó không hòa lẫn với nước khác, chẳng tăng, chẳng giảm, bình đẳng như cũ, liền đem trả lại cho người đó. Này A-nan! Như Lai Ứng Chánh Biến Tri có thần thông quảng đại, có oai lực lớn, có khả năng lớn, có rất nhiều trí lớn thanh tịnh, trí thấy

biết vô ngại chẳng thể lường. Trí tuệ như vậy, thấu suốt các việc không chướng ngại. Trong số những người nhận đồ gửi, Như Lai là tối tôn, tối thắng. A-nan, nếu ở chỗ Phật nhận giữ giọt nước vi tế như vậy, trải qua thời gian lâu xa mà không hao mòn, nên biết sự việc đó có ý nghĩa thế này: Đầu sợi lông vi tế là dụ cho tâm, ý, thức, sông Hằng là dụ cho dòng sinh tử, một giọt nước là dụ cho phát khởi một căn lành quá ít, biển lớn là dụ cho Phật Như Lai Ứng Chánh Biến Tri, người gửi là dụ cho lòng tin trong sạch của Bà-la-môn, trưởng giả, cư sĩ, trụ một kiếp là dụ cho Phật Như Lai nhận giọt nước gửi đó không hao mòn, cũng như người đó gửi giọt nước trải qua thời gian lâu dài mà chẳng bị hao mất một mảy may. Cũng vậy A-nan, nếu người nào ở chỗ Phật phát một thiện căn tín tâm thì chẳng có mất, huống nữa là trồng các căn lành thắng diệu khác. Ta nói tất cả những người đó đều hướng đến quả Niết-bàn, cho đến hoàn toàn an trụ ở cõi Niết-bàn.

Này A-nan! Giả sử lại có người ở chỗ Như Lai sinh được một tâm kính tín, nhưng vì nghiệp chướng bất thiện khác, do trước kia họ đã tạo ra nên bị đọa vào địa ngục, ngạ quỷ, súc sinh. Tự mình làm thì tự mình chịu. Nếu khi chư Phật Thế Tôn đại từ bi xuất hiện ở đời, dùng trí vô chướng ngại biết chúng sinh đó vốn đã tạo căn lành, nhưng vì chướng nghiệp bất thiện khác nên đọa ở địa ngục. Phật biết vậy rồi, liền cứu họ ra khỏi địa ngục, đưa đến chỗ bờ cao không có sợ hãi. An trí rồi, Phật khiến chúng sinh đó nhớ lại chỗ tạo nghiệp lành xưa kia, mà dạy: Này thiện nam! Các ông phải nên nhớ lại căn lành đã trồng trước kia tại thời gian đó, tại thế giới đó, ở chỗ Phật đó tu hành gieo trồng căn lành. Những người đó nương thần lực Phật liền được nhớ lại, nhớ lại rồi nói thế này: Đúng vậy, thưa Bà-già-bà! Đúng vậy, thưa Tu-già-đà! Phật lại bảo: Này thiện nam! Các ông xưa kia ở chỗ các Đức Như Lai trồng ít căn lành, chẳng mòn, chẳng mất, ở đó được lợi. Nghĩa là ở đó dứt tất cả khổ, được tất cả vui. Này thiện nam! Ông được đến đây là cảnh giới Phật, trong nhiều kiếp ông đã lưu chuyển ở nơi chẳng phải là cảnh giới. Từ vô thủy đến nay ông trôi lăn trong sinh tử, nhưng chút ít căn lành ông trồng ở chỗ Phật thì trọn không hao mất. Ví như con vua hoặc đại thần của vua, giả sử có lỗi lầm bị nhốt trong lao ngục, vua nói sự việc nhân duyên trước đây khiến người ấy ăn năn hối cải mà được thả tự do. Cũng vậy A-nan, các chúng sinh đó vốn trồng căn lành ở chỗ Như Lai. Giả sử chúng sinh đó tạo nghiệp ác, bất thiện khác nên bị đọa trong các đường ác địa ngục, súc sinh, ngạ quỷ. Nếu khi chư Phật Thế Tôn đại từ bi xuất hiện ở đời, vì trước kia phát tâm gia trì người gieo nhân lành, nên Phật đều thấy biết mà cứu vớt họ ra khỏi địa ngục, đem đặt ở bờ cao Niết-bàn

mát mẻ không có sợ sệt. Đặt chỗ bình an rồi Phật Thế Tôn khiến người đó nhớ lại và dạy: Này thiện nam! Ông nên nhớ lại trước đây ông đã trồng nhân duyên căn lành nên được quả báo lành như vậy. Các chúng sinh đó thừa thế này: Đúng vậy, thưa Bà-già- bà! Đúng vậy, thưa Tu-già-đà! Chúng con nhờ nương thân lực của Phật gia trì nên đã nhớ biết như vậy.



Phẩm 10: PHƯỚC ĐỨC CỦA SỰ BỒ THÍ

Bấy giờ, Đức Thế Tôn lại bảo A-nan:

– Ông phải nên biết họ gieo căn lành như vậy trọn không hư khuyết, cho đến chỉ phát tâm, sinh một niệm tin. Ta nói những người đó đều đắc Niết-bàn, hoàn toàn an trụ cõi Niết-bàn. Vì nghĩa này nên ta ví dụ khiến cho các người nam, người nữ được lòng tin sâu sắc thanh tịnh, đời đời kính trọng, hết lòng vui thích, phấn khởi hân hoan. A-nan, như người câu cá vì muốn được cá nên tại ao nước lớn cắm cần câu có móc mồi, khiến cá nuốt mồi. Cá nuốt mồi rồi tuy ở trong nước nhưng sẽ chẳng thoát được. Vì sao vậy? Vì những con cá đó bị mắc vào lưỡi câu được cột bởi sợi dây bền chắc. Tuy là ở trong nước nhưng sẽ biết chắc chắn cá sẽ phải ở trên bờ. Vì sao vậy? Vì sợi dây có lưỡi câu đó được buộc vào thân cây bên bờ. Khi người bắt cá đến chỗ đó tức biết được cá, liền kéo dây câu đặt ở trên bờ, tùy ý sử dụng. Cũng vậy A-nan, tất cả các chúng sinh ở chỗ chư Phật sinh được lòng kính tín, trồng các căn lành, tu hạnh bồ thí, cho đến có người chỉ phát được một tâm niệm kính tín, tuy là bị các nghiệp ác, bất thiện khác che đậy, đọa trong địa ngục, súc sinh, ngạ quỷ và các nạn xứ khác. Nếu khi chư Phật Thế Tôn xuất hiện ở đời, dùng Phật nhãn quán thấy các chúng sinh này hành Bồ-tát thừa, hoặc Duyên giác thừa, hoặc Thanh văn thừa, các chúng sinh này trồng các căn lành, các chúng sinh này đoạn mất căn lành, các chúng sinh này đọa cảnh giới xấu, các chúng sinh này ở cảnh giới tốt, các chúng sinh này gieo các hạt giống vào đất Hiền Thánh. Đối với phước điền của Phật, có chúng sinh cho đến chỉ phát một tâm kính tín, tu hạnh bồ thí, vì duyên lành này, chư Phật Thế Tôn sẽ dùng Phật nhãn, quán thấy chúng sinh đó phát tâm thù thắng nên cứu họ ra khỏi địa ngục, đem đặt lên bờ Niết-bàn. Đặt ở bờ Niết-bàn rồi, khiến chúng sinh đó nhớ lại trước đây ở chỗ Phật đó trồng các căn lành. Sau khi nhớ lại, chúng sinh đó nói thế

này: Đúng vậy, thưa Bà-già-bà! Đúng vậy, thưa Tu-già-đà! Phật nói: Đây thiện nam! Các ông nhờ căn lành đó nên được quả báo lớn, được lợi ích lớn, do các ông ở chỗ Phật trồng căn lành tu hạnh bố thí. Đây thiện nam! Người trồng căn lành như vậy trọn không hao mất. Giả sử lâu xa cho đến trăm ngàn ức na-do-tha kiếp, người trồng một căn lành chắc chắn sẽ được Niết-bàn, hoàn toàn an trú cõi Niết-bàn. A-nan, cá được nói ở đây là dụ cho các phàm phu, ao nước là dụ cho biển sinh tử, lưỡi câu là dụ ở chỗ Phật trồng một căn lành, sợi dây là dụ cho bốn nhiếp pháp, người bắt cá là dụ Phật Như Lai, tùy ý dùng cá là dụ các Đức Như Lai đặt chúng sinh nơi quả vị Niết-bàn. A-nan, thứ lớp như vậy ông phải nên biết. Nếu cúng dường ruộng Phật, giả sử trải qua thời gian lâu dài trọn không có tan mất, trọn không cùng tận, không có biên vực, chắc chắn sẽ hưởng quả Niết-bàn. A-nan, nay Ta sẽ nêu thí dụ. Nếu cúng dường ruộng Phật thì được Niết-bàn đệ nhất, an trú cõi Niết-bàn. A-nan, nếu có chúng sinh tham quả báo thế gian, làm hạnh thế gian, yêu thích hạnh thế gian, chỉ mong cầu quả báo thế gian mà ở chỗ chư Phật tu hạnh bố thí, đem căn lành này chỉ mong hưởng về cõi lành trời người. Lại có chúng sinh ở chỗ chư Phật trồng các căn lành, nói thế này: Vì căn lành đây con nguyện đời đời chẳng nhập Niết-bàn. A-nan những chúng sinh đó vì căn lành đây mà chẳng nhập Niết-bàn thì điều này không có. Vì sao? A-nan, vì ruộng phước vô thượng của chư Phật không phải là loại ruộng hoang phế cấu uế, cũng không có gai góc gồ ghề, là ruộng lia các dục như nhóp, thuần khiết thanh tịnh. Ở trong ruộng như vậy gieo ít hạt giống căn lành phước đức thì có nhiều khả năng phát triển, còn ở trong ruộng khác thì chẳng sinh trưởng được. Có ba loại Bồ-đề là, Bồ-đề vô thượng, Duyên giác Bồ-đề và Thanh văn Bồ-đề. Nếu gieo chủng tử vào đó thì căn lành trọn không sai mất. Nhờ bố thí, tâm sinh kính tín, nhân duyên tăng thượng nên được pháp thanh tịnh và hướng đến cõi lành ắt nhập Niết-bàn. A-nan, ví như trưởng giả khi làm ruộng chọn đất không hoang phế, cấu uế, gai góc cho đến không có gạch, ngói, sỏi, đá; rồi khai khẩn sửa sang làm đất mềm nhuyễn, bón phân bắc đã hoại có chất lượng cao, dùng hạt giống tốt chứa trong thùng không mục, không nát, đúng thời tiết gieo trồng vào trong ruộng. Trong tất cả thời, trưởng giả thường vui vẻ gìn giữ chăm bón, tùy theo thời tiết mà tưới nước, xới gốc, làm cỏ v.v... A-nan, trong một lúc khác, trưởng giả đến chỗ ruộng đó, đứng trên bờ ruộng quát tháo to: Đây hạt giống! Mi không được nảy mầm, không được sinh, không được tăng trưởng. Ta chẳng cầu lợi, cũng chẳng cầu quả báo lợi. A-nan, ý ông nghĩ sao? Có phải người làm ruộng nói như vậy mà hạt giống

không sinh, không đơm hoa kết trái?

A-nan thưa:

– Không phải, thưa Bà-già-bà! Không phải, thưa Tu-già-đà! Nó chắc chắn tạo quả, chẳng phải là không có quả.

Phật nói:

– Đúng vậy, đúng vậy! Này A-nan! nếu có chúng sinh vui thích, yêu mến, đắm đuối quả sinh tử trong ba cõi, nhưng lại trồng căn lành vào ruộng phước của Phật và nói thế này: Vì căn lành đây, con nguyện chẳng vào Niết-bàn. A-nan, người này nếu chẳng nhập Niết-bàn thì điều đó không có. A-nan người này tuy không vui thích cầu Niết-bàn nhưng đã trồng các căn lành ở chỗ Phật thì Ta nói người này chắc chắn được Niết-bàn, hoàn toàn an trú cõi Niết-bàn. Cho đến ở chỗ Phật, nếu có người trồng căn lành chỉ khởi phát một tâm kính tín thì tất cả đều sẽ đắc Niết-bàn, an trú cõi Niết-bàn. A-nan, đời vị lai sẽ có vua ở cõi biên địa. Vua đó tuy không hiểu công đức của Phật pháp, nhưng thấy tinh xá và hình tượng Phật thì sinh lòng kính tín. Vì xưa kia, Ta đã từng thọ sinh khắp nơi trong năm đường. Lúc tu hành tất cả hạnh Bồ-tát, Ta đem bốn nhiếp pháp - bố thí, ái ngữ, lợi hành, đồng sự-thâu phục vua biên địa đó. A-nan, vua biên địa đó thấy tinh xá và hình tượng của Ta thì sinh lòng kính tín, nhờ căn lành này chắc chắn sẽ đắc Niết-bàn và an trú cõi Niết-bàn. A-nan, vua biên địa đó sẽ có quần thần gồm các vương tử, đại thần phụ tá, là những người ruột thịt cốt nhục và các bầu bạn. Sau khi Ta đã diệt độ, những người này thấy tinh xá và hình tượng của Ta. Tuy không hiểu biết công đức của Phật và chánh pháp Phật, nhưng họ vẫn trồng căn lành, sinh được tín tâm. Vì khi xưa, Ta tu hành hạnh Bồ-tát cũng đem bốn nhiếp pháp, thâu nhận bọn họ. Nhờ sự gia trì của căn lành này nên họ sẽ đắc Niết-bàn và an trú cõi Niết-bàn. A-nan, trong vô số kiếp Ta thương xót chúng sinh, dùng bốn nhiếp pháp thu phục, đem các pháp Phật lợi ích nuôi dưỡng chúng sinh. A-nan, ông xem khi Như Lai đi đường hay kiến cho đại địa chỗ cao thành thấp, chỗ thấp thành cao, các chỗ thấp cao đều được bằng phẳng. Sau khi Như Lai đi qua, đất liền trở lại như cũ. Tất cả cây cối đều nghiêng về phía Phật, thọ thần cũng hiện thân cúi đầu lễ bái. Sau khi Như Lai đi qua, cây cối liền trở lại như cũ. Gò đồi đất trũng, nhà xí cầu uế hôi thối, bụi rậm rừng cây, ngôi sỏi đất đá v.v... tất cả đều được quét dọn sửa sang bằng phẳng trong sạch, mùi hương thơm ngát phảng phất khắp nơi, rất đáng ưa thích, các loại hoa rải trên đất, phong cảnh trang nghiêm sáng đẹp lộng lẫy để Như Lai từng bước đi qua. A-nan, lúc

ấy đoạn đường Như Lai đi, tại nơi đó, trước đây Ta đã tu các công đức thiện lành, nên không có chúng sinh nào mà không hướng về cúi đầu lễ bái. Các vật vô tình như: đất đá, núi đồi, rừng rậm, cỏ cây, tại chỗ Phật đi không vật nào mà không cúi mình. Vì sao vậy A-nan? Vì trước đây khi tu hành hạnh Bồ-tát, Ta hướng về lễ bái các vị thầy, cũng hướng về hết lòng tôn kính lễ bái cha mẹ, không lúc nào là không hướng về người già, người trung niên, trẻ con ruột thịt cốt nhục trong thân tộc. Tại chỗ ở của Phật, Bồ-tát, Thiện tri thức, Thanh văn, Duyên giác, cho đến ngoại đạo, chư tiên ngũ thông, Sa-môn, Bà-la-môn, tất cả đều thọ nhận sự cúng dường của Ta. Không lúc nào mà Ta không hướng về, khiêm tốn kính lễ chư Phật, Bồ-tát, Thiện tri thức, Thanh văn, Duyên giác, ngoại đạo, chư tiên, Sa-môn, Bà-la-môn, cha mẹ anh em thân hữu cốt nhục và người già, trung niên, thiếu niên, bạn hữu v.v... cùng thầy. A-nan, nhờ nghiệp lành như vậy nên đối với quả vị Bồ-đề vô thượng Ta được thành Phật. Do đó, khi Như Lai đi qua, các sự vật hữu tình vô tình, không vật nào mà không hướng về cúi đầu lễ bái. A-nan, thuở xưa, Ta từng hết lòng chí thành tự tay đem tài sản ưng ý, vì diệu thanh tịnh, dâng cúng các sư trưởng và chúng sinh khác. A-nan, vì nghiệp quả này nên khi Như Lai đi thì đại địa bằng phẳng, quét dọn rưới nước, sửa sang trang nghiêm thanh tịnh, không còn bùn đất sỏi gạch. A-nan, Ta ở chỗ vô lượng các Đức Như Lai, Bồ-tát, tri thức, Thanh văn, Duyên giác, ngoại đạo chư tiên. Tại con đường các ngài đi qua, khi xưa Ta từng quét dọn sửa sang, tu bổ phòng xá. Tại tinh xá Phật, trong lúc đi, đứng, Ta từng dùng tâm từ, tâm bình đẳng, tâm không cao thấp, tâm không xúc nhiễm, tâm thanh tịnh mà quét dọn sửa sang làm cho trong sạch. Trong tất cả thời, Ta thường cầu Bồ-đề vô thượng, vì tất cả chúng sinh, vì an lạc tất cả chúng sinh, vì thương xót tất cả chúng sinh, vì tạo lợi ích an lạc cho hàng trời người. A-nan, vì căn lành này nên Phật Như Lai ở bất cứ nơi nào, hoặc đi, hoặc đứng, hoặc ngồi, hoặc suy nghĩ muốn đi đến đâu thì tự nhiên phổ xá, ngõ hẻm đó mặt đất bằng phẳng thanh tịnh như bàn tay. A-nan, Như Lai có công đức thân nghiệp thù thắng khó biết, chẳng thể giới hạn được. A-nan, nay Ta muốn nghĩa đây viên mãn, vì sẽ có người thiện nam, người thiện nữ ở chỗ Như Lai được lòng kính tín thâm sâu chưa từng có. A-nan, núi chúa Tu-di cao tám vạn bốn ngàn do-tuần, nó ở trong biển lớn cũng cao tám vạn bốn ngàn do-tuần. A-nan, giả sử khi Ta diệt độ, núi chúa cao lớn kiên cố hùng vĩ như vậy còn nghiêng hướng về, hướng nữa là các núi đen, cây cỏ, rừng rậm khác. Nếu những vật đó không hướng về thì điều này không có. A-nan, không những chỉ có núi chúa Tu-di kiên cố mà còn có núi Thiết vi cao mười

sáu vạn tám ngàn do-tuần cứng chắc như kim cương, khi Phật Niết-bàn, những núi đó không thể không nghiêng hướng về cúi đầu kính lễ. Những núi đó nếu muốn xa lánh, không nghiêng hướng về thì điều này không có. Vì sao vậy? A-nan, vì khi xưa Ta tu hành hạnh Bồ-tát, tạo dựng sự nghiệp ở chỗ tất cả chúng sinh, trọn không chia rẽ. Nếu có chúng sinh sân giận, ngang ngược thì Ta làm cho hòa hợp, họ trước đây bất hòa thì nay làm cho hòa thuận, an trụ vững chắc đầy đủ không chia rẽ, tất cả đều sinh tâm từ, tâm thương xót. A-nan, vì sức nhân duyên căn lành này nên Như Lai được thân không hoại, cũng khiến quyền thuộc kiên cố không hoại. A-nan, Như Lai lại được pháp quyền thuộc kiên cố bất hoại, đó là: bốn niệm xứ, bốn chánh cần, bốn như ý túc, năm căn, năm lực, bảy Bồ-đề phần, tám thánh đạo phần. A-nan, ba mươi bảy pháp trợ Bồ-đề này là đại quyền thuộc của Như Lai. Trong ấy, có chư Phật, Thanh văn, Duyên giác an trụ, là chỗ mà tất cả thế gian, các chúng trời người chẳng thể phá hoại được. Vì sao? A-nan, vì Phật dùng pháp này nên tất cả thế gian, chư Thiên, Ma, Phạm, Samôn, Bà-la-môn và các quyền thuộc của trời, người, A-tu-la, cùng núi Tu-di, núi Đại Thiết vi, đại địa, cỏ cây... khi Phật Niết-bàn không thể không cúi đầu hướng về thì làm sao có thể phá hoại. Nếu có người phá hoại thì điều này không có. Vì sao vậy? A-nan, vì thân Như Lai thì không thể phá hoại, và xá-lợi của Phật cũng chẳng thể hoại. A-nan, Như Lai thương xót tất cả chúng sinh, vì nguyện xưa nên đập vụn xá-lợi này nghiền nhỏ như hạt cải, làm cho pháp Phật được tăng trưởng và lưu hành chúng rộng khắp. A-nan, khi xưa Như Lai tu hạnh Bồ-tát phát nguyện như vậy: Đối với Tuệ Giác Vô Thượng, Ta thành Chánh giác rồi. Sau khi Ta nhập Niết-bàn, nguyện xá-lợi của Ta được lưu hành khắp cùng. A-nan, vì nguyện xưa nên sau khi Ta Niết-bàn, xá-lợi này sẽ lưu hành cùng khắp. Các chúng sinh đó thấy Phật Như Lai nhập Niết-bàn nên đắc quả thánh đạo. Phật vì thương xót các chúng sinh đó nên phân chia xá-lợi khiến chúng thành như hạt cải. A-nan, khi Như Lai Ứng Chánh Biến Tri sắp Niết-bàn, vì thương xót các chúng sinh ở thế gian nên nhập Tam-muội như vậy, phân chia xá-lợi khiến chúng thành như hạt cải, nhưng thân Như Lai chẳng thọ thống khổ. Khi biết tất cả chi tiết của thân phân tán thành xá-lợi giống như hạt cải, Phật Như Lai không có thống khổ. Như vậy, Phật vì thương xót thân nhận các chúng sinh đó và nhiếp cả các chúng sinh vị lai, nên khiến các cõi được an ổn. Nhờ vậy, họ cúng dường xá-lợi, tôn trọng cung kính đón đưa trang nghiêm, khiêm tốn cúng dường đủ loại hương hoa, hương thơm, hương bột, y phục, cờ phướn, lọng báu và các loại âm nhạc ca múa. A-nan, Ta nói

những người đó sẽ đắc quả Niết-bàn cho đến an trụ cõi Niết-bàn. A-nan, Ta diệt độ rồi, một trăm năm sau ở thành Ba-ly-phất sẽ có quốc vương tên là A-thâu-ca sinh trong dòng khổng tước, dùng pháp trị đời. Vua đó đối với pháp của Ta sẽ được kính tín, được kính tín rồi khiến cho xá-lợi của Ta lưu hành trùm khắp; trong một ngày, một giờ xây dựng tám vạn bốn ngàn bảo tháp thờ xá-lợi của Ta. A-nan, ông chớ ưu sầu, xá-lợi của Ta sẽ lưu hành rộng khắp trong cõi trời, người. A-nan, trong hiện tại, không những chỉ có người cúng dường Như Lai và sau khi Như Lai diệt độ cúng dường xá-lợi nhỏ như hạt cải, mà còn có người nếu trong mộng thấy tinh xá Phật, sinh lòng kính tín thì Ta nói người đó nhờ căn lành này sẽ đắc Niết-bàn, đắc đệ nhất Niết-bàn và hoàn toàn an trụ ở cõi Niết-bàn. A-nan, trong đời vị lai có chư Phật xuất hiện ở thế gian, các Đức Như Lai đó không thể không xưng tán công đức, công hạnh của Ta. Cũng như nay Ta xưng tán công đức chư Phật quá khứ. Đời vị lai, chư Phật xưng danh tự của Ta cũng như vậy. A-nan, lúc Ta nói pháp, tất cả chúng sinh xa lìa trần cấu đắc được pháp nhãn. A-nan, các chúng sinh đó, khi xưa ta tu hành hạnh Bồ-tát, tất cả đều đã thành thực trước rồi. A-nan, nếu cúng dường vào ruộng phước của tăng thì công đức có tận cùng. Cúng dường bốn phương Tăng, công đức cũng cùng tận. Cúng dường Phật-bích-chi, công đức tạo được chẳng thể cùng tận. Nếu cúng dường Phật thì được công đức chẳng thể cùng tận. Lại nữa, này A-nan! Như trước Ta đã nói, tạo công đức vào các ruộng phước thì đều sẽ đắc quả Niết-bàn và hoàn toàn an trụ ở cõi Niết-bàn. A-nan, không những chỉ có người gần gũi cung phụng cúng dường Ta và sau khi Ta diệt độ người ấy cúng dường xá-lợi. A-nan, nếu có người niệm Phật cho đến cúng một bông hoa rải trong không trung, Ta dùng Phật trí thấy căn lành đó chẳng thể nghĩ lường, chẳng thể nói hết. Này A-nan! Những chúng sinh đó tạo các căn lành, dùng tâm niệm Phật, cho đến đem một bông hoa rải trong không trung, cuối kiếp vị lai đây, trong thời gian luân hồi lưu chuyển từ đầu đến cuối chẳng thể biết, ở chỗ Như Lai dâng cúng một bông hoa thì hưởng được phước báo chẳng thể xưng nói, hoặc làm Phạm Thiên vương, Thích Thiên vương, Chuyển luân Thánh vương. Do căn lành đó chẳng thể cùng tận nên chắc chắn được Niết-bàn và hoàn toàn an trụ ở cõi Niết-bàn. Vì sao? A-nan, vì chư Phật thần thông quảng đại như vậy, nên ai dâng cúng một bông hoa thì được phước báo vô lượng, lợi ích rộng lớn, đầy đủ công đức chẳng thể đo lường, không có ranh giới, chắc chắn sẽ hưởng cảnh giới Niết-bàn. A-nan, nếu ở chỗ Phật tạo công đức thì sẽ được phước báo vô biên, chẳng thể đo lường, chẳng thể nói hết. Cho đến ở chỗ Phật, có người

phát được một tâm, khởi một niệm tin thì Ta nói người đó phạm hạnh rốt ráo, an ổn rốt ráo, cùng tận rốt ráo. Vì vậy A-nan, nếu có thiện nam, thiện nữ nào muốn cầu làm Phạm Thiên vương, Chuyển luân Thánh vương, Hộ Thế Tứ Thiên vương, Tam Thập Tam thiên, Dạ-ma thiên, Đâu-suất-đà thiên, Hóa Lạc thiên, Tha Hóa Tự Tại thiên và chư Thiên khác, các rồng, Dạ-xoa, Càn-thát-bà, A-tu-la, Ca-lâu-la, Khẩn-na-la, Ma-hầu-la-già, nhân, phi nhân v.v... muốn làm chủ tất cả thế gian được tự tại thì phải nên tôn trọng nghinh rước, tiễn đưa, cung kính cúng dường chư Phật Thế Tôn. Hoặc người muốn mong cầu địa vị Thanh văn, Phật-bích-chi và cầu Tuệ Giác Vô Thượng thì thiện nam, thiện nữ đó cũng phải cung kính tôn trọng khiêm tốn cúng dường chư Phật Thế Tôn như vậy. A-nan, khi xưa Ta vì cầu Tuệ Giác Vô Thượng nên ở chỗ vô lượng Phật, vô lượng trăm Phật, vô lượng trăm ngàn Phật, cho đến vô lượng ức na-do-tha trăm ngàn Phật; cung kính tôn trọng khiêm tốn cúng dường quần áo, thức uống, thức ăn, giường, ghế, nệm, cung cấp thuốc thang đầy đủ. Hoặc đi, hoặc đứng, hoặc ngồi, hoặc nằm Ta đem các vòng hoa, hương xoa, hương bột, nước hoa, cò phướn, lọng báu cúng dường Đức Phật đó. Sau khi Phật đó diệt độ, Ta xây dựng chùa tháp, trang trí đủ loại, dùng hương hoa, hương xoa, hương bột, trăm ngàn kỹ nhạc vui mừng ca múa, cung kính tôn trọng, khiêm tốn cúng dường. A-nan, vì thương xót tất cả chúng sinh ở thế gian, vì lợi ích an lạc các trời, người, vì muốn độ người chưa được độ, vì người chưa giải thoát khiến được giải thoát, vì người chưa an ổn khiến được an ổn, vì người chưa Niết-bàn khiến được Niết-bàn, nên Ta dùng năm cành hoa Ưu-ba-la rai cúng Phật Nhiên Đăng, ngay đó liền ngộ pháp nhãn Vô sinh. Căn lành như vậy là phước báo nhỏ. A-nan, ông có muốn biết phước báo của Ta rải cúng năm cành hoa dâng lên Đức Nhiên Đăng Như Lai Ứng Chánh Biến Tri, và căn lành phước báo thiếu phần khác không?

A-nan bạch:

– Đúng vậy, thưa Thế Tôn! Con ưa muốn nghe. Đúng vậy, thưa Bà-già-bà! Đúng vậy, thưa Tu-già-đà! Nay chính là lúc cúi xin Thế Tôn phân biệt chỉ bày, ở chỗ Phật Nhiên Đăng trông ít căn lành mà được phước báo.

Lúc đó, Đức Thế Tôn ung dung đưa cánh tay phải màu vàng, dùng ngón tay út chỉ lên trời, tức thời hương hoa Ưu-ba-la đầy khắp ba ngàn đại thiên thế giới chư Phật, trăm ức mặt trời, mặt trăng di động đổi chỗ châu biến cùng khắp. Đức Thế Tôn ở trong các cõi trời, người a-tu-la, hiện tướng lạ lùng đặc biệt chưa từng có này là để chỉ bày ở chỗ chư Phật trông ít căn

lành, thu được phước báo không hư, không mất. Đức Thế Tôn nói bài kệ:

Chư Phật chẳng nghĩ bàn
 Pháp Như Lai cũng vậy
 Khéo tin chẳng nghĩ bàn
 Ất được quả cũng vậy.
 Tướng, không tướng vân vân
 Tất cả các chúng sinh
 Vô lượng trăm ức kiếp
 Hết thấy đều cúng dường.
 Cho đức Phật-bích-chi
 A-la-hán vô lậu
 Số kiếp chẳng nghĩ bàn
 Cúng dường tất cả Phật.
 Đáng Chánh Giác trụ thế
 Hoặc sau Phật Niết-bàn
 Cho đến chỉ chấp tay
 Giới Phật không khuyết giảm.
 Thắng phước đây ở trước
 Đắc Tam-muội tự tại
 Với pháp không nghĩ hoặc
 Phật nhãn nhìn thấu suốt.
 Hoặc ngày, hoặc đêm, thời gian ngắn
 Nếu đối Thiện Thệ, tu tâm từ
 Cúng dường như vậy phước vô lượng
 Ba cõi không bằng, không thể sánh.
 A-tăng-kỳ kiếp trong quá khứ
 Làm đạo sư trong các thế gian
 Làm ánh sáng trong chúng trời, người
 Tu các nghiệp lành nhiều vô kể.
 Lúc lưu chuyển a-tăng-kỳ kiếp
 Thọ phước báo ấy chẳng tận cùng
 Ta lấy phước đó làm nhân duyên
 Được Bồ-đề thù thắng như vậy.
 Xưa, Ta vì thương xót chúng sinh
 Chỗ vô lượng trăm ngàn ức Phật
 Đòi đòi thường cúng dường, tu tập
 Phật chẳng thọ ký riêng cho Ta.

Trong loài người, Phật đó đứng đầu
Biết căn lành Ta chưa thuần thực
Tuy làm việc lành chưa được ký
Nhưng Ta vẫn kiên nhẫn làm lành.
Ta lại thấy Phật Nhiên Đăng đó
Rải cúng năm cành Ưu-ba-la
Trải tóc lấp bùn để Phật qua
Ta liền ngộ pháp nhãn Vô sinh.
Khi đó, Phật Nhiên Đăng Đạo Sư
Liên thẳng hư không thọ ký Ta
Đời vị lai, A-tăng-kỳ kiếp
Ông sẽ thành Phật, hiệu Thích Ca.
Từ đây sinh tử lưu chuyển mãi
Tu hành vô lượng các nghiệp lành
Vì thương chúng sinh, thọ các khổ
Như vậy, vì cầu thắng Bồ-đề.
Ta thấy thế gian khổ, cô độc
Thường bố thí, thương xót, vỗ về
Phước đó vô hạn không số lượng
Đạo sư nói rộng chẳng tận cùng.
Khi Ta tu hành hạnh Bồ-tát
Đối các Phật Thiện Thế, Thế Hùng
Ngày đêm, Ta cúng dường, xưng danh
Vô lượng ức kiếp chẳng thể kể.
Một, hai, ba, bốn, năm đến mười
Hai mươi, ba mươi lần xưng danh
Vì thương chúng sinh nên tu hành
Xưa chỗ Phật, cúng dường tối thắng.
Như trước đây Ta tu khổ hạnh
Vô lượng các khổ, Ta nhẫn chịu
Đời đời chẳng bỏ tâm Bồ-đề
Tất cả chư Phật không thể sánh.
Kiếp kiếp trong lúc Ta lưu chuyển
Xả bỏ trăm ngàn vạn ức đầu
Bỏ cả quốc độ, ngôi vua báu
Vì muốn cầu nghe pháp cực lành.
Lúc Ta vì chánh pháp vô thượng

*Hết lòng vui cầu chẳng thể lường
 Bồ thí, trì giới cùng nhẫn nhục
 Tinh tấn giác ngộ thắng Bồ-đề.
 Thế lực chư Phật chẳng nghĩ bàn
 Nơi kiến lập dùng các công đức
 Chánh pháp Phật nói chẳng nghĩ bàn
 Thường hiển bày Bồ-đề tối thắng.*



Phẩm 11: TRÔNG CĂN LÀNH

Bấy giờ, Đức Thế Tôn lại bảo A-nan:

– Từ chỗ Đức Phật Nhiên Đăng, sau đó Ta đến gặp Đức Phật Liên Hoa Thượng, dùng hoa vàng rải cúng Phật đó, vì cầu Tuệ Giác Vô Thượng. Thứ đến gặp Phật hiệu là Nhất Thiết Thế Gian Tối Thắng Tự Tại, Ta dùng hoa bạc rải cúng Phật, vì cầu nhất thiết chủng trí. Thứ đến gặp Phật hiệu là Cực Cao Hạnh, Ta đem tiền vàng dâng cúng Phật, vì cầu trí bất khả tri. Thứ đến gặp Phật hiệu là Thượng Dự, Ta đem các bảo báu dâng cúng Phật, vì cầu trí vô chướng ngại. Thứ đến gặp Phật hiệu là Thích Ca Mâu Ni, Ta dùng các loại hoa rải cúng trên thân Phật, vì cầu Bồ-đề vô thượng. Thứ đến gặp Phật hiệu là Đế-sa, Ta dùng bột xoa chiên-đàn đỏ rải cúng Phật, cũng lại vì cầu trí vô chướng ngại. Thứ đến gặp Phật hiệu là Phật-sa, Ta đặt hết niềm tin vào Phật, bảy ngày bảy đêm chăm chăm nhìn, mắt không rời và dùng vô lượng kệ tán thán Thế Tôn đó. Thứ đến gặp Phật hiệu là Tỳ-bà-thi, Ta lại dùng đậu rải cúng Thế Tôn đó. Thứ đến gặp Đức Phật hiệu là Thi-khí, Ta dùng y báu vô giá dâng lên Phật. Thứ đến gặp Đức Phật hiệu là Tỳ-xá-phù, Ta dùng thức ăn, thức uống thượng vị cúng dường Phật. A-nan, đầu Hiền kiếp đây có Đức Phật hiệu là Câu-lưu-tôn, Ta ở nơi đó tịnh tu phạm hạnh, vì cầu trí tự nhiên. Thứ đến gặp Phật hiệu là Câu-na-hàm-mâu-ni, Ta tu hành phạm hạnh ở chỗ Phật. Thứ đến có Đức Phật hiệu là Ca-diếp, Ta cũng tu phạm hạnh ở đó. Ta ở chỗ tất cả các Đức Phật như vậy, vì cầu Tuệ Giác Vô Thượng, vì tự độ cũng vì độ người chưa được độ, vì muốn được giải thoát cũng vì người chưa giải thoát khiến được giải thoát, vì muốn đắc Niết-bàn cũng vì người chưa Niết-bàn khiến được Niết-bàn. Nay ông xem Ta cúng dường vô lượng a-tăng-kỳ chư Phật Thế Tôn như vậy. Ta

cung kính tôn trọng khiêm tốn cúng dường đầy đủ vô lượng các công đức lành, vì cầu Tuệ Giác Vô Thượng. A-nan, thứ lớp như vậy ông phải nên biết. Tuy ở chỗ Phật trồng ít căn lành nhưng sẽ được thần thông, công đức, lợi ích rộng lớn, A-nan, Ta ở chỗ Phật gieo trồng căn lành Bồ-đề chẳng thể nghĩ bàn thì nay được phước báo chẳng thể nghĩ bàn, không gì sánh bằng, không có ranh giới. Điều này như vậy ông phải nên tin.

Lúc đó, Đức Thế Tôn nói lại bằng bài kệ:

*Ta ở Nhiên Đăng Lương Túc Tôn
Gặp Phật, Ta tu hạnh Bồ-tát
Rải cúng Phật năm hoa sen xanh
Liên ký cho Ta đạo vô thượng.
Lại có Đức Phật Liên Hoa Thượng
Khi ấy Ta cũng được gặp Phật
Dùng hoa vàng quý rải cúng Phật
Vì cầu quả tối thắng Bồ-đề.
Lại có chư Phật đại đạo sư
Đấng tối tự tại ở thế gian
Cực Cao Thượng Hạnh và Thượng Dự
Phật Thích-ca, Đế-sa, Phất-sa.
Tỳ-bà, Thi-khí, Tỳ-xá-phù
Phật Câu-lưu-tôn, Câu-na-hàm
Cùng Phật Ca-diếp, Ta đều cúng
Vì cầu tuệ giác thắng tối thượng.
Chư Phật đây và Phật quá khứ
Ta đều tu hành cúng dường trọn
Vì thương xót tất cả chúng sinh
Vì cầu tuệ giác thắng vô thượng.
Ta cúng dường ngàn ức Phật đó
Căn lành tích trữ đã tròn đủ
Hàng phục thế lực dòng họ ma
Đắc được đạo vô ưu an ổn.
Ta chuyển pháp luân lớn vô thượng
Hiện bày chánh pháp vì chúng sinh
Trời, người, rồng, tất cả chúng sinh
Thích quả Bồ-đề, Ta độ hết.
Ta đã chỉ bày đạo yên ổn
Chư Phật, Thanh văn đời vị lai*

*Nếu muốn cứu độ chúng sinh khổ
Phải nên tu tập đức hạnh Ta.*



KINH ĐẠI BI

QUYỂN 4

Phẩm 12: DÙNG CÁC THÍ DỤ ĐỂ PHÓ CHÚC CHÁNH PHÁP

Bấy giờ, Đức Thế Tôn lại bảo Tuệ mạng A-nan:

– Thôi, không nói đến tuệ giác, công đức, lợi ích của ta đạt được hôm nay, mà chỉ nói công đức, lợi ích trước đây, khi Ta hành trì Bồ-tát đạo thì Duyên giác còn không có, huống nữa là Thanh văn và chúng sinh khác. A-nan, lúc Ta làm Bồ-tát, trong thời gian dài tu khổ hạnh: xả bỏ ngôi vua, vợ con, cùng các cung phi mỹ nữ, thân mạng, chân tay, đầu, mắt, tai, mũi, thịt, máu, xương, tủy và nhận chịu vô lượng các loại đau khổ. Tất cả những thứ đó, Ta lãnh thọ đều vì các ông, vì muôn cầu Tuệ Giác Vô Thượng. A-nan, những gì khó bỏ Ta đều đã bỏ, vì chúng sinh mà nhận chịu các khổ. A-nan, những công đức đó, nếu Ta nói rộng thì chẳng thể cùng tận. Nếu có người nghe được việc này thì chắc chắn tâm họ mê muội hưởng nữa là có nói việc ấy. A-nan, nếu có chúng sinh khởi một tâm niệm thương xót, nói thế này: Đức Thích Ca Mâu Ni Như Lai Ứng Chánh Biến Tri, thuở xưa làm Bồ-tát tu khổ hạnh, vì chúng ta nên chịu đủ vô lượng các loại đau khổ, làm việc khó làm. A-nan, Ta nói những ai có phát khởi một niệm tâm như vậy thì quyết định sẽ đắc Niết-bàn tối hậu, huống nữa là người trồng các căn lành ở chỗ Ta. A-nan, cũng có người ngu chấp thủ không tin là khi xưa Ta làm Bồ-tát có tu khổ hạnh như thế, cho đến chẳng khởi sinh một niệm thương tâm, còn nói Như Lai không đạt lợi ích và cũng không kính tín đó nữa. Vì vậy, người có hạnh thù thắng thì hay đắc Niết-bàn. A-nan, công đức lợi ích thắng pháp như vậy, Duyên giác còn không có huống nữa là tất cả Thanh văn và phàm phu có khả năng đạt được. A-nan, có những bậc tu hành hạnh Bồ-tát đạt được lòng thương lớn, cũng chẳng phải Duyên giác có khả năng đạt được. A-nan, nếu có người tu hạnh Bồ-tát đạt được lòng thương lớn như Ta. Đạt được lòng thương lớn rồi, chắc chắn họ sẽ đắc được Tuệ Giác Vô Thượng. Vì pháp đây là chỗ thâm giữ tâm đại từ, đại bi. Chính vì nhân duyên này hàng Duyên giác không có, nên không đắc được quả vị Như Lai

Ứng Chánh Biến Tri, không đủ mười lực, bốn vô sở úy, đại từ, đại bi. A-nan, khi xưa, Ta tu hạnh Bồ-tát biết tìm cầu pháp lành, đối với sinh tử tâm thường lo sợ, tu tâm đại bi đối với chúng sinh. Một hôm trong mộng, Ta thấy chỗ sụp lở của đại Thiết Vi, chính giữa thế giới là địa ngục lớn. Tại đó, có các chúng sinh đang bị ngục tốt bức bách, hành hạ, thân thể tan hoại, xung quanh lửa hừng hực giống như biển lửa, họ chịu đau khổ cùng cực như cái khổ bị đoạt mạng. Ta đến nơi ấy, các chúng sinh đó chấp tay lễ bái và thưa: Thưa Nhân giả! Nay Nhân giả được an vui, còn chúng tôi thì phải chịu cái khổ đau đớn, khó nhằn của địa ngục, như cái khổ bị đoạt mạng. Chúng tôi không được ai cứu giúp, không ai che chở, không nơi nương tựa, không chỗ hướng về. Thưa Đại Trượng phu! Nếu Đại Trượng phu muốn cứu chúng tôi khỏi chỗ khổ này thì chắc chắn rất có thể được. A-nan, lúc Ta khởi lòng thương lớn các chúng sinh tại địa ngục đó, liền ở trong mộng khóc thương lệ tràn như nước sông Hằng, Ta an ủi chúng sinh đó: Nay các Nhân giả chớ có sợ hãi, Ta làm cho các ông thoát khỏi khổ lớn này. A-nan, khi ấy Ta liền khiến các chúng tại địa ngục đó tụ lại một chỗ, rồi dùng bàn tay phải xoa khắp đánh đầu của họ và bảo: Nay các nhân giả chớ có sợ hãi, Ta quyết định cứu độ các ông. Ta vừa dứt lời thì lửa lớn địa ngục diệt mất, chỉ trong sát-na các chúng sinh đó thọ hưởng an lạc. A-nan, lúc Ta từ trong mộng tỉnh dậy thì áo ướt đầy nước mắt, đem vắt đầy đồ đựng. Nay A-nan! Khi xưa Ta tu hạnh Bồ-tát đã đầy đủ pháp đại bi như vậy, hưởng nữa là nay đã đắc được Tuệ Giác Vô Thượng. A-nan, pháp như vậy ông phải nên biết, chẳng phải hàng Duyên giác có được, hưởng là Thanh văn và những các hàng phàm phu. A-nan, nếu người nào tu pháp đây là tu hạnh Bồ-tát. A-nan, ông quán xem, Như Lai khi xưa tu hạnh Bồ-tát, đã đầy đủ tâm đại bi, tâm thương xót, lợi ích cho các chúng sinh như vậy. Công đức đó, nếu Ta dùng khẩu nghiệp tuyên nói đầy đủ thì chẳng thể cùng tận. A-nan, trong đời quá khứ có đại thương chủ vì đi lấy của báu nên cùng các thương nhân vào trong biển lớn. Thuyền của họ chở đầy ắp đủ loại bảo báu, về đến giữa biển thuyền bị tan vỡ, các thương nhân ôm lòng sợ hãi, sầu não, tuyệt vọng. Trong đó, có người được miếng ván thuyền, hoặc có người nổi hoặc có người chết chìm. A-nan, lúc đó thương chủ ở giữa biển lớn đang ôm phao được nổi yên ổn mà vượt biển thì có năm người kêu: Thương chủ! Cúi xin ông ban cho chúng tôi chỗ không sợ hãi. Khi đó, thương chủ liền bảo: Nay các trượng phu chớ có sợ hãi, ta sẽ làm cho các ông vượt thoát yên ổn khỏi biển lớn này. A-nan, khi đó thương chủ thân đeo kiếm bén, nghĩ thế này: Pháp của biển lớn không chứa thầy chết. Như vậy, nay ta tự xả bỏ thân

mạng thì các thương nhân chắc chắn sẽ được thoát nạn. Nghĩ vậy rồi, thương chủ liền gọi các thương nhân và bảo: Các ông ôm giữ thân tôi cho chặt. Các thương nhân đó có người cưỡi trên lưng, có người ôm vai, có người nắm đuôi. Lúc đó, thương chủ vì muốn bố thí cho họ sự không sợ hãi nên tự kích động thân tâm, phát khởi lòng đại bi dừng mãnh, dùng kiếm bén đoạn mạng căn mình chết ngay tức khắc. Ngay sau đó, biển lớn liền đẩy thân chết ấy lên bờ. Nhờ vậy mà năm thương nhân được vào bờ yên ổn, an lành, trở về cõi Diêm-phù-đề. A-nan, thương chủ thời đó đâu phải ai xa lạ, chính thân Ta vậy. Năm người thương nhân nay là năm Tỳ-kheo. Năm Tỳ-kheo này, khi xưa ở trong biển lớn được Ta cứu thoát, nay lại ở trong biển sinh tử cũng được Ta độ thoát, đặt ở bên kia bờ Niết-bàn không còn sợ hãi. A-nan, ông nay quán xem thế nào là tu khổ hạnh đầy đủ? Thế nào là Đại Bồ-tát được vô lượng công đức? A-nan, phải nên biết thứ lớp công đức như vậy, cũng chẳng phải Duyên giác có được. A-nan, các Bồ-tát có công đức như vậy, các Phật-bích-chi thì không có pháp này, nên chẳng được làm Như Lai Ứng Cúng Chánh Biến Tri, chẳng đắc được Tuệ Giác Vô Thượng. A-nan, vì hay tu các khổ hạnh như vậy nên được làm Bồ-tát với tâm đại bi thương xót vô về tất cả chúng sinh. A-nan, lại có người ngu ở chỗ Phật, chẳng sinh kính tín. Vì nhân duyên này nên chẳng gieo được chủng tử Tuệ Giác Vô Thượng, cũng chẳng chứng được Niết-bàn Vô thượng. Nếu họ đối với Ta, tâm sinh kính tín thì liền gieo được chủng tử Bồ-đề, có thể chứng Niết-bàn. A-nan, tu thiếu phần hạnh thì được thiếu phần công đức, tu hạnh viên mãn thì được công đức viên mãn. A-nan, Ta sẽ nói thêm hạnh quyết định khác. Nếu có chúng sinh, cho đến chỉ phát khởi một niệm kính tín, nhờ căn lành này nên gây được chủng tử, hưởng nữa là trồng căn lành thù thắng tối thượng. A-nan, nếu có người ở chỗ Phật trồng căn lành, cho đến nhất niệm, phát tâm niệm Phật. Ta nói những người đó giống như được cam lộ tối thượng trong các cam lộ. A-nan, hành giả nên niệm Như Lai bằng đủ mọi cách. Nghĩa là niệm chỗ Như Lai niệm, niệm căn lành của Như Lai, niệm tánh nhật của Như Lai. Tánh này chẳng giống tánh khác, vì nó được sinh từ dòng Cam Giá Vô Thượng. Tánh nhật là: lia các tối tăm, tạo ra ánh sáng. A-nan, Ta sinh từ dòng họ Thích nên có chủng tánh thanh tịnh. A-nan, nên niệm Như Lai sinh, niệm chủng tộc Như Lai, niệm tánh Như Lai, niệm đầy đủ tài bảo Như Lai trử, niệm đoàn chánh của Như Lai, niệm cõi nước nơi Như Lai sinh, niệm tướng của Như Lai, niệm tướng hảo của Như Lai, niệm mười lực của Như Lai, niệm bốn vô sở úy của Như Lai, niệm mười tám pháp bất cộng của Như Lai, niệm đầy đủ

chỗ Như Lai sinh, niệm những việc tốt đẹp của Như Lai, niệm cái không ngu si của Như Lai, niệm đầy đủ hạnh xưa của Như Lai, niệm đầy đủ nguyện của Như Lai, niệm đầy đủ giới, định, tuệ, giải thoát, giải thoát tri kiến của Như Lai, niệm từ bi hỷ xả của Như Lai, niệm đầy đủ oai nghi của Như Lai. A-nan, nếu có người tùy theo chỗ niệm Phật đó, nhờ công đức niệm Phật mà đắc được đại thần thông, đại lợi ích, công đức rộng lớn, giống như cam lộ đệ nhất, cam lộ tối thượng trong các cam lộ. A-nan, khi xưa, Ta làm Bồ-tát thực hành bố thí Ba-la-mật. Ta dùng Phật trí quán thấy công đức đó chẳng có biên vực, hướng nữa là tu trì giới Ba-la-mật, nhẫn nhục Ba-la-mật, tinh tấn Ba-la-mật, thiền định Ba-la-mật, trí tuệ Ba-la-mật và các công đức khác. Như Bồ-tát đó có công đức chưa được thọ ký, dùng trí Phật quán sát còn không có ranh giới, hướng là công đức đó đã được thọ ký, cho đến thành Phật thì tất cả công đức hơn trăm ngàn ức na-do-tha kiếp. A-nan, vì sao Ta tuyên bố công đức chẳng có ranh giới cùng tận? Vì Như Lai Ứng Chánh Biến Tri công đức vô lượng. A-nan, Ta dùng thật trí quán thấy lợi ích như thế, nên nói như vậy. Nếu có người sinh tâm kính tín, nhớ nghĩ công đức lợi ích của Ta khi còn làm Bồ-tát, nhờ căn lành này, đều sẽ đắc được Niết-bàn tối hậu. Vì vậy A-nan, ông chớ có ưu buồn bi não. Ta làm cho ông cùng các trời người tạo lợi ích lớn, thâm nhận tất cả, rồi nói đạo pháp khiến cho chúng sinh được hướng đến Niết-bàn tối hậu, yên ổn vô thượng. Các ông ở đây, siêng tu phương tiện, chớ có phóng dật.

Bấy giờ Đức Thế Tôn bảo các Tỳ-kheo:

– Sau đêm nay, Ta sẽ nhập Niết-bàn. Nay là lần cuối cùng các ông thấy Ta, lần cuối cùng nhận sự giáo hóa của Ta, lần cuối cùng hợp mặt với Ta. Từ nay, các ông không còn thấy Ta và Ta cũng không còn thấy các ông nữa. Nay các Tỳ-kheo! Thôi chớ ưu bi, tất cả vật ưng ý, yêu mến đều sẽ xa lìa tan hoại. Nay các Tỳ-kheo! Pháp sinh, pháp hữu pháp hữu vi, pháp sai biệt, pháp giác tri, tất cả đều do nhân duyên sinh, là pháp tan hoại, nếu không hoại thì điều này không có. Nay các Tỳ-kheo! Giả sử các pháp có tụ hội lâu đi nữa, cũng sẽ phải xa lìa. Nay các Tỳ-kheo! Phàm có sinh thì không thể không có chết, tất cả các hành không thường định, không rốt ráo bất biến. Nay các Tỳ-kheo! Sinh tử là khổ, Niết-bàn là vui. Nếu các ông, muốn làm cho người chưa đắc được đắc, người chưa đạt được đạt, người chưa chứng được chứng thì phải nên cần cầu pháp đó. Nay các Tỳ-kheo! Nên siêng tu phương tiện, chớ có phóng dật. Chư Phật Thế Tôn vì không phóng dật nên đắc được Bồ-đề vô thượng và tất cả pháp lành trợ đạo khác. Vì vậy, các ông nên thọ trì lời dạy của Ta.

Bấy giờ, đại chúng Tỳ-kheo, Tỳ-kheo-ni, Ưu-bà-tắc, Ưu-bà-di, trời, rồng, Dạ-xoa, Càn-thát-bà, A-tu-la, Ca-lâu-la, Khẩn-na-la, Ma-hầu-la-già, Thích thiên, Phạm thiên, Tứ Thiên vương v.v... sau khi nghe lời dạy cuối cùng của Phật, liền sầu khổ không vui, khóc lóc rơi lệ như bị trúng tên ưu buồn. Họ kêu khóc thảm thiết, thưa như thế này:

– Bà-già-bà nhập Niết-bàn sao mà nhanh quá! Tu-già-đà nhập Niết-bàn sao mà nhanh quá! Con mắt thế gian bị diệt, thế gian mù tối sao mà nhanh quá! Tại sao nay con cùng bảo báu của chúng sinh ly biệt nhau nhanh quá!

Bấy giờ, A-nan nghe như vậy rồi, chiêm ngưỡng Như Lai, mắt nhìn chăm chăm không nháy, suy nghĩ bi não, gào khóc té ngã trên đất, như cây lớn bên sườn núi bị ngã. Khi đó, Đức Thế Tôn lại bảo A-nan:

– Thôi! Chớ có ưu sầu bi não. Trước kia, Ta lẽ nào không dạy ông: Tất cả sự việc yêu thích, ưng ý đều sẽ ly biệt, pháp sinh, pháp hữu, pháp hữu vi, pháp sai biệt, pháp giác tri do nhân duyên sinh, là pháp tan hoại, nếu không hoại diệt thì điều này là không có.

Tuệ mạng A-nan nghe như vậy rồi, bạch Phật:

– Thưa Bà-già-bà! Làm sao con không ưu sầu cho được! Thưa Tu-già-đà! Làm sao con không bi não cho được! Phật là bảo báu của chúng sinh, Phật chở hết chúng sinh. Phật là đạo sư của chúng sinh, Phật là chỗ chúng sinh cầu cứu, Phật là chỗ chúng sinh nương về, Phật là Đại sư của hàng trời người đang cùng con ly biệt. Vì vậy, thưa Bà-già-bà! Làm sao con không ưu sầu cho được! Thưa Tu-già-đà! Làm sao con không bi não cho được! Thưa Thế Tôn! Thế Tôn là đáng đại bi thương xót tất cả thân hữu, chúng sinh, thế gian, là con mắt quý báu chiếu sáng tất cả thế gian đang cùng con ly biệt, mà con tự thấy lạ, sao tâm con chẳng bị tan vỡ thành trăm phần. Thưa Thế Tôn! Con lại tự thấy lạ, sao con vẫn còn đứng đây mà không bị mạng chung. Thưa Thế Tôn! Con lại tự thấy lạ, sao thân chẳng bị tan hoại như men rượu. Thưa Thế Tôn! Con tự nghĩ, nay con không chết như vậy, là do thần lực gia trì của Như Lai. Thưa Bà-già-bà! Làm sao con không ưu sầu cho được! Thưa Tu-già-đà! Làm sao con không bi não cho được, như ánh sáng đã tắt, nay con không còn thấy người chở hết chúng sinh, người thương xót thế gian, đạo sư của thế gian.

Khi đó, Phật bảo Tuệ mạng A-nan:

– Ông thương Ta chăng? A-nan thưa:

– Dạ! Con rất thương Bà-già-bà, rất thương Tu-già-đà. Phật hỏi:

– Ông thương Ta như thế nào? A-nan thưa:

– Con thương Đức Thế Tôn, chẳng thể dùng khẩu nghiệp nói hết được, cũng chẳng thể dùng thí dụ mà so sánh cùng tận. Con thương Bà-già-bà như vậy, thương Tu-già-đà như vậy. Thưa Thế Tôn! Vì Như Lai con xả bỏ thân mạng cũng không hối tiếc. Thưa Bà-già-bà! Con thương Ngài như vậy. Thưa Tu-già-đà! Con thương Như Lai như vậy. Thưa Thế Tôn! Con thương Như Lai chỉ có Phật chứng biết. Thưa Bà-già-bà! Con thương Như Lai như vậy. Thưa Tu-già-đà! Con thương Như Lai như vậy!

Bấy giờ, Đức Thế Tôn lại bảo A-nan:

– Nếu ông thương Ta thì đưa tay phải ra.

Khi đó, A-nan, liền đưa cánh tay phải, Đức Thế Tôn liền dùng bàn tay phải mềm mại màu vàng của mình cầm tay A-nan, nói:

– A-nan, nếu ông thương Ta, phải nên vì Ta làm việc yêu thương. Vì Ta mà làm việc yêu thương như thế nào? Trong vô lượng trăm ngàn ức na-do-tha a-tăng-kỳ kiếp, Ta đã tu tập Tuệ Giác Vô Thượng. Ta đem đại pháp bảo tạng này phó chúc cho ông. Như Ta đã truyền, ông nên thuận theo, truyền thừa mãi mãi, khiến nó được rộng khắp, không bị đoạn mất, chớ để nửa chừng pháp nhân bị diệt. Nay Ta vì ông là người hộ trì khiến cho chánh pháp Tỳ-ni của Phật được tăng trưởng, chẳng bị thoái giảm, chẳng bị diệt mất, nên Ta thí dụ, những người trí nung nấu được hiểu. Ví như trưởng giả dòng quý tộc giàu có, của cải đầy ắp cất chứa rất nhiều kho, vật cần dùng chẳng thiếu thứ chi, lúc nào cũng đầy đủ, tài bảo như vậy chỉ riêng mình có, dòng họ đông đủ, kiến thức sâu rộng, nhân duyên sinh ra cũng đầy đủ. Trưởng giả này sinh được một đứa con, khi con khôn lớn, ông thường dạy cho học các môn lịch sử, toán số, thơ văn, in ấn và các loại nghề tinh xảo, trí tuệ thâm sâu. Sau khi con mình đã học hết, trưởng giả dạy rằng: Ta nay đã dạy cho con đầy đủ tất cả, con đã học được đầy đủ lịch sử, toán số, thơ văn, in ấn, các nghề tinh xảo, trí tuệ thâm sâu. Hôm nay, là ngày dạy cuối cùng của Ta, tất cả tài sản, bảo vật của Ta, nay thuộc về con, Ta giao phó chúng cho con. Từ nay, con nên học ba việc để có thể giữ được sự nghiệp trước đây của dòng tộc chúng ta. Những gì là ba? Một là dục, hai là tình tấn, ba là không phóng dật. Trưởng giả giàu có quyền quý đó, khéo dạy bảo con mình như vậy, nhưng đứa con đó si cuồng phóng dật, tiêu xài phung phí tài sản của cha mẹ hết sạch. A-nan, ý ông nghĩ sao? Con của trưởng giả đó có nghe lời cha dạy không?

A-nan đáp:

– Không, thưa Bà-già-bà! Không, thưa Tu-già-đà! Phật nói:

– A-nan, trưởng giả đó có truyền dạy sự nghiệp của mình cho con không?

A-nan đáp:

– Dạ có, thưa Bà-già-bà! Dạ có, thưa Tu-già-đà! Phật nói:

– A-nan, Như Lai làm cha của thế gian, ông là một trong những đứa con. Ngày nay là lần cuối cùng, Ta dạy bảo khuyên nhủ, phó chúc cho ông, kho tàng pháp bảo vô thượng của Ta tu tập trong trăm ngàn ức na-do-tha a-tăng-kỳ kiếp. Nay các ông cũng phải học ba việc. Những gì là ba? Một là dục, hai là tinh tấn, ba là không phóng dật. Các ông nếu giữ ba việc như vậy, thì kho tàng pháp bảo vô thượng của Ta tu tập trong a-tăng-kỳ kiếp, được tồn tại lâu dài. Vì người chưa đạt pháp lành khiến được thông đạt, đã thông đạt rồi, khiến chẳng thoái mất. Do vậy, các ông phải nên gìn giữ chắc chắn kho tàng pháp bảo Tuệ Giác Vô Thượng của Ta tu tập trong a-tăng-kỳ kiếp. Người chưa trụ ba việc thì khiến trụ ba việc, người chưa đạt pháp lành thì khiến cho thông đạt, đã thông đạt rồi, khiến chẳng thoái mất. Vì sao vậy? Ta vì lòng từ bi thương xót, vì lợi ích tất cả thế gian, vì muốn làm cho họ được an lạc. A-nan, Ta đã làm cha thế gian, việc dạy bảo xem như đã xong. Đối với các ông, việc cần làm ta đã làm. Lại nữa A-nan, trong a-tăng-kỳ kiếp, Ta tu tập pháp Tuệ Giác Vô Thượng, có ba nhân duyên sẽ làm nó bị khuất lấp. Những gì là ba? Một là không tin, hai là chẳng trụ hạnh quyết định, ba là không sám hối. Vì vậy A-nan, nay ông hộ trì chánh pháp bảo tạng, phải thật sâu sắc vào lòng tin, quyết định, sám hối. Phải làm ba việc phương tiện: mong cầu, tinh tấn, không phóng dật. Như vậy, các ông đối với pháp của Ta, cũng như người cha tôn quý của thế gian giao việc cho con, việc cần làm nó đã làm xong. A-nan, vì nghĩa này nên Ta nói thí dụ, khiến cho chánh pháp bảo tạng vô thượng được trao truyền, tăng thượng, thành tựu. Nhờ thí dụ này, những người trí nghe rồi được hiểu, lại được tăng trưởng lòng ái kính sâu xa, suy nghĩ rằng: Đức Phật Thích Ca Mâu Ni Như Lai Ứng Chánh Biến Tri, vì chúng ta nên lúc sắp Niết-bàn, dùng tay phải của mình cầm tay A-nan, phó chúc cho pháp Tuệ Giác Vô Thượng của Phật đã tu tập trong a-tăng-kỳ kiếp. A-nan, ví như thương chủ đi đường xa, việc cần làm đều đã làm xong. A-nan, ý ông nghĩ sao? Thương chủ đó xong việc sẽ trở về nhà, hay ở ngoài đường.

A-nan đáp:

– Thưa Thế Tôn! Thương chủ đó trở về nhà, không ở ngoài đường.

– Nay A-nan! Cũng vậy, Như Lai là cha mẹ của thế gian, là thân hữu của thế gian, là đạo sư của thế gian, là đại thương chủ dùng trí Bồ-đề vô thượng biết việc cần làm đều đã làm xong, không còn Phật sự có thể làm. Tất cả chúng sinh đáng được độ, đều đã độ hết, những người cần được độ, đều đã được điều phục. A-nan, có ba việc chưa đạt được viên mãn thì Như Lai Ứng Chánh Biến Tri chẳng nhập Niết-bàn. Ba việc đó là gì? Đó là Đại Bồ-tát chưa chứng đắc, trụ pháp bất thoái chuyển. Nếu khi chánh pháp vô thượng của Như Lai diệt mất, hoặc trải qua một kiếp, trăm kiếp, ngàn kiếp, trăm ngàn kiếp, hoặc trăm ngàn ức na-do-tha kiếp, Đại Bồ-tát chưa chứng đắc Tuệ Giác Vô Thượng thì chư Phật Thế Tôn tuy đến giờ Niết-bàn nhưng thấy Bồ-tát đó căn lành chưa thuần thực, vì muốn cho được thành thực, trụ bất thoái chuyển nên chư Phật dùng sức thần thông gia trì thân thể của mình trụ thêm ở đời mà không diệt độ. Đợi đến lúc Bồ-tát đó chứng đắc bất thoái rồi, Như Lai liền thọ ký cho Tuệ Giác Vô Thượng và bỏ xứ làm Phật theo thứ lớp. Sau đó, Như Lai mới nhập vào Niết-bàn vô dư. Vì vậy, nay Ta thọ ký cho Di-lặc và vô lượng trăm ngàn ức na-do-tha Đại Bồ-tát được Tuệ Giác Vô Thượng, khiến cho những Bồ-tát đó trụ ở A-tỳ-bạt-chí. Đây là chư Phật thương xót chúng sinh, việc cần làm đã làm. Lại nữa A-nan, nếu có chúng sinh cần được Như Lai độ thoát nhưng chưa được độ, thì Như Lai trọn không nhập Niết-bàn. Hoặc Phật Thế Tôn biết vô lượng trăm ngàn ức kiếp các vị Phật Thế Tôn khác chưa xuất hiện ở đời, tại thế giới này hoặc ở thế giới khác, đối với chúng sinh ở trong năm đường, trải qua một năm, trăm năm, ngàn năm, hoặc trăm ngàn năm, hoặc trăm ngàn ức na-do-tha năm, cho đến một kiếp hoặc hơn một kiếp; những chúng sinh này cần được Ta độ thoát thì đối với tất cả Thanh văn, Duyên giác chẳng độ thoát được. Phật dùng trí tuệ biết rõ như vậy. Phật Thế Tôn đó tuy đến giờ Niết-bàn, nhưng vì thương xót chúng sinh đó, nên dùng sức thần thông gia trì thân mình trụ thêm ở đời mà không diệt độ. Đợi đến lúc, khiến chúng sinh đó được thành thực rồi, sau đó mới độ thoát. A-nan, đây là việc thứ hai, chư Phật Thế Tôn, điều cần làm đã làm, sau đó mới vào Niết-bàn vô dư.

Lại nữa, nay A-nan! Những điều Như Lai nói: hoặc Tu-đa-la, hoặc Tỳ-ni, hoặc Ma-đắc-lặc-ca có nghĩa thâm sâu, chẳng phải các hàng đại chúng Thanh văn, hữu học, vô học cùng bàn luận mà có thể hiểu biết. Ở trong chúng ấy, giả sử có Tỳ-kheo sinh nghi muốn hỏi, nhưng vì kính trọng Phật nên lo sợ bối rối, chẳng dám hỏi. Chính Đức Như Lai Ứng Cúng Chánh Biến Tri dùng trí Phật biết như vậy, liền hóa thành một Tỳ-kheo đến chỗ Như Lai hỏi: Thưa Thế Tôn! Việc này phải làm như thế nào? Phật liền

bảo Tỳ-kheo biến hóa đó: Nay Tỳ-kheo, việc đó cần phải làm như vậy. A-nan, ba việc như vậy, chư Phật Thế Tôn chắc chắn phải làm, việc đó chưa viên mãn thì không nhập Niết-bàn. Tất cả những việc đó, Ta đã làm viên mãn, không còn điều gì để làm hoặc để nói. A-nan, nay vì các Thanh văn mà Ta bảo: Tu học Tỳ-ni-ba-la-đề-mộc-xoa, vì dứt khổ mà chỉ bày chánh đạo, nói hạnh quyết định chính là làm việc này. Do vậy A-nan, từ nay Ta không nói nữa, các ông phải thận trọng trong khi nói, những điều Ta đã nói chớ làm cho đoạn tuyệt. A-nan, những điều Ta dạy cần phải học như vậy, cần phải làm như vậy, thận trọng chớ có phóng dật, không phóng dật thì đắc đạo quả. Vì nghĩa này mà Ta dạy các ông chớ có ưu buồn bị não. A-nan, sau đêm nay, Ta sẽ nhập Niết-bàn, Ta sẽ xả bỏ thế giới, quốc độ này, lại không còn đến thế giới này nữa, cũng chẳng đến thế giới khác. Các ông từ nay không còn thấy Ta và Ta cũng không còn thấy các ông. A-nan, Ta sẽ nhập vào Niết-bàn vô dư, Niết-bàn như vậy vắng lặng, mát mẻ, dứt tất cả khổ, xả bỏ tất cả nhà cửa, không sinh, không già, không bệnh, không chết, không ưu, không sầu, không khổ, không não, không điều gì là không ưng ý, không có những hối hận, không oán tăng hội, không ái biệt ly. Chư Phật Thế Tôn cùng tất cả Thanh văn, Duyên giác nhiều như cát sông Hằng, tất cả đều đã đi, nay đi và sẽ đi. A-nan, nay ông thấy Ta còn thích Niết-bàn vô dư, chỉ có những người phàm phu ngu si mới không thích Niết-bàn an lạc vắng lặng, thù thắng vi diệu; lại cũng chẳng khởi một niệm phát tâm tùy thuận giải thoát. Nếu người hay phát tâm, khởi một niệm giải thoát, nhờ nhân duyên này làm chủng tử nên sẽ đắc Niết-bàn. A-nan, tất cả phàm phu sao có lực này, tất cả phàm phu yếu kém, không có năng lực. A-nan, Ta xem tất cả phàm phu ngu si giống như men rượu. Vì vậy A-nan, phàm phu ngu si, sao có được năng lực, sao có được an lạc, có người chẳng thể khởi một niệm phát tâm tùy thuận giải thoát, nếu người hay phát tâm thì quyết định gây được chủng tử Niết-bàn. A-nan, tất cả người phàm phu ngu si không có giới lực, định lực, tuệ lực. A-nan, Ta đã đầy đủ vô lượng Phật lực, đầy đủ a-tăng-kỳ chẳng thể nghĩ bàn, vô lượng, tốt đỉnh giới, định, tuệ, giải thoát, giải thoát tri kiến lực, tầm lực, quý lực, lực tích trữ từ lâu, trí lực, xả lực, phước lực, tuệ lực, căn lực, gia lực, đầy đủ cả mười lực mà còn ưa thích Niết-bàn vô dư. A-nan, có các phàm phu ám độn vô trí, biết pháp quá ít, ưa đắm trước trói buộc trong lao ngục sinh tử, cho đến chẳng thể khởi một niệm phát tâm tùy thuận giải thoát, ông nên khiến những chúng sinh đó gây được chủng tử căn bản Niết-bàn. A-nan, những điều Như Lai khen, những điều Như Lai nói trong các kinh lưu lại đời vị lai, nếu sau khi Phật

diệt độ, trong đời vị lai có người được nghe, nghe rồi phát tâm thì liền được nhập Chánh Pháp Bảo Tạng, cảnh giới Niết-bàn vô dư. A-nan, Ta sẽ nói thí dụ khiến ông hiểu được nghĩa ấy sâu xa hơn. A-nan, ví như thương chủ cùng các thương nhân đi qua con đường hiểm hoang vắng rộng lớn, họ thoát được nạn giặc, đến thành vô úy. Trong đoàn ấy, có người bị lạc đi ở phía sau. Người này trong lòng sợ hãi, chạy đuổi, tìm kiếm các thương nhân hết sức khổ não vượt qua con đường hiểm gặp được các người bạn. Cũng vậy A-nan, Như Lai chứng đắc Tuệ Giác Vô Thượng rồi, diễn nói các kinh như vậy lưu lại đời vị lai. Sau khi Phật diệt độ, có thiện nam, thiện nữ... nếu được nghe pháp, nghe rồi phát tâm đến bảo thành chánh pháp của Ta lưu giữ, nhập vào cảnh giới Niết-bàn vô dư. Sau khi đến thành chánh pháp, họ suy nghĩ nhớ lại và hộ trì diễn nói pháp bảo tạng của Ta. A-nan, vì một người mà Ta còn giao phó chánh pháp vô thượng đây cho ông giữ gìn, huống nữa là còn vô lượng trăm ngàn chúng sinh. Do vậy, nay Ta đem Chánh Pháp Bảo Tạng Tuệ Giác Vô Thượng này của Ta tu tập trong ức na-do-tha a-tăng-kỳ kiếp, phó chúc cho ông. Các ông phải nên khéo đọc tụng, gìn giữ, vì các tịnh tín, bốn bộ đại chúng mà khai thị phân minh, chớ làm cho pháp nhân giữa chừng diệt mất. A-nan, trong đời đương lai có các chúng sinh không được nghe thật nghĩa của kinh, nên sinh sự thoái mất. Vì vậy A-nan, Ta sẽ nói thí dụ. Ví như trưởng giả giàu có quyền quý, kho chứa tài bảo rất nhiều, đầy ắp; đời sống vật chất sung túc đầy đủ, nhưng chỉ có một đứa con ở phương xa. Khi trưởng giả đó thân bị bệnh nặng rất là đau đớn. Lúc sắp mạng chung, ông đem hết tài sản bảo vật ma-ni, trân châu, lưu ly, ngọc quý, vàng bạc, tiền của, giao gửi cho một trưởng giả khác và nói thế này: Anh nên biết cho, nay thân tôi bệnh nặng sắp mạng chung, nhưng con tôi ở phương xa. Tôi vì con, nay đem vô lượng kho tàng pháp bảo này giao gửi cho anh. Khi con tôi ở phương xa trở về, anh vì tôi mà dạy nó chớ có phóng dật, khiến nó không được buông lung, nhiên hậu mới trao kho tàng bảo vật này. Lúc trao bảo vật, anh nên dạy nó: Nay đồng tử! Khi cha con qua đời, trước lúc mạng chung, đã vì con mà đem bảo vật này giao gửi cho ta, nay ta hoàn lại cho con. Kỷ vật này, con nên lãnh thọ, gìn giữ, phòng hộ cẩn thận, chớ có phóng dật làm cho hao mất. Trưởng giả giàu có quyền quý nói vậy rồi, liền đem tất cả bảo vật giao gửi cho trưởng giả kia, trưởng giả kia tức thời lãnh nhận. Không bao lâu, người con của trưởng giả gửi vật, từ phương xa trở về, trưởng giả kia đã nhận vật gửi nhưng không chuyển lại. A-nan, ý ông nghĩ sao? Ai là người có lỗi?

Tuệ mạng A-nan bạch Phật:

– Thưa Thế Tôn! Lỗi ở người nhận giữ vật, chẳng phải ai khác. Vì sao vậy? Vì người nhận vật gửi là tự thân thọ nhận rất nhiều bảo vật, từ trường giả quyền quý đó, nhưng lại không hoàn trả cho con ông trưởng giả đó.

Phật bảo A-nan:

– Trưởng giả hào quý là dụ cho Như Lai gần nhập Niết-bàn. Nói một đứa con là dụ cho những người tịnh tín, thiện nam, thiện nữ trong đời vị lai. Đi ở phương xa là dụ cho lưu chuyển trong năm đường. Kho bảo báu lớn là dụ cho kho pháp bảo lớn vô thượng của Như Lai tu tập trong ức na-do-tha a-tăng-kỳ kiếp. Trưởng giả nhận vật gửi là dụ cho các ông, các đại Thanh văn, Đại Bồ-tát, người hộ trì chánh pháp. A-nan, vì các thiện nam, thiện nữ trong đời vị lai mà Ta giao phó cho ông, Đại Ca-diếp, Di-lặc cùng các Đại Bồ-tát, kho pháp bảo lớn vô thượng của Ta tu tập trong ức na-do-tha a-tăng-kỳ kiếp. Nếu các ông hay thuận theo sự phó chúc của Ta, trong đời vị lai có giáo hóa cho Phật tử tịnh tín thì phải dùng pháp bảo giảng dạy. Vì sao vậy? A-nan, vì khi xưa Ta làm Bồ-tát, có các chúng sinh đã thành thực, nhưng vì còn ác nghiệp nên đọa trong địa ngục, súc sinh, ngạ quỷ. Sau khi Như Lai diệt độ, các chúng sinh đó được ra khỏi cõi ác, sinh trong loài người, có các căn tăng trưởng, thành thực, đối với giáo pháp của Ta mà gieo ít nhiều nhân duyên, phát sinh lòng kính tín. Trong ấy, hoặc có người được xuất gia, nghe các kinh Ta nói sẽ phát khởi hạnh thù thắng, hoặc có người đối với Thanh văn thừa, đối với Duyên giác thừa, đối với Đại thừa mà Bát-niết-bàn. A-nan, Ta vì các người thiện nam, thiện nữ trong đời vị lai mà phó chúc cho ông kho pháp bảo lớn vô thượng đây của Ta tu tập trong trăm ngàn ức na-do-tha a-tăng-kỳ kiếp. Vì sao vậy? vì các chúng sinh đó, nếu không được nghe chánh pháp chân đạo này thì sẽ thoái mất. Do vậy, nay Ta vì người thiện nam... trong đời vị lai mà phó chúc cho ông kho pháp bảo vĩ đại này. Nếu họ được nghe pháp đây thì không thoái mất. Vì nhân duyên này nên Ta nói thí dụ. A-nan, ví như Chuyển luân vương mở rộng kho chứa lớn, ra lệnh cho các vị tướng phu chủ quản: Các ông thường phải nên cúng dường cho tất cả Sa-môn, Bà-la-môn, bố thí cho người bần cùng xin ăn và cho các người đi đường. Tùy theo chỗ cần dùng của họ mà chu cấp: cần ăn cho ăn, cần uống cho uống, cần xe cho xe, đem đủ các loại tràng hoa, hương xoa, hương bột, y phục, đồ nằm, phòng nhà thanh tịnh, cúng dường, bố thí những thứ cần dùng cho sự sống. Các vị chủ quản coi kho đã được Chuyển luân vương dạy như vậy, nhưng họ không thi hành. A-nan, ý ông nghĩ sao, ai là người có lỗi? A-nan bạch: Thưa Đại đức Bà-

già-bà! Các vị giữ kho có lỗi, chẳng phải Chuyển luân vương. Phật nói: A-nan, đúng vậy, đúng vậy. Ta làm Pháp vương, trong ức na-do-tha a-tăng-kỳ kiếp đã tích tập kho tàng pháp bảo vĩ đại như vậy. Tự mình đã giác ngộ, lại muốn khai thị hiển nói pháp ấy làm cho lưu truyền rộng khắp trong các cõi trời người, nên Ta mới khai thị cho ông. Vì tất cả các Sa-môn, Bà-la-môn, phàm phu kính tín muốn cầu pháp nghĩa, đều khiến cho họ được nghe, cho nên A-nan, nay Ta đem tạng pháp bảo vĩ đại đã rộng mở hiển nói này, phó chúc cho ông. Nếu ông không phân biệt, nói rộng pháp nghĩa ấy vì các Sa-môn, Bà-la-môn, trưởng giả, cư sĩ, tịnh tín và các phàm phu vui thích pháp nghĩa thì ông sẽ có lỗi với Như Lai. Vì sao vậy? A-nan, vì Ta làm Vô thượng pháp Chuyển luân vương, có nhiều kho tàng pháp bảo công đức, nhiều loại trợ đạo, thất giác, pháp tài, mười lực vô úy đều đã đầy đủ. Ta ở trong các pháp được tự tại nên gọi là pháp vương. Ông giữ tám vạn bốn ngàn chánh pháp bảo tạng đây của ta, vì các Sa-môn, Bà-la-môn, trưởng giả, cư sĩ, phàm phu tịnh tín và các pháp sư muốn cầu pháp nghĩa thì ông phải diễn nói đầy đủ, chớ sinh tâm khác biệt, chớ để cho pháp nhân giữa chừng diệt mất. Do vậy A-nan, nếu ông đem pháp bảo Bồ-đề vô thượng của Ta tu tập trong ức na-do-tha a-tăng-kỳ kiếp, thường vì bốn chúng diễn nói thì không có các lỗi đối với Như Lai. Nếu không nói thì ông có lỗi lớn vậy.

Lại nữa A-nan, nếu Tỳ-kheo A-la-hán lậu tận, chứng đạo vô vi mà chẳng có khả năng vì kẻ khác phân biệt hiển nói thì người này chẳng có ích lợi đối với Như Lai đạo sư, cũng chẳng hộ trì được chánh pháp của Ta. Do đó, nay Ta phó chúc pháp cho ông. Vì sao vậy? A-nan, ví như có người tay cầm ngọn đuốc cỏ qua chỗ tối mịt được trở về nhà. Lại có nhiều người muốn qua chỗ tối, nhưng người cầm đuốc ấy nương ánh sáng của đuốc vượt qua chỗ tối mịt trở về nhà mình, đến nhà rồi dập tắt ngọn đuốc không cho kẻ khác mượn. A-nan, ý ông nghĩ sao? Người này đã biết đuốc chưa tắt và biết còn nhiều người muốn qua chỗ tối, nhưng đã dùng đuốc rồi mà không cho kẻ khác mượn thì có thể gọi là người tốt không?

A-nan thưa:

- Không tốt, thưa Bà-già-bà. Không tốt, thưa Tu-già-đà. Phật nói:
- Đúng vậy, đúng vậy. A-nan, nếu có Tỳ-kheo đắc quả A-la-hán, đã chứng vô vi pháp, cũng biết nhiều người qua biển sinh tử mù mịt, mà lại không vì họ phân biệt hiển nói thì Tỳ-kheo này chẳng gọi là người dẫn đường lợi ích, chẳng gọi là người gìn giữ chánh pháp của Ta, vì trong a-

tăng-kỳ kiếp, Ta tu tập pháp bảo muốn làm cho tăng trưởng rộng khắp. Do vậy A-nan, nay Ta đem pháp bảo của Ta tu tập trong ức na-do-tha a-tăng-kỳ kiếp này phó chúc cho ông. Ông hãy giữ gìn kỹ lưỡng và vì kẻ khác giảng nói, chân đạo như vậy chớ để nó đoạn bị mất, chớ làm cho pháp nhân sau cùng bị diệt mất. A-nan, nếu có Tỳ-kheo, Tỳ-kheo-ni, Ưu-bà-tắc, Ưu-bà-di đối với pháp bảo đây, tự thân được an trụ, chắc chắn họ có thể vì người khác mà phân biệt hiển nói pháp bảo của ta tu tập trong ức na-do-tha a-tăng-kỳ kiếp. Ông phải nên trao phần pháp ấy cho những người đó. Vì vậy A-nan, pháp lành của Ta tu tập trong ức na-do-tha a-tăng-kỳ kiếp này, một lần nữa Ta phó chúc cho ông, vì các chúng sinh đời vị lai. Ông chớ làm cho các chúng sinh đó thoái mất vì họ không được nghe lại giáo pháp.

Lại nữa A-nan, ví như trưởng giả giàu lớn quyền quý, có các kho chứa ma-ni, trân châu, san hô, ngọc bích, đời sống vật chất sung túc đầy đủ. Trưởng giả này lại có những người oán và thân hữu của người oán ấy ở chỗ trưởng giả thường thích làm những điều không lợi ích. Có người không an vui thì trưởng giả làm cho an vui, có người không yên ổn thì trưởng giả làm cho yên ổn. Vậy mà một hôm, có oan gia thiêu đốt kho báu ấy, những oan gia như vậy thấy lửa dữ thiêu đốt kho báu, thời bỏ lơ, mặc nhiên không dập tắt lửa. Trưởng giả đó có lòng thân thiện thường muốn thương xót, muốn làm lợi ích cho người, muốn làm cho người được yên ổn. Vậy mà bọn họ thấy kho bị cháy, bỏ lơ không muốn dập tắt. A-nan, ý ông nghĩ sao? Người thân như vậy, có thể gọi là phù hợp với lẽ phải không?

A-nan bạch:

– Không, thưa Bà-già-bà. Không, thưa Tu-già-đà. Phật nói:

– A-nan, những người thân đó thấy lửa dữ thiêu đốt kho báu, bỏ lơ không cứu chữa, lại gia tăng thêm lửa muốn thiêu rụi tất cả kho báu, phải vậy không A-nan?

A-nan thưa:

– Đúng vậy, thưa Bà-già-bà, Đúng vậy, thưa Tu-già-đà. Phật nói:

– Đúng vậy, đúng vậy. Nay A-nan, khi pháp bảo thiện căn vô thượng của Ta tu tập trong ức na-do-tha a-tăng-kỳ kiếp bị hoại diệt, thì có các Tỳ-kheo tâm không kính tín, hủy phá tịnh giới, làm các pháp ác, ở chỗ ca múa cho là bậc nhất, không thích ly dục để tu hạnh thiền định, tâm luôn tán loạn, dãi dãi biếng nhác, ít lắng nghe pháp, không thích đọc tụng, làm sao có thể vì người khác mà phân biệt hiển nói khiến cho họ được nghe, gìn giữ pháp bảo.

Lại nữa A-nan, ví như quán đánh Sát-lợi đại vương có một người con đi ở phương xa. Sát-lợi vương đó thân bị bệnh nặng, vì bệnh nặng khó qua khỏi nên Sát-lợi vương đem các kho bảo vật trao gửi cho đại thần trưởng giả và nói thế này: Khi con của ta trở về, ông nên trang trí vương vị thỉnh nó lên làm vua và đem các kho báu trao cho nó. Các đại thần trưởng giả, mỗi người đều nhận vật vua gửi. Trao gửi vật xong, vua liền mạng chung. Sau khi vua mạng chung người con trở về liền lên ngôi vua. Thái tử lên ngôi được đầy đủ tự tại, mà các đại thần trưởng giả không trả lại kho tàng bảo vật và thưa thế này: Đại vương vạn tuế, cha của ngài đem bảo vật đây tặng cho chúng tôi. A-nan, ý ông nghĩ sao? Đại thần trưởng giả nhận giữ bảo vật của vua ấy, đối với vua họ có lỗi chăng?

A-nan thưa:

– Đúng vậy, thưa Bà-già-bà. Đúng vậy, thưa Tu-già-đà. Họ có lỗi. Phật bảo A-nan:

– Đi ở phương xa là dụ cho năm cõi của chúng sinh, bệnh là dụ cho Phật muốn nhập Niết-bàn, nhiều kho bảo vật là dụ cho ba mươi bảy trợ đạo thiện pháp, đại thần trưởng giả là dụ cho các A-la-hán, trao gửi bảo vật là dụ Ta đem pháp bảo của Ta tu tập trong ức na-do-tha a-tăng-kỳ kiếp phó chúc cho ông và cho các đệ tử đời vị lai. A-nan, đời vị lai có các chúng sinh xưa kia ở chỗ Ta đã thành thực, nhưng vì nghiệp ác nên đọa trong địa ngục, súc sinh, ngạ quỷ. Sau khi Ta diệt độ, những chúng sinh đó ở nơi ấy mạng chung, sinh trong loài người có các căn thành thực tăng trưởng, ở trong pháp ta tâm sinh kính tín, có người được xuất gia, có người tại gia, có người đắc quả Tu-đà-hoàn, cho đến có người đắc quả A-la-hán; có người ở học địa mà mạng chung, có người đối với Phật địa mà khởi lòng tin sâu sắc, có người gieo các căn lành cõi trời, người. A-nan, họ sẽ được đầy đủ lợi ích như vậy. A-nan, có người được tâm kính tín, nói thế này: Đức Từ Phụ của thế gian khéo phó chúc cho chúng ta, làm cho chúng ta tăng trưởng thêm lòng kính tín. A-nan, Ta vì những chúng sinh đó nên đem pháp bảo này phó chúc cho ông, ông nên làm cho những chúng sinh đó được nghe tạng pháp bảo đây vậy. Do đó A-nan, ông nên đem tạng pháp bảo vĩ đại của Ta làm cho những người thiện nam, thiện nữ tịnh tín... được nghe pháp vậy. A-nan, nếu ông không làm cho những chúng sinh đó được nghe pháp thì ông sẽ có lỗi với Như Lai. Vì sao vậy? A-nan, vì những người thiện nam, thiện nữ đó nếu được nghe tạng pháp bảo vĩ đại này thì có người được thành tựu hạnh thù thắng, hoặc có người hết lòng vui thích, hoặc có người nghe thường rơi

lệ, xúc động toàn thân. A-nan, nếu có người nghe pháp môn này, niệm công đức của Phật vui mừng rơi lệ, xúc động toàn thân thì Ta thọ ký những chúng sinh đó, vì căn lành đây đều đắc Niết-bàn.



KINH ĐẠI BI

QUYỂN 5

Phẩm 13: TRỒNG CĂN LÀNH

Lại nữa, này A-nan! Nếu có Tỳ-kheo thọ trì các pháp môn này rồi, có các tịnh tín thiện nam, thiện nữ muốn được thính pháp nên đến nghe, Tỳ-kheo đó lại không diễn nói. A-nan, Tỳ-kheo đó là oán thù của Như Lai. Vì sao vậy? Vì những người này cần làm pháp khí, muốn nghe pháp mà Tỳ-kheo này không vì họ diễn nói, nên họ không được nghe. Vì không được nghe nên căn lành của họ thoái mất, cũng làm cho căn lành của nhiều người khác thoái mất. Tại sao như vậy? Tại vì Tỳ-kheo đó không biết là có nên nói hay không nên nói. A-nan, Ta vì muốn làm cho nghĩa này sáng tỏ nên nói thí dụ. Ví như thương nhân mang nhiều bảo vật đi bán. Đến giữa con đường hiểm hoang vắng rộng lớn, thương nhân bày các bảo vật trên đất, rao gọi quân cướp: Bảo vật đây của ta hiếm có, khó được, ông trả được giá, ta sẽ bán cho. A-nan, lúc đó quân cướp trong khu đồng vắng liền cầm đao, gây đánh các thương nhân và cướp lấy bảo vật của họ. A-nan, ý ông nghĩ sao? Các thương nhân đó, có thể ở nơi hoang vắng bày các bảo vật, rao gọi quân cướp mua bảo vật của mình không?

A-nan thưa:

– Các thương nhân đó còn không nên ở chỗ hoang vắng nguy hiểm mở các bảo vật, huống nữa là kêu gọi bọn cướp.

Thưa Thế Tôn! Đúng ra, thương nhân đó phải bỏ các vật chân bảo trong thùng kín chắc chắn, thân mặc áo giáp, tay cầm đao gậy để tự phòng vệ đi qua chỗ hoang vắng cho được an ổn. Việc này phải làm như vậy.

Lúc đó, Đức Thế Tôn lại bảo A-nan:

– Lại có thương nhân cũng mang các chân bảo từ phương xa lại, đến các thành ấp, phố chợ đông người. Đến nơi, thương nhân này bày các bảo vật ra trên đất. Nơi đó, có người đến mua bảo vật, các thương nhân ở phương xa này tay cầm đao, gây đánh người mua bảo vật. A-nan, ý ông nghĩ sao? các thương nhân này có được gọi là sáng suốt không?

A-nan thưa:

– Không, thưa Thế Tôn! Không, thưa Bà-già-bà! Thưa Thế Tôn! Các thương nhân cần phải nói thế này: Thưa vật đây của tôi hiếm có, khó được, ông trả được giá, tôi sẽ bán cho. Thưa Đức Thế Tôn: Các thương nhân này cần phải làm như vậy, chớ chẳng phải bày các bảo vật xong, mặc áo giáp, tay cầm đao, gây đánh lại người mua.

Phật nói:

– Nay A-nan! Có các Tỳ-kheo thọ trì thông suốt các tạng pháp bảo, nghĩa là thông suốt: tu-đa-la, kỳ-dạ, già-đà, tỳ-gia-ca-la-na, ưu-đà-na, ni-đà-na, a-ba-na, y-đế-tỳ-lợi-đa-ca, sà-đa-ca, tỳ-phát-lược-a-phù-đà-đạt-ma, ưu-ba-đề-xá, vậy mà, đối với những người cần làm pháp khí, Tỳ-kheo đó chẳng vì họ diễn nói nên họ không được nghe. Vì không được nghe nên tâm thiện của họ không sinh. Vì tâm thiện không sinh nên họ chẳng được gieo các căn lành, tu hạnh thù thắng và Bát-niết-bàn. Còn những người không phải là pháp khí thì Tỳ-kheo đó lại diễn nói cho họ. Họ nghe rồi, nhưng không sinh được tâm thiện, tâm ưa muốn, tín tâm. Vì tâm thiện không sinh nên chẳng được giải thoát, người này liền trở lại sinh tâm hủy báng, nói điều không tốt; tạo các ác nghiệp, đọa trong ba đường ác. A-nan, giống như thương nhân ngu si kia, chỗ cần mở bảo vật thì không mở, chỗ không cần thì liền mở bày, chỗ cần cho lại không cho, chỗ không nên cho thì lại đem cho. A-nan, như có người tịnh tín thiện nam, thiện nữ tâm lành thanh tịnh thích nghe pháp. Đó là bậc pháp khí đến nghe pháp, cần phải nói cho họ thì lại không nói. Ngược lại, với người không phải là pháp khí thì đem nói cho họ. Do vậy A-nan, nếu có người có thể làm bậc pháp khí lòng tin thâm sâu, muốn cầu Niết-bàn thì phải nên vì họ mà giảng nói. Nếu có người không có khả năng làm bậc pháp khí, không có lòng tin, làm hạnh ác, phá giới, soi mói lỗi người, không muốn cầu người khác chỉ lỗi cho mình, muốn làm trái đạo, không thuận theo chánh pháp Phật nhân thì không nên giảng nói cho họ. Vì sao vậy? Vì chớ làm cho những người ngu si đó nghe pháp này mà tội báo thêm lớn. Do đó A-nan, ông phải nên học như vậy. Nếu có người thiện nam, thiện nữ cần làm bậc pháp khí thích nghe pháp thì phải hết lòng nói pháp cho họ, những người nghe pháp cũng phải thâm giữ tâm, chuyên nhất lắng nghe. A-nan, như vậy cả hai đều có khả năng sinh được khối công đức rộng lớn vô lượng a-tăng-kỳ. A-nan, ý ông nghĩ sao? Cõi đất và cõi chúng sinh, cõi nào nhiều hơn?

A-nan thưa:

– Như con hiểu nghĩa Phật nói thì cõi chúng sinh nhiều, chẳng phải cõi đất.

Phật nói:

– A-nan, đúng vậy, đúng vậy, đúng như lời ông nói, cõi chúng sinh nhiều, chẳng phải cõi đất, cũng chẳng phải cõi nước, lửa. A-nan, cho đến có chúng sinh trong ba ngàn đại thiên thế giới khác, có người biết, có người không biết, có người thấy nghe, có người không thể thấy nghe. Giả sử trong một sát-na, một la-bà, một ma-hầu-đa khoảnh, tất cả những chúng sinh này cùng lúc đều được làm thân người. Trong một sát-na, một la-bà, một ma-hầu-đa khoảnh tất cả đều thành thân nam, chứng đắc quả Duyên giác Bồ-đề. A-nan, cho đến vô lượng, vô biên trong các thế giới có đất. Các hạt đất này nhiều chẳng thể biết, hạt đất như vậy đều là vi trần. Giả sử các vi trần đó đều được làm thân người, thành thân người nam. Thành thân nam rồi, trong một sát-na, một la-bà, một ma-hầu-đa khoảnh; tất cả đều đắc thành Duyên giác Bồ-đề. Lại nữa A-nan, vô lượng vô biên trong các thế giới có núi Tu-di, núi Thiết vi, núi đại Thiết vi, núi Tuyết, núi Hương và núi đen khác, cho đến cỏ cây, rừng rậm trong ba ngàn đại thiên thế giới đều làm vi trần, có người biết, có người không biết, có người thấy nghe, có người không thể thấy nghe. Tất cả vi trần đó đều được làm thân người, thành thân nam. Trong một sát-na, một la-bà, một ma-hầu-đa khoảnh; giả sử, cùng một lúc họ đều đắc thành Duyên giác Bồ-đề. A-nan, giả sử các Duyên giác đó, thọ mạng từ đời quá khứ đến cuối đời vị lai, thọ mạng trụ thế chẳng thể biết được. Trong chúng sinh chúng Duyên giác đó, có một người không chứng đắc Duyên giác Bồ-đề. Nhưng người này làm đại trưởng giả cũng từ quá khứ đến cuối đời vị lai, tuổi thọ trong thời gian đó chẳng thể biết được. Trưởng giả đó cũng tùy theo thời gian thọ mạng của mình mà cúng dường vô số các Phật-bích-chi: đồ ăn, thức uống, y phục, giường ghế, đồ nằm, thuốc thang. Tự thân dâng đầy đủ tất cả sự ưng ý, an vui; cung kính, tôn trọng, khiêm tốn, cúng dường Phật-bích-chi. Nếu Phật-bích-chi nhập Niết-bàn thì người đó xây tháp bảy báu, dùng các cờ phướn, lọng báu của trời, người; các loại tràng hoa, hương xoa, hương bột cho đến hương đốt, y phục, âm thanh, kỹ nhạc, ca múa tối thượng bậc nhất trong cõi trời, người; cung kính, tôn trọng, khiêm tốn, cúng dường đầy đủ. A-nan, ý ông nghĩ sao? Ông đại trưởng giả đó được phước nhiều không?

A-nan thưa:

– Như con hiểu nghĩa Phật nói; nếu hay cung kính, tôn trọng, cúng

dường một Phật-bích-chi thì được phước đức nhiều vô lượng, chẳng thể tính đếm, không gì bằng, không có giới hạn, không thể nghĩ bàn; huống nữa là người ấy cúng dường vô số các Phật-bích-chi tùy theo tuổi thọ của mình, cho đến Đức Phật-bích-chi diệt độ thì ông ấy xây tháp, cung kính, tôn trọng, khiêm tốn, cúng dường.

Lúc đó, Đức Thế Tôn lại bảo A-nan:

– Ta nay dùng sự thật bảo ông, như Phật-bích-chi đầy đủ cả giới, định, tuệ, giải thoát, giải thoát tri kiến, thọ nhận đủ loại sự cúng dường của trưởng giả đó. Cũng có một vị Như Lai Ứng Chánh Biến Tri xuất hiện ở đời, chẳng thuyết pháp cũng chẳng thọ nhận sự cúng dường: quần áo, đồ ăn, thức uống, giường ghế, đồ nằm, thuốc thang của trưởng giả đó. Nhưng trưởng giả đó, chỉ thấy Như Lai Ứng Chánh Biến Tri thị hiện ở đời, với các oai nghi bình thường. A-nan, cúng dường Phật-bích-chi đầy đủ giới, định, tuệ, giải thoát, giải thoát tri kiến thì thu được phước đức nhiều gấp bội trăm ngàn ức na-do-tha, nhưng không bằng phước đức của trưởng giả, thấy Phật Như Lai với các oai nghi bình thường, thị hiện ở đời. Vì sao vậy? Vì Phật Như Lai đầy đủ vô lượng a-tăng-kỳ công đức lớn, chẳng thể nghĩ bàn. A-nan, chư Phật Như Lai, chỉ dùng oai nghi mà phước đức căn lành còn không cùng tận biên tế, huống gì là các công đức lành vô lượng của Như Lai. A-nan, nếu ở chỗ Phật-bích-chi, tu hành cúng dường thì thu được phước đức vô lượng a-tăng-kỳ. Nếu ở chỗ Phật, tu hành cúng dường cũng được phước đức vô lượng không có giới hạn. Như vậy, có gì sai khác. A-nan, sự cúng dường đó, chẳng phải là không sai khác. A-nan, ví như có người vì tìm cầu tài lợi nên đi ở phương khác, được lợi rồi liền trở về nhà. A-nan, nếu cúng dường Phật-bích-chi, thu được phước đức so với Phật Như Lai cũng như vậy. A-nan, nếu lại có người ở chỗ chư Phật, tu hạnh cúng dường thì được phước đức chẳng thể ví. Vì sao vậy? A-nan, vì nếu ở chỗ Phật, tu hành cúng dường thì được phước đức vô lượng a-tăng-kỳ, chẳng thể nghĩ bàn, không gì bằng, không gì sánh, không có ranh giới, chẳng thể cùng tận. A-nan, nếu ở chỗ Phật, tu hành cúng dường thu được phước đức. Ta sẽ vì ông mà nói thí dụ. Những người trí nhờ thí dụ này mà được hiểu. A-nan, thí như có họa sĩ vẽ rất đẹp, nhưng trong ấy còn có một vài chỗ thô, vụng, không sắc sảo. Lại có họa sĩ khác cũng vẽ như vậy, nhưng nét vẽ tinh tế, sắc sảo hơn trước. Cũng vậy A-nan, nếu ở chỗ Phật-bích-chi, tu hạnh cúng dường thì phước đức thu được, so với ở chỗ Phật, tu hạnh cúng dường, phước đức thu được cũng như vậy. Vì sao vậy? A-nan, vì trí của Ngài như vậy, nên gọi là Phật-bích-chi. Trí của Phật-bích-chi đều sinh từ trí tuệ của Như Lai. Nhất thiết

chủng trí của chư Phật Như Lai siêu việt hơn trí trước. Vì vậy A-nan, nếu ở chỗ Phật, cho đến trọn đời cung kính, tôn trọng, khiêm tốn, cúng dường quần áo, đồ ăn, thức uống, giường ghế, đồ nằm, thuốc thang; thu được phước đức nhiều lắm phải không?

A-nan thưa:

– Đúng vậy, thưa Bà-già-bà. Đúng vậy, thưa Tu-già-đà. Nếu ở chỗ Phật, cho đến trọn đời cung kính cúng dường, thu được phước đức rất nhiều vô lượng. Thưa Thế Tôn! Nếu ở chỗ Phật, cho đến chỉ phát một tâm kính tín, thu được phước đức còn nhiều vô lượng, chẳng thể nghĩ bàn, chẳng thể tính đếm; huống nữa là có người ở chỗ Như Lai, cho đến trọn đời cung kính, tôn trọng, khiêm tốn, cúng dường.

Phật lại bảo:

– Không những có người, trọn đời cúng dường đầy đủ vật dụng ưng ý cho một Phật Như Lai, mà còn cúng dường cho hai, ba, bốn, năm, cho đến mười Đức Phật, hoặc hai mươi, ba mươi, cho đến trăm Đức Phật, ngàn Đức Phật, trăm ngàn Đức Phật, ức Đức Phật, trăm ức Đức Phật, ức na-do-tha, trăm ức na-do-tha, ngàn ức na-do-tha, trăm ngàn ức na-do-tha Đức Phật, cho đến vô lượng Như Lai Ứng Chanh Biến Tri trong Diêm-phù-đề. Cùng khắp trong bốn đại châu, ngàn thế giới, hai ngàn thế giới, ba ngàn đại thiên thế giới, có trăm ức mặt trời, mặt trăng; trăm ức núi Tu-di, trăm ức núi Thiết vi, trăm ức biển lớn, trăm ức cõi Diêm-phù-đề, trăm ức cõi Uất-đan-việt, trăm ức cõi Phất-bà-đề, trăm ức cõi Cù-đà-ni, tám vạn Châu chử cùng các quyền thuộc, trăm ức tứ thiên hạ, trăm ức trời Tứ Thiên vương, trăm ức trời Ba mươi ba, trăm ức trời Tu-dạ-ma, trăm ức trời Đâu-suất-đà, trăm ức trời Hóa lạc, trăm ức trời Tha hóa tự tại, trăm ức trời Phạm, cho đến trời A-ca-nị-tra. Đây là những địa danh trong ba ngàn đại thiên thế giới. Những địa danh đó, đều đầy ấp chư Phật Như Lai Ứng Chánh Biến Tri, nhiều như mía, như trúc, như cỏ lau, như rừng Khư-đà-lợi, như rừng Casa. Các Đức Như Lai đó, thọ mạng lâu dài hằng hà sa kiếp. Bấy giờ, có trưởng giả, thọ mạng cũng như vậy. Ông trọn đời luôn cung kính, tôn trọng, khiêm tốn, cúng dường quần áo, đồ ăn, thức uống giường ghế, đồ nằm, thuốc thang cho các Đức Như Lai đó. Sau khi các Đức Phật diệt độ, trưởng giả xây tháp bảy báu, cung kính tôn trọng, khiêm tốn, cúng dường đầy đủ mọi thứ tuyệt hảo như: cờ phướn, lọng báu vi diệu của chư Thiên, các loại hương hoa, hương xoa, hương bột, các loại tràng hoa, hoa sen vi diệu, hoa Ưu-ba-la, hoa Câu-muru-đầu, hoa Phân-đà-lợi, đầy đủ các loại âm nhạc, ca

múa. A-nan, ý ông nghĩ sao? Đại trưởng giả đó, thu được phước đức nhiều lắm phải không?

A-nan thưa:

– Đúng vậy, thưa Bà-già-bà! Đúng vậy, thưa Tu-già-đà. Đại trưởng giả đó, đối với một Đức Như Lai, dùng các đồ ăn, thức uống thơm ngon cúng dường thu được phước đức còn nhiều vô lượng, không thể tính đếm, huống nữa là ở chỗ chư Phật, trụ hằng hà sa kiếp như vậy, mà thiết đãi đầy đủ, cung kính tôn trọng, khiêm tốn cúng dường. Cho đến các Đức Phật đó diệt độ thì ông xây tháp bảy báu, cúng dường đủ loại; thu được phước đức chẳng gì sánh bằng.

Phật lại bảo:

– Nay Ta dùng sự thật dạy ông. Nếu trưởng giả đó ở chỗ chư Phật, tùy theo tuổi thọ của mình mà cung kính, tôn trọng khiêm tốn cúng dường, cho đến lúc Phật đó diệt độ thì xây tháp bảy báu, cúng dường các loại thắng diệu, thu được phước đức. A-nan, nếu có người thiện nam, thiện nữ; trong lúc các Đức Như Lai phân biệt diễn nói đạo Bồ-đề, mà ưa thích tin hiểu, tin sâu đầy đủ pháp là lời lành, tăng là người tu hành phát tâm lành, tin hiểu các hành đều là vô thường, đều là khổ, đều là không; tất cả pháp vô ngã, Niết-bàn vắng lặng. A-nan, đem phước đức thu được nhờ sự tin hiểu này, so với phước đức trước thì hơn hẳn. A-nan, nếu lại có người tin hiểu các pháp bảo tạng như vậy, rồi vì người khác diễn nói thì thu được phước đức rộng lớn như vậy, vô lượng như vậy, a-tăng-kỳ như vậy, chẳng thể nghĩ bàn như vậy, không gì bằng như vậy, không có giới hạn như vậy. Vì sao? A-nan, vì pháp bảo như vậy, pháp tạng vô thượng đầu, giữa, cuối đều thiện. Nếu có người tu hạnh bố thí như vậy thì thu được phước đức so với pháp tạng này giống như cỏ, rác. A-nan, phải biết như vậy. Vì sao? A-nan, vì thế gian bố thí như vậy là pháp hữu lậu sinh tử. A-nan, trong vô lượng a-tăng-kỳ ức na-do-tha kiếp, đoạn trừ sinh tử, lìa các tạp thực lưu chuyển, Ta mới được tập pháp tạng này. A-nan, nếu có chúng sinh nghe pháp tạng này, từ pháp sinh này mà được giải thoát, cho đến được giải thoát pháp già, chết, ưu bi, khổ não. A-nan, Ta quán nghĩa đây nên nói như vậy: Có hai loại người được phước đức lớn. Một là người hết lòng ân cần vì người khác diễn nói, hai là người chí tâm lắng nghe.

Phật nói vậy rồi, Tuệ mạng A-nan bạch:

– Thưa Thế Tôn! Nếu có thiện nam, thiện nữ đầy đủ sự thâm tín, tu hạnh như thật, ưa thích, tin hiểu, phân biệt các pháp: pháp là lời lành, tăng

là người tu hành phát tâm lành, tin hiểu tất cả các hành là vô thường, khổ, không, tất cả pháp vô ngã, Niết-bàn vắng lặng. Người tư duy, chánh niệm thâm sâu như vậy thì được bao nhiêu phước?

Phật bảo:

– A-nan, nếu có người chỉ biết pháp là lời lành, tăng là người tu hành phát tâm lành; người thiện nam, thiện nữ này thâm giữ tâm lắng nghe, suy nghĩ chân chánh thâm sâu, cho đến trong khoảng khảy móng tay, được nghe pháp rồi, suy nghĩ chân chánh thâm sâu: pháp là lời lành, tăng là người tu hành phát tâm lành thì ngay lúc đó, người này được phước vô lượng vô biên. Huống nữa là người thiện nam, thiện nữ thâm giữ tâm lắng nghe, suy nghĩ chân chánh thâm sâu, lắng nghe pháp rồi cho đến trong khoảng khảy móng tay, tu hành như thật, hiểu biết tất cả các hành là vô thường, khổ, không, các pháp là vô ngã, Niết-bàn vắng lặng. A-nan, nếu vô lượng vô biên trong các thế giới, có tất cả các cõi chúng sinh, trong một sát-na, một la-bà, một ma-hầu-đa; giả sử một lúc đều làm thân người. Được thân người rồi, trong một sát-na, một la-bà, một ma hầu đa; giả sử cùng lúc họ đối với quả vị Tuệ Giác Vô Thượng, chứng đắc Đăng Chánh Giác. Các Đức Như Lai đó, giả sử thọ mạng từ đời quá khứ chẳng thể biết được, ở đời vị lai cũng như vậy. A-nan, giả sử trong các chúng sinh này, chỉ có một người đối với quả vị Tuệ Giác Vô Thượng, chẳng thành Chánh Giác, nhưng người này làm đại trưởng giả, tuổi thọ cũng từ đời quá khứ chẳng thể biết, ở đời vị lai cũng như vậy. Bấy giờ, trưởng giả cho đến trọn đời, dùng đủ các thứ vui, y phục, đồ ăn, thức uống, giường ghế, đồ nằm, thuốc thang; cung kính, tôn trọng, khiêm tốn, cúng dường các Đức Như Lai đó. Sau khi các Đức Như Lai nhập Niết-bàn thì ông xây tháp bảy báu, trọn đời luôn cung kính, tôn trọng, khiêm tốn cúng dường cờ phướn, long báu, tất cả tràng hoa, hương xoa, hương bột. A-nan, ý ông nghĩ sao? Trưởng giả đó thu được phước đức nhiều lắm phải không?

A-nan thưa:

– Nếu trưởng giả đó cung kính, tôn trọng, khiêm tốn, cúng dường một Phật Như Lai thì thu được phước đức vô lượng, chẳng thể tính đếm, chẳng thể nghĩ bàn, không gì bằng, không giới hạn. Huống nữa là ở chỗ chư Phật như vậy, trưởng giả đó tùy theo tuổi thọ của mình mà cung kính, tôn trọng, khiêm tốn, cúng dường thì thu được phước đức chẳng thể nghĩ lường.

Phật nói:

– A-nan! Đúng vậy! Đúng vậy! Đúng như lời ông nói. Đúng là trưởng

giả thu được phước đức chẳng thể nghĩ bàn. Vì vậy A-nan, nay Ta dùng sự thật bảo ông. Nếu trưởng giả đó ở chỗ chư Phật, tùy theo tuổi thọ của mình mà cung kính, tôn trọng, khiêm tốn, cúng dường, thu được phước đức. Nếu lại có người thâm giữ tâm lắng nghe pháp, suy nghĩ chân chánh thâm sâu, cho đến trong khoảng khảy móng tay, ưa thích tin hiểu pháp là lời lành, tăng là người tu hành phát tâm lành, tin hiểu tất cả các hành là vô thường, khổ, không; tất cả các pháp là vô ngã, Niết-bàn vắng lặng thì thu được phước đức không thể so sánh, không thể biết được. A-nan, như trước Ta đã nói, có hai loại người được phước rất nhiều. Một là người hết lòng vì người khác giảng nói, hai là người chuyên cần chí tâm lắng nghe.

Lúc đó, Đức Thế Tôn nói kệ:

*Vì hai loại nghĩa này
Cần nghe lời Phật dạy
Các lậu, hành đều dứt
Gần thánh, thành Bồ-đề
Nếu có người nói pháp
Và nghe chánh pháp Phật
Cả hai được nhiều phước
Khéo dựng cờ chánh pháp.*

Bấy giờ, Đức Thế Tôn lại bảo A-nan:

– Có hai hạng người cùng ma Ba-tuần chiến đấu quyết liệt. Đó là hai hạng người nào? Một là người hết lòng vì người khác giảng nói, hai là người chuyên cần chí tâm lắng nghe. Vì sao vậy? A-nan, vì người như vậy, phạm hạnh tròn đầy. Đó là thiện tri thức và các bạn của thiện tri thức, tâm lành gieo khắp. Vì sao vậy? A-nan, vì nếu có chúng sinh gặp thiện tri thức, gặp tri thức rồi, từ “sinh” được giải thoát, cho đến được giải thoát pháp già, bệnh, chết, ưu bi, khổ não. A-nan, việc này trước đây, Ta đã nói cho các Thanh văn. Có hai nhân duyên năng sinh chánh kiến: một là nghe pháp từ người khác, hai là nội chánh tư duy. Nghe từ người khác nghĩa là, nên biết nghe từ Phật. Nội chánh tư duy cũng là biết từ Phật. Vì sao vậy? A-nan, vì khi Phật chưa xuất hiện ở đời, các phàm phu tự mình không thể nội chánh tư duy. Khi Phật xuất hiện ở đời, dạy cho các phàm phu làm việc như vậy. A-nan, Ta quán nghĩa này nên nói là: nội chánh tư duy cũng từ Phật sinh ra.

Khi đó, Đức Thế Tôn nói kệ:

Lành thay bậc trượng phu

*Gặp được thêm trí tuệ
 Nếu có người dứt nghi
 Làm cho tuệ được sáng
 Gặp thánh giả được vui
 Ở chung lại vui hơn
 Như người thường an lạc
 Chẳng thấy các phàm ngu?*

Vì vậy A-nan, Ta vì nghĩa này nên tùy nghi diễn nói, người phạm hạnh tròn đầy là Thiện tri thức và các bạn lành, hay sinh tâm thiện tiếp nối không dứt. Vì sao vậy? A-nan, vì nếu có chúng sinh gặp Thiện tri thức, được sinh tâm lành, sinh tâm lành rồi thì được lòng tin. Được lòng tin rồi thì việc làm đều lành, làm việc lành rồi thì được pháp lành, được pháp lành rồi, an trụ pháp lành; an trụ pháp lành rồi, hết lòng kính trọng đối với Phật Thế Tôn, cũng hết lòng kính trọng đối với pháp và tăng thì sẽ được giới của bậc thánh ưa thích, giới tự tại, giới được bậc trí khen, giới đưa đến Niết-bàn. A-nan, giống như mưa từ mây rơi xuống, trước là đầy ao nhỏ, ao nhỏ tràn đầy rồi thì đầy ao lớn. Ao lớn tràn đầy rồi thì đầy sông nhỏ. Sông nhỏ tràn đầy rồi thì đầy sông lớn. Sông lớn tràn đầy rồi thì đầy biển cả. Như vậy A-nan, nếu có người thiện nam, thiện nữ ở chỗ chư Phật, nghe Phật thuyết pháp rồi, được lực thiện căn. Có lực thiện căn rồi thì được làm bạn với người thiện. Được làm bạn với những người thiện thì ý niệm thiện luôn phát sinh. Ý niệm thiện phát sinh rồi thì được thiện tối thắng. Được thiện tối thắng rồi thì được tâm thiện. Được tâm thiện rồi, cho đến phát tâm tu hành thuận pháp, như pháp, tuyệt đối thay đổi, tuyệt đối trong sạch, tuyệt đối phạm hạnh, tuyệt đối tối hậu. A-nan, ông xem tất cả ngoại vật đồng thời sinh trưởng như vậy, khi thành hoa quả không có hư rụng; huống là việc thiện các ông làm lẽ đâu có hư mất. Nếu nó hư mất thì điều này không có. Vì vậy A-nan, các ông phải nên tu hành các hạnh lành. không có chúng sinh nào tu các hạnh lành mà không được quả, bị hư mất. A-nan, Ta cũng từng tu tất cả hạnh lành không có hư mất. A-nan, khi xưa Ta tu hành hạnh Bô-tát, tu tất cả các công đức lành, được tất cả các quả báo không có hư mất. A-nan, ông xem đoạn đường Như Lai đi. Nơi đó, có gò đồi, hầm hố; chỗ cao thấp biến thành bằng phẳng, chỗ có hố xí hôi thối biến thành trong sạch, hương thơm tinh khiết; chỗ có gốc cây, bụi rậm, lùm cỏ gai xấu, uế tạp đều ẩn mất, biến thành tốt đẹp, đều nghiêng mình cúi đầu. Thọ thần hiện thân nghiêng mình lễ bái. Đường lớn, hẻm nhỏ trong thành ấp, có các chúng sinh thấy Phật Như Lai, liền đi theo. Sau khi Như Lai đi qua, mọi

vật nơi đó đều trở lại như cũ. A-nan, ông quán Như Lai trong đời quá khứ, ở chỗ chư Phật, Bồ-tát, Thiện tri thức, Thanh văn, Duyên giác, sư tăng, cha mẹ, người già, người lớn, Sa-môn, Bà-la-môn; Ta đều nghiêng mình cúi đầu, nên được quả báo thù thắng như vậy. Tất cả ngoại vật thấy chư Phật rồi, phải nên cúi đầu thì liền cúi đầu, chỗ cao khiến thành thấp, chỗ thấp khiến thành cao, các chỗ thấp cao đều bằng phẳng. A-nan, ông xem tất cả các phàm phu ngu si đối với các bậc tôn trưởng, không hạ mình cung kính, cũng chẳng lễ bái, kiêu mạn tự thị. Vì kiêu mạn nên bị hại, vì kiêu mạn nên bị ràng buộc. A-nan, ông xem bàn tay, bàn chân của Như Lai có màng da mềm mỏng như lụa, tất cả đều do hạnh lành mà được. A-nan, ông xem Như Lai, khi xưa tu hạnh lành, bố thí, ái ngữ, lợi hành, đồng sự; dùng căn lành này nuôi dưỡng chúng sinh chẳng có phân biệt, đây là cha Ta, đây là mẹ Ta, anh em Ta, chị em Ta, bạn bè thân thích của Ta. A-nan, Ta đối với chúng sinh chỉ có một vị bình đẳng, tâm không phân biệt sai khác. A-nan, từ lâu Ta đối với tất cả chúng sinh, không một ai mà không được Ta nuôi dưỡng, bố thí, ái ngữ, lợi hành, đồng sự. Nuôi dưỡng phàm phu ngu si như vậy, nhưng họ không biết, trước đây Ta đã vì căn lành nhân duyên phước đức mà thọ các quả báo sinh tử. A-nan, đối với chúng sinh, Ta bố thí căn lành của mình nên được phước vui, tự thân quá nhiều lần tu các nghiệp lành mới được quả báo. A-nan, những vui thú của tất cả thế gian, đều là pháp biến dịch vô thường. Như thú vui đây là vô thường vậy. Khi xưa, Ta tu hành hạnh Bồ-tát, vì muốn các phàm phu thành thực Phật đạo, khiến được cái vui vô lậu, vô vi của bậc thánh. Chính niềm vui vô lậu là thường hằng không biến đổi, không bị bại hoại. Vì vậy A-nan, nên tu các nghiệp thánh trí như vậy. Người tu các nghiệp thánh trí này, gọi là chánh nghiệp. Như vậy A-nan, khi xưa Ta cũng từng tu các nghiệp thiện thánh trí này. A-nan, Ta nói các hạnh khác: Nếu có chúng sinh vì Niết-bàn, cho đến chỉ phát tâm tạo ít căn lành, gieo các chủng tử, nghe Phật Như Lai nói những diệu pháp, hiểu nghĩa thâm sâu nhớ nghĩ Như Lai, có người tâm sinh ái kính, rơi chảy nước mắt; có người thở dài, có người lông dựng đứng. Nếu những người này đọa địa ngục, súc sinh, ngạ quỷ, thì điều này không có. Nếu người này đối với quả Bồ-đề mà chẳng được rớt rảo, thì điều này cũng không có. A-nan, lại có chúng sinh nhớ nghĩ Như Lai, đối với pháp giác ngộ có người rơi lệ, có người lông dựng đứng, có người than thở. A-nan, chớ cho là quái lạ, những chúng sinh đó nếu đọa trong đường ác, địa ngục, súc sinh, ngạ quỷ thì điều đó không có. Do vậy A-nan, ông chớ có phóng dật, phải nên chuyên cần tu các nghiệp thiện phương tiện. A-nan, chư Phật Thế Tôn vì không phóng

dật nên chứng đắc Bồ-đề, cũng vì không phóng dật nên đắc được pháp trợ đạo. A-nan, nếu có người khéo ghi nhận lời dạy như vậy, có người cầu lợi ích, người cầu an lạc, người cầu thương xót thì phải nên khởi tâm từ bi, phải làm như vậy. Điều cần làm, Ta đã làm xong. Nay các ông cũng phải nên làm, chớ để cho chân đạo như vậy bị đoạn tuyệt, cũng chớ để cho chánh pháp Phật nhãn bị đoạn mất. A-nan, ông phải làm cho pháp nhãn của Phật được an trụ lâu dài, lưu hành rộng khắp trong các cõi trời, người. A-nan, nay Ta đem Chánh Pháp Bảo Tạng này phó chúc cho ông, ông chớ để diệt mất, phải làm như vậy. Đó là lời dạy của Ta.



Phẩm 14: HỎI – ĐÁP

Bấy giờ, Tuệ mạng A-nan bạch Phật:

– Thưa Thế Tôn! Nay con tu hành pháp nhãn như thế nào? Nếu con tu hành Phật chánh pháp nhãn, con làm thế nào để truyền bá chánh pháp được rộng khắp, lâu dài trong các cõi trời, người? Thưa Thế Tôn! Con phải kiết tập pháp nhãn như thế nào? Hiền nói thế nào?

A-nan thưa như vậy rồi, Phật bảo:

– A-nan! Sau khi Ta diệt độ, lúc các Đại đức, các chúng Tỳ-kheo kiết tập pháp Tỳ-ni, thì Đại đức Ma-ha Ca-diếp làm vị thượng thủ. A-nan, Đại đức đó cùng các chúng Tỳ-kheo sẽ hỏi ông như vậy: Đức Thế Tôn nói Đại sư Bà-đà-na ở đâu? Phật nói Ma-ha ni-đà-na ở chỗ nào? Phật nói Đại tập pháp ở chỗ nào? Trời Đế Thích hỏi pháp ở chỗ nào? Chư Thiên giáng trần chỗ nào? Phật nói kinh Phạm võng chỗ nào? Thử lớp như vậy, các Tỳ-kheo đó sẽ hỏi ông: A-nan, Phật nói Tu-đa-la chỗ nào? Nói Kỳ-dạ chỗ nào? Nói Tỳ-gia-ca-la-na chỗ nào? Nói Già-đà chỗ nào? Nói Ưu-đà-na chỗ nào? Nói Ni-đà-na chỗ nào? Nói Y-đế-tỳ-lợi-đa-ca chỗ nào? Nói Xà-đa-ca chỗ nào? Nói Tỳ-phát-lược chỗ nào? Nói A-ba-đà-na chỗ nào? Nói A-phù-đà-đạt-ma chỗ nào? Nói Ưu-ba-đề-xá chỗ nào? A-nan, Phật nói tạng Thanh văn tại đâu? Phật nói tạng Duyên giác tại đâu? Phật nói tạng Bồ-tát tại đâu? A-nan, lúc Tỳ-kheo đó hỏi như vậy rồi, ông nên đáp thế này: Tôi nghe như vậy, một thời Đức Phật thành Chánh giác dưới cây Bồ-đề, tại nước Ma-già-đà. Tôi nghe như vậy, một thời Đức Phật ở tại thành Già-da. Tôi nghe như vậy, một thời Đức Phật ở chỗ tu khổ hạnh, dưới cây A-xà-ba-la-ni-câu-đà,

nước Ma-già-đà. Tôi nghe như vậy, một thời Đức Phật ở trong vườn nai, trú xứ của tiên nhân thành Ba-la-nại. Tôi nghe như vậy, một thời Đức Phật ở tại núi Kỳ-xà-quật. Tôi nghe như vậy, một thời Đức Phật ở tại núi Tỳ-phú-la. Tôi nghe như vậy, một thời Đức Phật ở tại núi Bính-đề-ha, nước Ma-già-đà. Tôi nghe như vậy, một thời Đức Phật ở tại Đại hắc phương thạch, trong núi tiên nhân thành Vương-xá. Tôi nghe như vậy, một thời Đức Phật ở tại khu vườn rừng Kỳ Đà - Cấp Cô Độc, thuộc nước Xá-vệ. Tôi nghe như vậy, một thời Đức Phật ở tại vườn cây Yêm-la, thành Tỳ-xá-ly. Tôi nghe như vậy, một thời Đức Phật ở tại Trùng các giảng đường của Tinh xá Trúc lâm bên bờ hồ Di-hầu, thành Tỳ-xá-ly. Tôi nghe như vậy, một thời Đức Phật ở bên hồ Kiệt-già, thành Chiêm-ba. Tôi nghe như vậy, một thời Đức Phật ở trên đỉnh núi Già-da. Tôi nghe như vậy, một thời Đức Phật ở tại vườn Cù-sư-la, nước Câu-diêm-di. Tôi nghe như vậy, một thời Đức Phật ở tại vườn A-du-đa, rừng Ca-la-ca, thành Ba-chi-đa. Tôi nghe như vậy, một thời Đức Phật ở tại vườn Ni-câu-đa, thành Ca-tỳ-la thuộc trú xứ của dòng họ Thích. Tôi nghe như vậy, một thời Đức Phật ở tại vườn Câu-lưu-tra, thành Ba-ly- phát. Tôi nghe như vậy, một thời Đức Phật ở trong rừng Tần-đa, thành Ma-du-la. Tôi nghe như vậy, một thời Đức Phật ở giữa hai cây Ta-la, bên sông A-lợi-la-bạt-đề, thuộc đất Lục Sĩ sinh, thành Câu-thi-na. A-nan, vì Phật nói pháp khắp nơi, khắp chốn, thứ lớp như vậy, nên đại chúng cũng tùy theo đó mà tập hội. Ta tùy theo thời tiết, tùy theo cú nghĩa, tùy theo nhân duyên, tùy theo nhân duyên phát khởi hỏi đáp, tùy theo người, tùy theo sự việc; vì muốn phân biệt, hiển bày trí tuệ của họ. Ta tùy theo danh, vị, cú, nghĩa, mà diễn nói đủ loại theo thứ lớp. Tùy theo đầu mỗi nhân duyên, Ta vì người mà nói rộng thiện nghĩa, thiện vị. Phật nói kinh rồi, tất cả đại chúng đều rất hoan hỷ, vâng giữ phụng hành. Nay A-nan, ông phải kiết tập pháp nhãn như vậy, phân biệt hiển nói đủ loại như vậy, Như Lai Ứng Chánh Biến Tri nói lời như vậy. Tôi nghe như vậy, một thời đại địa chấn động sáu cách dữ dội, làm cho loài người run sợ, rợn tóc gáy. Đang lúc ấy, ba ngàn đại thiên thể giới chấn động sáu cách, hiện bày mười tám tướng. Sáu cách chấn động là: Đông vọt lên, Tây chìm xuống; Tây vọt lên, Đông chìm xuống; Nam vọt lên, Bắc chìm xuống; Bắc vọt lên, Nam chìm xuống; chính giữa vọt lên, bốn bên chìm xuống, bốn bên vọt lên, chính giữa chìm xuống. Mười tám tướng là: động biến động, đẳng biến động; dừng biến dừng, đẳng biến dừng; chấn biến chấn, đẳng biến chấn; hống biến hống, đẳng biến hống; khởi biến khởi, đẳng biến khởi; giác biến giác, đẳng biến giác. Trong lúc đó, có vô lượng Trời, Rồng, Dạ-xoa, Càn-thát-bà, A-

tu-la, Ca-lâu-la, Khẩn-na-la, Ma-hầu-la-già, Thích, Phạm, Hộ thế, nhân, phi nhân v.v... khóc thương rơi lệ, thưa: Bà-già-bà, sao mà Niết-bàn nhanh quá vậy! Tu-già-đà, sao mà Niết-bàn nhanh quá vậy! Con mắt của thế gian ăn mất nhanh quá, thế gian mù tối không có mắt nhanh quá.

Tuệ mạng A-nan cũng khóc thương rơi lệ, thưa:

– Bà-già-bà, sao mà Niết-bàn nhanh quá vậy! Tu-già-đà, sao mà Niết-bàn nhanh quá vậy! Con mắt của thế gian chìm mất nhanh quá, thế gian mù tối không có mắt nhanh quá.

Lúc đó, Đức Thế Tôn lại bảo:

– Đây A-nan, ông đừng ưu bi nữa, tất cả hữu vi, pháp sinh, pháp hữu, pháp phân biệt, pháp giác tri, pháp nhân duyên sinh, pháp hoại diệt, nếu không tan hoại thì điều này không có. A-nan, ông trong nhiều kiếp đã dùng thân, khẩu, ý hiểu thuận Như Lai, tâm không có hai, vô lượng an lạc, không sân, không giận, không có oán hiềm. Do hiểu thuận như vậy, nên ông sẽ được đại thần thông, đại công đức như cam giá đệ nhất, cam giá vô tận. Do vậy A-nan, ông đối với bậc phạm hạnh cũng phải nên đem thân, khẩu, ý cung kính cúng dường, như cúng dường Ta vậy. Vì sao? A-nan, vì sau khi Ta diệt độ năm trăm năm, trong đời vị lai lúc pháp muốn diệt, những người trì giới, những người truyền bá chánh pháp gần như mất hết. Bọn phá giới, phi pháp hưng thịnh, hủy báng giáo pháp làm cho chánh pháp thọ mạng ngắn ngủi. Thời kỳ chúng sinh hoại diệt, thời kỳ pháp hoại diệt, thời kỳ Tỳ-kheo tăng hoại diệt; A-nan, trong thời gian lo sợ cực não đó, có các Tỳ-kheo không tu thân, không tu tâm, không tu giới, không tu tuệ. Bọn họ không tu thân, giới, tâm, tuệ thì tham đắm sáu thứ. Một là tham bát, hai là tham y, ba là tham đắm vật thực, bốn là tham đắm giường, ghế; năm là tham đắm nhà cửa, sáu là tham đắm thuốc thang vì bệnh gây ốm. Bọn họ vì tham cầu y, bát trắng diệp, cho đến tham các vị thuốc thượng hảo nên cùng nhau đấu tranh, giành giựt, kiện tụng qua lại, miệng như đao kiếm, đưa đến cửa quan, phỉ báng oán ghét nhau. Họ vì y, bát, đồ ăn, thức uống, giường, ghế, nhà cửa, thuốc thang mà ganh ghét nhau, tâm không thuần thực, đối xử nhau bằng tâm xấu xa. Vì vậy A-nan, đối với bậc phạm hạnh thân, khẩu, ý hiền hòa, ông nên cung cấp cúng dường đầy đủ các vật. Tự thân các bậc phạm hạnh chẳng bị não loạn bởi thấy, nghe, hoặc thô, hoặc tế, hoặc tín, hoặc hành. Ông phải nên bắt chước như vậy. Vì sao vậy? A-nan, vì trong thời gian hết sức lo sợ - mạng trước, kiếp trước, chúng sinh trước, kiến trước, phiền não trước - người đời lúc đó chịu các khổ, bị khổ

ràng buộc, bị khổ não phiền, bị mất mùa đói kém, bị bệnh dịch, bị nạn giặc, nước, lửa, hạn hán nào hại, bị các trùng, sâu nào hại đủ cách. A-nan, trưởng giả, Bà-la-môn, cư sĩ đó tuy bị khổ não, bị hại bức bách như vậy, mà còn có lòng tin trong sạch, cung kính tôn trọng Phật, Pháp, Tăng; luôn luôn được sinh lòng tin thâm sâu đầy đủ. Nhờ nhân duyên tin Phật, Pháp, Tăng, cho nên đối với một vị Tỳ-kheo, họ cũng sinh lòng tin sâu sắc, tu hạnh bố thí, tạo các công đức, thọ trì đọc tụng giới luật và vì người khác giảng nói. Người nghe được pháp rồi sinh tâm ái kính, hoan hỷ phấn khởi, như pháp tu hành, trông các căn lành. Nhờ căn lành này nên khi thân hoại mạng chung, liền được sinh trong các cõi lành trời, người. A-nan, ông xem các Tỳ-kheo ác đem tín tâm xả tục xuất gia, được xuất gia rồi tham đắm y, bát, vì sáu nhân duyên này nên đọa trong ba đường ác. Người thế tục tại gia, bị khổ làm não loạn mà còn sinh kính tín, do lòng thiện căn kính tín nên được sinh thiện đạo. Vì vậy A-nan, thân, miệng, ý phải giữ luật nghi, nên nghĩ thế này: Ta nguyện lòng kính tín sớm được đầy đủ, ta nguyện được đầy đủ thâm tâm ngay thẳng, ta nguyện thân tâm được đầy đủ thiện tư duy. Vì sao vậy? A-nan, vì thân, miệng, ý chẳng thiện tư duy thì có năm lỗi. Một là vọng ngữ, hai là lường thiệt, ba là lời nói thêu dệt, bốn là tham dục, năm là khi thân hoại mạng chung, đọa vào ba đường ác, sinh trong địa ngục. A-nan, người thiện tư duy thì sẽ được năm loại công đức lợi ích. Một là không vọng ngữ, hai là không lường thiệt, ba là không nói lời thêu dệt, bốn là không tham dục, năm là khi thân hoại mạng chung được sinh trong các cõi lành trời, người. Lại nữa A-nan, nếu cùng tranh đấu, quyền rũ, kinh cãi, tranh giành với người khác; tâm không điều hòa mềm mỏng, tâm xấu xa hại người thì có năm lỗi. Một là vọng ngữ, hai là lường thiệt, ba là đối với những bậc trì giới không sinh kính tín, bốn là ngày đêm sống trong đau buồn, lo khổ vì ác ý, năm là khi thân hoại mạng chung đọa vào ba đường ác, sinh trong địa ngục. A-nan, nếu lại có người tâm luôn hiền từ, sẽ được mười một loại công đức lợi ích. Một là giấc ngủ được yên ổn, khi thức tâm luôn vui vẻ; hai là không thấy ác mộng, ba là được người và phi nhân thương mến, bốn là được chư Thiên bảo hộ, năm là ác độc chẳng hại được, sáu là không bị tổn thương bởi đao, tên; bảy là không bị thiêu đốt, tám là không bị chết chìm, chín là được y phục tốt, đồ ăn, thức uống, giường ghế, nệm lót, thuốc thang thắng diệu; mười là được pháp thượng nhân, mười một là thân hoại mạng chung được sinh lên cõi Phạm thiên. Nay A-nan, trụ tâm hiền từ, được mười một công đức lợi ích như vậy. Vì vậy A-nan, Ta còn hiện tại hoặc sau khi Ta Niết-bàn, ông tự đốt đèn pháp, tự nương vào

pháp, chớ có cầu đèn khác, chớ có nương vào pháp khác. A-nan, thế nào là Tỳ-kheo tự mình thấp đèn pháp, tự mình nương vào pháp, chẳng cầu đèn khác, chẳng nương pháp khác. A-nan, nếu có Tỳ-kheo quán nội thân, chuyên cần, tinh tấn quán chiếu thân, nhất tâm buộc niệm dứt trừ tham ưu ở đời, thì nên quán nội thân như vậy. Quán thân, quán nội thọ, nội tâm, nội pháp; chuyên cần, tinh tấn nhất tâm buộc niệm dứt trừ tham ưu ở đời. A-nan, đó là Tỳ-kheo tự mình thấp đèn pháp, tự mình nương vào pháp, chẳng cầu đèn khác, chẳng nương pháp khác. Vì vậy A-nan, Ta chỉ là vị thầy dẫn đường cho các Thanh văn, điều cần làm Ta đã làm xong. Ngày nay, các ông cũng phải làm như vậy. Đây là giáo pháp của Ta. Này A-nan! Phải nên ở chỗ A-lan-nhã, giữa nghĩa địa, dưới gốc cây, nhà trống, đất trống, phải nên nhất tâm siêng tu chỉ quán, tư duy diệt trừ gốc khổ, chớ có phóng dật. Nếu ông buông lung thì sau này chắc đau buồn, hối tiếc.

Bấy giờ, Đức Thế Tôn nói kệ:

*Ta đã nói chánh pháp
Nhỏ các mũi tên si
Nay ông phải siêng tu
Giáo pháp chư Phật nói
Làm thanh tịnh thấy, biết
Trừ sạch nẻo luân hồi
Cắt đứt các trói buộc
Người tu được giải thoát
Người khéo tu hạnh này
Đúng như lời Phật dạy
Độ được tất cả khổ
Chư Phật được mãn nguyện.*

Khi Đức Thế Tôn giảng nói kinh này rồi, Tuệ mạng A-nan, chư Tỳ-kheo, toàn thể đại chúng, trời, người, A-tu-la, Càn-thát-bà, tất cả thế gian nghe Phật giảng nói rồi, tùy thuận cảm động, lấy tay vỗ đầu, đầm ngực kêu khóc, cảm thương rơi lệ, vâng giữ phụng hành.



SỐ 381

KINH ĐĂNG TẬP CHÚNG ĐỨC TAM MUỘI

*Hán dịch: Đời Tây Tấn, Tam tạng Pháp sư
Trúc Pháp Hộ, người nước Nguyệt Chi.*

QUYỂN THƯỢNG

Nghe như vậy:

Một thời, Đức Phật du hóa tại tinh xá Trùng Các Đại Thọ, thuộc nước Duy-da-ly cùng với chúng Đại Tỳ-kheo gồm một vạn người đều là bậc học giới đầy đủ, thông hiểu, thấu đạt đến bậc Thánh. Lại có hai vạn Bồ-tát, đều đạt quả vị Bất thoái chuyển, chứng được các pháp tổng trì, biện tài không ngăn ngại, gồm đủ các thần thông, phân biệt giải bày thông suốt, thực hành thiền định, tâm tánh thuận hợp nhưng rất kiên cường luôn mong đạt trí tuệ, vận dụng phương tiện thiện xảo độ thoát chúng sinh đến bờ bên kia. Tên các Bồ-tát ấy là: Bồ-tát Ý Hành, Bồ-tát Kiết Ý, Bồ-tát Thượng Ý, Bồ-tát Trì tướng, Bồ-tát Tăng Ý, Bồ-tát Kim Cương Ý, Bồ-tát Vô Ngại Ý, Bồ-tát Pháp Ý, Bồ-tát Từ Thị, Bồ-tát Phổ Thủ, Bồ-tát Câu Tỏa, cùng với các Thiên vương Đế thích, Phạm vương, Tứ Thiên vương, các Thiên tử và một vạn bốn ngàn người đều vân tập đông đủ.

Bấy giờ, trong thời hạn ba tháng nữa là sắp xả bỏ thân mạng để diệt độ, Đức Thế Tôn thuyết giảng kinh cho vô lượng chúng quyến thuộc vây quanh. Bồ-tát Câu Tỏa liền đứng dậy, sửa lại y phục, bày vai bên phải, quỳ gối, chấp tay bạch Phật:

– Than ôi! Như Lai sắp xả bỏ thân mạng! Trong thời gian ba tháng nữa, Như Lai sẽ nhập Niết-bàn! Nguyên xin Thế Tôn giảng nói về sự che chở của Bồ-tát, sự cứu giúp của Bồ-tát, sự tuyên thuyết của Bồ-tát, sự thị hiện của Bồ-tát, sự sinh ra các gốc công đức của Bồ-tát, để cho giáo pháp của Phật không bị đoạn tuyệt, mắt pháp luôn sáng tỏ, ban ân huệ cho Thánh chúng, không xả bỏ chúng sinh, vì họ mà giảng thuyết giáo pháp cao siêu của đạo giải thoát. Sau khi Như Lai diệt độ, giáo pháp được thấm nhuần

rộng khắp nơi các Bồ-tát ấy. Họ không phê bỏ tâm Chánh chân vô thượng, luôn thân cận Phật, lắng nghe kinh điển, cúng dường chúng tăng, lập chí lớn, tâm ý kiên cố, tôn trọng, nương theo giáo pháp, tâm niệm hướng đến chỗ thấu đạt tất cả, suy nghĩ chín chắn, đầy đủ oai nghi, tạo lập sự dừng mãin để dẹp sạch phiền não cấu uế, chôn vùi những ham muốn ô trược nên không còn sợ hãi, tự tại trong chúng hội mà không bị ganh ghét, chướng nạn. Xin nguyện Thế Tôn chỉ dạy cho: Thế nào là Bồ-tát tăng trưởng phước đức, đầy đủ trí tuệ, thuận theo thiên định, ngưỡng mộ tâm Bồ-đề, chưa từng sa sút, tâm tánh cõi mở, quả quyết, kết bạn hoàn hảo cho đến lúc diệt độ, nói làm như nhau, đều tuân theo giáo pháp của Phật không có dối trá, tà vạy, thường giữ gìn chánh pháp đã nghe, không có nghi ngờ, thu giữ làm thanh tịnh về ba giới cấm, thường hành nhẫn nhục, theo tâm bình đẳng không hung dữ, ngạo mạn đối với mọi người, tinh tấn tu tập theo điều thiện, tâm không hiềm ghét, mọi sự thực hành đều được thành tựu, nhất tâm hành thiện, ý luôn an lành, hiểu rõ thiên định, thấu triệt tất cả, ý chí tạo lập bằng trí tuệ, xa lìa sự nghi ngờ nơi sáu mươi hai tà kiến. Đối với mọi lời giáo huấn trong kinh điển đều thông đạt, chỗ đáng được cứu giúp là thực hành bốn ân, cứu hộ rộng khắp cõi trời, người, xa lìa những thú vui, thường nghĩ đến vô thường. Tâm như điểm then chốt nơi các thông tuệ, ý không còn ngưỡng mộ pháp Thanh văn, Duyên giác, thường xiển dương giáo pháp Đại thừa, chế ngự ma oán và các ngoại đạo, nhớ nghĩ chánh pháp để tuyên dương, giảng thuyết, giáo hóa mọi người, tôn sùng pháp Phật chẳng cầu sinh ở cõi trời. Như lời dạy của Phật, lấy pháp làm sự nghiệp, không tham việc ăn mặc, không có ái dục, cứu độ rộng khắp tất cả, trừ bỏ sân giận, thương xót chúng sinh, tiêu trừ mọi sự mê muội cho họ. Đối với các thứ phiền não cấu nhiễm của chúng sinh thì dùng phương tiện thiện xảo với trí tuệ vô biên, tùy theo căn cơ để khuyên dạy, điều phục.

Phật bảo Bồ-tát Câu Tỏa (Na-la-diên):

– Lành thay! Lành thay! Ông luôn nhớ nghĩ, thương xót muốn đem lại an ổn cho hàng trời, người mới hỏi Như Lai về nghĩa này. Hãy lắng nghe, lắng nghe và suy nghĩ kỹ, Như Lai sẽ vì ông mà thuyết giảng về vô lượng công đức thù thắng của Bồ-tát đã thực hành.

Bồ-tát Câu Tỏa bạch Phật:

– Con muốn được nghe.

Bồ-tát Câu Tỏa cùng chúng hội vâng lời lắng nghe. Đức Phật dạy:

– Có Tam-muội tên là Đăng tập chúng đức, nếu Bồ-tát đạt được định

này thì các đức tăng thêm, đầy đủ trí tuệ, thực hành thiền định, ngưỡng mộ tâm Bồ-đề, chưa từng phạm lỗi lầm, tâm tánh cõi mở, quả quyết, luôn gần gũi Như Lai, thường nghe kinh điển, cúng dường chúng Tăng, thực hành bốn ân. Bồ-tát hành hóa như vậy không hề xả bỏ chúng sinh.

Lúc ấy, Đức Thế Tôn tán dương Tam-muội Đăng tập chúng đức rồi thì im lặng.

Bấy giờ, trong thành lớn Duy-da-ly có đại Lực sĩ tên là Duy-ma-la-đề-di, tự suy nghĩ: “Ta là Lực sĩ có sức mạnh bậc nhất trong thiên hạ này không ai sánh bằng. Từng nghe Sa-môn Cù-đàm có uy lực dũng mãnh vô cùng. Uy lực ấy cao siêu, vẹn toàn hơn hết, thể nhập, thông hiểu những điều cốt yếu, giống như bị xiềng xích trói buộc mà được tự tại. Ta muốn đến thử xem xét quyết định về đạo lý ấy”. Suy nghĩ như thế rồi, Lực sĩ liền ra khỏi thành Duy-da-ly, đến tinh xá Đại Thọ Trùng Các muốn hầu cận Đức Thế Tôn, liền thấy Như Lai đang thuyết giảng kinh cho vô số quyến thuộc vây quanh. Lực sĩ chiêm ngưỡng oai dung rực rỡ của Thế Tôn tỏa sáng giữa chúng hội giống như núi Tu-di hiện ra giữa biển cả. Thấy rồi, tâm rất vui mừng, Lực sĩ không thể ngăn nổi tâm mình, liền cúi đầu làm lễ nơi chân Phật, rồi ngồi qua một bên. Biết được tâm niệm của Lực sĩ nên muốn trừ bỏ sự kiêu mạn cao ngạo, Đức Phật liền bảo Hiền giả Đại-mục-kiền-liên:

– Ta nhớ thuở xưa, lúc làm Bồ-tát, hai anh em giương cung bắn tên, chỗ mũi tên phóng tới vẫn còn, nay ông đến tìm lấy. Thích nữ Cù-di muốn sử dụng.

Tôn giả Mục-kiền-liên đáp:

– Đúng vậy! Bạch Thế Tôn! Lúc này con không thấy mũi tên ở đâu để tìm lấy.

Từ bàn tay phải của Đức Phật phóng ra hào quang. Ánh sáng ấy tỏa khắp ba ngàn đại thiên thế giới, chiếu sáng cõi Phật này, các ngọn núi lớn: núi Trán Thế Thiết, núi Đại Thiết Vi, thấy rõ mũi tên ở trong đó. Tôn giả Mục-liên tìm theo ánh sáng mới thấy chỗ mũi tên. Phật bảo Tôn giả Mục-liên:

– Tìm thấy mũi tên chưa? Đáp:

– Bạch Thế Tôn! Đã thấy. Phật bảo:

– Đến nhặt mũi tên đem về đây.

Bấy giờ, Tôn giả Mục-liên hiện bày thần túc, tất cả chúng hội đều trông thấy, giống như khoảnh khắc của một lực sĩ dũng mãnh co duỗi cánh

tay, liền đến núi Đại Thiết Vi, muốn rút mũi tên kia ra, khiến ba ngàn đại thiên thể giới đều chấn động nhưng mũi tên vẫn không lay chuyển. Tất cả chúng hội, các hàng trời, rồng, quỷ thần, Đế Thích, Phạm vương đều kinh ngạc. Tôn giả A-nan liền sửa lại y phục, quỳ gối bạch Phật:

– Bạch Thế Tôn! Vì sao mặt đất chuyển động, khiến cả thế giới đều sợ hãi?

Phật bảo Tôn giả A-nan:

– Ta nhớ xưa kia, giương cung bắn tên. Mũi tên xuyên suốt vào núi Thiết Vi, nay sai Tôn giả Đại-mục-liên đi nhặt lấy. Mục-liên đã dùng hết thần lực nhưng không thể rút mũi tên ra khỏi, khiến cả ba ngàn đại thiên thể giới đều lay động mà cũng không lấy được.

Tôn giả A-nan bạch Phật:

– Xin nguyện Thế Tôn giúp cho.

Đức Phật nhận lời và trao cho đạo lực, Tôn giả Mục-liên nương theo đạo lực của Phật nắm lấy mũi tên nhổ ra, rồi đem về dâng lên

Đức Phật. Tôn giả Mục-liên bạch Phật:

– Vì sao lúc làm Bồ-tát, Thế Tôn giương cung bắn tên? Mũi tên xuyên thấu núi Thiết Vi là nhờ sức lực của cha mẹ hay nhờ diệu lực của thần túc?

Phật bảo:

– Nhờ năng lực của cha mẹ chứ không phải nhờ thần túc. Nếu dùng thần lực thì mũi tên ấy sẽ xuyên suốt vô lượng thế giới của chư Phật.

Tôn giả Mục-liên thưa:

– Vì sao Bồ-tát nhờ sức nơi cha mẹ bắn tên xuyên vào núi Thiết Vi mà nhờ công đức của đạo lực mới giúp lấy ra được? Xin nguyện Thế Tôn nêu sự việc để làm ví dụ.

Phật bảo Tôn giả Mục-liên:

– Sức lực của mười con voi bình thường không bằng sức lực của một con voi đầu đàn. Sức lực của mười con voi đầu đàn không bằng sức lực của một long tượng. Sức của mười long tượng không bằng sức của một đại tượng. Sức của mười đại tượng không bằng sức của một thuật sự tượng. Sức của mười thuật sự tượng không bằng sức của một thanh tượng. Sức của mười thanh tượng không bằng sức của một phổ diệu tượng. Sức của một trăm phổ diệu tượng không bằng sức của một đại thần tượng. Sức của một trăm đại thần tượng không bằng sức của một lực sĩ. Sức của một trăm lực sĩ không bằng sức của một đại lực sĩ. Sức của một trăm đại lực sĩ không

bằng sức của một thượng lực sĩ. Sức của một trăm thượng lực sĩ không bằng sức của lực sĩ bán câu tảo. Sức của một trăm lực sĩ bán câu tảo không bằng sức của một lực sĩ cụ túc. Sức của một trăm lực sĩ cụ túc không bằng sức của một lực sĩ đại câu tảo. Sức của một trăm lực sĩ đại câu tảo không bằng sức của một Bồ-tát pháp nhẫn. Sức của một trăm Bồ-tát pháp nhẫn không bằng sức của một Bồ-tát cứu cánh. Sức của một trăm Bồ-tát cứu cánh không bằng diệu lực nơi công đức của một Bồ-tát Nhất sinh bồ xứ, vừa sinh ra liền đi bảy bước trên mặt đất.

Đức Phật lại bảo Tôn giả Mục-liên:

– Thế giới ở phương kia, hiện tại chư Phật kiến lập cõi đó là chỗ du hành của Bồ-tát cứu cánh, vừa mới sinh ra đi bảy bước trên mặt đất.

Mặt đất ấy, phía dưới thấu xuống đến sáu trăm tám mươi vạn do-tuần, tới chỗ tận cùng mới đến nơi giáp ranh của mặt nước, mỗi mỗi đều phân biệt, nước ấy mỗi giọt như bánh xe. Bên trên lên tới cõi Phạm thiên, nương oai thần Phật vì thương xót chúng sinh. Thế giới ấy không có phiền nhiễu, tổn hại. Oai thần diệu lực của Bồ-tát cứu cánh cao vời như vậy. Sức của mười Bồ-tát cứu cánh không bằng diệu lực của Như Lai Chí Chân Đẳng Chánh Giác. Đó là năng lực của cha mẹ Thế Tôn, quyết định công đức nơi đời trước của các Bồ-tát đã đạt được, chẳng phải đạo lực của thần túc biến hóa. Giả như Bồ-tát thị hiện diệu lực nơi công đức thần biến, đi đến đạo tràng ngồi nơi cội cây Bồ-đề, dùng sức thần túc của một ngón chân nâng hàng hà sa thế giới để trước mặt, rồi an trí nơi vô lượng thế giới của chư Phật khác, nhưng chúng sinh trong ấy không tổn hại nhau. Đó là diệu lực của thần đức biến hóa nơi một ngón chân của Bồ-tát. Diệu lực nơi thần túc biến hóa của Như Lai lại vượt quá như thế là vô lượng vô biên không thể nghĩ bàn. Nếu Như Lai dùng oai thần của Phật thị hiện khắp nơi, các ông thấy rồi chắc không thể tin được, huống chi là đối với các học phái tà dị khác của ngoại đạo.

Lại nữa, này Tôn giả Mục-kiền-liên! Khi Bồ-tát đi đến bên cội cây Bồ-đề, thân giữ bốn đại chủng làm thành một, lập thành một chủng rồi, ở trong thế giới không còn thêm bớt. Lúc ấy, ma xấu ác đi đến đạo tràng cùng với vô số ức ngàn quyến thuộc hung dữ gây nhiễu hại. Như Lai đều hàng phục tất cả chúng. Thế nào gọi là một lực bình đẳng? Có mười lực thường làm tăng thêm tâm đại bi. Các chúng sinh không thể tiếp xúc hủy hoại. Mười lực là gì? Hữu xứ, phi xứ, hữu hạn vô hạn, biết rõ như vậy. Biết rõ quá khứ, hiện tại, vị lai. Biết rõ về định ý, chánh thọ, nhất tâm. Thấy căn

cơ của mọi người mỗi mỗi khác nhau, biết rõ như vậy. Thấy tâm niệm của các chúng sinh khác, biết rõ như vậy. Có vô số thân, vô lượng hình thể, biết rõ như vậy. Nhiều hành động tốt, xấu không đồng, biết rõ như vậy. Đạo nhân thấy suốt, các việc xưa nay, chết ở đây sinh chỗ kia, chết chỗ kia sinh chỗ này, tên họ, dòng dõi, cha mẹ, anh em, thân, miệng, ý làm ác, phi báng Hiền Thánh, tà kiến điên đảo, chắc chắn bị đọa vào đường ác. Thân, miệng, ý làm thiện, không phi báng Hiền Thánh, chánh kiến kính thuận chắc chắn sinh vào cõi thiện, biết rõ như vậy. Đạo nhĩ nghe suốt khắp hàng trời, người nơi thế gian, địa ngục, ngạ quỷ và các loài côn trùng nhỏ bé cùng với thế giới của chư Phật khắp mười phương. Nếu có những âm thanh này thì cũng không vang vọng, cũng không chỗ vướng mắc, biết rõ như vậy. Thấy rõ năm cõi, tất cả cõi gốc, các lậu hoặc đã hết, không còn phiền não cấu uế, đoạn hết tất cả, thông đạt pháp Hiền Thánh, hiểu thấu nguồn gốc của danh sắc, biết rõ như vậy. Đó là mười lực. Thần lực của Như Lai lại vượt hơn thần lực ấy, là chẳng thể nghĩ bàn, thông suốt mười phương không có quá khứ, hiện tại, vị lai.

Bấy giờ, Lực sĩ Ly Cấu Oai nghe Đức Thế Tôn nói về các năng lực nơi cha mẹ của Bồ-tát thì rất hoan hỷ, vui thích, lấy làm lạ về việc chưa từng có, tâm thiện phát sinh liền đứng dậy, sửa lại y phục, bày vai bên phải, quỳ gối chấp tay bạch Phật:

– Bạch Thế Tôn! Hôm nay, con lãnh thọ lời của Thế Tôn đã dạy. Về năng lực của cha mẹ khi làm Bồ-tát và mười loại lực khác để trừ bỏ tâm cao ngạo, kiêu mạn, tự đại, nguyện quy y Tam bảo phát tâm Chánh chân vô thượng, thương xót chúng sinh giúp họ được an lạc. Xin Thế Tôn thương xót khiến cho con đạt được mười lực, đầy đủ như Thế Tôn không khác.

Lúc này, chúng hội nghe Lực sĩ ấy phát thệ nguyện rộng lớn, có mười ngàn người đều phát tâm cầu đạo quả Chánh chân vô thượng, đồng thanh nói kệ khen ngợi:

*Nguyện cho chúng con
Đạt được đạo lực
Cũng như Như Lai
Chí Chân Chánh Giác.*

Bồ-tát Câu Tỏa bạch Phật:

– Hôm nay, vì sao Thế Tôn tán thán Tam-muội Đẳng tập chúng đức rồi liền im lặng? Xin nguyện Như Lai phân biệt diễn giảng về thiên định tích chứa các công đức và tuyên dương các hạnh của Bồ-tát, làm cho người

phát tâm Bồ-đề đạt được định ấy.

Đức Phật dạy:

– Bồ-tát mới phát tâm Bồ-đề muốn đạt được đạo Chánh chân vô thượng phải tôn trọng, lãnh thọ định này. Vì sao? Nếu mới phát tâm, thọ trì định tôn quý này thì được hội nhập đầy đủ các đức. Đây Lực sĩ! Ví như nước sông, ngòi, ao, rạch đều chảy về biển. Sự sinh ra các công đức về bố thí, trì giới, tích tập sự bình đẳng, tư duy về đạo tuệ, hữu lậu, vô lậu, vượt qua nghiệp ở đời, phước lành đã tạo giữa chốn trời, người đều quy tụ về ở Bồ-tát mới phát tâm. Vì thế, thiện nam, thiện nữ muốn thâm giữ phước lành nên phát tâm Bồ-đề vô thượng. Ví như núi Tu-di, núi Thiết Vi, núi Tuyết, núi Hắc, các cây cỏ thuốc và các rừng cây khác, đất nước, quận huyện, thành ấp và bốn cõi thiên hạ, mặt trời, mặt trăng vận hành chiếu sáng khắp ba ngàn đại thiên thế giới. Đây Lực sĩ! Phước lành của phàm phu và phước đức của Hiền Thánh, Duyên giác, Bồ-tát, Thế Tôn đều được thâm nhập vào Bồ-tát mới phát tâm. Vì vậy cần phải quán xét điều này. Nếu phát đạo tâm Chánh chân vô thượng tức là thâm tóm tất cả công đức.

Phật bảo Lực sĩ:

– Ví như nơi các loài chúng sinh trong bốn châu thiên hạ thì Chuyển luân Thánh vương có ngôi vị tôn quý và phước đức thù thắng nhất. Nếu đem phước đức ban cho dân chúng trong bốn cõi kia đều được ngang bằng phước đức của Chuyển luân Thánh vương, lại nhóm họp các phước đức cao vời này làm một Thánh vương, khiến cho phước đức của chúng sinh trong ba ngàn đại thiên thế giới, mỗi mỗi chúng sinh đều như Chuyển luân Thánh vương. Mỗi mỗi Thánh vương lại gấp bội chúng sinh trong ba ngàn đại thiên thế giới. Tổng hợp các phước đức ấy lại làm phước đức của một người, khiến cho dân chúng trong Hằng hà sa thế giới của chư Phật đều được phước đức như một người kia. Đây Câu Tỏa! Ý ông nghĩ sao? Phước đức ấy có thể biết được chăng?

Bồ-tát Câu Tỏa bạch Phật:

– Bạch Thế Tôn! Phước đức của Thánh vương là không thể nghĩ bàn, huống chi là phước đức của tất cả các Chuyển luân Thánh vương thì chẳng thể tính kể.

Đức Phật dạy:

– Ví như tập hợp vô lượng phước đức này đem so sánh thì công đức của Bồ-tát phát tâm Bồ-đề gấp bội trăm ngàn vạn ức lần không gì sánh bằng, không thể ví dụ được. Đó là Tam-muội Đăng tập chúng đức đã hội

nhập lần thứ nhất của Bồ-tát mới phát tâm.

Phật bảo Bồ-tát Câu Tỏa:

– Ví như các Phạm thiên ở ngàn thế giới đều muốn thực hành tâm từ, hoặc lại có người đem bảy báu đầy khắp ngàn thế giới dùng để bố thí, so với Phạm thiên ở ngàn thế giới thực hành tâm từ thì phước đức thực hành tâm từ là thù thắng. Hoặc ở ba ngàn thế giới cho đến năm ngàn, mười ngàn, hoặc đến trăm ngàn thế giới Phạm thiên cùng thực hành tâm từ, hoặc dùng bảy báu đầy khắp trăm ngàn thế giới để bố thí, phước đức đã sinh ra đem so sánh sự hành tâm từ của Phạm thiên ở trăm ngàn thế giới thì phước đức hành tâm từ nhiều không thể xưng tán được. Giả sử phước đức của chúng sinh trong ba ngàn đại thiên thế giới ngang bằng Phạm thiên ở trăm ngàn thế giới hành tâm từ rộng khắp quần sinh, đem so sánh với phước đức hành tâm từ của người mới phát tâm tất gấp bội trăm ngàn vạn ức lần không thể sánh bằng, không thể ví dụ. Vì sao? Vì người mới phát tâm hướng đến đạo quả Chánh chân vô thượng nên phước đức không thể hạn lượng. Vì vậy cần phải làm như điều thấy, biết. Nếu người có thể phát tâm Bồ-đề thì đầy đủ tất cả công đức. Thiện nam, thiện nữ nào muốn được viên mãn vô lượng phước đức, nên phát tâm Bồ-đề cầu đạt đạo quả Chánh chân vô thượng.

Đức Phật dạy:

– Nay Lực sĩ! Đó là Tam-muội Đăng tập chúng đức đã hội nhập lần thứ hai.

Phật bảo Bồ-tát Câu Tỏa:

– Hư không che trùm thế giới ở phương Đông, hư không xa gần có thể so lường được chăng?

Đáp:

– Bạch Thế Tôn! Không thể so lường, không thể tính kể, không có giới hạn.

Đức Phật dạy:

– Nên dẫn dụ như thế nào để người trí thông hiểu. Thế giới khắp mười phương đều được hư không bao trùm không thể cùng tận, giống như công đức, phước lành của định ý “Đăng tập chúng đức” siêu vượt hơn vô lượng, tăng trưởng đầy đủ, vì các chúng sinh nên dùng các đạo đức để ủng hộ tâm ấy, nhờ đại tinh tấn viên mãn các hành. Giả sử có người đối với ba ngàn đại thiên thế giới này, dưới đến tận ranh giới của mặt nước, trên tới tận cõi trời Ba Mươi Ba với số hạt cải đầy khắp trong đó. Mỗi mỗi hạt cải là một cõi Phật. Đi qua vô số cõi Phật ở phương Đông đặt xuống một hạt cải, đi

qua mỗi mỗi thế giới đều như vậy bỏ hết số hạt cải ấy, cho đến chỗ không thể cùng tận ở thế giới phương Đông, khiến cho Hằng hà sa thế giới đều đầy ắp những hạt cải. Có người đem hết số hạt cải ấy nghiền nát ra, làm thành hằng hà sa số hạt cải. Nay Bồ-tát Câu Tỏa! Ý ông nghĩ sao? Lẽ nào có người tính toán, phân biệt biết được số hạt cải vụn nát ấy chăng?

Bồ-tát Câu Tỏa đáp:

– Bạch Thế Tôn! Số bột được nghiền nát ra của số hạt cải, giả như trí tuệ của Tôn giả Xá-lợi-phất biết khắp cõi Diêm-phù-đề dù trong một kiếp trù lượng tính toán cũng không thể biết được số lượng của hạt cải, huống chi là muốn biết số bột hạt cải đã nghiền nát ra của Hằng hà sa thế giới. Giả như có người đi qua số hạt cải ở các cõi Phật thả xuống một hạt cải, như vậy rồi đem hết số hạt cải ấy nghiền nát ra. Thế giới ở phương Đông không thể biết được biên giới của nó. Phương Nam, phương Tây, phương Bắc, phương Đông nam, phương Tây nam, phương Tây bắc, phương Đông bắc, phương Trên, phương Dưới cũng như vậy.

– Nay Bồ-tát Câu Tỏa! Như hư không ở trong mười phương thế giới, các cõi Phật đều có bảy báu trải khắp trong đó, lại đem tất cả ra để bố thí thì công đức đạt được có nhiều không?

Bồ-tát Câu Tỏa bạch Phật:

– Bạch Thế Tôn! Rất nhiều. Công đức ấy là vô lượng. Đức Phật dạy:

– Công đức của Bồ-tát mới phát tâm hành từ vượt hơn phước đức bố thí bảy báu của vô lượng thế giới ở phương Đông gấp bội trăm ngàn vạn ức lần, không thể sánh được, không thể ví dụ. Ví như hư không không thể đo lường được giới hạn. Tâm từ của Bồ-tát giống như hư không bao trùm khắp tất cả. Bồ-tát thực hành đại từ như vậy che phủ khắp cả. Ví như chúng sinh thọ nhận vô số thân hình khắp các thế giới, cõi Phật, Bồ-tát hành đại từ khiến cho các chúng sinh đều được thành tựu làm Chuyển luân vương, đầy đủ công đức như Đế Thích, Phạm vương đã thực hành vô số công đức, lại đem so sánh với Bồ-tát hành hóa thanh tịnh, trung thực, không dối, muốn độ chúng sinh an trụ nơi đại bi, vì lòng từ bi thương xót, bước đi bảy bước, thân lấy các công đức siêu việt hơn các chúng sinh, làm phước đức cho Đế Thích, Phạm vương, Chuyển luân Thánh vương, phước đức ấy gấp bội trăm ngàn vạn ức lần không thể so lường, không thể ví dụ. Đó là định ý “Đăng tập chúng đức” đã hội nhập lần thứ ba.

Đức Phật bảo Bồ-tát Câu Tỏa:

– Oai thần công đức của tất cả chúng sinh trong ba ngàn đại thiên thế

giới đều cao vời như công đức của Phạm vương, Đế thích, Chuyển luân Thánh vương, không thể nào so sánh với đại từ của Bồ-tát mới phát tâm. Giả sử, tất cả chúng sinh trong mười phương đều có công đức gấp trăm ngàn vạn ức lần Phạm vương, Đế thích, Chuyển luân vương cũng không thể so sánh được với Bồ-tát hành đại từ bi. Giả sử tất cả chúng sinh trong ba ngàn đại thiên thế giới đều có công đức như thanh tín nam, đem so sánh thì phước tuệ Tôn giả Xá-lợi-phất gấp bội trăm ngàn vạn ức lần không thể sánh được. Giả sử, chúng sinh khắp trong ba ngàn đại thiên thế giới đều có trí tuệ công đức như Tôn giả Xá-lợi-phất, đem so sánh thì công đức trí tuệ của bậc Duyên giác gấp bội trăm ngàn vạn ức lần, không thể so tính được, không thể ví dụ được. Giả sử, chúng sinh trong ba ngàn đại thiên thế giới đều thành tựu công đức trí tuệ như bậc Duyên giác muốn đem so sánh thì hạnh Bồ-tát năm đời gấp bội trăm ngàn vạn ức lần, không thể sánh kịp, không thể ví dụ được. Đó là định ý “Đẳng tập chúng đức” đã hội nhập lần thứ tư.

Khi thuyết giảng phân kinh này, có hai vạn hai ngàn người đều phát tâm cầu đạo quả Chánh chân vô thượng, ba ngàn đại thiên thế giới đều chấn động đủ sáu cách, ánh sáng kia chiếu khắp vô lượng ức trăm ngàn thế giới, nhạc trời không tấu mà tự vang lên, mưa xuống hoa trời che khắp đạo tràng tung rải trên chỗ Đức Phật, biến khắp đại chúng ngập đầy đầu gối. Đế thích, Phạm vương, Tứ Thiên vương, các chúng trời, rồng, quỷ thần đều tán thán:

– Nguyên xin Đức Thế Tôn! Thiện nam, thiện nữ một lòng chí thành phát tâm Chánh chân vô thượng, như đại Thánh vừa thuyết giảng, chúng con xin vâng theo. Giả sử người không phát tâm Bồ-đề thì quyết định không thành tựu định ý “Đẳng tập chúng đức”, huống chi là đạt được vô lượng công đức.

Lúc ấy, Lục sĩ Ly Cấu Oai bạch Phật:

– Bạch Thế Tôn! Nên thực hành pháp gì mới có thể thành tựu được định ý “Đẳng tập chúng đức”?

Đức Phật dạy:

– Nay thiện nam! Có một pháp tu tập sẽ đạt được định này. Pháp ấy là gì? Phát tâm tu tập thân thông, trí tuệ. Đó là một pháp đạt được định này. Lại có hai pháp tu tập đạt được định này. Hai pháp ấy là: Hoặc lắng nghe pháp, vâng theo không nhằm chán. Hoặc như pháp đã nghe, tư duy quan sát bàn luận. Đó là hai pháp. Lại có ba pháp tu tập đạt được định này. Ba pháp ấy là: Diệt trừ các điều ác, tu tập nghiệp thiện, gieo trồng các gốc công

đức. Đó là ba pháp. Lại có bốn pháp tu tập đạt được định này. Bốn pháp ấy là: Giới cấm thanh tịnh, kiến giải thanh tịnh, thân tâm thanh tịnh, trí tuệ thanh tịnh. Đó là bốn pháp. Lại có năm pháp tu tập đạt được định này. Năm pháp ấy là: Lời nói thanh tịnh, ý chí kiên cố, tâm tánh chất trực không quanh co, tâm thanh tịnh, vững chắc không sai khác. Thường dùng tâm bình đẳng đối với tất cả chúng sinh, đó là năm pháp. Lại có sáu pháp tu tập đạt được định này. Sáu pháp ấy là: Thân cận bạn lành, xa lìa bạn ác, tránh chỗ đông người, tu tập ở chốn vắng lặng thực hành đại từ, thương xót chúng sinh. Đó là sáu pháp. Lại có bảy pháp tu tập đạt được định này. Bảy pháp ấy là: Phân biệt, tạo lập sự tĩnh lặng; tư duy quan sát trừ diệt quả báo; dùng duyên khởi để xa lìa chỗ kiến chấp; hiểu rõ tội phước đều do sự liên lụy; dẫn dắt lợi ích vượt ngăn ngại đạt đến bình đẳng; vào nơi đạo tràng để cầu đạt đạo pháp; nhẫn chịu sự mắng nhiếc, không có tâm sân giận. Đó là bảy pháp. Lại có tám pháp tu tập đạt được định này. Tám pháp ấy là: Thân sống đạm bạc, miệng giữ im lặng, tư duy tịch tĩnh, quan sát chỗ thọ nơi các pháp, nghiệp ác chưa sinh khởi không nghĩ đến thì nó không phát sinh, nghiệp ác đã sinh khởi thì suy nghĩ để trừ bỏ, nghiệp thiện chưa sinh thì tư duy khiến cho nó sinh khởi, nghiệp thiện đã sinh thì làm cho nó tăng trưởng. Đó là tám pháp. Lại có chín pháp tu tập đạt được định này. Chín pháp ấy là: Quán pháp quá khứ để biết vô thường, đối với pháp vị lai thì chưa sinh, pháp hiện tại thì không có hai, hội nhập vào ba đời đều bình đẳng. Tất cả các pháp giống như pháp nhẫn, không chấp trước về không, phân biệt vô tướng, xa lìa sở nguyện, giả sử có sinh thì có cứu giúp. Đó là chín pháp. Lại có mười pháp tu tập đạt được định này. Mười pháp ấy là: Hiểu rõ vô ngã, không thọ mạng, không nhân, vô thường, tất cả sự sinh đều là khổ hoạn, vô vi tịch diệt là giải thoát, xa lìa điên đảo, cứu độ chúng sinh, thuận theo lời dạy nơi kinh điển giáo pháp đã nghe thì phụng hành theo.

Phật bảo Lục sĩ Ly Cấu Oai:

– Đó là mười pháp Bồ-tát đã thực hành, do đó đạt được Tam-muội “Đăng tập chúng đức”.

Lục sĩ Ly Cấu Oai bạch Phật:

– Bồ-tát tích tập vô lượng công đức mới được nghe định ý này. Muốn thực hành các đức chân chánh nên lãnh hội định này. Muốn đạt được phước đức không thể nghĩ bàn thì nên lãnh hội định này. Muốn khiến cho lợi ích lớn không bị hao tổn nên học định này.

Lục sĩ Ly Cấu Oai lại bạch Phật:

– Làm sao đạt được phước đức vô lượng như biển cả? Hơn hết các công đức, không thể nghĩ bàn.

Phật bảo Lục sĩ Ly Cầu Oai:

– Bồ-tát có ba việc đạt được công đức vô tận như biển cả, hơn hết các công đức, không thể nghĩ bàn. Ba việc ấy là: Một là ưa thích bố thí, hai là hộ trì giới cấm, ba là học rộng không hề mệt mỏi, đó là ba. Nay thiện nam! Thế nào gọi là Bồ-tát ưa thích bố thí không tham tài vật, không nên dùng vật để khuyến bảo giáo hóa. Giả sử có vật không muốn bố thí, người nhận không nên nhận vật ấy; giả sử người nhận không bỏ vật đã lấy, không nên khuyến ngăn họ và quyền thuộc. Giả sử người xin có sự mong cầu, phát tâm không thọ nhận thì không nên khuyến hóa nhà vua ban cho tài vật, nhà cửa, phòng ốc. Giả sử người xin có sự mong cầu, tâm ấy không khác. Lại nữa, nay thiện nam! Bồ-tát nên phát tâm này: Ta vì tất cả chúng sinh nên ban cho thân mạng. Nếu có người đến muốn xin các vật có được của ta như voi, ngựa, xe, y phục, đầu, mắt, tùy nảo, mắt, tai, mũi, miệng, thân thể, tay chân, da, tóc, thịt, máu, tùy theo sự mong cầu đều bố thí cho họ, tâm không ân hận, nhẫn nhục ban cho, đã bố thí rồi, không mong đền trả, chỗ có thể xả bỏ thì cung cấp ban cho chúng sinh không hề luyến tiếc. Chúng sinh được ân ban cho những sự thiếu thốn, từ đó trở đi là nhằm thâm giữ giáo hóa tất cả chúng sinh. Lúc thành Phật đạo, vì họ mà thuyết giảng kinh pháp, khiến mau được giải thoát.

Nay thiện nam! Nếu có Bồ-tát phát tâm như vậy đó gọi là Bồ-tát không tham tiếc thân mạng. Thà mất thân mạng chứ không phạm vào việc ác, không hại sinh mạng người khác dùng để nuôi dưỡng thân ấy, không dùng thân mạng phạm vào việc bất thiện, không dùng tài vật hủy hoại người khác, không dùng quyền thuộc gây tranh cãi kiện tụng thù oán, không tạo nguy hại cho con cái người khác để nuôi dưỡng vợ con mình, điều tự mình không vui thích thì không đem đến cho người khác, đã biết vừa đủ thì dốc lòng chuyên chú, không ưa thích các việc bất thiện, hướng chỉ là phạm các việc ác, trừ bỏ tham lam, ganh ghét và những điều xấu ác, thường biết đủ, làm việc chân chánh, không có tâm sai khác, phân biệt, đạt đến bình đẳng, đạt bình đẳng rồi không còn các tà vạy tức là đạt được tâm từ, đã tu tập tâm từ liền gặp bạn lành, đã gặp bạn lành liền được nghe pháp tịch diệt, đã nghe pháp tịch diệt liền tạo lập các hạnh, đã tạo lập các hạnh liền hóa độ chúng sinh, hóa độ chúng sinh rồi liền giảng thuyết, bàn luận về pháp giải thoát. Nếu Bồ-tát không vì chúng sinh, không tu pháp tịch diệt thì không đạt đến

chỗ vi diệu, đã không đạt được chỗ vi diệu thì không đạt được đạo nhân, không đạt được đạo nhân thì không đạt được phương tiện thiện xảo, không thể thấy được căn cơ hướng đến của tất cả chúng sinh. Nay thiện nam! Bồ-tát ưa thích Bồ-thí, học rộng, nghe nhiều vượt quá hơn đây, không thể tính kể.

Lại nữa, nay thiện nam! Quán pháp trong ngoài, suy nghĩ bình đẳng, quán bên trong xét bên ngoài đều không có hai. Vì sao? Vì thân này như cỏ cây, ngôi đá, không khác, không người, không có tướng niệm, bốn đại hợp thành nên không bền chắc. Giả sử có người muốn dứt bỏ hủy hoại thân mạng mình khiến không được tự tại, chớ khởi tướng niệm, chớ tham thân này không tiếc mạng sống. Ta không giận dữ đối với người đã dấy sân hận, ta càng tăng thêm lòng từ bi hướng tới chúng sinh. Nay thiện nam! Ví như có cây thuốc lớn, đào lấy gốc, thân, cành, lá, hoa, quả, cây không nghĩ ai lấy gốc thân cành lá hoa quả của ta, cũng không nói chớ lấy gốc thân cành lá hoa quả của ta. Cây thuốc ấy tất cả đều không suy nghĩ, đối với mọi người cũng không sân giận. Người bị bệnh tật uống thuốc thì lành. Nay thiện nam! Người thực hành Bồ-tát nên tự quán thân bốn đại là nhà, giống như cây thuốc. Có chúng sinh nào muốn được đầu, mắt, tủy, não, thân thể, tay chân, da, thịt, máu, huyết của ta, ta nên xả bỏ cho họ. Nay thiện nam! Phước đức Bồ-thí ấy là vô lượng. Làm việc Bồ-thí rồi, vì người tham lam, keo kiệt nên Bồ-thí, giúp đỡ họ. Người nghèo khổ thì ban cho của cải. Người ít phước ban cho phước đầy đủ. Người chưa phát đạo tâm khiến họ hành hạnh Bồ-tát, dạy bảo việc lành khiến họ thanh tịnh. Tất cả phước đức khuyến hóa chúng sinh dần dần để được thanh tịnh bằng việc Bồ-thí này, mau gần với đạo, đạt đến chỗ vô tận. Thế nào gọi là Bồ-thí cùng tận? Bồ-tát Bồ-thí có bốn việc cùng tận. Bốn việc ấy là: Không ưa cứu giúp, không ưa thuyết pháp, nguyện sinh chỗ thấp kém, ưa gần gũi bạn ác, đó là bốn việc. Lại có bốn việc thực hành, Bồ-tát Bồ-thí mau gần với đạo, đó là: Nhiều sự trợ giúp, thực hành phương tiện thiện xảo, trụ vững vào chánh pháp, tu tập, thân cận bạn lành, đó là bốn pháp. Lại có ba pháp Bồ-tát Bồ-thí không bị hư dối, đó là: Bồ-tát phát tâm thương yêu tất cả chúng sinh, thấu tóm, cứu giúp tất cả chúng sinh, phụng hành theo giáo pháp của Như Lai, đó là ba việc. Bồ-tát muốn Bồ-thí phải lập ba pháp. Ba pháp đó là: Trụ vững nơi pháp Phật, giảng giải, khuyến khích chúng sinh đạt được sự an lạc, đó là ba pháp. Bồ-tát lại có hai việc không dối trá, Bồ-thí chân thật, hai pháp đó là: Đại từ, đại bi, đó là hai. Bồ-tát lại có hai việc cần phải Bồ-thí để dứt trừ, đó là tham lam, ganh ghét, đó là hai pháp. Bồ-tát lại có hai pháp Bồ-thí để có

chỗ nương tựa, đó là: Đầy đủ trí tuệ, thông đạt viên mãn, đó là hai. Bồ-tát lại có hai pháp bổ thí để có chỗ hướng tới, đó là: Đạt đến trí tuệ vô tận, hướng tới tuệ vô sinh, đó là hai. Bồ-tát bổ thí có bốn pháp, đó là: Bổ thí bình đẳng không mong đáp trả, điều phục tâm an tịnh, bổ thí đầy đủ, nhằm thành tựu đạo, đó là bốn. Bồ-tát bổ thí như vậy nên tự nhiên đạt được biển phước đức vô tận. Nếu có Bồ-tát muốn tích tập biển phước đức thì nên tu tập hạnh bổ thí tinh tấn như thế.

Lục sĩ Ly Cầu Oai bạch Phật:

– Bạch Thế Tôn! Thật hy hữu thay! Hôm nay Như Lai đã phân biệt thuyết giảng rõ pháp của các Bồ-tát, giữ gìn kinh điển của chư Phật. Bồ-tát thực hành như vậy chắc chắn không bỏ mất chánh đạo, đạt được phước đức trí tuệ. Giả sử có người bổ thí như thế thì phước đức đầy đủ viên mãn cũng như vậy.

Đức Phật dạy:

– Nay thiện nam! Như lời ông nói, có người phát tâm làm việc bổ thí như vậy thì liền đạt được biển phước đức vô tận, không còn bần cùng. Đối với Hiền Thánh đạt được của cải lớn, đầy đủ các pháp tài này thì sẽ được giàu có lớn, đầy đủ bảy báu phước đức vô tận, đạt được trăm phước tướng đề trang nghiêm nơi thân, làm ruộng phước cho các chúng sinh nhằm cung cấp cho họ.

Bấy giờ, Đức Thế Tôn bảo Lục sĩ Ly Cầu Oai:

– Thế nào là công đức nơi giới cấm của Bồ-tát? Hộ trì giới cấm chưa từng sai phạm, thấy người phạm giới thì sinh tâm thương xót, thấy người phụng trì giới cấm thì một lòng noi theo, làm thanh tịnh ba nghiệp của thân, bốn nghiệp của miệng, ba nghiệp của ý, phải thực hành thuận theo mười nghiệp thiện ấy, dùng giới pháp này hóa độ chúng sinh, không tự khen mình, không chê người khác, không dùng giới cấm để khen ngợi mình, cũng không dựa nơi giới mà tự cao ngạo, thường dùng giới cấm để điều phục tâm, định tánh, không phô trương danh tiếng mà chỉ biết đủ. Ở chỗ Hiền thánh tự hộ thân mình, thấy người biếng nhác thì không chê bai, thấy người ốm bệnh giúp đỡ không hề mệt mỏi, không tham cầu, không lấy đó làm cứu cánh, thực hành như lời nói không sai phạm. Đối với việc nơi sinh tử thì không ứng hợp, không cầu mong, thường gần gũi chư Phật, thực hành tâm từ. Nếu có người hành từ và không hành từ đều bình đẳng cứu độ, không bỏ mất tâm ấy, không phạm giới luật, không hướng đến thừa khác, dùng thừa đạo này để khuyến hóa mọi người đều được an lạc, xa lìa tất cả

giới cấm đã phạm. Người loạn động bất an, khiến cho họ được an ổn, trừ bệnh nghi ngờ khiến không còn oán giận, chỗ đã sinh dù được tự tại, nhưng không thích hợp, có thể du hóa khắp nơi. Giả sử chỗ đã sinh mà không nhằm chán, tu tập tinh tấn, điều phục thân tâm, việc làm không sai sót, sự học không ưa thích cũng không sợ hãi. Này thiện nam! Bồ-tát đã thực hành giới cấm, dù nguy hại đến thân mạng cũng không phạm giới. Không vì đất nước mà hành trì giới cấm, không vì tôn trọng Đế thích, Phạm vương, không vì đạt được tài lợi, không vì quyền thuộc cao quý, tướng mạo, tiếng khen, cũng lại không vì thế lực, các thứ lợi dưỡng như: giường nằm, thuốc thang, tọa cụ, tật bệnh mà hành trì giới cấm, không tham sinh vào cõi trời, không nương theo trong ngoài, không mến mộ người khác, không mong sinh ở đời sau, không chấp giữ nơi mình, không tham đắm người khác cũng không tham đắm sắc, thọ, tưởng, hành, thức, không lệ thuộc vào mắt, tai, mũi, miệng, thân, ý, cũng lại không nương vào ấm, các nhập để hành trì giới cấm, không sợ địa ngục mà mong cầu cứu hộ, không sợ súc sinh, ngạ quỷ, quỷ thần, không vì sự khốn khổ nghèo cùng ở nhân gian mà hành trì giới cấm, ý chỉ chỉ ở tại sự kiến lập Phật đạo. Nếu người nghe pháp ý muốn thực hành, tức đã đạt được các dục của bậc Thánh, thường muốn độ thoát, diệt trừ sinh, lão, bệnh, tử, ưu sầu, khổ não mà hành trì giới cấm, không vì của cải mà hành trì giới cấm, muốn làm an ổn chúng sinh độ thoát mọi người, ưa thích Phật pháp, muốn chuyển pháp luân, giáo hóa Thánh chúng, không đoạn dứt Phật giáo, không bỏ giáo pháp, không trái lời dạy mà giữ gìn giới cấm. Vì giới, định, tuệ, giải thoát tri kiến mà hành trì giới cấm. Muốn đạt sáu thần thông nên hành trì giới cấm, không khuyết phạm không hủy bỏ, không có nghiệp tà, thuận theo giáo pháp của Phật không có quên mất mà thường bình đẳng tùy thuận thực hành Tam-muội. Người trí đã tán thán Đức Phật, đã bàn luận không sai khác, tùy pháp giáo hóa, phụng hành điều cốt yếu, người như vậy thường tuân theo đầy đủ giới cấm, không quên mất mười pháp của Bồ-tát. Mười pháp ấy là: Sau khi đạt được ngôi vị Chuyển luân Thánh vương, hoàn toàn không sai phạm về giáo pháp tu tập của Thánh vương, phụng hành Phật đạo mà không phóng dật, đạt đến ngôi vị Đế thích mà không cao ngạo, thường lãnh thọ pháp Phật, không hề buông lung, sinh vào cõi Phạm thiên mà không lấy làm lạ, ở tại cõi Phạm thiên muốn gặp Phật liền được gặp, thường gặp Thế Tôn tâm rất ưa thích. Kinh điển đã nghe chưa từng đoạn mất, lắng nghe Phật pháp chưa từng bỏ quên, như pháp đã nghe có thể phụng hành, trí tuệ không quên mất luôn nhớ nghĩ đến Bồ-tát Thánh chúng, biện tài vô lượng chưa từng thiếu sót. Bồ-tát đã

lập nguyện thì có kết quả, thường vì chư Phật Bồ-tát, không chê bai đệ tử Đức Phật, mau chóng đạt được thần thông, đầy đủ trí tuệ sáng suốt. Người hành trì giới cấm như vậy, đó là Bồ-tát thực hành mười pháp. Bồ-tát không thoái lui, hành trì giới cấm ấy thì chư Thiên, long thần đều cùng nhau bảo vệ, ủng hộ, tán thán người giữ gìn giới cấm, chúng quỷ thần đều quy ngưỡng, các chúng thần rồng đều cung kính, mọi người ở thế gian đều thuận theo cúng dường. Chư Phật Thế Tôn thường muốn gặp họ, các bậc trí thức thường tôn sùng, thương xót thế gian mà thực hành tâm từ, vì chúng sinh mà hành trì giới cấm ấy.

Lại nữa, Bồ-tát không trở về bốn cõi. Bốn cõi đó là: Không trở về trong chỗ không an nhàn, cũng không trở về trong cõi không có Phật, không trở về nhà, bể tắc, mờ tối, sinh tà kiến, không trở về tất cả các đường ác. Bồ-tát nếu giữ gìn giới phẩm thì mau chóng đạt được công đức. Lại có bốn pháp không quên mất, bốn pháp đó là: Không quên Phật đạo, tâm không bỏ Phật, pháp đã nghe trọn đời không bỏ quên, không quên nhớ nghĩ về thiên định trong vô lượng vô số kiếp. Nếu Bồ-tát hộ trì giới này thì liền đạt được công đức ấy. Bồ-tát lại có bốn pháp đạt được sự quan sát sáng suốt, đó là: Khi đạt được thì quan sát rõ ràng các pháp, người đạt được sự thông suốt ấy thì các tướng về mê muội, tật bệnh, sợ hãi, đao gậy, độc hại đều trừ diệt, đầy đủ công đức, không bị người quấy nhiễu, đó là bốn pháp. Nếu Bồ-tát có thể hành trì giới cấm, thuận theo lời dạy này thì thoát khỏi mười sự sợ hãi đó là: Xa lìa địa ngục, ngạ quỷ, súc sinh, sự bần cùng và vô số thế giới đáng sợ hãi của ma, hướng đến chỗ tịch diệt của hàng Thanh văn, Duyên giác, được thọ thai sinh trong các hàng trời, người và rồng, quỷ thần, Kiền-đạp-hòa, A-tu-luân, Chân-đà-la, Ma-hu-lặc. Các nạn về khủng bố, các nạn về đao gậy, độc hại, lửa dữ, rắn độc, sư tử, hổ, sói đều thoát khỏi kể cả tà kiến, nên có thể hộ trì giới, là pháp mà Bồ-tát thực hành, đó là thoát khỏi mười nạn ấy.

Lại nữa, này thiện nam! Giới được thiết lập trên pháp Phật, dùng làm ánh sáng. Pháp Phật thì thiết lập nơi giới là đạo của Bồ-tát. Nếu hay phụng trì giới thì gần gũi với định ý. Từ nơi giới cấm mà đạt đến trí tuệ giải thoát, vượt qua các tri kiến. Thế nào là giới có thể giải thoát tất cả phiền não? Thế nào là phiền não tội phước tương quan? Ba cõi đều lệ thuộc nơi phiền não này, nên dùng gì để vượt qua phiền não ấy? Nên dùng vô niệm, vô tướng, vô tư, vô trụ, không chỗ hành, không chỗ hưng lập, không chỗ tư duy, đối với tất cả các pháp không có mong cầu, đó gọi là vượt qua các phiền não. Này thiện nam! Bồ-tát chưa lìa phiền não thì giới phẩm không thanh tịnh.

Vì sao? Giả sử người đi đến Phạm thiên bằng phiền não tham dục, cho đến cõi trời Ba Mươi Ba cũng vì phiền não tham dục. Vì vậy, này thiện nam! Nên quan sát như thế, người ở trong ba cõi ấy thì giới phẩm không thanh tịnh.

Lục sĩ Ly Cầu Oai bạch Phật:

– Nếu ở nơi ba cõi đều là phiền não như Thế Tôn nói thì giới phẩm không thanh tịnh, tại sao Bồ-tát xa lìa phiền não, tham đắm thì đạt được giới thanh tịnh. Ở trong ba cõi mà không chút nhiễm ô?

Đức Phật dạy:

– Này thiện nam! Nên biết như vậy, vì Bồ-tát thân không phiền não, cũng không hủy hoại giới, cũng không chỗ trụ. Chúng sinh đắm chấp nơi ba cõi nên phạm giới. Bồ-tát này dùng hai việc thực hành pháp theo phương tiện thiện xảo, muốn trừ bỏ ba cấu uế nên ở trong ba cõi dùng phương tiện thiện xảo kia. Tự thân Bồ-tát không có phiền não, hiện ở trong ba cõi là nhằm để giáo hóa chúng sinh. Này Lục sĩ Ly Cầu Oai! Ví như có nam tử họa vẽ ở hư không, hoặc viết văn tự, việc ấy hiện ra để thấy có khó không?

– Bạch Thế Tôn! Rất khó! Đức Phật dạy:

– Bồ-tát thực hành lại khó hơn việc ấy, tự thân không phiền não mà thị hiện ở trong ba cõi để giáo hóa chúng sinh.

Lúc ấy, Lục sĩ Ly Cầu Oai dùng kệ tán thán:

*Kính bạch Thế Tôn!
Bồ-tát thị hiện
Đầy đủ viên mãn
Thực hành đại bi.
Mở cửa giải thoát
Xoay vần trở lại
Ở nơi thành quách
Giáo hóa chúng sinh.
Nhiều sự trở ngại
Ví như có người
Thân bị bệnh tật
Trừ được nguy hại.
Chẳng phải người khác
Đều không sai biệt
Như vậy Thế Tôn
Nay trừ nguy hại.*

Ở đời thanh tịnh
Nơi đạo Bồ-tát
Do đây giải thoát
Vì vậy cho nên.
Giáo hóa chúng sinh
Và học phái khác
Do phương tiện này
Cứu độ muôn loài.
Kính bạch Thế Tôn!
Bồ-tát Đại sĩ
Phát đại tâm từ
Thanh văn, Duyên giác.
Không thể sánh bằng
Vì thế cho nên
Thanh văn, Duyên giác
Không có đại bi.
Phương tiện thiện xảo
Đầy đủ các hạnh.



KINH ĐĂNG TẬP CHÚNG ĐỨC TAM MUỘI

QUYỂN TRUNG

Bấy giờ, Đức Thế Tôn lại bảo Lục sĩ Ly Cầu Oai:

– Này thiện nam! Nếu Bồ-tát nghe hạnh này thì nên siêng năng phụng hành. Thế nào là lắng nghe lời dạy của Thế Tôn, thường cung kính, trừ bỏ kiêu mạn? Lời nói nhu hòa, tâm tánh nhân từ, quán xét các pháp giống như thuốc hay. Đối với Sư trưởng, Hòa thượng tưởng như Thế Tôn, tự xét thân mình suy nghĩ chọn lựa giáo pháp tưởng như thầy thuốc hay. Đối với chúng sinh xem như bệnh nhân, siêng mong cầu giáo pháp không nên tham đắm nơi thân mình, không tham mạng sống, không cầu tuổi thọ, không tham ái sắc đẹp, y phục, thường ưa thích kinh điển, lấy pháp làm căn bản, bỏ thí tất cả, không có luyến tiếc, bàn luận pháp lợi, xả bỏ tài lợi, hộ trì pháp bảo, xa lìa của báu ở đời, dùng pháp lợi để trừ bỏ tất cả của cải ở thế gian, dùng pháp bảo để trừ bỏ tất cả châu báu luyến tiếc ở đời. Muốn trừ bỏ tất cả làm lỗi của ái dục và phiền não của chúng sinh thì thường phải ngưỡng mộ, mong cầu chánh pháp. Muốn độ tất cả chúng sinh đạt đến giải thoát thì nên hộ trì, tuân theo chánh pháp. Vì hộ trì giáo pháp nên có thể đạt được tất cả công đức. Vì vậy cho nên, nếu như có người muốn cầu Phật đạo hoặc muốn thành tựu bậc Tối Chánh Giác, muốn đứng vững trong pháp Phật nên học rộng nghe nhiều. Này thiện nam! Ví như núi chúa Tu-di làm cột trụ lớn giữa trời, hoặc làm cột trụ trên trời thì cao vợi, che khắp tất cả, ở đó được trang sức như cõi trời Đao-lợi.

Đức Phật dạy:

– Như vậy Bồ-tát học rộng nghe nhiều là cột trụ trí tuệ, có thể du hóa khắp cõi trời, người với ánh sáng rực rỡ. Này thiện nam! Nếu có Bồ-tát chỉ mong cầu Phật đạo “Ta sẽ thành Phật” thì nên hiểu rõ, thông suốt phương tiện thiện xảo, học rộng nghe nhiều, thường tu tinh tấn. Tất cả chúng sinh ở nơi trí tà thì nên vì họ thấp sáng ngọn đèn trí tuệ. Giả sử lúc Bồ-tát học rộng nghe nhiều, tinh tấn siêng cầu trí tuệ thì cũng làm cho chúng sinh đầy

đủ trí tuệ, việc làm đã xong. Bấy giờ chư Thiên khen ngợi người ấy rồi sinh tâm thiện, hoan hỷ. Hôm nay Bồ-tát này bàn luận như thế, có năng lực học rộng nghe nhiều, đạt được mười lực, thành tựu chánh giác, các căn thông tỏ, lợi ích bàn luận ấy là hạnh Bồ-tát, cầm kiểm trí tuệ chặt đứt tất cả phiền não tham dục. Nếu có Bồ-tát bàn luận như thế đạt được trí tuệ thông suốt, thuyết giảng kinh pháp thì có thể diệt trừ tất cả phiền não nguy hiểm của chúng sinh. Nếu có Bồ-tát bàn luận như vậy thì có thể thuyết pháp diệt trừ ái dục. Bồ-tát như thế thì có thể trở về chỗ du hóa xưa kia của Thế Tôn. Bàn luận như vậy thì có thể hàng phục ma và quyến thuộc của chúng, thành tựu như thế dùng mười hai việc chuyển pháp luân. Nay thiện nam! Bồ-tát tinh tấn học rộng nghe nhiều đứng vững trong hàng Thánh, tùy lúc biến khắp ba ngàn đại thiên thế giới, nếu có các thứ ma thì làm cho chúng kinh sợ. Nay Bồ-tát này không nghe lời dạy, trái với bản tâm của Ta, đều bị tổn hại không được tự tại. Vì sao? Nay thiện nam! Người nghe theo thì đạt được trí tuệ. Trí tuệ đối với phiền não là tôn quý hơn hết. Người không phiền não thì ma không quấy nhiễu cho nên phải quán như vậy. Nếu như Bồ-tát học rộng nghe nhiều phân biệt kinh điển, ưa thích giáo pháp thì từ đó trở đi có thể giảng dạy, thu phục chúng ma: ma phiền não, ma năm ấm, ma sinh diệt, ma trời và quyến thuộc. Đó là bốn ma tự nhiên bị hàng phục.

Lại nữa, nay thiện nam! Giống như xưa kia các Bồ-tát học rộng nghe nhiều phân biệt giáo pháp, ưa thích kinh điển, nay nên lược thuyết những điều quan trọng, mới thuật lại việc này: Vào thời xa xưa, trong vô số kiếp không thể nghĩ bàn. Nơi kiếp ấy có một tiên nhân tên là Uất-đất, ở tại rừng cây chứng được năm thần thông, thường thực hành bốn tâm vô lượng từ, bi, hỷ, xả, ở chỗ thâm sâu tự suy nghĩ: Ta hành tâm từ, thân được nhẹ nhàng, thường thích an ổn, không thể dùng tâm từ để diệt trừ tham ái nối kết của chúng sinh, cũng không thể bỏ sân giận, ngu si phiền não và tham dục sâu dày. Không dùng tâm từ này mà có thể đạt đến chánh kiến của bậc Hiền Thánh, không thể đạt được phước lành, thành tựu các phép quán của bậc Thánh. Lại suy nghĩ: Thường có thể duyên theo hai việc để đạt đến chánh kiến của bậc Thánh. Hai việc đó là: Nhân duyên lắng nghe, xét kỹ âm thanh của người khác, suy nghĩ về hạnh tĩnh lặng liền sinh hoan hỷ phát tâm tinh tấn, cũng thâm nhập vào pháp Phật. Ta ở chỗ nào được nghe thuyết giảng thì mong muốn được nghe giáo pháp kinh điển, đi vào trong thành ấp, xóm làng, muốn cầu nghe kinh điển cũng không thể được. Lúc đó, hàng trời, người, chúng ma đi đến chỗ ấy nói:

Lại nữa, nay thiện nam! Ta có nghe Đức Phật sắp hộ trì người đọc

tụng kinh điển, nếu thiện nam thân chịu bức bách như bị mặt trời đốt cháy mà tai được nghe âm thanh hộ trì, sau đó mới biên chép, đọc tụng. Như vậy khiến ông được nghe bốn câu kệ tụng trong kinh. Nay thiện nam! Tiên nhân Uất-đất suy nghĩ: Từ vô số kiếp đến nay, ta đã làm hao tổn thân này, ưa thích ở lao ngục, bị đánh bằng roi, gậy, hoặc dùng dao bén chặt thân ra từng khúc khiến thân thể tan rã, da thịt nát nhừ, vì ái dục nên bị trói buộc, gặp nhiều khổ hoạn như thế, không thể tính kể, đã để thân này chịu nhiều đau khổ, chưa hề dùng thân này làm lợi ích cho tất cả. Nếu có thể tạo lợi ích cho chúng sinh thì ta sẽ dùng thân không kiên cố này, mong cầu được nghe kinh điển, thành tựu được thiện lợi, tâm rất vui mừng, nên từ nơi cõi trời, người được nghe kinh điển hiếm có, gặp được Thế Tôn sinh tâm khát ngưỡng cung kính liền lấy dao bén tự chặt thân này, đau khổ như bị mặt trời đốt, từ tai lắng nghe cho dù chư Thiên nói: Xin bậc trời diễn nói danh hiệu Phật, chúng tôi sẽ hộ trì, đọc tụng. Vì ta cung kính pháp nên xả bỏ thân không tiếc mạng sống. Do nhân duyên ấy nên được nghe Tam-muội “Đăng tập chúng đức”. Nay thiện nam! Khi đó tiên nhân vô cùng khát ngưỡng giáo pháp như vậy, dung mạo đen thâm, tiều tụy, công đức khó thấy, ẩn mất không hiện. Lúc này tiên nhân suy nghĩ: Ta không thử nghe câu kệ ấy sao? Vì sự cung kính phụng hành theo giáo pháp nên xả bỏ thân, không tiếc mạng sống để được nghe chăng? Ta đã từng cung kính kinh điển, sinh ra phước đức, không mất công đức, không bị mê hoặc. Giả sử ta hết lòng chí thành, không hư dối, chất trực không quanh co, thương yêu chúng sinh, không tham tiếc thân, xả bỏ mạng sống! Người nghe pháp này, do tâm chí thành luôn vững chắc ấy, ở trong đời này phụng hành, tu tập giáo pháp nơi cõi Phật ở phương kia, những người như vậy hiện tại được gặp Đức Phật, được nghe pháp, liền phát lời nguyện này. Bấy giờ, ở phương Dưới, qua ba mươi hai cõi của chư Phật, có thế giới tên là Phổ Đăng Ly Cấu, Đức Phật ấy hiệu là Vô Cấu Xứng Vương Như Lai Chí Chân Đăng Chánh Giác hiện đang thuyết pháp. Đức Phật đó biết được tâm niệm của tiên nhân, lại muốn giáo hóa người cõi Diêm-phù-đề, giống như lực sĩ co duỗi cánh tay, Đức Phật ấy, trong một khoảnh khắc như vậy, bỗng nhiên ẩn mất ở cõi Phật kia, liền đến trước chỗ tiên nhân, cùng với năm trăm Bồ-tát. Đức Như Lai ấy vừa mới xuất hiện ở thế gian, tự nhiên ánh sáng chiếu khắp nơi, hoa trời rơi xuống, hàng ức trăm ngàn thứ nhạc không tấu mà tự vang lên. Các vị Bồ-tát tụ hội nơi rừng sâu kia, lúc này tất cả thân cây, cành lá, hoa quả ở đây đều vang ra âm thanh diễn nói giáo pháp. Tiên nhân Thượng Thắng vừa nghe Đức Phật kia xuất hiện, tâm không sợ hãi, thân thể bình phục như

trước, không có bệnh tật. Nay thiện nam! Tiên nhân thấy Như Lai Vô Cấu Xứng Vương Chí Chân Đăng Chánh Giác có tướng tốt, uy nghi giống như núi Tu-di, oai thần rực rỡ như mặt trời, mặt trăng, đạt được thần thông vi diệu của bậc Thánh, làm thầy hàng trời, người, các căn tịch tĩnh giống như hư không, không thêm, không bớt nên rất hoan hỷ, vui mừng, phát sinh tâm thiện, liền đứng dậy, sửa lại y phục, bày vai bên phải, quỳ gối sát đất, chấp tay bạch Phật:

– Bạch Thế Tôn! Con xin quy y Phật, Pháp, Tăng, xin Thế Tôn vì con thuyết giảng chánh pháp. Nếu được nghe kinh, con xin phụng hành, dứt trừ mọi thứ tham muốn của chúng sinh, phát sinh chánh kiến, dứt lòng lãnh hội kinh điển. Nay thiện nam! Như Lai Vô Cấu Xứng Vương Chí Chân Đăng Chánh Giác do nhân duyên của tiên nhân, nên vì chư Thiên và Bồ-tát mà phân biệt thuyết giảng Tam-muội “Đăng tập chúng đức”, tám ngàn Thiên tử ở trong chúng hội đều tạo lập các hạnh tu tập, luận bàn nghĩa lý liền đạt được pháp nhẫn. Tiên nhân Thượng Thắng nghe Tam-muội này rồi thì hết sức vui mừng, hội nhập vào nẻo vi diệu, liền đạt được vô lượng biện tài.

Lúc Đức Như Lai thuyết giảng tám chương cú rồi lại thâm giữ. Tám pháp đó là: Tất cả các pháp đều vốn thanh tịnh, từ vọng tưởng chấp thủ cho đến nguồn gốc tự nhiên thanh tịnh. Các pháp vô lậu, tất cả các lậu đều được dứt tận. Các pháp không chấp trước vì đều vượt qua tất cả các thứ chấp vướng. Các pháp không hư dối, cũng không phân biệt giữa ta và người, vì bình đẳng nơi tất cả các pháp môn. Các pháp hiện bày theo nẻo nào? Vì hiện khắp nơi hết thảy các pháp môn. Các pháp không đến cũng không đi. Các pháp luôn mong trở lại trừ sạch tất cả phiền não nơi các cõi. Các pháp bình đẳng vì đối với ba đời không có quá khứ, hiện tại, vị lai. Vì không có hai nên này Thượng Thắng, đó là thuyết giảng tám chương cú, tất cả đều vượt qua sự chán nản, không còn các khổ hoạn.

Đức Phật bảo tiên nhân Thượng Thắng:

– Có tám môn cú đạt đến chỗ không hai. Đó là các pháp giả hiệu nên nương dựa vào danh. Các pháp giống như sắc do từ danh sinh ra. Các pháp tập hợp nên nương vào văn tự. Các pháp phân biệt nên tự tùy tiện. Các pháp tự nhiên tức do vô minh tự nhiên. Các pháp là tận cùng nên tập hành theo ngu si. Các pháp không có chỗ đứng vững nên an trụ nơi vô thường. Các pháp bình đẳng nên từ tinh tấn hướng đến các pháp. Nay Thượng Thắng! Tám cú môn vốn không hai mà đạt đến hai.

Đức Phật bảo tiên nhân Thượng Thắng:

– Lại có tám câu tinh tấn đạt đến vô tận mà được tự tại. Đó là: Vô là sự tu tập tinh tấn, khuyến khích, chú nguyện nơi kinh điển đã hành trì hiện bày khắp mọi nẻo. *Bi* là câu thực hành tinh tấn, nên có thể thị hiện pháp môn cứu cánh. *Bất* là câu tuân theo tinh tấn, trừ bỏ danh sắc, thị hiện chánh pháp, kinh pháp đã thuyết giảng đều khiến trừ bỏ. *Tha* là phụng hành tinh tấn, hiện pháp tịch diệt. *Bản* là chí dốc tinh tấn, giảng thuyết kinh pháp, vượt qua tất cả các sự trở ngại. *Vô bản* là câu nhớ nghĩ tinh tấn, hiện ra pháp không gốc của Như Lai. *Nhân* là tinh tấn hiện rõ tất cả pháp tội phước của pháp duyên là tận cùng. *Đẳng* là Tam-muội tinh tấn, thị hiện các pháp phân biệt chỗ hướng đến. Này Thượng Thắng! Đó là tám câu tinh tấn, biện tài vô ngại.

Đức Phật bảo Thượng Thắng:

– Lại có tám pháp là pháp cú vi diệu hiểu rõ các pháp đều là bình đẳng. Những gì là tám? Đó là: Ấn cú không là không chỗ nương tựa để hiện bày khắp. Ấn cú vô tướng là không chỗ kiến lập để hiện bày kinh điển. Ấn cú vô nguyện là không nương, không tựa, không đắm chấp, không mong cầu để hiện bày pháp. Ấn cú bản tế là câu của bản không mà cùng chế ngự để hiện bày kinh điển. Ấn cú pháp giới là cùng ngăn chặn các pháp để phân gốc hiển hiện. Ấn cú vô bản là hiện nhập vào các pháp. Ấn cú du như là trừ bỏ các pháp quá khứ, hiện tại, vị lai, nhằm hiện bày nguồn gốc của pháp. Ấn cú diệt tận là diệt tận rốt ráo, vĩnh viễn diệt trừ chỗ hiện bày về gốc của các pháp. Này Thượng Thắng! Đó là tám ấn cú thấy đều phân biệt bình đẳng về các pháp khiến được thành tựu. Thế nên, Thượng Thắng! Cú tự tại, cú sở vấn, cú tinh tấn và các ấn cú thường nên hiểu rõ, thuận hành và siêng năng tu học. Này thiện nam! Đối với những việc thưa hỏi, Như Lai Vô Cầu Xứng Vương đã phân biệt ở nơi trí hiện bày ấy đến thế giới kia cùng với chư vị Bồ-tát khác năm ngàn ức. Trăm ngàn triệu Bồ-tát chỉ trong khoảng khắc tự phát tâm Bồ-đề, trở về cõi Phật. Tuy trở về chỗ cũ mà không đến, không đi. Dân chúng nơi cõi ấy cũng không thấy Như Lai đến, đi. Này thiện nam! Tiên nhân Thượng Thắng đạt được biện tài vô tận không có nghi ngờ, cũng không quên mất, được chư Thiên ủng hộ thu phục chúng ma và các học phái khác, rồi đi vào thành ấp, xóm làng, cõi nước, vì tất cả mọi người thuyết giảng kinh pháp, phân biệt diễn nói về Tam-muội “Đẳng tập chúng đức”, tuyên dương kinh điển này đến cả ngàn năm, mở bày giáo hóa tám vạn bốn ngàn chúng sinh trụ nơi Thanh văn, tám vạn bốn ngàn chúng sinh

hướng đến bậc Duyên giác, tám vạn bốn ngàn chúng sinh đều phát tâm Bồ-đề cầu đạt quả Chánh chân vô thượng. Tám vạn bốn ngàn chúng sinh, sau đó đều làm Chuyển luân Thánh vương, tám vạn bốn ngàn chúng sinh được làm Đế thích, Phạm vương, hành từ, bi, hỷ, xả, vô số người được sinh trong cõi trời. Tiên nhân Thượng Thắng sau khi qua đời sinh nơi cõi nước của Đức Như Lai Vô Cấu Xứng Vương Chí Chân Đăng Chánh Giác, ở thế giới Phổ Đăng Vô Cấu, cùng một vạn bốn ngàn Thiên tử.

Đức Phật dạy:

– Này thiện nam! Ông muốn biết tiên nhân Thượng Thắng thời ấy là người nào khác chăng? Chớ nghĩ như vậy. Vì sao? Vì đó là thân Ta. Do Ta chí thành kiến lập tâm nguyện, liền đến phương Dưới, ở tại thế giới của Như Lai Vô Cấu Xứng Vương Chí Chân Đăng Chánh Giác thành tựu đạo quả Bồ-đề.

Do vậy, này thiện nam! Nên quán xét như vậy: Đối với Bồ-tát ưa thích pháp, Như Lai chưa từng chọn lấy sự diệt độ, chánh pháp được giáo hóa cũng không diệt tận. Bồ-tát ưa thích pháp thì chư Phật Thế Tôn ở thế giới của phương khác liền hiện ra trước mắt. Bồ-tát ưa thích pháp, nếu ở tại núi cao, hoặc ở bên gốc cây, một mình nơi chốn vắng vẻ, hoặc ngồi giữa khoảng đất trống, thì liền được thọ nhận pháp môn tổng trì đặt trong lòng bàn tay, hoặc hiện trên vật áo, hoặc ở trên đầu, hoặc ở nơi đỉnh đầu, gần mà không xa. Bồ-tát ưa thích pháp rồi thì từng thấy được chư Phật thời quá khứ. Lại nữa, các hàng thiên, nhân đạt được biện tài ấy cũng thọ nhận từ nơi trí tuệ biện tài. Bồ-tát ưa thích pháp, đối với kinh điển này là không có cùng tận. Chư Phật Thế Tôn và chư Thiên, loài người không định đoạt nguyện ấy. Đạo đã kiến lập được tự tại, muốn có thể trụ vững nơi trăm đời, ngàn đời, một kiếp, quá hơn một kiếp, cũng được do nơi mình. Bồ-tát ưa thích pháp trừ bỏ sinh, già, bệnh, chết rồi phát nguyện, nguyện ấy luôn kiên cố ở nơi trí tuệ biện tài. Bồ-tát ưa thích pháp chưa từng sinh tâm phạm lỗi đối với người khác. Thế nên, này Ly Cấu Oai! Người học rộng nghe nhiều tích tập tu hành, tinh tấn tuân theo nên sẽ đạt được đức ấy, lại càng gấp bội hơn, vô lượng vô số. Hoặc có Bồ-tát đạt được phước đức rộng lớn, nên hoan hỷ vô cùng. Hoặc Bồ-tát đã đạt được phước đức vô lượng, không thể cùng tận, không có giới hạn. Này Lực sĩ Ly Cấu Oai! Như nước trong biển cả còn có thể biết được số lượng của từng giọt nước, đo lường để biết được hạn lượng cùng đáy biển. Bồ-tát đã thực hành ba việc trì giới, nghe nhiều, bố thí thì không có hạn lượng, không biết được ranh giới của nó. Ba ngàn

đại thiên thế giới hãy còn có thể biết được số lượng cùng biên vực tận cùng của nó, chứ Bồ-tát dứt hết mọi dục, thực hành ba việc giới, vãng, thí thì không có hạn lượng. Nay thiện nam! Ba phẩm hành trên thì nghe nhiều là tôn quý, là tối thắng, là lớn mạnh, là không gì bằng, giống như núi chúa Tu-di. Trì giới, bố thí cũng như hạt cải ở ven núi Tu-di, phải nên quán xét việc học rộng nghe nhiều tức là núi chúa Tu-di. Ví như chim bay, lượn quanh nơi hư không thì hình bóng của đôi chân bị che lấp, đâu biết số lượng là bao nhiêu. Trì giới, bố thí cũng như vậy. Ví như hư không bao la không bờ bến, phước đức của sự học rộng nghe nhiều cũng như vậy. Vì sao? Nay thiện nam! Bồ thí có hai lợi ích: Thoát khỏi bần cùng, được giàu sang.

Trì giới có hai lợi ích: Vượt qua cõi ác, sinh lên cõi trời. Nghe có hai lợi ích: Được trí của bậc Thánh, dứt trừ tà nghi. Người bố thí không xa lìa các lậu do các ám thọ nhận. Người trì giới, chỗ thọ nhận của các ám cũng kết hợp với lậu hoặc. Người học rộng nghe nhiều không có các lậu hoặc, cũng không thọ nhận các ám. Thế nên, này Lục sĩ Ly Cấu Oai! Đó gọi là sự ứng hợp của Bồ-tát học rộng nghe nhiều. Lúc Đức Phật giảng nói về bố thí, trì giới, học rộng nghe nhiều thì có ba vạn hai ngàn chúng sinh đã gieo trồng gốc của các công đức, đều phát tâm Bồ-đề cầu đạt đạo quả Chánh chân vô thượng. Năm trăm Tỷ-kheo dứt sạch các lậu, tâm ý thông suốt, đạt được pháp nhãn thanh tịnh.

Lúc ấy, Lục sĩ Ly Cấu Oai bạch Phật:

– Bồ-tát có mấy pháp hành mau chóng đạt được pháp nhãn Bất khởi?
(Pháp nhãn Vô sinh)

Đức Phật dạy:

– Nay thiện nam! Bồ-tát có bốn pháp hành mau chóng đạt được pháp nhãn Bất khởi. Bốn pháp đó là: Một là quán thân như hình bóng mà được giải thoát. Hai là hội nhập nơi các pháp như tiếng vang. Ba là hiểu rõ về tâm như huyền hóa. Bốn là quán xét tất cả các pháp đều trở về diệt tận. Đó là bốn pháp, Bồ-tát hành trì tất mau chóng đạt được pháp nhãn Bất khởi. Lại có bốn pháp, đó là: Tu tập từ bi rộng khắp, luôn ban tình thương cho chúng sinh. Nếu như người tu học khởi tưởng chấp về người thì khuyến khích, giúp họ hiểu rõ. Tất cả các pháp đều có tạo tác, đều khiến họ thấy rõ pháp của chư Phật. Không dùng nhục nhãn, cũng chẳng dùng thiên nhãn, cũng không dùng pháp nhãn, không chỗ nương tựa, phân biệt rõ ràng chỗ hội nhập của tâm, cũng không có tâm, cũng không thấy tâm, cũng không duyên hợp. Đó là bốn. Lại có bốn pháp, đó là: Tất cả những vật sở hữu đều

đem bố thí không hề luyến tiếc, dứt bỏ tà kiến, phụng trì giới cấm thanh tịnh, trừ sạch các thứ phiền não. Đó là bốn. Lại có bốn pháp, đó là: Thực hành nhẫn nhục, hội nhập vào các pháp đều nhận biết tất cả, dốc sức tinh tấn, ưa pháp đạm bạc. Đó là bốn. Lại có bốn pháp, đó là: Đạt được thiền định, không còn chỗ nương tựa; quán xét trí tuệ, không hề xem nhẹ; nắm giữ phương tiện thiện xảo, không chấp về chúng sinh; đầy đủ các hạnh, đi vào chỗ không ai sánh bằng. Đó là bốn. Lại có bốn pháp, đó là:

Thường thực hành đại từ, tạo lợi ích cho chúng sinh; đầy đủ đại bi, hoàn toàn không nhằm chán; thực hành đại hỷ, ưa thích các pháp; thực hành đại xả, trừ bỏ các sự vướng mắc. Đó là bốn. Lại có bốn pháp, đó là: Hiểu rõ từng phần của ba pháp môn giải thoát, trừ bỏ ba đời: quá khứ, hiện tại, vị lai, vượt khỏi ba cõi, quán nhất thiết pháp vốn thanh tịnh, không cấu uế.

Đức Phật dạy:

– Này Lực sĩ Ly Cầu Oai! Đó là bốn pháp hành để Bồ-tát tu tập mau đạt được pháp nhẫn Bất khởi.

Lúc Đức Phật thuyết giảng như vậy, Bồ-tát Ly Cầu Oai đạt được pháp nhẫn Bất khởi, hoan hỷ hết mực, bèn vụt lên giữa hư không, cách mặt đất bốn trượng chín thước, ba ngàn đại thiên thế giới chấn động đủ sáu cách, ánh sáng nơi vị ấy tỏa chiếu khắp thế giới, trời tuôn mưa hoa, trăm ngàn âm nhạc không tấu đều tự vang lên. Thế Tôn biết tâm niệm của Bồ-tát Ly Cầu Oai liền mỉm cười, khiến ánh sáng năm màu từ miệng Ngài tỏa ra, soi rõ vô số cõi Phật ở mười phương, trở lại xoay quanh ba vòng rồi đi vào đỉnh đầu. Hiền giả A-nan liền đứng dậy, sửa lại y phục, bày vai bên phải, gối phải quỳ sát đất, chấp tay bạch Phật và dùng kệ khen ngợi:

*Thế Tôn trí thanh tịnh Mắt
Ngài đẹp trong sáng
Các căn đều tịch tĩnh
An nhiên đạt tự tại.
Ánh sáng chiếu bảy thước
Kim dung thân chói sáng
Vì sao mỉm cười tươi
Xin Phật chỉ dạy cho.
Việc làm của trời, người
Chỗ tâm ý hướng đến
Khiến thanh tịnh ba đời
Thấy hình tướng từng loài.*

Trí tuệ thường thông đạt
Chưa từng có ngăn ngại
Vì sao vừa mỉm cười
Xin Phật thuyết giảng cho.
Như Lai đòi quá khứ
Và ở đời vị lai
Hiện tại mười phương Phật
Trí thông suốt vô lượng.
Tu hành đều thanh tịnh
Chữa lành vô số bệnh
Tất cả đều hiểu rõ
Xin Phật giảng nêu cho.
Thân Phật biến khắp nơi
Ở trong cõi Phật này
Ám vang đều thông suốt
Vô số các quốc độ.
Tâm hướng đến chúng sinh
Thường rủ tâm đại từ
Thương xót xin dạy bảo
Giảng rõ ý mỉm cười.
Hiện tại tu tập pháp
Tịch nhiên như mặt trăng
Không giống như huyễn hóa
Tự nhiên hoặc như mộng.
Đã đạt được lợi ích
Thường như bọt nước mưa
Vì sao mỉm cười tươi
Đức Như Lai Thế Tôn.
Hiểu không, không có tướng
Vượt cửa nguyện giải thoát
Các pháp là tự nhiên
Thị hiện đã rốt ráo.
Vắng lặng thường thiền định
Tự tại như hư không
Nguyện xin Phật phân biệt
Mỉm cười mà cảm hóa.
Vì ai phát tâm diệu

Chí nguyện bậc trí tuệ
 Ai dùng lực trừ ma
 Nên ngồi bên gốc cây.
 Ngày nay bậc tối thắng
 Vì ai mà cứu giúp
 Vì sao mỉm cười tươi
 Thế Tôn giảng thuyết rộng.
 Các đại chúng Thanh văn
 Không thể nào sánh kịp
 Tất cả các Duyên giác
 Không đạt đến đạo này.
 Cảnh giới của chư Phật
 Phước đức như biển cả
 Do đâu mà mỉm cười
 Phật thương xót dạy cho.

Đức Phật bảo Tôn giả A-nan:

– Ông có thấy Lực sĩ Ly Cầu Oai vọt giữa hư không, cách mặt đất bốn trượng chín thước không?

Đáp:

– Bạch Thế Tôn! Con đã thấy. Đức Phật dạy:

– Bồ-tát Lực sĩ Ly Cầu Oai trải qua ba trăm không thể tính kể kiếp hội sẽ thành tựu đạo quả Chánh giác Vô thượng hiệu là Lực Nghiêm Tịnh Vương gồm đủ mười tôn hiệu: Như Lai, Chí Chân, Đẳng Chánh Giác, Minh Hạnh Túc, Thiện Thệ, Thế Gian Giải, Vô Thượng Sĩ, Điều Ngự Trượng Phu, Thiên Nhân Sư, Phật Thế Tôn. Ở nơi phương Đông, thế giới tên là Thanh Tịnh, kiếp tên Tịnh Thán. Thế giới của Như Lai Lực Nghiêm Tịnh Vương thanh tịnh, dân chúng giàu có thịnh vượng, an ổn, năm thứ lúa thóc dồi dào, sung túc, khắp cõi trời người khó sánh bằng. Y phục, thực phẩm, phòng xá của muôn dân nước ấy giống như ở cõi trời Đâu-suất. Đức Phật ấy thuyết giảng chánh pháp không có sự đặc biệt, khác lạ nào, chỉ tuyên dương tạng pháp của Bồ-tát. Nơi cõi Phật đó không có tên gọi về hàng Thanh văn, Duyên giác, đều thuần là Bồ-tát, tất cả cùng đạt được pháp nhẫn. Các chúng Bồ-tát ở đây là vô số vô lượng. Thọ mạng của Đức Phật Lực Nghiêm Tịnh Vương không có hạn lượng, cõi nước ấy không có tám nạn, hàng phục chúng ma, ngăn chặn oán địch, không có các học phái ngoại đạo khác. Ở thế giới của Đức Phật ấy đất là lưu ly xanh biếc, vàng ròng xen

bày khắp chốn.

Lúc đó, Bồ-tát Ly Cấu Oai từ trên hư không hạ xuống, đánh lễ dưới chân Phật, xin quy y Thế Tôn, thỉnh cầu Đức Phật cho được xuất gia.

Bấy giờ, Bồ-tát Câu Tỏa liền bạch Phật:

– Bạch Thế Tôn! Thật là điều kỳ lạ chưa từng có. Hôm nay, Thế Tôn giảng thuyết kinh điển có chư Thiên ở giữa hư không, phước đức cao dày, đều đến chỗ Như Lai, vừa thấy Như Lai liền hoan hỷ, trừ bỏ tâm niệm cao ngạo, tự đại, đánh lễ Thế Tôn, xin quy y. Thế Tôn đã có thể giáo hóa Lục sĩ Ly Cấu Oai cao ngạo tự đại này khi đi đến chỗ Phật, đạt được pháp lớn. Nguyên xin Thế Tôn vì vô lượng chẳng thể nghĩ bàn các chúng sinh diễn thuyết kinh pháp, khiến dứt trừ kiêu mạn. Bạch Thế Tôn! Bồ-tát Ly Cấu Oai đã từng gieo trồng gốc phước đức từ nơi Đức Như Lai Chí Chân Đẳng Chánh Giác nào mới có thể mau chóng đạt được thần thông như vậy?

Đức Phật dạy:

– Này Bồ-tát Câu Tỏa! Ông nên biết, Bồ-tát Ly Cấu Oai kia đã từng cúng dường sáu mươi hai ức chư Phật, gieo trồng nhiều phước đức ở nơi đạo Chánh chân vô thượng, lại thường phụng sự vô số chư Phật, tịnh tu phạm hạnh.

Bồ-tát Câu Tỏa lại thưa:

– Bạch Thế Tôn! Vì sao đã gieo trồng phước đức rồi mà quên mất tâm đạo, tự đại, cao ngạo đến chỗ Thế Tôn muốn so sánh tài nghệ?

Đức Phật dạy:

– Này Bồ-tát Câu Tỏa! Có bốn pháp nếu Bồ-tát thực hành thì quên mất tâm đạo, đó là: tâm luôn kiêu mạn, không cung kính pháp, khinh thường thầy hiền, về sau lại phỉ báng. Đó là bốn. Lại có bốn pháp, đó là: Ưa thích tu tập pháp Thanh văn, đều cùng quy hướng, chỉ ưa pháp nhỏ, phỉ báng Bồ-tát quên ân pháp sư. Đó là bốn. Lại có bốn pháp, đó là: Dua nịnh quanh co đối với pháp đối trá, gièm pha, dùng hai việc để nuôi mạng sống mong cầu lợi dưỡng, ưa thích sự hầu hạ.

Đó là bốn. Lại có bốn pháp, đó là: Không biết việc làm của ma, che giấu tội lỗi, vướng mắc pháp ác, tâm tánh yếu đuối hèn nhát. Này Bồ-tát Câu Tỏa! Đó là bốn pháp khiến Bồ-tát quên mất tâm đạo.

Bồ-tát Câu Tỏa lại thưa:

– Vì sao Ly Cấu Oai dùng những thứ gì khi hành hạnh Bồ-tát mà quên mất tâm đạo?

Đức Phật bảo:

– Xưa kia, trong Hiền kiếp ấy, có Đức Phật đầu tiên xuất hiện ở đời, hiệu là Câu-lâu-tần, là bậc Như Lai Chí Chân Đẳng Chánh Giác. Ở thế giới ấy, có Phạm chí Thiện Tài Đại Thế thuộc tộc họ tôn quý rất giàu có sinh được một con, bị ma mê hoặc nên sinh cao ngạo, không muốn đi đến chỗ Đức Như Lai để tăng trưởng pháp lợi ích, thường cùng với các Sa-môn, Phạm chí, Trưởng giả tạo sự tranh chấp, mạ lỵ hủy báng, không chịu thọ pháp cũng không thấy pháp, không gặp pháp sư cũng không cung kính vâng theo lời dạy. Ngay ở đời ấy, hành trái với năm pháp, đó là: Xa lìa bậc Thế Tôn, không muốn gặp mặt, không được nghe pháp, không tạo nghiệp Bồ-tát, cũng không thưa hỏi. Khi ấy, hành giả quên mất gốc của các công đức, ý chí không kiên cố, thân lấy vật bất thiện, xa lìa tâm đạo.

Đức Phật dạy:

– Nay Bồ-tát Câu Tỏa! Ông muốn biết người con của Phạm chí Thiện Tài Đại Thế thuộc tộc họ tôn quý thời ấy chăng? Đâu phải là người nào khác, chớ nên nghĩ như vậy. Vì sao? Vì nay chính là Bồ-tát Ly Cấu Oai. Vào đời ấy ý luôn tự đại, nên liền quên mất tâm đạo đã tu tập. Lại muốn giữ gìn các thần thông, trí tuệ nơi gốc công đức của đời trước, cộng với phước đức còn lại không hề hủy báng thông tuệ, nên làm lực sĩ có uy lực lớn. Vâng lời Phật dạy không làm việc ác, nghe âm thanh Phật liền tự đi đến, tự lấy sức mình muốn so sánh với Như Lai, được nghe Thế Tôn giảng nói về diệu lực của Bồ-tát, liền từ bỏ tâm tự cao, ngã mạn. Xưa kia đã gieo trồng gốc của pháp thiện liền hiện ra trước mặt nên đạt được pháp nhẫn. Oai thần thông không thể nghĩ bàn.

Bấy giờ, Bồ-tát Câu Tỏa hỏi Bồ-tát Ly Cấu Oai:

– Nay thiện nam! Ông thực hành pháp gì mà mau được pháp nhẫn?

Bồ-tát Ly Cấu Oai đáp:

– Phát khởi pháp đối với tất cả chúng phàm phu. Lại hỏi:

– Làm thế nào để phát khởi? Đáp:

– Sự phát khởi ấy cho đến chỗ rốt ráo sau cùng hoàn toàn không thật có, cũng chẳng phải là sự phát khởi ấy, thường không có nơi chốn nương tựa, cũng không chỗ chứng đắc.

Bồ-tát Câu Tỏa lại hỏi:

– Nay thiện nam! Pháp của hàng phàm phu và pháp của Phật có gì sai biệt, có vô số sự sai khác chăng?

Đáp:

– Theo giả danh mà nói thì nhân có vô số, nhưng về nghĩa thì không khác.

Hỏi:

– Nay thiện nam! Pháp của hàng phàm phu làm thế nào để giải nghĩa?

Đáp:

– Vô thường, cũng không tướng, niệm, là nghĩa không điên đảo. Hỏi:

– Nay thiện nam! Nghĩa ấy là như thế nào? Hướng đến chốn nào?

Đáp:

– Nay Bồ-tát Câu Tỏa! Người thông đạt về ý nghĩa ấy cũng không trừ bỏ pháp phàm phu, cũng không thành tựu pháp Phật.

Hỏi:

– Thế nào là ý nghĩa của pháp? Đáp:

– Không hai là ý nghĩa của pháp, các pháp là ý nghĩa của pháp. Người không tự tạo chánh kiến có hai nhân duyên: Nghe từ người khác, hoặc suy nghĩ thực hành cho là đầy đủ.

Lại hỏi Bồ-tát Câu Tỏa:

– Như Lai không thuyết giảng, chỉ quay trở về luận bàn điều căn bản nên sự luận bàn thành quan trọng. Do nhân duyên gì mà luận bàn việc quan trọng ấy không dùng lời hoa mỹ?

Đáp:

– Giáo hóa không chỉ luận bàn về chỗ chính yếu mà còn không hủy hoại lời nói tốt đẹp của Bồ-tát nên không bị tổn hại. Nếu người luận bàn chỉ bằng lời nói tốt đẹp thì người thực hành như vậy cũng không thành tựu. Bồ-tát ấy trở lại luận bàn những pháp chính yếu để thuyết pháp thông suốt. Vị đó không thể đạt được vì không dùng nghĩa để trả lời. Tất cả các pháp đều được tự tại, vì tôn quý lớn lao, vì không gì sánh bằng. Chỗ có thể phân biệt về giới hạn, thời gian dẫn đến diệt độ rất ráo. Góc ngọn hoàn toàn vắng lặng tức là ý nghĩa của tướng, là pháp Thế Tôn đã thuyết giảng.

– Nay Bồ-tát Câu Tỏa! Nghĩa quy mạng là không chế ngự pháp, cũng không có chỗ nhớ nghĩ, cũng không người chế ngự, không bỏ, không ngăn. Không chỗ nhớ nghĩ ấy là kiên cố chính yếu, sự kiên cố chính yếu ấy mới gọi là ý nghĩa.

Bồ-tát Câu Tỏa lại hỏi:

– Nay thiện nam! Há có phương pháp để trở về nơi nghĩa chính yếu

tức là trở về nơi chỗ chính yếu của tất cả các pháp chẳng?

Đáp:

– Có. Hỏi:

– Do nhân duyên gì? Đáp:

– Các pháp không có nguồn gốc, tất cả đều không vì các pháp luôn vắng lặng. Giả sử trở về nơi nghĩa chính yếu là không, thì nghĩa chính yếu là tịch tĩnh cũng như vậy. Thế nên, này thiện nam! Quy về nơi nghĩa chính yếu tức là dẫn dắt trở về nơi tất cả các pháp.

Hỏi:

– Này thiện nam! Đức Phật không dạy là thấu rõ tất cả các pháp tức đều trở về nơi chỗ chính yếu chẳng?

Đáp:

– Này thiện nam! Đúng vậy! Vì thế nên tất cả các pháp suy xét về nghĩa căn bản là quy về chỗ chính yếu tức là nghĩa rốt ráo, các pháp môn ấy là nghĩa đệ nhất. Như nói nên câu như vậy, người hành trì như thế xem như không có pháp, cũng chẳng phải là không có pháp, cũng không sinh, cũng không diệt. Đạo của chư Hiền thánh là không có hai đường, không tạo tác, cũng chẳng phải là không tạo tác, cũng không có chỗ tạo tác. Đó là con đường tạo tác của Bồ-tát. Đạo không có chỗ tạo tác, cũng không cầu đạt nghĩa, cũng không phép tắc mê lầm.

Lúc Bồ-tát Ly Cấu Oai giảng nói như vậy, năm trăm Tỳ-kheo, tám trăm Thiên tử đều xa lìa trần cấu đạt được pháp nhãn thanh tịnh.

Bồ-tát Ly Cấu Oai hỏi Bồ-tát Câu Tỏa:

– Như Lai đã thuyết giảng về ý nghĩa cốt yếu không dùng lời hoa mỹ, người xét về nghĩa này không có hai hành, nghĩa ấy rốt ráo nên không chỗ sinh cho nên Như Lai thuyết giảng về nghĩa như thế, chỉ nhằm quy về nghĩa chính yếu, không dùng lời hoa mỹ vì cả hai vốn thanh tịnh bình đẳng, thể tánh tự nhiên không siêu việt nên Như Lai chỉ giảng nói như vậy.

Lại nữa, này thiện nam! Sở dĩ Như Lai giảng nói lời ấy vì hai việc nhằm phát sinh chánh kiến, đó là quan sát âm thanh của người khác theo đầy mà suy xét, người không học rộng nghe nhiều về giáo pháp, chỉ thuận theo Tam-muội thì rơi vào kiêu mạn giống như sự việc này. Đức Thế Tôn dạy: Lắng nghe, xét rõ về pháp luật mới là khuyến khích, trợ giúp cho sự học rộng nghe nhiều. Lắng nghe kinh pháp rồi đều phụng hành, làm thanh tịnh nẻo hành hóa đạt đến đạo Hiền Thánh.

Hỏi:

– Thế nào là Tỳ-kheo tư duy về hành hóa? Đáp:

– Hành đúng theo pháp cũng không có chỗ hành. Đó là chỗ chính yếu tư duy về sự hành hóa. Nay thiện nam! Đó gọi là sự hành trì thuận hợp. Lại nữa, nay thiện nam! Nếu Bồ-tát thực hành như thế, không phát khởi âm thanh, không phân biệt về ngã và ngã sở. Nếu có người giảng thuyết về các hành xứ, hoặc nói về sự xuất phát, hoặc nói về sự trở về tất cả đều không chỗ trụ, không chỗ thủ đắc, cũng không quá khứ, cũng không vị lai, cũng không hiện tại để tu tập các việc ấy. Đó là tư duy chính yếu về nẻo hành trì, thấy rõ tất cả các pháp tự nhiên đều quy về diệt tận, lãnh thọ tất cả các pháp, tư duy, xem xét chỗ chính yếu, thanh tịnh. Nhờ xem xét tất cả các pháp vốn thanh tịnh như nhau nên cũng thấy rõ hết thấy các pháp. Các pháp tự nhiên từ gốc thanh tịnh sinh ra, cũng do quán xét thấy tất cả các pháp cốt yếu là thanh tịnh, xưa nay không sinh, rốt ráo không khởi, hoàn toàn không diệt, nên cũng xét thấy mọi pháp từ gốc thanh tịnh mà diệt độ, không tịch nhiên cũng không có đối tượng được quán. Đó gọi là quán. Đối tượng được quán ấy là không chỗ quán, cũng không chỗ thấy. Giả sử không thấy, không có đối tượng được quán thì chỗ thấy như vậy cũng không thấy nên không gọi là có chỗ thấy.

Khi ấy, Đức Thế Tôn khen ngợi Bồ-tát Ly Cầu Oai:

– Lành thay! Lành thay! Nay thiện nam! Giáo pháp Ta đã thuyết đúng như lời ông nói. Pháp chính yếu thanh tịnh của Bồ-tát tư duy không hư vọng, pháp chính yếu thanh tịnh của Bồ-tát tư duy không ngăn che, pháp chính yếu thanh tịnh của Bồ-tát tư duy không có pháp này, cũng không có cửa giải thoát, pháp chính yếu thanh tịnh của Bồ-tát tư duy đối với người đã hành pháp cũng không có chỗ trừ diệt, cũng không có chỗ hành, cũng không đến, đi. Đó là quán bình đẳng theo chánh kiến, thấy rõ tất cả pháp đều bình đẳng, cũng chẳng không bình đẳng giống như chỗ nhận thấy?

Lại hỏi:

– Thế nào là tất cả các pháp không bình đẳng, như có chỗ thấy, như không chỗ thấy?

– Nay thiện nam! Các pháp ấy cũng không thấy, cũng chẳng phải là không thấy, xưa nay bình đẳng cũng không có chỗ sinh, nghĩa đó là như vậy. Cũng không nơi chốn sinh khởi, cũng không thật có, không vượt ra ngoài sự thấy, không đi vào chỗ vắng lặng, đó là bình đẳng. Cũng chẳng không có, cũng không thật có, cũng chẳng tự nhiên, cũng chẳng không tự

nhiên, đó gọi là bình đẳng. Nói như vậy cũng không chỗ nói, làm cũng không chỗ làm, cũng không chỗ thấy, cũng không vượt qua nên đều bình đẳng vắng lặng. Đó là quán bình đẳng nên có thể hội nhập vào pháp quán như vậy.

Hỏi:

– Vì sao gọi bình đẳng hội nhập vào vắng lặng? Đáp:

– Bình đẳng giữa ngã và ngã sở, cũng bình đẳng với chẳng phải là ngã, ngã sở, tất cả các pháp cũng không hình tướng, cũng không hủy hoại, đó là bình đẳng nhập vào chốn vắng lặng.

Bấy giờ, Bồ-tát Câu Tỏa bạch Phật:

– Bạch Thế Tôn! Hội nhập vào chốn vắng lặng chưa từng có này là do tướng vốn thanh tịnh tịch tĩnh. Bồ-tát đều nhận biết các pháp là như vậy. Nếu lại có người nghe, có thể tin hiểu, theo chỗ hành hóa cũng không ở nơi ấy mà được diệt độ?

Đức Phật bảo:

– Do Bồ-tát dùng phương tiện thiện xảo làm chỗ ưa thích, dùng phương tiện thiện xảo để tu tập đầy đủ các hạnh, phát khởi tất cả tâm, quay về với bốn pháp. Đó là: Hành đại từ, hành đại bi, hành các thông tuệ, không bỏ giáo pháp của Phật. Nếu có thể phụng hành nêu giảng rõ về pháp này thì hội nhập vào nẻo tịch diệt là chỗ hướng tới của các tướng. Tất cả gốc thanh tịnh đều là diệt độ, nên nẻo hành của các pháp đều đạt đến chỗ tịch diệt. Khi nghe lời này rồi thì liền tin ưa, có thể hành hóa cũng không ở giữa chừng mà chọn lấy diệt độ. Vì thế, phân biệt về nguồn gốc của các pháp, là tịch diệt, cũng không vắng lặng, cũng không đọa lạc. Vì sao? Vì không muốn xả bỏ tất cả chúng sinh.

Bồ-tát Ly Cấu Oai bạch Phật:

– Thế nào là Bồ-tát hành hóa thuần thực? Như Phật đã giảng nói là không rơi vào tịch diệt.

Đức Phật dạy:

– Nếu Bồ-tát không có các kiến chấp cũng không tưởng niệm, đó là thuần thực. Đối với hàng Thanh văn và tất cả chúng sinh không tu tập pháp bình đẳng, xa lìa giáo pháp của Phật, cũng không khuyến khích họ ưa thích hạnh Đại thừa, nghi ngờ về các thông tuệ, xa lìa pháp vô nguyên, cũng không diệt độ, mà ở nơi cảnh giới tịch tĩnh có thể chứng biết được tâm Bồ-tát thì chí cũng ở nơi hàng Thanh văn, Duyên giác mà hội nhập vào diệt độ.

Này thiện nam! Bồ-tát nào có thể nhập vào tướng tịch diệt, đều có thể phân biệt các pháp, phát tâm nương theo Phật, Pháp, Tăng, tu tập pháp Đại thừa, là chỗ sinh ra các thông tuệ, thương yêu tất cả chúng sinh, phát thệ nguyện rộng lớn làm lợi ích cho mọi loài chưa từng quên mất. Vì sao? Này thiện nam! Nên quán như vậy. Đối với Bồ-tát hành hóa thuần thực đều có thể đi vào chỗ tịch diệt.

Bồ-tát Ly Cấu Oai bạch Phật:

– Bạch Thế Tôn! Thật là việc chưa từng! Chỗ hành hóa của Bồ-tát là rất đặc biệt, chẳng phải hàng Thanh văn, Duyên giác có thể sánh kịp.

Bồ-tát Câu Tỏa bạch Phật:

– Bạch Thế Tôn! Hôm nay Bồ-tát Phổ Thủ (Văn-thù) ở trong chúng hội chỉ an tọa im lặng, cũng không giảng thuyết về pháp Tam-muội này. Bạch Thế Tôn! Làm sao biết được tâm niệm của Bồ-tát Văn-thù-sur-lợi là đã dùng tâm quan sát thanh tịnh?

Bồ-tát Văn-thù-sur-lợi đáp:

– Con đường hành trì của Bồ-tát không vì công đức tu tập Phật đạo, không vì lợi dưỡng, không vì sinh thiên, không vì của cải, không vì danh tiếng mà tán thán, tuyên dương các việc phước đức ấy, không vì áo cơm, giường nằm, thuốc men, sinh hoạt, không vì việc ban thưởng của nhà vua, đại thần.

Bồ-tát Câu Tỏa hỏi:

– Vì sao Bồ-tát hành đạo? Bồ-tát Văn-thù đáp:

– Vì thương xót chúng sinh, nên dùng giáo pháp để giáo hóa; vì chí cầu pháp Đại Thừa nên trừ bỏ hư vọng, khổ não; vì sinh tịch diệt nên nhẫn chịu nhiều khổ nhọc, nhằm tạo mọi an ổn cho chúng sinh như điều đã nguyện; vì không có hồ nghi, không có mong cầu nên không vương mắc, cũng không nương tựa, cũng không thọ nhận, không ở một mình, cũng không rớt ráo, không hoàn hảo, cũng không ngã, ngã sở, không có nhớ nghĩ, cũng không thoái lui, không trở lại. Nếu các pháp không có lay chuyển cũng không rung động động, không có qua lại, không có nguy hại, không có hoan hỷ, cũng không ưu sầu, dừng mãnh, không thể thù thắng, không thể chế ngự, không thể vượt qua, cũng không hao tổn, không kính phục cũng không sợ hãi, không chọn lựa cũng không tàn hại, không có tự đại, tâm ý cũng không ở chỗ vắng lặng thường trụ vô niệm, đồng nghĩa nhất thừa, nhất giáo cũng như thường hành bình đẳng, đều nhằm để cứu độ chúng sinh.

Này thiện nam! Nẻo hành hóa của Bồ-tát như vậy nên tạo lập các hạnh.

Bồ-tát Câu Tỏa hỏi:

– Vì sao Bồ-tát thực hành bố thí? Bồ-tát Văn-thù đáp:

– Này thiện nam! Đối với sự cùng tận, Bồ-tát không thực hành, cũng không khởi, cũng chẳng phải là không khởi, rốt ráo đến chỗ cùng tận, không nhớ nghĩ các pháp, xưa nay không sinh cũng không chỗ sinh, cũng không thông tỏ tạo tác. Bồ-tát thực hành như vậy mới tương ưng với đạo.

Lại nữa, này Bồ-tát Câu Tỏa! Bồ-tát không thực hành cùng tận về ý quá khứ. Đối với tâm vị lai cũng không sinh khởi. Đối với tâm hiện tại cũng không chỗ trụ, cũng không chỗ hành, cũng không vướng mắc nơi tâm quá khứ, hiện tại, vị lai. Bồ-tát tu hành như vậy mới tương ưng với đạo.

Lại nữa, này Bồ-tát Câu Tỏa! Tâm bố thí chúng sinh và cúng dường Như Lai không có hai. Trì giới, nhẫn nhục, tinh tấn, thiền định, trí tuệ, đạo mà chúng sinh đạt đến thành Phật tức cũng không có hai. Nếu Bồ-tát thường tuân theo sáu pháp Ba-la-mật mà thực hành thì việc thực hành ấy hoàn toàn không có ưu sàu. Tu hành như thế tức là Bồ-tát thực hành tương ưng với đạo.



KINH ĐĂNG TẬP CHÚNG ĐỨC TAM MUỘI

QUYỂN HẠ

Lại nữa, này Bồ-tát Câu Tỏa! Bồ-tát không thực hành về sắc, không. Sắc tự nó là không. Cũng không thọ, tưởng, hành, thức. Thọ, tưởng, hành, thức tự nhiên là không; cũng không dạy người hành sắc là không. Sắc tức không, xưa nay cùng tận tức là tự nhiên. Thọ, tưởng, hành, thức cũng là không, hoặc sẽ cùng tận, hoặc xưa nay không cùng tận, nên gọi là thức không, cũng là tự nhiên. Nếu đã cùng tận thì tất cả các pháp cũng sẽ cùng tận. Nếu các pháp cùng tận thì sắc cũng sẽ cùng tận. Thọ, tưởng, hành, thức cũng sẽ cùng tận. Nếu tất cả các sắc cùng tận thì tất cả các pháp cũng sẽ cùng tận. Nếu tất cả các pháp cùng tận thì thức cũng sẽ cùng tận. Bồ-tát nào tu hành như vậy là thực hành tương ưng với đạo.

Lại nữa, này Bồ-tát Câu Tỏa! Bồ-tát đã thực hành, không đoạn trừ các pháp phàm phu, cho đến pháp Phật cũng không siêng năng hành trì để vượt qua sinh tử. Đối với diệt độ cũng không đầy đủ, cũng không thấy pháp bất thiện sinh, cũng không quan sát pháp thiện từ đâu sinh ra. Vì không dùng tuệ nên cũng không thấy thức. Vì đối với tuệ không dùng thức mà thấy, cũng không hủy hoại các pháp giới, có sự tin, ưa đạt đến giải thoát. Nếu Bồ-tát tu tập như vậy là thực hành tương ưng với đạo.

Lại nữa, này thiện nam! Nếu Bồ-tát thực hành đối với vô lượng pháp giới, vô lượng nhân giới mà đều tin hiểu pháp giới không ngăn ngại, tuệ giới, nhân giới đều vô tận. Thực hành về pháp giới và nhân giới đều không có hai. Không do pháp giới mà có tổn hại, cũng không cùng tận, tướng cũng như vậy, nhân giới cũng như vậy. Nhân giới có tướng, pháp giới không tướng. Tướng nhân giới như vậy tức không có tướng, tướng ấy là không tướng, thấy tất cả các pháp đều không tướng. Nhân giới không cùng tận nên không có tăng trưởng. Do không tướng niệm mà các pháp sinh ra, tướng điên đảo, hư dối, huyễn hóa đều ở trong đó. Bồ-tát thực hành như vậy không trừ dục, không mến mộ sinh cũng không vì danh tiếng, cũng

không tính toán, cũng không hủy hoại, cũng không diệt trừ ngã, nhân, thọ mạng. Bồ-tát nào tu hành như vậy là đã thực hành tương ưng với đạo.

Khi thuyết giảng về sự hành hóa của Bồ-tát, có trăm ngàn vị Thiên tử đạt được pháp nhãn.

Lúc này, Bồ-tát Ly Câu Oai liền dùng kệ tán thán khiến cho tất cả chúng hội đều đạt được sự mong muốn và thành tựu lợi ích, giống như Đức Phật Thế Tôn đều khiến cho chúng sinh tin hiểu nơi Tam-muội ấy.

Bấy giờ, Ma vương Ba-tuần nói với Bồ-tát Văn-thù:

– Tôi có thể tán thán đạo Bồ-tát như hạnh Bồ-tát chăng? Bồ-tát Văn-thù đáp:

– Có thể. Ma nói:

– Hạnh của mọi người là hạnh của Bồ-tát. Hạnh của Thanh văn, Duyên giác là hạnh của Bồ-tát. Hạnh tu tập của tất cả mọi nhà là hạnh Bồ-tát. Hạnh của tất cả ma là hạnh của Bồ-tát. Vì sao? Vì Bồ-tát đều ở trong đó, tất cả đều học như Bồ-tát học.

Bồ-tát Câu Tỏa đi đến chỗ ma hỏi:

– Vì sao Bồ-tát đều học tất cả? Ma đáp:

– Nơi tám vạn bốn ngàn hạnh của chúng sinh thì: hai vạn một ngàn thuộc hạnh tham dục, hai vạn một ngàn thuộc hạnh sân giận, hai vạn một ngàn thuộc hạnh ngu si, hai vạn một ngàn thuộc hạnh phân biệt. Các hạnh này đều hội nhập khắp nơi hạnh Bồ-tát. Thế nên, hành hạnh tham dục để lìa dục. Hành hạnh sân giận để lìa sân. Hành hạnh ngu si để lìa si. Hành hạnh phân biệt để lìa phân biệt, không còn vướng mắc. Nay thiện nam! Nếu Bồ-tát thực hành tất cả hạnh của chúng sinh thì có thể xem xét hạnh của chúng sinh để giáo hóa họ. Bồ-tát nào tu tập như vậy là đã thực hành tương ưng với đạo.

Hỏi:

– Thế nào gọi là hạnh của tất cả ma là hạnh Bồ-tát?

Đáp:

– Bồ-tát đều nên hội nhập vào tâm của ma để thực hành, không sinh khởi làm cho sinh khởi, giáo hóa không tùy theo việc của ma, học nơi hạnh ma rồi giáo hóa chúng sinh, đã quan sát hạnh ấy nhưng không tu tập theo hạnh đó, chỉ ở trong chúng ma để thị hiện, không làm theo việc của ma. Lại nên tu tập, hiểu rõ về việc của ma để giáo hóa, tuy ở trong chúng ma mà không làm việc theo ma.

Hỏi:

– Sao gọi hạnh tất cả Thanh văn, Duyên giác là hạnh Bồ-tát? Đáp:

– Nay thiện nam! Giả như Bồ-tát vì hàng Thanh văn, Duyên giác giảng thuyết kinh pháp đầy đủ sở nguyện, đối với hành ấy nên tôn kính, tăng thêm tinh tấn, siêng cầu trí tuệ, không cầu thừa khác mà được giải thoát. Nay thiện nam! Tất cả các hạnh đều tự nhiên vắng lặng. Người thực hành hạnh Bồ-tát nên tin ưa, thực hành hạnh ấy rồi, đối với tất cả các hạnh đều như thế mà quán xét kỹ. Tất cả các hạnh đều không chỗ trụ, tất cả các hạnh đều là hạnh vô vi, cũng không tụ hội, cũng không sinh khởi, không chỗ trụ, Bồ-tát nên tôn sùng hạnh ấy.

Ma Ba-tuần hỏi Bồ-tát Văn-thù:

– Ông có thể thương xót mọi người giảng nói lại hạnh này chăng?
Bồ-tát Văn-thù đáp:

– Đầy đủ biện tài để đảm nhiệm đều có thể độ thoát tất cả. Hết thảy cảnh giới là hạnh của Bồ-tát. Vì sao? Hạnh ấy không cùng với nhãn giới kết hợp, không cùng với sắc giới kết hợp, không cùng với nhĩ, tỷ, thiệt, thân, ý giới và thanh, hương, vị, xúc, pháp giới để kết hợp. Thế nên, ma nên quan sát như vậy. Nếu có thể độ thoát các cảnh giới thì hiệu là Chánh sĩ. Lại nữa, Thiên tử! Bồ-tát có khả năng thực hành như vậy là không hư dối đối với chư Phật Thế Tôn. Bồ-tát hành như vậy là ứng hợp với đạo.

Hỏi:

– Thưa Bồ-tát Văn-thù! Vì sao gọi Bồ-tát hành như vậy là không hư dối đối với chư Phật Thế Tôn và các pháp?

Bồ-tát Văn-thù đáp:

– Như Lai đã thuyết giảng kỹ về các pháp không, tất cả đều không thể đạt tới quả vị Tối Chánh Giác. Nếu Bồ-tát nương dựa vào thân kiến và pháp của chư Phật để cho là thấy Niết-bàn thì là hư dối với chư Như Lai. Nay Thiên tử! Ông nên biết sự hành hóa của Như Lai là ở nơi hết thảy pháp không có tướng niệm, vương mắc, mới đạt đến chánh giác. Nếu Bồ-tát đối với tất cả pháp có tướng niệm, mong cầu cùng với vọng tưởng buông lung tức là hư dối với Như Lai. Nay Thiên tử! Như Lai đã quán xét rõ ràng về các pháp không có chỗ phát xuất, cũng không chốn sinh, cũng không chỗ khởi, cũng không có, cũng không nương tựa, cũng không có tướng đến, không chốn đến, không chỗ trụ, bản tánh thanh tịnh, sáng tỏ tịch diệt giống như hư không, không có hình tướng, hiểu hết thảy các pháp đều như vậy mới đạt đến chánh giác. Nếu Bồ-tát xem các pháp có

qua có lại, có vào có ra, có sinh khởi, bỗng nhiên hiển hiện, hiện ra để có là nương nơi tướng. Nếu có qua lại hoặc có chỗ đứng đều không thanh tịnh, hoặc có phiền não luôn trói buộc, được chỗ hiện có của sắc là phóng dật, có suy nghĩ là khinh dối Như Lai. Nay Thiên tử! Nếu Bồ-tát lãnh hội về không, thấu tỏ tất cả pháp thì đối với mọi nhận thức không còn suy niệm, bình đẳng nơi các hành, hiểu rõ hết thấy pháp, trừ diệt mọi tướng chấp, bình đẳng, vô nguyên, phân biệt các pháp, vượt qua ba cõi, bình đẳng như hư không. Do hiểu rõ tất cả pháp nên không vướng mắc vào chốn thanh tịnh. Bồ-tát tu hành như vậy là không hư dối đối với chư Phật Thế Tôn.

Lúc ấy, Đức Phật khen ngợi Bồ-tát Văn-thù:

– Lành thay! Lành thay! Nay Bồ-tát Văn-thù! Hạnh ấy là hạnh Bồ-tát. Nếu Bồ-tát thực hành như vậy thì mau chóng được thọ ký thành Phật.

Đức Phật dạy:

– Nay Bồ-tát Văn-thù! Ta nhớ xưa kia vào thời Đức Phật Định Quang, Ta đã khuyến khích, giúp đỡ người thực hành pháp thanh tịnh. Nẻo hành hóa là không hành, cũng không tịch diệt mà được thọ ký. Vì sao? Vì ở nơi tất cả các hành đều có ánh sáng hiển hiện. Vừa thấy ánh sáng ấy, không biết là hành tướng gì? Lúc đó, từ màu sắc của ánh sáng mà độc cầu nghĩa lợi thích hợp, hiểu rõ về bản tánh thanh tịnh nơi các pháp, hết thấy mọi pháp đều không chốn phát khởi. Sau đây được Đức Như Lai Định Quang nhận biết và thọ ký: Ông ở đời sau sẽ được thành

Phật hiệu là Như Lai Năng Nhân gồm đủ mười tôn hiệu: Như Lai, Chí Chân, Đẳng Chánh Giác, Minh Hạnh Túc, Thiện Thệ, Thế Gian Giải, Vô Thượng Sĩ, Điều Ngự Trượng Phu, Thiên Nhân Sư, Phật Thế Tôn. Ta ở ngay thế giới ấy đạt được pháp nhãn Bát khởi. Thế nên, nay Bồ-tát Văn-thù! Bồ-tát nào muốn mau đạt được pháp nhãn Bát khởi thì nên tu tập hạnh này, cứu độ chúng sinh, tâm không vướng mắc, không vì lợi dưỡng, tinh tấn thực hành pháp này, không có nơi chốn giải thoát, diệt độ, không có chỗ hóa độ mới có thể giải thoát.

Bồ-tát Văn-thù bạch Phật:

– Bạch Thế Tôn! Lúc ấy do đâu mà đạt được pháp nhãn? Đức Phật dạy:

– Không vướng mắc nơi sắc mới đạt được pháp nhãn. Thọ, tưởng, hành, thức cũng không vướng mắc mới đạt được pháp nhãn. Không vướng mắc nơi các âm, nhập mới đạt được pháp nhãn. Không chấp trước nơi thường, tịnh, an ổn cùng với ngã, ngã sở mới đạt được pháp nhãn. Lại nữa,

hoàn toàn thấy không vướng mắc nơi các pháp mới đạt được pháp nhãn.

Đức Phật dạy:

– Nay Bồ-tát Văn-thù! Các pháp đều diệt tận nên không chỗ thủ đắc. Nay Văn-thù! Các pháp không thủ đắc cũng không có chỗ thủ đắc, tùy theo sự tu tập thực hành nên gọi là thủ đắc, chẳng phải pháp phàm phu, chẳng phải pháp của bậc hữu học, chẳng phải pháp của bậc vô học, chẳng phải pháp Duyên giác, chẳng phải pháp Bồ-tát, cũng chẳng phải pháp Phật mà có thể thực hành. Đối với tất cả pháp đều không có chỗ thực hành nên gọi là đạt được pháp nhãn vô tận. Tất cả các pháp cũng không thể thủ đắc nên gọi là đạt được pháp nhãn vô tận. Nếu như pháp nhãn là không, không thật có thì đối với tất cả các tướng, tất cả các hành đều không có chỗ lo sợ nên gọi là đạt được pháp nhãn vô tận. Pháp ấy không có nhãn cũng không nhãn thức, không có nhĩ cũng không nhĩ thức, không có tỷ cũng không tỷ thức, không có thiệt cũng không thiệt thức, không có thân cũng không thân thức, không có ý cũng không ý thức. Các giới vô tận tức là pháp nhãn, giới vô vi tức là pháp nhãn, không có ý giới tức là pháp nhãn, đều rốt ráo tất cả mới đạt được pháp nhãn.

Lúc thuyết giảng về pháp nhãn vô tận này, có năm trăm Bồ-tát đạt được pháp nhãn Bất khởi, đồng thanh bạch Phật:

– Bạch Thế Tôn! Chúng con muốn đầy đủ Tam-muội “Đẳng tập chúng đức”, cũng tu tập đầy đủ tất cả các pháp, đạt đến chỗ không còn sinh khởi. Các pháp sâu xa vi diệu này, Bồ-tát nên tu học và phụng hành. Nếu có người được nghe thì nên hoan hỷ tin thọ, đọc tụng, như pháp mà thực hành.

Khi ấy, Bồ-tát Câu Tỏa hỏi Bồ-tát Văn-thù:

– Như lời Bồ-tát nói, việc làm đã xong, đã được thành tựu. Bồ-tát nên dùng pháp gì để thành tựu các việc?

Bồ-tát Văn-thù đáp:

– Nay thiện nam! Nếu Bồ-tát biết tất cả pháp không chỗ tạo tác thì việc làm của Bồ-tát ấy đã thành tựu hoàn hảo. Tất cả các pháp đều không thật có, cũng không chỗ thực hành. Người hiểu rõ các pháp như vậy là việc làm đã xong, thành tựu rốt ráo. Tất cả các pháp cũng không có trí cũng không có hai. Người hiểu như vậy là việc làm đã xong, thành tựu rốt ráo. Tất cả các pháp cũng không lìa sự tạo tác, cũng chẳng phải là không tạo tác, cũng là tạo tác. Người hiểu như vậy là việc làm đã xong, thành tựu rốt ráo. Nếu có người tuyên dương về các pháp, là việc làm đã xong, thành tựu

rốt ráo. Nếu được báo ân thì việc làm đã xong, thành tựu rốt ráo. Gặp chỗ không xét kỹ thì tăng thêm sự xét kỹ, đó là việc làm đã xong, tăng thêm sự rốt ráo. Người đáng được cúng dường thì làm việc cúng dường, khiêm nhường làm lễ, là việc làm đã xong, thành tựu rốt ráo. Người biết xét kỹ hoặc không xét kỹ, hoặc có thể biện luận, xa lìa không biện luận, là việc làm đã xong, thành tựu rốt ráo. Nếu người xem thường mà vẫn khiêm tốn làm lễ là việc làm đã xong, thành tựu rốt ráo. Có sự tạo tác không có sự tạo tác và thực hành pháp tạo tác, có sự tiếp xúc không lỗi lầm là việc làm đã xong, thành tựu rốt ráo. Nếu người bố thí giúp người vào đạo, là việc làm đã xong, thành tựu rốt ráo. Cũng không bố thí cũng không đắc đạo, cũng không có ta, cũng không có người, cũng không có người khác, là việc làm đã xong, thành tựu rốt ráo. Cũng không trì giới, nhẫn nhục, tinh tấn, thiền định, trí tuệ; cũng không khuyên người khác hướng đến đạo là việc làm đã xong, thành tựu rốt ráo. Hoặc có bố thí, trì giới, nhẫn nhục, tinh tấn, thiền định, trí tuệ, khuyên người vào đạo, đó là việc làm đã xong, thành tựu rốt ráo. Chẳng phải trí, chẳng phải ngu, không ta không người cũng không chỗ thủ đắc, là việc làm đã xong, thành tựu rốt ráo. Thân, miệng, ý nghiệp vâng làm các việc thiện, phân biệt việc này; nếu thân, miệng, ý không làm các việc thiện, cũng không chỗ nắm bắt, cũng không chỗ vướng mắc, đó gọi là việc làm đã xong, thành tựu rốt ráo.

Bấy giờ, Bồ-tát Thường Kiên Tinh Tấn hỏi Bồ-tát Văn-thù:

– Tôi có thể nêu bày về việc làm đã xong, thành tựu rốt ráo không?

Bồ-tát Văn-thù đáp:

– Có thể.

Bồ-tát Thường Kiên Tinh Tấn thưa:

– Nếu khuyến khích một người nghe đạo là việc làm đã xong thì pháp tạng của Bồ-tát liền được tự tại. Nếu khiến được nghe về Phật, Pháp, Tăng thì nên xem xét việc làm đã xong. Nếu hóa độ một người lãnh thọ giới cấm, khiến quy y Phật, Pháp, Tăng, chỉ luôn ở nơi Tam bảo, là việc làm đã xong, cúng dường đầy đủ giới tạng của Bồ-tát. Hoặc có chỗ qua lại, hoặc có người bố thí, hoặc có người thọ nhận khuyến khích hướng đến đạo, hai việc ấy, là Bồ-tát làm thanh tịnh pháp Phật. Hoặc có người bố thí, có người thọ nhận thực hành hai pháp ấy rồi khuyến hóa người thực hành hai pháp đó là Bồ-tát làm thanh tịnh Phật pháp. Nếu Bồ-tát nhớ nghĩ về Phật, hoặc nhớ nghĩ về Pháp, hoặc nhớ nghĩ về Tăng, Bồ-tát, chúng sinh, là việc làm đã xong, thọ nhận sự cúng dường giới tạng của Bồ-tát. Nếu Bồ-tát tu hành tâm từ,

bi, hỷ, xả mà gặp một người thấp kém, bần cùng, trộm cắp, chém giết, chửi mắng có thể nhẫn nhịn, không sân giận, tiếp tục thực hành tâm từ, ý hoan hỷ đối với người, muốn làm lợi ích càng thêm tinh tấn là việc làm đã xong. Hoặc đạt được trăm lợi ích, hoặc ngàn lợi ích, hoặc trăm ngàn lợi ích, ức trăm ngàn lợi ích, hoặc dùng ngọc ngà châu báu đầy khắp cõi Diêm-phù-đề đạt được lợi ích này chưa từng đem của báu mà nói hai lời, lại bàn luận, chất vấn về sự hiểu biết của người khác, thà mất thân mạng chứ không nương theo việc ấy mà nói lời ác, không quên mất chánh pháp, không nương theo phi pháp. Bồ-tát quán như vậy thì việc làm đã xong, thành tựu rốt ráo.

Lại nữa, này Bồ-tát Văn-thù! Nếu trong bảy ngày Bồ-tát không được sự cúng dường, không được thức ăn, nếu lại có người cúng dường thức ăn thì người ấy gần kề với các thông tuệ, tâm không hư vọng, lại muốn độ thoát tất cả chúng sinh, luôn nhớ nghĩ việc cứu độ chúng sinh, Bồ-tát quán như vậy là việc làm đã xong, thành tựu rốt ráo. Giả sử khắp thế gian, nước tràn khắp mặt đất, nên vượt qua cõi này để cầu mong được giải thoát. Hoặc lửa tràn khắp, cũng nên vượt qua, cầu nghe chánh pháp, cũng không tiếc thân, cũng không tham mạng, cũng không yêu mến tuổi thọ, quán xét về các âm nhập luôn di chuyển, chư Phật Thế Tôn khó được gặp, kinh pháp khó được nghe, cung kính đối với pháp cũng khó gặp. Nếu Bồ-tát quán như vậy là thành tựu rốt ráo. Lại nữa, Bồ-tát nào nghe bốn câu kệ tụng, hoan hỷ vui mừng không mong cầu phước đức làm Chuyển luân vương, thà dùng bốn câu kệ khiến người được nghe vui vẻ, không thích quả vị Đề thích, thà giáo hóa loài cầm thú, long thần, không muốn sinh Phạm thiên, ưa thích các thông tuệ, không tham vương bảy báu trong ba ngàn đại thiên thế giới, chí hoan hỷ, phát nguyện gieo trồng công đức, không mong cầu lợi dưỡng của chúng sinh cúng dường. Bồ-tát tu tập như vậy nên quán về sự thành tựu rốt ráo của các pháp.

Bồ-tát Thường Kiên Tinh Tấn nói với Bồ-tát Văn-thù:

– Có Bồ-tát luôn kiên tâm tinh tấn mong cầu học rộng nghe nhiều, nên suy nghĩ thế này: Giả sử có người cắt thân thể mình ra từng mảnh, phải phát tâm hoan hỷ cố gắng chịu đựng, ấy là đạt đến pháp thế tục, phải nhất tâm tu hành nhớ nghĩ Phật đạo, thà mất thân mạng, không phạm giới, không bỏ Đại thừa, không vì tâm ngu, không sinh tâm tà, cho đến nhẫn nhục, miệng không nói lời thô ác, đều có thể làm được, không biếng trễ, tu hành tinh tấn, làm trang nghiêm cõi Phật, cứu độ chúng sinh, không dùng phi

pháp, mong cầu các pháp Ba-la-mật, không thân bạn ác, không cầu chúng sinh, trụ vững nơi trí tuệ, không đoạn pháp Phật, chí tánh kiên cường, tất cả việc làm đều thành tựu, ý chí nhân từ, trừ bỏ dua nịnh, không còn tham luyến, không tiếc thân mạng, hiểu rõ phương tiện, không bao lâu sẽ phụng hành giới thanh tịnh. Đối với người hỏi, nói lời nhu hòa, không dùng lời hoa mỹ. Ví như mặt đất, xa lìa sự mong cầu, không chỗ mong cầu, không chỗ nương tựa để hành động, tâm tánh thuần thiện, trả lời an ổn, thuyết giảng vui vẻ, cung kính nhận lời can gián, trừ bỏ cao ngạo, thường khiêm tốn, lời nói chí thành không có giận dữ, lời nói như thật không có quanh co, nói làm như nhau, tâm luôn bình đẳng, thường có tâm từ, thương yêu chúng sinh, bằng tâm đại bi hướng đến muôn loài, không có lỗi lầm đối với chúng sinh, tạo lập tất cả gốc công đức mà luôn vui vẻ. Tất cả vật sở hữu đem bố thí mà không luyến tiếc, thường dùng tâm hy cứu độ chúng sinh tham dục, có được sản nghiệp thì hành bố thí, xả bỏ tất cả các vật ưa thích, không có ngã sở, không dựa vào vật sở hữu, hoàn toàn không tự tại, trừ bỏ ba cầu, chỉ mong cầu giải thoát, xa lìa tướng niệm, những điều suy nghĩ không rơi vào ác kiến, không có sáu mươi hai kiến chấp, thường thực hành theo pháp, học rộng nghe nhiều, đầy đủ bảy báu, tâm thường dũng mãnh, đã nghe hiểu rõ, chưa từng chán nản, thường học trí tuệ có chỗ kiên lập, ở trong dũng mãnh chế phục phiền não, xa lìa dục nhiễm, trị lành bệnh tất cả chúng sinh, thường gần gũi Thế Tôn, thành tựu phước đức và các thông tuệ, khiến cho chúng sinh đều mang ân hạnh như hoa sen ở trong thế gian không bị đắm nhiễm, giống như thuyền sư độ thoát muôn người đang mắc bốn thứ bệnh, chí như vua người, trong dân gian không được khinh mạn. Như sông ngòi ao hồ, kinh điển đã giảng cũng không cùng tận, hành như biển cả, trí tuệ bao trùm không ranh giới, phước đức đã tích tập nhiều vô lượng, tánh như núi Tu-di, hiện ở thế gian cao lớn vô cùng, thường ưa tinh tấn, chí tánh kiên cường tâm không khiếm nhược, tâm như điểm then chốt, chí nguyện kiên cố, ý như lông chim hạc, điều hòa tâm tánh, tâm thường tôn trọng, cứu độ chúng sinh, tu tập đạt được tự tại, giữ gìn tâm tánh ý chí mẫu mực, tự tại như trời Đế Thích, được chúng sinh tôn trọng như Phạm thiên, hiểu rõ quyền biến, hành động thanh tịnh, đối với tất cả pháp luôn được tự tại, thường thực hành từ bi để đạt đến diệt độ, hành như người chết nếu có xúc phạm, tạo tác không tạo tác, đều có thể nhẫn chịu, tâm như người cha nghiêm khắc, gánh vác trọng trách, chí như bè bạn tạo các công đức không bị lệ thuộc, ý không nương tựa nơi các cảnh giới, hành không tổn hại tu tập tâm từ, được sinh ra ở chỗ an lành làm việc bố thí, đó là pháp

thí, đoạn trừ tất cả các pháp bất thiện, vâng lãnh tất cả các pháp thiện, không buông lung, trừ diệt sự kiêu mạn, tinh tấn học giới, thực hành kiên cố, tu hạnh Bồ-tát không buông lung mới có thể đạt được đạo quả Chánh chân vô thượng thành Tối Chánh Giác.

Lúc ấy, Đức Thế Tôn khen ngợi Bồ-tát Thường Kiên Tinh Tấn:

– Lành thay! Lành thay! Này thiện nam! Ông đã thuyết giảng về hạnh Bồ-tát mới đạt được phước đức như vậy. Nếu có Bồ-tát muốn đạt được Tam-muội “Đẳng tập chúng đức” thì nên hiểu rõ tất cả các công đức, xa lìa các tội lỗi.

Bấy giờ, Bồ-tát Câu Tỏa bạch Phật:

– Nếu có Bồ-tát đạt được Tam-muội “Đẳng tập chúng đức” này thì công đức ấy như thế nào?

Đức Phật dạy:

– Bồ-tát Đại sĩ đạt được Tam-muội “Đẳng tập chúng đức” này thì có thể xa lìa cõi ác, không có tám nạn, dứt hẳn sự bần cùng, được cúng dường đầy đủ, tự nhiên an lạc, các căn trọn vẹn, liền có thể thành tựu ba mươi hai tướng tốt của bậc Đại sĩ. Đối với giáo pháp không cùng tận đều đạt được biện tài. Đạt được tổng trì, thường không quên mất, tự tại đối với tất cả phước đức, thành Chuyển luân vương không gì ngăn ngại, được các chúng sinh phụng sự, được Đế thích tán thán, được Phạm thiên cúi đầu làm lễ, thành tựu thần thông, thấu suốt tất cả, phát sinh bản nguyện, tự tại, thực hành theo phương tiện thiện xảo, đạt đến trí tuệ, không lệ thuộc vào thiên định, siêng tu tập trí tuệ, lìa tất cả các kiến chấp, được tôn trọng bậc nhất, Thanh văn, Duyên giác không thể sánh bằng, xa lìa sự lo sợ và trí tuệ phân biệt của Thanh văn, Duyên giác. Các căn lanh lợi, hiểu rõ tất cả chúng sinh xưa nay thường có kiến chấp, chỉ ở thiên định giải thoát, trụ không chỗ trụ, thường hành bồ thí, kiến lập giới luật, hộ trì thanh tịnh ba nghiệp, phân biệt nhần nhục hoàn toàn không có hình tướng, xa lìa vọng tưởng đối trá, tinh tấn giảng thuyết không biếng nhác, hiểu rõ thiên định thường đạt đến tịch diệt, tuyên dương trí tuệ, mắt thường nhìn thấy để phân biệt, mắt không đắm chấp mà thường dứt bỏ, trừ bỏ sáu trần, thường gặp chư Phật, ưa thích nghe pháp, phụng sự Thánh chúng, siêng năng tu hành, không lìa Không, Vô tướng, Vô nguyện, đã nghe kinh điển thì tán thán tất cả công đức nơi chư Phật, vâng lời Phật dạy, hoàn toàn vì chúng sinh nên giải thoát rõ ràng. Ở cõi trời Đâu-suất chưa từng xa lìa pháp Bất thoái chuyển. Hoặc muốn du hành nơi tất cả cõi Phật đều không bị ngăn ngại, đều thấy chư Phật thu phục

ma oán, không có bốn ma, thấy rõ pháp nhãn, ở pháp Bất thoái chuyển trụ nơi đạo nghiệp thông suốt thần thông, thông suốt các pháp, tịch nhiên vắng lặng, thực hành đầy đủ pháp Phật, hướng đến Bất thoái chuyển, trừ diệt tất cả sự vướng mắc trở ngại. Thấy sắc của Ta và người ấy cũng như huyễn hóa, quan sát thấy tất cả thân không thể làm chủ, giảng cho ngoại đạo biết được chánh pháp và kinh điển chư Phật, không tiếc thân mạng thực hành tinh tấn, được thành chánh giác, hiện cảnh giới Phật thường không đoạn tuyệt, tuy đã Niết-bàn mà không diệt độ, được vô sở úy tự tại trong chúng hội, không có sợ hãi, thông minh sáng suốt, tạo các việc thiện, trừ bỏ tất cả kiêu ngạo tự đại, tu tập Tam-muội đại trang nghiêm như huyễn có sự cảm ứng. Nếu phóng ánh sáng thì che khuất mặt trời, mặt trăng và các vì sao, được lực kiên cố, thân dứt xiềng xích, hành như kim cang, vượt qua các nẻo ác, hướng đến đạo tràng thanh tịnh, đạo khắp vô lượng cõi Phật, lắng nghe chánh pháp, nuôi dưỡng thân, khẩu, ý thanh tịnh, thu phục chúng ma, thần thông biến hóa độ vô số chúng sinh làm chấn động tất cả cõi Phật, được trí tuệ thông tỏ phân biệt các pháp, biết được chỗ hướng đến, đầy đủ biện tài, trí tuệ không ngăn ngại, vì các chúng sinh mà tu hành tinh tấn, làm hưng thịnh pháp Phật, không buông lung. Đối với các thông tuệ hiển bày cảnh giới Phật. Này Câu Tỏa! Nếu có Bồ-tát đạt được Tam-muội “Đăng tập chúng đức” này thì Bồ-tát ấy là nhân duyên tạo điềm lành của Thế

Tôn, danh tiếng phước đức cao vời như vậy.

Bồ-tát Câu Tỏa bạch Phật:

– Bạch Thế Tôn! Xin Thế Tôn ban cho tất cả chúng sinh đều được Tam-muội “Đăng tập chúng đức” này. Vì sao? Bạch Thế Tôn! Nếu có người đạt được Tam-muội ấy, thì danh tiếng công đức rõ ràng như vậy, Thanh văn, Duyên giác không thể sánh bằng. Nếu có người nghe Tam-muội này mà không tin theo thì nên biết người ấy bị ma nhiễu loạn.

Đức Phật dạy:

– Đúng vậy! Đúng vậy! Này Câu Tỏa! Đúng như lời ông nói. Nếu có người tin Tam-muội này thì danh tiếng công đức không thể nghĩ bàn, được Phật hộ trì.

Lúc ấy, Bồ-tát Câu Tỏa lại hỏi Bồ-tát Văn-thù:

– Nếu có Bồ-tát mong muốn đạt được pháp Tam-muội “Đăng tập chúng đức” này thì nên thực hành pháp gì?

Bồ-tát Văn-thù đáp:

– Nếu có Bồ-tát muốn đạt được Tam-muội “Đăng tập chúng đức”,

chưa từng hủy hoại pháp phàm phu, thì nên tu hành như vậy. Người thực hành đối với pháp Phật cũng không thủ đắc. Hoặc muốn thực hành thì nên thực hành hạnh này, không pháp, không thấy, cũng không chỗ lo buồn.

Lại nữa, này Bồ-tát Câu Tỏa! Nếu có Bồ-tát muốn đạt được định này, thế nguyện trọn đời không vì việc sinh tử mà bị nhiễm ô, mong cầu đạt được vô vi, không đối với thừa Thanh văn, Duyên giác mà cầu diệt độ.

Lại nữa, này Bồ-tát Câu Tỏa! Bồ-tát muốn đạt được định này, đầy đủ các đức thì nên học, hành trì giới cấm, cũng không nhớ nghĩ về phước hữu lậu, đức vô lậu, không tội, chẳng tội, không có, không không, không chấp, không xả, không đi, không đến, ở đời không độ đời, chưa từng nhớ nghĩ các pháp như vậy, bình đẳng nơi pháp giới, tin yêu các đức, có phước không phước, có thường không thường, có niệm không niệm, hoàn toàn không hội nhập vọng tưởng chấp trước. Vì tất cả mọi người mà hội nhập vào các đức, không vì một người mà tạo lập phước đức, vì đức của một người mà hội nhập khắp chúng sinh, có phước hữu lậu, vô lậu, lại không phân biệt, không dùng giáo pháp này. Đức của tất cả Như Lai là đức của một Như Lai. Nên suy nghĩ như vậy mới có thể giáo hóa, thuyết giảng pháp chư Phật không có sai biệt. Nên tin hiểu như vậy, phước của bậc Hữu học, phước của bậc Vô học, phước của Thanh văn, phước của Bồ-tát, phước của Đức Phật đều vô thường, không có hình sắc nên tin hiểu tất cả các phước đức đều là sự tụ hợp. Này Bồ-tát Câu Tỏa! Ví như các hình sắc đều có bốn đại, như vậy pháp của Bồ-tát đều độ chúng sinh đạt được giải thoát, phụng hành như vậy, làm hưng thịnh pháp vô thượng, vô tận.

Lại nữa, này Bồ-tát Câu Tỏa! Nếu có Bồ-tát muốn đạt được định ấy thì đối với bốn vô lượng không sợ hãi. Thế nào là bốn? Thế gian vô lượng, cõi Phật vô lượng, trí tuệ Phật vô biên, việc làm của chúng sinh không có hạn lượng. Lại nữa, này Bồ-tát Câu Tỏa! Bồ-tát muốn đạt được định này, thường nên khuyến khích trợ giúp bốn sự không thể nghĩ bàn, đó là: Tội phước báo ứng không thể nghĩ bàn, việc làm của chúng sinh không thể nghĩ bàn, nơi chỗ hướng đến không có sai khác, trí tuệ của Bồ-tát không thể nghĩ bàn, lực thần túc, môn giải thoát, chỗ hướng đến của Bồ-tát là không thể nghĩ bàn, chỗ sinh thanh tịnh, đó là bốn. Này Bồ-tát Câu Tỏa! Bồ-tát nào đối với Tam-muội này thấy cùng tận nên thực hành bốn pháp, đó là: Đối với sự kiến lập ấy, Bồ-tát đạt được phước đức không cùng tận, đầy đủ các hạnh cũng không cùng tận, biện tài không ngăn ngại cũng không cùng tận, trí tuệ thông suốt cũng không cùng tận, đó là bốn. Lại có bốn việc, đó là:

Đối với giáo pháp siêng năng tích tập công đức không nhằm chán. Siêng năng thực hành, lắng nghe nhớ nghĩ, thuyết giảng kinh điển không nhằm chán. Siêng năng thực hành khuyến khích chúng sinh đạt được vô biên phước đức, quán thấy các cõi Phật trang nghiêm hội nhập vào cõi ấy mà được thanh tịnh. Đó là bốn.

Bồ-tát Câu Tỏa hỏi Bồ-tát Văn-thù:

– Ví như lưu ly, ngọc báu minh nguyệt đặt vào trong các đồ dùng, hoặc để ở đồ dùng bằng vàng, bạc, thủy tinh, xa cừ thì tính chất của lưu ly, minh nguyệt bảo châu không mất tự nhiên. Nay Văn-thù! Nếu có Bồ-tát trụ nơi Tam-muội này, hoặc ở tại gia hoặc xuất gia, hoặc làm Sa-môn thì đối với pháp giới các hạnh tự nhiên không mất ba môn giải thoát. Lại nữa, nay Bồ-tát Văn-thù! Thế nào là Bồ-tát tu tập không mất Tam-muội, đạt được vô lượng phước đức trí tuệ?

Bồ-tát Văn-thù đáp:

– Nay Bồ-tát Câu Tỏa! Muốn biết việc Bồ-tát thì nên thực hành bốn pháp. Đó là: Không tiếc thân mạng, không cầu lợi dưỡng cúng dường, thực hành các môn không, vô tướng, vô nguyện, không chí hướng đến Thanh văn, Duyên giác, muốn được trí tuệ Phật, tư duy các hạnh, đối với các thông tuệ buông bỏ sự tư duy vọng tưởng, thích hợp không thích hợp, bình đẳng đối với tất cả chúng sinh, hội nhập vào các hạnh, vượt ra ngoài ngã, nhân, thọ mạng cũng không nắm bắt được. Đó là bốn.

Bồ-tát Câu Tỏa lại hỏi Bồ-tát Văn-thù:

– Tam-muội ấy sau này sẽ đi về đâu. Hoặc Bồ-tát thọ trì ghi nhớ kinh điển hoặc phát sinh nhĩn nhục, hoặc tại gia, xuất gia hoặc nhân duyên hữu học, hoặc hạnh hữu học?

Bồ-tát Văn-thù đáp:

– Sau này, nếu có người được Tam-muội ấy, nếu có người nghe được tên Tam-muội thì chẳng phải nhân duyên của tại gia, xuất gia. Vì sao? Nay Bồ-tát Câu Tỏa! nếu! Bồ-tát trụ nơi Tam-muội thì xa lìa hai vọng tưởng, du hành tự tại, tuổi thọ trí tuệ không cùng tận, không quên mất, giáo hóa chúng sinh không nhằm chán, không tự thị hiện vô lượng hình tướng Bồ-tát, cũng không nhân duyên. Nay Bồ-tát Câu Tỏa! Ví như mặt trời, mặt trăng vận hành khắp nơi. Bồ-tát cũng vậy, quán xét không dựa vào các hạnh, hoặc tại gia lệ thuộc ở nhà, cũng chẳng phải xuất gia làm hạnh xuất gia, cũng không lệ thuộc công đức xuất gia. Đối với hai việc này cũng không ái mộ. Vì sao? Vì Bồ-tát xuất gia không còn vương mắc. Nay Bồ-tát

Câu Tỏa! Người không thủ đắc mới thành chánh giác. Bồ-tát này có bốn việc thực hành. Đó là: Thực hành pháp tối tôn, tối thượng, tối thắng, trừ bỏ kiến chấp, hội nhập vào tất cả pháp chư Phật, đó là bốn.

Bồ-tát Câu Tỏa lại hỏi Bồ-tát Văn-thù:

– Thế nào là Bồ-tát tự tại khắp nơi? Bồ-tát Văn-thù đáp:

– Bồ-tát có bốn việc thực hành, đó là: Từ, bi, hỷ, xả. Bồ-tát thực hành bốn phạm hạnh ấy mới gọi là tự tại khắp nơi. Lại có bốn pháp, đó là: Hoặc đi vào thôn xóm nhà cửa, đó là tự tại khắp nơi, hoặc đi vào chỗ thanh vắng, hoặc đi vào chốn lâu gác cũng ở trong đó tự tại, đó là bốn.

Bồ-tát Văn-thù lại hỏi Bồ-tát Câu Tỏa:

– Người không tu hành theo bốn phạm hạnh này mà tự nói: Ta được tự tại khắp nơi, người ấy bị hàng trời, người khen chê. Vì sao? Vì chư Phật Thế Tôn nói bốn phạm hạnh mới là tự tại khắp nơi. Bốn phạm hạnh này là đỉnh cao nhất, phạm hạnh thanh tịnh tự tại khắp nơi, tại các quốc độ, thọ nhận phẩm vật cúng dường oai thần cao tốt. Nay Bồ-tát Câu Tỏa! Người không thấy được bốn phạm hạnh ấy tức là xa lìa bốn tâm từ, bi, hỷ, xả. Người có tu phạm hạnh thanh tịnh đều nhờ bốn phạm hạnh này mà đạt được trí tuệ của bậc Thánh, không vì thế gian để hiện thân thì cao ngạo tự đại vọng tưởng không trừ.

Bồ-tát Câu Tỏa lại hỏi Bồ-tát Văn-thù:

– Thế nào là Bồ-tát thực hành tâm từ? Thế nào là thực hành tâm bi, tâm hỷ, tâm xả?

Bồ-tát Văn-thù đáp:

– Đúng pháp như huyễn để cứu độ chúng sinh là hành tâm từ. Dùng pháp như huyễn để độ thoát chúng sinh là tâm bi. Dùng pháp như huyễn làm an ổn chúng sinh là hành tâm hỷ. Giảng thuyết pháp như huyễn, khiến các chúng sinh đạt được giải thoát là hành tâm xả. Lại nữa, nay Bồ-tát Câu Tỏa! Tin hiểu về cảnh giới của chúng sinh là không, tức là hành tâm từ. Tin hiểu về pháp giới của chúng sinh là vô tác, chẳng phải vô tác, là hành tâm bi. Tin hiểu về cảnh giới của chúng sinh là không vướng mắc, không giải thoát, tức là hành tâm hỷ. Tin hiểu về cảnh giới của chúng sinh là mong cầu, không có chỗ mong cầu là hành tâm xả. Lại nữa, nay Bồ-tát Câu Tỏa! Tất cả chúng sinh không có ngã, ngã sở, cũng không sợ hãi, đó là hành tâm từ. Tất cả chúng sinh đều là thanh tịnh cũng không sợ hãi tức là hành tâm bi. Tất cả các pháp, pháp giới bình đẳng cũng không lo sợ, tức là hành tâm hỷ. Tin hiểu phân biệt, tất cả cõi Phật vô tận, tức là hành tâm xả. Lại nữa,

này Bồ-tát Câu Tỏa! Tướng không nguy hại gọi là từ. Tướng không gì sánh gọi là bi. Tướng không hai gọi là hỷ. Tướng không có danh xưng, không có lệ thuộc gọi là xả. Lại nữa, Bồ-tát Câu Tỏa! Không trụ nơi tâm từ là không đại từ. Không trụ nơi tâm bi là không đại bi. Sao gọi là không đại từ? Giống như Thanh văn, suy nghĩ muốn cho chúng sinh đều được an ổn, tâm từ ấy của Thanh văn là không đại từ. Sao gọi là đại từ? Nếu tâm bình đẳng đối với tất cả chúng sinh, độ thoát tất cả khổ hoạn cho chúng sinh thì đó gọi là đại từ. Sao gọi là không đại bi? Thương xót chúng sinh ở trong năm đường, ở trong sinh tử mà muốn cứu độ, đó gọi là tâm bi mà không đại bi. Thế nào là đại bi? Thấy chúng sinh chịu sinh tử trong năm cõi mà cứu giúp, ở trong sinh tử mà thương yêu họ, xả bỏ thân mạng cứu giúp chúng sinh nơi năm cõi, có thể cứu độ chúng sinh, tùy thời xây dựng đạo bình đẳng, đó là đại bi. Nay Bồ-tát Câu Tỏa! Nên quán như vậy. Thanh văn có tâm từ mà không đại từ, có tâm bi mà không đại bi. Thế nên, nay Bồ-tát Câu Tỏa! Bồ-tát nên thực hành đầy đủ đại từ, đại bi.

Khi Bồ-tát Văn-thù giảng nói về ý nghĩa này tám ngàn hàng trời, người đều phát tâm cầu đạo quả Chánh chân vô thượng cùng nhau khen ngợi: Bạch Thế Tôn! Chúng con cũng sẽ tu theo hạnh này. Bồ-tát Văn-thù vừa thuyết giảng xong, trăm ngàn hàng trời, người đều được pháp Tam-muội ấy, tám ngàn Bồ-tát đạt được pháp nhẫn Vô sinh.

Bấy giờ, Bồ-tát Câu Tỏa bạch Phật:

– Bạch Thế Tôn! Xin Thế Tôn giảng nói, do tạo công đức gì mà được trăm phước tướng, giống như Phật Thế Tôn đã thành tựu?

Đức Phật dạy:

– Nay Bồ-tát Câu Tỏa! Ví như Hằng hà sa thế giới chư Phật đều cùng tập hợp, chúng sinh đầy khắp trong đó có đủ công đức, làm Chuyển luân vương, bao nhiêu phước đức của chúng sinh này đều như Chuyển luân vương, cùng nhau tập hợp là phước của Đế Thích. Lại có Hằng hà sa thế giới chư Phật khác, tất cả chúng sinh đều đầy đủ phước đức thành tựu như trời Đế Thích đều cùng tập hợp. Phước các chúng sinh này như phước Đế Thích, ngang bằng với phước của một Phạm thiên. Lại có chúng sinh ở trong Hằng hà sa thế giới chư Phật khác đều có phước đầy đủ như Phạm thiên, phước của chúng sinh này đều như Phạm thiên, tập hợp các phước này dùng làm thành phước Thanh văn. Lại có chúng sinh ở trong Hằng hà sa thế giới chư Phật khác, đều có công đức như Thanh văn, tập hợp đầy đủ các phước này mới là phước của một Duyên giác. Lại có chúng sinh ở trong Hằng hà

sa thể giới chư Phật khác, đều có đầy đủ phước đức như Duyên giác, tập hợp các phước này mới là phước của một Bồ-tát. Phước của Bồ-tát thì vượt quá hơn các phước đức kia, không thể tính kể được. Nếu đạt được Tam-muội “Đẳng tập chúng đức” này, giả sử chúng sinh trong ba ngàn đại thiên thế giới đều đạt được Tam-muội “Đẳng tập chúng đức” ấy, tập hợp phước đức Tam-muội của chúng sinh này thì không gì ngăn ngại, tuệ không lỗi lầm, tuệ không vọng tưởng. Nay Bồ-tát Câu Tỏa! Đem các tuệ này tập hợp lại thì phước đức ấy mới là một tướng đại nhân của Như Lai. Như vậy đem so sánh ba mươi hai tướng, mỗi tướng đều như thế mới thành tựu đầy đủ thân tướng Như Lai, tất cả chúng sinh đều không thể nghĩ bàn. Đó gọi là trăm phước tướng không thể nghĩ bàn của Như Lai. Khi Đức Phật nói về công đức trăm phước tướng của bậc đại nhân, ba ngàn đại thiên thế giới đều chấn động sáu cách, ánh sáng chiếu khắp thế giới, mưa xuống hoa trời, trăm kỹ nhạc không tấu tự vang lên. Chư Thiên, loài người đều cho là việc lạ hiếm có, hoan hỷ, vui mừng, cùng chấp tay làm lễ Đức Phật, đồng thanh tán thán bạch Phật. Thiện nam nào phát tâm Chánh chân vô thượng đạt được sự lợi ích hoan hỷ vô cùng mới đạt được trăm phước tướng như vậy, thì vượt hơn hẳn Đế Thích, Phạm vương, Tứ Thiên vương, tất cả Thanh văn, Duyên giác. Bạch Thế Tôn! Người nghe được Tam-muội “Đẳng tập chúng đức” này, khen ngợi: Lành thay! Lành thay! Là đạt được lợi ích của Bồ-tát, hoặc được nghe tên của Tam-muội này thì phước đức khó sánh bằng, huống chi là người ấy lắng nghe, tin hiểu, phụng hành. Nếu có người thọ trì Tam-muội này ở khắp mọi nơi tức là ủng hộ chúng sinh ở cõi nước ấy, khiến cho kinh điển ấy lan truyền khắp nơi, kiến lập cõi Phật ở cõi nước đó. Nếu Hằng hà sa thế giới chư Phật lửa tràn khắp trong đó, người ấy vượt qua nạn lửa cầu nghe pháp kinh này tức được an ổn trở về.

Đức Phật dạy:

– Đúng vậy! Đúng vậy! Nay Thiên tử! Đúng như lời ông nói! Nếu có người nghe Tam-muội này mà không tin hiểu, không lãnh thọ là bị ma trời buộc. Nếu có Bồ-tát không nghe Tam-muội này cũng không thọ trì, đọc tụng, giảng thuyết thì Ta không gọi Bồ-tát ấy có trí tuệ hiểu rộng.

Thiên tử bạch Phật:

– Bạch Thế Tôn! Như Lai chỉ dạy tạo lập pháp này, khiến cho đời sau được lưu truyền rộng rãi.

Bấy giờ, Đức Thế Tôn phóng ra tướng ánh sáng dưới hai chạng mày, ánh sáng ấy chiếu khắp vô lượng vô biên thế giới của chư Phật. Trong ánh

sáng ấy tự nhiên phát ra âm thanh khen ngợi “N hư Lai đã tạo lập pháp này”.

Lúc này, Đức Thế Tôn bảo Hiền giả A-nan:

– Không bao lâu nữa, Ta sẽ nhập Niết-bàn. Đức Phật bảo Tôn giả A-nan:

– Ta đã phó chúc kinh điển này cho ông, ông nên thọ trì, vì chúng sinh mà phân biệt, giảng thuyết rõ ràng. Nếu có người nào, hoặc Bồ-tát thọ trì Tam-muội này tức là Phật không diệt độ, pháp không diệt tận. Vì sao? Đây Tôn giả A-nan! Vì thọ trì hành theo pháp này tức là thấy Phật. Nếu vì chúng hội giảng thuyết là hộ trì giáo pháp.

Lúc ấy, Hiền giả A-nan rơi lệ, bạch Phật:

– Bạch Thế Tôn! Nguyện xin Thế Tôn trú lại ở đời một kiếp hoặc hơn một kiếp, để tăng thêm sự thương xót, tăng thêm sự nhớ nghĩ, tăng thêm sự an ổn cho chư Thiên, loài người.

Đức Phật dạy:

– Nay Tôn giả A-nan! Thôi đi! Chớ có buồn rầu nữa, vừa rồi Ta không nói chẳng? Đây đủ pháp này là Phật còn tồn tại, cũng lại không xa lìa chư Phật Thế Tôn. Vì sao? Không nên dùng sắc để quán Như Lai, cũng chẳng phải tướng tốt. Nếu thấy pháp này thì thấy Như Lai.

Lúc Đức Phật thuyết giảng như vậy, Bồ-tát Câu Tỏa, Bồ-tát Văn-thù, Bồ-tát Ly Cấu Oai và các Bồ-tát, Hiền giả A-nan và chúng đại Thanh văn, tất cả chúng hội, chư Thiên, loài người, rồng, thần, Kiên-đạp-hòa, A-tu-luân đều hoan hỷ cúi đầu đánh lễ.



SỐ 382

**KINH TẬP NHẤT THIẾT PHƯỚC
ĐỨC TAM MUỘI**

*Hán dịch: Đời Diêu Tần, Tam tạng
Pháp sư Cưu Ma La Thập.*

QUYỂN THƯỢNG

Tôi nghe như vậy:

Một thời, Đức Phật cư ngụ ở thành Tỳ-xá-ly, nơi vườn cây Am-la, trong giảng đường Đại pháp, cùng với mười ngàn vị đại Tỳ-kheo, đều là các bậc A-la-hán, đã hết các lậu hoặc, không còn phiền não, tâm được tự tại giải thoát, tuệ được giải thoát. Tâm của các vị ấy điều hòa, nhu nhuyễn như đại Long vương. Việc phải làm đã hoàn thành, buông gánh nặng, được phần tự lợi, trừ hết hữu lậu kiết sử, đạt đến bờ bên kia.

Còn có hai vạn các Đại Bồ-tát, đều không thoái chuyển, được các pháp Đà-la-ni và vô ngại biện tài, được đại thần thông, hay thành tựu các Tam-muội màu nhiệm, niệm tuệ vững chắc, dùng trí tuệ làm phương tiện đến bờ bên kia.

Tên của các vị Đại Bồ-tát: Bồ-tát Hạnh Chí, Bồ-tát Sư Tử Chí, Bồ-tát Diệu Sắc Chí, Bồ-tát Pháp Chí, Bồ-tát Tăng Trưởng Chí, Bồ-tát Vô Lượng Chí, Bồ-tát Pháp Chí, Bồ-tát Di Lặc, Bồ-tát Văn Thù Sư Lợi Đồng Tử, Bồ-tát Na La Diên. Như vậy các vị này là bậc thượng thủ của hai vạn Bồ-tát.

Lại có bốn vạn Thiên tử đều hướng đến Đại thừa và còn vô lượng Thích, Phạm, Hộ Thế.

Khi ấy, Đức Thế Tôn được vô lượng trăm ngàn vạn ức đại chúng cung kính vây quanh, Ngài vì họ mà giảng nói pháp, sau ba tháng nữa Đức Thế Tôn sẽ xả bỏ thân mạng mà vào Niết-bàn. Đương lúc này pháp Phật thắng diệu rất được thịnh hành, che mờ tất cả các hàng ngoại đạo.

Khi ấy, Bồ-tát Na-la-diên chủ của cả ngàn thế giới, từ chỗ ngồi đứng

dậy, sửa sang y phục, gói phải quỳ sát đất, chấp tay hướng về Đức Phật thưa:

– Bạch Thế Tôn! Không bao lâu nữa Thế Tôn sẽ xả bỏ thân mạng vào cảnh giới rốt ráo Niết-bàn. Nay giáo pháp cao tột của Như Lai che mờ tất cả pháp của ngoại đạo, họ không có người tin kính. Lành thay Thế Tôn! Xin nguyện Như Lai hộ trì các vị Bồ-tát, khiến cho họ trong hiện đời được tất cả thiện căn. Khi căn lành đã tăng trưởng thì tâm kia rất hân hoan vui mừng, tăng trưởng oai đức, không đoạn dứt chủng tánh Phật, hộ trì pháp nhân cùng với tăng nhân. Xin nguyện Như Lai cứu giúp tất cả chúng sinh, khéo diễn thuyết phân biệt để hướng họ đến đạo quả Niết-bàn. Chánh pháp đã giảng nói, sau khi Phật diệt độ, khiến các Bồ-tát làm cho giáo pháp lưu truyền không bị gián đoạn, cho đến đạt quả vị Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác, tồn tại ở đời, khiến chúng sinh không xa lìa việc thấy Phật, nghe Pháp và cúng dường chúng Tăng. Tăng trưởng niệm lực không quên các pháp, tăng thêm tuệ lực hiểu rõ pháp màu nhiệm, tăng trưởng tấn lực nghĩa giải càng tỏ rõ, có đủ tâm lực thanh tịnh tự tâm, có đủ quý lực xa lìa tất cả pháp ác, được kiên cố lực oai nghi đầy đủ, có năng lực dừng mãnh mới đoạn trừ được tất cả các kiết sử, có tâm đại hùng mãnh mới an trú không còn sợ hãi.

Thưa Thế Tôn! Thế nào là Đại Bồ-tát không làm mất công đức, không mất chánh pháp, không mất tuệ, không mất trí, không mất tâm Bồ-đề, chí niệm vững chắc, thân hữu rốt ráo, khiến các chúng sinh đạt đến Niết-bàn, làm đúng như lời nói, không lừa dối chúng sinh, được an trú trong pháp Phật, không mong cầu được bố thí mà xả thí cho tất cả, tự mình nương giáo pháp mà an trú tam tịnh giới. Tự mình thanh tịnh nhẫn nại tâm không thô tháo. Tâm các vị bình đẳng với tất cả chúng sinh, tự mình thường tinh tấn tạo các nghiệp lành, tự mình an trú cảnh giới thiền định đầy đủ ba thiện giới, khéo an trú tâm từ không chấp trước cảnh giới thiền định, tự an trú vào trí tuệ sáng suốt lìa các tà kiến. Trong tất cả pháp tâm được sáng tỏ, dùng bốn nhiếp pháp giáo hóa chúng sinh không biết mỏi mệt, không cầu báo ân, thường hộ niệm tu hành cho tất cả trời, người nơi các cõi lành, trú tâm Nhất thiết trí như cửa được phòng hộ, tâm không hướng về Thanh văn, Duyên giác, tâm thường hướng về pháp, không hướng về dục, vì đáng Pháp vương không vì lợi lộc trong hàng trời, người. Tu hành theo hạnh trí tuệ, nương trí của Phật mà nói, dùng pháp để trưởng dưỡng thân mạng, chẳng phải sống vì ăn uống, xa lìa tham dục, thâm nhận tất cả, xa lìa sân hận, nên đối với chúng sinh không có tâm xâm phạm tổn hại, tránh xa ngu si, lìa các

pháp mờ ám, vượt qua ma chướng trừ các kiết phược phiền não, dùng phương tiện thiện xảo để khiến hướng đến các pháp môn. Như vậy con đã thừa hồi xong.

Khi ấy, Đức Thế Tôn khen Bồ-tát Na-la-diên chủ của ngàn thế giới.
– Hay thay! Hay thay! Nay Na-la-diên! Chỉ có ông mới có thể vì các Bồ-tát hỏi Như Lai những ý nghĩa như vậy.

Này Na-la-diên! Ông nay lắng nghe, khéo suy nghĩ kỹ, Ta sẽ vì ông mà giảng nói, hạnh nguyện của các vị Đại Bồ-tát được các công đức, lại còn vượt hơn như vậy.

Khi ấy, Bồ-tát Na-la-diên rất hoan hỷ bạch Phật:

– Lành thay Thế Tôn! Chúng con xin lắng nghe. Đức Phật bảo Bồ-tát Na-la-diên:

– Nay Na-la-diên! Đại Bồ-tát có pháp Tam-muội tên là “Tập nhất thiết phước đức”. Bồ-tát nào thành tựu được Tam-muội này, sẽ không mất công đức, không mất chánh pháp, không mất tuệ, cũng không mất trí, không mất sự thấy Phật, nghe pháp và cúng dường chúng Tăng, siêng tu bốn nhiếp pháp, tự mình tu hành bốn nhiếp pháp, tự mình thực hành bố thí, cho đến tự mình đối với các pháp phương tiện khéo thành tựu công đức này và những công đức khác nữa.

Khi ấy, Đức Thế Tôn nêu bày giảng nói tên kinh “Tập Nhất Thiết Phước Đức Tam Muội” xong rồi, liền lặng yên.

Bấy giờ, đại Lực sĩ tên là Tịnh Oai, có năng lực lớn đang ở trong thành Tỳ-xá-ly. Ông ta nghĩ: “Ta là đại Lực sĩ có năng lực lớn, tất cả chúng sinh trong cõi Diêm-phù-đề, không ai có năng lực bằng ta. Ta trước đây nghe Sa-môn Cù-đàm đã thành tựu năng lực lớn, có đủ mười lực, thân Na-la-diên”.

Ông ta lại nghĩ: “Ta nên đến xem Sa-môn Cù-đàm như thế nào, có như ta không”.

Khi ấy, đại Lực sĩ Tịnh Oai ra khỏi thành lớn Tỳ-xá-ly, đến vườn cây Am-la, trong giảng đường Đại pháp. Khi đến rồi, chiêm ngưỡng Đức Như Lai, Ứng Chánh Biến Giác, đấng đại oai đức, cùng trăm ngàn vạn đại chúng vây quanh đang vì họ diễn nói chánh pháp. Cũng như núi Tu-di hiện rõ trong biển lớn, bao quanh đoan nghiêm rất là vi diệu. Khi ấy, vừa nhìn thấy Đức Như Lai, lòng rất tin, tâm càng kính mến, liền đến trước Đức Phật, cúi đầu đánh lễ dưới chân Như Lai, đi nhiễu quanh bên phải ba vòng rồi bước

qua một bên, Lực sĩ chấp tay trên đánh, một lòng quán tưởng Đức Phật.

Lúc này, Đức Thế Tôn biết tâm của Lực sĩ Tịnh Oai đã cảm phục, nên bảo Đại-mục-liên:

– Này Mục-liên! Tôn giả đi lấy cho Ta mũi tên mà khi còn là Bò-tát, Ta vì người nữ dòng họ Thích đã dùng nó để giao đấu.

Khi ấy, Tôn giả Mục-liên bạch Thế Tôn:

– Thưa con không thể thấy, biết nó ở đâu.

Bấy giờ, Đức Thế Tôn, từ chân phải phóng ra ánh sáng lớn tên là Chiêu Minh, chiếu khắp ba ngàn đại thiên thế giới, trong cõi Phật này, thời phía dưới ba ngàn đại thiên thế giới, trong đại kim cang luân mũi tên đặt ở đó.

Khi ấy, Đức Thế Tôn bảo Đại-mục-liên:

– Tôn giả có thấy nơi thế giới này, trong đại kim cang luân, mũi tên đang đặt ở đó không?

Tôn giả Mục-liên bạch Phật:

– Con đã thấy, thưa Thế Tôn. Đức Phật bảo:

– Này Mục-liên! Tôn giả đến lấy đem lại đây.

Tôn giả Đại-mục-liên liền đi đến chỗ ấy, nhanh như khoảnh khắc đại lực sĩ khảy móng tay, tất cả đại chúng đều thấy Tôn giả đi, liền đem tên trở lại dâng lên Đức Như Lai mà thưa:

– Bạch Thế Tôn! Khi còn làm Bò-tát, Thế Tôn sử dụng sức lực do cha mẹ sinh hay dùng sức thần thông?

Đức Phật dạy:

– Khi ấy Ta dùng sức lực do cha mẹ sinh, không dùng sức thần thông.

Này Mục-liên! Nếu Bò-tát dùng sức thần thông, thì mũi tên ấy sẽ vượt qua vô lượng vô biên các thế giới của chư Phật.

Đại đức Mục-liên bạch Phật:

– Thưa Thế Tôn! Thế nào là Bò-tát sử dụng năng lực phước đức do cha mẹ sinh?

Đức Phật bảo Đại đức Mục-liên:

– Này Mục-liên! Như sức mạnh của mười người, bằng sức mạnh của một con trâu; sức mạnh của mười con trâu, bằng sức mạnh của một con trâu xanh; sức mạnh của mười con trâu xanh, bằng sức mạnh của một con voi thường; sức mạnh của mười con voi thường, bằng sức mạnh của một

con voi La-ca; sức mạnh của mười con voi La-ca, bằng sức mạnh của một con voi Ca-ny; sức mạnh của mười con voi Ca-ny, bằng sức mạnh của một con voi Hương-tượng; sức mạnh của mười con voi Hương-tượng, bằng sức mạnh của một con voi Tỳ-đà; sức mạnh của mười con voi Tỳ-đà, bằng sức mạnh của một con voi Vô-đầu; sức mạnh của mười con voi Vô-đầu, bằng sức mạnh của một con voi Y-sa-đà; sức mạnh của mười con voi Y-sa-đà, bằng sức mạnh của một con voi An-thiên; sức mạnh của mười con voi An-thiên, bằng sức mạnh của một con voi Bà-ma; sức mạnh của mười con voi Bà-ma, bằng sức mạnh của một con voi xanh; sức mạnh của mười con voi xanh, bằng sức mạnh của một con voi vàng; sức mạnh của mười con voi vàng, bằng sức mạnh của một con voi đỏ; sức mạnh của mười con voi đỏ, bằng sức mạnh của một con voi trắng; sức mạnh của mười con voi trắng, bằng sức mạnh của một con voi hoa sen màu đỏ; sức mạnh của mười con voi hoa sen màu đỏ, bằng sức mạnh của một con voi hoa sen màu hồng; sức mạnh của mười con voi hoa sen màu hồng, bằng sức mạnh của một con Hương-tượng; sức mạnh của mười con Hương-tượng, bằng sức mạnh của một con đại Hương-tượng; sức mạnh của mười con đại

Hương-tượng, bằng sức mạnh của một con sư tử chúa Hệ-quyên; sức mạnh của mười con sư tử chúa Hệ-quyên, bằng sức mạnh của một lực sĩ; sức mạnh của mười lực sĩ, bằng sức mạnh của một đại lực sĩ; sức mạnh của mười đại lực sĩ, bằng sức mạnh của một Giá-nậu-la; sức mạnh của mười Giá-nậu-la, bằng sức mạnh của một đại Giá-nậu-la; sức mạnh của mười đại Giá-nậu-la, bằng sức mạnh của một Ba-kiền-đề; sức mạnh của mười Ba-kiền-đề, bằng sức mạnh của một đại Ba-kiền-đề; sức mạnh của mười đại Ba-kiền-đề, bằng sức mạnh của một Địa Thiên tử; sức mạnh của mười Địa Thiên tử, bằng sức mạnh của một Đường Thiên tử; sức mạnh của mười Đường Thiên tử, bằng sức mạnh của một Trì Phong Thiên; sức của mười Trì Phong Thiên, bằng sức một Trì Mang Thiên; sức của mười Trì Mang Thiên, bằng sức của một Thường Túy Thiên; sức của mười Thường Túy Thiên, bằng sức của một Thiên tử trong Tứ Thiên vương; sức mạnh của tất cả Thiên tử trong Tứ Thiên vương, bằng sức của một Thiên vương; sức mạnh của mười Thiên vương, bằng sức của một Thiên tử trong cõi trời Tam Thập Tam; sức mạnh của tất cả Thiên tử trong cõi trời Tam Thập Tam, bằng sức mạnh của một vị trời Đế thích; sức mạnh của mười vị trời Đế thích, bằng sức mạnh của một Thiên tử trong cõi trời Diễm Thiên; sức mạnh của tất cả cõi trời Diễm Thiên, bằng sức của một Diễm Thiên vương; sức mạnh của mười Diễm Thiên vương, bằng sức mạnh của một Thiên tử ở cõi

trời Đâu-suất-đà; sức mạnh của tất cả Thiên tử nơi cõi trời Đâu-suất-đà, bằng sức của một Thiên vương ở cõi trời Đâu-suất-đà; sức mạnh của mười Thiên vương ở cõi trời Đâu-suất-đà, bằng sức mạnh của một Thiên tử trong cõi trời Hóa Lạc; sức mạnh của tất cả Thiên tử trong cõi trời Hóa Lạc, bằng sức của một Thiên vương ở cõi trời Hóa Lạc; sức mạnh của mười Thiên vương trong cõi trời Hóa Lạc, bằng sức của một Thiên tử trong cõi trời Tha Hóa Tự Tại; sức mạnh của tất cả Thiên tử trong cõi trời Tha Hóa Tự Tại, bằng sức của một Thiên vương Tha Hóa Tự Tại; sức của mười Thiên vương Tha Hóa Tự Tại, bằng sức của một Thiên tử trong cõi Thiên Ma; sức mạnh của tất cả Thiên tử ở cõi Thiên Ma, bằng sức của một Ma vương; sức mạnh của mười Ma vương, bằng nửa sức của Na-la-diên; sức mạnh của mười nửa Na-la-diên, bằng sức của một Na-la-diên; sức mạnh của mười Na-la-diên, bằng sức của một đại Na-la-diên; sức mạnh của mười đại Na-la-diên, bằng sức của một Bồ-tát tu hành trong một trăm kiếp; năng lực của một Bồ-tát tu hành mười trăm kiếp, bằng năng lực của một Bồ-tát tu hành ngàn kiếp; năng lực của một Bồ-tát tu hành mười ngàn kiếp, bằng năng lực một Bồ-tát tu hành vạn kiếp; năng lực của một Bồ-tát tu hành mười vạn kiếp, bằng năng lực một Bồ-tát tu hành một ngàn vạn kiếp; năng lực của một Bồ-tát tu hành mười ngàn vạn kiếp, bằng năng lực một Bồ-tát tu hành một trăm ngàn vạn kiếp; năng lực của một Bồ-tát tu hành mười trăm ngàn vạn kiếp, bằng năng lực một Bồ-tát tu hành một ngàn ngàn vạn kiếp; năng lực của một Bồ-tát tu hành mười ngàn ngàn vạn kiếp, bằng năng lực một Bồ-tát tu hành một trăm ngàn ngàn vạn kiếp; năng lực của một Bồ-tát tu hành mười trăm ngàn ngàn vạn kiếp, bằng năng lực một Bồ-tát tu hành một vạn ngàn ngàn vạn kiếp; năng lực của một Bồ-tát tu hành mười vạn ngàn ngàn vạn kiếp, bằng năng lực một Bồ-tát tu hành pháp nhẫn Vô sinh; năng lực của mười Bồ-tát tu hành đắc pháp nhẫn Vô sinh, bằng năng lực một Bồ-tát tu hành Thập địa; năng lực của mười Bồ-tát tu hành Thập địa, bằng năng lực một vị thọ thân sau cùng của Bồ-tát.

Vì vậy, này Mục-liên! Bồ-tát thành tựu năng lực như vậy, nên khi

đản sinh liền đi bảy bước trên hoa sen.

Này Mục-liên! Nếu thế giới này, Phật không giữ gìn liền bị hư hoại, không thể tồn tại. Vì sao? Vì Đại Bồ-tát khi sinh cõi này thường đi bảy bước, mặt đất cõi này ngang rộng sáu mươi tám ngàn do-tuần. Bồ-tát giáng sinh khi đặt chân xuống đất liền lún sâu trăm ngàn do-tuần. Khi đỡ chân lên đất trở lên lại trăm ngàn do-tuần. Do Phật giữ gìn khiến cho thế giới này không chuyển động, không hư hoại, chúng sinh không bị phiền não. Thân sau cùng của Bồ-tát khi mới thọ sinh, liền có đủ những năng lực như vậy.

Này Mục-liên! Năng lực của mười Bồ-tát sơ sinh bằng năng lực của một Bồ-tát trưởng lão.

Này Mục-liên! Đại Bồ-tát thành tựu năng lực này, hướng đến đạo tràng giác ngộ Bồ-đề vô thượng. Như vậy, khi dùng năng lực hướng đến đạo tràng, so với năng lực của các Thượng tọa trong đạo tràng vượt hơn trăm ngàn lần. Lại dùng năng lực như vậy vô lượng, vô biên, vô số không thể tính được, không thể làm hư hoại, thành tựu tất cả công đức, cho đến thành tựu Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác.

Này Mục-liên! Giả sử hết thầy chúng sinh trong thế giới này được đầy đủ năng lực của Bồ-tát mau thành tựu giác ngộ, nếu đem so với trí lực xứ, phi xứ của Như Lai, thì trăm ngàn vạn ức phần không bằng một, cho đến dùng toán số, thí dụ cũng không tính được. Đầy đủ mười lực như vậy thì gọi là: Như Lai, Ứng Cúng, Chánh Biến Tri.

Vì vậy, này Mục-liên! Năng lực thần thông của Như Lai do thiện căn hộ trì nên không tăng giảm, ở trong đại chúng đây, còn chưa rõ năng lực thần thông của Bồ-tát. Bồ-tát nếu sử dụng năng lực thần thông có thể đem các thế giới nhiều như cát sông Hằng, đặt trên đầu sợi lông nơi ngón chân, ném qua vô lượng vô biên thế giới như cát sông Hằng, ném qua lại như thế vẫn không khiến cho chúng sinh có các khổ não. Như vậy sức thần thông của Bồ-tát vô lượng, vô biên không thể nghĩ bàn, không thể so lường, không thể tính biết, không ai sánh bằng. Nếu Như Lai thể hiện hết năng lực thần thông, Thanh văn các người không thể tin được, huống chi là các chúng sinh khác.

Này Mục-liên! Bồ-tát khi đi đến đạo tràng, quán sát địa đại, thủy hỏa phong đại thành một thế giới, gọi là không giới. Vì vậy địa đại không bị hư rã nên chúng sinh không phiền não.

Khi ấy, Lực sĩ Tịnh Oai từ chỗ Phật, nghe nói năng lực của Bồ-tát do

cha mẹ sinh, nghe qua cảm thấy quái lạ, lông trên thân dựng đứng cho là rất ít có, liền từ chỗ ngồi đứng dậy, sửa sang y phục, gối bên phải quỳ sát đất, chấp tay hướng về Phật bạch:

– Bạch Thế Tôn! Tâm kiêu mạn của con nay đã diệt hết khi nghe Như Lai nói đến năng lực của Bồ-tát.

Thưa Thế Tôn! Con nay xin quy y Phật, quy y Pháp, quy y Tăng, phát tâm đạo Chánh chân vô thượng, vì muốn an lạc cho tất cả chúng sinh, nguyện được đầy đủ năng lực của Như Lai.

Khi đó, có mười ngàn Thiên tử, nghe Lực sĩ Tịnh Oai nói lời như vậy, họ đều phát tâm đạo Chánh chân vô thượng, cùng nghĩ: “Thế Tôn! Nguyện cho chúng con đều được năng lực như Như Lai Ứng Cúng Chánh Biến Giác”.

Bấy giờ, Bồ-tát Na-la-diên bạch Phật:

– Thưa Thế Tôn! Thế nào gọi là Bồ-tát tu tập tất cả phước đức Tam-muội? Như Lai trước đã nêu vấn đề này rồi, tiện đây Ngài im lặng chưa nói.

Thưa Thế Tôn! Nay đã đúng lúc nên nêu bày giảng nói ý nghĩa: Tập Nhất Thiết Phước Đức Tam Muội.

Như thế nào mà các Bồ-tát thành tựu được Tam-muội này? Khi ấy, Đức Thế Tôn bảo Na-la-diên, chủ của ngàn thế giới:

– Nay Na-la-diên! Không có Bồ-tát nào phát tâm cầu đạt đạo Chánh chân vô thượng mà không tu tập tất cả phước đức Tam-muội này. Vì sao? Vì tất cả phước đức đều có mầm móng từ lúc mới phát tâm.

Này Na-la-diên! Cũng như sông lớn và tất cả các dòng sông đều chảy về biển cả. Như vậy, này Na-la-diên! Các phước đức do tu tập bố thí, trì giới hữu lậu hoặc vô lậu, thế gian hay xuất thế gian, hoặc trời hoặc người có bao nhiêu phước đức đều thuộc về phát tâm Bồ-đề. Vì vậy, này Na-la-diên! Nếu có thiện nam, thiện nữ muốn tu tập tất cả các phước đức nên phát tâm cầu đạt đạo Chánh chân vô thượng.

Này Na-la-diên! Như núi báu gọi là: Tu-di, Mục-chân-lâu-đà, Ma-ha Mục-chân-lâu-đà, Luân-vi, Đại-luân-vi cùng các núi khác, cỏ thuốc, rừng cây, thôn ấp, xóm làng, các thành trì lớn nhỏ, châu Diêm-phù-đề, Phất-bà-đề, Cù-da-ni, Uất-đơn-việt, bốn châu trong thiên hạ, và một ngàn thế giới, hai ngàn thế giới, ba ngàn đại thiên thế giới, Dục giới, Sắc giới, Vô sắc giới, mặt trời, mặt trăng, các vì sao, hoặc nhật thực, nguyệt thực, tất cả đều nằm trong ba ngàn đại thiên thế giới, cho đến hàng trăm thứ ức thiên hạ

cũng đều ở trong đó.

Như vậy, này Na-la-diên! Tất cả phước của hàng phàm phu hoặc phước của bậc hữu học, vô học, hoặc phước của Bồ-tát, hoặc phước của

Như Lai, tất cả đều thuộc về từ lúc mới phát tâm của Bồ-tát. Vì vậy, này Na-la-diên! Nếu muốn thành tựu tất cả phước đức, nên phát tâm Bồ-tát hướng đến quả vị Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác.

Này Na-la-diên! Nếu tất cả chúng sinh trong bốn cõi thiên hạ đều có đủ phước đức của Chuyển luân Thánh vương, dù có người mới phát tâm cầu đạt Đại thừa, thì phước đức trí tuệ của người này thù thắng hơn những kẻ kia.

Này Na-la-diên! Như tất cả chúng sinh trong bốn cõi thiên hạ, cho đến tất cả chúng sinh hiện có trong ba ngàn đại thiên thế giới, đều thuộc về chúng sinh giới, mà mỗi mỗi chúng sinh đều có đủ phước đức của Chuyển luân Đại vương, phước đức của các Chuyển luân Đại vương, gom công đức lại cho một Chuyển luân Đại vương, mỗi mỗi chúng sinh đều có đầy đủ công đức này. Ý ông nghĩ thế nào? Các phước này có nhiều không?

Na-la-diên thưa:

– Phước của một người còn nhiều vô số, huống gì vô lượng vô số người có những phước đức gom lại.

Đức Phật dạy:

– Này Na-la-diên! Đem chúng sinh trong ba ngàn đại thiên thế giới, cho đến hằng hà sa chúng sinh trong các thế giới, khiến cho họ được đầy đủ phước đức của Chuyển luân Đại vương.

Này Na-la-diên! Ý ông nghĩ thế nào? Các công đức gom lại kia có nhiều không?

Na-la-diên thưa:

– Bạch Thế Tôn! Nếu chúng sinh chỉ cần một trong ba ngàn đại thiên thế giới, đầy đủ phước đức của Chuyển luân Đại vương gom lại, còn nhiều vô lượng, vô biên, vô số, huống nữa là của vô lượng vô biên chúng sinh trong các thế giới, đầy đủ phước đức góp lại của các Chuyển luân Đại vương.

– Này Na-la-diên! Ta nay đã biết, nên nói: Bồ-tát mới phát tâm Bồ-đề có những công đức đem so với công đức trước đây đã nói, thì trăm phần không bằng một, đến ngàn phần, trăm ngàn phần, trăm ngàn vạn ức phần, cho dù dùng toán số thí dụ cũng không so sánh kịp.

Này Na-la-diên! Như vậy là ban đầu nói đến cách vào Tam-muội Tập nhất thiết phước đức.

Lại nữa, này Na-la-diên! Như trong một ngàn thế giới có Phạm Thiên vương tu tâm từ, phổ biến tâm từ khắp một ngàn thế giới này.

Này Na-la-diên! Có người lại dùng bảy báu đầy khắp cả ngàn thế giới để bố thí. Ý ông nghĩ thế nào? Người này dùng bố thí tạo phước và Phạm vương dùng tâm từ tu phước, thì ai là người có phước báo thù thắng hơn?

Na-la-diên thưa:

– Bạch Thế Tôn! Phạm vương dùng tâm từ tu phước thật vô lượng, vô biên.

– Này Na-la-diên! Đem một ngàn thế giới Phạm vương tu tâm từ hoặc hai ngàn thế giới Phạm vương tu tâm từ, phổ biến tâm từ cho khắp hai ngàn thế giới này. Này Na-la-diên! Nếu lại có người dùng bảy báu cùng khắp của hai ngàn thế giới đem bố thí. Ý ông nghĩ thế nào? Người này dùng bố thí tạo phước, Phạm vương dùng tâm từ tu phước, ai là người thù thắng hơn?

Na-la-diên thưa:

– Bạch Thế Tôn! Phạm vương dùng tâm từ tu phước thật vô lượng, vô biên.

– Này Na-la-diên! Như ba ngàn đại thiên thế giới Phạm vương quán tâm từ, dùng tâm từ, phổ biến tâm từ khắp ba ngàn thế giới này. Nếu lại có người dùng bảy báu đầy đủ cả ba ngàn đại thiên thế giới để bố thí, ý ông nghĩ thế nào? Người này dùng bố thí tu phước và Phạm vương dùng tâm từ tu phước, ai là người thù thắng hơn?

Na-la-diên thưa:

– Bạch Thế Tôn! Thí phước so với tâm từ, trăm phần không bằng một, ngàn phần, trăm ngàn phần, cho đến dùng toán số thí dụ cũng không so sánh được.

Đức Phật dạy:

– Như vậy bốn ngàn thế giới Phạm vương tu tâm từ, cũng dùng tâm từ rải khắp bốn ngàn thế giới này. Năm ngàn thế giới Phạm vương tu tâm từ, cũng dùng tâm từ rải khắp năm ngàn thế giới này. Mười ngàn thế giới Phạm vương tu tâm từ, cũng dùng tâm từ rải khắp mười ngàn thế giới này. Trăm ngàn thế giới Phạm vương tu tâm từ, cũng dùng tâm từ rải khắp trăm ngàn thế giới này.

Này Na-la-diên! Nếu có người lấy bảy báu của mình đầy khắp trăm ngàn thế giới để bố thí, phước đức gom lại được so với phước đức tâm từ thì tâm từ tu phước là thù thắng hơn.

Này Na-la-diên! Giả sử cả ba ngàn đại thiên thế giới, trong đó tất cả chúng sinh đều đầy đủ tâm từ. Như trăm ngàn thế giới vua trời Đại phạm có tu tâm từ, là tất cả phước đức do tu tâm từ gom lại, muốn đem so sánh với các Bồ-tát mới phát tâm cầu đạt đạo, chuyên cần, tăng tiến và vì muốn cứu thoát hết thảy chúng sinh ra khỏi cảnh huyễn, hư nguy. Sự thật là hết thảy chúng sinh tu hành phước tâm từ kia, trăm phần không bằng một, ngàn phần, trăm ngàn phần, ức phần, trăm ức phần, ngàn ức phần, cho đến dùng toán số thí dụ cũng không so sánh kịp.

Này Na-la-diên! Vì vậy, nên biết nếu muốn tu tập tất cả phước đức thì các thiện nam tín nữ nên phát tâm thành tựu đạo Vô thượng Chánh giác, nay nên phát tâm hoặc sẽ phát tâm, để được đầy đủ phước đức gom lại nhiều vô lượng vô biên.

Đây là lần thứ hai nói về cách nhập vào Tam-muội Tập nhất thiết phước đức.

Lại nữa, này Na-la-diên! Ý ông nghĩ thế nào? Ở phương Đông hư không có phổ biến khắp không? Phương Nam, Tây, Bắc, bốn phía trên, dưới, hư không có phổ biến cùng khắp không?

Na-la-diên thưa:

– Bạch Thế Tôn! Hư không ở phương Đông còn không thấy được biên vực, huống gì cả mười phương thì không thể nói, chúng vô lượng vô biên, tùy chỗ nào có thế giới thì hư không đều phổ biến cùng khắp.

Đức Phật dạy:

– Này Na-la-diên! Giả sử có người trong trăm ngàn vạn ức kiếp, đem dẫn chúng các thí dụ muốn nói hết cái rộng lớn của hư không thì có thể nói được hết biên vực, hay không nói hết được?

Này Na-la-diên! Ta nay nêu một thí dụ để làm rõ nghĩa này, vì muốn thành tựu viên mãn pháp Tam-muội Tập nhất thiết phước đức. Cũng muốn tăng trưởng lợi ích cho các chúng sinh, tu tập các phước đức để tăng trưởng ý chí, mong hướng đến Đại thừa thành Đại Bồ-tát tu hành tinh tấn.

Này Na-la-diên! Nếu dùng hạt cải đầy cả ba ngàn đại thiên thế giới, cho đến cõi Phi tướng, phi phi tướng đều chứa đầy cả những hạt cải. Giả sử sai một người mang đi qua phương Đông cách trăm ngàn hằng hà sa các thế giới bỏ xuống một hạt cải, như vậy, đi về phương Đông bỏ hết hạt cải,

cũng còn không thể biết được biên vực của thế giới. Phương Nam, Tây, Bắc, bốn phía trên dưới cũng như vậy.

Này Na-la-diên! Nếu lại trong hằng hà sa các thế giới kia đều chứa đầy các hạt cải. Này Na-la-diên! Có người nào hay vị trời nào có thể tính biết được tất cả số lượng hạt cải kia không?

Khi ấy Na-la-diên thưa:

– Bạch Thế Tôn! Nếu trong bốn cõi thiên hạ hết thảy chúng sinh thành tựu trí tuệ như Xá-lợi-phất, ở trong thời gian một kiếp còn không thể tính hết được một phần nhỏ của số lượng kia, huống nữa làm sao tính hết được số lượng lớn của những hạt cải.

– Này Na-la-diên! Giả sử có người đi qua phương Đông, trải qua hằng hà sa các thế giới để xuống một hạt cải. Đi về phía Đông bỏ hết hạt cải nêu trên mà còn không biết được biên vực của thế giới. Phương Nam, Tây, Bắc, bốn phía trên dưới cũng như vậy. Này Na-la-diên! Như vậy hư không phổ biến khắp cả trên thế giới.

Giả sử có người hoặc trời dùng bảy báu đầy khắp trên thế giới đem dùng để bố thí. Này Na-la-diên! Ý ông nghĩ sao? Phước đức gom góp kia có nhiều không?

Na-la-diên thưa:

– Bạch Thế Tôn! Vô lượng, vô biên. Đức Phật dạy:

– Này Na-la-diên! Phước đức gom góp rất nhiều của người này, muốn đem so sánh với Bồ-tát mới phát tâm cầu đạo, muốn thành tựu ý chí, không huyễn, không hư ngụy, siêng tu tinh tấn, vì muốn độ thoát tất cả chúng sinh phát khởi tâm đại từ đại bi để tu tập và góp phước đức. Phước đức do bố thí góp lại trăm phần không bằng một, cho đến dùng toán số thí dụ cũng không so sánh kịp vị Bồ-tát mới phát tâm.

Này Na-la-diên! Cũng như tất cả các vật khắp mười phương đều bị hư không trùm khắp.

Này Na-la-diên! Tâm từ của Bồ-tát cũng như vậy, phổ biến cùng khắp mười phương các thế giới của chư Phật. Tất cả chúng sinh cũng đều trùm khắp.

Này Na-la-diên! Tâm từ của Bồ-tát đến với tất cả chúng sinh, khiến cho tất cả đều có được phước đức của Chuyển luân Đại vương.

Như vậy, phước đức của Đế thích, phước đức của Phạm vương, nếu có Bồ-tát mới phát đạo tâm chuyên chí hướng tới, không huyễn, không hư

nguy, siêng tu tinh tấn, vì muốn độ thoát tất cả chúng sinh, sinh tâm từ bi làm nơi hướng tới, tu hành với lòng thương xót mà được phước đức thì đây thù thắng hơn kia, là phước đức gồm cả Chuyển luân vương, Đế thích, Phạm vương.

Này Na-la-diên! Đây là lần thứ ba nói về cách nhập vào Tam-muội Tập nhất thiết phước đức.

Lại nữa, này Na-la-diên! Giả sử đem chúng sinh trong ba ngàn đại thiên thế giới, đều đầy đủ phước đức của Chuyển luân Đại vương, so với phước đức của Đế thích, trăm phần không bằng một, cho đến dùng toán số thí dụ cũng không tính kịp.

Này Na-la-diên! Giả sử đem ba ngàn đại thiên thế giới chúng sinh đều có phước của Đế thích, so với phước đức của Phạm vương, trăm phần không bằng một, cho đến dùng toán số thí dụ cũng không tính được.

Này Na-la-diên! Giả sử đem ba ngàn đại thiên tất cả chúng sinh trong thế giới đều có đủ phước đức của Đại Phạm Thiên vương so với một vị Ưu-bà-tắc biết đoạn tham dục, có phước tuệ, trăm phần không bằng một, cho đến dùng toán số thí dụ cũng không tính hết được.

Này Na-la-diên! Giả sử đem ba ngàn đại thiên thế giới có các chúng sinh đều là vị Ưu-bà-tắc biết đoạn dục có phước tuệ so với phước tuệ của Xá-lợi-phất thì trăm phần không bằng một, cho đến dùng toán số thí dụ cũng không tính được.

Này Na-la-diên! Giả sử đem ba ngàn đại thiên thế giới chúng sinh, có phước đức trí tuệ như Xá-lợi-phất, so với phước tuệ một vị Duyên giác, thì trăm phần không bằng một, cho đến dùng toán số thí dụ cũng không tính được.

Này Na-la-diên! Nếu đem chúng sinh trong ba ngàn đại thiên thế giới có phước tuệ của vị Duyên giác, so với một Bồ-tát có phước đức trí tuệ đã trải qua năm trăm kiếp tu hành, trăm phần không bằng một. Muốn vào pháp Tam-muội Tập nhất thiết phước đức nên như vậy mà học tập.

Khi Đức Phật giảng nói pháp này, ba vạn hai ngàn chúng sinh đều phát tâm cầu đạt đạo Chánh chân vô thượng. Ba ngàn đại thiên thế giới chấn động đủ sáu cách. Hàng trời, người cùng nhau trỗi nhạc và rải hoa đến đầu gối.

Hàng Trời, Rồng, Dạ-xoa, Càn-thát-bà, Đế thích, Phạm vương, Hộ Thế Tứ Thiên vương, đều thưa:

– Bạch Thế Tôn! Người mới phát tâm thù thắng hơn chúng con.

Thưa Thế Tôn! Chúng con cũng vì lợi ích cho các thiện nam, tín nữ đã phát tâm, nay phát tâm và sẽ phát tâm Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác.

Như chúng con hiểu ý nghĩa Đức Phật dạy: Nếu có chúng sinh không phát tâm cầu đạo Chánh chân vô thượng, thì không thể hướng đến pháp Tam-muội Tập nhất thiết phước đức cũng không chính thức dự vào Tam-muội này.

Nếu có chúng sinh phát tâm cầu đạo Chánh chân vô thượng thì có thể hướng đến pháp Tam-muội Tập nhất thiết phước đức, cũng có thể chính thức dự vào Tam-muội này.

Khi ấy, Lục sĩ Tịnh Oai thưa:

– Bạch Thế Tôn! Dùng những pháp gì để thành tựu được pháp Tam-muội Tập nhất thiết phước đức?

Đức Phật dạy:

– Nay thiện nam! Muốn thành tựu pháp Tam-muội Tập nhất thiết phước đức cần phải thực hành một pháp: Tâm không bao giờ rời bỏ Nhất thiết trí.

Này thiện nam! Như vậy gọi là thành tựu một pháp để hướng về pháp Tam-muội.

Lại nữa, này thiện nam! Thành tựu hai pháp thuộc về pháp Tam-muội Tập nhất thiết phước đức:

Vui nghe pháp Phật không chán nản.

Đã nghe rồi thì như lời dạy mà tu hành.

Này thiện nam! Như vậy gọi là thành tựu hai pháp thuộc về pháp Tam-muội Tập nhất thiết phước đức.

Lại nữa, này thiện nam! Muốn thành tựu ba pháp thuộc về pháp Tam-muội tập nhất thiết phước đức.

Thế nào là ba pháp?

Xa lìa các điều ác.

Hành trì các pháp lành.

Đem tất cả hồi hướng.

Này thiện nam! Như vậy gọi là thành tựu ba pháp thuộc về pháp Tam-muội Tập nhất thiết phước đức.

Lại nữa, này thiện nam! Thành tựu bốn pháp thuộc về pháp Tam-

muội Tập nhất thiết phước đức.

Nghĩa là:

Thanh tịnh giới.

Thanh tịnh kiến.

Thanh tịnh tâm.

Thanh tịnh tuệ.

Này thiện nam! Như vậy gọi là thành tựu bốn pháp thuộc về pháp Tam-muội Tập nhất thiết phước đức.

Lại nữa, này thiện nam! Thành tựu năm pháp thuộc về pháp Tam-muội Tập nhất thiết phước đức.

Thế nào là năm pháp?

Hết lòng phát tâm Bồ-đề.

Thường nói lời chân thật.

Không siểm nịnh hư ngụy.

Không có tâm ganh ghét.

Thường sinh tâm bình đẳng.

Này thiện nam! Như vậy gọi là thành tựu năm pháp thuộc về pháp Tam-muội Tập nhất thiết phước đức.

Lại nữa, này thiện nam! Thành tựu sáu pháp thuộc về pháp Tam-muội Tập nhất thiết phước đức.

Những gì là sáu?

Thân cận Thiện tri thức.

Xa lìa tri thức ác.

Xa lánh chỗ ồn ào.

Ưu thích nơi vắng lặng.

Không bỏ tâm đại từ.

Với chúng sinh luôn khởi tâm đại bi.

Này thiện nam! Đó là sáu pháp thuộc pháp Tam-muội Tập nhất thiết phước đức.

Lại nữa, này thiện nam! Thành tựu bảy pháp thuộc về pháp Tam-muội Tập nhất thiết phước đức.

Những gì là bảy?

Thường tu thiền định.

Khéo thành tựu trí tuệ.

Khéo biết về nhân.

Khéo biết về duyên.

Chánh trực an trú.

Tu tập chánh đạo.

Khi tu hành chánh đạo không có biếng nhác.

Này thiện nam! Như vậy gọi là thành tựu bảy pháp thuộc về pháp Tam-muội Tập nhất thiết phước đức.

Lại nữa, này thiện nam! Thành tựu tám pháp thuộc về pháp Tam-muội Tập nhất thiết phước đức.

Những gì là tám?

Điều hòa thân.

Điều hòa tâm.

Quán cảm thọ.

Quán các pháp.

Điều ác chưa sinh khiến nó không sinh.

Điều ác đã sinh khiến nó đoạn diệt.

Điều lành chưa sinh khiến nó được sinh.

Điều lành đã sinh giúp nó tăng trưởng.

Này thiện nam! Như vậy gọi là thành tựu tám pháp thuộc về pháp Tam-muội Tập nhất thiết phước đức.

Lại nữa, này thiện nam! Thành tựu chín pháp thuộc về pháp Tam-muội Tập nhất thiết phước đức.

Những gì là chín?

Quán các pháp quá khứ không cùng tận.

Quán pháp hiện tại cũng không cùng tận.

Quán pháp vị lai cũng không cùng tận.

Quán các pháp đều như huyễn.

Tánh giác bình đẳng thông cả ba đời.

Biết hết thấy pháp mà được an nhẫn.

Không phải báng pháp tánh không.

Không phân biệt pháp vô tướng.

Không nguyện sinh các cõi.

Đó gọi là thành tựu chín pháp thuộc pháp Tam-muội Tập nhất thiết phước đức.

Lại nữa, này thiện nam! Thành tựu mười pháp thuộc về pháp Tam-muội Tập nhất thiết phước đức.

Những gì là mười?

Biết rõ được pháp vô ngã.

An nhẫn với ý nghĩa không thọ mạng.

Không nghi pháp nói về vô nhân.

Nương tu pháp vô thường.

Đối với chỗ sinh của các chúng sinh, tưởng như là địa ngục.

Quán bốn đại như rắn độc.

Quán nhập như không tụ.

Quán âm như một hợp thể dễ phân rã.

Biết tướng sinh ra các cõi.

Ham tu giải thoát.

Này thiện nam! Như vậy gọi là thành tựu mười pháp thuộc về pháp Tam-muội Tập nhất thiết phước đức.

Khi ấy, Lục sĩ Tịnh Oai thưa Đức Phật:

– Bạch Thế Tôn! Nếu Đại Bồ-tát muốn thành tựu tất cả phước đức trang nghiêm, nên thuận theo tu tập Tam-muội này.

Nếu Đại Bồ-tát muốn gom tất cả phước đức, nên thuận theo tu tập Tam-muội này.

Nếu Đại Bồ-tát muốn được phước đức không thể nghĩ bàn, nên tin vào pháp Tam-muội này, nên thuận theo tu tập pháp Tam-muội này.

Nếu Đại Bồ-tát muốn được phước đức không cùng tận, cũng nên tu hành theo Tam-muội này.

Nếu Đại Bồ-tát muốn đạt đến tất cả phước đức như biển cả, nên thọ trì, đọc tụng, tu hành theo Tam-muội này.

Nếu Đại Bồ-tát muốn được trăm phước tướng, cần nên tu hành theo Tam-muội này.

Khi ấy, Lục sĩ Tịnh Oai thưa Đức Phật:

– Bạch Thế Tôn! Đại Bồ-tát tu pháp nào để tương ưng và thành tựu đầy đủ tất cả phước đức trang nghiêm này, gom lại tất cả phước đức không thể nghĩ bàn, phước đức không cùng tận, phước đức như biển cả, phước

đức đầy đủ trăm phước tướng.

Khi ấy, Đức Phật bảo Lục sĩ Tinh Oai:

– Nay thiện nam! Có ba pháp làm trụ cột cho phước đức. Phước đức trang nghiêm, phước đức nhóm họp, phước đức rộng lớn như biển cả, phước đức không thể suy nghĩ hết. Phước đức không cùng tận, phước đức như biển cả, phước đức không thể suy nghĩ hết.

Những gì là ba?

Bồ thí trang nghiêm.

Trì giới trang nghiêm.

Đa văn trang nghiêm.

Nay thiện nam! Thế nào là Đại Bồ-tát tu hành bồ thí trang nghiêm?

Nay thiện nam! Đại Bồ-tát nên sinh tâm như thế này: Nếu khi bồ thí không nên thấy mình có tâm thí, không thấy vật bồ thí và người thọ thí, thấy người là quyến thuộc. Nếu người đến xin có chỗ mong cầu, nên chấp nhận giúp đỡ họ. Không vì tài vật của vua ban, các của báu v.v... mà có tâm lẫn tiếc.

Nay thiện nam! Là Đại Bồ-tát nên suy nghĩ như vậy: “Nay thân của ta đây đã nguyện xả thí cho tất cả chúng sinh hưởng gì các thứ tiền tài vật chất khác. Nếu đã bồ thí sẽ không hối hận. Họ cần tiền của giúp tiền của, cần ăn giúp đồ ăn, cần uống giúp nước uống. Cho đến cần mắt cho mắt, cần thịt cho thịt, cần máu cho máu, cần tủy cho tủy, cần chi tiết cho chi tiết. Như nhu cầu cần xin đâu ta cũng nên bồ thí, hưởng gì các thứ tiền tài vật chất khác. Nào lúa gạo, vàng bạc, y phục, chuỗi anh lạc, voi ngựa, xe cộ, quốc thành, vương cung, nam nữ, vợ con, nô tỳ, bà con quyến thuộc, tất cả đều buông xả. Nếu có chúng sinh tùy chỗ họ cần dùng cầu xin, ta sẽ tùy theo khả năng đang có mà giúp đỡ cho họ. Không buồn không hối hận, không mong cầu họ báo đáp lại, phát khởi tâm từ bi vì giáo hóa chúng sinh, giáo hóa chúng sinh cho đến khi họ thành Phật cũng không thôi nghĩ”.

Nay thiện nam! Nếu có Bồ-tát phát tâm như vậy, gọi là Bồ-tát dùng bồ thí để trang nghiêm.

Lại nữa, nay thiện nam! Bồ-tát không tự chấp trước thân mạng tha bỏ thân mạng, không thể vì nó mà làm ác, không vì nuôi dưỡng thân mà làm các nghề tà mạng, tha bỏ thân mạng không xúc não người khác. Không vì thôn ập được phong mà tạo các điều ác, không vì bà con quyến thuộc mà hung hăng trang đấu, không vì thế thiếp và do nam nữ mà sinh tâm ganh

ghét về tài, về lợi của người khác. Không sinh tâm tham lam keo kiệt mà thường thiếu dục, cho đến sinh một niệm tâm ác, huống nữa là nhiều. Vì dứt trừ tham lam keo kiệt, không sinh tâm sân giận cho nên tương ưng với việc tu hành chân chánh, do tương ưng với tu hành chân chánh nên gặp chỗ ở thanh tịnh, do chỗ ở thanh tịnh nên tương ưng với chánh giới, do tương ưng chánh giới, nên được gần thiện tri thức, thường cung kính cúng dường, do cung kính cúng dường thiện tri thức nên được nghe chánh pháp, nghe chánh pháp rồi sẽ như lời chỉ dạy mà tu hành, như lời chỉ dạy tu hành rồi, thì hay tạo lợi ích cho chúng sinh tà đạo, không nên làm ác mà tùy thuận pháp lành, được biết các pháp phương tiện và biết căn tánh chúng sinh.

Này thiện nam! Như vậy là Bồ-tát tu hành bố thí để trang nghiêm mà được công đức.

Lại nữa, này thiện nam! Vị Đại Bồ-tát không sinh tư tưởng có nội ngoại, hoặc địa đại bên trong, hoặc địa đại bên ngoài, đều không có tướng sai khác.

Vì sao? Thân ta như tường vách, cỏ cây, như hình ảnh, như ngọn lửa, nó không biết, không nghĩ, không tạo tác, không vững chắc, đều thuộc về bốn đại. Nếu có chém chặt, dùng dao, gậy, ngói, đá đánh đập nó đều không phản ứng. Vì vậy nên không chấp chặt thân, không yêu mến thọ mạng, đối với các chúng sinh không sinh tâm sân hận, mà đối với họ tu hạnh từ bi.

Này thiện nam! Cũng giống như cây thuốc, thầy thuốc có lấy rễ, thân, cành, nhánh, lá, hoa và quả, cây thuốc ấy không có ý niệm là nên lấy rễ chớ lấy thân, hay lấy thân chớ lấy rễ, như thế cho đến cành, lá, quả cũng vậy, cây thuốc ấy đều không tưởng, niệm gì cả, im lặng nhưng nó lại có khả năng làm cho các loại bệnh của tất cả chúng sinh an lành khỏe mạnh.

Như vậy, này thiện nam! Đại Bồ-tát đối với thân bốn đại xem như cây thuốc. Tùy các chúng sinh, cần tay sẵn sàng cho tay, cần chân cho chân, cần mắt cho mắt, cần thịt cho thịt, cần máu cho máu, cần xương cho xương, cần tủy cho tủy, cần đầu cho đầu, cần các chi tiết khác đều cho tất cả.

Này thiện nam! Như thế Bồ-tát dùng tâm tu hành như vậy mà bố thí để trang nghiêm hướng đến vô tận. Khi Đại Bồ-tát tu hạnh bố thí vì chúng sinh tham lam keo kiệt khiến cho họ thành người ưa bố thí. Chúng sinh thiếu phước đức sẽ đầy đủ phước đức. Chúng sinh bần cùng sẽ được ruộng vườn giàu có. Nếu xả thí tay chân sẽ khiến cho chúng sinh đầy đủ tay chân. Như vậy bố thí sẽ không hướng đến ba mục đích.

Những gì là ba?

Không mong cầu tự tại nơi địa vị vua chúa.
 Không mong cầu được giàu có lớn để tự hưởng lạc.
 Không hướng đến giác ngộ của Thanh văn, Duyên giác.
 Như vậy, Bồ thí để đầy đủ bốn thứ thanh tịnh. Những gì là bốn?
 Cõi Phật thanh tịnh.
 Bồ-tát Tăng thanh tịnh.
 Đại chúng được giáo hóa thanh tịnh.
 Hồi hướng nhất thiết thanh tịnh.
 Bồ-tát nên như vậy hướng về bốn thứ thanh tịnh. Lại nữa, Đại Bồ-tát
 Bồ thí an trụ vô tận.
 Thế nào là Bồ-tát thí trụ?
 Đây thiện nam! Đại Bồ-tát có bốn pháp Bồ thí, pháp ấy có lúc cùng
 tận.
 Những gì là bốn?
 Bồ thí mà không hồi hướng.
 Không có phương tiện.
 Hành động thấp kém.
 Gàn tri thức ác.
 Đây là bốn pháp Bồ thí hữu tâm.
 Đây thiện nam! Bồ-tát có bốn pháp Bồ thí mà pháp thí ấy an trụ vô
 tận.
 Những gì là bốn?
 Bồ thí mà hồi hướng về Bồ-đề vô thượng.
 Có phương tiện khéo léo.
 Vì thành đáng Pháp vương.
 Thân gần thiện tri thức.
 Đây thiện nam! Đây là bốn pháp Bồ thí của Bồ-tát không cùng tận.
 Lại nữa, đây thiện nam! Đại Bồ-tát nhớ nghĩ ba pháp mà hành Bồ thí.
 Những gì là ba?
 Ý niệm không xa lìa tâm giác ngộ.
 Luôn thương xót tất cả chúng sinh.
 Không trái với lời dạy của Phật, không mong quả báo.
 Đây thiện nam! như vậy gọi là Bồ-tát nghĩ đến ba pháp mà thực hành

bồ thí.

Lại nữa, này thiện nam! Đại Bồ-tát đặt chúng sinh vào trong ba pháp mà thực hành bồ thí.

Những gì là ba?

An trú chúng sinh trong đạo giác ngộ mà thực hành bồ thí.

Vì an trú chúng sinh trong giáo pháp đã được khéo tán thán mà thực hành bồ thí.

Vì muốn đặt chúng sinh vào chốn cao thượng mà thực hành bồ thí.

Này thiện nam! Như vậy gọi là Đại Bồ-tát đặt chúng sinh trong ba pháp mà thực hành bồ thí.

Lại nữa, này thiện nam! Đại Bồ-tát hy vọng một pháp mà thực hành bồ thí.

Những gì là một?

Hy vọng có được phong ấp rộng lớn, mà hay tu tâm xả thí.

Này thiện nam! Như vậy gọi là Bồ-tát hy vọng một pháp mà thực hành bồ thí.

Lại nữa, này thiện nam! Đại Bồ-tát vì đầy đủ hai pháp mà thực hành bồ thí. Nghĩa là: Đủ trí và đủ tuệ. Như vậy gọi là Đại Bồ-tát đầy đủ hai pháp mà thực hành bồ thí.

Lại nữa, này thiện nam! Đại Bồ-tát đạt đến hai pháp mà thực hành bồ thí.

Những gì là hai?

Tận trí.

Vô sinh trí.

Như vậy gọi là Đại Bồ-tát đạt đến hai pháp mà thực hành bồ thí.

Lại nữa, này thiện nam! Đại Bồ-tát tu hành bốn pháp thí.

Những gì là bốn?

Dùng tâm bình đẳng thực hành bồ thí.

Không mong cầu quả báo mà bồ thí.

Vì hướng đến giác ngộ mà bồ thí.

Ưu khen ngợi cảnh vắng lặng mà bồ thí.

Này thiện nam! Như vậy gọi là Bồ-tát tu hành bốn pháp bồ thí.

Vì vậy, này thiện nam! Bồ-tát muốn thành tựu phước đức không cùng

tận, cần nên tu học và thực hành cách bố thí như vậy.

Khi ấy, Lực sĩ Tịnh Oai liền bạch Phật:

– Thưa Thế Tôn! Thật là ít có. Như Lai nói về bố thí mà như trâu gặm tất cả chánh pháp của Phật.

Bạch Thế Tôn! Nếu Bồ-tát thành tựu pháp bố thí này, thì phước đức của Bồ-tát đó không thể so lường hết được.

Phật dạy:

– Đúng như vậy! Đúng như vậy!

Này thiện nam! Nếu Bồ-tát thành tựu đầy đủ pháp bố thí như vậy, biết rằng Bồ-tát ấy thành tựu đầy đủ phước đức không cùng tận, phước đức như biển cả, không nghèo thánh pháp, có phong ấp rộng lớn, an trú trong dòng pháp, có nhiều tiền tài, đầy đủ thất tài, thành đại phước đức, đem hình tướng trăm phước làm ruộng phước rộng lớn để nuôi dưỡng tất cả chúng sinh một cách bình đẳng.



KINH TẬP NHẤT THIẾT PHƯỚC ĐỨC TAM MUỘI

QUYỂN TRUNG

Khi ấy, Phật bảo Lục sĩ Tịnh Oai:

– Này thiện nam! Thế nào là Đại Bồ-tát dùng tịnh giới để trang nghiêm? Nghĩa là giữ giới thanh tịnh không có khiếm khuyết, không bỏ học giới, thương người phá giới và rất kính trọng việc trì giới. Thanh tịnh thân gồm ba nghiệp, thanh tịnh khẩu có bốn lỗi lầm, thanh tịnh ý lại cũng ba nghiệp. Tự thành tựu mười điều thiện cho mình, đem mười điều thiện dạy cho mọi người, không tự khen ngợi, không sinh tâm kiêu mạn vì giữ giới, siêng gắng tu giới. Trong khi tu hạnh Đầu-đà tâm không lay động, nương nơi Thánh chủng tự hộ tâm mình, không thấy lỗi của người, không làm các điều ác, không nguyện sinh các cõi, cũng không ham vui, khuyên người tu thiện, siêng giúp đỡ người khác, khuyên người bố thí không mong cầu đền đáp, không từ bỏ chỗ ở vắng lặng, vì người bệnh cung cấp sự cần dùng, làm xong lòng rất hoan hỷ, làm đúng như lời nói. Mất lợi không lo buồn, được lợi không có tâm cao ngạo. Bị phỉ báng, khen ngợi, xưng dương, quở trách cùng với việc khổ vui tâm không điên đảo dao động. Đoạn trừ thương ghét, tâm không oán giận hiềm nghi. Tu hành tâm từ, xem kẻ oán cũng như người thân. Không lấy việc giữ giới mà tự cao, không hướng đến các thừa khác, không lễ bái trời thần, xả bỏ các kiến chấp, che lấp kiết sử triền phược, đoạn trừ tâm hối hận. Xả bỏ tiền tài không hối tiếc, tâm sinh hoan hỷ, tâm không nguyện ưa sinh các cõi vui sướng mà nhần nại với cảnh lao khổ, khéo hộ trì cho tâm luôn tinh tấn, xa lìa tâm chấp trước, không sợ hãi pháp nhân Vô sinh.

Này thiện nam! Đại Bồ-tát tu tập giới này, cho đến phải mất thân mạng trọn không hủy phạm.

Không vì địa vị vua chúa mà thọ trì giới cấm. Không vì sinh lên trời, không vì Đế thích, không vì Phạm vương mà hộ trì giới cấm. Không vì phong áp, không vì tự tại, không vì sắc thân tốt đẹp mà hộ trì giới cấm.

Không vì thân thể đoan chánh, không vì danh dự, không vì khen ngợi, không vì được lợi dưỡng, không vì cung kính, không vì nuôi dưỡng thân mạng, không vì đồ ăn uống, không vì đồ nằm, không vì thuốc trị bệnh mà hộ trì giới cấm. Không vì mắt thấy sắc, không vì tai nghe tiếng, không vì mũi ngửi hương, không vì lưỡi nếm vị, thân xúc chạm, tâm đối với tất cả pháp mà hộ trì giới cấm. Không nương vào sắc, không nương vào thọ, tưởng, hành, thức mà hộ trì giới cấm. Không nương vào Dục giới, Sắc giới, Vô sắc giới mà hộ trì giới cấm. Không sợ địa ngục, ngạ quỷ, súc sinh, không vì được cứu hộ mà hộ trì giới cấm. Không sợ trong nhân đạo bần cùng khổ khổ mà hộ trì giới cấm. Không sợ thiên đạo bần cùng khổ khổ mà hộ trì giới cấm. Không sợ Trời, Rồng, Dạ-xoa, Càn-thát-bà, A-tu-la, Khẩn-na-la, Ca-lâu-la, Ma-hầu-la-già ở trong các loài ấy bần cùng khổ khổ cho nên mới hộ trì giới cấm.

Vì giống Phật nên hộ trì giới cấm, vì nghe pháp như điều đã nghe mà hành trì nên hộ trì giới cấm. Vì chư tăng mà hộ trì giới cấm. Vì muốn vượt qua sinh, già, bệnh, chết, ưu bi, khổ não mà hộ trì giới cấm. Vì muốn giải thoát cho tất cả chúng sinh cho nên hộ trì giới cấm. Vì muốn an lạc lợi ích cho tất cả chúng sinh nên hộ trì giới cấm. Vì muốn pháp Phật trụ lâu ở đời nên hộ trì giới cấm. Vì muốn chuyển vận bánh xe pháp nên hộ trì giới cấm. Vì muốn tu tập gieo trồng bậc Thánh mà hộ trì giới cấm. Vì không muốn đoạn dứt hạt giống Phật, Pháp, Tăng mà hộ trì giới cấm. Vì thần thông vi diệu mà hộ trì giới cấm. Vì giới, định, tuệ, giải thoát, giải thoát tri kiến mà hộ trì giới cấm. Vì thần túc biến hóa ứng hiện cùng khắp mà hộ trì giới cấm.

Như vậy, trì giới không hủy phạm, không khiếm khuyết, không rò chảy mà chắc thật. Ra làm bất cứ việc gì, người này cũng được đầy đủ thành tựu, thường rất tinh diệu không nhiễm, thanh tịnh thơm sạch, được người trí khen ngợi, chư Phật hoan hỷ, như pháp tu hành kiên cố chân thật.

Nếu Bồ-tát trì giới được thành tựu như vậy sẽ không mất mười pháp.

Những gì là mười?

Bồ-tát không mất địa vị Chuyển luân vương. Khi đang ở trong địa vị này không sinh tâm buông lung, hy vọng muốn được giác ngộ cao tột, nguyện được thấy Phật.

Không mất địa vị Đế thích, không sinh tâm buông lung, hy vọng muốn được đạt giác ngộ cao tột, nguyện được thấy Phật.

Không mất địa vị Phạm vương, không sinh tâm buông lung, hy vọng muốn được đạt giác ngộ cao tột, nguyện được thấy Phật.

Có tín tâm thanh tịnh chân chánh, không mất việc nghe được chánh pháp.

Như pháp được nghe, khéo hay phân biệt.

Không mất khả năng tiếp nhận được trí tuệ của Bồ-tát.

Không mất khả năng vô đoan, vô ngại, biện tài.

Không mất tất cả thiện căn đã được gom tụ.

Không mất tất cả chư Phật, Thanh văn, Duyên giác tán thán.

Không mất mà còn nhanh chóng thông đạt tất cả trí tuệ của Phật.

Nếu Bồ-tát thành tựu việc trì giới thanh tịnh sẽ không mất mười pháp này.

Bồ-tát thành tựu các công đức trì giới này, chư Thiên thường lễ bái, loài rồng tôn kính, Dạ-xoa thường cung kính vâng lời, các vị Càn-thát-bà cũng thường cúng dường, A-tu-la cung kính hầu gần, các vị vua, Bà-la-môn, trưởng giả, cư sĩ tất cả đều tôn trọng, người trí hướng đến, chư Phật thường hộ niệm, chư Thiên và người đời thường phụng sự như là bậc thầy, thường thương xót chúng sinh.

Nếu Bồ-tát như vậy thanh tịnh trì giới công đức đầy đủ, sẽ không phải sinh vào bốn cõi loại trừ việc giáo hóa chúng sinh.

Những gì là bốn?

Không sinh chỗ biên địa.

Không sinh vào nước không có Phật.

Không sinh vào nhà tà kiến.

Không sinh vào đường ác.

Như vậy gọi là Bồ-tát thanh tịnh trì giới công đức đầy đủ, sẽ không sinh vào bốn chỗ.

Lại nữa, này thiện nam! Như vậy Bồ-tát thọ trì tịnh giới không mất bốn pháp.

Những gì là bốn?

Không bao giờ quên mất tâm Bồ-đề.

Không bao giờ quên niệm Đức Phật.

Không bao giờ quên việc nghe pháp Phật.

Đã được nghe pháp, dù trải qua vô lượng, vô số kiếp cũng không quên mất.

Như vậy là bốn pháp, Bồ-tát giữ giới thanh tịnh không quên mất.

Này thiện nam! Bồ-tát thanh tịnh thọ trì giới cấm sẽ không gặp bốn chỗ. Nghĩa là:

Không gặp pháp Phật bị diệt.
 Không gặp kiếp đao binh.
 Không gặp kiếp đói khát.
 Không gặp kiếp đang thiêu cháy.

Như vậy là bốn việc mà Bồ-tát thanh tịnh thọ trì giới luật sẽ không gặp bốn chỗ.

Lại nữa, này thiện nam! Bồ-tát thanh tịnh thọ trì giới luật như vậy được bốn thắng pháp. Những gì là bốn?

Luôn tôn kính Đức Phật.
 Thường kính mến chư Thiên.
 Không bao giờ lừa dối chúng sinh.
 Không lừa dối chính mình.

Như vậy Bồ-tát thanh tịnh thọ trì giới luật được bốn thắng pháp.

Lại nữa, này thiện nam! Bồ-tát thanh tịnh thọ trì giới luật, xa lìa mười thứ sợ hãi. Những gì là mười?

Lìa sợ địa ngục.
 Lìa sợ địa súc sinh.
 Lìa sợ địa ngạ quỷ.
 Lìa sợ nghèo hèn.
 Lìa sợ không được tán thán.
 Lìa sợ phiền não trói buộc.
 Lìa sợ phải rơi vào các địa vị Thanh văn, Duyên giác.
 Lìa sợ rơi vào các loài Trời, Rồng, Dạ-xoa, Càn-thát-bà, A-tu-la, Ca-lâu-la, Khẩn-na-la, Ma-hầu-la-già, Câu-biên-trà, La-sát v.v...
 Lìa sợ đồ tể, đao, gậy, lửa, thuốc độc v.v...
 Lìa sợ do các loài: Sư tử, cọp, beo, gấu lớn và Đa-lặc-xoa, chồn, chó sói, mãng xà, mèo, chuột, rắn, rết trăm chân, trùng độc, giặc vua v.v...

Như vậy, Bồ-tát nương giới luật thanh tịnh xa lìa mười thứ sợ hãi.

Này thiện nam! Bồ-tát trì giới thời được gặp tất cả pháp Phật, cho đến thành tựu Bồ-đề vô thượng. Vì sao? Nếu có trì giới liền có chánh định, nếu có trì giới liền có trí tuệ, nếu có trì giới liền có giải thoát, nếu có trì giới

liền có giải thoát tri kiến.

Này thiện nam! Thế nào gọi là giới?

Giới còn gọi là điều hòa tịch tĩnh các kiết sử. Vì nhân duyên gì mà gọi là kiết sử?

Do vì làm nhiễm ô chúng sinh trong ba cõi, nên gọi là kiết sử. Thế nào gọi là vắng lặng?

Không vọng tưởng, không phân biệt, không sinh tâm chấp trước, vĩnh viễn không nghĩ nhớ tất cả các pháp.

Như vậy gọi là vắng lặng điều hòa tất cả kiết sử.

Này thiện nam! Nếu Đại Bồ-tát không thể vắng lặng điều hòa các kiết sử như vậy, thì không thể gọi là giữ giới thanh tịnh. Vì sao? Nếu không biết vắng lặng điều hòa các kiết sử, tuy được sinh lên cõi trời Phạm thiên cũng còn kiết sử nhiễm ô, cho đến sinh lên cõi Phi tưởng, phi phi tưởng cũng còn kiết sử.

Này thiện nam! Vì vậy dứt trừ hết kiết sử trong ba cõi, gọi là thanh tịnh giữ giới.

Khi ấy, Lục sĩ Tịnh Oai bạch Phật:

– Thưa Thế Tôn! Nếu lìa các kiết sử nhiễm ô trong ba cõi gọi là giữ giới thanh tịnh. Vì sao Đức Thế Tôn khi làm Bồ-tát đã hết kiết sử trong ba cõi lại còn sinh vào trong ấy?

Khi ấy, Đức Thế Tôn bảo Lục sĩ Tịnh Oai:

– Này thiện nam! Đại Bồ-tát không phải do kiết sử của mình mà sinh trong ba cõi. Do phương tiện mà cùng ở chung trong ba cõi, tuy không có kiết sử mà vẫn ở, là vì hóa độ chúng sinh đó vậy.

Này thiện nam! Giả sử người hay trời có thể vẽ trong hư không các màu sắc, hình tượng, ý ông nghĩ thế nào? Là việc hy hữu phải không?

– Đúng vậy, thưa Thế Tôn! Đúng vậy, thưa Thiện Thệ! Việc làm của người đó rất là hy hữu.

Đức Phật dạy:

– Này thiện nam! Bồ-tát xa lìa tất cả kiết sử mà vẫn ở trong tam giới, hiện bày ba thừa giáo hóa chúng sinh như vậy mới là hy hữu.

Lục sĩ Tịnh Oai thưa:

– Bạch Thế Tôn! Là Bồ-tát thành tựu an trú trong cửa giải thoát, vì thương xót chúng sinh nên trở lại vào ở trong ba cõi.

Thưa Thế Tôn! Ví như có người từ bị phanh thây xẻ thịt mà trở lại được toàn thân mạng. Sau khi thoát ra rồi nhưng trở lại vào trong chỗ ấy, nói: “Ông nay nên giết ta, chớ giết người khác”.

Thưa Thế Tôn! Ba cõi này cũng như lò sát sinh, tất cả chúng sinh giống như người đáng tội chết, bị rơi vào trong sinh tử, như rơi vào nơi chém giết mà được thoát ra.

Cũng như Bồ-tát đã ra khỏi ba cõi vì giáo hóa chúng sinh, vì giải thoát cho chúng sinh mà lại vào ở trong ba cõi.

Thưa Thế Tôn! Bồ-tát có tâm đại bi, các Thanh văn, Duyên giác không thể bằng được. Vì sao? Vì Thanh văn, Duyên giác không có tâm đại bi như vậy, không dùng phương tiện khéo léo, không dùng tịnh giới để trang nghiêm.

Đức Thế Tôn bảo Lục sĩ Tịnh Oai:

– Nay thiện nam! Thế nào là Đại Bồ-tát thường tu tập đa văn để trang nghiêm mà cầu học đa văn?

Nay thiện nam! Đại Bồ-tát đối với Hòa thượng, A-xà-lê luôn cung kính cúng dường, tôn trọng tán thán theo lời dạy mà tu hành, trừ bỏ kiêu mạn nhanh chóng tiếp nhận lời chỉ dạy, ở trong chánh pháp sinh tâm ưa thích. Đối với Hòa thượng, A-xà-lê cung kính tưởng như Phật, đối với tự thân tưởng như người bệnh, với người giảng nói pháp Phật tưởng như thầy thuốc sáng suốt. Vì tu tập pháp Phật không tiếc thân mạng, đối với tiền tài vật chất, y bát v.v... sinh tư tưởng như là những thứ có thể tạo phiền não, trói buộc. Tuy có đủ ruộng vườn, phước lộc cũng không sinh tâm đắm trước. Vì tôn trọng pháp cho nên tất cả đều xả bỏ. Vì hộ trì chánh pháp nên xả bỏ tất cả châu báu của thế gian. Vì muốn có được niềm vui trong pháp Phật cho nên xả bỏ danh dự, khen ngợi. Vì muốn thành tựu Pháp vương nên xả bỏ vương vị. Vì muốn bỏ tất cả các kiết sử cho nên phải siêng năng tu tập những pháp tương ưng. Vì muốn cứu độ tất cả chúng sinh, cho nên cũng cần tu tập các pháp ứng hợp với công việc ấy. Đại Bồ-tát khi tu tập theo chánh pháp thì tất cả thiện căn tự nhiên khai phát.

Vì vậy, nay thiện nam! Đại Bồ-tát muốn thành tựu giác ngộ, muốn đứng vững, nương vào cột trụ lý trí nên tu tập đa văn.

Nay thiện nam! Như cung điện của vua trời Đế Thích cũng nhờ nương vào trụ cột mà đứng vững. Các vị trời ở cõi Tam Thập Tam ở trong đó vui chơi.

Như vậy, nay thiện nam! Do Bồ-tát nương nơi trụ cột lý trí, mà tất cả

chư Thiên, người đời đều được an lạc.

Này thiện nam! Nếu có Bồ-tát phát tâm Bồ-đề là bước đầu của việc giác ngộ, nói muốn thành Phật, mà đối với pháp đa văn không siêng năng tu tập thì người này đối với các chúng sinh là kẻ vô trí tội cùng.

Như vậy gọi là Bồ-tát thanh tịnh trì giới nên tinh tấn tu tập đa văn. Tất cả chúng sinh đều lấy đa văn làm cột trụ để nương dựa.

Khi ấy, chư Thiên đều rất hoan hỷ mừng rỡ.

Đây là thiện trọng phu, vững chắc tinh tấn tu tập trí tuệ, quyết chắc sẽ được mười lực của Phật.

Đây là thiện trọng phu, sẽ dùng năng lực trí tuệ chặt đứt lưới phiền não trôi buột.

Đây là thiện trọng phu, sẽ diễn nói chánh pháp đoạn trừ tất cả kiết sử cho chúng sinh.

Đây là thiện trọng phu, sẽ đi đến ngồi dưới gốc cây Bồ-đề nơi chư Phật đã ngồi.

Đây là thiện trọng phu, sẽ dùng năng lực của chính mình để hàng phục tất cả ma.

Đây là thiện trọng phu, sẽ vận chuyển bánh xe pháp, ba chuyển mười hai hành.

Này thiện nam! Nếu có Bồ-tát khi tu phép đa văn, tất cả cung điện của ma đều bị mờ tối, ma vương trong ba ngàn đại thiên thế giới thấy đều u sầu phiền não nói: “Người này thù thắng hơn chúng ta”. Ngoài ra các thiên ma còn nói: “Người này có khả năng hàng phục và làm chủ chúng ta. Tất cả chúng ta đều thuộc về người này”. Vì sao? Này thiện nam! Do Bồ-tát này tu tập đa văn có trí tuệ có thể dứt trừ các kiết sử phiền não, do không còn kiết sử nên ma không thể thuận tiện quấy nhiễu. Đã có đa văn thời khéo phân biệt, đã khéo phân biệt thời hay tu hành, đã hay tu hành thì ma không thể thuận tiện quấy nhiễu. Người tu đa văn xa lìa tà kiến, được nương chánh kiến. Đã an trú chánh kiến, ma không tiện quấy phá, thì có thể chân chánh tu hành. Đã chân chánh tu hành thời cũng có thể phân biệt được ý nghĩa. Đã xa lìa các điều phi nghĩa thì có thể chính đáng vượt qua cả nghĩa và phi nghĩa.

Này thiện nam! Do nhân duyên này cho nên đáng biết điều cần biết.

Này thiện nam! Khi Bồ-tát tu pháp đa văn này sẽ trừ được bốn thứ ma. Nghĩa là:

Âm ma. Phiền não ma. Tử ma. Thiên ma.

Này thiện nam! Như khi xưa các Bồ-tát tu tập đa văn, mong muốn lợi ích nơi pháp này và khéo an trú nơi pháp này, Ta nay chỉ nêu một ít chuyện.

Này thiện nam! Trải qua nhiều đời về quá khứ vô số kiếp, vô lượng vô biên không thể nghĩ bàn. Thời ấy, có một vị đại tiên tên là Tối Thắng, ở trong rừng núi có đầy đủ năm phép thần thông, thường tu hành tâm từ, ông nghĩ: “Ta nay ở trong núi tu hành tâm từ không có lợi ích, không chỉ tâm từ có thể diệt trừ các phiền não cho chúng sinh trong vô lượng kiếp, nhưng không phải tâm từ có thể sinh khởi chánh kiến”.

Lại suy nghĩ: “Do nhân duyên gì có thể sinh khởi chánh kiến?”

Lại suy nghĩ: “Có hai nhân duyên có thể sinh chánh kiến. Nghĩa là: Một là: Từ người khác mà được nghe. Hai là: Nghe rồi chân chánh suy nghĩ. Do hai pháp này hay sinh chánh kiến”.

Khi ấy liền sinh tâm cầu đa văn, nên tìm chỗ nào để được nghe pháp lành này, do nhân duyên vì pháp, tìm cầu pháp tương ưng để tu tập.

Khi ấy, tiên nhân đi đến các xóm làng, thành ấp, quận huyện, vương thành. Đi đến những chỗ ấy để tìm cầu học hỏi đa văn, nhưng cuối cùng cũng không tìm được vị thầy giảng nói pháp Phật.

Thời ấy, có thiên ma đi đến chỗ vị tiên kia mà nói: “Ta nay có nghe được một bài kệ do Đức Phật nói”. Vị tiên Tối Thắng nghe nói đến bài kệ của Phật liền bảo: “Hãy vì ta diễn nói”. Thiên ma ấy bảo: “Nếu ông có thể cắt da làm giấy, dùng máu làm mực, chẻ xương làm viết để chép bài kệ, tôi mới giảng cho ông bài kệ của Phật”.

Này thiện nam! Khi ấy, vị tiên Tối Thắng nghĩ: “Ta nay bị sinh tử nhiều kiếp với thân này ở những chỗ sinh ra bị lính, bị giặc chém chặt. Trong trăm ngàn kiếp thường chẳng vì mục đích gì, mà phải rơi vào bàn tay sinh sát của họ: dùng dao sắt chém chặt, phân từng phần nhỏ. Hoặc vì tham dục hoặc vì tiền tài, lợi lộc mà bị giết, trói, đánh đập, giam cầm, nhục mạ, bị chịu cực khổ quá nhiều, đều không có lợi ích gì mà phải chịu sự chém chặt. Ta nay nên dùng cái thân không chắc thật này mà đổi lấy pháp vi diệu”. Nên lòng rất hoan hỷ mừng vui cho rằng: “Ta sẽ được lợi ích lớn vì được nghe pháp ngữ”.

Đối với vị trời kia, sinh tử tưởng như là bậc tôn sư, liền dùng dao sắt lột da nơi thân phơi làm giấy, chích lấy máu dùng làm mực, lại còn chẻ xương để dùng làm bút, rồi chấp tay hướng về vị thiên ma kia mà thưa: “Ông nên vì tôi mà nói bài kệ được nghe Phật dạy như trước đã hứa. Tôi

đã cắt da làm giấy, lấy máu làm mực, chẻ xương làm viết, tôi nay đều đã làm xong”.

Này thiện nam! Khi vị thiên ma kia thấy tiên TỐI THẮNG cung kính vì cầu pháp, biết như vậy lòng rất sầu lo liền ẩn mất.

Này thiện nam! Khi tiên TỐI THẮNG thấy thiên ma ẩn mất liền nghĩ: “Ta nay vì pháp sinh tâm cung kính, cắt da làm giấy, chẻ xương làm bút, ta cung kính như vậy chỉ vì cầu pháp, với thiện căn này sẽ không bị thất bại, ta nói lời này thành thật không hư dối: Nguyên sinh tâm từ bi vì các chúng sinh không tiếc thân mạng nên cắt da làm giấy, lấy máu làm mực, chẻ xương làm bút. Nếu ta hết lòng thành thật không hư dối, xin đức ĐẠI TỪ ĐẠI BI khắp các phương trên thế giới, có thể giảng nói pháp Phật hãy hiện ra trước mặt con”.

Này thiện nam! Đại tiên TỐI THẮNG kia nói xong lời ấy, trong khoảng một niệm, về phía Đông cách cõi Phật này ba mươi hai cõi Phật, cõi đó quốc độ tên là PHỔ VÔ CẦU. Trong cõi ấy có Phật hiệu là Tịnh Danh Vương Như Lai, Ứng Cúng, Chánh Biến Giác. Ngay khi ấy, Ngài biết tâm niệm và việc làm của tiên TỐI THẮNG và cũng muốn giáo hóa chúng sinh ở cõi Diêm-phù-đề, ví như trong khoảnh khắc khảy móng tay của tráng sĩ, nương hư không đến trước vị tiên TỐI THẮNG cùng với năm trăm Bồ-tát. Đức Phật Tịnh Danh Vương Như Lai phóng ra ánh sáng lớn chiếu khắp núi rừng, trời mưa các loại hoa. Khi ấy, trong rừng cây tất cả cành, lá, hoa, quả đều phát ra âm thanh pháp Phật. Lúc này cũng có vô lượng trăm ngàn vạn ức chư Thiên đến dự.

Khi vị tiên kia thân được tiếp xúc với hào quang của Đức Phật Tịnh Danh Vương, tất cả nỗi thống khổ đều được diệt trừ, thân thể hoàn phục lại như cũ, không còn thương tích vết sẹo nữa.

Khi ấy, vị tiên nhân kia đầu mặt kính lễ dưới chân Đức Thế Tôn, đi nhiễu quanh bên phải ba vòng, chắp tay lên đánh bạch với Đức Tịnh Danh Vương Phật: “Bạch Thế Tôn! Đấng Thiện Thệ là thầy của con, đấng Thế Tôn là thầy của con. Con nay xin quy y Phật, quy y Pháp, quy y Tăng. Xin nguyện Thế Tôn vì con nói pháp, con nghe pháp rồi, không tin trong chúng sinh có người hành tà kiến mà phá hoại được người chánh kiến, người làm việc hắc ám lại khuyên dạy chỉ bày nói pháp cho người chân chánh”.

Này thiện nam! Khi ấy Đức Tịnh Danh Vương vì tiên TỐI THẮNG, các Thiên tử, các Bồ-tát v.v... mà diễn nói pháp Tam-muội Tập nhất thiết phước đức. Trong thiên chúng này có tám ngàn Thiên tử, vốn đã gieo trồng căn

lành nên đều phát tâm cầu đạo Chánh chân vô thượng. Đại tiên Tối Thắng tâm rất hân hoan, sinh lòng tin vững chắc được vô ngại biện tài. Đức Như Lai Tịnh Danh lại vì đại chúng diễn nói tám câu kim cang kiên cố. Những gì là tám?

Hết thấy các pháp vốn thanh tịnh.

Hết thấy các pháp xa lìa kiết sử, cho nên tất cả pháp đều vô lậu.

Do hết các lậu hoặc nên tất cả pháp đều lìa hang ổ.

Vượt qua hang ổ, nên tất cả pháp không có cửa ngõ.

Vì không có hai nên tất cả pháp rất phổ biến.

Chỉ bày cửa giải thoát nên tất cả pháp không chỗ đi.

Do không chỗ đi nên tất cả pháp không chỗ trở lại.

Đoạn các vấn đề qua lại cho nên tất cả pháp ba đời bình đẳng. Hiện tại qua lại không có hai tướng cho nên Đức Phật Tịnh Danh Vương kia diễn nói tám câu kim cang kiên cố. Ở trong tám câu này mà khai bày hiểu rõ tất cả pháp nghĩa.

Ngài lại diễn nói tám thứ pháp môn khác khiến Đại Bồ-tát mau thành tựu trí tuệ.

Những gì là tám?

Tất cả pháp chỉ là danh tự.

Do dùng danh tự phân biệt tất cả các pháp, cho nên tất cả các pháp chỉ là âm thanh.

Dùng lời phân biệt khiến người hoan hỷ, cho nên phân biệt tất cả các pháp cũng rất cần yếu.

Tất cả các pháp đều có tướng quyết định cho nên tất cả các pháp đều có thể nói năng.

Do tự tại quơ múa trong hư không, cho nên tất cả các pháp đều có tướng riêng của nó.

Do xa lìa các tướng khác, cho nên tất cả các pháp sẽ hoàn toàn chấm dứt.

Do vốn không, cho nên tất cả các pháp chỉ có môn phân biệt.

Do từ phân biệt mà có, nên tất cả các pháp bình đẳng, do bình đẳng một vị cho nên rất thù thắng. Đây gọi là tám pháp môn mà trí tuệ mau được thành tựu.

Này Tối Thắng! Lại có tám chữ chủng tử môn, có thể thành tựu biện

tài không cùng tận.

Những gì là tám?

Hết thấy pháp từ chữ “A” chủng tử môn.

Chỉ bày pháp vô sinh, cho nên hết thấy pháp từ chữ “Xà” chủng tử môn.

Chỉ bày pháp đệ nhất nghĩa, cho nên hết thấy pháp từ chữ “Na” chủng tử môn.

Chỉ bày chữ Danh và Sắc, cho nên hết thấy pháp từ chữ “Giá” chủng tử môn.

Thị hiện điều phục hết thấy pháp, cho nên hết thấy pháp từ chữ “Bà” chủng tử môn.

Chỉ bày tất cả pháp đều vào bình đẳng, nên tất cả pháp từ chữ “Đa” chủng tử môn.

Chỉ bày pháp như là không hư hoại, nên hết thấy pháp từ chữ “Ca” chủng tử môn.

Diệt nghiệp khổ, nên hết thấy pháp từ chữ “Ma” chủng tử môn.

Đoạn trừ hết thấy pháp rốt ráo thành tựu nên gọi là tám chữ chủng tử môn, có thể thành tựu biện tài không cùng tận.

Vì vậy, này Tối Thắng! Đó là tám chữ chủng tử cú môn, tám kim cang cú môn.

Nếu hay chánh niệm tu hành, thường xa lánh chỗ ồn ào, hay khéo suy nghĩ, quán sát tu tập sẽ thành tựu công đức.

Này thiện nam! Đức Tịnh Danh Vương Như Lai giảng nói pháp xong rồi, phóng ra ánh sáng lớn soi khắp thế giới, làm chấn động cả đại địa, rồi ẩn mất không hiện, cùng với các Đại Bồ-tát trở về lại nước kia. Tất cả chúng sinh đều không biết khi Đức Phật thị hiện qua lại.

Này thiện nam! Khi đại tiên Tối Thắng thành tựu thánh biện, được chư Thiên hầu hạ, chư Thiên hộ vệ giữ gìn. Ông vì hàng phục ma đạo cho nên đi đến các xóm làng, thành ấp trong nước, vì các chúng sinh rộng phò bày diễn nói kinh Tam-muội Tập nhất thiết phước đức. Trải qua một ngàn năm thường diễn nói pháp này, khiến cho tám vạn bốn ngàn chúng sinh an trú Thanh văn thừa. Tám vạn bốn ngàn chúng sinh an trú Duyên giác thừa. Tám vạn bốn ngàn chúng sinh an trú Đại thừa. Tám vạn bốn ngàn chúng sinh làm vua Chuyển luân. Tám vạn bốn ngàn chúng sinh làm Đế Thích Hoàn Nhân. Tám vạn bốn ngàn chúng sinh được làm Phạm vương. Tám

vạn bốn ngàn chúng sinh tu hành tâm từ. Tám vạn bốn ngàn chúng sinh tu hạnh tâm bi. Tám vạn bốn ngàn chúng sinh tu hạnh tâm hỷ. Tám vạn bốn ngàn chúng sinh tu hạnh tâm xả. Vô lượng chúng sinh được sinh lên trời. Khi ấy, đại tiên Tối Thắng sau đó mạng chung liền vãng sinh đến cõi Phổ Vô Cầu của Đức Phật Tịnh Danh Vương và tám vạn bốn ngàn Thiên tử cũng sinh về cõi ấy.

Này thiện nam! Ý ông nghĩ thế nào? Vị tiên Tối Thắng thời ấy đâu phải người nào lạ. Ông chớ có nghi, đó là thân trước của Ta. Ta vốn như vậy vì muốn cầu pháp, kinh pháp mà nói lời thành thật, liền cảm ứng đến Đức Phật Tịnh Danh Vương thị hiện đến chỗ Ta. Vì vậy nên biết, nếu có Bồ-tát cung kính cầu pháp, thì đối với người này Phật không Niết-bàn, pháp cũng không diệt. Vì sao?

Này Tịnh Oai! Nếu có Bồ-tát chuyên chí muốn thành tựu chánh pháp, tuy ở cõi khác mà cũng thường được thấy Phật, nghe chánh pháp.

Này Tịnh Oai! Nếu Đại Bồ-tát muốn cầu chánh pháp, kinh pháp sẽ khiến các núi cao, cây lớn, rừng rậm, từ đó phát ra tiếng nói pháp trong pháp tạng, các pháp Đà-la-ni và các quyền kinh tự có trong tay.

Này Tịnh Oai! Nếu có các Bồ-tát kính pháp, muốn nghe pháp, nếu có chư Thiên đã từng thấy Phật, đi đến chỗ Phật, theo Phật nghe pháp, Đức Phật vì họ diễn nói đầy đủ.

Này Tịnh Oai! Nếu các Bồ-tát có tâm hoằng dương chánh pháp mà thọ mạng sắp hết, chư Thiên, Thế Tôn sẽ tăng thêm thọ mạng cho vị ấy. Do năng lực của Phật gia trì muốn sống ngàn năm vẫn sống được. Hai ngàn, ba ngàn, bốn ngàn, năm ngàn, cho đến sống trọn một kiếp, hoặc kém một kiếp, tùy ý đều được toại nguyện.

Này Tịnh Oai! Nếu có Bồ-tát vì kinh pháp, muốn nghe pháp, sẽ không già, không bệnh, được sức nhớ lâu, đạt đến trí tuệ, được vô ngại biện tài.

Nếu có Bồ-tát vì kinh pháp, muốn nghe pháp, được thấy Phật rồi xa lìa các kiến chấp thành tựu chánh kiến.

Này Tịnh Oai! Nếu có Bồ-tát vì kinh pháp, muốn nghe pháp, tất cả chúng sinh không thể xâm hại.

Vì vậy, này Tịnh Oai! Đây là đại chúng sinh, nên cần siêng tu đa văn, trang nghiêm, sẽ được công đức vượt qua công đức nêu trên.

Này Tịnh Oai! Nếu có Bồ-tát an trụ cả ba pháp này, sẽ dùng phước để trang nghiêm, phước làm trụ cột rộng lớn, phước luôn tăng trưởng, phước không cùng tận, phước không nghĩ bàn, không thể biết hết được ranh

giới của phước này.

Này Tịnh Oai! Có thể dùng một sợi lông nhúng vào biển cả để lấy ra từng giọt nước, có tính được số giọt nước của biển lớn hay không?

Không thể biết hết được, vì vậy Bồ-tát dùng trang nghiêm phước tụ, tịnh giới, đa văn, tuệ tụ, cũng không thể lường được ranh giới của nó.

Này Tịnh Oai! Có thể nêu ba ngàn đại thiên thể giới những cỏ cây núi rừng và các chúng sinh mà có thể biết được trọng lượng nặng nhẹ của nó, thật không thể nêu được số lượng, cũng như vậy Bồ-tát trang nghiêm giới đa văn tuệ tụ, không thể biết ranh giới của nó.

Như vậy gọi là đã giải thích và trình bày trí trang nghiêm. Khi ấy, Lục sĩ Tịnh Oai bạch Phật:

– Thưa Thế Tôn! Bồ thí trang nghiêm, tịnh giới trang nghiêm, đa văn trang nghiêm là ba loại trang nghiêm. Thứ nào là tối cao? Thứ nào là tối thắng.

Đức Phật dạy:

– Này Tịnh Oai! Trong ba loại trang nghiêm này, đa văn trang nghiêm rất đáng khen ngợi, rất thù thắng tôn quý cao thượng không còn loại nào hơn.

Này thiện nam! Như núi Tu-di bỏ vào trong đó một hạt cải, cũng như vậy, phước của bố thí và phước của trì giới gom lại chỉ bằng hạt cải, còn phước của đa văn trang nghiêm cũng như núi Tu-di.

Này thiện nam! Như một con chim nhỏ ở trong hư không, thí và giới trang nghiêm cũng như vậy, đa văn trang nghiêm rộng như hư không.

Này thiện nam! Dùng bố thí để trang nghiêm có thể thành tựu hai việc

Những gì là hai?

Không còn bận cùng.

Được phước lộc lớn.

Dùng tịnh giới để trang nghiêm cũng thành tựu hai việc. Những gì là hai?

Xa lìa đường ác.

Được sinh cõi lành.

Này thiện nam! Dùng đa văn để trang nghiêm cũng thành tựu hai việc.

Những gì là hai?

Có khả năng trừ bỏ hết thảy tà kiến.

Có thể tu tập tất cả trí tuệ dùng để trang nghiêm.

Này thiện nam! Bồ thí trang nghiêm là quả báo hữu lậu.

Tịnh giới trang nghiêm cũng là quả báo hữu lậu.

Này thiện nam! Đa văn trang nghiêm là quả báo vô lậu.

Vì vậy, này thiện nam! Vị Đại Bồ-tát nên siêng năng tinh tấn tu trí tuệ đa văn.

Khi Đức Phật giảng nói về pháp của phước bồ thí, tịnh giới, đa văn để trang nghiêm, có ba ngàn chúng sinh vốn đã gieo trồng căn lành, liền phát tâm cầu đạo Chánh chân vô thượng. Năm ngàn vị Thiên tử đối với các pháp đã xa lìa trần cấu, được pháp nhãn thanh tịnh. Lực sĩ Tịnh Oai đạt được pháp nhãn Vô sinh.

Khi ấy, Lực sĩ Tịnh Oai bạch Phật:

– Thưa Thế Tôn! Đại Bồ-tát thành tựu bao nhiêu pháp để mau đạt được pháp nhãn Vô sinh.

Đức Phật dạy:

– Này thiện nam! Bồ-tát thành tựu bốn pháp sẽ mau đạt được pháp nhãn Vô sinh.

Những gì là bốn?

Hiểu rõ thân cũng như ảnh tượng trong gương.

Hiểu biết ngôn ngữ nói năng như là tiếng vang.

Hiểu rõ tâm như huyễn hóa.

Hiểu các pháp không hai.

Này Tịnh Oai! Nên biết Bồ-tát thành tựu bốn pháp này sẽ mau đạt được pháp nhãn Vô sinh.

Lại nữa, này thiện nam! Đại Bồ-tát thành tựu bốn pháp sẽ mau thành tựu pháp nhãn Vô sinh.

Những gì là bốn?

Dùng tâm từ bi che chở khắp hết thảy chúng sinh mà không tưởng có chúng sinh.

Hiểu rõ các pháp vốn không mà không chấp thấy có chỗ hiểu.

Quán thấy Phật thanh tịnh, không dùng nhục nhãn mà an trú nơi tuệ nhãn.

Khéo phân biệt tâm mà không thấy tâm, không nương gá tâm.

– Nay thiện nam! Bỏ-tát thành tựu bốn pháp này mau đạt được pháp nhãn Vô sinh.

Lại nữa, nay thiện nam! Bỏ-tát thành tựu bốn pháp sẽ mau được pháp nhãn Vô sinh.

Những gì là bốn?

Không bỏ hết thấy chúng sinh.

Xa bỏ các kiến chấp.

Hộ trì tịnh giới.

Lòng sạch tất cả các kiết sử.

Nay thiện nam! Bỏ-tát thành tựu bốn pháp như vậy sẽ mau đạt được pháp nhãn Vô sinh.

Lại nữa, nay thiện nam! Bỏ-tát thành tựu bốn pháp sẽ mau đạt được pháp nhãn Vô sinh.

Những gì là bốn?

Có sức nhẫn nhục.

Pháp Phật tăng trưởng thù thắng.

Siêng tu hành tinh tấn.

Hiểu rõ pháp vắng lặng.

Nay thiện nam! Bỏ-tát thành tựu bốn pháp này sẽ mau đạt được pháp nhãn Vô sinh.

Lại nữa, nay thiện nam! Bỏ-tát thành tựu bốn pháp sẽ mau đạt được pháp nhãn Vô sinh.

Những gì là bốn?

Được thiền mà không chấp theo thiền.

Dùng trí tuệ phân biệt mà không rơi vào hý luận.

Thành tựu các pháp phương tiện giáo hóa chúng sinh.

Tăng trưởng các hạnh tu và khéo rõ biết các hạnh tu.

Nay thiện nam! Bỏ-tát thành tựu bốn pháp như vậy sẽ mau đạt được pháp nhãn Vô sinh.

Lại nữa, nay thiện nam! Bỏ-tát thành tựu bốn pháp sẽ mau được pháp nhãn Vô sinh.

Những gì là bốn?

Dùng tâm đại từ cứu các chúng sinh.

Do tâm đại bi không chán sinh tử.

Do tâm đại hỷ thích ưa chánh pháp.

Do tâm đại xả đoạn trừ tất cả tham ái.

Này thiện nam! Bỏ-tát thành tựu bốn pháp này sẽ mau đạt được pháp nhãn Vô sinh.

Lại nữa, này thiện nam! Bỏ-tát thành tựu bốn pháp sẽ mau đạt được pháp nhãn Vô sinh.

Những gì là bốn?

Biết được ba pháp môn giải thoát.

Biết rõ về ba cõi.

Vượt qua ba cõi.

Tin hiểu pháp tánh vốn vô sinh.

Này thiện nam! Bỏ-tát thành tựu bốn pháp này sẽ mau đạt được pháp nhãn Vô sinh.

Khi Đức Phật diễn nói về nhiều loại bốn pháp như vậy, Lực sĩ Tịnh Oai đạt được pháp nhãn Vô sinh, hoan hỷ mừng rỡ bay lên hư không cao bằng bảy cây Đa-la.

Khi ấy, ba ngàn đại thiên thế giới có sáu cách chấn động. Lúc này, hàng trời, người đều vui vẻ hòa nhạc, trời mưa hoa rơi xuống như mây, ánh sáng lớn soi khắp thế giới này.

Khi ấy, Đức Thế Tôn mỉm cười, theo pháp thường của chư Phật khi mỉm cười sẽ có trăm ngàn ánh sáng màu xanh, vàng, đỏ, trắng, hồng, tía v.v... từ mặt xuất hiện, chiếu khắp vô lượng, vô biên thế giới, trên quá cõi trời Phạm Thế, rồi ánh sáng ấy quay về nhiễu quanh thân Phật ba vòng từ đánh đầu mà vào.

Khi ấy, Đại đức A-nan liền từ chỗ ngồi đứng dậy, sửa y phục, trích vai áo bên phải, gối phải quỳ chầm đất, chấp tay hướng về Đức Phật dùng kệ thưa hỏi:

– Thưa Thế Tôn! Phật không vô có mỉm cười, nay Thế Tôn vì duyên gì mà mỉm cười?

Được Vô thượng trí, vô cấu nhãn

Các căn vắng lặng đến bờ kia

Tu-di rực sáng sắc núi vàng

Vì nhân duyên gì Đạo sư cười?

Khéo biết căn hạnh các chúng sinh
 Tịnh tuệ tương ưng biết ba đời
 Chứng được vô tướng tối thượng trí
 Mặt như trăng tròn nói duyên cười?
 Như Phật quá khứ và vị lai
 Hiện tại các Đức Phật cũng vậy
 Tất cả hạnh chân thật thanh tịnh
 Khéo biết tất cả nghĩa như thật.
 Thân kia khắp cùng các cõi Phật
 Âm thanh cũng vậy vang cõi kia
 Tâm từ rải khắp các chúng sinh
 Nguyên nói ai cùng trí tương ưng.
 Tự tại biết pháp như trăng nước
 Như tướng huyễn hóa, cũng như mộng
 Như không, như điện, pháp thanh tịnh
 Nay đáng Sư Tử duyên gì cười?
 Hiểu pháp: không, vô tướng, vô nguyên
 Khéo biết thật tánh thường điều tâm
 Như gió bay đi trong hư không
 Xin nguyên diễn nói duyên gì cười?
 Nay trí huê Phật biết tâm ai?
 Ai đáng ngồi gốc cây hàng ma?
 Ai sẽ ngồi trên tòa kim cương?
 Đáng nhân tiên vì duyên gì cười?
 Đây không phải cảnh giới Thanh văn
 Cũng chẳng phải Duyên giác biết được
 Là cảnh giới trí Phật rộng lớn
 Nguyên nói nhân duyên Ngài biểu hiện.

Khi ấy, Đức Phật bảo Tôn giả A-nan:

– Ông có thấy Lực sĩ Tịnh Oai trụ trong hư không chẳng?

Này A-nan! Lực sĩ Tịnh Oai trải qua ba trăm ức vô số kiếp sẽ được thành Phật hiệu là Đa Trang Nghiêm Vương xuất hiện ở đời là đáng Như Lai, Ứng Cúng, Chánh Biến Giác, Minh Hạnh Túc, Thiện Thệ, Thế Gian Giải, Vô Thượng Sĩ, Điều Ngự, Trượng Phu, Thiên Nhân Sư, Phật, Thế Tôn. Nước ấy ở phương Đông tên là Nghiêm Tịnh, kiếp tên là Phạm Thán.

A-nan nên biết! Đức Đa Trang Nghiêm Vương, ở trong nước Nghiêm

Tịnh sẽ được thành Phật. Nước đó rất nhiều an vui, ổn định, người trong nước cần đến vật phẩm thọ dùng đều có nhiều như ở trời Đâu-suất.

Đức Trang Nghiêm Vương không nói các pháp khác, chỉ dẫn nói Bồ-tát thừa, không có tên gọi các thừa Thanh văn, Duyên giác, chỉ có Bồ-tát thánh tăng đều được pháp nhẫn. Không có tám nạn, không có ma oán và các ngoại đạo. Đức Phật kia thọ mạng không có hạn lượng, dùng lưu ly làm đất, có hoa bằng vàng Diêm-phù-na-đề xen vào trong đó.

Khi ấy, Lực sĩ Tịnh Oai từ hư không hiện xuống đánh lễ dưới chân Đức Phật, chấp tay hướng về Đức Phật cầu xin xuất gia, Phật liền hứa cho.

Khi ấy, Bồ-tát Na-la-diên thưa:

– Bạch Thế Tôn, rất là ít có! Bạch Thiện Thệ, rất là ít có!

Thế Tôn thường dùng pháp thiện thù thắng vi diệu này để khéo điều phục chúng sinh, đến cả những chúng sinh tranh cạnh, háo thắng, kiêu mạn. Những người này khi thấy Phật liền được hoan hỷ, xả bỏ kiêu mạn, đánh lễ dưới chân Như Lai. Như Lực sĩ Tịnh Oai rất kiêu mạn này, khi xả bỏ hết kiêu mạn rồi liền được pháp thù thắng vi diệu, lại còn điều phục vô lượng chúng sinh xả bỏ kiêu mạn khác.

Thưa Thế Tôn! Lực sĩ Tịnh Oai đã từng cúng dường, gieo trồng thiện căn với Đức Phật Thế Tôn nào, mới có thể mau chóng khai ngộ liễu giải như vậy?

Khi ấy, Đức Phật bảo Bồ-tát Na-la-diên:

– Nay Na-la-diên! Lực sĩ Tịnh Oai ở đời quá khứ đã từng cúng dường sáu mươi hai ức các Đức Phật, gieo trồng căn lành, từ nay trở về sau sẽ gặp vô lượng, vô biên, vô số các Đức Phật, cung kính cúng dường, tôn trọng tán thán, tịnh tu phạm hạnh.

Na-la-diên thưa:

– Bạch Thế Tôn! Lực sĩ Tịnh Oai lại do nhân duyên gì ôm lòng kiêu mạn, muốn cạnh tranh hơn thua với Đức Phật.

Đức Phật bảo:

– Nay Na-la-diên! Đại Bồ-tát có bốn pháp làm quên mất tâm Bồ-đề. Những gì là bốn?

Kẻ tăng thượng mạn.

Không kính trọng pháp.

Khinh thường bậc Thiện tri thức.

Nói lời không thành thật.

Na-la-diên, Bồ-tát có bốn pháp ấy sẽ làm quên mất tâm Bồ-đề.

Này Na-la-diên! Đại Bồ-tát lại có bốn pháp làm quên mất tâm Bồ-đề:

Tán thán người hướng về Thanh văn, Duyên giác thừa.

Quở trách người hướng Đại thừa.

Làm hủy tổn Bồ-tát.

Lấn tiếc pháp.

Na-la-diên, Bồ-tát có bốn pháp ấy sẽ làm quên mất tâm Bồ-đề. Này Na-la-diên! Bồ-tát lại có bốn pháp làm quên mất tâm Bồ-đề. Những gì là bốn?

Đối với các chúng sinh thi hành các thuật huyền hoặc.

Thân cận người trong sự dối trá hư ngụy.

Đối với thiện tri thức nói năng không cẩn trọng.

Sống nặng về lợi dưỡng.

Na-la-diên, Bồ-tát có bốn pháp ấy sẽ làm quên mất tâm Bồ-đề. Này Na-la-diên! Bồ-tát lại có bốn pháp quên mất tâm Bồ-đề.

Những gì là bốn?

Không rõ việc ma.

Không trừ nghiệp chướng.

Ý chí nhu nhược.

Không có trí tuệ phương tiện.

Na-la-diên, Bồ-tát có bốn pháp ấy sẽ làm quên mất tâm Bồ-đề. Này Na-la-diên! Lục sĩ Tịnh Oai vốn tạo nghiệp ác quên mất tâm Bồ-đề, Ta nay sẽ nói, người khéo lắng nghe:

– Về đời quá khứ, trong Hiền kiếp này, có Đức Phật ra đời hiệu là Ca-ca-tôn, ở trong pháp Phật có đại Bà-la-môn tên là Thiện Tài, sinh tâm kiêu mạn, vương lỗi tăng thượng mạn không đến viếng Phật, lòng kiêu mạn tăng cao, tự cho mình nói pháp như Phật, với các Bà-la-môn cùng nhau cạnh tranh. Do kiêu mạn mà bị quả báo, hiện tại tổn thương rất nhiều:

Không thấy Phật, không nghe chánh pháp.

Cũng không được nghe pháp để hướng đến Đại thừa Bồ-tát. Cũng không được nghe tịnh pháp của chư Thiên.

Cũng không được nghe nói về công đức của thiện căn.

Tuy có hồi hướng về Bồ-đề nhưng không vững chắc.

Do năm pháp ác này ngăn che, nên xa lìa tâm Bồ-đề.

Na-la-diên, ý ông nghĩ thế nào? Bà-la-môn Thiện Tài thời ấy đâu phải người nào lạ, ông chớ có nghi, chính nay là Lực sĩ Tịnh Oai. Do kiêu mạn nên quên mất tâm Bồ-đề, song nhờ tâm thiện căn bản nên không đọa vào đường ác. Tuy thành đại lực nhưng còn có tâm kiêu mạn, sau nhờ Phật lực gia trì nên ông mới được nghe năng lực của Phật và Bồ-tát, xa lìa được kiêu mạn, sẽ thường được thấy Phật, không còn tạo các điều ác. Nhờ căn lành này, nay mới hiện phát, mau chóng đạt được pháp nhẫn Vô sinh.

Khi ấy, Bồ-tát Na-la-diên nói với Lực sĩ Tịnh Oai:

– Ông nương vào pháp gì mà đạt được pháp nhẫn Vô sinh, lại được thọ ký?

Tịnh Oai đáp:

– Tôi do sinh khởi từ các pháp phạm phu mà được thọ ký. Na-la-diên nói:

– Thế nào là sinh? Tịnh Oai đáp:

– Sinh như không sinh, như vậy là sinh. Diệt như không diệt, như vậy là diệt. Như thế mà sinh tâm nhưng lại không trú trước.

Na-la-diên nói:

– Nay thiện nam! Nếu như vậy thì pháp Phật và pháp phạm phu khác nhau như thế nào?

Tịnh Oai đáp:

– Trên phương diện văn tự thì có sai biệt, nhưng trên ý nghĩa thì không sai biệt.

Na-la-diên nói:

– Như vậy pháp phạm phu có ý nghĩa gì? Tịnh Oai đáp:

– Tâm không vọng tưởng, không phân biệt là ý nghĩa của các pháp phạm phu.

Na-la-diên nói:

– Nghĩa này hướng về đâu? Tịnh Oai đáp:

– Với ý nghĩa này, hành giả sẽ lìa pháp phạm phu hướng đến pháp Phật.

Na-la-diên nói:

– Pháp Phật này có nghĩa thế nào? Tịnh Oai đáp:

– Không chấp hai bên là ý nghĩa của pháp Phật. Na-la-diên nói:

– Nay thiện nam! Như Phật dạy: “Y pháp bất y nhân”. Lại còn dạy:

“Hữu nhị nhân duyên khởi u chánh kiến”. Những gì là hai?

Nương lời nói, âm thanh bên ngoài.

Khéo tư duy bên trong.

Nếu theo nghĩa này chỉ là văn tự. Tịnh Oai đáp:

– Đây Na-la-diên! Nương nơi pháp của Bồ-tát thì không chấp nơi văn tự cũng không chấp nơi chẳng phải văn tự, nếu chấp nơi văn tự mà hiểu ý nghĩa, hiểu như vậy là chưa hiểu được nghĩa, vì vậy nên không thể nương theo nghĩa này, vì hết thấy các pháp đều không có thật nghĩa. Vì sao? Vì hết thấy các pháp đều không sở đắc, chẳng phải phương hướng mà cũng không lìa phương hướng, tùy nơi mỗi chỗ, từ nơi chỗ ấy mà tự diệt. Như Phật dạy: “Hoàn toàn diệt trừ vọng tưởng, như vậy gọi là thật nghĩa”.

Vì vậy, đây Na-la-diên! Người muốn nương vào nghĩa, thì không có pháp nào có thể nương, nhưng đều có thể nương, nếu nương nơi chẳng phải nương thì mới gọi là thật nghĩa.

Na-la-diên nói:

– Đây thiện nam! Nếu có người nương nơi thật nghĩa tức là nương nơi hết thấy pháp vậy.

Tịnh Oai nói:

– Đúng như vậy.

Này Na-la-diên! Hết thấy pháp là không, hết thấy pháp đều vắng lặng. Nếu hết thấy các pháp đều không, khi nương vào nó cũng nhận thấy như vậy. Nếu hết thấy các pháp đều vắng lặng, thì người nương vào pháp ấy cũng vậy.

Như vậy, đây Na-la-diên! Nếu nương vào nghĩa này tức nương vào các thật pháp.

Na-la-diên nói:

– Đây Tịnh Oai! Nếu người được như vậy, thì đối với tất cả các pháp thường tự như vậy mà nương về.

Tịnh Oai đáp:

– Như vậy, đúng như vậy. Đây Na-la-diên! Hết thấy các pháp đều là đệ nhất nghĩa, nếu y theo đệ nhất nghĩa thì người ấy sẽ được an lạc, ông nên mong cầu pháp đệ nhất nghĩa. Nếu có thể không khởi tâm phân biệt pháp và phi pháp, không mong cầu pháp nhị và bất nhị, như vậy gọi là lựa chọn phân biệt của bậc Thánh, như vậy lựa chọn pháp không làm mà làm tất cả. Nếu đã không làm mà làm tất cả, ấy gọi là làm theo chỗ mong cầu,

mà người mong cầu ý nghĩa không bị chống trái.

Lục sĩ Tịnh Oai khi nói pháp này, năm trăm Tỳ-kheo không còn cảm thọ đối với các pháp, các lậu đã hết, tâm được giải thoát. Tám ngàn Thiên tử xa lìa trần cấu đạt được pháp nhãn thanh tịnh.

Khi ấy, Bồ-tát Na-la-diên nói với Lục sĩ Tịnh Oai:

– Như Phật dạy: Nương vào nghĩa, không nương vào văn tự, nhưng chúng sinh không rõ nghĩa này, tu hành theo hai hạnh, là không hiểu rõ văn tự cũng không hiểu rõ thật nghĩa, là người không hiểu rõ. Nếu nói nương theo ý nghĩa, không nương nơi văn tự thì cũng chỉ nương nơi văn, nơi nghĩa mà thôi. Nghĩa này vượt qua các văn tự.

Này thiện nam! Như Phật chỉ dạy: Có hai nhân duyên hay sinh chánh kiến. Nghĩa là có người không được nghe chánh pháp, thân tâm không được điều phục bởi chánh pháp, chỉ do một duyên nhỏ với pháp Phật mà sinh tâm hoan hỷ, vội tuyên bố: Ta đã ra khỏi sinh tử, kẻ đó là tăng thượng mạn. Đã là tăng thượng mạn, nên vì người này khuyên họ siêng năng tu hành. Kẻ kia khi đã được nghe pháp rồi, nếu họ đem ra áp dụng tu hành, sẽ được thành tựu chánh kiến.

Vì vậy, Đức Phật dạy: Nghe pháp rồi hiểu biết. Nghe rồi không làm ác. Nghe rồi được lợi ích.

Nghe rồi được Niết-bàn. Na-la-diên nói:

– Thế nào là Tỳ-kheo tương ưng với niệm pháp? Tịnh Oai đáp:

– Không tương ưng mà không thứ gì là không tương ưng, nếu hay như vậy là niệm pháp tương ưng.

Na-la-diên nói:

– Người tu hành kia mới tương ưng trên lời nói.

– Lại nữa, này Na-la-diên! Nếu có Tỳ-kheo cùng tương ưng với niệm pháp thì không sinh tâm sân, tâm kiêu mạn, như vậy gọi là chánh tư duy. Nếu quán sát về quá khứ, hiện tại, vị lai mà nói pháp, nếu hiểu điều mình nói, vì chấm dứt hý luận mà nói, vì hiểu rõ ràng cho nên mới nói, vì muốn tu hành cho nên mới nói, không được nói hay làm vì đời quá khứ, không được nói hay làm vì đời sau này, không được nói hay làm vì đời hiện tại, như vậy mới gọi là chân chánh tu hành.

Nếu chân chánh quán sát tất cả pháp tánh thường diệt, như vậy gọi là tu hành chánh tư duy mà thấy được.

Nếu chân chánh quán sát tất cả pháp tánh thường định, như vậy gọi

là tu hành chân chánh tư duy mà thấy được.

Nếu chân chánh quán sát các pháp rốt ráo không sinh, như vậy gọi là tu hành chánh tư duy mà thấy được.

Nếu chân chánh quán sát tất cả pháp thật sự là vô thường, như vậy gọi là tu chánh tư duy mà thấy được.

Nếu chân chánh quán sát tất cả pháp vô thường sinh diệt, như vậy gọi là tu hành chánh tư duy mà thấy được.

Nếu người kia hay thấy và có cái bị thấy đều không thể thấy, đó là danh xưng nói về tư duy.

Khi ấy, Đức Thế Tôn tán thán Lục sĩ Tịnh Oai:

– Lành thay! Lành thay! Này thiện nam! Những điều ông nói như vậy rất là tương ưng. Nếu hay biết như thế thì người ấy đối với các pháp không có ngu si, đúng như vậy mà tu hành thì không có chướng ngại. Người chân chánh tu hành không tự trói buộc nên cũng không giải mở. Vì sao? Vì người ấy có chánh tư duy, nên đối với tất cả pháp không dừng dứt, cũng không chạy theo. Nếu người được như vậy gọi là dùng chánh kiến để thấy rõ tất cả pháp, như vậy là chánh kiến.

Thế nào gọi là chánh kiến?

Nghĩa là chưa thấy rõ thật tướng các pháp mà nói đã thấy. Vì vậy nói vô sinh cũng là lời nói không thật. Nói vô sinh cũng chỉ là tên gọi, như Ta đã nói: Thấy rõ các pháp là vô sinh phải dùng trí tuệ mới thấy. Nếu đạt đến địa vị giải thoát chân chánh mới gọi là chánh kiến. Nếu như vậy mà thấy gọi là đạt đến chánh vị.

Do duyên gì gọi là chánh vị?

Khi thấy rõ ngã cùng với vô ngã cả hai đều bình đẳng, nên thành tựu vô ngã v.v... cùng các pháp giải thoát khác đều sinh khởi, cho nên gọi là đạt đến địa vị giải thoát chân chánh.



KINH TẬP NHẤT THIẾT PHƯỚC ĐỨC TAM MUỘI

QUYỂN HẠ

Khi ấy, Bồ-tát Na-la-diên bạch Phật:

– Thưa Thế Tôn, rất ít có! Thưa Thiện Thệ, rất ít có.

Như vậy, các pháp tánh thường vắng lặng. Đại Bồ-tát có thể nghe pháp này, có thể biết pháp này, có thể tin pháp này, không ở nửa đường mà vào Niết-bàn.

Phật bảo Bồ-tát Na-la-diên:

– Bồ-tát nhờ sức phương tiện mới có thể như vậy. Nếu Bồ-tát thành tựu phương tiện khéo léo ở trong mỗi mỗi niệm có thể được bốn pháp. Những gì là bốn?

Pháp Đại thừa.

Pháp đại bi.

Biết Nhất thiết trí.

Khi Phật xuất hiện ở đời, không làm đoạn mất hạt giống pháp Phật.

Nếu theo bốn pháp đó mà tu hành sẽ biết rõ cảnh giới của chúng sinh là hiện tướng sẽ được địa vị tướng chân chánh, cũng biết hết thấy pháp tánh thường vắng lặng, nên khi nghe có thể tin hiểu, không bỏ nửa chừng mà vào Niết-bàn. Như vậy gọi là pháp điều phục biết là lợi ích chúng sinh, biết rồi mà còn thấy họ, cho đến dù không thấy họ cũng làm lợi ích cho họ. Vì sao? Vì Bồ-tát không bỏ hết thấy chúng sinh.

Khi ấy Lực sĩ Tịnh Oai thưa:

– Bạch Thế Tôn! Đại Bồ-tát nào như lời Phật dạy không rơi vào chánh vị?

Đức Phật dạy:

– Nay thiện nam! Là Đại Bồ-tát không sinh khởi các kiến chấp, nhưng Phật sự nào cũng hoàn thành. Hàng Thanh văn không có duyên với các

chúng sinh, không có duyên với Phật chúng, không có duyên với pháp chúng, không có duyên với Đại thừa, xả bỏ Nhất thiết trí, không quán Nhất thiết trí, không nguyện được Nhất thiết trí, diệt pháp hữu vi vào địa vị Thanh văn.

Đại Bồ-tát có duyên với hết thảy chúng sinh, có duyên không đoạn hạt giống Tam bảo, có nhân duyên với Đại thừa, hay quán sát Nhất thiết trí, không quán thân mạng, biết các pháp chỉ có một tướng nên không chấp vào chánh vị, có duyên với các chúng sinh, thường dạo chơi trong các cảnh thiên định, không rơi vào địa vị Thanh văn.

Này thiện nam! Vì vậy nên biết, Đại Bồ-tát thường quán vô ngã không rơi vào chánh vị.

Khi ấy, Lục sĩ Tịnh Oai bạch Phật:

– Thưa Thế Tôn, rất là ít có! Thưa Thiện Thệ, rất là ít có.

Việc làm của Bồ-tát hết thảy hàng Thanh văn, Duyên giác đều không theo kịp.

Lúc này, Pháp vương tử Văn-thù-sư-lợi ngồi trong đại hội. Bồ-tát Na-la-diên bạch Phật:

– Thưa Thế Tôn! Bồ-tát Văn-thù-sư-lợi là con của đấng Pháp vương đang ngồi trong đại hội mà lại không có ý kiến gì khi nói về: Tam-muội Tập nhất thiết phước đức.

Lúc ấy, Bồ-tát Văn-thù-sư-lợi nói với Bồ-tát Na-la-diên:

– Này thiện nam! Vị Đại Bồ-tát không vì phước đức mà tu hành đạo Bồ-đề. Bồ-tát cũng không vì lợi dưỡng, danh xưng, không vì sinh lên cõi trời, không vì phong ấp, không vì quyền thuộc, không vì khen ngợi, cũng không vì ham vui mà tu hành đạo Bồ-đề.

Na-la-diên hỏi:

– Văn-thù-sư-lợi! Bồ-tát vì việc gì mà tu hạnh đạo Bồ-đề? Văn-thù-sư-lợi đáp:

– Này thiện nam! Bồ-tát vì lòng thương các chúng sinh mà tu hành đạo Bồ-đề. Vì pháp Phật, vì thoát khổ cho tất cả chúng sinh, vì đoạn trừ các phiền não không thật, vì nhả các khổ, vì không chấp việc làm mà tu hành đạo Bồ-đề, không tiếc thân mạng, quán biết tất cả đều không chủ, không tẻ, không chỗ ở, không tướng, không tư, không

chuyển, không hoại, không dời đổi lưu chuyển, không xâm phạm hủy

hoại, dừng mảnh, không hàng phục, không chỉ hiểu biết, không biếng nhác, không lo, không sợ, không kinh, không khiếp, không cao không thấp, không cong queo, vững chãi an trú, không dao động, một mình ưa ở chỗ vắng lặng, ở nơi một đạo một lòng hướng tới, trú ở một đạo tu hành, vì độ tất cả các chúng sinh, vì lợi ích như vậy mà Đại Bồ-tát tu hành đạo Bồ-đề.

Lại hỏi Bồ-tát Văn-thù-sư-lợi:

– Bồ-tát làm thế nào mà tu hành đạo Bồ-đề? Văn-thù-sư-lợi đáp:

– Nay thiện nam! Đại Bồ-tát không có tâm sinh diệt, chẳng phải không sinh diệt mà tu hành hạnh rốt ráo tịch diệt, không có sinh, không có nói năng, Bồ-tát như vậy là tu hành đạo Bồ-đề.

Lại nữa, này Na-la-diên! Bồ-tát biết rằng tâm quá khứ đã diệt, không có chỗ có thể tu hành, tâm vị lai chưa sinh không có chỗ tu hành, tâm hiện tại cũng không dừng trú, nên không có chỗ tu hành, không có tâm chấp trước về khứ, lai, hiện tại. Đại Bồ-tát có thể như vậy mà tu hành gọi là tu hành đạo Bồ-đề.

Lại nữa, này Na-la-diên! Bồ-tát nếu biết dùng bố thí tu hành Bồ-đề thì chúng sinh và Như Lai bình đẳng không hai, biết dùng trì giới tu hành Bồ-đề thì chúng sinh cùng Như Lai bình đẳng không hai, biết dùng nhẫn nhục tu hành Bồ-đề thì chúng sinh cùng Như Lai bình đẳng không hai, biết dùng tinh tấn tu hành Bồ-đề thì chúng sinh cùng Như Lai bình đẳng không hai, biết dùng thiền định tu hành Bồ-đề thì chúng sinh cùng Như Lai bình đẳng không hai, biết dùng trí tuệ tu hành Bồ-đề thì chúng sinh cùng Như Lai bình đẳng không hai. Bồ-tát như vậy mà thực hành sáu Ba-la-mật, thì không làm bại hoại tánh tướng tu hành Bồ-tát, như vậy là tu hạnh đạo Bồ-đề.

Lại nữa, này Na-la-diên! Bồ-tát quán sắc là không, cũng không có hành. Như quán sắc là không, quán thọ, tưởng, hành, thức cũng không có hành. Sắc không cũng không cùng tận, sắc rốt ráo cùng tận do nó là không, nên thọ, tưởng, hành, thức cũng thế. Như thức là không cũng không cùng tận, thức rốt ráo cùng tận, do kia vốn không. Như vậy, tánh cùng tận thì hết thấy pháp cùng tận. Sắc vô tận thì thọ, tưởng, hành, thức cũng vô tận. Nếu có Bồ-tát như vậy tu hành gọi là tu hạnh Bồ-đề.

Lại nữa, này Na-la-diên! Bồ-tát siêng năng đoạn trừ việc làm của phàm phu, không sinh khởi việc tu hành trong Phật pháp, sẽ không ra khỏi việc làm sinh tử, không thành tựu Niết-bàn, không thấy tất cả pháp bất thiện hình thành, không thực tập pháp lành, không quán pháp nào khác, rõ biết

như vậy sẽ không làm tổn thương tánh chất tu hành, là tu hạnh Bồ-đề.

Này Na-la-diên, Bồ-tát như vậy tu hành gọi là tu hạnh Bồ-đề.

Lại nữa, này Na-la-diên! Vị Đại Bồ-tát biết rõ chúng sinh giới, vô lượng pháp giới là không thể lường; chúng sinh giới, pháp giới không cùng tận diệt hành. Vì sao? Vì chúng sinh giới, pháp giới không còn có hai, không có làm hai, không có hai tướng, là pháp giới không tăng không giảm, không tăng chúng sinh giới, không giảm chúng sinh giới. Tướng pháp giới, tướng chúng sinh giới cũng như vậy.

Lại nữa, Bồ-tát biết rõ các pháp vô tướng, không cùng tận pháp giới hành, không cùng tận chúng sinh giới hành, không cùng tận pháp giới hành, không tăng pháp giới hành, không cùng tận chúng sinh giới hành, không tăng chúng sinh giới hành, cũng không nương các vọng tưởng điên đảo khác để bị trói buộc, bị sai khiến. Như vậy gọi là chánh quán khéo biết các hành, không làm hư hoại các hành hữu, không làm tổn hoại ngã, chúng sinh thọ mạng hành.

Này Na-la-diên! Bồ-tát như vậy mà tu hành, gọi là tu hành đạo Bồ-đề.

Pháp vương tử Văn-thù-sư-lợi khi diễn nói các pháp hành như vậy, mười sáu Thiên tử trước đây đã hướng về Đại thừa, nay họ sẽ mau đạt được pháp nhãn Vô sinh.

Khi ấy, Lực sĩ Tịnh Oai muốn cúng dường và giữ gìn kinh này, liền thưa:

– Thưa Thế Tôn! Nếu có chúng sinh nào tin hiểu kinh này thì sẽ đạt được tất cả các điều thiện lợi tốt lành.

Bấy giờ, Bồ-tát Ly-ma nói với Bồ-tát Văn-thù-sư-lợi:

– Tôi cũng muốn nói việc làm của Bồ-tát. Văn-thù-sư-lợi nói:

– Này thiện nam! Nay chính là lúc nhân giả có thể diễn nói. Bồ-tát Ly-ma nói:

– Thưa Bồ-tát Văn-thù-sư-lợi! Làm hết thấy các pháp hành, đây là việc làm của Bồ-tát; làm tất cả việc của ma làm thì mới gọi là việc làm của Bồ-tát; làm tất cả việc mà chúng sinh làm thì mới gọi là việc làm của Bồ-tát. Nếu đã làm thì với kẻ hữu học hay việc làm của người vô học cũng làm, mới là việc làm của Bồ-tát; làm theo hạnh của Duyên giác làm thì mới gọi là việc làm của Bồ-tát. Vì sao? Vì vị Đại Bồ-tát cần tùy theo mọi hoàn cảnh để học tập.

Khi ấy, Bồ-tát Na-la-diên hỏi Thiên tử Ly-ma:

– Vì sao Bồ-tát phải học làm tất cả việc làm của chúng sinh? Thiên tử đáp:

– Nay Na-la-diên! Bồ-tát cần học tám vạn bốn ngàn hạnh. Những gì là tám vạn bốn ngàn hạnh?

Hai vạn một ngàn hạnh tham dục. Hai vạn một ngàn hạnh sân hận. Hai vạn một ngàn hạnh ngu si.

Hai vạn một ngàn hạnh những phần còn lại.

Bồ-tát nên vào trong các hạnh đó mà làm các hành, như đến với tham dục vì muốn dứt trừ việc tham dục, đến với sân giận để đoạn trừ việc sân giận, đến với ngu si vì đoạn trừ việc ngu si, đến với những phần còn lại vì đoạn trừ những phần lỗi lầm còn lại. Bồ-tát làm tất cả việc làm của chúng sinh, mà không nhiễm việc làm của chúng sinh, thị hiện làm tất cả việc làm của chúng sinh. Vì muốn giáo hóa chúng sinh nên gọi là Bồ-tát thực hành hạnh Bồ-đề.

Na-la-diên nói:

– Nay Thiên tử! Thế nào là làm tất cả việc làm của ma mà gọi là hạnh của Bồ-tát?

Thiên tử nói:

– Tất cả việc làm của ma vào tâm Bồ-tát, vị Bồ-tát nên tĩnh giác tùy chỗ sinh khởi nghiệp của ma mà không tùy theo, không bị trôi buộc bởi hành động của ma, vào trong tất cả mọi hoàn cảnh mà tu hành, cũng khiến cho thiên ma không tìm được chỗ tiện lợi, sẽ giáo hóa cho ma xa lìa nghiệp của ma.

Na-la-diên nói:

– Nay Thiên tử! Thế nào là học hạnh Thanh văn, Duyên giác là tu hành Bồ-tát?

Thiên tử nói:

– Thiện nam! Tất cả hạnh ấy là hạnh thật tánh, là hạnh vô báo, là hạnh không trú trước, là hạnh không hướng tới, là hạnh vô sinh, là hạnh biết rõ về mình, Bồ-tát nên như vậy mà tu hành.

Thiên tử Ly-ma nói như vậy rồi, thưa với Pháp vương tử Văn-thù-sư-lợi:

– Thiện nam! Bây giờ Pháp vương tử nên nói thêm những hạnh như vậy.

Văn-thù-sư-lợi nói:

– Nay Thiên tử! Việc làm của Bồ-tát là không trải qua các cảnh giới. Vì sao? Vì hạnh tu này không phải thuộc trong những cảnh giới thuộc về mắt, cũng không phải trong số những cảnh giới thuộc về sắc, thanh, hương, vị, xúc, pháp.

Này Thiên tử! Vì vậy nên biết, đây là hạnh tu của các vị thiện trượng phu nên làm, nó không qua các cảnh giới.

Lại nữa, này Thiên tử! Nếu Đại Bồ-tát như vậy mà tu hành, các Đức Phật cũng sẽ hứa khả, không có các lỗi lầm. Nếu như vậy mà tu hành, đó gọi là Bồ-tát tu hành chánh hạnh.

Thiên tử nói:

– Thưa Văn-thù-sư-lợi! Bồ-tát tu hành thế nào để như Phật chấp nhận là đúng?

Văn-thù-sư-lợi nói:

– Nay Thiên tử! Tất cả các pháp tự nó thực tế vốn không, Như Lai như vậy giác ngộ biết rõ, nếu Bồ-tát nương vào pháp như vậy mà tu hành, Phật sẽ hứa khả cho đến thành tựu Niết-bàn, nếu sinh tư tưởng chấp trước mà tu hành là lừa dối chư Phật.

Này Thiên tử! Tất cả các pháp sự thật là không có hình tướng, Như Lai Thế Tôn như sự giác ngộ mà biết rõ, nếu Bồ-tát thấy các pháp có tướng, trú trước vào hình tướng là lừa dối chư Phật.

Tất cả các pháp sự thật là không có nguyên, Như Lai Thế Tôn như sự giác ngộ mà biết rõ, lại còn không hành không thật, không sinh không khởi, không có chỗ, không hình không tướng, cũng chẳng phải không tướng, không qua không lại, cũng không trụ, tánh vốn thanh tịnh, tánh vốn sáng rõ, tánh thường vắng lặng tất cả các pháp cũng như hư không. Như Lai Thế Tôn như sự giác ngộ mà rõ biết. Nếu Bồ-tát đối với pháp tánh còn có đôi chút sở đắc, là dối Như Lai Ứng Chánh Biến Giác.

Này Thiên tử! Nếu Bồ-tát cùng trú vào không, lại sinh chấp trước Bồ-tát cùng trú vô tướng, lại sinh chấp trước, Bồ-tát cũng trú vô nguyên, lại sinh chấp trước, tức là lừa dối chư Phật. Nếu Bồ-tát ra ngoài ba cõi biết hết thấy pháp không thật, không sinh, không khởi, không có, không hình, không tướng, không lại, không qua, cũng không trú, tánh vốn thanh tịnh, tánh vốn soi sáng, tánh thường vắng lặng, giống như hư không tánh vốn không cấu bẩn. Nếu biết được như vậy, gọi là Bồ-tát không dối chư Phật.

Khi ấy, Đức Thế Tôn tán thán Văn-thù-sư-lợi:

– Hay thay! Hay thay! Nay Văn-thù-sư-lợi! Ông vui thích nói được những lời như vậy, nếu Bồ-tát như vậy mà tu hành, gọi là tu hành đạo Bồ-đề quyết chắc sẽ được thọ ký.

Này Văn-thù-sư-lợi! Ta ngày xưa đối trước Đức Phật Nhiên Đăng, nếu chấp trước vào việc tu hành thì không được thọ ký. Vì sao? Vì trước đó Ta cũng chấp có hình tướng, tu hành có chỗ nương mà tu hành, có chấp trước mà tu hành, Ta như vậy, nhưng sau do gặp Đức Phật Nhiên Đăng, nên vượt qua được các cách hành trì. Khi mới thấy Phật, Ta lìa các kiến chấp về tu hành, mà biết rằng tất cả các pháp tự tánh nó vốn không sinh.

Khi ấy, Đức Phật Nhiên Đăng thọ ký cho Ta: “Ông tu hành như vậy sau sẽ được thành Phật hiệu Thích Ca Mâu Ni, Như Lai, Ứng Chánh Biến Giác”. Ta khi ấy đạt được pháp nhãn Vô sinh. Vì vậy, nay Văn-thù-sư-lợi! Nếu có Bồ-tát muốn đạt được pháp nhãn Vô sinh, nên lấy ý nghĩa trong phẩm kinh này đúng như vậy mà tu hành, là không chấp trước các pháp.

Khi ấy, Văn-thù-sư-lợi bạch Phật:

– Thưa Thế Tôn! Đại Bồ-tát vì duyên và pháp gì mà đạt được pháp nhãn Vô sinh?

Đức Phật dạy:

– Nay Văn-thù-sư-lợi! Duyên nơi âm, giới, nhập mà đạt được nhãn Vô sinh, người này nhãn được tất cả các pháp, lại còn nương nơi thường, lạc, ngã, tịnh mà đạt được pháp nhãn.

Này Văn-thù-sư-lợi! Nói là nhãn, do duyên nơi các pháp không cùng tận, nói là nhãn, cũng còn gọi là chánh.

Này Văn-thù-sư-lợi! Nhân duyên của nhãn là chẳng cùng với thế pháp mà chung tu hành, vì chẳng phải pháp phạm phu, chẳng phải pháp học, chẳng phải pháp không học, chẳng phải pháp Duyên giác, chẳng phải pháp Bồ-tát, chẳng phải pháp Phật mà cùng chung tu hành. Không cùng tất cả các pháp chung tu hành, gọi là đạt được pháp nhãn, là xả bỏ tất cả các pháp tướng chấp trước, đó gọi là nhãn. Pháp nhãn này cũng không ở trong mắt thấy sắc, tai nghe tiếng, mũi ngửi hương, lưỡi nếm vị, thân xúc chạm, ý theo pháp, nói không cùng không tận gọi đó là nhãn, nhưng nhãn lại cũng không lìa những vấn đề nêu trên, như vậy gọi là nhãn.

Khi nói về pháp nhãn này có năm trăm vị Bồ-tát, vốn trước đây đã gieo trồng thiện căn với Phật, nên được nhãn Vô sinh. Liền thưa:

– Kinh Tập Nhất Thiết Phước Đức Tam Muội này rất hay khiến cho chúng con trú chỗ đáng trú, cũng khiến cho chúng con đầy đủ vô lượng pháp.

Thưa Thế Tôn! Đại Bồ-tát nên hết lòng lắng nghe các pháp sâu xa này và chuyên cần tu tập.

Khi ấy, Bồ-tát Na-la-diên hỏi Bồ-tát Văn-thù-sư-lợi:

– Thế nào là Bồ-tát với pháp sâu xa mẫu nhiệm này tu hành để được gọi là việc làm đã xong?

Văn-thù-sư-lợi nói:

– Nếu Bồ-tát biết hết thấy pháp là không làm mà không có gì là không làm, như vậy gọi là Bồ-tát này việc làm đã xong.

Nếu biết hết thấy pháp là không làm, nếu làm rồi thì không chấp, không làm thì không quên, như vậy gọi là Bồ-tát việc làm đã xong.

Nếu Bồ-tát tùy việc đáng làm, là làm mà không mong đền ân, như vậy gọi là tri ân. Với hữu vi hay vô vi đều không sinh tâm phân biệt chúng cao thấp, không làm mà cũng có chỗ để làm. Nghĩa là làm việc bố thí mà trú trước nơi việc hồi hướng, cũng không được thí, không được Bồ-đề, không vì cho mình và người, ấy gọi là Bồ-tát này việc làm đã xong.

Giữ gìn tịnh giới hồi hướng đến Bồ-đề cũng không được giới. Tu hạnh nhẫn, tấn, thiền định, trí tuệ cũng không được tuệ, nên biết Bồ-tát này việc làm đã xong.

Nếu không chấp được thân, miệng, ý, các nghiệp thiện, thì nên biết vị Bồ-tát này việc làm đã xong.

Nếu không vì được cho thân, không được cho miệng và ý về việc tu tập trang nghiêm, thì biết vị Bồ-tát này việc làm đã xong.

Khi ấy, Bồ-tát Thường Tinh Tấn nói với Bồ-tát Văn-thù-sư-lợi:

– Tôi cũng muốn nói các vị Bồ-tát này việc làm đã xong. Văn-thù-sư-lợi nói:

– Nay thiện nam! Nay đã đúng lúc ông nên diễn nói. Bồ-tát Thường Tinh Tấn nói với Bồ-tát Văn-thù-sư-lợi:

– Nếu Bồ-tát hay hướng dẫn cho một chúng sinh vào trong pháp Phật, như vậy Bồ-tát này trong việc tu hành việc làm đã xong.

Nếu Bồ-tát thọ nhận đồ ăn của chúng sinh hoặc bố thí cho người khác, không sợ hãi cho nên đều hướng về Bồ-đề vô thượng, như vậy gọi là Bồ-tát phước điền thanh tịnh. Nếu người bố thí kia và người thọ đúng như pháp

mà làm, như vậy gọi là Bồ-tát làm cho cả hai đều được thanh tịnh. Nếu Bồ-tát dùng tiếng của Đức Phật khiến cho người khác được nghe, tự mình an trú trong thí, giới, nhẫn, tấn, thiền, tuệ luôn nhớ nghĩ chân chánh, ở trong đại chúng nói sáu pháp Ba-la-mật, khiến cho người khác được nghe, nhớ nghĩ thọ trì, người có thiện căn này, biết là Bồ-tát tu hành việc làm đã xong, có thể tiêu ích được của tín thí đã cúng dường.

Nếu Bồ-tát tu hành nhẫn nhục, nếu bị giặc oán hoặc Chiên-đà-la nhục mạ, không sân hận, không phiền não, vì chúng sinh này làm cho họ sinh niềm tin hoan hỷ, siêng tu tinh tấn, trú trong năng lực tinh tấn, nên biết Bồ-tát này tu hành việc làm đã xong.

Nếu Bồ-tát dùng vàng bạc của báu chính đáng đầy khắp bốn thiên hạ, không tham của báu này mà nói lời hư dối, nếu có người khác hỏi pháp không cùng bạn đáng nói lời phi pháp, nên biết Bồ-tát này việc làm đã xong.

Nếu có Bồ-tát nhịn ăn bảy ngày, có người đến nói: Nếu ông bỏ tâm Bồ-đề, giết các chúng sinh làm đồ ăn, ta sẽ cùng ăn với ông, Bồ-tát hoàn toàn không chịu làm theo, nên biết Bồ-tát này việc làm đã xong.

Lại nữa, này Văn-thù-sư-lợi! Nếu Bồ-tát thấy cả dao sắc và lửa dữ đầy cả thế giới nên từ nơi nguy hiểm đó vượt qua, đến chỗ nghe pháp, không tiếc thân mạng vì việc tu học. Do nghĩ đến thân này từ ám, nhập, giới cũng dễ được, còn Đức Phật rất khó gặp, giáo pháp của Ngài cũng khó được nghe, chúng sinh cũng biết tôn kính pháp cũng khó có, do nghĩ như vậy nên mới quyết tâm nhập chúng để nghe pháp, nên biết Bồ-tát này việc làm đã xong.

Lại nữa, này Văn-thù-sư-lợi! Nếu Bồ-tát từ người khác được nghe một bài kệ bốn câu, nói đến hoặc trì giới hoặc bố thí tâm sinh hoan hỷ, còn thù thắng hơn được vua Chuyển luân lập lên làm vị đại vương, nếu đem bài kệ này nói cho một người nghe còn thù thắng hơn được làm Đế thích và ở cõi Phạm thiên, nên biết Bồ-tát này việc làm đã xong.

Lại nữa, này Văn-thù-sư-lợi! Nếu Bồ-tát này ở trong đại chúng, học được đa văn, tâm rất mừng vui, dùng khả năng đa văn này hướng về Nhất thiết trí, tuy không được ba ngàn đại thiên thế giới của báu, vẫn sinh tâm rất hoan hỷ, dùng thiện căn của mình vì một chúng sinh, hồi hướng về Phật đạo, lấy làm hân hoan, nên biết Bồ-tát này việc làm đã xong.

Lại nữa, này Văn-thù-sư-lợi! Bồ-tát vì giáo hóa chúng sinh nên tinh tấn, cố gắng tự trang nghiêm tu tập đa văn, dù phải xả bỏ chi tiết của tự

thân, đối với tám pháp ở đời tâm không sai khác. Bồ-tát vì trí tuệ của Phật, thà bỏ thân mạng không bỏ trì giới. Bồ-tát cần nên tu hành nhẫn nhục, thường nhin các điều ác, các âm thanh bất thiện.

Bồ-tát cần nên gia tâm tinh tấn để trang nghiêm cõi Phật. Bồ-tát cần một mình ở chỗ vắng lặng, vì không làm mất tâm đạo Bồ-đề.

Bồ-tát cần không mất chánh niệm, tu tập sáu Ba-la-mật. Bồ-tát cần không có tâm chấp trước, ân cần siêng năng giữ giới, sau mới làm các nghiệp thiện, không xả bỏ tất cả các chúng sinh.

Bồ-tát cần nên thề nguyện vững tu tập trang nghiêm, vì tồn tại hạt giống pháp Phật.

Bồ-tát cần nên xa lìa nịnh hót dối trá, để thân, miệng, ý ở trong pháp lành ngay thẳng. Bồ-tát cần nên tự mình trong sạch ý chí và lòng ham muốn, vì cứu giúp và hướng về các chúng sinh. Bồ-tát cần nên không quá xét nét trong việc làm, vì không chấp trước thân mạng. Bồ-tát nên ngọt dịu và tốt đẹp trong lời nói, khéo đến thăm hỏi mọi người. Bồ-tát nên thường có ý thức thưa hỏi người khác, không sân giận trách móc, cũng không nói nhiều.

Bồ-tát cần giống như đất, không có thương ghét. Bồ-tát cần nhu hòa khéo uyển chuyển, tâm cùng vui vẻ. Bồ-tát nên khéo sửa trị dạy dỗ, mau tiếp nhận lời chỉ dạy. Bồ-tát cần nên trừ bỏ kiêu mạn, khiêm tốn với tất cả các chúng sinh. Bồ-tát nên giống như loài chó trung thành không lừa dối tất cả chúng sinh, không trái thề xưa.

Bồ-tát cần nên đối với các chúng sinh khởi tâm đại từ thấy tất cả đều không. Bồ-tát nên đối với các chúng sinh khởi tâm đại bi, vì các chúng sinh làm việc lợi ích lớn. Bồ-tát nên sinh tâm đại hỷ, vui vẻ tu tập các căn lành. Bồ-tát cần nên tu hành đại xả, không để tâm vào năm thứ dục lạc. Bồ-tát không nên tham lam keo kiệt mà tự bỏ thân mạng vì các chúng sinh. Bồ-tát không nên chấp trước sở hữu của bản ngã, không nên tham tất cả các tiền tài vật chất. Bồ-tát cần tu tâm đại xả, xả bỏ tất cả vọng tưởng. Bồ-tát cần đầy đủ tài vật lớn, là bảy tài sản thánh. Bồ-tát cần có ý chí vững vàng cùng cố tất cả căn lành. Bồ-tát không nên có tâm tự thỏa mãn, mà cần tu tập vô lượng công đức của Phật. Bồ-tát cần có trí tuệ dũng mãnh, bề đẹp bốn thứ ma. Bồ-tát cần làm bậc đại y vương, khéo trị bệnh phiền não của tất cả chúng sinh. Bồ-tát cần làm bậc xứng đáng ứng cúng, không bỏ tâm Bồ-đề. Bồ-tát cần nên tạo ruộng phước, vì các chúng sinh làm ánh quang minh. Bồ-tát nên như là hoa sen, không bị bùn nhơ ở đời làm ô nhiễm. Bồ-tát nên giống như thuyền bè, để chuyên chở các chúng sinh. Bồ-tát nên giống như

chiếc cầu đối với tất cả chúng sinh, không có tư tưởng phân biệt là bậc thượng, trung, hạ. Bồ-tát cũng giống như ao lớn, chuyên tâm chú ý vào nước chánh pháp không cùng tận. Bồ-tát nên giống như biển lớn, một mực hướng về đa văn không bao giờ biết đủ. Bồ-tát nên giống như núi lớn, không ai có thể làm lay động. Bồ-tát nên khéo an ổn dừng trú, như cửa đã được cài then kỹ càng. Bồ-tát cần nên không bị nhiễm trước tất cả sở hữu tiền tài vật chất. Bồ-tát nên khiến tâm được tự tại, tu hành không được thoái chuyển. Bồ-tát cần nên như bậc đại vương, vì đáng tôn quý và thù thắng. Bồ-tát cũng giống như vua trời Đế Thích, tất cả chúng sinh thấy đều tôn quý. Bồ-tát cần giống như trời Phạm vương, vì là vua tự tại trong các pháp. Bồ-tát nên an lạc tất cả chúng sinh đạt đến an lạc rốt ráo Niết-bàn. Bồ-tát nên làm cha mẹ chúng sinh, cho họ những thứ y phục và điều lợi ích. Bồ-tát cần nên không làm tổn thương tất cả pháp thiện và bất thiện. Bồ-tát cần nên không làm việc xâm hại, người thân hoặc không thân luôn ở trong tâm bình đẳng. Bồ-tát cần nên không thân không tín vì là chỗ sinh ra các nhập. Bồ-tát cần vì pháp mà làm thí chủ, vì tất cả điều xả ly, Bồ-tát cần xa lìa các buông lung, biếng nhác, tu tập đạo Bồ-đề.

Văn-thù-sư-lợi, Bồ-tát thường nên nỗ lực siêng năng tu tập tất cả các hạnh về giới đức, vì đạt được đạo Chánh chân vô thượng.

Bấy giờ, Đức Thế Tôn tán thán Đại Bồ-tát Thường Tinh Tấn:

– Hay thay! Hay thay! Này thiện nam! Ông khéo nói các hành, chúng là pháp cần an trú quán tưởng.

Này thiện nam! Nếu Đại Bồ-tát muốn mau đạt được Tam-muội Tập nhất thiết phước đức này, cần nên huân tu tất cả các phước đức, không nên xa lìa tất cả phước đức.

Khi ấy, Bồ-tát Na-la-diên thưa:

– Bạch Thế Tôn! Nếu có người được Tam-muội Tập nhất thiết phước đức, không bị đọa vào đường ác, rơi vào tám nạn, không còn nghèo cùng, tâm thường tự tại, các căn đầy đủ, dùng ba mươi hai tướng đại trượng phu khéo tự trang nghiêm, được đại biện tài và giáo pháp vô tận, được Đà-la-ni, được không quên chánh niệm, khởi sinh tất cả phước đức, chuyển bánh xe pháp, được vị quán đánh. Thích, Phạm họ đời tất cả chúng sinh đều nên cúng dường. Được đầy đủ các thần thông và thông đạt tất cả việc chết đây sinh kia, rất được tự tại, hoặc sinh ra hoặc thị hiện ở đâu đều được sung túc, tăng trưởng các pháp lành, được trí tuệ sáng suốt, xa lìa ác tà kiến, rất được xưng tụng tán thán. Tất cả hàng Thanh văn, Duyên giác đã được đại điều

phục, đều khéo phân biệt các căn để giáo hóa chúng sinh, được thần thông tự tại, các cảnh giới thiên và cửa giải thoát Tam-muội. Được bố thí vô tác, do hiểu biết về bố thí. Được giới mà không trú nơi giới, nên thành ba tụ tịnh giới. Có nhãn vô lượng nên tâm từ phổ biến khắp các chúng sinh. Do tu hành tinh tấn nên tâm không mỏi mệt. Được thiền Ba-la-mật, nên rõ biết được cảnh giới tịch tĩnh, vì hóa độ chúng sinh nên sinh vào cõi dục. Do thanh tịnh trí tuệ trang nghiêm nên khéo quán sát âm thanh. Như vậy gọi là có mắt thanh tịnh có thể thấy đạo, không lìa việc thấy Phật và cùng với việc nghe pháp. Cũng không xa lìa với pháp không, vô tướng, vô tác. Hay thọ trì tất cả các pháp của Phật mà vẫn không lìa việc quán và thấy pháp. Được làm vị Tăng Bồ-tát không còn thoái chuyển, đi đến tất cả cõi Phật đầy đủ công đức, không có chướng ngại. Hàng phục các ma, thắng bốn loại ma. Được pháp nhãn sâu xa không thoái chuyển trong pháp Phật. Nhanh chóng thông đạt đầy đủ pháp Phật, những pháp chưa nghe nay được nghe. Muốn nguyện đầy đủ thâm giữ tất cả công đức của các cõi Phật, họ được an ổn lìa các tập khí. Được thân tự tại, ở cùng khắp ba cõi mà không thị hiện. Với tất cả ngoại đạo không thể hàng phục được thì khéo giữ gìn giáo pháp của chư Phật đã dạy. Xả bỏ thân mạng vì thủ hộ chánh pháp, thấy cảnh giới của Phật mà không vào Niết-bàn rốt ráo. Được vô sở úy nên ở trong chúng không sợ hãi, ở đâu, khi làm việc gì cũng dùng trí lực làm đầu, nhưng tâm không mưu làm việc gì. Hiện các cảnh giới đại trang nghiêm, do thần thông biến hóa vậy. Được thế lực lớn, vượt qua các nguy hại, âm thanh trong sáng vang xa, nghe khắp tất cả các thế giới. Tâm rất dũng mãnh hàng phục tất cả ma quân. Đạt bến bờ các thần thông, làm chấn động các thế giới của Phật. Được đại biện tài, nói pháp không bị ngăn ngại bởi từ và nghĩa. Biết rõ không ngại và không buông lung. An trú làm Phật sự để chỉ bày cho chúng sinh thành tựu Nhất thiết trí.

Này Na-la-diên! Nếu Bồ-tát vào trong Tam-muội Tập nhất thiết phước đức, có hiện tượng và những việc tương tự như vậy là được vô lượng công đức.

Khi ấy, Bồ-tát Na-la-diên bạch:

– Thưa Thế Tôn! Nguyện các chúng sinh được Tam-muội Tập nhất thiết phước đức này. Bồ-tát được Tam-muội này có công đức, khiến cho các chúng sinh cũng được công đức như vậy, mà tất cả Thanh văn và tất cả Duyên giác đều không thể có.

– Thưa Thế Tôn! Nếu Bồ-tát không được nghe Tam-muội quý báu

này hoặc nghe mà không hiểu nên biết người này bị ma nắm giữ.

Đức Phật dạy:

– Nay Na-la-diên! Đúng như vậy! Đúng như vậy!

Như ông đã nói, nếu Bồ-tát nghe pháp Tam-muội này được sinh công đức, hoặc đã sinh hoặc nay sinh hoặc sẽ sinh nhiều vô lượng vô biên.

Khi ấy, Bồ-tát Na-la-diên hỏi Bồ-tát Văn-thù-sư-lợi:

– Nếu có Bồ-tát muốn tu tập thực hành pháp Tam-muội này, nên tu hành pháp gì?

Văn-thù-sư-lợi nói:

– Nếu Bồ-tát muốn được Tam-muội này, không bỏ pháp phạm phu vì thọ trì Phật pháp, như vậy mà tu hành không cùng pháp tương ưng, cũng không cùng với phi pháp tương ưng. Như vậy mà tu hành, tuy lưu chuyển trong sinh tử mà không học pháp sinh tử, không bị nhiễm sinh tử, tuy học Niết-bàn mà không vào trong cảnh giới Niết-bàn của Thanh văn và Duyên giác.

Lại nữa, nay Na-la-diên! Nếu Bồ-tát muốn học Tam-muội này, nên tăng trưởng tu tập tất cả phước đức, không nên đối với các công đức hữu lậu vô lậu mà sinh khởi vọng tưởng hoặc thiện bất thiện, hữu vi vô vi, thế gian xuất thế gian, hoặc tội hoặc phước mà sinh khởi tâm phân biệt, hiểu rõ tất cả phước đức đều vào pháp tánh. Hoặc làm phước hoặc tạo tội, hoặc làm việc vô ký đều vào pháp tánh, nên như vậy mà thấy những thứ phước của chúng sinh đều từ nơi không thật mà sinh khởi. Vì vậy, phước của chúng sinh, phước của Phật thấy đều đồng đẳng không thấy sai khác. Pháp giới cũng không khác nên không thể khởi tâm sai khác. Hoặc phước của phạm phu, phước của hữu học, phước của vô học, phước của Duyên giác, phước của Bồ-tát, phước của đẳng Chánh Giác thấy đều không thật, không có vật thể, không ở một chỗ nào nhưng không chỗ nào là không có. Nên biết tánh của phước chúng sinh đều đồng đẳng.

Này thiện nam! Tất cả hình sắc đều nương nơi bốn đại, phước của Bồ-tát cũng như vậy, cùng khắp tất cả, không nên đối với phước đức mà sinh tâm cuồng loạn buông lung, nên biết nó thuộc pháp vô thường đoạn diệt.

Nay Na-la-diên! Nếu Bồ-tát muốn thành tựu Tam-muội này, đối với bốn pháp không sinh tâm sợ hãi.

Những gì là bốn?

Đối với các chúng sinh khởi tâm đại bi vô biên.

Cõi Phật vô biên.

Trí Phật vô biên.

Nhập vào tâm của tất cả chúng sinh mà hành vô biên.

Này Na-la-diên! Bồ-tát đối với bốn việc vô biên này không sinh tâm sợ hãi.

Lại nữa, Bồ-tát thường nên nghĩ biết bốn điều không thể nghĩ bàn.

Những gì là bốn?

Nghiệp và nghiệp báo không thể nghĩ bàn.

Tất cả chúng sinh mỗi mỗi hành động bao nhiêu là sai biệt không thể nghĩ bàn.

Hạnh của Phật Như Lai không thể nghĩ bàn.

Bồ-tát hành trì các hạnh thanh tịnh không thể nghĩ bàn.

Này Na-la-diên! Đó gọi là bốn điều không thể nghĩ bàn, cần nên hiểu rõ.

Này thiện nam! Bồ-tát cần hiểu rõ được bốn điều không cùng tận.

Những gì là bốn?

Phước đức là không cùng tận.

Mãn lời thề nguyện là không cùng tận.

Vui nói pháp không cùng tận.

Trí rốt ráo là không cùng tận.

Na-la-diên, như vậy gọi là Bồ-tát đạt được bốn điều không cùng tận.

Này Na-la-diên! Bồ-tát nên tu hành bốn pháp.

Những gì là bốn?

Dùng thiện căn để trang nghiêm không thể đầy đủ.

Phương tiện hồi hướng tất cả không cùng tận, không thể đầy đủ.

Các việc trang nghiêm nơi tất cả cõi Phật, dùng để trang nghiêm cõi Phật của mình cũng không có thể đầy đủ (trong bản tiếng Phạm thiếu một pháp).

Na-la-diên, Bồ-tát nên như vậy tu tập thực hành bốn pháp này. Khi ấy, Bồ-tát Na-la-diên lại hỏi Bồ-tát Văn-thù-sư-lợi:

– Kinh Tam Muội Nhất Thiết Phước Đức này nên trao đến tay những Bồ-tát nào?

Nếu là kinh quyền hoặc đến tận nhà ở hoặc người tu thiền, hoặc người tu nhẫn hoặc tại gia hoặc xuất gia.

Bồ-tát Văn-thù-sur-lợi đáp:

– Nay Na-la-diên! Nếu Đại Bồ-tát nghe pháp Tam-muội này, hoặc tai được nghe, hoặc đến tận tay, hoặc gặp tại nhà, người này không sinh tâm phỉ báng, nếu được như vậy, ta không gọi họ là người tại gia mà gọi người này là người xuất gia. Vì sao? Vì nhân duyên này mà Bồ-tát siêng tu phân biệt đúng Tam-muội. Cho nên người này sẽ diệt trừ tất cả vọng tưởng và ở đâu người này cũng có đủ tất cả phước đức và trí tuệ không cùng tận, không tiêu tán.

Nay Na-la-diên! Bồ-tát vì giáo hóa các chúng sinh, nên thị hiện các hình sắc, tướng mạo.

Nay Na-la-diên! Người này đi đến cùng khắp các nơi, cũng như mặt trời, mặt trăng chiếu khắp, bốn phương thiên hạ đâu đâu cũng đều hiển hiện

Như vậy, nay Na-la-diên! Bồ-tát cũng vậy, không nương nơi các chướng nạn. Tuy ở tại gia mà không nương gá nơi nhà, cũng như xuất gia mà không nương gá pháp Sa-môn, cả hai đều không thể nói. Vì sao? Vì Bồ-tát không nương nơi tất cả pháp sở hữu và các nhập.

Nay Na-la-diên! Như đồ dùng bằng lưu ly, tuy để ở đâu cũng không làm mất tính chất của nó.

Như vậy, nay Na-la-diên! Nếu có Bồ-tát trú trong pháp Tam-muội này, tuy ở tại gia cũng như là người xuất gia, không bao giờ mất thể tánh của pháp giới.

Khi ấy, Bồ-tát Na-la-diên hỏi Bồ-tát Văn-thù-sur-lợi:

– Vị Đại Bồ-tát an trú chỗ nào mà không để mất pháp Tam-muội Tập nhất thiết phước đức, để được phước đức, trí tuệ trang nghiêm không cùng tận.

Bồ-tát Văn-thù-sur-lợi đáp:

– Vị Đại Bồ-tát có bốn chỗ an trú:

Bồ-tát không trụ nơi thân mạng và các lợi dưỡng

Luôn tôn trọng, tán thán pháp Tam-muội: Không, vô tướng, vô nguyện.

Không trú vào địa vị Thanh văn, Duyên giác, hy vọng thành tựu trí tuệ của Phật và biện tài vô ngại, mà không cao ngạo vọng tưởng phân biệt, cũng không chấp trước chỗ an trú như vậy.

Chỗ Bồ-tát trú vì giải thoát tất cả chúng sinh, không trụ vào ngã, nhân, chúng sinh, thọ mạng và trượng phu.

Này Na-la-diên! Như vậy, đó là bốn chỗ trú của Bồ-tát, là chỗ trú tối thắng trang nghiêm không cùng tận, chỗ gồm thâm phước đức lớn trang nghiêm không cùng tận, chỗ gồm thâm trí tuệ lớn để đoạn trừ tất cả kiến chấp, thành tựu đầy đủ, sinh khởi các pháp của Phật.

Bồ-tát Na-la-diên hỏi Bồ-tát Văn-thù-sư-lợi:

– Bồ-tát trú xứ như thế nào mà được gọi là xuất gia? Bồ-tát Văn-thù-sư-lợi đáp:

– Này Na-la-diên! Bồ-tát có bốn pháp làm chỗ an trú. Nghĩa là trú từ, bi, hỷ, xả.

Na-la-diên, đó gọi là trú vào bốn chỗ an trú của Bồ-tát.

Này Na-la-diên! Bồ-tát nếu trú nơi phong ấp, xóm làng, hoặc ở chỗ trống, hoặc ở chỗ thực hành bốn phạm hạnh, gọi là những chỗ ở chân chánh. Nếu xa lìa chỗ ở, thực hành bốn phạm hạnh, tuy ở trong cung điện lầu gác, cũng không gọi là chỗ ở yên ổn.

Này Na-la-diên! Người này gọi là lừa dối tất cả hàng trời, người, A-tu-la luông ăn đồ dùng cúng dường.

Này Na-la-diên! Bồ-tát nếu trú vào các phạm hạnh khác, đều nhiếp vào trong bốn phạm hạnh này. Vì sao? Này Na-la-diên! Chỗ trú của phạm hạnh này rất là khó được, nếu người không thấy biết bốn phạm hạnh này là nhân duyên của bậc Thánh tu thiền, đó là người vướng vào thân kiến không đoạn trừ được kiêu mạn.

Bồ-tát Na-la-diên hỏi Bồ-tát Văn-thù-sư-lợi:

– Thế nào là Bồ-tát được gọi là trú trong bốn pháp từ, bi, hỷ, xả? Văn-thù-sư-lợi đáp:

– Na-la-diên! Nếu có Bồ-tát nghĩ như thế này: Ta cần phải hóa độ tất cả chúng sinh, như vậy gọi là trú pháp từ. Ta cần cứu thoát tất cả chúng sinh, như vậy gọi là trú pháp bi. Ta nên khiến cho tất cả chúng sinh được an trú trong giáo pháp của Đức Phật, như vậy gọi là trú pháp hỷ. Ta nên dùng pháp xuất thế gian để cho tất cả chúng sinh đều được vắng lặng, gọi là trú pháp xả.

Lại nữa, này Na-la-diên! Bồ-tát nếu hiểu rõ tất cả pháp giới đều là không, như vậy gọi là trú pháp từ. Nếu Bồ-tát hiểu rõ được các pháp giới vốn vắng lặng, như vậy gọi là trú pháp bi. Nếu Bồ-tát hiểu rõ tất cả pháp

giới không trước, không buộc, không giải, như vậy gọi là trú pháp hỷ. Nếu Bồ-tát hiểu rõ tất cả pháp giới vốn không qua không lại, như vậy gọi là trú pháp xả.

Na-la-diên, như vậy gọi là Bồ-tát an trú từ, bi, hỷ, xả.

Lại nữa, này Na-la-diên! Bồ-tát nếu thấy pháp vô ngã mà không sợ hãi gọi là trú pháp từ. Nếu thấy tất cả chúng sinh vốn vắng lặng mà không sợ hãi, như vậy gọi là trú pháp bi. Nếu nghe tất cả các pháp của chư Phật đồng đẳng như pháp của một Đức Phật mà không sợ hãi, như vậy gọi là trú pháp hỷ. Nếu nghe tất cả cõi nước không cùng tận mà không sợ hãi, như vậy gọi là trú pháp xả.

Lại nữa, này Na-la-diên! Không bị trệ ngại gọi là từ. Cứu khổ chúng sinh gọi là bi. Không bị khổ não gọi là hỷ. Không có tâm cao thấp gọi là xả.

Lại nữa, này Na-la-diên! Có từ bi chẳng phải đại từ, đại bi. Đại từ đại bi Thanh văn, Duyên giác đều không có, Thanh văn, Duyên giác chỉ có từ bi vì không thể làm cho tất cả chúng sinh an lạc nên gọi là từ bi mà chẳng phải là đại từ bi.

Thế nào gọi là đại từ đại bi?

Nếu đối với tất cả chúng sinh khởi tâm bình đẳng độ thoát khổ não cho họ, như vậy gọi là Bồ-tát có tâm đại từ đại bi. Nếu sinh trong năm đường, vì các chúng sinh từ bỏ niềm vui của mình mà nghĩ: “Nếu các chúng sinh rơi trong tà đạo, ta sẽ dẫn dắt vào trong chánh đạo”, như vậy gọi là Bồ-tát có tâm đại từ đại bi.

Này Na-la-diên! Vì vậy nên biết: Thanh văn, Duyên giác có từ có bi mà không có đại từ đại bi.

Này Na-la-diên! Vì vậy Bồ-tát cần nên tu hành đầy đủ tâm đại từ đại bi.

Khi nói pháp đại từ đại bi này, có tám ngàn chúng sinh phát tâm Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác, họ đều nói: Chúng tôi sẽ an trú như Bồ-tát Văn-thù-sư-lợi về tâm đại từ đại bi.

Tám ngàn Bồ-tát đạt được Tam-muội Tập nhất thiết phước đức.

Tám ngàn chúng sinh xa lìa trần cấu đạt được pháp nhãn thanh tịnh.

Khi ấy, Bồ-tát Na-la-diên bạch:

– Thưa Thế Tôn! Như Lai Thế Tôn gọi là có trăm phước tướng trang nghiêm, do nhân duyên gì mà được những tướng như vậy?

Đức Phật bảo:

– Nay Na-la-diên! Nếu đối với mười phương thế giới nhiều như cát sông Hằng, có các chúng sinh đều thành Chuyển luân vương, họ có bao nhiêu công đức gom lại sẽ bằng phước đức của một Đế thích.

Mười phương thế giới như cát sông Hằng, có các chúng sinh thành tựu phước gom lại đều như trời Đế thích. Phước gom lại của tất cả Đế thích bằng phước đức gom lại của một Phạm vương.

Nay Na-la-diên! Nếu thế giới nhiều như cát sông Hằng, có tất cả chúng sinh thành tựu phước gom lại đều như là Phạm vương, vì vậy nên phước gom lại của các Phạm vương bằng phước gom lại của một vị Thanh văn.

Nay Na-la-diên! Nếu khắp thế giới nhiều như cát sông Hằng, có tất cả chúng sinh đều thành Thanh văn có những phước đức gom lại cũng chỉ bằng phước đức gom lại của một Duyên giác.

Nay Na-la-diên! Trong thế giới nhiều như các sông Hằng, có tất cả chúng sinh đều thành tựu Duyên giác có những phước đức gom lại. Tất cả Thanh văn, Duyên giác có bao nhiêu phước đức gom lại làm một, Bồ-tát thành tựu Tam-muội Tập nhất thiết phước đức, có tất cả phước đức gom lại vượt hơn phước đức của Thanh văn, Duyên giác nói trên.

Nay Na-la-diên! Vì vậy Bồ-tát thành tựu thiện căn phước đức nhiều vô lượng vô biên.

Nay Na-la-diên! Nếu khiến các thế giới khắp mười phương nhiều như cát sông Hằng, trong đó có tất cả chúng sinh thấy đều được Tam-muội Tập Nhất Thiết Phước Đức ấy gom lại, những phước đức gom lại này lại nhân lên trăm ngàn lần, còn không so bằng phước của một đức tướng của Phật. Vì vậy cho nên gọi là Như Lai có trăm phước đức tướng trang nghiêm mà tất cả chúng sinh đều không thể so lường, cũng gọi Như Lai là đáng có trăm phước đức tướng trang nghiêm không thể nghĩ bàn.

Khi Đức Phật giảng nói pháp trăm phước đức tướng trang nghiêm, khắp ba ngàn đại thiên thế giới chấn động đủ sáu cách, ánh sáng lớn chiếu khắp trăm ngàn, nhạc cụ không khuấy tự hòa âm vang động, trời mưa hoa tươi đẹp. Tất cả thế gian trời, người, A-tu-la v.v... tán thán là việc chưa từng có, lớn tiếng xưng tụng điều lành, năm vóc gieo xuống đất đánh lễ dưới chân Đức Thế Tôn, thưa:

– Nếu có chúng sinh phát tâm cầu đạo Chánh chân vô thượng rất khoái thích vì được lợi lành, sẽ được trăm phước đức tướng để trang nghiêm

thân, thù thắng hơn tất cả phước đức gom lại của Đế thích, Phạm vương hộ đời và của hàng Thanh văn, Duyên giác. Nếu có chúng sinh nghe kinh quý báu Tập Nhất Thiết Phước Đức Tam Muội này sẽ được lợi ích lớn, được nghe rồi nên như lời dạy trong kinh mà tu hành.

Thưa Thế Tôn! Trong nước chỗ nào có kinh này nên biết ở đó có các thiện nam, tín nữ nhờ Phật lực gia trì có thể phát hành lưu thông kinh ấy.

Thưa Thế Tôn! Giả sử khắp thế giới có lửa lớn, cũng nên từ trong đó vượt qua mà đến nghe cho được kinh này.

Đức Phật dạy:

– Đúng như vậy! Nay thiện nam! Như ông đã nói, nếu có thiện nam, tín nữ không nghe được kinh này, nên biết người này đã bị ma nắm giữ.

Nay thiện nam! Nếu Bồ-tát nghe kinh Tam-muội này mà không thể thọ trì, Ta không nói rằng người này đã được nghe. Nếu nghe mà không trì, không đọc, không tụng, không truyền bá rộng ra, không ở giữa đại chúng rộng, phân biệt giảng nói thì không thể gọi là người đa văn.

Bấy giờ, đại chúng cùng nhau đồng thanh bạch Phật:

– Thưa Thế Tôn! Nguyên hộ trì kinh Tập Nhất Thiết Phước Đức Tam Muội và làm cho lưu truyền rộng khắp.

Khi ấy, Đức Thế Tôn phóng ra ánh sáng rực rỡ từ tướng bạch hào, chiếu khắp vô lượng vô biên thế giới, trong ánh sáng ấy phát ra âm thanh: “Nur Lai Ứng Cúng Chánh Biến Giác hộ trì kinh này”.

Bấy giờ, Đức Phật bảo Đại đức A-nan:

– Nay A-nan! Như Lai không bao lâu nữa sẽ vào Niết-bàn, sau ba tháng sẽ vào Niết-bàn vô dư.

Nay A-nan! Nay Ta đem kinh Tam-muội này giao phó cho ông, ông nên thọ trì đọc tụng rộng phân biệt giảng nói.

Nay A-nan! Nếu có chúng sinh nào thọ trì kinh này, thì đối với người này Đức Phật không vào Niết-bàn, pháp cũng không hề diệt.

Vì sao? Nay A-nan! Nếu có người được khai mở chỉ bày về kinh điển này, nên biết người này đã được thấy Phật. Nếu có người ở trong đại chúng vì họ phân biệt diễn nói kinh, chỉ rõ văn nghĩa, nên biết người này giữ gìn chánh pháp.

Khi ấy, A-nan rơi lệ cảm động bạch:

– Thưa Thế Tôn! Xin Thế Tôn trụ lâu ở đời một kiếp, hoặc trụ trăm kiếp, hoặc trụ lâu ở đời ngàn kiếp để đem lại nhiều lợi ích an ổn, nhiều lợi

ích an lạc cho cả hàng trời và người.

Đức Phật bảo A-nan:

– Ông chớ buồn khóc, nên giữ gìn kinh này để thường đọc tụng, truyền bá rộng rãi, chớ để thất lạc, thì khi nào cũng thường được thấy Phật. Vì sao? Vì Phật Như Lai đều không thể dùng sắc thân để thấy, không thể dùng ba mươi hai tướng để thấy, không thể dùng các tướng hảo mà được diện kiến.

Này A-nan! Nếu có người được thấy những kinh điển như thế này, thì chính là thấy Phật.

Khi Đức Phật giảng nói kinh này rồi, Pháp vương tử Văn-thù-sư-lợi, Bồ-tát Na-la-diên, Lục sĩ Tịnh Oai và các Bồ-tát đại tăng, Đại đức A-nan v.v... đại chúng Thanh văn, tất cả hàng trời, người, loài rồng, Dạ-xoa, Càn-thát-bà, A-tu-la trong thế gian, tất cả chúng sinh nghe

Phật giảng nói đều rất hoan hỷ.



SỐ 383

KINH MA HA MA DA

Hán dịch: Sa-môn Thích Đàm Ảnh.

QUYỂN THƯỢNG

Tôi nghe như vậy:

Một thời, Đức Phật cùng với một ngàn hai trăm năm mươi Đại Tỳ-kheo kiết hạ an cư ba tháng dưới gốc cây Ba-lợi-chất-đa-la trong vườn Hoan hỷ tại cung trời Đao-lợi.

Lại cùng với vô lượng trăm ngàn Trời, Rồng, Dạ-xoa, Càn-thát-bà, A-tu-la, Ca-lâu-la, Khẩn-na-la, Ma-hầu-la-già, người và phi nhân, và vô số Tỳ-kheo, Tỳ-kheo-ni, Ưu-bà-tắc, Ưu-bà-di đều thân cận vây quanh Đức Phật.

Khi ấy, Như Lai ngồi kiết già, trong mỗi lỗ chân lông trên thân phóng ra ngàn hào quang sáng, chiếu khắp ba ngàn đại thiên thế giới. Trong mỗi ánh sáng có ngàn hoa sen, mỗi hoa sen có ngàn hóa Phật ngồi kiết già như Đức Thích Ca Mâu Ni. Ngay lúc ấy, ánh sáng của mặt trời, mặt trăng, các ngôi sao đều bị ẩn khuất không hiện, hết thấy hòa lẫn vào trong ánh sáng của Đức Như Lai, làm cho cây Ba-lợi-chất-đa-la trở thành màu hoàng kim.

Ví như bầu trời quang đặng không một áng mây, sức sáng của mặt trời, mặt trăng rất rực rỡ. Ánh sáng của Đức Như Lai phóng ra trên cung trời Đao-lợi cũng như vậy, chiếu sáng gấp bội lần không thể phân loại.

Lúc ấy, mặt trời, mặt trăng, các ngôi sao, các Thiên tử v.v... thấy tướng này rồi tâm rất run sợ không được yên, không biết nguyên nhân gì mà có việc này.

Bấy giờ, Phật bảo Đồng tử Văn-thù-sư-lợi:

– Ông nên đến gặp mẹ Ta và nói rằng Ta đang ở đây, mong bà hãy cung kính đánh lễ Tam bảo. Dùng bài kệ này nói cho bà ấy.

Lúc ấy, Đức Thế Tôn nói kệ:

Đấng Đại sư Thích-ca

Thành tựu Nhất thiết trí
 Ở tại Diêm-phù-đề
 Giống như trời ngàn mắt.
 Thiết tha tình khát ngưỡng
 Lâu muốn thấy mẹ hiền
 Xưa vốn trong cung vua
 Sinh Ta được bảy ngày.
 Qua đời hưởng phước trời
 Di mẫu nuôi Ta lớn
 Đã đắc thành Chánh Giác
 Ứng Cúng độ chúng sinh.
 Cho nên nay đến đây
 Thuyết pháp báo ân xưa
 Xin mẹ cùng quyến thuộc
 Hãy đi đến chỗ này.
 Lễ kính Phật, Pháp, Tăng
 Cùng thọ pháp chân tịnh.

Khi ấy, Đồng tử Văn-thù-sư-lợi nghe Phật chỉ dạy rồi, liền đi đến chỗ của Ma-ha Ma-da truyền đạt lại đầy đủ lời Phật đã nói và tụng bài kệ của Đức Như Lai. Ma-ha Ma-da nghe nói vậy rồi, sữa tự nhiên chảy ra. Bà bèn nói:

– Nếu chắc chắn là Tất-đạt-đa do ta đã sinh, thì khiến cho sữa chảy thẳng vào trong miệng Thái tử.

Nói xong, sữa từ hai nhũ hoa chảy ra như hoa sen trắng, chảy vào trong miệng của Đức Như Lai.

Ma-ha Ma-da thấy vậy rồi, toàn thân phấn chấn dung mạo tươi mát như hoa sen ngàn cánh nở rực rỡ, sắc đẹp của Ma-ha Ma-da cũng như vậy. Khi ấy ba ngàn đại thiên thể giới đều chấn động. Các thứ hoa quả đẹp trái mùa cũng nở rộ. Ma-ha Ma-da nói với Đồng tử Văn-thù-sư-lợi:

– Từ khi tôi cùng làm mẹ con với Phật đến nay chưa từng được hoan hỷ an lạc như vậy. Ví như có người đói khát rất khổ, bỗng nhiên được ăn bữa cỗ tiệc vui sướng, nay tôi cũng vui mừng như vậy, lại không có các nghĩ tưởng tạp loạn.

Nói vậy rồi, bà cùng Đồng tử Văn-thù-sư-lợi đi đến chỗ Phật.

Thế Tôn trông thấy mẹ toàn thân chấn động như tướng núi Tu-di vang rền trong bốn biển. Lúc đó Như Lai thấy mẹ đã đến, bằng Phạm âm nói với

mẹ:

– Thân đã trải qua các nơi khổ và vui, quyết mãi xa lìa khổ vui để tu chứng Niết-bàn.

Ma-ha Ma-da nghe Phật nói thế, nẩy vóc sát đất, quỳ mọp trước Phật, chấp tay cúi đầu, nhất tâm suy nghĩ, chuyên tâm chánh niệm nên các kiết sử đều tiêu tan. Liền ở trước Phật dùng kệ khen:

*Ngài từ vô số kiếp
Thường uống sữa của tôi
Nên lìa sinh già chết
Đắc thành đạo Vô thượng.
Phải nên báo ân dưỡng
Tôi đoạn gốc ba độc
Kính lễ đáng trọng phu
Bậc vô tham bố thí.
Kính lễ đáng Điều Ngự
Tối thượng không ai hơn
Kính lễ thầy trời người
Dứt buộc ràng si ái.
Ngày đêm trong ba thời
Nhớ nghĩ không gián đoạn
Cúi đầu cung kính lễ
Bậc Pháp vương Vô thượng.
Tại phước điền của Ngài
Muôn mâm công đức lớn
Xin từ bi bố thí
Khiến mau thành diệu quả.
Chí lớn này dài lâu
Nên sinh vào cung vua
Thân lớn sắc vàng tía
Ánh sáng chiếu mười phương.
Dung mạo đều viên tịnh
Như trăng tròn mùa thu.*

Bấy giờ, Thế Tôn nói với mẹ:

– Hãy lắng nghe và suy nghĩ kỹ. Nghĩa này đầu, giữa, sau rất sâu xa. Lời nói diệu xảo thuần nhất không tạp, đầy đủ tướng phạm hạnh thanh bạch.

Ma-ha Ma-da nghe nói rồi, do thần lực của Phật nên biết được đời

trước. Dùng thiện căn thuần thực phá tám mươi ức quặng khói nóng ràng buộc, đắc quả Tu-đà-hoàn. Bà chấp tay bạch Phật:

– Đã chứng quả giải thoát và thoát khỏi ngục tù sinh tử.

Khi ấy, đại chúng trong hội nghe lời này rồi đồng thanh nói:

– Cầu cho tất cả chúng sinh đều được giải thoát như Ma-ha Ma-da hiện tại.

Ma-ha Ma-da bạch Phật:

– Ví như lửa dữ thiêu đốt sắt nóng, nếu có người chạm vào thì cả thân tâm đều bị đau đớn. Sự sống chết của thế gian cũng như vậy, những sự qua lại đều là khổ đau, phàm gốc khổ chất chồng đều do tâm ý. Chúng sinh hân hoan vui đùa theo dục vọng nên luân chuyển quay cuồng trong trận cuồng phong của năm đường, như quả bóng bằng da lăn.

Khi ấy Ma-ha Ma-da tự chê trách tâm ý của mình bằng lời:

– Vì sao người thường làm việc không lợi ích? Đi trong cảnh trần mà không ổn định, cứ chạy theo sáu trần cảnh mà không chịu dừng lại, bị loạn tưởng lôi kéo không lúc nào tạm ngừng. Những ý nghĩ rồi ren đều không tốt đẹp, gây mê hoặc cho ta để đưa qua đời sau. Giống như người đào đất mà mặt đất kia chưa từng bị tăng giảm, nhưng vật dùng để cày bừa thì ngày càng bị hao mòn. Ở trong biển sinh tử cũng như

vậy, thường bỏ thân mạng không thể tính kể, mà thân thức của ta chưa từng tăng giảm. Chúng có thể làm cho ta được địa vị Chuyển luân Thánh vương, đầy đủ bảy thứ báu, thống lãnh bốn châu thiên hạ, rồi chốc lát khiến ta lại sinh làm ếch ương; chốc lát làm cho ta trở thành người nghèo hèn, bốn ba giống ruồi tìm cơm ăn áo mặc khắp bốn phương; chốc lát làm cho ta trở thành trưởng giả giàu có, nhiều của cải, nhiều danh tiếng; bỗng chốc làm cho ta ở cung điện cõi trời, tha hồ hưởng thọ những món ngon vật lạ của năm dục; bỗng chốc làm cho ta ở trong địa ngục uống nước đồng sôi, nuốt viên sắt nóng. Chỉ tính riêng một thân bò, đời quá khứ ta đã mang, thì da của ta chất đống lại cao như núi Tu-di, do còn ở trong sinh tử chưa được giải thoát. Bỗng chốc lại đạt được vô lượng tên gọi như là: ông chủ, người giúp việc, Chuyển luân Thánh vương, Đế vương, Trời, Rồng, Dạ-xoa, Càn-thát-bà, A-tu-la, Ca-lâu-la, Khẩn-na-la, Ma-hầu-la-già, người và phi nhân, súc sinh, ngạ quỷ, địa ngục. Chúng sinh có những tên gọi như vậy. Này tâm ý ngu si ơi! Tuy từng trải qua năm dục ở đời, các thứ vàng bạc, châu báu, vợ con, nô tỳ, voi, ngựa, xe cộ, ruộng vườn, nhà cửa, dân chúng, làng xóm, ngay lúc đó đều bị tan hoại theo vô thường, chúng tạm là sở hữu của ta,

nhưng rồi cùng sẽ hao mòn tan diệt. Trên đến chư Thiên được hưởng thọ năm dục tự tại nhưng khi chết phước hết, năm tướng suy hiện ra: bồi hồi, sầu khổ ôm lòng luyến tiếc, liên sinh ở trong cõi người, làm người nghèo khổ thấp hèn, bị người sai khiến. Nếu ở ngôi vua thì tàn hại lẫn nhau, vua tôi cha con thì đánh nhau. Dưới đến địa ngục mỡ, cắt, thiêu nấu da thịt gân xương để trả lại nghiệp cũ, nuốt hại nhau trong loài súc sinh, bị nghiệp bức bách không được tự tại. Trong loài ngựa quý, rảo chạy Đông Tây, chỉ thấy đồng lửa và hòn sắt nóng chạy theo sau người đó. Có các thứ khổ không thể tính kể trong năm đường sinh tử như vậy.

Này tâm ý ngu si ơi! Từ xưa đến nay, người mãi mãi theo ta chạy khắp các nơi, luôn luôn theo nhau chưa từng xa lìa. Ngày nay ta muốn chuyên tâm nghe pháp, người đừng làm não loạn và chướng ngại ta nữa. Hãy nên nhàm chán các khổ, mau cầu Niết-bàn, chóng được an lạc.

Khi ấy, Ma-ha Ma-da ở trước Phật nói kệ:

*Cúi xin rưới mưa pháp
Thấm nhuần nơi khô cằn
Sinh mầm pháp khắp nơi
Mở mang dần thêm lớn.
Nay con và chúng hội
Thiện căn đều thuần thực
Đối với các đạo quả
Theo trình tự đạt được.
Xin bố thí cam lồ
Diệt trừ nguồn tham giận
Chúng con từ tâm tối
Ràng buộc bởi vô minh.
Mê mờ không trí tuệ
Không biết cầu nơi đạo
Xin chỉ đường giải thoát
Chóng đến thành thường lạc.*

Ma-ha Ma-da nói kệ này xong lại ở trước Phật lặp lại kệ khen ngợi:

*Thế Tôn giữa đại chúng
Sáng rõ hơn Tu-di
Con nay xin dâng lễ
Phật, Pháp cùng chúng Tăng.
Cả bốn chúng bát bộ*

*Khát ngưỡng và tha thiết
Nhất tâm chiêm ngưỡng Phật
Như mắt trời không chớp.
Mong bậc thầy trang nghiêm
Trang sức hoa diệu pháp.*

Khi Ma-ha Ma-da nói kệ khen ngợi xong, bạch Phật:

– Như thật biết các chúng đệ tử của Như Lai: Tỳ-kheo, Tỳ-kheo-ni, Ưu-bà-tắc, Ưu-bà-di, Trời, Rồng, Dạ-xoa, Càn-thát-bà, A-tu-la, Ca-lâu-la, Khẩn-na-la, Ma-hầu-la-già, người và phi nhân, quốc vương, đại thần, trưởng giả, cư sĩ, Bà-la-môn v.v... đã nói vô số kệ khen ngợi ca tụng cũng không thể lường được công đức vi diệu của Như Lai. Nay con trí tuệ nông cạn, do muốn có chút phần khen ngợi đối với công đức như biển lớn của Phật, nên cúi xin rủ lòng chấp nhận. Bà liền ở trước Phật nói kệ:

*Trí rộng cao như núi
Chót vót không cùng tận
Hang khe sâu mênh mông
Suối trong thường chảy đầy.
Các cỏ thuốc trị bệnh
Tốt xanh bên bờ suối
Người nào dùng thuốc này
Được an vui mãi mãi.
Ví như giống cây mía
Tự bên trong chất ngọt
Người trí biết cách ép
Liền được vị ngọt ngon.
Thế Tôn đã giảng pháp
Từ gốc tự thanh tịnh
Nếu người thích tin nhận
Phước báo không cùng tận.
Tất cả các chúng sinh
Nguyện vui không bờ bến
Chỉ có Phật Mâu-ni
Làm cho đều đầy đủ.
Chúng sinh bệnh phiền não
Vô thi thường hừng hực
Như Lai đại y vương*

Tùy bệnh cho thuốc hay.
Đường sinh tử quanh co
Hiểm nạn đầy tăm tối
Năm anh em Kiều-trần
Đi không biết quay về.
Như Lai đại từ bi
Tự đến Ba-la-nại
Vì họ chuyển pháp luân
Đều chứng được đạo quả.
Tám vạn các Thiên tử
Trên không được pháp nhãn
Nếu không phải đạo sư
Ai xoay chuyển được họ.
Xá-lợi-phất, Mục-liên
Ca-diếp, Ca-chiên-diên
Bốn đại Thanh văn này
Khi xưa chưa xuất gia.
Tài cao trí thông bác
Kiêu mạn khinh thế gian
Cả nước đều tôn kính
Danh đức không so sánh.
Khi nghe thấy cam lồ
Hàng phục thành La-hán
Lần lượt giúp Đại sư
Tùy thuận chuyển pháp luân.
Như cây Ni-câu-loại
Hạt giống rất nhỏ bé
Lớn mạnh theo thời gian
Tàng cây càng vươn xa.
Được Thế Tôn hóa độ
Tinh tấn cũng như vậy
Như Ương-quật-ma-la
Giết nhiều các chúng sinh.
Thế Tôn cũng thương xót
Độ cho vào Phật đạo
Đề-bà-đạt-đa kia
Tạo làm năm tội nghịch.

Sai quý nhắc đá lớn
Vì muốn hại Như Lai
Thế Tôn nhìn bình đẳng
Giống như La-hầu-la.
Lại quý tử mẫu kia
Thường nuốt con nít người
Phật vì lòng thương xót
Giấu đứa con của quý.
Quý hoảng hốt vội tìm
Không biết tìm ở đâu?
Trở lại hỏi Thế Tôn
Xin chỉ chỗ con mình.
Như Lai dùng phương tiện
Liên hỏi vặn lại rằng:
– Người nghĩ nhớ đến con
Giong ruồi chạy kiếm tìm.
Sao không có lòng từ
Thường ăn con người khác
Như là tha thứ mình
Chớ giết, chớ báo đánh.
Nếu sửa được tâm này
Có thể gặp được con
Quý nghe lời này rồi
Xấu hổ vui đánh lễ.
Và cũng vì con mình
Chấp tay bạch Phật rằng:
– Từ nay đến hết đời
Từ bỏ tâm tham hại.
Liên thọ giữ năm giới
Cho đến được đạo quả
Như quý tử mẫu kia
Tự thương con của mình.
Rộng đến con người khác
Rốt ráo lìa giết hại
Cúi xin đại từ tôn
Người nay cũng như vậy.
Vì thương mẹ đã sinh

*Và cũng khắp tất cả
Xin mau khai chánh pháp
Cho chúng đều nghe nhận.*

Khi Ma-ha Ma-da nói kệ xong rồi bạch Phật:

– Bạch Thế Tôn! Tất cả chúng sinh ở trong năm đường đều do phiền não, lỗi lầm gây nên, nên bị trói buộc không được tự tại. Con nguyện đời sau được thành Chánh Giác, sẽ đoạn trừ tất cả nguồn gốc của lỗi lầm này. Cầu mong Đại sư thương nhớ đến sự buồn rầu khổ não, sinh già bệnh chết của thế gian. Lửa vô thường đem ngày hừng hực thiêu đốt thế gian không có lúc nào ngừng nghỉ. Nên bảo họ về chỗ của Ngài, nghe chỉ rõ lỗi lầm căn bản của sinh tử, bằng lời nói: Tại sao các người ngủ dài trên giường xe lửa ba cỡi, luôn bị quý vô thường theo rình tìm chỗ sơ hở, các dao gió bệnh muốn giết mạng người.

Ví như giặc cướp thấy kho giấu châu báu liền đem đồ binh khí đến đánh chiếm, cũng vậy đến trăm ngàn kiếp chịu đủ loại cực hình khác nhau, phải tu hành mười điều thiện mới được làm thân người. Tuy được thân người cũng khó sống lâu, lại thêm giặc ác vô thường luôn chèn ép, cần phải phòng hộ, vậy mà còn phóng dật. Như người ngu si dựa vào sự nhiều ít của ngày, tháng, năm mà cho đó là thời hạn nhất định, không nghĩ rằng mạng sống trôi qua theo từng niệm nghĩ. Đến khi chết tùy theo nghiệp mà sinh, người thân trong nhà thương khóc theo như vậy không ngừng.

Người ở thế gian giống như ánh sáng điện, lại ở trong ấy mà sinh ra kiêu mạn. Hoặc có người nói: “Ta là quốc vương, thế lực tự tại, thống lãnh thiên hạ”. Hoặc nói: “Ta là đại thần chăm lo việc nước, thẳng hay cong đều do quyền của mình”. Hoặc có người nói: “Ta là trưởng giả giàu có, nhiều của cải quý báu, mọi sự mong muốn đều được tùy ý”. Hoặc có người nói: “Ta là dòng tộc Bà-la-môn cao quý, thông minh, học rộng thông suốt, kế thừa tổ tiên, là bậc thầy của dòng Sát-lợi”.

Bạch Thế Tôn! Khi những người này còn ở đời có các sự vui vẻ, tự tại như ý, không suy nghĩ ưu buồn. Khi sự chết đến mới hối hận thì làm sao trở lại được! Khi còn trẻ thì gần gũi người thân cận kề, vui đùa buông thả, không tạo một chút việc lành nhỏ nào cả. Khi vô thường bỗng đến phân tán theo năm đường, ngàn vạn ức kiếp khó được lại như vậy. Việc sống, chết không thật, như thành Càn-thát-bà, cho đến Phật-bích-chi, đã hết các kiếp lậu, đủ đại thần thông, tự tại vô úy. Trên thân phun ra nước, dưới thân tuôn ra lửa, hoặc trên thân tuôn ra lửa, dưới thân phun ra nước, bay vọt lên hư

không đi đứng nằm ngồi, đến đi nhanh chóng không bị vách đá làm chướng ngại và dung mạo đẹp đẽ đầy đủ các tướng, có thể làm việc phước điền lớn cho chúng sinh, như vậy còn chưa tránh được tai họa của vô thường, như đem nước nhiều dập tắt lửa nhỏ. Người ở thế gian phạm pháp của vua, tội đáng chết đang bị nhốt trong nhà tù còn có thể van xin cứu giúp cho được thoát ra, nhưng pháp của vô thường không thể xin thoát được. Năng lực của bậc Hiền Thánh còn không tránh khỏi, huống gì là phàm phu mà không sợ hãi lo buồn. Có các tiên nhân ngũ thông tên Đãi-ba-da-na-uất-đa-la-xí, Tỳ-thất-ba-mật-đa-la, A-la-la, Ba-la-xá-la, Ưng-kỳ-la-xá, A-tư-đa, Ba-tát, các tiên nhân này có nhiều danh tiếng, đầy đủ oai lực có thể dùng chú thuật để nâng đỡ hay phá hoại quốc ấp. Những sự việc ấy bây giờ ở đâu? Vì lửa vô thường thiêu đốt chúng sinh nhưng trở lại tự thiêu đốt mình cùng bị tiêu diệt. Ngay cả Đại Phạm thiên vương, Thích-đề-hoàn-nhân, Ma-hê-thủ-la, Lục dục quỷ vương, Tỳ-nữ thiên, Diêm-la vương v.v... La-bà-nại thần, La-bà-nê thần, Tỳ-sa-nê thần, Ca-lâu-nê thần, Ba-lâu-nê thần có năng lực lớn còn bị vô thường nắm bắt. Đánh sinh Thánh vương, Na-la-diên lực sĩ vương, Chi-da-đa-la-đế vương, Mã-diêu vương, Tỳ-ni-la-sí vương, các vua này thống lãnh các nước, dung mạo đẹp đẽ, thông minh hơn đời, thân lực khỏe mạnh không ai địch nổi, còn bị vô thường đập tan không biết về đâu!

Bà-ca-la Long vương, Tu-đa-lợi-xá-na quỷ vương, Tỳ-ma-chất-đa-la A-tu-la vương, Xá-chi-mê-na thiên hậu, A-già-lam-ba thiên hậu, Uất-ba-thi thiên hậu, Chi-xá-la-kê-thi thiên hậu, A-kiệt-la thiên hậu, A-lưu-ba-đề thiên hậu, Mạo-đề thiên hậu, Mạo-đề-lê-sa thiên hậu. Các vị vua này đầy đủ oai lực lớn, cùng chúng thiên hậu dung nhan tuyệt đẹp. Nếu có người nhìn thấy họ liền mất chánh niệm, ý tà tán loạn như bị phi nhân dựa vào.

Giả như có thầy thuốc giỏi, chữa trị đủ loại thuốc cũng không trở lại chánh niệm như trước, các vị này cũng quay về với vô thường. Giống như thợ săn vây bắt các loài thú, pháp của vô thường cũng như vậy, đuổi bắt chúng sinh đến chỗ của vua Diêm-la, tùy theo nghiệp sai khiến mà lần lượt bị voi xéo giày, bầy hổ vô thường rình bắt chúng sinh, nếu bắt được liền cùng giết ăn.

Như Chiên-đa-la lúc muốn giết dê thì treo ngược hai chân lên không cho chạy nhảy. Vô thường Chiên-đa-la cũng như vậy, bắt các chúng sinh không cho cử động, pháp của vô thường như A-đồ-ca-la-xà. Hoặc khi thấy người hai đầu dính vào nhau, pháp của vô thường như khi có gió chướng tập hợp liền bị điên đảo. Pháp của vô thường cũng như đêm đen dần hết lại

càng ngu tối.

Khi Ma-ha Ma-da diễn thuyết xong, nói bài kệ:

*Vì như Chiên-đà-la
Lùa bò đến chỗ giết
Mỗi bước gần chỗ chết
Mạng người thật quá nhanh.*

Lúc đó Ma-ha Ma-da tụng kệ xong rồi, ở trước Phật nói với chúng hội:

– Các anh chị em trong giáo pháp, các vị nên siêng tu giới hạnh. Nay hạnh phúc được gặp Vô Thượng Đạo Sư cầm đuốc soi đường và cấp y áo lương thực đầy đủ cho các người tu hành. Nếu muốn đi đến chỗ thành An lạc, nên mau thưa hỏi để chỉ cho đường chánh. Nếu gặp người hướng dẫn giỏi như vậy mà không quy y, không tùy thuận, phải biết người này rất là cứng cỏi, ắt có thể tạo tội nặng ngũ nghịch. Biền khổ sinh tử rất đáng kinh sợ, trong một kiếp trải qua rất nhiều thân, da ấy tích chứa như núi Tu-di và nằm trong bào thai dơ bẩn, ra vào, đến đi không thể tính kể. Đồng thời trong lúc bú mớm, nước tiểu, phân dãi, đàm mũi cho đến các khổ già chết khó lường, hưởng lại là đã rõ ba đường là độc. Cho nên nay tôi rộng khuyên các vị, trong ngày đêm chuyên cần nghĩ nhớ đến sự giải thoát.

Lúc ấy, Ma-ha Ma-da từ chỗ ngồi đứng dậy đánh lễ nơi chân Phật, quỳ gối chấp tay bạch:

– Bạch Thế Tôn! Tất cả chúng sinh bị trầm luân trong đường sống chết mà không thể ra khỏi.

Thế Tôn đáp lời Ma-ha Ma-da:

– Sở dĩ chúng sinh không được giải thoát đều do ngu si tham dục, sân giận, nên thường vào trong sinh tử. Cho đến muốn cầu sinh cõi trời cũng khó, huống chi là mong xa lìa sự sống chết sao? Ở đời cũng mất đi tiếng tốt, bạn bè thân thuộc đều làm ngơ. Như thấy đất cỏ không hề nhớ nghĩ. Khi sắp chết rất là sợ hãi, thần thức hoảng hốt mới biết tự hỏi trách. Tai họa đều là do ba độc. Nếu người muốn cầu diệu quả giải thoát thì nên dứt bỏ gốc khổ. Hàng phàm phu ngu si kia bị trôi buộc, giống như ngựa dữ bị cột dây cương không thể lay động, nghĩa là đối với sự tập khởi của sắc, sự đoạn diệt của sắc, sự đắm trước của sắc không như thật biết. Thọ tướng hành thức không như thật biết. Không giải thoát được sinh già bệnh chết, buồn thương khổ não. Nếu có người như thật biết rõ ràng, có thể đối với sắc mà giải thoát được, thì đối với thọ tướng hành thức cũng biết như thật rõ ràng,

đồng thời giải thoát được khỏi buồn thương khổ não sinh già bệnh chết. Đây gọi là dứt gốc khổ. Dứt gốc khổ rồi tức xa lìa vọng tưởng. Đã lìa vọng tưởng thì không còn vướng mắc, lại không đắm nhiễm sắc thanh hương vị xúc pháp. Xa lìa ngã, chấp trước ngã, và ngã sở.

Các ông từ nay có thể dùng pháp này cùng nhau khai thị để được lợi ích lớn. Các ông hãy lắng nghe ta nói:

– Ta ở đời quá khứ vô số kiếp đến nay, rộng vì các chúng sinh tu khổ hạnh, thành tựu được đạo Vô Thượng Chánh Đẳng Giác, thương các chúng sinh như con đỏ, những người nào có duyên hóa độ đều đã độ xong. Pháp của chư Phật ba đời đều làm cho vượt qua hoàn toàn, không có bị trở lại trong thế gian. Ta ra khỏi đây thì không còn dấu vết, không làm chủ lại cõi Diêm-phù-đề này, lại cũng không làm chủ Cù-da-ni, cũng không làm chư Phật Bồ-đề, cũng không làm chủ Phát-đơn-việt, không làm Chuyển luân Thánh vương, không làm Thích-đề-hoàn-nhân, không làm vua trời Đại Phạm. Ba cõi như vậy ta đều đã lìa bỏ.

Đã lâu ta trụ trong pháp vương tự tại, không dùng đao binh, gông cùm xiềng xích để khống chế chúng sinh, mà chỉ lấy chánh pháp bố thí cho chúng sinh, làm cho tất cả đều được giải thoát. Hội họp ắt có chia ly, các hành là như vậy. Núi báu Tu-di đến hết kiếp thì tiêu diệt, nước của bốn biển có khô cạn. Cũng vậy Như Lai ra đời để độ chúng sinh, nhân duyên đã hết không ở lại nữa. Vô thường quá ác giống như cá sấu tấp trúng người đến chết cũng không thả ra.

Lúc ấy, trong chúng hội nghe lời nói này rồi, kêu khóc ảo não, đồng thanh nói kệ:

*Mặt trời Phật ra đời
Ánh sáng chiếu rọi rõ
Ngày nay muốn lặn xuống
Vào trong núi vô thường.
Đạo sư Thiên Trung Thiên
Bậc Thượng sĩ tối thượng
Tại sao lại đang bị
Giặc các hành xâm phạm.
Các chúng sinh phước mỏng
Luôn luôn bị tối tăm.*

Bấy giờ, Đức Thế Tôn ở cõi trời Đạo-lợi thuyết pháp độ cho tám bộ, bốn chúng hết ba tháng rồi muốn trở xuống cõi Diêm-phù-đề, liền bảo con

của đại thần trong thành Vương-xá tên Cưu-ma-la, thông minh trí tuệ biện tài:

– Nay ông có thể xuống cõi Diêm-phù-đề nói với khắp các nước cho họ biết: Không lâu Như Lai sẽ nhập Niết-bàn và đem bài kệ này tuyên bố ra.

Rồi Thế Tôn nói bài kệ:

*Nay thế gian tối tăm
Mất đi mất trí tuệ
Ba căn độc chuyển sâu
Không có bậc Y vương.
Lại sắp đến nơi kia
Thành Niết-bàn xa xăm
Nay ở trời Dao-lợi
Thuyết pháp độ chúng sinh.
Các người nên mau tỉnh
Trở xuống Diêm-phù-đề.*

Bấy giờ, Cưu-ma-la lãnh thọ lời Phật xuống cõi Diêm-phù-đề, truyền nói cho khắp tất cả các nước, và nói bài kệ Như Lai đã dạy.

Lúc ấy, các chúng sinh nghe nói kệ rồi, vô cùng sầu não, tất cả đều đánh lễ dưới chân vị ấy mà thưa:

– Chúng con sắp phải mất đấng Từ Âm. Lửa độc của thế gian càng cháy hừng hực, hết thầy đều không biết chỗ của Đạo sư. Nay Như Lai mới lên cõi trời Dao-lợi, lại không lâu sẽ vào Niết-bàn. Sao khổ lắm vậy! Con mắt của thế gian sắp tắt. Thân Phật tuyệt vời, chúng con tội lỗi không thể lên cõi trời cung kính thỉnh cầu. Cúi xin Ngài thương xót chúng con, trở về lại cõi trời bạch lên Phật: Tất cả chúng sinh trong cõi Diêm-phù-đề đều trông mong đánh lễ dưới chân Thế Tôn. Từ lâu trái lời Phật dạy, ngưỡng mong thương xót. Chúng con tìm cầu khắp bốn phương không biết nơi nào, mới nghe Ngài ở cõi trời Dao-lợi, làm lợi ích rộng lớn cho các chúng sinh, lại nghe không lâu sẽ nhập Niết-bàn, thế gian sẽ mất đi mất trí tuệ, cúi xin nghĩ nhớ thương xót chúng sinh cõi Diêm-phù-đề này.

Cưu-ma-la nghe nói rồi liền trở về cõi trời, đến trước Đức Phật, thuật lại đầy đủ những lời người ở cõi Diêm-phù-đề đã nói.

Đức Thế Tôn nghe những lời ấy xong, bèn phóng ra ánh hào quang năm màu: xanh, vàng, đỏ, trắng, hồng. Ánh sáng ấy soi khắp trong cõi Diêm-phù-đề.

Lúc ấy, mọi người nam nữ lớn nhỏ thấy ánh sáng này đều sợ và mừng khen việc chưa từng có và cùng nhau nói: Hôm nay sao bỗng nhiên có tướng khác lạ này?

Không phải là ánh sáng của mặt trời, mặt trăng, các ngôi sao, lại cũng không giống thần lực chú thuật của tiên nhân ngũ thông và Bà-la-môn có thể làm được.

Lại có người nói: Nay ta xem xét ánh sáng này chắc chắn không phải là sức các thần khác làm. Ất là bậc Y vương đại bi vô thượng thương xót thế gian, nên phóng ra ánh sáng đẹp này. Chúng ta có thể được cứu hộ an vui.

Khi đó, Thiên Đế thích biết Phật sắp giáng trần liền sai quỷ thần làm ba con đường bằng bậc thang báu, bậc giữa dùng vàng Diêm-phù-đàn, bậc bên phải dùng thuần bằng lưu ly, bậc bên trái dùng tòa mã não. Lan can chạm khắc rất xinh đẹp trắng lẹ.

Bấy giờ, Thế Tôn nói với Ma-ha Ma-da:

– Pháp của sinh tử nếu có hội hợp ắt có xa lìa. Nay Như Lai phải trở xuống lại cõi Diêm-phù-đề, không lâu sau cũng sẽ nhập Niết-bàn.

Ma-ha Ma-da nghe lời này rồi, rơi lệ nói kệ:

*Thế Tôn ở nhiều kiếp
Vì thương xót tất cả
Bỏ đầu mắt thân não
Nay được thành Chánh giác.
Các chúng sinh ba cõi
Mê mãi biển si ái
Mới bố thí thuyền pháp
Vì sao mà lìa bỏ.*

Đức Thế Tôn dùng kệ đáp:

*Chư Phật hiện ở đời
Đều do có nhân duyên
Duyên hết thì nhập diệt
Ba đời Phật như vậy.*

Khi Đức Thế Tôn nói kệ xong, vì muốn báo ơn sinh thành, đều thương xót tất cả chúng sinh, bèn ở trước Ma-ha Ma-da nói bài chú:

Nam mô Phật đà. Nam mô Đạt ma. Nam mô Tăng già. Nam mô Tát đa tha tam miệu tam Phật đà Thanh văn Tăng già. Nam mô di đế lợi ba la

mục khu na. Nam mô Tu đà hoàn. Nam mô Tư đà hàm. Nam mô A na hàm. Nam mô A la hán đà.

Nam mô hư ca tam miệu ca đà na, tam miệu ba la để bán na nại. Đề sa na ma kỷ lật đà bà xoa sàng ma ha do lợi bính đồ la đồ ba ma tỷ đồ, tam tỷ đồ tụng thâm lâu suất mê di chỉ chí bà la để tỷ giá lợi giá la giá trạch đề bà na già, da xoa, a tu la, ca lâu la, khẩn na la, ma hầu la già, dạ xoa, la sát, tỷ xa giá tất kiến đà. Âu ma tất một la ca thâm lâu nỗ suất mê phù đà ca na. Di chỉ chí bà la để tỷ giá la giá la giá la kiếp ba a hà la lâu đề lê đà a ha trạch mạn sai a ha la mê đà a ha la tát bà, a ha la a, đột giá a ha la đồ tỷ đà a ha la đốt thác chất đà ba bà chất đà quật tỷ đà chất đà kiên la kiện la na chất đà. Phật đà bà đạt ma bà tăng già bà bà la tiên nại ca thời hà ca bàn trĩ ca bàn trĩ thành khí ni. Diêm ma la lợi diêm ma đầu để lam bà ba la lam bà ca la ba xá a phú để a lợi chỉ thành a lợi đế, a lê tằm già lợi lam bà tỷ lam bà ca la ba thi a lợi đế.

Nay vì Ta báo ân mẹ đã sinh và ủng hộ cho tất cả nên nói chú này. Nếu có thiện nam, thiện nữ chí tâm muốn thọ trì đọc tụng lời của Ma-ha Ma-da phu nhân và bài chú này, trước hết tắm rửa sạch sẽ, mặc y phục mới, dùng hương bột, hương xoa, hương đốt, hương rưới lên đất, rải các hoa đẹp, lọng lụa, cờ phướn. Trỗi các loại âm nhạc cúng dường bảy ngày bảy đêm, cùng giữ tám giới, chấm dứt ngũ tân, mười thứ thịt và các mùi vị bất tịnh, tất cả đều không ăn. Chắp tay quy y Tam bảo, xưng tên Ma-ha Ma-da và đọc bài chú này. Thần lực của chú này có thể trừ được các bệnh của chúng sinh như: bệnh nóng nảy, điên cuồng, sốt rét, quỷ mị tiêu tụy, bị bùa chú nguyên rủa, nằm ngủ thấy nhiều mộng ác, bị phù thủy làm cho ngẩn hơi, con nít giật mình kêu khóc, quái vật, ma quỷ làm mê muội người. Người trì chú này thường được tất cả sự thương mến lại được nhiều tiếng tốt ở đời. Cũng nên xưng niệm vua trời phương Đông là Đề-đầu-lại-thác, vua trời phương Nam là Tỳ-lâu-bạt-xoa, vua trời phương Tây là Tỳ-lâu-lặc-ca, vua trời phương Bắc là Tỳ-sa-môn.

Vị thần thứ nhất phụ giúp vua trời phương Đông tên: Ma-ni-bạt-đà-la, thứ hai tên: Phú-na-bạt-đà-la, thứ ba tên Kim-tỳ-la, mỗi vị thống lãnh tất cả các quỷ thần.

Vị thần thứ nhất phụ giúp vua trời phương Nam tên Bàn-giá-la-lập-bất-đế-xí-ma-ha-đồ-la-đô-na, mỗi vị thống lãnh năm ức quỷ thần, ủng hộ Chấn-đán và Diêm-phù-đề, tất cả các quỷ không làm loạn được.

Vị thần thứ nhất phụ giúp vua trời phương Tây là Bạt-đàn-na và sáu

người anh em.

Vị thần thứ nhất phụ giúp vua trời phương Bắc là Ca-tỳ-la-da-xoa, Kim-phát đại thần, Mẫu-chi đại thần, Tán-chỉ-tu-ma-la thần. Có các đại quỷ thần như vậy thống lãnh bốn châu thiên hạ. Nếu có thể tụng đọc tên Ma-ha Ma-da và có thể diễn nói thần chú này, các thiện thần nghe gọi đến tên ấy, đều đến gần gũi ủng hộ, tất cả các nạn thấy đều tiêu diệt.

Thế Tôn nói về thần chú này rồi, bèn đọc tiếp kệ:

*Nếu có chúng sinh ác
Không thuận theo chú này
Giống như các thương nhân
Trôi vào nước La-sát.
Năm trăm các La-sát
Tranh giành ăn nuốt họ
Nếu người lành trì tụng
Câu thần chú như đây.
Giống các thương nhân kia
Biển lớn về an ổn
Được nhiều thứ châu báu
Bảy đời không cùng hết.
Ta ở vô lượng kiếp
Bỏ đầu mắt thân não
Xương thịt và tay chân
Vợ con cùng quốc thành.
Tích chứa hạnh Bồ-tát
Siêng tu Ba-la-mật
Thương xót khắp tất cả
Không phải vì tự thân.
Nay thành được Chánh giác
Cứu giúp khổ chúng sinh
Nói Đà-la-ni này
Ứng hộ cho thế gian.*

Đức Thế Tôn nói kệ này xong, từ biệt mẹ bước xuống bậc thêm sáu. Đại Phạm Thiên vương cảm lộng theo hầu. Thích-đề-hoàn-nhân và bốn Thiên vương đứng hầu bên tả hữu. Vô lượng Trời, Rồng, Dạ-xoa, Càn-thát-bà, A-tu-la, Ca-lâu-la, Khẩn-na-la, Ma-hầu-la-già, người và phi nhân, Tỳ-kheo, Tỳ-kheo-ni, Ưu-bà-tắc, Ưu-bà-di cùng các loài quỷ thần khác, thân

cận trước sau đầy kín hư không. Trỗi kỹ nhạc trời chúc tụng khen ngợi, đốt nhiều hương thơm, rải các hoa quý theo đường xuống đến cõi Diêm-phù-đề.

Lúc đó, các quốc vương ở cõi Diêm-phù-đề như vua Ba-tư-nặc, vua Ưu-đà-diên, vua Tần-bà-sa-la, Vật-đà-già, Phất-ca-la-bà-la và tất cả các đại vương khác, trưởng giả, cư sĩ, Bà-la-môn v.v... mỗi vị chỉnh trang bốn thứ binh: binh voi, binh ngựa, binh xe và binh bộ, có các màu sắc xanh, vàng, đỏ, trắng chiếu sáng rõ như khi đi dạo xem ở cõi trời Đao-lợi Thiên vương. Đồng thời các Tỳ-kheo, Tỳ-kheo-ni, Ưu-bà-tắc, Ưu-bà-di tập hợp tại bậc thềm báu để tiếp rước Đức Phật.

Khi ấy, vua Ba-tư-nặc nước Xá-vệ liền ra lệnh cho các đại thần ở tại tinh xá Kỳ Hoàn, sai làm các thứ thức ăn uống, y phục, ngọa cụ, thuốc thang, đem tất cả của cải làm vật cúng dường.

Bấy giờ, Thế Tôn xuống đến cõi Diêm-phù-đề rồi, các vua, đại thần, trưởng giả, cư sĩ và bốn chúng cung kính lễ bái, khen ngợi ca tụng đi theo Thế Tôn vào tinh xá Kỳ Hoàn.

Lúc đó, tất cả mọi người đã nghe Như Lai từ cõi trời Đao-lợi trở xuống tinh xá Kỳ Hoàn, đều vội vã đi đến làm chật cả con đường đến cửa của tinh xá Kỳ Hoàn, người đi đến rất đông không thể tính kể.

Khi ấy, Đức Thế Tôn ngồi trên tòa sư tử, tám bộ bốn chúng vây quanh trước sau. Vua Ba-tư-nặc thấy Đức Thế Tôn trên tòa sư tử hân hoan vui mừng không tự kiềm chế, ở trước Đức Phật nói kệ:

*Chúng con xin quy y
Bậc Vô thượng công đức
Khéo nhổ các gốc khổ
Năng trồng các căn lành.
Từ bi phước chúng sinh
Điều ngự sĩ cao tột
Tướng tốt đẹp trang nghiêm
Thân trượng phu tối thượng.
Đạo sư phước điền tốt
Công đức vượt Phạm Thích
Nghị luận rộng điều phục
Được thần lực tự tại.
Con đem đầu đánh lễ
Thiên Nhân Sư vô thượng.*

Vua Ba-tư-nặc nói kệ xong bạch Phật:

– Bạch Thế Tôn! Chúng sinh ngày nay chìm đắm trong sinh tử, người ăn uống độc dược tuyệt không chữa trị được, cúi xin Đại tiên rộng rưới cam lồ.

Bấy giờ, Đức Thế Tôn bảo các đại chúng:

– Nên biết tất cả nguồn gốc của sinh tử: Vô minh duyên hành, hành duyên thức, thức duyên danh sắc, danh sắc duyên sáu nhập, sáu nhập duyên xúc, xúc duyên thọ, thọ duyên ái, ái duyên thủ, thủ duyên hữu, hữu duyên sinh, sinh duyên lão tử, ưu bi khổ não. Nếu vô minh diệt thì hành diệt, hành diệt thì thức diệt, thức diệt thì danh sắc diệt, danh sắc diệt thì sáu nhập diệt, sáu nhập diệt thì xúc diệt, xúc diệt thì thọ diệt, thọ diệt thì ái diệt, ái diệt thì thủ diệt, thủ diệt thì hữu diệt, hữu diệt thì sinh diệt, sinh diệt thì lão tử diệt, lão tử diệt thì ưu bi khổ não diệt. Các ông nên siêng năng tu tập lâu dài, mau xa lìa được biển khổ ba cõi. Các ông nên lắng nghe: Tám khổ thường bị trói buộc trong pháp sinh tử, đều do nghiệp của thân miệng ý tích tập lưu chuyển không ngừng. Nếu có thể dứt trừ gốc rễ tích tập ấy thì diệt được các khổ. Thực hành Bát chánh đạo là đường chân chánh vô vi. Người có khả năng xét kỹ như vậy thì có thể thoát ra khỏi nghiệp của nhiều đời.



KINH MA HA MA DA

QUYỂN HẠ

Bấy giờ, Đức Thế Tôn nói pháp nhiệm màu cho vua Ba-tư-nặc và đại chúng xong, cùng với chúng Tỳ-kheo vây quanh trước sau lần lượt từ nước Xá-vệ đi đến các làng xóm, thôn ấp, tùy theo người đáng độ đều độ khắp, rồi đi đến sông Ni-liên-thiên.

Đức Thế Tôn đến sông rồi cởi áo xuống tắm gội. Khi ấy có vô lượng trăm ngàn Trời, Rồng, Dạ-xoa, Càn-thát-bà, A-tu-la, Ca-lâu-la, Khẩn-na-la, Ma-hầu-la-già, người và phi nhân v.v... thấy Như Lai tắm trong sông, mỗi vị đều đem các loại hương xoa, hương bột đến cúng dường. Lúc ấy, tất cả chúng sinh ở hư không, trên đất, dưới nước bên sông Ni-liên-thiên, thấy thân Như Lai giống như gương sáng, hình dáng diệu kỳ, thấy đều hoan hỷ phát sinh tâm từ, tiêu trừ ba độc, không ăn nuốt lẫn nhau, đều phát tâm Vô thượng Chánh đẳng giác.

Bấy giờ, A-nan bạch Phật:

– Nay các chúng sinh trong nước, đất liền hư không, thấy thân Phật còn sinh hoan hỷ phát tâm Bồ-đề. Đề-bà-đạt-đa sinh trong cung họ Thích, là bà con của Phật, lại làm Sa-môn, miệng thường đọc tụng kinh điển vi diệu, nhưng đối với Như Lai thường làm việc nghịch tội, phá hòa hợp Tăng, làm thân Phật chảy máu, dạy vua A-xà-thế giết hại vua cha. Ngày ngày tập hợp những thức ăn ngon lạ, kiêu mạn, cho mình bằng Phật, vì lợi dưỡng nhỏ nên bị lửa thiêu đốt. Giả như chư Phật muốn cứu độ cũng không lợi ích. Giống như con la có thai thì chắc chắn bị chết.

Bấy giờ, Đức Thế Tôn bảo A-nan:

– Như lời ông nói, Đề-bà-đạt-đa thường có tâm oán hại Ta, tự tạo ra nhân đọa vào địa ngục A-tỳ, tất cả chư Phật không thể cứu thoát. Đối với Đề-bà-đạt-đa Ta rất thương xót, nhưng không lâu nữa ông ta bị nghiệp khổ làm hại. Lúc Đề-bà-đạt-đa ở bên cạnh Phật nghe nói vậy rồi, lòng rất giận dữ liền từ bỏ Phật, cùng với số đệ tử khác đi đến nước Ma-kiệt-đà kết thân với vua A-xà-thế. Trên đường đi có các bầy quạ kêu tiếng khó chịu quần

vũ quấy loạn, lại gặp trâu ác muốn báng tung họ. Các đệ tử kia thấy vậy rồi nói: “Nay chúng ta thấy các điều này không phải là an lành. Hoặc là chỗ sắp đến không lợi ích”.

Đề-bà-đạt-đa nói: “Các ông ngu si làm sao biết được! Nên theo ta gấp không cần nói nhiều”.

Đến nước Ma-kiệt-đà rồi, Đề-bà bảo người giữ cửa: “Ông vào tâu vua có ta đến đây”.

Người giữ cửa liền vào tâu vua. Vua A-xà-thế nghe Đề-bà-đạt-đa đã đến bên ngoài, lòng rất giận dữ nói: “Ta không muốn nghe tên ông ấy, huống là mắt thấy sao? Giống như mưa đá phá gãy cây cỏ trên đất, chính nó không lâu sẽ tự tiêu tan. Người ác này cũng như vậy, dạy người làm ác, phá hoại hạt giống lành của người, rồi trở lại tự hại hạt giống thiện căn của mình”.

Vua bảo người giữ cửa: “Chớ nghe lời ông ta nói”.

Thấy vua A-xà-thế không cho gặp mặt, Đề-bà-đạt-đa rất tức giận, đập đầu nghiêng răng cắn chửi.

Lúc đó, có Tỳ-kheo-ni Ưu-ba-la từ cung vua đi ra, thấy Đề-bà-đạt-đa ở ngoài cửa liền mắng: “Người làm cho dòng họ Thích không được hưng thịnh, để lại chướng ngại lớn cho pháp Phật”.

Đề-bà-đạt-đa nghe nói rồi rất giận dữ, liền dùng tay đánh vào đầu làm cho Tỳ-kheo-ni kia chết. Đề-bà-đạt-đa làm hại Tỳ-kheo-ni La-hán, nên bị đất nứt ra có nhiều lửa vây bọc nuốt chửng ông ta kéo vào địa ngục.

Lúc ấy, Đức Thế Tôn tắm xong, hướng về các Tỳ-kheo nói kệ:

*Ví như qua đường xấu
Thời gian dài lo sợ
Nếu đến nơi bằng phẳng
An ổn không nạn buồn
Đường sinh tử hiểm trở
Chúng sinh thường kinh sợ
Chỉ có đường Niết-bàn
Hành giả được an ổn
Nay Ta muốn đến đó
Công đức thường nơi lạc.*

Đức Thế Tôn nói kệ này xong cùng A-nan đi đến thành Vương-xá, giảng thuyết các pháp cho các Tỳ-kheo. Lần lượt đi đến thôn Ba-liên-phát nói pháp cho dân chúng, trưởng giả, cư sĩ, Phạm chí v.v... Kế đi đến thành

Tỳ-da-ly mà giảng nói pháp cho dân chúng Ly-sa và cô gái vườn xoài.

Bấy giờ, Đức Thế Tôn toàn thân sinh bệnh khắp nơi đều đau nhức, bèn quay lại bảo Tôn giả A-nan:

– Nay thân thể Ta đau nhức, chỉ muốn xả bỏ thân hư mục này. A-nan nên biết, nếu Tỳ-kheo, Tỳ-kheo-ni nào chứng đắc bốn thần túc thì có thể sống được một kiếp, hoặc ít hơn một kiếp, hưởng gì Như Lai đã tự tại trong ý muốn.

Lúc ấy, A-nan bị ma che khuất nên im lặng không đáp. Đức Thế Tôn hỏi đến ba lần cũng đều im lặng. Thế Tôn bèn bảo A-nan:

– Ông nên đến một gốc cây khác chuyên cần tư duy và quán sát các pháp.

Lúc đó, ma Ba-tuần liền đến chỗ Phật, cúi đầu lễ nơi chân Phật bạch:

– Trước đây tôi đã cầu thỉnh Thế Tôn vào Niết-bàn. Khi ấy Thế

Tôn trả lời tôi: Các đệ tử Tỳ-kheo, Tỳ-kheo-ni, Ưu-bà-tắc, Ưu-bà-di của ta chưa đầy đủ, nên chưa thể vào Niết-bàn. Nay bốn bộ chúng của Thế Tôn đã đầy đủ, cúi xin bậc Thiện Thệ mau vào Niết-bàn.

Thế Tôn đáp lời cho ma:

– Hay thay Ba-tuần! Nên biết sau ba tháng nữa Như Lai sẽ vào Niết-bàn.

Ma Ba-tuần nghe Phật hứa rồi, hân hoan vui mừng không thể kiểm chế, đánh lễ nơi chân Phật trở về cõi trời.

Như Lai đã hứa với Thiên ma sau ba tháng sẽ vào Niết-bàn, liền xả bỏ tuổi thọ vô lượng, dùng sức thần thông trụ trong ba tháng. Khi ấy, trong đại địa chấn động đủ sáu cách, mặt trời không có ánh sáng rực rỡ, mưa gió thất thường, tám bộ chúng trời rồng ai cũng run sợ, đứng bên Phật đầy kín cả hư không.

Tôn giả A-nan thấy tướng này rồi lòng kinh hãi, lông tóc dựng đứng, vội đến bên Phật, bạch:

– Vì nguyên nhân gì bỗng nhiên hôm nay có tướng này? Phật bảo A-nan:

– Ma Ba-tuần ác đến cầu thỉnh muốn Ta vào Niết-bàn. Ta đã hứa với họ và đã xả bỏ tuổi thọ. Do dùng thần lực nên còn trụ trong ba tháng.

A-nan bạch Phật:

– Đức Thế Tôn thường nói: Người chứng đắc bốn thần túc thì có thể sống được một kiếp, hoặc ít hơn một kiếp, hoàn toàn theo ý muốn. Tại sao

Như Lai không trụ trong thế gian mà bị thay đổi như các hành?

Như Lai bảo A-nan:

– Vừa rồi Ta đã nói với ông điều này vì ông bị ma che khuất trí nên không biết thưa hỏi. Nay Ta hứa với ma rồi, làm sao sống lâu được!

A-nan phải biết, tất cả các pháp hành đều không thường còn được như vậy. A-nan nghe Phật nói lời này, trong lòng phiền muộn áo não, không thể kèm chế, kêu khóc tự hối trách.

Lúc đó, Đức Thế Tôn cùng A-nan dần dần đi đến khắp các nước, thôn ấp, làng xóm rộng giảng nói các pháp, người được hóa độ không thể tính kể. Dần dần đến nơi các Lục sĩ nước Câu-thi-na-kiệt, giữa rừng Ta-la bên sông Ni-liên, bảo A-nan:

– Ông nên cột võng đầu quay về hướng Bắc, hôm nay thân thể Ta rất đau, vào giữa đêm này sẽ vào Niết-bàn.

A-nan vâng lời bố trí giường dây xong, Đức Phật nằm nghiêng hông về phía bên phải.

Bấy giờ, A-nan thấy Phật nằm rồi, núp ở sau Phật, rơi lệ buồn khóc rất khổ não.

Đức Thế Tôn bèn hỏi các Tỳ-kheo:

– A-nan đang ở chỗ nào? Các Tỳ-kheo đáp:

– A-nan đang ở gần sau Phật rơi lệ buồn khổ. Như Lai bằng Phạm âm đại bi bảo A-nan:

– Ông không nên khóc lóc giống như trẻ nít mới sinh. Vì sao? Ở trong sinh tử thấy đều như vậy chỉ nên siêng suy nghĩ các pháp.

Trước đây ông từng theo bên Ta, nghiệp thân, khẩu, ý rất là thuần thiện, chưa từng thấy ông có chút lỗi nào, nay phải nên siêng cầu giải thoát, chớ ôm buồn bực, hãy kèm chế lòng đau thương chớ nên sầu não.

Lúc ấy, A-nan bạch Phật:

– Sau khi Như Lai nhập Niết-bàn, nên hỏa táng bằng cách nào? Phật bảo A-nan:

– Cách hỏa táng nên làm như của Chuyển luân Thánh vương. Lấy ngàn tấm lụa sạch mới dài quấn thân Phật. Đem dầu thơm đặt vào trong hòm bằng vàng, đem hòm bằng vàng đặt vào trong hòm bằng bạc, đem hòm bằng bạc đặt trong hòm bằng đồng, đem hòm bằng đồng đặt trong hòm bằng thiếc. Tập trung các loại củi thơm để hỏa táng, gom lấy xá-lợi lập tháp miếu thờ, bày các thứ lọng lụa, cờ phướn cúng dường.

Khi ấy, Đức Thế Tôn bảo A-nan:

– Ông nên vào thành bảo các Lực sĩ, đêm nay Ta sẽ vào Niết-bàn, nếu họ muốn đến nên tự biết lúc.

A-nan vâng lời liền đi vào thành, đến ngã tư đường, lớn tiếng xướng:

– Như Lai Ứng Cúng Đại Sư của ba cõi đang ở giữa cây Song thọ gần nơi đây, sẽ vào Niết-bàn vào lúc nửa đêm. Nếu các người muốn lễ bái cúng dường, đồng thời muốn thưa hỏi chắc chắn phải biết đến đúng lúc.

Các Lực sĩ nghe nói vậy rồi, đều rất buồn khổ hỏi A-nan:

– Đức Thế Tôn sao diệt độ nhanh quá! Từ nay chúng ta không biết nương tựa vào đâu! Rồi họ khóc lóc trên đường đi đến chỗ Đức Phật.

Lúc đó, nơi rừng Ta-la Song thọ bên sông Ni-liên, chu vi rộng đến bốn trăm năm mươi dặm, trời rồng bát bộ đầy kín cả hư không, không hở chỗ nào, thấy đều mền mọ, buồn khóc khổ não. Tất cả đều nói:

– Thế gian đã mất đi đáng cha lành.

Mỗi người đều tự nói: Từ nay chúng ta sẽ chìm đắm trong sinh tử, ai là người cứu giúp?

Khi ấy, trong thành có một Phạm chí một trăm hai mươi tuổi tên Tu-bạt-đà-la, nghe Phật nửa đêm sẽ vào Niết-bàn giữa rừng Ta-la, ông liền đến chỗ Phật thưa A-nan:

– Con nghe Như Lai Nhất Thiết Trí sẽ vào Niết-bàn lúc nửa đêm, nên muốn giải quyết chút nghi, cúi xin cho phép con được gặp.

A-nan trong lòng nghĩ: Ông Phạm chí này chất chứa dị kiến đã lâu, nay ắt muốn cùng Phật bàn luận, Đức Thế Tôn đang bệnh không nên quấy rối, bèn lặng im không cho phép. Xin đến ba lần cũng không cho.

Bấy giờ, bằng thiên nhĩ nghe từ xa Đức Thế Tôn bảo A-nan:

– Ông nên cho ông Phạm chí già vào, đây chính là đệ tử cuối cùng của Ta.

Tu-bạt-đà-la thấy Phật rồi hân hoan vui mừng, đầu mặt làm lễ.

Khi ấy, Đức Thế Tôn tùy căn cơ mà nói pháp Bát chánh đạo, ông ấy liền ngay chỗ ngồi chứng được quả A-la-hán. Ông bạch Phật:

– Con đã qua khỏi được biển khổ sinh tử, không thể chịu được khi thấy Đại sư Niết-bàn. Nay con xin diệt độ trước, liền ở trước Phật vào Niết-bàn.

Lúc đó, Đức Thế Tôn vì tất cả tám bộ chúng nói pháp nhiệm mầu tới nửa đêm. Giờ Niết-bàn đã đến, Đức Thế Tôn nói bài kệ:

*Ta với các chúng sinh
 Nay hết duyên hóa độ
 Đêm lặng khí hòa hoạt
 Giờ Niết-bàn đã đến.*

Đức Thế Tôn nói kệ xong liền vào sơ thiền, sơ thiền xong lại vào nhị thiền, nhị thiền xong lại vào tam thiền, tam thiền xong lại vào tứ thiền, tứ thiền xong lại vào không xứ, vào không xứ rồi đến vào thức xứ, vào thức xứ rồi đến vào vô sở hữu xứ, vào vô sở hữu xứ rồi vào phi tướng phi phi tướng xứ, vào phi tướng phi phi tướng xứ rồi vào diệt tận định.

Khi ấy, trong hội đại chúng thấy các căn của Như Lai không động, bèn hỏi Tôn giả A-na-luật:

- Đức Thế Tôn nay đã vào Niết-bàn chưa? A-na-luật bảo mọi người:
- Thế Tôn đang vào định diệt tận.

Bấy giờ, Như Lai ra khỏi diệt tận định vào phi tướng phi phi tướng xứ. Ra khỏi phi tướng phi phi tướng xứ vào lại vô sở hữu xứ. Ra khỏi vô sở hữu xứ vào lại thức xứ. Ra khỏi thức xứ vào lại không xứ. Ra khỏi không xứ vào lại tứ thiền. Ra khỏi tứ thiền vào lại tam thiền. Ra khỏi tam thiền vào lại nhị thiền. Ra khỏi nhị thiền vào lại sơ thiền. Ở sơ thiền vào nhị thiền, ra nhị thiền vào tam thiền, ra tam thiền vào tứ thiền, ra tứ thiền vào không xứ, ra không xứ vào thức xứ, ra thức xứ vào vô sở hữu xứ, ra vô sở hữu xứ vào phi tướng phi phi tướng xứ, ra phi tướng phi phi tướng xứ vào diệt tận định. Chính ở nơi ấy Ngài vào Niết-bàn. Đúng lúc này đại địa chấn động, trời rồng bát bộ buồn khóc rối loạn. Khi ấy, trời Đế Thích và Phạm thiên nói kệ:

*Sống chết không chân thật
 Lừa gạt các chúng sinh
 Mâu Ni Tôn ngày nay
 Bỏ nó như đờm dãi.*

Lúc đó, các chúng sinh cùng nói:

– Như Lai diệt độ sao nhanh quá! Trong lao ngục ba cõi ai sẽ được giải thoát.

Hoặc có người lăn lóc trên đất, hoặc có người bút đứt chuỗi anh lạc, quần áo, hoặc đâm ngực, bút tóc, kêu lớn. A-nan vội vào thành bảo các Lục sĩ:

– Tối qua Như Lai đã vào Niết-bàn, các ông phải nên hỏa táng cúng dường.

Các Lực sĩ nghe nói rồi rất đau khổ, đều cùng đến rừng Ta-la, thấy Đức Thế Tôn đã vào Niết-bàn họ rất đau xót không vui, không thể kềm chế. Liên hỏi A-nan:

– Chúng tôi không biết cách hỏa táng thân Như Lai thế nào? A-nan đáp:

– Đêm qua tôi đã thưa hỏi Phật. Đức Thế Tôn dạy cách hỏa táng như Chuyển luân Thánh vương. A-nan đều lần lượt nói lại đầy đủ. Các Lực sĩ nghe xong liền làm đầy đủ trang nghiêm cúng dường, mọi việc đều theo như A-nan đã nói, cách làm quan tài như của Chuyển luân Thánh vương.

Bấy giờ, Ma-da ở cõi trời thấy năm tướng suy:

Một là hoa trên đầu tự nhiên héo. Hai là dưới nách ra mồ hôi.

Ba là ánh sáng trên đỉnh đầu mất. Bốn là hai mắt nhắm liên tục.

Năm là không thích chỗ ngồi.

Trong đêm ấy lại thấy năm mộng ác lớn:

Mộng thứ nhất: Núi Tu-di sụp lở, nước trong bốn biển khô cạn.

Mộng thứ hai: Thấy các La-sát tay cầm dao bén móc mắt tất cả chúng sinh. Lúc ấy, có gió bão nổi lên, các La-sát đều chạy trở về núi Tuyết.

Mộng thứ ba: Các trời nơi cõi Dục, cõi Sắc bỗng nhiên mất mũ báu. Chuỗi anh lạc tự đứt, ngồi trên tòa không yên. Thân không có ánh sáng giống như đóm đen.

Mộng thứ tư: Thấy ngọc châu Như ý treo trên ngọn cờ cao thường mưa châu báu chu cấp cho tất cả. Có bốn rồng độc trong miệng phun ra lửa thổi đến chỗ ngọn cờ và định ngậm lấy ngọc châu Như ý, bị gió dữ thổi xuống vực sâu.

Mộng thứ năm: Có năm con sư tử từ trên không xuống ngậm vú của Ma-ha Ma-da rồi chui vào trong nách trái, thân tâm đau đớn như bị dao cắt.

Khi Ma-ha Ma-da thấy mộng này rồi rất kinh sợ thức giấc nói:

– Vừa rồi ta nằm mộng bỗng nhiên thấy việc không an lành, làm cho thân tâm ta rất buồn khổ. Xưa ở trong cung vua Bạch Tịnh, nhân trong giấc ngủ ban ngày thấy được mộng hiếm có, thấy một Thiên tử thân màu hoàng kim cỡi voi chúa màu trắng, có các Thiên tử vây quanh trỗi các âm nhạc vi diệu sáng rỡ như mặt trời đi vào bên hông phải của ta, thân tâm được an vui không chút buồn khổ, liền mang thai Thái tử Tất-đạt, rạng rỡ tổ tiên, soi sáng cho đời. Nay nằm mộng này rất là kinh sợ, ắt là tướng ác. Thích Ca Như Lai con ta vào Niết-bàn. Bèn hướng về các Thiên tử nói rõ

các việc đã thấy trong mộng.

Bấy giờ, Tôn giả A-na-luật sau khi thấy thân Như Lai đã đặt vào trong quan tài, liền bay lên cõi trời Đao-lợi đến chỗ Ma-ha Ma-da mà nói:

*Đại sư cao tột Thiên Trung Thiên
Người dẫn đường tất cả thế gian
Trong biển vô thường ngài đã bị
Cá lớn Ma kiệt nuốt hẵn rồi.
Ở tại nước Câu-thi-na-kiệt
Trong rừng Ta-la giữa Song thọ
Không lâu sẽ ra cửa thành Đông
Cúng dường các thứ để hỏa táng.
Tám chúng trời người đều đầy chật
Khóc kêu chán động suốt tam thiên.*

A-na-luật nói kệ xong, liền trở về bên quan tài của Như Lai. Ma-ha Ma-da nghe A-na-luật nói kệ này rồi phiền muộn ngã xuống đất. Các thiên nữ dùng nước vẩy vào mặt, hồi lâu bà mới tỉnh lại, bứt đầu tóc, các thứ trang sức, rơi lệ buồn khóc nói:

– Đêm qua ta thấy năm điem ác mộng, biết chắc chắn Như Lai sẽ nhập Niết-bàn. Nay quả nhiên A-na-luật đến báo: Phật đã diệt độ giữa rừng Song thọ, không lâu sẽ hỏa táng. Sao mà khổ vậy! Con mắt của thế gian đã mất sao nhanh quá! Trời người đã hết phước. Khi xưa trong cung vua Bạch Tịnh, mới sinh Ngài bảy ngày thì ta chết. Tình mẹ con chưa được ẵm bồng nuôi dưỡng, giao phó lại cho dì là Ma-ha Ba-xa-ba-đề nuôi dưỡng cho bú mớm đến trưởng thành. Đến năm mười chín tuổi, nửa đêm vượt thành xuất gia, cả cung điện trong ngoài đều buồn thảm. Đã thành đạo rồi mở mắt trí tuệ cho thế gian, che chở ủng hộ cho tất cả giống như cha lành. Vì sao trong một sớm sẽ nhập Niết-bàn. Quý ác độc vô thường rất hung bạo, có thể hại người con chánh giác của ta, liền ở trong chúng nói kệ:

*Ở vô lượng kiếp qua
Thường cùng là mẹ con
Ngài đã thành Chánh giác
Duyên này mới dứt lìa.
Nhưng lại trong ngày nay
Đã vào trong Niết-bàn
Giống như cây cao lớn
Các chim cùng nương đậu.*

Sáng sớm mỗi phân tán
 Đến chiều tụ họp về
 Làm mẹ con cùng Ngài
 Chung nơi cây sinh tử.
 Đã thành được quả Phật
 Nguồn gốc lớn tuyệt này
 Rồi lại vào diệt độ
 Không thể còn gặp nữa.

Khi Ma-ha Ma-da nói kệ rồi, khóc lóc ảo não không tự kiềm chế, cùng vô lượng các thiên nữ quyến thuộc vây quanh, trời các âm nhạc vi diệu, rải hoa đốt hương ca tụng khen ngợi, từ trên không xuống đến rừng Song thọ, đến rừng Ta-la rồi, trông thấy kim quan của Phật lòng rất phiền muộn không tự kiềm chế nên ngắt xiu. Các Thiên nữ dùng nước rảy vào mặt sau đó bà mới tỉnh lại, đến trước kim quan cúi đầu làm lễ, buồn não rơi lệ nói:

– Ở vô lượng kiếp qua, cùng làm mẹ con lâu dài chưa từng lìa bỏ, nay không hẹn ngày gặp lại. Than ôi, khổ quá! Chúng sinh hết phước sẽ bị mê mờ, ai là người dẫn đường.

Liền dùng hoa trời Mạn-đà-la, Ma-ha Mạn-đà-la, hoa Mạn-thù-sa, hoa Ma-ha Mạn-thù-sa rải trên kim quan và nói bài kệ:

Nay đây giữa Song thọ
 Trời rộng tám bộ chúng
 Nghe tiếng ai kêu khóc
 Không biết nói thế nào.
 Như anh vũ kêu loạn
 Không hiểu được tiếng gì
 Đầy chật ở nơi đây
 Giống như chim gãy cánh.
 Không thể bay lên được
 Rừng Như Lai Niết-bàn
 Kiếp rộng nhiều ân ái
 Như chim Giá-ca-la.
 Hôm nay gió vô thường
 Thổi tan các nơi khác
 Các khổ của chúng sinh
 Hy vọng pháp cam lồ.
 Giống chim Ca-lan-đề

*Mong mỗi đợt trời mưa
Cớ sao hôm nay bèn
Mau chóng vào Niết-bàn.
Thân trong nhiều kim quan
Biết tôi đến đây chẳng?*

Ma-ha Ma-da nói kệ này xong, ngoái nhìn y Tăng-già-lê, Bát-đa-la và tích trượng của Như Lai. Tay phải cầm các vật, tay trái vỗ vào đầu, gieo mình xuống đất như núi Thái Sơn đổ, thương khóc phiền muộn nói:

– Trước đây con ta cầm, mặc các vật này, ban phước đức rộng cho thế gian, lợi ích cho hàng trời, người. Nay các vật này không còn chủ. Than ôi! Đau khổ không thể nói được.

Khi ấy, tám bộ bốn chúng thấy Ma-ha Ma-da buồn khổ như vậy lại càng thương cảm lệ tuôn như mưa. Để thích dùng năng lực biến nước ấy thành dòng sông.

Bấy giờ, Đức Thế Tôn dùng đại thần lực, làm cho các kim quan mở ra, từ trong kim quan đứng dậy chấp tay như sư tử chúa mới ra khỏi hang, hình dáng rung động rất nhanh. Các lỗ chân lông trong thân phóng ra ngàn ánh sáng, mỗi mỗi ánh sáng có ngàn hóa Phật, đều chấp tay hướng về Ma-ha Ma-da, dùng tiếng Phạm âm nhu hòa thăm hỏi mẹ:

– Mẹ từ nơi xa xuống cõi Diêm-phù-đề này, các hành là pháp như vậy chớ có khóc lóc, rồi vì mẹ nói kệ:

*Trong tất cả phước điền
Phước điền Phật là cao
Trong tất cả người nữ
Ngọc nữ báu là cao.
Nay mẹ đã sinh Ta
Vượt hơn không chỗ bì
Ba đời có thể sinh
Phật, Pháp, Tăng là báu.
Ta từ kim quan ra
Chấp tay hoan hỷ khen
Để báo ơn đã sinh
Ta tỏ tình hiếu mến.
Chư Phật tuy diệt độ
Pháp, Tăng bảo thường còn
Xin mẹ chớ ưu sầu*

Xét rõ hành vô thường.

Đức Thế Tôn nói kệ xong, Ma-ha Ma-da an ủi được đôi chút, dung mạo dần như hoa sen nở. Lúc A-nan thấy Phật đứng dậy, lại nghe nói kệ liền tuân lệ nhưng tự đề nén, nức trong cổ họng, chấp tay bạch Phật:

– Chúng sinh đời sau ắt sẽ hỏi con, lúc Đức Thế Tôn sắp nhập Niết-bàn đã nói gì và trả lời thế nào?

Phật bảo A-nan:

– Ông nên đáp rằng, sau khi Đức Thế Tôn vào Niết-bàn, Ma-ha Ma-da từ cõi trời xuống đến nơi kim quan. Khi ấy, Đức Thế Tôn vì các chúng sinh bất hiểu đời sau nên từ kim quan đứng dậy, dung mạo như sư tử chúa chấp tay thăm hỏi mẹ. Trong mỗi lỗ chân lông phóng ra ngàn ánh sáng, mỗi ánh sáng có ngàn hóa Phật đều chấp tay hướng về Ma-ha Ma-da và nói lại bài kệ như trên.

A-nan lại thưa:

– Kinh này tên gọi là gì? Nên phụng trì thế nào? Phật bảo A-nan:

– Trước đây Ta ở cõi trời Đao-lợi thuyết pháp cho mẹ và tự Ma-ha Ma-da cũng có nói. Nay ở tại đây mẹ con gặp nhau, ông có thể vì các chúng sinh đời sau giảng nói kinh này. Gọi tên kinh là “Ma Ha Ma Da”, hay là “Kinh Phật lên cõi trời Đao-lợi thuyết pháp cho mẹ”. Lại gọi tên là “Kinh mẹ con gặp nhau khi Phật sắp nhập Niết-bàn”, và phụng trì như vậy.

Thế Tôn nói xong từ biệt mẹ và nói kệ:

*Đời sống Ta đã hết
Phạm hạnh đã lập hẳn
Việc làm đều đã làm
Không thọ ở đời sau.
Xin mẹ tự an ủi
Không nên buồn khổ nào
Tất cả hành vô thường
Tin là pháp sinh diệt.
Sinh diệt đã diệt rồi
Tịch diệt vui tối thượng.*

Đức Thế Tôn nói kệ rồi kim quan tự đóng lại, ba ngàn đại thiên thế giới đều chấn động đủ sáu cách. Ma-ha Ma-da và tám bộ chúng khóc thương áo não không thể kềm chế. Ma-ha Ma-da hỏi A-nan:

– Tất-đạt con tôi lúc sắp diệt độ có dạy bảo gì không? A-nan đáp:

– Lúc nửa đêm Đức Thế Tôn lược nói giáo giới cho các Tỳ-kheo, và mười hai bộ kinh. Dặn dò Tôn giả Ca-diếp giúp đỡ rộng giảng lời dạy của Phật cho đời sau.

Ma-ha Ma-da nghe rồi càng thêm cảm động, liền hỏi A-nan:

– Ông hầu Phật từ trước đến nay, có nghe Đức Thế Tôn giảng nói chánh pháp Như Lai lúc nào sẽ diệt?

A-nan tuân lệ đáp:

– Trước kia tôi từng nghe Đức Thế Tôn nói việc chánh pháp đời sau: Sau khi Ta Niết-bàn, Ma-ha Ca-diếp cùng A-nan kết tập Tạng pháp, hết thấy việc đều xong Ma-ha Ca-diếp sẽ vào diệt tận định trong núi Lang Tích. Tôi cũng sẽ được chứng quả sau vào Niết-bàn, đem chánh pháp giao phó cho Ưu-ba-cúc-đa. Khéo nói pháp yếu như Phú-lâu-na rộng nói pháp độ người, trở lại khuyến hóa vua A-thâu-ca, làm cho pháp Phật có được lòng tin vững chắc. Dem xá-lợi Phật thờ khắp tám vạn bốn ngàn tháp. Sau hai trăm năm Tỳ-kheo Thi-la-nan-đa giảng nói pháp yếu ở Diêm-phù-đề độ mười hai ức người. Sau ba trăm năm Tỳ-kheo Thanh-liên-hoa-nhãn giảng nói pháp độ nửa ức người. Sau bốn trăm năm Tỳ-kheo Ngưu Khẩu giảng nói pháp yếu độ chúng vạn người. Sau năm trăm năm Tỳ-kheo Bảo Thiên giảng nói pháp độ hai vạn người. Tám vạn chúng sinh phát tâm Vô thượng Chánh Đẳng Giác ngang đây chánh pháp sẽ diệt tận. Sau sáu trăm năm có chín mươi sáu hàng ngoại đạo tà kiến phát triển, phá diệt pháp Phật. Có Tỳ-kheo tên Mã Minh giảng nói pháp điều phục tất cả các hàng ngoại đạo.

Sau bảy trăm năm có một Tỳ-kheo tên Long Thọ đốt đuốc chánh pháp giảng nói pháp diệt tà kiến. Sau tám trăm năm các Tỳ-kheo ưa thích y phục, vui đùa buông lung. Trong trăm ngàn người mới có được một, hai người đắc đạo quả. Sau chín trăm năm đũa tở trai làm Tỳ-kheo, tở gái làm Tỳ-kheo-ni. Sau một ngàn năm các Tỳ-kheo sân giận, không muốn nghe pháp quán bất tịnh A-na-ba-na. Trong vô lượng Tỳ-kheo có một hoặc hai người tư duy chánh thọ. Sau một ngàn một trăm năm các Tỳ-kheo như người thê tục làm việc mai mối, ở trong đại chúng phỉ báng Tỳ-ni, làm việc không phải phạm hạnh. Nếu có con nam là Tỳ-kheo, nữ là Tỳ-kheo-ni. Sau một ngàn ba trăm năm y ca-sa biến trắng không chịu nhuộm màu. Sau một ngàn bốn trăm năm bốn chúng giống như hầu sư ưa thích sát sinh, bán vật Tam bảo. Sau một ngàn năm trăm năm có Tỳ-kheo Tam Tạng nước Câu-diêm-di giảng nói pháp, đồ chúng có năm trăm người. Lại có một Tỳ-kheo La-hán khéo giữ giới pháp đồ chúng năm trăm người.

Ngày mười lăm lúc bố-tát có Tỳ-kheo La-hán bay lên trên tòa cao giảng pháp thanh tịnh: Chỗ này nên làm, chỗ kia không nên làm.

Đệ tử của Tỳ-kheo Tam Tạng trả lời La-hán:

– Nay thân miệng ông tự không thanh tịnh, làm sao trở lại nói lời thô?

La-hán đáp:

– Nghiệp thân miệng ý của tôi từ lâu đã thanh tịnh, không có các lỗi lầm.

Đệ tử của Tam Tạng nghe lời này rồi càng giận dữ liền giết vị La-hán ấy trên tòa. Khi ấy đệ tử của La-hán nói:

– Thầy ta nói hợp với lý pháp, sao các ông giết Hòa thượng trên tòa? Họ liền dùng dao bén giết Tam Tạng ấy. Tám bộ trời rỗng rất buồn nã. Ma Ba-tuần ác và chúng ngoại đạo hân hoan vui mừng, tranh giành phá chùa tháp, giết hại Tỳ-kheo. Tất cả kinh tạng đều lưu truyền đến nước Câu-thi-na-kiệt. Vua rỗng A-nậu-đạt đều đưa vào trong biển. Khi ấy pháp Phật diệt tận vậy.

Ma-ha Ma-da nghe xong kêu khóc áo não, hướng về A-nan nói kệ:

*Tất cả đều về diệt
Không có gì thường yên
Tu-di và nước biển
Hết kiếp cũng tiêu khô.
Các cường hào thế gian
Chắc chắn về hư mục
Con ta ở lúc trước
Chuyên tu các hạnh khổ.
Nên thành được Chánh giác
Vì chúng nói Kinh Tạng
Bây giờ như thế nào
Hết thấy đều chìm mất.
Than ôi pháp sinh tử
Đáng sợ, đáng chán lìa.*

Ma-ha Ma-da nói kệ rồi, bảo A-nan:

– Như Lai đã đem chánh pháp dạy bảo phó chúc cho Tôn giả và Ma-ha Ca-diếp phải nên chuyên cần giữ gìn giảng nói. Nay tôi không thể chịu nổi lúc hỏa táng Như Lai. Bà liền đi nhiều bảy vòng quanh kim quan Phật, tuôn lệ kêu than rồi trở về cõi trời.

Lúc đó, giữa rừng cây Ta-la, tám bộ chúng trời người, Tỳ-kheo, Tỳ-kheo-ni, Ưu-bà-tắc, Ưu-bà-di đã thấy mẹ con Như Lai gặp nhau và được nghe nói, có người phát đạo tâm vô thượng, có người được quả Tu-đà-hoàn, có người được quả A-na-hàm, có người phát tâm Phật-bích-chi. Tất cả đại chúng vâng giữ lời Phật dạy, đánh lễ phụng hành.



Phẩm 2: TÁM NƯỚC PHÂN CHIA XÁ LỢI

Bấy giờ, người dân Mạt-na nước Ba-bà nghe Phật diệt độ đều tự nghĩ: Nay ta nên đến xin phân chia xá-lợi xây tháp cúng dường. Liền sắp đặt bốn loại binh hùng mạnh trong nước: binh voi, binh ngựa, binh xe và binh bộ, đến thành Câu-thi bảo sứ giả:

– Nghe nói Phật dừng ở đây diệt độ, Phật cũng là thầy tôi. Lòng rất kính mộ đến xin phần cốt về bản quốc xây tháp cúng dường.

Vua Câu-thi đáp:

– Đúng như vậy. Nhưng hiện nay Phật diệt độ ở đây, dân chúng trong nước sẽ tự cúng dường. Thật phiền các ông từ xa đến, nhưng xá-lợi để lại này không thể đưa các vị được.

Lúc đó, các người dân Bạt-ly nước Giá-la-pha, người dân Câu-lợi nước La-ma-già, chúng Bà-la-môn nước Tỳ-lưu-đề, dân chúng họ Thích nước Ca-tỳ-la-vệ, dân chúng Ly-sa nước Tỳ-đề-la và vua A-xà-thế nước Ma-kiệt, nghe Như Lai đã diệt độ giữa rừng Ta-la thành Câu-thi, đều tự nghĩ: Ta nên đến xin một phần xá-lợi.

Khi ấy, vua A-xà-thế và các nước chư hầu đều sắp đặt bốn loại binh hùng mạnh vượt qua sông Hằng, liền ra lệnh cho Bà-la-môn Hương Tánh:

– Ông nhân danh ta vào thành Câu-thi thăm hỏi vua nước ấy và những người Mạt-la sinh hoạt có thoải mái, đi lại có được mạnh khỏe không? Tôi đối với các Hiền giả mỗi mỗi đều tôn kính, đối với nước lân cận hòa hợp không tranh cãi. Tôi nghe Phật Như Lai diệt độ trong nước các ông, chỉ có bậc vô thượng tôn thật là trời của tôi, nên từ xa tôi đến cầu xin một phần xá-lợi, đem về nước xây tháp cúng dường. Nếu đem cho tôi thì vật báu của cả nước sẽ được an ổn.

Bà-la-môn Hương Tánh vâng lời vua, liền đi đến thành ấy nói với

dân Mạt-la. Mạt-la nghe xong bảo với Hương Tánh:

– Đúng như lời ông nói. Nhưng vì Đức Thế Tôn diệt độ ở nơi này, dân chúng trong nước sẽ tự cúng dường, phỉn các ông rất cực nhọc nhưng vẫn không được xá-lợi trở về.

Bấy giờ, vua các nước tập họp các quần thần lại cùng bàn luận việc này, nói kệ:

*Bậc Pháp vương vô thượng
Niết-bàn tại nước ta
Nay tôi trang nghiêm tháp
Nơi tốt để cúng dường.
Cho xá-lợi nhiệm màu
Sáng chói khắp mười phương
Có thể hóa chúng sinh
Làm sao được phân chia.*

Các vua nói kệ rồi, mỗi người tự nghĩ: Ta tiếp tục thờ xá-lợi Như Lai để lại, đời sau hàng trời, người làm theo sẽ được quả báo nhiều phước đức.

Lại nói:

– Chúng tôi từ xa đến cúi đầu nhường kính nghị hòa xin được chia xá-lợi, nếu không được như vậy bốn binh tại đây không tiếc thân mạng, nghị hòa mà không được sẽ dùng quân binh chống cự.

Khi đó, nước Câu-thi cùng tập họp quần thần luận bàn, rồi đáp kệ:

*Đạo sư Như Lai tại nước ta
Không hẹn vui đến vào Niết-bàn
Để lại xá-lợi như còn Phật
Ngày đêm chuyên tâm thường ngưỡng mộ.
Còn tình biển pháp độ chúng sinh.
Chúng tôi nay xin cúng dường lớn
Các vua rất cực đến lễ bái
Tìm cầu được xá-lợi trở về.*

Bấy giờ, Bà-la-môn Hương Tánh đứng trước mặt vua, quỳ xuống chấp tay nói kệ:

*Như Lai trí tuệ đại từ bi
Thương xót ba ngàn đại thiên giới
Nói pháp khắp trong mười phương cõi*

*Cho đến vô số không thể nói.
 Thương xót chúng sinh như con đò
 Hằng hà sa số lòng không nghĩ
 Bồ-tát quyền thuộc thường qua lại
 Đệ tử Thanh văn thường đến tôi.
 Cùng nhau nghe giảng nói pháp âm
 Bao quanh phân vân cùng lời nói
 Trời người tám bộ chúng đều tìm
 Nay tôi ở trong biển thanh tịnh.
 Như Lai Niết-bàn có xá-lợi
 Phân làm tám phần không được tiếc.*

Khi các vua nghe kệ rồi, lòng sinh buồn bã, im lặng không ưng thuận.

Lúc ấy, Bà-la-môn Hương Tánh giải thích cho mọi người hiểu:

– Chư hiền trưởng giả! Miệng tụng lời pháp, thọ giới Phật dạy. Tất cả chúng sinh thường muốn được an vui, sao lại vì tranh xá-lợi Phật mà giết hại nhau? Xá-lợi của Như Lai để làm lợi ích khắp vô lượng chúng sinh, không chỉ cho các vua. Nay xá-lợi này sẽ phân chia đúng như vậy.

Mọi người nghe vậy đều cho là ý hay, lại đề nghị:

– Ai là người có thể kham nhận phân chia xá-lợi? Mọi người đều bảo Bà-la-môn Hương Tánh:

– Ông có thể phân chia làm cho đều. Lúc ấy, các vua liền bảo Hương Tánh:

– Ông vì chúng tôi phân chia đều xá-lợi Phật làm tám phần.

Hương Tánh đến chỗ để xá-lợi, làm lễ xong, ông cầm hàm răng của Phật để riêng một bên, tìm sứ giả mang răng đến chỗ vua A-xà-thế. Nói với sứ giả:

– Nhờ đem lời thăm hỏi của tôi tâu lên đại vương: Sinh hoạt có thuận lợi và đi lại có được mạnh khỏe không? Xá-lợi các nước cứ như vậy đều lấy chung, nay giao sứ giả hàm răng của Như Lai để đem về nước cúng dường đồng thời an ủi. Khi mặt trời mọc tập hợp mọi người lại để phân chia xá-lợi đem về phụng thờ.

Khi ấy, Hương Tánh dùng một cái bình bằng đá với dung lượng vừa phải chia đều xá-lợi làm tám phần. Các nước đã nhận phần rồi, Hương Tánh nói:

– Tôi xin đem cái bình này về nhà để chiêm ngưỡng xây tháp cúng

dường.

Lúc ấy, có người ở thôn Tất-bát đến thưa mọi người: Xin cho chúng tôi đất hỏa thiêu này để xây tháp cúng dường, cũng đều được cho.

Bấy giờ, nước Câu-thi, nước Ba-bà, nước Giá-pha, nước La-ma-già, nước Ca-tỳ-la-vệ, nước Tỳ-xá-ly, vua A-xà-thế nước Ma-kiệt-đà được phân chia xá-lợi.

Bà-la-môn Hương Tánh giữ chiếc bình dùng phân chia xá-lợi xây tháp cúng dường.

Người thôn Tất-bát được đất hỏa thiêu xây tháp cúng dường.

Sau đó đạo sĩ khác đạo ở nước Hàm xin được đất tro, cũng trở về bốn quốc xây tháp cúng dường.



SỐ 384

**KINH BỒ TÁT TÙNG ĐÂU
THUẬT THIÊN GIÁNG THẦN MÃU THAI
THUYẾT QUẢNG PHỔ**

(KINH BỒ TÁT XỬ THAI)

*Hán dịch: Đời Diêu Tần, Sa-môn Trúc
Phật Niệm, người đất Lương Châu.*

QUYỂN 1

Phẩm 1: THIÊN CUNG

Tôi nghe như vậy:

Một thuở nọ, Đức Phật ở giữa rừng Song Thọ, phía Bắc thành Già-tỳ-la-bà-đâu, thuộc dòng họ Thích-ca, sắp xả thân mạng để nhập Niết-bàn. Vào giữa đêm mồng tám tháng hai, Đức Phật đích thân gấp các y Tăng-già-lê, Uất-đa-la-tăng và An-đà-la-bạt-tát làm ba lớp, trải trong kim quan rồi nằm lên trên, chân xếp chồng lên nhau, lấy bát, tích trượng trao cho Tôn giả A-nan.

Tám vua ở nước lớn đều đem năm trăm tấm vải trắng tấm hương chiên-đàn đặt hết vào trong kim quan, dùng năm trăm tấm vải quần kim quan lại rồi đem năm trăm cỗ xe chở hương tô-du để rưới trên vải trắng.

Bấy giờ, Đại Phạm Thiên vương đưa các Phạm chúng đứng bên phải, Thích-đê-hoàn-nhân dẫn chư Thiên Đạo-lợi đứng bên trái, Đại Bồ-tát Di-lặc và các Bồ-tát có thần thông ở mười phương đứng ở phía trước.

Khi sắp nhập Tam-muội Kim cang “Toái thân xá-lợi”, Đức Thế Tôn suy nghĩ: “Lành thay pháp không thể nghĩ bàn! Ta đã chuyển pháp chân thật ấy ở thế giới Ta-bà”.

Sau khi suy nghĩ như vậy, thế giới khắp mười phương đều chấn động đủ sáu cách. Lúc này, Đức Thế Tôn từ trong kim quan duỗi cánh tay sắc vàng rờn rờn ra bên ngoài, hỏi Tôn giả A-nan:

– Tỳ-kheo Ca-diếp đã đến chưa? Tôn giả A-nan thưa:
 – Bạch Thế Tôn! Chưa. Đức Thế Tôn lại hỏi:
 – Tỳ-kheo Nguru-thi đã đến chưa? Tôn giả A-nan thưa:
 – Bạch Thế Tôn! Vị ấy đã nhập Niết-bàn trên cõi trời, chỉ đem đến
 ba y và bình bát.

Phật bảo bốn chúng:

– Nay Ta vĩnh viễn diệt độ.

Ngài liền vén vải vào trong kim quan, im lặng không nói, như vậy ba lần, rồi đưa tay ra hỏi Tôn giả A-nan và bốn chúng: Tỳ-kheo, Tỳ-kheo-ni, Ưu-bà-tắc, Ưu-bà-di, cùng tám vua nước lớn, tám bộ chúng Trời, Rồng, Quỷ thần, Càn-thát-bà, A-tu-la, Ca-lâu-la, Khẩn-na-la, Ma-hầu-la-già, Nhân và phi nhân:

– Thế nào, này Tôn giả A-nan! Kinh Phương Đẳng Đại Thừa Ma Ha Diễn mà Ta trước sau đã đưa ra, ông có thông đạt hết chăng?

Tôn giả A-nan thưa:

– Bạch Thế Tôn! Con biết.

Đức Phật nói như vậy ba lần và hỏi Tôn giả A-nan:

– Khi ở cung trời Đao-lợi, Ta giảng nói pháp cho mẫu hậu Ma-da, ông cũng biết chăng?

Tôn giả A-nan thưa:

– Bạch Thế Tôn! Con không biết. Phật hỏi A-nan:

– Thế nào, này A-nan! Khi ở Long cung, Ta giảng nói pháp cho Long vương, có vô số ức ngàn Long chúng đều đặc đạo, lưu lại toàn thân xá-lợi một trăm ba mươi trượng, ông có biết không?

Tôn giả A-nan thưa:

– Bạch Thế Tôn! Con không biết. Đức Phật dạy:

– Thế nào, này A-nan! Ta ở trong thai mẹ mười tháng, đã giảng nói cho các Bồ-tát về pháp Bất thoái chuyển khó có, là hạnh không thể nghĩ bàn, ông có biết không?

Tôn giả A-nan thưa:

– Bạch Thế Tôn! Con không biết. Phật dạy A-nan:

– Ông hãy lắng nghe cho rõ và suy nghĩ cho thật kỹ. Bây giờ Ta sẽ phân biệt rõ ràng từng chi tiết và hạnh khó có của Bồ-tát Đại sĩ.

Tôn giả A-nan bạch Phật:

– Bạch Thế Tôn! Con xin muốn được nghe. Phật dạy A-nan:

– Cách đây về phương Đông nam một ức một vạn một ngàn sáu mươi hai Hằng hà sa cỗi, có thế giới tên Tư Lạc, Phật ở cõi ấy hiệu là Hương Diễm gồm đủ mười tôn hiệu Như Lai, Ứng Cúng, Chánh Biến Tri, Minh Hạnh Túc, Thiện Thệ, Thế Gian Giải, Vô Thượng Sĩ, Điều Ngự Trượng Phu, Thiên Nhân Sư, Phật Thế Tôn, hiện nhập Niết-bàn mà đến cung trời Đao-lợi này, trải qua vô số a-tăng-kỳ kiếp đã ba mươi sáu lần làm Đại Phạm Thiên vương, ba mươi sáu lần làm thân Đế thích, ba mươi sáu lần làm Chuyển luân vương, chúng sinh được hóa độ không rơi vào hàng Nhị thừa và các đường ác. Vì sao? Vì tất cả đều do thần thông trí tuệ của Phật chiêu cảm tạo được.

Thế nào, này A-nan! Như Lai có ở trong thai hay không ở trong thai?

Tôn giả A-nan thưa:

– Bạch Thế Tôn! Thân Như Lai không ở trong thai. Phật dạy A-nan:

– Nếu Như Lai không ở trong thai thì làm sao nói Như Lai mười tháng ở trong thai để chỉ dạy giảng nói pháp?

A-nan thưa:

– Bạch Thế Tôn! Có ở trong thai cũng là vắng lặng, không ở trong thai cũng lại là hoàn toàn vắng lặng.

Khi ấy, Đức Thế Tôn dùng thần túc hiện ra mình đang ở trong thân của mẫu hậu Ma-da, đang nằm, ngồi, kinh hành, trải đại cao tòa ngang rộng tám mươi do-tuần, lan can bằng vàng bạc, dùng lụa trời, lọng trời treo trên hư không, trỗi những kỹ nhạc không thể tính kể. Lại dùng thần túc đi từ phương Đông đến thế giới Ta-bà này có cả một vạn tám ngàn cỗi, Bồ-tát Đại sĩ đều vân tập đến.

Phương Nam, Tây, Bắc, bốn hướng cũng như vậy.

Ở phương dưới có sáu mươi hai ức cỗi, các Bồ-tát dùng thần thông đến dự đại hội.

Phương trên có bảy mươi hai ức không giới Bồ-tát cũng đến tập hợp ở trong thai.

Bấy giờ, Bồ-tát Văn-thù-sư-lợi từ tòa ngồi đứng dậy, đến bạch Phật:

– Bạch Thế Tôn! Các Đại sĩ Bồ-tát vân tập đến đây là muốn nghe Thế Tôn giảng nói pháp không thể nghĩ bàn, các môn Tam-muội, các môn Đà-la-ni. Tam-muội Nhất tướng, Tam-muội Không, Tam-muội Đạo tánh, Tam-muội Chân thật, Tam-muội Hư không vương, Tam-muội Thệ tập tự, Tam-

muội Thọ tánh, Tam-muội Hành tích, Tam-muội Hàng ma, Tam-muội Trừ uế ô... Cả ức ngàn na-do-tha Tam-muội như vậy thì hôm nay Như Lai nhập vào Tam-muội nào ở nơi thai để nói pháp không thể nghĩ bàn cho các Đại sĩ?

Phật bảo Bồ-tát Văn-thù:

– Ông hãy quan sát Bồ-tát nơi các quả vị Nhất trụ, Nhị trụ, cho đến Thập trụ - Nhất sinh bỏ xứ, tất cả đều đứng theo quả vị của mình, không có lẫn lộn. Vì sao? Vì nay Ta sắp giảng nói pháp không thể nghĩ bàn cho các Đại sĩ nên đại chúng này đều thanh tịnh, không xen tạp, cũng không ô uế.

Bấy giờ, Đức Thế Tôn với pháp âm thanh tịnh, nói kệ:

*Xưa nay vô số kiếp
Thành vô số thân Phật
Nay nhập lại bào thai
Nhằm độ các chúng sinh.
Thân hành tịnh, không ác
Khẩu hành không dối trá
Ý hành luôn từ bi
Đạo Bồ-tát thanh tịnh.
Thương xót loài chúng sinh
Luôn ở bốn sông lớn
Chấp thương và đoạn diệt
Hồi hướng đạo Bồ-đề.
Được thân này rất khó
Dừng sinh tướng ô uế
Nghĩ thân như gò mả
Nơi đã can rình rập.
Kẻ ngu quá chấp trước
Đắm vào ái không bỏ
Thân này không trở lại
Ngày đêm dục rúc rửa.
Chín khổ là then chốt
Như bình đẹp đựng phân
Bị khát dục hành hạ
Vì sao sinh khổ não.
Như biển chứa các sông
Kẻ ngu cho là thật*

Thân chẳng phải kim cang
Dừng làm nhiều hạnh ác.
Thọ thân thì phải chết
Sao không mau hành đạo
Nếu người sống ức kiếp
Họ còn phải bỏ dục.
Huống sống chẳng đủ trăm
Sao không biết dừng lại?
Người ngu luôn khen mình
Thân này nhờ phước trời.
Mình nên hưởng vui thích thú
Nhưng chưa vui liền chết
Dục này không lâu dài
Người trí không nắm giữ.
Người nào muốn bỏ dục
Tuệ quán mười vô tướng
Dục là pháp chẳng thật
Sinh diệt như bọt nước.
Là vật ảo thuật tạo
Biến hiện rất nhiều hình
Kẻ ngu cho là thật
Tìm sự thật không được.
Tánh không vốn tự không
Đầu cuối không sinh diệt
Phân biệt định vô tướng
Dẹp sạch lậu chúng sinh.
Vấn-thù! Ông nên biết
Hội vô lậu mười phương
Ta nhập định lưu ly
Giảng rộng pháp Phương Đẳng.
Hà sa Phật mười phương
Nói như Ta không khác
Thương các loài quần sanh
Ở mãi trong nhà lửa.
Ra khỏi thai, vào lại
Chết đây lại sinh kia
Chư Bồ-tát mười phương

Chứa hạnh hằng sa kiếp.
 Dù ở cõi Ta-bà
 Kiếp năm trước khổ nã
 Như mười phương cõi Ta
 Phương ấy bằng cõi này.
 Xoay tròn trong năm đường
 Thọ tội khổ đau dữ
 Giải không tướng vô định
 Cũng không có bản tế.
 Nghĩa hoàn toàn một tướng
 Tánh nó vốn vắng lặng
 Luôn tướng không sinh diệt
 Hữu dư và vô dư.
 Xưa Ta phát nguyện lớn
 Thọ thai khắp năm đường
 Trong hóa, thấp, noãn, thai
 Cũng nói pháp hiếm có.
 Ai chấp trước năm ấm
 Dạy họ vô sở hữu
 Mười hai pháp kết nhau
 Si, hành gốc sinh tử.
 Rơi trong bốn điên đảo
 Dạy họ bốn chân thật
 Khổ để không có đế
 Tập, tận, đạo cũng vậy.
 Dục, ngã, giới, kiến, thọ
 Cũng giống như bốn ái
 Phân biệt tánh chân thật
 Như hư không vắng lặng.
 Tuy qua bờ sinh tử
 Không trụ vào Niết-bàn
 Nay ở trong thai mẹ
 Nói pháp độ quần sinh.
 Trong quốc độ Ta-bà
 Vô số hằng hà sa
 Ở trong thai nói pháp
 Cứu độ a-tăng-kỳ.

Hư không, không ranh giới
Cõi Phật cũng như vậy
Chúng sinh thọ thần thức
Tánh chân thật khác nhau.
Đem tuệ sáng giáo hóa
Tùy theo loại mà độ
Hoặc hiện thân để độ
Nghe tiếng được giải thoát.
Hoặc tư duy về khổ
Tập để tận gốc đạo
Tư duy bốn ý chỉ
Đoạn ý, bốn thần túc.
Năm căn và năm lực
Lấy bảy giác làm hoa
Tám phẩm đạo Hiền thánh
Dùng để trang nghiêm thân.
Phân biệt ngã không kia
Vô tướng tuệ tịch tĩnh
Không mong có chốn cầu
Luôn trụ không, vô tuệ.
Sơ nhập định hữu giác
Quán ba mươi bất tịnh
Nghịch thuận đều tỉnh giác
Nhập định giải không quán.
Chín định nhập lần lượt
Phân biệt không giác quán
Lại vui diệt tận đạo
Sơ định đủ năm pháp.
Ý hỷ lạc đã diệt
An ổn nhập bốn pháp
Các Đại sĩ trí tuệ
Không hành theo điều này.
Vì các thứ phiền não
Ứng trực trước chúng sinh
Qua nhiều kiếp thiền định
Thân gầy như cây khô.
Xông ướp hương tam thiên

Năm chi không rời rã
 Tuệ Phật không thể lường
 Nơi có cũng chẳng có.
 Bạc Chánh giác Vô thượng
 Không sinh, cũng không tử
 Khi thành Phật đến nay
 Ta du quán Tam thiên.
 Nếu nhập vào Tứ thiên
 Không nói nhưng được độ
 Ta quán cõi hư không
 Chúng sinh không chỗ tựa.
 Thân, lực, trí chư Phật
 Mới biết tận nguồn gốc
 Những vị học đoạn lậu
 Chưa phân biệt được hết.
 Phẩm đạo rất thâm diệu
 Nhị thừa không thể biết
 Ta quán bằng thiên nhãn
 Tuệ nhãn và Phật nhãn.
 Do bốn thức thọ hình
 Nếu hóa hiện trong đó
 Địa, thủy, hỏa hình sắc
 Cũng không thể quán thấy.
 Chư Phật có thần lực
 Điều khiển đến bờ kia
 Các cõi Phật mười phương
 Hằng sa a-tăng-kỳ.
 Lấy đạo tuệ làm gốc
 Đạo ở cõi hư không
 Nếu như dùng nhục nhãn
 Quán không giới chúng sinh.
 Miệng thở hơi vào khắp
 Vô số chúng sinh vào
 Khi ấy những loài này
 Đều được thành kiến đạo.
 Nên biết pháp thân Phật
 Chân thật không nghĩ bàn

Phật chủ tướng ba cõi
 Thương cứu thấy chúng sinh.
 Cõi Dục, Sắc, Vô sắc
 Để chúng được đạo tuệ
 Không còn lòng dâm, nộ
 Và dòng họ nhà si.
 Thấy hình liền nhập đạo
 Đâu cần học, vô học
 Vô lượng các cõi Phật
 Thành đạo đều khác nhau.
 Có vị từ hữu tướng
 Có vị từ vô tướng
 Không tu tập lại nữa
 Chân như bốn Thánh đế.
 Bồ-tát quán thanh tịnh
 Nhập thiền không chương ngại
 La-hán, Phật-bích-chi
 Nhập định đều khác nhau.
 Đời đời không còn sinh
 Thì đâu có gốc sinh
 Kẻ ngu si chấp trước
 Cho sinh đó là ngã.
 Chúng ta tự xưng ngã
 Không thấy có ngã sở
 Bồ-tát hành Tứ thiền
 Duyên giác không thể biết.
 Bồ-tát nhập Sơ thiền
 Ba mươi hạnh vô lậu
 Trăm bảy định Tam-muội
 Thở ra vào đều đặn.
 Nhị định bảy mươi hai
 Tự quán vô ngã tướng
 Dù qua bao kiếp khổ
 Cũng không lìa thiền hành.
 Bốn trụ đoạn các lậu
 Mới đạt Nhị thiền này
 Vì do dự sáu trụ

Nhập định như sóng nước.
 Tám vạn bốn ngàn hạnh
 Vẫn còn không kìm chế
 Ta vốn đối sáu trụ
 Thoái chuyển mười hai kiếp.
 Luôn sinh khởi tướng lạc
 Luân hồi vực sinh tử
 Được Đức Phật Định Quang
 Ký biệt tâm kiên cố.
 Lập chí không thoái lui
 Nên mới đạt Tam thiên
 Đoạn trừ bảy vạn cấu
 Diệt sạch hết gốc rễ.
 Sư tử vô úy bước
 Xiển dương đại pháp điển
 Đạo hết các cõi Phật
 Lễ lạy, thờ cung kính.
 A-tăng-kỳ quá khứ
 Chư Phật các Thế Tôn
 Điều ở cõi của mình
 Thệ nguyện làm Phật sự.
 Dù tâm không thoái chuyển
 Luôn sợ đọa nẻo kém
 Cả ức ngàn chúng sinh
 Không làm động mây lông.
 Hành vượt qua bất trụ
 Thăng vào đạo Bồ-đề
 Những thú vui tham đắm
 Diệt hẳn, không tưởng nhớ.
 Trừ thầy, tổ, cha mẹ
 Còn lại không luyến nhớ
 Mới thành hành Nhất thiên
 Gọi: Thí độ vô cực.
 Hành quán không ai bằng
 Cứu địa thông bản tuệ
 Không nhập vào diệt tận
 Đến nơi tòa thành Phật.

Làm duyên cho chúng sinh
Đi đến nơi cây Phật
Độ cả a-tăng-kỳ
Tập hợp tại đạo tràng.
Mười phương vô lượng cõi
Chư Đức Phật Thế Tôn
Đều duỗi thả tay phải
Lành thay Đại sư tử!
Mười lực, vô sở úy
Nhập sâu vào Tứ thiền
Thương xót đến muôn loài
Xin mau ra khỏi thiên.
Để độ người chưa độ
Cứu thoát người chưa thoát
Bốn thức xử tối tăm
Khao khát vị thiền duyệt.
Không trái lời Phật dạy
Rồi liền tự khen ngợi
Lại tự mình suy nghĩ
Do thân này tạo ra.
Chắc chắn nhập Niết-bàn
Để độ cho chúng sinh
Chư Phật đều hiện ra
Lành thay Thích Ca Văn!
Lập ý nguyện lớn lao
Đừng sinh tâm thoái lui
Chuyển pháp luân vô thượng
Đánh vào trống đại pháp.
Người nghe mau giải thoát
Qua kiếp số không khó
Trí nhanh, trí vô ngại
Trí biện, trí thông đạt.
Trí đạo, trí minh tuệ
Trí đoạn, trí vô sinh
Trí diệt tận bất khởi
Trí tiêu, trí chín bậc.
Trí sư tử vô úy

Trí điện hống âm hưởng
Trí đoạn tọa bất động
Trí đại bi vô ngại.
Trí thân tướng trang nghiêm
Trí bát khổ mãn hộ
Trí kiến giải vô phược
Trí thọ biệt thủ chứng.
Trí hàng ma phá quân
Trí thành vô ngã mạn
Trí ý dừng tinh tấn
Trí thí bất vọng báo.
Trí hành nhẫn thọ nhục
Trí kim cang thập lực
Trí trụ kiếp bất động
Trí tập chúng hòa hợp.
Trí tối thượng đạo sư
Trí tâm quý pháp phục
Trí Bồ-tát thế nguyện
Trí thần túc biến hiện.
Trí cảnh giới vô ngại
Trí đoạn ý diệt kiết
Trí thanh tịnh chiếu minh
Trí tự thức túc mạng.
Trí huyền giám tha tâm
Trí phụ mẫu chân tịnh
Trí phân thân sát độ
Trí xử thai vô uế.
Trí thức định bất loạn
Trí nhất hướng tín thọ
Trí nhập định quan sát
Trí phân biệt thân tướng.
Trí tam thập bất tịnh
Trí diệt tai trừ hoạn
Trí Bồ-tát thứ đệ
Trí siêu việt giáo hóa.
Trí diệt thập nhị duyên
Trí Duyên giác thời ngộ

Trí Thanh văn thọ hóa
Trí xuất thập nhị thập.
Trí quán tuệ vô ngại
Trí thọ đạo huyễn giám
Trí nhất dạ vi kiếp
Trí dĩ kiếp vi nhật.
Trí niệm Phật Phật hiện
Trí sát độ thanh tịnh
Trí vô hữu Nhị thừa
Trí độc bộ vô úy.
Trí duyệt khả chúng ý
Trí sở tác dĩ biện
Trí bất tạo tiền hậu
Trí diệt cố vô tận.
Trí nhập định trừ tướng
Trí quán nội ngoại thân
Trí Như Lai thọ tuệ
Trí Hiền Thánh mặc nhiên.

Đức Phật nói kệ này xong, cả ức trăm ngàn vô lượng chúng sinh đều phát tâm tiến hết vào địa Tín. Lại có mười hai na-do-tha Bồ-tát ở nơi địa Quán hạnh, không trụ vào Tam trụ mà thành tựu cõi Phật.

Ở phía bên phải có bảy vạn bảy ngàn ức chúng sinh đạt đến bậc Bất thoái chuyển.

Phật lại nói với Văn-thù:

– Nay nơi pháp hội này không một người nào cầu bản, ô uế xen lẫn, bị thoái chuyển. Vì sao? Vì tất cả đều là những hàng lợi căn, không còn sinh tử, không còn bị trói buộc, không vướng mắc, không diệt, không sinh, tu đạo thanh tịnh, thọ chứng thành tựu, mong muốn ưa thích nghe chánh pháp không thể nghĩ bàn của chư Phật. Các vị đã chiến thắng chúng ma, khử trừ tâm kiêu mạn. Bên ngoài mặc dù giáo hóa a-tăng-kỳ chúng sinh trong các cõi Phật, nhưng bên trong tâm hiện bày diệu dụng nơi vô lượng trăm ngàn Tam-muội. Những Tam-muội ấy là: Tam-muội Sư tử phẩn tán. Tam-muội Siêu hành đẳng vị. Tam-muội Quảng tán siêu bộ. Tam-muội Đồng chân lạc pháp. Tam-muội Tứ đạo sinh diệt. Tam-muội Vô tướng đẳng hành. Tam-muội Vãng nghệ bất thoái đạo tràng. Tam-muội Quan sát chúng tâm. Tam-muội Niệm nhất sinh bồ xứ. Tam-muội Vô hình tượng. Tam-

muội Địa trung dũng xuất. Tam-muội Giải phược chiến đấu. Tam-muội Đánh thọ tối thắng. Tam-muội Chúng sinh hỷ kiến. Tam-muội Nhập bất tư nghi. Tam-muội Phật giới bất tư nghi. Tam-muội Pháp giới trừ uế bất tư nghi. Tam-muội Thánh chúng bất tư nghi. Tam-muội Chúng sinh khởi diệt bất tư nghi. Tam-muội Long lực hưng giáng bất tư nghi. Tam-muội Tại chúng thượng trung vương bất tư nghi. Tam-muội Dừng mãnh hàng phục oán bất tư nghi. Tam-muội Thọ mạng vô lượng bất tư nghi. Tam-muội Tại ngũ đạo năng thọ khổ bất tư nghi. Tam-muội Chư Phật hiện tại bất tư nghi. Tam-muội Tứ sự cúng dường bất tư nghi.

Các vị ấy trang nghiêm thân với một ức một ngàn Tam-muội như vậy.

Lại có Tam-muội Tóc tột bất tư nghi, trong một ngày, xuất gia hành đạo, đến nơi gốc cây thành Phật, giáo hóa chúng sinh, làm thanh tịnh cõi Phật.

Lại có Tam-muội Lưu trú đãi duyên bất tư nghi, Như Lai duyên nơi Tam-muội này, thọ mạng vô lượng a-tăng-kỳ kiếp. Chúng sinh nào có duyên thì được độ vào cảnh giới Niết-bàn Vô dư, nhưng Như Lai không vào Niết-bàn, mà lại tạo nhân duyên để hành đạo Bồ-tát.

Lại có Tam-muội Phật lực bất tư nghi, từ cõi Phật này đến cõi Phật kia, trong khoảng thời gian chốc lát như người khảy móng tay mà đã thọ ký cho vô lượng Hằng hà sa chúng sinh và cũng làm cho họ trong ngày đó đều thành Phật.

Đó là thần lực của Bồ-tát ở trong thai.



Phẩm 2: DU BỘ

Bấy giờ, Bồ-tát Di-lặc liền từ chỗ ngồi đứng dậy, sửa pháp y, trích bày vai phải, gối phải quỳ sát đất, thưa Thê Tôn:

– Lành thay! Lành thay! Như Lai đã giảng nói pháp không thể nghĩ bàn. Nay trong chúng đây có vị thấy đạo, có vị chưa thấy đạo, có vị trụ vào địa Tín, có vị chưa trụ vào địa Tín, có Bồ-tát từ cõi trời Quang Âm, trời Hạp, trời Ba Lợi Đà, trời A Ba Na Ma, trời A Hội Đản Tu, trời Đạo A, trời Tu Càn, trời Tu Thất Kỳ Nhục, trời Kiết Na, cho đến trời Nhất Cứu Cánh, trời Hóa Tự Tại, trời Tha Hóa Tự Tại. Hoặc có Bồ-tát ở Không xứ, Thức

xứ, Bất dụng xứ, cho đến Phi tướng, phi phi tướng xứ. Các vị ấy làm sao nhập vào thai để giáo hóa?

Đức Thế Tôn dạy:

– Ông chớ nên hỏi như vậy. Vì sao? Vì Như Lai không bao giờ giảng nói nghĩa như thế. Ta nay hỏi ông, ông hãy trả lời ngay. Thế nào, này Bồ-tát Di-lặc! Hư không có hình chất hay không có hình chất?

Bồ-tát Di-lặc trả lời:

– Bạch Thế Tôn! Không có hình chất. Đức Thế Tôn hỏi:

– Thế nào, này Bồ-tát Di-lặc! Nếu hư không không có hình chất thì tại sao chúng sinh có sinh, có già, có bệnh và có chết?

Bồ-tát Di-lặc thưa:

– Thưa Thế Tôn! Với nhất nghĩa đế thì không có sinh, già, bệnh, chết. Do đó mà hư không không có hình chất.

Phật bảo Bồ-tát Di-lặc:

– Nếu không có hình chất thì những chúng sinh này sao được thọ ký, ai là người được thọ ký? Vì sao Bồ-tát đến bên gốc cây, có lúc kinh hành, có lúc nhập định? Làm sao Bồ-tát quán thân tướng mình và quán thân tướng của người khác? Làm sao Bồ-tát hiện bày đi bảy bước, tự xưng là thành Phật, chiến thắng quân ma? Và làm sao Bồ-tát tu tập nơi đạo tràng để độ chúng sinh trong mười phương?

Bồ-tát Di-lặc thưa:

– Bạch Thế Tôn! Đây cũng là vắng lặng không hình chất nên thân tướng của Như Lai cũng là giả danh, cho đến nghĩa nhất cử cánh đều không và không có sở hữu.

Phật hỏi Bồ-tát Di-lặc:

– Nếu Bồ-tát hành về “không” thì làm sao đi đến mười phương để giáo hóa chúng sinh?

Bồ-tát Di-lặc thưa:

– Bạch Thế Tôn! Bồ-tát hành “không” thì không thấy quốc độ, cũng không thấy có Phật. Chính Phật là không Phật thì làm sao có Phật, có địa, thủy, hỏa, phong và thức giới? Vì ngã, người, thọ mạng đều là vắng lặng, do đó nên không có thai phần.

Phật bảo Bồ-tát Di-lặc:

– Ông ở cõi trời Ba Mươi Ba giảng nói pháp “không hành” cho các thiên chúng, trong số đó có ai thấy đạo và ai chưa thấy đạo?

Bồ-tát Di-lặc thưa:

– Bạch Thế Tôn! Chúng trời ấy do tướng về thường, tướng về lạc, tướng về tịnh, chấp ngã là tướng về ngã, cho nên không có sự thấy đạo và cũng không có bậc thấy đạo.

Phật bảo Bồ-tát Di-lặc:

– Chư Thiên kia hành ẩm hữu sắc hay hành ẩm vô sắc? Ẩm có báo ứng hay không báo ứng? Có ẩm phá hữu hay không phá hữu? Có ẩm thọ nhập hay không thọ nhập? Có ẩm thanh hưởng hay không thanh hưởng? Có ẩm trung gian hay không trung gian? Có ẩm bi thử hay không bi thử? Có ẩm cứu cánh hay không cứu cánh? Có ẩm mặc nhiên hay không mặc nhiên? Thế nào, này Bồ-tát Di-lặc! Ở cõi trời giảng nói pháp chân thật cho chúng trời, ông có nói về danh hiệu của các ẩm ấy hay không?

Bồ-tát Di-lặc thưa:

– Bạch Thế Tôn! Không. Đức Thế Tôn dạy:

– Thế nào, này Bồ-tát Di-lặc! Chư Phật mười phương đã thọ ký cho ông thành tựu đạo quả Chánh chân vô thượng, như vậy có đạo Chánh chân hay không có đạo Chánh chân?

Bồ-tát Di-lặc thưa:

– Bạch Thế Tôn! Không có đạo Chánh chân. Nói có đạo Chánh chân thì đây cũng là giả danh. Gọi là Di-lặc cũng là giả danh. Như bản thể của tự tánh cũng là giả danh. Sắc thân của Như Lai, tự thân ấy là không tướng, tự tướng cũng không, gốc ngọn thì gốc ngọn không, bi thử thì bi thử cũng không. Vậy làm sao biết chắc có danh hiệu là Di-lặc? Nói tánh thì tánh tự không, nói hữu thì chính hữu là không. Nói vô thì chính vô là không. Vô tự thường trụ, làm sao khiến nó bất trụ? Nói trụ thì chính trụ là không. Nói tự tướng thì tự tướng là không. Nói ẩm thì chính ẩm là không. Nói thai thì chính thai ấy là không, cho đến đạo tràng nói hành thì hành ẩm không. Bạch Thế Tôn! Do đó không thấy đạo và chưa ai thấy đạo.

Phật lại bảo Bồ-tát Di-lặc:

– Sự thấy đạo và sự không thấy đạo thì có quả chứng hay không có quả chứng? Là tánh hữu vi hay chẳng phải tánh hữu vi? Là tánh vô vi trong hữu vi hay tánh vô vi trong vô vi? Là tánh vô lậu trong hữu lậu hay tánh vô lậu trong vô lậu? Là tánh hữu tận trong cõi Dục hay tánh vô tận trong cõi Dục? Là tánh hữu tận trong cõi Sắc, cõi Vô sắc hay là tánh vô tận trong cõi Sắc, cõi Vô sắc? Không giới là tánh diệt thức hay không giới chẳng phải là tánh diệt thức? Cho đến hữu vi không, vô vi không, tự tánh không. Hữu

cho hữu là không, vô cho vô là không, đại không, thủ không, một tướng, vô tướng không, Niết-bàn hữu dư không, Niết-bàn vô dư không, là tánh chứng đắc hay chẳng phải là tánh chứng đắc?

Bồ-tát Di-lặc thưa:

– Bạch Thế Tôn! Pháp chứng đắc chẳng phải là pháp, phi pháp cũng không phải là pháp chứng đắc.

Đức Phật dạy:

– Thế nào, này Bồ-tát Di-lặc! Nếu pháp hữu vi chẳng phải là vô vi, pháp vô vi chẳng phải là hữu vi, vậy sao ông nói pháp có chứng đắc là không chứng đắc và pháp không chứng đắc cũng không chứng đắc?

Bồ-tát Di-lặc bạch Phật:

– Bạch Thế Tôn! Theo đệ nhất nghĩa thì trong pháp hữu tướng, vô tướng, tìm cầu hữu vi chẳng phải là vô vi hay tìm cầu vô vi chẳng phải là hữu vi?

Phật bảo Bồ-tát Di-lặc:

– Nay Ta hỏi ông: Căn luận chân thật, chẳng phải vô căn luận, vậy thì hữu vi, vô vi từ đâu sinh? Nếu có thì tên nó là gì?

Bồ-tát Di-lặc thưa:

– Bạch Thế Tôn! Hư không là tánh tịch diệt. Chữ nghĩa, tên gọi đều chẳng phải là chân thật, đó là vô căn luận, chứ chẳng phải hữu căn luận.

Phật bảo Bồ-tát Di-lặc:

– Vậy làm sao nghĩa căn sinh ra vô căn luận? Bồ-tát Di-lặc thưa:

– Bạch Thế Tôn! Đối với nghĩa thế tục thì căn là pháp tánh, vô căn là chứng tịnh, bất động cũng không phải là bất động, là một tướng, vô tướng, cho đến pháp hữu vi - vô vi, pháp hữu lậu - vô lậu, pháp hữu đối - vô đối, pháp sắc - pháp vô sắc, pháp khả kiến - pháp bất khả kiến, bất trụ cũng không phải bất trụ. Đó là nghĩa của vô căn.

Đức Phật dạy:

– Bồ-tát hành về không đã hiểu rõ về vô căn, bất sinh cũng không phải bất sinh; vị lai chưa đến, hiện tại không trụ, quá khứ đã diệt; không chấp trước, không đoạn, không trụ, cũng không phải không trụ.

Khi ấy, trong pháp hội có Bồ-tát tên Phân Biệt Thân Quán, bạch Phật:

– Bạch Thế Tôn! Con nghe Như Lai nói nghĩa vô căn: Nói có thân tướng, nói không có thân tướng; nói có tự tánh không, nói không có tự tánh không. Vậy nói về nghĩa vô căn là từ trong Như mà sinh hay không phải từ

trong Như sinh ra? Nghĩa vô căn có sinh diệt hay không có sinh diệt? Pháp hữu đối hay chẳng phải pháp vô đối? Pháp hữu sắc hay pháp vô sắc? Pháp hữu vi hay pháp vô vi? Pháp hữu lậu hay pháp vô lậu? Pháp hữu tướng hay pháp vô tướng? Có thân quán hay không thân quán?

Phật bảo Bồ-tát Phân Biệt Thân Quán:

– Nay Bồ-tát Thân Quán! Cái gì là thân? Cái gì là quán? Thân làm sao để hành quán này?

Bồ-tát Phân Biệt Thân Quán thưa:

– Thưa Thế Tôn! Địa, thủy, hỏa, phong là thân âm. Thức phân biệt gọi là quán.

Đức Phật dạy:

– Nói địa thì tự thể của địa là không, nói thủy thì tự thể của thủy là không, nói hỏa thì tự thể của hỏa là không, nói phong thì tự thể của phong là không, nói thức thì tự thể của thức là không, nói không thì tự thể của không là không thì cái gì là thân, cái gì là quán?

Bồ-tát Thân Quán thưa:

– Bạch Thế Tôn! Đúng vậy! Theo như lời của Thế Tôn nói: Nếu pháp giới hư không đều vắng lặng, không có Phật mà nói Phật, không có Pháp mà nói Pháp, không có Tăng mà nói Tăng, không có đời này, đời sau, không có tội, không có phước thì sẽ khác với Đại sư dạy không?

Phật bảo Bồ-tát Phân Biệt Thân Quán:

– Nay Bồ-tát Thân Quán! Khi nhập vào định diệt tận, ông thấy có nhãn quán sắc, cho đến ý quán pháp không?

Bồ-tát Thân Quán thưa:

– Bạch Thế Tôn! Không. Vì sao? Vì trong định diệt tận không sinh cũng không diệt.

Phật bảo Bồ-tát Thân Quán:

– Đúng vậy! Đúng vậy! Đúng như lời ông nói thì: Nhãn quán sắc. Sắc chẳng phải sắc của ngã, ngã chẳng phải sắc của nó. Thức chẳng phải thức của ngã, ngã chẳng phải thức của nó cho đến xúc.

Thanh, hương, vị, xúc, pháp cũng đều như vậy. Vì pháp chẳng phải pháp của ngã, ngã cũng chẳng phải pháp của ngã nên đối với nghĩa vô căn nó không tăng, không giảm.

Nếu căn thanh tịnh thì đạo cũng thanh tịnh. Nếu tướng không mà thanh tịnh thì cho đến cứu cánh không cũng đều thanh tịnh. Nếu một mà

thanh tịnh thì không có hai. Nếu năm ám tịnh, hành tịnh thì đạo cũng thanh tịnh. Nếu hữu đối tịnh, vô đối tịnh, sắc tịnh thì đạo cũng thanh tịnh. Nếu Bồ-tát tịnh, sáu trần tịnh thì đạo cũng thanh tịnh. Nếu quyền thuộc tịnh, dòng họ tịnh thì đạo cũng thanh tịnh. Nếu địa tịnh, trụ tịnh thì đạo cũng thanh tịnh. Đó là nghĩa vô căn của Đại Bồ-tát.

Phật bảo Bồ-tát Thân Quán:

– Nay Bồ-tát Thân Quán! Nếu khổ tịnh, không khổ không lạc tịnh thì đạo cũng thanh tịnh. Nếu môn tịnh, chủng tịnh, sinh tịnh thì đạo cũng thanh tịnh. Đó là nghĩa vô căn của Đại Bồ-tát.

Phật bảo Bồ-tát Thân Quán:

– Nay Bồ-tát Thân Quán! Nếu đạo tràng tịnh, quốc độ tịnh, chúng sinh tịnh thì đạo cũng thanh tịnh. Đó là nghĩa vô căn của Đại Bồ-tát. Nếu căn tịnh, lực tịnh, giác ý tịnh, đạo phẩm tịnh thì đạo cũng thanh tịnh.

Thế nào, này Bồ-tát Thân Quán! Nay Ta hỏi ông, ông hãy trả lời cho Ta: Như Lai tu tập nơi đạo tràng, ngồi bên gốc cây thọ vương, làm thế nào để phân biệt những loài chúng sinh theo pháp hữu ký hay pháp vô ký? Nếu pháp hữu ký là cấu uế của phiền não, còn pháp vô ký cũng là cấu uế của phiền não. Vậy chẳng lẽ nên lấy vô ký để thọ ký cho chúng sinh sao?

Bồ-tát Thân Quán thưa:

– Bạch Thế Tôn! Pháp hữu ký chẳng phải là cấu uế của phiền não, mà pháp vô ký cũng chẳng phải là phiền não. Vì sao? Vì cấu uế của phiền não là pháp thấp kém mà pháp hữu ký, vô ký là pháp thượng tôn. Vậy không thể lấy vô ký mà đối trị với phiền não. Vì sao? Vì pháp phiền não là hạt giống của Như Lai.

Phật bảo Bồ-tát Thân Quán:

– Thôi, thôi! Ông chớ nói như vậy. Ông nói phiền não là pháp sinh tử, sao bây giờ lại nói là hạt giống của Như Lai?

Bồ-tát Thân Quán thưa:

– Bạch Thế Tôn! Thân của Như Lai là biến hóa chứ chẳng phải là chúng sinh. Nếu là biến hóa thì không có cội chúng sinh trong phiền não. Giả sử từ chúng sinh mà có thân Như Lai thì cấu uế của phiền não chẳng phải là hạt giống của Như Lai sao?

Phật bảo Bồ-tát Thân Quán:

– Đúng vậy! Đúng vậy! Đúng như lời ông nói. Vì mượn danh hiệu tên chữ để có phiền não nhưng trong đệ nhất nghĩa thì không có phiền não.

Phật lại nói với Bồ-tát Thân Quán:

– Nay Bồ-tát Thân Quán! Như Lai, Ứng Cúng, Chánh Biến Tri, Minh Hạnh Túc, Thiện Thệ, Thế Gian Giải, Vô Thượng Sĩ, Điều Ngự Trượng Phu, Thiên Nhân Sư, Phật Thế Tôn thường dùng thiên nhân quán ý thức sinh niệm trong một a-tăng-kỳ của chúng sinh khắp mười phương thế giới: Có người nhiều tâm dục, có người ít tâm dục; có người nhiều tâm sân, có người ít tâm sân; có người nhiều tâm si, có người ít tâm si; người có tâm giải thoát, người không có tâm giải thoát; người có tăng thượng mạn, người không có tăng thượng mạn; người dễ đạt tới cứu cánh, người khó đạt đến cứu cánh. Những hạng người này Bồ-tát đều biết, đều quán hết tất cả rồi đến độ họ.

Làm thế nào mà Bồ-tát dùng thiên nhân quán biết người dục ít, biết người dục nhiều? Nghĩa là trong số người ấy, Bồ-tát hiện hình dâm nữ nói việc dâm dục với họ, tạo mọi hoan lạc khó quên, nhìn không nhàm chán, khiến cho ý dục của họ càng thêm vui thích. Sau đó, từ từ nói với họ: “Thân là ô uế, vô thường, vô ngã, khổ, không, chẳng phải là thân; dục là hầm lửa thiêu cháy tâm thức...” để họ nhàm chán, lo sợ, không còn tham dục nữa. Những chúng sinh này ở trong thai liền được thọ ký đạo vô thượng.

Nay Bồ-tát Thân Quán! Ông nên biết: Nếu như chúng sinh này không sân giận, ngu si, đoạn dục thì được đạo. Hoặc có Bồ-tát kết bạn cùng với đám người ấy, nói nghiệp sát sinh để họ vui thích khó quên: “Ôi, vui thay! Sát sinh là làm giảm tuổi thọ của ông, còn tôi thì tăng tuổi thọ”. Sau đó từ từ nói cho họ nghe: “Sát sinh thì mắc tội rất nặng”, nói cho họ một trăm lẻ tám tội nặng sát sinh rất là khổ não, rồi dẫn dắt họ vào đạo, không còn chút dục si. Những người này ở trong thai liền thành đạo vô thượng.

Có Bồ-tát kết bạn cùng với đám người kia giảng nói mười đạo bất thiện, thân giáo, khẩu giáo, ý giáo đều bất thiện, cho chân thật là hư nguy, vô thường cho là thường, không cho là thật có, không có thân nói rằng có thân, khổ cho là vui, không có thế gian nói rằng có thế gian. Sau đó, từ từ nói với họ về vô lượng biện tài, trí sâu rộng lớn, thấu triệt hết tất cả pháp, dựng cờ pháp cho họ rồi từ từ dẫn vào rừng trí tuệ: “Các người nên biết, nếu có ai còn nghi ngờ về ta thì nên lấy lửa trí tuệ đốt tâm nghi ngờ của người ấy. Nếu người bố thí tay cầm của cái, có người thọ nhận mà hiểu rõ ba việc ấy là không, không có sở hữu, người này ở trong thai liền thành đạo vô thượng”.

Thấy người giữ giới, giới phẩm thành tựu, không phạm một mảy may

nào, hiểu rõ tất cả là vắng lặng, không có sở hữu, người này ở trong thai liên thành đạo vô thượng.

Hoặc có chúng sinh tâm luôn nhẫn nhục, không sân giận, nếu có người đến cắt, xẻ, giết, nhưng tâm không khởi chút tưởng giận, cho đến đầu, mắt, tủy, não bị cắt xẻ vẫn không chút luyến tiếc oán giận. Người này ở trong thai liên thành đạo vô thượng.

Có chúng sinh tâm như kim cương, không gì có thể hủy hoại được, giả sử có người dùng lời dịu ngọt dẫn dụ: “Kiếp số khó lường, luân hồi trong sinh tử khó có thể tránh khỏi, sao không tự độ mà lại thay thế chịu khổ nhọc cho chúng sinh” nhưng tâm Bồ-tát ấy vẫn tiến lên, không bao giờ thoái chuyển để rơi vào sinh tử. Người này ở trong thai liên thành đạo vô thượng.

Có người hành thiền, tâm thức bất động, ma Ba-tuần ở trên hư không làm sấm sét dữ dội, nhưng tâm Bồ-tát không bị lay động một mảy lông nào cả, hướng chỉ là làm cho vị ấy thoái bỏ đạo thiên. Vị này ở trong thai liên thành đạo vô thượng.

Nếu có chúng sinh phân biệt các hành, điều này có thể hành, điều kia không thể hành. Nếu người nào tham đắm, yêu mến thân thì liền nói cho họ về bốn pháp ý chỉ, phân biệt rõ ràng về kho tàng cốt yếu của các pháp, nêu bày, giảng nói về vô lượng pháp giới. Người này ở trong thai liên thành đạo vô thượng.

Có Bồ-tát nhập vào Tam-muội Từ, thấy các loài chúng sinh đầy khắp cả vô lượng vô hạn a-tăng-kỳ hằng hà sa cỗi ở phương Đông, rồi đem lòng từ bi thương xót muốn họ được giải thoát. Ví như lấy từng hạt cát trong sông Hằng đi qua hằng hà sa cỗi thả xuống một hạt, như vậy cát sông Hằng tận nhưng tâm từ không tận. Bồ-tát phát nguyện kiên cố khó lay động. Giả sử có người đến lấy thân Bồ-tát, tháo cắt xẻ từng miếng để đầy khắp ba ngàn đại thiên quốc độ, nhưng Bồ-tát thấy máu biến thành sữa, giống như mẹ yêu con. Đó là Bồ-tát hành Tam-muội Từ, người này ở trong thai liên thành đạo vô thượng.

Có Bồ-tát nhập Tam-muội Bi với lòng từ bi thương xót, muốn các loài chúng sinh trong vô lượng vô hạn a-tăng-kỳ hằng hà sa cỗi ở phương Nam được giải thoát, lấy từng hạt cát trong sông Hằng đi qua hằng hà sa cỗi thả xuống một hạt, như vậy cát sông Hằng tận nhưng tâm bi không tận; kham chịu thay những chúng sinh bị khổ kia. Tất cả đều là sự thể nguyện kiên cố của Bồ-tát. Chúng sinh nào thấy với tâm thanh tịnh thì xa lìa các

khổ, đoạn hẳn vọng tưởng, vị này ở trong thai liền thành đạo vô thượng.

Có Bồ-tát nhập vào Tam-muội Hỷ, với lòng nghĩ nhớ đến hỷ, muốn cho các loài chúng sinh nơi vô lượng vô hạn a-tăng-kỳ hằng hà sa cỗi ở phương Tây được giải thoát, lấy từng hạt cát trong sông Hằng, cứ qua hằng hà sa cỗi thả xuống một hạt, như vậy cát sông Hằng tận nhưng tâm hỷ không tận. Nếu chúng sinh ấy nhập vào tâm hỷ thì tự mình vui thích. Đây đều là Bồ-tát phát tâm kiên cố. Vị ấy ở trong thai liền thành đạo vô thượng.

Có Bồ-tát nhập vào Tam-muội Xả, lo sợ cho vô lượng vô hạn a-tăng-kỳ hằng hà sa chúng sinh ở phương Bắc có hạnh thiếu sót, phân tán, liền nuôi dưỡng, ủng hộ, không cho họ bị chìm đắm; lấy từng hạt cát trong sông Hằng, cứ đi qua hằng hà sa cỗi thả xuống một hạt, như vậy cát sông Hằng tận nhưng tâm xả không tận. Đây đều là Bồ-tát thệ nguyện kiên cố. Vị này ở trong thai liền thành đạo vô thượng.

Đối với lòng đại từ đại bi, tu pháp chân thật của Bồ-tát thì chẳng phải là nẻo hành hóa của La-hán, Phật-bích-chi. Bồ-tát muốn cho tất cả chúng sinh khắp bốn phương một khi nghe âm thanh liền tìm tiếng mà đến. Đây đều là thệ nguyện kiên cố của Bồ-tát. Vị này ở trong thai liền thành đạo vô thượng.



Phẩm 3: THÁNH ĐẾ

Phật nói với các Đại Bồ-tát, Tỳ-kheo, Tỳ-kheo-ni, Ưu-bà-tắc, Ưu-bà-di, tám bộ chúng Trời, Rồng, Quỷ thần, Cưu-bàn-trà, A-tu-la, Ca-lâu-la, Khẩn-na-la, Ma-hầu-la-già, Tỳ-xá-già, Phú-đan-na, Ma-niêu-xá, A-ma-niêu-xá:

– Nay Ta sẽ giảng nói cho các người về Hiền Thánh đế của Đại Bồ-tát. Hãy lắng nghe cho rõ, suy nghĩ thật kỹ. Vì sao? Vì từ số a-tăng-kỳ kiếp, Ta tu tập đạo quả, chết đây sinh kia, luân hồi trong năm đường nhưng không bao giờ bỏ Hiền Thánh đế của Bồ-tát.

Bồ-tát tu tập Thánh đế như thế nào? Nghĩa là có Bồ-tát từ lúc mới phát tâm cho đến khi ngồi nơi đạo tràng tu hành pháp vô ngại, không chấp vào sự chứng thiên, diệt tận các tướng về ác.

Hoặc có Bồ-tát nhập vào cảnh giới Sơ thiên, thấy hạnh thanh tịnh, xấu hổ để rồi nhàm chán, xả bỏ để tiến tới, sắp bước lên Lục trụ, siêng năng

ting tấn đạo nghiệp, nhập vào cảnh giới Nhị thiên, tâm hoá nhiên đại ngộ, giống như trăng sáng xua tan mây. Tự quán trong thân mình, tâm phát thệ nguyện là kiên cố hay không kiên cố. Tự đem tâm mình quán tâm chúng sinh, ai dễ độ, khó độ cũng đều biết tất cả. Lúc này, tâm Bồ-tát rất là vui vẻ: “Ta chắc chắn sẽ thành Phật, không có nghi ngờ, quốc độ được thanh tịnh, trừ dứt cấu uế cho chúng sinh, chiến thắng quân ma, chuyển pháp luân Hiền thánh vô thượng. Ôi, vui thay! Phước báo sở nguyện ta đều được thành tựu!”.

Bấy giờ, Bồ-tát nhập vào định Bất loạn, lấy tâm cân nhắc tâm, đem thân cân nhắc thân, liền được thành tựu Thánh đạo thần túc. Từ cõi Phật này đến cõi Phật khác, lễ lạy thờ phụng cúng dường chư Phật Thế Tôn, nghe thọ pháp thâm diệu không chút trở ngại, không lo sợ, rồi đến nhập vào Tam thiên, quán các sắc tướng đều là không, không có sở hữu. Khi trụ vào Tam thiên, quán các loài chúng sinh đều có thể phân biệt được rõ ràng: Họ chết đây sinh kia, chết kia sinh đây; tự biết đời trước và cũng biết họ từ đâu đến; đây là dòng Sát-lợi hay dòng Bà-la-môn, dòng cư sĩ hay trưởng giả; người tu hành, người không tu hành; đáng thọ quả, không đáng thọ quả; hơi thở ra vào, chẳng phải hơi thở ra vào; đây là bốn ý chỉ, bốn ý đoạn, căn lực, thần túc, giác ý, tám thánh đạo. Người này nhất định ở nước ấy, chỗ ấy, trong chúng sinh ấy mà thành Phật. Tất cả hạng người trên, Bồ-tát đều biết cả. Đó gọi là Bồ-tát ở cảnh giới Tam thiên đắc tâm thanh tịnh.

Lại nữa, Đại Bồ-tát ở nơi cảnh giới Tam thiên mong muốn Bất trụ, tuy trông mong nhưng không đắc. Ngày đêm siêng năng tinh tấn cầu cho tâm được thanh tịnh, nhập vào Tứ thiên, trước mắt tự thấy chư Phật mười phương nói cho nghe pháp bất thoái chuyển của Tứ thiên, giải thoát vô ngại, hành bốn thần túc, có thể phân một thân thành vô số thân, lấy vô số thân hợp lại thành một thân, nhập vào Tam-muội Hỏa quang, biến khắp ba ngàn đại thiên thế giới, làm cho chúng sinh ấy thấy Tam-muội Hỏa quang nên tâm rất đổi kinh sợ, tự đến chỗ Bồ-tát mà quy y. Nhờ lực của Tam-muội mà được giải thoát.

Bấy giờ, trong Tứ thiên phân biệt chân như, pháp tánh, tâm lui trở lại tu tập hạnh Lục trụ. Bồ-tát tự nghĩ: “Nay ta chưa đắc địa Bất thoái chuyển thì làm sao đắc Bất trụ?”. Thế rồi ở trong Tứ thiên siêng năng tu tập, làm thanh tịnh hạnh của chúng sinh, thay thế chịu khổ cho họ. Mặc dù hành pháp như vậy nhưng không tự khen ngợi, trừ bỏ tâm kiêu mạn, không còn chấp ngã, tu sáu tư niệm. Mặc dù hành đạo ở chín nẻo chúng sinh nhưng

tâm không đắm nhiễm, quyến luyến sinh tử, tâm hoát nhiên đại ngộ, đạt được Bất thoái chuyển. Đó là Đại Bồ-tát đối với Thánh đế mà đắc tâm thanh tịnh.

Thế rồi Bồ-tát nhập vào Tam-muội Không xứ, quán tâm thức của loài chúng sinh trong ba ngàn đại thiên thế giới này, tu pháp thanh tịnh, xa lìa những sự trói buộc, không còn thương tiếc gì cả, có thể tự mình sống một kiếp, hai kiếp, cho đến vô số kiếp. Ở trong vô số kiếp ấy giáo hóa chúng sinh, người sống người chết từ từ hướng dẫn họ đạt đến đạo thanh tịnh. Vị này ở trong thai liên thành đạo vô thượng.

Có Bồ-tát nhập vào Tam-muội Thức xứ, quán cõi đi đến của các thần thức trong ba ngàn đại thiên thế giới này, dù là cõi trời, cõi người, cõi ngạ quỷ, cõi súc sinh, cõi địa ngục, người dễ độ, khó độ, vị Bồ-tát này đều biết cả. Vị này ở trong thai liên thành đạo vô thượng.

Có Bồ-tát nhập vào Tam-muội Bất dụng xứ, quán các loài chúng sinh trong ba ngàn đại thiên thế giới là xanh, vàng, đỏ, trắng, nhiều hay ít thì tự nhàm chán không muốn ở lâu. Vị này ở trong thai liên thành đạo vô thượng.

Có Bồ-tát nhập vào Tam-muội Phi tướng phi phi tướng xứ, quán cõi đi đến của các thần thức nơi chúng sinh trong ba ngàn đại thiên thế giới này: người sống, người chết, xanh vàng đỏ trắng, cao thấp đều làm cho các chúng sinh ấy biết sự chấm dứt của thọ mạng. Vị này ở trong thai liên thành đạo vô thượng.

Thế rồi Bồ-tát nhập vào Tam-muội Đại hư không, Đại tịch tĩnh, quán cõi đi về của các loài chúng sinh trong ba ngàn đại thiên thế giới này, trên đến vô biên vô tận cõi, tư duy phân biệt tất cả pháp là không có. Đó gọi là Đại Bồ-tát ở trong thai liên thành đạo vô thượng.

Rồi Bồ-tát nhập vào Tam-muội Vô hình giới, quán khắp các loài chúng sinh trong ba ngàn đại thiên thế giới, mọi sự trói buộc của tâm không còn bị trói buộc nữa, thần thức không có hình tướng nên thức được quán cũng không có hình tướng. Với pháp vô hình, ở trong thai liên thành đạo vô thượng.



KINH BỒ TÁT TÙNG ĐÂU THUẬT THIÊN GIẢNG THẦN MẪU THAI THUYẾT QUẢNG PHỔ

QUYỂN 2

Phẩm 4: PHẬT THỌ

Sắp nhập vào cảnh giới Niết-bàn Vô dư, Đức Thế Tôn cho nhóm họp các Bồ-tát có thần thông, đức lớn và dùng thần thông biến hóa, giảng nói pháp không thể nghĩ bàn:

– Ta có thể biến hóa làm cây bảy báu vượt qua sông dài này. Người nào bị chìm đắm trong sinh tử thì được giải thoát. Rồi liền nhập vào định Lưu ly, Tam-muội Vô hình.

Về phương Đông, cách cõi Ta-bà này sáu mươi bốn ức hà sa cõi, Ta biến hóa cây bảy báu đầy khắp trong đó. Thân, nhánh, cành, lá, quả trên các cây báu ấy đều có cung điện bảy báu. Mỗi cung điện có một Đức Phật. Chư Phật đều giảng nói bốn pháp vô thường. Đằng sau có vườn và ao với nhiều loài chim tụ tập, dạo chơi trong vườn ấy, thật hoan lạc không gì tả nổi. Trong ao mọc hoa sen Ưu-bát, hoa Tu-cần-đề, hoa Mạt-cần-đề. Trên bờ có hoa Chiêm-bặc, hoa Tu-mạn-la với mùi hương Ngưu-đầu-chiên-đàn, hương vụn. Cờ phướn, lụa trời treo đầy hư không.

Khi ấy, vua thần gió tên Tùy Ý phóng gió đại hương thổi lá cây bảy báu đưa qua đưa lại, mềm mại dịu dàng, làm lay động cành lá chạm vào nhau phát ra tám loại âm vang. Kỳ lạ nữa là phóng ra ánh sáng lớn. Tám loại âm thanh của Như Lai là nhằm độ người chưa độ. Ai thấy điềm ứng ấy liền nói: “Xưa kia ta không nghe như thế và cũng không thấy tướng sinh diệt vô thường, đâu phải là huyền hóa chăng?”.

Bấy giờ, trong cung điện trên cây bảy báu, chư Như Lai Chí Chân Đẳng Chánh Giác phát ra âm thanh lớn, xiển dương pháp không thể nghĩ bàn khó có, giảng nói trong Bát địa làm trang nghiêm các cõi Phật. Giống như có người thích nhìn nước của biển cả, cách biển một trăm do-tuần không thấy các cây cối đâu cả, gặp được một sông lớn liền ném vào thì biết

biển còn xa. Khi ấy, tự mình làm phương tiện để qua biển. Đến lúc không còn thấy hình tướng, niệm định như hư không thì mới đến bờ biển. Dùng tâm vô úy để tự trang nghiêm thân và nói: “Lành thay đại Thánh, những gì con mong muốn nay đã đạt được, thật là sung sướng vui mừng không mệt mỏi”.

Ngay khi ấy, người này xả bỏ hết những gì trong cuộc sống để vào biển. Những ước nguyện xưa đều hiện ra trước mặt. Đại Bồ-tát cũng vậy, dứt bỏ Nhất trụ để lên đến địa Lục trụ, dẹp trừ các kiết sử cho chúng sinh, không còn vướng lại một chút nào cả. Nay ta thành Phật, tất nhiên không nghi ngờ. Đó gọi là ở trong thai Đại Bồ-tát trang nghiêm cây giác ngộ.

Lại nữa, Đại Bồ-tát tự mình muốn thân tướng trang nghiêm, đầy đủ ba mươi hai tướng chân thật của đại nhân không. Từ đỉnh đầu xuống đến chân, chân có ngàn bánh xe, mỗi bánh xe có ngàn cắm hoa, mỗi cắm hoa có ngàn tướng, mỗi tướng có sáu độ vô cực tạo thành. Không thấy đánh tướng tức là phá núi kiêu mạn, đắc thành tướng nhục kế.

Từ vô số a-tăng-kỳ kiếp, ta đã được quả báo không phạm dâm dục nên được tướng mã âm tàng. Tướng mã âm tàng có công năng phá trừ các tà kiến và phóng tướng ánh sáng khắp hằng hà sa côi trong mười phương, mỗi ánh sáng đều có hóa Phật, mỗi hóa Phật đều ngồi nơi tòa cao bảy báu phát ra âm thanh diễn nói sáu độ vô cực như pháp mà chư Như Lai thường nói là khổ, tập, diệt, đạo, bố thí, trì giới, nhẫn nhục, tinh tấn, thiền định, trí tuệ Ba-la-mật, dùng phương tiện thiện xảo làm cho hiểu rõ các pháp: Không không, đại không, vô lượng không, nội không, ngoại không, tối không, hành không, tướng không, báo không, diệt tam tai không, tam minh báo không, tam tuệ không, tam đạt không, tam đẳng không, tam thể không, ba phần pháp thân không, ba cõi tịch tĩnh không; quá khứ, hiện tại và vị lai không. Đó là tướng quả báo do không dâm dục của Đại Bồ-tát.

Từ a-tăng-kỳ kiếp đến nay, ta luôn tu miệng thanh tịnh, không đến người kia nói chuyện người này, không đến người này nói chuyện người kia, nên đắc tướng lưỡi dài rộng biến khắp a-tăng-kỳ hằng hà sa côi trong mười phương, phóng ánh sáng từ tướng lưỡi, mỗi ánh sáng đều có hóa Phật, mỗi hóa Phật đều ngồi trên tòa bảy báu dùng âm thanh thanh tịnh diễn nói vô lượng khẩu hành. Do nghiệp báo thanh tịnh chân thật tạo ra nên thành tựu bốn vô úy, hiểu rõ các pháp không đến, không đi, âm vọng thanh tịnh, vượt qua nỗi sợ sinh tử không chướng ngại, phân biệt rõ ràng mỗi âm thanh vọng lại của chúng sinh, diễn nói với vô lượng trí tuệ biện tài, vượt qua vực

sâu trong năm đường, mỗi pháp mỗi pháp đều được thành tựu, lấy chín giải thoát để tự làm an lạc, đầy đủ mười lực không tánh vô hình, không thể nào cản trở phá hoại được. Người nào nghe pháp đều được tin hiểu. Đó gọi là quả báo nơi tướng lưới miệng thanh tịnh của Đại Bồ-tát.

Từ vô số a-tăng-kỳ kiếp, ta đạt được tướng âm vang biến khắp ba ngàn đại thiên quốc độ, lời nói nhẹ nhàng, hòa nhã, không thô bạo, xuất ngôn đều thành tựu, không do người khác dạy bảo. Ai nghe âm vang ấy đều vui vẻ. Trong âm vang này cũng có vô số âm vang thanh tịnh được nói ra, như pháp mà chư Như Lai thường nói là mười hai nhân duyên: si, hành... sinh tử. Tự quán thân mình, quán thân người, quán trong ngoài thân, hơi thở dài cũng biết, hơi thở ngắn cũng biết. Giáo hóa chúng sinh đạt đến chứng đắc nhưng cũng không trụ vào chỗ chứng đắc. Âm vang ấy phát ra tướng ánh sáng, mỗi ánh sáng đều có hóa Phật, mỗi hóa Phật đều ngồi trên tòa cao bảy báu và giảng nói vô lượng pháp môn cho chúng sinh. Tâm đạt đến giải thoát không, vô tướng, vô nguyên. Quán rõ các pháp đều vô sở hữu. Thường lấy bốn việc từ, bi, hỷ, xả, bốn thiên, bốn đế, pháp môn chúng trí, pháp môn đắc tổng trì, pháp môn nhanh nhạy, pháp môn ứng thanh, pháp môn biện tài, vô lượng pháp môn luôn hiện tiền. Tâm thường hiện bày diệu dụng nơi vô lượng trăm ngàn Tam-muội. Đó gọi là quả báo tướng âm vang của Đại Bồ-tát.

Từ vô số a-tăng-kỳ kiếp, ta luôn tu tâm thanh tịnh, nhất tâm chánh niệm, biết hổ thẹn, giữ tâm một chỗ, không nghĩ đến một việc gì khác, dòng tư tưởng không vương mắc trần cấu. Nếu có người nào đến hủy nhục cũng không có tâm lo buồn. Giả sử được khen ngợi cũng không lấy làm vui, tâm không bao giờ chuyển đổi. Làm việc gì đều chắc chắn, giống như đất khó lay động. Từ vô số kiếp từng phụng thờ chư Phật, giảng nói pháp vi diệu cho chúng sinh. Việc làm không dối trá, một lòng hướng về đạo. Nơi nào có Phật, Pháp, Tăng thì đích thân đến giáo hóa, giảng nói, bàn luận vô lượng pháp môn tổng trì. Những pháp bàn luận đó là những bộ luận: Thí luận, Giới luận, sinh thiên, dục là bất tịnh, Niết-bàn là an lạc. Hướng dẫn chúng sinh nhập vào định, Tam-muội, phân biệt về khổ để để lìa bỏ bốn trói buộc, diệt trừ pháp tập, diệt hết đại phần kiết sử. Đạo là trừ những tạp uế, chứng pháp nhãn Vô sinh, trụ vào Bất thoái chuyển, đắc quán thanh tịnh, biết tâm của chúng sinh nghĩ gì và tùy theo mỗi loại để khai thị, giáo hóa, đắc thành đạo quả, giống như tấm vải trắng tinh mới sản xuất thì rất dễ nhuộm màu. Thường tự thâm giữ tâm, không chê trách khuyết điểm của người khác, thường thích nơi yên tĩnh, không ở chỗ ồn ào. Nhập vào chúng Tỳ-kheo thì

oai nghi đầy đủ. Nếu nhập vào thiền định thì gắn chặt tâm ý vào ánh sáng. Kinh hành qua lại tâm không biếng nhác, ngã mạn. Ở trong đại chúng có tài năng như sư tử hồng, phân biệt không tánh đều vô sở hữu. Đó là tâm thanh tịnh của Đại Bồ-tát.

Từ vô số a-tăng-kỳ kiếp, ta từng tu pháp môn tổng trì không trở ngại, hư hoại. Nghe một được trăm, nghe trăm đắc ngàn, nghe ngàn đắc vạn, nghĩa của từng câu từng chữ mà chư Phật nói ra đều nằm lòng không quên mất. Đó là Đại Bồ-tát thành tựu pháp môn tổng trì.

Từ vô số a-tăng-kỳ kiếp, ta thường tu tập quán hành vô thường. Tất cả các pháp đều quy về luật vô thường, có sinh thì có diệt. Ở đâu, nơi nào cũng đều làm hưng thịnh chánh pháp để trang nghiêm thanh tịnh cõi Phật. Những gì nói ra đều chân thật chắc chắn. Tự mình biết những nơi từng sống trong đời trước, thuyết pháp giáo hóa chúng sinh, tâm thức kiên cố, có thần thông vô úy không thể nghĩ bàn. Từ vô số kiếp đã chứa nhóm các hạnh khổ. Những thệ nguyện đã phát không bao giờ trái với bản hạnh. Hiện bày tiếp cận các pháp tự tại không nghi ngờ. Đó là Đại Bồ-tát thành tựu pháp môn Tổng trì.

Từ vô số a-tăng-kỳ kiếp, ta từng tu Nhân thần thông, biết hết tất cả các loài chúng sinh trong mười phương: Hạng hợp với không hành hay không hợp với không hành, hạng có tâm định hay không có tâm định, hạng có tâm loạn hay không có tâm loạn, hạng có ý chí như kim cang hay không có ý chí như kim cang, hạng có định tư duy hay không có định tư duy. Cõi trời, cõi người, cõi ngạ quỷ, cõi súc sinh, cõi địa ngục, với thiên nhân ta đều thấy biết tất cả: Thấy chúng sinh này hướng đến Niết-bàn Vô dư hay Niết-bàn vô dư y; cũng biết chúng sinh này ở trong thân trung ấm chứng Niết-bàn, biết chúng sinh kia hướng về Tu-đà-hoàn đắc quả Tu-đà-hoàn, hướng về Tư-đà-hàm đắc quả Tư-đà-hàm, hướng về A-na-hàm đắc quả A-na-hàm, hướng về A-la-hán đắc quả A-la-hán, hướng về Phật-bích-chi đắc quả Phật-bích-chi. Cũng quán chúng sinh xuất gia tu khổ hạnh không bỏ lời nguyện xưa, cạo bỏ râu tóc, thân đắp pháp phục nhập vào Tam-muội Sư tử du bộ, ở bên gốc cây Thọ vương tư duy quán, trải qua một ngày, hai ngày, cho đến bảy ngày; hoặc một năm, hai năm, cho đến bảy năm; hoặc một kiếp, hai kiếp, cho đến bảy kiếp. Đó là Đại Bồ-tát thành tựu Thiên nhân thông.

Từ vô số a-tăng-kỳ kiếp, ta từng tu Nhĩ thần thông, nghe hết thấy quả báo của chúng sinh trong mười phương: đen có quả báo đen, trắng có quả

báo trắng, không đen không trắng có quả báo không đen không trắng, hữu lậu có quả báo hữu lậu, vô lậu có quả báo vô lậu. Nghe âm vang thanh tịnh của chúng sinh ấy, tiếng không phải nam, tiếng không phải nữ, tiếng dịu dàng không phải nam không phải nữ, tiếng không dài không ngắn, không phải tiếng phi nhân, tiếng Phạm âm, tiếng thanh tịnh, tiếng hòa nhã của Già-la-tỳ la, tiếng không thô, tiếng không tế. Lại dùng thiên nhĩ nghe chúng sinh ấy trừ bỏ trần cấu, đoạn diệt các trói buộc, không trụ vào tướng quá khứ, hiện tại và vị lai. Trụ cũng không trụ, không trụ cũng không trụ. Ta không trụ, không trụ cũng chẳng phải không trụ, người thành Phật hay không thành Phật, người thành đạo hay không thành đạo, người sinh thiên hay không sinh thiên, người sinh làm người hay không làm người, người sinh vào cõi naga quỷ hay không sinh vào cõi naga quỷ, người sinh vào cõi địa ngục hay không sinh vào cõi địa ngục, người sinh vào cõi súc sinh hay không sinh vào cõi súc sinh, phân biệt năm đường với thiên nhĩ thông đều nghe biết hết tất cả. Đó là Đại Bồ-tát thành tựu Thiên nhĩ thông.

Từ vô số a-tăng-kỳ kiếp, ta từng tu Tỷ thân thông, ngửi hết thấy vô lượng mùi của chúng sinh trong mười phương: biết rõ ràng mùi thiện mùi ác, mùi thô mùi tế, mùi trong mùi ngoài, mùi thể tục, mùi đạo cho đến mùi Bồ-tát ngồi bên gốc cây Thọ vương, mùi giới, mùi định, mùi tuệ, mùi giải thoát, mùi giải thoát tri kiến, mùi chỉ dạy chúng sinh với đại bi vô biên, mùi thương xót chúng sinh, mùi vui vẻ dịu dàng, mùi buông xả bao la, mùi thần thông vô úy, mùi giác lực căn bản, mùi phá mạn tự cao, mùi tự nhiên xông ướp tất cả, mùi trang nghiêm Phật đạo, mùi hướng đến ba môn giải thoát, mùi tướng thù thắng, mùi quả báo minh hạnh, mùi phân biệt vi trần, mùi ánh sáng chiếu xa, mùi nhóm chúng hòa hợp, mùi năm tụ thanh tịnh, mùi tri nhập bất khởi, mùi diệt trừ các cấu bẩn, mùi quán diệt các cấu bẩn, mùi nghe giới bố thí, mùi hổ thẹn không kiêu mạn, mùi thắng pháp của tiên nhân, mùi nói pháp vô ngại, mùi xá-lợi lưu hành khắp, mùi phong ấn Phật tạng, mùi bày báu vô tận.

Bấy giờ, Đức Thế Tôn nói kệ:

*Núi Ma-già xuất hiện
Hoa hương và chiên-đàn
Tất cả hương ba cõi
Không bằng hương của giới.
Hương giới diệt các cấu
Đến đâu đều hiện quán*

Bò-tát bất thoái chuyển
 Hương Niết-bàn bậc nhất.
 Ví như người bắn giỏi
 Ngược bắn lên hư không
 Lực tên vút trên cao
 Rồi rơi lại xuống đất.
 Đức hương xa cùng tận
 Không bao giờ trở lại
 Nay nói hương thân Phật
 Giới, định, tuệ, giải thoát.
 Qua ức ngàn vạn kiếp
 Không sao hết hương Phật
 Nếu qua ngàn vạn kiếp
 Phật khen công đức Phật.
 Đại Thánh không thể tận
 Thân Phật hương giới đức
 Pháp oai nghi chư Phật
 Trước thọ ký bồ xứ.
 Năm mùi thơm trong miệng
 Trên đến trời Đao-lợi
 Trở lại đến chỗ Phật
 Nhiều thân Phật bảy vòng.
 Chư Thiên rải hoa hương
 Khen ngợi chưa từng có
 Hương định tỏa rất xa
 Cứu độ a-tăng-kỳ.

Khi Đức Thế Tôn nói kệ này xong, trong hội có hai mươi na-do-tha chúng sinh tâm thức được khai ngộ và đều phát tâm: Nguyên muốn sinh về cõi Phật Hương Tích. Đó là Đại Bò-tát thành tựu Tỉ thông.

Từ vô số a-tăng-kỳ kiếp, ta từng tu thân thông về khẩu nghiệp, nói năng qua lại không bao giờ ngưng trệ giữa chừng. Tất cả mỗi lời nói nói ra đều có ánh sáng: Môi có ánh sáng của môi, răng có ánh sáng của răng, lưỡi có ánh sáng của lưỡi. Giữa đại chúng, Như Lai giảng nói pháp thâm diệu, tất cả pháp ấy đồng một tên là A. A là vô. Vô có ngàn vạn nghĩa, trong ngàn vạn nghĩa lấy một nghĩa. Vô, nghĩa là độ vô lượng chúng sinh.

Hai tên là La. La là trừ cầu. Trừ cầu có ngàn vạn nghĩa. Trong ngàn

vạn nghĩa lấy một nghĩa trừ cầu, nghĩa là trừ cầu uế cho vô lượng chúng sinh.

Ba là Ba giá. Ba giá còn tên là Quả thực. Quả thực có ngàn vạn nghĩa, lấy một nghĩa Quả thực, tức khiến cho vô lượng chúng sinh đều đắc quả thành thực.

Bốn tên là Na. Na là nghĩa phi thường. Nghĩa phi thường có ngàn vạn nghĩa. Trong ngàn vạn nghĩa lấy một nghĩa phi thường, tức khiến cho họ vô lượng chúng sinh đều hiểu rõ không có thường.

Năm tên là Trà. Trà là vô tận. Nói về vô tận nghĩa là nói có thì không có, nói không thì cũng không không. Nghĩa vô tận có ngàn vạn nghĩa. Trong ngàn vạn nghĩa lấy một nghĩa vô tận, tức khiến cho chúng sinh được hiểu rõ sự cùng tận. Đó là nghĩa tận của Trà.

Vô lượng Hằng hà sa chư Phật trong mười phương về oai nghi thọ thực thì dưới từ Diêm-phù-đề trên đến mười tám cõi trời đều thấy Như Lai thọ thực. Bồ-tát từ Nhất trụ đến Tứ trụ thấy yết hầu lưu ly của thân Như Lai. Bồ-tát bất thoái chuyển cho đến cửu địa thấy trời Kiện Tật dâng thức ăn cho Như Lai, rồi đến phương khác thì hành Phật sự. Đó là quả báo về khẩu thần thông của Như Lai. Như Lai hiện tại có ăn mùi vị này đến mùi vị khác nhưng mùi vị bất động, không nuốt không nhai. Khi Thế Tôn đưa bánh vào miệng thì nghĩ nhớ đến chúng sinh trong mười phương đều cũng có mùi vị này. Theo sự nhớ nghĩ đó mà tất cả đều được no đủ, giống như Tỳ-kheo đắc chín thứ thiên, tâm nhu hòa dịu dàng, luôn thấy no ngon. Đó là Đại Bồ-tát với khẩu thông thanh tịnh.

Xưa kia trải qua vô số a-tăng-kỳ kiếp, ta từng tu thân thần thông, phân biệt rõ ràng trong thân tướng tịnh hay bất tịnh, tướng bất tịnh hay tịnh, ba mươi sáu thứ cấu uế tiết ra ngoài không thật. Tóc, móng tay, răng, xương, máu, nước mắt, tư duy xuôi ngược, đem pháp thân của mình quán thân chúng sinh cũng như vậy. Tự hóa thân của mình sinh trưởng lên, hôi thối nát rữa, máu mủ chảy ra. Hoặc hiện thân với xương trắng màu tro, màu xanh ứ bầm, màu đen điu giống như màu đất. Thấy thân này, vô lượng chúng sinh đều sinh suy nghĩ tưởng đến vô thường, khổ, không, vô ngã. Hoặc giảng nói pháp nghiệp báo của thân cho chúng sinh: “Thân này chẳng phải là thân, vậy thì cái gì là thân? Mỗi mỗi phân biệt rõ ràng từ đầu xuống chân đều vô sở hữu. Do không có thân nên không có thức”. Nghe điều này, chúng sinh suy nghĩ tư duy về thân ô uế bất tịnh, giống như cõi trời Quang Âm thanh tịnh quán xuống đến sự ô uế hôi thối trong cõi Diêm-phù-đề.

Mùi hôi thối xông lên đến cả bảy ngàn vạn dặm. Vì thế Bồ-tát không sinh lên cõi trời Quang Âm. Với thân thần thông, Bồ-tát nhập vào Tam-muội Kim cang, nghiền nát thân như bụi trần, mỗi hạt bụi đều là một hóa Phật, cứu vớt vô lượng a-tăng-kỳ loài chúng sinh mà hiện tướng sắc thân. Trên thân ra lửa, dưới thân ra nước; dưới thân ra lửa, trên thân ra nước. Phía Đông nổi lên, phía Tây chìm xuống. Phía Tây nổi lên, phía Đông chìm xuống. Hiện mười tám loại thần biến, Như Lai làm cho các chúng sinh đều thấy Như Lai biến hóa và ngay lúc ấy tất cả đều giác ngộ, đoạn trừ sạch các kiết sử và nhập vào đạo vô vi. Mỗi hạt bụi hóa ra Phật, hiện thân để giáo hóa, cứu độ vô lượng a-tăng-kỳ chúng sinh. Đó là thân Như Lai giáo hóa mật kín nhưng không nói pháp.

Từ vô số a-tăng-kỳ kiếp, ta từng tu tập ý thức, thành tựu thần thông của Bồ-tát, thân giữ tâm nhập định, đạo đến vô lượng cõi Phật, giống như lực sĩ co duỗi cánh tay, trong khoảnh khắc đã về lại chỗ cũ. Ý thức của Bồ-tát cũng nhập vào hóa sinh, thai sinh, thấp sinh và noãn sinh, hiện ra thần biến không thể nghĩ bàn để giáo hóa, lập tức ngay chỗ đó thành đạo vô vi. Đối với các thần thông, ý thức Bồ-tát rất tối thượng, chẳng phải điều mà Phật-bích-chi, A-la-hán suy nghĩ, luận bàn. Vì sao? Vì chẳng phải là cảnh giới của họ.



Phẩm 5: TAM THỂ ĐĂNG

Khi ấy, trong pháp hội có một vị Bồ-tát tên Hỷ Kiến, với biện tài vô ngại, bước vào Thập trụ. Những gì Như Lai hành, vị ấy đều nắm vững. Bồ-tát ấy đứng dậy, rời khỏi tòa, trích bày vai phải, gối phải quỳ sát đất, chấp tay đến trước Phật, thưa:

– Lành thay! Bạch Thế Tôn! Hôm nay con nghe pháp thật chưa từng có này. Vậy vô số Hằng hà sa Như Lai ở quá khứ có nhập Niết-bàn hay không nhập Niết-bàn? Nếu nhập Niết-bàn thì chúng sinh ở cõi Dục làm sao được độ? Nếu Như Lai không nhập Niết-bàn thì chư Như Lai ấy trụ vào cảnh giới Phật nào?

Phật bảo Bồ-tát Hỷ Kiến:

– Lành thay! Lành thay! Ông có khả năng ở trước Như Lai gầm lên tiếng gầm sư tử. Ông hãy nghe thật kỹ, suy nghĩ đúng đắn điều ấy. Nay Ta

sẽ phân biệt rõ ràng từng chi tiết cho ông.

Bồ-tát Hỷ Kiến thưa:

– Bạch Thế Tôn! Con rất thích được nghe. Đức Phật dạy:

– Hằng hà sa chur Phật Thế Tôn trong quá khứ với giả danh gọi, không thể ghi nhớ hết, cũng như chúng sinh được đời đời không diệt mất, vô biên, không có biên vực, cũng không có đầu mối. Chur Phật chú trọng tập trung, tâm như không giới. Niết-bàn tức là chúng sinh, cho nên Như Lai không nhập Niết-bàn. Vì sao? Vì là chúng sinh.

Bồ-tát Hỷ Kiến bạch Phật:

– Chúng sinh mà Đức Thế Tôn ở quá khứ đã độ có diệt độ hay không diệt độ?

Phật bảo Bồ-tát Hỷ Kiến:

– Thế nào, này Bồ-tát Hỷ Kiến! Từ vô số a-tăng-kỳ kiếp ông luôn phụng thờ chur Phật, lễ lạy cúng dường hương hoa, cờ phướn, lọng báu, ông có thấy Như Lai thủ Bát-niết-bàn không?

Bồ-tát Hỷ Kiến thưa:

– Thưa không! Đức Phật dạy:

– Này Bồ-tát Hỷ Kiến! Ta hiệu là Thích Ca Văn Vô Thượng Bồ Đề. Nay ở trong thai mẹ là Niết-bàn hay chẳng phải Niết-bàn?

Bồ-tát Hỷ Kiến thưa:

– Bạch Thế Tôn! Chẳng phải. Đức Thế Tôn dạy:

– Này Bồ-tát Hỷ Kiến! Chúng sinh, Bồ-tát được thọ ký sẽ thành đạo Chánh chân vô thượng, là đạo chân thật hay chẳng phải chân thật?

Bồ-tát Hỷ Kiến thưa:

– Đạo ấy chẳng phải đạo chân thật. Vì sao? Vì có Phật, có nói pháp thì thấy giáo hóa chúng sinh, cho nên đạo ấy chẳng phải đạo chân thật.

Duyên vào duyên chúng sinh là đạo, duyên vào duyên tận cùng chúng sinh là đạo chân thật.

Duyên quá khứ duyên vào tận cùng chúng sinh đối với hiện tại chẳng phải đạo chân thật.

Duyên hiện tại duyên vào tận cùng chúng sinh đối với quá khứ chẳng phải đạo chân thật.

Duyên quá khứ, hiện tại duyên vào tận cùng chúng sinh đối với vị lai chẳng phải đạo chân thật.

Duyên vị lai duyên vào tận cùng chúng sinh đối với quá khứ, hiện tại chẳng phải đạo chân thật. Vì sao? Vì đạo ấy chẳng phải đạo chân thật.

Duyên quá khứ duyên vào tận cùng chúng sinh, duyên hiện tại duyên vào tận cùng chúng sinh, duyên vị lai duyên vào tận cùng chúng sinh, đạo ấy là đạo chân thật.

Đại Bồ-tát biết và thấy điều đó nhưng không nơi nào là không có mặt. Vì sao? Giống như chín hành bất tận. Chín hành ấy là:

Thượng thượng, thượng trung, thượng hạ. Trung thượng, trung trung, trung hạ.

Hạ thượng, hạ trung, hạ hạ.

Duyên thượng thượng tận, duyên thượng thượng trung bất tận thì chẳng phải là đạo chân thật.

Duyên thượng trung tận, duyên thượng hạ bất tận, chẳng phải đạo chân thật.

Duyên thượng hạ tận, duyên trung thượng bất tận, chẳng phải đạo chân thật.

Duyên trung thượng tận, duyên trung trung bất tận, chẳng phải đạo chân thật.

Duyên trung trung tận, duyên trung hạ bất tận, chẳng phải đạo chân thật.

Duyên trung hạ tận, duyên hạ thượng bất tận, chẳng phải đạo chân thật.

Duyên hạ thượng tận, duyên hạ trung bất tận, chẳng phải là đạo chân thật.

Duyên hạ trung tận, duyên hạ hạ bất tận, chẳng phải đạo chân thật.

Duyên hạ hạ tận là đạo chân thật.

Đối với tánh chân thật, Đại Bồ-tát không nắm bắt, không buông xả, không trụ, chẳng phải là không trụ.

Quá khứ, hiện tại và vị lai như nhau, đạo như nhau, Niết-bàn như nhau, tất cả đều như nhau, không có hai pháp.

Tánh như nhau, tướng tự nhiên như nhau, chúng sinh như nhau, cấu như nhau, năm ấm như nhau, duyên như nhau, si hành như nhau, đạo hạnh thanh tịnh không một, không hai.

Hành duyên cõi Dục tận, chẳng phải hành duyên cõi Sắc tận. Hành duyên cõi Sắc tận, chẳng phải hành duyên cõi Vô sắc tận. Hành duyên cõi

Vô sắc tận, hành duyên cõi Sắc tận, hành duyên cõi Dục tận, đó gọi là Bồ-tát như nhau, chẳng phải một, chẳng phải hai.

Bấy giờ, Đức Phật bảo Bồ-tát Hỷ Kiến:

– Ông có muốn biết cõi chư Phật quá khứ diệt hay không diệt không?

Thế rồi Thế Tôn dùng thần lực nhập vào Tam-muội Vô úy không giới, khiến cho tất cả mọi người đều thấy rõ thân Thích Ca Văn im lặng không nói, với thân tướng đầy đủ.

Đức Thế Tôn bảo:

– Bồ-tát nên biết! Thân quá khứ của Ta rất nhiều, không thể tính, không thể lường.

Nói xong, Thế Tôn dùng thần thông hòa vào cảnh giới thấp sinh đầy đủ với các tướng, y như chúng và nói pháp cho vô số a-tăng-kỳ chúng sinh, khiến loài thấp sinh tùy theo sở nguyện đều được giải thoát.

Thế Tôn lại dùng thần thông hòa vào chúng hóa sinh, hiện tướng sắc thân y như chúng và nói pháp cho vô số a-tăng-kỳ chúng sinh, khiến cho loài hóa sinh tùy theo sở nguyện đều được giải thoát.

Thế Tôn lại dùng thần thông hòa vào chúng noãn sinh, hiện tướng sắc thân y như vậy, nói pháp cho vô số a-tăng-kỳ chúng sinh, khiến cho loài noãn sinh tùy theo sở nguyện đều được giải thoát.

Thế Tôn lại dùng thần thông hiện thế giới đương lai, hòa vào bốn sinh của cõi người, hiện tướng sắc thân nói pháp cho vô số a-tăng-kỳ chúng sinh, khiến chúng sinh bốn sinh ấy tùy theo sở nguyện đều được giải thoát.

Giống như ngày nay Ta ở trong thai mẹ nói pháp Bất thoái chuyển khó có cho các Bồ-tát đạt thần thông trong mười phương và lại dùng thần thông bốn sinh của cõi trời, bốn sinh của địa ngục, bốn sinh của ngạ quỷ, bốn sinh của súc sinh. Trong bốn sinh thì hai loại hóa và thai lậu dứt hết mau, còn hai loại thấp và noãn thì lậu dứt hết chậm. Hóa sinh và thai sinh là hạng lợi căn, còn thấp sinh và noãn sinh là hạng độn căn.

Bấy giờ, Đức Thế Tôn lại dùng thần thông hiện cảnh giới tịch tĩnh để đại chúng ấy đều thấy biết, cũng không nói tên của khổ, tập, diệt, đạo. Vì sao? Vì chúng sinh nơi cõi đó đều là hạng lợi căn, thuộc thai sinh và hóa sinh.

Phật lại dùng thần thông hiện thế giới nơi phương dưới, chiếu sáng thấy chúng sinh ấy giữ gìn đọc tụng, trải qua kiếp số mới thành đạo quả và biết chúng sinh thấp và noãn này là hạng độn căn.

Phật lại dùng thần thông hiện cõi bất tử để đại chúng biết chúng sinh kia không nghe tên chết. Biết chúng sinh này có đại bi thệ nguyện, là hạng căn tối thắng trong hạng lợi căn.

Phật dùng thần thông hiện cõi chết yếu để đại chúng đều thấy biết. Thấy chúng sinh ấy có người chết yếu vì họ tự tạo gốc khổ, vốn tuổi thọ xưa kia rất dài, nay tuổi chuyển lại ngắn. Vua cõi ấy tên Trừ Ưu, lột da người chết để làm trống, một trăm năm đánh một lần để chúng sinh ấy đều biết tên chết, tuổi thọ giảm dần còn một trăm tuổi thì Ta xuất hiện. Nay Ta xả bỏ thọ mạng hơn tám mươi bốn tuổi, ra khỏi thai sinh, hóa sinh trong đời năm trước, đó là phần lợi căn của Ta.

Các ông nên biết, mạng sống không tồn tại lâu dài, thần lực của Phật không thể lưu lại được. Thân này như bong bóng nước, không trụ lâu. Thân như sương móc, thường làm loạn tư tưởng con người. Thân như mộng, làm tăng thêm sân giận. Thân như huyễn, lừa gạt mê hoặc người đời. Thân như tiếng vọng, tìm kiếm nhưng vô hình. Thân như mắt quáng thấy không rõ. Như vậy, thân Ta đây là lần diệt tận cuối cùng, không còn sinh lại nữa.

Bất sinh là gì? Là không sinh vào cõi Diêm-phù-đề này nữa. Lại khi hành Phật sự ở ba mươi hai vạn vạn cõi Phật khắp mười phương, đây chẳng phải ở quá khứ. Do đó, duyên vào duyên tận, duyên vào duyên bất tận thì không có Niết-bàn.

Bấy giờ, Đại Bồ-tát Di-lặc liền đứng dậy, sửa pháp phục, trích bày vai phải, gối phải quỳ sát đất, bạch Phật:

– Kỳ diệu thay, bạch Thế Tôn! Tất cả chúng sinh trong thế giới không giống nhau. Quả báo của việc làm thiện, ác đều khác nhau. Vậy, Như Lai nói pháp không, không tịch mịch, không thể nghĩ bàn thì nhập vào Tam-muội nào mà có oai thần cảm động khó lường như vậy?

Chúng sinh có thức đều có thể dễ giáo hóa, còn như núi, sông, tường, đá, cây, cỏ đều biến làm người thì chúng sinh có thức hay chúng sinh không có thức?

Phật bảo Bồ-tát Di-lặc:

– Xưa kia Ta cùng ông băng qua sông núi, ông có thấy một con thú dữ muốn ăn thịt vị Bồ-tát Thập Trụ không?

Bồ-tát Di-lặc thưa:

– Bạch Thế Tôn! Không. Vì sao? Giả sử thú dữ đầy khắp ba ngàn đại thiên thế giới muốn ăn thịt vị Bồ-tát thì điều đó không thể được.

Đức Phật dạy:

– Xưa kia Ta khuyên ông: Ai có khả năng tiến lên trước? Ông và Bồ-tát Văn-thù đều nói không có can đảm. Ngay khi ấy Ta dùng thần lực lấy vị cam lồ bảo thủ đời kia biết: “Nếu giữ tâm kiên cố thì được thành tựu đạo quả Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác”. Ông nói rồi lui dần ra phía sau. Như vậy tất cả đều là loài giáo hóa có thức, chứ chẳng phải giáo hóa vô thức.

Phật bảo Bồ-tát Di-lặc:

– Ông chẳng nhớ vô số a-tăng-kỳ kiếp xa xưa, cách về phương Tây bắc này sáu mươi hai hằng hà sa cỗi, có Phật hiệu là Bình Đăng, nước tên Vô Hình. Phật ấy hiện đang thuyết pháp. Cõi đó không có Phật-bích-chi, Thanh văn thừa; không có mặt trời, mặt trăng, thời tiết, kiếp số nhiều ít. Phật ấy giáo hóa hết một cõi Phật. Chúng sinh cõi đó đều được thành Phật và không dời đổi qua ở thế giới Phật khác. Nay Bồ-tát Di-lặc! Có thể gọi Phật ấy là quá khứ, hiện tại, vị lai không?

Bồ-tát Di-lặc bạch:

– Bạch Thế Tôn! Vừa quá khứ, hiện tại và vị lai. Vì sao? Vì tất cả đều từ các cõi đi đến cõi đó. Các duyên tận thì chúng sinh tận. Vì được độ thoát nên hiện có hiện tại.

Phật bảo Bồ-tát Di-lặc:

– Hiện ông ở hiện tại chẳng? Bồ-tát Di-lặc thưa:

– Bạch Thế Tôn! Không phải. Mặc dù nói hành hiện tại nhưng không phải hiện tại, vì hành trước đã qua và hành sau thì chưa đến. Thức niệm tư duy ba việc thành tựu cho nên không có hiện tại.

Phật liền hỏi Bồ-tát Di-lặc:

– Tâm có bao nhiêu niệm? Mỗi niệm ấy có bao nhiêu tướng? Bồ-tát Di-lặc thưa:

– Khoảng bằng khảy móng tay thì có ba mươi hai ức trăm ngàn niệm. Niệm niệm thành hình, mỗi hình đều có thức. Niệm của thức rất vi tế, không thể nào nắm giữ được, chỉ có oai thần của Phật nhập vào thức vi trần đó mới đo lường được. Như vậy giáo hóa có thức chứ chẳng phải vô thức. Lại nữa, thức rất nhỏ, nhỏ hơn bụi trần. Thức bụi trần này không thể thấy được, chỉ có oai thần của Như Lai nhập vào sự giáo hóa ấy thì mới lường xét được.

Đức Phật dạy:

– Bồ-tát Di-lặc nên biết, đừng có hồ nghi điều đó. Thức vi trần này cũng nhận bốn khí, cũng có bốn sinh. Vì sao? Vì chúng sinh vô biên, mà biên cũng vô biên. Như Lai cũng vô biên, đạo cũng vô biên. Tất cả nói hữu, hữu cũng vô hữu. Vô giới, vô xứ, vô trụ cũng đều không có người dạy bảo, giáo hóa chúng sinh. Đây gọi là nghịch thuận Tam-muội. Không trụ, không phải không trụ, một tướng, vô tướng. Không vương mắc, không trói buộc, cũng không có chân tế, tu tập nơi đạo trắng, làm thanh tịnh cõi Phật, quyền biến vô số chẳng phải những điều mà kẻ thấp kém sánh kịp.

Bấy giờ, Đức Thế Tôn muốn giải thích sự hồ nghi cho Bồ-tát Di-lặc nên liền hiện sắc thân mềm mại đẹp đẽ, với sắc nhìn không nhàm chán, sắc trong ngoài thanh tịnh không tỳ vết.

Từ vô số a-tăng-kỳ kiếp, Ta từng tu nhẫn thanh tịnh, trong ngoài không bị chướng ngại nên nay được sắc thân này: Thân không phải thân, sắc cũng không phải sắc.

Nếu biết thân không, sắc không, thì thân - sắc đều không. Biết thân - sắc đều không thì không này là không không.

Biết vô thân không, vô sắc không, thì biết vô thân - vô sắc đều không. Ai biết vô thân - vô sắc đều không thì không này là không không.

Biết thân quá khứ không, biết sắc quá khứ không, thì biết thân - sắc quá khứ đều không. Ai biết thân - sắc quá khứ đều không thì không này là không không.

Biết thân hiện tại không, biết sắc hiện tại không, thì biết thân - sắc hiện tại đều không. Ai biết thân - sắc hiện tại đều không thì không này là không không.

Biết thân vị lai không, biết sắc vị lai không, thì biết thân - sắc vị lai đều không. Ai biết thân - sắc vị lai đều không thì không này là không không.

Biết vô thân quá khứ không, biết vô sắc quá khứ không, thì biết vô thân vô sắc quá khứ đều không. Ai biết vô thân vô sắc quá khứ đều không thì không này là không không.

Biết vô thân hiện tại không, biết vô sắc hiện tại không, thì biết vô thân vô sắc hiện tại đều không. Ai biết vô thân vô sắc hiện tại đều không thì không này là không không.

Biết vô thân vị lai không, biết vô sắc vị lai không, thì biết vô thân vô sắc vị lai đều không. Ai biết vô thân vô sắc vị lai đều không thì không này là không không.

Biết thân dục giới không, biết sắc dục giới không, thì biết thân dục giới, sắc dục giới đều không. Ai biết thân dục giới, sắc dục giới đều không thì không này là không không.

Biết thân sắc giới không, biết sắc sắc giới không, thì biết thân sắc giới, sắc sắc giới đều không. Ai biết thân sắc giới, sắc sắc giới đều không thì không này là không không.

Biết thân vô sắc giới không, biết sắc vô sắc giới không, thì biết thân vô sắc giới, sắc vô sắc giới đều không. Ai biết thân vô sắc giới, sắc vô sắc giới đều không thì không này là không không.

Biết vô thân dục giới không, biết vô sắc dục giới không, thì biết vô thân dục giới, vô sắc dục giới đều không. Ai biết vô thân dục giới, vô sắc dục giới đều không thì không này là không không.

Biết vô thân sắc giới không, biết vô sắc sắc giới không, thì biết vô thân sắc giới, vô sắc sắc giới đều không. Ai biết vô thân sắc giới, vô sắc sắc giới đều không thì không này là không không.

Biết vô thân vô sắc giới không, biết vô sắc vô sắc giới không, thì biết vô thân vô sắc giới, vô sắc vô sắc giới đều không. Ai biết vô thân vô sắc giới, vô sắc vô sắc giới đều không thì không này là không không.

Biết thân duyên duyên không, biết sắc duyên duyên không, thì biết thân – sắc duyên duyên đều không. Ai biết thân – sắc duyên duyên đều không thì không này là không không.

Biết vô thân duyên duyên không, biết vô sắc duyên duyên không, thì biết vô thân vô sắc duyên duyên đều không. Ai biết vô thân vô sắc duyên duyên đều không thì không này là không không.

Biết thân thai sinh không, biết sắc thai sinh không, thì biết thân thai sinh, sắc thai sinh đều không. Ai biết thân thai sinh, sắc thai sinh đều không thì không này là không không.

Biết vô thân thai sinh không, biết vô sắc thai sinh không, thì biết vô thân thai sinh, vô sắc thai sinh đều không. Ai biết vô thân thai sinh, vô sắc thai sinh đều không thì không này là không không.

Biết thân hóa sinh không, biết sắc hóa sinh không, thì biết thân hóa sinh, sắc hóa sinh đều không. Ai biết thân hóa sinh, sắc hóa sinh đều không thì không này là không không.

Biết vô thân hóa sinh không, biết vô sắc hóa sinh không, thì biết vô thân hóa sinh, vô sắc hóa sinh đều không. Ai biết vô thân hóa sinh, vô sắc

hóa sinh đều không thì không này là không không.

Biết thân thấp sinh không, biết sắc thấp sinh không, thì biết thân thấp sinh, sắc thấp sinh đều không. Ai biết thân thấp sinh, sắc thấp sinh đều không thì không này là không không.

Biết vô thân thấp sinh không, biết vô sắc thấp sinh không, thì biết vô thân thấp sinh, vô sắc thấp sinh đều không. Ai biết vô thân thấp sinh, vô sắc thấp sinh đều không thì không này là không không.

Biết thân noãn sinh không, biết sắc noãn sinh không, thì biết thân noãn sinh, sắc noãn sinh đều không. Ai biết thân noãn sinh, sắc noãn sinh đều không thì không này là không không.

Biết vô thân noãn sinh không, biết vô sắc noãn sinh không, thì biết vô thân noãn sinh, vô sắc noãn sinh đều không. Ai biết vô thân noãn sinh, vô sắc noãn sinh đều không thì không này là không không.

Biết thân vị chí định là không, biết sắc vị chí định không, thì biết thân vị chí định, sắc vị chí định đều không. Ai biết thân vị chí định, sắc vị chí định đều không thì không này là không không.

Biết vô thân vị chí định là không, biết vô sắc vị chí định không, thì biết vô thân vị chí định, vô sắc vị chí định đều không. Ai biết vô thân vị chí định, vô sắc vị chí định đều không thì không này là không không.

Biết thân Sơ thiền không, biết sắc Sơ thiền không, thì biết thân Sơ thiền, sắc Sơ thiền đều không. Ai biết thân Sơ thiền, sắc Sơ thiền đều không thì không này là không không.

Biết vô thân Sơ thiền không, biết vô sắc Sơ thiền không, thì biết vô thân Sơ thiền, vô sắc Sơ thiền đều không. Ai biết vô thân Sơ thiền, vô sắc Sơ thiền đều không thì không này là không không.

Biết thân trung gian thiền không, biết sắc trung gian thiền không, thì biết thân trung gian thiền, sắc trung gian thiền đều không. Ai biết thân trung gian thiền, sắc trung gian thiền đều không thì không này là không không.

Biết vô thân trung gian thiền không, biết vô sắc trung gian thiền không, thì biết vô thân trung gian thiền, vô sắc trung gian thiền đều không. Ai biết vô thân trung gian thiền, vô sắc trung gian thiền đều không thì không này là không không.

Biết thân Nhị thiền không, biết sắc Nhị thiền không, thì biết thân Nhị thiền, sắc Nhị thiền đều không. Ai biết thân Nhị thiền, sắc Nhị thiền đều không thì không này là không không.

Biết vô thân Nhị thiên không, biết vô sắc Nhị thiên không, thì biết vô thân Nhị thiên, vô sắc Nhị thiên đều không. Ai biết vô thân Nhị thiên, vô sắc Nhị thiên đều không thì không này là không không.

Biết thân Tam thiên không, biết sắc Tam thiên không, thì biết thân Tam thiên, sắc Tam thiên đều không. Ai biết thân Tam thiên, sắc Tam thiên đều không thì không này là không không.

Biết vô thân Tam thiên không, biết vô sắc Tam thiên không, thì biết vô thân Tam thiên, vô sắc Tam thiên đều không. Ai biết vô thân Tam thiên, vô sắc Tam thiên đều không thì không này là không không. Biết thân Tứ thiên không, biết sắc Tứ thiên không, thì biết thân

Tứ thiên, sắc Tứ thiên đều không. Ai biết thân Tứ thiên, sắc Tứ thiên đều không thì không này là không không.

Biết vô thân Tứ thiên không, biết vô sắc Tứ thiên không, thì biết vô thân Tứ thiên, vô sắc Tứ thiên đều không. Ai biết vô thân Tứ thiên, vô sắc Tứ thiên đều không thì không này là không không.

Biết thân Không xứ không, biết sắc Không xứ không, thì biết thân Không xứ, sắc Không xứ đều không. Ai biết thân Không xứ, sắc Không xứ đều không thì không này là không không.

Biết vô thân Không xứ không, biết vô sắc Không xứ không, thì biết vô thân Không xứ, vô sắc Không xứ đều không. Ai biết vô thân Không xứ, vô sắc Không xứ đều không thì không này là không không.

Biết thân Thức xứ không, biết sắc Thức xứ không, thì biết thân Thức xứ, sắc Thức xứ đều không. Ai biết thân Thức xứ, sắc Thức xứ đều không thì không này là không không.

Biết vô thân Thức xứ không, biết vô sắc Thức xứ không, thì biết vô thân Thức xứ, vô sắc Thức xứ đều không. Ai biết vô thân Thức xứ, vô sắc Thức xứ đều không thì không này là không không.

Biết thân Bất dụng xứ không, biết sắc Bất dụng xứ không, thì biết thân Bất dụng xứ, sắc Bất dụng xứ đều không. Ai biết thân Bất dụng xứ, sắc Bất dụng xứ đều không thì không này là không không.

Biết vô thân Bất dụng xứ không, biết vô sắc Bất dụng xứ không, thì biết vô thân Bất dụng xứ, vô sắc Bất dụng xứ đều không. Ai biết vô thân Bất dụng xứ, vô sắc Bất dụng xứ đều không thì không này là không không.

Biết thân Phi tướng phi bất tướng xứ không, biết sắc Phi tướng phi bất tướng xứ không, thì biết thân Phi tướng phi bất tướng xứ, sắc Phi tướng

phi bất tướng xứ đều không. Ai biết thân Phi tướng phi bất tướng xứ, sắc Phi tướng phi bất tướng xứ đều không thì không này là không không.

Biết vô thân Phi tướng phi bất tướng xứ không, biết vô sắc Phi tướng phi bất tướng xứ không, thì biết thân Phi tướng phi bất tướng xứ, vô sắc Phi tướng phi bất tướng xứ đều không. Ai biết vô thân Phi tướng phi bất tướng xứ, vô sắc Phi tướng phi bất tướng xứ đều không thì không này là không không.

Phật bảo Bồ-tát Di-lặc:

– Nay Ta sẽ giảng nói cho ông về nghĩa phát sinh và nghĩa căn bản. Ông hãy lắng nghe cho rõ, suy nghĩ thật kỹ.

Sinh nghĩa là gì? Sinh là bầy chín. Căn là nghĩa liên kết lại. Như Lai không chấp trước dĩ tri, vị tri, vô tri.

Dĩ tri căn là quá khứ, hiện tại, vị lai.

Vị tri căn là sự chướng ngại của kiết sử.

Vô tri căn là Như Lai Chí Chân Đẳng Chánh Giác.

Chư Phật quá khứ, hiện tại, vị lai thành tựu căn này và phân biệt các căn. Vô căn cũng không phải vô căn, vô thuyết, vô nghĩa. Phân biệt các nghĩa của chữ là không, không sở hữu. Đó là nghĩa căn.

Từ lúc mới phát tâm cho đến ngồi bên gốc cây Thọ vương chuyển pháp luân vô thượng, nhóm tập các pháp môn, hành pháp môn vô hành, pháp môn tư nghỉ, pháp môn tổng trì căn, pháp môn hư không pháp tạng. Đây là những Tam-muội mà chư Phật thâm nhập.

Bồ-tát Di-lặc nên biết! Ta thọ ký cho ông năm mươi sáu ức bảy ngàn vạn năm sau sẽ thành tựu đạo quả Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác bên gốc cây Thọ vương.

Ta sinh từ hông phải, còn Bồ-tát Di-lặc thì sinh từ đỉnh đầu.

Ta sống một trăm tuổi, Bồ-tát Di-lặc sống tám vạn bốn ngàn tuổi. Cõi của Ta bằng đất, cõi của Bồ-tát Di-lặc bằng vàng.

Đất nước của Ta thì khô, còn đất nước của Bồ-tát Di-lặc thì vui. Khi ấy, Đức Thế Tôn liền nói kệ:

*Đấng Như Lai Thập Lực
Hư không không biên giới
Nghiệp lực phước nhân tuệ
Sức thệ nguyện tối thắng.
Ông sinh nước an lạc*

Không khổ như cỡi Ta
 Ông nói pháp rất dễ
 Ta nói pháp rất khó.
 Đầu: nói chín mươi sáu
 Hai: nói chín mươi bốn
 Ba: nói chín mươi hai
 Đầu: Ta nói mười hai.
 Hai: nói hai mươi bốn
 Ba: nói ba mươi sáu
 Ba hội người ông dạy
 Ta đã giáo hóa trước.
 Cha ông: Phạm Ma Tịnh
 Tám vạn bốn ngàn tướng
 Chẳng phải Ta dạy trước
 Những người ông hóa độ.
 Chín mươi sáu ức người
 Thọ năm giới của Ta
 Chín mươi bốn ức người
 Thọ trì ba quy y.
 Chín mươi hai ức người
 Chỉ xưng: “Nam-mô Phật”
 Trước nói: ngàn Tỳ-kheo
 Hai mươi bốn ức trời.
 Ba: ba mươi sáu ức
 Các chúng sinh diệt độ
 Ông vui, Ta khổ cực
 Ông lười, Ta tinh tấn.

Khi Phật đang nói kệ này, có bảy mươi hai ức chúng sinh khổ hạnh ngồi yên bất động, đắc pháp nhãn Bất khởi (pháp nhãn Vô sinh).



KINH BỒ TÁT TÙNG ĐÂU THUẬT THIÊN GIẢNG THẦN MẪU THAI THUYẾT QUẢNG PHỔ

QUYỂN 3

Phẩm 6: TƯỚNG - VÔ TƯỚNG

Bấy giờ, Đức Thế Tôn nói với Bồ-tát Di-lặc:

– Trong chúng hội hôm nay đều cùng một hạng thuần là Nhất sinh bổ xứ. Nay Ta sẽ nói về thức, tướng, thọ; vô thức, vô tướng, vô thọ. Lúc ấy, Bồ-tát nói thức, tướng, thọ như thế nào? Thế nào là Bồ-tát phân biệt nói về thức, tướng, thọ?

Thức chẳng phải tướng, chẳng phải thọ. Tướng chẳng phải thọ, chẳng phải thức. Thọ chẳng phải thức, chẳng phải tướng.

Thức chẳng phải quá khứ, chẳng phải hiện tại, chẳng phải vị lai. Tướng chẳng phải quá khứ, chẳng phải hiện tại, chẳng phải vị lai. Thọ chẳng phải quá khứ, chẳng phải hiện tại, chẳng phải vị lai.

Phi thức chẳng phải quá khứ, chẳng phải hiện tại, chẳng phải vị lai.

Phi tướng chẳng phải quá khứ, chẳng phải hiện tại, chẳng phải vị lai.

Phi thọ chẳng phải quá khứ, chẳng phải hiện tại, chẳng phải vị lai.

Vì sao thức chẳng phải quá khứ, chẳng phải hiện tại, chẳng phải vị lai? Lúc Bồ-tát nhập định vô ngại giáo hóa chúng sinh có thọ, thức. Từ địa Hữu trụ đến địa Vô trụ, thức này chẳng phải quá khứ, chẳng phải hiện tại, chẳng phải vị lai.

Đại Bồ-tát lại giáo hóa chúng sinh có tướng từ địa Trụ đến địa Vô trụ.

Bồ-tát giáo hóa chúng sinh có thọ từ địa Trụ đến địa Vô trụ.

Bấy giờ, Tôn giả Đại Ca-diếp liền đứng dậy, trích bày vai phải, gối phải quỳ sát đất, bạch Phật:

– Bạch Thế Tôn! Ý tâm thức thọ tướng có gì khác nhau? Phật bảo

Tôn giả Ca-diếp:

– Biết thân là biết có sai khác. Vì chúng sinh từ chân lên đến đầu có những chi tiết đều có tên riêng của nó. Như đã nói trong kinh ví dụ về cây, thì rễ, vỏ, thân, cành, lá đều gọi là cây. Vậy thì tâm ý thức thọ tướng cũng thế.

Tôn giả Đại Ca-diếp bạch Phật:

– Bạch Thế Tôn! Tướng là pháp bên ngoài, thọ là pháp bên trong.

Vậy sao cho là một?

Phật bảo Tôn giả Ca-diếp:

– Tướng là bên ngoài đến, từ bên trong ra. Tôn giả Ca-diếp bạch Phật:

– Bạch Thế Tôn! Tướng từ bên ngoài đến, làm sao biết được? Nếu bên ngoài vô hình thì bên trong tướng do đâu mà sinh? Nếu vật bên ngoài không hại, thì bên trong làm sao biết đau?

Phật bảo Tôn giả Ca-diếp:

– Việc này không phải như vậy. Vì sao? Vì thức ấy chẳng phải ở bên ngoài, chẳng phải ở bên trong, chẳng phải hai bên, chính giữa. Chỗ thức trụ chẳng phải chỗ thức trụ. Ngoại tướng, ngoại thọ tức là pháp bên trong, chẳng phải pháp bên ngoài. Nếu Đại Bồ-tát nào tin hiểu một cách sâu xa về pháp bên trong, bên ngoài, chính giữa thì mới có thể thấu rõ chỗ thức trụ. Đây là chúng sinh, đây là phi chúng sinh, cho đến pháp hữu - vô chẳng phải đây chẳng phải kia, liền nhập vào Tam-muội vô ngại độc bộ.

Tôn giả Ca-diếp bạch Phật:

– Bạch Thế Tôn! Hôm nay nghe thuyết pháp, lòng con càng thêm nghi ngờ. Vì sao? Vì theo Phật đã nói thì tướng cũng là thọ, thọ cũng là tướng. Pháp thức phân biệt về thức cũng là tướng, cũng là thọ tướng. Tướng từ không thọ. Thọ từ không thức. Thức từ không tướng. Không chẳng phải là thức không, thức không chẳng phải là thọ không, thọ không chẳng phải là tướng không. Như dụ về cây thì điều này luôn đúng.

Phật bảo Tôn giả Ca-diếp:

– Ta sẽ đem ví dụ khác nói cho ông. Người trí theo ví dụ này đều được hiểu rõ.

Thuở xưa có vị vua tên là Đặc Vị. Vua có bốn người con: một tên Hỷ Duyệt, hai tên Trường Thọ, ba tên Bách Tuế và bốn tên Vô Úy.

Đưa con Hỷ Duyệt thì thân thể mọc đầy mụn nhọt, ai thấy đều ghê tởm, cha mẹ rất lo lắng, luôn luôn buồn rầu.

Đứa con Trường Thọ ấy chưa đầy một tháng thì đã qua đời. Đứa con Bách Tuế thì chưa tới một trăm ngày lại qua đời.

Đứa con Vô Úy thì môi sứt, mũi hình, răng thì không trật tự, ai thấy đều phát sợ.

Như vậy, thọ, tướng, thức cũng thế, không khác nhau bao nhiêu. Phật bảo Tôn giả Ca-diếp:

– Ta sẽ nói cho ông về thức, tướng, thọ và phân biệt từng pháp một:

Chín mươi một kiếp về quá khứ có vị vua tên Trí Tuệ, chuyên

thực hành mười thiện, lấy chánh pháp để trị dân. Ông ta không phiền não, theo dõi ý hành của chúng sinh. Khi biết chúng sinh kia có những ý niệm không giống nhau, ông liền sai Thị thần đi tra xét đất nước. Những ai bị mù thì đưa hết họ vào cung điện. Sau khi nhận lệnh vua, vị quan Thị thần đi tuần tra đất nước và đưa được năm trăm người mù về trong sân cung điện. Vua lại dắt năm trăm con voi xếp trước điện và sai mỗi người mù tự mình sờ voi.

Những người mù khi ấy, người thì sờ mũi voi, người thì sờ tai voi, người thì sờ đầu voi, người thì sờ chân voi, người thì sờ bụng voi, người thì sờ đuôi voi.

Vua hỏi các người mù: Con voi giống như cái gì? Người sờ vòi thì nói voi như cái sừng.

Người sờ đầu thì nói voi như cái vò. Người sờ tai thì nói voi như cái sàng. Người sờ bụng thì nói voi như cái giỏ tre. Người sờ chân thì nói voi như cây trụ.

Người sờ đuôi thì nói voi như cây chổi.

Khi ấy, những người mắt sáng đứng bên cạnh thấy vậy đều cười cho những người mù kia không biết được hết tướng của voi. Những người mù ở chỗ vắng cùng nhau bàn luận và họ đều cho mình là nói đúng rồi cùng tranh cãi. Chúng sinh kia cũng vậy, thấy pháp thức, thọ, tướng đều không giống nhau.

Phật bảo Tôn giả Ca-diếp:

– Ví như có người bày ra một trăm vị thức ăn, nào: tấm, gạo, đậu, lúa mạch lớn nhỏ, mè... Người nào ăn trúng tấm, gạo, thì không biết có loại thuộc đậu hay lúa mạch khác. Nay Ca-diếp! Đây cũng vậy, pháp thức, thọ, tướng đều khác nhau, nhưng quán về pháp của chúng thì không sai không khác.

Khi ấy, Đức Thế Tôn liền nói với Tôn giả Ca-diếp bằng kệ:

*Thấy trần biết có đầu
Thấy khói biết có lửa
Thấy mây biết có mưa
Quán hành biết thể tánh.
Hư không không vết chân
Bóng nước không bắt được
Pháp sư nói cùng tận
Kiết sử tận Niết-bàn.
Tưởng tận trong vô tướng
Thọ diệt cũng không thọ
Thức diệt không có thức
Đạo phạm hạnh vô thượng.
Ta từ vô số kiếp
Thường bị thức lừa gạt
Đời này và đời sau
Không gặp chỗ an lạc.
Hiện Ta ở trong thai
Phân biệt tướng các pháp
Không thấy nên tưởng thọ
Huống sẽ có pháp thức.*

Khi Đức Thế Tôn nói kệ này có năm trăm Tỳ-kheo đắc pháp nhãn Bất khởi. Có ngàn chúng sinh tâm vui thích về không hành, tâm được tự tại trong cảnh giới Niết-bàn Vô dư y.



Phẩm 7: TRỤ - BÁT TRỤ

Bây giờ, trong chúng hội có Bồ-tát tên Vô Trụ Pháp Hành đứng dậy, trích bày vai phải, gối phải quỳ sát đất, chấp tay bạch Phật:

– Lành thay! Lành thay! Đại chúng trong pháp hội này đều thích được thiện lợi, được nghe nghĩa pháp vô lượng của Như Lai. Những gì xưa kia con thệ nguyện, nay mới được nghe.

Và ở trước Phật nói kệ khen ngợi:

Hư không, không biên giới

Diển giảng nghĩa vô lượng
 Hữu – vô không sinh diệt
 Vắng lặng không thọ tưởng.
 Chư Phật ở quá khứ
 Tu thí, giới, nhẫn nhục
 Nhập định, tâm không loạn
 Tuệ quang chiếu thế gian.
 Đức ấy không thể lường
 Phi hữu cũng phi vô
 Âm vọng rất thanh tịnh
 Vô thượng không sánh bằng.
 Mật âm thấu vạn ức
 Do đấy được thành Phật
 Tiếng trống pháp nghe xa
 Mỗi tiếng đều khác nhau.
 Giống như vua Chuyển luân
 Nghĩ liền mưa bảy báu
 Tiếng Phật vang rất xa
 Mưa báu bảy giác ý.
 Sửa sang đạo tràng
 Phật Trang hoàng cây quả đạo
 Bất trụ không bất trụ
 Từ bi cứu chúng sinh.
 Tâm niệm ứng với thân
 Không từ nan kiếp khổ
 Chỉ Như Lai mười phương
 Ban ấn mở kho pháp.
 Chúng ta nay được nghe
 Được trụ bờ vô vi
 Lành thay! Lực Như Lai
 Rộng lớn không bờ đáy.
 Không còn chỗ mở buộc
 Pháp chân tế thật tướng
 Đời phiền não cõi dục
 Giáo hóa người ngu si.
 Phật chứa nghĩa sâu kín
 Hiện lưu hành chúng sinh

*Cương giới không biên vực
Đều đắc đạo vô thượng.*

Sau khi dùng kệ khen Đức Phật xong, Bồ-tát Vô Trụ ở trước Phật thưa:

– Thưa Thế Tôn! Năm âm quá khứ, hiện tại, vị lai thanh tịnh là không trụ hay chẳng phải không trụ, cho đến ba mươi bảy phẩm phạm hạnh không trụ hay chẳng phải không trụ? Cảnh giới trước, sau, giữa, cửu cánh tịnh, bất tịnh là không trụ hay chẳng phải không trụ. Ta không tạo tác, chẳng phải không tạo tác, chẳng phải phạm hạnh, chẳng phải không phạm hạnh. Cúi xin Đức Thế Tôn giảng nói về trụ bất trụ.

Phật bảo Bồ-tát Vô Trụ:

– Tướng sắc là bất trụ không phải bất trụ. Tướng thọ là bất trụ không phải bất trụ. Tướng tưởng là bất trụ không phải bất trụ. Tướng hành là bất trụ không phải bất trụ. Tướng thức là bất trụ không phải bất trụ.

Pháp bên trong thanh tịnh là bất trụ không phải bất trụ. Pháp bên ngoài thanh tịnh là bất trụ không phải bất trụ.

Pháp trong ngoài thanh tịnh là bất trụ không phải bất trụ.

Từ lúc mới phát tâm cho đến ngồi nơi đạo tràng luôn đoạn trừ các vọng tưởng, làm thanh tịnh Nhất thiết trí là bất trụ không phải bất trụ.

Trừ sạch cấu bân cho chúng sinh thanh tịnh là bất trụ không phải bất trụ.

Trang nghiêm cõi Phật thanh tịnh là bất trụ không phải bất trụ.

Nhập Tam-muội kim cang, giữ ý chí kiên cố thanh tịnh là bất trụ không phải bất trụ.

Làm nát xá-lợi thân thanh tịnh là bất trụ không phải bất trụ.

Hiện bày diệu dụng nơi trăm ngàn Tam-muội thanh tịnh là bất trụ không phải bất trụ.

Không dừng ở cảnh giới phàm phu, không vào nhà Hiền thánh là bất trụ không phải bất trụ.

Không tự khen ta đã thành đạo quả thanh tịnh là bất trụ không phải bất trụ.

Ba mươi hai tướng đại sĩ, phóng ra ánh sáng lớn chiếu xa đến vô lượng thế giới khắp mười phương, tất cả chúng sinh tìm đến ánh sáng ấy đều được nghe pháp thâm diệu của Như Lai, theo ý nghĩ của họ mà có lời nói thượng, trung, hạ khiến cho tất cả đều đầy đủ để phân biệt rõ các pháp

trụ là trụ cũng bất trụ mà bất trụ cũng bất trụ.

Sắc, thọ, tưởng, hành, thức, mười hai nhân duyên, bốn vô ngại tuệ, không, vô tướng, vô nguyện, bốn thiền, bốn vô lượng tuệ thanh tịnh là bất trụ không phải bất trụ.

Dùng lực thân tức vào trong năm đường thanh tịnh là bất trụ không phải bất trụ.

Nhập vào môn giải thoát, giới thân, định thân, tuệ thân, giải thoát thân, giải thoát tri kiến thân thanh tịnh là bất trụ không phải bất trụ.

Phật bảo Tôn giả Ca-diếp:

– Ta sẽ nói ao tám vị pháp cam lồ thanh tịnh. Thế nào là tám? Như Ta ngày nay ngồi tự tại nơi giảng đường, phía Đông thấy ao thanh tịnh, xung quanh có hành lang bằng bảy báu. Lúc ấy, Ta cũng không nói khổ, tập, diệt, đạo cho chúng sinh. Ai uống được nước ao này thì đều thành đạo quả. Đó gọi là do thần lực của Bồ-tát làm ra. Ở phương Nam, Tây, Bắc cũng như vậy.

Ta xưa thành Phật thì bốn phương theo bên phải, chứ chẳng phải theo bốn góc mà thành Phật. Bốn góc thành Phật là thị hiện thành Phật không thật. Vì sao? Vì trải qua vô số a-tăng-kỳ kiếp đã thành tựu tám vị pháp. Thế nào gọi là tám?

Một là: vị hỷ. Hai là: vị tận. Ba là: vị định. Bốn là: vị đạo. Năm là: vị tịnh. Sáu là: vị tướng.

Bảy là: vị bất động. Tám là: vị bất cứu cánh. Đó là tám vị trong ao.

Nếu Đại Bồ-tát nào uống nước cam lồ này thì không rơi vào địa ngục, ngạ quỷ, súc sinh, sẽ thành đạo vô thượng. Từ lúc mới phát tâm cho đến khi ngồi nơi gốc đạo thọ rửa sạch tâm cấu bẩn, vĩnh viễn không còn gì cả. Ai có nước tám giải thoát trong ao bảy giác ý từ lúc mới phát tâm đến giải thoát: Chưa đến, khoảng giữa, đã đến mà ở giữa của hai địa, thì mới gọi là Bồ-tát.

Nếu Bồ-tát từ ao nước tám vị mà phân biệt hỏi mùi vị của nó: Đây là vị chẳng phải vị, đây là đạo chẳng phải đạo, tai không phân biệt tiếng, mũi không phân biệt hương, lưỡi không phân biệt mùi vị, phân biệt rõ ràng là vô sở hữu, vì các pháp vốn vắng lặng, đó là Đại Bồ-tát tịnh tu hạnh thanh tịnh.



Phẩm 8: BÁT CHỨNG THÂN

Đức Phật dạy:

– Các Đại Bồ-tát bậc học, vô học và bốn bộ chúng Tỳ-kheo, Tỳ-kheo-ni, Ưu-bà-tắc, Ưu-bà-di đến đây hội họp đều được tất cả chúng sinh cúng dường.

Hoặc có chúng sinh ở địa Kiến, địa Bạc, địa Tịnh, địa Như Lai, địa Phật-bích-chi, địa Bất thoái chuyển, địa Đạo tràng, địa Thuyết pháp. Nhờ tám địa này mà thành tựu đạo quả Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác.

Địa Kiến là gì? Là Bồ-tát phát tâm hướng lên ngôi Bồ-đề vô thượng.

Lại có Bồ-tát từ lúc mới phát tâm cho đến lúc ngồi bên cội cây Thọ vương, tự điều phục tâm dục của mình, chiến thắng quân ma thì nhập định Tam-muội ngay chỗ ngồi. Tam-muội ấy là:

Tam-muội Khử tật đố.

Tam-muội Tâm thắng.

Tam-muội Bí tàng.

Tam-muội Trừ si.

Tam-muội Oai thần phục.

Tam-muội Như chư Phật Thế Tôn vô ngôn giáo.

Tam-muội Thị hiện biến hóa.

Khi ấy, ma ác Ba-tuần đến quấy nhiễu Phật. Nếu không phải sức của chính mình để đến thì đều nhờ oai thần của Như Lai ấy cảm vờ tạo ra. Vì sao? Vì muốn biểu hiện pháp thế tục yếu kém, còn pháp đệ nhất nghĩa thì thù thắng. Vì sao? Vì nếu ma ác Ba-tuần nổi sân giận, la hét làm chấn động mặt đất thì Phật dùng Tam-muội Nhẫn nên không sao bị lay động, còn khiến cho vô số ma ác Ba-tuần ngã lăn ra đất, giống như dế, kiến và ruồi không thể nào hành động được. Đám ma ác Ba-tuần y như vậy. Nếu ma nào có đến cũng không thể nào động đến mây lông Ta được.

Lúc này, Đức Thế Tôn dùng oai thần nhập vào định, Tam-muội, làm chấn động đến ma ác trong cảnh giới của một Đức Phật. Các ma ác này tuyên bố:

– Sa-môn Cù-đàm tâm rất yếu mềm, không phải ý chí của hàng thượng phu, vậy mà ở chỗ rất đáng sợ này lại muốn cầu Phật đạo.

Phật dạy đại chúng:

– Ma ác Ba-tuần ấy là do Ta tạo ra. Tâm ma ấy là tâm thiện hay tâm ác?

Lúc đó có vị trời tên Câu-tỳ bạch Phật:

– Phật chiến thắng ma không phải là lực của ma, mà là thần lực của Phật. Vì sao? Vì loài chúng sinh ấy không hiểu pháp thế tục mà lại dùng pháp đạo. Vì muốn giáo hóa các chúng sinh ấy nên cần hàng phục đối với ma đến. Trong đó chúng sinh thấy các ma, lòng không ưa thích nhìn thấy rõ ràng sự việc. Cả ngàn vạn chúng sinh thiết lập tâm bất thoái chuyển.

Lại nữa, Đại Bồ-tát từ trời Đạo-lợi sinh vào mười phương cõi, không sinh theo thấp sinh, noãn sinh, hóa sinh, thai sinh mà giáo hóa chúng sinh. Những Bồ-tát này thành tựu căn vô ký nên chúng sinh được giáo hóa cũng thành tựu căn vô ký. Vì sao? Vì là cảnh giới của Phật A-súc.

Hoặc có Đại Bồ-tát từ thế giới Nhẫn sinh vào cõi Phật nơi Bắc Phương là Quang Ảnh, thành tựu căn hữu ký và vô ký. Chúng sinh được giáo hóa cũng đều thành tựu căn hữu ký và vô ký. Đó là chúng sinh ở cõi Phật Diệu Quang của thế giới Dục Lạc.

Hoặc có Đại Bồ-tát từ khi mới phát tâm cho đến lúc thành Phật, giữ tâm một bề không có tư tưởng nào cả và không sân, không giận, mong muốn sinh vào cõi Phật Vô Lượng Thọ. Tất cả chúng sinh đều sinh vào cõi đó. Bốn bộ chúng Tỳ-kheo, Tỳ-kheo-ni, Ưu-bà-tắc, Ưu-bà-di đều cùng một màu vàng ròng.

Về phương Tây, cách cõi Diêm-phù-đề này mười hai ức na-do-tha có cõi nước tên là Giải Mạn, dân trong quốc độ ấy ưa thích ca hát; y phục, trang sức, hương hoa, trang hoàng giường cửa bằng bảy báu. Đưa mắt về phía Đông thì giường báu cũng chuyển theo, nhìn về phía Tây, Nam, Bắc đều cũng chuyển như vậy. Tất cả chúng sinh đều phát tâm muốn sinh về cõi Phật A-di-đà, nhưng họ đều bị đắm nhiễm vào cõi Giải Mạn nên không thể nào tiến lên để sinh vào cõi Phật A-di-đà. Trong ức ngàn vạn người có một người có thể sinh vào cõi Phật A-di-đà. Vì sao? Vì tâm họ không chấp trước, biếng trễ, ngã mạn. Những chúng sinh này tự mình không sát sinh, cũng không bảo người khác sát sinh. Do có những phước báo như vậy nên họ sinh vào cõi Vô Lượng Thọ.

Hoặc có Đại Bồ-tát đầy đủ sáu độ: Bố thí, trì giới, nhẫn nhục, tinh tấn, thiền định và giải thoát trí tuệ, sinh vào cõi Phật Dũng Dực ở phương Nam, cách cõi Diêm-phù-đề này một ức cõi Phật. Những chúng sinh ấy không có tư tưởng si, ái, dâm, dục. Vì sao? Vì họ đã đoạn diệt hết ba mươi

sáu hành động dâm dục ở cõi Dục, chủng tánh được thành tựu, việc làm đều thanh tịnh, giống như ánh sáng mặt trời không bị mây che.

Chúng sinh nơi cõi này hành mười hai hạnh Đầu-đà. Mười hai hạnh ấy là gì? Là ngày đêm ba thời, kinh hành, ngồi thiền không sai giờ giấc, ngồi bên gốc cây, ở trong gò mả, ở nơi đất trống, ở chỗ hang đá không có người, sống chỗ nguồn suối, có lúc ăn một bữa, không ăn, mặc pháp phục tề chỉnh không mất oai nghi, có lúc nói pháp, có lúc không nói pháp, kinh hành xoay vòng biết vừa đủ, pháp để nói là: “Thiếu dục là chân đạo, đa dục là phi đạo, dừng tâm định ý, hiểu pháp không, vô tướng, vô nguyện”. Đó là những sự tu hành của Đại Bồ-tát ở cõi Dừng Dục. Chúng sinh ấy chuyên học về Nhất thừa, không có La-hán, Phật-bích-chi thừa, có đầy đủ tướng tốt, ca ngợi chánh pháp, hiểu về không, vô ngã.

Khi ấy, Đức Thế Tôn liền nói kệ:

*Tất cả hành đã diệt
Thức là pháp bên ngoài
Có sinh đều có diệt
Niết-bàn rất an lạc.
Cúi lạy Phật Dừng Dục
Đấng Pháp vương đệ nhất
Ngồi nơi cây Diêm-phù
Ban đầu phá lưới dục.
Nói pháp độ quần sinh
Cúng dường các ruộng phước
Ngồi nơi cây tư duy
Phạm thiên đến khuyến thỉnh.
Xin Phật ra khỏi thiền
Thương xót kẻ ngu si
Khi ấy Phạm Thiên vương
Tay cầm đàn lưu ly.
Ca ngợi công đức Phật
Giọng êm ả dịu dàng
Với ức trăm ngàn kiếp
Có người phát tâm đạo.
Tâm đạo gốc Bồ-tát
Ức kiếp có một lần
Xin mau ra khỏi thiền*

Chuyển pháp luân vô thượng.
 Như hoa Ưu-đàm-bát
 Lâu xa có một lần
 Có Phật chiếu thế gian
 Trừ tăm tối phiền não.
 Thế giới Phật Dũng Dực
 Nghe thí, giới thanh tịnh
 Không giống cõi Năng Nhẫn
 Cứng cõi khó giáo hóa.
 Tư duy đạo thiền định
 Diệt thân không thọ chứng
 Ba chuyển, năm ngại pháp
 Dây mười hai mắc xích.
 Đạo nghiệp ba mươi mốt
 Mười sáu tâm từ bi
 Tỏa phóng ánh sáng lớn
 Chiếu khắp các cõi Phật.

Sau khi nói kệ xong, Đức Phật bảo đại chúng trong chúng hội:

– Về phương Đông bắc, cách thế giới Năng Nhẫn này năm trăm Hằng hà sa cõi có nước tên Quả Thục, Phật hiệu Hoa Anh, đầy đủ mười tôn hiệu Như Lai, Ứng Cúng, Chánh Biến Tri, Minh Hạnh Túc, Thiện Thệ, Thế Gian Giải, Vô Thượng Sĩ, Điều Ngự Trượng Phu, Thiên Nhân Sư, Phật Thế Tôn, hiện đang thuyết pháp, lời nói đầu đều thiện, lời nói giữa đều thiện, lời nói cuối cũng đều thiện, ý vị thâm thúy, đồng tu phạm hạnh. Chúng sinh cõi ấy không có thai sinh, hóa sinh, thấp sinh và noãn sinh. Tất cả đều sinh từ hoa sen, có từ, bi, hỷ, xả, một trăm lẻ bảy thân tức định ý khó có và đều cùng nhau tu tập Tam-muội Vương Tam-muội. Tam-muội ấy là:

Tam-muội Thủ-lăng-nghiêm.

Tam-muội Giác đạo.

Tam-muội Oai nghi giới cấm.

Tam-muội Trừ chúng sinh khổ bản.

Tam-muội Tự chiếu quang minh.

Tam-muội Giác vị chúng sinh.

Một trăm lẻ bảy Tam-muội như vậy.

Quán thân bên trong, quán thân bên ngoài, quán thân trong ngoài; pháp trong, pháp ngoài, pháp trong ngoài; định trong, định ngoài, định

trong ngoài; tư duy phân biệt, quán rõ vô hình, vô tướng, vô niệm. Đại Bồ-tát nhập vào môn giải thoát, quán tất cả pháp đều không tịch vô hình.

Bấy giờ, Đức Thế Tôn liền nói kệ:

*Hư không, không biên giới
Âm vang nói diệu pháp
Bồ-tát cõi Quả Thực
Đáng tối thắng Hoa Anh.
Không sinh bốn bào thai
Mà sinh từ hoa sen
Tướng không ta, không người
Tuổi thọ không thể lường.
Quốc độ bằng bảy báu
Cũng như Diêm-phù-đề
Vua Chuyển luân bảy báu:
– Voi, ngựa, ngọc nữ báu.
Giữ kho, bốn bộ binh
Ma-ni, xe báu vàng
Đi đâu cũng không ngại
Ma-ni báu cõi ấy.
Chiếu khắp một cõi Phật
Chiếu vô biên cũng vậy
Cõi ấy không nhật nguyệt
Tinh tú và lửa sáng.
Phân biệt bốn diệu đế
Đạo vô thường, khổ, không
Khiến các chúng sinh ấy
Vô sinh đoạn diệt tướng.*

Nói kệ xong, Đức Phật bảo đại chúng:

– Về phương Tây bắc, cách cõi Diêm-phù-đề này bảy vạn Hằng hà sa cõi, có cõi nước tên Bảo Lưu Ly, Phật hiệu Tuệ Thành Tựu, gồm đủ mười tôn hiệu Như Lai, Ứng Cúng, Chánh Biến Tri, Minh Hạnh Túc, Thiện Thệ, Thế Gian Giải, Vô Thượng Sĩ, Điều Ngự Trượng Phu, Thiên Nhân Sư, Phật Thế Tôn hiện đang giảng nói pháp, lời nói đầu thiện, lời nói giữa thiện, lời nói cuối cũng thiện. Chúng sinh nơi cõi ấy có tánh nhu hòa, quán đạo vô thường, xa lìa ba tai hại, không dâm - nộ - si, không có ba đường ác: Địa ngục, ngạ quỷ, súc sinh.

Bấy giờ, Đức Thế Tôn nói kệ với đại chúng:

Các nhập đường phiền não
 Gây bốn loại điên đảo
 Tất cả đều diệt tận
 Như hư không không tướng.
 Tuổi thọ đến vô số
 Không có ai chết yếu
 Hành bốn pháp vô úy
 Chứng quả không lay động.
 Ai sinh trong cõi ấy
 Hành từ chứng Tam-muội
 Như Ta – Thích Ca Văn
 Dừng mãi vượt kiếp số.
 Cho nước, cửa, vợ con
 Không tưởng, không luyến tiếc
 Nay Phật tử các ông
 Phát nguyện sinh cõi ấy.
 Không có pháp Thanh văn
 Rõ nhân duyên thành Phật
 Ở trong trăm ngàn kiếp
 Siêng năng tu đạo đức.
 Trong mười sáu phần này
 Chưa đạt được một phần
 Quán tánh pháp các pháp
 Tuệ thông đạt vô ngại.
 Diệt sạch tâm chấp ngã
 Liên trụ địa Vô sinh
 Các chúng sinh cõi ấy
 Lập chí rất kiên cố.
 Phá hữu, không trụ hữu
 Pháp bỏ xử đã học
 Nay Phật tử các ông
 Hiểu rõ không chỗ hành.
 Xả thiền, nhập Sơ thiền
 Mới biết khổ chúng sinh
 Trung gian chín vô ngại
 Tướng thiền không thể lường.

Tâm chúng sinh thanh tịnh
 Ý niệm không giống nhau
 Đã lìa vực năm đường
 Phật nhật chiếu ba cõi.
 Lành thay được lợi lớn
 Cảm động các cung trời
 Đồng chân Nhất thiết trí
 Giáo hóa không mỗi mảy.
 Chúng sinh đắc tâm từ
 Luyến mộ đạo vô thượng
 Trải qua vô số kiếp
 Bỏ thân, lại thọ thân.
 Luân hồi trong sinh tử
 Được thoát khỏi trói buộc
 Hương chiên-đàn từ đế
 Hương cây Mật-tế-bặc.
 Sức Tam-muội trí tuệ
 Phá trừ chúng binh ma
 Hết một niệm quá khứ
 Lấy Tam-muội gì đoạn.
 Hết hai niệm vị lai
 Trừ bằng định, đạo nào
 Hết ba niệm hiện tại
 Diệt tận cốt còn gốc.
 Hết một niệm quá khứ
 Chín vạn ức trần cấu
 Do không định tịch tĩnh
 Đạt đến không, không bờ.
 Vị lai dứt chín kiết
 Tâm định không niệm tưởng
 Tịch nhiên đạt Phật đạo
 Luôn trụ vô sở trụ.
 Ba chín kiết hiện tại
 Cầu pháp không chương ngại
 Diệt trừ tâm ý thức
 Dần dần trụ vô ngại.

Nói kệ xong, Đức Phật bảo đại chúng:

– Về phương Tây nam, cách thế giới Năng Nhẫn này ba mươi hai Hằng hà sa côi, có nước tên Vô Tướng, Phật hiệu Nhất Trụ gồm đủ mười tôn hiệu Như Lai, Ứng Cúng, Chánh Biến Tri, Minh Hạnh Túc, Thiện Thế, Thế Gian Giải, Vô Thượng Sĩ, Điều Ngự Trượng Phu, Thiên Nhân Sư, Phật Thế Tôn, hiện đang giảng nói pháp, lời nói đầu thiện, lời nói giữa thiện, lời nói cuối cũng thiện, ý nghĩa thâm thúy, phân biệt rõ về năm ấm: sắc, thọ, tưởng, hành, thức, sáu tình, sáu trần, tu tướng vô thường, chánh niệm tỉnh thức. Pháp ban đầu là tư duy về thân bị hủy hoại. Thân này chẳng thật có, cho bốn rắn là nhà. Thân này như độc hủy hoại đạo thiên của con người. Thân này như voi, tâm không vừa đủ. Thân này như rồng thích ở vực sâu. Đạo Phật vô vi, thanh tịnh không tỳ vết, như hoa sen trong nước không nhiễm bùn dơ, như mặt trời chiếu khắp trời đất che lấp tất cả ánh sáng của đom đóm. Trong các núi cao, núi Tu-di là trên hết. Trong ánh sáng của các vì sao thì ánh sáng mặt trăng là trên hết. Như Lai hiện ra đời vì đèn pháp là đệ nhất.

Khi ấy, Đức Thế Tôn nói kệ:

*Đoạn cấu, diệt trừ tướng
Tâm trói buộc được mở
Ý niệm định tịch nhiên
Tịnh hạnh được đầy đủ.
Trong một ý một niệm
Đoạn diệt cấu kiết sử
Trừ bỏ hẳn kiếp khổ
Chấm dứt không tái sinh.
Đạo không tịch vô thượng
Như có, như không có
Người, ta và các thức
Tướng như mộng, ảnh, huyễn.
Bỏ-tát tu khổ hạnh
Kiếp số khó lường được
Muốn nói hết căn bản
Chẳng một, chẳng hai hình.
Nếu có người trí tuệ
Giảng nói vô lượng nghĩa
Một nghĩa có ức câu
Mỗi câu đều khác nhau.
Hư không lấp đầy được*

*Nhưng nghĩa ấy không cùng
Ta từ xưa đến nay
Hành sáu độ vô cực.
Bồ thí trừ keo kiệt
Thiền định cũng như vậy
Kiếp thiện, tâm không động
Không đến cõi Phật khác
Nhờ thần lực cảm vời
Trụ kiếp mà giáo hóa.*

Nói kệ này xong, Đức Thế Tôn liền dùng định ý để tự trang nghiêm thân, nói với đại chúng:

– Về phương Đông nam, cách thế giới Năng Nhãn này ba mươi ba Hằng hà sa côi, có côi nước tên Lưu Ly, Phật hiệu Tín Giải gồm đủ mười tôn hiệu: Như Lai, Ứng Cúng, Chánh Biến Tri, Minh Hạnh Túc, Thiện Thệ, Thế Gian Giải, Vô Thượng Sĩ, Điều Ngự Trượng Phu, Thiên Nhân Sư, Phật Thế Tôn, hiện đang giảng nói pháp, lời nói đầu đều thiện, lời nói giữa đều thiện, lời nói cuối cũng đều thiện, phân biệt hạnh kiết tường của bốn đạo. Bảy lần sinh, còn lại ba lần không sinh trở lại thì ở ngay hiện đời mà nhập Niết-bàn, đoạn khổ, tập, diệt, thủ đạo chứng đắc.

Khi ấy, có vị trời tên Nhãn Tịnh ở trong chúng còn hồ nghi: “Nay ta nên hỏi Như Lai về ý nghĩa đó để cho bạn đồng tu của mình đều được khai ngộ”. Thế rồi Thiên tử đứng dậy, quỳ gối chấp tay bạch Phật:

– Cúi xin Đức Thế Tôn nói cho chúng con về nghiệp dâm - nộ - si của Đại thừa bình đẳng. Quá khứ, hiện tại, vị lai những chúng sinh si ám nào nhập môn giải thoát?

Phật bảo Nhãn Tịnh:

– Lành thay! Lành thay! Đây chính là con mắt khai thị tất cả. Ông hãy lắng nghe cho rõ, suy nghĩ thật kỹ, Ta sẽ phân biệt rõ ràng cho ông. Thế nào, nhãn là sắc phải không?

Thưa:

– Không phải. Phật lại hỏi:

– Là phi sắc chăng? Thưa:

– Không phải. Phật hỏi:

– Là sắc, là phi sắc chăng? Thưa:

– Sắc không có chỗ trụ. Phật bảo Nhãn Tịnh:

– Như vừa rồi ông nói: Sắc ấy chẳng phải sắc, là sắc, là phi sắc, sắc không có chỗ trụ thì vì sao đặt danh từ để nói là sắc?

Nhãn Tịnh thưa:

– Tánh sắc hư mục, hiện tại diệt không trụ, quá khứ không hiện. Đòi này qua đòi sau vĩnh viễn đoạn tận không còn nữa, cho nên nói Niết-bàn Vô dư.

Phật hỏi Nhãn Tịnh:

– Thức này từ xưa đã có hay từ đâu sinh? Ngày nay bốn chúng diệt cấu bản ba đòi, vậy thì đi về đâu?

Nhãn Tịnh thưa:

– Xưa vốn từ không mà đến, nay trở về không. Trước không, sau không thì có thay đổi gì khác không?

Đức Phật dạy:

– Không. Ông nên biết: Thật tướng của các pháp trước không thể cùng, sau không thể tận.

Phật dạy Nhãn Tịnh:

– Ta từ vô số a-tăng-kỳ kiếp luôn tu hành phước nghiệp, nghĩ đến tất cả chúng sinh bị đắm chìm mà thương xót cho sự đau khổ của họ, muốn độ họ giải thoát. Vì sao? Vì nay ở trong thai, dục mà Ta diệt thì Ta đã diệt sạch hoàn toàn, kết quả nguyện thành ngày nay đã đạt được. Chúng sinh nơi cõi ấy không lấy việc thành Phật hay không thành

Phật cho đây là mối khổ lụy. Vì sao? Vì chúng sinh nơi cõi ấy lập ý dừng mãi, không ở hữu thai, không ở vô thai, không ở hóa sinh, công đức thành tựu, chẳng phải giác, chẳng phải phi giác.

Thế nào là giác và thế nào là phi giác? Tất cả chúng sinh ngu si Ta đều giác ngộ cho họ, đó gọi là giác. Tất cả những người giác ngộ đoạn trừ hết kiết sử, đó gọi là phi giác.

Khi ấy, Đức Thế Tôn nói kệ:

*Biết Phật hiện nơi đòi
Phóng xa ánh sáng lớn
Khổ tập diệt kiết sử
Đứng yên không dám gần.
Giả sử đất chấn động
Ba cõi nát như bụi
Thâu tâm nhập định ý*

*Các tướng đều khác nhau.
 Niệm Như Lai Chí Chân
 Trừ tướng không nhập định
 Vào trở lại chúng sinh
 Tạo nhân lại tạo duyên.
 Tinh tấn trí tuệ lớn
 Giáo hóa kẻ ngu si
 Hướng dẫn chúng sinh này
 Để độ kẻ chưa độ.*



Phẩm 9: TOÀN THÂN XÁ LỢI

Khi ấy, Đức Thế Tôn bảo đại chúng:

– Ta nhớ công đức xưa kia Ta đã hành xả thân lại thọ thân chẳng phải một chẳng phải hai. Nay Ta sẽ nói cho các ông về pháp nhất hành. Sao gọi là pháp nhất hành?

Đại địa chủng này dày tám mươi bốn vạn ức dặm mới có gió lớn dày tám mươi bốn vạn ức dặm, dưới gió có lửa dày tám mươi bốn vạn ức dặm, dưới nước có lửa dày tám mươi bốn vạn ức dặm, dưới lửa có cát dày tám mươi bốn vạn ức dặm, dưới cát có cồi Kim cang dày tám mươi bốn vạn ức dặm. Toàn thân xá-lợi của chư Phật đều ở trong cồi Kim cang ấy.

Cồi Kim cang dày tám mươi bốn vạn ức dặm, phía dưới có xá-lợi thân vụn nát của chư Phật đều ở trong cồi ấy. Cồi ấy có cồi Phật Diệu Âm, Phật hiệu Bất Trụ Như Lai, đầy đủ mười tôn hiệu, hiện đang giảng nói pháp, lời nói đầu thiện, lời nói giữa thiện, lời nói cuối cũng thiện, tinh tu phạm hạnh, thành tựu quốc độ. Xá-lợi Phật ấy rất nhỏ, có thể hiện thân Phật có quyền thuộc đệ tử vây quanh để giáo hóa. Như ngày nay, Ta ở trong thai giảng nói pháp, chúng sinh ấy không thấy Ta. Chúng sinh của Ta không thấy cồi kia, phá hữu đến vô, luôn luôn vắng lặng, tánh trụ vào chỗ vô ngại. Đó gọi là do một xá-lợi chiêu cảm ra.

Phật lại bảo các đại chúng:

– Phía dưới thân vụn xá-lợi dày tám mươi bốn vạn ức dặm có cồi tên Thanh Tịnh, Phật hiệu Biến Quang, có đầy đủ mười tôn hiệu. Phật ấy hiện đang thuyết pháp, lời nói đầu, giữa, cuối đều thiện, tinh tu phạm hạnh. Mỗi

màu sắc ánh sáng của Phật ấy khác nhau, mỗi ánh sáng đều hóa thành mỗi Đức Phật, mỗi Đức Phật đều nói hết sáu độ vô cực.

Sáu độ đó là gì? Là bố thí, trì giới, nhẫn nhục, tinh tấn, thiền định, trí tuệ. Đức Phật dùng phương tiện thiện xảo điều phục tâm thức, không ngu si, không dâm, không ham muốn; quan sát rất rõ về các pháp giống như trăng xua tan mây; tự quán thân mình như ta không khác, tâm đặc không định, đều được thành tựu tất cả; ngồi ngay thẳng nơi đạo tràng, ca ngợi xiển dương chánh pháp, tâm không sợ hãi.

Cách cõi Phật Quang Minh này về phương dưới tám mươi bốn vạn ức dặm có cõi tên Thí Vô Tận Tàng, Phật hiệu Quán Trợ Như Lai, đầy đủ mười tôn hiệu, hiện đang thuyết pháp, lời nói đầu, giữa, cuối đều thiện, luôn tu phạm hạnh, bố thí tài vật. Người nào tuân theo đều đắc đạo quả. Đó gọi là sự bố thí hiếm có của Như Lai.

Dưới thế giới Vô Tận có thế giới Pháp Cổ dày tám mươi bốn vạn ức dặm, có Phật hiệu Thiện Kiến, đầy đủ mười tôn hiệu, hiện đang thuyết giảng pháp. Chúng sinh nơi cõi Phật ấy không có nhiều tên, đều cùng một chữ, một họ, nghe pháp hiểu ngay không cần phải suy nghĩ lại. Chính cõi ấy mới có toàn thân xá-lợi. Ưc ngàn vạn Đức Phật ở quá khứ đều lưu xá-lợi lại nơi đây. Xá-lợi ở cõi ấy Ta cũng có phần, chẳng phải một chẳng phải hai. Xá-lợi Phật ấy không có trụ xứ, cũng chẳng phải không trụ, qua lại xoay vần trong hằng hà sa cõi; tướng ánh sáng đầy đủ, theo căn cơ của chúng sinh mà giáo hóa, không có ai biếng trễ, đoạn diệt ba mươi một ức kiết sử và hai vạn hai ngàn vọng tưởng ràng buộc; có mười tám pháp bất cộng thù thắng, thị hiện giáo hóa, thọ chứng vô úy.

Khi ấy, Đức Thế Tôn nói kệ:

*Ta từ vô số kiếp
Qua lại đường sinh tử
Xả thân lại thọ thân
Không lìa sinh bào thai.
Nghĩ việc Ta trải qua
Nhớ rõ không sai sót
Thường làm thân chó trắng
Xương chất ức Tu-di.
Lấy kim đâm xuống đất
Đều gặp thân thể Ta
Huống gì chó màu khác*

Số ấy không thể lường.
Ta luôn giữ tâm mình
Không cho nó buông lung
Như người đứng Tu-di
Giữ bình thuốc bất tử.
Người ở dưới nâng bình
Rót thuốc không rót ngoài
Trong lúc gian nan ấy
Bị thổi theo gió núi.
Thân phạm phu như bụi
Chỉ trừ người bát trụ
Hai người giữ bình này
Ai là người tối thắng.
Người ở dưới chánh niệm
Luôn sợ ngã hai bên
Thọ lạc không mất nghĩa
Nên gọi đạo thần túc.
Người trên đại từ bi
Nói ngay không tra cứu
Ý thức đều khác nhau
Thành đạo cũng như vậy.
Ta ở cõi khổ nhẫn
Thành Phật giống người dưới
Tích hạnh a-tăng-kỳ
Mới đạt thành Phật đạo.
Cõi này đến cõi kia
Trải ngàn ức như vậy
Như kim quặng xuống biển
Thò tay liền lấy được.
Không tuệ cầu tháo nước
Nhiều kiếp không lấy được
Người ngu si thế gian
Không phân biệt thiện, ác.
Núi Tu-di bốn báu
Nói là đồng than khói
Đại bàng vua loài chim
Lại cho là ve, muỗi.

Trùng ở dấu chân bò
 Không thấy biển rộng lớn
 Nhật quang là dọn nắng
 Người ngu cho ngọn lửa.
 Pháp ấy Ta đâu tạo
 Người ngu tự làm ra
 Thức ra vào liên tục
 Tinh luyện thuật đạo thành.

Khi ấy, Đức Thế Tôn liền đọc chú:

– Y nhĩ ma nhĩ, trà thệ ly thệ thuần đồng xí ly xí ly.

Bấy giờ, Đại Thiên vương Tỳ-sa-môn liền đứng dậy, đầu mặt đánh lễ nơi chân Phật, thưa:

– Thưa Thế Tôn! Con luôn ủng hộ thiện nam, thiện nữ, người thiện hành pháp, ủng hộ ba ánh sáng ba bóng của thân người ấy. Ba ánh sáng ba bóng là gì? Như ngày nay con thống lãnh chúng La-sát, là bóng của thân, bóng thân của thân, bóng của bóng. Ánh của thân là gì? Bóng thân của thân là gì? Bóng của bóng là gì?

Khi ấy, Đức Thế Tôn nói kệ:

Thân do bốn đại hợp
 Địa, thủy, hỏa, phong thành
 Qua lại ở xoay vần
 Ở cũng không thấy ở.
 Thân và thân của thân
 Hết đời lại thoát thân
 Nghĩa ba câu bóng bóng
 Như Phật lưu thần quang.
 Vải gói thuốc ma kỳ
 Cách xa mùi vẫn thơm
 Pháp giải thoát của Phật
 Thanh tịnh không tỳ vết
 Bóng thân thân giáo hóa
 Độ người không được độ.
 Ai thấy pháp thân tướng
 Nhập định niệm thân thân
 Bóng bóng không hồ nghi
 Điều thành đạo vô thượng.

Khi ấy, Thiên vương Đề-đầu-lại-trá muốn ủng hộ các pháp sư liền nói chú:

– Y hê, ma hê, diêm phù, diêm lam phù đột đột lặc xí. Ta sẽ ủng hộ pháp sư trong ức ngàn trăm vạn do-tuần để không có ai quấy nhiễu vị ấy được.

Thiên vương Tỳ-lâu-lặc-xoa liền đứng dậy thưa Phật:

– Con cũng sẽ ủng hộ Pháp sư chân thật. Và liền nói chú:

– Già lê, già lê, ni trĩ, cứu bát trĩ, làm cho trong ức trăm vạn do-tuần không có ai làm hại quấy nhiễu cả.

Thiên vương Tỳ-lâu-bác-xoa liền đứng dậy, đầu mặt lạy sát chân Phật và thưa:

– Bạch Thế Tôn! Con sẽ ủng hộ vị pháp sư chân chánh. Và liền nói chú:

– Xá nhĩ, xá nhĩ, bát bà thiên ma lâu hê, khiến cho trong trăm ức do-tuần, không có ai đến quấy nhiễu.

Bây giờ, Đức Thế Tôn liền nói kệ:

*Hoa thơm sắp tuyệt đẹp
Cảm động các cõi Phật
Do Phật không tưởng niệm
Thành Phật trọn vẹn đạo.
Sức nhẫn không biên giới
Phá hữu – vô ba thừa
Tướng toàn thân xá-lợi
Rất nhỏ như bụi trần.
Cứu giúp cả hằng sa
Không đoạ ba đường ác
Phật hiện kiếp cần khổ
Che chở hành đại bi.
Chúng sinh không biên giới
Để thành đạo vô thượng.*

Khi ấy, trong pháp hội có ba mươi hai ức chúng sinh liền phát tâm Bồ-đề cầu đạt đạo quả vô thượng bình đẳng.



Phẩm 10: THƯỜNG - VÔ THƯỜNG

Bấy giờ, trong đại chúng có Bồ-tát tên Quán Kiến Vô Thường đứng dậy, trích bày vai phải, gối phải quỳ sát đất, chấp tay thưa Phật:

– Lành thay! Lành thay! Bạch Thế Tôn! Xin Thế Tôn hãy mau giảng nói nghĩa này. Chánh pháp của chư Phật không thể nghĩ bàn. La-hán, Phật-bích-chi không thể nào theo kịp. Vốn nó không có chân tánh, không thể cùng tận. Như Lai hiện thân ra một vào một, biến hóa đủ cách, khi làm nát thân xá-lợi, hoặc giữ toàn thân xá-lợi, hoặc ẩn mất không hiện, hoặc lưu hành khắp trong thế gian, hoặc hiện cảnh giới một Đức Phật, hoặc hiện ở rất nhiều cảnh giới chư Phật, thần thông biến hóa, đạo lực tự tại, kỳ lạ đặc biệt như cội hư không. Thường cũng là vô thường, vô thường cũng vô thường. Trụ cũng vô trụ, vô trụ cũng vô trụ. Biến đổi chẳng phải một. Nguyên muốn nghe Như Lai giảng nói về nghĩa thường, vô thường. Như ngày nay con ở trong cửu địa là thường hay vô thường?

Khi ấy, Đức Thế Tôn bảo Bồ-tát Quán Kiến Vô Thường:

– Nay Ta hỏi ông, ông hãy đem tánh chân thật để trả lời cho Ta.

Thế nào, này Tộc tánh tử! Sắc là thường phải không?

Trả lời:

– Thưa không. Đức Thế Tôn hỏi:

– Sắc là vô thường phải không? Trả lời:

– Thưa không. Đức Thế Tôn hỏi:

– Sắc chẳng phải thường, chẳng phải vô thường phải không?

Trả lời:

– Thưa không. Đức Thế Tôn hỏi:

– Thế nào, này Tộc tánh tử! Sắc là hữu dư phải không? Trả lời:

– Thưa không. Đức Thế Tôn hỏi:

– Sắc là vô dư phải không? Trả lời:

– Thưa không. Đức Thế Tôn hỏi:

– Sắc là hữu dư, vô dư phải không? Trả lời:

– Thưa không. Đức Thế Tôn hỏi:

– Sắc chẳng phải hữu dư, chẳng phải vô dư phải không?

Trả lời:

– Thưa không. Đức Phật dạy:

– Tộc tánh tử! Thọ, tưởng, hành, thức là thường phải không?

Trả lời:

- Thừa không. Đức Thế Tôn hỏi:
- Thọ, tưởng, hành, thức là vô thường phải không? Trả lời:
- Thừa không. Đức Thế Tôn hỏi:
- Thọ, tưởng, hành, thức là thường, là vô thường phải không?

Trả lời:

- Thừa không. Đức Thế Tôn hỏi:
- Thọ, tưởng, hành, thức chẳng phải thường, chẳng phải vô thường phải không?

Trả lời:

- Thừa không.

Đức Thế Tôn hỏi:

- Thọ, tưởng, hành, thức là hữu dư phải không? Trả lời:
- Thừa không. Đức Thế Tôn hỏi:
- Thọ, tưởng, hành, thức là vô dư phải không? Trả lời:
- Thừa không. Đức Thế Tôn hỏi:
- Thọ, tưởng, hành, thức là hữu dư, vô dư phải không? Trả lời:
- Thừa không. Đức Thế Tôn hỏi:
- Thọ, tưởng, hành, thức chẳng phải hữu dư, chẳng phải vô dư phải không?

Trả lời:

- Thừa không.

Phật hỏi Bồ-tát Quán Kiến Vô Thường:

- Niết-bàn là tịnh phải không? Trả lời:
- Thừa không. Đức Thế Tôn hỏi:
- Niết-bàn là bất tịnh phải không? Trả lời:
- Thừa không. Đức Thế Tôn hỏi:
- Niết-bàn là tịnh, bất tịnh phải không? Trả lời:
- Thừa không.

Phật bảo Bồ-tát Quán Kiến Vô Thường:

- Thật tánh của Niết-bàn thật sự trụ ở chỗ nào? Trả lời:
- Trụ mà không có chỗ trụ. Phật hỏi:
- Phi hữu chúng sinh, phi vô chúng sinh phải không? Trả lời:

– Thừa không. Phật dạy:

– Duyên vị đoạn từ năm tụ tánh cho đến ba mươi bảy phẩm, không, vô tướng, vô nguyện.

Duyên vị đoạn không lìa, chẳng phải không lìa, không sinh chẳng phải không sinh, cho nên trụ mà không có chỗ trụ.

Vì sao? Vì tánh tự nhiên là không. Đây không, kia không, trong không, ngoài không, Niết-bàn không, Như Lai xuất hiện nơi đời năm trước không thấy có sinh diệt chấp đoạn, không thấy có định có loạn, không thấy tri giới phạm giới, không thấy có nhãn có sắc, không thấy tinh tấn biếng trễ, không thấy có phiền não định tâm, không thấy có ngu si trí tuệ, không thấy có ý thức tư tưởng, không thấy đạo – tục - Ba-la-mật, không thấy cõi Phật thanh tịnh, không thấy tịnh tu đạo tràng, không thấy có chúng sinh đoạn cấu. Đó gọi là Bồ-tát trụ mà không có chỗ trụ.

Khi ấy, Đức Thế Tôn nói kệ:

*Phạm hạnh tâm thanh tịnh
Phá trừ cảnh giới ma
Sức nhẫn đạo vô thượng
Yên định không nghĩ bàn.
Ta từ vô số kiếp
Luôn trụ không chỗ trụ
Một lòng nhập không tuệ
Thân trang nghiêm các tướng.
Đương lai Tịch tánh tử
Và những người hiện tại
Sẽ trụ không chỗ trụ
Hiếu tánh thường vô thường.
Các trần các chướng ngại
Hoại nghiệp thiện của Ta
Rửa sạch hết trần cấu
Như vàng không tỳ vết.
Tuệ là tướng thế gian
Hướng dẫn người mắt mù
Khiến cho người ngu si
Hiếu rõ pháp chân như.
Đạo nhân duyên vô vi
Thông đạt sáu thần thông*

Kho đại pháp vô tận
Ban bố người thấp kém.
Thích thọ ba giải thoát
Ba đời không chấp trước
Hiện tại tất cả pháp
Hết cấu, nhập định Phật.
Đại tuệ quang Như Lai
Đoạn trừ pháp nghi ngờ
Tướng si trong lặng tịnh
Hiếu đạo không, vô thường.
Bao nhiêu người cho thường
Dính chặt trong sinh tử
Không lìa pháp hữu vi
Bị phiền não trói buộc.
Pháp sáu độ ba tuệ
Châu báu và vợ con
Dứt ái không thương tiếc
Xuất gia đạt thành đạo.
Người có niệm thiện, ác
Những hạng sơ, trung, hạ
Luân chuyển trong năm đường
Tánh sinh diệt không thật.
Khổ vốn vô lượng số
Đời đời không dừng nghỉ
Trống pháp vang ngàn cõi
Chấn động cảnh giới ma.
Loài quần sinh các người
Nương tựa sáu thần thông
Thân tùy theo tâm niệm
Đến chỗ không chướng ngại.
Năm tháng tu đạo hạnh
Ngày đêm không trái thời
Chứa đức như Tu-di
Thành tựu chứng quả Phật.
Sinh diệt như huyễn hóa
Cũng như bóng trong gương
Thọ nhập ba mươi sáu

Nhập định mới thành tự đạo.
 Tánh chân thật Như Lai
 Không nhiễm không chấp trước
 Hành từ vượt bảy độ
 Các báu tự anh lạc.
 Ba mươi hai ức kiết
 Trói buộc không thể mở
 Cốt dùng kiếm trí tuệ
 Chặt đứt không còn gì.
 Lại lấy tám giải thoát
 Như vị pháp cam lồ
 Để kẻ khát ái kia
 Sung mãn không còn nghĩ.
 Xưa Ta chưa thành thiền
 Luôn ở trong ngu si
 Kết chặt bốn điên đảo
 Cầu giải thoát khó được.
 Nhập bốn vô ngại thiền
 Tự tại không sợ sệt
 Định tâm ý vững chắc
 Tận đời không tái sinh.

Khi Đức Thế Tôn nói kệ xong, có tám mươi bốn ức chúng sinh phát tâm cầu đạo quả Chánh chân vô thượng, đối với tín hành không thoái chuyển.



KINH BỒ TÁT TÙNG ĐÂU THUẬT THIÊN GIẢNG THẦN MÃU THAI THUYẾT QUẢNG PHỔ

QUYỂN 4

Phẩm 11: TÙY HỖ

Khi ấy, trong pháp hội có Bồ-tát tên Đảnh Vương dẫn hai vạn năm ngàn người từ thế giới An Trụ ở phương Đông đến, bước tới trước chỗ Phật, đầu mặt đánh lễ Đức Phật và lui qua ngồi một bên, bạch:

– Bạch Thế Tôn! Con nghe Như Lai, Ứng Cúng, Chánh Biến Tri, Minh Hạnh Túc, Thiện Thệ, Thế Gian Giải, Vô Thượng Sĩ, Điều Ngự Trượng Phu, Thiên Nhân Sư, Phật Thế Tôn ở trong thai giáo hóa với vô lượng thần biến, có cung điện bảy báu được trang hoàng rất nhiều vật báu, được chư Phật Thế Tôn tôn trọng cung kính. Chư Phật Thế Tôn quá khứ, hiện tại và vị lai chưa từng giảng nói pháp khó có này. Tướng pháp của chân tế không thể cùng tận, luôn thực hành những hạnh khổ cực từ vô số kiếp. Trong thời gian đó cũng có sinh có diệt. Con muốn nghe biết tất cả những quốc độ khác nhau mà thần đức của Như Lai đã giáo hóa, luôn hành bình đẳng nhập vào đạo vô vi, bát giải đồng chân, phạm hạnh thanh tịnh để cho chúng con không còn nghi ngờ.

Đức Phật dạy:

– Lành thay! Lành thay! Này Đại sĩ Đảnh Vương! Những điều ông hỏi thật sâu xa khó nghĩ, có nhiều lợi ích, cứu độ những người mê lầm, phước nhiều không thể tận.

Bấy giờ, Đức Thế Tôn liền dùng diệu lực của thiên định, Tam-muội, duỗi cánh tay vàng xuống hai mươi hai ức cõi Phật ở phương dưới bụng thần tháp bảy báu của Như Lai Thi Khí. Tháp ấy ngang rộng một vạn tám ngàn do-tuần, bên ngoài vách tháp có hành lang bảy báu.

Nước ao, vườn, trái cây cũng đều bằng bảy báu. Ao sau vườn có bờ bằng vàng bạc. Trong ao ấy tự nhiên có nước cam lồ tám vị, có vô số trăm

ngàn loại chim kỳ lạ: uyên ương, nhạn, le le. Tiếng chim kêu rất hay và mọi người cùng nhau vui chơi rất thú vị.

Khi ấy, Đức Thế Tôn nói kệ với Bồ-tát Đảnh Vương:

Thức Khí quá khứ Phật
 Thần pháp bằng bảy báu
 Cây hoa rất nhiều màu
 Hoa vàng, thân bằng bạc.
 Ao nước có tám vị
 Người đói khát no đủ
 Phước cúng được quả báo
 Đạt công đức trong thai.
 Lại sau Phật diệt độ
 Đáng bản nguyện Tùy Thức
 Tháp bảy báu Phật ấy
 Khắp cả hằng sa cõi.
 Có rất nhiều châu báu
 An lạc cũng khó lường
 Đức Phật thủ diệt độ
 Bạc tối thắng đệ nhất.
 Cũng có tháp bảy báu
 Đây khắp cõi hư không
 Người mắt sáng hiểu biết
 Cung phụng tâm cung kính.
 Dẹp mạn, không cao ngạo
 Không tham đắm lợi dưỡng
 Quả báo ao bảy báu
 Dứt tướng không chấp trước.
 Cũng trong thai giáo hóa
 Lưu hành vô số kiếp
 Thần đức đại thông đạt
 Độ thoát hơn ba Phật.
 Giáo hóa các đệ tử
 Ba thừa không dứt đoạn
 Rời khỏi phương Đông này
 Trong thai hiện biến hóa.
 Khuyến khích kẻ hậu lai
 Dẫn dắt vào nhĩn tịnh

*Lại Phật Ca Diếp Tôn
 Ngồi thẳng ức trăm kiếp.
 Chư Thiên làm quyến thuộc
 Tịch tĩnh không lay động
 Cũng có tháp bảy báu
 Ở cõi Phật Kim Cang.
 Cứu độ kẻ đọa lạc
 Không rơi vào đường tà
 Ta nay Thích Ca Văn
 Dừng mãi hiện một mình.
 Chuyên tâm giữ ý chí
 Không vương đường sinh tử
 Cõi Phật tuy xấu ác
 Nhưng độ không thể lường.
 Nay ở bào thai mẹ
 Lấy thần biến làm vui
 Chúng sinh cõi dục giới
 Đọa lạc vào vạc dầu
 Dứt dứt họ ra khỏi
 Giống như con thiêu thân.*

Bấy giờ, Đức Thế Tôn dùng thần lực biến ba ngàn đại thiên thế giới sáng rực màu vàng ròng khiến cho đại chúng trong pháp hội đều thấy thế giới An lạc. Các Bồ-tát ở đó đều ngồi trên hoa sen bảy báu. Đệ tử quyến thuộc ở đây đều màu vàng ròng, họ ăn uống bằng thiên định giải thoát, giới luật oai nghi chưa từng sai trái.

Thế nào, này Bồ-tát Đảnh Vương! Ai đến cõi Phật vừa hiện để du hóa cúng dường, phụng thờ thì phước ấy nhiều không?

Bồ-tát Đảnh Vương thưa:

– Rất nhiều, rất nhiều, bạch Thế Tôn! Vì sao? Vì cúng dường một cõi Phật phước ấy khó lường, huống chi là nhiều cõi Phật như vậy.

Đức Phật dạy:

– Nếu có Bồ-tát vượt qua Bất thoái chuyển ở Nhất sinh bổ xứ, ở trong thai hiện thần thông biến hóa, ai cung kính Bồ-tát này thì đức ấy rất tối thắng. Vì sao? Vì Bồ-tát này đã làm Phật sự không thể nghĩ bàn.

Phật lại dạy Bồ-tát Đảnh Vương:

– Nay Ta sẽ nói cho ông về tám đường chánh để trừ bỏ tám điên đảo.

Hằng hà sa các cõi Phật khắp mười phương xây đầy tháp bảy báu, nhưng không bằng cúng dường Bồ-tát Bát chánh đạo này với y phục, thức ăn uống, giường chiếu, thuốc thang, hương viên, hương bột, hương vụn, chiên-đàn, gấm lụa, vòng hoa, những vật trang hoàng nơi thân v.v... thì phước ấy rất nhiều.

Nếu có Đại Bồ-tát đối với bốn loài sinh: thai, hóa, thấp, noãn mà phân biệt về bốn ý chỉ trong một ngày, hai ngày, cho đến bảy ngày; một tháng, hai tháng, cho đến bảy tháng; một năm, hai năm, cho đến bảy năm; một kiếp, hai kiếp, cho đến bảy kiếp và nếu có chúng sinh phụng thờ cúng dường trước tháp bảy báu cho đến Bồ-tát tám chánh đạo thì không bằng người cúng dường cho Bồ-tát bốn ý chỉ này, phước ấy rất nhiều.

Nếu Bồ-tát Nhất sinh bồ xứ ở trong thai chuyển pháp luân vô thượng bao hàm hết tất cả sự biến hóa, vô số đại sĩ thần đức qua lại xoay vần không bị chướng ngại, rồi trở về hợp lại nơi một người không giác tri và có chúng sinh cúng dường phụng thờ, không thương tiếc những gì của bản thân, giống như ngày nay Ta đã trải qua ba a-tăng-kỳ kiếp đoạn trừ diệt tướng, đây là thân cuối cùng vào thai để giáo hóa, chúng quả thần thông, đều được giải thoát.

Giống như quả chín, biến đổi không dừng, thân Phật là không, không có giới, định, tuệ, giải nhưng mùi hương của Ngài xông ướp bằng đức hạnh oai nghi, không làm mất mười hai hạnh Đầu-đà. Một phần khổ này là cảnh giới của Ta.

Khi ấy, Bồ-tát Đảnh Vương đến trước Phật nói kệ tán thán:

*Thức là gốc sinh tử
Là đường đến Niết-bàn
Tự tại trong bào thai
Diệu dụng vô lượng cõi.
Bốn sinh thành cõi Phật
Biến mười sáu thân tức
Đạo vốn không một tướng
Thệ nguyện đều như nhau.
Chúng sinh bị trói buộc
Hiện có người tốt, xấu
Vô hình không thể thấy
Nay mới được quan sát.
Các thân Phật quá khứ*

Dạy bảo không bờ bến
 Pháp bát đạo vô thượng
 Chuyên về độ quần mê.
 Kinh pháp hình xá-lợi
 Hiện thần thông nơi đời
 Nay ta chỗ dẫn dắt
 Được nghe không thể bàn.
 Sáu thần pháp báu pháp
 Kho báu, đài bảy báu
 Mỗi mỗi phân biệt kỹ
 Ý nghĩa không thể lường.
 Xưa kia Phật hành đạo
 Như không, không chấp trước
 Nay ở bào thai mẹ
 Thọ hóa chẳng phải một.
 Đắc tánh chân như Phật
 Cũng trụ tánh như thật
 Trừ bỏ tâm kiêu mạn
 Lạ đáng không, vô tánh.
 Mỗi ánh sáng xá-lợi
 Chiếu khắp các cõi Phật
 Thọ hóa như hằng sa
 Là do thần Đức Phật.
 Quốc độ cách đây xa
 Nhận đạo cam lồ Phật
 Nay muốn về cõi xưa
 Tuyên dương pháp Như Lai.

Nói kệ xong, Bồ-tát Đánh Vương đi nhiều quanh Phật ba vòng và lạy Phật, lui ra.



Phẩm 12: NGŨ ĐẠO TÂM THỨC

Bấy giờ, Đức Thế Tôn muốn thị hiện chỗ thức sẽ đi đến là: Hương đến thức đạo, thức tục, thức hữu vi, thức vô vi, thức hữu lậu, thức vô lậu,

thức hoa, thức quả, thức báo, thức vô báo, thức trời, rồng, quỷ thần, A-tu-la, Ca-lâu-la, Khẩn-na-la, Ma-hầu-la-già, nhân và phi nhân, trên đến thức nơi cõi trời thứ hai mươi tám, dưới đến thức ngục Vô Cữu.

Khi ấy, Đức Thế Tôn ở trong thai hiện dây móc xích bằng hải cốt đầy khắp ba ngàn đại thiên thế giới.

Phật bảo A-tư-đà:

– Ông có thể phân biệt thức của hải cốt này không? A-tư-đà thưa:

– Không phân biệt được. Vì sao? Vì chưa được thấu triệt, sức tu hành chưa đạt.

Phật bảo Bồ-tát Di-lặc:

– Trong cõi trời này ông chưa đắc thần thông chăng? Bồ-tát Di-lặc bạch:

– Có điều thành tựu, có điều chưa thành tựu. Phật bảo Bồ-tát Di-lặc:

– Ông hãy quan sát dây móc xích hải cốt để cho tất cả chúng sinh biết nơi thức đến. Hãy phân biệt, xác định rõ ràng để không còn nghi ngờ.

Khi ấy, Bồ-tát Di-lặc liền đứng dậy, cầm gậy thần bảy báu kim cương gõ vào dây móc xích hải cốt để nghe tiếng của xương cốt. Lúc này, Bồ-tát Di-lặc bạch Phật:

– Bạch Thế Tôn! Người này qua đời vì nội kết sân giận quá nhiều nên thức đọa làm loài rồng.

Lại gõ vào xương và nói:

– Người này kiếp trước hành đầy đủ mười điều thiện nên được sinh lên cõi trời.

Lại gõ vào xương nói:

– Người này đời trước phá giới phạm luật nên sinh trong địa ngục. Cứ như vậy, Bồ-tát gõ xương: hữu lậu – vô lậu, hữu vi – vô vi,

trên là hai mươi tám tầng trời, dưới đến địa ngục Vô Cữu và biết nơi thức đi đến, biết quả báo thiện ác, hành quả báo của nghiệp trắng đen; trong đó chỉ có một toàn thân xá-lợi là không hề bị hư hao.

Khi ấy, Bồ-tát Di-lặc lấy gậy gõ vào để suy tìm thức này nhưng không biết thức của ai. Gõ như vậy ba lần, Bồ-tát Di-lặc thưa Phật:

– Thần thức của người này con không thể biết được. Chẳng lẽ Như Lai nhập Niết-bàn rồi sao?

Phật bảo Bồ-tát Di-lặc:

– Ông là người vào đời vị lai sẽ tiếp nối quả vị Phật, sẽ được thành Phật, đắc đạo vô thượng, vậy sao gõ vào xá-lợi mà không biết thức của ai?

Bồ-tát Di-lặc bạch:

– Phật không thể nghĩ bàn, không thể hạn lượng, vì chẳng phải cảnh giới của chúng con để có thể lường xét. Nay con có điều nghi ngờ, cúi xin Đức Thế Tôn hãy nói thần thức của năm đường để cho hết thảy mọi người được biết chỗ thiện ác mà họ đến để không còn ai nghi ngờ gì cả. Với Như Lai, nay xá-lợi này không có hư hao, xin Như Lai hãy nói thức ấy để chúng con biết.

Phật bảo Bồ-tát Di-lặc:

– Chư Phật quá khứ, hiện tại và vị lai đều lưu hành xá-lợi, chẳng phải cảnh giới của các ông phân biệt. Vì sao? Vì xá-lợi này tức là xá-lợi của Ta, làm sao có thể tìm kiếm thần thức của Như Lai được, nay Ta phân biệt rõ cho ông về thức thượng, trung, hạ của Như Lai. Dù là Bồ-tát nhưng đều khác nhau.

Bồ-tát Sơ trụ chưa tạo được sức căn đức mà chỉ đắc thần thông.

Bồ-tát Nhị trụ thì dùng thiên nhãn nhìn biết nơi thức hướng đến là thoái hay địa bất thoái. Cũng nhìn thấy người ở cõi Dục, cõi Sắc, cõi Vô sắc, hoặc nhìn thấy chúng sinh ở vô số hằng hà sa cõi Phật phương Đông cúng dường chư Phật, phụng thờ không bị chướng ngại. Còn biết kiếp số mà họ thọ ký là một kiếp, hai kiếp, cho đến trăm ngàn ức kiếp.

Hoặc có Bồ-tát ở địa Tam trụ nhìn thấy xá-lợi thì biết nơi thức đi đến là Niết-bàn hữu dư hay Niết-bàn vô dư. Như Lai không thấy chỗ đi đến của hành thức, tứ trụ.

Bồ-tát Tứ trụ thấy thức pháp của Sơ trụ, Nhị trụ, Tam trụ, nhưng không thấy chỗ đi đến thức pháp xá-lợi của bậc Ngũ trụ.

Phật bảo Bồ-tát Di-lặc:

– Bồ-tát Ngũ trụ phân biệt phẩm hạ. Đối với Lục trụ thì thấy hoặc không thấy nơi thức đi đến. Bồ-tát Bất thoái chuyển lên đến Nhất sinh bất tử thì không biết ý nghĩa của Như Lai khi cất bước chân. Bồ-tát kể thấy Bát trụ, Thập trụ, Lục trụ nhưng lại không biết ý nghĩa của Nhất sinh bất tử khi cất bước chân, huống chi là muốn gõ vào móc xích xương cốt để phân biệt. Việc này không thể làm được.

Phật bảo Bồ-tát Di-lặc:

– Ông nên biết điều này, mười tôn hiệu: Như Lai, Ứng Cúng, Chánh

Biển Tri, Minh Hạnh Túc, Thiện Thệ, Thế Gian Giải, Vô Thượng Sĩ, Điều Ngự Trượng Phu, Thiên Nhân Sư, Phật - Thế Tôn chỉ có Phật mới biết ý nghĩa theo thần thức của Phật.

Khi ấy, Đức Thế Tôn dùng kệ nói với đại chúng:

*Luân hồi vực năm đường Thần thức ấy rất khổ Tai, mũi, thân tâm do
Không thể nào xa lìa.*

*Thức tướng kết thêm cấu Lấy đao trí tuệ chặt
Tuệ chiếu chỗ tối tăm Được đến trường vô úy. Thức Phật đều thấy
pháp Những bộ xương xá-lợi Giả sử nát như bụi
Rất nhỏ không thể thấy. Như Lai biết rõ ràng
Pháp thiện ác báo ứng Thức Phật rất vi diệu
Chẳng phải, chẳng không phải. Vừa nói độ vạn ức
A-tăng-kỳ chúng sinh Di-lặc lại thành Phật Cũng sẽ bỏ xá-lợi.
Vốn do mẹ sinh ra
Thai pháp cũng như nay.*

Nghe Phật nói xong, Đại Bồ-tát Di-lặc đi nhiễu quanh Phật bảy vòng, đầu mặt lay sát chân Ngài rồi trở về chỗ cũ.



Phẩm 13: CHƯ PHẬT HÀNH TÊ VÔ SAI BIỆT

Bấy giờ, Đức Thế Tôn liền thị hiện tướng kỳ lạ đặc biệt: Biển tất cả Bồ-tát thành Phật có đầy đủ tướng ánh sáng. Tất cả mặc dù khác nhau nhưng đều thuyết pháp cùng một giọng nói, phân biệt vô thường, đời đời đều trở về không.

Đức của các vị khó lường được và cung kính tôn trọng nhau, có đầy đủ oai nghi và chỉ nói pháp vi diệu, không có bớt thêm, co, duỗi, cúi, ngược. Các vị đều ngồi nơi tòa cao bằng bảy báu cực đẹp, có màn trướng bằng the lụa.

Đầu tiên: Nói pháp độ vô số toàn là nam, không có nữ. Nói pháp lần thứ hai: Độ toàn nữ, không có nam.

Nói pháp lần thứ ba: Độ toàn người chánh kiến. Nói pháp lần thứ tư: Độ toàn người tà kiến.

Nói pháp lần thứ năm: Độ nam nữ chân chánh bằng nhau. Nói pháp lần thứ sáu: Độ tà chánh cũng bằng nhau.

Ngay khi ấy, tất cả pháp đều được thành tựu, không còn ngã sở và đạo quả được thành thực.

Theo pháp thường của chư Phật nói là nói về nghĩa lý.

Thần túc thứ ba có tám vạn bốn ngàn pháp môn không hành, tám vạn bốn ngàn pháp môn vô tướng, tám vạn bốn ngàn pháp môn vô

nguyên. Mỗi pháp môn đều có vô lượng nghĩa. Giống như thân người trí tuệ có một ngàn cái đầu, mỗi đầu có ngàn cái lưỡi, mỗi lưỡi có một ngàn nghĩa. Nếu muốn đạt hoàn toàn nghĩa của ba pháp môn thì đối với trăm ngàn phần chưa đạt được một. Đây là kho tàng bí mật tinh túy của chư Phật. Được như vậy là đều nhờ kiếp trước đã thành tựu trong sự tu học.

Khi ấy, dù khác nhau nhưng chư Phật đều đồng thanh nói kệ:

*Nguyện xưa của chúng ta
Nay đã được thành quả
Thân vàng, lời thanh nhã
Các tướng đều đầy đủ.
Muốn cầu tuệ vô cực
Thành tựu không còn nghi
Lành thay, đáng ba cõi
Tối thắng không ai bằng.
Xưa Ta ở Đâu-suất
Chọn lựa nơi thọ sinh
Giáng xuống vào thai mẹ
Kết duyên chư Như Lai.
Những chúng sinh không duyên
Nói Ta không thành đạo
Trong thai dạy chúng sinh
Trong thời gian thành Phật.
Kính Ta nói trước sau
Tám mươi bốn ức voi
Sức voi và sức người
Chở vác không thể nổi.
Nay Ta phải hoan hỷ
Ghi nhớ đừng quên mất
Nói pháp chưa thành đạo*

Trong thai giảng chánh pháp.
 Phật hành không sai khác
 Tất cả đều bình đẳng
 Chỉ Phật mới biết Phật
 Công đức nghĩa nhiều ít.
 Muốn đắc từ nghi Phật
 Việc làm phải kỳ diệu
 Trải qua vô số kiếp
 Không đạt được mấy lông.

Sau khi nói kệ này, Đức Thế Tôn thuyết pháp lần đầu tiên toàn là nam, không có nữ, và ngay trên tòa họ đắc Bất thoái chuyển, có lòng tin kiên cố, không thể nào làm trở ngại được.

Bấy giờ, Thích Ca Mâu Ni thân oai thần trở lại giống như trước và nói kệ:

Chứng quả tám chánh đạo
 Không thầy tự nhiên ngộ
 Một mình đạo ba cõi
 Tự đạt đạo Niết-bàn.
 Pháp vốn không một tướng
 Đại biện tài mau lẹ
 Nay Ta đã chứng quả
 Dứt ái không chấp trước.
 Vốn tánh pháp năm ấm
 Không thấy có thiện ác
 Dùng thần lực cứu khổ
 Thản nhiên đạo tịch diệt.
 Các ông trong hội này
 Thệ nguyện đã thành tựu
 Chưa đắc, nay đã đắc
 Vui thay, nghiệp lành này.
 Dây nhân duyên làm ngại
 Trừ sạch không còn gì
 Pháp la vông “Ta”, “Tôi”
 Tự nhiên bị hủy hoại.
 Ngu si không thấy chân
 Tự đạo bốn sắc duyên

Chưa quan sát kỹ càng
 Phân biệt gốc tướng khổ.
 Như nay Ta thành đạo
 Công phu nói không hết
 Phật gầm tiếng sư tử
 Kiếp lửa, kiếp ác cướp.
 Đức nặn chúng sinh khổ
 Láy màu nhuộm tơ trắng
 Nhấn nhục chịu khổ hại
 Đến chết không trả thù.
 Giữ tâm như hư không
 Thay đổi không lâu dài
 Đối với đời bấy giờ
 Tội ngũ nghịch khổ não.
 Khó dạy, không thể độ
 Chư Phật không cứu được
 Tìm gốc làm hiện duyên
 Chỉ dẫn chỗ vô vi.
 Phá tâm ương ngạnh ấy
 Chuyên nhất được giải thoát
 Giáo pháp nói lần đầu
 Không sinh, không khởi diệt
 Điều hướng về Phật đạo
 Không ai bị đọa lạc.

Khi Phật nói kệ này xong, các chúng nam, chúng nữ, chúng chánh, chúng tà đều có lòng tin rất ráo, đặc địa Bất thoái chuyển.

Phật bảo các Đại Bồ-tát:

– Các ông muốn thấy Như Lai dùng thần lực giáo hóa đạo không thể nghĩ bàn, pháp tánh thuần thực, không có người nam, người nữ, theo nghĩa phương tiện thiện xảo nói thọ thân người nữ, không được Phật thọ ký. Ma, Thích, Phạm vương không có tướng chân thật. Các ông có muốn biết bốn chúng này được thọ ký thành Phật không?

Khi ấy, Bồ-tát tên Vô Tận Ý đứng dậy, trích bày vai phải, gói phải quỳ sát đất, chấp tay thưa Phật:

– Con chưa hề nghe Như Lai nói pháp về bốn hạng người này được thành Phật. Nay mới khai diễn đại nghĩa.

Và lại bạch Phật:

– Xả thân thọ thân liền thành Phật sao? Phật bảo Bồ-tát Vô Tận Ý:

– Ông hãy lắng nghe cho rõ, suy nghĩ thật kỹ, Ta sẽ phân biệt rõ ràng cho ông: Chín mươi một kiếp về quá khứ có Phạm Thiên vương tên Đại Biện Tài, thông suốt xưa và nay, thường thích nhàn cư, ngồi trong cung trời suy nghĩ: “Nay ta có thể giáo hóa cung nữ và các Phạm vương ở đây. Khi ta được thành Phật đều có chư Thiên đi theo, cạo bỏ râu tóc, mặc pháp phục, đồng thời thành Phật không vui sao?”.

Nghĩ như vậy xong, Phạm Thiên vương liền ở cung trời, đến cây Trú-độ, ngồi ngay thẳng tư duy, nhất ý nhất tâm, chánh niệm tỉnh giác, không có tướng niệm gì khác, liền thành Phật với ba mươi hai tướng của bậc đại nhân và tám mươi vẻ đẹp.

Quyền thuộc của chư Thiên tu hành chánh pháp Tỳ-kheo, đấng A-la-hán và tất cả đều là hàng lợi căn. Chúng Thiên nữ ấy có người đấng Tu-đà-hoàn, Tư-đà-hàm, A-na-hàm, không còn sinh trở lại thế gian này nữa, rồi liền nhập Niết-bàn. Đó gọi là Phạm Thiên vương không xả thân thọ thân mà thân hiện tại được thành Phật đạo.

Phật bảo Bồ-tát Vô Tận Ý:

– Bảy mươi sáu kiếp về quá khứ có Thiên vương thứ sáu - thống lãnh ba ngàn đại thiên thế giới – tên là Hại Ác. Từ tầng trời thứ sáu trở xuống đến tận tại vô ngại, ở cung trời ấy trải qua vô số sự tư duy, hồi hận: “Những việc xưa kia hủy báng Tam bảo, ngăn cản đạo quả. Giả sử ta thọ báo, đọa vào ba đường, không rời khỏi đường ác, thì nay ta có thể sửa đổi tâm làm ác và cùng với quyền thuộc chư Thiên trong cung trời này tu phạm hạnh, cầu đạo vô thượng, tiến tới thành Phật, không phải vui sao?”.

Lại suy nghĩ: “Cảnh giới mà ta cai quản có vô lượng vô số Thiên nữ vui chơi, không gì vui hơn đây. Giả sử ta thành Phật thì cũng giống như cõi này, dần dần biếng trễ, kiêu mạn”.

Lại tới kiếp số loài ma có tri thức tu hành, bước lên quả vị Thập trụ, giảng nói công đức của Phật, xuất gia tu đạo, có các tướng đầy đủ. Tâm ma khai mở, sửa đổi, tâm tánh nhập vào thiên định, không có dây nhiều tướng niệm, căn tánh mau lẹ. Ngay đó, liền ở cung trời mà chứng đạt tam minh, trang nghiêm cõi Phật, không còn tái sinh nữa, liền thành Vô Thượng Chánh Chân Chánh Đẳng Chánh Giác, phóng ra ánh sáng lớn chiếu khắp tất cả cõi ma, không chỗ nào là không thấy.

Khi ma thành Phật, có ba ức Thiên tử tâm tự sinh niệm, cho rằng: Do

ma huyền hóa chứ chẳng phải đạo chân thật và hết thầy rút lui trở về cung. Mười sáu ức Thiên tử đều đến thân cận, phụng thờ, cúng dường như Phật không khác. Và ngay nơi tòa chứng bốn quả. Đó là đại Thiên vương Hại Ác, không xả thân thọ thân mà thành Phật đạo.

Phật bảo Bồ-tát Vô Tận Ý:

– Sáu mươi một kiếp về quá khứ, ở phương Đông có Thích Thiên Tử tu thiên nhãn, tâm thanh tịnh, thích thiên định, luôn muốn xuất gia tiến đến Phật đạo. Pháp của chư Thiên ấy bị suy nên có điềm ứng và không bao lâu qua đời.

Chư Thiên từ từ giảm sút sự ham thích về ngủ nghỉ, thân thể dơ bẩn, hoa tự khô héo, không thích tòa báu, thức ăn không ngon, rồi liền đi ra sau vườn tắm rửa, giặt giũ. Với thân trời này, mắt thấy rất xa: “Làm thế nào có Phật để đến lễ lạy, viếng thăm, cung kính cúng dường, được thọ giới cấm của Phật và liền ngay thân này đắc thành Phật đạo”. Nghĩ như vậy xong, ngồi ngay thẳng tư duy, dùng thiên nhãn thấy phương trên có Phật hiệu Vô Lượng Không Hành, ở trong thế giới Thanh Tịnh, hiện đang giảng nói pháp, đầu, giữa, cuối hoàn toàn thiện.

Thế rồi Thích Thiên Tử dùng thần lực khoảng như người co duỗi cánh tay, đến chỗ Phật ấy lễ lạy sát chân, lui qua đứng một bên và nói kệ khen Phật:

*Tướng sáng chiếu mười phương
Chiến thắng các ma oán
Giảng nói con đường đạo
Dứt nghi, không còn lằm.
Người phạm hạnh thanh tịnh
Đều nhờ hạnh tối thắng
Tùy cơ nói chân pháp
Không trái pháp bản hạnh.
Con là chủ chư Thiên
Muốn tu đạo thanh tịnh
Cúi xin Phật thương xót
Được đến chỗ an ổn.*

Bấy giờ, Đức Thế Tôn bảo Thích Thiên Tử:

– Lành thay! Lành thay! Ông phát tâm rộng lớn, muốn được cứu vớt khổ của chúng sinh: người chưa đắc được đắc, người chưa đạt được đạt, người chưa thành tựu được thành tựu, muốn cho người mù được mắt sáng,

người điếc được nghe, người gù lưng được thẳng, người không có tay chân được có tay chân. Ông hãy trở về bổn cung, ngồi nơi cây đạo, phân biệt các hành là pháp trụ hay pháp tán.

Nghe xong, Thích Thiên Tử lạy trước Phật. Khi ấy, ông ta biến mất, trở về cung trời. Quyền thuộc chư Thiên đều quy về nương tựa, làm cho công đức của ông ta càng tăng trưởng, tướng suy hao đã tiêu mất sạch. Ông ta ngồi thẳng thân giữ thân, tâm, ý bất động, liền đắc thành Vô Thượng Chánh Chân Đẳng Chánh Giác, hướng dẫn chín mươi ba ức Thiên nữ chứng bốn đạo quả. Đó gọi là Thiên Đế thích không xả thân thọ thân mà thành Phật đạo.

Phật bảo Bồ-tát Vô Tận Ý:

– Năm mươi bốn ức hằng hà sa kiếp về quá khứ có thế giới tên Hòa Diệm, Phật hiệu Vô Dục gồm đủ mười tôn hiệu: Như Lai, Ứng Cúng, Chánh Biến Tri, Minh Hạnh Túc, Thiện Thệ, Thế Gian Giải, Vô Thượng Sĩ, Điều Ngự Trượng Phu, Thiên Nhân Sư, Phật Thế Tôn giảng nói pháp độ người, khéo tu phạm hạnh, biết rõ về pháp Tứ đế, bố thí cho tất cả. Dân chúng cõi đó đều thọ thân nữ, hiểu rõ vô thường, khổ, không, vô ngã, phân biệt về thọ nhập, không còn phiền não, nhằm chán thân khổ này; cùng nhau phát thệ nguyện rộng lớn, mặc áo giáp vô úy muốn cứu độ chúng sinh, làm thanh tịnh cõi Phật, trừ bỏ các xấu ác, lập ý chí kiên cố, đạt đến Bất thoái chuyển; cùng nhau thực hành hiểu rõ về pháp không, vô tướng, vô nguyện. Trong một lúc, trong một ngày thông đạt Tam đẳng, liền thành Phật đạo, các tướng đầy đủ, sống chết tự tại, lấy nhỏ nhập vào lớn, lấy lớn nhập vào nhỏ. Trong một ngày độ vô lượng a-tăng-kỳ chúng sinh, giáo hóa chúng sinh vào Niết-bàn vô dư y. Đó gọi là bất xả thân thọ thân mà thành Phật đạo.

Bấy giờ, muốn lập lại nghĩa này, Đức Thế Tôn nói kệ:

*Pháp tánh như biển lớn
Không nói có đúng - sai
Kẻ phạm phu, Hiền thánh
Bình đẳng không cao thấp.
Chỉ do tâm cấu diệt
Thủ chứng như trở tay
Đạo thành vua ba cõi
Xiển dương tướng sư tử.
Phân biệt vốn không pháp*

*Không có hạnh nam nữ
 Nay đời năm trước này
 Hiện có phần thọ thân.
 Đoạn diệt kẻ chấp thường
 Làm chương ngại kiếp số.*

Khi Đức Thế Tôn nói kệ này xong, có tám vạn bốn ngàn ức chúng sinh lập chí kiên cố và tất cả đều nguyện thành Phật, không còn tái sinh.



Phẩm 14: HÀNH ĐỊNH BẤT ĐỊNH

Bấy giờ, trong chúng hội có Bồ-tát tên là Thường Tiểu, đạt sáu thần thông, có oai đức và thần lực tự tại, biện tài vô úy, chấm dứt phần sinh tử, không còn chấp trước việc gì, những điều nói ra đều được tin dùng, hiểu rõ các pháp không, như huyền hóa, như mộng, như sóng năng, như lá đỏ trong nước mà loài thú ngu si cho là nước thịt, cuối cùng không lấy được, như tiếng vọng trong núi; hiểu rõ các pháp không sinh, không diệt, muốn đoạn trừ tất cả sự nghi ngờ của chúng sinh, nên liền đứng dậy, trích bày vai phải, gồi phải quỳ sát đất, chấp tay thưa Phật:

– Cúi xin Thế Tôn, con có chút nghi ngờ. Nếu được cho phép con mới dám thưa. Trí tuệ của đại Thánh Như Lai vô ngại, trước biết do nhân duyên quá khứ trói buộc các hành, sau làm rõ nguyên lý thành bại và nhân duyên hợp tan của vị lai. Hành nghiệp thiện ác là do phát tâm khác nhau. Nay con nghe Như Lai ở trong thai giáo hóa chúng sinh là các hành có sai khác, có đối không đối, có quả báo không có quả báo, có hành đen trắng, không có hành đen trắng. Lại có chúng sinh từ khi mới phát tâm trải qua vô số kiếp mà không được thành tựu, hoặc có chúng sinh chỉ sáng phát tâm mà chiều liền thành Phật. Cúi xin Thế Tôn hãy giảng nói cho, con rất muốn nghe.

Đức Thế Tôn dạy Bồ-tát Thường Tiểu:

– Theo lý lẽ mà ông hỏi đều là do oai thần của Như Lai cảm vờ tạo ra. Muốn thành tựu các pháp thì không đoạn thật tánh của Như Lai, trước cũng như sau. Vì sao? Vì pháp tánh của Như Lai không thể nào nắm bắt, giữ gìn được, cũng chẳng phải là phạm vi của A-la-hán, Phật-bích-chi biết được.

Khi ấy, Đức Thế Tôn dùng thần lực xuất ra tướng lưới rộng dài, ánh sáng nơi tướng lưới chiếu đến a-tăng-kỳ kiếp cõi Phậ, tận cùng phương Đông, khiến cho chúng sinh nơi năm đường thấy ánh sáng ấy tìm đến chỗ Như Lai. Ngay giữa chạng mờ, Đức Thế Tôn lại xuất ánh sáng tướng lông trắng, trên chiếu đến tám mươi bốn ức hằng hà sa cõi chúng sinh.

Bấy giờ, Đức Thế Tôn nói kệ cho Bồ-tát Thường Tiếu:

*Ba mươi một âm vang
 Nghiệp báo được trong sạch
 Bốn mươi tám trần cấu
 Trời hành năm mươi năm.
 Bồ-tát tóc bảy báu
 Phát sinh tâm chúng sinh
 Bốn loại cây đạo quả
 Tâm thức định không loạn.
 Kẻ thiếu trí vô phước
 Mặc khẩu nghiệp rất nhiều
 Ăn uống biết vừa đủ
 Đi đứng đứng oai nghi.
 Bình đẳng thương tất cả
 Mới gọi đạo Bồ-tát
 Đời năm trước ba cõi
 Diên đảo vương cõi ma.
 Phá hoại gốc nghiệp thiện
 Như bóng không rời hình
 Căn tánh có lạnh chặm
 Tới lui lòng do dự.
 Phát nguyện độ chúng sinh
 Công đức trọn đầy đủ
 Thành tựu thân mười lực
 Pháp hữu vi thế tục.
 Tư duy khó lường được
 Vừa chết lại tái sinh
 Như lửa cháy núi rừng
 Tâm niệm đốt chánh pháp.
 Lan đến a-tăng-kỳ
 Thân mặc giáp thế nguyện
 Dừng mãnh độ kẻ dữ*

Tiêu diệt chúng quân ma.
Lỗ chân lông thân người
Hơn sáu mươi bốn vạn
Người trí tuệ biết rõ
Các nghiệp báo nhỏ nhất.
Người lợi căn Diêm-phù
Thọ thân rất xấu xí
Từ mỗi lỗ chân lông
Rịn chảy không kín đáo.
Thân kim cang Như Lai
Chân lông ba mươi bảy
Kín đáo không rỉn chảy
Không bị lửa thiêu cháy.
Ma và quyến thuộc ma
Sa-môn, Bà-la-môn
Phạm thiên và chúng Thích
Thần lực các quỷ thần.
Muốn đưng lông tóc Phật
Việc này không thể được
Hư không thành địa giới
Nhật nguyệt có thể rơi.
Muốn đưng lông tóc Phật
Không thể nào làm được
Đây là nghiệp pháp tục
Chẳng phải tướng vô vi.
Thọ hành chịu nghiệp quả
Các tướng đều khác nhau
Thân Phật thể kim cang
Ngoài hành theo báo nghiệp.
Là quả báo thế tục
Lìa xa pháp vô vi
Tướng Phật pháp chân thật
Không hiện ra bên ngoài.
Muốn biết tướng trong Phật
Như khéo dùng thần túc.
Nói kệ xong, Đức Thế Tôn bảo
Bồ-tát Thường Tiểu:

*Báo của duyên, báo của duyên
 Báo của chí đạo vô ngại
 Báo của Tam bảo chân tánh
 Báo của hành thú Niết-bàn
 Báo của thế tục vô trước
 Báo của nhất hướng cứu cánh.*

Đó là đệ nhất nghĩa của Đại Bồ-tát, không nhiễm, không chấp trước, không thể nắm bắt, không vướng vào cõi Dục cũng không lìa cõi Dục. Quá khứ có, hiện tại có, vị lai có. Chẳng phải quá khứ có, chẳng phải hiện tại có, chẳng phải vị lai có, không sinh, không diệt. Qua trăm ngàn kiếp, Đại Bồ-tát đã thông đạt, không còn chướng ngại, khiến cho mọi tầng lớp chúng sinh đều hiểu rõ không đó vốn có quả báo để thành tựu khẩu nghiệp, thông đạt tất cả âm thanh.

Hoặc có Đại Bồ-tát trong phút chốc có thể làm cho ba ngàn đại thiên thể giới hóa thành thủy giới, giống như Tỳ-kheo đắc thiên quán vô lượng thủy giới. Côn trùng, rùa, ba ba trong thủy giới ấy không xúc chạm nhau. Do chứa công đức nhiều kiếp nên không hư không hoại.

Đó gọi là Đại Bồ-tát nhập vào Tam-muội thủy giới.

Hoặc có chúng sinh thấy Bồ-tát nhập định cho là nước, rồi lấy gạch, ngói, đá, cây cỏ quăng vào. Bồ-tát nhập định, tâm như hư không, không biết có người đến xúc nhiễu. Đó là Đại Bồ-tát nhập vào lực của thủy giới.

Hoặc có Bồ-tát thiên định thân giữ tâm nhập vào Tam-muội Hỏa giới, khiến cho ba ngàn đại thiên quốc độ này bùng cháy. Chúng sinh ngu si nói Bồ-tát gặp lửa kiếp thiêu, chạy tán loạn nhưng không tránh được lửa. Mặc dù lửa cháy đỏ nhưng Bồ-tát thấy mát mẻ không nóng. Đó là Đại Bồ-tát nhập vào Tam-muội Hỏa quang. Oai thần của Tam-muội này không thể lường xét. La-hán, Phật-bích-chi cũng không thể đạt được.

Hoặc có Bồ-tát nhập năm phần pháp thân, tâm định bất động, khiến ba ngàn đại thiên thể giới nào bò bay máy cựa cho đến trùng, kiến đều dùng oai thần tiếp đỡ chúng, nên chúng không gặp phiền não, bảy ngày được an ổn. Sau khi qua đời, tất cả đều sinh lên cõi trời. Trong một ngày nói pháp mà hóa hiện có mặt khắp mọi nơi, trong đó người nào thấy thân đức của Như Lai thì trần cấu đều được trừ sạch, muốn gì được nấy, hoặc sinh vào cõi chư Phật ở phương khác. Đó là nhờ Đại Bồ-tát nhập năm phần pháp thân định tâm ban cho.

Có Bồ-tát nhập vào Tam-muội Bất động sư tử phân tán, khiến cho ba

ngàn đại thiên thể giới chấn động đủ sáu cách. Chúng sinh trong đó đều quy phục, tu hành thanh tịnh, mặc áo hồ thện, bỏ tâm kiêu mạn, hướng dẫn chúng sinh đến tám con đường chân chánh, trừ khử bảy mươi bảy tâm chấp ngã. Cấu nhiễm chất chứa lâu đời chỉ trong nhất thời đều trừ sạch cả. Đó là do Đại Bồ-tát nhập vào Tam-muội Phần tấn vô úy cảm vờ tạo ra.

Có Đại Bồ-tát nhập định Ý tán thân, phân biệt thức tụ từ đâu đến và đi về đâu. Mỗi mỗi đều phân biệt rõ ràng là không, vô tịch nhiên. Trước, sau, giữa đều không có đầu mối. Đó là do Đại Bồ-tát nhập Tam-muội Định ý tán thân mà cảm vờ tạo ra.

Có Đại Bồ-tát nhập Tam-muội Nhẫn đánh, có thể làm thân này biến thành con trùng không có tay chân đầy khắp ba ngàn đại thiên thể giới. Chúng sinh thấy chẳng biết đó là gì nên nói là đồng thịt. Nếu ai lấy ăn thì mùi vị như cam lồ và đều làm no đủ cho các chúng sinh bị đói khát. Đó là do Đại Bồ-tát nhập Tam-muội Nhẫn đánh mà cảm vờ tạo ra.

Có Bồ-tát dùng thần lực Tam-muội khiến núi, sông, đá, vách trong ba ngàn đại thiên thể giới này hóa thành cam lồ, giống như đường phèn, ăn vào không biết chán, khiến cho bốn chứng bệnh nặng kiết sử của chúng sinh vĩnh viễn lành hẳn không còn trở lại. Chúng sinh phát nguyện: “Nguyện muốn sinh về thế giới vô tận”. Đó là nhờ thần lực của Đại Bồ-tát cảm vờ tạo ra.

Lại nữa, Đại Bồ-tát nhập vào Tam-muội Độc bộ, làm cho tất cả chúng sinh trong ba ngàn đại thiên thể giới này thấy Bồ-tát đi cất bước chân, hạ chân xuống. Ai gặp Bồ-tát đi bộ có thể ngăn chặn người tội không còn địa ngục, ngạ quỷ, súc sinh. Đây đều do thân, khẩu, ý của Bồ-tát thanh tịnh và phát nguyện cứu độ đạt đến cứu cánh, không bao giờ quay trở lại. Đó là nhờ vô lượng tâm nguyện phước lành của Đại Bồ-tát cảm vờ tạo ra.

Lại nữa, Đại Bồ-tát dùng thần thông định nhập vào Tam-muội Nhạo pháp, khiến cho các loài chúng sinh trong ba ngàn đại thiên thể giới này đều quay về, đến chỗ Bồ-tát để cầu xin xuất gia, tu phạm hạnh vô thượng, phát tâm giống nhau, cạo bỏ râu tóc, mặc pháp phục, theo pháp thường của chư Phật về pháp oai nghi, giới cấm, giáo thọ trì thì có thể tức thời ở vào địa Minh tuệ. Địa Minh tuệ là nơi hành pháp của Bồ-tát Bát trụ, chẳng phải nơi Nhị thừa tu tập. Đó gọi là nhờ thần lực của Đại Bồ-tát cảm vờ tạo ra.

Lại nữa, Đại Bồ-tát dùng đại bi của Phật nhập vào định vô ngại, khiến cho các loài chúng sinh mê tối trong ba ngàn đại thiên thể giới này cùng làm cha mẹ, anh em, bạn bè, dòng họ, tri thức, ai không có của cải thì cho

của cái, cung cấp các vật cần dùng cho đến quốc thành, vợ con, voi ngựa, vàng bạc, châu báu, xe cộ, mã não, bạch châu, hồ phách, thủy tinh, lưu ly, chiếu khăn, thuốc thang, hương hoa, phấn xoa v.v... đều cho họ sung túc. Những người được sự giáo hóa trong đó đều đầy đủ, khiến chúng sinh phát tâm ở trong địa Nhạo pháp.

Sao gọi là địa Nhạo pháp? Nghĩa là ai hợp với đạo Tu-đà-hoàn thì có pháp chân thật cốt yếu để đoạn ba kiến pháp.

Ai hợp với đạo Tu-đà-hàm thì còn bảy đời nữa thành đạo.

Ai hợp với đạo A-na-hàm thì nói pháp thiện không có năm âm che lấp.

Ai hợp với đạo A-la-hán thì nói Niết-bàn thọ chứng không trở ngại.

Ai hợp với đạo Bồ-tát thì nói pháp Lục độ đánh nhẵn, phát tâm tiến lên.

Ai hướng đến Phật đạo thì nói Nhất thiết trí thanh tịnh rất ráo trang nghiêm cõi Phật, giáo hóa chúng sinh. Từ cõi Phật này đến cõi Phật khác cùng đường, lẽ lạy, thờ phụng chư Phật Thế Tôn, được đắc sáu thần thông.

Mắt có thể thấy thấu triệt.

Tai có thể nghe thông suốt.

Tự biết đời trước.

Biết tâm người khác.

Thân có thể bay.

Các trần cấu đều đoạn sạch, không còn nghi ngờ về Phật, Pháp, Tăng.

Đó gọi là nhờ thần lực của Đại Bồ-tát nhập Tam-muội Nhạo pháp mà cảm vời tạo ra.

Có Đại Bồ-tát nhập vào Tam-muội Kim cang, khiến cho ba ngàn đại thiên thế giới biến thành bảy báu, cứu giúp, ban bố cho người nghèo khổ. Ai xin thức uống cho thức uống, ai xin thức ăn cho thức ăn và rồi nói cho họ về quả báo của sự tham lam bòn xén. Hễ người nào tham lam bòn xén thì chết đọa vào địa ngục, ngạ quỷ, súc sinh, nghèo khổ, áo không đủ che thân, bị người ghét bỏ, hoặc làm nô tỳ, làm người ở mướn, hoặc đọa làm súc sinh gánh vác mang nặng.

Bồ-tát nói cho họ về hạnh không dâm dục thì được sinh lên trời. Dâm là ô uế, chết đọa vào đường ác như núi đao, rừng kiếm, xe lửa, lò than, địa ngục thiết chùy, địa ngục hắc thủy, địa ngục phát thi, núi băng, cối giã v.v... chịu vô lượng khổ. Hoặc vào trong ngục hoa sen đỏ, gió thổi lửa đốt

xương cốt phân ly.

Ở đây Bồ-tát giảng nói về vô thường, thân không tồn tại lâu dài như đánh đá thấy lửa, như sấm sét qua trước mắt, huyễn hóa chẳng phải một thì vì sao chịu khổ, tinh thần suy sụp mà không mong cầu thoát khỏi.

Bồ-tát nói pháp chân thật cho họ như vậy để người chịu tội đều được hết khổ. Đó gọi là nhờ Đại Bồ-tát dùng Tam-muội định ý đại bi của Phật mà cảm động đến.

Khi ấy, Đức Thế Tôn nói kệ:

*Chúng sinh muốn giải thoát
Cửa năm đường ba cõi
Tinh tấn không biếng trễ
An trụ đạo vô vi.
Như người xây nhà cửa
Không cây gỗ mà thành
Chủ yếu trước ban đất
Rồi dựng trụ, xây tường.
Phật đạo như hư không
Không do một hạnh thành
Giữ ý thật kiên cố
Ruộng tâm không quuyến luyến.
Hằng sa Phật quá khứ
Vị lai cũng không tận
Có vị lần lượt thành
Có vị được siêu việt.
Ta dạy ngộ chưa ngộ
Khiến đến tám chánh đạo
Nghe rồi không thọ nữa
Pháp này do ai tạo.
Xưa ta xả tướng thân
Kiếp số không cho khó
Không thấy mà tự ngộ
Là đạo sư tất cả.
Đạo sư hiện ra đời
Không duyên, không thần thông
Cốt độ người chưa độ
Thị hiện thành vô vi.*

Khi Đức Thế Tôn nói kệ này xong, có năm mươi sáu ức hằng hà sa chúng sinh đoạn trừ vọng tưởng, không còn ưa thích nghiệp của thế tục và đồng thời phát nguyện cầu đạo vô thượng.



KINH BỒ TÁT TÙNG ĐÂU THUẬT THIÊN GIẢNG THẦN MÃU THAI THUYẾT QUẢNG PHỔ

QUYỂN 5

Phẩm 15: CHÚNG SINH NHẬP LỤC ĐẠO

Bấy giờ, Đức Thế Tôn nhập vào pháp quán định ý vô lượng, quan sát đại chúng còn có điều nghi ngờ. Muốn giải nghi, Đức Thế Tôn hiện chân thật bằng cách nhấc ngón chân phải xuống đất, ngay lúc đó hiện ra chúng sinh trong sáu nẻo đứng xếp hàng ngay thẳng.

Đức Thế Tôn nói với đại chúng:

– Các ông có thấy chúng sinh trong sáu nẻo này không? Đại chúng đều thưa:

– Bạch Thế Tôn, có thấy!

Khi ấy, trong đại chúng có Bồ-tát tên Tự Tại đã đắc pháp môn Vô tận hư không tạng, có trí tuệ biện tài ứng đối vô ngại. Đây là vị đứng đầu trong mười sáu Thánh tử của Hiền kiếp này. Bồ-tát đi khắp mười phương cõi để thi hành Phật sự.

Bồ-tát Tự Tại từ chỗ ngồi đứng dậy, trích bày vai phải, chân phải quỳ sát đất, chấp tay bạch Phật:

– Bạch Đức Như Lai, Ứng Cúng, Chánh Biến Tri, Minh Hạnh Túc, Thiện Thệ, Thế Gian Giải, Vô Thượng Sĩ, Điều Ngự Trượng Phu, Thiên Nhân Sư, Phật Thế Tôn! Con rất muốn nghe nói về quả báo hành nghiệp của chúng sinh trong sáu đường. Những điều con hỏi hơi cạn cợt, cúi xin Như Lai chỉ dạy.

Khi ấy, giữa đại chúng, Đức Thế Tôn mỉm cười với khuôn mặt hiền hòa. Theo pháp thường của chư Phật Như Lai, Phật không phải cười suông, khi cười đều có nhân duyên:

– Nếu có chúng sinh nào sinh vào trời Phạm thì khi ấy Phật mỉm cười.
Có ai sắp làm Chuyển luân Thánh vương thì Phật mỉm cười.

Có ai làm ngục tốt hoặc làm vua Diêm La thì khi đó Phật cũng mỉm cười.

Có ai thọ thân ngựa quý, Phật cũng mỉm cười.

Có ai làm vua loài súc sinh, Phật cũng mỉm cười.

Bấy giờ, nơi giữa miệng Đức Thế Tôn phóng ra ánh sáng năm màu, chiếu khắp ba ngàn đại thiên thế giới, rồi thu trở lại nhập vào đỉnh đầu và bảo Bồ-tát Tự Tại:

– Những điều ông hỏi chính là do oai thần của Như Lai ứng tiếp, cũng là do chư Phật mười phương hộ trì nên có thể đưa ra câu hỏi như vậy. Nay Ta sẽ phân biệt rõ ràng cho ông về nhân duyên hành nghiệp của chúng sinh trong sáu đường. Ông hãy lắng nghe cho rõ, suy nghĩ thật kỹ.

Bồ-tát Tự Tại thưa:

– Bạch Thế Tôn! Con xin được muốn nghe. Phật bảo Bồ-tát Tự Tại:

– Ông hãy đưa mắt nhìn về phương Đông, có cõi trời Phạm, trời Đại Phạm, trời Thanh Tịnh Phạm và cho đến trời Sắc Cứu Cánh. Các chúng sinh nơi cõi trời này đầu tiên tu hành phạm hạnh đều có chủng tử Phật, tu các công đức. Vì tham phước báo, đắm nhiễm, chìm theo năm dục. Đạo quả theo nhân duyên nên đều được thọ thân trời, tánh phước của Phạm thiên là rất nhiều. Nay Ta sẽ nói rõ ràng cho ông: Như Chuyển luân vương có bảy báu tùy tùng đầy cả ba ngàn đại thiên thế giới.

Bảy báu đó là:

Voi báu: Có ba mươi hai ngà, màu lông trắng tinh, chân đạp trên hoa sen và có thể bay được.

Ngựa báu: Thân màu xanh biếc, lông cổ bờm ngựa màu đỏ, có thể bay được. Đi đến đâu đều không bị chướng ngại và biết tâm niệm của người.

Châu báu: Ánh sáng thấu triệt khắp nơi, chiếu khắp cả hư không, cho đến chiếu khắp bốn cõi thiên hạ.

Luân báu (xe báu): Xe có ngàn cãm, điều khiển chạm vẽ không hình nào giống hình nào. Báu thứ tư này không có thức.

Ngọc nữ báu: Là người đẹp nhất trong phái nữ, tánh hạnh dịu dàng, thùy mị, hiếm có ở thế gian, không cao không thấp, không trắng không đen. Thân có mùi thơm Ưu-đàm-bát-la-liên-hoa, miệng có mùi thơm Ngưu-đầu-chiên-đàn, cung kính, khiêm nhường, từ tốn, biết tâm ý của Thánh vương.

Thần báu giữ kho: Khi vua cần báu thì tay cầm khí cụ thần giới lên hư

không, viết lên thì thành báu, lấy hay thôi tùy vua.

Chủ binh báu: Khi Thánh vương xuất hành cần bốn bộ binh. Vua bảo chủ binh báu: “Nay ta muốn đi xem xét đất nước. Hãy mau tập hợp binh chúng trước cung điện của ta, chờ đề trễ giờ”. Nhận lệnh vua, chủ binh báu quay nhìn về phía Đông thì binh voi đã tập hợp thẳng hàng ở phía Đông. Liếc mắt nhìn về phía Nam thì binh mã đã tập hợp thẳng hàng ở phía Nam. Quay nhìn lại phía Tây thì binh xa đã tập hợp thẳng hàng ở phía Tây. Quay nhìn phía Bắc thì bộ binh đã tập hợp thẳng hàng ở phía Bắc.

Chuyển luân Thánh vương tùy ý cỡi voi, hoặc ngựa đến các châu Phát-can-đề, Uất-đan-việt, Đề-câu-da, Ni-đề, dạo khắp bốn phương nhưng chân không đạp đất. Qua trăm năm, ngàn năm, ngàn trăm năm hưởng phước tự nhiên.

Thân của Chuyển luân Thánh vương đầy khắp cả bốn cõi thiên hạ nhưng không bằng thân Đế thích. Vì sao? Vì nơi Đế thích thống lãnh có cung điện bảy báu, có quyền thuộc, ngọc nữ ngồi trong điện đường bảy báu, hưởng thú vui cõi trời. Nhìn Đông quên Tây, nhìn Nam quên Bắc, hoan lạc không thể tả.

Dù thân Đế thích như vậy nhưng cũng không bằng Thiên vương thứ sáu. Thân có ba mươi tướng, thần đức tự tại, tùy theo tâm niệm biến hóa đủ thân hình, binh chúng tùy tùng không thể đếm xuể, công đức phước nghiệp bố thí vô ngại.

Như hạng Lục Thiên vương khắp bốn cõi thiên hạ nhưng không bằng một Đại Phạm Thiên vương, có công đức rộng lớn, trông coi ba ngàn đại thiên quốc độ. Chúng Phạm thiên nhiều vô lượng, không thể tính đếm, sống rất lâu, hơn một Hiền kiếp thọ mạng mới hết.

Bấy giờ, Đức Thế Tôn bảo Bồ-tát Tự Tại:

– Ông đưa mắt nhìn về phương Nam thì sẽ thấy vô số Chuyển luân Thánh vương đứng sắp hàng ở phía Nam. Công đức của Chuyển luân Thánh vương rất nhiều, như đã nói ở trên. Họ giữ năm giới, mười điều thiện, cung kính phụng thờ bậc Hiền thánh, giữ giới của tiên nhân, bát trai thanh tịnh, căn tướng hợp nhau, thương xót mọi người, không có tâm làm tổn hại, hưởng quả báo của phước ấy khó lường, cho nên được kế thừa ngôi vị Chuyển luân vương.

Phật bảo Bồ-tát Tự Tại:

– Ông đưa mắt nhìn về phương Tây thì thấy Sư tử vương đứng thẳng ở phía Tây, theo sáu việc, đứng bất động, lông trắng tinh, ngực vuông vức.

Đó là do phước báo từ đức hạnh của kiếp trước. Mặc dù thọ thân súc sinh nhưng phân biệt rõ về thiện ác. Chân đạp hoa sen không dính bụi đất. Không bao giờ sát sinh, ăn thịt, uống máu. Một khi sư tử gầm lên thì loài bay trên không đều rơi xuống đất, loài thú chạy phải nép mình. Trong năm giới, sư tử cũng không phạm quá ba, cho nên đạt được phước báo như vậy. Mặc dù đọa làm súc sinh nhưng khi chuyển xả thân đều được thành đạo.

Phật bảo Bồ-tát Tự Tại:

– Ông quay nhìn về phía Bắc thấy ngạ quỷ ở cung điện bảy báu, quyến thuộc tùy tùng đều tự nhiên ăn pháp vị cam lồ. Tuy gọi là ngạ quỷ nhưng đều theo ủng hộ loài người để tu thiện. Nó cũng có thần túc đi đến các cõi Phật, lễ kính chư Phật, vâng giữ chánh pháp, đứng biết đứng, đi biết đi, cảm động tùy thời, không chấp giữ pháp thường, dạo qua cõi Ta-bà để cùng hội họp với chúng thiện. Không bao lâu chuyển xả thân thì thành đạo.

Phật bảo Bồ-tát Tự Tại:

– Ông quay nhìn xuống phương dưới thấy vua Diêm La lấy năm việc để cai trị, luôn luôn chân chánh. Năm việc đó là gì? Trước mặt tội nhân chất vấn hỏi: “Trong nhân gian có Phật, có Pháp, có Tỳ-kheo Tăng, có cha, có mẹ không?”. Tội nhân trả lời: “Thưa đại vương, thật có”. Khi ấy Thánh vương nói kệ hỏi:

*Gông cùm xiềng xích sắt
Vạc dầu, trụ đồng cháy
Nước đồng sôi, kèm, xoa
Đền trả không bao lâu.
Tự tạo gốc nhân duyên
Nghệp báo chẳng phải ai
Cả cha mẹ, anh em
Chẳng ai thể chịu khổ.
Ta muốn học xuất gia
Giữ giới không vi phạm
Hành chánh pháp bình đẳng
Ngày vẫn ba lần nấu.*

Hỏi năm việc xong, vua Diêm La liền ra lệnh và giao phó cho ngục tốt tùy theo tội nặng nhẹ mà xử trị.

Trong số tội nhân ấy, ai nghe tiếng Phật, Pháp, thì tội diệt phước sinh, trở lại làm người, tu hành thanh tịnh. Đó gọi là báo ứng của chúng sinh trong sáu đường.

Nghe pháp xong, Bồ-tát Tự Tại lạy sát chân Phật rồi trở về chỗ cũ.

Khi ấy, trong chúng hội có tám ngàn ức chúng sinh không thích ở nơi chốn khổ, bị đọa trong sáu đường, đều phát tâm cầu đạo vô thượng tịch diệt, không - vô và xa lìa sinh tử.



Phẩm 16: CHUYỂN PHÁP LUÂN

Bấy giờ, Đức Thế Tôn vì muốn thị hiện vô lượng di thể báo ứng của chư Phật khiến cho tất cả Bồ-tát có thần thông, bậc hữu học, vô học và bốn chúng - Tỳ-kheo, Tỳ-kheo-ni, Ưu-bà-tắc, Ưu-bà-di - đều thấy rõ nên hiện sinh thọ báo chuyển đại pháp luân. Sự báo ứng này, Sa-môn, Bà-la-môn, Ma, Phạm thiên chẳng thể nào chuyển được. Đức Thế Tôn liền dùng thần lực, từ lỗ chân lông trên thân phóng ra ánh sáng chiếu xa đến các cõi Phật khắp mười phương, mỗi vầng ánh sáng đều có ba ngàn đại thiên cõi Phật, mỗi cõi Phật đều có hóa Phật, mỗi hóa Phật đều có ba ngàn đại thiên loài chúng sinh, mỗi chư Phật và chúng hội ấy giảng nói vô tận pháp tạng, có vô lượng điều kỳ diệu, không pháp nào sánh bằng. Pháp chân tế thâm diệu được nói ra, đầu giữa cuối đều thiện, diệt trừ dâm - nộ - si, lấy nước bát giải rửa trừ tâm cấu.

Khi ấy, trong ao, chư Phật hóa làm đài cao bảy báu, cách đất bảy nhận. Trên đài cao trải tòa cao báu, bốn góc đều treo linh vàng, ở giữa dùng đủ thứ báu treo xen lẫn nhau, treo lọng lụa, cờ phướn năm màu đỏ, vàng v.v... an lạc không thể tả. Ngay trên tòa, chúng sinh nghe tạng pháp vô tận, ngồi thẳng tư duy, tâm không tán loạn. Tất cả đều muốn nghe pháp bí mật tinh túy của Như Lai.

Theo pháp thường của chư Phật, Đức Thế Tôn lại phóng ra ánh sáng nơi nhục kế chiếu lên đến vô số ức cõi Phật. Cõi Phật trên không giới có Phật hiệu Bảo Như Lai, Ứng Cúng, Chánh Biến Tri, Minh Hạnh Túc, Thiện Thệ, Thế Gian Giải, Vô Thượng Sĩ, Điều Ngự Trượng Phu, Thiên Nhân Sư, Phật Thế Tôn, thấy ánh sáng từ nhục kế của Đức Phật Thích Ca Văn, liền nói với các hội Bồ-tát nơi cõi mình:

– Phương Dưới có Phật hiệu Thích Ca Văn Ni Như Lai, Ứng Cúng, Chánh Biến Tri, Minh Hạnh Túc, Thiện Thệ, Thế Gian Giải, Vô Thượng Sĩ, Điều Ngự Trượng Phu, Thiên Nhân Sư, Phật Thế Tôn, hiện đang ở trong

thai mẹ rộng giảng nói pháp tạng sâu xa vô thượng, hướng dẫn các Bồ-tát có thần thông khắp mười phương. Các ông hãy đến đó lễ lạy thăm hỏi và đem lời thăm hỏi của Ta đến Thích Ca Văn Ni: “Đức Phật giáo hóa có dễ dàng không? Đi lại có khỏe mạnh không? Chúng sinh ở đó có dễ độ không?”. Đến đó các ông phải giữ gìn, thâm giữ oai nghi. Chúng sinh nơi cõi đó nhiều phiền não, đầy lòng kiêu mạn.

Khi đó, các Bồ-tát ở cõi này cả mười bảy vạn vạn ức vị, mặc pháp phục tràng hoàng, lễ sát chân Phật rồi biến mất ở đấy, hiện đến cõi Ta-bà.

Đức Phật Thích Ca Văn Ni lại dùng thần lực định tâm làm cho các Bồ-tát này không thấy Đức Thích Ca Văn Ni và che xung quanh bốn mặt của đạo tràng thuyết pháp. Các Bồ-tát tìm kiếm Đức Thích Ca Văn Ni từ cõi Diêm-phù-đề đến khắp ba ngàn đại thiên cõi nhưng không thấy.

Các Đại Bồ-tát ấy nói với nhau:

– Ở nơi cõi thượng hư không của chúng ta cách đây rất xa, ánh sáng chúng ta thấy vừa rồi chẳng lẽ do Đức Phật Thích Ca Văn Ni nhập Niết-bàn nên đã phóng ra ánh sáng? Chẳng lẽ chúng ta đã mất thiên nhãn thông rồi chăng? Vì sao? Vì đã đi tìm khắp các thế giới trong mười phương mà không biết Đức Phật ở đâu cả.

Các vị Bồ-tát suy nghĩ: “Chúng ta đành phải trở về thôi”.

Nghĩ vậy xong, tất cả đều không thể nào đến cõi Phật của mình nên đều rất lo sợ, vì cho rằng đã mất thần túc, tâm chán nản, mệt mỏi, không thể tham cứu pháp môn tạng vô tận. Vì sao? Vì đó đều là oai thần của Đức Thích Ca Văn Ni khiến ra như vậy.

Biết rõ tâm của các Bồ-tát ấy, Đức Phật dùng thần túc tiếp các Bồ-tát ở trong thai mẹ. Bấy giờ, các Bồ-tát đều cung kính làm lễ, thưa hết những lời dạy thăm hỏi của Đức Phật nơi cõi mình và ngồi qua một bên.

Khi ấy, Đức Thích Ca Văn Ni Như Lai lại dùng thần túc phóng ra ánh sáng lớn chiếu sáng đến thế giới Diêm ở phương Đông, cõi nước tên là Kỳ Đặc, Phật hiệu Thâm Nghĩa gồm đủ mười tôn hiệu: Như Lai, Ứng Cúng, Chánh Biến Tri, Minh Hạnh Túc, Thiện Thệ, Thế Gian Giải, Vô Thượng Sĩ, Điều Ngự Trượng Phu, Thiên Nhân Sư, Phật Thế Tôn, hiện đang giảng nói pháp, đầu giữa cuối đều thiện.

Thấy ánh sáng này, Phật ấy nói với các Bồ-tát:

– Các ông hãy chuẩn bị đi đến chỗ Đức Phật Thích Ca Văn Ni ở cõi Ta-bà để nghe tạng pháp vô tận, được nhiều lợi ích. Vì sao? Vì Bồ-tát nơi cõi đó đều là bậc Nhất sinh bổ xứ, chắc chắn có pháp kỳ diệu khó nghĩ bàn.

Các Đại Bồ-tát cung kính vâng lời Phật, lễ sát chân Phật rồi bỗng nhiên biến mất ở đấy, hiện đến chỗ Đức Phật Thích Ca Văn Ni ở cõi Ta-bà, đầu mặt lay sát chân Ngài rồi lui qua một bên. Phật dùng thần đức cho mời ma Ba-tuần, do được cảm ứng nên khiến ma đến. Đức Thế Tôn biết chúng sinh tập hợp, chur Thiên trỗi nhạc ca tụng vô lượng phước nghiệp của Như Lai, Phật bảo Bồ-tát Văn-thù-sư-lợi:

– Hãy ngưng nhạc của chur Thiên lại. Ta sắp giảng nói pháp. Phật bảo chúng hội từ xa đến:

– Khi Phật xuất hiện nơi đời ức vạn ngàn kiếp, khi ấy mới có hoa Ưu-đàm-bát. Đại Bồ-tát nào lậu tận, có thần thông, biết pháp căn bản, trừ vọng tưởng, bỏ ý niệm, thì gọi là hữu tận. Không thấy lậu tận, không tưởng pháp thì gọi là vô tận.

Đại Bồ-tát nghĩ do thân bị trói buộc, không đến bờ kia thì gọi là hữu tận; có thể bỏ tưởng về thân, không còn bị trói thì gọi là vô tận.

Đại Bồ-tát đã cởi bỏ trói buộc, không trụ vào chân tế thì gọi là hữu tận; không còn bị tưởng trói buộc, đạt được về tưởng là không – vô ngã thì gọi là vô tận.

Đại Bồ-tát luôn luôn quán các thế giới rõ ràng, không thật có thì gọi là hữu tận; phân biệt hư không không có thật, không thấy có độ, không độ, thế giới không như thế thì gọi là vô tận.

Đại Bồ-tát tu hành mười sáu pháp thù thắng, cứu độ a-tăng-kỳ chúng sinh thì gọi là hữu tận. Mười sáu pháp thù thắng tự tánh là không tịch, không thấy độ, không thấy không độ thì gọi là vô tận.

Đại Bồ-tát tu hành khắp nơi, chịu khổ cho chúng sinh mà không lấy làm mệt mỏi, đó gọi là hữu tận. Không thấy chúng sinh, quốc độ thanh tịnh, không một không hai, đó gọi là vô tận.

Đại Bồ-tát vâng giữ giới, tu pháp nhập ba môn giải thoát, đó gọi là hữu tận. Không thấy chúng sinh giới khuyết thiếu hay giới trọn vẹn, đó gọi là vô tận.

Đại Bồ-tát hiểu rõ, phân biệt nghĩa từng câu, nghĩa từng chữ, ứng phó không ngại, đó gọi là hữu tận. Không thấy nghĩa của câu, không phân biệt nghĩa chữ, đó gọi là vô tận.

Đại Bồ-tát phân biệt cõi trời, súc sinh, naga quỷ, địa ngục, ở đó Bồ-tát cứu vớt hết thấy, khiến được giải thoát thì gọi là hữu tận. Mặc dù ở trong năm trược nhưng không nhiễm, không bị nhiễm cũng không chấp trước, đó gọi là vô tận.

Đại Bồ-tát bỏ tham lam, cao ngạo, không có tăng thượng mạn, cũng không tự ti, tu hành thanh tịnh thì gọi là hữu tận. Pháp tánh là không tịch, không có tâm tự đại, không thấy ngã mạn với pháp được mắt, không thấy siêng năng thọ chứng đạo quả, đó gọi là vô tận.

Đại Bồ-tát làm trang nghiêm cây Bồ-đề, diễn xướng vô số âm thanh thanh tịnh vang khắp mười phương, phá trừ tham lam chấp trước để hành bố thí thì gọi là hữu tận, Không thấy thế giới thành tựu hoại, sinh diệt, có tham đắm thì gọi là vô tận.

Đại Bồ-tát dùng tâm kim cang phá kiết ba cõi, từ lúc mới phát tâm cho đến ngôi vị Bất thoái chuyển không thấy đoạn diệt làm chướng ngại chúng sinh, đó gọi là hữu tận. Sự chấp trước về ngã, không còn có ngã, không còn ngã sở. Thế nào là ngã? Là tự ngã không thật có; ngã cũng không có ngã, đó gọi là vô tận.

Đại Bồ-tát diệt trừ tên họ, không chấp vào pháp thế tục, nói đó là ngã sở chẳng phải ngã sở, là cha, là mẹ, là anh, là em, dòng họ của ta rất tối thắng, dòng họ của người khác không bằng, ta là Tộc tánh tử, còn kia chẳng phải là Tộc tánh tử v.v... người chấp danh hiệu ấy gọi là hữu tận. Từ khi mới phát tâm cho đến lúc thành Phật không thấy có chúng thành, cũng không thấy Phật. Giả sử tên tự danh hiệu cũng đều là không tịch, không thấy có không tịch. Thế nào là không? Ai tạo ra không này? Không tự nó không có không, thì làm sao nói không? Đó gọi là vô tận.

Pháp Đại Bồ-tát nói từng chữ, nói từng câu, nói từng nghĩa, từ vô minh đến hành, cho đến sinh tử. Vô minh, ái, thủ là pháp làm nhân duyên bất tận. Mê hoặc, điên đảo bị vô minh trói buộc, từ chỗ tối vào chỗ tối có thể cứu vớt ra được, đó gọi là hữu tận. Vô minh duyên hành, hành duyên thức, thức duyên danh sắc, danh sắc duyên lục nhập, lục nhập duyên xúc, xúc duyên thọ, thọ duyên ái, ái duyên thủ, thủ duyên hữu, hữu duyên sinh, sinh duyên lão tử, ưu bi, khổ não. Sự trói buộc vương mắc đều diệt trừ.

Không bị vương mắc thì vô minh diệt, vô minh diệt thì hành diệt, hành diệt thì tức diệt, thức diệt thì danh sắc diệt, danh sắc diệt thì lục nhập diệt, lục nhập diệt thì xúc diệt, xúc diệt thì hữu diệt, hữu diệt thì sinh diệt, sinh diệt thì lão tử, ưu bi, khổ não diệt.

Lão tử, ưu bi, khổ não duyên sinh, sinh duyên hữu, hữu duyên thủ, thủ duyên ái, ái duyên thọ, thọ duyên xúc, xúc duyên lục nhập, lục nhập duyên danh sắc, danh sắc duyên thức, thức duyên hành, hành duyên vô minh.

Lão tử, ưu bi, khổ não diệt thì sinh diệt, sinh diệt thì hữu diệt, hữu diệt thì thủ diệt, thủ diệt thì ái diệt, ái diệt thì thọ diệt, thọ diệt thì xúc diệt, xúc diệt thì lục nhập diệt, lục nhập diệt thì danh sắc diệt, danh sắc diệt thì thức diệt, thức diệt thì hành diệt, hành diệt thì vô minh diệt. Hiểu rõ pháp tánh diệt hay không diệt, cũng không thấy diệt, cũng không thấy không diệt. Sao gọi là diệt diệt? Không diệt, đó gọi là vô tận.

Đại Bồ-tát phân biệt hiểu rõ về pháp khởi, pháp tận; khởi không biết từ đâu đến, không biết đi về đâu. Khởi cũng không khởi, tận cũng không tận, đó gọi là vô tận.

Hiểu rõ khởi - tận đều không có xứ sở, giống như hư không, không vướng mắc. Sao gọi là vô trước? Vì không thấy vô trước, vô trước hoàn toàn không có, đây là vô trước. Đó gọi là vô tận.

Đại Bồ-tát muốn chứng đắc Tam-muội tổng trì, bốn tuệ vô ngại, đêm ngày kinh hành, toàn thân nhẹ nhàng, đầu tiên tập pháp quán cách mặt đất, ban đầu như quả A-ma-lặc, lần lần như quả Tỳ-hê-lặc, chuyển lần lên như quả Ha-lê-lặc, cách đất bằng bóng của ngón chân, từ từ cách đất bằng bóng của bảy người. Đây là thiền của thế tục mà kẻ phàm phu, tiên nhân học.

Đối với sự học ấy, Bồ-tát trụ vào thì gọi là hữu tận. Tâm thông suốt, không chướng ngại, không trụ vào năm thần thông, chẳng phải là không trụ năm thần thông, hiểu rõ pháp tánh của các pháp là tự nhiên, vô minh và chân tế đều tự nhiên, cũng không tự nhiên.

Sao gọi là tự nhiên? Là không thấy tự nhiên, không có tự nhiên.

Đó gọi là vô tận.

Đại Bồ-tát lấy không mà diệt tướng, không thọ sắc, không bị mọi tầng lớp chúng sinh sai khiến, ở nơi thanh vắng ngồi tư duy, không thấy tạo sắc, không thấy không tạo sắc, một lòng chỉ hướng đến cửa Niết-bàn, đó gọi là hữu tận.

Niệm thân là vô thường, nên bỏ thí, trì giới, định tâm, không lo sợ bị đọa lạc, chìm đắm trong sinh tử. Mặc dù ở trong sinh tử nhưng giống như chim bay trên hư không, không thấy dấu vết, biết tất cả là vô sở hữu, đó gọi là lửa tắt, chỉ còn đồng tro, không còn hơi nóng. Tìm người chủ và chất liệu của lửa không phải người, không phải ta, không phải thọ, không phải mạng. Quan sát phân biệt ai đã tạo tác. Thức cũng không phải thức, tìm nơi mười tám giới, nhập cũng không có nguồn gốc. Một trăm lẻ tám phiền não đều vô sở hữu, qua lại đều thông suốt, không thấy, không thể thấy, không nắm giữ, không thấy có người nắm giữ.

Thế nào là nắm giữ? Là nắm giữ mà không có gì để nắm giữ. Đó gọi là vô tận.

Lúc ấy, trong đại chúng có Bồ-tát tên Kim Sắc chứng đắc sáu thông, thấu triệt, thâm hiểu Phật tuệ, công đức vô lượng, quyền biến muôn hình vạn trạng, muốn hỏi Như Lai về nghĩa vô tận nên liền đứng dậy, trích bày vai phải, gối phải quỳ sát đất, chấp tay thưa Phật:

– Bạch Thế Tôn! Sao gọi là vô tận? Phật bảo Bồ-tát Kim Sắc:
– Pháp vô tận của Đại Bồ-tát là không nói, không lời thì làm sao thấy, nghe, nói về pháp vô tận.

Bấy giờ, Đức Thế Tôn dùng kệ nói với Bồ-tát Kim Sắc:

*Hư không không hình tướng
Tìm sinh không nguồn gốc
Thai phần không thể lường
Như sông chảy vào biển.
Bảo tạng pháp vô tận
Cha mẹ Phật ba đời
Muốn tìm tận nguồn gốc
Chính là tâm mê hoặc.
Hiểu rõ pháp tướng không
Dứt sạch hết bụi trần
Thành Phật thân kim cang
Đầy đủ tướng trang nghiêm.
Phân biệt thân Phật không
Không chấp trước trong ngoài
Dầu giảng vô tận báu
Ức vạn không nói một.*

Khi Đức Như Lai giảng nói về vô tận báu, các Bồ-tát bậc hữu học và vô học ngay nơi chỗ ngồi phát tâm hướng đến tạng pháp vô tận. chư Thiên, rồng, nhân và phi nhân đều phát tâm vô thượng an lập nơi quả vị Bất thoái chuyển.



Phẩm 17: NĂM THẦN THÔNG

Bấy giờ, trong pháp hội có Bồ-tát tên Diệu Thắng, hành trì đầy đủ

sáu độ, đầy đủ phương tiện thiện xảo, giáo hóa chỗ nào cũng đều hoàn tất, vào nơi đâu ai nấy cũng vui vẻ, chánh quán định tâm làm ruộng phước cho thế gian. Nếu thiện nam, thiện nữ nào gặp Đại Bồ-tát này thì các ác đều được tiêu trừ sạch và sinh lòng vui thích.

Vị ấy tư duy về pháp môn bình đẳng bất nhị, luôn luôn coi pháp như huyễn, như hóa, như mộng, cứu độ quần sinh tu hành đạo Phật, không thấy có người và ta.

Khi ấy, Bồ-tát Diệu Thắng đứng dậy, chấp tay thưa Phật:

– Lành thay! Bạch Thế Tôn! Bồ-tát có năm thần thông làm sao biết được để phân biệt hành động ấy? Tu tập pháp gì để đắc đạo thần thông?

Phật bảo Bồ-tát Diệu Thắng:

– Ông hãy lắng nghe cho rõ, suy nghĩ thật kỹ, Ta sẽ phân biệt rõ ràng cho ông về trí tuệ thần thông.

Bồ-tát Diệu Thắng thưa:

– Cúi xin Đức Thế Tôn chỉ dạy, con rất muốn nghe. Phật bảo Bồ-tát Diệu Thắng:

– Trong cõi Dục này, thiện nam, thiện nữ không cần có nhãn thông mà vẫn có thể thấy thấu triệt các chúng sinh trong một cõi Diêm-phù-đề, đến cả thô tế, đẹp xấu, màu xanh, vàng, đỏ, trắng, thành quách, nhà cửa, núi cao, cây cối. Hoặc có người nam, người nữ với con mắt có thể thấy hai cõi thiên hạ, ba cõi thiên hạ, bốn cõi thiên hạ, không cần có nhãn thông cũng thấy.

Hoặc có người nam, người nữ không cần có nhĩ thông mà tai thông suốt, nghe tiếng nam, tiếng nữ, tiếng ngựa, tiếng xe trong thiên hạ, nghe âm thanh vọng lại đều có thể phân biệt biết được. Không cần nhĩ thông mà hiểu rõ một cách rõ ràng.

Hoặc có người nam, người nữ không tập không học mà tự mình biết được kiếp trước: “Ta từ chỗ đó đến sinh nơi thế gian này, cha ta họ đó, mẹ ta họ đó”. Anh chị em, dòng họ, chủng tộc nào cũng đều biết rõ.

Hoặc có người nam, người nữ không tu tập thần thông mà biết tâm người làm thiện hay hành ác: Người này đi đến đường ác, người kia đi đến đường thiện; người này sinh nơi cõi trời, người kia sinh vào cõi người; người này sinh vào ngạ quỷ, người kia sinh vào súc sinh; đây là chúng sinh hữu duyên, kia là chúng sinh vô duyên.

Hoặc có người nam, người nữ thân có thể bay được, vòng quanh qua

lại. Không tu thân thần thông mà có thể bay không bị chướng ngại; đi trên hư không như đi trên đất, đi trên đất như đi trên hư không.

Phật bảo Bồ-tát Diệu Thắng:

– Năm loại người này chẳng phải thần thông chân thật, là chúng sinh đã thoái lui pháp.

Hoặc có người nam, người nữ tu nhĩ thánh thông, trừ sắc đoạn cấu, niệm bất động rốt ráo về đạo môn. Đạo môn là gì? Là tam không định, có thể thấy được một cõi thiên hạ, hai cõi thiên hạ, ba cõi thiên hạ, bốn cõi thiên hạ.

Hoặc có người nam, người nữ tu nhĩ thánh thông tịch nhiên nhập định, nghe một cõi thiên hạ, hai cõi thiên hạ, ba cõi thiên hạ, bốn cõi thiên hạ, tiếng nam, tiếng nữ, tiếng voi, tiếng ngựa, tiếng xe, tiếng chuông, tiếng trống, phân biệt rõ ràng, biết tiếng hay tiếng dở, biết tiếng sinh lên cõi trời, biết tiếng sinh làm người, biết tiếng sinh vào nạ quý, biết tiếng sinh loài súc sinh, biết tiếng sinh vào địa ngục, biết tiếng chúng sinh có duyên, biết tiếng chúng sinh không có duyên v.v... Tất cả các thứ tiếng đều phân biệt, hiểu rõ một cách tường tận.

Hoặc có người nam, người nữ tu đạo thanh tịnh, trừ khử mọi cấu uế của thức, trong ngoài không tỳ vết, đắc ý thánh thông, tự biết được đời trước một đời, hai đời, ba đời, bốn đời, cho đến vô số a-tăng-kỳ kiếp từ đâu đến. Cha mẹ, anh em, quốc độ thanh tịnh đều nhận biết rõ ràng.

Hoặc có người nam, người nữ tu sáu thần thông, biết về pháp tánh, nhớ mãi không quên, ý định giác ngộ đạo, phân biệt tam minh, tâm định không tán loạn, liền có thể biết được tâm niệm người khác một đời, hai đời, ba đời, bốn đời, cho đến vô số a-tăng-kỳ kiếp từ đâu đến. Tất cả mọi sự đều biết rõ. Biết rõ cha mẹ, anh em, quốc độ thanh tịnh, tên họ, chủng tộc.

Hoặc có người nam, người nữ tư duy quán pháp, lấy tâm giữ thân, lấy thân giữ tâm, ăn biết vừa đủ, ngủ nghỉ tỉnh thức, ý tưởng như hư không, không để ý đến dâm - nộ - si, rõ thân này là vô ngã, tâm và pháp thanh tịnh. Ý thức theo định rồi mới có thể động thân tâm, tập định dần dần với một tiếng trống, hai tiếng trống, cho đến bảy tiếng trống; dạo đi một cõi thiên hạ, hai cõi thiên hạ, cho đến ba ngàn đại thiên thế giới; vào đất như đi trên không, không bị chướng ngại do núi, sông, tường đá.

Hoặc có người nam, người nữ sắp thành Phật thì dùng sức trí tuệ để trừ bỏ cấu uế của chúng sinh, ngồi thẳng tư duy bên gốc Thọ vương, tự phát thệ nguyện: “Nếu ta không thành Phật thì không đứng dậy”, như xưa kia

Ta ngồi bên cây Diêm-phù, ba mươi tám ngày ngồi quán cây tư duy. Khi phát lời thệ này làm cảm động cả trời đất, khiến đại địa chấn động đủ sáu cách, ma ác Ba-tuần đem binh chúng đến mưa cát đá, sấm sét gầm thét... nhưng không thể nào làm lay động một sợi lông của Ta. Vì sao? Vì lòng từ bi thăm nhuần thương xót khắp chúng sinh cho nên được thành Phật với sáu thần thông siêu việt.

Bấy giờ, Đức Thế Tôn nói kệ:

*Thần thông phàm phu đắc
Giống như loài chim bay
Có lúc gần lúc xa
Nhưng không lìa sinh tử.
Thần thông Phật vô ngại
Chân thật không cấu bẩn
Niệm liền đến mười phương
Qua lại không mỏi mệt.
Vì thương xót chúng sinh
Đắc thần thông không ngại
Năm thông của tiên nhân
Thoái chuyển không thành tự
Thần thông Ta kiên cố
Quyết vào cửa Niết-bàn.*

Khi Đức Thế Tôn giảng nói pháp này cho Bồ-tát Diệu Thắng, có bảy mươi ức chúng sinh xả bỏ năm thần thông của thế tục, đạt được sáu thông tuệ.



Phẩm 18: THỨC TRỤ XÚ

Khi đó, trong đại chúng có Bồ-tát tên Phổ Quang - đầy lòng đại từ đại bi, có thần túc tự tại, ưa thích công đức sâu xa mầu nhiệm, đã thành tựu từ vô số a-tăng-kỳ kiếp, cứu vớt chúng sinh, nhổ đứt nguồn gốc khổ, đắc sáu thần thông, ở chỗ nào làm Phật sự đều không bị gián đoạn - liền từ tòa ngồi đứng dậy, trích bày vai phải, gối phải quỳ sát đất, chấp tay thưa Phật:

– Bạch Thế Tôn! Con đã nghe Như Lai phân biệt về sáu thần thông không chướng ngại, biến khắp cả mười phương thế giới chư Phật, làm cho

chánh pháp của chư Thế Tôn bình đẳng không có sai biệt. Pháp thức này trụ hay không chỗ trụ? Thức của sáu thần thông, thức của pháp là một pháp hay nhiều pháp? Nếu thức là một pháp thì thân sắc Như Lai với thần túc đạo tràng được đạo qua các cõi Phật. Thức đưa đến thân hay thân đưa đến thức? Nếu thân đưa đến thức thì không có sáu thần thông. Nếu thức đưa đến thân thì đây gọi là một pháp, không thân không thức. Cúi xin Thế Tôn giảng nói cho con về nghĩa này.

Phật bảo Bồ-tát Phổ Quang:

– Theo nghĩa của ông hỏi là hỏi theo đệ nhất nghĩa hay hỏi theo nghĩa thế tục? Nếu hỏi theo nghĩa thế tục thì thức pháp rất nhiều, không có tướng nhất định. Còn hỏi về đệ nhất nghĩa thì không thân không thức. Vì sao? Vì nếu phân biệt về pháp thức thì tự tánh của nó là không tịch, không đến, không đi, cũng không nhiễm vướng. Ông hỏi về thân sắc vàng thì đây là pháp hữu vi do năm ấm thành tựu, chẳng phải pháp tự nhiên, chẳng phải đệ nhất nghĩa. Pháp sắc thân Phật đối với đệ nhất nghĩa thì không có mất. Nay Ta sẽ giảng nói cho ông về pháp tướng của thức:

Bồ-tát hành sáu thần thông, thân thức đều có một lượt, chẳng phải thức có trước thân có sau, chẳng phải thân có trước thức có sau. Vì sao? Vì pháp tướng tự nhiên, thức không lia thân mà thân cũng không lia thức.

Giống như hai con bò cùng chung một cái ách: Nếu con bò đen đi trước, con bò trắng đi sau thì cây bừa trồng trọt không thành. Nếu như con bò trắng đi trước, con bò đen đi sau thì cây bừa trồng trọt cũng không thành. Chẳng phải bò đen đi trước, bò trắng đi sau; chẳng phải bò trắng đi trước, bò đen đi sau thì cây bừa trồng trọt mới thành.

Thần túc đạo quả cũng như vậy, thân và thức cùng sinh một lượt, không có trước sau hay chặng giữa. Sắc thân của Như Lai có trước có sau có chặng giữa. Đây là pháp thế tục chứ chẳng phải là đệ nhất nghĩa. Đối với pháp không tịch thì không có như thế.

Bấy giờ, Đức Thế Tôn nói kệ:

*Thế kim sắc Như Lai
Được ba đời cung kính
Làm trọng trách cho người
Đáng tôn quý vô thượng.
Các chúng trời Đao-lợi
Êm ngày rải hoa hương
Phạm thiên và quỳn thuộc*

Trôi nhạc để làm vui.
Ở trong trăm do-tuần
Khấp cả cõi hư không
Lớn tiếng khen: Lành thay!
Thức Phật không thể thấy.
Không có trong, ngoài, giữa
Vì kẻ ngu thế gian
Mà hiện pháp sáu thông
Vô số Phật quá khứ.
Tướng ánh sáng giống đây
Muốn cầu gốc thức pháp
Tịch diệt không thể thấy
Đạo sáu thông Bồ-tát.
Hiện tận không có tận
Niệm trong hơi thở ra
Không chấp hữu ba cõi
Quán trong ngoài thân tịnh.
Kim sắc: không, không chấp
Thức pháp cũng như vậy
Không khứ, lai, hiện tại
Tánh năm ấm thanh tịnh.
Không thân này, thân sau
Phân biệt tướng rõ ràng
Được đến nơi an ổn
Tướng thức có sáu điều.
Cũng gọi là sáu chứng
Sáu thức không chỗ trụ
Sinh diệt không cùng tận
Giống như bọt trên nước.
Vừa diệt lại sinh ngay
Thức pháp tự nhiên không
Theo dòng nước muôn nơi
Những gì xưa Ta tạo.
Thân thức đủ hai điều
Đi một mình không bạn
Nói pháp vô thượng đạo
Các pháp, thức là gốc.

Luôn luôn đi theo thân
 Tuy trụ mà không trụ
 Giáo hóa người khổ não
 Mắt thấy sắc hiện tại.
 Thức chướng ngại ở giữa
 Chẳng phải sắc nhập nhãn
 Không phải nhãn nhập sắc
 Phân biệt pháp đây – kia.
 Nhờ thức biết thiện ác
 Tự thức không biết pháp
 Nhĩ - thanh, tỷ - hương riêng
 Sáu nghiệp duyên sinh riêng.
 Nên tạo thành thiện ác
 Thanh không đến với nhĩ
 Tỷ, khẩu, ý cũng vậy
 Nhân duyên tương mỗi pháp.
 Vô trước, không, vô pháp
 Tám phẩm đạo Hiền thánh
 Ba mươi bảy hành quán
 Cõi hư không tịch nhiên.
 Không tướng, không có nguyện
 Nghiệp có quả trắng đen
 Quả báo biết rõ ràng
 Muốn cầu thật tướng thức.
 Không thấy có chỗ trụ
 Trang nghiêm quốc độ
 Phật Bốn đẳng, vô sở úy
 Hiểu rõ các pháp: không.
 Thức diệt, hành cũng diệt
 Bỏ-tắt thành đạo quả
 Pháp không, nay ba đời
 Thức như đạo huyễn hóa.
 Không trụ bên đây – kia
 Thức diệt về hư không
 Giả gọi không chân thật
 Sơ nhập tứ không định.
 Trừ tướng không ràng buộc

Dụng cao ngọn cờ pháp
 Xiển dương pháp tướng thức
 Thức trước khác thức sau.
 Cũng không xa lìa thức
 Đẳng đệ nhất ba cõi
 Mới hiểu rõ tánh thức
 Như người trên đỉnh núi.
 Thấy thông suốt bốn phía
 Phân biệt hạnh ác, thiện
 Thiên nhãn thông đệ nhất
 Thấy xa mười phương cõi
 Người có mắt trí tuệ
 Như xem ngọc trên tay.

Khi Đức Thế Tôn nói kệ này, có tám mươi bốn ức chúng sinh muốn được xả ly tướng sáu thức pháp, không muốn sinh tử luân hồi trong năm đường, phát tâm thế nguyện lớn, trụ vào địa Vô thức.



Phẩm 19: THIỆN QUYỀN

Bấy giờ, trong đại chúng có Bồ-tát tên Cừ Thủ bạch Phật:

– Bạch Thế Tôn! Con muốn nghe vô số quyền biến hóa hiện không thể tính kể của Đại Bồ-tát.

Đức Phật dạy:

– Đại Bồ-tát thường thực hành phương tiện thiện xảo, chẳng phải bên này, chẳng phải bên kia, chẳng phải hai bên, chẳng phải chặng giữa. Tùy theo sự giáo hóa thích hợp mà nói nghĩa, nói câu, tư duy nghĩa lý, trang nghiêm cõi Phật, sáu độ vô cực cho đến tướng tri diệt, dùng phương tiện hướng dẫn không bị chướng ngại, không tự cao ngã mạn, dung mạo đoan nghiêm, đẹp đẽ, pháp phục tề chỉnh đàng hoàng, thọ nhận của tín thí biết vừa đủ, quang tướng trang nghiêm, nói năng thanh tịnh, làm cho một chúng sinh trụ được ức kiếp. Tất cả những gì để lại phía sau đến phương khác giáo hóa. Phân thân như vậy khó có thể nào lường được. Nơi chốn có thể du hóa là không thể nhận biết, hiện bày đại thần thông ở cảnh giới của quý thần và sai quỷ thần ấy hóa độ chúng sinh, truyền trao chỉ dạy lẫn nhau không làm

mắt đạo giáo.

Lại nữa, phương tiện thiện xảo làm hình tượng Phật có tướng ánh sáng rực rỡ, được thấy và nghe thuyết pháp, lời nói đầu, giữa, cuối đều tạo an ổn vui mừng, thiền định giác đạo, trí tuệ sáng suốt, giải thoát.

Khê kinh, kê kinh, ký kinh, thọ quyết kinh, xử kinh, xuất yếu kinh, quảng trường kinh, tụ kinh, sinh kinh, quảng khổ kinh, vị tăng hữu, hiện kinh, chuyển kinh, thí dụ kinh, nhân duyên kinh, theo chân lý mà nói cho người nghe về pháp thâm diệu để họ hiểu về không và vô ngã. Tâm niệm của chúng sinh không giống nhau thì có thể làm cho tất cả nhập vào môn giải thoát.

Ví như suối nguồn, đê, ao, năm sông đều có mỗi tên nhưng tất cả đều chảy về biển cả, không còn cái tên xưa nữa. Cũng như núi Tu-di đứng sừng sững khó bị lay động, chim muông đủ màu sắc đến đó nương ở nghỉ ngơi thì đều hòa một màu, không còn màu sắc cũ nữa.

Đại Bồ-tát giáo hóa chúng sinh, làm thanh tịnh cõi Phật cũng như vậy. Tâm thức của chúng sinh suy niệm không giống nhau, có rất nhiều tư tưởng nhưng đều có thể làm cho tất cả đạt đến môn giải thoát, tướng định ý diệt. Lúc đó không còn niệm riêng mà là đồng một giải thoát như nhau. Đó gọi là Đại Bồ-tát quyền biến giáo hóa thích hợp không thể nghĩ bàn.

Bấy giờ, Đức Thế Tôn nói kệ:

*Như nông phu làm ruộng
Chọn lựa đất màu mỡ
Gieo trồng đúng thời vụ
Tháo nước theo thời tiết.
Chăm bón mạ thành tựu
Không bị nạn sương, sâu
Cuối cùng thu hoạch quả
Cất chứa không lo sợ.
Pháp chân thật Bồ-tát
Ruộng sáu độ vô cực
Tiêu trừ tâm bồn xển
Tưới bằng nước cam lồ.
Thiện quyền đạo phương tiện
Hiểu rõ pháp đến đi
Hướng dẫn loài chúng sinh
Được đến nơi bất diệt.*

Sinh tử bệnh phiền não
Thieu đốt căn tâm thiện
Thiện quyền phương tiện cứu
Hiểu rõ pháp đến đi.
Nếu người muốn xuất gia
Lấy giới cấm làm đầu
Không chấp pháp tốt đẹp
Hành quyền đạo Bồ-tát.
Mất mạng không tiếc thân
Không phạm, dù mấy lông
Thân như đồng cỏ đất
Bị người ta vứt bỏ.
Nhẫn như núi An Minh
Kiên cố không chường ngại
Hộ giới phương tiện đạo
Chê khen không tăng giảm.
Ra tối, ở chỗ sáng
Đạo thiện quyền Bồ-tát
Hiện thân nơi nhân gian
Vì thương xót tất cả.
Mà hiện thân rất nhỏ
Ra vào không trở ngại
Chư Phật ngôi đạo tràng
Diệt kiết sử không sinh.
Thì được đến đạo tràng
Trừ sạch các kiết sử
Cũng như đại đạo sư
Dẫn các người đi buôn.
Vào biển lấy châu báu
San hô, ngọc pha lê
Minh nguyệt báu tùy ý
Được an ổn về nước.
Cha mẹ và anh em
Quyến thuộc, đám tôi tớ
Vui vẻ và sung sướng
Như định trừ bỏ tướng.
Những Bồ-tát hành quyền

Tìm cầu tạng vô tận
Biết rõ châu báu đẹp
Làm anh lạc đeo thân.
Thiện quyền: đạo sư trưởng
Sáu độ là vợ con
Tâm bốn đẳng che chắn
Bụi trần không vướng lòng.
Đời rất nhiều kẻ ngu
Keo kiệt không bố thí
Chứa của ngàn vạn ức
Nói đó là của ta.
Đến khi sắp qua đời
Mắt thấy quỷ thần ác
Gió đao xẻ thân hình
Không còn thở ra vào.
Thức tham theo các ác
Thọ báo rất đau khổ
Dẫn đến chỗ nhận tội
Hối hận không kịp nữa.
Phật dùng quyền trí độ
Nói pháp cho người kia
Lợi căn tự xét tội
Tâm hối, không che giấu.
Nghe pháp được độ thoát
Đạo thiện quyền Bồ-tát
Như người mù bẩm sinh
Không biết màu đỏ vàng.
Gặp bậc thầy thánh giỏi
Điều trị bằng thuốc pháp
Xưa nghe có năm màu
Xanh, vàng, đỏ, trắng, đen.
Đã được biết mắt sáng
Không biết xanh, vàng, đỏ
Đạo thiện quyền Bồ-tát
Phân biệt đến cùng tốt.
Dẹp sạch tám nạn pháp
Bất sinh cũng bất diệt.

Khi Đức Thế Tôn nói kệ này xong, có trăm ức cư sĩ hành đạo phương tiện thiện xảo hoàn toàn đạt đến vô vi, trụ vào địa Vô trụ.



KINH BỒ TÁT TÙNG ĐÀU THUẬT THIÊN GIẢNG THẦN MÃU THAI THUYẾT QUẢNG PHỔ

QUYỂN 6

Phẩm 20: VÔ MINH

Bấy giờ, trong đại hội có Bồ-tát tên Trí Thanh Tịnh, phân biệt rõ về không, về không sinh già bệnh chết, về người dâm nộ si nhiều, người dâm nộ si ít, phân biệt rõ ràng chúng sinh có ba bậc khác nhau, trong hạng người đó có những bệnh nặng gì, bị bệnh nặng đó là tà kiến. Bồ-tát Trí Thanh Tịnh từ tòa ngồi đứng dậy, trích bày vai phải, gồi phải quỳ sát đất, chấp tay thưa Phật:

– Như Lai Vô Sở Trước Đẳng Chánh Giác không việc gì là không nhận biết, không điều gì là không thấy, quá khứ hiện tại vị lai, từ loài người đến côn trùng, tâm nghĩ pháp gì, miệng nói lời gì, thân làm thiện ác, giới cấm sâu xa, oai nghi giới luật, biết nhiều biết ít, biết nặng biết nhẹ. Những gì con hỏi chẳng phải không, chẳng phải bất không; chẳng phải hữu, chẳng phải bất hữu; chẳng phải hữu không, chẳng phải hữu hữu. Chúng sinh thuộc ba tụ, ai là nhẹ, ai là nặng, ai là hiện báo, ai là sinh báo, ai là hậu báo. Thế nào là tướng tri diệt, thế nào là Niết-bàn, thế nào là vô dư?

Phật bảo Bồ-tát Trí Thanh Tịnh:

– Lành thay! Lành thay! Ta rất vui mừng khi ông hỏi nghĩa này. Vì thương xót tất cả, được nhiều lợi ích mới ở trước Phật hỏi pháp bình đẳng. Ông hãy về lại chỗ ngồi, Ta sẽ giảng nói cho ông về cú nghĩa loại đầu, giữa, cuối. Nếu nghiệp ác thì thọ quả báo ác, nghiệp thiện thì thọ quả báo thiện. Ta sẽ phân biệt rõ ràng để ông biết.

Bấy giờ, Đức Thế Tôn nói kệ:

*Như người trồng cây trái
Hạt đắng, quả cũng đắng
Bị tội mắc báo ác*

Chịu khổ vô số kiếp.
Giống ngọt, được quả ngọt
Trở lại thọ báo ngọt
Hương thơm rất ngon ngọt
Được hưởng báo thanh bạch.
Như người ở ao nước
Trong ngoài đều thanh tịnh
Không gió, không bụi dơ
Thơm đẹp được mát mẻ.
Có chúng sinh nào thấy
Ưa thích không thể xa
Phật đạo hạnh thanh tịnh
Giống như kia không khác.
Những chúng sinh báo ác
Đọa ba đường ác nạn
Theo dòng nước lên xuống
Nổi trôi chỗ ách khổ.
Khi ấy phiền não khổ
Tự chịu không ai thay
Chẻ xương thấu tủy não
Thiêu đốt không thể lường.
Đã đến ngục Vô cứu
Ý ngộ cầu giải thoát
Bị vô minh che lấp
Không thấy ánh sáng tuệ.
Như người đi lạc đường
Về Nam cho là Bắc
Suốt ngày tâm không ngộ
Tuy nghe cũng không tin.
Chịu tội khổ não nặng
Đau đớn càng tăng thêm
Lâu sau tội suy hết
Bị người đời khinh ghét.
Thân thể hôi, xấu xí
Như heo nằm vũng phân
Lăn lượ vào vạc sôi
Chết rồi sống trở lại.

Vốn do ngu si tạo
 Thọ báo như bóng hình
 Thiện ác đều tương ứng
 Phân loại theo chúng sinh. V
 ô đạo, không bè nhóm
 Hành cũng có cao thấp
 Giữ giới sinh lên trời
 Không thí, phước rất ít.
 Ăn cơm sợ người thấy
 Xấu hổ không lộ diện
 Tuy có chúng Thiên nữ
 Âm nhạc không hòa nhã.
 Luôn luôn đi dạo chơi
 Sợ gặp thiên thần đẹp
 Nếu giới, thí đầy đủ
 Cam lồ, y, thực đến.
 Kỹ nhạc vây xung quanh
 Như trăng sáng trong sao
 Luôn luôn đi dạo chơi
 Tùy tùng tự trang nghiêm.
 Nhạc trời tự nhiên trời
 Dây do ở nhân gian
 Đủ trì giới, bố thí
 Phước báo như hình bóng.
 Chư Thiên tuy hưởng phước
 Cũng có kiếp số nạn
 Khi gần sắp qua đời
 Mới biết pháp suy tàn.
 Niệm thiện chuyển rất ít
 Còn phải chịu làm thân
 Luân hồi trong năm đường
 Trải qua vô số kiếp.
 Thiện ác chịu quả báo
 Không riêng giàu hay hèn
 Trong ấy bậc vượt lên
 Như Ta, Thích Ca Vãng.

Khi Đức Phật nói kệ này rồi, trong đại chúng có chư Thiên và người

gồm bảy vạn bảy ngàn ức na-do-tha đều phát tâm cầu đạt đạo Chánh chân vô thượng.

Bấy giờ, Đức Thế Tôn dạy Bồ-tát Trí Thanh Tịnh

– Đại Bồ-tát Nhất sinh bồ xứ dùng quyền phương tiện sinh trong nhà bản tiện, muốn được thị hiện trừ kiết sử vô minh, ở trong thai mười tháng, khi mới sinh hiện không có tay chân, cha mẹ thấy vậy cho là quỷ nên đem quăng nơi đồng hoang, không muốn cho ai thấy. Vì sao? Vì Bồ-tát quyền hóa, muốn cho cha mẹ cùng quyến thuộc ngu si thấy được ánh sáng của đạo. Sau đó vài tháng, người mẹ lại mang thai, đủ mười tháng sinh một cậu bé đoan nghiêm tuấn tú, hiếm có trên đời, nhưng vừa mới sinh vào ban ngày thì đến tối chết. Cha mẹ kêu khóc đầm ngực, ngược lên trời kêu: “Thần núi, thần cây sao không thương tôi? Trước đây sinh một đứa con nhưng không có tay chân, đành phải quăng vào đồng hoang. Nay sinh một đứa con đẹp đẽ, tướng mạo không ai bằng, giống như thiên thần, nhưng mới sinh vào ban ngày thì đến tối chết. Ruột gan tôi đứt đoạn, phải làm sao bây giờ?”.

Qua vài tháng, người mẹ lại mang thai, đủ mười tháng sinh một bé trai, nhưng có ba đầu, tám chân, bốn mắt, tám tay, ai thấy cũng rợn tóc gáy. Cha mẹ quyến thuộc muốn bỏ mà đi, Bồ-tát quyền hiện cho họ không đi được. Cha mẹ hỏi: “Con là trời, là rồng, quỷ thần, A-tu-la, Càn-thát-bà, Ca-lâu-la, Khẩn-na-la, Ma-hầu-la-già, người hay là phi nhân?”.

Bấy giờ, cậu bé nói với cha mẹ bằng kệ:

*Chẳng trời, quỷ, Dạ-xoa
Tu-luân, Ca-lâu-la
Vì trừ ngu cha mẹ
Quyền sinh nhà mẹ cha.
Con trước không tay chân
Cũng chính là thân con
Sáng sinh, chiều lại chết
Bạc bát trụ vô thượng.
Nay con thọ thân hình
Ba đầu, tám tay chân
Sao lại bỏ con đi?
Để đến cửa địa ngục.
Khổ địa ngục đầy đủ
Mười tám vạn sáu ngàn*

Mỗi vạc dầu sôi ấy
Có mười sáu vạc nhỏ.
Chịu khổ vô lượng kiếp
Muốn ra khỏi rất khó
Cha mẹ nguời ngu si
Không biết pháp chân tánh.
Tà kiến thờ cúng thần
Cho là thoát khổ nạn
Như ngọn lửa hừng hực
Lại thêm củi, cỏ khô.
Thieu đốt gốc căn lành
Muốn diệt cũng chưa khó
Nay con làm thân lại
Hiện thân đẹp đẽ xưa.
Đạo vững tâm kiên cố
Tu tập ba thông tuệ
Từ a-tăng-kỳ kiếp
Thề độ người chưa độ.
Giữ giới, nguyện không quên
Thác sinh nhà cha mẹ
Trước sau bỏ thân mạng
Số ấy như vi trần.
Trải qua bao nhiêu chỗ
Đều nhờ phước giúp đỡ
Bao nhiêu loài quần sinh
Dấu chân đi khác nhau.
Sẽ hoan hỷ độ họ
Cũng độ bằng khủng bố
Tùy theo niệm chúng sinh
Để họ được toại nguyện.
Bệnh chúng sinh chẳng một
Cho uống thuốc cam lồ
Cho đi vào đường chánh
Không để vào đường tà.
Chư Thiên hưởng phước lạc
Cam lồ trừ bệnh: vui
Không trái Thánh giáo: vui

Giải thoát Niết-bàn: vui.

Khi Bồ-tát nói kệ này, cha mẹ dòng họ và những người trong hội đều phát tâm cầu đạt đạo Bình đẳng vô thượng.

**Phẩm 21: KHỔ HẠNH**

Bấy giờ, Như Lai quan sát các chúng hội Bồ-tát, trời, rồng, quỷ thần, Càn-thát-bà, A-tu-la, Ca-lâu-la, Khẩn-na-la, Ma-hầu-la-già, nhân và phi nhân, bậc hữu học, vô học và bốn bộ chúng Tỳ-kheo, Tỳ-kheo-ni, Ưu-bà-tắc, Ưu-bà-di, biết tâm niệm của các chúng sinh là muốn thừa thỉnh Như Lai giảng nói sự thành tựu rốt ráo về vô lượng khổ hạnh, làm thế nào để phát tâm được thành Phật đạo. Biết tâm niệm của họ, Đức Phật liền nói cho họ về hạnh khổ cực xưa kia.

Phật dạy các Bồ-tát:

– Hãy lắng nghe pháp tướng chân thật của Ta nói, không phải do thế tục mà đắc đạo, cũng không lìa thế tục mà đắc đạo; không phải theo chân đạo, cũng không lìa chân đạo. Vì sao? Vì trong cái đen có cái đẹp của trắng, vì trong tục có cái đẹp của đạo. Khổ vui cùng có. Vì sao? Vì xưa kia Ta học đạo rất trực tín, không nghi ngờ, được làm vua mặt trời, mặt trăng. Cung điện mặt trời ngang dọc năm mươi một do-tuần. Cung điện mặt trăng ngang dọc bốn mươi chín do-tuần. Mặt trời phóng ra ánh sáng một ức một ngàn ánh sáng. Mặt trăng tỏa ra một ức ánh sáng. Ta là Thiên tử của mặt trời, mặt trăng nên cho rằng thường trụ, không hư, không hoại, từng đi qua hằng hà sa ức vạn cõi, làm Thiên tử mặt trời, làm Thiên tử mặt trăng, đến khi mạng hết mới biết chẳng phải thật, chẳng phải chân.

Sau đó thọ mạng giảm dần, làm đại thần mặt trời, mặt trăng tên là Hà-già-la, cung điện ngang dọc hai mươi lăm do-tuần, kế làm Tỳ-lê-ha-ba-đề, cung điện ngang dọc hai mươi do-tuần.

Lại làm Ương-già-la, cung điện ngang dọc mười chín do-tuần.

Lại làm Hê-mỗ, cung điện ngang dọc mười chín do-tuần.

Lại làm Hàm-mi, cung điện mười lăm do-tuần.

Năm đại thần này đứng hai bên mặt trời, mặt trăng.

Qua vô số trăm ngàn kiếp làm năm vì sao này đoạn tận rồi bị

đọa lạc, cũng không chân thật, rồi thọ mạng của họ giảm dần.

Ta từng làm sao Mão cùng với bạn sáu người độ ba mươi.

Ta từng làm sao Tắt với bằng nhóm năm người, độ bốn mươi lăm.

Ta từng làm sao Tuy, bè bạn ba mươi người, độ ba mươi.

Ta từng làm sao Sâm, đơn độc một mình, độ mười lăm.

Ta từng làm sao Tỉnh, bè nhóm hai mươi người, độ bốn mươi lăm.

Ta từng làm sao Quỷ, bè nhóm ba mươi người, độ bốn mươi.

Ta từng làm sao Liễu, bè nhóm bốn mươi người, độ mười lăm.

Bồ-tát nên biết, bảy vì sao này đứng ở phía Đông.

Ta từng làm sao Tinh, bè nhóm năm người, độ ba mươi.

Ta từng làm sao Trương, bạn bè hai mươi người, độ ba mươi.

Ta từng làm sao Dục, bạn bè hai mươi người, độ ba mươi lăm.

Ta từng làm sao Chấn, bạn bè năm người, độ ba mươi.

Ta từng làm sao Giác, đơn độc một mình, độ ba mươi.

Ta từng làm sao Cang, cũng đơn độc một mình, độ mười lăm.

Ta từng làm sao Đễ, bạn bè hai mươi người, độ ba mươi lăm.

Bồ-tát nên biết, bảy vì sao này đứng ở phương Nam.

Ta từng làm sao Không, bạn bè bốn người độ ba mươi lăm.

Ta từng làm sao Tâm, bạn bè ba người, độ mười lăm.

Ta từng làm sao Vĩ, bạn bè ba người, độ ba mươi.

Ta từng làm sao Ky, bạn bè bốn người, độ ba mươi.

Ta từng làm sao Đầu, bạn bè ba người, độ ba mươi lăm.

Ta từng làm sao Ngưu, bạn bè ba người, độ mười sáu.

Ta từng làm sao Nữ, bạn bè ba người độ ba mươi.

Bồ-tát nên biết, bảy vì sao này đứng ở phương Tây.

Ta từng làm sao Hư, bạn bè bốn người độ ba mươi.

Ta từng làm sao Ách, đơn độc một mình, độ mười lăm.

Ta từng làm sao Thất, bạn bè hai người độ ba mươi.

Ta từng làm sao Bích, bạn bè hai người độ ba mươi lăm.

Ta từng làm sao Khuê, bạn bè hai người độ ba mươi.

Ta từng làm sao Lâu, bạn bè hai người độ ba mươi.

Ta từng làm sao Vị, bạn bè ba người độ ba mươi.

Bồ-tát nên biết, bảy vì sao này đứng ở phương Bắc.

Từ vô số kiếp Ta làm vua mặt trời, mặt trăng, hoặc làm quan thần qua lại xoay tròn, hình hài khô bại, không phải đạo chân thật. Sau đó đến nhân gian làm vua Chuyển luân Thánh vương, vua nhỏ đủ miền, hoặc làm trưởng giả, cư sĩ cầu đạo thanh tịnh cho là chân thật. Nhưng tất cả đều là việc làm trống không, không hợp với đạo chân thật.

Xưa kia, có một thời, Ta vào núi cầu đạo, thấy các tiên học gồm năm người đều nhóm họp ở một chỗ:

– Có người co một chân, chấp tay đứng, chuyển thân nhìn theo mặt trời.

Hoặc có người thờ mặt trăng, chấp tay đứng, chuyển thân nhìn theo mặt trăng.

Có người nằm trên gai góc, hoặc nằm trên cát đá. Có người giữ giới học theo gà, bò, ngựa, nai.

Có người từ trên đỉnh núi gieo mình xuống vực sâu. Có người ôm đá, tự trầm mình xuống sông sâu.

Có người dùng năm thứ lửa tự đốt thân để cầu được sinh lên trời. Có người xẻ từng bộ phận của thân để tìm chỗ ở của thần.

Có người mổ đỉnh đầu để lấy tủy não đốt đem cúng dường chư Thiên.

Có niệm quăng mình vào dầu sôi nước nóng.

Có người ở bên phải của dòng sông giết vô lượng chúng sinh.

Có người ở bên trái dòng sông đốt hương để cho những chúng sinh qua đời đó được sinh lên cõi trời.

Có người tự suy nghĩ: “Nay ta độ cha mẹ trước”, nên đem cha mẹ quăng trong lửa, rồi xướng lên: sẽ sinh lên cõi Phạm thiên.

Có người ăn phân bò, có người ăn hạt cỏ.

Có người bảy ngày ăn một lần, hoặc có khi không ăn, hình骸 khô gầy.

Có người bện lá cây để làm y phục. Có người nới xương để làm y phục.

Có người lấy đầu lâu để làm đồ đựng thức ăn.

Có người nằm trên gai, kim nhọn, rồi chích vào tim để giữ tâm trụ.

Có người nhóm họp lại một chỗ, cùng nhau mổ bụng để rửa ruột trừ đi sự dơ bẩn, nói rằng để sinh lên cõi Phạm thiên.

Những sự khổ hạnh xưa kia của Ta không thể lường được, học đạo sáu năm bên gốc cây Thọ vương, mỗi ngày ăn một hạt mè, hạt gạo, chim chóc làm ổ sinh con trên đỉnh đầu của Ta. Loài rắn, trăn quấn lấy thân Ta. Người thợ săn quăng ném gạch đá, có lúc chặt chẽ phá hoại thân thể, có lúc dùng gậy đâm vào bụng cho đến rốn chịu trăm ngàn vạn khổ như vậy mà không cho là khổ. Vì sao? Vì bây giờ Ta cho là đạo chân thật, nhưng thật ra chẳng phải là đạo chân thật.

Ở trên hư không có vị trời chấp tay thừa Bồ-tát: “Sức chịu đựng rất to lớn, có thể phá nát các kiết sử, xin Bồ-tát hãy nghĩ đến thành Phật, cần thận đừng thoái lui”.

Hằng hà sa chư Phật quá khứ không giống như Bồ-tát tuyệt thực để cầu đạo. Điều này làm cho thiên thần cảm động mới sai những cô gái dâng bát sữa. Uống xong, khí lực bình phục, tư duy bảy ngày chiến thắng quân ma. Phạm thiên xuống thỉnh: “Xin hãy thành Phật để xiển dương đại pháp, để nói đạo chân thật, đừng vào Niết-bàn”.

Niết-bàn là không sinh, già, bệnh, chết. Xưa kia Ta đã từng tu khổ hạnh như vậy.

Bây giờ, trong chúng hội ca ngợi là điều chưa từng có và tất cả đều phát tâm cầu đạt đạo Bình đẳng vô thượng.



Phẩm 22: TỨ ĐẠO HÒA HỢP

Lúc ấy, trong chúng hội có Bồ-tát tên Biến Quang, trí tuệ thông đạt, trụ vào quả vị Bất thoái chuyển, tâm thế nguyện rộng lớn không thể nào lường tính, được chư Phật khen ngợi chẳng phải một, chẳng phải hai, có công đức vô lượng với hằng hà sa Phật, chứa nhóm hạnh vô úy, thường đạo khắp vô lượng cõi Phật, cùng học với tám vị:

Bồ-tát Bất Tà Kiến.

Bồ-tát Trục Ý.

Bồ-tát Chúng Tướng.

Bồ-tát Khuất Thân.

Bồ-tát Giải Thoát.

Bồ-tát Giải Phục.

Bồ-tát Ân Khả.

Bồ-tát Thệ Nguyễn.

Từ vô số kiếp trụ vào địa Tận, đắc Bất thoái chuyển. Bây giờ, Bồ-tát Biển Quang thừa Phật:

– Làm thế nào Đại Bồ-tát nhập vào bốn loại đạo mà không có trước sau, thành tựu đạo Vô Thượng Đăng Chánh Giác? Bồ-tát ngày đêm tư duy thấy dục như lửa, tưởng tri niệm đều tận những hành pháp điên đảo; thấy lợi pháp đầu tiên được quả A-na-hàm, thì ngay ở cung trời ấy thủ đạo minh chứng. Như vậy không bao lâu, có lúc Bồ-tát ở quả vị trên quan sát xuống cõi Dục giống như đồng bột nước, đoạn trừ ba kiết sử, xa lìa ba ác đối với hữu, vô hữu. Hoặc có Bồ-tát đắc căn, đắc lực, lập chí tự tại, phá hữu diệt vô, không còn bốn đẳng tâm, kia đây đều bình đẳng không có tướng ngã, chẳng quá khứ, hiện tại, vị lai, chẳng có Đăng chánh giác. Vậy những vị ấy đối với đạo vô thượng có gì sai khác?

Đức Phật dạy:

– Lành thay! Những câu hỏi này Ta sẽ phân biệt rõ ràng đầy đủ cho ông.

Sao gọi là nhân duyên của nhân duyên Bồ-tát?

Sao gọi là nhân duyên của nhân duyên? Sự xúc chạm của vòng xuyên nơi hai tay gọi là nhân duyên của nhân duyên.

Người kia dạy ta tiếp thu nhờ nơi âm thanh, tiếng nói giáo hóa, gọi là Thanh văn, không có thầy, không có trí, không nhờ kia đây, nên gọi là Phật Duyên giác.

Lại nữa, đối với đạo này, đạo kia, Đại Bồ-tát học hỏi quyết nghị với nhau, được chứng hay không chứng đều trôi theo năm đường. Đó gọi là giác, cũng không thấy giác, cũng không thấy không giác, không một, không hai, đó là không hai nhập.

Đại Bồ-tát với bản hạnh tu tập hiểu rõ Duyên giác, với hữu dư, vô dư kiết sử đều đoạn hẳn, đó là không hai nhập.

Tất cả các loại chúng sinh hiểu rõ đều là vô thường. Thân chẳng phải của ta, trong ngoài đều là trống không. Đó là không hai nhập.

Ân đức của Phật lan rộng khắp nơi không bờ bến, lấy khổ tập đạo để đạt đến vô vi, đó là không hai nhập.

Bốn đẳng tâm đại bi che trùm hết tất cả, chúng sinh ngu si được đến với đạo chân thật, đó là không hai nhập.

Bảy giờ, Đức Thế Tôn nói kệ:

Thanh văn, Phật-bích-chi
 Là tên mượn để gọi
 Như người đại chiến thắng
 Thắng giặc là trên hết.
 Không ai sánh bằng
 Phật Một mình vào ba cõi
 Điều tâm chiến thắng ma
 Sức nhẫn đến Niết-bàn.
 Luân chuyển khổ sinh tử
 Mạng như lửa đá mài
 Trải qua ức trăm ngàn
 Không biết khi nào thoát.
 Phật vốn không danh hiệu
 Vì do người tôn trọng
 La-hán, Phật-bích-chi
 Chỉ một không có hai.
 Như Phật Định Quang kia
 Thọ ký Ta vô thượng
 Sau chín mươi một kiếp
 Ở trong Hiền kiếp này.
 Bạc tối thắng thứ tư
 Hiệu là Thích Ca Văn
 Đòi vạc sôi năm trước
 Không hiểu thuận cha mẹ.
 Sát hại A-la-hán
 Không vâng lời Phật dạy
 Những nơi Ta từng ở
 Chẳng một, chẳng hai đường.
 Trong sáu đường phiền não
 Trải qua vô số kiếp
 Đầu, giữa, cuối không ngủ
 Kinh hành tu đức hạnh.
 Kinh tâm tự giác ngộ
 Là chấp trước ba hữu
 Hạnh nguyện xưa của
 Phật Không xả, thủ diệt độ.

Một thân, một thân thức
 Giống mình không có khác
 Cực khổ trong số kiếp
 Tinh thần bị suy sụp.
 Vì họ, không vì mình
 Nên được thành Phật đạo
 Ta là Nhất thiết trí
 Dạy cho người chưa dạy.
 Tuệ thông không chấp trước
 Một tiếng dứt nghi ngờ
 Ba đời Tu-đà-hoàn
 Đạt đến đạo vô vi.
 Hướng chỉ người đệ nhất Theo
 Phật không còn nghi
 Các đệ tử của Ta
 Hữu học và vô học.
 Bốn đẳng cứu vớt khổ
 Không khởi, không sinh diệt
 Vốn do tư tưởng sinh
 Lại do tư tưởng diệt.
 Phi ngã tư tưởng sinh
 Phi ngã tư tưởng diệt
 Hành vốn do có căn
 Trôi nổi chẳng một mối.
 Căn đoạn dứt tư tưởng
 Không còn niệm căn bản.

Khi Đức Thế Tôn nói kệ xong, có mười hai na-do-tha chúng sinh đều phát tâm cầu đạt đạo Bình đẳng vô thượng.



Phẩm 23: Ý

Bấy giờ, trong chúng hội có Bồ-tát tên Căn Liên Hoa, tuệ thí vô ngại, thực hành bốn tâm bình đẳng kiên cố khó lay động, đi đứng nằm ngồi không mất oai nghi, lễ độ. Từ vô số kiếp đến nay, vị ấy luôn tu hành phạm hạnh,

thiền định không tán loạn, phân biệt rõ ràng về thiện ác, quan sát chúng sinh có tâm dâm nộ si hay không có tâm dâm nộ si, dù nhiều hay ít gì cũng đều biết rõ, đạo qua các cõi Phật, cúng dường phụng thờ chư Phật Thế Tôn, khéo dùng phương tiện thị hiện vô thường, vô ngã, vô thân, vô thọ mạng, vô nhân; đi biết đi, đứng biết đứng và có lòng từ bi thương xót hết thảy mọi loài.

Khi ấy, Bồ-tát Căn Liên Hoa từ tòa ngồi đứng dậy, trích bày vai phải, gối phải quỳ sát đất, chấp tay thưa Phật:

– Lành thay! Bạch Thế Tôn! Ý của bốn đạo ở chỗ nào? Ý hữu vi hay ý vô vi?

Ý là quả hay ý là phi quả? Ý là hữu đối hay vô đối?

Ý có thể thấy hay không thể thấy?

Ý là quá khứ, hiện tại, vị lai hay chẳng phải quá khứ, hiện tại, vị lai?

Ý là pháp của tiên nhân hay chẳng phải pháp của tiên nhân?

Ý là pháp hữu vi hay là pháp vô vi?

Ý là pháp hữu lậu hay là pháp vô lậu?

Đối với quả báo ba pháp thì ý ở đâu?

Ý ở trong đen hay quả báo đen?

Ý ở trong trắng hay quả báo trắng?

Ý ở trong không đen không trắng, hay trong quả báo không đen không trắng?

Ý ở hành pháp thô hay hành pháp tế?

Đức Thế Tôn bảo Bồ-tát Căn Liên Hoa:

– Lành thay! Lành thay! Nay Bồ-tát Căn Liên Hoa! Nghĩa mà ông hỏi là thương xót tất cả, khai hóa pháp tâm ý thức cho chúng sinh, thị hiện ánh sáng cho người mù tối. Nay ông hãy lắng nghe cho rõ, suy nghĩ thật kỹ.

Bấy giờ, Đức Thế Tôn nói kệ:

Tối thắng không ai bằng

Thanh tịnh không vết dơ

Mặt đẹp như hoa sen

Không bị bụi làm dơ.

Sống ở đời hữu vi

Bị khổ nạn ba cõi

Ta không, kia cũng không

Ý tịch không tâm thức.
Như nước trong đồ đựng
Tùy theo tướng của vật
Quá khứ vốn chẳng có
Hiện tại hành thiện ác.
Vị lai pháp sẽ hoại
Ý này vốn chẳng phải
Bồ-tát hành đại bi
Cũng hiện đối – vô đối.
Rửa trừ bệnh cấu uế
An ổn đạo cứu cánh
Người bị năm cái che
Khiến tâm bị chướng ngại.
Như trời chiếu thiên hạ
Thường bị năm việc che
Khói bụi trần tu luân
Bít lấp pháp căn môn.
Ý vốn không thiện ác
Theo hành động đã tạo
Tịch diệt, không, vô pháp
Như nhánh nhiều trái, gãy.
Ví như cây chuối ấy
Lột mãi không có lõi
Thân người do bốn đại
Tìm ý không ý căn.
Ý ở trong ba đời
Ba đời không có ý
Phân biệt thức tâm pháp
Tìm cầu không thật có.
Ý pháp không hình tướng
Không thể nói ý ấy
Tâm nghĩ rất nhiều điều
Sinh diệt không dứt đoạn.
Quá khứ nghĩ thiện ác
Vị lai sẽ thọ báo
Hiện tại hành đã đủ
Ý tạo chẳng phải ai.

Một niệm chín mươi ức
Nghiệp có thiện có ác
Chỉ một niệm tạo ra
Diệt trừ không thể hết.
Huống chi ngày tháng kiếp
Nghiệp thiện ác đã tạo
Người trí sẽ hộ thân
Kiên cố không lay động.
Như kẻ phạm tội kia
Bưng bát dầu đầy tràn
Nếu rót một giọt dầu
Càng thêm bị tội lớn.
Hai bên trỗi âm nhạc
Sợ chết không dám nhìn
Bồ-tát tu quán tịnh
Giữ ý như kim cang.
Chê khen và não loạn
Tâm ý không lay động
Hiểu không xưa nay tịnh
Không kia, đây, chặng giữa.
Pháp chân như bốn đế
Hướng đến cửa Niết-bàn
Những việc xưa ta tạo
Kết nối gốc thân căn.
Chẳng tính thấy, đệ tử
Có thể tính đếm được
Vô số ức ngàn kiếp
Đem thân đền nợ tội.
Thân voi, ngựa, sáu súc
Không được sinh làm người
Dù được làm thân người
Bị điec, đui, câm, ngọng.
Phật hiện chiếu thể gian
Biên địa không thấy
Phật Khổ nằm vạc nước sôi
Thuần ác không nghe thiện.
Diên đảo theo pháp tà

Trong chân tánh đạo suy
Ta từ vô số kiếp
Giữ hạnh như bát dầu.
Yêu thân tự giữ gìn
Đưa đến chỗ vô úy
Chín mươi sáu loại đạo
Như đóm đóm trong đêm.
Phật nhật chiếu thế gian
Trừ bỏ các tội tăm
Có Phật người đời vui
Có thuốc người bệnh vui.
Có báu người nghèo vui
Thành Phật Niết-bàn vui
Khổ hạnh nhẫn nhục vui
Ta không chấp sắc vui.
Tham lam bố thí vui
Giữ giới không phạm vui
Được nghe Phật dạy vui
Tư duy thiền định vui.
Hữu – vô bình đẳng vui
Khó gặp được gặp vui
Địa ngục tám nạn khổ
Vô cứu đê nhất khổ.
Hạt giống mục nát khổ
Gieo mạ không lên khổ
Sinh thiên rồi đọa khổ
Chánh kiến đảo điên khổ.
Ròng Nan-đà-bạt khổ
Quần núi Tu-di khổ
Kiếp thiêu lửa cháy khổ
Trạo hối cầu Phật khổ.
Nhất hạnh hướng nhất đạo
Nhất tâm không thoái lui
Một thân tu đức hạnh
Cuối cùng thành nhất thật.
Tu nhất, không lìa nhất
Doan nghiêm nhất biết nhất

*Giữ nhất, không lìa nhất
Nên nói đi một mình.*



Phẩm 24: ĐỊNH Ý

Bấy giờ, trong chúng hội có Bồ-tát tên Trì Không, đầy đủ tướng tốt, nhập vào bốn pháp môn, biện tài bậc nhất, tu trì cõi Phật, mỗi cõi Phật đều lưu thân lại để giáo hóa, thị hiện sinh diệt tùy theo căn cơ cao thấp của con người, âm thanh nói năng có khi ngọt có khi đắng, nói rõ ràng về quá khứ, hiện tại, vị lai, trước mặt người hỏi thì một khi trả lời bằng vạn ý, ý nghĩa thâm thúy khó có thể lường được.

Bấy giờ, Bồ-tát Trì Không từ tòa ngồi đứng dậy, trích bày vai phải, gối phải quỳ sát đất, thưa Thế Tôn:

– Bạch Thế Tôn! Làm thế nào để độ chúng sinh khổ đau? Phật bảo Bồ-tát Trì Không:

– Bồ-tát làm thế nào để chúng sinh nghe tiếng khổ, hạnh khổ thì khổ đoạn, khổ diệt, không còn thấy nguồn gốc của khổ nữa. Con đường đưa đến khổ là do ân ái sinh ra, những sợi dây ân ái trói buộc tâm người. Lấy hai mươi pháp hạnh làm thuốc trị liệu, không còn theo gốc khổ, chắt chứa hành nghiệp nhiều kiếp, diệt rồi sinh trở lại. Chúng sinh tà kiến cho là đạo chân thật, chuyển nhập định ý Tam-muội thanh tịnh. Thanh tịnh không vết dơ, không kia không đây. Tâm thức khai ngộ, dần dần được định ý. Lành thay sự lợi ích của Ta, an ổn diệu lạc không gì bằng. Tâm ý thức bị trói buộc lần lần mở ra, gọi đó là đạo chân thật, còn đây chẳng phải đạo chân thật. Vì sao? Vì pháp hư vọng lừa dối chẳng phải bản hạnh của Phật. Những gì xưa kia chư Phật hành là chân thật. Ngoài Ta ra, không có pháp chân thật nào hơn những pháp mà Phật đã hành, đó là bốn bát tư nghi. Bốn bát tư nghi là gì?

Bồ-tát giữ ý có thể làm cho ba ngàn đại thiên thế giới nơi cõi Phật đều bằng bảy báu, rồi làm trở lại như cũ. Đó là bát tư nghi thứ nhất.

Như Ta ngày nay ở trong bào thai mẹ dẫn dắt cho vô lượng a-tăng-kỳ chúng sinh, người chưa độ được độ, người chưa đến được đến, trừ bỏ đi những câu bản đề đạt đến vô cầu. Đó là bát tư nghi thứ hai.

Xưa kia Ta thệ nguyện cốt yếu là độ người đau khổ để đến nơi không

còn khổ. Một người khổ, chưa độ được thì Ta không bao giờ vào Niết-bàn. Đó là bất tư nghì thứ ba.

Thân Phật vô lượng, Đông, Tây, Nam, Bắc có thể dung chứa hết. Một mình không có bạn bè, tự tánh pháp không, quán chúng sinh rồi tự quán tánh của mình, đây đẹp kia xấu, đây tịnh kia bất tịnh, đây là địa thủy hỏa phong, đây là của ta kia chẳng phải là của ta, đây khổ kia không khổ, đây vui kia không vui, đây thường kia vô thường, đây là đời này kia là đời sau, làm phước được phước, tạo tội chịu tội.

Khi ấy, Đức Thế Tôn nói kệ:

*Thân như tro, đất, phân
Do bốn đại tạo thành
Không phong, thủy trang nghiêm
Thì địa thủy ly tán.
Hỏa diệt trong chốc lát
Thí thức không chỗ trụ
Tội nhiều chứa gốc khổ
Đây do thức tạo nên.
Nay Ta biết bản thức
Bỏ người, người không thật
Vải năm màu rực rỡ
Làm hư hoại tâm người.
Như người thở ra vào
Hành pháp không dừng lâu
Hiểu biết vô thường, khổ
Không đây, kia, chặng giữa.
Một tiếng ứng vạn ức
Hiện bày giáo đệ nhất
Thân vô thường, khổ, không
Hiểu rõ các pháp tướng.
Trở về trụ sáu tịnh
Hiểu không, vô tướng, vô nguyện
Thân chẳng phải của ta
Như Phật dạy chúng sinh.
Thân còn tâm thức là
Nếu Phật không như vậy
Làm sao phân thân dạy*

Báo tội phước theo trước.
 Nguyên đều được thỏa mãn
 Nay thọ, sau không thọ
 Hiện tại cũng như vậy
 Tội giết hại cha mẹ.
 Cũng hiện, cũng không hiện
 Giống như việc đánh cầu
 Thần thức bị ô nhiễm
 Hoặc nghịch hoặc hối hận.
 Một lòng hướng Niết-bàn
 Bạc đại sư vô vi
 Xả thân bỏ tục lụy
 Pháp vốn không nhân duyên.
 Quả báo như hình bóng
 Như có cũng không có
 Tà kiến nói chân thật
 Bị lưới si quán trói.
 Từ đen vào lại đen
 Không phân biệt pháp trắng
 Giới nhân có năm hạnh
 Không sợ, không bị sợ.
 Định lực chấn đại thiên
 Thắng ma như điều binh
 Người cầu đạo vô thượng
 Có người thoái, người tiến.
 Như sông chảy về biển
 Đến nhiều, đạt thì ít
 Gặp được duyên đại bi
 Thiện quyền vượt bờ kia.
 Phật là Nhất thiết trí
 Không nhiễm, không chấp trước
 Ta vốn hành nghiệp khổ
 Bỏ nước, thành, vợ con.
 Quên cha mẹ, sư trưởng
 Không tiếc thân mạng mình
 Như người giữa đồng hoang
 Khao khát cần nước uống.

Gặp sông, suối, ao, giếng
Lấy uống không còn khát
Người thọ thân bốn đại
Có định không định xứ.
Huống thức không thiện ác
Thức thọ báo rõ ràng
Nhà bảy báu trì giới
Có trăm vạn Thiên nữ.
Nhạc trời để vui chơi
Không bao giờ sầu ưu
Lực Phật Nhất thiết trí
Thấm nhuần khắp mọi người.
Trước đạt năm thần thông
Nhuần gọi pháp cam lồ
Xưng dương bốn cú nghĩa
Không trước, sau, chính giữa.
Pháp này nổi pháp khác
Thông pháp tánh trong ngoài
Những gì Ta đã tạo
Bị ác sử trói buộc.
Luân hồi trong năm đường
Mà cho là nhà cửa
Cảnh trời như lửa xẹt
Tìm kiếm không có thật.
Rùa mù tìm bông cây
Có lúc còn được gặp
Một khi ta mất mạng
Ức kiếp khó lại được.
Biển rộng lớn sâu thẳm
Ba trăm ba mươi sáu
Nếu quăng kim vào biển
Tìm kiếm còn khi được.
Một khi ta mất thân
Khó được hơn đó nữa
Người giữ luật, trì giới
Ở đời khó gặp được.
Trong ức ngàn vạn kiếp

*Phật như hoa Ưu-dàm
 Những chúng sinh hữu duyên
 Được Phật giáo hóa đạo.
 Đoạn trừ các kiết sử
 Vĩnh viễn không bị vướng.*

Khi Đức Phật nói kệ này xong, có hai mươi na-do-tha chúng sinh lập tín căn kiên cố, không còn nghi ngờ và đều phát tâm cầu đạt đạo Chánh chân vô thượng.



Phẩm 25: QUANG ẢNH

Khi ấy, ở trong thai, Đức Thế Tôn giảng rộng về pháp Đại thừa không thể nghĩ bàn. Vì sắp diệt độ nên Thế Tôn thị hiện đức bóng ánh sáng, làm cho chúng hội đều cùng một màu, giống như màu vàng ròng của Phật không khác. Chư Thiên, Rồng, Quỷ thần, Càn-thát-bà, A-tu-la, Ca-lâu-la, Khẩn-na-la, Ma-hầu-la-già, nhân và phi nhân cùng bốn bộ chúng Tỳ-kheo, Tỳ-kheo-ni, Ưu-bà-tắc, Ưu-bà-di có người hướng đến quả, có người đã đắc quả cũng đều một màu. Ai nấy đều muốn nghe Đức Như Lai giảng nói về bóng ánh sáng nên định ý gây dựng công đức, giải thoát vô ngại, có bốn biện tài, ứng đối mau lẹ, tướng tri đều diệt tận, phỉ sạch gánh nặng cho mọi người, đi đứng nằm ngồi không mất oai nghi. Theo pháp chư Phật thường giảng nói về khổ, tập, diệt, đạo, diu dắt chúng sinh vào bốn ý chỉ, thành tựu đoạn ý, giác lực, sư tử vô úy, tám con đường của bậc Thánh, không, vô tướng, vô nguyên.

Bấy giờ, trong chúng hội có Bồ-tát tên Hiền Quang, từ tòa ngồi đứng dậy, trích bày vai phải, gối phải quỳ sát đất, chấp tay thưa Phật:

– Như Lai, Ứng Cúng, Chánh Biến Tri, Minh Hạnh Túc, Thiện Thệ, Thế Gian Giải, Vô Thượng Sĩ, Điều Ngự Trượng Phu, Thiên Nhân Sư, Phật Thế Tôn phóng ra ánh sáng này chiếu khắp ba ngàn đại thiên thế giới. Ánh sáng được hóa này, có giống như Phật hóa không? Công đức của thân lực Phật chẳng phải một, chẳng phải hai, ánh sáng này tiếp xúc không thể cùng tận. Hai đức hạnh ấy có khác nhau không? Cúi xin Thế Tôn giải thích những mối nghi ngờ để cho người chưa tin dứt hẳn hồ nghi.

Bấy giờ, Đức Thế Tôn dạy Bồ-tát Hiền Quang:

– Những điều ông hỏi đều là do thần lực của Như Lai. Vì sao? Vì ánh sáng thần diệu của Như Lai hiện bày là để cứu độ chúng sinh nên không bị chướng ngại. Từ cõi Diêm-phù-đề lên đến trời Quả Thật, ánh sáng chiếu xa, giảng nói sáu độ vô cực: Bồ thí, trì giới, nhẫn nhục, tinh tấn, thiền định, trí tuệ. Đúng như thần lực của Phật độ thoát chúng sinh, không còn kia, không còn đây. Vô số a-tăng-kỳ chúng sinh được cứu độ đều là nhờ ánh sáng mát dịu của Đức Phật che chở.

Khi ấy, ánh sáng tự nhiên vang tiếng nói kệ:

Quá khứ vô số Phật
 Đều phóng ánh sáng này
 Mỗi mỗi vàng ánh sáng
 Nói sáu độ vô cực.
 Giới, nhẫn, môn giải thoát
 Thích pháp để tự vui
 Trước nói ba không định
 Kế tiếp thành tựu đạo.
 Những người bị ba độc
 Không trói, không bị trói
 Bốn mươi tám kiết sử
 Không cứu, không được cứu.
 Chẳng thật người hành đạo
 Những nơi đã trải qua
 Sống an vui ba chỗ
 Dấu chân thần rất quý.
 Đi qua rất cao thượng
 Đạt đến bờ vô vi
 Lập hạnh không thoái chuyển
 Vô úy sức oai thần.
 Được thần quang tiếp độ
 Hơn trăm ức vạn lần
 Như mỗi ánh sáng kia
 Phân làm số bụi trần.
 Một bụi là các cõi
 Vô số không thể lường
 Sức Phật không cùng tận
 Chẳng có cũng chẳng không.
 Ánh sáng giảng nói pháp

Độ thoát a-tăng-kỳ
 Pháp thân tự nhiên không
 Trong ngoài hạnh thanh tịnh.
 Tám vạn tư phiền não
 Định tâm không tán loạn
 Xưa Ta chín mươi hai
 Kiếp số khó thể lường.
 Ngồi thẳng dưới gốc cây
 Hành đạo không thoái lui
 Trời, người, tu luân, quỷ
 Năn nỉ hỏi nghĩa Ta.
 Ánh sáng lại tiếp độ
 Độ thoát vô ương số
 Quá khứ Phật Thức-khí
 Phóng ánh sáng dạy sau.
 Ai vào ánh sáng ấy
 Tiêu diệt khổ ba độc
 Tiếp Phật Duy-vệ-tôn
 Thần đức không thể lường.
 Cũng lại phóng ánh sáng
 Cứu vớt người khổ não
 Câu-na-hàm-mâu-ni
 Đấng ra khỏi ba cõi.
 Hiện ở núi tiên nhân
 Ánh sáng luôn rực rỡ
 Câu-lưu: trời trong trời
 Không vương, không bị nhiễm.
 Tịch diệt nhập Niết-bàn
 Phóng quang sau giáo hóa
 Ca-diếp Bản Vô Tôn
 Độ người không thể lường.
 Cũng lấy đức ánh sáng
 Độ người chưa được độ
 Ta, Thích Ca Mâu Ni
 Nói pháp ở trong thai.
 Thân đây, ánh sáng kia
 Biến khắp các cõi Phật

*Đối với người tiểu tiết
Không thể nào lường nổi.
Chỉ Phật lường được Phật
Công đức không khác nhau
Chư Phật ở vị lai
Đều hiện phóng ánh sáng
Hiện để độ chúng sinh
Ánh sáng trước pháp sau.*

Khi Đức Thế Tôn nói kệ xong, có bảy trăm bảy mươi ức chúng sinh nghe Phật giảng nói về thần đức quang minh này, ngay tại chỗ ngồi đều phát tâm cầu đạt đạo Bình đẳng vô thượng.



KINH BỒ TÁT TÙNG ĐÂU THUẬT THIÊN GIẢNG THẦN MÃU THAI THUYẾT QUẢNG PHỔ

QUYỂN 7

Phẩm 26: PHÁ TÀ KIẾN

Bấy giờ, Đức Thế Tôn nhập chánh định Tam-muội, phân thân biến hóa, phóng ra ánh sáng lớn để muốn cho các Đại Bồ-tát và bốn bộ chúng: Tỳ-kheo, Tỳ-kheo-ni, Ưu-bà-tắc, Ưu-bà-di phá tan cảnh giới của ma, trụ vào chánh địa.

Đức Thế Tôn bảo đại chúng:

– Ta nhớ về quá khứ cách đây chín mươi một kiếp, Ta tu hành khổ hạnh trong núi cùng với Tôn sư và năm ngàn người ở phía Nam núi Tuyết, phía Bắc thành Thanh Tịnh. Ta là đệ tử nhỏ nhất trong chúng ấy, nhưng siêng tụng đọc kinh điển, toán số kỹ thuật, thiên văn địa lý đều thấu tỏ. Theo pháp thường của chúng ấy, nếu có đệ tử nào sở học đã thành tựu thì nên báo ân thầy.

Lúc ấy Ta một thân một mình, không có tiền của, vật báu để dâng lên thầy nên quỳ lạy, xin muốn xuống núi vào xóm làng đi xin. Thầy không cho phép. Xin nài ba lần như vậy nhưng thầy vẫn không cho. Vì sao? Vì Ta thông hiểu rõ ràng các kinh điển đứng đầu trong chúng. Thầy nói với Ta: “Ta có kho tàng kinh điển bí mật quý báu, người chưa đọc tụng sao lại rời ta để vào nhân gian đi xin?”.

Khi ấy thầy đưa quyển kinh cứ một câu có năm chữ, bảo Ta tụng thuộc lòng. Chưa được vài ngày, Ta đã học thuộc và thưa trước thầy: “Thầy hãy cho phép con xuống núi đi xin để báo ân thầy”. Thầy cũng không cho và nói với Ta: “Ông nên học hỏi văn thư bí sấm về mặt trời, mặt trăng, sao, tai nạn, yêu quái, họa phúc, núi lay đất chuyển.

Những điều này ông cũng chưa biết, sao lại muốn rời ta để vào nhân gian đi xin?”.

Rồi thầy đưa quyển kinh, cứ một câu kinh gồm một ngàn chữ, bảo Ta học thuộc. Chưa được mấy ngày, Ta đã thành tựu và bạch thầy đi xin để báo ân thầy. Thầy cũng không cho, nói: “Ta có quyển kinh, cứ một câu kinh gồm một vạn chữ. Những quý báu trong kinh ông cũng chưa đọc tụng, vì lý do gì mà muốn rời ta để đi xin?”.

Thế rồi thầy lại đưa kinh bảo Ta tụng đọc thuộc lòng. Chưa đến vài ngày Ta đã thấu đạt về kỹ thuật, phước họa, sự vận hành của các sao và tất cả đều được thông suốt. Khi ấy, thầy khuyên Ta nên ở lại và không còn kinh nào để đưa cho Ta học nữa.

Ta liền từ tạ thầy xuống núi, vào thôn xóm đi xin, thấy năm ngàn Phạm chí dị học ở một làng lớn, cùng nhau cúng tế trời.

Theo pháp cúng tế trời thì phải giết năm trăm con bò, năm trăm con dê, năm trăm con lạc đà, năm trăm con ngựa, voi mạnh nhất có sáu ngàn, năm trăm người nữ, một cây gậy bằng vàng, một bồn rửa mặt bằng vàng, vải trắng một ngàn xấp, vàng bạc tiền đều phải năm vạn. Những vật báu này sau khi được cúng cho trời thì sẽ đưa cho thầy.

Bấy giờ, Ta xuống núi với y phục dơ nhớp, bụi bặm. Trước đây ở trong núi tu khổ hạnh lâu năm, mặc áo da nai, nghe năm ngàn vị Phạm chí dị học thiết đại lễ đàn nên Ta liền đến đó.

Khi ấy sư trưởng hỏi Ta: “Nếu kinh điển kỹ thuật nhiều thì mới cho ngồi trên, còn kinh điển ít thì cho ngồi dưới”.

Vị sư ấy không biết gì cả, không thông đạt bí yếu sấm ký nên cho Ta ngồi trên, nhưng sư ấy lại tức giận nói: “Đây là người như thế nào, đáng lẽ châu báu đủ mọi vật phải thuộc về ta, sao bị người này chiếm đoạt? Nếu đời sau gặp nhau, ta quyết phải báo thù, giống như đã chiếm đoạt của ta ngày hôm nay”.

Bấy giờ Ta liền nói: “Tà kiến điên đảo chẳng phải chân thật, phân biệt rõ ra thì chỉ có vô vi mới gọi là Niết-bàn, không sinh già bệnh chết, không đây, không kia, chẳng giữa. Quán tự tướng của nó là thanh tịnh, bốn vô sở úy làm phước thì sinh lên trời, bị tội thìọa vào địa ngục, tham lam bồn xén thì làm ngựa quỳ, mắc nợ thì làm súc sinh, quả báo thiện ác giống như bóng theo hình”.

Khi ấy, tâm thức của năm trăm người được khai sáng, liền thỉnh Ta làm thầy. Những voi, ngựa, trâu, dê, lạc đà v.v... sắp bị giết, Ta lại không giết. Còn gậy vàng, bồn rửa vàng, đáng lẽ Ta nhận nhưng Ta liền đem đưa cho vị Thượng tọa tức giận kia. Năm trăm người nữ được gọi trở lại cho

chủ thờ cúng. Năm vạn tiền vàng Ta chỉ lấy năm trăm thôi. Năm vạn tiền đồng Ta cũng chỉ nhận năm trăm, còn lại gởi cho chủ thờ cúng.

Ta đi từ thôn này đến thôn khác, từ nước này qua nước nọ, dần dần đến bên ngoài cửa phía Đông của thành Thanh Minh. Ta thấy năm trăm Phạm chí tuổi cao đức lớn, học đạo ngày ngày đứng dưới lửa mặt trời thiêu đốt, thân thể xấu xí dơ bẩn. Ta liền lấy năm trăm tiền vàng đưa mỗi người một đồng, từ biệt họ vào thành. Ta thấy người trong thành lấy nước thơm rải lên đất để khử trừ bụi dơ, treo cờ phướn, lọng báu và mọi người sắp thẳng hàng trong tư thế đoan nghiêm, chuẩn bị ra ngoài thành.

Đi tới một tí, Ta thấy một cô gái cầm bảy cành hoa. Khi ấy, Ta nhìn xung quanh tìm hương kiếm hoa nhưng không có. Ta hỏi cô gái ấy: “Tôi muốn hoa trên tay của cô”.

Cô ta trả lời: “Hoa này đã có chủ. Đức Phật sắp vào thành, tôi đem hoa này dâng lên Phật”

Không thể được rồi, Bồ-tát lại dùng quyền phương tiện nói với cô gái: “Tôi có năm trăm tiền báu, tôi mua mỗi hoa một trăm tiền, nếu được thì cô bán”.

Thế rồi Ta đưa tiền ra, cô ta tham của báu nên lấy năm cành hoa đưa cho Ta. Đi được khoảng mười bước, cô ta tự nghĩ: “Người này có tướng mạo đoan nghiêm mà lại mặc y phục bằng da nai, vì ham năm cành hoa của ta mà không tiếc tiền bạc. Điều này chắc chắn có lý do”.

Thế rồi cô ta quay lại kêu: “Này ông ơi, ông dùng hoa ấy để làm gì vậy?”.

Ta trả lời: “Để dâng lên Phật”.

Nghe đến danh hiệu Phật, cô ta liền lấy hai cành hoa còn lại đưa cho Ta. Ta ra khỏi thành, thấy Đức Phật đằng xa, chư Thiên và dân chúng đông nghẹt cả đường, không có một chỗ đất hở trống nào để lễ lạy. Trước Phật có một vũng nước, rộng bằng chỗ một người đứng.

Ta liền trải tóc trên vũng nước ấy và ca ngợi Phật với bài kệ:

*Phá tâm ái kiêu mạn Diệt được dục nộ si
Chân tướng sáng bậc nhất Xin Phật thấu lòng con.
Thệ nguyện xưa con cầu Ngày nay được thấy Phật Nay rải
năm cành hoa
Nguyện đăc Bất thoái chuyển. Hai cành hoa còn lại
Cô gái gởi cúng Phật
Vô thượng đại Đạo sư*

Thương xót đập tóc con.

Khi ấy, Đức Như Lai Quang Minh thấy Ta tâm tịnh phát nguyện rộng lớn, không có gì có thể làm trở ngại, hủy hoại được, liền dùng kệ khen Ta:

*Đồng tử phát tâm lớn
Rộng cứu độ muôn người
Nguyện lớn không tự có
Trông nhiều gốc công đức.
Qua vô số kiếp sau
Đời năm vạn năm trước
Thành Phật độ chúng sinh
Danh hiệu Thích Ca Văn.
Ba mươi hai tướng sáng
Đáng kỳ diệu loài người
Thọ tuệ xưng Phật rồi
Đất chấn động sáu cách.
Chư Thiên, người thế gian
Thấy Ta được thọ ký
Thường muốn diệt các sử
Đều nguyện sinh cõi Ta.*

Bấy giờ, Đức Như Lai Quang Minh liền đập trên tóc Ta đi qua, Phật dùng thần lực nhận năm cành hoa của Ta và đem thân Ta để trên hư không. Hai cành hoa còn lại Phật để trên hai bên vai. Xưa kia tu hành phá tất cả những vật dụng của năm ngàn Phạm chí cúng trời thờ lửa, dạy họ hành chánh kiến, tám pháp bình đẳng, ngồi nằm kinh hành mỗi bước đều làm lợi ích, độ thoát chúng sinh. Từ đó đến nay, chưa từng bị đọa vào ba đường, tám nạn, thế trí biện thông, biên địa, sau Phật.

Lúc này trên chỗ ngồi, chúng sinh cõi ma cho thường là đoạn diệt, nói khổ là vui, vô thường cho là hữu thường, không có thân nói rằng có thân, tu tập bốn điên đảo, không có trí tuệ để nhận biết rõ ràng, bị năm triền cái che lấp, tham đắm vào lợi dưỡng.

Muốn độ những người tà kiến này, Đức Thế Tôn nói kệ:

*Tà kiến, đạo không thật
Như loài trùng Thiết thôi
Đục xương vào tủy não
Đau đớn vô số kể.
Lợi dưỡng hoại đạo đức*

*Người trí không làm vậy
Thân hành tâm kiên cố
Trừ sạch pháp vô minh.*

Khi Đức Thế Tôn nói pháp chân thật về cú nghĩa, vị nghĩa, tự nghĩa cho những người tà kiến này thì có vô số trăm ngàn chúng sinh phát tâm cầu đạt đạo Chánh chân vô thượng.



Phẩm 27: VĂN THÙ THÂN BIẾN HÓA

Bấy giờ, Đức Thế Tôn Vô Sở Trước Đẳng Chánh Giác nhập vào Tam-muội Thượng tôn định ý, quan sát các Đại Bồ-tát quá khứ, hiện tại, vị lai có kiếp số nhiều ít, sẽ từ một kiếp, hai kiếp cho đến trăm ngàn vô số ức kiếp thủ Bát-niết-bàn.

Có Đại Bồ-tát cúng dường chư Phật, thành tựu công đức, giáo hóa chúng sinh, làm thanh tịnh cõi Phật.

Có Đại Bồ-tát từ lúc đồng chân hành bát trụ, không có vợ con, đập tắt tư tưởng dâm dục, tự tại ở quả vị của mình, không cha mẹ, anh em mà đắc Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác.

Phật bảo Bồ-tát Văn-thù-sư-lợi:

– Về thuở xưa cách đây bảy mươi chín kiếp, tại thế giới Hoa Quang, ông ở trong thai thuyết pháp toàn thân xá-lợi. Dân chúng cõi ấy cao ngàn do-tuần, thân của Phật cao vạn do-tuần. Đông, Tây, Nam, Bắc, bốn góc trên dưới rộng vô lượng, không có giới hạn, không thể tính kể, dù thầy tính, đệ tử tính cũng chẳng thể nào lường được, căn bản thanh tịnh, vốn ông ở nơi đó. Thân Phật phóng ra ánh sáng, thị hiện thần túc để cho đại chúng đồng loạt được thấy Như Lai làm lợi ích cho chúng sinh.

Khi ấy, Đức Thế Tôn nói kệ:

*Văn-thù vốn thành Phật
Trong thai hiện biến hóa
Thân cao vạn do-tuần
Tướng ánh sáng rực rỡ.
Mắt như hoa sen xanh
Môi miệng đỏ lửa sáng*

*Bốn mươi răng trắng trắng
 Mắt nháy ngược lên xuống.
 Chư Thiên, rồng, quỷ thần
 Dem hương hoa cúng lạy
 Nay Ta ở thai này
 So với cồi của ông.
 Đối với mười sáu phần
 Không bằng một mảy lông
 Đức biến hóa Như Lai
 Thông đạt không chướng ngại.
 Hương giữ giới lan xa
 Chư Phật đều khen ngợi
 Các đại chúng đến đây
 Muốn hỏi pháp khó có
 Cúi đầu trước Như Lai
 Để trừ lười nghị ngờ.*

Bấy giờ, Đại Bồ-tát Văn-thù-sư-lợi ngay trên tòa ngồi, dùng định lực thần túc giống như người lực sĩ co duỗi cánh tay, tiếp thế giới Hoa Quang để bên trong thai thân mẫu của Phật Thích Ca Mâu Ni nơi cồi Ta-bà.

Thế giới của hai Đức Phật không chướng ngại nhau, vẫn hiện đầy đủ các tướng tốt của thân Phật, ngồi bên Thọ vương giảng nói pháp tối thắng thâm diệu.

Bồ-tát cồi ấy cũng đến gần gửi Đức Phật Thích Ca Văn, thừa sự cúng dường hương hoa, cờ phướn, lọng báu. Đệ tử Bồ-tát của Thích Ca Văn Ni cũng đến cồi kia cúng dường lễ bái.

Âm thanh nói pháp vi diệu sâu xa của hai vị Phật khai thông với nhau, không có chướng ngại. Đức Phật kia nói vô sinh thì ở đây cũng nói như vậy. Ta nói về tâm định thì bên kia cũng nói như vậy. Ý, đoạn, căn, lực, giác đạo hai bên giống nhau. Bên kia nói khổ, không, vô ngã, bên đây cũng vậy.

Khi ấy, Bồ-tát Văn-thù-sư-lợi nói kệ:

*Quán trong ngoài thanh tịnh
 Duyên diệt, tướng cũng vậy
 Các cồi Phật mười phương
 Thần đức không khác nhau.
 Đều do căn chúng sinh*

Hiện có diệu, không diệu
 Cho ta thành thân Phật
 Cõi này rất là nhỏ.
 Vì chúng có nghi ngờ
 Hiện biến hóa trong thai
 Thân ta như vi trần
 Nay ở cõi Phật kia.
 Ba mươi hai tướng sáng
 Hiện khắp cả mọi nơi
 Xưa làm thầy Năng Nhân
 Nay lại làm đệ tử.
 Đạo Phật rất rộng lớn
 Thanh tịnh không tăng giảm
 Ta muốn thấy thân Phật Hai
 Ngài không cùng đứng.
 Cõi này hiện giáo hóa
 Cõi ta hiện thân Phật
 Cõi kia có kiếp thiêu
 Cõi ta không hư hoại.
 Lực Phật biến khắp nơi
 Tâm chúng sinh chẳng một
 Chúng hội nghe ta nói
 Ngoài đây ra còn có.
 Cõi Phật tên Vô Khuyết
 Phật hiệu Thắng Tiên Tôn
 Quốc độ nhiều gấp bội
 Thanh tịnh không cấu uế.
 Quốc thành bằng bảy báu
 Đất thủy tinh lưu ly
 Ao bát giải cam lồ
 Rửa sạch mọi trần cấu
 Khiến trụ chốn vô ngại
 Rực rỡ ánh sáng lớn
 Đức Phật Thắng Tiên ấy
 Chẳng phải người nào khác
 Chúng hội ai muốn biết
 Đó chính là thân Ta.

Ngoài đây lại còn có
Cõi nước tên Cứu Cánh
Phật hiệu Đại Trí Tuệ
Bồ-tát nhiều vô lượng.
Không có hàng Nhị thừa
Bích chi và Thanh văn
Bồ-tát Ma-ha-tát
Không còn dâm nộ si.
Gốc mục lá không sinh
Huống chi lại có trái
Tướng đại nhân đầy đủ
Cứu người trước, mình sau.
Mạnh như năm dòng sông
Năm sử năm trời buộc
Năm ấm luôn than thở
Luân hồi trong năm đường.
Bảy tên sứ trời chặt
Không lìa bảy chỗ sinh
Tám chánh đạo vô vi
Diệt trừ tám nghiệp tà.
Tám tuệ quán thanh tịnh
Trước lấy nước bát giải
Bát trụ bát trừ nhập
Tám đạo pháp hữu vi.
Pháp khổ có chín phần
Chúng sinh đi sáu đường
Trọn vẹn chín không ngại
Trang nghiêm cây Phật đạo.
Pháp mười lực, vô úy
Mặc áo thệ từ bi
Tay cầm kiếm trí tuệ
Phát sạch rừng kiết sử.
Các chúng sinh cõi này
Tham đắm sinh kiêu mạn
Bệnh nặng không thầy giỏi
Bệnh tình càng kịch liệt.
Giống như lửa đồng hoang

*Thieu đốt cả núi rừng
Núi cao gió thổi mạnh
Cháy rực bao giờ tắt.
Thế giới của chúng ta
Đại trí tuệ giảng rõ
Như thân ta ngày nay
Bạc Như Lai đại trí.*

Sau khi Bồ-tát Văn-thù-sư-lợi nói kệ này, có vô lượng a-tăng-kỳ chúng sinh đều nguyện sinh về cõi Hoa Quang.

Khi ấy, Bồ-tát Văn-thù-sư-lợi thân thân túc lại, hiện đệ tử Bồ-tát của Đức Phật Thích Ca Văn. Bao nhiêu quốc độ đều trở lại nguyên như cũ.



Phẩm 28: BÁT HIỆN THÁNH TRAI GIỚI

Bấy giờ, trong chúng hội có Bồ-tát tên Trí Tích, vốn tạo nhiều công đức với chư Phật quá khứ, chiến thắng quân ma, với phương tiện thiện xảo làm trang nghiêm cõi Phật, tu hành nhẫn nhục trong vô số kiếp. Tâm nhẫn không sơ sót, không phể bỏ thiện hành, là tiếng gầm của sư tử trong đại chúng. Đi một mình trong ba cõi, lên xuống lúc nào cũng được, không điều gì là không thông suốt, ứng đối không trở ngại, có thể làm núi sông, tường đá biến thành bảy báu, đem bố thí cho những người nghèo khổ, giúp đỡ đầy đủ bốn việc cần dùng, hiểu rõ về quán không, pháp tánh đều thanh tịnh. Biết rõ ba đời, có oai nghi phép tắc. Quán pháp như huyễn, như hóa, như bóng trong gương, như sóng nắng, như tiếng vang trong hang. Quyển thuộc đi theo đều thành tựu căn bản, giữ gìn giới cấm không phạm một mảy nào.

Bồ-tát Trí Tích từ chỗ ngồi đứng dậy, trích bày vai phải, gối phải quỳ sát đất, chấp tay thưa Phật:

– Vui thay, bạch Thế Tôn! Như Lai giáo hóa không chỗ nào là không thấu đạt. Tám bộ chúng trời, rồng, người, quỷ đều đến đạo tràng. Chúng sinh cõi không giới cho đến thai sinh, hóa sinh được cứu độ không thể lường. Cúi xin Thế Tôn hãy phân biệt về các hành thiện, ác trong sáu đường, oai nghi giới cấm đầu, giữa, cuối đều thiện. Phân biệt rõ ràng về những người chưa biết được biết.

Phật bảo Bồ-tát Trí Tích:

– Lành thay! Lành thay! Ông đã hỏi Như Lai về nghĩa sâu xa ấy. Nay Ta sẽ phân biệt cho ông về những kết quả của giới cấm thiện ác. Ông hãy lắng nghe cho rõ, suy nghĩ thật kỹ.

Thuở xưa vô số kiếp, có một thời Ta làm chim chúa cánh vàng, cung điện bằng bảy báu, ao sau vườn cũng đều xây bằng bảy báu, dạo chơi trong vườn thấy tâm được tự tại. Phép tắc thì hành giống như Chuyển luân Thánh vương. Phụ nữ trong cung nội giống như Thiên nữ. Trải qua trăm ngàn kiếp mới vào biển tìm rồng để ăn thịt.

Khi ấy, trong biển có rồng hóa sinh, vào các ngày: mồng tám, mười bốn, rằm thì thọ trai giới của Như Lai, gồm tám giới cấm:

Không sát sinh. Không trộm cắp. Không tà dâm.

Không nói dối, nói thêu dệt. Không uống rượu.

Không nghe ca hát âm nhạc. Không thoa hương hoa phấn sáp. Không nằm giường cao rộng.

Không ăn phi thời.

Rồng hóa sinh vâng giữ tám pháp của Hiền thánh.

Chim cánh vàng dài tám ngàn do-tuần, mỗi cánh dài bốn ngàn do-tuần. Biển lớn ngang dọc ba trăm ba mươi sáu vạn dặm, Chim cánh vàng dùng cánh vệt nước để bắt rồng. Nước chưa kịp hợp lại thì chim cánh vàng đã ngậm rồng bay lên.

Theo phép tắc của chim cánh vàng, khi muốn ăn rồng thì trước tiên ngậm đuôi đem đến phía Bắc núi Tu-di. Nơi đó có cây sắt lớn cao mười sáu vạn dặm. Chim cánh vàng ngậm rồng đến đó để chuẩn bị ăn, nhưng qua một ngày đêm tìm đuôi rồng không biết ở đâu. Sáng mai rồng lòi đuôi ra, nói với chim cánh vàng: “Rồng hóa sinh chính là ta đây. Nếu không giữ tám pháp trai giới thì ta sẽ bị người ăn thịt rồi”.

Nghe vậy, chim cánh vàng hối hận, tự trách mình: “Oai thần của Phật sâu xa khó lường”, và nói: “Cung điện của tôi cách đây không xa, ông hãy cùng tôi đến đó để vui chơi”.

Rồng liền theo chim cánh vàng đến thăm cung điện.

Chim cánh vàng nói: “Quyển thuộc chúng tôi ở đây không nghe tám pháp trai giới. Cúi xin ông hãy chỉ dạy oai nghi giới cấm để sau khi qua đời, tôi được sinh làm người”.

Khi đó, rồng đem hết pháp giới cấm bảo chim cánh vàng đọc tụng. Lúc ấy, tại cung điện của chim chúa, rồng nói kệ:

Nhà cung điện bảy báu
 Trang nghiêm rất thích thú
 Do hành giới không đủ
 Làm thân chim cánh vàng.
 Tôi là con Long vương
 Tu đạo bảy vạn kiếp
 Lấy kim đâm lá cây
 Phạm giới làm thân rồng.
 Tôi không từ thai sinh
 Thấp sinh hay noãn sinh
 Chuyển thân không thoái chuyển
 Làm sáng Phật, Pháp, Tăng.
 Nay ông thọ tám giới
 Giáo hóa quyến thuộc ông
 Giữ giới không được phạm
 Sẽ được sinh chỗ lành.
 Cung điện tôi trong biển
 Cũng làm bằng bảy báu
 Châu ma-ni, pha lê
 Châu minh nguyệt, vàng, bạc.
 Hãy theo tôi đến đó
 Thăm viếng tu Phật sự
 Tăng thêm cội gốc lành
 Từ bi thấm mọi nơi.

Nghe rồng nói, chim cánh vàng thọ tám pháp trai giới và tự nói: “Từ đây trở về sau, trọn đời không sát sinh, như chư Phật, chỉ dạy cho quyến thuộc chim cánh vàng”.

Sau khi thọ ba quy y, chim cánh vàng theo rồng về cung điện trong biển. Trong cung điện có tháp bảy báu, đó là kho tàng mà chư Phật đã giảng nói. Đặc biệt có hòm bằng bảy báu đựng đầy kinh Phật, như: Mười hai nhân duyên, Tam-muội Tổng trì v.v... Thấy vậy, rồng từ và rồng nữ đem hương hoa cúng dường, lễ bái, thừa sự, giống như cung điện vàng Đàn-bà-ma-la ở cõi trời, rồi nói với chim cánh vàng: “Tôi làm thân rồng đã trải qua kiếp số mà chưa hết, nhưng chưa từng sát sinh hay làm nhiều loạn các loài thủy tộc”.

Bấy giờ, rồng nói kệ với chim cánh vàng:

*Giết là nghiệp bất thiện
 Giảm tuổi thọ, chết yếu
 Thân như con thiêu thân
 Thấy ánh sáng rồi chết.
 Giữ giới, vâng lời Phật
 Được sinh trời Trường Thọ
 Tạo phước đức nhiều kiếp
 Không đọa cõi súc sinh.
 Nay tôi làm thân rồng
 Giới đức hạnh trong sáng
 Tuy đọa trong sáu súc
 Nhưng có ngày thoát khỏi.*

Sau khi rồng nói kệ này thì rồng tử và rồng nữ tâm bừng sáng, tâm ý thông suốt và sau khi qua đời tất cả đều sinh về cõi Phật A-di-đà.

Phật bảo Bồ-tát Trí Tích:

– Kiếp trước Ta đã hành giới đức trọn vẹn, thành Bồ-tát biến hóa tự tại, không chỗ nào là không vào, cũng làm chim cánh vàng, cũng làm loài rồng, cũng có khi biến hóa làm rùa, ba ba v.v...



Phẩm 29: NĂM LẠC

Bấy giờ, Đức Thế Tôn quan sát những suy nghĩ trong tâm thức của chúng sinh, là muốn biết những nơi đã từng trải qua của Như Lai, như từng sinh loài chim cánh vàng, được rồng giáo hóa. Những kẻ được độ nhiều vô lượng, không thể tính kể. Ngoài ra còn có những kiếp gì, nên muốn biết ý ấy.

Thấu rõ tâm niệm của chúng sinh, Như Lai muốn thị hiện những pháp về thân, khẩu, ý xưa kia Ngài đã tu tập:

– Nay các thiện nam, thiện nữ hãy lắng nghe Ta nói: Xưa kia có Thiên Đế thích, từ quá khứ đến nay trải qua vô số kiếp, luôn hưởng phước trời tự nhiên, là người tôn quý bậc nhất trong ba ngàn đại thiên thế giới của các trời Đế thích. Khi ấy, A-tu-la vương La Hâu sinh một cô con gái đẹp đẽ, đầy đủ nét na, có sáu mươi bốn tài năng, đi đứng tới lui không mất oai nghi, mặt như hoa đào, miệng tỏa ra mùi thơm như hoa Liên-ưu-bát, thân có mùi thơm Ngưu-đầu-chiên-đàn, không cao không thấp, không đen không trắng, không mập không ốm, trọn đủ tư cách của người nữ.

Bấy giờ, Thích-đề-hoàn-nhân suy nghĩ: “Thiên nữ trong cung điện của ta nhan sắc đẹp đẽ hơn các Thiên nữ khác, nhưng không bằng con gái của A-tu-luân kia. Nay ta tập hợp binh chúng đến đánh với A-tu-luân để chúng phải nộp cô gái ấy cho ta”.

Suy nghĩ thế rồi, Đế thích mời chư Thiên đến bàn luận về việc chiến đấu. Chư Thiên thưa Đế thích:

– Chư Thiên chiến đấu chắc chắn là thua chúng. Ta hãy chọn những người chuyên về nhạc cầm với cây đàn lưu ly chín mươi một dây và một thuyền, ca hát khen ngợi về cõi trời của ta thọ hưởng hoan lạc với vô lượng công đức.

Chư Thiên khen hay và làm theo ý kiến này.

Đế thích lập tức ra lệnh Bàn-giá-dục cầm nhạc trời chuẩn bị đầy đủ nhạc cụ rồi ở trên trời bỗng nhiên biến mất. Như kẻ lực sĩ co duỗi cánh tay, đã đến đứng trước mặt A-tu-la vương Bà-ha và đánh đàn với kệ:

*Ta là trời Đế thích
Thầy đánh đàn tuyệt diệu
Tiếng ca khúc hòa nhã
Tiếng trong suốt rất hay.
Làm cho trời kia vui
Không còn tưởng buồn sợ
Nghĩ áo com, đến ngay
Com cam lồ bảy báu.
Giường vàng bạc, thuyền ngọc
Chuyển động thân quay tròn
Thấy vui không nhàm chán
Tôn quý nhất trong trời.
Nay sai chúng tôi đến
Muốn nói hạnh bất tịnh
Dâng thức ăn cam lồ
Muốn cầu việc hôn nhân.
Chủ ta có cung điện
Châu ngọc không thể lường
Thiên nữ làm quyến thuộc
Hơn ngàn vạn ức số.
Biết Bà-ha có con
Hãy giao cho chủ tôi*

*Còn như không bằng lòng
 Thì đến lúc phải đánh.
 Tu luôn nghe lời này
 Nổi tức giận đừng đừng
 Vật nhỏ, ý muốn lớn
 Vậy người muốn làm gì?
 Tuy không có cam lồ
 Nhưng ta dự trữ đủ
 Cũng có binh chúng mạnh
 Đủ để chống cự nhau.*

Nghe vậy, Bàn-giá-dực trở về nói lại cho trời Đế Thích. Khi ấy, A-tu-la vương Bà-ha liền ra lệnh:

– Tất cả tập hợp binh chúng! Ta có việc phải đi chinh chiến. Ngay bây giờ hãy chuẩn bị đầy đủ, không ai nghỉ ngơi gì cả!

Và ra lệnh bằng kệ:

*Thiên Đế Thích hào quý
 Sai sứ Bàn-giá-dực
 Ca tụng bằng ngữ âm
 Muốn ta việc hôn nhân.
 Chúng nay chưa tập binh
 Ta nên nhóm binh trước
 Đến đánh không dùng sức
 Thắng vạn không mất một.*

Nghe vậy, vệ thần của A-tu-luân liền tập hợp binh chúng đến sườn núi Tu-di đánh phá cung trời, tiếp đánh phá cung Phong thiên, rồi đánh phá cung Mã thiên và đánh phá cung Trang nghiêm thiên.

Khi ấy, có vị trời tên Đại Lực đến nói với Thích-đề-hoàn-nhân:

– Đại vương nên biết: A-tu-luân Bà-ha tập hợp binh chúng đã phá tan bốn cửa trời. Đại vương! Bây giờ phải làm thế nào?

Thiên Đế Thích liền nhớ lại bài tụng xưa kia, nên nói kệ:

*Oai thần lực chư Phật
 Cứu hộ nguy ách con
 Nhẫn tuệ phá sân giận
 Giải thoát đạt an ổn.
 Xưa con không ngủ nghỉ
 Chiều nay bỗng buồn ngủ*

*Điềm này không tốt lành
Tu-luân chiếm cõi con.*

Thiên Đế thích nhớ đến công đức của Phật nên binh chúng A-tu-luân lần lần rút lui ra khỏi bốn cửa sau vườn và vào trong ao, trốn trong ngó sen.

Khi ấy, Thích-đề-hoàn-nhân ra lệnh đại thần:

– Các ông hãy mau tập hợp binh chúng đuổi theo binh chúng của A-tu-luân.

Nhận lệnh Thiên vương, các đại thần của Đế thích liền tập hợp chúng trời theo bốn cửa để tìm kiếm nhưng chỉ thấy áo giáp, cung tên trên đất mà chẳng thấy đám A-tu-luân đâu cả. Tiến dần tới trước thì gặp cung điện A-tu-luân nhưng chỉ thấy ngàn vạn chúng A-tu-luân Bà-ha nữ mà chẳng thấy thân của A-tu-luân.

Họ đem các chúng nữ trở về cung trời Đao-lợi. Thấy vậy, chúng A-tu-luân ra cầu xin quy mạng và nói với Thích-đề-hoàn-nhân:

– Chúng tôi ngu hoặc, không biết thần lực của đệ tử Phật cao vời như vậy. Trước đây tiên tổ chúng tôi tin thờ Như Lai, nghe Phật có giới không được lấy vật người khác. Nay Thiên vương Đế thích đem quyền thuộc của tôi về hết cung trời, thật chẳng phải là phép tắc của đệ tử Phật thực hành.

Nghe họ nói vậy, Thiên Đế thích rất buồn, không vui, nghĩ: “A-tu-luân nói vậy chúng tỏ là ta đã phạm vào giới không cho mà lấy. Ta nên phụng thờ giới cấm, không phạm tội trộm cắp” và liền cho các A-tu-luân nữ trở về.

Khi ấy, A-tu-luân liền đem cô gái mình yêu quý nhất dâng cho Thiên Đế thích. Thiên Đế thích đem cam lồ ngon ngọt mời A-tu-luân. Tu-luân cùng Đế thích hòa hợp tu hành pháp thiện: Không sát sinh, không trộm cắp, không tà dâm, không nói dối, không uống rượu, không mang hương hoa phấn sáp, không ăn phi thời, giữ gìn ba pháp quy y của Như Lai.

Những hành nghiệp xưa kia trải qua vô số đời, ta đã làm Chuyển luân Thánh vương, vô số đời làm Thiên Đế thích, vô số đời làm Phạm Thiên vương, phụng giữ tám pháp trai giới của Hiền thánh, độ những khổ nạn, cứu những tai ách. Giả sử trong bốn cõi thiên hạ bị lửa cháy giống như kiếp thiêu, mà ai nhất tâm quy y, xưng danh hiệu Như Lai, giữ gìn tám pháp trai giới, thân có rơi trong lửa nhưng không bị cháy. Nếu bị ngập nước, nước cũng không thể nhận chìm. Tám pháp trai giới là cha mẹ của chư Phật.



Phẩm 30: KHẨN ĐÀ LA

Khi ấy trong chúng hội có Bồ-tát Tín Giải Thoát, trong vô số a-tăng-kỳ kiếp về quá khứ đã làm Khẩn-na-la vương.

Qua phía Bắc núi Tu-di là núi Lưu Ly. Qua phía Bắc núi Lưu Ly là núi Tiểu Thiết Vi. Phía Bắc núi Tiểu Thiết Vi có núi Đại Hắc. Khẩn-na-la vương cai quản núi này. Quá khứ hằng hà sa chư Phật, ông ta không thấy cũng không nghe pháp, không được chúng Tăng giáo hóa, không có ánh sáng mặt trời, mặt trăng và sao chiếu vào. Nhờ xưa kia tạo một phước bố thí nên được ở trong cung điện bảy báu và sống rất lâu. Vì sao? Vì lúc ở nhân gian gặp được ruộng phước: Có ông trưởng giả xây tháp Phật, Khẩn-đà-la vương này đã cúng dường một cây trụ để làm tháp. Lại còn đem thức ăn thanh tịnh bố thí cho người thợ xây. Sau khi qua đời, ông làm Hung Úc thần vương, ở giữa hai núi, cung điện nhà cửa bằng bảy báu.

Khi còn ở nhân gian, ông có của cải nhiều vô lượng. Có một Sa-môn vào buổi sáng ôm bát đi đến nhà ông khát thực. Biết có vị Sa-môn đang đứng ngoài cửa, vợ ông ta bưng cơm ra cúng dường. Thấy vợ đưa thức ăn cho vị Sa-môn, trưởng giả liền nổi giận, quát:

– Người đi xin này là ai mà dám dòm ngó vợ ta? Hãy làm cho người này tay chân đều đứt gãy.

Do đó, sau khi qua đời, ông ta bị thọ thân xấu xí. Qua bốn mươi tám kiếp luôn không có tay chân.

Còn khi ở nhân gian, ta học pháp tiên nhân trong núi sâu, tụng tập chú thuật, có thể di chuyển mặt trời, mặt trăng, đổi đêm thành ngày, đổi ngày thành đêm. Trong khoảng hơi thở có thể nhổ ra vàng bạc bảy báu, có thể làm cây khô phát triển cành lá hoa quả, có thể làm nước biển khô cạn, ở trong lửa cháy có thể bay được. Mắt có thể thấy thấu suốt, tự biết được đời trước, biết được tâm người, tai nghe rất xa. Ta có năm trăm đệ tử quyền thuộc, nghe Phật ra đời hiệu là Thanh Tịnh Quang Như Lai, Ứng Cúng, Chánh Biến Tri, Minh Hạnh Túc, Thiện Thệ, Thế Gian Giải, Vô Thượng Sĩ, Điều Ngự Trượng Phu, Thiên Nhân Sư, Phật Thế Tôn nói pháp vi diệu, đầu giữa cuối đều thiện, ta dẫn các đệ tử ra khỏi núi sâu, bay ngang qua ao sau vườn cung vua. Thấy các thể nữ đang tắm trong ao bèn nhìn xuống và sinh tâm ái nhiễm. Thế là ta và các đệ tử đều mất thần túc, rơi xuống trong

vườn. Khi ấy, ta tức giận cũng vì đi cầu Phật mà phải mất thần túc.

Thấy năm trăm đàn ông ở trong vườn, các thể nữ chạy vào thưa vua. Vua ra lệnh tùy tùng dẫn họ vào để hỏi. Họ đến nơi, vua hỏi:

– Các ông là ai? Trả lời:

– Chúng tôi là những người học đạo tiên trên núi. Trong núi tụng tập chú thuật, có thể di chuyển mặt trời, mặt trăng, đổi đêm thành ngày, đổi ngày thành đêm cho đến tai nghe tiếng rất xa. Năm trăm đệ tử quyền thuộc của tôi nghe Phật ra đời hiệu là Thanh Tịnh Quang, tôi đưa các đệ tử ra khỏi núi sâu, bay ngang qua ao tắm sau vườn vua, thấy các thể nữ liên sinh tâm ái nhiễm nên đều mất thần túc, phải ở lại trong vườn.

Vua hỏi:

– Các ông ở trong núi sâu học đạo tiên, đến nay là bao lâu? Trả lời:

– Đã hai mươi hai tiểu kiếp. Vua lại hỏi:

– Qua bao kiếp số học đạo, tâm như chết, không lay không động.

Vì sao còn tâm dục để phải mất thần túc?

Trả lời:

– Vì vốn cho rằng đạo chân thật là thần linh đệ nhất, vọt lên chìm xuống đều tự tại theo ý muốn. Không ngờ hôm nay bỗng nhiên mất đạo. Thật xấu hổ với Thánh vương! Tùy Thánh vương trị phạt,

Vua nói:

– Ông vốn học đạo đã hai mươi hai tiểu kiếp, hình khô, tâm mỗi một mà sự tu tập không chân chánh. Giống như người ngu si tìm của báu trong hư không. Đối với pháp chân đế lại không đạt được thật tướng. Bạc thầy mà các ông đang tìm cầu là Như Lai Đẳng Chánh Giác, gần núi Nhạc Trí. Tôi sẽ đưa các ông đến chỗ Phật. Nếu Phật có dạy bảo gì thì hãy phụng hành làm theo.

Khi ấy đại vương sửa soạn đủ năm nghi vệ, dẫn quyền thuộc và năm trăm người học đạo tiên đến núi Nhạc Trí. Vua xuống xe, cởi kiếm, bỏ mũ, từ bỏ năm nghi vệ rồi đi bộ đến chỗ Phật, đầu mặt lay sát chân Phật và ngồi qua một bên. Bỗng nhiên vua đến trước Phật thưa:

– Bạch Thế Tôn! Năm trăm người này học đạo tiên trên núi đã hai mươi hai tiểu kiếp, nghe Phật ra đời nên muốn đến diện kiến. Khi bay qua sau cung, vì tham đắm ái dục nên bị mất thần túc. Cúi xin Đức Thế Tôn nói pháp vi diệu để họ được năm đạo thần thông trở lại.

Phật bảo đại vương:

– Năm trăm người này đã tu căn lành, nhưng thành thì liền hoại, không bao giờ đạt cứu cánh. Vì xưa làm trưởng giả, thấy Tỳ-kheo khát thực mà sân giận rửa: “Khiến cho ông không có tay chân”. Qua vô số kiếp làm Hung Úc thần vương ở giữa hai núi Đại Thiết Vi và núi Hắc, bị quả báo không có ánh sáng của mặt trời, mặt trăng. Trước đây còn ở nhân gian lấy cột trụ bố thí cho người, do ân huệ một lần cúng dường Phật-bích-chi, sau được làm người học đạo tiên trong núi. Do tâm dục phát khởi nên phải mất thần túc. Duyên này đã có từ lâu chứ chẳng phải mới hôm nay. Sau khi năm trăm người này qua đời đều sinh vào cõi Phật Vô Nộ. Phật ấy giảng cho họ về sinh, già, bệnh, chết, mười hai nhân duyên, khổ không có gốc khổ, tập, diệt, đạo quả cũng như vậy.

Sau khi nghe Phật dạy, ý vua bừng sáng và cũng muốn sinh vào cõi Phật Vô Nộ.

Bấy giờ, quốc vương và năm trăm tiên nhân liền đứng dậy lạy Phật rồi lui ra.



Phẩm 31: HƯƠNG ÂM THẦN

Biết tâm niệm của chúng hội, Đức Thế Tôn liền nhập định ý Tam-muội vô hình, theo âm tiếng của chúng sinh mà đến cứu hộ họ.

Xưa ở nhân gian, ta làm Hương Âm thần vương, coi giữ một cõi Diêm-phù-đề, hai cõi Diêm-phù-đề, cho đến hằng hà sa cõi Diêm-phù-đề. Quyển thuộc nam nữ lấy hương thơm làm thức ăn. Áo mặc phục sức đều xông ướp hương thơm. Hoặc sinh vào cõi Uất-đan-việt ở phương Bắc, Câu-da-ni, Phất-vu-đãi, sinh nơi nào cũng làm Hương Âm thần vương, sống một kiếp, hai kiếp, ba kiếp, cho đến vô số a-tăng-kỳ kiếp. Biết có Phật, có Pháp, có Tỳ-kheo Tăng, tâm luôn xa lìa, không tham muốn. Vì sao? Vì tham đắm năm dục, lấy hương thơm làm vui, trong hương thơm không nghe tiếng nào khác, chỉ nghe ca hát vui thích về năm dục, cả ngày lẫn đêm không biết nhàm chán. Có tri thức thiện xưa tu căn lành, từ đất vọt lên, hiện nửa thân người, nói với ta:

– Nơi này vui lắm sao mà tham đắm đến thế? Đây chẳng phải là hạnh chân thật thanh tịnh. Hãy vứt bỏ hương xông ướp để được chỗ an lạc. Hương thơm này là sóng năng, là huyễn, là hóa. Nay Phật đang ở nơi đời,

hãy đến thọ giáo để được hương thơm thanh tịnh bay tỏa khắp mọi nơi.

Nghe vậy, Hương Âm thần vương rất vui mừng, nói:

– Lành thay! Lành thay! Nay bậc tri thức thiện, tôi muốn ông đưa tôi thấy hương thơm thanh tịnh. Nay trong lúc Phật còn ở đời hãy cùng nhau đến lễ lạy.

Khi ấy, Địa thần vọt lên khỏi đất, nói với Hương Âm thần vương:

*Như Lai Vô Sở Trước
Nay đang ở phương Nam
Trong thai quán thanh tịnh
Quyển thuộc vô biên số.
Xông đốt các hương thơm
Treo cờ phướn, lọng báu
Cúng dường như hằng sa
Hương giới đức thâm diệu.
Bay tỏa khắp mười phương
Nếu ai gửi hương ấy
Quyết đắc đạo vô thượng
Ông hãy đưa quyển thuộc.
Đi đến Diêm-phù-đề
Nhất tâm quy y Phật
Sẽ được diện kiến Phật
Đức của Phật minh mông.
Đều theo các bản hạnh
Vừa nghe nghĩa ba câu
Thành đạo ngay tại chỗ
Định lực ba không tuệ.
Mười tám pháp bất cộng
Tướng đại nhân tốt đẹp
Sau ông cũng đạt được
Thân màu vàng ròng đỏ.
Mềm mại không dính bụi
Pháp thân định trí tuệ
Ông sẽ được đầy đủ
Đến đó chớ sợ sệt.
Chánh tâm, đừng nghi ngờ
Dừng mãi không thoái lui*

Nhanh như sư tử bước
 Phân biệt quán thân tâm.
 Hiểu đều không, tự tại
 Nhãn thức vốn không sắc
 Trừ đối không tạo cấu
 Nên hành ba pháp môn.
 Nay, sau và chặng giữa
 Đắc tịnh ba thông tuệ
 Pháp tổng trì vô ngại
 Tưởng vô thường, vô lạc.
 Kiếp số tạo bất thiện
 Lửa tuệ thiêu chốt lát
 Vàng bạc báu hru ly
 Tu-di bằng bảy báu.
 Bị lửa kiếp thiêu đốt
 Hành báo không thể mất
 Như Lai giáo hóa đời
 Thương họ, không vị kỷ.
 Sinh bất cứ nơi nào
 Diệt ràng buộc cho người
 Như người bắn trên không
 Cung tên rơi xuống đất.
 Cúng dường các ruộng phước
 Không chọn là Hiền thánh
 Cũng như uống thuốc độc
 Tìm thuốc giải khắp nơi.
 Khí độ càng bốc mạnh
 Không lâu liền qua đời
 Có tri thức thiện xưa
 Trao cho thuốc giải độc.
 Lăn lượt không chọn lựa
 Gặp được pháp giải độc
 Bỏ thí làm nghiệp phước
 Không lựa chọn cao thấp.
 Được bậc Thánh khen ngợi
 Là tối tôn bậc nhất.

Nghe Địa thần vọt lên nói như vậy, Hương Âm thần vương tâm khai

ý mở, lạy sát đất, nói:

– Ông hãy làm thầy tôi, chỉ dạy sự tối tăm ngu dốt của tôi. Nay tôi ngu mê không phân biệt đâu là chân ngụy. Hãy nhận sự sám hối lo lắng ngu si của tôi.

Khi ấy, Địa thần liền vọt lên, hiện thân kim sắc Phật với ba mươi hai tướng, phóng ra ánh sáng lớn, dùng lực thần túc đón Hương Âm thần vương đến thai quán. Trong chúng hội chẳng ai hiểu biết gì cả.

Phật bảo chúng hội:

– Từ vô số a-tăng-kỳ kiếp Ta từng là lớn là nhỏ, nhập vào chỗ vi tế mà không bị chướng ngại. Có lúc ở trên trời giáo hóa trong kiếp số. Có lúc ở loài người chịu khổ thay thế cho họ. Có lúc ở trong loài súc sinh, ngựa quý, địa ngục, phân thân giáo hóa, không chỗ nào mà không vào.

Khi ấy Hương Âm thần vương và bảy mươi hai ức quyến thuộc đều phát tâm vô thượng, trụ vào địa Bất thoái chuyển.



Phẩm 32: ĐỊA THẦN

Khi ấy, trong chúng hội có Bồ-tát tên Thiện Nghiệp, từ tòa ngồi đứng dậy, trích bày vai phải, gối phải quỳ sát đất, chấp tay thưa Phật:

– Con có điều nghi ngờ, muốn thưa Như Lai nhưng không dám. Phật bảo Bồ-tát Thiện Nghiệp:

– Ông cứ hỏi tự nhiên. Ta sẽ phân biệt rõ ràng cho ông. Bồ-tát Thiện Nghiệp bạch Phật:

– Bạch Thế Tôn! Trong sáu đại chúng thần, vị nào là tối diệu nhất? Địa, thủy, hỏa, phong, không hay là thức?

Đức Phật liền dùng thần túc làm cho Địa thần ấy từ dưới đất vọt lên, đứng trên đất. Thủy thần từ dưới nước vọt lên, đứng trong nước. Hỏa thần từ trong lửa vọt lên, đứng trong lửa. Phong thần từ gió vọt ra, đứng trong gió. Không thần từ hư không vọt ra, đứng trong hư không. Thức thần từ thức vọt ra, đứng trong thức.

Phật bảo Bồ-tát Thiện Nghiệp:

– Ông hãy đích thân đến hỏi sáu vị thần này đi. Bồ-tát Thiện Nghiệp hỏi Địa thần:

– Trong sáu đại, ông là tối diệu phải không?

Địa thần trả lời:

– Trong sáu thần, tôi là tối thắng. Vì sao? Vì tôi sinh ra vạn vật, nào núi, sông, đá, tường, cây, cỏ, hoa quả v.v... tất cả đều nương vào tôi mà đứng. Tất cả chúng sinh loài hữu tình cũng nhờ tôi mà được tồn tại. Do đó tôi là tối thắng nhất.

Bồ-tát Thiện Nghiệp hỏi Thủy thần:

– Trong sáu thần, ông là tối diệu phải không? Thủy thần trả lời:

– Trong sáu thần, tôi là tối diệu. Vì sao? Vì nếu không có nước thì đất bị khô cạn, không được thấm nhuần, cây cỏ, hoa quả đều bị khô héo. Loài chúng sinh thuộc hữu tình sẽ bị chết khát. Vì thế, tôi là tối thắng.

Bồ-tát Thiện Nghiệp lại hỏi Hỏa thần:

– Trong sáu thần, ông là tối thắng phải không? Hỏa thần trả lời:

– Trong sáu thần, tôi là tối thắng. Vì sao? Vì nếu không có lửa thì chất nuôi dưỡng vạn vật phát triển làm sao chín được. Nếu gặp sương, mưa đá, băng lạnh, điện chớp... tất cả chúng sinh loài hữu tình sẽ bị chết cồng. Vì thế, tôi là tối thắng.

Bồ-tát Thiện Nghiệp lại hỏi Phong thần:

– Trong sáu thần, ông là tối thắng phải không? Phong thần trả lời:

– Trong sáu thần, tôi là tối thắng. Vì sao? Vì nếu không có gió thì thân, rễ, mầm, cây cối, hoa quả v.v... không thể nào phát triển được. Tất cả chúng sinh hữu tình tới lui, lay động đều nhờ vào gió của tôi. Vì thế tôi là tối thắng.

Bồ-tát Thiện Nghiệp lại hỏi Không thần:

– Trong sáu thần, ông là vi diệu phải không? Không thần trả lời:

– Trong sáu thần, tôi là vi diệu. Vì sao? Vì núi sông, tường đá, cây cối, hoa quả v.v... tất cả chúng sinh hữu tình tới lui, qua lại tôi đều dung nạp để tất cả được hòa nhau, qua lại thông suốt. Vì thế tôi là tối thắng.

Bồ-tát Thiện Nghiệp lại hỏi Thức thần:

– Trong sáu thần, ông là tối thắng phải không? Thức thần trả lời:

– Trong sáu thần, tôi là tối thắng. Vì sao? Vì năm thần trên là đầy tớ của tôi. Tôi là vua của họ. Đi tới, qua lại, đẹp hay xấu, nên tránh biết để tránh, nên đến biết để đến. Họ đều là đui mù, chỉ có tôi là mắt sáng. Vì thế tôi là tối thắng.

Bảy giờ, Địa thần thưa với Bồ-tát Thiện Nghiệp:

– Điều này không đúng. Vì sao? Vì luôn bị thần thức lừa gạt, không chỉ cho đường tắt. Ngã muốn được cứng rắn thì lại cho mềm mại. Khi ngã cần mềm mại thì lại đưa cứng cỏi. Ngã muốn đến phương Nam, lại dẫn đến phương Bắc. Trong các lũ giặc không gì bằng thức thần. Tự mình xưng là vua, điều này không như thế được.

Thủy thần thưa với Bồ-tát Thiện Nghiệp:

– Những gì thức thần nói đều không đúng. Vì sao? Vì nước có khả năng thấm nhuần, làm vạn vật phát triển. Tánh ngã cần lạnh, lại đưa cho ngã nóng. Đốt lửa làm tiêu băng giá, không còn tánh lạnh nữa, đó là do thức lừa gạt. Do đó nên thức nói không đúng.

Hỏa thần thưa với Bồ-tát Thiện Nghiệp:

– Thức nói không đúng gì cả. Vì sao? Vì lửa có thể làm cho vật chín, cũng cho ánh sáng và cây cối, hoa quả theo thời gian mà phát triển, nếu không có lửa thì thức nướng vào đâu? Do đó mà thức nói không đúng.

Phong thần thưa với Bồ-tát Thiện Nghiệp:

– Thức nói không đúng. Vì sao? Vì vạn vật phát triển, đi tới qua lại, lay động mà thức ngăn chặn không cho ngã chuyển động. Do đó mà thức nói không đúng.

Không thần thưa với Bồ-tát Thiện Nghiệp:

– Thức nói cũng không đúng. Vì sao? Vì pháp không của tôi thì không có vật nào là không được dung nạp. Dung nạp vạn loại tới lui, qua lại, thông suốt, không chướng ngại. Tất cả đều là không của tôi. Nếu không có không của tôi thì thức nướng tựa vào đâu? Do đó mà thức nói không đúng.

Bảy giờ, Đức Thế Tôn hỏi Bồ-tát Thiện Nghiệp:

– Những gì mà sáu đại này bàn luận là có cú nghĩa hay không có cú nghĩa? Có vị nghĩa hay không có vị nghĩa? Có tự nghĩa hay không có tự nghĩa?

Bồ-tát Thiện Nghiệp thưa:

– Bạch Thế Tôn! Tánh của năm đại đều bằng nhau. Vì sao? Vì nếu địa giới nhiều mà thủy giới ít thì không thành tựu.

Nếu thủy giới nhiều mà hỏa giới ít thì không thành tựu. Nếu hỏa giới nhiều mà phong giới ít thì không thành tựu. Nếu phong giới nhiều mà không giới ít thì không thành tựu. Nếu không giới nhiều mà thức giới ít thì không

thành tựu.

Nếu năm thức bằng nhau, thức không phân biệt được thì không thành tựu.

Bấy giờ, Bồ-tát Thiện Nghiệp nói kệ:

*Pháp thức thần không hình
Lấy năm đại làm nhà
Phân biệt nghiệp thiện ác
Đến đi, chân ngụy khác.
Thức chỉ chỗ đường lành
Đi đến đường an ổn
Thức là vua thứ sáu
Các đại khác không bằng.*

Phật bảo Bồ-tát Thiện Nghiệp:

– Những gì ông hỏi đều là do thần lực của Như Lai.

Khi ấy, trong chúng hội có một trăm bảy mươi ức chúng sinh hiểu biết pháp thâm diệu và tất cả đều phát tâm cầu đạo Chánh chân vô thượng.



Phẩm 33: NGƯỜI

Bấy giờ, trong chúng hội có Bồ-tát tên Pháp Ấn, nghe Như Lai giảng nói sáu đại chúng sinh thọ thân năm ấm, phân biệt trong ngoài hiểu rõ đều là không, hoàn toàn không thật có, trong lòng nghi ngờ rằng thức làm loạn tưởng, chẳng phải pháp chân thật. Ai là người? Sao gọi là người? Người từ đâu sinh? Phật bảo Bồ-tát Pháp Ấn:

– Lành thay! Lành thay! Những gì ông hỏi đều là do oai thần của chư Phật ứng tiếp. Vì sao? Vì vô số a-tăng-kỳ hằng hà sa chư Phật ở quá khứ và vô số hằng hà sa chư Phật ở vị lai đều phân biệt nguồn gốc con người với danh hiệu, tên họ không thể nghĩ bàn. Hàng Nhị thừa, La-hán, Phật-bích-chi không thể nào lường tính được. Nay ông hãy lắng nghe cho rõ, suy nghĩ thật kỹ. Ta sẽ giảng nói cho ông.

Ví như thế giới Ta-bà ở cõi Diêm-phù-đề có hạt giống chúng sinh, điều này không đúng. Vì sao? Vì chẳng phải tánh chân, chẳng phải loài người.

Cõi Đông: Phát-vu-đãi cũng chẳng phải loài người. Cõi Bắc: Uất-đan-việt cũng chẳng phải loài người. Cõi Tây: Câu-da-ni cũng chẳng phải loài người.

Trừ cõi Phật Vô Lượng Thọ và cõi Phật A-súc, trừ cõi Trang Nghiêm, cõi Phật Hư Không, trừ các Bồ-tát trong chúng hội hôm nay của Ta, còn lại chẳng phải người.

Vì sao? Vì từ xưa đến nay, cho đến lúc thành Phật, trong thời gian ban đầu không tạo ác. Đây gọi là loài người.

Giống như có người tu khẩu nghiệp đối với người không tu, đó gọi là loài người.

Người thọ pháp ba quy đối với người không thọ, đó gọi là loài người.

Người phụng trì năm giới đối với người không phụng trì, đó gọi là loài người.

Người tu hành mười thiện đối với người không tu hành, đó gọi là loài người.

Người hướng Tu-đà-hoàn đối với người không hướng, đó gọi là loài người.

Người đắc Tu-đà-hoàn đối với người không đắc, đó gọi là loài người.

Người hướng Tư-đà-hàm đối với người không hướng, đó gọi là loài người.

Người đắc Tư-đà-hàm đối với người không đắc, đó gọi là loài người.

Người hướng A-na-hàm đối với người không hướng, đó gọi là loài người.

Người đắc A-na-hàm đối với người không đắc, đó gọi là loài người.

Người hướng A-la-hán đối với người không hướng, đó gọi là loài người.

Người đắc A-la-hán đối với người không đắc, đó gọi là loài người.

Người hướng Phật-bích-chi đối với người không hướng, đó gọi là loài người.

Người đắc Phật-bích-chi đối với người không đắc, đó gọi là loài người.

Người hướng Phật đạo đối với người không hướng, đó gọi là loài người.

Người đắc Phật đạo đối với người không đắc, đó gọi là loài người.

Cho nên nói Nhân Tôn Như Lai, Ứng Cúng, Chánh Biến Tri, Minh Hạnh Túc, Thiện Thệ, Thế Gian Giải, Vô Thượng Sĩ, Điều Ngự Trượng Phu, Thiên Nhân Sư, Phật Thế Tôn là loài người.

Phật bảo Bồ-tát Pháp Ân:

– Hãy lắng nghe cho kỹ. Chư Phật quá khứ đối với hiện tại, vị lai, đó gọi là loài người.

Hiện tại đối với quá khứ, vị lai, đó gọi là loài người. Vị lai đối với quá khứ, hiện tại, đó gọi là loài người.

Đối với pháp ba đời thì hiện tại đối với quá khứ, vị lai là đệ nhất. Vì sao? Vì trong hiện tại, Như Lai có thể hành pháp quá khứ, vị lai. Vì sao? Vì quá khứ đã qua, vị lai chưa đến, còn pháp hiện tại thì tự nhiên. Chẳng phải quá khứ có thể diệt hiện tại, vị lai. Chẳng phải vị lai có thể diệt quá khứ, hiện tại.

Khi ấy, Đức Thế Tôn nói kệ:

*Quá khứ Đăng Chánh Giác
Dạy cứu độ chúng sinh
Phân biệt nguồn gốc người
Thượng, trung, hạ vi diệu.
Hiện tại Phật tối thắng
Rõ khứ, biết vị lai
Diệt trừ kiết trước sau
Chiếu sáng như mặt trời.
Những chúng sinh khổ hạnh
Hai chân và bốn chân
Giảng nghe pháp cam lồ
Đầy đủ trừ các tướng.
Chư Thiên hành mười thiện
Từ một, hai mươi hai
Trên trời, dưới chẳng phải
Tạo công đức khác nhau.
Như Lai đủ các tướng
Hành thiện không cầu uế
Tánh đức như ánh sáng
Hạnh thanh tịnh không dơ.
Nếu ai sinh phỉ báng
Nói Phật đạo không thật*

Chết đọa ngục A-tỳ
 Chư Phật không cứu được.
 Hơi miệng hơi tanh dơ
 Thân bị phiền não đốt
 Niệm ác theo bùng dậy
 Đều do tội phỉ báng.
 Hành thiện tu công đức
 Thần thức đến cõi lành
 Như người vào ao tắm
 Sạch sẽ hết bụi dơ.
 La-hán, Phật-bích-chi
 Đoạn diệt không còn sinh
 Không còn nghĩ thân ta
 Xa lìa năm đường khổ.
 Những pháp xưa Phật hành
 Được chư Phật chấp thuận
 Được mọi người tôn quý
 Nên hiệu Tôn Trung Tôn.

Nói kệ xong, Đức Thế Tôn nói với Bồ-tát Pháp Ấn:

– Đó gọi là loài người.

Bấy giờ, Bồ-tát Pháp Ấn liền đứng dậy, trích bày vai phải, gói phải quỳ sát đất, chấp tay thưa Phật:

– Lành thay! Bạch Thế Tôn! Thế Tôn nói nghĩa ấy rất hay. Đối với Như Lai thì chúng con trong hội này chẳng phải là loài người. Vậy làm thế nào để thị hiện được làm loài người?

Phật bảo Bồ-tát Pháp Ấn:

– Hiểu biết các pháp là không, không có sở hữu, không có đây, không có kia, không thấy có đây – kia. Đó gọi là loài người.

Quan sát pháp tánh không có quá khứ, hiện tại và vị lai. Hiểu biết pháp tánh là không tịch, không hai. Đó gọi là loài người.

Đối với bốn đạo quả, có người thành tựu, có người không thành tựu, không thấy có một, không thấy có hai. Đó gọi là loài người.

Đối với tướng của các pháp, không thấy trang nghiêm, không thấy có trang nghiêm, hiểu rõ đều là không tịch, chẳng phải một, chẳng phải hai. Đó gọi là loài người.

Cõi Phật thanh tịnh, trừ sạch dâm nộ si, cũng không thấy tịnh, không

thấy bất tịnh. Hai việc đều như hư không. Đó gọi là loài người.

Phân biệt ba mươi bảy phẩm trợ đạo có thành có bại, không thấy trong cõi dục có người, không có người. Đó gọi là loài người.

Phát tâm rộng lớn không vì riêng mình, làm an ổn cho chúng sinh, ở đâu đều không sợ, không thấy hữu trụ, không thấy vô trụ, hai việc đều bình đẳng. Đó gọi là loài người.

Phân biệt tâm không đắm nhiễm, giữ tâm giống như hư không, không bị lay chuyển; không thấy định, cũng không thấy không định. Đó gọi là loài người.

Hướng dẫn chỉ chỗ lành cho những chúng sinh tà kiến, lấy tám pháp chân chánh để rửa sạch tâm dơ; không thấy chánh, cũng không thấy không chánh. Đó gọi là loài người.

Đối với bốn bộ chúng: Tỳ-kheo, Tỳ-kheo-ni, Ưu-bà-tắc, Ưu-bà-di có đạo tâm kiên cố, không bị tham đắm, không thấy giới hạnh có phạm hay không phạm. Đó gọi là loài người.

Như vậy, đối với pháp Như Lai thì pháp ấy càng làm lợi ích cho chúng sinh. Đối với Phật được trở lại tu các công đức, không luống qua một cách uổng phí.

Bấy giờ, trong chúng hội có bảy mươi ức chúng sinh đều phát tâm tâm cầu đạt Chánh chân vô thượng, đối với loài người tu hành Bất thoái chuyển.



Phẩm 34: HÀNH

Khi ấy, trong chúng hội có Bồ-tát tên Tạng Hạnh từ tòa ngồi đứng dậy, trích bày vai phải, chấp tay thưa Phật:

– Lành thay! Bạch Thế Tôn! Thế Tôn nói về loài người rất hay. Chẳng phải trước, chẳng phải sau, chẳng phải hai bên, chẳng giữa. Vậy làm sao biết được quả báo của hành nghiệp?

Thân quá khứ chẳng phải hiện tại.

Thân hiện tại chẳng phải vị lai.

Thân vị lai chẳng phải quá khứ.

Hoặc bên trong tạo tác mà bên ngoài thọ quả báo.

Hoặc bên ngoài tạo tác mà bên trong thọ quả báo.

Thân phàm phu tạo tác mà thân Tu-đà-hoàn thọ quả báo.

Thân Tu-đà-hoàn tạo tác mà thân Tư-đà-hàm thọ quả báo.

Thân Tư-đà-hàm tạo tác mà thân A-na-hàm thọ quả báo.

Thân A-na-hàm tạo tác mà thân A-la-hán thọ quả báo.

Hoặc có chúng sinh đắc Tam-muội Từ mà không có Bi, Hỷ, Xả.

Có chúng sinh đắc Bi mà không có Từ, Hỷ, Xả.

Có chúng sinh đắc Hỷ mà không có Từ, Bi, Xả.

Có chúng sinh đắc Xả mà không có Từ, Bi, Hỷ.

Có chúng sinh từ địa Phàm phu, không hướng đến địa Tín, địa Pháp mà lại thủ Tu-đà-hoàn.

Có chúng sinh không hướng đến địa Tín, địa Pháp, Tu-đà-hoàn mà lại thủ Tư-đà-hàm.

Có chúng sinh không hướng đến địa Tín, địa Pháp, Tu-đà-hoàn, Tư-đà-hàm mà lại thủ A-na-hàm.

Có chúng sinh không hướng đến địa Tín, địa Pháp, Tu-đà-hoàn, Tư-đà-hàm, A-na-hàm mà lại thủ A-la-hán.

Có chúng sinh không hướng đến địa Tín, địa Pháp, Tu-đà-hoàn, Tư-đà-hàm, A-na-hàm, A-la-hán mà lại thủ A-la-hán bĩ thử A-la-hán.

Có chúng sinh hướng đến Phật-bích-chi, rơi trở lại vào địa phàm phu.

Có chúng sinh hướng đến A-la-hán, rơi trở lại vào địa phàm phu.

Có chúng sinh hướng đến A-na-hàm, rơi trở lại vào địa phàm phu.

Có chúng sinh hướng đến Tư-đà-hàm, rơi trở lại vào địa phàm phu.

Có chúng sinh hướng đến Tu-đà-hoàn, rơi trở lại vào địa phàm phu.

Có chúng sinh từ địa Pháp rơi trở lại vào địa phàm phu.

Có chúng sinh từ địa Tín rơi trở lại vào địa phàm phu.

Những chúng sinh này đều có nghi ngờ với Như Lai.

Cúi xin Thế Tôn hãy phân biệt rõ ràng để các chúng hội hoát nhiên đại ngộ.

Khi ấy, Đức Thế Tôn dạy Bồ-tát Tạng Hạnh:

– Lành thay! Lành thay! Những vấn đề ông hỏi đều là vị lai, hiện tại, quá khứ, cũng là quả báo hành nghiệp của chư Phật. Nay Ta sẽ phân biệt rõ ràng. Ông hãy lắng nghe cho rõ, suy nghĩ thật kỹ.

Thế nào, này Bồ-tát Tào Hạnh! Ông muốn Như Lai nói về quả báo hành nghiệp trong vô lượng a-tăng-kỳ kiếp quá khứ hay muốn Như Lai nói về quả báo hành nghiệp trong vô lượng a-tăng-kỳ kiếp vị lai, hay muốn Như Lai nói về quả báo hành nghiệp trong vô lượng a-tăng-kỳ kiếp trong hiện tại?

Bồ-tát Tào Hạnh bạch Phật:

– Bạch Thế Tôn! Xin tạm gác quả báo hành nghiệp thuộc quá khứ, vị lai sang một bên. Con muốn nghe quả báo hành nghiệp hiện tại của thân Như Lai.

Phật bảo Bồ-tát Tào Hạnh:

– Quả báo hành nghiệp của vô lượng a-tăng-kỳ kiếp quá khứ cũng ở hiện tại.

Quả báo hành nghiệp của vô lượng a-tăng-kỳ kiếp vị lai cũng ở hiện tại.

Quả báo hành nghiệp hiện tại tạo tác cũng là nhân duyên của quá khứ và vị lai thọ quả báo.

Nay Ta sẽ giảng nói cho ông về điều này.

Xưa kia Ta từng tu vô số khổ hạnh, tu hạnh thanh tịnh hoặc hạnh bất tịnh. Tu hạnh trời, tu hạnh người. Ban đầu cầu Phật đạo, các lậu đã đoạn tận, có thần thông biến hóa rồi bỗng nhiên đọa ngộ. Ba cõi đều khổ, chỉ có Ta là vui. Tu khổ hạnh bên bờ sông Ni-liên sáu năm, mỗi ngày ăn một hạt mè, một hạt gạo. Đây là do lúc xưa Ta phạm bốn lỗi về miệng với một vị Duyên giác, đoạn tuyệt sự bố thí, nên nay thọ quả báo này.

Khi Ta thành Phật, có năm trăm đồng tử rêu rao, phi báng, mắng chửi và đến ngã tư ngã hẻm nói: “Đạo Phật không chân thật”. Lúc đó, dân chúng trong nước có người tin, có người không tin. Người tin là hàng địa Tín, địa Pháp. Người không tin là hàng ngoại đạo phạm phu. Những người này căn lực đã thành tựu, không còn bị chướng ngại.

Phật ra đời chiếu sáng khắp nơi. Địa ngục được chấm dứt, ngục quỷ được no đủ, súc sinh không còn mang vác, chở nặng. Ví như Ta bị Đề-bà-đạt-đa lấy đá ném làm ngón chân Phật chảy máu. Lúc ấy, Ta tránh né đi về phương Đông: đến cõi Phất-vu-đãi, phương Bắc: đến cõi Uất-đan-việt, phương Tây: đến cõi Câu-da-ni. Ta lại lánh từ cõi trời Đao-lợi lên đến trời Tam Thập Tam. Vậy mà viên đá ấy cứ vẫn theo Ta. Ta lại né trở về chỗ cũ và bị đá làm tổn thương.

Ta ở nước Ma-kiệt-đà, trong vườn Họa Âm thanh vắng mà kinh hành. Khi ấy có một trưởng giả tên Thi-lợi-quật thỉnh mời Ta để cúng dường. Ta liền nhận lời mời và dẫn Tôn giả A-nan đi theo.

Nhà trưởng giả có bảy lớp cửa, mỗi cửa đều có người canh giữ. Theo thường pháp của chư Phật quá khứ, hiện tại và vị lai là im lặng thọ thỉnh chứ không nhận lời thỉnh bằng cách khác. Đệ tử xuất gia của Ta đạo hạnh cũng như vậy. Khi Ta đến cửa thì nghe bên trong nhà trưởng giả Thi-lợi-quật thổi âm nhạc để vui chơi nên quên hẳn là Ta đã đến đứng bên ngoài một ngày một đêm rồi.

Phật bảo Tôn giả A-nan:

– Ông hãy đi khát thực! Còn Ta đứng ở đây.

Lúc đó có Mã tướng đi ngang qua chỗ Phật, Phật theo xin thức ăn. Mã tướng nói:

– Tôi không có thức ăn, chỉ có lúa mạch chín, tôi sẽ đem đến cho ông.

Thế rồi Mã tướng lấy lúa mạch chín cúng dường Phật, Phật liền thọ thực. Thấy vậy, Mã tướng cho là Phật ăn.

Có vị trời tên Tinh Luyện đem thức ăn đi, mọi người cho là Phật ăn. Thật là Phật không ăn, chỉ vì độ người kia nên Phật hiện thọ thực và Phật đứng nơi cửa chín mươi ngày như vậy.

Tôn giả A-nan cũng đi khát thực chín mươi ngày.

Như Lai dùng oai thần không cho quốc vương và quần thần biết Phật đang đứng nơi ấy. Vì sao? Vì sợ họ sinh ngã mạn, phỉ báng. Nếu Phật không dùng oai thần thì người khác làm sao trông thấy được.

Khi ấy, trưởng giả Thi-lợi-quật có chút việc đi ra ngoài thành dạo chơi. Thấy Phật đứng ngoài cửa, ông ta thưa:

– Phật đến đây khi nào? Phật nói với trưởng giả:

– Trước đây ông đã thỉnh Ta, nên Ta mới đến. Ông ở trong vui chơi thích thú. Ta đến đây đã chín mươi ngày rồi. Ta định quay về lại vườn Họa Âm nhưng được Mã tướng cúng dường lúa chín của ngựa ăn.

Trưởng giả Thi-lợi-quật rất xấu hổ, nơm nớp gieo xuống đất, thưa:

– Cúi xin Thế Tôn hãy rủ lòng tha thứ và đừng giận con. Hãy cho phép con sám hối lỗi lầm. Phật bảo trưởng giả:

– Duyên này đã có từ lâu, chứ chẳng phải mới đây đâu.

Khi ấy, trưởng giả thỉnh Phật vào trong nhà cúng dường tứ sự. Phật giảng pháp làm cho ông đoạn sạch các trần cấu và đắc pháp nhãn thanh

tịnh.

Phật dạy:

– Vào thuở xưa, có một thời Ta ở tại thành Tỳ-xá-ly. Khi mới thành Phật chưa được bao lâu thì Lục sư ngoại đạo hưng thịnh. Ta có một ngàn hai trăm năm mươi người đệ tử. Một ngàn một trăm người đều đắc A-la-hán với sáu thông thấu triệt.

Lúc đó, có cô gái Chiên-già-ma-na-thị, là đệ tử của A-xà-la-sí-xá-khâm-bà-la, thọ minh giáo của thầy. Mỗi buổi sáng cô ta đến chỗ Phật, bên ngoài hiện pháp thanh tín nữ nhưng bên trong học giáo của tà sư. Thường xuyên qua lại, cố muốn cho mọi người thấy và lấy cớ nhét vào bụng, càng ngày càng làm cho lớn dần. Sau đó, cô ta lấy bồn gỗ cột vào bụng, giống như người phụ nữ sắp sinh con.

Khi ấy, tà sư hỏi cô ta: “Người của thai này là ai?”.

Cô ta thưa: “Hàng ngày con đến chỗ Sa-môn Cù-đàm cho nên con có thai này”.

Tà sư liền tức giận, nói: “Đám lừa gạt đệ tử của ta à. Đệ tử này sắp sinh lên cõi trời Phạm thiên, vậy mà làm hủy nhục đệ tử ta đến nỗi như thế này”.

Nói rồi, tà sư dẫn các đệ tử và cô gái ấy đến chỗ Phật. Trong lúc Như Lai đang giảng pháp cho vô số chúng Tăng thì Phạm chí lớn tiếng nói: “Sa-môn Cù-đàm này đã phạm dâm dục, thật không phải là người đắc đạo mà tự xưng là đã đắc đạo. Những sự biến hóa đều là huyền thuật, chẳng phải đạo chân thật”.

Rồi chỉ vào cô gái, Phạm chí nói tiếp: “Mọi người có thấy không?

Vì ông ta yêu thương cô gái này của tôi nên cô ta phải mang thai”.

Nói xong, ngay lúc đó Đế thích hóa làm một con chuột vàng, chui vào nơi người cô ta, cắn đứt dây làm bồn gỗ rơi xuống đất. Thấy vậy, mọi người quở mắng: “Đám đồ đệ của ông dám đến hủy báng Thánh nhân à. Hãy rút ra khỏi nước ngay”.

Xưa có một thời ở nước Cấm-tỳ-lê, Ta ngồi thiền định, hành đạo bên một gốc cây, trải qua chín mươi ngày nhưng vẫn không dời đổi chỗ. Khi đó, có Lục sư tên Kim-na-kim-ly, có đệ tử nữ tên Tuân-đà-nan-đề nổi tâm ganh ghét và muốn làm chướng ngại công đức của Phật rồi tự khen ngợi đạo của thầy mình.

Cô ta nói: “Tôi có thể làm cho mọi người không ai đến cúng dường

Phật, để danh tiếng của thầy tôi lan tràn ra bên ngoài”.

Cô ta nghĩ ra mưu kế: Hàng ngày đến chỗ Phật. Vào một ngày nọ, cô ta nhờ kẻ khác giết mình, đem chôn sau vườn của tỉnh xá. Sau đó tả sư đem tử thi ra nói: “Phật giết người”, làm cho tai tiếng hiềm chê lan ra ngoài, ai ai đều biết.

Thuở xưa, hông trái của Ta bị trúng gió độc nên sai Kỳ Vực đến trị. Kỳ Vực nói: “Cần phải có sữa bò, phân voi, xá-lợi Sa-tát-bát-thi-lợi-sa, hồ thực, nấu làm thuốc trị khỏi ngay”.

Thuở xưa, Ta ở trong một thôn nọ, du hành giáo hóa. Ta bị cọc ngựa đâm vào chân, từ trên thùng xuống làm cho đau đớn vô cùng và sai Kỳ Vực đến trị.

Một thuở nọ Ta bị đau đầu giống như bị hai núi Tu-di ép lại làm cho đầu nhức, đau đớn không thể tả nổi. Nay mặc dầu Ta đã thành Phật, chấm dứt các lậu, các điều thiện đã được chứa nhóm, nhưng bản hạnh vốn không mất.

Từ vô số kiếp, Ta đã tu hành thanh tịnh, quả báo của hành nghiệp khó có thể lia. Thân Phật còn như vậy, huống chi là La-hán, Phật-bích-chi, làm sao tránh khỏi quả báo của hành nghiệp.

Khi ấy, Đức Thế Tôn nói kệ với Bồ-tát Tạng Hạnh:

*Bốn thành tựu tối thắng
Sống lâu vô số kiếp
Trời đất đều hủy hoại
Tu-di như tro bụi.
Hành nghiệp đi bên thân
Không chỗ nào trốn khỏi
Ta thành Tối Chánh Giác
Ba cõi không ai bằng.
Phải thọ chín quả báo
Nghiệp trước liên kết nhau
Ta có lực Tam-muội
Kim cương không ngăn được.
Không thể tránh nghiệp báo
Xả mà không thọ báo
Đời này Ta chấm dứt
Không có phân biệt nữa.
Vĩnh là đường tử sinh*

Không tạo nghiệp ấy nữa
Người quá tham năm dục
Buông lung không cẩn thận.
Đời này và đời sau
Thường đọa chỗ hữu ái
Niết-bàn không chấp trước
Thị hiện pháp hữu vi.
Nếu không hiện giáo hóa
Chúng sinh khó độ được
Bát đẳng đạo vô vi
Đường đi của Hiền thánh.
Xa lìa các trói buộc
Không có pháp sinh diệt
Đạo là quán vô thường
Tư duy pháp bất tịnh.
Nhất tâm không lay động
Thành tựu các tướng tốt
La-hán, Phật-bích-chi
Đền trả nào do Ta.
Bị hành nghiệp đeo đuổi
Đi đâu để tránh khỏi
Xá-lợi Phật trí tuệ
Luôn hành công đức Phật.
Bị bệnh phải diệt độ
Đây chứng minh rõ ràng
Mục-liên có thần túc
Từng bước vượt Tu-di.
Phạm chí cầm cây đánh
Xương nát như hạt cải
A-la-hán Bà-kiệt
Chiến thắng rồng Nan-đà.
Khi sắp vào diệt độ
Tròng mắt rơi vô số
Tỳ-kheo-ni Kim Hoa
Thần đức khó thể lường.
Hóa làm vua Chuyển luân
Thống lãnh bốn thiên hạ

Qua đời nhập vô vi
 Bị kiếm xẻ toàn thân.
 Bích Chi tên Quang Minh
 Đời không có pháp Phật
 Theo đời, tuổi thọ hết
 Vào vạc dầu diệt độ.
 Hiện tại Ta đang nói
 Nghiệp báo những người ấy
 Nếu nói về quá khứ
 A-tăng-kỳ hạnh Phật.
 Kiếp này đến kiếp khác
 Nghiệp báo không thể hết
 Vị lai lại có Phật
 Ở ngay trên tòa này.
 Cũng sẽ nói nghiệp báo
 Giống như nay không khác
 Bồ-tát Ma-ha-tát
 Tinh tấn không biếng trễ
 Nên mau lìa nghiệp báo
 Không cho chúng đi theo.

Nghe Phật nói kệ này, Bồ-tát Tạng Hạnh hết mực kinh sợ, nhàm sinh tử luân hồi trong năm đường và tất cả đều phát tâm vô thượng, trụ vào địa Bất thoái chuyển.



Phẩm 35: PHÁP TRỤ

Bấy giờ, thấy chúng hội tịch nhiên thanh tịnh, thuần nhất không tạp loạn, Đức Thế Tôn đưa lưỡi dài rộng đến hai tai, phóng ra ánh sáng lớn lên đến vô lượng a-tăng-kỳ cõi. Thấy ánh sáng, chúng hội rất vui mừng không xiết, ca ngợi là điều chưa từng có.

Khi ấy, Đức Thế Tôn thân ánh sáng lại và nói với Đại Bồ-tát Di-lặc:

– Từ vô số kiếp đến nay, thân, khẩu, ý của Ta thanh tịnh, không có vết dơ, được quả báo với ánh sáng thật tướng này. Đây là do không nói dối.

Phật lại bảo Đại Bồ-tát Di-lặc:

– Nay Ta giao phó kinh điển Bồ Tát Thai Hóa này cho ông. Ông hãy tuyên giảng, lưu hành rộng rãi. Nếu có thiện nam, thiện nữ nào đọc tụng kinh này, đem hương hoa cúng dường, nào hương vụn, hương bột, the lụa, cờ phướn, lọng báu, ca xướng âm nhạc v.v... thì công đức này rất nhiều, rất nhiều.

Nếu có thiện nam, thiện nữ không thể rốt ráo sáng chiều đọc tụng, dù chỉ trong khoảng chót lát tâm nghĩ nhớ đến kinh này thì phước đức ấy cũng không thể tính kể. Vì sao? Vì thai kinh này là cha mẹ của chư Phật, là đứng đầu trong các kinh. Chư Phật quá khứ, hiện tại, vị lai cần y theo trong mẫu thai kinh mà giáo hóa, cứu độ chúng sinh quá hơn sắc thân trăm lần, ngàn lần, ức vạn lần cũng không thể tính kể được.

Phật lại bảo Đại Bồ-tát Di-lặc:

– Nếu có thiện nam, thiện nữ nào lễ bái cúng dường kinh điển này, muốn được diện kiến chư Phật nơi mười phương, nên nhất tâm quy mạng, không có tư tưởng nào khác, thì lập tức được thấy chư Phật khắp mười phương.

Nếu có thiện nam, thiện nữ nào phát đại thệ nguyện: “Con muốn làm cho địa ngục được chấm dứt, ngạ quỷ, súc sinh không còn bệnh phiền não”, rồi nhất tâm quy mạng đọc tụng kinh này thì các chúng sinh khổ não kia đều được giải thoát.

Phật bảo Đại Bồ-tát Di-lặc:

– Duyên Ta nay đã tận, không còn giáo hóa được nữa. Kinh này được lưu giữ ngàn năm, đến hai ngàn năm hoặc ba ngàn năm. Nay nên phân làm ba phần:

Một phần giao cho A-nan, đệ tử mà Ta để lại giáo hóa.

Một phần giao cho Long vương Nan-đà-ưu-bát-la.

Phần còn lại, Di-lặc cùng Ta giảng nói để cho tất cả chúng sinh đều được nghe biết, không được để gián đoạn.

Này Di-lặc! Khi ông thành Phật, ông nên giảng nói rộng rãi kinh này. Chúng sinh mười phương thiên hạ, cho đến loài côn trùng, loài người đều nhờ kinh này mà được giải thoát.

Này Di-lặc! Sau khi ông nhập Niết-bàn, kinh này lưu hành trên đời hai mươi một kiếp, sau đó mới đoạn mất. Nếu có thiện nam, thiện nữ nào đọc tụng kinh này, tâm không tán loạn, phát đại thệ nguyện: “Muốn cho

chúng sinh đều đồng một thế nguyện như ta, đồng thời đều sinh vào nước Thanh Tịnh, phụng thờ lễ kính chư Phật Thế Tôn” thì đạt được nguyện ấy, không bị trở ngại.

Phật bảo Bồ-tát Di-lặc:

– Ông nên vâng giữ giáo pháp của Ta. Hãy nghĩ đến ân Phật. Ai muốn báo đáp ân Phật thì phải nhất tâm phụng trì cúng dường kinh Thai Hóa, công đức phước lợi này là không thể nói hết được. Vì sao? Vì kinh Thai Hóa này là kho báu của các pháp, được chư Phật ấn chứng. Chỉ có Như Lai, Ứng Cúng, Chánh Biến Tri, Minh Hạnh Túc, Thiện Thệ, Thế Gian Giải, Vô Thượng Sĩ, Điều Ngự Trượng Phu, Thiên Nhân Sư, Phật Thế Tôn mới có thể mở bày làm rõ ẩn phong này để thị hiện cho chúng sinh.

Này Di-lặc! Ông nên biết: Những gì mà Ta nói trước sau đều ở trong kinh thâm diệu Tam-muội tổng trì, nếu ông quên một chữ, một câu thì tội này còn nhẹ. Còn như với kinh này mà quên một câu, một chữ thì tội ấy rất nặng. Vì sao? Vì kinh này là cha mẹ của chư Phật Thế Tôn.

Sau khi Đức Thế Tôn nói xong, khắp mặt đất chấn động đủ sáu cách. Các Bồ-tát trong chúng hội nói với nhau:

– Đức Phật Thích Ca Văn lìa pháp tánh không lâu, chắc chắn sẽ hiện sắc tướng trở lại như cũ.

Khi ấy trong chúng hội có tám mươi bốn ức chúng sinh đều phát tâm vô thượng, trụ Bất thoái chuyển. Các Bồ-tát bỗng nhiên biến mất và đều lìa thai hóa, cúng dường kim quan xá-lợi của Phật Thích Ca Văn.



Phẩm 36: PHỤC BẢN HÌNH

Bấy giờ, Đức Thế Tôn thâm oai thần, trở lại trong kim quan, tịch nhiên im lặng. Chư Thiên đốt hương rải hoa cúng dường. Khi ấy, Tôn giả Đại Ca-diếp dẫn năm trăm đệ tử từ nước Ma-già-đà về chỗ Phật. Nghe hôm nay Đức Phật sẽ diệt độ nên đau buồn khóc lóc, không thể kiềm chế được.

Đức Thế Tôn dùng thiên nhãn thấy Tôn giả Đại Ca-diếp đến, liền từ kim quan duỗi hai chân ra. Thấy vậy, Ca-diếp rò vuốt, khóc lóc khôn tả.

Tôn giả Ca-diếp nói kệ:

Tất cả hành vô thường Có sinh thì có diệt

*Không sinh thì không diệt Diệt này rất là vui.
Ai được Phật giáo hóa Được độ khắp mọi nơi Con hành đạo quá xa
Đau lòng không gặp Phật. Pháp giới đều vô thường Sắc thân cũng
như vậy Không có già, bệnh, chết Vô vi không còn sinh.*

*Sống lâu trăm hà sa Cũng sẽ phải diệt độ
Huống Thiên Tôn thầy con Giữa chốn đầy bụi cấu.*

Bấy giờ, Tôn giả Đại Ca-diếp và năm trăm đệ tử đi nhiều quanh kim quan bảy vòng rồi đứng qua một bên.

Khi ấy, Tôn giả A-nan vịn góc Tây Bắc của kim quan, Nan-đa vịn góc Đông Bắc. Chư Thiên ở sau đứng trực phía Bắc, đưa ra khỏi Song thọ bốn mươi chín bước, an táng kim quan.

Theo pháp của Sa-môn, lấy hương Ngưu-đầu-chiên-đàn để trên kim quan. Các Phạm Thiên vương, Thích-đề-hoàn-nhân dẫn thiên chúng ở trên hư không rải hoa cúng dường. Bấy giờ, Tôn giả Ca-diếp cầm lửa đốt củi chiên-đàn để hỏa thiêu.

Tám vua nước lớn tranh nhau phân chia xá-lợi, tùy theo sức mạnh mà lấy được nhiều ít. Tất cả đều đem về cúng dường.



Phẩm 37: XÂY THÁP

Bấy giờ, tám vua nước lớn: vua Ưu Điền, vua Đảnh Sinh, vua Ác Sinh, vua A Xà Thế.

Bốn đại binh mã chủ: Tối hào binh mã chủ, Dung nhan binh mã chủ, Xí thanh binh mã chủ, Kim cang binh mã chủ.

Tám đại vương này cùng nhau giành xá-lợi. Mỗi người thống lãnh binh chúng dàn ra một bên.

Tám đại vương nói:

– Xá-lợi Phật, ta phải lấy riêng cho bằng được.

Có một đại thần tên Ưu-bà-cát khuyên can, nói với các đại vương:

– Đừng tranh giành xá-lợi Phật nữa, mà phân chia ra để cùng nhau cúng dường. Làm gì mà phải dấy binh chinh phạt nhau.

Khi ấy, Thích-đề-hoàn-nhân liền hiện làm người, nói với tám đại

vương:

– Chư Thiên chúng tôi cũng phải có phần. Nếu cùng nhau ra sức tranh cãi thì sẽ có bên thắng bên bại.

Bấy giờ, Long vương A-nậu-đạt, Long vương Văn-lân, Long vương Y-na-bát nói với tám đại vương:

– Chúng tôi cũng phải có phần xá-lợi. Ưu-bà-cát nói:

– Thôi, các ông hãy dừng lại, nên cùng nhau chia xá-lợi.

Rồi ông liền phân làm ba: một phần cho chư Thiên, một phần cho Long vương và một phần cho tám vua. Rồi ông ta lấy bốn bằng vàng chứa hơn một thạch. Vị quan này lén lấy một bôi bên trong bốn và lấy bốn để lường, phân chia xá-lợi.

Chư Thiên được xá-lợi rồi, trở về trời xây tháp Du-bà bằng bảy báu.

Long vương được xá-lợi trở về long cung cũng xây tháp Du-bà bằng bảy báu.

Tám vua được xá-lợi trở về nước mình cũng xây tháp Du-bà bằng bảy báu.

Quan thần Ưu-bà-cát được phần xá-lợi dính trong bình vàng ba đấu và một lọ, cũng xây tháp Du-bà bằng bảy báu, lấy tro và đất xây bốn mươi chín ngọn tháp Du-bà bằng bảy báu.

Chỗ hỏa thiêu cũng xây tháp Du-bà bằng bảy báu, cao bốn mươi chín do-tuần, dùng hương hoa cúng dường, treo lụa cờ phướn, lọng báu, suốt ngày lẫn đêm thổi âm nhạc không dứt đoạn.

Nhờ oai thần của Phật khiến cho tháp bảy báu đều có ánh sáng. Ban đêm tỏa ánh sáng như ban ngày, ban ngày phóng ra ánh sáng như ban đêm. Các thiên thần giữ tháp đều đến canh giữ, không có kẻ xấu ác đến xúc phạm.



Phẩm 38: XUẤT KINH

Sau khi Phật nhập diệt bảy ngày đêm, Tôn giả Đại Ca-diếp nói với năm trăm A-la-hán:

– Hãy đánh kiền chùy tập hợp chúng. Năm trăm vị đều đến từ thế giới chư Phật trong mười phương. Ai đắc A-la-hán, sáu thông thấu triệt thì tập

hợp hết ở giữa song thọ cỡi Diêm-phù-đề này. Nay Phật Thích Ca Văn đã đến tuổi thọ nhập Niết-bàn. Chỗ hỏa thiêu đã xây xong tháp bảy báu. Nay tập hợp đại chúng là muốn được giảng nói pháp thân chân tánh của Phật. Hãy mau tập hợp để chọn những lời nói vi diệu.

Khi ấy, năm trăm vị La-hán nghe lời chỉ bảo của Tôn giả Đại Ca-diếp, dùng sức thần túc, như người lực sĩ co duỗi cánh tay đến từ hằng hà sa cỡi khắp mười phương. La-hán tập hợp được tám ức bốn ngàn vị đến cỡi Kham Nhẫn để nghe thọ chánh pháp.

Thấy đại chúng đã tập hợp, Tôn giả Đại Ca-diếp nói với Ưu-ba-ly:

– Ông làm Duy-na, hãy bảo Tôn giả A-nan đi ra.

Nhận lời chỉ giáo, Ưu-ba-ly bảo Tôn giả A-nan ra, nói:

– Ông là thị giả của Phật, nay có lỗi lớn với chúng tôi, ông có tự biết không?

Tôn giả A-nan thưa Tôn giả Đại Ca-diếp:

– Tôi xét thấy không có lỗi lớn nào với Thánh chúng cả. Tôn giả Ca-diếp bảo Tôn giả A-nan:

– Thế nào, này Tôn giả A-nan! Kinh được Phật giảng nói: Nếu có A-la-hán đắc đạo, sáu thông thấu triệt, tu bốn thần túc, tu nhiều, hành nhiều, có thể sống hơn một kiếp. Vì sao ông im lặng, không trả lời Phật?

Khi ấy, Tôn giả A-na-luật đưa Tôn giả A-nan ra ngoài, rồi bỗng nhiên kêu Tôn giả A-nan ra trước, lấy việc xưa mà quở trách A-nan. Khi ấy, A-nan tâm hoang mang, tự suy nghĩ: “Phật diệt độ chưa bao lâu mà lại si nhục ta đến như vậy”, liền tư duy bốn ý chỉ, bốn thần túc, năm căn, năm lực, bảy giác chi, tám thánh đạo, phân biệt về gốc của khổ là tập, về quả của diệt, đạo, tức ở trước đại chúng thành A-la-hán. Các trần cấu đã được diệt sạch và bỗng nhiên đại ngộ. Thánh chúng khen ngợi, chư Thiên ca hát. Ngay lúc đó, mặt đất chấn động đủ sáu cách, chư Thiên rải hoa, trời nhạc. Sắc thân diệt độ, còn pháp thân vượt ra khỏi thế gian, làm lợi ích cho chúng sinh, phần nhiều được thấm nhuần, rồi sai A-nan thăng tòa cao bằng bảy báu.

Tôn giả Ca-diếp nói với Tôn giả A-nan:

– Pháp Phật giảng nói, một chữ một lời phải nên cẩn thận, chớ có để thiếu sót. Tạng của Bồ-tát tập trung lại một chỗ. Tạng Thanh văn tập trung để một chỗ. Tạng Giới luật tập trung để một chỗ.

Khi ấy, Tôn giả A-nan nói lớn:

– Tôi nghe như vậy:

Một thời, là nói về chỗ Đức Phật ở thì Tôn giả Ca-diếp và tất cả Thánh chúng đều rơi nước mắt, khóc lóc không tự kiềm chế được, than thở: “Già - chết như huyễn, như hóa. Hôm qua thấy Phật mà hôm nay nghe nói đã diệt độ rồi”.

Tạng kinh Thai Hóa được đưa ra đầu tiên.

Thứ hai: Tạng Trung Ấm.

Thứ ba: Ma Ha Diễn Phương Đăng.

Thứ tư: Tạng Giới Luật.

Thứ năm: Tạng Bồ Tát Thập Trụ.

Thứ sáu: Tập Tạng.

Thứ bảy: Tạng Kim Cang.

Thứ tám: Phật Tạng.

Đây là pháp kinh của Phật Thích Ca Văn, tập hợp đầy đủ. Mồng tám tháng hai: Thành Phật.

Mồng tám tháng hai: Chuyển pháp luân. Mồng tám tháng hai: Hàng phục quân ma. Mồng tám tháng hai: Nhập Niết-bàn.



SỐ 385

KINH TRUNG ẤM

*Hán dịch: Đời Diêu Tân, Sa-môn Trúc Phật
Niệm, người đất Lương Châu.*

QUYỂN THƯỢNG

Phẩm 1: NĂM THỆ NGUYỆN RỘNG LỚN CỦA NHƯ LAI NHẬP THÂN TRUNG ẤM ĐỂ GIÁO HÓA

Tôi nghe như vậy:

Một thời, Đức Phật trú tại vườn cây Song thọ, thuộc thành Ca-tỳ-la-bà-đâu, cách bốn mươi chín bộ về phía Bắc, là chỗ thiêu xác.

Vào ngày mồng tám, lúc nửa đêm đầy sao sáng, bấy giờ Như Lai – theo như năm pháp hoàng thệ của chư Phật – bỗng nhiên phân tán thân xá-lợi. Khi ấy, trời đất sáu phen chấn động, mười phương chư Phật đều đến phò trợ. Đó là pháp hoàng thệ thứ nhất.

Sáu phen chấn động là những gì?

Thân Như Lai xuất hiện ở phương Đông, biến mất ở phương Tây.

Thân Như Lai xuất hiện ở phương Tây, biến mất ở phương Đông.

Thân Như Lai xuất hiện ở phương Bắc, biến mất ở Phương Nam.

Thân Như Lai xuất hiện ở phương Nam, biến mất ở phương Bắc.

Thân Như Lai xuất hiện ở bốn phía, biến mất ở trung ương.

Thân Như Lai xuất hiện ở trung ương, biến mất ở bốn phía.

Khi Đức Như Lai vừa mới cất chân đi bảy bước, trời đất đều chuyển động mạnh, mười phương chư Phật đều đến phò trợ. Đó là pháp hoàng thệ thứ hai.

Đức Như Lai đi đến cội Bồ-đề ngồi kiết già, phát thệ nguyện: “Ta không thành Phật, thề không đứng dậy!”. Bấy giờ trời đất chấn động mạnh, mười phương chư Phật đều đến phò trợ. Đó là pháp hoàng thệ thứ ba.

Như Lai tuy nghe tên ma Ba-tuần mà tâm không khiếp sợ, sức thệ

nguyện mạnh mẽ khiến trời đất biến động lớn, mười phương chư Phật đều đến phò trợ. Đó là pháp hoàng thế thứ tư.

Như Lai xả bỏ thọ mạng, hiện tướng diệt độ, nhập thân trung âm để giáo hóa chúng sinh, bấy giờ trời đất chấn động mạnh, mười phương chư Phật đều đến khen ngợi. Đó là pháp hoàng thế thứ năm.

Bấy giờ, Đức Thế Tôn nhập Tam-muội Hỏa viêm mà phân tán thân xá-lợi. Ngải ngự trên đài sen báu, cách mặt đất bảy nhẫn, khiến vô lượng vô hạn na-do-tha chúng sinh, trời, rồng, quỷ thần, A-tu-la, Chiên-đà-la, Càn-thát-bà, Ca-lâu-la, Cưu-bàn-trà, Phú-đan-na, nhân và phi nhân... đều thấy Đức Như Lai ngồi trên hoa sen báu.

Lúc này, Đức Thế Tôn hướng về xá-lợi nói tụng:

*Ở trong vô số kiếp
Các địa chúng nuôi người
Ta nay được lìa người
Vui như rắn thoát vỏ.
Trong năm đường sinh tử
Xứ nào cũng có người
Chỉ lìa nhau tạm thời
Tịch diệt không còn nữa.
Oai thần tiếp địa chúng
Nhờ người Ta vượt qua
Hỡi ôi, biệt ly khổ!
Sống chết kéo theo nhau.
Oai thần của chư Phật
Tiếp nhận nhiều vô số.*

Đức Thế Tôn nói tụng này rồi, từ chân lên tim, đến nhục kế phóng ra tám vạn bốn ngàn ức ánh sáng, chiếu khắp ba ngàn đại thiên thế giới, trên đến các cõi hư không. Chúng sinh trong các cõi ấy đều thấy ánh sáng này, hoặc có chúng sinh tìm theo ánh sáng mà đến, hoặc có các Đức Phật sai khiến các Bồ-tát đi tới cõi Ta-bà.

Đức Thế Tôn tự nghĩ: “Hình thể thân trung âm này rất vi tế, chỉ có các Đức Phật Thế Tôn mới có thể nhìn thấy được, nhưng các chúng sinh ở đây có các bậc hữu học, vô học, nhất trụ, nhị trụ cho đến cửu trụ không phải là cảnh giới của họ có thể nhìn thấy được. Ta nay dùng oai thần của Phật vào Tam-muội Chiếu minh, khiến cho bốn bộ chúng: Tỳ-kheo, Tỳ-kheo-ni, Ưu-bà-tắc, Ưu-bà-di nhìn thấy được hình thể vi tế này”.

Khi ấy, Đức Thế Tôn liền nhập định vô ngại, quán cảnh giới hư không, thấy chúng sinh kẻ sinh kẻ diệt, còn những người hành theo giới cấm của Như Lai thì vắng lặng tịch mặc, quán tướng bất tịnh, một trăm bảy mươi hành là nhân duyên của gốc khổ, cho đến mười hai dây xiềng xích của sinh tử.

Bấy giờ, Đức Thế Tôn lại nói tụng:

*Nay vào cảnh vi diệu
 Hình trung âm cực tế
 Giáo hóa chúng sinh kia
 Gấp nhiều lần Diêm-phù.
 Không chấp trước tướng thường
 Tướng vui, không, vô định
 Kiến lập cội đạo đức
 Xả thọ, không chỗ nhiễm.
 Vốn từ a-tăng-kỳ
 Tế độ kẻ khó độ
 Hướng hình vi diệu này
 Không lỗi, thật khó thay!
 Tâm Ta nay hoằng thệ
 Không tạp, không còn nhiễm
 Gốc đạo đức Bồ-đề
 Phạm hạnh: pháp cứu cánh.*

Đức Thế Tôn nói tụng xong, lại phóng ra tướng ánh sáng trắng giữa chạng mờ, chiếu khắp phương Đông vô lượng vô hạn thế giới; phương Nam, phương Tây, phương Bắc cũng như thế. Đức Thế Tôn lại thu giữ các hào quang kia khiến chúng nhiều quanh chỗ Phật bảy vòng, từ trên đỉnh mà vào.

Khi đó, Bồ-tát Di-lặc từ chỗ ngồi đứng dậy, vén áo vai phải, gồi phải quỳ xuống, chấp tay bạch Phật:

– Vui thay, bạch Thế Tôn! Xưa nay chưa từng nghe, xưa nay chưa từng thấy. Hình chất cực tế của chúng sinh trung âm, thọ mạng dài ngắn, ăn uống ngon dở là những loại thế nào, con mong muốn được nghe.

Đức Thế Tôn dạy:

– Hãy lắng nghe và khéo suy nghĩ điều này, Ta sẽ phân biệt rõ ràng cho ông rõ. Như thế nào, này Di-lặc! Ở cõi Diêm-phù-đề, trẻ con sinh ra cho đến ba tuổi, sự nuôi nấng của người mẹ đã cho uống bao nhiêu sữa?

Bồ-tát Di-lặc đáp:

– Uống một trăm tám mươi hộc, chưa kể phần uống máu khi ở trong bụng mẹ.

Ở cõi Đông Phát-vu-đãi, trẻ con sinh ra cho đến ba tuổi uống một ngàn tám trăm hộc.

Ở cõi Tây Câu-da-ni, trẻ con sinh ra cho đến ba tuổi uống tám trăm tám mươi hộc.

Ở cõi Bắc Uất-đan-việt, trẻ con sinh ra thì ngồi được, người đi đường cho mút tay, bảy ngày thì thành nhân, cõi đó không có sữa.

Chúng sinh trung ấm thì uống hơi gió.

Chúng sinh cõi Diêm-phù-đề thọ mạng một trăm tuổi, ở cõi Đông Phát-vu-đãi thọ mạng năm trăm tuổi, ở cõi Tây Câu-da-ni thọ mạng hai trăm năm mươi tuổi, ở cõi Bắc Uất-đan-việt thọ mạng một ngàn tuổi.

Chúng sinh trung ấm thọ mạng bảy ngày.

Khuôn mặt người ở cõi Diêm-phù-đề thì trên rộng dưới hẹp.

Khuôn mặt người ở cõi Phát-vu-đãi thì thẳng tròn.

Khuôn mặt người ở cõi Câu-da-ni thì trên hẹp dưới rộng.

Khuôn mặt người ở cõi Uất-đan-việt thì vuông thẳng.

Diện trạng của chúng sinh trung ấm như người ở cõi trời Hóa Tự Tại.

Từ đây trở về sau, khi danh hiệu của Đức Thích Ca Mâu Ni đã diệt, Như Lai Diệu Giác xuất hiện ở đời. Đức Như Lai, Ứng Cúng, Chánh Biến Tri, Minh Hạnh Túc, Thiện Thệ, Thế Gian Giải, Vô Thượng Sĩ, Điều Ngự Trượng Phu, Thiên Nhân Sư, Phật Thế Tôn ở nơi không trung, ngồi trên hoa sen báu, phóng ra ánh sáng từ tướng lưỡi, chiếu tám mươi bảy ức Hằng hà sa số cõi ở phương Đông, có quốc độ ở đó tên là Hóa, tên của Phật là Kiên Cố, đầy đủ mười tôn hiệu, giáo hóa bằng Nhất thừa. Đức Phật kia thấy ánh quang minh này liền bảo các Bồ-tát, các Tộc tánh tử:

– Các ông có thấy ánh quang minh này không? Các Bồ-tát đáp:

– Vâng, chúng con có thấy. Bạch Thế Tôn! Không rõ ánh quang minh ấy là do Đức Phật nào chiếu đến thế giới này?

Đức Phật đó bảo:

– Ở phương Tây, cách đây tám mươi bảy ức Hằng hà sa số thế giới, có thế giới tên là Sa-ha, Đức Phật ở cõi ấy hiệu Thích Ca Mâu Ni, nay đang diệt độ, xả thân xá-lợi, muốn vào trung ấm để giáo hóa chúng sinh. Đó là quang minh của Đức Như Lai Diệu Giác. Các ông muốn đến cõi ấy, nay

chính là đúng lúc.

Bấy giờ, một trăm ba mươi ức Bồ-tát ở quốc độ kia vâng thọ lời Phật chỉ dạy đi đến thế giới Ta-bà.

Phật bảo các Bồ-tát:

– Các ông đến quốc độ kia lễ bái, phụng sự, cúng dường, chớ mang tâm biếng trễ, khinh mạn. Hãy nhân danh của Ta mà thăm hỏi Đức Như Lai Diệu Giác: Ngài có hưng khởi, khinh an, đi lại mạnh khỏe chăng?

Các Bồ-tát vâng lời dạy bảo, đánh lễ nơi chân Phật, nhiễu bên phải bảy vòng rồi bỗng nhiên biến mất ở đất và hiện đến cõi Sa-ha.

Về phương Nam, cách đây tám mươi bảy ức Hằng hà sa số cõi, có thế giới tên là Giải Thoát, Đức Phật ở đây hiệu là Như Lai Chân Tịnh, đầy đủ mười tôn hiệu. Đức Phật đó bảo các Bồ-tát:

– Các ông có trông thấy ánh quang minh kia không? Các Bồ-tát đáp:

– Chúng con có trông thấy. Bạch Thế Tôn! Không hiểu ánh quang minh ấy là của Đức Phật nào chiếu đến thế giới này?

Đức Phật ấy bảo:

– Ở phương Bắc, cách đây bảy mươi tám ức Hằng hà sa số cõi, có thế giới tên là Sa-ha, Đức Phật nơi cõi ấy hiệu là Thích Ca Mâu Ni, hiện nay đang diệt độ, xả thân xá-lợi, muốn vào thân trung ấm để giáo hóa chúng sinh. Đó là ánh sáng của Đức Như Lai Diệu Giác. Các ông muốn đến cõi ấy, nay chính là đúng lúc.

Bấy giờ, một trăm ba mươi ức Bồ-tát ở quốc độ kia thọ lãnh lời chỉ dạy của Phật đi đến cõi Sa-ha.

Đức Phật ấy bảo:

– Các ông đến quốc độ ấy thân cận, phụng sự, cúng dường, chớ mang lòng biếng trễ và khinh mạn. Hãy nhân danh Ta mà thăm hỏi Đức Như Lai Diệu Giác: Ngài có hưng khởi, khinh an, đi lại khỏe mạnh chăng?

Các Bồ-tát vâng thọ lời dạy bảo, đánh lễ sát nơi chân Phật, nhiễu bên phải bảy vòng rồi bỗng nhiên biến mất, liền đến cõi Sa-ha.

Về phương Bắc, cách đây tám mươi bảy ức Hằng hà sa số cõi, có thế giới tên là Lưu Ly, Phật ở cõi đó hiệu là Như Lai Lô Âm, mười tôn hiệu gồm đủ. Đức Phật bảo các Bồ-tát:

– Các ông có thấy quang minh kia chăng? Các Bồ-tát đáp:

– Vâng, chúng con có thấy. Bạch Thế Tôn! Không hiểu ánh quang minh của Đức Phật nào đã chiếu đến thế giới này?

Đức Phật kia bảo:

– Ở phương Nam, cách đây tám mươi bảy ức Hằng hà sa số cõi, có thế giới tên là Sa-ha, Đức Phật nơi cõi ấy hiệu là Thích Ca Mâu Ni, nay nhập diệt, xả thân xá-lợi, muốn vào trung âm để giáo hóa chúng sinh. Đó là ánh quang minh của Đức Như Lai Diệu Giác. Các ông nếu muốn đến cõi ấy, nay chính là phải thời.

Bấy giờ, một trăm ba mươi ức Bồ-tát của quốc độ kia thọ lãnh lời chỉ dạy của Phật để đi đến cõi Kham Nhẫn.

Đức Phật kia bảo:

– Các ông đến quốc độ kia lễ bái, phụng sự, cúng dường, chớ mang lòng biếng trễ và khinh mạn. Hãy nhân danh Ta mà thăm hỏi Đức Như Lai Diệu Giác: Ngài có hừng khởi, khinh an, đi lại khỏe mạnh chăng?

Các Bồ-tát vâng lời dạy bảo, đánh lễ sát nơi chân Phật, nhiễu bên phải bảy vòng rồi bỗng nhiên biến mất, liền đến thế giới Sa-ha.

Về phía Đông bắc, cách đây tám mươi bảy ức Hằng hà sa số cõi, có thế giới tên là Không Tịnh, Đức Phật ở cõi ấy hiệu là Hư Không Tạng, mười tôn hiệu trọn đầy, có một trăm ba mươi ức Bồ-tát.

Về phía Đông nam, cách đây tám mươi bảy ức Hằng hà sa số cõi, có thế giới tên là Xí Nhiên, Đức Phật nơi cõi ấy hiệu là Như Lai Quảng Hiện, mười tôn hiệu trọn đầy, Bồ-tát có một trăm ba mươi ức.

Về phía Tây nam, cách đây tám mươi bảy ức Hằng hà sa số cõi, có thế giới tên là Tinh Tú, Đức Phật nơi cõi ấy hiệu là Như Lai Nguyệt Quang, mười tôn hiệu gồm đủ, Bồ-tát có một trăm ba mươi ức.

Về phía Tây bắc, cách đây tám mươi bảy ức Hằng hà sa số cõi, có thế giới tên là Hoại Ma, Đức Phật nơi cõi đó hiệu là Như Lai Dũng Mãnh Phục, mười tôn hiệu trọn đầy, Bồ-tát có một trăm ba mươi ức.

Về phương Trên, cách đây tám mươi bảy ức Hằng hà sa số cõi, có thế giới tên là Hải Tích, Đức Phật nơi cõi ấy hiệu là Như Lai Thượng Diệu, mười tôn hiệu trọn đầy, Bồ-tát có một trăm ba mươi ức.

Về phương Dưới, cách đây tám mươi bảy ức Hằng hà sa số cõi, có thế giới tên là Thông Đạt, Đức Phật nơi cõi ấy hiệu là Như Lai Vô Úy, Ứng Cúng, Chánh Biến Tri, Minh Hạnh Túc, Thiện Thệ, Thế Gian Giải, Vô Thượng Sĩ, Điều Ngự Trượng Phu, Thiên Nhân Sư, Phật Thế Tôn. Đức Phật đó bảo các Bồ-tát:

– Các ông có thấy ánh quang minh kia không? Các Bồ-tát đáp:

– Vâng, chúng con có nhìn thấy. Bạch Thế Tôn! Không rõ ánh sáng ấy là quang minh của Đức Phật nào chiếu đến thế giới này?

Đức Phật kia bảo:

– Về phương Trên, cách đây tám mươi bảy ức hằng hà sa số cõi, có thế giới tên là Sa-ha, Đức Phật nơi cõi đó hiệu là Thích Ca Mâu Ni, hiện nay đang diệt độ, xả thân xá-lợi, muốn vào trung âm để giáo hóa chúng sinh. Đó là quang minh của Đức Như Lai Diệu Giác. Các ông nếu muốn đến cõi ấy, nay chính là phải lúc.

Quốc độ của Đức Phật kia có một trăm ba mươi ức Bồ-tát, thọ lãnh lời chỉ dạy của Phật để đến thế giới Kham Nhẫn. Đức Phật kia dạy bảo các Bồ-tát:

– Các ông đến quốc độ kia lễ bái, phụng sự, cúng dường, chớ mang lòng biếng trễ và khinh mạn. Hãy nhân danh Ta mà thăm hỏi Đức Như Lai Diệu Giác: Ngài có hừng khởi, khinh an, đi lại khỏe mạnh chăng?

Các Bồ-tát vâng thọ lời dạy bảo, đánh lễ sát nơi chân Phật, nhiễu bên phải bảy vòng rồi bỗng nhiên biến mất, liền đến cõi Sa-ha, lễ bái, phụng sự, cúng dường Đức Như Lai Diệu Giác, đầu diện lễ dưới chân Phật rồi ngồi qua một bên.

Bấy giờ, Đức Như Lai Diệu Giác xuất hiện tướng lưỡi rộng dài, hai bên vượt quá tai, như sắc hoa Ưu-bát, như sắc hoa sen đỏ, nói:

– Ta từ vô số a-tăng-kỳ kiếp, hành các pháp thanh tịnh, không có hư vọng. Nhân duyên hóa độ chúng sinh của Ta đã xong, như vứt bỏ thi hài nơi đồng trống vắng, nay lại tạo duyên để bắt đầu lập hạnh. Chư vị Bồ-tát ở đây có người lập căn đạt được lực, có vị mới phát tâm, lại có bốn chúng chưa bước vào đạo tích (quả Tu-đà-hoàn), phải nhờ oai thần tiếp dẫn và sức của Phật, khiến đại chúng kia mới nhận biết được pháp khó có và không thể nghĩ bàn của chư Phật thời quá khứ, hiện tại và vị lai.

Bấy giờ, Đức Thế Tôn liền nói tụng:

*Đời lắm kẻ ngu mê
Không vào pháp vô lậu
Trở lại trong năm đường
Hành nhiễm ô bất tịnh.
Ta dù ở Ta-bà
Cứu độ năm dục khổ
Lành thay sở nguyện xưa
Ngày nay đã trọn thành.*

Như khắc nhỏ nơi đất
 Kẻ trí ai uống lại?
 Ta từ vô số kiếp
 Tu hạnh Phật thanh tịnh.
 Xả thân lại thọ thân
 Không phải đôi ba kiếp
 Như có người sáng trí
 Giữ đất vạch xá-lợi.
 Hướng lại gặp mình Ta
 Có kẻ không giải thoát
 Sinh tử ngày đêm dài
 Tối tăm trong năm cõi.
 Đoạn diệt không đường dài
 Cầu Niết-bàn Phật dài
 Vốn hiệu Thích Ca Văn
 Lưu xá-lợi hóa độ
 Nay Ta nhập không giới
 Trung ấm độ chúng mê.

Đức Thế Tôn nói tụng xong, tám vạn bốn ngàn na-do-tha chúng sinh chán lìa sinh tử, đều phát ý đạo Chánh chân vô thượng (Phát tâm Bồ-đề, cầu đạo quả Chánh giác vô thượng). Lại có bảy mươi ức chúng sinh dứt hết các trần cấu, đắc pháp nhãn thanh tịnh. Bồ-tát trong ma giới gồm bảy ngàn vạn chúng liền từ chỗ ngồi đứng dậy, thâm giữ y phục, hoan hỷ mà lui ra.



Phẩm 2: ĐỨC NHƯ LAI DIỆU GIÁC ĐƯA CÁC BỒ-TÁT VÀO TRUNG ẤM ĐỂ GIÁO HÓA

Bấy giờ, Đức Như Lai Diệu Giác Chí Chân Đẳng Chánh Giác quan sát chúng tọa định, tâm đều thuần nhất không xen tạp, những người muốn nhập trung ấm để thọ pháp giới cấm, tạo nhiều lợi ích, có thể độ thoát vô lượng chúng sinh, kiến lập các thế nguyện rộng lớn để thi hành Phật sự.

Khi ấy, Đức Như Lai Diệu Giác bèn nhập Tam-muội Vô kiến đánh, khiến các đại chúng gồm vô số ức ngàn na-do-tha Hằng hà sa số các chúng Bồ-tát đều đồng một sắc thân giống như Đức Như Lai Diệu Giác không

khác. Tôn giả Đại Ca-diếp của cõi Diêm-phù-đề cùng các Tỳ-kheo, Tỳ-kheo-ni, Ưu-bà-tắc, Ưu-bà-di, các chúng Trời, Rồng, Quỷ thần, Càn-thát-bà, A-tu-la, Ca-lâu-la, Khẩn-na-la, Ma-hầu-la-già, Phú-đan-na, nhân và phi nhân, tám quốc vương, tám ức một trăm ngàn chúng sinh đều nhờ diệu lạc của thần túc mà được đưa vào trung âm.

Lúc ấy, Đức Thế Tôn ở trong đó nói tụng:

*Trung âm bị mê hoặc
 Lâm mê, không Tam tôn
 Thân chuyển theo năm đường
 Tùy hành theo trời buộc.
 Hoặc rơi hai cõi thiện
 Hoặc vào ba đường ác
 Lành thay, khá xót thương!
 Hôm nay Như Lai đến.
 Chúng loại này được độ
 Ta nguyện đều trọn thành
 Vô hình thọ hình giáo
 Gốc đoạn tướng, đoạn diệt.
 Ba đời các Đức Phật
 Điều thực hành pháp này
 Sắc pháp tự sáng chói
 Diệt bằng đạo định ý.
 Như Lai tướng chân thật
 Không sinh, không khởi diệt
 Quán thân khắp đều không
 Thấu tỏ pháp chẳng thường.
 Hành do gốc si ái
 Như tro phủ trên lửa
 Kẻ ngu bảo rằng diệt
 Gốc lửa vẫn thường còn.
 Tâm là gốc các độc
 Thiện ác tùy loại hình
 Làm thiện, sinh cõi thiện Làm ác, sinh cõi ác.
 Nếu ai làm việc ác
 Tự cho không hậu báo Đến khi quả báo đến
 Người thân không thể thay. Phạm giới, không pháp hành
 Tự xưng đời vô song*

Lõa lồ, ăn rau cỏ

*Tôn thờ thần nhật, nguyệt. Tự đọa ba đường ác Không biết
bao nhiêu kiếp Họ không phải Phật tử Tuy gần mà xa Ta.*

Đức Như Lai Diệu Giác nói tụng này rồi, liền dùng thần lực nhập vào trung âm, biến thành giảng đường bằng bảy báu, tòa cao cũng bằng bảy báu, treo cờ phướn, lọng báu bằng lụa, thang bậc bằng vàng, bạc, đất bằng lưu ly, vườn ao đều do bảy báu tạo thành. Chim nhận, chim le le, uyên ương và các giống chim lạ đều hòa nhau cất tiếng kêu thương.

Đức Thế Tôn lại dùng thần lực khiến các loài chúng sinh kia, như loài có mạng sống bảy ngày, sáu ngày, năm ngày, bốn ngày, ba ngày, hai ngày, một ngày đều được thọ mạng lâu dài.

Đức Thế Tôn lại quán xét về chỗ hướng đến theo tâm của các chúng sinh, khiến có thể phân biệt, mỗi loại đều ở một phía. Các bậc đạt bốn hướng và bốn quả đều ở một phía. Các Bồ-tát mới phát tâm cho đến chín trụ đều ở một phía. Các bậc đạt hướng Phật-bích-chi, đắc quả Phật-bích-chi đều trụ một phía.

Bấy giờ, Đức Thế Tôn biến hóa ra bảy trăm ức na-do-tha tòa cao bằng bảy báu, mỗi mỗi tòa cao đều có hóa Phật, mỗi mỗi hóa Phật đều nói tụng vô thường:

*Tất cả hành vô thường Thức là pháp ngoại trần Có khởi ắt
có diệt*

*Diệt là vui tối thượng. Không sinh, già, bệnh, chết Cũng
không ở ba cõi*

Vĩnh trụ cõi hư không Ấy là nhà chư Phật.

*Vô úy, không cấu nhiễm Không bị dục ái nhiễm Hương
xông và năm dục Dứt hết không còn sót. Một trăm lẻ tám
ái*

*Và pháp tập đều dứt Trước diệt, sau không sinh Ngay hiện
đời chứng quả. Tổng yếu của pháp Phật Là ba bảy đạo
phẩm*

*Vô nguyên, vô tướng, không Là đường thẳng của Phật. Các
chúng sinh lợi căn*

Một lần nghe thấu ngộ

Dứt bằng kiếm trí tuệ

Như lửa đốt núi đồng.

Loại chúng sinh độn căn

*Gốc tội sâu kiên cố
 Trăm ngàn Phật ra đời
 Dầu thương mà khó độ.
 Các thọ thân trung ấm
 Tùy ngôn giáo dẫn dắt
 Tuy vốn không phát tâm
 Nghe pháp tất được độ.*

Hóa Phật nói kệ tụng xong, bảy mươi tám ức trăm ngàn na-do-tha chúng sinh trung ấm đều khởi ý đạo Chánh chân vô thượng, phát tâm Bồ-đề.

Lúc này, Đức Như Lai Diệu Giác thăng tòa vô úy cùng tột ở nơi chính giữa. Mười phương các Bồ-tát đạt thần thông ở bên trái Phật tòa.

Ở cõi Diêm-phù-đề, Tôn giả Ma-ha Ca-diếp cùng bốn bộ chúng: Tỳ-kheo, Tỳ-kheo-ni, Ưu-bà-tắc, Ưu-bà-di đều ngồi bên phải Phật tòa. Các chúng trời, rồng, quỷ thần và đại quốc vương thì ngồi ở phía sau Phật tòa. Từ Tứ Thiên vương, Thiên vương Đao-lợi, Diệm-ma Thiên, Đâu-suất Thiên, Hạp Thiên, Ba-lợi-đà Thiên, Hạp-ba-ma-na Thiên, A-hội-đâu-tu Thiên, Thủ-ha Thiên, Ba-lợi-đà-thủ-ha Thiên, Tu-trệ Thiên, Tu-trệ-kỳ-nậu Thiên, cho đến A-ca-nị-trá Thiên đều ở trên không trung rải hoa cúng dường và trỗi nhạc trời. Chúng sinh trung ấm ở trước Như Lai lắng nghe và lãnh thọ giáo pháp.

Bấy giờ, Đức Thế Tôn dùng oai thần của Phật, khiến tâm của chúng sinh đều tự nghĩ: “Phật chỉ vì ta mà thuyết pháp, không thuyết pháp cho người khác”.

Đức Thế Tôn bèn nói tụng:

*Như Lai giác vô lượng
 Thần biến không thể lường
 Ra vào núi đá, vách
 Như chim dạo hư không.
 Ta vốn a-tăng-kỳ
 Tích vô biên công đức
 Độ kẻ chẳng tự làm
 Khiến phát tâm Bồ-đề.
 Niết-bàn không đến đi
 Cũng không thấy kẻ thọ
 Ta vốn tại Song thọ*

Chuyển thân tới chốn này.
 Ta từ mới phát tâm
 Thẻ độ khắp các loài
 Một người còn chưa độ
 Ta cũng trọn không bỏ.
 Quan sát chúng trung ấm
 Đều có thượng, trung, hạ
 Chỉ dùng ba cú nghĩa
 Tứ đế, pháp chân diệu.
 Phải nên tu thiền định
 Ất trừ dâm, giận, si
 Tám trăm bệnh ung nhọt
 Tám vạn bốn ngàn cấu.
 Bố thí, trì giới, nhẫn
 Tinh tấn, thiền định, tuệ
 Khéo phương tiện quyền xảo
 Đoạn trừ ba căn độc.
 Sắc không phải thân Ta
 Ai tạo ra sắc này?
 Thấu rõ sắc vô hình
 Xứng đáng hạnh Phạm chí.
 Khi Ta chưa thành Phật
 Vốn bị sắc mê hoặc
 Đọa vào bốn điên đảo
 Đắm chìm biển sinh tử.
 Nay hiểu rõ mầm sắc
 Thấy sắc vốn không thật
 Thọ, tưởng, hành và thức
 Cấu nhiễm không đạo chân.
 Ấm nhập mười tám giới
 Hai mươi hai pháp căn
 Mỗi mỗi phải phân biệt
 Tịch nhiên, không chỗ chấp.
 Trung ấm người dục giới
 Trần cấu đều vi tế
 Giống như áo mới may
 Khó thấy chỗ dơ bẩn.

Người có mắt trí tuệ
 Dốc trừ diệt cấu trần
 Các chúng sinh trung âm
 Ví chúng sinh như vậy.
 Dâm, giận, si vi tế
 Nghe pháp liền thấu ngộ
 Toàn bộ tâm không đổi
 Chẳng được Tu-đà-hoàn.
 Ba chuyển, mười hai pháp
 Lại chứng Tư-đà-hàm
 Thượng, hạ phẩm phần diệt
 Chứng được đạo Bất hoàn.
 Khổ hết, si ái diệt
 Đắc thành A-la-hán
 Đạo tích: tám mươi ức
 Người được quả Tàn lai:
 – Tám vạn bốn ngàn ức
 Người đắc đạo Bất hoàn
 Trăm vạn hai ngàn ức
 La-hán hai hằng sa.
 Thân sáu thông thấu triệt
 Đều hướng đến quả Phật
 Tám vạn bốn ngàn ức
 Hướng đến tâm Bồ-đề.
 Số ấy như vi trần
 Ta ở cõi Diêm-phù
 Khổ hạnh không kể hết
 Thí quốc, tài, thê, tử.
 Đầu, mắt, máu, tủy, xương
 Vững ý như kim cương
 Không bị ma khuấy động
 Vui thay đại phước báo.
 Nguyện nào tu chẳng thành?

Lúc ấy, chúng sinh ngồi nơi tòa suy nghĩ: “Phật chỉ vì ta thuyết pháp, không vì ai khác. Người hướng quả Thanh văn thì đắc quả Thanh văn, người hướng đạo quả Phật-bích-chi thì đắc quả Phật-bích-chi, người hướng đạo Bồ-đề thì đắc đạo Bồ-đề”.



Phẩm 3: ĐỨC NHƯ LAI DIỆU GIÁC NHẬP TRUNG ÁM PHẦN THÂN

Bấy giờ, ở trên tòa có vị Bồ-tát tên là Định Hóa Vương, liền từ chỗ ngồi đứng dậy, vén áo vai phải, gối bên phải quỳ sát đất, chấp tay trước Phật, bạch:

– Lành thay! Bạch Thế Tôn! Thế Tôn đã nói một cách rõ ràng về ý nghĩa này để khiến cho chúng sinh hiểu rõ. Âm hưởng của pháp này khiến cho người có chí hướng nghe dễ được hóa độ, nhưng lại có người khó hóa độ. Con xét thấy chúng sinh kẻ có tham dục, sân hận, si mê giảm dần; kẻ không có tham dục, sân hận, si mê giảm dần. Hoặc ở nơi pháp hữu đối, hoặc ở nơi pháp không đối. Hoặc ở nơi pháp hữu kiến, hoặc ở nơi pháp vô kiến. Hoặc ở nơi pháp hữu lậu, hoặc ở nơi pháp vô lậu. Hoặc ở nơi pháp hữu vi, hoặc ở nơi pháp vô vi. Hoặc ở nơi pháp có thể ghi nhận, hoặc ở nơi pháp không thể ghi nhận. Hoặc ở nơi pháp dục giới. Hoặc ở nơi pháp không thể hiểu được. Hoặc ở nơi pháp sắc giới. Hoặc ở nơi pháp vô sắc giới. Hoặc ở nơi pháp trung ấm có hình tướng vi tế. Hoặc ở nơi pháp trung ấm không có hình tướng vi tế. Hoặc ở nơi pháp năm sắc có thức. Hoặc ở nơi pháp năm sắc không thức. Hoặc ở nơi pháp phi tướng phi bất tướng thức. Hoặc không ở nơi pháp phi tướng phi bất tướng thức. Hoặc ở nơi trụ thứ nhất cho đến trụ thứ chín. Có trụ thứ nhất không phải trụ thứ nhất. Có trụ thứ chín không phải là trụ thứ chín. Kính mong Thế Tôn mỗi mỗi diễn bày khiến cho các Bồ-tát vĩnh viễn không còn do dự, các loại chúng sinh nghe pháp đều được giải thoát.

Đức Thế Tôn dùng Phạm âm thanh tịnh hòa diệu tán thán Bồ-tát Định Hóa Vương:

– Lành thay! Lành thay! Nay Tộc tánh tử! Ông đã có thể ở trước Như Lai gầm lên tiếng gầm sư tử. Ta nay sẽ vì ông phân biệt nói rõ. Hãy lắng nghe và khéo suy nghĩ. Những điều ông hỏi về pháp có thể thấy hoặc pháp không thể thấy, đó là mắt thấy sắc, là sắc đi vào mắt.

Bồ-tát Định Hóa Vương thưa:

– Không phải mắt thấy sắc, cũng không lìa mắt; không phải là sắc đi vào mắt, cũng không lìa sắc.

Phật bảo Bồ-tát Định Hóa Vương:

– Nay Tộc tánh tử! Mắt không phải là sắc, sắc không phải là mắt, vậy điều gì là quan sát?

Bồ-tát Định Hóa Vương bạch:

– Bạch Thế Tôn! Pháp thức thật ở nơi pháp quán mà sinh khởi. Phật bảo Bồ-tát Định Hóa Vương:

– Nay Tộc tánh tử! Thế nào thức là có pháp hay thức là không pháp?

Bồ-tát Định Hóa Vương bạch:

– Bạch Thế Tôn! Thức không phải là hữu vi, không lìa hữu vi.

Thức không phải là vô vi, không lìa vô vi.

Phật bảo Bồ-tát Định Hóa Vương:

– Thế nào gọi là hữu vi, thế nào gọi là vô vi? Bồ-tát Định Hóa Vương bạch Phật:

– Pháp nào sinh khởi là hữu vi, pháp nào an trụ là vô vi.

Đối với pháp Đệ nhất nghĩa thì không thấy có khởi, cũng không thấy có trụ, vì pháp tánh thanh tịnh, không sắc, không thức.

Đối với pháp Niết-bàn thì không có nhiễm chấp. Mắt không phải là sắc, sắc không phải là mắt nên không thể thấy pháp, cũng không thể không thấy pháp.

Mắt quá khứ, sắc quá khứ, thức quá khứ; mắt vị lai, sắc vị lai, thức vị lai; mắt hiện tại, sắc hiện tại, thức hiện tại. Không có mắt, sắc và thức; không phải là không có mắt, sắc và thức. Đó là pháp Niết-bàn thanh tịnh.

Bấy giờ, Bồ-tát Định Hóa Vương bạch Phật:

– Nay con muốn nghe Như Lai giảng nói về pháp hữu đối và pháp vô đối.

Phật bảo Bồ-tát Định Hóa Vương:

– Nay Tộc tánh tử! Âm thanh là hữu đối hay vô đối? Bồ-tát Định Hóa Vương bạch Phật:

– Âm thanh cũng là hữu đối mà cũng là vô đối. Phật bảo Bồ-tát Định Hóa Vương:

– Âm thanh cũng không hữu đối cũng không vô đối. Nay Tộc tánh tử! Thế nào, âm thanh này là có, là không, là hư, là thực? Nay Tộc tánh tử! Thế nào, hư không có thể vẽ thành chữ chăng?

Bồ-tát Định Hóa Vương thưa:

– Vâng, bạch Thế Tôn! Không thể vẽ được. Vì sao? Vì Như Lai tu tập công hạnh trong a-tăng-kỳ kiếp, cũng không thấy có, cũng không thấy không, cũng không thấy có ba đời, cũng không thấy không có ba đời, cho đến phi tướng phi bất tướng cũng như vậy.

Bồ-tát Định Hóa Vương bạch Phật:

– Các pháp quan sát như trên đều được nhận biết rõ. Kính mong Đức Như Lai, Ứng Cúng, Chánh Biến Tri, Minh Hạnh Túc, Thiện Thế, Thế Gian Giải, Vô Thượng Sĩ, Điều Ngự Trượng Phu, Thiên Nhân Sư, Phật Thế Tôn nói về ba pháp vi diệu. Thế nào là tối vi diệu? Hình tướng của trung ấm chăng? Hình tướng của năm sắc thức chăng? Phi tướng phi bất tướng thức chăng?

Khi ấy, Đức Thế Tôn nhận biết tâm của chúng hội đều có sự nghi ngờ liền ở trên tòa nói tụng:

*Ta thọ khổ ba cõi Tâm ngu lắm, si ái Trãi qua a-tăng-kỳ
Nơi có cũng nơi không. Phá trừ kiếp sinh tử
Nay mới được thành Phật Dùng bán nguyện thế lớn Độ kẻ
không được độ.
Phật lực đáng tốt cùng Ba cõi không ai bằng Toàn bộ
không hai tâm
Tự thế nguyện thành Phật. Ta từ Phật Chánh Chú Mới
phát tâm vô đẳng
Ở trong dục vây buộc Kiên cố khó nhỏ trừ.
Không định, nguyện, vô tướng Phân biệt ba Tam-muội
Trước, niệm thở ra vào
Phân biệt đường thiện ác. Giữ tâm như bưng dầu Hành bộ
chẳng thất nghi
Như người thấy kiếp thiêu Đốt thiêu kẻ trọng tội.
Phước sinh trời Quang Âm Nhẹ nhàng ở phương kia Ba
phẩm loại chúng sinh Kẻ thọ hình trung ấm.
Nhận biến hóa không lường Ngoài Ta, ai nói được?
Năm sắc thức chúng sinh Bất đồng trong ba cõi.
Như Lai bậc tối thắng
Vào thức kia giáo hóa
Mỗi mỗi phân biệt nói
Không vướng trầm đắm ái.
Ứng thành Tu-đà-hoàn*

Nói pháp Tu-đà-hoàn
 Ứng thành Tư-đà-hàm
 Nói pháp Tư-đà-hàm.
 Ứng thành A-na-hàm
 Nói pháp A-na-hàm
 Ứng thành A-la-hán
 Nói pháp A-la-hán.
 Ứng thành Phật-bích-chi
 Nói pháp Phật-bích-chi
 Người ưng đạo Bồ-tát
 Nói pháp đạo Bồ-tát.
 Chứng đắc Tu-đà-hoàn
 Ba mươi hai ức người
 Chứng đắc Tư-đà-hàm
 Bốn mươi hai ức người.
 Chứng đắc A-na-hàm
 Năm mươi hai ức người
 Chứng đắc A-la-hán
 Sáu mươi hai ức người.
 Chứng đắc Phật-bích-chi
 Bảy mươi hai ức người
 Chứng đắc đạo Bồ-tát
 Tám mươi hai ức người.

Bấy giờ, Đức Thế Tôn lại nói tụng:

Ta vốn không tâm pháp
 Hiện vì giáo hóa chúng
 Thấy khởi biết có lửa
 Thấy mây biết có mưa.
 Hành bộ biết quân tử
 Thấy sao biết có trăng
 Tâm ngã, Ta tận dứt
 Không có ngã, vô ngã.
 Trải qua vô số kiếp
 Không biết số tháng ngày
 Phật quả do tư duy
 Phàm phu không đạt tới.
 Lành thay, đại Thánh Tôn!

Chiếu khắp mười phương cõi
 Xa lìa pháp dục giới
 Ở trung ấm giáo hóa.
 Giáo pháp chư Phật này
 Nơi ấm không thấy ấm
 Các loại chúng sinh ấy
 Phát nguyện đều sai khác.
 Chấp ngã tự trói buộc
 Ta vốn cũng như thế
 Phật nhờ chánh tư duy
 Suy xét mọi nguồn gốc.
 Trong mỗi ý, mỗi niệm
 Dứt trần cấu không khó
 Trần cấu khi thắng Ta
 Ta đọa ba cõi ác.
 Ta nay thắng trần cấu
 Dứt cấu, nhập Niết-bàn
 Lành thay, đại Thánh Tôn!
 Bước riêng không hai vết.
 Thấy đạo tích của Ta
 Người Diêm-phù được độ
 Thân hành có ba việc
 Khẩu hành có bốn việc.
 Ý hành có ba việc
 Biến sinh tử trần cấu
 Chúng sinh ở chín cõi
 Thức là chốn trái qua.
 Phân biệt ngã, vô ngã
 Không ngã cũng không bỉ
 Các Đức Phật, Thế Tôn
 Tâm rộng không biên giới.
 Một lòng nghĩ chúng sinh
 Chốn thọ không giới hạn
 Thân tịnh không làm ác
 Miệng nói luôn thanh tịnh.
 Tâm tịnh như tâm Phật
 Đó là pháp chư Phật

Thân là đồ chứa khổ
 Đây chẳng có ba đời.
 Ngoài ta không ai biết
 Ai biết miễn khổ này
 Công đức của Như Lai
 Các tướng như mi, vế.
 Tướng ngực của sư tử
 Mỗi sợi lông đều sáng
 Bàn tay thiên bức lý
 Chỉ rõ nẻo thiện ác.
 Lưỡi, răng, tiếng sáng trong
 Tế độ hằng sa kiếp
 Mắt, tai, mũi và tóc
 Đỉnh vô kiến – nhục kế
 Hư không có thể cùng
 Tướng Phật thật vô lượng.

Đức Thế Tôn nói tụng này rồi, có tám mươi ức chúng sinh trung ấm đối với cảnh giới Niết-bàn Vô dư đều phát tâm kiên cố, mỗi mỗi đều thành Phật và có cùng một hiệu với Đức Như Lai Diệu Giác.

Phật bảo Bồ-tát Định Hóa Vương:

– Những điều ông hỏi về hữu lậu, vô lậu; có đối, không đối; có thể thấy pháp quá khứ, hiện tại, vị lai hay không thể thấy pháp quá khứ, hiện tại, vị lai, nay Như Lai sẽ nói với ông.

Bồ-tát Định Hóa Vương bạch Phật:

– Bạch Thế Tôn! Con mong muốn được nghe Phật dạy. Phật bảo Bồ-tát Định Hóa Vương:

– Nên lắng nghe, lắng nghe và khéo suy nghĩ! Ta sẽ vì ông phân biệt nói rõ.

Này Định Hóa Vương! Như thế nào là duyên tận? Cái gì là không phải duyên tận? Đó là sáu nhập trần cấu, các pháp nhiễm, ngã si, ngã ái. Quan sát pháp hơi thở ra vào, bên trong bên ngoài, tám vạn bốn ngàn độ vô cực đời đời không thể diệt, niệm niệm tạo thành hình tướng của chúng. Pháp hữu lậu có tám vạn bốn ngàn, pháp vô lậu có ba mươi bảy, là các pháp hữu vi và vô vi. Đây không phải là đạo Niết-bàn. Thân thanh tịnh không phạm các điều ác, miệng không nói lời quấy, tâm tịnh với định hợp bốn tâm vô lượng biến mãn rộng khắp. Đó gọi là hạnh của Bồ-tát.



Phẩm 4: BỒ TÁT HIỀN HỘ HỎI VIỆC

Bấy giờ, Bồ-tát Hiền Hộ từ chỗ ngồi đứng dậy, vén áo vai phải, gối phải chầm đất, quỳ chấp tay trước mặt, bạch Phật:

– Lành thay, Thế Tôn! Ba phần chúng sinh: Dục giới, Sắc giới và Vô sắc giới, thức của chúng khó lường. Thế nào là lượng hữu lậu, thế nào là lượng vô lậu? Thế nào là lượng hữu vi, thế nào là lượng vô vi? Thế nào là lượng hữu sắc, thế nào là lượng vô sắc? Thế nào là lượng hữu dục, thế nào là lượng vô dục? Thế nào là lượng hữu ký, thế nào là lượng vô ký?

Khi ấy, Đức Thế Tôn nghe những điều Bồ-tát Hiền Hộ hỏi, liền nói tụng:

*Ở tại trong bào thai
Thọ hình nhiều chủng loại
Trước diệt, sau đã sinh
Số nhiều như hằng sa.
Ba phần thức chúng sinh
Trần cấu nhiều chủng loại
Hoặc nghe tiếng được độ
Hoặc thấy hình đắc quả.
Nay Ta, Phật Diệu Giác
Giáng thần vào trung ấm
Mỗi mỗi đều thấu rõ
Pháp hữu lậu, vô lậu.
Đắc đạo thành quả chứng
Năm sắc thức dễ độ
Loại kia một bộ giới
Chẳng ở hữu vô lậu.
Chúng sinh tại trung ấm
Như thân Ta không khác
Năm ấm hình thống khổ
Bánh xe chuyển không ngừng.
Tôi ta vốn không định
Thịnh, hưởng cũng không tên*

*Quán thân ba mươi sáu
 Dục giới pháp có lượng.
 Ba phần còn hai phần
 Chúng sinh trung ẩm ậy
 Chúng sinh năm sắc thức
 Không nhiễm khổ ba cõi.
 Vô minh, si ái, hoặc
 Tướng ẩn chẳng phải không
 Hữu lậu gốc khổ đế
 Dứt kết chẳng cùng sắc.
 Tập đế: hai mươi tám
 Tịch diệt trần cấu trừ
 Ba mươi bảy phẩm đạo
 Đạo đế quả chân thật.
 Hiền Hộ, nay ông biết
 Pháp hữu lậu, vô lậu
 Pháp ký, pháp vô ký
 Nay Ta nói cho ông.
 Hành thiện ác hữu ký
 Pháp vô ký si ám
 Đọa lạc trong sinh tử
 Ngoài Ta, ai độ được?*

Khi Đức Phật Thế Tôn giảng nói những lời này, có chín mươi một ức chúng sinh đều phát tâm cầu đạt đạo Vô thượng, bốn mươi bảy ức na-do-tha chúng sinh đều đắc đạo quả A-la-hán.



Phẩm 5: ĐẠO THỌ

Bấy giờ, trên tòa có vị Bồ-tát tên là Thọ Vương, từ chỗ ngồi đứng dậy, vén áo vai phải, gối phải chাম đất, quỳ chấp tay, bạch Phật:

– Lành thay! Bạch Thế Tôn! Những điều Như Lai dạy thật là kỳ lạ. Chẳng hay Như Lai muốn nói hữu lậu chẳng? Vô lậu chẳng? Kính mong Thế Tôn từng câu nói rõ. Cái gì là hữu lậu? Cái gì là vô lậu?

Phật bảo Bồ-tát Thọ Vương:

– Có sinh có diệt gọi là hữu lậu. Không sinh không diệt gọi là vô lậu.

Có ngã có thân gọi là hữu lậu. Không ngã không thân gọi là vô Nhân là đối của sắc gọi là hữu lậu. Không nhân, không sắc gọi là vô lậu.

Có thức, có tướng, có hình gọi là hữu lậu. Không thức, không tướng, không hình gọi là vô lậu.

Chỗ trú của ba thức xứ có thân gọi là hữu lậu. Mỗi thức mỗi xứ có một hình gọi là vô lậu.

Có hình, phi tướng phi phi tướng là pháp lượng có dụng. Chỗ bất dụng trong cảnh giới của thiên thứ ba thì chán sợ sinh tử, nên gọi là bất dụng.

Có nguyện, không nguyện, hoặc mới phát sơ thiên thì vui thích với hỷ lạc ấy, tâm không dao động, niệm tịnh hỷ an, tự giữ lấy năm hạnh, thành tựu có tướng có diệt, theo pháp quán hơi thở ra vào ấy mà hỷ hành, một trăm lẻ tám ái nơi một niệm, ở trong một ức hành, tướng, tướng không cùng tận.

Huống chi thân hiện tại của hành giả kia không có tướng ta và người: Ta từ vô số kiếp bỏ cái này, theo cái này. Chỗ trải qua của ba thức xứ không có hiện hữu, cũng không có ngã. Ba cõi thật khổ thay! Thân chịu nạn sinh tử, thí như phép ảo thuật, dùng nắm tay lừa dối trẻ con. Pháp thức thân vô hình, định sinh diệt vô thường. Ta còn không có thân của ta, huống gì là những pháp có thức hình. Tướng cũng là pháp vô tướng, cũng không thấy có thức, bốn âm kia (sắc, thọ, tưởng, hành) còn tồn tại chỗ nào? Do thức mà có phân biệt. Khổ ám có năm hành tướng. Không phải ta có ngã, không phải ông có ngã. Ta từ vô số kiếp, trải qua ba thức xứ, trừ trời, rồng, quỷ thần, nơi đâu mà không có Diệu giác? Ta thực hành các pháp thiện, thế độ vô số chúng sinh, tùy theo loại hình mà giáo hóa, chúng sinh được hóa độ nhiều vô lượng. Hạnh của Như Lai thanh tịnh, rộng độ vô biên cõi, thân thông chiếu khắp nơi, quan sát trong ba đời, từ chúng sinh có hình đến chúng sinh vô hình. Ta tư duy mười tướng kết, không lo sợ trần cấu, hư không không biên vực, không còn thấy vắng lai, tâm bên trong không niệm, nhờ công đức nhẫn nhục mà thành tựu, một lòng tinh tấn cầu thành Phật, vui tịch diệt Niết-bàn, khởi cũng không thấy khởi, sinh cũng không thấy sinh, huống gì là có sinh diệt.

Chư Thiên và thế nhân có thể đoạn các thứ trói buộc, chấp trước,

nhiểm ô trong ba cõi để đến bờ giác. Trải qua biển sinh tử, chúng sinh tự trôi mình trong đó, bị sắc dục làm mê hoặc, trôi lăn mãi trong ba hữu. Phật không còn sự sợ hãi, dùng oai thần để tiếp nhận chúng sinh, chỉ vì chúng sinh mà quên mình, công đức ấy thật không thể tính kể được.

Phật thường dùng bốn ý chỉ, năm căn, năm lực, bảy giác chi, ba mươi bảy pháp trợ đạo; thường hành ba Tam-muội: không, vô tướng, vô nguyện; khéo dùng các phương tiện thiện xảo để giáo hóa cõi sinh tử. Phật thực hành sáu pháp Ba-la-mật, trải qua không biết bao nhiêu kiếp, quay vòng khắp các cõi trong hư không, độ chúng sinh giải thoát đắc đạo số nhiều như vi trần không còn vọng tưởng điên đảo. Phật chỉ dùng một âm mà diễn bày giáo pháp vi diệu, khiến chúng sinh thọ giáo hóa rộng khắp không bờ bến. Với đạo tâm quan sát các pháp, không còn thấy có khởi có diệt, hiểu rõ nội ngoại thân, luôn hệ niệm đối với pháp *An ban tức*: hơi thở dài biết dài, hơi thở ngắn biết ngắn, loạn tưởng biết loạn tưởng, định tưởng biết định tưởng, giữ tâm hoàn toàn không loạn tưởng mà thực hành chánh pháp thanh tịnh.

Đức Thế Tôn liền nói tụng:

*Nẻo hành của Phật lực
Thấm nhuần khắp trời, người
Chúng sinh học, vô học
Cho đến kẻ phàm phu.
Tâm dứt lìa chúng tướng
Đều đến nơi vô úy
Phân biệt: không, vô tướng
Tu đạo tràng thanh tịnh.
Trang nghiêm cõi Phật đạo
Đều đồng một sắc thân
Chuyển pháp luân vô thượng
Xiển dương tiếng trống pháp.
Không phải các chúng ma
Có khả năng chuyển được
Mở pháp tạng cam lồ
Rưới khắp tất cả chúng.
Vô số kiếp cứu độ
Vô lượng các chúng loại
Đáng tối thắng cứu đời
Độ người không kể xiết.*

*Lành thay, chẳng nghĩ bàn!
Nẻo độ không thể lường
Ta từ xưa lập hạnh
Chỉ có Phật xưng lường.
Chẳng thấy pháp tôi – ta
Pháp ích lợi trời, người
Công đức vượt ba cõi
Được vào cảnh Niết-bàn
Trong sạch không trần uế
Nói pháp ánh trăng trong sao.*

Đức Thế Tôn nói tụng này xong, có tám mươi bốn ức na-do-tha trăm ngàn ức chúng sinh trung âm đều dứt sạch các trần cấu, chứng đắc pháp nhãn thanh tịnh. Lại có mười ngàn ức chúng sinh năm sắc thức đều phát tâm hướng tới đạo Bồ-đề không thoái chuyển.



KINH TRUNG ÂM

QUYỂN HẠ

Phẩm 6: THẦN TÚC

Bấy giờ, Đức Như Lai Diệu Giác liền dùng thần túc biến hóa chúng sinh trong ba ngàn đại thiên cõi nước này, trên tới cõi trời Phi tướng phi phi tướng, dưới đến địa ngục Vô cứu, đều thành màu vàng ròng, đều giống như thân của Đức Như Lai Diệu Giác gồm ba mươi hai tướng tốt, tám mươi vẻ đẹp, quanh thân có hào quang tỏa sáng bảy thước, tất cả đều ngồi trên hoa sen báu nơi tòa cao, dùng Phạm âm diễn nói chánh pháp vang khắp ba ngàn đại thiên thế giới. Mỗi mỗi vị Phật nói ra tám vạn bốn ngàn tạp hạnh, khiến cho những người gặp được ánh sáng kia, các bệnh về dâm dục, sân hận, si mê đều tự diệt hết, rồi đồng thanh nói tụng:

*Kinh pháp vốn vô thể
Diệt rồi, nay lại hưng
Đoạn trừ pháp hữu lậu
Trong ba cõi độc hành.
Vô số kiếp sinh tử
Được gặp ruộng phước lành
Sắc vàng chiếu khắp nơi
Sáng soi đường giải thoát.
Sức thần chẳng thể tận
Quán rõ vốn vô hình
Tâm đại từ đại bi
Cứu vớt chúng vô minh.
Nguồn gốc năm ám khổ
Lênh đênh được tế độ
Sông sinh tử bốn bể
Thuyền pháp đưa về bến.
Đạo phương tiện vô ngại
Vào cảnh vô vi kia*

*Xưa Ta phát thệ nguyện
Muốn độ người chưa độ.
Hạnh thanh tịnh tu thân
Miệng không nói hư không
Dốc lòng cứu tám nạn
Các ác còn đâu sinh.*

Bấy giờ, có vị Bồ-tát từ chỗ ngồi đứng dậy, vén áo vai phải, gối phải quỳ sát đất, chắp tay bạch Phật:

– Vui thay, Thế Tôn! Thần túc Phật vô lượng, không thể nghĩ bàn. Nay con có điều muốn hỏi. Nếu được Phật cho phép, con mới dám tỏ bày.

Đức Như Lai Diệu Giác bảo vị Bồ-tát kia:

– Lành thay! Lành thay! Nay Tộc tánh tử! Ông hãy tùy ý thưa hỏi, Ta sẽ giải đáp tất cả cho ông.

Bồ-tát thưa:

– Bạch Thế Tôn! Thần lực của Như Lai thật không thể diễn bày hết được. Nay cả ba ngàn đại thiên thế giới đều chói sắc vàng. Đó là loại Tam-muội gì mà có sự thần biến ấy?

Phật bảo Bồ-tát:

– Thần biến này là Tam-muội vương trong các Tam-muội. Chỉ có các Đức Phật mới có thể biến hiện được như vậy, không phải là hàng Thanh văn hay Phật-bích-chi có thể làm được. Nếu tu hành Tam-muội vương này thì sẽ dẫn theo tám vạn bốn ngàn Tam-muội khác. Hoặc có Tam-muội tên là Hư không tạng, hoặc có Tam-muội tên là Thăng pháp đường, hoặc có Tam-muội tên là Nguyệt quang thanh tịnh, hoặc có Tam-muội tên là Phá hữu nhập vô, hoặc có Tam-muội tên là Nhất ý bất loạn, hoặc có Tam-muội tên là Trừ khử trần vụ, hoặc có Tam-muội tên là Bạt tam độc căn bản, hoặc có Tam-muội tên là Diệt quá khứ hiện tại vị lai bệnh, hoặc có Tam-muội tên là Khai cam lộ pháp môn.

Bấy giờ, Đức Thế Tôn muốn giải ý nghĩa trên bèn nói tụng:

*Hạnh thanh tịnh đạo lực
Thân, miệng, ý không phạm
Thệ nguyện vô số kiếp
Kẻ đắm chìm sinh tử.
Kim cương khó hủy hoại
Nhị thừa không thể bằng
Quán gốc khổ của thân*

Tư duy chứng bốn quả.
 Chứa hạnh không thoái chuyển
 Tĩnh lặng ngồi đạo tràng
 Nhập định ý một kiếp
 Hai, ba đến bảy kiếp.
 Qua kiếp thiêu đất cháy
 Tâm này cũng không động
 Phá trừ cảnh giới ma
 Ất thành đạo vô thượng.
 Sức định ý Tam-muội
 Phước báo chẳng thể lường
 Khiến ba tụ chúng sinh
 Đắc thành đạo vô thượng.
 Quan sát tâm muôn loài
 Kẻ khó độ, dễ độ
 Khiến không còn đắm chìm
 Trôi lăn biển sinh tử.
 Ta vốn không sắc ái
 Thể ánh sáng vàng vòng
 Chuyên khổ hạnh nhiều kiếp
 Tu định, thành hình này.

Khi Đức Như Lai Diệu Giác nói tụng này, các Đức Phật Thế Tôn đồng thời vươn tay khen ngợi Đức Như Lai Diệu Giác rồi nói tụng:

Đáng Trọng phu nhị túc
 Thế hùng không thể lường
 Xa lìa khổ ba cõi
 An nhiên làm một sắc.
 Nay nghe Như Lai nói
 Đạo định ý thần túc
 Được nghe tánh tướng pháp
 Tướng tướng chẳng thể lường.
 Tám loại tiếng thanh tịnh
 Mười sáu pháp thù thắng
 Ba mươi hai hành nghiệp
 Lợi ích cho mọi người.
 Thiên Nhân Tôn hơn hết
 Quang minh chiếu chúng sinh

Ở lâu trong chốn khổ
 Uống bằng tám giải thoát.
 Ao thanh tịnh vô dục
 Hóa thành hoa bảy giác
 Không đắm nơi năm ấm
 Như đóa hoa sen xanh.
 Hương xông bay khắp nơi
 Năm phần phân Như Lai
 Lưu hành khắp mọi chốn
 Xưa Ta cầu Phật đạo.
 Thệ nguyện cùng một thời
 Ngày nay được chứng quả
 Không trái thệ nguyện xưa
 Đạo nhất tướng vô tướng.

Đức Thế Tôn nói tưng rỗi, có trăm ức chúng sinh trung âm hy vọng cầu được hình sắc vàng ròng của thân Phật, đều tự nghĩ: “Như sự thần biến của vô lượng chúng ta hôm nay, chắc chắn đời sau sẽ được thành Phật đều đồng một hiệu là Như Lai Diệu Giác, Ứng Cúng, Chánh Biến Tri, Minh Hạnh Túc, Thiện Thệ, Thế Gian Giải, Vô Thượng Sĩ, Điều Ngự Trượng Phu, Thiên Nhân Sư, Phật Thế Tôn.



Phẩm 7: PHÁ LƯỚI ÁI

Bấy giờ, Đức Như Lai Diệu Giác muốn phá trừ kiết sử ái, muốn khiến cho bốn bộ chúng tự mình được chứng nghiệm và biết rõ về dục ái, sắc ái và vô sắc ái, Đức Như Lai bèn nhập Tam-muội Bất động.

Đức Thế Tôn lại tự suy nghĩ: Chúng sinh nơi Dục giới này cũng có loại có ái, có loại không có ái; cũng có hữu lậu, vô lậu; cũng có hữu vi, vô vi; cũng có loại khả ký, có loại bất khả ký. Chúng sinh nơi Sắc giới thì phi hữu phi vô, không có tướng, không phải là không tướng thức có thể thấy pháp. Trong ba cõi, Dục giới là quan trọng hơn hết, vì chúng sinh chẳng thể lìa sự nhiễm chấp vướng mắc. Những chúng sinh trung âm rất cần đạo của bậc Thánh. Chúng sinh năm thức thì có trước có sau. Chúng sinh cõi Phi tướng phi phi tướng thức thì có kẻ nhận lấy Niết-bàn, có kẻ không nhận

lấy Niết-bàn. Làm thế nào để chúng sinh trung âm gặp bậc Thánh mà được chứng ngộ? Chúng có căn bệnh suy tính về không ngã, thọ mạng, luôn chấp về vô thường, đời trước không phải là đời sau, đời sau không phải là đời trước. Lời nói của vị Thánh này chẳng phải bản ý phát tâm cầu cầu bậc Thánh như pháp của Thanh văn. Hạng năm sắc thức thì căn bản chưa thành, thấy Phật biết Phật, mỗi mỗi đều chấp trước, đa phần thọ nhận cõi phước rồi bị đọa không phải ít. Không suy lường về thân ta, người là hành pháp hay không phải hành pháp. Ba cõi bị lưới che phủ, muốn thoát ra rất khó. Giống như ném cục chì, đầu mỗi sợi chỉ liền hoàn trở lại. Chúng sinh trong ba cõi, xả thân nơi này rồi sinh lại nơi ấy.

Khi ấy, Đức Thế Tôn bèn nói tụng:

*Ba cõi là nhà lửa
Lửa bốc cháy nóng bừng
Chỗ tâm ái nhiễm chấp
Sẽ vào ba đường ác.
Đời trước chẳng phải sau
Ái có pháp khinh, trọng
Chúng năm sắc thức pháp
Đời nay, sau dễ độ.
Tám nạn đường sinh tử
Ngược với cửa Niết-bàn
Pháp không bỏ không thử
Bạn tối thắng vô đẳng.
Thần tức tiếp chúng sinh
Kẻ thấy đều được độ
Người quá khứ, vị lai
Cần-thất-bà, Tu-la.
Trời, rồng cùng quỷ thần
Đều được độ tất cả
Lành thay Tam Giới Tôn
Khéo thuyết pháp vi diệu.
Khiến chúng sinh khổ ách
Được đến bờ vô vi
Trừ bệnh thân, khẩu, ý
Vắng lặng không còn động.
Như kẻ đói được ăn
Như kẻ khát được uống*

Chỉ, quán trừ ái kết
Cam lồ, ba giải thoát.
Ta phát đạo vô thượng
Trừ ái, không tưởng khát
Cứu độ trong lửa hừng
Được thành bậc Thế Hùng.
Vô số Phật quá khứ
Hiện tại và vị lai
Giáo hóa cũng như Ta
Không có tướng bỉ ngã.
Chánh pháp trừ tà pháp
Mãi mãi diệt trần cấu
Pháp vô ngại tổng trì
Tư duy quan sát rõ.
Trong trăm ngàn ức kiếp
Các Tam-muội tự tại
Tứ không, pháp định ý
Đến đi không mỗi mảy.
Chỗ chư Phật du hóa
Ích lợi không giảm tổn
Thời gian một bước chân
Độ chúng sinh vô lượng.
Chỗ nào Ta đặt chân
Có bao loài chúng sinh
Tùy loại mà được độ
Đầy khắp trong ba cõi.
Tùy tâm đắc ba đạo
Độ như thế vô cùng
Pháp tám giải không ngại
Lìa bỏ căn thọ mạng.
Không làm tướng ba cõi
Năm nghịch kết hại họ
Người sinh, biết người sinh
Người diệt, biết người diệt.
Người lên, biết người lên
Người xuống, biết người xuống
Nơi nào cũng không an

Kẻ lỗi đi chốn nào.
 Phải biết sức Phật lớn
 Biến nhập pháp tổng trì
 Do thế nguyện thuở xưa
 Người chưa độ được độ.
 Hành trì vô lượng tâm
 Biến mãn khắp mười phương
 Phật nói pháp cam lồ
 Như mẹ hiền thương con.
 Mẹ chẳng phải cha hiền
 Cha chẳng phải mẹ hiền
 Ba cõi bốn điên đảo
 Khó hóa như kim cương.
 Như vật mới vào lò
 Trước cháy tiêu thô ác
 Người chân không vọng động
 Như bùn sinh sen vàng.
 Phật đạo thật chân chánh
 Không sợ hãi, không chấp
 Không có lụy niệm tưởng
 Tâm cũng không qua lại.

Bấy giờ, trên tòa có vị Bồ-tát tên là Diễm Quang, liền từ chỗ ngồi đứng dậy, vén áo vai bên phải, gồi bên phải quỳ chầm đất, chấp tay bạch Phật:

– Như hôm nay Thế Tôn giảng nói pháp chân thật, hoặc là nói pháp hữu, hoặc là nói pháp vô, hoặc là nói hữu vi, hoặc là nói vô vi, hoặc là nói hữu ký, hoặc là nói vô ký. Nay những chúng sinh được giáo hóa lấy pháp gì để được độ thoát?

Đức Thế Tôn dùng tụng đáp:

Các pháp chính có một
 Không hai, cũng không ba
 Ái thức, không ái thức
 Mãi xa lìa bào thai.
 Phá chấp ái trói buộc
 Khiến chúng sinh dứt ái
 Sức thần Đức Như Lai

*Tự biết gốc kiếp trước.
 Hoặc ở cung Thiên vương
 Chuyển bánh xe giáo hóa
 Hoặc ở chốn bần cùng
 Cho đến ngục Vô cữu
 Mỗi mỗi hiểu rõ ràng
 Tâm chúng sinh cấu chấp.*

Đức Thế Tôn nói tụng này rồi, có sáu mươi tám ức na-do-tha chúng sinh trung âm liền từ chỗ ngồi đứng dậy, vén áo vai phải, gồi phải quỳ sát đất, chấp tay bạch Phật:

– Ôi sự khổ này chính là nỗi khổ lớn. Ở trong các khổ, ái này là khổ tốt cùng. Kính mong Thế Tôn cho phép chúng con được xuất gia.

Lúc ấy Đức Thế Tôn mặc nhiên chấp thuận.

Khi đó, các chúng sinh trung âm nghe Phật thuyết pháp liền đắc quả A-la-hán.



Phẩm 8: BA ĐỜI BÌNH ĐẲNG

Bấy giờ, trên tòa có vị Bồ-tát tên là Bất Yếm Hoạn Kiếp, liền từ chỗ ngồi đứng dậy, vén áo vai phải, gồi bên phải quỳ chắm đất, chấp tay bạch Phật:

– Lành thay! Lành thay! Thần lực tối thắng của Như Lai là vô cùng vi diệu, không thể nghĩ bàn. Thần đức của Như Lai thể hiện nơi tướng lưỡi dài, chẳng phạm đến lỗi của chúng sinh. Nay ba tụ chúng sinh này - quá khứ, hiện tại và vị lai, Ngài vì quá khứ chăng? Vì hiện tại hay vị lai chăng?

Lúc này, Đức Thế Tôn bảo Bồ-tát Bất Yếm Hoạn Kiếp:

– Lành thay! Lành thay! Câu hỏi của ông đối với ba tụ chúng sinh, điều này sẽ giúp cho họ nhiều sự lợi ích, nhiều sự thắm nhuần cùng dứt trừ gốc rễ của vô minh, thân nghiệp được thanh tịnh. Đó không phải là điều chỉ một Đức Phật giảng nói.

Lúc ấy, Đức Thế Tôn liền nói tụng:

*Người vốn lúc tại thai
 Tự biết mình kiếp trước*

Rằng: bỏ kia đến đây
 Ba đời định rõ ràng.
 Thức trước khác thức này
 Thân trước khác thân này
 Chỉ vì ngu, mê hoặc
 Chẳng biết cửa vào đạo.
 Nghĩ, cũng tại bốn sử
 Khởi lên bao nhiêu tướng
 Ôi thôi, già bệnh chết
 Trong ba đời đọa lạc.

Đức Thế Tôn muốn giải thích ý nghĩa ấy, liền nói tụng:

Ta vốn không sắc này
 Thọ, tưởng, thức cũng thế
 Ta không, chúng cũng không
 Sao có thức, tưởng, thọ?
 Không có sắc, sắc pháp
 Chúng sinh pháp loạn tưởng
 Chín phẩm có sai biệt
 Phân biệt đạo ba đời:
 – Thượng thượng: đạo tối diệu
 Không quá khứ, vị lai
 Thượng trung: thật vi tế
 Thượng hạ: không giác quán.
 Trung thượng: đoạn ba kết
 Trung trung: diệt ba cấu
 Trung hạ: hoát nhiên ngộ
 Đó gọi là Phật tử.
 Hạ thượng: tuy là nặng
 Như bọt trên nước kia
 Chỉ một lần sinh diệt
 Hạ trung: loài chúng sinh.
 Gốc khổ rất sâu nặng
 Ngoài ta, không ai biết
 Hạ hạ: loài chúng sinh
 Trải qua trong số kiếp.
 Ta cũng giáo hóa chúng
 Kẻ không thấy lậu mất

Tâm người có bao nhiêu
 Trên tòa tâm chẳng ngộ.
 Hoặc mong Phật vị lai
 Hoặc nguyện trong hiện tại
 Các loài chúng sinh này
 Khó có thể tiếp nhận.
 Người vốn vô hình sinh
 Trở vào trong hư không
 Sinh tử khéo theo liền
 Cái gì là Niết-bàn?
 Nếu nói có chúng sinh
 Thân, khẩu, ý thanh tịnh
 Tịch nhiên vào diệt độ
 Một lòng phát thệ rộng
 Cũng không tự mình làm
 Hư không chẳng thể nắm
 Cái gì là hư thật.
 Tiếng phạm âm Như Lai
 Phân biệt thực tướng pháp
 Giải rõ không, vô tuệ
 Bạc tam giới riêng bước.
 Giác ngộ pháp không ý
 Quán thân không luyến chấp
 Không giác ở tam thiền
 Đạo tiến thủ không lui.
 Từ khi Ta thành Phật
 Lấy đó làm bản nghiệp
 Thành Phật cũng nhờ đó
 Niết-bàn cũng nhờ đó.
 Sở dĩ gắng chuyên cần
 Vì chưa đạt thật tướng
 Nghe bốn, chẳng lìa bốn
 Đó là ẩn chư Phật.

Đức Thế Tôn nói tụng này rồi, có vô lượng vô hạn na-do-tha chúng sinh năm sắc thức và trung âm, chúng sinh phi tướng phi phi tướng đều muốn xa lìa những pháp không vui trong ba đời.

Đức Thế Tôn lại nói tụng:

Quá khứ không, nay có
 Hiện tại cũng như thế
 Thân Di-lặc vị lai
 Giáo hóa không sai khác.
 Ta nay nói chút ít
 Như đất nơi móng tay
 Muốn nói thế giới tận
 Ai có thể xét tận.
 Nay dù ở trung ấm
 Vẫn ở Vô tướng thiên
 Người ở chốn địa ngục
 Nghe pháp bèn được ngộ.

Bấy giờ, Đức Thế Tôn liền dùng thần lực đưa chúng sinh trung ấm đến cõi trời Phi tướng phi phi tướng thức.

Lúc ấy, Đức Thế Tôn lại dùng thần lực đến cõi Phi tướng phi phi tướng thức, thiết lập các tòa cao, trang hoàng bằng bảy thứ báu. Trên các tòa ấy có các hóa Phật, mỗi vị hóa Phật đều có bốn chúng, mỗi chúng đều thành tựu các oai nghi phép tắc. Trong chúng sinh này hoặc có người tụng kinh, giảng nghĩa, Hiền thánh đều im lặng, hoặc có người nhập định, xuất định.

Bấy giờ, Đức Như Lai Diệu Giác lại dùng thần túc nơi mười lực để tiếp nhận chúng sinh Phi tướng phi phi tướng thức này như hình tướng chúng sinh trung ấm không sai khác.

Đức Thế Tôn lại theo phép tắc oai nghi thông lệ của chư Phật, khiến cho vô lượng hóa Phật hợp lại thành một, hoặc dùng một thân biến thành vô lượng thân; hoặc bên gốc cây diên nói giáo pháp; hoặc vào sơ thiền, định ý không loạn; hoặc ở nơi núi cao vắng vẻ thanh tịnh; hoặc ngồi nơi hư không thi triển mười tám phép biến hóa: dưới chân ra lửa, trên thân ra nước, trên thân ra lửa, dưới thân ra nước, qua lại trong nước lửa như hư không chẳng có gì trở ngại; hoặc chọn lấy diệt độ mà cũng không diệt độ; hoặc hiện vô thường thân thể sinh trưởng, hư nát như sắc bô câu trắng; hoặc hiện chân tay đều chia lìa mỗi nơi một mảnh.

Bấy giờ, chúng sinh ở cõi Phi tướng phi phi tướng thức thấy sự biến hiện khác lạ này đều ôm lòng sợ hãi, suy nghĩ: “Ta vốn sinh tâm cho định là Niết-bàn, không bệnh chết, không già, không có các thống khổ, nay xem thấy pháp này có sinh, có già, có bệnh chết, thống khổ. Hiện tại được gặp

Như Lai giảng thần nơi này, nếu không thuận theo pháp thì địa ngục Vô trạch tức là nhà của mình. Ta vốn từ đời trước đều là những người có cùng sự mong cầu nên trước đó mới sinh điều hiểu biết ấy”.

A-nan-đa-ca-lan-đa gặp Phật lễ bái, nói:

– Lành thay, Thế Tôn! Thế Tôn là bậc tôn kính, không ai sánh bằng, đã giảng thần đến thế giới này, như được gặp hoa Ưu-đàm-bát.

Nếu Phật không giảng thần đến thế giới này, chúng con vĩnh viễn sống chốn biên địa, sát hại vô lượng thân Ca-lan-đa.

Lại tự nêu bày: “Nay gặp bậc đại Thánh như mặt trời làm tiêu tan tuyết lạnh”.

Nếu không gặp bậc Thánh, họ sẽ đọa thành thân chồn bay, bay chạy cùng khắp, có hại mà không được giải thoát. Do nhờ thế nguyện xưa mà thoát khỏi biên vực khổ. Trong cảnh giới hư không vô lượng, Phật là bậc thần đức tôn quý trong ba cõi mà con mắt của các hàng Thanh văn, Phật-bích-chi có thể thấy được.

Bấy giờ, Ca-lan-đa nghĩ: “Chúng ta cùng sinh ra, sinh vào cõi thức này mà tội phước chưa phân, hoặc bị đọa vào tà kiến, làm thân con chồn bay. Ta vốn tạo ra thân, không phải riêng trong ba cõi, hình tướng năm sắc và vô sắc của trung ấm đã sinh ý niệm này nên chúng phi tướng thức đều sinh khổ tâm. Chúng ta là những người dù sinh vào xứ nào vẫn không phải là chúng đắc Niết-bàn, không phải là nơi an ổn. Nay gặp Như Lai giảng nói pháp chân thật, pháp diệt trừ cứu vớt ngàn vạn môn, không khứ không lai. Tham dục là gốc sinh ra ta. Nay ta trở lại diệt chúng thì sẽ không còn bị mê lầm ngăn che trong đời này và đời sau. Hễ có sinh thì có già, bệnh, khổ, như ảnh lại gặp lên ảnh, như ánh trăng hiện bóng cây lá trong nước, loài đã can muốn uống chúng, rốt cuộc chẳng uống được. Ta nay tuy được xem là tôn quý nơi ba đời nhưng có pháp thật và pháp không thật, pháp biến dị và pháp không biến dị, sinh mà không có sinh. Lành thay giáo pháp vi diệu trong đời, có thể độ được những kẻ ương bướng khó độ. Người ngu si trong thế gian cho rằng ngã là thật thân. Khi xả bỏ thân mạng, cái xương mọc xích liền với nhau, nhưng phân biệt cho rõ ràng trong thân cái gì là mạng và thọ? Sự sinh tử vậy bọc trong nỗi khổ, bỏ thân ở kia lại sinh ở đây. Ở trong bào thai thì khổ do lạnh nóng, ra khỏi thai thì sầu lo vì sinh diệt vô thường. Dù mẹ vui lòng nuôi ta nhưng nếu không sinh thì ai lo sầu? Chúng sinh trôi chìm như bọt nước, thân thức nhiễm theo tình cảnh, mãi luân chuyển trong năm nẻo, tới lui vẫn không chỗ thoát. Trong biển sinh tử năm

đường, không chỗ nào là không đến. Tâm là gốc sát hại thân. Tâm đã diệt thì ta còn lo gì? Như hư không, không có gốc ngọn, ai biết là thường hay vô thường? Loài thức vô tướng chỉ thấy lan và Ca-lan-đà, một làm vua biên địa, một làm trù có cánh. Ba cõi khổ vô cùng, những nơi này không có Niết-bàn, như chơi chốn đồng trống, chỉ hướng Đông bảo là hướng Tây. Nay gặp đáng đại Thánh thì đối với tất cả những nỗi khổ đau đều được giải thoát.

Lúc ấy, những chúng sinh ở cõi Phi tướng phi vô tướng thức liền đối trước Phật nói tụng:

*Ta vốn thờ năm hóa
Thiêu nướng thân thể mình
Nằm trên cỏ gai gổc
Thân mặc áo dầu lâu.
Khiến chân hướng trời trắng
Không thân nào không thờ
Nay sinh Phi phi tướng
Được gặp thân Như Lai.
Tự thẹn việc làm xưa
Tại đây không chỗ thoát
Biết rõ đường giáo hóa
Như Lai tự giáng thân.
Cửa giải thoát không chọn
Vĩnh trụ nơi an ổn
Năm dục sinh tử cấu
Trói buộc trong bốn dòng.
Tâm làm chấp ba cõi
Thiêu bằng lửa trí tuệ
Người bốn cõi năm đường
Không thấy đâu ngọn nguồn
Chấp thức về ta người
Không khác ta ngày nay.*

Đức Như Lai Diệu Giác lại dùng tụng đáp:

*Các người vốn là chân
Tám vạn bốn ngàn kiếp
Gốc vô thường sinh tử
Chết đó hoàn sinh đây.*

Nhưng chúng sinh các người
Chưa từng già bệnh chết
Một lòng cầu Niết-bàn
Đó không phải pháp thật.
Cầu dứt, thức chẳng diệt
Nẻo ác vẫn hoàn sinh
Ngoài Ta, người không ngộ
Ai hay thoát nạn này?
Ta từ vô lượng kiếp
Thề độ sinh già chết
Tiền thân Ta không tạo
Hậu thân cũng không thọ
Nhờ đắc định kim cương
Nay bèn giáo hóa người
Địa không thể thành không
Không chẳng thể thành địa
Thủy không thể thành hỏa
Hỏa không thể thành thủy.
Tất cả những người ngu
Vạn vật đều có ngã
Pháp ngu si, vô minh
Bảo là pháp chánh đạo.
Như kẻ mỗi một kia
Lưỡi thở trong giây lát
Tuy ở tám vạn tư
Thấy nó như một ngày.
Vì chúng sinh năm khổ
Xứ nào không có Ta
Phân biệt tướng, thân, pháp
Phân biệt, pháp, không, vô.
Kẻ sinh không thấy sinh
Chết cũng không thấy chết
Hỏi đâu nguồn gốc sinh?
Rằng do hành tạo tác.
Gánh nặng của ba đường
Gốc cội là bệnh si
Pháp danh sắc, sáu nhập

Đó là thường của đời.
 Xúc nhập thọ sắc pháp
 Ái nhập xúc tăng lạc
 Những chúng sinh mê lầm
 Không biết mười hai duyên.
 Như thiêu thân vào lửa
 Như Lai Diệu Giác nói
 Do nguoi nặng trần cấu
 Thì tâm ta cấu nặng.
 Như ta thành thân Phật
 Trải qua bao thế giới
 Phá trừ tâm cấu nhiễm
 Biết tướng, phi tướng.
 Căn nguyên của kiết sử
 Vô thường bảo rằng thường
 Lấy khổ cho rằng vui
 Lấy không cho là có.
 Vô ngã lấy làm ngã
 Loại tướng phi tướng này
 Đã quen mê đảo điên
 Như thiêu thân thích lửa.
 Chẳng tránh nạn diệt thân
 Mê hoặc đọa sáu cõi
 Sinh trời phi tướng này
 Ví như đốn ngọn cây.
 Gốc còn, sống trở lại
 Mê hoặc bốn điên đảo
 Giấu bên trong vô minh
 Nay mở cửa cam lồ.
 Thánh đế chân thật hữu
 Nhỏ sạch hết gốc khổ
 Mãi dứt không còn dư
 Dòng biển dài bốn sử.
 Đời đời không đoạn tuyệt
 Ta nay mở ba cõi
 Sẽ đưa đến bờ kia
 Nơi an ổn vô úy.

Khi Đức Thế Tôn nói tụng này rồi, chúng sinh ở cõi Phi tướng phi tướng thức đều phát đạo ý Chánh chân vô thượng, đối với Nê-hoàn Vô dư mà không Bát-nê-hoàn. Hoặc có người muốn sinh thiên, giảng nói pháp mười thiện; vì người cầu làm người nói cho pháp năm giới; kẻ hướng về ba đường ác, vì họ nói về các địa ngục như Đao sơn, Kiêm thọ, Hỏa xa, Lur thân v.v... Ba trăm năm mươi sáu ức na-do-tha chúng sinh, đều khiến họ chán sợ kiếp thọ, nghe pháp thanh tịnh liền thành tựu đạo quả.

Lúc ấy, Đức Thế Tôn liền dùng thần túc nơi mười lục, vô úy tiếp dẫn chúng sinh ở cõi Phi tướng phi tướng thức này đem đến chúng sinh cõi năm sắc thức, tu sửa cây Bồ-đề, làm trang nghiêm quốc độ, rồi phóng ra hào quang lớn, mỗi mỗi hào quang đều có hóa Phật, mỗi hóa Phật đều ngồi nơi tòa cao bằng bảy báu, có ba mươi hai tướng của bậc đại nhân, nói pháp sáu độ vô cực (sáu pháp Ba-la-mật). Chúng sinh năm sắc thức kia trông thấy sự biến hóa của Như Lai, tâm trần cấu chấp trước trôi buột tự nhiên dứt hết, không còn mong trở lại cái vui nhiễm chấp trong sinh tử.

Bây giờ, Đức Thế Tôn dùng phạm âm thanh tịnh nói tụng:

*Gốc khổ, oán sinh tử
Trừ chúng bằng thiện quyền
Bốn đại tâm vô lượng
Siêu vượt vô lượng cõi.
Nay người lợi căn này
Nghe rồi không tái sinh
Thấy sắc tướng hình Phật
Phổ nhập cõi tịch diệt.
Mới biết đạo Hiền thánh
Vô lượng khó nghĩ bàn
Diệt cấu chướng còn sinh
Đều cùng đạo Hiền thánh.*

Đức Thế Tôn nói tụng này, có vô hạn vô lượng chúng sinh năm sắc thức đời vị lai sẽ thành Phật, tất cả đồng một hiệu là Phổ Quang Như Lai, Ứng Cúng, Chánh Biến Tri, Minh Hạnh Túc, Thiện Thệ, Thế Gian Giải, Vô Thượng Sĩ, Điều Ngự Trượng Phu, Thiên Nhân Sư, Phật Thế Tôn.



Phẩm 9: KHÔNG SINH DIỆT

Bấy giờ, Đức Như Lai Diệu Giác muốn đến các quốc độ của chư Phật, bèn nói với ba tụ chúng sinh, những chúng sinh phát tâm hướng cầu đạo Niết-bàn:

– Ta hiện tại đã thuyết giảng pháp với các người, nếu có điều nghi vấn thì hãy hỏi. Các người biết Niết-bàn có sinh có diệt chăng?

Ba tụ chúng sinh nghe Đức Như Lai nói như vậy, đều ở trước Phật bạch:

– Chúng con từ đục giới cho đến cảnh giới Phi tướng phi phi tướng đều phát tâm hướng theo pháp Đại thừa không thể nghĩ bàn, chưa từng nghe có pháp hữu vi, vô vi. Pháp gì là hữu dư? Pháp gì là vô dư? Pháp gì là pháp của bậc thượng nhân? Pháp gì là pháp không phải của bậc thượng nhân?

Đức Thế Tôn nói với ba tụ chúng sinh:

– Hãy phân biệt cú nghĩa, tự nghĩa và vô tướng nghĩa. Thần lực của Như Lai có ba mươi hai pháp. Ba mươi hai pháp đó là những gì? Đó là ghi nhớ trong túc mạng về căn bản của những đời sống, biết được các đời sống từ đâu sinh. Những kiếp sống ấy như: chết chỗ kia, sinh chỗ này, chết chỗ này sinh chỗ kia. Như Lai dùng nhãn thức thông quan sát rõ ràng những điều ấy như xem viên ngọc trong bàn tay. Như Lai dùng nhĩ thông thì ruồi bay, kiến bò, cho đến những tiếng động vi tế tất đều nghe được. Vốn có ba cõi, nay không phải là ba cõi. Các người đã thọ đạo chứng, phát tâm đều khác, trong đó có những biến đổi. Những gì là ba cõi? Những gì không phải thuộc ba cõi?

Đức Thế Tôn nói những lời này rồi, ba tụ chúng sinh lại thêm hồ nghi. Đức Thế Tôn nhận biết tâm niệm của các chúng sinh, nên muốn nói pháp quán vô tướng, bèn dùng tụng nêu rõ:

Cái gì gọi là đầu?

Cái gì gọi là chân?

Cái gì gọi là hoa?

Cái gì gọi là quả?

Mạng người ở nơi đâu

Diệt như bụi trên tro

Rễ cây trăm hoa nở

Nhỏ bỏ chẳng sống lại. Quán pháp chúng tướng này

Không đầu cũng không chân

Pháp hữu dư, vô dư

Theo đây mà biết được.
Nếu nói có Niết-bàn
Thân của Ta hiện tại
Nếu nói không Niết-bàn
Ba tụ ở nơi đâu?
Nên Phật dùng thần lực
Khiến người biết hữu vô
Ta quán khổ ba cõi
Khổ có mà cũng không.
Niệm trước khác niệm sau
Hình trước khác hình sau
Ta từ vô số kiếp
Bước chân vào thế gian.
Trong đó khởi đại bi
Nhị thừa không sánh kịp
Khi Ta khởi đại bi
Đối với khổ ba đường.
Như mẹ hiền nuôi con
Tình thương đều trọn đầy
Ta vốn hành bố thí
Nay đắc theo sở nguyện.
Bảy báu các ngọc quý
Tùy niệm tức thời được
Hướng chi đủ bốn đẳng
Sáu độ cứu chúng sinh.
Điều này ai hiểu nổi
Chỉ có Phật nhận biết
Nay Ta bảo các người
Biết hữu dư, vô dư.
Muốn quán cảnh giới ngã
Ta dùng thần túc thông
Đến cõi đó làm Phật
Hiệu là Thích Ca Văn.
Bảy mươi hai hằng sa
Cõi Tây Nam trang nghiêm
Đều dùng Nhất đạo hóa
Không Thanh văn, Bích Chi.

Cõi ấy rất trang nghiêm
Theo niệm liền hiện tiền
Không như thế giới này
Bị dâm, nộ, si buộc.
Một ám biến bốn phương
Người nghe liền được độ
Cõi kia cây bầy báu
Khi gió thổi rung lá.
Lá cây kêu xào xạc
Đều thành độ vô cực
Ta ở quốc độ ấy
Tuổi thọ lâu vô cùng.
Khi Phật vào Niết-bàn
Pháp lưu mười hai kiếp
Muốn biết kiếp ngắn dài
Hiện kiếp làm một ngày.
Tính số ngày tháng này
Làm thành mười hai kiếp
Các người, người ba tu
Biết công đức Ta chăng?
Đến cõi phương Đông kia
Tám mươi ức do tha
Cõi ấy tên Bất Chung
Phật hiệu là Diệt Giới.
Ta hiện làm đệ tử
Xuống tóc mặc ca-sa
Quý thọ lãnh Thánh pháp
Phật kia biết tâm Ta.
Các loại chúng sinh ấy
Thấy Ta mặc pháp phục.
Không vui pháp thế gian
Đồng lòng vui xuất gia.
Đủ oai nghi lễ tiết
Chẳng mất phạm giới cấm
Đương khi Ta co duỗi
Kẻ thấy phải rùng mình.
Đây đều túc mạng xưa

Người cùng nhau thệ nguyện
 Lìa dục, không chấp trước
 Không có tướng sinh diệt.
 Tu tất cả phạm hạnh
 Ta dùng thần lực Phật
 Ở trong tử thoát tử
 Nghĩa các vô ký này.
 Không hiểu sinh rồi diệt
 Luân chuyển trong năm đường
 Pháp Tứ Thánh cam lộ
 Thấm nhuần khắp chúng sinh.

Đức Thế Tôn nói tụng này xong, thấy chúng đệ tử mới tu học cắt tóc thọ lãnh Thánh giáo, có một trăm bảy mươi ức chúng sinh nguyện đạt được pháp tư duy quán xét, không vui thích đời sống tại gia, xin được xuất gia làm Sa-môn.

Phật bảo ba tụ chúng sinh:

– Ta nay nói về thế giới ở Đông Bắc, cách đây vô hạn vô lượng Hằng hà sa số cõi, có thế giới tên là Thanh Quang, Đức Phật ở nơi ấy hiệu là Minh Nguyệt. Dân chúng ở thế giới đó không có tâm dâm nộ si, cũng không có kiêu mạn, ngã mạn, bất như mạn, thường ưa thích an tịnh, vô vi, ngồi một mình, luôn giữ chánh niệm trước mặt, không loạn tưởng, dù có sấm sét thành linh, tâm vẫn không một chút dao động.

Bấy giờ, Đức Như Lai Diệu Giác đi đến thế giới ấy, an tọa trên đất. Chúng sinh nơi cõi ấy thấy Như Lai ngồi thiền cũng bắt chước làm theo.

Phật dùng thần lực với pháp vô tướng, quán trở lại tâm chúng sinh như dùng tay chuyển vật, khiến các chúng sinh kia biết hữu thường, vô thường, biết sự khổ của sinh, già, bệnh, chết.

Hoặc có chúng sinh thì khiến cho biết hữu niệm, hoặc có chúng sinh thì khiến cho biết hữu tri, hoặc có chúng sinh thì khiến cho biết hữu an, hoặc có chúng sinh thì khiến cho biết tự thủ.

Đức Phật muốn thể hiện công đức của bốn cảnh thiền, bèn ở trước ba tụ chúng sinh, từ Sơ thiền xuất ra nhập Nhị thiền, Tam thiền, Tứ thiền. Từ Tứ thiền khởi nhập Tam thiền, Nhị thiền, Sơ thiền. Từ Sơ thiền đến Tam thiền, từ Tứ thiền đến Nhị thiền. Đây gọi là Tam-muội Sư tử phần tán.

Đức Thế Tôn hiện định ý Tam-muội thần túc, hóa độ vô hạn vô lượng na-do-tha chúng sinh, khiến đều ở trước cầu đạt đạo Chánh chân vô thượng.

Có chúng sinh nguyện đạt được đạo quả Tu-đà-hoàn, Tu-đà-hàm, A-na-hàm, A-la-hán, pháp nhãn thanh tịnh đạt quả Phật-bích-chi.

Khi ấy, Đức Như Lai Diệu Giác bỗng nhiên biến mất khỏi thế giới kia.



Phẩm 10: GIÁO HÓA KHÔNG VÀ VÔ HÌNH

Bấy giờ, Đức Như Lai Diệu Giác xả thân hình trung ấm, nhập Tam-muội Hư không tạng, dùng tiếng gầm của Phật mà gầm lên tám loại âm thanh. Tám loại ấy là những gì?

Đó là: Không phải tiếng nam, không phải tiếng nữ, không phải tiếng dài, không phải tiếng ngắn, không phải tiếng hào quý, không phải tiếng ti tiện, không phải tiếng khổ, không phải tiếng cam lồ.

Lúc ấy, Đức Thế Tôn ẩn thân, không hiện bày, diễn xuất tám vạn bốn ngàn các độ vô cực. Những gì gọi là tám vạn bốn ngàn độ vô cực? Đó là: Tướng phi tướng có gốc khổ ưu về ái nhập kiết sử, như trăng bị mây che khuất. Hết thấy chúng sinh đều bị dục nhiễm trói buộc, dẫn dắt. Có bốn trăm bệnh trong một lần sinh và một lần diệt. Kẻ phạm tội ngũ nghịch muốn lìa địa ngục Nê-lê, đi thấy tám địa ngục, sợ hãi rùng mình, chân lông dựng đứng. Phương Tây, phương Nam, phương Bắc, phương Đông cũng như thế. Vì để cho chúng sinh nghe bằng âm hưởng nên Phật diễn nói các pháp.

Khi đó, ba tụ chúng sinh nghe tiếng nói trong hư không mà không thấy sắc, không thấy hình. Ở đó, Phật diễn nói các pháp, chúng đều tán thán:

– Lành thay! Chư Phật, giáo hóa bằng vô sắc, hình, thật khó nghĩ bàn!
Ba tụ chúng sinh dị khẩu đồng âm, đều ngược trông lên hư không, dùng tụng nói:

*Như Lai vốn tại đây
Ba mươi hai tướng tốt
Từ bi thương hết thấy
Nẻo nhuần thấm khó bàn.
Vì con nói diệu pháp
Thánh đạo tám chi phần*

Ấn hình nghe Thánh âm
 Vạn vật đều vô thường.
 Như Lai sắc hoàng kim
 Vốn có nay chẳng thấy
 Chỉ nghe từ âm hưởng
 Phật vô ngã, sao có.
 Cháp ngã gốc sinh tử
 Lưu chuyển mà chẳng trụ
 Chỉ vì sắc mê hoặc
 Phước diệt mà tội sinh.
 Như Lai – Đại Thánh Tôn
 Dạy người hành các pháp
 Bổng nhiên lia hình tướng
 Âm hưởng đến giáo hóa.
 Vì duyên tức mạng xưa
 Hình mất, pháp âm vọng
 Già chết sinh sầu khổ
 Bốn rấn mổ thân con.
 Đất chúng là thịt xương
 Nước là sự thấm ướt
 Lửa là sự khô ráo
 Gió là pháp phân tán.
 Không vương pháp ba thừa
 Là hữu nên tại hữu
 Tâm là cấu đã lâu
 Bốn chúng nên tồn tại.
 Như Lai – Đại Thánh Tôn
 Không bĩ thử bốn đại
 Thật nói có bốn chúng
 Lại cũng có bốn chúng.
 Thật nói không bốn chúng
 Lại cũng có bốn chúng
 Đây là pháp bất định
 Ai thấu hiểu tận cùng?

Đức Như Lai nhằm đáp lại âm thanh kia liền nói tụng:

Phật tử biết “Không” chẳng?
 Tất cả pháp vô thường

Người sinh vốn chẳng sinh
 Há vốn có duyên sinh?
 Tiếng Ta cùng tiếng người
 Khả đắc, không khả đắc
 Ta từ vô số kiếp
 Chẳng vì một chúng sinh.
 Mỗi niệm, mỗi hơi thở
 Độ ít nhưng không buồn
 Độ được nhiều vô số
 Cũng chẳng lấy làm vui.
 Ta vốn vì một người
 Tĩnh lặng chẳng độ người
 Duyên sau mà gặp người
 Chẳng mất thế nguyện xưa.
 Ở chốn Diêm-phù này
 Bốn họ, Sát-lợi hơn
 Trừ Bà-la-môn kia
 Chẳng dòng tộc nào bằng.
 Vốn nhờ quán pháp giới
 Sinh già bệnh chết khổ
 Ngã không, bỉ cũng không
 Cái gì có sinh tử?
 Nói rằng: sinh có gốc
 Sinh từ đâu mà sinh?
 Nếu biết gốc sinh tử
 Niết-bàn trước mặt Ta.
 Hiểu rõ pháp Niết-bàn
 Không Phật, cũng không ngã
 Pháp từ đâu mà sinh
 Pháp diệt đi về đâu?
 Phật dùng pháp chân thật
 Hiện bày tướng hữu – vô
 Nơi đây có sinh diệt
 Ngu mê được chánh kiến.
 Nói hữu cũng chẳng hữu
 Nói vô cũng chẳng vô
 Biến sinh tử luân chuyển

*Bị năm dục lôi kéo.
Không đuổi không bị roi
Tự rơi vực sinh tử
Nên mới biết tội phước
Biết việc hối không hối.*

Đức Thế Tôn nói tụng này rồi, có tám mươi bảy ức na-do-tha ba tụ chúng sinh hiểu rõ pháp không hình tướng, bèn phát tâm Bồ-đề cầu đạo quả Chánh chân vô thượng.



Phẩm 11: HỮU SẮC VÀ VÔ SẮC

Bấy giờ, nơi pháp tòa có vị Bồ-tát nghe trên không trung có tiếng của Như Lai, ngược nhìn lên cõi không tán thán:

– Lạ thay! Chỉ nghe âm thanh của Phật mà không thấy thân Phật. Sắc này vốn không phải là sắc. Dư âm này cũng như thế. Chúng sinh nơi cõi dục này khó có thể vượt khỏi dục. Phải nên dùng kiếm trí tuệ cắt đứt chúng, khiến không còn sinh khởi nữa. Ta vốn tu phạm hạnh, không phải là sự tạo tác của thân, miệng, ý; chẳng phải một cũng chẳng phải hai. Dục nơi ta từ nguoi sinh, do dục khiến ta bị đọa nơi ba đường dữ. Ta một niệm muốn diệt trừ các tướng, cũng không quá khứ, hiện tại và vị lai. Các Đức Như Lai quá khứ giáo hóa các loài chúng sinh; nói quá khứ không nói hiện tại, vị lai; nói hiện tại không nói quá khứ, vị lai; nói vị lai không nói quá khứ, hiện tại; hoặc nói có ba đời, hoặc nói không có ba đời.

Đức Thế Tôn muốn diễn giải lại ý nghĩa ấy nên nói tụng:

*Gốc sinh, già, bệnh, chết
Trần cấu các Như Lai
Vì cứu độ thế nhập
Sao người ở địa ngục.
Không như Đức Diệu Giác
Giáo hóa tại trung âm
Đó là vi diệu nhất
Thấp kém không sánh kịp.
Như người trì khát thực
Tùy người bố thí cho*

Người trì bát tư duy
 Là hữu, là vô chẳng?
 Chưa chứng nói là chứng
 Đó là gốc tà kiến
 Chánh pháp nói phi pháp
 Lưu chuyển trong năm vực.
 Chánh pháp phân biệt pháp
 Chẳng lỗi với pháp tánh
 Nếu không lỗi pháp tánh
 Đó là lời Phật dạy.
 Pháp tánh không ba việc
 Cũng không có ba thời
 Nếu nói là hiện tại
 Hiện tại là cái gì?
 Nếu nói là quá khứ
 Quá khứ là cái gì?
 Nếu nói là vị lai
 Vị lai là cái gì?
 Người rõ được pháp này
 Hiểu biết việc ba đời
 Rõ gốc không tưởng tạp
 Thuận hành theo Nhất thừa.
 Chúng sinh có duyên lành
 Được tế độ tất cả
 Giống như người mắc nợ
 Hết nợ thật vui mừng
 Trong ngoài tất thông đạt
 Vòng quanh không khiếp sợ.

Lúc ấy, Bồ-tát Đại Thế Chí, Quan Thế Âm thừa âm hưởng giáo hóa từ oai thần của Phật, liền dùng thần khẩu nói tụng:

Gốc sinh, già, bệnh, chết
 Trần cấu, các Như Lai
 Vì cứu độ thế nhập
 Xứ nào chẳng tới lui.
 Thầy ta Vô Lượng
 Thọ Vĩnh kiếp chẳng diệt tận
 Ta vốn có thế nguyện

*Vì sao người địa ngục.
 Chẳng như Diệu Giác Tôn
 Giáo hóa trong trung âm
 Đó là vi diệu nhất
 Thấp kém không thể sánh
 Ta nguyện sau thành Phật
 Không khác Diệu Giác Tôn.*

Bồ-tát Quan Thế Âm nói tụng này xong, có ba ức chúng sinh phát khởi đạo ý Chánh chân vô thượng.



Phẩm 12: HOAN HỖ

Bấy giờ, Đức Như Lai Diệu Giác nhập Tam-muội Tịch diệt, muốn du hành đến thế giới phương khác để xem rõ các chúng sinh cần được hóa độ. Chúng sinh ở đó số lượng nhiều không thể kể xiết, tâm vô cùng vui mừng, giống như Tỳ-kheo nhập pháp Tứ thiên, tâm ý an nhiên, không đói không khát, cùng tán thán:

– Lành thay! Sự giáo hóa không mất bản nguyện! Tâm tràn đầy hoan hỷ, Như Lai nói tụng:

*Sức thần túc Như Lai
 Là khổ không chấp hữu
 Phân thân độ khắp nơi
 Nhắm độ người có duyên.
 Hiện kiếp ngàn Đức Phật
 Néo hóa độ không khác
 Ở trong ba cõi trời
 Chánh pháp diệt phi pháp.
 Mở cửa pháp cam lồ
 Ngăn lấp ba đường ác
 Xưng dương trí tuệ lớn
 Dẹp bỏ gốc ngu si.
 Các pháp tự trang nghiêm
 Trong ngoài đều thanh tịnh
 Tâm từ, bi, hỷ, xả*

*Cùng khắp tất cả cõi
Thâu giữ thân, khẩu, ý
Vượt khỏi sinh, già, chết.*

Đức Thế Tôn nói tụng này xong, các phương trong ba ngàn đại thiên thế giới, ba tụ chúng sinh đầy khắp, vâng theo sự giáo hóa trong hư không đều phát tâm Bồ-đề, cầu đạt đạo quả Chánh chân vô thượng, đều hoan hỷ phụng hành, làm lễ lui ra.



SỐ 386

KINH LIÊN HOA DIỆN

Hán dịch: Đời Tùy, Tam tạng

Pháp sư Na Liên Đề Da Xá.

QUYỂN THƯỢNG

Tôi nghe như vậy:

Một thời, trước khi xả bỏ thọ mạng không lâu, Đức Phật ở tại một tòa lâu lớn nằm bên bờ ao Di-hầu, thuộc nước Tỳ-xá-ly.

Vào lúc đó, Đức Phật bảo Tôn giả A-nan:

– Ta muốn đến thành Ba-ba giáo hóa cho một vị trưởng giả tên Tỳ Sa Môn Đức. Ông hãy đi cùng Ta.

Tôn giả A-nan đáp:

– Vâng!

Tức thời A-nan liền đi theo Phật.

Khi chưa tới thành Ba-ba, gặp phải sông Bạt-đề, Phật nói với Tôn giả A-nan:

– Thân thể Ta mỗi một quá! Ta muốn xuống sông tắm.

Thế rồi Đức Thế Tôn cởi Uất-đa-la-tăng để trên bờ, xuống sông tắm.

Phật lại bảo Tôn giả A-nan:

– Ông có thể chí tâm quán thân Như Lai với ba mươi hai tướng tự trang nghiêm thân. Sau ba tháng nữa, Ta sẽ nhập Niết-bàn.

Rồi Phật bảo tiếp:

– Ông nên quán thân Như Lai như hoa Ưu-đàm, rất lâu mới hiện, biết bao năm tháng mới xuất hiện một lần, khó xuất hiện, khó nhìn thấy. Cũng vậy, thân Phật vượt trội hơn cả trăm ngàn vạn lần đóa hoa kia, khó xuất hiện, khó nhìn thấy. Thân đây, ba tháng sau sẽ không còn nữa.

Đức Phật lại bảo:

– Ông nên quán thân Như Lai giống như vòng hoa được người thợ

lấy các hoa xâu thành vòng. Tất cả màu sắc của hoa cùng với hương thơm kết lại thành vòng hoa. Vòng hoa ấy, ai cũng đều vui thích khi nhìn thấy cả. Thân Như Lai với ba mươi hai tướng tốt, tám mươi vẻ đẹp trang nghiêm, ánh sáng sắc vàng Diêm-phù-đề tỏa quanh thân một tầm, thân ấy ba tháng sau sẽ nhập Niết-bàn.

Đức Phật bảo tiếp:

– Này A-nan! Ông nên quán thân Như Lai giống như đất ở cõi trời Ba Mươi Ba, được trăm thứ quý báu trang nghiêm. Nơi ấy lại có cả mọi thứ âm nhạc rất vui vẻ. Hàng chư Thiên nơi cõi trời ấy không hề tạm xa rời đất đai quý báu kia cùng với âm nhạc trời, cũng không thể ghi nhớ hết sắc báu của đất ấy. Ba mươi hai tướng nơi thân Phật cũng vậy, không thể nào nhìn thấy hết. Vì sao? Vì tâm không thể buông rời khi quán mỗi mỗi tướng. Thân ấy ba tháng sau sẽ nhập Niết-bàn.

Đức Phật lại bảo:

– Này A-nan! Ông nên quán thân Như Lai giống như mặt trời mặt trăng, có đại oai đức, thân thông và ánh sáng, thể nhưng ở bên thân Phật chúng bị lấn át, không thể hiển hiện được. Vì thế, thân Phật tối tôn, tối thắng, vượt trội hơn cả mặt trời, mặt trăng. Thân như vậy sau ba tháng nữa sẽ nhập Niết-bàn.

Đức Phật lại bảo:

– Ví như sư tử là chúa trong các loài thú, như voi Đại-y-la-bát của Thiên Đế thích, là chúa trong các loài voi. Thân Phật cũng như vậy, đầy đủ uy lực lớn, đơn độc mà đi, không hề sợ hãi. Thân ấy, ba tháng sau sẽ nhập Niết-bàn.

Đức Phật lại bảo:

– Ông nên quán thân Như Lai như ngọn núi chúa Tu-di được hợp thành từ bốn thứ quý báu, ở giữa biển cả an trụ không động. Thể của núi chắc thật, không có một tí vết, một kẻ hở. Thân Như Lai hơn gấp cả trăm ngàn vạn lần sức Na-la-diên, không gì sánh bằng được. Thân ấy, sau ba tháng nữa sẽ nhập Niết-bàn.

Đức Phật lại bảo:

– Trong các hàng chúng sinh: không chân, hai chân, nhiều chân, có sắc, không sắc, có tướng, không tướng, phi hữu tướng, phi vô tướng, sắc thân Như Lai là tối tôn tối thắng. Thân như vậy, ba tháng sau sẽ nhập Niết-bàn.

Đức Phật lại bảo:

– Như trong tiểu thiên thế giới, ngàn mặt trời, ngàn mặt trăng, ngàn núi Tu-di, ngàn châu Phất-vu-đãi, ngàn châu Cù-da-ni, ngàn châu Uất-đan-việt, ngàn châu Diêm-phù-đề, ngàn Tứ Thiên vương, ngàn trời Tam Thập Tam, ngàn Thiên vương Đế Thích, ngàn trời Diệm Ma, ngàn Thiên vương Diệm Ma, ngàn trời Đâu-suất-đà, ngàn Thiên vương Đâu-suất-đà, ngàn trời Hóa Lạc, ngàn Thiên vương Hóa Lạc, ngàn trời Tha Hóa Tự Tại, ngàn Thiên vương Tha Hóa Tự Tại, ngàn trời Phạm Thân, ngàn Thiên vương Phạm Thân, các chư Thiên trong ấy muốn thấy trọn vẹn diện mạo của Như Lai, hoàn toàn không thể thấy được. Vì sao? Vì diệu quang của Như Lai như trăm ngàn ánh sáng tia chớp, vượt trội gấp cả trăm ngàn vạn lần mọi ánh sáng của thế gian. Thế nên, các hàng Đế Thích, Đại Phạm thiên v.v... thường ca ngợi ánh sáng thù thắng của Như Lai. Thân như vậy, sau ba tháng nữa sẽ nhập Niết-bàn.

Đức Phật lại bảo:

– Này A-nan! Ông chớ nên nghĩ: Do không dứt hết tham, sân, si nên Như Lai mới tự khen thân mình. Đối với thân Như Lai, mọi tham, sân, si cùng các tập khí hoàn toàn chấm dứt, không còn gì cả. Như vậy, này A-nan! Như Lai là đáng Ứng Cúng Chánh Biến Tri, có uy đức lớn. Với nhân duyên cung kính hầu hạ sinh thân của Như Lai, ông sẽ đạt được công đức không thể lường, không thể tính đếm, không thể nghĩ bàn, vô lượng vô biên a-tăng-kỳ.

Này A-nan! Nay ông có muốn nghe nhân duyên của chúng sinh đời vị lai cúng dường thân xá-lợi của Như Lai sau khi Như Lai diệt độ không?

Khi ấy, Tôn giả A-nan liền trích áo vai phải, gói phải quỳ sát đất, chắp tay bạch Phật:

– Bạch Thế Tôn! Nay thật chính đúng lúc. Thưa Đức Bà Già Bà! Cúi xin Ngài hãy vì con trình bày về những nhân duyên của các chúng sinh đã cúng dường thân xá-lợi của Như Lai sau khi Như Lai diệt độ. Nghe pháp này, con sẽ chí tâm thọ trì, rộng giảng nói cho mọi người.

Đức Phật bảo Tôn giả A-nan:

– Nay Ta sẽ nói, ông hãy khéo lắng nghe.

Này A-nan! Khi nhập Niết-bàn, Như Lai nhập vào Tam-muội Kim cang, nghiền nhỏ nhục thân giống như hạt cải.

Như thế, một phần xá-lợi hướng đến chư Thiên, lúc đó nhìn thấy xá-lợi, biết Phật Niết-bàn nên vua trời Đế Thích cùng các chư Thiên liền mưa

xuống các loại hoa trời: hoa Mạn-đà-la, hoa Ma-ha Mạn-đà-la, hoa Mạn-thù-sa v.v... cúng dường xá-lợi. Hễ ai thấy thân Phật mà lễ bái, nhiễu quanh theo bên phải thì có được căn lành của Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác, có được căn lành của Thanh văn, có được căn lành của Phật-bích-chi.

Một phần xá-lợi hướng tới thế giới loài rồng. Lúc đó nhìn thấy xá-lợi thân Phật, Long vương Ta-già-la cùng vô lượng chúng rồng thiết lễ trọng hậu cúng dường, đem vô lượng các loại vật báu như: Nhân-đà-la báu, Ma-ha Nhân-đà-la báu, hỏa châu báu, thanh thủy báu để cúng dường toái thân xá-lợi, rồi lễ bái nhiễu quanh theo hướng bên phải. Khi cúng dường xong, mỗi vị trong chúng rồng đều tự phát nguyện, có vị phát nguyện về Chánh đẳng Chánh giác vô Thượng, có vị phát nguyện Bồ-đề, Thanh văn, có vị phát nguyện Bồ-đề Phật-bích-chi.

Một phần xá-lợi hướng đến thế giới Dạ-xoa. Lúc đó, Tỳ-sa-môn vương cùng vô lượng Đại vương Dạ-xoa khác thấy toái thân xá-lợi liền đem vô lượng các thứ như: các loại hoa, hương bột, hương đốt, đèn sáng, âm nhạc v.v... cúng dường xá-lợi, rồi lễ bái, chấp tay cung kính nhiễu quanh theo chiều hướng bên phải. Trong chúng ấy có vị phát nguyện Đại Bồ-đề Vô thượng, có vị phát nguyện Thanh văn, có vị phát nguyện Phật-bích-chi.

Ngoài ra, những xá-lợi còn lại ở tại cõi Diêm-phù-đề.

Vào đời vị lai, có vị vua tên là A-thâu-ca thống lĩnh cõi Diêm-phù-đề. Vì muốn cúng dường xá-lợi, vị vua này đã cho xây dựng tám vạn bốn ngàn ngôi tháp, rồi đặt xá-lợi bên trong để cúng dường.

Tại cõi Diêm-phù-đề này lại có sáu vạn vị vua khác đem các vòng hoa, đủ các loại hương, đèn sáng, âm nhạc v.v... cúng dường toái thân xá-lợi, rồi cúng dường, lễ bái, cung kính đi nhiễu quanh theo chiều bên phải. Trong ấy có vị có được căn lành của Đại Bồ-đề Vô thượng, có vị có được căn lành của Thanh văn, có vị có được căn lành của Phật-bích-chi, có vị với lòng tin trong sạch đối với giáo pháp của Phật, liền bỏ nhà xuất gia, cạo bỏ râu tóc, mặc pháp phục, siêng năng tu đạo, chấm dứt mọi lậu hoặc, nhập vào Niết-bàn.

Như vậy, này A-nan! Như Lai Ứng Cúng Chánh Biến Tri có oai đức lớn lao, đem pháp thân ấy nương dựa vào sinh thân, do đó công đức đạt được do nhân duyên cúng dường xá-lợi của sinh thân thật là vô lượng vô biên a-tăng-kỳ, không thể tính đếm, không thể nói hết được.

Bấy giờ, Đức Như Lai nghĩ như vậy: “Trong ba a-tăng-kỳ kiếp, Ta chăm chỉ, chịu khó mới thành tựu được pháp Phật. Muốn cho pháp Phật

tồn tại lâu dài ở thế gian, Ta phải đến những nơi ở của các chư Thiên, A-tu-la, rồng, Càn-thát-bà, Ma-hầu-la-già phó chúc pháp Phật cho họ”.

Thế rồi Như Lai chợt biến khỏi cõi Diêm-phù-đề, xuất hiện tại cõi trời Ba Mươi Ba. Khi thấy Thế Tôn, vua trời Đế Thích liền bày tòa cao, kính thỉnh Như Lai, bạch:

– Bạch Thế Tôn! Cúi xin Thế Tôn nhận tòa này.

Bấy giờ, Đức Thế Tôn bèn ngồi lên tòa ấy. Vua trời Đế Thích cùng với số thiên chúng trăm ngàn vạn danh lễ nơi chân Phật rồi đứng sang một bên.

Phật bảo Đế Thích:

– Ông nên biết, không bao lâu nữa Ta sẽ nhập Niết-bàn. Hôm nay Ta đem giáo pháp của chư Phật giao phó cho ông, ông phải nhớ giữ gìn.

Đức Thế Tôn nói lên ba lần như vậy. Nghe thế, vua trời Đế Thích đau xót nghẹn ngào, ràn rụa nước mắt, lau lệ thưa:

– Thế Tôn! Vào Niết-bàn sao vội thế? Như Lai Niết-bàn sao quá mau chóng vậy? Con mắt pháp của thế gian kể từ nay vĩnh viễn chấm dứt. Theo lời Phật dạy thì với phần sức của con phải che chở, giữ gìn, cung kính cúng dường. Khi xưa, Như Lai ở cung trời Đâu-suất-đà giảng thần vào thai mẹ, lúc ấy con cùng với chúng trời Đạo-lợi thường bảo bọc, che chở. Đến khi Phật sinh, con cũng cùng với chư Thiên đến che chở, giữ gìn. Khi Như Lai ngồi bên gốc cây Bồ-đề phá tám ngàn vạn ức quân ma, đạt được đạo quả Bồ-đề Vô thượng, còn cùng với chư Thiên cũng thường che chở, giữ gìn. Khi Phật ở vườn Lộc-dã, trong nước Ba-la-nại, ba lần chuyển mười hai pháp luân, con cùng thiên chúng cũng thường che chở, giữ gìn. Thế mà nay con hoàn toàn không có khả năng để khiến cho Như Lai không nhập Niết-bàn, con hoàn toàn không có khả năng che chở.

Khi đó, bằng mọi cách, Đức Thế Tôn thuyết pháp khuyến dụ, an ủi, chỉ bày, làm lợi ích an vui cho Đế Thích cùng với chư Thiên, khiến họ giữ gìn giáo pháp của Phật.

Từ cung trời ấy, Như Lai biến mất và xuất hiện ở cung Long vương Ta-già-la. Thấy Như Lai hiện đến, Long vương liền bày tòa, Phật ngồi lên tòa, bảo Long vương:

– Ông nên biết, không bao lâu nữa Như Lai sẽ nhập Niết-bàn. Nay Ta đem giáo pháp của Phật giao phó cho ông. Ông phải nên che chở, giữ gìn, đừng khiến cho đoạn dứt. Long vương, ông nên biết, tại thế giới rồng này có những loại rồng ác sinh khởi nhiều sân hận, không biết tội phước.

Vì xấu ác, tàn bạo nên phá hoại giáo pháp của Ta. Thế nên, nay Ta đem giáo pháp của Phật giao phó cho ông.

Khi ấy, Long vương đau xót, nghẹn ngào, nước mắt đầm đìa, lau nước mắt mà thưa:

– Bạch Thế Tôn! Hàng rồng chúng con mù tối, không tuệ nhãn nên nay mới sinh vào loài súc sinh. Nếu Phật diệt độ, thế giới rồng sẽ trống không, chúng con sẽ chết, không biết mai sau sẽ sinh nơi đâu. Chư Phật Như Lai là vật báu của chúng sinh, vì sao nay lại nhập Niết-bàn? Con mắt thế gian đã phải chấm dứt rồi!

Lúc đó, Đức Thế Tôn chỉ bày, làm lợi ích an vui cho Long vương Ta-già-la, khiến che chở pháp Phật, rồi biến khỏi long cung này, xuất hiện ở cung Long vương Đức-xoa-ca. Long vương bày tòa cho Phật. Khi Phật ngồi lên tòa ấy xong, Long vương lại cùng trăm vạn ức rồng đánh lễ Phật rồi lui ra đứng một bên.

Phật bảo Long vương:

– Các ông nên biết, không bao lâu nữa Như Lai sẽ nhập vào cảnh giới vô lậu mà Niết-bàn. Nay Ta đem giáo pháp của Phật giao phó cho ông. Ông phải chí tâm che chở, giữ gìn.

Khi ấy, Long vương đau xót, nghẹn ngào, nước mắt đầm đìa, lấy tay lau nước mắt, thưa:

– Như Lai diệt độ, con mắt của thế gian đã mất. Chư Phật Như Lai là vật báu của chúng sinh. Nếu như Phật diệt độ, con không biết sẽ sinh nơi nào đây?

Phật liền dùng mọi cách thuyết pháp, chỉ bày khiến cho Long vương được sự lợi ích an vui, tức thời liền biến mất và xuất hiện ở cung Long vương Hắc-sắc. Khi đó, Long vương bày tòa cho Phật ngồi. Phật an tọa nơi tòa, Long vương Hắc-sắc cùng trăm vạn ức chúng rồng đánh lễ nơi chân Phật, rồi lui đứng một bên.

Phật bảo Long vương:

– Các ông nên biết, không bao lâu nữa Như Lai sẽ nhập Niết-bàn. Nay Ta đem giáo pháp của Phật giao phó cho ông. Ông phải chí tâm che chở, giữ gìn.

Nghe vậy, Long vương trong lòng đau xót, nghẹn ngào, nước mắt ràn rụa, lấy tay lau nước mắt rồi thưa:

– Như Lai diệt độ, con mắt thế gian đã mất. Chư Phật Như Lai là vật

báu của chúng sinh. Nếu Phật diệt độ, chúng con không biết sinh nơi nào đây?

Phật bèn thuyết pháp chỉ bày cho Long vương, khiến được sự lợi ích an vui, rồi liền biến mất và xuất hiện ở thế giới Dạ-xoa. Khi ấy, vua Tỳ-sa-môn trải tòa cho Phật. Phật ngồi yên nơi tòa, vua Tỳ-sa-môn cùng trăm vạn ức chúng Dạ-xoa đánh lễ nơi chân Phật, rồi lui đứng sang một bên.

Đồng thời có vua trời Tỳ-lâu-lặc-xoa cùng trăm vạn ức chúng Cưu-bàn-trà đánh lễ nơi chân Phật, rồi lui đứng một bên.

Vua trời Tỳ-lâu-bác-xoa cùng trăm vạn ức chúng rồng đánh lễ nơi chân Phật, rồi lui đứng một bên.

Vua trời Đề-đầu-lại-trá cùng trăm vạn ức chúng Càn-thát-bà đánh lễ nơi chân Phật, rồi lui đứng một bên.

Các đại tướng Dạ-xoa: Bát-chỉ-ca, Bàn-chiết-la, Diên-trà-ta-đa, Kỳ-lợi-tử, Ma-bạt-đa, Ma-ni-bạt-đa, Phú-na-bạt-đa v.v... các tướng Dạ-xoa như vậy cùng nhau đánh lễ nơi chân Phật, rồi lui đứng một bên.

Bấy giờ, Đức Phật bảo Tứ Đại Thiên vương cùng các tướng Dạ-xoa, tướng Càn-thát-bà, tướng Cưu-bàn-trà, các Long tướng:

– Các ông nên biết, không bao lâu nữa, Như Lai sẽ nhập Niết-bàn. Nay Ta đem giáo pháp của Phật giao phó cho các ông. Các ông nhớ phải giữ gìn cho thật tốt.

Đến lần thứ hai, lần thứ ba, Đức Thế Tôn cũng đều nói như vậy.

Các ông nên biết, trong nước Dạ-xoa có các Dạ-xoa ác, trong nước Cưu-bàn-trà có những Cưu-bàn-trà ác, trong nước Càn-thát-bà có các Càn-thát-bà ác, trong nước của loài rồng có các loại rồng ác. Các chúng sinh như vậy phần nhiều sinh khởi sân hận, không biết tội phước, làm việc tàn ác, bạo ngược, phá hoại pháp Phật vô thượng mà Ta đã chăm chỉ, chịu khó tu tập suốt ba a-tăng-kỳ kiếp. Thế nên, nay Ta mới giao phó cho các ông.

Nghe thế, từ Tứ Thiên vương cùng các tướng Dạ-xoa cho đến các Long tướng thấy đều đau xót, ghen ngào, nước mắt ràn rụa, lấy tay lau nước mắt mà nói:

– Thế Tôn Niết-bàn sao mau chóng vậy? Như Lai diệt độ sao mà vội thế?

Lúc đó, Đức Thế Tôn dùng mọi cách thuyết pháp, chỉ dạy khiến cho họ được sự lợi ích an vui, rồi lại biến mất và xuất hiện ở cõi Diêm-phù-đề.

Bấy giờ, Đức Thế Tôn nghĩ: “Nay Ta đã làm xong mọi việc. Các

chúng sinh ác nay đã được điều phục. Ta có thể an ổn nhập vào Niết-bàn tịch diệt”.

Đức Phật bảo Tôn giả A-nan:

– Sự sống chết đáng nhàm chán, không bao lâu nữa Ta muốn nhập Niết-bàn.

Lúc ấy, Tôn giả A-nan sinh đại khổ não, đau xót nghẹn ngào, nước mắt ràn rụa như bị mũi tên cắm vào tim, lão đảo thừa:

– Thế Tôn Niết-bàn sao mau chóng vậy? Như Lai diệt độ sao vội thế? Con mất thế gian đã mất, con sẽ phải cầm bát cho ai đây?

Con sẽ cầm quạt đứng bên cạnh ai đây? Con sẽ không còn được nghe pháp cam lồ nữa! Ai sẽ giảng nói pháp vị cam lồ cho con đây? Con sẽ phải đi sau ai đây? Con sẽ không còn thấy được khuôn mặt thù thắng tròn đầy như vàng nhật nguyệt nữa, các vị như Tôn giả Xá-lợi-phất v.v... là bậc đại trí tuệ đã nhập Niết-bàn rồi, nay Như Lai diệt độ, thế gian tối tăm đã mất đi con mất trí tuệ, ngọn núi trí chúa Tu-di nay sắp sụt lở, tan hoại; cây Phật sắp ngã, cầu pháp sắp đứt, thuyền pháp sắp chìm, ngọn đèn pháp sắp tắt, vàng nhật nguyệt chánh pháp sắp rơi xuống đất, cánh cửa giải thoát nay sắp bít lấp, cánh cửa ba nẻo ác nay sắp mở, pháp nhóm họp trong suốt ba a-tăng-kỳ kiếp không lâu sẽ mất đi!

Đức Phật bảo Tôn giả A-nan:

– Ông chớ nên ưu sầu, chớ nên khóc lóc, nghẹn ngào, lão đảo nơi đất. Vì sao? Sự sống nơi thế gian là pháp hữu vi, hợp – quy đều vô thường. Nếu muốn pháp này không mất, không hoại mà thường trụ, việc ấy không thể có.

Bấy giờ, Đức Thế Tôn dùng mọi phương cách thuyết pháp, an ủi, khuyến dụ, chỉ bảo, khiến cho được sự lợi ích an vui.

Khi giao phó tạng pháp xong, Đức Thế Tôn mặc nhiên an trụ.

Lúc này, Đức Thế Tôn lại nghĩ: “Tỳ-kheo A-nan đã bị sự sầu muộn khắc sâu vào tim. Ta phải dứt bỏ sự phiền muộn ấy cho Tôn giả”.

Rồi bảo Tôn giả A-nan:

– Ông có muốn thấy việc đời sau không? Ta thấy đời sau cũng như xem xét đời nay vậy. Ta sẽ nói cho ông rõ.

Khi ấy, Tôn giả A-nan trích áo bên phải, gối phải quỳ chạm đất, chấp tay hướng về Phật đánh lễ rồi thưa:

– Bạch Thế Tôn! Nay thật đúng lúc, xin hãy vì con mà giảng nói.

Nghe pháp rồi, con sẽ vâng theo, giữ gìn, trình bày, lưu hành khắp nơi.

Phật bảo Tôn giả A-nan:

– Hãy chí tâm lắng nghe. Ta sẽ nói: Này A-nan! Vào đời sau, có các Tỳ-kheo phá giới, mình mang ca-sa đi vào các thành ấp, qua lại nơi xóm làng, ở nơi nhà người. Họ chẳng phải là Tỳ-kheo, cũng chẳng phải là hàng bạch y, họ chăm nom, nuôi nấng vợ con.

Lại có Tỳ-kheo ở nơi nhà dâm nữ.

Lại có Tỳ-kheo dâm dục với Tỳ-kheo-ni.

Lại có Tỳ-kheo tự nuôi sống bản thân bằng cách chứa nhóm vàng bạc, tạo dựng sự nghiệp.

Lại có Tỳ-kheo tự nuôi sống bản thân bằng cách nhận lãnh sứ mạng thông tin, liên lạc.

Lại có Tỳ-kheo tự nuôi sống bản thân bằng cách chuyên làm nghề thuốc.

Lại có Tỳ-kheo tự nuôi sống bản thân bằng cách đánh bài đánh bạc.

Lại có Tỳ-kheo tự nuôi sống bản thân bằng cách xem bói cho người.

Lại có Tỳ-kheo tự nuôi sống mình bằng cách vì người mà tạo phũ chú khiến cho thầy chết sống dậy, rồi sai đi giết kẻ mình oán.

Lại có Tỳ-kheo vì người tụng chú xua đuổi quỷ thần, lấy nhiều tài vật để nuôi sống cho mình.

Lại có Tỳ-kheo tự nuôi sống bản thân bằng cách chuyên làm việc giết hại.

Lại có Tỳ-kheo tự nuôi sống mình bằng cách ở Tăng-già-lam mà riêng tư lạm dụng vật của Phật, Pháp, Tăng.

Lại có Tỳ-kheo bên trong thật phạm giới, bên ngoài giả bộ trì để nhận sự bố thí của người có lòng tin.

Lại có Tỳ-kheo tuy không phá giới, nhưng ôm lòng bòn xén về đồ ăn mặc cho đến giấu giếm vật của chúng Tăng, không cho khách Tăng.

Lại có Tỳ-kheo tuy không phá giới nhưng lại giấu giếm phòng xá, giường ghế của chúng Tăng, không trao cho khách tăng.

Lại có Tỳ-kheo tuy không phá giới nhưng chỉ muốn tự mình hưởng những tài lợi do đàn việt cúng dường lễ bái, trong lòng không muốn cho những Tỳ-kheo khác cùng hưởng tứ sự bố thí của những người có lòng tin này.

Lại có Tỳ-kheo thật chẳng phải là La-hán nhưng vì muốn khiến cho mọi người biết ta là bậc La-hán nên thường dối trá xưng là đạt được quả vị La-hán.

Lại có Tỳ-kheo nhận nhiều tứ sự cúng dường của đàn việt, nhưng bên trong lại không có thật đức, chỉ tăng thêm lòng tham, đều vì mạng sống mà không vì tu đạo.

Lại có Tỳ-kheo tự nuôi sống mình bằng cách kiếm lợi từ việc buôn bán.

Lại có Tỳ-kheo tự nuôi sống mình bằng việc chuyên đi trộm cướp.

Lại có Tỳ-kheo tự nuôi sống mình bằng cách chăn nuôi voi, ngựa, lạc đà, lừa, trâu, dê, cho đến việc buôn bán.

Lại có Tỳ-kheo tự nuôi sống mình bằng cách buôn bán nô tỳ.

Lại có Tỳ-kheo tự nuôi sống mình bằng cách làm đồ tể giết trâu, dê.

Lại có Tỳ-kheo nhận lời mời nhập trận, chinh chiến thảo phạt, giết nhiều người để cầu sự tướng thưởng trọng hậu.

Lại có Tỳ-kheo tự nuôi sống mình bằng cách đục khoét tường vách trộm cắp tài vật của người.

Lại có Tỳ-kheo tự nuôi sống mình bằng cách chuyên làm việc chiếm đoạt, đánh phá thành ấp, xóm làng.

Lại có Tỳ-kheo tự nuôi sống mình bằng cách hủy hoại tháp Phật để lấy vật báu trong đấy.

Với vô lượng nhân duyên địa ngục như vậy, sau khi chết họ sẽ phải bị đọa vào địa ngục.

Này A-nan! Chẳng khác nào mạng sống của sư tử chấm dứt, thân chết đi, hết thảy mọi loài chúng sinh hoặc ở trong không trung, hoặc ở trong đất, hoặc ở dưới nước, hoặc trên bờ cũng đều không dám ăn thịt sư tử này. Duy chỉ những côn trùng sinh từ thân sư tử trở lại ăn thịt của sư tử.

Này A-nan! Pháp Phật của Ta không ai có khả năng hủy hoại mà là do các Tỳ-kheo ác trong giáo pháp của Ta giống như gai độc, phá hoại Phật pháp mà Ta đã tích góp hạnh chăm chỉ, chịu khó chứa nhóm trong suốt ba a-tăng-kỳ kiếp.

Này A-nan! Ví như có người vào biển lớn, đi đến hòn đảo có của báu, lấy nhiều vật báu đem để trên thuyền rồi muốn vượt qua biển lớn, nhưng giữa dòng thì bị đắm chìm. Chánh pháp của Phật giống như thuyền chở vật báu kia. Các Tỳ-kheo phá giới ở đời sau phần nhiều ưa tạo ra các nghiệp

ác, diệt pháp Phật của Ta, làm cho chìm đắm không xuất hiện.

Này A-nan! Không bao lâu sau khi Như Lai nhập Niết-bàn, chánh pháp sẽ rối loạn. Khi chánh pháp đã rối loạn, có những Tỳ-kheo ác xuất hiện ở đời, không tin Như Lai đã đạt chứng Niết-bàn, tịch diệt vô lậu, huông gi lại tin có người ở thế gian đạt được quả vị A-la-hán, nhập vào Niết-bàn.

Này A-nan! Mọi chánh pháp của Như Lai gọi là vị cú nghĩa (câu nghĩa thâm diệu) bao gồm: Tu-đa-la, Kỳ-dạ, Bì-ca-hạt-la, Ca-đà, Ưu-đà-na, Ni-đà-na, A-ba-đà-na, Y-đế-tỷ-lợi-đa-già, Xà-đa-ca, Tỳ-phật-lược, A-phù-đà-đạt-ma, Ưu-ba-đề-xá. Mười hai bộ loại kinh đây là những gì mà các Tỳ-kheo ác nhằm hủy diệt. Những người này ưa viết văn chương, trau chuốt ngôn từ. Có nhiều Tỳ-kheo ác như vậy phá hoại pháp Phật của Ta.

Bấy giờ, Tôn giả A-nan bạch Phật:

– Bạch Thế Tôn! Vào đời sau, có những Tỳ-kheo ác phá giới như vậy xuất hiện ở đời chăng?

Phật đáp:

– Đúng vậy. Đúng vậy! Này A-nan! Đời sau sẽ có những Tỳ-kheo ác như vậy xuất hiện ở đời. Mặc dù hình thức mặc pháp phục, cạo bỏ râu tóc nhưng lại phá hoại pháp Phật của Ta.

Khi ấy, Tôn giả A-nan nghĩ: “Dựa vào thần lực của Phật, có thể khiến ta thấy được những việc như vậy ở đời sau không?”.

Lúc đó, Như Lai dùng sức thần thông khiến cho Tôn giả A-nan thấy được các Tỳ-kheo ác ở đời sau với việc: Con nhỏ ngồi trên đầu gối, vợ ngồi bên cạnh. Lại thấy tất cả mọi việc phi pháp.

Khi thấy những việc như thế, lòng hết sức sợ hãi đến nổi lông trên thân đều dựng đứng. Tôn giả A-nan liền bạch Phật:

– Bạch Thế Tôn! Nay chính là lúc Như Lai sắp nhập Niết-bàn, tại sao Thế Tôn lại cho thấy những việc xấu ác như vậy ở đời sau này?

Phật bảo Tôn giả A-nan:

– Ông nghĩ sao? Như Lai nói về những quả báo nơi nghiệp ác của các Tỳ-kheo, lẽ nào có người khác biết được chăng?

Tôn giả A-nan đáp:

– Bạch Thế Tôn! Duy chỉ có Như Lai mới có khả năng biết được các nghiệp báo ác nơi đời sau này mà thôi.

Phật nói:

– Này A-nan! Đúng như ông nói, chỉ có Như Lai mới có khả năng

biết được việc đó. A-nan! Nay ông có thấy khi chưa Niết-bàn, với các Tỳ-kheo ác vây quanh, Như Lai có vì họ mà thuyết pháp không?

Tôn giả A-nan đáp:

– Không có việc như vậy. Phật nói:

– Nay A-nan! Thật tốt thay! Đúng như ông nói, hiện tại Như Lai thật sự không có những Tỳ-kheo ác như vậy vây quanh, nên Phật Như Lai vì họ mà thuyết pháp. Nay A-nan! Vào đời sau, phần nhiều hàng tại gia bạch y được sinh lên cõi trời, phần nhiều hàng xuất gia lại bị đọa nơi địa ngục, nga quý, súc sinh. Nay A-nan! Nghiệp thiện, nghiệp ác hoàn toàn không tiêu mất. Xưa kia, Ta từng làm vị thương chủ đi vào biển cả sống với nhiều người, vì tự tay giết một mạng người nên do nghiệp duyên ấy, mãi đến khi thành Phật rồi, thân vẫn còn chịu quả báo của kim cương.

Khi ấy, có vua trời Đế Thích cùng với chúng trời Ba Mươi Ba vội vã đến chỗ Phật, đánh lễ rồi lui đứng một bên.

Có vua trời Diêm-ma cùng trăm vạn ức chúng trời Diêm-ma vội vã đến chỗ Phật, đánh lễ rồi lui đứng một bên.

Có vua trời Đâu-suất-đà cùng trăm vạn ức chúng trời Đâu-suất – đà vội vã đến chỗ Phật, đánh lễ rồi lui đứng một bên.

Có vua trời Hóa Lạc cùng trăm vạn ức chúng trời Hóa Lạc vội vã đến chỗ Phật, đánh lễ rồi lui đứng một bên.

Có vua trời Tha Hóa Tự Tại cùng trăm vạn ức chúng trời Tha Hóa Tự Tại vội vã đến chỗ Phật, đánh lễ rồi lui đứng một bên.

Lại có vua A-tu-la là Tỳ-ma-chất-đa-la cùng trăm vạn ức chúng A-tu-la vội vã đến chỗ Phật, đánh lễ rồi lui đứng một bên.

Có Long vương Ta-già-la cùng trăm vạn ức Long chúng cũng đều vội vã đến chỗ Phật, đánh lễ rồi lui đứng một bên.

Vì muốn thấy Như Lai lần cuối cùng, ngay trong khoảnh khắc một niệm, một sát-na, một vô hū luật đa, các hàng trời, A-tu-la, Ca-lâu-la, Càn-thát-bà, Khẩn-na-la, Ma-hầu-la-già đã cùng nhau đến trụ trong không trung đầy khắp cả mười hai do-tuần.

Bấy giờ, Phật bảo Tôn giả A-nan:

– Cây Bồ-đề ở đạo tràng này là tối thắng thù diệu. Chư Phật quá khứ đều ngồi nơi đây mà chứng được đạo quả Chánh giác Vô thượng. Chư Phật vị lai cũng ngồi nơi đây mà chứng được đạo quả Chánh giác Vô thượng. Thân Ta hiện tại lại ngồi nơi đây phá tan mười tám ức quân ma, đắc đạo

quả Chánh giác Vô thượng. Như vậy, này Tôn giả A-nan! Không bao lâu nữa, Ta sẽ Niết-bàn.

Lại bảo Tôn giả A-nan:

– Vườn Lâm-tỳ-ni tối thắng tối diệu là nơi sinh cuối cùng của chư Phật Như Lai.

Lại bảo:

– Phu nhân Ma-da là người đại phước đức nên mới sinh ra bậc quý báu trong loài người.

Lại bảo:

– Quốc vương Tịnh Phạn là người đại phước đức nên mới làm cha một bậc quý báu, tối thắng trong tất cả các chúng sinh.

Lại bảo:

– Thành Tỳ-xá-ly của nước Tỳ-thị-ly là nơi tối thắng tối diệu. Đại thành Vương-xá của nước Ma-kiệt-đà là nơi tối thắng tối diệu. Nơi cây Thất-am-ba-la cũng thắng diệu. Nơi cây Cù-đam-ma-nhược, Ni-câu-đa cũng rất thắng diệu. Nơi nghỉ ngơi ở Bù-la-đa, Đâu-la-đa, Đâu-la-ni cũng rất thắng diệu. Nơi Lực sĩ sinh chính là nơi Chuyển luân Thánh vương thời quá khứ cỡi bỏ thiên quan báu, tại nơi đây an trí quả Phật-bích-chi, là nơi tối thắng diệu của phần thân Ta.

Lại bảo:

– Cõi Diêm-phù-đề là nơi tốt đẹp tối thắng. Chúng sinh trong ấy tham ưa mạng sống, thế nên nay Ta Niết-bàn nơi đây. Những giáo pháp mà Ta chứa nhóm trong ba a-tăng-kỳ kiếp, không bao lâu sẽ bị diệt mất.

Bấy giờ, Đức Thế Tôn an ủi, dẫn giải Tôn giả A-nan, khiến tâm ông được vui vẻ trừ bỏ mọi vương vấn của sáu căn.

Khi phó chúc pháp xong, Phật bảo Tôn giả A-nan:

– Nay ông hãy cùng Ta đi qua các nước.

Tôn giả A-nan vâng lời.

Bấy giờ, Đức Thế Tôn đến thành Ba-ba. Những người đáng được độ, Phật đã độ xong. Rồi lại đi qua các nước, giáo hóa, thành tựu cho vô lượng trăm ức na-do-tha chúng sinh khác.

Tôn giả A-nan đi theo Phật, cứ như vậy lần lượt đến cây Bồ-đề, nơi đạo tràng ở nước Ma-già-đà. Đức Thế Tôn đi nhiều quanh cây sáu vòng, rồi ngồi kiết già bên cội cây.

Phật bảo Tôn giả A-nan:

– Không bao lâu, sau mười lăm ngày Như Lai sẽ nhập Niết-bàn. Khi ấy, những hàng trời, A-tu-la, Ca-lâu-la, Càn-thát-bà, Khẩn-

na-la, Ma-hầu-la-già đều nghĩ: “Không bao lâu, sau mười lăm ngày nữa, Như Lai sẽ nhập Niết-bàn. Chúng ta nên lễ bái lần cuối cùng”.

Phật bảo Tôn giả A-nan:

– Ông chớ nên nghĩ cho Phật Thế Tôn có tham, sân, si mà ca ngợi cõi Diêm-phù-đề này. Như Lai là người đã lìa bỏ tham, sân, si. Ba cõi đây là nơi các chúng sinh sinh vào. Trong ba cõi, đây là cõi Dục. Các chúng sinh nơi đó quen tạo ba nghiệp ác, lại tạo nghiệp thân người cùng với trời, lại tạo nghiệp cõi Sắc và cõi Vô sắc. Thậm chí cả đến nghiệp Phi tưởng và phi phi tưởng.

Nói xong, Phật bèn đứng dậy, tức thời cõi đất chấn động đủ sáu cách. Vô lượng trăm ngàn vạn ức na-do-tha chư Thiên ở trên không trung sầu khóc, nói:

– Như vậy, sẽ không bao lâu vật báu trong chúng sinh sẽ diệt mất!



KINH LIÊN HOA DIỆN

QUYỂN HẠ

Bảy giờ, Đức Thế Tôn rời khỏi cây Bồ-đề. Vua trời Tỳ-sa-môn và trăm vạn ức chúng Dạ-xoa cùng lúc khóc rống lên, nước mắt ràn rụa, lấy tay lau nước mắt và nói kệ:

*Dung sắc Như Lai rất vi diệu
Vượt hơn chúng sinh, không ai bằng
Như vậy trang nghiêm thân đặc biệt
Không bao lâu nữa sẽ diệt độ!*

Vua trời Đế Thích và trăm ngàn ức chúng trời Ba Mươi Ba cùng lúc òa khóc, nước mắt ràn rụa nói kệ:

*Diện tướng Như Lai thật đầy đặn
Hình sắc thù thắng như nhật nguyệt
Hết thấy trời, người đều cúng dường
Chúng con không được thấy nữa rồi!*

Vua trời Tu-diêm-ma và trăm vạn ức chúng trời Tu-diêm-ma cùng lúc òa khóc, nước mắt ràn rụa, lấy tay lau nước mắt nói kệ:

*Nhân trung tinh tấn hùng mạnh nhất
Thần lực phá tan các quân ma
Thích sư tử trong giòng cam giá
Nay bị vô thường nuốt mất rồi!*

Vua trời San-đâu-suất-đà và trăm vạn ức chúng trời San-đâu-suất-đà cùng nhau òa khóc, nước mắt đầm đìa, lấy tay lau nước mắt nói kệ:

*Người nhìn không chán, như vua thuốc
Xuất thế giống như đèn sáng lớn
Trí nhãn như vậy nay diệt độ
Thế gian sẽ trở lại tối tăm!*

Vua trời Hóa Lạc và trăm vạn ức chúng trời Hóa Lạc cùng nhau òa khóc, nước mắt ràn rụa, lấy tay lau nước mắt, nói kệ:

Bước đi vững chắc hơn sư tử

*Diện mạo tròn đầy vượt vàng trắng
Đi không mang dép trên mặt đất
Vết tướng “ngàn hoa” không thấy nữa!*

Bấy giờ, vua ma và chúa trời Tha Hóa Tự Tại hết sức vui mừng an ổn, sung sướng, cùng với trăm vạn ức chúng trời Tha Hóa Tự Tại vội vã đến chỗ Phật, chấp tay hướng Phật, nói kệ:

*Các chúng sinh ác đã điều phục
Tất cả cấu uế không còn nữa
Tại sao còn trụ ở thế gian
Xin Phật hãy mau nhập Niết-bàn!*

Lúc đó, vua trời Đại Phạm tức giận Ma vương, nói:

– Đây Ma vương, kẻ đại ác! Chư Phật Như Lai là vật báu tối thắng, nay tại sao ông lại muốn cho Thế Tôn mau chóng Niết-bàn?

Vua trời Đại Phạm và trăm vạn ức chúng Phạm thiên cùng nhau òa khóc, nước mắt đầm đìa, lấy tay lau nước mắt nói kệ:

*Ngay hiện tại này cùng vị lai
Thế giới Phạm thiên cùng nơi khác
Chưa từng được thấy thân của
Phật Khuôn mặt đoan nghiêm đầy thanh tịnh!*

Vua A-tu-la Tỳ-ma-chất-đa-la và trăm vạn ức chúng A-tu-la cùng nhau òa khóc, nước mắt đầm đìa, lấy tay lau nước mắt nói kệ:

*Công đức sắc Phật không lường được
Bao la, vô tận, thật vô cùng
Lợi ích Tu-la và nẻo khác
Nay nếu diệt độ, thế gian không!*

Long vương Ta-già-la và trăm vạn ức Long chúng cùng nhau òa khóc, nước mắt đầm đìa, lấy tay lau nói kệ:

*Voi Doãn-la-bát nhiều cả ngàn
Không bằng một lực của Như Lai
Như vậy bậc đại lực hùng mạnh
Nay đã bị vô thường hủy hoại!*

Vua trời Tỳ-lâu-lặc-xoa và trăm vạn ức chúng Curu-bàn-trà cùng nhau òa khóc, nước mắt đầm đìa, lấy tay lau rồi nói kệ:

*Kính ngưỡng hoa sen báu đại giá
Sinh từ ao giới thanh tịnh kia*

*Thị hiện tướng vô thường không lâu
Nay sẽ nghiêng, rơi hẳn tịch diệt!*

Vua trời Tỳ-lâu-bác-xoa và trăm vạn ức Long chúng cùng nhau òa khóc, nước mắt đầm đìa, lấy tay lau rồi nói kệ:

*Khuôn mặt Như Lai như trăng tròn
Ánh sáng chói lọi như ánh dương
Như vậy ở đời không lâu nữa
Hiện bị vô thường nuốt ăn đi!*

Vua trời Tỳ-sa-môn và trăm vạn ức chúng Dạ-xoa cùng nhau òa khóc, nước mắt đầm đìa, lấy tay lau rồi nói kệ:

*Thân Phật sắc vàng rất thù diệu
Ba mươi hai tướng tự trang nghiêm
Chẳng lâu sẽ bị các vô thường
Hủy hoại thanh tịnh đại Mâu-ni!*

Vua trời Đề-đầu-lại-trá và trăm vạn ức Long chúng cùng nhau òa khóc, nước mắt đầm đìa, lấy tay lau rồi nói kệ:

*Sắc thân Như Lai thật hiếm có
Ngay trong ba cõi không gì bằng
Như vậy không lâu sẽ diệt độ
Vì bị vô thường trói buộc rồi!*

Đại tướng Dạ-xoa tên Bàn-chỉ-ca cùng với trăm vạn ức chúng Dạ-xoa cùng nhau òa khóc, nước mắt đầm đìa, lấy tay lau rồi nói kệ:

*Tiếng Phật thù thắng như Phạm thiên
Vượt hơn tiếng Ca-lăng-tần-già
Không lâu Như Lai sẽ Niết-bàn
Không còn được nghe pháp cam lồ!*

Đại tướng Dạ-xoa tên Bàn-giá-la cùng với trăm vạn ức chúng Dạ-xoa cùng nhau òa khóc, nước mắt đầm đìa, lấy tay lau rồi nói kệ:

*Sắc vàng Như Lai tỏa sáng thân
Công đức trang nghiêm mặt trăng tròn
Giữa mây lông trắng, tướng thù đặc
Nay con quy mạng lễ cuối cùng!*

Đại tướng Dạ-xoa tên Ma-ni-bạt-đà-la cùng với trăm vạn ức chúng Dạ-xoa cùng nhau òa khóc, nước mắt đầm đìa, lấy tay lau, nói kệ:

Với ba mươi hai tướng thượng diệu

*Tám mươi vẻ đẹp tự trang nghiêm
Sẽ bị vô thường, chúa kim cang
Đập tan đại Thánh đáng Mâu-ni!*

Đại tướng Dạ-xoa tên Phú-na-bạt-đà cùng với trăm vạn ức chúng Dạ-xoa cùng nhau òa khóc, nước mắt đầm đìa, lấy tay lau rồi nói kệ:

*Tất cả Phật trong đời quá khứ
Cùng các Thế Tôn ở vị lai
Họ Thích mạnh mẽ, chúa sư tử
Đã bị vô thường hãm hại rồi!*

Đại tướng Dạ-xoa tên Ma-sĩ-lợi-địa-ca cùng với trăm vạn ức chúng Dạ-xoa cùng nhau òa khóc, nước mắt đầm đìa, lấy tay lau rồi nói kệ:

*Nay con lần cuối thấy Mâu-ni
Thế rồi không còn được hầu hạ
Lần cuối đánh lễ tướng ngàn hoa
Vân hoa bàn chân in mặt phẳng!*

Đại tướng Dạ-xoa tên Khư-đà-la-ca cùng với trăm vạn ức chúng Dạ-xoa cùng nhau òa khóc, nước mắt đầm đìa, lấy tay lau rồi nói kệ:

*Ôi thôi, tướng vô thường đại ác
Hủy hoại tất cả các chúng sinh
Báu vật vô thượng của muôn loài
Cũng vào tịch diệt, không trụ lâu!*

Đại tướng Dạ-xoa tên Kim-kỳ-la cùng với trăm vạn ức chúng Dạ-xoa cùng nhau òa khóc, nước mắt đầm đìa, lấy tay lau rồi nói kệ:

*Nay con quy y lạy cây Phật
Phát sinh nơi đại địa trì giới
Chính bị búa rìu của vô thường
Không lâu đón ngã đại Mâu-ni!*

Đại tướng Dạ-xoa tên Ta-đa-kết-lợi cùng với trăm vạn ức chúng Dạ-xoa cùng nhau òa khóc, nước mắt đầm đìa, lấy tay lau rồi nói kệ:

*Tướng lông trắng giữ mày
Chiếu sáng như vầng nguyệt
Mắt tịnh như sen xanh
Hiếm có, sẽ không thấy!*

Địa Thần Thiên cùng với trăm vạn ức chúng Dạ-xoa òa khóc, nước mắt ràn rụa, lấy tay lau rồi nói kệ:

*Nay con lạy hùng mãnh
Tối thắng nơi hàng người
Tối thượng trong (loài) hai chân
Kính ngưỡng đại Mâu-ni!*

Bồ Đề Thọ Thiên òa khóc, nước mắt đầm đìa, lấy tay lau rồi nói kệ:

*Nơi đây trừ vua ma
Cùng phá quyến thuộc ma
Đại Mâu-ni không lâu
Bị ma vô thường diệt!*

Thần Kỳ Lâm òa khóc, nước mắt đầm đìa, lấy tay lau nước mắt rồi nói kệ:

*Rừng kỳ thần sẽ không
Rừng trúc cũng như vậy
Hố vô thường cực sâu
Như Lai vào không hiện!*

Kim-cang-mật-tích cùng với trăm vạn ức chúng Dạ-xoa òa khóc, nước mắt đầm đìa, lấy tay lau rồi nói kệ:

*Thành tối thắng như vậy
Cũng là nơi tốt tươi
Bỏ dòng họ Thích-ca
Sẽ hướng nơi nào đây?*

Thần rừng Lâm-tỳ-ni òa khóc, nước mắt đầm đìa, lấy tay lau rồi nói kệ:

*Quốc vương Tịnh Phạn trước đã diệt
Phu nhân Ma-da cũng diệt độ
Như Lai nay muốn nhập Niết-bàn
Như vậy tịch diệt không thể thấy!*

Thần thành Ca-tỳ-la vội vã đến chỗ Phật, òa khóc nức nở, chệnh choạng, nói:

– Như Lai Niết-bàn sao quá vội? Thế Tôn Niết-bàn sao quá nhanh?
Con mất thế gian bị diệt mất.

Rồi nói kệ:

*Vườn Lâm-tỳ-ni – nơi Phật sinh
Lớn lên ở nơi thành Ca-tỳ
Ánh sáng tỏa vượt hơn ngàn nhật*

Nay thấy lần cuối, không thấy nữa!

Thần cây Bồ-đề cùng các chúng chư Thiên, A-tu-la, Ca-lâu-la, Khẩn-na-la, Ma-hầu-la-già ở trong không trung phát ra âm thanh lớn cùng nhau òa khóc, rồi nói:

– Phật là báu vật tối thắng của chúng sinh, không bao lâu sẽ mất! Bây giờ, Đức Thế Tôn cất lên Phạm âm nói với các hàng chư

Thiên, A-tu-la, Ca-lâu-la, Khẩn-na-la, Ma-hầu-la-già:

– Các người chớ nên khóc, chớ nói những lời khác, chớ sinh ưu não, rồi lấy tay đập ngực khiến tâm hỗn loạn. Tại sao có thể gian, người thọ sinh do nhân duyên của pháp hữu vi hòa hợp mà được sống lâu? Nếu ai muốn cưỡng lại sự hoại diệt của pháp vô thường thì chuyện đó hoàn toàn không có.

Thế rồi Đức Thế Tôn chỉ dạy, làm cho các chúng trời, A-tu-la, Ca-lâu-la, Khẩn-na-la, Ma-hầu-la-già được sự lợi ích an vui. Khi đã phát sinh lòng vui mừng, các chúng trời cho đến Ma-hầu-la-già đi nhiễu quanh bên phải Đức Thế Tôn rồi trở về chỗ cũ.

Phật bảo Tôn giả A-nan:

– Khi xưa, lúc Ta ở chỗ Long vương A-ba-la, Ta ghi nhớ nước Kế-tân. Sau khi Ta Niết-bàn, tại nước này phát triển mạnh mẽ, yên ổn, giàu có, giống như cõi Uất-đan-la-việt. Pháp Phật rất hưng thịnh, rất nhiều vị La-hán ở tại đây, cũng có vô lượng các đệ tử của Như Lai. Hết thấy các vị La-hán trong cõi Diêm-phù-đề đều đi đến nước này. Nơi ấy chẳng khác nào nơi cõi trời Đâu-suất. Như Lai có mọi danh thân, cú thân: Tu-đa-la, Kỳ-dạ, Bỉ-ca-hạt-la-na, Già-tha, Ưu-đà-na, Ni-đà-na, A-ba-đà-na, Y-đề-tỷ-lợi-đa-kiến, Già-xà-đa-ca, Tỳ-phật-lược, A-phù-đà-đạt-ma, Ưu-ba-đề-xá. Các vị La-hán ấy cùng nhau kết tập mười hai bộ loại kinh điển của Như Lai rồi tạo ra rộng rãi các bộ luận.

Nước Kế-tân ấy giống như khu vườn Hoan-hỷ của Đế thích, cũng như ao trong mát A-nậu. Lại có những vị: Phả-la-đọa, Thệ-tân-đầu-lâu v.v... đang sông vui vẻ tại nước Kế-tân. Những vị không còn thoái chuyển đối với Phật thừa, những vị A-la-hán cũng ở tại nước này.

Lại có A-la-hán Nhân-đà-la-ma-na, A-la-hán Bạch-hạn v.v... đối với pháp tạng - hữu lậu, vô lậu - Như Lai giảng nói, những vị ấy thấy đều lựa chọn nhóm, tập lại để truyền bá rộng rãi.

Tôn giả A-nan! Sau khi Niết-bàn, pháp thân tối hậu của Ta được những vị ấy kiến lập ở đời vị lai. Về sau, có năm vị Thiên tử là: Kim-tỳ-la

v.v... sinh ra ở nước Kế-tân, truyền bá rộng rãi giáo pháp của Ta ở đời, thiết lập một cách trọng hậu để cúng dường. Các đệ tử của Ta ở cõi Diêm-phù-đề chưa từng nghe đại hội nào như vậy.

Phật bảo Tôn giả A-nan:

– Nước Kế-tân ở đời vị lai sẽ tạo ra pháp hội lớn như thế. Nay A-nan! Sau khi năm Thiên tử kia diệt độ, có một đệ tử của ngoại đạo Phú-lâu-na tên Liên-hoa-diện, sắc thân màu vàng, trí tuệ thông tỏ, thấu rõ thiên văn, lý giải một cách khéo léo về sự tuần hoàn trong thiên văn của năm tinh tú nơi hai mươi tám ngôi sao. Kẻ đại si này đã từng cúng dường bốn vị La-hán. Ngay khi cúng dường, người này đã phát thệ nguyện: “Tôi nguyện ở đời vị lai sẽ phá hoại pháp Phật. Với công đức cúng dường các vị La-hán này, tôi nguyện đời đời sẽ được thân đoan nghiêm. Thân cuối cùng sẽ được sinh trong gia đình của quốc vương, thân được làm quốc vương tên My-chi-hạt-la-câu-la” mà diệt trừ pháp Phật.

Kẻ đại si ấy đập vỡ chiếc bát của Ta. Sau khi đập vỡ bát, người này sa vào đại địa ngục A-tỳ. Kẻ đại si ấy mạng chung, rồi lần lượt có bảy vị Thiên tử xả thân sinh nơi nước Kế-tân, lại tiếp tục kiến lập chánh pháp của Như Lai, thiết lễ trọng hậu cúng dường.

Này A-nan! Do phá vỡ bát, các đệ tử của Ta dần dần làm ô nhiễm giới tịnh. Khi bát mới phá, tuy làm nhiễm ô giới thanh tịnh, nhưng các Tỳ-kheo này trí tuệ như ngư vương có khả năng phá tan ngoại đạo. Trải qua hai thời kỳ như thế, các Tỳ-kheo ở cõi Diêm-phù-đề này phá giới thanh tịnh, ưa làm điều bất thiện, thân đi trộm cướp, cày ruộng, khai hoang, trồng trọt, tham lam tích trữ y tốt, bát tốt, không thích đọc tụng Tu-đa-la, Tỳ-ni, A-tỳ-đàm.

Như vậy, này A-nan! Những người trí tuệ ưa thích đọc tụng đều diệt độ hết, bảy giờ phân nhiều có các Tỳ-kheo đua nịnh, quanh co, ganh ghét, khởi lên nhiều việc phi pháp, đây chính là do các Tỳ-kheo không thực hành đúng như pháp. Các quốc vương không dựa vào vương pháp, đó chính là vua không cai trị như vương pháp. Dân chúng trong các nước ấy phân nhiều thực hành mười nghiệp bất thiện tăng thượng, ấy là do nghiệp ác. Đất đai nơi đây mọc nhiều gai góc, cỏ độc, đất cát, sỏi đá.

Này A-nan! Ngay trong lúc ấy năm thứ tinh vị: sữa, dầu, muối, đá, mật ở cõi Diêm-phù-đề đều mất hết sức mạnh, mất hết mùi vị. Như vậy là năm thứ này đã mất đi năng lực cũng như mùi vị. Lúc ấy, chúng sinh lại tạo nhiều nghiệp ác tăng thượng, ấy là do họ đã tạo nhiều điều ác, bất thiện.

Bát võ của Phật, hướng đến phương Bắc. Bấy giờ, những chúng sinh tại phương Bắc thấy bát võ của Phật, bèn thiết lễ cúng dường trọng hậu với những món như: hoa, hương đốt, hương xoa, đèn sáng, vòng hoa và các loại âm nhạc. Khi cúng dường bát này, có người phát tâm Bồ-đề Vô thượng, có người phát tâm cầu quả Thanh văn, có người phát tâm cầu quả Phật-bích-chi.

Bát võ ấy hướng đến nước Ba-la-bát-đa, dân chúng trong nước ấy thấy bát võ của Phật, bèn đem những món: các loại hoa, hương đốt, hương bột, hương xoa, đèn sáng, vòng hoa và các loại âm nhạc cúng dường. Khi cúng dường bát, có người phát tâm Bồ-đề Vô thượng, có người phát tâm cầu quả Thanh văn, có người phát tâm cầu quả Phật-bích-chi.

Này A-nan! Do thần lực từ bát võ của Phật, cũng do căn lành của chúng sinh cảm ứng, bát võ của Ta tự nhiên trở lại như cũ, không khác gì trước. Về sau không bao lâu, bát của Ta liền biến mất khỏi cõi Diêm-phù-đề, xuất hiện trong cung Long vương Ta-già-la.

Ngay lúc biến mất, tại cõi Diêm-phù-đề suốt bảy ngày bảy đêm, cảnh vật đều hết sức tối tăm, uy quang của mặt trời, mặt trăng không còn hiện bày, đại địa chấn động, sấm chớp liên hồi, trong không trung phát ra âm thanh rất đáng kinh sợ, gió đen nổi lên hết sức ghê gớm. Các hàng trời, người, A-tu-la, Ca-lâu-la, Càn-thát-bà, Ma-hầu-la-già thấy đều khóc rống, nước mắt đầm đìa.

Như vậy, này A-nan! Ngay khi bát này mới biến mất, pháp luật của Như Lai cũng mất, không hiện nữa. Vào lúc đó, Ma vương thấy pháp luật diệt mất, nên hết sức vui mừng, hết sức an ổn, ở giữa không trung, nói: “Pháp Cù-đàm diệt mất, ta sẽ giáo hóa các chúng sinh khiến tự mình tạo các điều ác rồi dạy cho người khác cùng làm ác”. Do từ sự khuyến dụ của ma nên những người trong các thành ấp, xóm làng giết hại lẫn nhau. Cũng do chính việc khuyến dụ, dẫn dắt chúng sinh tạo mọi điều ác nên sinh thân của Ma vương bị rơi vào địa ngục A-tỳ.

Bấy giờ, trông thấy bát của Phật, Long vương Ta-già-la bèn thiết lễ trọng hậu, đem các loại báu như báu Nhân-đà-ni-la, báu Ma-ha-ni-la, báu hòa châu, báu thanh thủy v.v... để cúng dường, suốt bảy ngày lễ bái, đi nhiễu quanh theo chiều bên phải. Trong chúng rồng này có vị phát tâm Bồ-đề Vô thượng, có vị phát tâm cầu quả Thanh văn, có vị phát tâm cầu quả Phật-bích-chi.

Lúc đó, Long vương Ta-già-la đưa tay cầm bát nói kệ:

*Các tướng trang nghiêm tay
 Nhận các loại đồ ăn
 Chứa đầy trong bát này
 Như vậy để thọ dùng.*

Phật bảo Tôn giả A-nan:

– Thế rồi bát của Ta biến mất ở cung Long vương Ta-già-la và xuất hiện ở cung Tứ Thiên vương. Khi ấy, Tứ Thiên vương: Tỳ-lâu-lặc-xoa, Tỳ-lâu-bác-xoa, Tỳ-sa-môn, Đề-đâu-lại-trá đã thiết lễ trọng hậu, đem tất cả những thứ như: các loại hoa, các loại vòng hoa, các loại hương xoa, các loại hương đốt, các loại đèn sáng, các loại âm nhạc v.v... cúng dường suốt bảy ngày bảy đêm. Khi cúng dường lễ bái xong, trong chúngh chư Thiên có vị phát tâm Bồ-đề Vô thượng, có vị phát tâm cầu quả Thanh văn, có vị phát tâm cầu quả Phật-bích-chi. Lúc này, Tỳ-lâu-lặc Cưu-bàn-trà vương đưa tay cầm bát nói kệ:

Như Lai dùng lần cuối Tại nhà ông thợ rèn Bát vì hóa chúng sinh Mà đến tại nơi này.

Phật bảo Tôn giả A-nan:

– Trải qua bảy ngày bảy đêm như thế, bát của Ta biến mất khỏi cung Tứ Thiên vương, xuất hiện ở cung trời Tam Thập Tam. Khi ấy, thấy bát của Phật, Phật mẫu phu nhân Ma-da ưu sầu khổ não như tên cắm vào tim, khó có thể chịu được, chệnh choạng trên đất giống như khúc cây tròn, nói: “Như Lai Niết-bàn sao vội vậy? Tu Già Đà diệt độ sao nhanh thế? Con mắt của thế gian mất rồi, cây Phật bị đổ ngã, núi Tu-di Phật bị băng lở, đèn Phật cũng tắt mất, suối pháp cạn khô, ma vô thường nhật làm héo úa hoa sen Phật”.

Khi đó, Phật mẫu phu nhân Ma-da đưa tay cầm bát, bảo với các chúng chư Thiên, A-tu-la, Ca-lâu-la, Khẩn-na-la, Càn-thát-bà, Ma-hầu-la-già: “Các chư Thiên hãy lắng nghe! Đây là bát của Đức Như Lai Thích Ca thường thọ dụng. Như Lai là bậc dũng mãnh đệ nhất, diện mạo tròn đầy quá hơn mặt trời, mặt trăng. Hình ảnh ấy hiển hiện ở trong bát này.

Lại nữa, này chư Thiên! Bát như vậy, tại đại thành Vương-xá đã nhận thức ăn độc của Thi-lợi-quật-đa.

Chư Thiên hãy lắng nghe! Thích Ca Mâu Ni là bậc đại hùng, đã dùng bát này nhận đồ ăn ở nhà Tu-ma-già-đà, trong thành Mãn-phúc.

Chư Thiên hãy lắng nghe! Vì giáo hóa Ưu-lâu-tần-loa Ca-diếp cùng rồng độc lớn, Như Lai đã bắt rồng độc bỏ vào trong bát này.

Chư Thiên hãy lắng nghe! Do nghiệp duyên, tại nước Bù-liên-đa, Như Lai đã dùng bát này nhận thức thóc – thức ăn của ngựa - trong suốt bốn tháng.

Thiên chúng hãy lắng nghe! Do lòng đại bi, Như Lai Thích Ca đã dùng bát này thu nhận thức ăn của người hết sức nghèo hèn.

Chư Thiên hãy lắng nghe! Đức Như Lai Thích Ca đã dùng bát này nhận các món đồ ăn ở tại cung Long vương Ta-già-la.

Chư Thiên hãy lắng nghe! Trong suốt bốn tháng hạ, Đức Như Lai Thích Ca đã dùng bát này nhận thức ăn của chúng ta.

Chư Thiên hãy lắng nghe! Vì muốn điều phục quỷ mẹ Ha-lợi với tâm ác thường uống máu người, Đức Như Lai Thích Ca đã dùng bát này nhốt đứa con út của quỷ mẹ tên Tất-lợi-diêm-ca-la Dạ-xoa lại”.

Phật mẫu phu nhân Ma-da lại đưa tay cầm bát, nói kệ:

*Tùy tâm Phật muốn nhận
Đến nhập vào trong bát
Phật ở nơi bụng ta
Tròn đầy suốt mười tháng.*

Bấy giờ, vua trời Đế Thích thiết lễ trọng hậu, đem những thứ như: các loại hoa trời, hương trời, hương chiên-đàn cõi trời dâng cúng đường lễ bái, đi nhiễu quanh theo chiều bên phải bảy ngày bảy đêm. Cúng dường xong, trong các chúng chư Thiên có vị phát tâm Bồ-đề Vô thượng, có vị phát tâm cầu quả Thanh văn, có vị phát tâm cầu quả Phật-bích-chi. Vua trời bèn đưa tay cầm bát nói kệ:

*Bát thù thắng này đây
Làm trí chúng sinh lớn Thân
Phật cũng như vậy
Thành tựu các công đức.*

Phật bảo Tôn giả A-nan:

– Trải qua bảy ngày bảy đêm như thế, bình bát biến mất khỏi trời Tam Thập Tam, xuất hiện tại cõi trời Diễm-ma. Thấy bát của Phật, vua trời Diễm-ma liền đem tất cả những thứ như: hoa trời Mạn-đà, hương trời chiên-đàn, các loại hoa, các loại âm nhạc dâng cúng đường lễ bái, đi nhiễu quanh bên phải của bát Phật trong bảy ngày bảy đêm. Khi đó, trong chúng trời có vị phát tâm Bồ-đề Vô thượng, có vị phát tâm cầu quả Thanh văn, có vị phát tâm cầu quả Phật-bích-chi. Lúc ấy, chúa trời Diễm-ma đưa tay cầm bát nói kệ:

Ngàn vạn ức chúng sinh Thấy bát đều hoan hỷ Phát sinh quả thắng diệu Mâu-ni khiến tới đây.

Phật bảo Tôn giả A-nan:

– Trải qua bảy ngày bảy đêm như thế, bình bát lại biến mất tại cõi trời Diêm-ma, xuất hiện ở cõi trời Đâu-suất-đà. Khi ấy, thấy bát của Phật, vua trời Đâu-suất-đà liền đem hoa trời Mạn đà, hoa Ma-ha mạn đà cùng các loại diêu hoa, các loại hương, các loại âm nhạc, thiết lễ trọng hậu để cúng dường lễ bái, đi nhiễu quanh bên phải của bát Phật suốt bảy ngày bảy đêm, rồi đưa tay cầm bát, nói kệ:

*Trong các loài chúng sinh
Phật khởi tâm từ bi
Bát này nhận đồ ăn
Phật khiến đến nơi đây.*

Phật bảo Tôn giả A-nan:

– Trải qua bảy ngày bảy đêm như thế, bình bát lại biến mất tại cõi trời Đâu-suất-đà, xuất hiện ở cõi trời Hóa Lạc. Lúc này, thấy bát của Phật, vua trời Hóa Lạc bèn đem các loại hoa trời, các loại hương trời, các loại âm nhạc để thiết lễ trọng hậu cúng dường, lễ bái, đi nhiễu quanh bên phải suốt bảy ngày bảy đêm. Khi đó, trong thiên chúng có vị phát tâm Bồ-đề Vô thượng, có vị phát tâm cầu quả Thanh văn, có vị phát tâm cầu quả Phật-bích-chi. Vua trời Hóa Lạc đưa tay cầm bát nói kệ:

*Bậc Đạo sư hiếm có
Thương xót đời chúng sinh
Vì lợi ích muôn loài
Nên khiến bát tới đây.*

Phật bảo Tôn giả A-nan:

– Khi các hàng trời, A-tu-la, Ca-lâu-la, Càn-thát-bà, Khẩn-na-la, Ma-hầu-la-già đem hoa trời Mạn-đà-la, hoa Ma-ha Mạn-đà-la cùng với những thứ hoa khác, các loại hương như: hương trời chiên-đàn, hương bột v.v... cúng dường bát rồi, tức thời liền đem bát này đưa đến nơi cung Long vương Ta-già-la.

Phật bảo tiếp:

– Nay A-nan! Tất cả bát cùng xá-lợi của Phật trong cõi Diêm-phù-đề và nơi mười phương khác cũng đều ở tại cung của Long vương Ta-già-la.

Nay A-nan! Như vậy, nơi đời vị lai, bình bát cùng xá-lợi của Ta biến

mắt ở đây, hướng thẳng đến hơn tám vạn do-tuần trụ ở biên vực của kim cang.

Này A-nan! Ta nói cho ông biết, vào đời vị lai, khi thọ mạng của các chúng sinh tới tám vạn bốn ngàn năm, lúc đó có một vị Phật là Như Lai Di-lặc, đấng Ứng Cúng Chánh Biến Tri với ba mươi hai tướng tốt, tám mươi vẻ đẹp, thân màu vàng rực, ánh sáng bao trùm một tầm, âm thanh giống như tiếng trống trời Đại Phạm, như tiếng Ca-lăng-tần-già. Lúc ấy, bình bát cùng xá-lợi của Ta xuất hiện ở nơi biên vực của kim cang, rồi đến chỗ Đức Phật Di-lặc ở cõi Diêm-phù-đề. Bình bát cùng xá-lợi của Ta vẫn trụ trong không trung, phóng ra ánh sáng năm màu sắc, đó là: xanh, vàng, đỏ, trắng, pha lê với các tạp sắc.

Như vậy, này A-nan! Ánh sáng năm màu kia lại phóng đến tất cả các cõi trời. Đến các cõi trời ấy rồi, từ trong luồng ánh sáng đó phát ra âm thanh, nói kệ:

*Tất cả hành vô thường
Tất cả pháp vô ngã
Cùng Niết-bàn tịch diệt
Cả ba là pháp ấn.*

Ánh sáng ấy lại phóng đến các địa ngục, nói kệ:

*Tất cả hành vô thường
Tất cả pháp vô ngã
Cùng Niết-bàn tịch diệt
Cả ba là pháp ấn.*

Này A-nan! Ánh sáng được phóng ra từ bình bát cùng xá-lợi của Phật lại hướng đến mười phương thế giới. Nơi ánh sáng ấy, phát ra lời nói kệ:

*Tất cả hành vô thường
Tất cả pháp vô ngã
Cùng Niết-bàn tịch diệt
Cả ba là pháp ấn.*

Này A-nan! Như thế, ánh sáng được phóng ra từ bình bát cùng xá-lợi của Ta làm các Phật sự ở khắp thế giới trong mười phương xong, liền trở về chỗ cũ kết thành lọng mây ánh sáng lớn trụ trong không trung phía trên bình bát cùng xá-lợi của Phật.

Này A-nan! Xá-lợi Phật cùng bình bát hiện bày những việc hết sức hy hữu như vậy. Khi thấy hiện sự hy hữu của thần thông này, tám mươi trăm ức chúng sinh đắc quả vị A-la-hán, một ngàn ức chúng sinh cạo tóc

xuất gia, lòng tin trong sạch, một vạn chúng sinh phát tâm cầu đạo quả Bồ-đề Vô thượng, đạt được sự không thoái chuyển.

Này A-nan! Khi bình bát cùng xá-lợi giáo hóa rộng rãi các chúng sinh rồi, liền trụ trong không trung, phía trước đức Di-lặc. Bấy giờ, Đức Phật Di-lặc đưa tay cầm bát cùng xá-lợi của Ta, bảo với các hàng chư Thiên, nhân, A-tu-la, Ca-lâu-la, Càn-thát-bà, Khẩn-na-la, Ma-hầu-la-già: Các vị nên biết, bình bát và xá-lợi này chính là sự huân tu từ tín, giới, đa văn, tinh tấn, định trí của bậc đại sĩ hùng mạnh: Như Lai Thích Ca Mâu Ni. Các vị nên biết, Đức Như Lai Thích Ca Mâu Ni có khả năng khiến cho vô lượng trăm ngàn na-do-tha ức chúng sinh trụ trong thành Niết-bàn, vượt trội hơn cả trăm ngàn ức lần hoa Ưu-đàm-bát. Bình bát cùng xá-lợi cố nhiên là đến cảnh giới này.

Khi ấy, vì bình bát cùng xá-lợi của Ta, Đức Di-lặc Tam-miệu-tam-phật-đà đã xây tháp bằng bốn thứ báu và đặt bình bát cùng xá-lợi của Ta vào trong đó.

Lúc ấy, Đức Phật Di-lặc cùng với các hàng chư Thiên, nhân, A-tu-la, Ca-lâu-la, Càn-thát-bà, Khẩn-na-la, Ma-hầu-la-già thiết lễ trọng hậu cúng dường, lễ bái tháp chứa bình bát với xá-lợi của Ta.

Này A-nan! Như Lai là bậc Ứng Cúng Chánh Biến Tri, thì bình bát và xá-lợi cũng có oai đức lớn như thế.

Này A-nan! Ông theo hầu sinh thân của Như Lai, công đức phát sinh là vô lượng vô biên, không thể nghĩ bàn.

Phật đã vì Tôn giả A-nan nêu bày những việc ở đời vị lai, lại bảo:

– Này A-nan! Ông hãy cùng Ta đi tới các nước, vì không bao lâu chỉ sau bảy ngày nữa, Như Lai sẽ nhập Niết-bàn.

Tôn giả A-nan đáp:

– Dạ!

Khi ấy, Phật cùng Tôn giả A-nan lần lượt đi đến những thành ấp của các nước, độ thoát vô lượng trăm ngàn ức na-do-tha chúng sinh, rồi lại đến nhà người thợ rèn Thuần-đà. Đây là nơi Như Lai dùng bữa ăn cuối cùng. Khi Đức Thế Tôn nhận đồ ăn của người thợ rèn xong, bèn nói kệ:

*Nay Ta ăn lần cuối
 Tại nhà ông Thuần-đà
 Như vậy thân năm chúng
 Không lâu sẽ diệt độ.*

Thế rồi Phật cùng Tôn giả A-nan đến thành Câu-thi-na, dùng mọi phương tiện giáo hóa các Lục sĩ ở đây xong, lại tiếp tục đi ra khỏi thành Câu-thi-na, đến giữa hai cây Ưu-ba-bạt-đa-na-bà-la.

Bấy giờ, Đức Thế Tôn xoay đầu về hướng Bắc mà nằm. Khi ấy, Tu-bạt-đa-la đến chỗ Phật đánh lễ rồi ngồi xoay về phía Phật. Phật vì ông ta thuyết pháp, khiến ông chứng đắc quả vị A-la-hán.



SỐ 387

KINH ĐẠI PHƯƠNG ĐĂNG VÔ TƯỚNG

*Hán dịch: Đời Bắc Lương, Tam tạng Pháp sư
Đàm Vô Sám, người Thiên Trúc.*

QUYỂN 1

PHẦN 1: ĐẠI VÂN

Chương 1: NÓI VỀ ĐẠI CHÚNG 1

Tôi nghe như vậy:

Một thời, Đức Phật ở tại núi Kỳ-xà-quật thuộc thành Vương-xá cùng với chín vạn tám ngàn vị Tỳ-kheo Tăng, đứng đầu là Tôn giả Đại Ca-diếp. Tất cả những vị này đều là những bậc A-la-hán, đã chấm dứt các lậu hoặc, đều được tự tại, tâm điều hòa thuận hợp như Hương tượng vương, noi theo đường lành tâm được giải thoát, trí tuệ vô ngại, đã lìa bỏ gánh nặng, những gì cần làm đã làm xong, không còn tái sinh, tu tập giới cấm thanh tịnh vi diệu, đạt tới bờ kia, oai đức vời vợi, tiếng tăm vang xa, thành tựu đầy đủ tám giải thoát.

Hàng ngày, vào buổi sáng sớm, những vị ấy thường xuất thiền định, đi đến chỗ Đức Phật, đầu mặt lễ Phật, chấp tay cung kính, nhiễu bên phải ba vòng, xong rồi, lui ra ngồi một bên.

Lại có chúng Tỳ-kheo-ni gồm sáu vạn năm ngàn vị, đứng đầu là Tỳ-kheo-ni Ma-ha Ba-xà-ba-đề, cũng hàng ngày vào buổi sáng sớm, xuất thiền định, đi đến chỗ Đức Phật, đầu mặt đánh lễ, chấp tay cung kính, nhiễu bên phải ba vòng, xong xuôi, lui ra ngồi một bên.

Lại có chúng Đại Bồ-tát gồm sáu vạn tám ngàn vị, tất cả đều là những bậc đại Hương tượng vương. Đó là:

– Đại Bồ-tát Đại Vân Mật Tạng. Đại Bồ-tát Đại Vân Đắc Chí.

Đại Bồ-tát Đại Vân Điện Quang. Đại Bồ-tát Đại Vân Lô Chấn.

Đại Bồ-tát Đại Vân Cần Tạng.

Đại Bồ-tát Đại Vân Ái Lạc.
Đại Bồ-tát Đại Vân Hoan Hỷ.
Đại Bồ-tát Đại Vân Tánh.
Đại Bồ-tát Đại Vân Kim Cang Thủ.
Đại Bồ-tát Đại Vân Bảo Thủ.
Đại Bồ-tát Đại Vân Hống.
Đại Bồ-tát Đại Vân Danh Xưng.
Đại Bồ-tát Đại Vân Nguyên Hoa.
Đại Bồ-tát Đại Vân Thí Vũ.
Đại Bồ-tát Đại Vân Bất Khinh.
Đại Bồ-tát Đại Vân Cần Hành.
Đại Bồ-tát Đại Vân Sư Tử Hống Vương.
Đại Bồ-tát Đại Vân Mãn Vũ Tâm Vương.
Đại Bồ-tát Đại Vân Phổ Quang.
Đại Bồ-tát Đại Vân Chánh Kiến.
Đại Bồ-tát Đại Vân Biến Vũ Vương.
Đại Bồ-tát Đại Vân Thân Thông Vương.
Đại Bồ-tát Đại Vân Thượng Diệu.
Đại Bồ-tát Đại Vân Tự Tại.
Đại Bồ-tát Đại Vân Đại Hải.
Đại Bồ-tát Đại Vân Nhất Thiết Tự Tại.
Đại Bồ-tát Đại Vân Phước Điền.
Đại Bồ-tát Đại Vân Nhất Thiết Thí An.
Đại Bồ-tát Đại Vân Nhật Quang.
Đại Bồ-tát Đại Vân Nguyệt Quang.
Đại Bồ-tát Đại Vân Lưu Ly Quang.
Đại Bồ-tát Đại Vân Vô Lượng Giả.
Đại Bồ-tát Đại Vân Thường Kiến.
Đại Bồ-tát Đại Vân Ngã Kiến.
Đại Bồ-tát Đại Vân Tịnh Kiến.
Đại Bồ-tát Đại Vân Lạc Kiến.
Đại Bồ-tát Đại Vân Vô Ngại.

Đại Bồ-tát Đại Vân Thường Thắng.
Đại Bồ-tát Đại Vân Tịnh Quang.
Đại Bồ-tát Đại Vân Đắc Xưng.
Đại Bồ-tát Đại Vân Ái Mạng.
Đại Bồ-tát Đại Vân Giả Chủ.
Đại Bồ-tát Đại Vân Thuận Sư.
Đại Bồ-tát Đại Vân Hiện Đạo.
Đại Bồ-tát Đại Vân Hộ Tử.
Đại Bồ-tát Đại Vân Thắng Phân Đà Lợi.
Đại Bồ-tát Đại Vân Hòa Quang.
Đại Bồ-tát Đại Vân Ba Đầu Ma.
Đại Bồ-tát Đại Vân Ưu Bát La Hương.
Đại Bồ-tát Đại Vân Uy Đức Vương.
Đại Bồ-tát Đại Vân Động Dao.
Đại Bồ-tát Đại Vân Vô Sở Úy.
Đại Bồ-tát Đại Vân Đa Ma La Bạt Thọ Diệt Lương.
Đại Bồ-tát Đại Vân Xích Chiên Đàn Thọ Lương.
Đại Bồ-tát Đại Vân Cực Thâm.
Đại Bồ-tát Đại Vân Tri Thiện Sư.
Đại Bồ-tát Đại Vân Na La Diên Đại Hỷ.
Đại Bồ-tát Đại Vân Đại Ngưu Vương.
Đại Bồ-tát Đại Vân Đại Thọ Vương.
Đại Bồ-tát Đại Vân Đại Pháp Phân Đà Lợi Phu.
Đại Bồ-tát Đại Vân Cháp Trì Pháp Quang.
Đại Bồ-tát Đại Vân Xưng Vương Môn.
Đại Bồ-tát Đại Vân Kim Sơn Hữu Đức Vương.
Đại Bồ-tát Đại Vân Vô Bố Vương.
Đại Bồ-tát Đại Vân Đại Y Vương.
Đại Bồ-tát Đại Vân Đại Thân Vương.
Đại Bồ-tát Đại Vân Hư Không Vương.
Đại Bồ-tát Đại Vân Tu Phát Vương.
Đại Bồ-tát Đại Vân Hoại Vân Vương.

Đại Bồ-tát Đại Vân Hoại Phong Vương.

Đại Bồ-tát Đại Vân Hoại Vũ Vương.

Đại Bồ-tát Đại Vân Tỷ Nghê Vương.

Đại Bồ-tát Đại Vân Đoạn Âm Vương.

Đại Bồ-tát Đại Vân Đoạn Bạc Vương.

Đại Bồ-tát Đại Vân Ca Diếp.

Các vị Đại Bồ-tát Đại Vân như thế, cũng vào sáng sớm, xuất thiền định, đi đến chỗ Phật, đầu mặt đánh lễ, chấp tay cung kính, nhiễu bên phải ba vòng, xong xuôi, lui ra ngồi một bên.

Lại có năm vạn tám ngàn Đồng tử Lê-xa, như:

– Lê-xa Sư Tử Quang.

Lê-xa Pháp Đức.

Lê-xa Pháp Tiệm.

Lê-xa Thích Đức.

Lê-xa Thích Tràng.

Lê-xa Thích Phan.

Lê-xa Sư Tử Hồng.

Lê-xa Bảo Linh Thanh.

Lê-xa Ái Đức.

Lê-xa Danh Quý Đức.

Lê-xa Kim Cang Tu.

Lê-xa Phật Nô.

Lê-xa Như Lai Nô.

Lê-xa Thế Tôn Nô.

Lê-xa Bà Già Bà Nô.

Lê-xa Chánh Giác Nô.

Lê-xa Thế Tôn Nguyệt Nô.

Lê-xa Đại Thủ.

Lê-xa Đại Tinh Tiến.

Lê-xa Hằng Hà Đắc.

Lê-xa Văn Thù Sư Lợi.

Lê-xa Di Lạc.

Lê-xa Đại Long.

Lê-xa Long Hộ.
 Lê-xa Pháp Hộ.
 Lê-xa Quảng Xưng.
 Lê-xa Hư Không Vân.
 Lê-xa Hằng Hà Hộ.
 Lê-xa Kim Hoa.
 Lê-xa Điện Quang.
 Lê-xa Đại Quảng Điện.
 Lê-xa Tánh Quảng.
 Lê-xa Tự Tại Đắc.
 Lê-xa Tự Tại Địa.
 Lê-xa Địa Man.
 Lê-xa Phương Đăng Nô.
 Lê-xa Kim Cang Nô.

Tất cả những Đồng tử Lê-xa này đều phát tâm cầu đạt đạo quả Bồ-đề Vô thượng, giữ gìn Đại thừa, ưa thích Đại thừa, những ai được giáo hóa đều hướng về Đại thừa. Chư vị cũng vào sáng sớm, ra khỏi thiền định, đi đến chỗ Đức Thế Tôn, đầu mặt đánh lễ, chấp tay cung kính, nhiễu bên phải ba vòng, xong xuôi, lui ra ngồi một bên.

Lại có bốn vạn bốn ngàn vua trời như:

– Vua trời Ái Kiến.
 Vua trời Nhất Thiết Ái.
 Vua trời Nguyệt Phát.
 Vua trời Nhật Sắc.
 Vua trời Trường Nhĩ.
 Vua trời Thanh Sắc
 Vua trời Tinh Tấn.
 Vua trời Thâm Mục.
 Vua trời Đại Hắc.
 Vua trời Viễn Tuệ.
 Vua trời Hư Không Mục.
 Vua trời Ái Đức.
 Vua trời Ái Tu.

Vua trời Ái Xung Quang.
Vua trời Ái Diện Quang.
Vua trời Nhất Thiết Hỷ Niệm.
Vua trời Lưu Ly Quang.
Vua trời Quang Ái.
Vua trời Bán Nguyệt.
Vua trời Đại Thanh Vi Diệu.
Vua trời Dũng Hoại Phiền Nã.
Vua trời Nhất Thiết Ái.
Vua trời Đồng Tử Ái.
Vua trời Mạn Đà La Hoa.
Vua trời Vô Thường.
Vua trời Thuộc Mão Tinh.

Những đại Thiên vương như thế đều ưa thích Đại thừa, rộng nói pháp Đại thừa, giữ gìn Đại thừa, thọ trì tất cả pháp Tam-muội tổng trì, ban phát những việc an lạc cho chúng sinh. Chư vị cũng vào sáng sớm, ra khỏi thiền định, đi đến chỗ Đức Phật, đầu mặt đánh lễ, chấp tay cung kính, nhiễu bên phải ba vòng, xong xuôi, lui ra ngồi một bên.

Lại có ba vạn tám ngàn vua rồng, như:

– Vua rồng Liên Hoa.
Vua rồng Đức Xoa Ca.
Vua rồng Ca Ca La.
Vua rồng Hòa Tu Kiết.
Vua rồng Ái Đức Tu.
Vua rồng Đại Địa.
Vua rồng Nha Lợi.
Vua rồng Tịnh Mục.
Vua rồng Sư Tử.
Vua rồng Loa Thanh.
Vua rồng Cổ Thanh.
Vua rồng Kim Quang.
Vua rồng Kim Sắc.
Vua rồng Hắc Tu.

Vua rồng Trì Đại Vũ.
 Vua rồng Đại Hải.
 Vua rồng Chỉ La Bà.
 Vua rồng Phạm.
 Vua rồng Nguyễn Ái.
 Vua rồng Y La Bát.
 Vua rồng Đà Tỳ La.
 Vua rồng Hằng Hà.
 Vua rồng Hạnh Đầu.
 Vua rồng Bác Xoa.
 Vua rồng Tư Đà.
 Vua rồng Hữu Đức.
 Vua rồng A Nậu Đạt.
 Vua rồng Bát Thụ Na.
 Vua rồng Nhân.
 Vua rồng Phi Nhân.
 Vua rồng Nhân Đầu.
 Vua rồng Kiết.
 Vua rồng Huân Luật.
 Vua rồng Tỳ Xá La.
 Vua rồng Loa.
 Vua rồng Hoàng Sắc.
 Vua rồng Nan Đà.
 Vua rồng Ưu Ba Nan Đà.
 Vua rồng Tỳ Lô Lặc Xoa.
 Đề Đầu Lại Trá.
 Vua rồng Tỳ Sa Môn.
 Vua rồng Bán Xà La.
 Vua rồng Ma Na Tư.

Những vua rồng như thế đều ưa muốn nghe nhận kinh điển Đại thừa, được nghe liền muốn trình bày rộng rãi, phân biệt cho tất cả, muốn giữ gìn chánh pháp, che chở bảo bọc chánh pháp. Vì muốn che chở chánh pháp nên những vua rồng này đã giữ gìn giới cấm một cách bền chắc, gánh vác trách

nhiệm nặng nề của giáo pháp. Chư vị cũng vào sáng sớm, ra khỏi thiền định, đi đến chỗ Đức Phật, đầu mặt đánh lễ, chấp tay cung kính, nhiễu bên phải ba vòng, xong xuôi, lui ra ngồi một bên.

Lại có ba vạn sáu ngàn vua thần Dạ-xoa. Đó là:

– Vua quý Tỳ Sa Môn. Vua quý Hư Không.

Vua quý Ái Đức. Vua quý Tất Thí.

Vua quý Đại Anh Lạc Trang Nghiêm.

Vua quý Nhất Hướng Thị.

Vua quý Động Đại Địa.

Vua quý Thiện Mao.

Vua quý Thiện Ái Gia.

Vua quý Ma Ni Bát Đà.

Vua quý Mãn Thành.

Vua quý Liên Hoa Quang.

Vua quý Xa Luân Đài.

Vua quý Đại Hải Thắng.

Các vua quý Dạ-xoa này đều thực hành theo con đường của Như Lai A-súc, che chở chánh pháp, giữ gìn giới cấm. Các vị cũng vào sáng sớm, ra khỏi thiền định, đi đến chỗ Phật, đầu mặt đánh lễ, chấp tay cung kính, nhiễu bên phải ba vòng, xong xuôi, lui ra ngồi một bên.

Lại có bốn vạn chín ngàn vua chim cánh vàng. Đó là:

– Vua chim cánh vàng Lực Đẳng Hương Tượng. Vua chim cánh vàng Kiên Cố.

Vua chim cánh vàng Cổ Thanh.

Vua chim cánh vàng Hoại Nhất Thiết Long Vương Lực.

Vua chim cánh vàng Hòa Quang.

Vua chim cánh vàng Ban Sí.

Vua chim cánh vàng Luân Điện.

Vua chim cánh vàng Ấc Tánh.

Vua chim cánh vàng Hoại Hòa Tu Kiết Long Vương Quyển Thuộc.

Vua chim cánh vàng Đại Hỷ.

Vua chim cánh vàng Thật Kiến.

Vua chim cánh vàng Hỷ Thuyết Đại Từ.

Vua chim cánh vàng Pháp Hỷ.

Vua chim cánh vàng Kim Sí Ái.

Tất cả những vua chim cánh vàng như thế đều không còn sự kiêu mạn, buông lung, đều đạt được tâm ưa thích, che chở pháp Đại thừa, bảo bọc che chở tất cả chánh pháp của chư Phật. Những vị này, cũng vào sáng sớm, ra khỏi thiền định, đi đến chỗ Đức Phật, đầu mặt đánh lễ, chấp tay cung kính, nhiễu bên phải ba vòng, xong xuôi, lui ra ngồi một bên.

Lại có sáu vạn tám ngàn vua Càn-thát-bà. Đó là:

– Vua Càn-thát-bà Hỷ.

Vua Càn-thát-bà Tự Tại Ca.

Vua Càn-thát-bà Hiện Tại Ái.

Vua Càn-thát-bà Ngưu Vương Đắc.

Vua Càn-thát-bà Vân Phú.

Vua Càn-thát-bà Mạng Mạng.

Vua Càn-thát-bà Các Các Thanh.

Những vị vua Càn-thát-bà này, cũng vào sáng sớm, ra khỏi thiền định, đi đến chỗ Phật, đầu mặt đánh lễ, chấp tay cung kính, nhiễu bên phải ba vòng, xong xuôi, lui ra ngồi một bên.

Lại có chín vạn tám ngàn vua Khẩn-na-la, đó là:

– Vua Khẩn-na-la Thiện Kiến.

Vua Khẩn-na-la Trường Tử.

Vua Khẩn-na-la Dẫn Tâm.

Vua Khẩn-na-la Thê Ái.

Vua Khẩn-na-la Hoại Phiền Nảo.

Vua Khẩn-na-la Hoại Oán.

Vua Khẩn-na-la Ma Vương Nữ Ái

Vua Khẩn-na-la Hoại Ma Quyển Thuộc.

Vua Khẩn-na-la Tuệ Tạng.

Vua Khẩn-na-la Thâm Mục.

Vua Khẩn-na-la Tịnh Quý Đức.

Vua Khẩn-na-la Điều Căn.

Vua Khẩn-na-la Viễn Kiến.

Các vị vua Khẩn-na-la này, cũng vào sáng sớm, ra khỏi thiền định, đi

đến chỗ Phật, đầu mặt đánh lễ, chấp tay cung kính, nhiễu bên phải ba vòng, xong xuôi, lui ra ngồi một bên.

Lại có một vạn tám ngàn vua La-sát, như:

– Vua La-sát Chữ Khôi.

Vua La-sát Thủy Ngưu Đầu.

Vua La-sát Hoàng Phát.

Vua La-sát Sai Xi.

Vua La-sát Long Lôu Nhĩ.

Vua La-sát Tham Mật.

Vua La-sát Mật Sắc.

Vua La-sát Đại Yết.

Vua La-sát Đại Âm.

Vua La-sát Dĩ Phát Phú Thân.

Vua La-sát Đại Lực.

Vua La-sát Khả Úy Sắc.

Những vị vua La-sát này đều đã dứt trừ sự nghi ngờ của La-sát, chuyên dùng pháp Đại thừa chế phục tâm mình. Chư vị cũng vào sáng sớm, rời khỏi thiên đình, đi đến chỗ Phật, đầu mặt đánh lễ, chấp tay cung kính, nhiễu bên phải ba vòng, xong xuôi, lui ra ngồi một bên.

Lại có ba vạn tám ngàn vua thần Đà-na-bà, như:

– Vua Đà-na-bà Tượng Diện.

Vua Đà-na-bà Nha.

Vua Đà-na-bà Phán Túc.

Vua Đà-na-bà Lư Thanh.

Vua Đà-na-bà Hoa Nhĩ.

Vua Đà-na-bà Bảo Nhĩ.

Vua Đà-na-bà Thử Đắc.

Vua Đà-na-bà Ly Đắc.

Vua Đà-na-bà Thử Lang Nghi.

Vua Đà-na-bà Di Hâu Diện.

Vua Đà-na-bà Nguyệt Diện.

Những vị vua Đà-na-bà này, cũng vào sáng sớm, ra khỏi thiên đình, đi đến chỗ Phật, đầu mặt đánh lễ, đầu mặt đánh lễ, cung kính chấp tay,

nhiều bên phải ba vòng, xong xuôi, lui ra ngồi một bên.

Lại có bảy vạn tám ngàn vua Cưu-bàn-trà, đó là:

– Vua Cưu-bàn-trà Tượng Nhĩ. Vua Cưu-bàn-trà Kỵ Nhĩ.

Vua Cưu-bàn-trà Đại Phi.

Những vị vua Cưu-bàn-trà này, đều đã lìa bỏ mọi sự suy nghĩ của loài Cưu-bàn-trà, cũng vào sáng sớm, những vị này ra khỏi thiên đình, đi đến chỗ Đức Phật, đầu mặt đánh lễ, chấp tay cung kính, nhiều bên phải ba vòng, xong xuôi, lui ra ngồi một bên.

Lại có ba vạn tám ngàn vua ngạ quỷ đói. Đó là:

– Vua Điện Quang Minh. Vua Đại Thí.

Vua Nhất Thiết Canh. Vua Tiễn.

Vua Đại Hải Đào Ba.

Tất cả vua ngạ quỷ này đều ưa thích kinh điển Đại thừa, thọ trì chánh pháp, thường trình bày rộng rãi, phân biệt cho chúng sinh. Họ khát ngưỡng Đại thừa, mong mỏi Đại thừa, hâm mộ Đại thừa, chuyên dùng Đại thừa để tự trang nghiêm, thường phát đại nguyện đặc giới đặc tuệ. Những vị ấy cũng vào sáng sớm, ra khỏi thiên đình, đi đến chỗ Phật, đầu mặt đánh lễ, chấp tay cung kính, nhiều bên phải ba vòng, xong xuôi, lui ra ngồi một bên.

Lại có tám vạn tám ngàn vua A-tu-la. Đó là:

– Vua A-tu-la Tỳ Ma Chất Đa. Vua A-tu-la Phú Lô Na.

Vua A-tu-la Niệm Quốc.

Vua A-tu-la Tịnh Hằng Hà Tỳ Nữ.

Vua A-tu-la Lợi An.

Vua A-tu-la Tượng Yết.

Vua A-tu-la Tam Giác Sơn.

Vua A-tu-la Hôi Phát.

Vua A-tu-la Đại Ác Tánh.

Vua A-tu-la Hỏa Quang.

Tất cả vua A-tu-la này đều lìa bỏ sự suy nghĩ của loài A-tu-la, tâm được điều phục, lìa hẳn mọi kiêu mạn, không còn buông lung. Những vị ấy cũng vào sáng sớm, ra khỏi thiên đình, đi đến chỗ Phật, đầu mặt đánh lễ, cung kính chấp tay, nhiều bên phải ba vòng, xong xuôi, lui ra ngồi một bên.

Lại có sáu vạn năm ngàn vua Đại thần chú. Đó là:

– Vua Bảo Trì.

Vua Vô Tận Tài.

Vua Vô Ngại.

Vua Bất Đối.

Những vua Đại thần chú này, yêu kính pháp Đại thừa, ưa nói Đại thừa, ủng hộ Đại thừa, mong mỏi Đại thừa, đạt định Đại thừa, đủ hạnh bình đẳng, thường muốn dứt trừ mọi nghi ngờ nơi tâm, che chở chánh pháp, vâng giữ tịnh giới. Những vị ấy, cũng vào sáng sớm, ra khỏi thiền định, đi đến chỗ Phật, đầu mặt đánh lễ, chấp tay cung kính, nhiễu bên phải ba vòng, xong xuôi, lui ra ngồi một bên.

Lại có chín vạn chín ngàn Tiên nhân chứng năm thần thông. Đó là:

– Tiên nhân Na La Tha. Tiên nhân Nhuệ Phù La.

Tiên nhân Bạt Di Ca.

Tiên nhân Thiện Nô.

Tiên nhân Kiệt Già.

Tiên nhân Thái Bạch.

Tiên nhân Huỳnh Hoắc.

Tiên nhân Lộc Giác.

Tiên nhân Lộc Mục.

Tiên nhân Ly Mạn.

Tiên nhân Bà Tư Tra.

Tiên nhân Hoan Hỷ.

Tiên nhân Ngũ Âm.

Tiên nhân Kiếp Sơ.

Tiên nhân Đại Vân Sắc Y.

Tiên nhân Thiên Y.

Tiên nhân Kiều Thi Ca.

Tiên nhân Phả La Đọa.

Tiên nhân Long Thanh.

Tiên nhân Hữu Đức.

Tiên nhân Đoạn Nhục.

Tiên nhân Thí Nhất Thiết Mạng.

Tất cả Tiên nhân chứng năm thần thông đó, cũng vào sáng sớm, ra khỏi thiền định, đi đến chỗ Phật, đầu mặt đánh lễ, chấp tay cung kính, nhiễu

bên phải ba vòng, xong xuôi, lui ra ngồi một bên.

Lại có Thiên Đế thích cùng vô lượng vô số chúng trời Tam Thập Tam, cũng vào sáng sớm, ra khỏi thiền định, đi đến chỗ Phật, đầu mặt đánh lễ, chấp tay cung kính, nhiều bên phải ba vòng, xong xuôi, lui ra ngồi một bên.

Lại có Tứ Thiên vương, cũng vào sáng sớm, ra khỏi thiền định, đi đến chỗ Phật, đầu mặt đánh lễ, cung kính chấp tay, nhiều bên phải ba vòng, xong xuôi, lui ra ngồi một bên.

Lại có vua Ba-tư-nặc - chủ nước Xá-vệ - cùng các tiểu vương trang nghiêm bốn thứ binh. Những vua này đều yêu kính pháp Đại thừa, ưa nói Đại thừa, mong mọi Đại thừa, che chở chánh pháp, thọ trì tịnh giới. Các vị ấy cũng vào sáng sớm, ra khỏi thiền định, đi đến chỗ Phật, đầu mặt đánh lễ, chấp tay cung kính, nhiều bên phải ba vòng, xong xuôi, lui ra ngồi một bên.

Lại có năm vạn ba ngàn đại Trưởng giả, như: Trưởng giả Tu-đạt-đa v.v..., đều là những vị đã thọ năm giới, đã phát tâm cầu đạt đạo quả Bồ-đề Vô thượng, yêu kính Đại thừa, mong mọi Đại thừa, hâm mộ Đại thừa, che chở Đại thừa, vâng giữ tịnh giới, vì các chúng sinh tùy thuận Bồ-đề. Những vị ấy, cũng vào sáng sớm, ra khỏi thiền định, đi đến chỗ Phật, đầu mặt đánh lễ, chấp tay cung kính, nhiều bên phải ba vòng, xong xuôi, lui ra ngồi một bên.

Lại có chủ nước Chiêm-bà, tên Nguyệt Hộ cùng các tiểu vương thọ trì năm giới, cùng phát tâm cầu đạt đạo quả Bồ-đề Vô thượng.

Những vị ấy cũng vào sáng sớm, ra khỏi thiền định, đi đến chỗ Phật, đầu mặt đánh lễ, chấp tay cung kính, nhiều bên phải ba vòng, xong xuôi, lui ra ngồi một bên.

Lại có mười sáu nước lớn, như:

– Nước Ương-già-đà.

Nước Ma già-đà.

Nước Ca-thi.

Nước Câu-tát-la.

Nước Bạt-kỳ.

Nước Ma-la.

Nước Phân-đà.

Nước Tu-ma.

Nước A-ma.

Nước A-bàn-đề.

Nước Câu-lưu.

Nước Bán-thời-la.

Nước Bạt-sai.

Nước Thủ-la-tiên-na.

Nước Dạ-bàn-na.

Nước Kiêm-phổ-xà.

Mọi chúng sinh trong mười sáu nước lớn này đều phát tâm cầu đạt đạo quả Bồ-đề Vô thượng, cũng vào sáng sớm, ra khỏi thiền định, đi đến chỗ Phật, đầu mặt đánh lễ, chấp tay cung kính, nhiễu bên phải ba vòng, xong xuôi, lui ra ngồi một bên.

Lại có phu nhân Mạt-lợi cùng một vạn sáu ngàn phu nhân khác, cũng vào sáng sớm, ra khỏi thiền định, đi đến chỗ Phật, đầu mặt đánh lễ, chấp tay cung kính, nhiễu bên phải ba vòng, xong xuôi, lui ra ngồi một bên.

Lại có một vạn tám ngàn chúng Ưu-bà-di như Bà-tỳ-xá-khư v.v... Tất cả chúng Ưu-bà-di này đều phát tâm cầu đạt đạo quả Bồ-đề Vô thượng, ưa thích Đại thừa, mong mỏi Đại thừa, ủng hộ chánh pháp, vâng giữ tịnh giới, vì muốn tập hợp, trợ giúp đạo pháp nên tu đạo Bồ-đề, tất cả đều đạt được tâm không thoái chuyển, vì hóa độ chúng sinh nên thị hiện thọ thân nữ, thường thích tuyên thuyết kinh điển Đại Thừa, và cũng vào sáng sớm, ra khỏi thiền định, đi đến chỗ Phật, đầu mặt đánh lễ, chấp tay cung kính, nhiễu bên phải ba vòng, xong xuôi, lui ra ngồi một bên.

Lại có Thiên tử Tự Tại cùng vô lượng thiên chúng hiện thân biến lớn phóng ra ánh sáng năm màu, đem các loại hoa như núi Tu-di: hoa Ưu-bát-la, Bát-đầu-ma, Câu-vật-đầu, Phân-đà-lợi, hoa hương, hoa đại hương, hoa vi diệu, hoa đại vi diệu, hoa ái kiến, hoa đại ái kiến, hoa thời, hoa thường, hoa Mạn-đà-la, hoa Ma-ha Mạn-đà-la, cùng các thứ hương như: hương chiên-đàn, hương hoa, hương phức-ca, với các thứ kỹ nhạc, các loại hoa lớn như bánh xe. Những vị trời ấy, cũng vào sáng sớm, ra khỏi thiền định, đi đến chỗ Phật, đầu mặt đánh lễ, chấp tay cung kính, nhiễu bên phải ba vòng, xong xuôi, lui ra ngồi một bên.

Lại có hàng vạn Phạm thiên như Phạm thiên Loa-kế v.v... vô lượng Phạm thiên này, đều phóng ra ánh sáng năm màu, có năng lực phá tan mọi tham dục hắc ám của chúng sinh hiện có nơi núi Kỳ-xà-quật. Các vị Phạm

thiên ấy đem vô số loại hương tạp, hoa, kỹ nhạc đi đến chỗ Phật ở tại rừng Trúc Ca-lan-đa, núi Kỳ-xà-quật, trong đại thành Vương-xá. Tại đây, đất đai ngang dọc một do-tuần, các y trời trải kín khắp mặt đất, như: y Kiều-thi-ca, y Ca-lăng-già, y Sô-ma, y Câu-nhuệ-bà; lại dựng tòa sư tử bảy báu, cao một trăm vạn tám ngàn do-tuần, bày biện những vật cúng dường xong, các Phạm thiên đều nhiễu quanh Như Lai đủ ba mươi vòng, rồi cỡi y báu mang nơi thân, phủ lên trên Như Lai và nói:

– Cúi xin Như Lai hãy vì các chúng sinh mưa xuống cơn mưa pháp.

Lúc đó, từ nơi không trung phát ra âm thanh lớn:

– Bạch Thế Tôn! Mặc dù được nghe nói về pháp thường, lạc, ngã, tịnh, nhưng tất cả chúng sinh không thể nào hiểu được. Cúi mong Như Lai hãy trình bày, giảng nói.

Lại có vô lượng Nga vương, như Nga vương Sư Tử v.v... đem đầy đủ những thứ cúng dường như các loại hoa hương để cúng dường tòa sư tử báu.

Lại có vô lượng Khổng tước vương như Thiện Mục v.v... đem các loại hương hoa, những kỹ nhạc vi diệu cúng dường Phật.

Lại có vô lượng Điều vương Câu-chỉ-la, như Điều vương Thiện Hạnh v.v... cũng vào sáng sớm, ra khỏi thiền định, đi đến chỗ Phật, đầu mặt đánh lễ, chấp tay cung kính, nhiễu bên phải ba vòng, xong xuôi, lui ra ngồi một bên.

Lại có Điều vương Ca-lan-đa trên núi Tuyết, như Điều vương Liên Hoa v.v... đem các hương hoa, cũng vào sáng sớm, ra khỏi thiền định, đi đến chỗ Phật, đầu mặt đánh lễ, chấp tay cung kính, nhiễu bên phải ba vòng, xong xuôi, lui ra ngồi một bên.

Lại có vô lượng Điều vương Mạng mạng, như Điều vương Vô Ngại v.v... cũng vào sáng sớm, ra khỏi thiền định, đi đến chỗ Phật, đầu mặt đánh lễ, chấp tay cung kính, nhiễu bên phải ba vòng, xong xuôi, lui ra ngồi một bên.

Lại có vô lượng vua thần núi, đứng đầu là vua thần núi Tu-di, cũng vào sáng sớm, ra khỏi thiền định, đi đến chỗ Phật, đầu mặt đánh lễ, chấp tay cung kính, nhiễu bên phải ba vòng, xong xuôi, lui ra ngồi một bên.

Lại có vua các loài cỏ thuốc ở Hương sơn, như vua Nhẫn Nhục v.v... cũng vào sáng sớm, ra khỏi thiền định, đi đến chỗ Phật, đầu mặt đánh lễ, chấp tay cung kính, nhiễu bên phải ba vòng, xong xuôi, lui ra ngồi một bên.

Bấy giờ, mọi cây cối hiện có đều trở hoa quả. Mọi kỹ nhạc không tấu tự nhiên phát ra âm thanh vi diệu. Mọi loài thú dữ như sư tử v.v... trong núi Tuyết đều phát khởi tâm từ, xem nhau như mẹ với con.

Lại có tất cả các loài trùng độc như muỗi, nhặng v.v... đều đạt tâm từ xem nhau như con một.

Các loài chim dữ cũng lại như vậy.

Lại có bốn loại rắn độc, đó là: loại rắn độc nhìn, loại rắn độc phì hơi, loại rắn độc cắn, loại rắn độc xúc chạm v.v... cũng đều đạt được tâm từ.

Cả đến mười sáu loại luật nghi xấu ác cũng đều như vậy. Các chúng sinh ác thấy đều thọ năm giới.

Khi đó, tất cả đại chúng cùng đều thọ trì giới hạnh thanh tịnh, ưa muốn nghe thọ kinh điển Đại thừa, cung kính Đại thừa, ủng hộ Đại thừa, những kẻ chê bai hủy báng Đại thừa, khi thấy việc như thế cũng đều thọ trì, cung kính cúng dường.

Bấy giờ, Đại Bồ-tát Đại Vân Mật Tạng liền từ tòa ngồi đứng dậy, trích bày vai phải, đánh lễ Phật, quỳ dài, chấp tay, bạch:

– Bạch Thế Tôn! Chư đại chúng ở đây đều có lòng hồ nghi. Nay con có điều muốn hỏi, cúi xin Thế Tôn cho phép.

Đức Phật nói:

– Tốt lắm! Hay lắm! Này thiện nam! Ta có thể phá tan sự nghi ngờ nơi tâm của đại chúng. Có điều gì, ông cứ thưa hỏi.

Bồ-tát Đại Vân Mật Tạng hỏi:

– Bạch Thế Tôn! Bậc Đại Bồ-tát làm sao tu hành đạt được Đà-la-ni?

Làm sao có khả năng đạt được Tam-muội đại hải?

Làm sao có khả năng giải thích những lời bí mật của chư Phật?

Làm sao đạt được sự nhận biết đầy đủ về pháp vị?

Làm sao thấy được Tạng kín đáo?

Làm sao hội nhập vào nơi an ổn thấy được sự tồn tại mãi mãi của Như Lai?

Làm sao có khả năng đạt được Tạng báu của Như Lai?

Chấm dứt vĩnh viễn mọi bần cùng khốn khổ của chúng sinh?

Làm sao có khả năng giải thích được nghĩa lý sâu xa của chư Phật Như Lai?

Làm sao có khả năng đến được bờ biển giải thoát của chư Phật Như

Lai?

Làm sao Bồ-tát hội nhập vào cảnh giới của chư Phật Như Lai?

Làm sao Bồ-tát lại hộ trì mọi pháp huyển của chư Phật?

Làm sao Bồ-tát đạt được pháp của Như Lai, khi đạt rồi lại có khả năng diễn nói?

Làm sao có khả năng biết được tất cả pháp giới?

Làm sao đạt được thân tuệ tinh, thân nguyệt, thân nhật (thân sao chổi, thân mặt trời, thân mặt trăng) của Phật?

Làm sao đạt được biên vực tận cùng của Như Lai?

Làm sao có khả năng đạt được nghiệp thanh tịnh của chư Phật?

Làm sao đạt được con đường hành hóa của Như Lai đi?

Làm sao đạt được ao thanh tịnh thâm diệu của Phật?

Làm sao được hoa Phân-đà-lợi của Phật?

Làm sao đạt được sức tự tại của Phật?

Làm sao có khả năng đạt được tài sản của chư Phật?

Làm sao có khả năng thấy được thật tướng của Như Lai?

Làm sao thấy được sự thường trụ bất biến của Phật?

Làm sao có khả năng đạt được màu sắc vàng ròng của Như Lai?

Làm sao Bồ-tát đạt được ngôi vị Pháp vương của Phật?

Làm sao có khả năng đạt được pháp thân kim cương?

Làm sao đạt được thường thân, thường thanh của Phật?

Làm sao Bồ-tát đến được nơi an ổn của Như Lai mà không có tướng an ổn?

Làm sao thấy được thường, lạc, ngã, tịnh của chư Phật Như Lai mà chẳng phải là ác kiến?

Thế nào là pháp thân chân thật, sinh thân chân thật của Như Lai?

Thế nào là thân kim cương của Như Lai xua tan mọi tạp thân?

Thế nào là thấy thân hoại mà gọi là cái thấy chân chánh?

Thế nào là thân Như Lai không được gọi là thân do máu, thịt, gân, xương kết hợp thành, hay là có những thân như thế?

Thế nào là quán không khi nghe Như Lai nói pháp? Thế nào là những điều đã đạt được?

Thế nào là khi nói pháp lại nghe đầy đủ về pháp *vô sở hoạch*, hoặc

vô sở hữu?

Thế nào là được nói về cái thường, chân thật của Như Lai? Thế nào là nhập Niết-bàn hoặc không nhập Niết-bàn?

Thế nào gọi là giới thật ngữ hoặc không tịnh uế?

Tại sao khen ngợi việc trì giới là pháp Phật không bị diệt?

Tại sao nói pháp diệt, lại nói khi pháp diệt có nhiều người phá hủy giới cấm? Tánh tịnh của Phật Như Lai là thượng tịnh, là cứu cánh tịnh chăng? Tánh của những người hủy hoại giới cấm cũng như vậy phải không?

Thế nào là ưa thích sinh tử?

Thế nào là chư Bồ-tát thường nói về cái vui của sinh tử?

Thế nào là chư Bồ-tát lại ưa thấy tánh của Như Lai?

Thế nào là sự thường hằng của phiền não?

Thế nào là ưa phiền não?

Thế nào là lại nhập vào được tất cả cửa phiền não?

Thế nào là có khả năng tu được tất cả nghiệp của cõi Phật?

Thế nào là khéo biết được gốc rễ của phiền não?

Thế nào là các Bồ-tát có khả năng khéo diệt trừ được tâm nghi ngờ về thường, lạc, ngã, tịnh đối với Phật, hoặc là không có tâm hồ nghi? chết?

Thế nào là sợ sống chết, hoặc là có sự sợ hãi đối với sự sống

Thế nào là ưa đắm chấp?

Thế nào là đạt được con đường của Phật?

Thế nào là chuyển bánh xe chánh pháp?

Thế nào là hướng dẫn cho chúng sinh nhận biết Phật tánh không thể bị đoạn trừ?

Thế nào là đối trị chúng ma, khiến lìa cảnh giới ma?

Thế nào là đưa chúng sinh vượt qua biển khổ lớn sống chết?

Thế nào là nói về sống chết, chỉ dẫn con đường sống chết?

Thế nào là đạt được biển cả vô lượng của sự sống chết?

Thế nào là cầu sống chết, khát khao con đường sống chết?

Thế nào là tham sống chết, nuôi tiếc không buông bỏ?

Thế nào là mở bày sự sống chết giống như Phân-đà-lợi?

Thế nào là sự ràng buộc của phiền não giống như bốn biển lớn?

Thế nào là các phiền não thường khởi lên giống như sự phát nguyện?

Thế nào là có được tâm địa ngục?

Thế nào là thường cầu tâm địa ngục?

Thế nào là tu tập giới cấm địa ngục?

Thế nào là chấm dứt hết thân địa ngục do nghiệp hành của địa ngục đao, kiếm, cung, tên, dùi, vòng lửa...?

Thế nào là có khả năng phá tan quả địa ngục của chúng sinh?

Thế nào là tạo sự an lạc cho chúng sinh ở địa ngục?

Thế nào là giáng cơn mưa lớn xuống dập tắt ngọn lửa địa ngục?

Thế nào là thân ở địa ngục nhưng không chịu hình phạt?

Thế nào là làm người chèo thuyền dẫn dắt cho địa ngục?

Thế nào là làm vị thuốc hay, lớn cho địa ngục?

Thế nào là có khả năng bít lấp con đường địa ngục?

Thế nào là làm ngọn đuốc tuệ phá tan sự u ám nơi sinh tử?

Thế nào là không bị vấy bẩn do sự độc hại của phiền não sinh tử? Tuy trụ nơi vô sở trụ mà không đồng với không trụ, lại có khả năng tiêu trừ mọi phiền não, như mặt trời phá tan tuyết, thấy được thường, lạc, ngã, tịnh của Như Lai, tâm an trụ như núi Tu-di, không lay động, không chuyển dời, giống như cây cờ của Đế Thích. Như Lai thật sự không có Niết-bàn cứu cánh, cũng nói Như Lai nhập vào Niết-bàn, tâm ấy không hoại, giống như kim cang?

Thế nào là có được sự xấu hổ?

Thế nào là đạt được thân tướng tốt đẹp?

Thế nào là lại có khả năng đạt thân được mọi người ái kính?

Thế nào là đạt được không tham lam?

Thế nào là đạt được không giận dữ?

Thế nào là có khả năng đạt được ánh sáng vi diệu?

Thế nào là đạt được tánh chân chánh?

Thế nào là đạt được sự tự tại?

Thế nào là có khả năng đạt được quyền thuộc của đại chúng?

Thế nào là có khả năng đạt được quyền thuộc không hoại, không lui, không mất, không tham ăn uống, thường tu hạnh biết vừa đủ, trọn không ăn thịt, thường sinh lòng yêu mến đối với các chúng sinh, thường được thế gian cung kính, tôn xưng là bậc đại thí chủ cho tất cả, bậc đại lực (sức lực mạnh mẽ), bậc kiên hành (bước đi vững chắc), bậc có lòng đại từ, đại bi,

đại hỷ, đại xả, đại tuệ tổng trì, tùy thuận theo thể gian làm an lạc cho thể gian?

Thế nào là đạt được sự vô thượng của thể gian, vô thắng của thể gian, vô biên của thể gian; thường thực hành chánh ngữ, tu hành phạm hạnh; thực hành hạnh đại bi, hạnh hỷ, thánh hạnh; thấy cõi pháp không rời tùy thuận diễn nói, thấy cõi bất không nói cũng như vậy; nói tướng pháp Phật, thấy pháp chân chánh của Phật, đạt được sự tự tại trong sạch; giữ gìn giới tài, đức tài, pháp tài và bất thực tài, vì chúng sinh nghèo đạt được tài vật chứa nơi thân; vì các chúng sinh đạt được ba loại định: không, vô tướng, vô nguyện; muốn sinh tịnh độ thì đạt thân theo nguyện. Tuy vì các chúng sinh phải thọ ấm thân này nhưng không vì vậy mà cầu chúng sinh phải báo đáp ân đức, ca ngợi việc tu trì giới, quả trách việc phá giới, không bị đăm người tà vạy cản trở, quấy phá. Tuy đọc ngoại điển nhưng không theo nghĩa lý, những lời thuyết giảng về cú nghĩa không dứt. Tuy được mệnh danh là Sa-môn, Bà-la-môn nhưng hoàn toàn không phát sinh ý tưởng của Sa-môn, của Bà-la-môn. Tuy tỏ tường về toán số, chú thuật nhưng tâm chưa từng có ý nghĩ lệ thuộc. Tuy vì chúng sinh hiện vào thiên tự, cung kính cúng dường, y chỉ lễ bái nhưng trong tâm thường y vào pháp giới. Hiện tại làm mười điều ác, kỳ thật là hành phạm hạnh, được chư Phật hộ niệm, xem như con một. Hay khéo hộ trì pháp thân chư Phật, có khả năng chuyển tất cả bánh xe chánh pháp của chư Phật; thấy một cách sâu xa về tướng chân thật cùng pháp giới thâm diệu của chư Phật, tu hành tất cả mọi hành của chư Phật, đạt được vô lượng thân cùng vô lượng hạnh, khéo giải thích mọi mật ngữ của chư Phật, cùng trừ bỏ kiêu mạn giống như chư Phật; khéo nói nghĩa lý sâu kín của pháp giới. Tuy nói kiêu mạn nhưng không có ý tưởng kiêu mạn, cũng không dạy người khác kiêu mạn. Tâm không tham, sân, si, sợ hãi, giống như chư Phật, hạnh nguyện vô lượng, sự kín đáo vô lượng, chư pháp vô lượng, ưa nói vô lượng, tánh tướng vô lượng, chân thật vô lượng, thấy chân, thấy thật, thấy tánh, thấy pháp. Vì muốn đoạn trừ phiền não cho chúng sinh nên diễn nói pháp, thường được tri kiến của chư Phật Thế Tôn, vượt hẳn biên cả của mọi sự ràng buộc theo phiền não. Vì muốn độ chúng sinh nên nói pháp vượt biên cả của mọi sự ràng buộc nơi phiền não. Đối với những người tự mình được độ, đã độ, chưa độ, những người tự mình được thoát, đã thoát, chưa thoát, những người tự mình được an, đã an, chưa an và những người chưa được Niết-bàn thì đều khiến đạt được sự Niết-bàn, tự thấy pháp giới một cách rõ ràng chân thật; hoặc vì chúng sinh nói thật – không thật. Trải qua vô lượng kiếp đã phá tan bốn loại ma, vì các chúng

sinh nên hiện ở nơi cây đạo hàng phục chúng ma. Tri kiến thật bên trong từ lâu đã phá tan các ma, vì các chúng sinh nên nói nay phá trừ, dùng phương tiện khéo léo chuyển bánh xe chánh pháp, dùng phương tiện khéo léo để hiện nhập Niết-bàn?

Thế nào là có khả năng đạt được thần thông của chư Phật?

Thế nào là đạt được ngôi Pháp vương của Phật Như Lai?

Thế nào là đạt được tạng pháp bí mật của Phật?

Thế nào là đạt được sự không thể nghĩ bàn của Phật?

Thế nào là có khả năng đạt được sự vô lượng, vô xung, vô số, vô thắng, vô biên của chư Phật?

Thế nào là có khả năng ban phát vị cam lồ cho tất cả chúng sinh?

Khi ấy, Đức Thế Tôn bảo Bồ-tát Đại Vân Mật Tạng:

– Lành thay! Lành thay! Nay thiện nam! Vì muốn tạo an lạc cho chúng sinh ở thế gian, ông đã nêu ra những câu hỏi này, là những câu hỏi rất có ý nghĩa. Tất cả chúng sinh do bị vô minh làm cho tăm tối nên không thể biết được mọi công đức chân thật của chư Phật.

Nay thiện nam! Nay ông muốn khiến cho tất cả chúng sinh đều đạt được con mắt trí tuệ thường nhãn, thường quang, vượt hẳn qua sông lớn phiền não sinh tử, hiểu rõ hạnh Bồ-đề của chư Phật; muốn phá tan màn kết vô minh cho chúng sinh, chỉ dẫn hạnh Bồ-đề vô thượng, hay ưa diễn nói về không thường, không lạc, không ngã, không tịnh của tất cả chúng sinh, thế mà nay muốn mở bày về thường, lạc, ngã, tịnh. Như Lai rất ráo nhập vào Niết-bàn không thường, không lạc, không ngã, không tịnh, thế mà nay muốn mở bày về việc chư Phật Thế Tôn không ráo diệt, thường trụ bất biến.

Nay thiện nam! Tất cả chúng sinh thường vọng sinh phân biệt về pháp giới, thế nhưng tánh của pháp giới thật sự không phân biệt. Nay nêu câu hỏi, tức ông muốn hỏi về ý nghĩa không phân biệt.

Nay thiện nam! Tất cả chúng sinh thường bị cấu nhiễm do các thứ tà độc. Như Lai Thế Tôn là bậc đại lương y, ý ông muốn bậc y vương Như Lai ra toa trao thuốc, trị mọi thứ bệnh khổ cho chúng sinh.

Nay thiện nam! Giống như Phạm chí Già-la-ca cùng các Bà-la-môn Ni-kiền-tử, thật sự chẳng phải là A-la-hán mà khởi lên ý tưởng của La-hán.

Chẳng phải là bậc Thánh mà khởi lên ý tưởng của bậc Thánh. Chẳng phải là hàng trời mà khởi lên ý tưởng của hàng trời.

Thật chẳng phải là pháp thường, lạc, ngã, tịnh mà khởi lên ý tưởng của thường, lạc, ngã, tịnh.

Nay vì muốn nhờ mũi tên tà độc, cởi bỏ sự ràng buộc tà vạy, phá địa ngục tà, ra khỏi lưới tà, ban phát vị cam lồ, ngũ yên nơi bốn thiên, thoa hương tịnh giới, bốn đẳng làm hoa, hổ thẹn làm áo mặc cho chúng sinh, ông đã nêu ra câu hỏi này.

Này thiện nam! Tất cả chúng sinh không biết tổng tướng, không biết biệt tướng, tướng, không tướng, chẳng phải tướng, chẳng phải là không tướng, chẳng phải là tướng tướng, chẳng phải là không tướng tướng.

Không thể biết, chẳng phải là không thể biết. Chẳng phải bên này, chẳng phải bên kia.

Chẳng phải tay, chẳng phải ngón tay. Chẳng phải bên này, bên kia, chính giữa.

Chẳng phải tạo tác, chẳng phải không tạo tác. Chẳng phải chỉ bày, chẳng phải không chỉ bày.

Chẳng phải nguyên nhân, chẳng phải không nguyên nhân. Chẳng phải mau chóng, chẳng phải không mau chóng.

Chẳng phải nhận biết, chẳng phải không nhận biết. Chẳng phải hiểu biết, chẳng phải không hiểu biết. Chẳng phải trụ, chẳng phải không trụ.

Chẳng phải tối, chẳng phải sáng. Chẳng phải tướng, chẳng phải danh. Chẳng phải nhẹ, chẳng phải nặng. Chẳng phải yếu, chẳng phải mạnh.

Chẳng phải nơi chốn, chẳng phải không nơi chốn. Chẳng phải sạch, chẳng phải không sạch.

Chẳng phải hữu vi, chẳng phải vô vi.

Chẳng phải có, chẳng phải không.

Chẳng phải có thể nói, chẳng phải không thể nói.

Chẳng phải lấy, chẳng phải bỏ.

Không sinh không lui.

Chẳng phải thật, chẳng phải hư.

Chẳng phải chánh, chẳng phải tà.

Chẳng phải rốt ráo, chẳng phải không rốt ráo.

Chẳng phải ruộng phước, chẳng phải không ruộng phước.

Chẳng phải thời gian, chẳng phải không thời gian.

Chẳng phải có thể sạch, chẳng phải không thể sạch.

Chẳng phải tạo tác, chẳng phải có khả năng tạo tác.
 Chẳng phải sinh, chẳng phải diệt.
 Chẳng phải lạnh, chẳng phải nóng.
 Chẳng phải âm, giới, nhập, chẳng phải kết nhân, chẳng phải nghiệp nhân.

Chẳng phải sinh, chẳng phải đọa.
 Chẳng phải trưởng, chẳng phải tăng trưởng.
 Chẳng phải có đọa lạc, rốt ráo không đọa.
 Chẳng phải là pháp hữu, dứt hẳn các hữu.
 Chẳng phải quá khứ, chẳng phải hiện tại, chẳng phải vị lai.
 Chẳng phải thật, chẳng phải không thật.
 Chẳng phải tánh, chẳng phải không tánh.
 Chẳng phải sắc, chẳng phải thọ, tưởng, hành, thức.
 Chẳng phải tận, chẳng phải bất tận, cũng không thể tận.
 Chẳng phải đẳng, chẳng phải vô đẳng, cũng không cùng đẳng.
 Chẳng phải đất, nước, gió, lửa.

Tất cả pháp giới thật không có thân, tướng của thật tướng là rốt ráo chân thật. Đó gọi là Như Lai được thành tựu từ các đại công đức vô lượng vô biên không thể nghĩ bàn. Thân như vậy tức là chân pháp thân của chư Phật. Ý nghĩa sâu xa không thể nghĩ bàn.

Pháp giới của Như Lai sâu kín thâm diệu, không dòi dỏi chốn gốc. Tuyên nói chánh pháp khiến chư Phật trong mười phương thấy đều nghe biết. Vì sao? Vì nẻo hành hóa của Như Lai hiện bày thần lực tự tại. Những điều sâu kín như thế, các hàng Thanh văn, Duyên giác không sao nghe được.

Nay thiện nam! Tại sao chư Phật lại không vì các hàng này mà giảng nói khiến họ được nghe?

Nay thiện nam! Ngay cả nghĩa của một chữ, các hàng Thanh văn, Duyên giác cũng không thể nào giải thích được. Họ giống như kẻ cuồng loạn, sinh ra bị mù, uống thuốc độc, như tầm trong kén, như trúng tên độc, như người bệnh ho đàm khi uống nước. Vì thế, chư Phật không giảng nói cho họ biết,

Nay thiện nam! Tất cả chúng sinh bị các kiết sử phiền não gây bệnh. Chư Phật Như Lai có năng lực ban cho pháp dược, dùng chú thuật mầu

nhệm nhỏ mũi tên độc, trừ bệnh đau vai. Chúng sinh thật sự không biết Như Lai thường trụ bất biến. Như Lai đốt ngọn đuốc pháp trí tuệ vì muốn khiến cho chúng sinh thấy được thường, lạc, ngã, tịnh. Ví như mặt trời xuất hiện có thể khiến cho mọi chúng sinh thấy khắp được mọi tướng trạng cao thấp của mặt đất. Như Lai cũng vậy, tất cả chúng sinh không biết phương đẳng, cũng không thể đạt được Tam-muội tổng trì, không biết thời giờ của Phật, không biết tài sản của Phật, không thấy thân Phật, không hiểu tướng trạng Niết-bàn của Như Lai, không biết sự diệt cùng không diệt của Phật pháp, mà lại cho rằng: Như Lai vô thường, vô ngã, vô lạc, vô tịnh; mũi tên phiền não là thức ăn tạp độc. Thế nên, Ta diễn nói pháp thường, lạc, ngã, tịnh của chư Phật là muốn dứt trừ sự tối tăm u ám của vô minh cho những người ấy.

Này thiện nam! Các hàng Thanh văn, Duyên giác chưa từng được nghe về nghĩa lý của một chữ, nay vì muốn cho họ được nghe, ông đã nêu ra những câu hỏi ấy. Hãy lắng nghe, lắng nghe và suy nghĩ thật chín chắn, Ta sẽ vì ông mà phân biệt giảng nói.

Có kinh vương Đại Phương Đẳng cam lồ khai mở kho báu lớn chấn cấp cho người nghèo khổ, khai phát kho công đức của chư Phật. Tất cả chúng sinh đều có Phật tánh, tánh ấy vô tận, xưa nay nó bị che lấp. Nay chư Phật Như Lai muốn hiển thị nên đã thấp ngọn đèn trí tuệ lớn soi sáng, khiến cho chúng sinh thấu hiểu rõ ràng, nhận thấy mình bạch.

Này thiện nam! Ta định nói, ông liền nêu bày câu hỏi.

Trước đây ông đã phát thệ nguyện chưa?

Đại Bồ-tát Đại Vân Mật Tạng nói:

– Bạch Thế Tôn! Thật sự xưa nay con không phát nguyện này, mà đây chính là do sức thần thông, lòng đại từ bi của Đức Thế Tôn và vì muốn độ thoát chúng sinh nên con mới nêu ra câu hỏi như thế. Đó chính là do con muốn phá tan sự khốn khổ, bần cùng của chúng sinh, muốn cho chúng sinh được tâm ý vô tận. Nay Như Lai giảng nói tức có khả năng tiêu diệt mọi sự tối tăm bao trùm của vô minh cho tất cả chúng sinh, khiến họ đạt được vật báu trí tuệ, khiến thấy rõ Phật tánh, thấy được pháp thường, lạc, ngã, tịnh của Như Lai chăng?

Phật đáp:

– Lành thay! Lành thay! Này thiện nam! Nay vì muốn giúp chúng sinh vượt qua biển sinh tử, vì muốn truyền bá rộng rãi kinh điển Phương Đẳng, vì khiến cho chánh pháp luôn thường trụ, ban phát tất cả pháp vị cam

lò, trừ dứt mọi sự khốn khổ, bản cùng cho chúng sinh nên ông đã nêu ra những câu hỏi như vậy, ý nghĩa của nó rất là sâu xa. Hãy lắng nghe, ghi nhận, Ta sẽ vì ông mà phân biệt giảng nói, khiến cho các chúng sinh đạt được sự an ổn, vui vẻ. Nay ông nên vì tất cả chúng sinh khéo giữ gìn nghĩa này.

Này thiện nam! Tất cả các Như Lai - đấng Ứng Cúng, Chánh Biến Tri, Minh Hạnh Túc, Thiện Thệ, Thế Gian Giải, Vô Thượng Sĩ, Điều Ngự Trượng Phu, Thiên Nhân Sư, Phật Thế Tôn - đều có thể một pháp gọi là pháp giới. Dựa vào pháp giới này, chư Phật Thế Tôn đều có thường tuệ, dùng nước thường tuệ tắm sạch bản thân, uống vị nước cam lồ và cùng đem ban bố cho tất cả muôn loài, khiến họ tu tập theo nẻo hành hóa của chư Phật. Ông nên uống vị nước cam lồ này. Khi đã uống xong, ông nên ban phát. Nay Ta sẽ nói, ông khéo lắng nghe. Những điều Ta nói thấy đều tốt đẹp, nghĩa lý chân thật, lời lẽ nhiệm mầu, âm thanh thanh tịnh, thuần chất không xen tạp, đầy đủ tướng trạng của phạm hạnh thanh bạch.



KINH ĐẠI PHƯƠNG ĐĂNG VÔ TƯỚNG

QUYỂN 2

PHẦN 1: ĐẠI VÂN

Chương 1: NÓI VỀ ĐẠI CHÚNG 2

Này thiện nam! Có kinh Đại Vân là biển lớn tổng trì, là biển lớn Tam-muội, chính là pháp ấn của Như Lai, là thành pháp của chư Phật, là pháp giới hết mực thâm diệu, thường trụ bất biến, là thường, lạc, ngã, tịnh, không thể nghĩ bàn.

Này thiện nam! Nếu ai thọ trì, biên chép, đọc tụng, giảng nói, thì người ấy có khả năng phá tan phiền não cho chúng sinh, đoạn trừ mọi bần cùng, khốn khổ. Nhấm lúc đói khát, đồng ruộng tiêu điều, nước non quý hiếm v.v... nếu đọc tụng kinh này thì sẽ được mùa màng thêm tươi, đất đai trù phú. Hoặc lúc hạn hán, trời không giáng mưa, hoặc có lúc khát khao pháp thực, đọc tụng kinh này thì sẽ đạt được vị pháp cam lồ tổng trì.

Nếu ai muốn có đầy đủ đại thần thông thì nên thọ trì kinh này.

Nếu muốn tuôn trận mưa pháp thấm nhuần cây khô thì nên đọc kinh này.

Nếu có bệnh hoạn cũng nên thọ trì kinh này.

Vì sao? Vì kinh này là thần dược cho mọi thứ bệnh hoạn. Kinh này có năng lực đoạn trừ mọi độc hại, là đại Đà-la-ni, là đại Tam-muội. Kinh này là những hương thoa, hương bột, hương đốt, là hoa thanh tịnh vi diệu.

Này thiện nam! Nay ông đốt lên ngọn đèn trí tuệ, phá tan sự tối tăm, cuồng ngu cho chúng sinh, thế nhưng các chúng sinh thường nói: “Pháp vô thường, vô ngã, vô tịnh của Như Lai là pháp hoại diệt”, chúng sinh như vậy tức là uống nước độc, bị mũi tên cực độc, vết thương lở lóí, cuồng say, mất tâm, bị vô minh che lấp. Hàng Thanh văn, Duyên giác giống như loài bò già yếu đuối. Vì thế, ông nên tuyên nói rộng rãi, phân biệt công đức của Như Lai, dùng dầu thật tướng làm sáng tỏ thêm ngọn đèn trí tuệ, khai phát mất tuệ, trừ bỏ sự tối tăm của vô minh.

Nếu ai nói Như Lai thật sự sinh ra nơi vương gia Du-đầu-đàn, xuất gia học đạo, tu tập khổ hạnh, phá trừ quân ma, ngồi nơi đạo tràng thành đạo Bồ-đề, thì nên biết, đây là kẻ hủy báng Phật. Thà bị chặt đầu, nhỏ đứt cả lưỡi, chớ nên phát ra những lời nói hư vọng như vậy. Vì sao? Vì chẳng thể khéo giải thích được những lời nói bí mật của chư Phật Như Lai. Nếu trong kinh có chép: “Sa-môn Cù-đàm”, thì nên biết đó là mật ngữ.

Này thiện nam! Nếu vì chúng sinh thị hiện thần túc thì nên biết đó là đưa con chân chánh của Phật.

Này thiện nam! Ông vì đạt được quả báo lớn nên đã trao cho các hàng Thanh văn, Phật-bích-chi những thứ thuốc như thuốc khiến nôn tháo ra, thuốc làm giảm đau, thuốc xông, thuốc uống, thuốc trị các bệnh. Những thuốc ấy là gì? Đó là kinh điển Đại Thừa Phương Đẳng. Ông nên biết: Kinh này tức là Chuyển luân Thánh vương trong các kinh. Vì sao? Vì trong kinh điển này có chép: “Thật tánh, Phật tánh của chúng sinh thường trụ trong tạng pháp. Chúng sinh không hiểu rõ cả đến một câu một chữ”. Nay ông nên lắng nghe, lắng nghe rồi tức đây sẽ là tạng pháp của ông. Ông lại nên quán cảnh giới của kinh này.

Này thiện nam! Kinh này có pháp môn gồm bốn trăm thứ giải thoát không thể nghĩ bàn của chư Phật, Bồ-tát.

Này thiện nam! Kinh này có môn Tam-muội Thần thông vương trong tạng báu của các pháp.

Này thiện nam! Kinh này có môn Đà-la-ni nơi tạng báu trong ba mươi sáu trí tuệ không thoái chuyển của chư Phật, Bồ-tát.

Này thiện nam! Kinh này lại có pháp môn gồm ba mươi ba loại phương tiện giải thoát theo đại hạnh hội nhập mọi âm thanh chúng sinh của chư Phật, Bồ-tát.

Này thiện nam! Kinh này lại có pháp môn gồm mười loại thần túc đại hạnh quang vương hội nhập tạng hạnh của chư Phật, Bồ-tát.

Kinh này lại có pháp môn gồm mười loại từ cảnh giới đạo hành nghiệp sinh tử, đạt được tâm định giải thoát theo tuệ nguyện tạng của chư Phật, Bồ-tát.

Kinh này lại có pháp môn gồm mười trí bất diệt nhập vào tư duy theo thần thông vương của chư Phật, Bồ-tát.

Kinh này lại có pháp môn gồm mười loại tạng pháp tư duy không sinh, có thể hội nhập nơi thần túc của chư Phật, Bồ-tát.

Kinh này lại có pháp môn gồm mười trí thâm diệu hội nhập vào hạnh pháp vương vô úy của chư Phật, Bồ-tát.

Kinh này lại có pháp môn gồm mười loại Đại vân thấy tạng công đức không thể nghĩ bàn nơi giáo pháp của chư Phật, Bồ-tát.

Kinh này lại có pháp môn nhập vào mười loại ngôn ngữ của chúng sinh, tu pháp hạnh lớn theo phương tiện không dứt bỏ giải thoát của chư Phật, Bồ-tát.

Kinh này lại có pháp môn gồm mười loại thần thông hội nhập nơi sinh hành, hữu hành, hành tạng quang vương của chư Phật, Bồ-tát.

Kinh này lại có pháp môn gồm mười loại Tam-muội tâm trụ nơi hạnh nghiệp sinh tử phiền não giải thoát theo pháp tạng thế nguyện của chư Phật, Bồ-tát.

Kinh này lại có pháp môn gồm mười loại trí hội nhập vào thần túc vương không thể nghĩ bàn của chư Phật, Bồ-tát.

Kinh này lại có pháp môn gồm mười loại thần túc vương không sinh, không thể nghĩ bàn, thông đạt mật tạng của chư Phật, Bồ-tát.

Kinh này lại có pháp môn gồm mười trí sâu rộng hội nhập nơi hạnh tinh tấn của chư Phật, Bồ-tát.

Kinh này lại có pháp môn gồm mười trí Đại vân tạo các pháp hòa hợp nơi thần túc vương của chư Phật, Bồ-tát.

Kinh này lại có pháp môn Đại vân với nhãn mục quang minh của chư Phật, Bồ-tát.

Kinh này lại có pháp môn gồm đủ mười thứ ánh chớp tỏa sáng của Đại Vân hội nhập nơi hạnh của chư Phật, Bồ-tát.

Kinh này lại có pháp môn Đại vân xiển dương kinh Đại thừa của chư Phật, Bồ-tát.

Kinh này lại có pháp môn thần túc biến hiện đèn sáng của chư Phật, Bồ-tát.

Kinh này lại có pháp môn giảng nói mười loại mưa pháp nhập vào thần túc vương của chư Phật, Bồ-tát.

Kinh này lại có pháp môn gồm mười trí kim cang hội nhập nơi tạng pháp của chư Phật, Bồ-tát.

Kinh này lại có pháp môn gồm mười loại tánh chánh hạnh là chốn hội nhập của chư Phật, Bồ-tát.

Kinh này lại có pháp môn gồm mười hạnh vô tận hội nhập nơi thần

thông vương của chư Phật, Bồ-tát.

Kinh này lại có pháp môn gồm mười loại hành nghiệp vô cùng vi diệu là nẻo hội nhập của chư Phật, Bồ-tát.

Kinh này lại có pháp môn gồm mười loại sư tử hống là nơi chốn hội nhập của chư Phật, Bồ-tát.

Kinh này lại có pháp môn gồm mười hạnh sinh khởi hòa hợp hội nhập nơi tâm hộ trì nghiệp thế gian của chư Phật, Bồ-tát.

Kinh này lại có pháp môn gồm mười thần thông báu là chốn hội nhập của chư Phật, Bồ-tát.

Kinh này lại có pháp môn gồm mười thần thông của chim cánh vàng là chốn hội nhập của chư Phật, Bồ-tát.

Kinh này lại có pháp môn gồm mười đại thí vi diệu vương của chư Phật, Bồ-tát.

Kinh này lại có pháp môn gồm mười đại lực thần thông vô sở úy là nẻo hội nhập của chư Phật, Bồ-tát.

Kinh này lại có pháp môn gồm mười hạnh rộng lớn như biển lớn là chốn hội nhập của chư Phật, Bồ-tát.

Kinh này lại có pháp môn gồm mười loại chí tâm là nơi chốn hội nhập của chư Phật, Bồ-tát.

Kinh này lại có pháp môn gồm mười đại lực vi diệu, dũng mãnh vương là chốn hội nhập của chư Phật, Bồ-tát.

Kinh này lại có pháp môn gồm mười loại thiện hành đại thần thông vương, là chốn hội nhập của chư Phật, Bồ-tát.

Kinh này lại có pháp môn gồm mười hai tạng thần thông được khai thị của chư Phật, Bồ-tát.

Kinh này lại có pháp môn gồm mười trí tạng báu của chư Phật, Bồ-tát.

Kinh này lại có pháp môn gồm mọi hành nơi cảnh giới mười trí là chốn hội nhập của chư Phật, Bồ-tát.

Kinh này lại có pháp môn gồm mười chánh trí vi diệu nơi tạng báu của chư Phật, Bồ-tát.

Kinh này lại có pháp môn gồm hạt giống nơi mười thứ ruộng phước của chư Phật, Bồ-tát.

Kinh này lại có pháp môn gồm mười thứ thần thông chân thật vua của mọi sự an lạc, là chốn hội nhập của chư Phật, Bồ-tát.

Này thiện nam! Ông quán kinh này là không thể nghĩ bàn, cảnh giới của công đức cũng là không thể nghĩ bàn. Đây chính là tạng pháp không thể lường, không thể nghĩ bàn của chư Phật, Bồ-tát. Cũng là tạng báu vô tận, không thể nghĩ bàn của chúng sinh.

Lại nữa, này thiện nam! Cảnh giới của kinh này là không thể nghĩ bàn.

Này thiện nam! Kinh này lại có pháp môn là Tạng Đà-la-ni của chư Phật, Bồ-tát.

Kinh này lại có pháp môn là Như Lai tạng vi diệu bí mật của chư Phật, Bồ-tát.

Kinh này lại có pháp môn là Như Lai đại hải (Biển lớn của Như Lai) của chư Phật, Bồ-tát.

Kinh này lại có pháp môn là Như Lai thời tạng pháp (Tạng thời gian của Như Lai) của chư Phật, Bồ-tát.

Kinh này lại có pháp môn là Như Lai thể tạng (Tạng thể gian của Như Lai) của chư Phật, Bồ-tát.

Kinh này lại có pháp môn là Như Lai nhật tạng (Tạng mặt trời của Như Lai) của chư Phật, Bồ-tát.

Kinh này lại có pháp môn là Như Lai nguyệt tạng (Tạng mặt trăng của Như Lai) của chư Phật, Bồ-tát.

Kinh này lại có pháp môn là Như Lai cảnh giới (Cảnh giới của Như Lai) của chư Phật, Bồ-tát.

Kinh này lại có pháp môn hết mực sâu xa của chư Phật, Bồ-tát. Kinh này lại có pháp môn là Như Lai vô sở úy của chư Phật, Bồ-tát.

Kinh này lại có pháp môn là Như Lai dũng kiện của chư Phật, Bồ-tát.

Kinh này lại có pháp môn là Như Lai địa của chư Phật, Bồ-tát. Kinh này lại có pháp môn là Như Lai của chư Phật, Bồ-tát.

Kinh này lại có pháp môn là A-lê-ha của chư Phật, Bồ-tát. Kinh này lại có pháp môn là Như Lai tự của chư Phật, Bồ-tát.

Này thiện nam! Ông quán xét về đại pháp Đà-la-ni của kinh này, chính là tạng phước vô tận của tất cả chúng sinh, là pháp môn Đà-la-ni, Tam-muội giải thoát không thể nghĩ bàn của chư Phật. Đây chẳng phải là cảnh giới mà các ông có thể nhận biết được. Chư Phật Thế Tôn tùy theo thể gian mà nói, nghĩa lý hết mực sâu xa, khó có thể thấu đạt, chỉ có Như Lai mới thấy biết được. Từ xưa tới nay, đối với những việc như vậy, ông chưa

từng được nghe, thậm chí đến cả một câu, một chữ. Vì thế, hôm nay Ta sẽ giảng nói về cảnh giới vô cùng sâu xa này của Như Lai. Ông phải chí tâm lắng nghe, ghi nhận.

Đại Bồ-tát Đại Vân Mật Tạng thưa:

– Thật đúng như lời của bậc Thánh dạy. Bạch Thế Tôn! Con khác nào loài nặng, loài kiến, thường bị vô minh bao phủ tối tăm. Cúi xin Như Lai mở lòng thương xót, hãy vì khắp tất cả chúng sinh mà giảng nói rõ về một câu, thậm chí một chữ. Như Lai là đáng Pháp vương không thể nghĩ bàn.

Bạch Thế Tôn! Các hàng Thanh văn, Duyên giác giống như loại bò già mù, điếc, câm, ngọng, khác nào như đứa trẻ nhỏ. Con cũng như vậy, xưa nay con thật chưa từng nghe được một câu, thậm chí đến chỉ một chữ. Cúi mong Như Lai hãy vì chúng sinh mà mở rộng lòng thương lớn. Mọi cảnh giới hiện có của chư Phật Như Lai là không thể nghĩ bàn, thường trụ không đổi, thông đạt các pháp. Cúi xin Như Lai hãy vì chúng con cùng các chúng sinh mà giảng nói rõ về tạng bí mật ấy, thậm chí chỉ cần nghĩa lý của một câu hay một chữ, khiến cho chúng con cùng các chúng sinh thấy biết được sự thường hằng bất biến của Như Lai.

Phật nói:

– Lành thay! Lành thay! Nay thiện nam! Hôm nay ông đã khéo lãnh hội những lời bí mật hiện có của chư Phật. Thiện nam! Kinh Phương Đẳng này là không thể nghĩ bàn. Những thế nguyện của ông cũng là không thể nghĩ bàn. Pháp Đà-la-ni của chư Phật Như Lai là không thể nghĩ bàn. Cảnh giới của kinh này cũng là không thể nghĩ bàn. Ánh sáng của trí thâm diệu cũng không thể nghĩ bàn.

Thiện nam! Theo như ông nói: “Đối với kinh này, mình giống như hạng bò già, đứa trẻ mù, điếc, câm, ngọng, không thể nào hiểu rõ. Thiện nam, ông chớ nên sinh lòng hồ nghi, sầu muộn.

Thiện nam! Trong mọi trường hợp, hoặc đi, hoặc đứng, hoặc nằm, hoặc ngồi, ông thường phải luôn nhớ nghĩ tới kinh điển này. Hoặc giả gặp các nạn: nước, lửa, trộm cướp... cũng nên kiên trì cẩn thận, chớ buông bỏ. Vì sao? Vì trong kinh điển này có năm văn tự, nghĩa lý rất sâu xa:

-Như Lai. -Thường. - Lạc. -Ngã. -Tịnh.

Đây được gọi là công đức vô thượng của Như Lai không thể nghĩ bàn.

Lại nữa, nay thiện nam! Giả sử trong lửa dữ bùng cháy khắp Hằng hà

sa thế giới trong mười phương, có người nhớ nghĩ tới kinh này, thì lửa dữ không thể thiêu đốt họ, vậy nên luôn cúng dường, tôn trọng Tam bảo, đừng khiến tâm quên mất. Nay ông có được mọi công đức vi diệu, đó là do ông đã từng tán thán chư Phật, đã hay hỏi về chỗ chưa từng nghe nơi nghĩa lý sâu xa của một câu, một chữ. Không bao lâu, các ông cũng sẽ đạt được sự thấy biết về diệu nghĩa ấy.

Nếu muốn biết sự thường hằng bất biến của Như Lai, ông phải nên thọ trì kinh này, đọc tụng biên chép, giảng nói nghĩa kinh. Vì sao? Vì những điều được nói trong kinh ấy là không thể nghĩ bàn. Như Lai thường hằng, không có biến đổi, trọn không rốt ráo nhập vào Niết-bàn. Ông nên trình bày giảng nói về thường, lạc, ngã, tịnh cho khắp tất cả chúng sinh. Chư Phật Như Lai không có vị nào rốt ráo nhập vào Niết-bàn. Pháp bảo, Tăng bảo thường trụ cũng không diệt tận.

Khi ấy, Tỳ Lam Đại Tỳ Lam Phong Vương - người được thọ hưởng quả báo vui sướng giống như cõi trời - phóng ra cơn gió mát suốt thời không đổi, khiến cho hoa quả thường có, không lúc nào tạm ngừng. Rồi ông đem đầy đủ những đồ cúng dường đến chỗ Phật, đầu mặt đánh lễ, chắp tay cung kính, nhiều bên phải ba vòng và lui ra ngồi một bên.

Bấy giờ, Đức Thế Tôn dùng sức thần thông cho nổi lên bốn đám mây đen, nước ngọt tuôn khắp, phát lên ba thứ sấm, nghĩa là cả tầng trên, tầng giữa, tầng dưới đều phát ra âm thanh cam lồ giống như kỹ nhạc ở cõi trời, tất cả chúng sinh đều vui thích nghe.

Lúc đó, Đức Thế Tôn liền nói chú:

– Kiệt đế, ba ly kiệt đế, tăng kiệt đế, ba la tăng kiệt đế, ba la ty la diên đế, tam ba la ty la diên đế, bà la bà la, ba ta la, ba bà la, ma văn xá, ma văn xá, giá la đế, giá la đế, ba giá la đế, tam ba la giá la đế tỳ đề hy ly hy lê, tất lệ ê, tất lệ ê, phú lô phú lô sa ha.

Nếu có các vị rồng nào nghe thần chú này mà không cho mưa ngọt xuống, đầu sẽ bị vỡ ra làm bảy mảnh.

Cùng lúc mười vạn ức na-do-tha a-tăng-kỳ thế giới chư Phật đều chấn động đủ sáu cách. Bấy giờ, nhân nơi đại địa chấn động các chúng sinh khắp chốn mỗi mỗi đều thấy nhau, lần lượt cùng nhau giao động, cho đến cõi trời Tịnh Cư. Trời Tịnh Cư động rồi thì Long vân đều động. Khi Long vân động thì mưa xuống cơn mưa lớn, chín vạn tám ngàn dòng sông lớn hiện có trong cõi Diêm-phù-đề đều chứa đầy bảy báu. Tất cả ao, suối có đủ các vị thượng dược. Mặc dù mưa suốt bảy ngày nhưng không làm thương tổn

ai. Chúng sinh vui sướng như được uống cam lồ. Các con sông chứa đầy nước tám công đức, đó là: ngon, lạnh, nhẹ, mềm, trong sạch, thơm tho, khi uống lan khắp cơ thể, uống rồi không bệnh. Những loại trùng trong nước đều phát ra âm thanh vi diệu.

Tại núi Kỳ-xà-quật thuộc thành Vương-xá, bảy báu trải kín khắp mặt đất, từ nơi không trung lại mưa xuống bảy báu, kết thành những loại hoa: hoa Ưu-bát-la, hoa Bát-đầu-ma, hoa Câu-vật-đầu, hoa Phân-đà-lợi. Những loài thủy tộc đều phát tâm cầu đạt đạo quả Chánh đẳng Chánh giác Vô thượng. Những chúng sinh thuộc hàng súc sinh thì ham thích Đại thừa, khao khát Đại thừa, lòng từ hướng nhau, xem nhau như một, đều cùng phát tâm cúng dường Đức Phật. Lúc đó, đại chúng và các chúng trời, rồng, Dạ-xoa, Càn-thát-bà, A-tu-la, Ca-lâu-la, Khẩn-na-la, Ma-hầu-la-già, đem đầy đủ những đồ cúng dường như: hoa, hương, kỹ nhạc v.v... cúng dường Đức Phật. Từ không trung lại mưa xuống các loại hương, hoa, y báu, kỹ nhạc, cờ phướn v.v... cúng dường Đức Thế Tôn.

Thiện nam! Kinh này chính là chỗ thành tựu của vô lượng công đức, thế nên, có khả năng hiện bày những điều như vậy.

Bấy giờ, cả đại chúng cùng thưa:

– Bạch Thế Tôn! Hôm nay con mới biết được thường, lạc, ngã, tịnh của chư Phật Như Lai. Cúi xin Như Lai hãy từ bi thương xót nhận y Ưu-đa-la-tăng của chúng con dâng cúng. Sau đó toàn thể đại chúng dùng kệ tán thán:

*Như Lai chân thật thường
Thành từ vô lượng đức
Nay con vì thường - lạc
Nên cúi đầu đánh lễ.
Chư Phật bỏ vô thường
Mới đạt thân vô biên
Thiên Trung Thiên vô thượng
Đại lực khó nghĩ bàn.
Như Lai thường không đổi
Dốc tiến thân vô biên
Vì chúng mưa pháp vũ
Giống như Đại Vân vương.
Phật tự đạt an lạc
Vì chúng nói an lạc*

Tự đạt các công đức
Khuyến bảo đại chúng theo.
Như Lai, tuệ vô thắng
Thường trụ như hư không
Vì chúng làm ruộng phước
Thường hành hạnh bậc Thánh.
Thương xót các chúng sinh
Biết được nghiệp của họ
Mở bày tạng bí mật
Mát mẻ như trăng non.
Nay nói kinh Đại Vân
Doan nghiêm như trăng tròn
Định biết vô lượng chúng
Phát khởi tâm Bồ-đề.
Thế Tôn bậc Pháp vương
Đối pháp, đạt tự tại
Nên mệnh danh chân ngã
Thành tựu lạc vô thượng.
Như Lai lên tòa báu
Cát tiếng sư tử gầm
Tuyên nói các chúng sinh
Tất cả có Phật tánh.
Vị như trong núi Hương
Thường sinh cỏ nhĩn nhục
Như Lai với sức thần
Khiến cho khắp cả chúng.
Thấy núi Thửu-đầu này
Đều do bảy báu thành
Bấy giờ, trong chúng hội
Thấy rồi rất vui thích.
Giống như Tứ Thiên vương
Ưa trụ núi Tu-di
Như Lai đại phước điền
Thần lực không thể lường.
Phá trừ chúng sinh kiết
Phiền não, mọi u ám
Tất cả các chúng sinh

Không thoái tâm Bồ-đề.
 Giống như chư Thế Tôn
 An lạc không lay động
 Chúng sinh đoạn nghiệp ác
 Thành tựu giới thiện diệu.
 Tu hành hạnh Bồ-đề
 Quyết định thấy Phật tánh
 Nếu được nghe kinh này
 Chỉ đến nghĩa một chữ.
 Tức đắc đạo Bồ-đề
 Tùy thuận hành phạm hạnh
 Cúi mong đáng Vô thượng
 Dẫn nói cho một câu.
 Khiến khắp tất cả chúng
 Đều được hiểu nghĩa lý
 Các chúng sinh chúng con
 Chậm lụt, không trí tuệ.
 Như Lai hãy thương xót
 Khai mở, khiến được hiểu
 Tất cả các chúng sinh
 Nghèo thiếu đói pháp thực.
 Cúi mong đại từ bi
 Ban bố khiến đủ đầy khắp
 Chúng con được nhận rồi
 Lại sẽ chuyển cho người.
 Cũng khiến tất cả chúng
 Thấy đều được đầy đủ
 Tất cả các chúng sinh
 Nghèo nàn không phước đức.
 Không thường, không có ngã
 Cũng không chỗ quy y
 Như Lai đã thành tựu
 Đại công đức vô thượng.
 Cúi mong đáng đại từ
 Ban con cùng tất cả
 Như Lai là Pháp vương
 Như biển, vua các sông.

*Chúng sinh không biết dựa
 Nay con được nương tựa
 Vì chúng làm nương tựa
 Giống như cha mẹ lành
 Ban chúng vị cam lồ
 Khiến khắp dứt phiền não.*

Thế Tôn Như Lai Chánh Giác không thể nghĩ bàn, sự thương xót chúng sinh cũng không thể nghĩ bàn, nhưng lời nói bí mật khó thể lường tính.

Chư Phật Thế Tôn là Tam-muội vương, là đại thuyền sư vương, không thể xưng kể, không thể tính lường.

Cảnh giới như vậy chẳng phải là nơi mà các hàng Thanh văn, Duyên giác biết được.

Như Lai là đấng Nguyệt vương, thường không có sự tăng giảm, là tướng đại mãnh của các công đức, là nơi tích tụ vô lượng phước báo chân thật, là Nhật vương vô thượng đại quang minh, xem các chúng sinh ngang đồng La-hầu-la, sức mạnh đạt được đều đem ban bố cho tất cả. Tự mình không còn sự sợ hãi, lại khiến cho chúng sinh cũng đạt được vô sở úy. Tự bản thân phá tan vô minh, lại trừ bỏ cho chúng sinh sự tối tăm, u ám của vô minh.

Bạch Thế Tôn! Con bị vô minh ngăn chặn nên cũng không biết, không biết được thường, lạc, ngã, tịnh của Như Lai. Tất cả chúng sinh bị vô minh che lấp nên vọng cho Như Lai là vô thường, vô lạc, vô ngã, vô tịnh. Vì thế họ mới chịu sự trôi lăn trong ba nẻo ác. Nếu ai cho Như Lai diệt độ hoàn toàn nơi Niết-bàn, nên biết kẻ ấy ắt phải đọa vào địa ngục.

Bạch Thế Tôn! Hôm nay con mới biết được chư Phật Như Lai không rốt ráo diệt độ. Biết được vậy, con đạt được vật báu lớn vô thượng. Dựa vào Phật lực, con lại biết được bản tánh thật sự của chư Phật, lại được uống pháp cam lồ vô thượng, dứt hẳn tất cả mọi ràng buộc của phiền não. Những người xưa nay bị cuồng điên, mê, ngộ, ngày nay thấy đều được chữa lành.



Chương 2: NÓI VỀ TAM MUỘI

Bấy giờ, Đại Bồ-tát Đại Vân Mật Tạng nói:

– Bạch Thế Tôn! Sự giác ngộ chân chánh của Như Lai là không thể nghĩ bàn. Nay Thế Tôn nói kinh này khiến cho vô lượng chúng sinh phát tâm cầu đạt đạo quả Bồ-đề Vô thượng. Cảnh giới của kinh này là không thể nghĩ bàn, chính vì tất cả vô lượng chúng sinh mà hiện đại thần thông, mưa các vị báu. Chúng sinh nào được nghe tất được gặp mưa pháp cam lồ vô thượng. Thế nên Như Lai là không thể nghĩ bàn, cảnh giới của kinh này cũng không thể nghĩ bàn. Tất cả chúng sinh thành tựu đại công đức mới gặp được. Nghiệp báo của chúng sinh là không thể nghĩ bàn.

Bạch Thế Tôn! Ngày nay chúng sinh được sự an lạc giống như cái vui ở bậc thiên thứ ba, hình mạo quý lạ như cõi trời không khác. Hôm nay, Như Lai nói tạng kinh này tức là nói đến tạng vô tận của chúng sinh, tuôn mưa đại pháp, đó là pháp tổng trì Tam-muội, thường trụ bất biến của Như Lai.

Nói “Vân” tức là nói các vị Đại Bồ-tát.

Nói “sấm rền vang” tức là nói phá tan mọi hành động tạo sự ràng buộc của phiền não.

“Ánh chớp lóe sáng” nghĩa là nói các chúng sinh đều có Phật tánh.

“Âm thanh” tức nói các Bồ-tát vì chúng sinh mà giảng nói pháp hữu vi, pháp vô thường, vô ngã, vô lạc, vô tịnh.

“Mưa đá” tức là tám phần Thánh đạo có khả năng phá hủy tất cả mọi ràng buộc của phiền não.

“Lại nói có mưa đá” nghĩa là kinh này có năng lực phá hủy tâm của hàng Thanh văn, Phật-bích-chi. Đó tức gọi là tuôn đại mưa pháp, làm cho những chúng sinh đói khát, túng thiếu được no đủ, nghĩa là Như Lai thường trụ không đổi, ấy gọi là mưa cam lồ.

Phật nói:

– Lành thay! Lành thay! Nay thiện nam! Hôm nay ông đã khéo giảng nói về mưa pháp như vậy. Thiện nam! Nếu các Bồ-tát nào muốn mưa pháp làm thấm nhuần đem lại lợi ích cho chúng sinh thì nên thọ trì kinh này, tu hành, đọc tụng, biên chép, cúng dường, giảng nói nghĩa kinh.

Nay thiện nam! Hãy lắng nghe, lắng nghe và ghi nhớ. Trong kinh điển không thể nghĩ bàn này có trụ giải thoát nhập bảo tạng. Thần túc pháp vương cùng bốn trăm Tam-muội. Nay Ta sẽ giảng nói.

Này thiện nam! Kinh này lại có Tam-muội Thâm mãnh đại hải nhãn mục của chư Phật, Bồ-tát. Nếu Bồ-tát nào thành tựu đầy đủ Tam-muội này thì đạt được đầy đủ đa văn đại hải, đa văn tạng báu của Bồ-tát, tâm không còn sự hồ nghi đối với đạo quả Bồ-đề Vô thượng.

Nói “vô ngại” tức nói thân không bị ngăn ngại, có thể sinh khắp các thế giới tịnh diệu của chư Phật.

Lại nói “vô ngại” tức đạt Túc mạng trí, ví các chúng sinh xoay chuyển năm hữu.

Lại, “vô ngại” tức không tham chấp nơi nghiệp nhưng lại đạt được quả báo.

Nói “vô ngại” nghĩa là hễ một lần thấy Phật, tâm sinh hoan hỷ, thì vào đời sau đạt được thân đoan nghiêm, thân được mọi người yêu mến, thân không tham, thân không ác, thân lớn, thân thượng tộc, thân đại phú, thân quyền thuộc không hoại, thân không bị phá hoại, thân không thoái, thân không diệt.

Những hạnh nguyện tu tập, niệm vui tạo nghiệp, đều hướng đến đạo quả Bồ-đề Vô thượng, thành tựu được sự hổ thẹn phá tan mọi kiêu mạn, chăm tu tinh tấn, từ - bi - hỷ - xả, đem không - vô tướng - vô nguyện huân nhập nơi tâm.

Lại nữa, “vô ngại” tức là nguyện sinh cõi khác, liền được vãng sinh. Mọi tà thuyết dị kiến đều không thể hủy hoại được. Những gì mà người này muốn nói về cú nghĩa vô tận, hoặc trời, hoặc ma, hoặc Phạm, Sa-môn, Bà-la-môn cũng không thể mê hoặc làm rối loạn, khiến tâm họ dao động.

Tuy đọc ngoại điển nhưng tâm không tham vương, không ham muốn thân của hàng Trời, Rồng, Dạ-xoa, Càn-thát-bà, A-tu-la, Ca-lâu-la, Khẩn-na-la, Ma-hầu-la-già. Lại không tham vương những thứ như: phòng xá, ngọc cụ, y phục, ẩm thực. Thiên ma Ba-tuần không sao xen tay hại được. Những pháp thiện họ thực hành trọn không quên mất.

Phàm những lời người này giảng nói đều được mọi người kính thọ. Tâm họ thoảng đạt giống như đại hải. Trí tuệ của họ cũng như thế, viên mãn trọn đủ giống như trăng tròn, như mặt trời, ngọn đuốc có khả năng phá tan sự u ám, tối tăm, như tánh của hư không không thể nào nắm bắt được, không đắm chấp nơi thế gian, như hoa ở dưới nước. Đối với tất cả hữu, tâm không tham vương, có khả năng hủy hoại pháp giới, giống như kim cương, giữ cõi các pháp giống như núi Tu-di, bản tánh thanh tịnh giống như ngọc báu lưu ly, đạt được giới của Như Lai tâm niệm nơi tuệ luôn sáng tỏ, tánh

lực như huyền hóa, không động không trụ.

Này thiện nam! Kinh này lại có Tam-muội Tràng báu giải thoát thâm diệu bậc nhất. Nếu Bồ-tát nào có đầy đủ Tam-muội ấy thì được mệnh danh là bậc đa văn đại hải, đa văn tạng báu, tâm không nghi ngại, cho đến huyền hóa cũng không động, không trụ.

Này thiện nam! Kinh này lại có Tam-muội Pháp môn tịnh trí hết sức thâm diệu. Nếu Bồ-tát nào có đầy đủ Tam-muội này thì được mệnh danh là bậc đa văn đại hải, đa văn tạng báu, tâm không nghi ngại, cho đến huyền hóa cũng không động, không trụ.

Này thiện nam! Kinh này lại có: Tam-muội Phật căn hương tượng vương giải thoát. Tam-muội Thủ lăng nghiêm. Tam-muội Dững lực. Tam-muội Dững thắng. Tam-muội Kiên dững. Tam-muội Hảo hương. Tam-muội Chánh quang. Tam-muội Vô ngã quang. Tam-muội Thâm thâm hạnh tạng. Tam-muội Hành thâm giải thoát. Tam-muội Hành lực giải thoát. Tam-muội Nhất thiết pháp hạnh. Tam-muội Hằng hà sa đẵng hạnh. Tam-muội Nhất thiết giải thoát. Tam-muội Nhất thiết Tam muội vương. Tam-muội Chánh thượng. Tam-muội Đại hải triều. Tam-muội Bản giải thoát. Tam-muội Hoại ma ức chúng. Tam-muội Trụ giới điện quang. Tam-muội Hỏa quang. Tam-muội Vô tận ý vương. Tam-muội Vô tận ý. Tam-muội Hải vương thần túc. Tam-muội Đại cao ý. Tam-muội Chung tử. Tam-muội Trụ đại hải. Tam-muội Vô ngại. Tam-muội Vô ngại giới. Tam-muội Cao giải thoát. Tam-muội Nhân duyên ý. Tam-muội Nghiệp tác. Tam-muội Kiên hành vương. Tam-muội Đại lực. Tam-muội Thâm thâm lưu ly vương. Tam-muội Tu-di sơn. Tam-muội Sư tử hồng. Tam-muội Cam lồ vị. Tam-muội Trang nghiêm. Tam-muội Hòa quang. Tam-muội Liên hoa quang. Tam-muội Quốc thổ hỷ. Tam-muội Nhất thiết thân. Tam-muội Động đại hải vương. Tam-muội Động đại địa vương. Tam-muội Nhất thiết Tam muội mẫu. Tam-muội Hoại nhất thiết nữ thân. Tam-muội Sư tử hạnh vương. Tam-muội Viên vương. Tam-muội Tế hạnh. Tam-muội Cổ thanh vi diệu. Tam-muội Đoạn hữu. Tam-muội Lưu. Tam-muội Quảng tuệ. Tam-muội Biến hóa. Tam-muội Quang minh. Tam-muội Hoại ám. Tam-muội Đại hải trí tuệ. Tam-muội Tán tán. Tam-muội Đại tán tán. Tam-muội Thời. Tam-muội Đại thời. Tam-muội Hiện tại giải thoát. Tam-muội Hợp tán. Tam-muội Phân-đà-lợi hoa. Tam-muội Khinh. Tam-muội Đại lạc. Tam-muội Hư không. Tam-muội Giải thoát thân. Tam-muội Đoạn ngữ. Tam-muội Đoạn thanh. Tam-muội Vô ái. Tam-muội Vô thắng. Tam-muội Nhất thiết. Tam-

muội Man. Tam-muội Long vương. Tam-muội Phong. Tam-muội Phong hành vương. Tam-muội Vô biên. Tam-muội Vô sắc. Tam-muội Vô biên sắc. Tam-muội Pháp ý. Tam-muội Vi diệu hương. Tam-muội Thân ý. Tam-muội Thủ lăng nghiêm. Tam-muội Hoại ác. Tam-muội Liên hoa ý. Tam-muội Đại lực xí. Tam-muội Hoại vô minh. Tam-muội Bồ đề thọ. Tam-muội Bảo mạng mạng. Tam-muội Đại lực mạng. Tam-muội Nhật quang. Tam-muội Nguyệt quang. Tam-muội Đại hải môn. Tam-muội Nhất thiết pháp giới. Tam-muội Kiết sử căn. Tam-muội Giới vũ. Tam-muội Giới vân. Tam-muội Am-la quả. Tam-muội Am-la hoa. Tam-muội Tịnh. Tam-muội Thủy. Tam-muội Loa. Tam-muội Thời. Tam-muội Thời vương. Tam-muội Chúng. Tam-muội Vô thân. Tam-muội Giới. Tam-muội Thiện giới. Tam-muội Địa. Tam-muội Địa thần túc. Tam-muội Thủy đăng. Tam-muội Thanh liên hoa. Tam-muội Cam lồ vị. Tam-muội Vô hệ. Tam-muội Uyên ương. Tam-muội Xa luân. Tam-muội Chuyển luân Thánh vương. Tam-muội Bất động. Tam-muội Bất khinh. Tam-muội Bất trường. Tam-muội Lân mẫn. Tam-muội Tịnh ý. Tam-muội Nhất thiết công đức ý. Tam-muội Y-la-bát-la. Tam-muội Vô nghĩa giải thoát. Tam-muội Phong thần túc vương. Tam-muội Vô lượng tràng. Tam-muội Hư không giới. Tam-muội Vô tuệ tinh. Tam-muội Quang bảo. Tam-muội Bạc thời. Tam-muội Đồng tử. Tam-muội Vương tử. Tam-muội Đoạn độc. Tam-muội Pháp đăng. Tam-muội Quốc thổ vương. Tam-muội Thí thế giới. Tam-muội Pháp quý đức. Tam-muội Pháp lực. Tam-muội Thượng hoa. Tam-muội Hỷ. Tam-muội Đại hỷ. Tam-muội Tri đại lực. Tam-muội Tấn-đầu-ca quả. Tam-muội Tinh tấn. Tam-muội Xung. Tam-muội Bạch nga vương. Tam-muội Thân quang. Tam-muội Vô tận lực. Tam-muội Vô tận lực giải thoát. Tam-muội Tăng trưởng danh. Tam-muội Đoan chánh. Tam-muội Năng phá hoại. Tam-muội Ma-lâu-ca hoa. Tam-muội Thiện hạnh vương. Tam-muội Thiện quang. Tam-muội Bảo địa. Tam-muội Bạch. Tam-muội Bạch chủng. Tam-muội Tịnh hạnh ý. Tam-muội Ái quang minh. Tam-muội Hư không tâm. Tam-muội Thiên quan. Tam-muội Chuyển luân Thánh vương quan. Tam-muội Niệm Bồ tát. Tam-muội Hộ ý. Tam-muội Hộ thâm thâm. Tam-muội Lực thừa. Tam-muội Lực thừa quang. Tam-muội Lực sĩ. Tam-muội Lực sĩ tinh tấn. Tam-muội Diêm phù quốc. Tam-muội Thố ngư. Tam-muội Mãng xà. Tam-muội Cảnh giới vương. Tam-muội Tịnh cảnh giới. Tam-muội Sử tâm. Tam-muội Triêu thanh. Tam-muội Hữu đức ý. Tam-muội Đại thanh. Tam-muội Đại hải sắc. Tam-muội Đại an. Tam-muội Huyền. Tam-muội Vô huyền. Tam-muội Kim cương ý. Tam-muội Thế Tôn mục. Tam-muội Tu-

di sơn vương. Tam-muội Tuyết sơn vương. Tam-muội Thế Tôn hiện hạnh.
 Tam-muội Thắng. Tam-muội Liên hoa. Tam-muội Câu-vật-đầu hoa. Tam-
 muội Nguyệt tạng. Tam-muội Hoa phu. Tam-muội Địa man. Tam-muội
 Hiện tại niệm Thế Tôn vương. Tam-muội Thắng trụ. Tam-muội Thiện trụ.
 Tam-muội Thiện hạnh. Tam-muội Đại hải. Tam-muội Nhất thiết nhập bình
 đẳng. Tam-muội Nhập nhất thiết nghi. Tam-muội Đại dục. Tam-muội Đại
 dục lực. Tam-muội Cam lồ dục vương. Tam-muội Đại dục vương.
 Tam-muội Đại lãnh. Tam-muội Đại hải. Tam-muội Đại lãnh vương. Tam-
 muội Vô lãnh vô nhiệt. Tam-muội An. Tam-muội An lực. Tam-muội Nhất
 thừa. Tam-muội Thích tuệ tinh. Tam-muội Hữu đức. Tam-muội Bảo viên
 vương. Tam-muội Vô định sắc. Tam-muội Định hoa. Tam-muội Lục nhập
 chân tịnh. Tam-muội Đại giới. Tam-muội Năng hoại dục giới. Tam-muội
 Anh lạc. Tam-muội Kim sắc. Tam-muội Trí ái. Tam-muội Trí viên vương.
 Tam-muội Trí tử. Tam-muội Phân-đà-lợi hoa. Tam-muội Nhật quang
 vương. Tam-muội Nguyệt ái. Tam-muội Quang vương. Tam-muội Quang
 viên vương. Tam-muội Tịnh quang vương. Tam-muội Quang tạng. Tam-
 muội Thanh quang. Tam-muội Thời quang. Tam-muội Đoạn ám. Tam-
 muội Quang triêu. Tam-muội Tiển quang. Tam-muội Nhất thiết thiện căn.
 Tam-muội Bà-la-na hương tượng vương. Tam-muội Vị sinh ác vương.
 Tam-muội Điều nhu. Tam-muội Năng hoại kiêu mạn. Tam-muội Diệu đức.
 Tam-muội Diệu thanh. Tam-muội Tham vị. Tam-muội Viện địa vương.
 Tam-muội Thần thông vương. Tam-muội Thần thông căn. Tam-muội
 Chuyển luân Thánh vương phan. Tam-muội Chuyển luân Thánh vương
 tràng. Tam-muội Sư tử đầu. Tam-muội Nhật thần thông. Tam-muội Pháp
 hộ. Tam-muội Quảng. Tam-muội Tri nghiệp thần thông vương. Tam-muội
 Cao. Tam-muội Vô thượng. Tam-muội đẳng vương. Tam-muội Xá trạch.
 Tam-muội Đa hỷ. Tam-muội Sơ địa. Tam-muội Giới địa. Tam-muội Đại
 hải hỷ vương. Tam-muội Đại hải từ vương. Tam-muội Đại hải bi vương.
 Tam-muội Đại hải xả vương. Tam-muội Nhẫn nhục vương. Tam-muội
 Nhẫn nhục lực giới vương. Tam-muội Thần thông chí tâm. Tam-muội Bát
 giải thoát môn. Tam-muội Pháp giới tất cánh. Tam-muội Vô giới. Tam-
 muội Vô tánh. Tam-muội Đại điền chủng tử. Tam-muội Trí từ. Tam-muội
 Hải. Tam-muội Hải lực. Tam-muội Phật nhãn. Tam-muội Phật môn. Tam-
 muội Trí hạnh. Tam-muội Phật diện. Tam-muội Nhất thiết thân. Tam-muội
 Nhất thiết phước đức vương. Tam-muội Hư không tạng. Tam-muội Hư
 không huyễn. Tam-muội Phật huyễn. Tam-muội Ác tánh. Tam-muội Trị
 độc. Tam-muội Miên. Tam-muội Giác. Tam-muội Mộng. Tam-muội Đắc.

Tam-muội Thần thông vương. Tam-muội Vô ngã thần thông. Tam-muội
 Thắng kiến. Tam-muội Thắng hỷ. Tam-muội Tùy thể. Tam-muội Phật diện
 trụ. Tam-muội Chánh kiến. Tam-muội Nhất thiết vi trần. Tam-muội Ngự
 vô ngại. Tam-muội Tịnh. Tam-muội Thân quang. Tam-muội Thân đăng.
 Tam-muội Bất si. Tam-muội Bất cuồng. Tam-muội Nhất thiết thắng quang.
 Tam-muội Thủy ý. Tam-muội Phiêu. Tam-muội Thủy mật. Tam-muội Vô
 thắng. Tam-muội Vô thắng trí. Tam-muội Vô thắng thân. Tam-muội Tinh
 tấn. Tam-muội Hằng hà sa đảnh thắng vương. Tam-muội Tri kiến viên
 quang vương. Tam-muội Đoạn súc sinh. Tam-muội Nguyên sinh súc sinh
 hữu. Tam-muội Súc sinh thần thông. Tam-muội Lạc súc sinh. Tam-muội
 Bất nhiễm súc sinh nghiệp. Tam-muội Nhập địa ngục. Tam-muội Bất
 nhiễm địa ngục nghiệp. Tam-muội Bất nhiễm địa ngục nghiệp hành thần
 thông vương. Tam-muội An lạc hạnh thể. Tam-muội Hữu đức hà. Tam-
 muội Hữu đức hải. Tam-muội Tịnh hà. Tam-muội Tịnh hạnh công đức.
 Tam-muội Phước đức. Tam-muội Phước đức thanh. Tam-muội Tịnh phước
 đức văn. Tam-muội Hữu đức mộng. Tam-muội Tán thán. Tam-muội Hữu
 đức mộng đắc. Tam-muội Hữu đức mộng hạnh. Tam-muội Chánh hữu đức.
 Tam-muội Tịnh tăng trưởng. Tam-muội Trí vũ. Tam-muội Phong đồng
 hành. Tam-muội Cát. Tam-muội Cát trang nghiêm. Tam-muội Cát thần
 thông. Tam-muội Cát thần thông vương. Tam-muội Vô giới. Tam-muội
 Tạp sắc. Tam-muội Thọ giới. Tam-muội Tán giới. Tam-muội Giới thật.
 Tam-muội Trí đấng. Tam-muội Đắc giới thật. Tam-muội Thường giới.
 Tam-muội Thường giới nhập tạng kiến. Tam-muội Tâm. Tam-muội Tâm
 vương. Tam-muội Thường giới hỷ. Tam-muội Thường lạc giới. Tam-muội
 Giới anh lạc. Tam-muội Giới thiên quan. Tam-muội Giới cụ túc. Tam-muội
 Giới man. Tam-muội Giới hương. Tam-muội Giới hoa. Tam-muội Giới đồ
 mật hương. Tam-muội Giới thần thông vương. Tam-muội Nhất thiết vị.
 Tam-muội Nhất thiết hoa. Tam-muội Nhất thiết hương tủy. Tam-muội
 Đoạn nhất thiết hư không. Tam-muội Thọ an lạc. Tam-muội Đoạn nhất
 thiết thể pháp vương. Tam-muội Thường. Tam-muội Hằng. Tam-muội Bất
 biến. Tam-muội Địa. Tam-muội Vô thích địa. Tam-muội Vô thạch sa. Tam-
 muội Địa đấng. Tam-muội Đại vân lưu ly vương. Tam-muội Thanh cổ.
 Tam-muội Đại vân điện. Tam-muội Đại vân bộc thủy. Tam-muội Đại vân
 thủy tạng. Tam-muội Đại vân thủy man. Tam-muội Đại vân an thủy. Tam-
 muội Đại vân thủy ngưng. Tam-muội Đại vân trí hải. Tam-muội Đại vân
 thắng lực. Tam-muội Đại vân thủy quang tri vương. Tam-muội Đại vân
 thủy triều hải. Tam-muội Đại vân hải chủng. Tam-muội Đại vân bất động

thủy. Tam-muội Đại vân thủy bất động thần thông vương. Tam-muội Đại vân đoan chánh vương. Tam-muội Đại vân nhất vị. Tam-muội Đại vân nhất thừa. Tam-muội Đại vân an thủy lưu. Tam-muội Đại vân đa thủy lưu. Tam-muội Đại vân lãnh thủy. Tam-muội Đại vân bất lãnh bất nhiệt thần thông vương. Tam-muội Đại vân nguyệt vương. Tam-muội Đại vân hữu đức. Tam-muội Đại vân sơ lực. Tam-muội Đại vân khát. Tam-muội Đại vân lạc. Tam-muội Đại vân thủy hành vương. Tam-muội Đại vân hư không hành. Tam-muội Đại vân thủy bảo. Tam-muội Đại vân hỷ. Tam-muội Đại vân bảo chủng.

Tam-muội Đại vân hộ. Tam-muội Đại vân thủy tịnh vương. Tam-muội Đại vân thủy quy y ấn. Tam-muội Đại vân pháp ấn. Tam-muội Đại vân thủy tịnh quang. Tam-muội Đại vân đại thủy tạng vương. Tam-muội Đại vân thủy định. Tam-muội Đại vân liên hoa. Tam-muội Đại vân thủy giới. Tam-muội Đại vân thủy đẳng. Tam-muội Đại vân dạ hành. Tam-muội Đại vân thủy thanh. Tam-muội Đại vân hải vô tận ý. Tam-muội Đại vân phóng quang. Tam-muội Đại vân tạng. Tam-muội Đại vân thủy tụ. Tam-muội Đại vân thủy trụ. Tam-muội Đại vân sư tử vương. Tam-muội Đại vân lạc. Tam-muội Đại vân tịnh. Tam-muội Đại vân tham. Tam-muội Đại vân tràng. Tam-muội Đại vân thâm thâm. Tam-muội Đại vân lời. Tam-muội Đại vân tăng trưởng thủy. Tam-muội Đại vân dược vương. Tam-muội Đại vân túy vị. Tam-muội Đại vân sư tử hạnh. Tam-muội Đại vân đại hương tượng vương. Tam-muội Đại vân an lạc. Tam-muội Đại vân phong. Tam-muội Đại vân thủy hành bất động. Tam-muội Đại vân vô úy. Tam-muội Đại vân thủy thuận. Tam-muội Đại vân vô tận ý. Tam-muội Đại vân lậu nan sở. Tam-muội Đại vân lời đại lực. Tam-muội Đại vân thủy hỷ. Tam-muội Đại vân hải thủy viên. Tam-muội Đại vân thủy phan. Tam-muội Đại vân cam lồ vũ. Tam-muội Đại vân chiêm đàn lương. Tam-muội Đại vân cát. Tam-muội Đại vân tất cánh. Tam-muội Đại vân vô chung thí. Tam-muội Đại vân la võng. Tam-muội Đại vân bảo vũ. Tam-muội Đại vân bí mật. Tam-muội Đại vân tuệ tinh. Tam-muội Đại vân ý mật. Tam-muội Đại vân đại động. Tam-muội Đại vân diệt. Tam-muội Đại vân vi diệu âm. Tam-muội Đại vân hằng hà sa đẳng. Tam-muội Đại vân thủy kiện. Tam-muội Đại vân nga vương. Tam-muội Đại vân thủy hành. Tam-muội Đại vân mạng. Tam-muội Đại vân cuồng vương. Tam-muội Đại vân cuồng. Tam-muội Đại vân Thủ lăng nghiêm. Tam-muội Đại vân mã vương. Tam-muội Đại vân phách thọ. Tam-muội Đại vân vô tận vân. Tam-muội Đại vân nhất thiết đẳng đại. Tam-muội Đại vân nhất thiết vũ. Tam-muội Đại vân nhất

thiết hòa hợp. Tam-muội Đại vân Am la thọ quả. Tam-muội Đại vân sơn phụ. Tam-muội Đại vân kiên tiên. Tam-muội Đại vân mật hạnh. Tam-muội Đại vân mật thật. Tam-muội Đại vân nga vương hạnh. Tam-muội Đại vân bất khả tư nghi. Tam-muội Đại vân nhập trụ thần thông vương.

Này thiện nam! Nếu Bồ-tát nào có đầy đủ các loại Tam-muội như thế thì đạt được đa văn đại hải, đa văn bảo tạng của Bồ-tát. Đối với đạo quả Bồ-đề Vô thượng, tâm không còn nghi ngại, trọn không còn bị dọa nơi ba cõi ác, không sinh nơi biên địa, đạt được trí túc mạng, tạo nghiệp sinh tử, vui với sinh tử, thường được gặp Tam bảo: Phật, Pháp, Tăng; thậm chí ngay trong mộng cũng không lìa bỏ, được thân đoan nghiêm, thân được mọi người yêu mến, thân không tham, thân không ác, thân lớn, thân chủng tánh, hàng quyền thuộc thì hòa hợp, không ngăn trở phá hoại, không lui, không diệt, không dọa, không mất.

Đối với việc tu hành, thâm tâm niệm tuệ, đều hướng tới đạo quả giác ngộ vô thượng được sức hỗ thẹn, đoạn trừ kiêu mạn, chăm tu tinh tấn, từ bi hỷ xả, huân tập nơi tâm không - vô tướng - vô nguyện, nguyện sinh tịnh độ tức khắc vắng sinh. Mọi tà thuyết dị kiến không thể phá hoại. Thuyết pháp có thứ lớp, cú nghĩa dồi dào. Tuy đọc ngoại điển nhưng tâm không tham vướng, hoàn toàn không nguyện cầu thân trời, thân rồng, thân Dạ-xoa, cho đến thân của Chuyển luân vương, cũng không tạo tác nghiệp hạnh sinh tử, không cầu sự cung kính chúng sinh của thế gian, hộ trì chánh pháp, khiến ma không thể tùy tiện thao túng. Thấy người trì pháp thì phát tâm cung kính sâu xa, trí tuệ đạt được giống như đại hải, không tăng không giảm, như trăng tròn đầy, như ánh mặt trời, như ngọn đuốc sáng trừ bỏ sự tối tăm cho chúng sinh, giống như hư không không bị phiền não, không nhiễm phiền não; như hoa dưới nước, như hư không, trụ nơi không trụ; như kim cang nguyên chất phá tan các pháp, giữ gìn tất cả pháp; giống như núi Tuyết, định biết Như Lai thường trụ không biến đổi, trí tuệ thanh tịnh như ngọc báu lưu ly, đạt được giới Như Lai, uy lực như đại hải, tấm lòng từ ái thương xót chúng sinh, không động, không chuyển, như cây cờ của Đế Thích, hoại các pháp ác, đặc vị thượng diệu, giống như quả Ca-đà-ca thơm ngon, tùy thuận thế pháp không chỗ ngược trái.

Này thiện nam! Đây chính là môn Tam-muội.

Này thiện nam! Nếu ai thành tựu đầy đủ bốn trăm Tam-muội như vậy thì nên biết, người ấy khéo hộ trì tạng pháp.

Bấy giờ, trong chúng hội có một Thiên tử tên Tịnh Mật cùng với một

vạn tám ngàn các Thiên tử bước tới chỗ Phật, đầu mặt đánh lễ, cung kính chấp tay, mưa các hoa trời, hương thơm, cò phướn, ca nhạc v.v... cúng dường Đức Thế Tôn, nhiễu bên phải ba vòng rồi nói kệ ca ngợi:

*Như Lai không nghĩ bàn
Pháp, Tăng cũng như vậy
Con thấy mưa Tam-muội
Như đời gặp cam lồ.*



KINH ĐẠI PHƯƠNG ĐĂNG VÔ TƯỚNG

QUYỂN 3

PHẦN 1: ĐẠI VÂN

Chương 3: NÓI VỀ ĐÀ LA NI

Bấy giờ, Đại Bồ-tát Đại Vân Mật Tạng bạch Phật:

– Bạch Thế Tôn! Nếu chúng sinh nào chưa nhập vào kinh Phương Đăng này thì nên biết, những chúng sinh ấy giống như kẻ bị mù, điếc.

Trong kinh này có ba mươi sáu loại trí báu bất thoái, vô biên tâm hành ý nhập nơi môn Đà-la-ni, tức là pháp môn đầu tiên của tất cả pháp. Cúi mong Như Lai hãy vì chúng con mà rộng nói phân biệt.

Phật nói:

– Lành thay! Lành thay! Nay thiện nam! Nay Ta sẽ phân biệt giảng nói cho ông rõ. Ông phải lắng nghe, suy nghĩ cho thật kỹ.

Kinh này có pháp môn Đà-la-ni bất thoái bảo luân tạng của chư Phật, Bồ-tát.

Kinh này lại có Đà-la-ni Đại vân bất thoái thanh tịnh mật thủy của chư Phật, Bồ-tát.

Kinh này lại có Đà-la-ni Đại vân bất thoái bí mật quang minh của chư Phật, Bồ-tát.

Kinh này lại có Đà-la-ni Đại vân bất thoái đại vũ của chư Phật, Bồ-tát.

Kinh này lại có Đà-la-ni Đại vân bất thoái lưu thủy của chư Phật, Bồ-tát.

Lại có Đà-la-ni Đại vân bất thoái tâm ý của chư Phật, Bồ-tát.

Lại có Đà-la-ni Đại vân bất thoái điện quang của chư Phật, Bồ-tát.

Lại có Đà-la-ni Đại vân bất thoái lương điện của chư Phật, Bồ-tát.

Lại có Đà-la-ni Đại vân bất thoái tịnh quang của chư Phật, Bồ-tát. Lại

có Đà-la-ni Đại vân không thoái chuyển ý tuệ tinh của chư Phật, Bồ-tát.

Lại có Đà-la-ni Đại vân không thoái chuyển ý sáng rõ nơi tạng bí kín của chư Phật, Bồ-tát.

Lại có Đà-la-ni Đại vân không thoái chuyển ý chú lớn của chư Phật, Bồ-tát.

Lại có Đà-la-ni Đại vân không thoái chuyển ý có đức của chư Phật, Bồ-tát.

Lại có Đà-la-ni Đại vân không thoái chuyển vua tạng hư không của chư Phật, Bồ-tát.

Lại có Đà-la-ni Đại vân không thoái chuyển vua đại dục của chư Phật, Bồ-tát.

Lại có Đà-la-ni Đại vân không thoái chuyển vua đại vũ của chư Phật, Bồ-tát.

Lại có Đà-la-ni Đại vân không thoái chuyển xứng ý của chư Phật, Bồ-tát.

Lại có Đà-la-ni Đại vân không thoái chuyển ý núi Chi-la-bà của chư Phật, Bồ-tát.

Lại có Đà-la-ni Đại vân không thoái chuyển ý hành của chư Phật, Bồ-tát.

Lại có Đà-la-ni Đại vân không thoái chuyển vua cao tột của chư Phật, Bồ-tát.

Lại có Đà-la-ni Đại vân không thoái chuyển vua thủy triều của chư Phật, Bồ-tát.

Lại có Đà-la-ni Đại vân không thoái chuyển mắt nga vương của chư Phật, Bồ-tát.

Lại có Đà-la-ni Đại vân không thoái chuyển trí biển lớn của chư Phật, Bồ-tát.

Lại có Đà-la-ni Đại vân không thoái chuyển sự siêng năng nơi vua ý thâm diệu của chư Phật, Bồ-tát.

Lại có Đà-la-ni Đại vân không thoái chuyển vũ chủng của chư Phật, Bồ-tát.

Lại có Đà-la-ni Đại vân không thoái chuyển địa man của chư Phật, Bồ-tát.

Lại có Đà-la-ni Đại vân không thoái chuyển sự vui vẻ của chư Phật, Bồ-tát.

Lại có Đà-la-ni Đại vân không thoái chuyển ý thể của chư Phật, Bồ-tát.

Lại có Đà-la-ni Đại vân không thoái chuyển ý không động của chư Phật, Bồ-tát.

Lại có Đà-la-ni Đại vân không thoái chuyển quả vị của chư Phật, Bồ-tát.

Lại có Đà-la-ni Đại vân không thoái chuyển chứa nhóm của chư Phật, Bồ-tát.

Lại có Đà-la-ni Đại vân không thoái chuyển ánh sáng nơi nước của chư Phật, Bồ-tát.

Lại có Đà-la-ni Đại vân không thoái chuyển tạng nước vô tận của chư Phật, Bồ-tát.

Lại có Đà-la-ni Đại vân không thoái chuyển ánh sáng trắng nơi tánh nước của chư Phật, Bồ-tát.

Lại có Đà-la-ni Đại vân không thoái chuyển bản thể ánh sáng nơi nước của chư Phật, Bồ-tát.

Lại có Đà-la-ni Đại vân không thoái chuyển vua biển lớn không thể nghĩ bàn của chư Phật, Bồ-tát.

Này thiện nam! Đây chính là ba mươi sáu pháp Đà-la-ni bất thoái trí bảo vô biên “tâm hành ý nhập”.

Bấy giờ, trong chúng hội có Thiên nữ tên Bảo Man bay vụt lên không trung cao bảy cây Đa-la, mưa xuống các loại hoa, hương thoa, hương bột, cườ, lọng, ca nhạc v.v... để cúng dường Đức Phật rồi nói kệ tán thán:

*Như Lai – Đại Y vương
Thân kim cang không hoại
Các ý tuệ thù thắng
Giới tịnh, thương chúng sinh.
Trừ dứt các phiền não
Như mặt trời trừ tối
Nay nói Đà-la-ni
Như mây tuôn mưa lớn.*



Chương 4: MẬT NGŨ

Khi ấy, Bồ-tát Đại Vân Mật Tạng thưa:

– Bạch Thế Tôn! Tất cả chúng sinh bị vô minh làm cho mù tối. Cúi xin Như Lai rộng khai, hiển thị mật ngữ của chư Phật, đốt ngọn đèn trí tuệ sâu xa làm ánh sáng lớn dẫn đường.

Phật nói:

– Lành thay! Lành thay! Này thiện nam! Ta sẽ vì ông đốt lên ngọn đèn đại pháp. Lắng nghe, ông hãy lắng nghe và suy nghĩ kỹ! Trong kinh này có hai mươi ba môn giải thoát đạo tích mật ngữ nhập vào phương tiện đại pháp nơi hành tinh giác của chư Phật, Bồ-tát.

Môn hành giải thoát nhập vào mật ngữ đoạn ngã và ngã sở.

Môn hành giải thoát nhập vào mật ngữ sắc đáng sợ, sắc không đáng sợ, sắc thấp kém.

Môn hành giải thoát nhập vào mật ngữ tham cầu không được. Môn Mật ngữ: Cõi đoạn, cõi có, cõi không.

Môn Mật ngữ: Vô minh có, vô minh không, vô minh có – không.

Môn Mật ngữ: Có người tham, không người tham, đoạn dứt sự tham.

Môn Mật ngữ: Người có ái, không ái, đoạn dứt sự ái.

Môn Mật ngữ: Có người trói buộc, không trói buộc, đoạn dứt sự trói buộc.

Môn Mật ngữ: Có người sân hận, không sân hận, đoạn dứt sự sân hận. lợi.

Môn Mật ngữ: Có tối tăm, không tối tăm, có ánh sáng.

Môn Mật ngữ: Có chậm lụt, không chậm lụt, có lanh lợi, đại lanh

Môn Mật ngữ: Có phá, có bể, có hoại.

Môn Mật ngữ: Có khổ, có vui, có người không cảm thọ khổ vui.

Môn Mật ngữ: Có lòng từ, không lòng từ, không sự thương xót.

Môn Mật ngữ: Có đại thí chủ, có người ban phát nhưng không có người nhận.

Môn Mật ngữ: Có người mắng, không người nhận, dứt trừ sự mắng.

Môn Mật ngữ: Có sự thanh tịnh, không sự thanh tịnh, cắt đứt tất cả sự thanh tịnh.

Môn Mật ngữ: Có sự ngang bằng, không sự ngang bằng, cắt đứt tất cả sự ngang bằng.

Môn Mật ngữ: Có sự buông lung, không sự buông lung, đoạn dứt buông lung, không sự buông lung.

Môn Mật ngữ: Như Lai không, bất không, phi không, phi bất không.

Môn Mật ngữ: Như Lai thường, không thường, phi thường, phi không thường.

Môn Mật ngữ: Như Lai ngã, không ngã, phi ngã, phi không ngã. Môn Mật ngữ: Như Lai ái, không ái, phi ái, phi không ái.

Thiện nam! Đó là hai mươi ba môn giải thoát Mật ngữ đạo tích nhập vào phương tiện đại pháp nơi hạnh tỉnh giác của chư Phật, Bồ-tát. Khi ấy, trong chúng hội có Thiên tử tên Chúng Ái cùng với vô lượng Thiên tử bay lên không trung cao mười bảy cây Đa-la, mưa xuống các loại hoa, hương thơm, cờ, lọng, ca nhạc để cúng dường Phật rồi nói kệ ca ngợi:

*Như Lai lời thâm mật
Nhị thừa không hiểu được
Tuyên nói cho mọi người
Khiến đều được an lạc.*



Chương 5: CHUYỂN SINH HỮU TẠNG

Bấy giờ, Bồ-tát Đại Vân Mật Tạng thưa:

– Bạch Thế Tôn! Có mười pháp môn thần thông hành nhập vào hành tạng hữu sinh quang vương vi diệu. Cúi mong Như Lai phân biệt giảng nói rộng.

Phật bảo:

– Lành thay! Lành thay! Này thiện nam! Ta sẽ phân biệt rộng nói cho ông. Ông hãy lắng nghe và suy nghĩ kỹ. Trong kinh này có pháp môn Hữu sinh lạc vương của chư Phật, Bồ-tát.

Lại có pháp môn Hữu sinh cầu hỷ. Lại có pháp môn Hữu sinh hư khát. Lại có pháp môn Hữu sinh lạc thuyết. Lại có pháp môn Hữu sinh an.

Lại có pháp môn Hữu sinh nguyện. Lại có pháp môn Hữu sinh xứng.

Lại có pháp môn Hữu sinh thể vương. Lại có pháp môn Hữu sinh thiện vương.

Lại có pháp môn Hữu sinh vô thiện bất nhiễm hành tạng vi diệu pháp vương.

Này thiện nam! Đây chính là mười pháp môn Thần thông hành nhập hành tạng hữu sinh quang vương vi diệu.

Lúc này, trong đại chúng có Thiên nữ tên Ái Quang đem các loại hoa trời, các loại hương, cờ, lọng, ca nhạc v.v... để cúng dường Phật rồi ca ngợi:

*Nay con cúi đầu lạy
Không sinh nơi các Hữu
Phương tiện trong các nẻo
Khắp vì tất cả chúng.
Như Lai, tâm tự tại
Thế nên thân ấy thường
Vì chúng chuyển sinh tử
Như hoa không nhiễm vương.*



Chương 6: ĐẮC CHUYỂN SINH TỬ NGHIỆP PHIỀN NÃO

Bấy giờ, Bồ-tát Đại Vân Mật Tạng thưa:

– Bạch Thế Tôn! Có mười pháp môn nghiệp nhân sinh tử phiền não đặt nguyện tạng tâm định. Cúi xin Như Lai hãy vì tất cả chúng sinh phân biệt giảng nói.

Phật dạy:

– Lành thay! Lành thay! Này thiện nam! Ta sẽ mở bày giảng nói cho ông rõ. Phải lắng nghe và suy nghĩ kỹ.

Trong kinh này có: Pháp môn Đắc nhân quả thật sinh tử phiền não.

Lại có pháp môn Sinh tử nhân lạc vương.

Lại có pháp môn Sinh tử trang nghiêm trụ tâm.

Lại có pháp môn Sinh tử hỷ địa.

Lại có pháp môn Sinh tử kỳ địa.

Lại có pháp môn Sinh tử chánh kiến.

Lại có pháp môn Sinh tử huyễn.

Lại có pháp môn Sinh tử y phục.

Lại có pháp môn Sinh tử cứu trụ.

Lại có pháp môn Sinh tử quang minh.

Thiện nam! Đây chính là mười pháp môn Nghiệp nhân sinh tử

phiền não đạt nguyện tạng tâm định.

Khi đó, trong đại chúng có Long vương tên Vô Độc đem các loại hương, các loại hoa thượng diệu, cờ, lọng, ca nhạc v.v... để cúng dường Phật rồi nói kệ ca ngợi:

*Vì các loài chúng sinh
Hiển thị nghĩa sinh tử
Phật không phiền não nghiệp
Vì chúng sinh đến đây.*



Chương 7: TRÍ CUỒNG NHẬP

Bấy giờ, Bồ-tát Đại Vân Mật Tạng thưa:

– Bạch Thế Tôn! Có mười thứ pháp môn Trí cuồng không thể nghĩ bàn nhập vào thần thông vương. Cúi mong Như Lai hãy mở bày phân biệt rộng.

Phật bảo:

– Lành thay! Ta sẽ phân biệt giảng nói cho ông rõ.

Ông hãy lắng nghe và suy nghĩ kỹ. Trong kinh này có:

Pháp môn Đắc đại an ổn.

Pháp môn Vô thắng thắng thần thông vương.

Pháp môn Vô xúng xúng quang sở nhập.

Pháp môn Vô lượng lượng quang sở nhập. Pháp môn Bồ-đề thời.

Pháp môn Kỳ quang. Pháp môn Cao thể. Pháp môn Khoan phước.

Pháp môn Trì nhất thiết chúng sinh. Pháp môn Hiện tại quang.

Này thiện nam! Đây chính là mười pháp môn Trí cuồng không thể nghĩ bàn nhập vào thần thông vương.

Lúc này, trong đại chúng có Thiên nữ tên Thiện Man đem các loại hoa, các loại hương thượng diệu, cờ, lọng, ca nhạc v.v... để cúng dường Phật rồi nói kệ khen ngợi:

*Tâm Phật khó nghĩ bàn
Thân trí cũng như vậy
Vì hóa độ chúng sinh
Rộng mở pháp môn này.*



Chương 8: PHÁP MÔN GIẢI THOÁT CHUYỂN PHƯỚC ĐỨC TẠNG

Bấy giờ, Bồ-tát Đại Vân Mật Tạng thưa:

– Bạch Thế Tôn! Có mười pháp môn Trí thâm diệu nhập vào pháp vương hành vô úy. Cúi xin Như Lai hãy phân biệt rộng nói.

Phật dạy:

– Lành thay! Này thiện nam! Ta sẽ phân biệt giảng nói cho ông rõ. Ông hãy lắng nghe và suy nghĩ kỹ. Trong kinh có:

Pháp môn Giải thoát tất cả pháp ác. Pháp môn Hư không tạng.

Pháp môn An nhập hết mực thâm diệu. Pháp môn Tế thâm.

Pháp môn Hải bất động. Pháp môn Trí đăng.

Pháp môn Thân khẩu. Pháp môn Đoạn nhập tất cả phiền não.

Pháp môn Kiên ý nhập. Pháp môn Tịnh ý vô ngại.

Thiện nam! Đây gọi là mười pháp môn Trí thâm diệu nhập pháp vương hành vô úy.

Lúc ấy, trong đại chúng có Thiên nữ tên Kim Quang Minh đem các loại hoa, các thứ hương thượng diệu, cờ, lọng, ca nhạc v.v... để cúng dường Phật rồi nói kệ tán thán:

Như Lai thân sắc vàng

Trí báu là anh lạc

Nơi báu, pháp lành tụ

Như cây có Tu-di.



Chương 9: GIẢI THOÁT HỮU ĐỨC CHUYỂN TẠNG

Bấy giờ, Bồ-tát Đại Vân Mật Tạng thưa:

– Bạch Thế Tôn! Có mười pháp môn Đại vân kiến lưu tạng báu công đức không thể nghĩ bàn. Cúi xin Như Lai hãy phân biệt giảng nói.

Phật dạy:

– Lành thay! Này thiện nam! Ta sẽ vì ông mà phân biệt diễn thuyết.

Ông hãy lắng nghe và suy nghĩ kỹ. Trong kinh này có:

Pháp môn Lạc từ tạng. Pháp môn Lạc bi tạng.

Pháp môn Lạc hỷ tạng. Pháp môn Lạc xả tạng.

Pháp môn Bảo thủy lưu tạng. Pháp môn Đại hải hành.

Pháp môn Như Lai sở thuyết pháp lưu. Pháp môn Thời nhập tạng.

Pháp môn Tướng ý bảo tạng nhập. Pháp môn Nhất thiết đại pháp tụ.

Này thiện nam! Đây chính là mười pháp môn Đại vân kiến lưu tạng báu công đức không thể nghĩ bàn.

Lúc này, trong đại chúng có Thiên tử tên Trí Ái Lạc đem các loại hoa trời, các thứ hương thượng diệu, cờ, lọng, ca nhạc v.v... để cúng dường Phật rồi nói lời ca ngợi:

*Như Lai không sinh diệt
Pháp Phật khó xét lường
Vô minh che chúng sinh
Nêu rộng nơi pháp giới.*



Chương 10: CHUYỂN CÔNG ĐỨC HẠNH

Bấy giờ, Bồ-tát Đại Vân Mật Tạng thưa:

– Bạch Thế Tôn! Có mười pháp môn Vũ lưu tạng công đức không thể nghĩ bàn. Cúi mong Như Lai hãy phân biệt giảng nói.

Phật dạy:

– Lành thay! Lành thay! Này thiện nam! Ta sẽ tuyên nói rộng rãi, phân biệt cho ông rõ. Ông hãy lắng nghe và suy nghĩ thật kỹ.

Này thiện nam! Có pháp môn Vũ võng.

Pháp môn Bảo vương. Pháp môn Vũ đại hải vương.

Pháp môn Vũ trần. Pháp môn Vũ đoạn độc.

Pháp môn Vũ mãn an lạc. Pháp môn Vũ thể.

Pháp môn Vũ chủng chủng chánh kiến.

Pháp môn Vũ công đức. Pháp môn Vũ lương dục.

Này thiện nam! Đó chính là mười loại pháp môn Vũ lưu tạng công đức không thể nghĩ bàn.

Lúc này, trong đại chúng có Thiên tử tên Hư Không Lôi đem các loại

hoa, các thứ hương thượng diệu, cờ, lọng, ca nhạc v.v... để cúng dường Phật rồi nói lời ca ngợi:

*Chư Phật Như Lai nói
Tặng vì mật thượng diệu
Khiến cho tất cả chúng
Vượt hẳn dòng phiền não.
Đoạn diệt khổ sinh tử
Hết thấy chẳng còn gì
Tự mình đạt giác ngộ
Niết-bàn luận đủ lạc – thường.
Như Lai, Thiên Trung Thiên
Thành tựu vô lượng đức
Nay nói kinh Đại Vân
Vì chúng phát tâm đạo.*



Chương 11: HƯ KHÔNG SINH

Bấy giờ, Bồ-tát Đại Vân Mật Tặng thưa:

– Bạch Thế Tôn! Có mười loại pháp môn về Đại vân đặc hư không định. Cúi mong Như Lai hãy phân biệt giảng nói.

Phật dạy:

– Lành thay! Lành thay! Nay thiện nam! Ta sẽ phân biệt giảng nói cho ông rõ. Ông hãy lắng nghe và suy nghĩ kỹ. Trong kinh có:

Pháp môn Thiện pháp vương. Pháp môn Kiến tánh.

Pháp môn Trí vô thắng vương. Pháp môn Vô kiêu mạn.

Pháp môn Vô tận ý.

Pháp môn Bất khả tư nghì. Pháp môn Vô ngại.

Pháp môn Thâm thâm. Pháp môn Chất trực.

Pháp môn Hư không tướng.

Nay thiện nam! Đây chính là mười loại pháp môn.

Khi ấy, trong đại chúng có Thiên nữ tên Diệu Tộc Tánh đem các loại hương hoa, cờ, lọng, ca nhạc v.v... để cúng dường Phật rồi tán thán:

*Như Lai tặng sâu kín
Chúng sinh không hiểu được*

*Cúi mong vì tất cả
Phân biệt khiến tỏ bày.*



Chương 12: ĐIỆN QUANG CHUYỂN

Bấy giờ, Bồ-tát Đại Vân Mật Tạng thưa:

– Bạch Thế Tôn! Có mười loại pháp môn nói về Đại vân điện quang.
Cúi xin Như Lai hãy phân biệt giảng nói.

Phật dạy:

– Lành thay! Lành thay! Này thiện nam! Ta sẽ phân biệt giảng nói rõ.
Ông hãy lắng nghe và suy nghĩ ghi nhận. Trong kinh có:

Pháp môn Sáu thông. Pháp môn Công đức. Pháp môn Bảo quang.

Pháp môn Hư không tinh tiến. Pháp môn Tạng.

Pháp môn Giới điều. Pháp môn Công đức tạng. Pháp môn Đoạn nghi.

Pháp môn Lưu ly ý. Pháp môn Thanh tịnh.

Pháp môn công đức thâm diệu đại hải. Pháp môn Hoại nhất thiết kiến.

Pháp môn Kim cầu.

(Chương 12, bản Phạn dư 3 pháp môn)

Này thiện nam! Đây chính là mười loại pháp môn.

Lúc đó, trong đại chúng có Thiên nữ tên Thiện Hỷ đem các loại hoa,
hương, cờ, lọng, ca nhạc v.v... để cúng dường Phật rồi tán thán:

Như Lai Đại Y vương

Không: thân, thân phương tiện

Vô ngại như hư không

Rộng nói kinh Đại Vân.



Chương 13: ĐIỆN CHUYỂN

Bấy giờ, Bồ-tát Đại Vân Mật Tạng thưa:

– Bạch Thế Tôn! Có mười pháp môn nói về Bảo điện hành. Cúi mong
Như Lai mở bày, phân biệt.

Phật dạy:

– Lành thay! Lành thay! Này thiện nam! Ta sẽ vì ông mà phân biệt giảng nói. Ông hãy lắng nghe và suy nghĩ kỹ. Trong kinh có:

Pháp môn Điện quang bảo vương. Pháp môn Lợi trí tuệ.

Pháp môn Trí tuệ năng hoại. Pháp môn Sơ trí.

Pháp môn Trí hải. Pháp môn Pháp nghi.

Pháp môn Cát tường. Pháp môn Pháp cổ.

Pháp môn Tu di sơn. Pháp môn Năng hoại ám.

Pháp môn Phong đăng hạnh.

(Chương 14, bản Phạn dư 1 pháp môn)

Này thiện nam! Đây chính là mười pháp môn.

Khi ấy, trong đại chúng có Thiên nữ tên Hằng Hà Thần đem các loại hương, hoa, cờ, lọng, ca nhạc v.v... để cúng dường Phật rồi ca ngợi:

*Tâm vô úy, vô ngã
Vô tham, thương chúng sinh
Sử dụng đại phương tiện
Mà vì tất cả đời
Như Lai, sức công đức
Khiến cho con biết được
Thân vô thượng vô biên
Không thể suy nghĩ, bàn
Con nghe kinh này rồi
Đoạn hẳn mọi phiền não.*



Chương 14: THẦN THÔNG

Bấy giờ, Bồ-tát Đại Vân Mật Tạng thưa:

– Bạch Thế Tôn! Có mười loại pháp môn nói về Đại vân điện quang huyễn. Cúi mong Như Lai hãy phân biệt rộng nói.

Phật dạy:

– Lành thay! Lành thay! Này thiện nam! Ta sẽ giảng nói cho ông rõ. Ông hãy lắng nghe và khéo suy nghĩ. Trong kinh có:

Pháp môn Điều huyễn. Pháp môn Điều tạng. Pháp môn Lạc pháp.

Pháp môn Cầu pháp. Pháp môn Thiêu kết.

Pháp môn Sinh nhất thiết pháp. Pháp môn Đoạn chư tranh tụng.

Pháp môn Năng tiêu phiền não. Pháp môn Thượng cao.

Pháp môn Niệm vô tận. Pháp môn Độ nhất thiết chúng sinh.

(Chương 14, bản Phạn dư 1 pháp môn)

Này thiện nam! Đây chính là mười pháp môn.

Lúc ấy, trong đại chúng có Thiên nữ tên Đại Hỷ đem các loại hương, hoa, cờ, lọng, ca nhạc v.v... để cúng dường Phật rồi nói kệ ca ngợi:

*Như Lai, đại thần thông
Thân Ngài không động chuyển
Vì chúng, đoạn sinh tử
Nên nói kinh Đại Vân.*



Chương 15: BẢO BẠC

Bấy giờ, Bồ-tát Đại Vân Mật Tạng thưa:

– Bạch Thế Tôn! Có mười pháp môn nói về Đại thần thông. Cúi mong Như Lai hãy phân biệt giảng nói.

Phật dạy:

– Lành thay! Lành thay! Này thiện nam! Ta sẽ phân biệt giảng nói cho ông rõ. Ông hãy lắng nghe và suy nghĩ thật kỹ. Trong kinh có:

Pháp môn Bảo bạc. Pháp môn Bạc đẳng.

Pháp môn Bạc trang nghiêm vương. Pháp môn Bạc đẳng.

Pháp môn Bạc được. Pháp môn Bạc đồng.

Pháp môn Bạc vô tận ý. Pháp môn Bạc thượng thượng.

Pháp môn Bạc thượng dung. Pháp môn Bạc thậm thâm.

Này thiện nam! Đây chính là mười pháp môn.

Khi đó, trong đại chúng có Thiên nữ tên Nghiêm Sức Tự Hỷ đem các loại hương, hoa, cờ, lọng, ca nhạc v.v... để cúng dường Phật rồi nói lời ca ngợi:

*Như Lai, đại bạc vương
Thiên Trung Thiên mưa khắp
Biết các nghiệp phiền não
Và dứt trừ sạch chúng.*

*Phàm phu kiết vô biên
 Xoay vòng chịu sinh tử
 Bỏ-tát không phiền não
 Nên không đến các nẻo.*



Chương 16: KIM CƯƠNG TRÍ

Bấy giờ, Bồ-tát Đại Vân Mật Tạng thưa:

– Bạch Thế Tôn! Có mười pháp môn nói về Trí kim cương hành nhập trí. Cúi mong Như Lai hãy phân biệt giảng nói.

Phật dạy:

– Lành thay! Lành thay! Nay thiện nam! Ta sẽ vì ông mà phân biệt giảng nói. Ông hãy lắng nghe và suy nghĩ ghi nhận. Trong kinh có:

Pháp môn Thần thông bảo tộ. Pháp môn Hỷ vương.

Pháp môn Thần thông bình đẳng. Pháp môn Bạch nga thanh.

Pháp môn Hư không vô ngại. Pháp môn Dục vương.

Pháp môn Pháp tràng. Pháp môn Đại hải thậm thâm.

Pháp môn Bất động. Pháp môn Vô biên quang.

Pháp môn Bất khả tư nghì. Pháp môn Vô lượng kiếp.

(Chương 16, bản Phạn dư 2 pháp môn)

Nay thiện nam! Đây chính là mười pháp môn.

Lúc này, trong đại chúng có Thiên nữ tên Thâm Trí Ái đem các loại hương, hoa, cờ, lọng, ca nhạc v.v... để cúng dường Phật rồi nói lời ca ngợi:

*Như Lai, vô thượng vương
 Không sinh cũng không diệt
 Vì các loại chúng sinh
 Mà thị hiện sinh diệt.
 Chân thật, thường, không đổi
 Vì chúng nói vô ngã
 Thân Phật như kim cương
 Không thể bị ngăn, hoại.*



Chương 17: VÔ TẬN

Bấy giờ, Bồ-tát Đại Vân Mật Tạng thưa:

– Bạch Thế Tôn! Có mười pháp môn nói về Vô tận ý hội nhập thần thông. Cúi mong Như Lai hãy phân biệt nói rộng.

Phật dạy:

– Lành thay! Lành thay! Này thiện nam! Ta sẽ phân biệt giảng nói cho ông rõ. Ông hãy lắng nghe và suy nghĩ. Trong kinh có:

Pháp môn Cam lộ ý nhập. Pháp môn An bảo.

Pháp môn Lạc. Pháp môn Hỷ.

Pháp môn Tinh tấn thậm thâm. Pháp môn Ý hạnh.

Pháp môn Vô tận lạc. Pháp môn Thường hỷ lạc.

(Chương 17, bản Phạn thiếu 2 pháp môn)

Này thiện nam! Đây chính là mười pháp môn.

Khi ấy, trong đại chúng có Thiên nữ tên Đại Bảo Luân đem các loại hương, hoa, cò, lọng, ca nhạc v.v... để cúng dường Phật rồi nói lời ca ngợi:

*Như Lai không giàu nghèo
Thân Ngài không trở ngại
Vì thương xót tất cả
Vui nói kinh Đại Thừa.*

**Chương 18: CHÁNH HẠNH**

Bấy giờ, Bồ-tát Đại Vân Mật Tạng thưa:

– Bạch Thế Tôn! Có mười pháp môn nói về Chánh đạo. Cúi xin Như Lai hãy phân biệt giảng nói.

Phật dạy:

– Lành thay! Lành thay! Này thiện nam! Ta sẽ vì ông mà phân biệt giảng nói. Ông hãy lắng nghe và khéo suy nghĩ. Trong kinh có:

Pháp môn Thâm quảng hạnh. Pháp môn Kiện hành.

Pháp môn Hiện lực. Pháp môn Kiện thắng.

Pháp môn Nhất thiết thiên nhân. Pháp môn Nhập nhất thiết thời. Pháp môn Bất nhiễm nhất thiết thời. Pháp môn Nhất thiết đạo hỷ.

Pháp môn Đoạn nhất thiết cội ác. Pháp môn Đại hải thường triều.

Pháp môn Đại hải thần thông.

(Chương 18, bản Phạn dư 1 pháp môn)

Này thiện nam! Đây là mười pháp môn.

Lúc ấy, trong đại chúng có Thiên nữ tên Thiện Đắc đem các loại hương, hoa, cò, lọng, ca nhạc v.v... để cúng dường Phật rồi ca ngợi:

Như Lai đáng vô thượng

Tu tập đạo chân chánh

Tuy thành kho vũng chắc

Tâm dứt mọi lo sợ.

Thương xót các chúng sinh

Và cũng vì chúng con

Ngay nơi bảo tòa này

Tuyên nói kinh như vậy



Chương 19: SỰ TỬ HỒNG

Bấy giờ, Bồ-tát Đại Vân Mật Tạng thưa:

– Bạch Thế Tôn! Có mười pháp môn nói về Hành sự tử hồng thâm diệu hết mực. Cúi mong Như Lai hãy phân biệt giảng nói.

Phật dạy:

– Lành thay! Lành thay! Này thiện nam! Ta sẽ phân biệt giảng nói cho ông rõ. Ông hãy lắng nghe và khéo suy nghĩ. Trong kinh có:

Pháp môn Nhất thiết vị hồng. Pháp môn Nhất thiết vị hỷ.

Pháp môn Thời thần thông vương. Pháp môn Liên hoa.

Pháp môn Hỷ địa.

Pháp môn Đại hỷ địa. Pháp môn Tứ oai nghi. Pháp môn Thánh hạnh.

Pháp môn Tịnh.

Pháp môn Nhất thiết pháp thể.

Thiện nam! Đây là mười pháp môn.

Khi ấy, trong đại chúng có Thiên nữ tên Vi Diệu Thanh đem các loại hương, hoa, cò, lọng, ca nhạc v.v... để cúng dường Phật rồi ca ngợi:

Trí vô thượng vi diệu

Giống như nước biển cả

*Điều lực khó nghĩ bàn
Nên như sư tử gầm.
Vì các loại chúng sinh
Sinh khởi lòng thương xót
Nay nói kinh Phương Đăng
Tâm ý không còn sợ.*



Chương 20: SƯ TỬ HỒNG THẦN THÔNG

Bấy giờ, Bồ-tát Đại Vân Mật Tạng thưa:

– Bạch Thế Tôn! Có mười pháp môn nói về Thần thông của sư tử hồng. Cúi xin Như Lai hãy phân biệt giảng nói.

Phật dạy:

– Lành thay! Lành thay! Này thiện nam! Ta sẽ vì ông mà phân biệt giảng nói. Ông hãy lắng nghe và khéo suy nghĩ. Trong kinh có:

Pháp môn Quang. Pháp môn Pháp phong. Pháp môn Pháp cổ.

Pháp môn Pháp bảo. Pháp môn Pháp tạng. Pháp môn Pháp lực. Pháp môn Pháp động. Pháp môn Pháp tập. Pháp môn Đại địa.

Pháp môn Nan cận.

Pháp môn Nhất thiết anh lạc.

(Chương 20, bản Phạn dư 1 pháp môn)

Này thiện nam! Đây là mười pháp môn.

Lúc này, trong đại chúng có Thiên tử tên Sư Tử Hồng đem các loại hương, hoa, cờ, lọng, ca nhạc v.v... để cúng dường Phật rồi ca ngợi:

*Như Lai không nhân dụ
Không hơn, không biên vực
Vì các loài chúng sinh
Phương tiện sư tử gầm.*



Chương 21: THIỆN PHƯƠNG TIỆN

Bấy giờ, Bồ-tát Đại Vân Mật Tạng thưa:

– Bạch Thế Tôn! Có mười pháp môn nói về việc Nhập vào phương tiện của thế gian. Cúi mong Như Lai phân biệt nói rộng.

Phật dạy:

– Lành thay! Lành thay! Này thiện nam! Ta sẽ phân biệt giảng nói cho ông rõ. Ông hãy lắng nghe và suy nghĩ kỹ. Trong kinh có:

Pháp môn Sinh vương nhập.

Pháp môn Cứu cánh đa phương tiện nhập. Pháp môn Tín tâm nhập.

Pháp môn Sư tử thần thông. Pháp môn Thế giới phi thế giới. Pháp môn Thời nhất nhập.

Pháp môn Thiện bất thiện. Pháp môn Năng điều ác nhân. Pháp môn Hữu đức vương nhập.

Pháp môn Đắc nhất thiết cung kính. Pháp môn Hạ nghiệp lành.

(Chương 21, bản Phạn dư 1 pháp môn)

Này thiện nam! Đây là mười pháp môn.

Lúc ấy, trong chúng hội có Thiên tử tên Bà-la-ha-ca đem các loại hương, hoa, cò, lọng, ca nhạc v.v... để cúng dường Phật rồi ca ngợi:

*Như Lai phương tiện nhập Niết-bàn
Thân Ngài không động, cũng không diệt
Nhập vào thiền định khó nghĩ bàn
Chúng sinh không hiểu, cho mất hẳn.*



Chương 22: THẦN THÔNG

Bấy giờ, Bồ-tát Đại Vân Mật Tạng thưa:

– Bạch Thế Tôn! Có mười pháp môn nói về Thần thông hội nhập nơi bảo tạng. Cúi mong Như Lai hãy phân biệt giảng nói.

Phật dạy:

– Lành thay! Lành thay! Này thiện nam! Ta sẽ phân biệt giảng nói cho ông rõ. Ông hãy lắng nghe và khéo suy nghĩ. Trong kinh có: Pháp môn Pháp châu la.

Pháp môn Đại thần thông. Pháp môn Bảo hương tạng. Pháp môn Sư tử hống nhập tụ. Pháp môn Phá pháp tướng.

Pháp môn Chiên đàn hương. Pháp môn Vô tướng.

Pháp môn Vô ngữ. Pháp môn Liên hoa. Pháp môn Xung.

Này thiện nam! Đây là mười pháp môn.

Lúc này, trong đại chúng có Thiên tử tên Tăng Trưởng Hữu Đức đem các loại hương, hoa, cờ, lọng, ca nhạc v.v... để cúng dường Phật rồi nói kệ ca ngợi:

*Tam thiên đại thiên côi
Phật tự tại trong pháp
Pháp thân không thể thấy
Vì chúng hiện tướng tốt.*



Chương 23: KIM SÍ ĐIỀU

Bấy giờ, Bồ-tát Đại Vân Mật Tạng thưa:

– Bạch Thế Tôn! Có mười pháp môn nói về Chỗ hội nhập thần thông của kim sí điều. Cúi mong Như Lai hãy phân biệt giảng nói.

Phật dạy:

– Lành thay! Lành thay! Này thiện nam! Ta sẽ vì ông mà phân biệt giảng nói. Ông hãy lắng nghe và suy nghĩ kỹ. Trong kinh có:

Pháp môn Năng hoại Long vương Bà-tu-cát lực thần thông vương.

Pháp môn Tự tại lực nhập. Pháp môn Hỷ nhập.

Pháp môn Khai dũng nhập. Pháp môn Đại hải thời nhập.

Pháp môn Năng hoại đại sơn. Pháp môn Năng hoại phong lực.

Pháp môn Trường kiến. Pháp môn Năng hoại nhất thiết độc.

Pháp môn Đắc bảo tuyền. Thiện nam! Đây là mười pháp môn.

Khi ấy, trong đại chúng có Thiên tử tên Thâm Tịnh Hạnh đem các loại hương, hoa, cờ, lọng, ca nhạc v.v... để cúng dường Phật rồi ca ngợi:

*Như Lai đại Pháp vương Tuệ nhãn ví ngàn nhật Định căn tay kim
cang Diệt hết các phiền não.*



Chương 24: ĐẠI XÁ

Bấy giờ, Bồ-tát Đại Vân Mật Tạng thưa:

– Bạch Thế Tôn! Có mười pháp môn nói về Đại xả thời thần thông vương vi diệu. Cúi xin Như Lai hãy phân biệt giảng nói.

Phật dạy:

– Lành thay! Lành thay! Này thiện nam! Ta sẽ vì ông mà phân biệt giảng nói. Ông hãy lắng nghe và khéo suy nghĩ. Trong kinh có:

Pháp môn Vô ngại lực thâm diệu. Pháp môn Giới trụ.

Pháp môn Giới quảng vương. Pháp môn Giới giới vương.

Pháp môn Bảo nhũ lưu.

Pháp môn Công đức lưu vi diệu. Pháp môn Từ lực lưu.

Pháp môn Nhẫn nhục lưu.

Pháp môn Hỷ lực lưu. Pháp môn Xả lực lưu.

Thiện nam! Đây là mười pháp môn.

Khi đó, trong đại chúng có Thiên tử tên Bảo Quý Đức đem các loại hương, hoa, cò, lọng, ca nhạc v.v... để cúng dường Phật rồi ca ngợi:

*Lễ Phật, sức vô lượng
Thân thường trụ không hoại
Vì các loài chúng sinh
Nên nói các pháp giới.*



Chương 25: VÔ ÚY

Bấy giờ, Bồ-tát Đại Vân Mật Tạng thưa:

– Bạch Thế Tôn! Có mười pháp môn nói về Đại lực vô sở úy là chỗ hội nhập của thần thông. Cúi mong Như Lai hãy phân biệt giảng nói.

Phật dạy:

– Lành thay! Lành thay! Này thiện nam! Ta sẽ phân biệt giảng nói cho ông rõ. Ông hãy lắng nghe và suy nghĩ kỹ. Trong kinh có:

Pháp môn Vô sở úy lực thần thông. Pháp môn Bất hy lạc căn.

Pháp môn Bảo tự. Pháp môn Thập hữu đức.

Pháp môn Tịnh hoàn. Pháp môn Tịnh quang hạnh.

Pháp môn Tịnh bảo quang. Pháp môn Hỷ nhập.

Pháp môn Tịnh đẳng. Pháp môn Điện quang.

Này thiện nam! Đây là mười pháp môn.

Khi ấy, trong đại chúng có Thiên tử tên Bảo Tuệ đem các loại hương, hoa, cò, lọng, ca nhạc v.v... để cúng dường Phật rồi tán thán:

*Tạng bí mật Như Lai
Sâu xa như biển lớn
Vì các loài chúng sinh
Hành tịnh nơi pháp giới*



Chương 26: NHẬP HẠNH

Bấy giờ, Bồ-tát Đại Vân Mật Tạng thưa:

– Bạch Thế Tôn! Có mười pháp môn nói về Nhập hạnh. Cúi mong Như Lai hãy phân biệt giảng nói.

Phật dạy:

– Lành thay! Lành thay! Nay thiện nam! Ta sẽ phân biệt giảng nói cho ông rõ. Ông hãy lắng nghe và khéo suy nghĩ. Trong kinh có:

Pháp môn Nhập tạng. Pháp môn Chánh hạnh. Pháp môn Chánh thật. Pháp môn Cát xung.

Pháp môn Xung. Pháp môn Thường hỷ. Pháp môn Nhật tu.

Pháp môn Bi lực. Pháp môn Nhẫn nhục.

Pháp môn Thường tịnh.

Nay thiện nam! Đây chính là mười pháp môn.

Lúc ấy, trong đại chúng có Thiên tử tên Bảo Chánh Quang đem các loại hương, hoa, cò, lọng, ca nhạc v.v... để cúng dường Phật rồi nói kệ ca ngợi:

*Biển trí tuệ Như Lai
Sâu xa thật khó lường
Vì khắp các chúng sinh
Nay nói kinh Đại Vân.*



Chương 27: CHÍ TÂM

Bấy giờ, Bồ-tát Đại Vân Mật Tạng thưa:

– Bạch Thế Tôn! Có mười pháp môn Chí tâm sở nhập. Cúi mong Như Lai hãy phân biệt giảng nói.

Phật dạy:

– Lành thay! Lành thay! Này thiện nam! Ta sẽ phân biệt giảng nói cho ông rõ. Ông hãy lắng nghe và khéo suy nghĩ. Trong kinh có:

Pháp môn Trụ thiện giới. Pháp môn Đại hại trí.

Pháp môn Trí triêu. Pháp môn Thần thông hạnh.

Pháp môn Hư không thần thông. Pháp môn Vô nhiệt.

Pháp môn Sơ thành. Pháp môn Tùy hành.

Pháp môn Thí hỷ. Pháp môn Thiện chí tâm.

Này thiện nam! Đây chính là mười pháp môn.

Khi ấy, trong đại chúng có Thiên tử tên Ba-đầu-ma-trí đem các loại hương, hoa, cò, lọng, ca nhạc v.v... để cúng dường Phật rồi nói kệ ca ngợi:

*Đánh vô kiến Như Lai
Không hơn, không gì trên
Nay phóng ánh sáng lớn
Khắp vì các chúng sinh.*

**Chương 28: DŨNG LỰC**

Bấy giờ, Bồ-tát Đại Vân Mật Tạng thưa:

– Bạch Thế Tôn! Có mười pháp môn nói về Dũng vương đại lực vi diệu. Cúi xin Như Lai hãy phân biệt giảng nói.

Phật dạy:

– Lành thay! Lành thay! Này thiện nam! Ta sẽ phân biệt giảng nói cho ông rõ. Ông hãy lắng nghe và khéo suy nghĩ. Trong kinh có:

Pháp môn Kiền thắng điền hạnh. Pháp môn Thủ lăng nghiêm.

Pháp môn Dũng kiện thần thông. Pháp môn Kiện lực.

Pháp môn Kiện quy. Pháp môn Chúng sinh cụ túc.

Pháp môn Trí kiên kiên hành. Pháp môn Hoại lại đọa.

Pháp môn Quảng lục. Pháp môn Kiện điều quang. Pháp môn Kiện ý.
(Chương 28, bản Phạn dư 1 pháp môn)

Này thiện nam! Đây chính là mười pháp môn.

Lúc này, trong đại chúng có Thiên tử tên Dũng Vũ đem các thứ hương, hoa, cò, lọng, ca nhạc v.v... để cúng dường Phật rồi nói kệ ca ngợi:

*Quyển thuộc không thể hoại
Giống như kim cang báu
Hàng phục quyển thuộc ma
Vì chúng nói kinh này.*



Chương 29: THIÊN

Bấy giờ, Bồ-tát Đại Vân Mật Tạng thưa:

– Bạch Thế Tôn! Có mười pháp môn Thiên hạnh đại thần thông vương sở nhập. Cúi mong Như Lai hãy phân biệt giảng nói.

Phật dạy:

– Lành thay! Lành thay! Này thiện nam! Ta sẽ phân biệt giảng nói cho ông rõ. Ông hãy lắng nghe và khéo suy nghĩ. Trong kinh có:

Pháp môn Thiên bảo điều. Pháp môn Thiên tự.

Pháp môn Thiên đường. Pháp môn Thiên hạnh.

Pháp môn Thiên ý. Pháp môn Thiên đức.

Pháp môn Thiên tịnh. Pháp môn Thiên điều quang.

Pháp môn Nhất thiết thiện hạnh anh lạc.

(Chương 29, bản Phạn thiếu 1 pháp môn)

Này thiện nam! Đây chính là mười pháp môn.

Lúc đó, trong đại chúng có Thiên nữ tên Thiên Hộ đem các loại hương, hoa, cò, lọng, ca nhạc v.v... để cúng dường Phật rồi nói kệ ca ngợi:

*Thành tựu được tướng lành
Ngôi an tòa thiện diệu
Khấp vì các chúng sinh
Diễn bày pháp vô thượng.*



Chương 30: THẦN THÔNG

Bấy giờ, Bồ-tát Đại Vân Mật Tạng thưa:

– Bạch Thế Tôn! Có mười ba pháp môn nói về Tạng thần thông được khai thị. Cúi mong Như Lai hãy phân biệt giảng nói.

Phật dạy:

– Lành thay! Lành thay! Này thiện nam! Ta sẽ phân biệt chỉ bày cho ông rõ. Ông hãy lắng nghe và khéo suy nghĩ. Trong kinh có:

Pháp môn Lạc thần thông quật. Pháp môn Hỷ thần thông quật.

Pháp môn Đại hỷ thần thông quật. Pháp môn Hành thần thông quật.

Pháp môn Sư tử thần thông quật. Pháp môn Đẳng thần thông quật.

Pháp môn Thị thần thông quật. Pháp môn Bi thần thông quật.

Pháp môn Xả thần thông quật.

(Chương 30, bản Phạn thiếu 4 pháp môn)

Này thiện nam! Đây chính là mười ba pháp môn.

Lúc này, trong đại chúng có Thiên nữ tên Đại Hải Ý đem các thứ hương, hoa, cò, lọng, ca nhạc v.v... để cúng dường Phật rồi nói kệ ca ngợi:

*Cây Bồ-đề thường trụ
Đệ tử thích nương tựa
Gốc yên không lay động
Nên sinh được mầm định
Được trái thường không đổi
Do vậy, cúi đầu lạy.*



Chương 31: TRÍ

Bấy giờ, Bồ-tát Đại Vân Mật Tạng thưa:

– Bạch Thế Tôn! Có mười pháp môn Trí sơ hạnh. Cúi xin Như Lai hãy phân biệt giảng nói.

Phật dạy:

– Lành thay! Lành thay! Này thiện nam! Ta sẽ phân biệt giảng nói cho ông rõ. Ông hãy lắng nghe và khéo suy nghĩ. Trong kinh có:

Pháp môn Pháp tăng trưởng. Pháp môn Hỷ thực.

Pháp môn Vô tận ý.

Pháp môn Tham thần thông. Pháp môn Thí đơn.

Pháp môn Bất lạc thể gian. Pháp môn Trang nghiêm địa.

Pháp môn Trang nghiêm giới. Pháp môn Lạc điều.

Pháp môn Trụ thời. Thiện nam! Đó chính là mười pháp môn.

Khi ấy, trong đại chúng có Thiên nữ tên Tu Man Na Hoa, đem các loại hương, hoa, cờ, lọng, ca nhạc v.v... để cúng dường Phật rồi nói kệ ca ngợi:

*Giới Như Lai vô thượng
Trí tuệ vô thượng thượng
Vì thương xót chúng sinh
Rộng nói kinh Đại Vân.*



Chương 32: TRÍ BẢO TẠNG

Bấy giờ, Bồ-tát Đại Vân Mật Tạng thưa:

– Bạch Thế Tôn! Có mười pháp môn nói về Trí bảo tạng. Cúi mong Như Lai hãy phân biệt giảng nói.

Phật dạy:

– Lành thay! Lành thay! Này thiện nam! Ta sẽ phân biệt giảng nói cho ông rõ. Ông hãy lắng nghe và khéo suy nghĩ. Trong kinh có:

Pháp môn Thiện tri bảo tạng. Pháp môn Pháp tri.

Pháp môn Cung kính. Pháp môn Tâm tri.

Pháp môn Điều vương. Pháp môn Chánh tinh tiến. Pháp môn Đại hải bảo tạng. Pháp môn Lạc cát.

Pháp môn Trí quả. Pháp môn Đại cát.

Pháp môn Thành tựu công đức. Pháp môn Đoan chánh.

Pháp môn Trì giới tinh tấn.

(Chương 32, bản Phạn dư 3 pháp môn)

Thiện nam! Đó chính là mười pháp môn.

Lúc này, trong đại chúng có Thiên nữ tên Liên Hoa Man đem các loại hương, hoa, cờ, lọng, ca nhạc v.v... để cúng dường Phật rồi nói kệ ca ngợi:

*Biển đại trí Như Lai
Nay con chí tâm lạy*

*Tạng bí mật định sâu
Đấng đại bi tuyên nói.
N hư Lai đã tự chứng
Cả thường, lạc, ngã, tịnh
Cũng lại khiến chúng sinh
Đều đạt được như mình.*



Chương 33: THÍ

Bấy giờ, Bồ-tát Đại Vân Mật Tạng thưa:

– Bạch Thế Tôn! Có mười pháp môn nói về Chánh tri tạng báu vi diệu. Cúi xin N hư Lai hãy phân biệt giảng nói.

Phật dạy:

– Lành thay! Lành thay! Này thiện nam! Ta sẽ phân biệt giảng nói cho ông rõ. Ông hãy lắng nghe và khéo suy nghĩ. Trong kinh có:

Pháp môn Bảo tạng. Pháp môn Tịnh tạng. Pháp môn Tịnh lạc.
Pháp môn Thí lạc. Pháp môn Thí mục. Pháp môn Thâm tạng.
Pháp môn Thâm pháp trang nghiêm. Pháp môn Chánh kiến.
Pháp môn Mẫn nhất thiết chúng sinh.

(Chương 33, bản Phạn thiếu 1 pháp môn)

Này thiện nam! Đây chính là mười pháp môn.

Khi đó, trong đại chúng có Thiên nữ tên Pháp Bảo Lạc, đem các loại hương, hoa, cò, lọng, ca nhạc v.v... để cúng dường Phật rồi nói kệ ca ngợi:

*N hư Lai đại thí chủ
Trang nghiêm “tự đại thí”
Ban tất cả chúng sinh
Không quán ruộng chẳng ruộng.*



Chương 34: PHƯỚC DIỄN

Bấy giờ, Bồ-tát Đại Vân Mật Tạng thưa:

– Bạch Thế Tôn! Có mười pháp môn nói về Chủng tử của ruộng

phước. Cúi mong Như Lai hãy phân biệt giảng nói.

Phật dạy:

– Lành thay! Lành thay! Này thiện nam! Ta sẽ phân biệt giảng nói cho ông rõ. Ông hãy lắng nghe và khéo suy nghĩ. Trong kinh có:

Pháp môn Bảo hạnh thắng. Pháp môn Bảo lưu vũ.

Pháp môn Bảo hạnh tụ. Pháp môn Bảo công đức tụ.

Pháp môn Bảo chánh ý. Pháp môn Bảo mục. Pháp môn Bảo ý.

Pháp môn Bảo quang. Pháp môn Bảo đẳng. Pháp môn Bảo điện.

Pháp môn Vô tận ý. Pháp môn Bảo trụ. Pháp môn Nhất thiết bảo điền.

(Chương 34, bản Phạn dư 3 pháp môn)

Này thiện nam! Đó chính là mười pháp môn.

Lúc ấy, trong đại chúng có Thiên tử tên Bảo Vũ đem các loại hương, hoa, cờ, lọng, ca nhạc v.v... để cúng dường Phật rồi nói kệ ca ngợi:

Chư Phật Đăng Chánh Giác

Là ruộng phước ở đời

Đại từ bi thương xót

Tất cả các chúng sinh

Tỏ rõ ruộng chẳng ruộng

Nên gọi A lô ha.



Chương 35: CHÁNH PHÁP

Bấy giờ, Bồ-tát Đại Vân Mật Tạng thưa:

– Bạch Thế Tôn! Có mười pháp môn nói về Chân thật thần thông an lạc vương sở nhập. Cúi xin Như Lai hãy phân biệt giảng nói.

Phật dạy:

– Lành thay! Lành thay! Này thiện nam! Ta sẽ phân biệt giảng nói cho ông rõ. Ông hãy lắng nghe và khéo suy nghĩ. Trong kinh có:

Pháp môn Bất động. Pháp môn Trụ mao. Pháp môn Bất động lạc.

Pháp môn Thâm trụ. Pháp môn Bất khả tư nghì tụ.

Pháp môn Bất khả tư nghì tụ giải thoát. Pháp môn Lạc ý.

Pháp môn Bất khả tư nghì trụ. Pháp môn Như Lai trí ẩn.

Pháp môn Nhất thiết đại hải vô tận ý.

Này thiện nam! Đó chính là mười pháp môn.

Lúc này, trong đại chúng có Thiên tử tên Đại Quang đem các loại hương, hoa, cờ, lọng, ca nhạc v.v... để cúng dường Phật rồi nói kệ ca ngợi:

*Chư Phật, Bà-già-bà
Nói giáo pháp vi diệu
Vì các loài chúng sinh
Đều thật khó nghĩ bàn.*



KINH ĐẠI PHƯƠNG ĐĂNG VÔ TƯỚNG

QUYỂN 4

PHẦN 1: ĐẠI VÂN

Chương 36: NHƯ LAI NIẾT BÀN

Bấy giờ, trong chúng hội có vị vua Đại Phạm tên Kiện Hành, đem nhiều thứ đồ cúng dường Phật, rồi cung kính chấp tay, nhiễu bên phải ba vòng, vọt lên không trung cao bảy cây Đa-la, bạch Phật:

– Bạch Thế Tôn! Kinh điển Đại Thừa gồm có mấy loại tổng trì Tam-muội? Tạng bí mật của đạo tu hành, cảnh giới ưa giảng nói vô ngại của Như Lai, quốc độ thế gian có bao nhiêu thứ? Vì Như Lai có lòng đại từ thương xót tất cả nên hôm nay con mới nêu ra câu hỏi này. Cúi xin đáng Nhị Túc thương xót mà giảng nói rõ. Khi nghe Phật nói rồi, con sẽ lãnh nhận, thọ trì.

Lúc ấy, trong đại chúng có Thiên tử tên Vô Tận Ý, nương vào uy thần của Phật vì các hàng Phạm thiên nói kệ:

*Lành thay! Vua Đại Phạm
Hỏi Phật nghĩa chân thật
Phật sẽ đáp như thật
Độ khắp các chúng sinh.
Nên phải hết lòng nghe
Cung kính và tôn trọng
Từng phần kinh Phương Đăng
Hằng sa nghĩa khó hiểu.
Như Lai – Đại Pháp vương
Mở bày rộng pháp giới
Phật đặc pháp tổng trì
Nhị thừa chẳng thể đạt.*

Đức Phật dạy:

– Nay Đại Phạm! Nghĩa của kinh Đại Thừa chẳng phải chỉ một mà

cả đến hàng vạn thứ. Giả sử có người trí như Tôn giả A-nan, sống lâu đến như số cát sông Hằng cũng không thể nào thọ trì nhận biết được hết nghĩa lý ấy.

Lại có thể khiến cho người ấy miệng nói rất nhanh, trải qua thời gian như số cát sông Hằng cũng không thể nào nói hết được. Vì sao? Vì nghĩa lý của kinh Đại Thừa rất thâm thúy, không thể nghĩ bàn, không thể xưng lường, là cảnh giới khó nhận biết.

Cả chư Phật ở quá khứ, hiện tại, vị lai giảng nói về nghĩa lý, câu cú trong kinh cũng không thể hết được.

Này Phạm thiên! Ví như vị thầy thuốc chữa bệnh, đối với tác dụng của thuốc cũng không thể nào nói hết được. Chư Phật Thế Tôn cũng như vậy.

Này Phạm thiên! Ví như người nữ chỉ có mỗi một đứa con, vì muốn cho con mau lớn nên hết lòng chăm sóc, nuôi dưỡng. Chư Phật, Thế Tôn cũng như vậy.

Này Phạm thiên! Ông đã vì hàng chúng sinh nêu ra câu hỏi này.

Tôi sẽ hết lòng nghe nhận nghĩa lý ấy.

Khi ấy, Bồ-tát Đại Vân Mật Tạng bạch Phật:

– Bạch Thế Tôn! Trong kinh này có bốn trăm Tam-muội, nghĩa lý rất sâu xa, thật khó hiểu được. Cúi mong Như Lai hãy phân biệt giảng nói.

Phật dạy:

– Lành thay! Lành thay! Này thiện nam! Theo như ông nói, vì nhằm trị bệnh cấu uế tạp ác của chúng sinh, khiến đạt được tâm chánh tín nhẫn nhục, tâm chánh tinh tấn, tâm niệm, tâm định, vì muốn cho những người phước ít ở đời sau sinh khởi phước đức nên ông đã nêu ra những vấn đề ấy.

Này thiện nam! Nếu như có người thuộc bốn bộ chúng, ở nơi các xóm làng, thành ấp, quốc độ, thọ trì, đọc tụng, biên chép, giảng nói kinh này thì sáng sớm trời mưa, mưa xong thì dừng.

Này thiện nam! Tùy theo sự thọ trì, đọc tụng, biên chép, giảng nói kinh này của những chúng sinh nơi quốc độ ấy, nên biết những người ấy đạt được thân kim cang. Vì sao? Là do trong kinh điển này có thần chú. Vì các hàng chúng sinh mà chư Phật nơi ba đời đã cùng nói ra thần chú này:

“Úc cứu lệ, mâu cứu lệ, đầu đề, tỷ đầu đề, đà ni yết đề, đà na lại đề, đà na tăng thập hề”.

Nếu bốn bộ chúng nào đọc tụng chú này thì được chư Phật khen ngợi.

Nếu quốc độ nào muốn cầu mưa thì vị vua nước ấy vào sáu ngày trai nên tắm rửa sạch sẽ, cúng dường Tam bảo, tôn trọng, tán thán, xưng danh Long vương. Thiện nam! Tính chất của bốn đại có thể khiến biến đổi. Tụng trì chú này, nếu trời không mưa xuống, chắc chắn không có việc đó.

Đầu tiên, ông đã hỏi về nghĩa lý của bốn trăm Tam-muội, vậy hãy chỉ tâm lắng nghe, Ta sẽ giảng nói cho ông rõ.

Này thiện nam! Trong kinh có Tam-muội Tịnh thủy đại hải thậm thâm của chư Phật, Bồ-tát. Các hàng Thanh văn, Duyên giác chẳng thể nào biết được, nên gọi là thâm diệu hết mực.

Tam-muội này có năng lực đoạn dứt tất cả sự đói khát, thiếu thốn của sinh tử nên gọi là tịnh thủy.

Biên giới của Tam-muội này là không thể nắm bắt nên gọi là đại hải. Chư Phật, Thế Tôn đều cùng bình đẳng với nhau nên gọi là Tam-muội.

Nếu Bồ-tát nào có đầy đủ Tam-muội này thì đạt được thân:

Thường, lạc, ngã, tịnh, đạt được thân đa văn hải, đa văn bảo tạng, thân không còn sự động chuyển, bất thoái đối với tâm Bồ-đề, thân Phật tuệ thường trụ, không còn sự thay đổi, tâm không nghi ngại, không lìa pháp vũ, thường gặp Tam bảo, gặp tri thức thiện, thành tựu tất cả phước đức chân chánh.

Này thiện nam! Ông nên thọ trì Tam-muội này, thọ trì sẽ được thành tựu đầy đủ vô lượng công đức.

Lại nữa, này thiện nam! Lại có Tam-muội Tịnh thủy đại hải sở nhập thậm thâm.

Không có Tam-muội nhưng có thể bày rõ về tướng Tam-muội, nên gọi là thâm diệu tốt bậc.

Vì rửa sạch sinh tử nên gọi là nước.

Không thể dò tới đáy nên gọi là đại hải.

Đạt được thân bất động thường, lạc, ngã, tịnh nên gọi là nhập.

Vì rốt ráo nên gọi là Tam-muội.

Này thiện nam! Nếu Bồ-tát nào đạt đầy đủ Tam-muội này thì có khả năng biến hóa thành các hình dáng của chư Thiên.

Thấy sự việc về Phạm thiên, liền biến thành hình dạng Phạm thiên.

Vì phá trừ sự việc Phạm thiên nhưng tâm không đắm chấp.

Thấy sự việc về Tự Tại thiên, liền biến thành hình dạng Tự Tại thiên.

Thấy sự việc về Bát tý, liền biến thành hình dạng Bát tý. Thấy sự việc về Kiến đà, liền biến thành hình dạng Kiến đà.

Thấy sự việc về Thiên mẫu, liền biến thành hình dạng Thiên mẫu.

Thấy sự việc về quý liền biến thành hình dạng quý.

Tuy hiện ra các loại hình dạng như thế, nhưng vì để phá bỏ cái thấy sai lầm, tâm thật không mê chấp.

Thấy kẻ đồ tể, liền hiện thành hình dạng đồ tể là vì muốn giáo hóa họ không sát sinh.

Kể từ quán rượu cho đến hình dạng của Chiên-đà-la cũng đều như vậy.

Gặp nơi bài bạc, đùa cợt liền hiện thành hình dạng như thế là nhằm đoạn trừ sự bần cùng.

Dẫu hiện hình dạng súc sinh, vợ con, nô tỳ, tôi tớ, nhưng bên trong tâm thường tu phạm hạnh.

Tuy đeo những đồ trang sức quý báu nhưng tâm thường thanh tịnh.

Tuy thị hiện ăn uống những món ngon ngọt, nhưng bên trong thường lấy cái vui của pháp để tự làm no đủ, thâm đượm.

Tuy vào nơi dâm dục nhưng vì để giáo hóa những kẻ bất thiện muốn làm việc xấu.

Hiện các loại thân như: bậc trí thức, thầy bói, chim thú, cho đến tất cả tạp loại súc sinh; cũng lại hiện nhập vào những hình dạng thấp kém, thân không đầy đủ là nhằm nói rõ về cái đáng lo của thân.

Thậm chí hiện chín mươi lăm loại tà đạo, tùy theo sự thị hiện từng mỗi hình dạng ấy mà phá trừ kiến chấp của họ.

Thị hiện bốn trăm lẻ bốn thứ bệnh nơi thân là muốn trị mọi bệnh cả trong lẫn ngoài cho chúng sinh.

Hiện đọc tụng ngoại thư, hiểu tất cả ngôn ngữ, thị hiện hình dạng nô tỳ, tôi tớ già trẻ trai gái, cùng thọ trì với hình dạng sinh, già, bệnh, chết là muốn điều phục các chúng sinh.

Hiện có khả năng hiểu được ngôn ngữ của các loài chim, thú, hiện ra các loại hoa, hương, thuốc cỏ, quả cây, quả cỏ. Hoặc là hiện hình dạng thân vua, thân các vương tử, đại thần, trưởng giả. Hoặc hiện dạng thân Sa-môn, Bà-la-môn, Đế thích, Thiên vương, Chuyển luân Thánh vương, mặt trời, mặt trăng v.v... sở dĩ thị hiện ra dạng thân Tứ Đại Thiên vương là vì muốn ủng hộ bốn cõi thiên hạ.

Thị hiện thân thông tự tại của chư Phật, trọn không rớt ráo nhập vào Niết-bàn.

Biến ra các màu sắc nhưng không làm ảnh hưởng đến tính chất của màu sắc.

Tuy được vãng sinh tịnh độ của chư Phật, nhưng hoàn toàn không phân biệt hình tướng của các quốc độ ấy.

Đạt được Tam-muội thâm diệu của chư Phật, nhưng đối với pháp giới hoàn toàn không có phân biệt.

Làm chủ cả hàng trời, người nhưng tâm không kiêu ngạo. Tuy nói về việc mộng nhưng lại không thấy tướng mộng. Bên ngoài hiện việc ma, nhưng thật sự không có nghiệp ma.

Hành động trong thế gian nhưng không bị cấu nhiễm theo thế pháp. Chẳng khác nào như hoa sen ở nơi cấu bẩn mà không bị nhiễm ô.

Thiện nam! Đạt như vậy gọi là thành tựu được Tam-muội Sở nhập đại hải thậm thâm (Tam-muội với đối tượng hội nhập là biển thâm diệu).

Bấy giờ, trong chúng hội có Bà-la-môn tên Thiện Đức, bạch Phật:

– Bạch Thế Tôn! Giáo pháp của Như Lai là vô cùng sâu xa bí mật, Thế Tôn đã phân biệt diễn nói cho các chúng sinh.

Thế nhưng Đề-bà-đạt-đa ngu si căn độn phước mỏng kia, đã không nghe, không nhận, không biết ơn nghĩa, lại chỉ thuần hành động đồng với đám lục quần Tỳ-kheo xấu ác, làm tăng trưởng nẻo địa ngục, làm thân Phật chảy máu, phá hoại chúng Tăng. Sinh vào dòng họ Thích nhưng lại càng tăng thêm kiêu mạn, thật gương gọi là người, nhưng chẳng phải là người, vì xét hành vi của họ, chẳng khác nào súc sinh. Lại đã từ vô lượng a-tăng-kỳ kiếp thường sinh tâm ác nghịch đối với Như Lai. Những ai bố thí cho họ thì chẳng được quả báo, việc tu tập pháp thiện cũng không thành tựu, chẳng khác nào Ni-kiền-tử. Ni-kiền-tử nói không nhận, không cho, Đề-bà-đạt-đa cũng như thế. Đúng là bè nhóm của ma, chẳng phải là quyến thuộc của Phật. Vì sao? Vì thường khởi tâm hại đối với Như Lai. Tuy gọi là Sa-môn nhưng thật chẳng đúng nghĩa Sa-môn, giống như bên trong áo ca-sa có che đầy dao bén. Thật là kẻ ngu tối, đáng gọi là kẻ vô mạng. Đồ chúng hiện có của ông ta cũng như vậy. Thật chẳng phải là Thế Tôn, nhưng lại sinh tướng Thế Tôn. Nếu Thế Tôn, Như Lai là bậc Nhất thiết trí, thì do Đâu-lại chấp nhận cho kẻ xấu ác ấy cạo tóc xuất gia, thọ giới cụ túc? Những điều Như Lai giảng nói đều khiến khắp chúng sinh phát sinh căn lành thì vì sao chỉ một mình người ấy lại không phát sinh? Như Lai từ bi thường giảng

nói những điều an lạc, rộng nói chánh pháp cho tất cả chúng sinh. Hễ nghe, người ngu tối đều được thấm đượm, căn lành mở bày. Thế tại sao Đề-bà-đạt-đa không được hưởng sự lợi ích ấy? Như Lai tánh tịnh, thân tịnh, tâm tịnh, quyền thuộc nên tịnh, tại sao trong chúng lại có những người này?

Khi ấy, nương theo thần lực của Phật, Bồ-tát Đại Vân Mật Tạng bảo với Thiện Đức:

– Lành thay! Lành thay! Này đại Bà-la-môn! Đối với sự việc này, các hàng Thanh văn, Phật-bích-chi đều không thể nói. Thế mà nay ông lại có thể thưa về nghĩa ấy, vậy thì ông hãy chí tâm lắng nghe, ta sẽ nương theo đạo lực nơi uy thần của Phật mà nói rộng cho ông rõ.

Ông không nên cho Đề-bà-đạt-đa không biết ơn nghĩa. Đây là người biết ơn, chứ không phải là không biết ơn. Tuy hành động đồng với lực quần Tỳ-kheo nhưng không gọi là ác được. Đề-bà-đạt-đa là không thể nghĩ bàn. Nghiệp hạnh tu tập của ông ta tu đều đồng với

Như Lai. Nghiệp hạnh của Như Lai cũng chính là nghiệp hạnh của Đề-bà-đạt-đa. Tất cả chúng sinh không thể khai hiển công đức chân thật của Như Lai Thế Tôn. Thế mà Đề-bà-đạt-đa lại có khả năng khai thị cho người, khiến cho vô lượng a-tăng-kỳ chúng sinh an trú nơi căn lành. Nghiệp hạnh của Như Lai chẳng phải hạt giống của địa ngục, thế sao ông lại cho Đề-bà-đạt-đa là người của địa ngục? Ông cho rằng hạnh đồng với lực quần, nhưng ông nay nên biết lực quần Tỳ-kheo thật chẳng phải là pháp hạnh xấu ác mà là đồng với hạnh Phật.

Này Đại Bà-la-môn! Máu nơi thân Như Lai thật sự không chảy ra. Đề-bà-đạt-đa cũng không thể làm cho chảy ra. Nếu nói: bóng cây có thể làm cho chảy máu thì việc đó hoàn toàn không có. Thân Như Lai cũng như vậy. Nếu nói làm cho thân chảy máu thì nên biết đấy tức là phương tiện thiện xảo không thể nghĩ bàn.

Này Đại Bà-la-môn! Chủng tánh của Đức Thích Ca Như Lai thanh tịnh như ngọc lưu ly xanh biếc. Các đệ tử hiện có của Như Lai không hủy giới cấm. Ta cũng không thấy có đệ tử nào của Như Lai phá giới cả. Chánh pháp vô thượng được Như Lai giảng nói thật sự khiến cho người nghe phát sinh căn lành, chứ chẳng phải là không phát sinh. Đại chúng của Như Lai thành tựu trì giới, đều nhập vào cảnh giới của chư Phật. Đồ chúng quyền thuộc như rừng cây chiên-đàn, chỉ toàn chiên-đàn bao vây xung quanh, không thể phá hoại, như núi Kim cương. Cũng không thấy có người có khả năng phá hoại. Có sự sợ hãi tức là có thể phá hoại. Đệ tử của Như Lai hoàn

toàn không có sợ hãi. Nếu đã không còn sợ hãi, sao cho là có thể phá hoại? Không thể phá hoại, chẳng khác nào như đàn sư tử. Như Lai là vị Pháp vương, là vua sư tử, chỉ toàn sư tử là quyền thuộc của mình. Quyền thuộc như vậy thật khó có thể lường xét. Đây chẳng phải là cảnh giới của hàng Thanh văn, Duyên giác. Không thể hủy diệt, giống như lửa âm i dưới tro tàn. Như Lai là bậc Nhất thiết trí vô thượng, một khi đã chấp nhận cho ai đó thể phát thọ giới cụ túc, thì người ấy hoàn toàn không còn hủy hoại giới cấm. Tất cả chúng sinh đều nhập vào cảnh giới nơi đối tượng được nhận biết của Như Lai nên Như Lai được gọi là Nhất thiết trí. Đề-bà-đạt-đa đầy đủ những yếu tố như vậy nên không gọi là phá hoại Tăng.

Này Đại Bà-la-môn! Giả sử đến như ngàn vạn vô lượng chúng ma cũng không thể phá hoại được. Nếu nói Đề-bà-đạt-đa xấu ác, phá hoại Tăng chúng thì nên biết đây là phương tiện thiện xảo. Vì sao lại cho rằng hạnh đồng súc sinh? Đề-bà-đạt-đa thật sự là sinh trong dòng họ thanh tịnh của Như Lai Thích Ca, không phải sinh trong loài súc sinh. Nếu nói dòng họ Thích làm các điều ác, chuyện ấy hoàn toàn không thể xảy ra. Sở dĩ Đề-bà-đạt-đa thực hành hạnh ác là vì muốn hiển thị diệu lực nơi công đức của Như Lai Thích Ca. Sinh trong dòng họ Thích mà gọi là kẻ ngu tối, hoàn toàn không có chuyện đó. Đề-bà-đạt-đa hay khéo hộ trì giới tịnh giải thoát, thế sao lại nói như Ni-kiền-tử được? Người nào ham muốn điều ác thì người ấy gọi là kẻ ác. Đề-bà-đạt-đa tâm không ham muốn điều ác, thế sao lại nói là Tỳ-kheo ác? Người tu hành theo phương tiện thiện xảo của Như Lai, người ấy chính là Đề-bà-đạt-đa.

Này Đại Bà-la-môn! Nếu có người nói Đề-bà-đạt-đa nhóm tập nghiệp địa ngục thì nên biết, nghiệp ấy là nghiệp Bò-tát. Nghiệp Bò-tát tức là thần thông, vì để giáo hóa chúng sinh nên mới ở trong địa ngục, và nên biết thật ra cũng không ở trong địa ngục. Ví như có hai người cùng đi trên đường, về sau mỗi người chia đi mỗi ngã, người thì hướng Đông, kẻ đi hướng Tây. Nếu nói hai người này hòa hợp, chuyện đó không có xảy ra. Hoặc nói Như Lai và Đề-bà-đạt-đa hoàn toàn cách xa nhau, điều đó cũng không có.

Này Đại Bà-la-môn! Người nào sát sinh, tạo ra nghiệp ác thì phải chịu quả nơi địa ngục trong vô lượng trăm ngàn đời.

Người nào tu pháp thiện thì sẽ được hưởng quả trên cõi trời trong vô lượng trăm ngàn đời.

Nếu người nào tu thiện mà thọ quả ở địa ngục, hoặc tạo ác mà thọ báo nơi cõi trời, thì đây chính là cảnh giới của chư Phật Như Lai, các hàng

Thanh văn, Duyên giác không thể nào biết được.

Như Lai thành tựu vô lượng công đức vi diệu chân thật, vậy sao có thể nói Đề-bà-đạt-đa có khả năng hủy hoại thân Phật? Thật ra trong vô lượng kiếp, ở nơi trú xứ của Như Lai từng sinh tâm ác nghịch, nhưng Đề-bà-đạt-đa thật sự không có tâm sát hại. Vì sao? Vì người này đã có được sự quyết định chân thật hiểu rõ về quả báo thiện ác, biết được chỉ cần một niệm ác cũng phải chịu quả báo ở địa ngục suốt vô lượng kiếp.

Do đó, Đề-bà-đạt-đa chắc chắn không tạo nghiệp ác.

Từ vô lượng kiếp, Như Lai đã dứt hẳn mọi niệm ác, thế tại sao các chúng sinh lại còn dậy khởi tâm ác đối với Như Lai? Nếu nói Đề-bà-đạt-đa là người của địa ngục thì sao lại đồng cùng một chủng tánh với đấng Pháp vương Như Lai? Chúng sinh ở địa ngục cùng được làm hàng quyến thuộc với Như Lai, chuyện ấy cũng không thể có.

Nếu nói Đề-bà-đạt-đa đã tạo việc ác trong vô lượng kiếp thì phải chịu quả báo ở địa ngục suốt vô lượng kiếp, vậy tại sao lại được cùng ở chung một chỗ với Như Lai? Nếu cùng ở chung một chỗ với Như Lai thì nên biết đây chẳng phải là người xấu ác. Nếu Đề-bà-đạt-đa thật sự là người xấu ác, thế tại sao lại được hòa hợp cùng với Như Lai?

Như Lai là người đi đường kia, lộ trình theo mỗi hướng Đông – Tây trái nhau, đúng lý là không hòa hợp. Đề-bà-đạt-đa vâng theo lời Phật dạy bảo thế nào thì làm thế ấy, không hề chống trái, thế sao lại gọi là người của địa ngục? Nếu bảo lên hướng Đông mà trái lại đi ngược hướng Tây thì không được gọi là kẻ phi địa ngục. Nếu nói Đề-bà-đạt-đa là người của địa ngục thì đây là người không ác. Vì sao? Vì *địa* là chỉ cho người, mà *ngục* chỉ cho trời. Qua lại trong hàng trời, người thì gọi là người của địa ngục.

Lại nữa, *địa* là thường, *ngục* là vô tướng. Đề-bà-đạt-đa vừa thường, vừa vô tướng nên được gọi là địa ngục.

Lại nữa, *địa* là lạc, mà *ngục* là đoạn. Ưu đoạn sinh tử nên gọi là địa ngục.

Lại nữa, *địa* là phương tiện thiện, mà *ngục* là năng thuyết. Năng thuyết phương tiện thiện nên gọi là địa ngục.

Này Đại Bà-la-môn! Như Lai Thế Tôn có phương tiện thiện, lại có thể giảng nói nêu bày thì không gọi là địa ngục. Tại sao gọi Đề-bà-đạt-đa là người của địa ngục? Thật ra, mọi cảnh giới của Đề-bà-đạt-đa hàng Thanh văn, Duyên giác đều chẳng thể nào biết hết được.

Này Đại Bà-la-môn! Như Lai Thế Tôn thường khen ngợi Hoàng Đà

Đại sĩ, vị Đại sĩ này chính là Tỳ-kheo Đề-bà-đạt-đa, còn lục quần Tỳ-kheo cũng là những vị Đại Bồ-tát. Đề-bà-đạt-đa cùng hạnh với họ, sao lại có thể gọi là người của địa ngục?

Như cây chiêm-đàn, chiêm-đàn vây quanh. Như bước chân của loài voi quý thì bước chân lừa không thể bì kịp. Chỉ có loài voi quý hiếm mới có thể khoan dung cho tất cả.

Này Đại Bà-la-môn! Như Lai Thế Tôn là đại Hương tượng vương (voi quý) cũng như vậy. Những giáo nghĩa sâu xa được nói ra, hàng Nhị thừa chẳng thể nào biết hết được. Chỉ có các vị Đại Bồ-tát Hương tượng mới có khả năng thọ trì. Đề-bà-đạt-đa thành tựu vô lượng công đức như vậy, ông nên sám hối, cung kính cúng dường, tôn trọng, tán thán.

Này Đại Bà-la-môn! Các hàng Tỳ-kheo, Tỳ-kheo-ni, Ưu-bà-tắc, Ưu-bà-di đều có thể biết được công đức của Đề-bà-đạt-đa một cách rõ ràng, không nghi ngờ. Ông nên biết, Đề-bà-đạt-đa đích thực là đệ tử Phật, đã đạt được một trong hai phần công đức của Phật, đạt được một con mắt của Phật, đạt được một nửa thân thể Phật.

Này Đại Bà-la-môn! Tất cả chúng sinh đều không thể biết được hết mọi công đức hiện có của Đề-bà-đạt-đa. Đối với mọi cảnh giới hiện có nơi công đức của Như Lai, tất cả chúng sinh cũng đều không thể nhận biết hết được. Lại cũng không thể nào thấy được pháp thân của Như Lai.

Này Đại Bà-la-môn! Đề-bà-đạt-đa thật sự biết được mọi công đức vi diệu của Như Lai. Hàng Thanh văn, Duyên giác chẳng thể biết hết được. Thế mà chỉ có Đề-bà-đạt-đa hiểu rõ, không nghi ngờ, lại có khả năng chỉ dạy cho chúng sinh như Như Lai đã làm, biết được mọi quốc độ của chư Phật Như Lai. Đề-bà-đạt-đa chính là một vị đại trượng phu. Bất cứ nơi nào Như Lai đến, Đề-bà-đạt-đa cũng đều đi theo. Do đó nên gọi là đại trượng phu.

Tất cả cảnh giới của chư Phật Như Lai sâu xa, lời lẽ bí mật không thể nghĩ bàn, chỉ có Tỳ-kheo Đề-bà-đạt-đa mới có khả năng hiểu được. Hôm nay, Như Lai sẽ mở bày mật ngữ, các Nhân giả nên cố gắng lắng nghe.

Khi ấy, đại chúng đều cùng lời ca ngợi:

*Giả sử ma Ba-tuần
Với số chúng vô lượng
Đem hết sức thần thông
Không thể hoại chúng sinh.
Như Lai, đáng vô thượng*

*Lòng đại từ thương xót
Vì các hàng chúng sinh
Thị hiện quả báo nghiệp.*

Bấy giờ, Đức Thế Tôn khen ngợi Đại Bồ-tát Đại Vân Mật Tạng:

– Lành thay! Lành thay! Hôm nay ông đã nói thông suốt về công đức chân thật của Đề-bà-đạt-đa - công đức mà các hàng Thanh văn, Phật-bích-chi v.v... đều không thể hiểu được. Vì nhằm đem uy lực nơi công đức của Đại Thừa Phương Đẳng để phá trừ lòng nghi ngờ cho tất cả chúng sinh, ông đã khai hiển công đức của Bồ-tát Đề-bà-đạt-đa.

Lại nữa, này thiện nam! Kinh này lại có Tam-muội Thâm tiến đại hải thủy triều của chư Phật, Bồ-tát. Nếu có Bồ-tát nào thành tựu đầy đủ Tam-muội này thì có năng lực thổi tan nát núi chúa Tu-di cao lớn vững chắc. Ví như vi trần bám vào rau, trấu, không vì thế làm cho rau, trấu tăng thêm trọng lượng. Tứ Đại Thiên vương không sợ hãi, không phá, không hoại, cũng không tự biết được nơi an ổn. Trời Tam Thập Tam cũng như vậy.

Này thiện nam! Đó gọi là Bồ-tát thành tựu đầy đủ Tam-muội Thâm tiến đại hải thủy triều.

Lại nữa, này thiện nam! Nếu Bồ-tát nào thành tựu đầy đủ Tam-muội này thì có khả năng đem nước bốn biển rót vào một lỗ chân lông, vẫn khiến cho những loài thủy tộc như: giải, đà, rùa, rồng, cá, ba ba v.v... không bị quấy nhiễu và cuộc sống vẫn như thường, không bị ảnh hưởng. Các hàng Long vương, A-tu-la, Càn-thát-bà không tự biết được nơi mình đến. Người thành tựu đầy đủ Tam-muội này có khả năng đem ba ngàn đại thiên thế giới đặt vào lòng bàn tay phải, đoạn lấy đại địa như người thợ gốm quay vòng xe rồi ném đến phương khác cách Hằng hà sa côi. Những chúng sinh trong đó hoàn toàn đều không biết cũng không có tưởng về qua lại. Dem thế giới kia đặt ở côi này cũng như vậy.

Bấy giờ, Bà-la-môn Thiện Đức đem các loại hương, hoa, phướn, lọng, kỹ nhạc cúng dường Phật, rồi chấp tay cung kính, bạch:

– Bạch Thế Tôn! Với lòng đại bi Thế Tôn thương yêu tất cả chúng sinh như La-hầu-la. Nay con muốn thưa hỏi, cúi xin Thế Tôn chấp nhận.

Khi ấy, Đức Thế Tôn im lặng không trả lời.

Lúc đó, trong chúng hội có Đồng tử Lê-xa tên Nhất Thiết Chúng Sinh Lạc Kiến nói với Bà-la-môn Thiện Đức:

– Như Lai im lặng là đã không chấp nhận. Nay tôi sẽ tùy theo những điều ông hỏi mà trả lời.

Bà-la-môn nói:

– Này Lê-xa! Tôi đã từng nghe Như Lai giảng nói nghĩa như vậy: “Nếu có thể cúng dường xá-lợi của Như Lai – dù chỉ nhỏ bằng hạt cải

– thì phước báo đạt được sẽ được làm chủ cõi trời Đạo-lợi”. Lê-xa! Nghĩa lý của kinh Đại Vân này rất sâu xa, mật ngữ của Như Lai khó có thể hiểu được. Đây chẳng phải là những điều mà các hàng Thanh văn, Duyên giác biết được, huống gì chúng ta là những kẻ biên địa. Đã từ lâu, tôi thường có ước nguyện là muốn được cung kính lễ bái xá-lợi của Như Lai – dù chỉ bằng hạt cải – để rồi được đến cõi trời Đạo-lợi làm chủ nơi đó.

Khi ấy, Lê-xa liền nói kệ:

*Giả sử trong sông Hằng
Giữa dòng mọc hoa sen
Chìm trắng Câu-chí-la
Xá-lợi mới đạt được.
Giả sử rửa sạch lông
Lấy làm Tăng-già-lê
Mùa đông làm tiêu nước
Xá-lợi mới thể được.
Giả sử chân con muỗi
Dùng lấy làm cầu đường
Đưa mọi người qua lại
Xá-lợi mới thể được.
Giả sử đĩa trong nước
Bỗng nhiên mọc răng trắng
Lớn như răng hương tượng
Xá-lợi mới thể được.
Giả sử cỏ mọc sừng
Dùng lấy làm thang cấp
Cao đến trời Tịnh Cư
Xá-lợi mới thể được.
Giả sử những sâu, chuột
Leo lên thang sừng thỏ
Lên tới mà ăn nguyệt
Xá-lợi mới thể được.
Giả sử ruồi uống được
Chén đá thấm rượu ngon*

Mê cuồng rồi túy lúy
 Xá-lợi mới thể được.
 Giả sử môi miệng lừa
 Hình như quả Tần-bà
 Hay khéo ca, vịnh, múa
 Xá-lợi mới thể được.
 Giả sử quạ và cú
 Cùng đậu nơi một cây
 Ăn uống không lìa nhau
 Xá-lợi mới thể được.
 Giả sử lá cây gai
 Trải khắp cả tam thiên
 Trên đại thiên thế giới
 Xá-lợi mới thể được.
 Giả sử ghe thuyền nhỏ
 Chở được núi Tu-di
 Vượt qua dòng biển lớn
 Xá-lợi mới thể được.
 Giả sử tiêu ô thước
 Riêng ngậm núi Đại Hương
 Dời đến một nơi khác
 Xá-lợi mới thể được.

Bà-la-môn bèn nói kệ đáp lời Lê-xa:

Lành thay, ông Lê-xa!
 Khéo biết phương tiện sâu
 Nay nên hết lòng nghe
 Tôi nói công đức Phật.
 Cảnh Phật khó nghĩ bàn
 Đạt được đã rất ráo
 Chư Phật thường không đổi
 Vì thế không nơi sinh.
 Chư Phật, sắc bình đẳng
 Ấy là cõi pháp Phật
 Như Lai chẳng tác pháp
 Cũng lại chẳng có sinh.
 Thân kim cương Như Lai
 Không thể nào hủy hoại

Vì thế nên xá-lợi
 Chân thật chẳng đạt được.
 Như Lai không xá-lợi
 Thậm chí như hạt cải
 Không có máu thịt xương
 Sao lại có xá-lợi?
 Như Lai vì chúng sinh
 Hiện thọ thân phương tiện
 Thân chư Phật thường trụ
 Pháp giới cũng như vậy.
 Tùy theo các chúng sinh
 Mà phương tiện nói pháp
 Cũng tùy chỗ thích nghi
 Mà hiện ra mỗi thân.
 Nếu Phật có thương xót
 Khấp thấy các chúng sinh
 Tại sao không được thấy
 Phân thân ban xá-lợi?

Lúc đó, trong đại chúng có Thiên nữ tên Tịnh Quang đem hương, hoa, phướn, lọng, kỹ nhạc cúng dường Phật, rồi cung kính chấp tay bạch:

– Bạch Thế Tôn! Hai vị Hiền giả thành tựu trí tuệ vi diệu sâu xa, có khả năng khai tạng bí mật của Như Lai, từ đâu tới vậy? Cúi xin Thế Tôn hãy giảng nói.

Phật dạy:

– Lành thay! Này Thiên nữ! Nàng đã vì chúng sinh mà thưa hỏi nghĩa này. Vậy thì hãy lắng nghe, Ta sẽ giảng nói. Hai người này chính là hai người con chân chánh của Phật, như Hương tượng vương, là bậc đại trượng phu, vì chúng sinh nên vui ở nơi sinh tử, tri ân báo ân về sự hộ niệm của Ta, khéo có thể hộ trì chủng tánh của chư Phật, vì chư Phật mà chịu trọng trách đốt lên ngọn đèn pháp.

Thiên nữ! Vào thời quá khứ xa xưa vô lượng ức na-do-tha a-tăng-kỳ kiếp về trước, lúc đó có Phật ra đời hiệu là Đồng Tánh Đăng gồm đủ mười tôn hiệu: Như Lai, Ứng Cúng, Chánh Biến Tri, Minh Hạnh Túc, Thiện Thệ, Thế Gian Giải, Vô Thượng Sĩ, Điều Ngự Trượng Phu, Thiên Nhân Sư, Phật Thế Tôn.

Cõi Diêm-phù-đề lúc ấy có vô lượng vô biên chúng sinh không thể

tính đếm, những chúng sinh này đều thành tựu sự an ổn vui vẻ, không còn những bận tâm về đói khát, khổ não. Đất đai nơi ấy rộng rãi, thanh tịnh, ngang dọc sáu vạn tám ngàn do-tuần. Thành quách có nhiều đến bảy vạn tám ngàn tòa, mỗi một đại thành đều được hình thành từ bảy báu. Bốn phía vách thành có chín vạn lần đẩy lùi quân địch. Đại thành lúc đó tên là Bảo tự, tức nay là thành Vương-xá. Trong thành Bảo tự có tám vạn ngàn ức người. Đức Phật Đồng Tánh Đăng sinh ra tại thành này. Tất cả vô lượng chúng sinh trong thành ấy đều phát tâm cầu đạt quả Bồ-đề Vô thượng thành tựu được thần thông, là tượng vương trong loài người.

Thiên nữ! Bấy giờ ở giữa đại chúng, Đức Như Lai cất lên tiếng sư tử gầm, rồi tuyên nói kinh điển Đại Vân này. Thời ấy, trong thành có vị vua tên Đại Tinh Tấn Long Vương, vua có phu nhân tên Hộ Pháp, có một đại thần tên Pháp Lâm Tự.

Lúc này, vua cùng phu nhân với vị đại thần kia đi đến chỗ Phật, cung kính cúng dường, chấp tay lễ bái, nhiễu quanh bên phải ba vòng rồi lui ra ngồi một bên. Khi đó, Đức Phật Đồng Tánh Đăng biết được những suy nghĩ nơi tâm của Đại Tinh Tấn Long Vương, bèn phóng ra luồng ánh sáng lớn có tên Vô sở úy, khi gặp luồng ánh sáng này, lòng vua đạt được pháp hỷ. Lúc ấy, nương thần lực của Phật, vị đại thần của vua, bạch: “Bạch Thế Tôn! Xá-lợi của Như Lai có thể đạt được chăng?”. Đức Thế Tôn im lặng không trả lời.

Thiên nữ! Vị đại vương ấy vì chánh pháp nên đã cùng vị đại thần thay phiên nhau luận giảng về xá-lợi. Nghe thế, Phật khen ngợi: “Lành thay! Lành thay!”.

Trong chúng của vị Phật ấy có một vị đại đệ tử tên Ma-ha-nam, tâm sinh thiện dục, thâm nghĩ: “Thật tốt thay, vị đại vương này đã khéo giải pháp giới hết sức thâm diệu của Như Lai”. Thế rồi Đức Phật liền giảng nói về những diệu nghĩa của giáo pháp sâu xa mà vua đã giải thích cho chúng hội nghe. Đại chúng nghe rồi đều sinh lòng kính sợ, nghi ngờ. Phật liền bảo đại chúng: “Công đức của vị vua này là không thể nghĩ bàn, sâu xa không thể lường xét. Đây chẳng phải là những điều mà các ông có thể lãnh hội được”.

Nghe Phật khen ngợi công đức của mình như thế, vị đại vương hết sức vui mừng, liền đứng dậy nhiễu quanh theo phía bên phải ngàn vòng, đem hoa báu cúng dường, tung rải lên trên Phật, rồi ca ngợi, phát nguyện: “Vào đời vị lai, khi Đức Như Lai Thích Ca xuất hiện ở đời, lúc dùng đại

phương tiện chỉ bày sự diệt vong của giáo pháp, lúc đó, con sẽ xuất gia tu đạo, thọ trì tịnh giới đủ đại uy lực. Hễ thấy có Tỳ-kheo hành ác phá giới nào, con sẽ xua đuổi họ đến những nơi biên địa, nơi không có pháp Phật, và vì chánh pháp, con sẵn sàng không tiếc thân mạng mình”.

Vị đại thần kia cũng lại phát nguyện: “Khi Đức Như Lai Thích Ca dùng đại phương tiện thị hiện Niết-bàn, vào lúc ấy con sẽ làm một vị đại quốc vương hộ trì chánh pháp vô thượng của Như Lai. Hễ thấy Tỳ-kheo ác nào, con sẽ ra lệnh đuổi đi. Còn đối với những vị trì pháp, con sẽ hết lòng cung kính cúng dường”.

Vị phu nhân kia cũng lại phát nguyện: “Khi Đức Như Lai Thích Ca xuất hiện, khiến cho uy lực của con có khả năng hàng phục tà kiến”.

Vị đệ tử Ma-ha-nam cũng phát nguyện: “Con xin nguyện vào lúc ấy được làm vị đại đệ tử của Đức Như Lai, đạt được thần thông lớn, đối với công đức của Phật, con có khả năng cất lên tiếng sư tử gầm”.

Thiên nữ! Ngày hôm nay, bốn vị này đã nhận trọng trách gánh vác giáo pháp của Ta. Không chỉ hôm nay mà mãi đến về sau, bốn người đó cũng sẽ hộ trì chánh pháp của Ta.

Lúc ấy, Thiên nữ liền bạch:

– Nay con chưa biết bốn vị ấy là ai. Cúi mong Như Lai hãy nói tên những vị ấy.

Phật đáp:

– Lành thay! Nay Thiên nữ! Cô hãy chí tâm lắng nghe, Ta sẽ phân biệt giảng nói cho cô rõ. Vị đại thần thuở đó, nay chính là Bà-la-môn Thiện Đức đây. Một trăm hai mươi năm, sau khi Ta diệt độ, ông ấy sẽ làm vua ở cõi Diêm-phù-đề, trụ trong thành Ba-lê-phát-la, tên là A-thúc-ca, họ Vô Tà, là bậc Chuyển luân vương. Ông đã đạt được một trong hai phần phước đức, được đại tự tại trong cõi Diêm-phù-đề, hộ trì chánh pháp gầm lên tiếng sư tử, truyền bá giáo pháp khắp chốn được nhiều xá-lợi, cung kính cúng dường, tôn trọng tán thán. Gặp Tỳ-kheo xấu ác thì sửa trị, khiến tu thiện.

Thiên nữ lại nói:

– Xin Như Lai hãy giảng nói thêm. Phật bảo Thiên nữ:

– Hãy chờ một chút, Ta sẽ nói về nhân duyên của cô trước.

Nghe Phật nói thế, Thiên nữ cảm thấy xấu hổ, cúi mặt xuống đất.

Phật bèn khen:

– Lành thay! Xấu hổ tức là y phục pháp thiện của chúng sinh. Thiên

nữ! Vị phu nhân của vua thời ấy chính là nàng đấy. Vào thời vị Phật ấy, do vì được nghe một lần về bản kinh Đại Niết Bàn mà nay nàng đạt được thân của cõi trời, gặp lúc Ta xuất hiện ở đời, lại được nghe giáo nghĩa sâu xa xả bỏ hình hài cõi trời này, liền dùng thân nữ làm vua một nước, được làm Chuyển luân vương, thống lãnh một trong bốn cõi, được đại tự tại, thọ trì năm giới, làm một Ưu-bà-di giáo hóa cho những nam nữ lớn nhỏ nơi các xóm làng, thành ấp của mình, khiến họ thọ trì năm giới, giữ gìn chánh pháp, hàng phục những ngoại đạo, các tà thuyết dị kiến. Lúc ấy, nàng đích thực là một Bồ-tát, nhưng do vì để giáo hóa chúng sinh nên đã thị hiện thọ thân nữ.

Còn vị vua thuở đó nay là vị Đồng tử Lê-xa Nhất Thiết Chúng Sinh Lạc Kiến. Do đã thông đạt giáo nghĩa thâm diệu của chánh pháp nên vị này có khả năng mở tạng pháp bí mật của Như Lai, hộ trì Phật pháp không cho thiếu mất.

Còn vị Ma-ha-nam ấy, nay là Bồ-tát Đại Vân Mật Tạng. Vị Bồ-tát này đã đạt được một trong hai phần chân thật của Ta, đã tri ân báo ân, hộ trì chánh pháp, có khả năng giải đáp nghĩa lý sâu xa không hề vướng mắc.

Thiên nữ! Ngay cả những vị thượng trí như Tôn giả Đại Ca-diếp trong chúng của Ta cũng không thể nào biện nói được nghĩa lý sâu xa này như Đại Bồ-tát Đại Vân Mật Tạng.

Bấy giờ, trong đại chúng có một Thiên tử tên Kỳ Tài cùng với một ngàn Thiên tử liền đứng dậy, hướng về Phật, đem các loại hoa, hương, phướn, lọng, kỹ nhạc cúng dường rồi cung kính chấp tay nói kệ tán thán:

*Biển cả có thể lường
Tu-di có thể biết
Cảnh giới pháp Như Lai
Thật khó thể nghĩ bàn.*

Lúc Đức Phật giảng nói pháp này, có vô số ngàn người phát tâm cầu đạt đạo quả Bồ-đề Vô thượng.

Lúc ấy, Đức Như Lai bảo Bà-la-môn Thiện Đức:

– Lành thay! Lành thay! Nay Đại Bà-la-môn! Nay ông khéo phát tâm hoan hỷ nên được quả báo vô thượng.

Nay Đại Bà-la-môn! Cách đây về hướng Nam, khoảng ba mươi vạn hằng hà sa thế giới, có một thế giới Tu-man-na, nơi ấy có vị Phật hiệu Tịnh Quang Bí Mật gồm đủ mười tôn hiệu: Như Lai, Ứng Cúng, Chánh Biến Tri, Minh Hạnh Túc, Thiện Thệ, Thế Gian Giải, Vô Thượng Sĩ, Điều Ngự

Trượng Phu, Thiên Nhân Sư, Phật Thế Tôn, vì hóa độ chúng sinh nên thường trụ ở đời, chuyển bánh xe chánh pháp.

Từ nơi đây về hướng Nam, cách khoảng năm mươi vạn hằng hà sa thế giới, có một thế giới tên Pháp Hỷ Bảo, vị Phật ở cõi đó hiệu là Pháp Tạng gồm đủ mười tôn hiệu: Như Lai, Ứng Cúng, Chánh Biến Tri, Minh Hạnh Túc, Thiện Thệ, Thế Gian Giải, Vô Thượng Sĩ, Điều Ngự Trượng Phu, Thiên Nhân Sư, Phật Thế Tôn, vì hóa độ chúng sinh nên thường trụ ở đời, chuyển bánh xe chánh pháp.

Từ đây về hướng Nam, lại cách khoảng sáu mươi vạn hằng hà sa thế giới, có thế giới tên Nhất Thiết Tri, Đức Phật ở cõi ấy hiệu là Sư Tử Hống Thân Túc Vương gồm đủ mười tôn hiệu: Như Lai, Ứng Cúng, Chánh Biến Tri, Minh Hạnh Túc, Thiện Thệ, Thế Gian Giải, Vô Thượng Sĩ, Điều Ngự Trượng Phu, Thiên Nhân Sư, Phật Thế Tôn, vì nhằm hóa độ chúng sinh nên thường trụ ở đời, chuyển bánh xe chánh pháp.

Lại từ đây hướng về phía Nam, cách hơn ba mươi sáu vạn hằng hà sa thế giới, có thế giới tên Hoa Phan, Đức Phật nơi cõi ấy hiệu Cao Tu Di, mười tôn hiệu gồm đủ cho đến chuyển bánh xe chánh pháp.

Lại từ đây hướng về phía Nam, cách hơn tám mươi vạn hằng hà sa thế giới, có thế giới tên Bảo Thủ, Phật hiệu là Pháp Hộ, mười tôn hiệu gồm đủ cho đến chuyển bánh xe chánh pháp.

Này Đại Bà-la-môn! Thế giới của chư Phật như thế được trang nghiêm thanh tịnh, không có núi, ụ, gò, đồi, đá, cát, các thứ cấu uế xấu ác. Đất nơi ấy mềm mại như y Ca-lăng-già. Đồi không có năm trược, cũng không có người nữ, không có những người thuộc hàng Nhị thừa, thậm chí cả đến tên gọi của những người này cũng đều không có. Nơi ấy chỉ toàn là các Đại Bồ-tát vui thích Đại thừa, hộ trì Đại thừa, ưa giảng nói Đại thừa.

Này Đại Bà-la-môn! Nếu có thiện nam, thiện nữ nào thọ trì danh hiệu chư Phật ấy mà còn bị đọa vào ba nẻo ác thì hoàn toàn không có chuyện đó. Trái lại, chắc chắn sẽ đạt được đạo quả Bồ-đề Vô thượng.

Này Đại Bà-la-môn! Do ý nghĩa ấy, sau khi Ta Niết-bàn, kinh này sẽ lưu truyền rộng rãi ở các nước phía Nam và khi chánh pháp sắp mất, hơn bốn mươi năm sẽ truyền đến phương Bắc.

Tại phương Bắc, có vị vua tên An Lạc, khi thấy những ai thọ trì, biên chép kinh quyển, đọc tụng, giảng nói, ông liền tùy thời đem bốn việc cung cấp, không để cho thiếu. Vào lúc ấy, ở phương Bắc có tám vạn bốn ngàn chúng sinh thọ trì kinh này.

Này thiện nam! Nếu có người nào nghe kinh này rồi lại buông bỏ, xa lìa thì hoàn toàn không có chuyện ấy. Nếu thiện nam, thiện nữ nào hết lòng cung kính, thọ trì danh hiệu chư Phật, mà vẫn bị nạn binh đao, độc hại, lửa, nước, giặc cướp, thì hoàn toàn không có chuyện đó, ngoại trừ tức nghiệp của người ấy.

Lại nữa, này Đại Bà-la-môn! Nếu trong bốn bộ chúng và các chúng sinh bên ngoài vì cúng dường, vì sợ hãi, vì muốn cho chánh pháp không bị hủy hoại mà phụng trì danh hiệu của chư Phật thì trọn không còn đọa vào ba nẻo ác. Nếu vẫn bị rơi vào ba nẻo ác thì chuyện này không bao giờ có.

Khi ấy, Bà-la-môn Thiện Đức thưa:

– Bạch Thế Tôn! Có những chúng sinh nghe tên kinh này hãy còn đạt được vô lượng thiện lợi như vậy huống chi là những người thọ trì, đọc tụng, biên chép, giảng nói. Nếu ai được nghe danh hiệu chư Phật kia thì người ấy đã đạt được bảo lớn vô thượng, quả vị Bồ-đề Vô thượng đã ở trong tâm tay của họ. Chư Phật Như Lai đã đến nhà họ. Đất nơi ấy là kim cang, thân họ cũng vậy, tâm vững chắc không động, không thể di chuyển.

Bạch Thế Tôn! Nay con cũng sẽ cung kính cúng dường những người như vậy.

Phật nói:

– Lành thay! Lành thay! Này Đại Bà-la-môn! Ông nay đã khéo nhận biết, khéo lãnh hội diệu lực công đức của Như Lai. Nếu có chúng sinh nào nghe danh hiệu Phật mà cung kính, tin tưởng, không nghi, không sợ, thì chúng sinh ấy sẽ không còn các nỗi sợ hãi như: nỗi sợ hãi của vua, nỗi sợ hãi của con người, nỗi sợ hãi của loài quý; không còn các thứ bệnh tật, thường được làm đệ tử học đạo của chư Phật, được tám bộ quỷ thần cùng quyền thuộc che chở, được chư Phật nghĩ đến.

Lúc ấy, trong chúng hội có vua Càn-thát-bà tên Hỷ Kiến, liền rời khỏi tòa ngồi đứng dậy, bước tới chỗ Phật, cung kính chấp tay, bạch:

– Bạch Thế Tôn! Sau khi Như Lai diệt độ, những chúng sinh nào có khả năng thọ trì kinh này và truyền bá rộng rãi? Những chúng sinh nào không có khả năng thọ trì và khiến pháp bị hủy diệt?

Đức Như Lai im lặng không trả lời.

Khi đó, Tôn giả Đại Ca-diếp bảo Hỷ Kiến:

– Này thiện nam! Như Lai thật sự không có Niết-bàn, giáo pháp thật sự không bị diệt mất. Vậy sao có thể nói là sau khi Như Lai diệt độ, ai có

khả năng thọ trì kinh này?

Vua Hỷ Kiến nói:

– Thưa Đại đức! Tất cả chúng sinh do cuồng ngu, vô trí, cúi xin Đại đức hãy tuyên nói lý do Như Lai không diệt độ. Tất cả chúng sinh bị ngu si u ám che lấp, cúi xin Đại đức hãy thấp ngọn đèn chánh pháp để được bừng sáng. Vào đời vị lai, con cũng sẽ rộng vì tất cả chúng sinh mà khai phát ý nghĩa này. Cúi xin Đại đức thương xót giảng nói rõ.

Tôn giả Đại Ca-diếp nói:

– Nay thiện nam! Pháp thân của Như Lai không gọi là nhục thân. Thân Phật là kim cương, chẳng phải là thân bị hủy hoại. Thân ấy đã thành tựu đầy đủ vô lượng công đức. Còn thân phương tiện, không gọi là thực thân. Thân như vậy sao nói là diệt độ?

Vua Hỷ Kiến nói:

– Thưa Đại đức! Nay con biết chắc là Như Lai Thế Tôn chỉ là phương tiện vào Niết-bàn chứ chẳng phải diệt độ một cách rốt ráo.

Tôn giả Đại Ca-diếp khen:

– Lành thay! Thật đúng như ông nói. Thiện nam! Biển cả có thể đo lường, nhưng công đức của Như Lai thì không thể lường tính.

Vua Hỷ Kiến hỏi:

– Khi nào Như Lai sẽ rốt ráo diệt độ? Tôn giả Đại Ca-diếp đáp:

– Giả sử tất cả mọi chúng sinh cho đến những loài như: muỗi, kiến v.v... thấy đều đạt quả vị Chánh đẳng Chánh giác Vô thượng, nhập vào Niết-bàn, thì khi ấy Như Lai mới Niết-bàn.

Vua Hỷ Kiến hỏi tiếp:

– Thưa Đại đức! Như Lai thành tựu công đức vô lượng vô biên như vậy, thế tại sao tất cả chúng sinh không phát tâm cầu đạt đạo quả Bồ-đề Vô thượng? Đúng là khổ thay! Vì phước mỏng, chúng sinh không biết thân kim cang thường trụ bất biến của Như Lai chẳng phải là thân tạp thức. Đại đức! Với thân như vậy, ngoài Phật ra các hàng Thanh văn, Duyên giác chẳng thể nào biết được.

Tôn giả Ca-diếp lại nói:

– Nay thiện nam! Tất cả chúng sinh đều có tánh Phật, đạt được tâm Bồ-đề.

Khi thuyết giảng phần pháp này, có hai vạn hai ngàn Thiên tử đều phát tâm cầu đạt đạo quả Bồ-đề Vô thượng, tất cả dị khẩu đồng âm cất lời

nói kệ:

*Như Lai không Niết-bàn
Chân pháp không có diệt
Vì các hàng chúng sinh
Thị hiện có diệt độ.
Như Lai thường, chẳng diệt
Vì chúng, phương tiện nói
Như Lai không nghĩ bàn
Pháp, Tăng cũng như vậy.*



KINH ĐẠI PHƯƠNG ĐĂNG VÔ TƯỚNG

QUYỂN 5

PHẦN 1: ĐẠI VÂN

Chương 37: TĂNG TRƯỞNG 1

Bấy giờ, từ Hắc Sơn ở phương Nam, có vô lượng các Thiên tử đi đến chỗ Phật, đem các loại hương, hoa, phướn, lọng, kỹ nhạc v.v... cúng dường, đầu mặt lễ bái, nhiễu bên phải ba vòng, rồi bạch:

– Bạch Thế Tôn! Hôm nay Như Lai giảng nói kinh điển này, vô lượng vô biên Hằng hà sa chư Phật Thế Tôn ở thế giới phương Nam cũng giảng nói kinh này. Bạch Thế Tôn! Tên của kinh điển này là gì?

Phật đáp:

– Nay thiện nam! Kinh điển này gồm có ba tên: Một là Đại Vân, hai là Đại Bát Niết Bàn và ba là Vô Tướng.

Vì do Bồ-tát Đại Vân Mật Tạng thừa hỏi nên gọi là Đại Vân.

Như Lai thường trụ, không có rốt ráo nhập Niết-bàn, tất cả chúng sinh đều có Phật tánh, cho nên gọi là Đại Bát Niết Bàn.

Thọ trì, đọc tụng kinh điển như vậy, tất đoạn trừ tất cả tướng nên gọi là Vô Tướng.

Nay thiện nam! Có người thân cận vô lượng Hằng hà sa chư Phật Thế Tôn, thọ trì tịnh giới của chư Phật, cung kính cúng dường, tôn trọng tán thán, thành tựu đại công đức rồi sau đó mới được nghe kinh điển này. Tuy được nghe nhận nhưng không rộng nói cho người khác. Hoặc là ở nơi Hằng hà sa chư Phật Thế Tôn không thể tính, không thể đếm, thọ trì tịnh giới cho đến thành tựu đại công đức, nghe kinh này rồi, lại có khả năng phân biệt rộng nói cho mọi người.

Nay thiện nam! Vào lúc chánh pháp sắp diệt, kinh này sẽ lưu hành rộng trong cõi Diêm-phù-đề.

Vào bốn mươi năm đầu, sau khi Phật Niết-bàn, kinh này cũng được lưu truyền rộng khắp.

Và hơn bốn mươi năm trước khi chánh pháp sắp diệt, kinh này cũng được lưu hành rộng rãi.

Vào khi hành ác được ưa chuộng, kinh Phương Đẳng bị hủy báng. Khi vua ác cai trị, khi các đệ của Ta hủy hoại giới cấm, khi gặp phải người đời mê loạn khinh chê, khi bốn bộ đệ tử không tu thân, không tu giới, không tu tâm, không tu tuệ, vô minh cuồng si theo thói buông lung, khi những hành vi của con người đồng với súc sinh, khi không còn nghe theo lời chỉ dạy của Hòa thượng, sư trưởng, và khi có sự chống trái với các vị Thượng tọa trưởng lão kỳ túc, thì khi đó, các đệ tử của Ta đối với kinh này không có khả năng tin nhận, lại cười cợt, gạt vắn, xem thường.

Tại sao tà kiến nói là Phương Đẳng? Người cao đầu gọi là Sa-môn? Tại sao trở lại đọc kinh điển tà kiến, thật chẳng phải lời dạy của Phật, mà vì lợi dưỡng nên nói đó là lời Phật dạy, ngang nhiên ở giữa chúng nói: “Nhu kinh đây chính là tà kiến, chẳng phải do Phật nói, cần thận, chớ đọc tụng, biên chép, thọ trì”.

Khi ấy, đại chúng liền cùng đáp: “Đại đức, chớ nói như vậy.

Nghĩa tướng của kinh này thật sự do Phật nói”.

Nay Ta vì kinh này nên cùng nêu bày, đệ tử ấy của Ta vì cần được cúng dường mà không có tín tâm để thọ trì, đọc tụng, giảng nói, thì đó gọi là diệt pháp.

Lại nữa, này Thiên tử! Vào thời vị lai, khi chánh pháp sắp diệt, bốn bộ chúng của Ta phước mỏng, trí ít, không biết chán đủ, lui mất thiện căn, nghèo đói pháp tài, không có tâm thân gần Tam bảo Phật, Pháp, Tăng, chỉ vì việc ăn mặc mà cao đầu, nhuộm y. Tâm họ thô ác như hàng tại gia cao tóc, nuôi dưỡng nô tỳ, chứa cất vàng bạc, của cải, châu báu như: kha bối, lưu ly, pha lê; tích trữ lúa gạo, bò, ngựa, súc sinh, ruộng vườn, phòng xá, tọa cụ đủ màu, ăn thịt, ham mùi vị, trái bỏ chư Phật, tạo thành mười sáu thứ luật nghi bất thiện, gần gũi quan quyền hào phú, trưởng giả, nhận lãnh sứ mạng thông tin liên lạc với lân quốc; nhận người cúng dường mà lại sinh tâm ác, gây tạo tất cả pháp phi Sa-môn, pháp phi Bà-la-môn.

Này Thiên tử! Vào thời xấu ác, Tỳ-kheo xấu ác như vậy, Ta sẽ có một đệ tử trì giới thanh tịnh, thiếu dục tri túc như Tôn giả Đại Ca-diếp, khéo có thể giáo hóa chúng sinh nơi cõi Diêm-phù-đề. Đối với những kẻ hành ác trong đám đệ tử của Ta, vị ấy sẽ nói những lời chân chánh, không tiếc thân mạng, mở rộng tạng bí mật sâu xa của Như Lai, tán dương những người trì giới, hành Đầu-đà, thành tựu đầy đủ Ba-la-đề-mộc-xoa, khen ngợi

hạnh tri túc, mặc y phấn tảo, khắp vì kẻ xấu ác mà nói như vậy: “Chư Đại đức! Thế Tôn không cho phép nhận chứa tất cả những đồ bất tịnh, tham vị, ăn thịt. Như Lai thường khen việc trì giới, quở trách việc phá giới. Đại đức, nay nếu thầy không chịu nghe lời tôi, tôi có đại uy lực, có khả năng điều phục thầy”.

Vị đệ tử này của Ta, do diệu lực của phước đức, đều khiến cho tất cả tin phục, không chống trái. Vì sao? Vì vị ấy đã từng thân gần vô lượng chư Phật Thế Tôn, rộng tu từ bi, ham thích Đại thừa, hộ trì chánh pháp.

Lúc ấy, thường có năm vạn tám ngàn các quỷ thần thiện theo bảo vệ vì nhằm hộ trì chánh pháp của Phật.

Thiên tử lại thưa:

– Bạch Thế Tôn! Vào đời vị lai, chúng con cũng sẽ hộ vệ những Tỳ-kheo trì pháp này.

Phật nói:

– Lành thay! Lành thay! Nay Thiên tử! Như lời ông nói, khi pháp sắp diệt cần phải hộ trì.

Nay Thiên tử! Lúc đó, Ta cũng có thể dùng uy thần nơi đạo lực hàng phục ma ác, trị các Tỳ-kheo ác. Khi ấy, vô lượng chư Phật trong mười phương cũng đồng tán thán vị đệ tử ấy của Ta.

Thế rồi, tất cả Thiên tử ở phương Nam lại đem hoa, hương cúng dường Đức Thế Tôn, rồi bạch:

– Bạch Thế Tôn! Vị đệ tử này tên gì, ở đâu và chùng nào xuất hiện?

Phật đáp:

– Nay thiện nam! Khoảng một ngàn hai trăm năm, sau khi Ta

Niết-bàn, tại Nam Thiên Trúc có một đại quốc vương tên Ta-da-bà-na, vào thời gian hơn bốn mươi năm khi giáo pháp sắp diệt mất, người này xuất hiện, giảng nói kinh điển Phương Đăng Đại Thừa, cứu giúp, làm hưng khởi giáo pháp sắp diệt, truyền bá rộng rãi kinh này ở đời, dạy người chấp trì đầy đủ, đọc tụng, biên chép, giảng giải, nghe nhận nghĩa lý của kinh. Nếu lúc ấy không thể thọ trì, giảng nói kinh điển này như vậy thì nên biết: Người ấy chẳng phải là đệ tử của Ta mà là quyến thuộc của ma.

Bấy giờ, vua Càn-thát-bà Lạc Kiến, bạch:

– Bạch Thế Tôn! Cúi xin Thế Tôn thương xót mà giảng nói về vị đệ tử trì pháp như Tôn giả Ca-diếp ở đời vị lai, thành tựu đại từ, đầy đủ tịnh giới, quyến thuộc, chủng tánh không thể chê trách.

Phật đáp:

– Nay thiện nam! Hãy lắng nghe, Ta sẽ nói cho ông rõ. Vị đệ tử này của Ta giữ gìn chánh pháp, duy trì chủng tánh của Phật, là người tất cả chúng sinh đều ưa nhìn thấy.

Nay thiện nam! Tại Nam Thiên Trúc có một nước nhỏ tên Tu-lại-trá, trong nước ấy có một con sông tên Thiện Phương Tiện, cạnh sông có thôn tên Hoa-man, nơi thôn này có Bà-la-môn sinh một đồng tử tức nay là Nhất Thiết Chúng Sinh Lạc Kiến Lê Xa. Thời sau lại gọi là Chúng Sinh Lạc Kiến. Vị Đại Bồ-tát này là bậc đại Hương tượng vương luôn được tất cả mọi người cung kính cúng dường, tôn trọng, khen ngợi. Đến năm hai mươi tuổi, xuất gia tu đạo, có nhiều đồ chúng tu trì tịnh giới, xưng tán kinh điển Đại Thừa của chư Phật, hộ trì chánh pháp không tiếc thân mạng. Các đệ tử của vị Tỳ-kheo này cũng như vậy. Nếu có Tỳ-kheo, Tỳ-kheo-ni, Ưu-bà-tắc, Ưu-bà-di nào nghe Tỳ-kheo này giảng nói chánh pháp thì nhất định sẽ đạt được quả vị Bồ-đề Vô thượng. Hàng quốc vương, đạt được, trưởng giả, cho đến tất cả mọi người đều vì kinh điển này mà cúng dường, cung kính vị Tỳ-kheo trì pháp. Diệu lực của kinh này đã khiến cho quốc vương đạt được đại uy lực, mọi nước khác không thể xâm lấn. Còn vị đệ tử của Ta thì quân ma không sao quấy nhiễu được.

Vào lúc ấy, nếu có người thọ trì, đọc tụng, biên chép kinh này thì được gọi là Đại Bồ-tát, là ruộng phước trong số các tịnh tăng.

Nay Càn-thát-bà vương! Các đệ tử của Ta vào thời bấy giờ phần nhiều tin nhận kinh điển như thế, những người đạt được giải thoát cũng không phải là ít.

Nay thiện nam! Nếu ai có khả năng thành tựu bốn việc thì có thể thọ trì kinh điển như vậy: Thứ nhất: Được nghe Tam-muội Thâm tấn đại hải thủy triều.

Thứ hai: Được nghe danh hiệu chư Phật ở phương Nam. Thứ ba: Thân gần bậc tri thức thiện.

Thứ tư: Hết lòng tin vào Phật, Pháp, Tăng.

Nếu lúc ấy có người không thể tin nhận kinh điển này thì kẻ đó là quyến thuộc của ma. Còn nếu tin nhận thì đó là đệ tử của Phật.

Nay thiện nam! Vào đời vị lai, người nào có tín tâm thì gọi là thân gần chư Phật Thế Tôn. Vì sao? Vì kinh điển như vậy là do chư Phật ẩn phong. Nói ẩn có nghĩa là tất cả chúng sinh đều có Phật tánh, Như Lai thường trụ, không có biến đổi.

Này thiện nam! Nếu ai có khả năng tin tưởng kinh này thì nên biết người ấy chính là đệ tử của Phật. Nếu ai có khả năng cung kính vị trì pháp ấy, vào đời vị lai, người đó sẽ được làm quyến thuộc, đồ chúng của chư Phật. Vì sao? Vì vô lượng chư Phật đã sinh tâm hy hữu đối với người này. Vì sao? Vì Tỳ-kheo trì pháp ấy là không thể nghĩ bàn, ở quá khứ đã cùng Phật Nhiên Đăng phát đại thệ nguyện: Nơi đời vị lai, khi giáo pháp của Đức Như Lai Thích Ca sắp bị diệt, vào lúc ấy con sẽ xuất gia tu đạo, hộ trì chánh pháp không tiếc thân mạng.

Vua Đại Tinh Tấn Long Vương khi đó, nay tức là Lạc Kiến Lê Xa. Lạc Kiến Lê Xa nay sẽ là Tỳ-kheo hộ pháp ở mai sau.

Này thiện nam! Ông nên khéo quan sát công đức ở đời vị lai nơi các vị đệ tử của Ta. Nếu ai có thể cung kính cúng dường vị đệ tử này của Ta, thì nên biết người ấy đã cung kính đối với chư Phật ở ba đời trong mười phương.

Nếu ở đời vị lai, các hàng Tỳ-kheo, Tỳ-kheo-ni, Ưu-bà-tắc, Ưu-bà-di tin nhận những lời diễn nói của vị Tỳ-kheo trì pháp này, tức là tin nhận những lời giảng nói của chư Phật trong mười phương.

Nếu có Tỳ-kheo, Tỳ-kheo-ni, Ưu-bà-tắc, Ưu-bà-di nào ái kính việc không tiếc thân mạng của vị Tỳ-kheo trì pháp ấy tức là đã ái niệm sự tăng trưởng thọ mạng của chư Phật nơi ba đời trong mười phương.

Nếu Tỳ-kheo, Tỳ-kheo-ni, Ưu-bà-tắc, Ưu-bà-di nào ở đời sau, cung kính cúng dường Tỳ-kheo trì giới pháp ấy, chuyên tâm buộc niệm, lắng nghe những điều vị Tỳ-kheo này giảng nói, không tìm cầu những thiếu sót, thì sẽ được chư Phật nơi ba đời trong mười phương tìm kiếm, hộ niệm, giữ gìn như La-hầu-la hộ niệm giới cấm.

Này thiện nam! Đối với các chúng sinh phước mỏng ở đời sau, các hàng Tỳ-kheo, Tỳ-kheo-ni, Ưu-bà-tắc, Ưu-bà-di nói như vậy: Than ôi! Các chúng sinh như vậy là ưa thích được thấy Tỳ-kheo nhưng thật sự chẳng phải là Tỳ-kheo mà tạo ra hình dáng Tỳ-kheo, xa lìa kinh điển của chư Phật giảng nói, tự cho mình tạo ra kinh Đại Vân, xa lìa những giới cấm do chư Phật chế, lại tự mình chế giới cấm cho chúng sinh.

Chư Đại đức! Các vị hãy lắng nghe. Nếu nói chứa nhóm vàng bạc, châu báu tức là phá giới, ai không chứa nhóm thì được gọi là trì giới. Như Lai ở nơi chốn nào giảng nói những lời ấy? Đây chẳng phải là lời Phật nói mà cho là lời Phật nói. Tại sao tôi phải không tiếc thân mạng để cung kính cúng dường những người ác như vậy? Nói lời ác mà cho đó là lời của Phật!

Xương nêu giới ác mà cho là giới của Phật.

Chư Đại đức! Tôi thật sự không thể tin nhận những lời của Tỳ-kheo ác này nói. Nếu ai cúng dường cho những người như vậy thì chỉ tốn công, hoàn toàn không có quả báo. Còn ai nghe những lời nói ấy, mọi tín tâm đều bị hoại diệt. Nếu ai tin nhận những lời ác này thì nên biết người đó từ chỗ tối lại bước vào chỗ tối. Còn nếu không tin nhận thì người này từ chỗ sáng bước vào chỗ sáng.

Này thiện nam! Ai tùy thuận theo lời ác này, kẻ ấy là quyến thuộc của ma. Còn ai không tùy thuận theo, đó mới chính là đệ tử của Ta.

Này thiện nam! Nghĩa lý của kinh Đại Vân này sâu kín, thâm diệu khó có thể lãnh hội. Nếu như bốn bộ chúng ở đời vị lai phước đức thuần thực, đạt được tâm Bồ-đề, siêng năng tu hành, nói như vậy: Lành thay! Tỳ-kheo chính là đệ tử của Phật, khéo trụ vào đại địa, là bậc Đại Bồ-tát, vị Đại sĩ dũng mãnh, chẳng phải là người thấp kém. Kẻ thấp kém không thể xoay chuyển trong biển cả như vậy. Chư Đại đức, các thầy có thể cùng nhau đến cúng dường Tỳ-kheo như thế!

Chư Đại đức! Nay tôi thấy Tỳ-kheo trì pháp này tức là quả báo của vô lượng công đức nơi đời quá khứ. Tùy theo chỗ ở của vị Tỳ-kheo ấy, nên biết đất đai cùng chúng sinh tại đó, công đức cũng được trọn vẹn, an lạc, không sự lo lắng. Nếu ai thấy được Tỳ-kheo này, nên biết người ấy đã đạt đầy đủ thiên nhãn, pháp nhãn. Ta vì người ấy mà không tiếc thân mạng.

Nếu nghe những lời ấy, thà bỏ thân mạng, trọn không để quên mất. Ta thà vì một người như vậy mà không tiếc thân mạng chứ hoàn toàn không thể vì trăm ngàn vạn kẻ kết bè nhóm hành phi pháp mà xả bỏ thân mạng.

Này thiện nam! Một khi pháp ác như vậy xuất hiện, vào lúc đó, vị đệ tử này của Ta sẽ hộ trì giáo pháp của Như Lai.

Này thiện nam! Vào đời vị lai lúc giáo pháp sắp diệt, nếu có Tỳ-kheo, Tỳ-kheo-ni, Ưu-bà-tắc, Ưu-bà-di nào vì hộ trì chánh pháp mà không tiếc thân mạng thì người ấy được gọi là người thấp lên ngọn đèn trí tuệ, độ thoát chúng sinh, tu hành tất cả mọi hạnh của chư Phật, chấp cánh cho giáo pháp, phá trừ cảnh giới của ma, thân được tự tại, tâm được tự tại, là không thể nghĩ bàn, được hết thảy chúng sinh ái kính.

Này thiện nam! Vị Tỳ-kheo trì pháp này vào lúc giáo pháp sắp diệt, suốt sáu thời trong một ngày một đêm bảo với các chúng sinh: Các người nên cùng nhau thọ trì chánh pháp.

Các Tỳ-kheo xấu ác nghe nói thế, tâm không vui vẻ. Vì không vui

nên mới nói: Đại đức! Pháp tà như vậy ai sẽ tin nhận? Im lặng là tốt. Còn nếu không im lặng được thì sẽ chấm dứt thọ mạng của ông!

Vị Tỳ-kheo trì pháp ấy lại nói: Ta thà xả bỏ thân mạng chứ trợn không im lặng.

Thế rồi, các Tỳ-kheo ác kia cùng nhau tìm đến hại vị Tỳ-kheo trì pháp ấy.

Này thiện nam! Người như vậy là đệ tử trì pháp cuối cùng của Ta. Ông nên biết, lúc ấy giáo pháp của Ta bị diệt. Nếu nói khi đó trong số đệ tử của Ta lại có người hộ trì pháp như thế thì hoàn toàn không thể có.

Vua Càn-thát-bà hỏi:

– Vị trì pháp ấy bỏ thân này rồi lại được thân gì? Phật đáp:

– Này thiện nam! Xả bỏ thân này, vị ấy sẽ đạt được thân Phật, thân vô biên.

Vua Càn-thát-bà nói:

– Cúi xin Thế Tôn hãy vì các chúng sinh giảng nói rõ vị Tỳ-kheo ấy tại sao xả bỏ thân lại được thân Phật?

Phật đáp:

– Này thiện nam! Lành thay! Ông hãy lắng nghe, Ta sẽ giảng nói về công đức của vị đệ tử trì pháp ấy.

Trải qua Hiền kiếp này, sau khi một ngàn vị Phật diệt độ, trong suốt thời gian sáu vạn hai ngàn kiếp, hoàn toàn không có vị Phật nào xuất hiện ở đời. Thời gian này chỉ có vô lượng ức na-do-tha các vị Phật-bích-chi đang giáo hóa ở thế gian. Trải qua số kiếp như thế thì có bảy vị Phật xuất hiện. Và khi bảy vị Như Lai này nhập Niết-bàn rồi, cõi nước ấy lúc đó đổi tên là Hỷ Quang.

Tại cõi nước Hỷ Quang này có một vị Phật xuất hiện, hiệu là Trí Tuệ Quang gồm đủ mười tôn hiệu: Như Lai, Ứng Cúng, Chánh Biến Tri, Minh Hạnh Túc, Thiện Thệ, Thế Gian Giải, Vô Thượng Sĩ, Điều Ngự Trượng Phu, Thiên Nhân Sư, Phật Thế Tôn. Người dân hiện có tại thế giới của vị Phật ấy hình dáng đoan nghiêm, thành tựu tín tâm.

Nếu người nào ở trong giáo pháp của ta, xả bỏ thân mạng để hộ trì, thì sẽ được sinh vào thế giới của vị Phật ấy và làm đại đệ tử. Đại đệ tử có nghĩa là Đại Bồ-tát, là đại trượng phu đích thật, là bậc đại Hương tượng vương. Dân chúng trong cõi đó đều không có tham dục, sân hận, si mê, tất cả đều thành tựu tín tâm thanh tịnh.

Đức Phật Trí Tự Quang sống lâu đến mười lăm trung kiếp. Đức Phật đã vì các hàng đệ tử mở bày giáo pháp ba thừa. Tuy mở bày ba thừa nhưng phần nhiều nói về hạnh Nhất thừa của Bồ-tát. Khi ấy, tuy có Ma vương và con của ma nhưng tất cả đều phát tâm Bồ-đề. Hết thấy chúng sinh đều có đủ tâm đại từ đại bi, thấy đều xa lìa các khổ não của ba đường ác, không còn tám nạn. Thế giới thường thanh tịnh, giống như cõi Uất-đan-việt ở phương Bắc. Thiên ma Ba-tuần không thể thao túng tùy tiện và đã dứt hẳn tà kiến.

Khi Đức Phật Như Lai ấy nhập Niết-bàn, giáo pháp tồn tại đến ngàn ức năm sau đó mới diệt mất.

Nghe Phật giảng nói xong, tất cả đại chúng, các hàng trời, rồng, Càn-thát-bà, A-tu-la, Ca-lâu-la, Khẩn-na-la, Ma-hầu-la-già, đem các loại hương hoa vi diệu, kỹ nhạc cúng dường Phật. Các vị đại đệ tử như Tôn giả Đại Ca-diếp v.v... vui mừng tán thán, cung kính đánh lễ. Các vị Đại Bồ-tát lại đem hoa vi diệu lớn như núi Tu-di cúng dường Phật, rồi cùng nhau phát nguyện: Nguyện con sau này sinh vào thế giới của vị Phật ấy.

Bấy giờ, Bồ-tát Đại Vân Mật Tạng bạch:

– Bạch Thế Tôn! Cúi xin Như Lai hãy vì những chúng sinh phước đức mong ở đời sau mà diễn nói Tam-muội Thâm tấn đại hải thủy triều.

Phật đáp:

– Nay thiện nam! Nay ông chớ nên nói như vậy. Vì sao? Gặp Phật ra đời đã là khó. Nghe được kinh Đại Vân này cũng đã khó. Nếu có người biên chép, thọ trì, đọc tụng một câu, một chữ lại càng khó hơn. Vì sao phải thiên vị người đời sau? Ta sẽ mở rộng phân biệt cho khắp tất cả chúng sinh trong ba đời.

Nay thiện nam! Ta vì những chúng sinh phước mong, tội căn sâu nặng ở đời vị lai nên mới giảng nói kinh này, mong sẽ được truyền bá rộng rãi vào đời sau.

Nay thiện nam! Vào đời vị lai nếu ai có khả năng, có lòng tin, không nghi ngờ, đọc tụng một bài kệ trong kinh Đại Vân này thì người như thế rất là hiếm có.

– Bạch Thế Tôn! Vì sao Như Lai lại nói như vậy?

– Nay thiện nam! Ta cũng chẳng riêng vì đời sau mà nói. Tại sao lại phải sinh tâm nghi như vậy? Nếu ai có khả năng nghe một câu, một kệ do Như Lai giảng nói mà không sinh tâm nghi ngờ, thì người ấy thật là hiếm có trong ba đời. Vì sao? Vì chúng sinh trong ba đời khó đạt được các môn

Tam-muội, Đà-la-ni tri ân báo ân. Chúng sinh đời vị lai không tri ân, cũng không thể báo ân. Do không tri ân nên tín tâm khó đạt. Tín tâm khó đạt nên Ta mới nói: Giảng nói kinh này vì đời vị lai. Nếu ai có thể đọc tụng, thọ trì một câu, một bài kệ của kinh này thì người ấy thật là hiếm có. Chúng sinh đời sau phước mỏng tội nặng nên lại nói: Nói kinh này vì đời vị lai.

Bồ-tát Đại Vân Mật Tạng nói:

– Bạch Thế Tôn! Nếu Bồ-tát nào an trụ vào Tam-muội Thâm tấn đại hải thủy triều thì sẽ thành tựu được vô lượng vô biên công đức. Đây chẳng phải là những điều mà các hàng Thanh văn, Duyên giác nhận biết được.

Phật nói:

– Lành thay! Lành thay! Nay thiện nam! Trụ vào Tam-muội này, các vị Bồ-tát ấy đạt được chỗ thật sâu xa, không thể lường tính. Ví như đại hải là nơi các dòng sông chảy về, số lượng không thể lường hết.

Nay thiện nam! Đại hải như vậy còn có thể tính đếm, chứ các vị Bồ-tát thì thật không thể lường tính được. Vì sao? Vì do an trụ vào Tam-muội sâu xa ấy.

Lại nữa, nay thiện nam! Nếu Bồ-tát nào trụ nơi Tam-muội này thì có năng lực dùng một sợi lông chân nhắc các đại thế giới của Hằng hà sa số tam thiên đại thiên thế giới, cao đến vô lượng thế giới ở phương Trên, khiến cho các chúng sinh không còn có tưởng sợ hãi. Tất cả chúng sinh ở phương khác đều thấy được sự hóa độ ấy, cả đến mọi chúng sinh trong mười phương cũng đều như vậy.

– Bạch Thế Tôn! Tam-muội như thế chính là được thành tựu từ vô lượng vô biên công đức. Thế nên, Phật nói vì khắp cả chúng sinh trong ba đời.

– Lành thay! Lành thay! Nay thiện nam! Thật đúng như những gì ông nói. Nay thiện nam! Ví như đại hải thâm gồm tất cả nguồn nước từ các sông suối. Kinh Đại Vân này cũng như vậy, thâm gồm hết thảy vô lượng kinh điển.

Lại nữa, nay thiện nam! Nếu các kinh điển nào có những Tam-muội không vương mắc như vậy, nên biết kinh ấy đã thâm gồm tất cả Tam-muội mà các hàng Thanh văn, Phật-bích-chi đạt được. So với Tam-muội này thì các Tam-muội kia không thể sánh bằng. Vì sao? Vì Thanh văn, Duyên giác không có thường, lạc, ngã, tịnh, còn Tam-muội không vương mắc này rộng mở bày thường, lạc, ngã, tịnh của Như Lai không có biến đổi. Vì thế, không thể so sánh giữa hai loại Tam-muội ấy.

Này thiện nam! Nếu ai nghe Như Lai là thường hằng không biến đổi mà có tín tâm thanh tịnh nên biết người ấy đã đạt được tâm Bồ-đề Vô thượng tu đạo Bồ-đề.

Này thiện nam! Nếu người nam hoặc người nữ nào muốn đạt được thường trụ, không có biến đổi, thì phải nên thọ trì, đọc tụng, biên chép, diễn nói kinh này.

Nếu ai có khả năng thọ trì, diễn nói kinh này như thế, nên biết người ấy không bao lâu sẽ đạt được quả vị Chánh đẳng Chánh giác Vô thượng.

Nếu ai có sinh tâm nghi ngờ, sợ hãi khi nghe nói Như Lai thường trụ, không biến đổi, nên biết người ấy không thể thấy được tướng chân thật của Như Lai. Nói tướng chân thật có nghĩa là Như Lai thường hằng bất biến, an trụ một cách yên lặng. Do vậy, người nghe không nên hồ nghi, sợ hãi, mà nên thọ trì, rộng nói cho người khác. Giảng nói như vậy nên biết pháp Phật sẽ tồn tại, không bị diệt mất.

Này thiện nam! Giống như dấu chân của tất cả chúng sinh nằm trọn trong dấu chân voi. Cũng vậy, tất cả Tam-muội cũng đều nhập vào trong kinh này.

Này thiện nam! Như tất cả núi, sông, cây cối, rừng rậm trong cõi Diêm-phù-đề, cho đến toàn bộ núi sông, cây cối, nhật, nguyệt, tinh tú trong bốn cõi thiên hạ đều nằm trọn trong ba ngàn đại thiên thế giới. Cũng vậy, hết thảy mọi công đức hiện có của các hàng phàm phu, Thanh văn, Duyên giác, các vị Phật, Bồ-tát, hết thảy các thiên định Tam-muội cũng đều nằm trọn trong kinh Đại Vân này.

Nếu chúng sinh nào, ngay trong một niệm, niệm về sự thường trụ bất biến của chư Như Lai, nên biết, chúng sinh ấy tức đạt được quả vị Chánh đẳng Chánh giác Vô thượng.

Này thiện nam! Ví như ánh trăng mùa thu không bị mây mù che lấp. Hoặc khi bầu trời trong lành, mặt trời mới xuất hiện, ánh sáng đoan nghiêm, mọi người đều ưa thích, vì phá trừ mọi u ám tối tăm. Kinh Đại Vân này cũng như vậy, diễn ra ánh mặt trời dũng mãnh, thường hằng bất biến của Như Lai, ở tại hư không là mật ngữ thanh tịnh, phá trừ mọi ám chướng vô thường, vô lạc, vô ngã, vô tịnh của chúng sinh. Đoan nghiêm, ưa thích là dụ cho Như Lai trọn không rốt ráo nhập Niết-bàn.

Lại nữa, này thiện nam! Ví như có người thân nhẹ, đi nhanh giống như Tứ phong vương, thọ mạng đầy đủ vô số ngàn năm, bay đi khắp các thế giới trong mười phương. Đi khắp nơi xong, người ấy liền trở về chỗ cũ.

Như vậy, những nơi đi qua, anh ta đều dùng bảy báu và cả thân mình cúng dường Tam bảo suốt vô số ngàn năm.

Này thiện nam! Phước đức như vậy có thể tính lường được chăng?

– Bạch Thế Tôn! Không thể tính lường!

– Này thiện nam! Phước đức như vậy không sánh được với người chỉ trong một niệm nhớ nghĩ về Như Lai thường trụ, Pháp, Tăng không diệt.

Này thiện nam! Nếu lại có người nào vì lợi dưỡng, vì sợ hãi, vì thân gần mà diễn nói một câu, một chữ về sự thường hằng bất biến của Như Lai, phước đức đạt được so với công đức nêu trước thì công đức nêu trước kia không bằng một phần trăm, không bằng một phần ngàn, một phần trăm ngàn, một phần vạn, cho đến cả toán số thí dụ cũng không thể nào kịp.

Này thiện nam! Ví như cây thuốc, nếu có chúng sinh lấy nhánh, hoặc lấy thân, lá, hoa, quả, vỏ v.v... thì cây này cũng không sinh niệm: lấy nhánh, chớ lấy thân; lấy thân chớ lấy lá; lấy lá chớ lấy hoa; lấy hoa chớ lấy quả; lấy quả chớ lấy vỏ; mà ngược lại, tùy theo cách dùng cho từng loại người bệnh, khiến bệnh tình của tất cả chúng sinh càng mau chóng bình phục. Hoặc là trộn với nước, hoặc là trộn với sữa, hoặc nghiền thành bột, hoặc vo thành viên, hoặc bôi, hoặc uống, thầy khiến lành bệnh.

Kinh Đại Vân này cũng như vậy. Không quán chúng sinh hoặc nêu lên một bài kệ, hoặc nửa bài kệ, một tên, một nghĩa, một câu, nửa câu, tin nhận hai chữ, hoặc nói Như Lai thường, cũng không quan sát chúng sinh có tu Tam-muội Thâm tấn đại hải thủy triều, hoặc có tu đại từ, đại bi hay không, thầy đều khiến đoạn dứt các bệnh khổ nơi ba cõi ác.

Như Lai cũng không quan sát: Chúng sinh lấy một bài kệ, không nên lấy nửa bài kệ; lấy nửa bài kệ, không nên lấy tên; lấy tên, không nên lấy nghĩa; lấy nghĩa không nên lấy câu; lấy câu không nên lấy nửa câu; lấy nửa câu cho đến hai chữ v.v... mà Như Lai đều khiến cho bốn bộ chúng xa lìa ba nẻo ác.

Này thiện nam! Người đời sau không tu thân, không tu giới, không tu tâm, không tu tuệ, khinh chê, vì tìm lỗi lầm, cho đến do lợi dưỡng, ít đọc tụng, biên chép, nghe nhận... cũng được xa lìa vô lượng nghiệp ác, dứt hẳn các thứ bệnh tham dục, sân hận, ngu si.

Này thiện nam! Giống như khi ánh dương xuất hiện phá tan băng tuyết, kinh Đại Vân này cũng như vậy, nói Như Lai thường trụ có khả năng phá tan tất cả băng tuyết vô thường.

Lại nữa, này thiện nam! Ví như gió mạnh nổi lên giữa hư không, thổi

qua thân chúng sinh, nhập vào các lỗ chân lông, có khả năng trừ hết chứng bệnh nóng bức, thân được thư thái. Hư không dụ như kinh Đại Vân. Gió mạnh nổi lên dụ cho Như Lai thường trụ. Gió nhập vào lỗ chân lông dụ cho các chúng sinh đều có Phật tánh. Trừ bệnh nóng bức dụ cho đoạn dứt tâm của hàng Thanh văn, Phật-bích-chi.

Lại nữa, này thiện nam! Nếu ai có khả năng đọc tụng, thọ trì kinh điển này, hoàn toàn không vì quả vị Tu-đà-hoàn. Hộ trì giới cấm hoàn toàn không vì hướng Tu-đà-hàm hay đạt quả vị Tu-đà-hàm, hướng A-na-hàm hay đắc quả vị A-na-hàm, hướng A-la-hán hay đắc quả vị A-la-hán. Hộ trì giới cấm nếu là hướng Phật đạt lấy quả vị Vô thượng, thì người ấy được gọi là người trì giới cấm chân chánh, chứ chẳng phải vì ba mươi hai tướng, tám mươi vẻ đẹp mà hộ trì giới cấm.

Nếu vì sự không thể nghĩ bàn của Như Lai mới gọi là hộ giới. Như Lai chẳng phải vì trụ tâm, tu tập vô lượng Tam-muội, cũng không vì trụ tâm tu tập cùng với chư Phật, cũng lại không vì trụ tâm tu tập vô lượng nhân quả, không vì trụ tâm tu tập vô lượng công đức của chư Phật. Như Lai trụ nơi không chỗ trụ, gọi là thật tướng.

Nếu xem thường ấn chứng vô thượng của Như Lai thì không gọi là hộ giới. Nếu nói Như Lai vì ấn này mà gọi là người hộ giới, thì đối với việc ấy ông nên cẩn thận, chớ sinh lòng nghi ngờ.

Như Lai vô tướng nên gọi là hộ giới. Nếu nói Như Lai vì tướng ấy mà gọi là người hộ giới, ông cũng đừng sinh lòng nghi ngờ.

Như Lai vô chủng hảo nên nên gọi là hộ giới. Nếu nói Như Lai vì chủng hảo mà gọi là người hộ giới, ông cũng đừng sinh lòng nghi ngờ.

Như Lai chẳng phải là nhân duyên thần thông nên gọi là hộ giới. Như Lai chẳng phải là mật tạng nên gọi là hộ giới.

Như Lai chẳng phải là ruộng phước vô thượng nên gọi là hộ giới. Như Lai chẳng phải là tạng Như Lai nên gọi là hộ giới.

Như Lai vì đoạn trừ tất cả sự khổ não bức bách của sinh, già, bệnh, chết nơi chúng sinh nên gọi là hộ giới.

Vì muốn đem lại an lạc cho các chúng sinh nên gọi là hộ giới.

Vì đoạn dứt sự ràng buộc của sinh tử cho chúng sinh nên gọi là hộ giới.

Vì khiến cho chúng sinh chuyên hướng đến đạo Bồ-đề vô thượng nên gọi là hộ giới.

Vì các chúng sinh mà đạt quả vị Chánh đẳng Chánh giác Vô thượng nên gọi là hộ giới.

Vì các chúng sinh mà chuyển bánh xe pháp nên gọi là hộ giới.

Vì khiến cho tất cả chúng sinh đều đạt danh tự Thánh tăng nên gọi là hộ giới.

Vì khiến cho chúng sinh không đoạn chủng tánh bậc Thánh của Như Lai nên gọi là hộ giới.

Vì khiến cho tất cả chúng sinh không đoạn Pháp, Tăng nên gọi là hộ giới.

Vì khiến cho tất cả chúng sinh đều đắc Tam-muội thiền định, trí tuệ, giải thoát nên gọi là hộ giới.

Vì khiến cho chúng sinh đều đắc tịnh giới đầy đủ không thiếu nên gọi là hộ giới.

Như Lai vô giới nên gọi là hộ giới. Đoạn tất cả giới nên gọi là hộ giới.

Như Lai chẳng có giới này nên gọi là hộ giới. Chẳng phải không có giới này nên gọi là hộ giới. Bấy giờ, Đại Bồ-tát Đại Vân Mật Tạng bạch Phật:

– Bạch Thế Tôn! Nếu nói Như Lai không hộ giới, nghĩa ấy như thế nào? Nếu nói Bồ-tát trụ vào Tam-muội Thâm tân đại hải thủy triều, không hộ giới, nghĩa ấy như thế nào? Như Lai chẳng phải vì ấn vô thượng nên gọi là hộ giới, nghĩa ấy như thế nào?

Phật đáp:

– Nay thiện nam! Vị Đại Bồ-tát kể từ lúc trụ vào Tam-muội này trở đi, ban đầu chưa từng trụ vào nơi pháp hữu vi nên thành tựu đầy đủ tất cả pháp Phật. Vì sao? Vì Tam-muội này đều đã thâm gồm tất cả pháp Phật.

Nay thiện nam! Giống như đại bảo tự có ngọc lưu ly xanh, màu sắc thanh tịnh, hễ ai nhìn vào không sinh lòng hồ nghi. Vị Đại Bồ-tát kể từ lúc được trụ vào Tam-muội ấy trở đi tức thấy Phật tánh một cách rõ ràng, không còn sự hồ nghi. Vì sao? Khi đã thấy rõ ràng mà còn hồ nghi, điều ấy không thể nào có được. Cảnh giới của Như Lai là không thể nghĩ bàn. Thiện nam! Bồ-tát trụ vào Tam-muội này thì thành tựu đầy đủ công đức của chư Phật.

– Bạch Thế Tôn! Vị Đại Bồ-tát trụ vào Tam-muội này có được rốt ráo không?

– Nay thiện nam! Ông không nên hỏi vị Bồ-tát này có được rốt ráo

không? Vì sao? Vì tất cả chúng sinh đắc Tam-muội này thấy đều thành tựu rốt ráo tận cùng quả vị Bồ-đề Vô thượng rồi, sao lại hỏi Bồ-tát này có được rốt ráo hay không?

– Bạch Thế Tôn! Như vậy, Tam-muội ấy thật là hiếm có. Nếu các chúng sinh không được nghe nhận, thật là đáng tiếc. Nếu ai được nghe thì nên biết người ấy đạt được lợi ích lớn lao.

Phật nói:

– Lành thay! Lành thay! Nếu ai nghe tên Tam-muội này thì nên biết người ấy là bậc trên trong loài người. Ví như vương tử Tộc Tánh đoan nghiêm, uy nghi dũng mãnh, hào phóng, tri giới thanh tịnh, không thể chê trách, mọi người đều yêu mến, quyến thuộc kính trọng, thống lãnh đất nước, dân chúng quy thuận. Vị Đại Bồ-tát trụ vào Tam-muội này cũng như vậy, đều thành tựu công đức của chư Phật.

Này thiện nam! Giống như hàng Chiên-đà-la hoàn toàn không thể làm vua. Nếu họ làm vua, việc ấy không thể có. Vì sao? Vì họ sẽ bị các tộc họ trên chê cười, chế nhạo. Cũng vậy, nếu có chúng sinh không hay thọ trì, đọc tụng, biên chép Tam-muội này, mà muốn thành tựu mọi công đức vi diệu của chư Phật thì không thể có được. Vì sao? Vì người ấy sẽ bị tất cả chư Bồ-tát chê cười.

Này thiện nam! Nay ông nên quán các vị Bồ-tát an trụ vào Tam-muội này, có khả năng biết được Như Lai thường hằng bất biến. Nếu ai không thể trụ vào Tam-muội ấy thì không thể biết được Như Lai thường hằng không biến đổi. Vị Đại Bồ-tát nào vì các chúng sinh mà thọ trì, đọc tụng Tam-muội này thì sẽ đạt được đầy đủ Đàn Ba-la-mật. Vì sao? Vì Bồ-tát này thấy ai cầu xin thì tùy theo sự yêu cầu mà ban cho, hoặc đầu, mắt, tủy, não, các bộ phận tay chân, hoặc quốc thành, vợ con, nô tỳ, hầu bộc, voi, ngựa, bảy thứ châu báu... cả đến thân thể còn cho huống gì là những của báu bên ngoài. Khi cho thì vui vẻ, cho rồi không hối tiếc.

Đối với quả vị Chánh đẳng Chánh giác Vô thượng – dù đắc hoặc không đắc – tâm không nghi ngờ, lo lắng, hoàn toàn không vì quả báo mà hành bố thí, nên nếu nói: Vì quả báo mà bố thí, thì không thể có được. Không vì tham mà hành bố thí, trái lại, vì thương xót mà ban ơn, bố thí, vì Như Lai là thường hằng, vì hộ pháp, vì muốn đầy đủ Đàn Ba-la-mật, diễn nói sự thường hằng bất biến của Như Lai mà ban ơn, bố thí.

Lại nữa, này thiện nam! Vị Bồ-tát nào trụ vào Tam-muội ấy rồi thì có thể biết tất cả chúng sinh đều có Phật tánh, Như Lai thường hằng, không

có biến đổi. Khi trụ vào Tam-muội ấy, vị Đại Bồ-tát thường quán như vậy: “Nay thân này của ta là không, là không thật có, đã đạt lợi ích lớn lao vô thượng. Nay ta đem mọi bộ phận tay, chân, đầu, mắt, tùy, não, da trong, da ngoài, máu, thịt... bố thí cho người để đời sau đạt được quả vị Bồ-đề Vô thượng.

– Bạch Thế Tôn! Vị Đại Bồ-tát trụ vào Tam-muội ấy, tại sao lại quán thân như vậy?

– Nay thiện nam! Vị Đại Bồ-tát ấy không thấy thân này có tới lui, ngồi nằm, chỉ giống như bình rỗng. Thế nên Bồ-tát quán thân là vắng bật, máu thịt, xương tủy gọi là thân không. Chư Bồ-tát trụ vào Tam-muội ấy, đạt được thân phi máu thịt xương tủy, thành tựu pháp thân không gọi là thực thân.

– Bạch Thế Tôn! Pháp thân của Như Lai không gọi là thực thân, nghĩa ấy là sao? Pháp thân không hình dáng, không thể nhìn thấy, thế làm sao giáo hóa được chúng sinh? Như Lai thường nói trong các kinh ví như chim bay trong hư không, không để lại dấu vết. Pháp thân của Như Lai cũng như vậy, không tới, không lui, không chuyển, không nói, không thể hủy hoại.



KINH ĐẠI PHƯƠNG ĐĂNG VÔ TƯỚNG

QUYỂN 6

PHẦN 1: ĐẠI VÂN

Chương 37: TĂNG TRƯỞNG 2

Đức Phật dạy:

– Nay thiện nam! Ông chớ nói như vậy.

– Như Lai thường hóa ra thân chúng sinh nên gọi là Hóa thân, nghĩa ấy như thế nào?

Bạch Thế Tôn! Như Ngài đã nói: Trụ vào Tam-muội này thì đạt được Pháp thân, thế tại sao lại nói là thân biến hóa? Pháp thân của Như Lai nếu vì giáo hóa mà làm thân tạp thực, tại sao thân này chẳng phải là hư vọng? Chân pháp thân tại sao làm thân tạp thực? Nếu nói là thân tạp thực, nghĩa ấy thật chẳng phải vậy.

Phật đáp:

– Thôi, thôi! Chớ nói thế. Nếu Đại Bồ-tát nào trụ vào Tam-muội ấy mà có hóa thân thì thân ấy được gọi là huyễn thân.

– Bạch Thế Tôn! Tại sao điên đảo đem thân chẳng phải thân này gọi là thân? Gọi vật không phải vật là huyễn? Nếu nói là thân huyễn, tại sao lại được làm thân chúng sinh không lừa dối?

Phật đáp:

– Nay thiện nam! Chớ quán như vậy. Trụ vào Tam-muội ấy vị Đại Bồ-tát không có thân trụ. Tuy không thân trụ nhưng cũng như cây thuốc chúa, như cây cỏ, gạch ngói. Thân Ta cũng vậy. Vì sao? Vì thân Ta không ngã, không ngã sở, không mạng, không ngữ, không tâm, không thật, không ẩm, giới, nhập. Giống như cây thuốc có khả năng tiêu trừ tất cả bệnh khổ của chúng sinh, thân Ta cũng vậy, trừ diệt vô lượng bệnh khổ của chúng sinh. Vì sao? Vì thân như huyễn không thật.

Lại nữa, nay thiện nam! Ví như cây thuốc hoàn toàn không sinh ý niệm: Ngắt lá, đừng bẻ cành của tôi”. Đại Bồ-tát cũng như vậy, hoàn toàn

không sinh tâm niệm: “Lấy tay, chớ lấy chân của tôi”. Vì sao? Vì Tam-muội này có năng lực trừ dứt tất cả bệnh tham dục, sân hận, ngu si của chúng sinh. Trụ vào Tam-muội ấy, vị Đại Bồ-tát không có thân bên trong, không có thân bên ngoài, không thân trong ngoài, không thân sinh tử mà đạt được thân cam lồ. Thân cam lồ có năng lực trừ dứt bệnh tham, sân, si của chúng sinh.

Lại nữa, này thiện nam! Trụ vào Tam-muội ấy, Đại Bồ-tát biến ra hóa thân, là vì đoạn tất cả các loại chim muông ác, cùng ba nẻo ác, giống như cây thuốc. Nếu có ai nói các loài chim muông ác gặp thân Bồ-tát mà bị đọa vào ba đường ác thì điều ấy không thể có. Nếu nói xả thân chuyển đến cõi trời, người, gặp được chư Phật, điều ấy thật sự là có.

Lại nữa, này thiện nam! Nếu nói bốn bộ chúng trụ vào Tam-muội ấy, được thân gần vô lượng chư Phật, điều đó là đúng.

Lại nữa, này thiện nam! Các hàng Tỳ-kheo, Tỳ-kheo-ni, Ưu-bà-tắc, Ưu-bà-di nếu muốn tu tập Tam-muội ấy, trước hết nên tư duy: “Như Lai thường hằng, không có biến đổi, pháp Phật không diệt, không có rốt ráo nhập vào Niết-bàn”. Lại nghĩ như vậy: “Tất cả chúng sinh cần những thứ gì, ta sẽ cung cấp cho những thứ ấy, hoặc là chân, hoặc là tay, hoặc đầu, hoặc mắt... Vì chánh pháp, ta đều xả bỏ tất cả. Khi xả bỏ thì vui vẻ, không hối tiếc. Vì sao? Vì thân này của ta giống như cây thuốc”.

Nếu ai có khả năng khởi một niệm tư duy như vậy thì nên biết, không bao lâu người ấy đạt được Tam-muội này.

Lại nữa, này thiện nam! Ví như tuần mã bờm đuôi mịn dài, vào ngày mười lăm bố-tát, ở trong đại hải cất lên ba tiếng kêu đầy tình thương: “Ai muốn qua biển, ai muốn qua biển?”.

Hoặc có những người cỡi trên lưng, hoặc nắm đuôi, bờm, trán, cổ, đầu, cẳng v.v... tất cả đều đến được bờ kia của biển cả.

Kinh Đại Vân này cũng như vậy. Nếu ai có khả năng thọ trì, đọc tụng, giảng nói, biên chép cho đến chỉ một câu, một chữ, thì tất cả đều vượt qua bờ kia của biển ba ác, hoàn toàn được giải thoát.

Lại nữa, này thiện nam! Nếu có Tỳ-kheo, Tỳ-kheo-ni, Ưu-bà-tắc, Ưu-bà-di nào được nghe tên Tam-muội này thì đời đời thường được làm Chuyển luân Thánh vương, Đế thích, Phạm vương, hoàn toàn không thoái chuyển, thường được thân gần Phật, Pháp, Tăng; đối với tâm Bồ-đề vững chắc không lay động, không rời bỏ kinh điển Đại Thừa Phương Đẳng.

– Bạch Thế Tôn! Tại sao Bồ-tát trụ vào Tam-muội này đối với tất cả

pháp có được nhận thức chân chánh?

– Nay thiện nam! Nếu có ai thành tựu được Tam-muội này, thấy Như Lai vô thường, vô lạc, vô ngã, vô tịnh, rốt ráo Niết-bàn, thì không được gọi là sự thấy biết chân chánh.

Nếu thấy Như Lai thường, lạc, ngã, tịnh, trọn không rốt ráo nhập vào Niết-bàn, như vậy mới gọi là sự thấy biết chân chánh.

– Bạch Thế Tôn! Như Ngài đã nói: Nếu thấy Như Lai thường, lạc, ngã, tịnh, ý nghĩa ấy như thế nào?

– Nay thiện nam! Thường, lạc, ngã, tịnh tức là tánh chân thật của Như Lai.

– Bạch Thế Tôn! Nếu như vậy, tất cả phàm phu cũng có thể thành tựu thật tánh như vậy. Vì sao? Vì kẻ phàm phu cũng chấp vào thường, lạc, ngã, tịnh.

– Nay thiện nam! Nay ông không nên nói như thế. Ta nói: Bồ-tát đạt đủ Tam-muội ấy mới có thể thấy được thường, lạc, ngã, tịnh. Vì vậy, chớ nên nói chỗ chấp điên đảo của hàng phàm phu về thường, lạc, ngã, tịnh.

– Bạch Thế Tôn! Như Ngài nói: Nếu ai thấy các pháp vô thường, vô lạc, vô ngã, vô tịnh thì người ấy thấy được thượng đạo, hạ đạo, đắc quả Tu-đà-hoàn, cho đến đắc quả vị Bồ-đề Vô thượng. Nếu như thấy các pháp thường, lạc, ngã, tịnh thì không thể nào đạt được quả Tu-đà-hoàn, cho đến quả vị Bồ-đề Vô thượng. Thế tại sao Thế Tôn nói: Bồ-tát thành tựu Tam-muội này thì thấy được thường, lạc, ngã, tịnh?

Lại như Phật nói: Giải thoát đích thật giống như hư không. Như vậy, giải thoát tức là Niết-bàn, tại sao Như Lai nói: Niết-bàn thường, lạc, ngã, tịnh? Tất cả chúng sinh cũng như hư không, không trắng dưới nước, mộng huyễn, như cây chuối, mây, ánh chớp, không, vô tánh, tướng, không được tạm trụ, giống như vẽ trong nước, vẽ đâu hợp đó, thấy hiểu vô thường, vô lạc, vô ngã, vô tịnh. Thấy tướng như vậy gọi là cái thấy chân chánh. Người thấy chân chánh đạt được quả vị Tu-đà-hoàn cho đến quả vị Bồ-đề Vô thượng, tại sao Như Lai lại nói: Bồ-tát thành tựu Tam-muội này mới thấy được thường, lạc, ngã, tịnh?

Như Ngài đã nói ở trước, chư Phật Như Lai quán tất cả pháp vô thường, vô lạc, vô ngã, vô tịnh, không có thọ mạng, sĩ phu, chúng sinh, hoàn toàn không có gì cả. Đó gọi là tánh chân thật của các pháp. Thế mà nay Ngài lại nói: Thấy tất cả pháp thường, lạc, ngã, tịnh. Vậy nghĩa là sao?

– Nay thiện nam! Thôi, thôi! Chớ nói như vậy.

Này thiện nam! Nếu Bồ-tát nào thành tựu đầy đủ Tam-muội này thì không còn hòa hợp với các pháp nữa. Không hòa hợp nên gọi là hộ giới, tu tập Tam-muội. Đại Bồ-tát không thấy tướng đoạn, tướng thường của các pháp. Không thấy đoạn nên không sinh vui vẻ. Không thấy thường nên không sinh lo buồn. Vì biết pháp ẩn chẳng là hộ giới, cũng không được gọi là tu tập Tam-muội.

Như Lai không chấp trước nơi hộ giới hay hủy giới, thường hay vô thường, hiểu hay không hiểu, làm hay không làm, tịnh hay không tịnh, không hay bất không, giới hay chẳng phải giới, biết hay chẳng phải biết, danh hay chẳng phải danh, lấy hay chẳng phải lấy, sợ hay chẳng phải sợ, hăi hay chẳng phải hăi, nhân hay chẳng phải nhân, diệt hay chẳng phải diệt, Bồ-đề hay chẳng phải Bồ-đề, giải thoát hay chẳng phải giải thoát, Niết-bàn hay chẳng phải Niết-bàn...

Tất cả các pháp không có sợ hãi, vì giải thoát nên hộ trì giới cấm, tu tập Tam-muội. Tất cả các pháp không có lui mất. Bồ-tát biết vậy, tâm tư an vui, tu Tam-muội này, giảng nói cho các chúng sinh. Phật Như Lai là thường hằng, bất biến, chánh pháp không diệt mất, thế nên hộ giới, tu tập Tam-muội.

Lại nữa, này thiện nam! Nếu ai muốn đạt được Tam-muội này phải nên tu tập tưởng về thường, tưởng về ngã, tưởng về mạng, tưởng về nhân. Tu tập những tưởng này thì thành tựu đầy đủ Tam-muội ấy. Do đó, nếu nói không đạt được thì không có chuyện đó.

– Bạch Thế Tôn! Như Lai hoặc nói vô thường, vô lạc, vô ngã, vô tịnh, hoặc có khi lại nói thường, lạc, ngã, tịnh. Nghĩa ấy như thế nào?

– Này thiện nam! Đạo thể tục làm thấy các pháp là thường, lạc, ngã, tịnh nên Ta mới nói là vô thường, vô lạc, vô ngã, vô tịnh.

– Bạch Thế Tôn! Pháp xuất thế có thường, lạc, ngã, tịnh không?

– Này thiện nam! Nếu Bồ-tát trụ vào Tam-muội này, khi muốn nói về ngã thì trước hết phải nói năm việc:

Hạt (cốc tử).

Cây (thọ tử).

Vị béo (phỉ vị).

Ân núp (phục tàng).

Da rắn (xà bì).

Này thiện nam! Như hạt, khi nảy mầm, khi ra thân, khi ra lá, khi trở

hoa, gọi là vô thường. Nếu thu lấy quả, hạt, chúng sinh thọ dụng được, gọi là thường.

Đại Bồ-tát nào nếu chưa thành tựu Tam-muội này thì gọi là vô thường, vô lạc, vô ngã, vô tịnh. Còn nếu đã thành tựu thì gọi là thường, lạc, ngã, tịnh.

Chưa có khả năng độ thoát tất cả chúng sinh, gọi là vô thường, vô lạc, vô ngã, vô tịnh. Còn nếu có khả năng độ thoát thì được gọi là thường, lạc, ngã, tịnh.

Không có khả năng phá trừ tất cả tà kiến, gọi là vô thường, vô lạc, vô ngã, vô tịnh. Còn nếu có khả năng phá trừ tất cả tà kiến gọi là thường, lạc, ngã, tịnh.

Không có khả năng dứt hẳn mọi phiền não, gọi là vô thường, vô lạc, vô ngã, vô tịnh. Còn nếu có khả năng thì gọi là thường, lạc, ngã, tịnh.

Này thiện nam! Đó gọi là Hạt (Hạt thóc, lúa).

Lại nữa, này thiện nam! Như cây Am la khi chưa ra quả, gọi là vô thường, vô lạc, vô ngã, vô tịnh. Còn nếu ra quả, chúng sinh lấy dùng được, thì gọi là thường, lạc, ngã, tịnh.

Đại Bồ-tát nào chưa thành tựu được Tam-muội này thì gọi là vô thường, vô lạc, vô ngã, vô tịnh. Còn nếu thành tựu được, gọi là thường, lạc, ngã, tịnh.

Nếu chưa có khả năng độ thoát các chúng sinh, gọi là vô thường, vô lạc, vô ngã, vô tịnh. Còn nếu có khả năng độ thoát, gọi là thường, lạc, ngã, tịnh.

Không có khả năng phá trừ tất cả tà kiến, gọi là vô thường, vô lạc, vô ngã, vô tịnh. Còn nếu có khả năng phá trừ tất cả tà kiến thì gọi là thường, lạc, ngã, tịnh.

Không có khả năng dứt hẳn mọi phiền não, gọi là vô thường, vô lạc, vô ngã, vô tịnh. Còn nếu có khả năng dứt hẳn thì gọi là thường, lạc, ngã, tịnh.

Này thiện nam! Đó gọi là Cây.

Lại nữa, này thiện nam! Như hạt hồ ma khi chưa thành dầu, không thể tiêu trừ bệnh khổ cho chúng sinh, gọi là vô thường, vô lạc, vô ngã, vô tịnh. Còn nếu thành dầu rồi, có khả năng tiêu trừ mọi bệnh khổ cho chúng sinh thì gọi là thường, lạc, ngã, tịnh.

Đại Bồ-tát nào chưa thành tựu được Tam-muội này thì gọi là vô

thường, vô lạc, vô ngã, vô tịnh. Còn nếu thành tựu được, gọi là thường, lạc, ngã, tịnh.

Nếu chưa có khả năng độ thoát các chúng sinh, gọi là vô thường, vô lạc, vô ngã, vô tịnh. Còn nếu có khả năng độ thoát thì gọi là thường, lạc, ngã, tịnh.

Không có khả năng phá trừ tất cả tà kiến, gọi là vô thường, vô lạc, vô ngã, vô tịnh. Còn nếu có khả năng phá trừ tất cả tà kiến thì gọi là thường, lạc, ngã, tịnh.

Không có khả năng dứt hẳn mọi phiền não, gọi là vô thường, vô lạc, vô ngã, vô tịnh. Còn nếu có khả năng dứt hẳn thì gọi là thường, lạc, ngã, tịnh.

Này thiện nam! Đó gọi là Vị béo (Phì vị)

Lại nữa, này thiện nam! Như kho báu ẩn núp trong lòng đất, không thể làm thấm nhuần lợi ích cho tất cả chúng sinh, nên gọi là vô thường, vô lạc, vô ngã, vô tịnh. Còn nếu ra khỏi lòng đất, chúng sinh lấy dùng, được lợi ích lớn thì gọi là thường, lạc, ngã, tịnh.

Đại Bồ-tát nào chưa thành tựu được Tam-muội này thì gọi là vô thường, vô lạc, vô ngã, vô tịnh. Còn nếu thành tựu được, gọi là thường, lạc, ngã, tịnh.

Nếu chưa có khả năng độ thoát các chúng sinh, gọi là vô thường, vô lạc, vô ngã, vô tịnh. Còn nếu có khả năng độ thoát, gọi là thường, lạc, ngã, tịnh.

Không có khả năng phá trừ tất cả tà kiến, gọi là vô thường, vô lạc, vô ngã, vô tịnh. Còn nếu có khả năng phá trừ tất cả tà kiến thì gọi là thường, lạc, ngã, tịnh.

Không có khả năng dứt hẳn mọi phiền não, gọi là vô thường, vô lạc, vô ngã, vô tịnh. Còn nếu có khả năng dứt hẳn thì gọi là thường, lạc, ngã, tịnh.

Này thiện nam! Đó gọi là Bảo tạng (Phục tạng)

Lại nữa, này thiện nam! Giống như da rắn, khi chưa lột da gọi là gọi là vô thường, vô lạc, vô ngã, vô tịnh. Còn nếu lột da rồi thì gọi là thường, lạc, ngã, tịnh.

Đại Bồ-tát nào chưa thành tựu được Tam-muội này thì gọi là vô thường, vô lạc, vô ngã, vô tịnh. Còn nếu thành tựu được, gọi là thường, lạc, ngã, tịnh.

Nếu chưa có khả năng độ thoát các chúng sinh, gọi là vô thường, vô lạc, vô ngã, vô tịnh. Còn nếu có khả năng độ thoát, gọi là thường, lạc, ngã, tịnh.

Không có khả năng phá trừ tất cả tà kiến, gọi là vô thường, vô lạc, vô ngã, vô tịnh. Còn nếu có khả năng phá trừ tất cả tà kiến thì gọi là thường, lạc, ngã, tịnh.

Không có khả năng dứt hẳn mọi phiền não, gọi là vô thường, vô lạc, vô ngã, vô tịnh. Còn nếu có khả năng dứt hẳn thì gọi là thường, lạc, ngã, tịnh.

Lại đoạn dứt bốn thứ tâm nghi ngờ nơi chúng sinh đã khởi lên đối với Phật, gọi là thường, lạc, ngã, tịnh.

Này thiện nam! Đó gọi là Xà bì (da rắn).

Này thiện nam! Đại Bồ-tát trụ Tam-muội này dựa vào năm việc ấy mà diễn nói Như Lai là thường, lạc, ngã, tịnh, có thể nói về ngã, nhân, thường, chúng sinh, sĩ phu. Có khả năng thấy như vậy gọi là chánh kiến.

– Bạch Thế Tôn! Như Lai đã nói về năm việc ấy, nghĩa đó không phải như vậy. Vì sao? Như Lai thường nói trong các kinh, các pháp là vô thường như năm việc vừa nêu, nhân cũng vô thường, quả cũng vô thường. Nếu khiến Bồ-tát trụ vào Tam-muội này như năm việc ấy thì cũng phải là vô thường. Do ý nghĩa đó, tất cả các pháp đều là vô thường.

Bạch Thế Tôn! Có nhân tất có quả, có quả tất có nhân. Tất cả chúng sinh cùng với các vị Bồ-tát cũng như vậy. Có sinh ắt có tử, có tử ắt có sinh. Nếu như thế thì thường cũng vô thường, vô thường cũng là thường. Do ý nghĩa đó, tất cả các pháp đều có hai tánh: thường và vô thường. Chớ nên khẳng định thế pháp vô thường, pháp xuất thế là thường. Như Lai nói lời chân thật, tại sao lại phát ra những lời hư vọng ấy?

– Này thiện nam! Tại sao ông nay như con tầm tự trói buộc mình trong kén vậy?

Này thiện nam! Nếu có ai nói: “Người đoan nghiêm giống như mặt trăng tròn. Hương tượng đẹp trắng giống như núi Tuyết”, người thật ra chẳng phải mặt trăng, voi chẳng phải là núi Tuyết, phần nào có điểm giống nhau nên dẫn làm ví dụ.

Này thiện nam! Năm việc thế gian cũng như vậy, có phần nào đó là thường nên dẫn làm ví dụ. Thật ra, chư Phật Như Lai là không thể ví dụ. Giống như là dẫn ví dụ để làm ví dụ.

– Bạch Thế Tôn! Nếu Như Lai thường thì tại sao Như Lai lại nói trong các kinh khác là giống như ngọn đèn tắt mất. Giải thoát cũng vậy?

Bạch Thế Tôn! Nếu Như Lai thường, sao gọi là diệt mất? Còn diệt mất, sao gọi là thường? Nếu Như Lai nói: Cũng vừa thường, cũng vừa diệt thì đây há chẳng phải là lời nói hư vọng sao?

Lại nữa, như Ngài đã nói: Tất cả các pháp giống như ánh trăng dưới nước, nếu các pháp là thường thì tại sao lại nói giống như ánh trăng dưới nước?

– Nay thiện nam! Ta nói pháp hữu vi như ánh trăng dưới nước, thế nên Ta mới có pháp thường, có pháp vô thường:

Nếu có chúng sinh nào chưa được giải thoát, chưa đoạn trừ phiền não, chưa dứt bỏ danh, tướng, chưa đoạn dứt tướng chúng sinh, chưa đạt pháp tướng, chưa được tu tập Tam-muội này thì gọi là vô thường. Còn nếu chúng sinh nào đã được giải thoát, đã dứt hẳn phiền não, danh, tướng, tướng chúng sinh; đã đạt được pháp tướng, đã tu tập được Tam-muội này thì gọi là thường.

Vì vậy, mới nói có pháp thường và pháp vô thường.

– Bạch Thế Tôn! Nếu như vậy thì tại sao Như Lai nói Phật Niết-bàn giống như ngọn đèn tắt mất?

– Ngọn đèn tắt mất là dụ cho thân diệt, là dụ cho sự ràng buộc bị diệt. Giống như dầu không lia đèn và đèn cũng không lia dầu. Chúng sinh cũng vậy, thân không lia sự ràng buộc, sự ràng buộc cũng không lia nơi thân.

– Vậy tại sao nói là diệt? Phật đáp:

– Lành thay! Lành thay! Nay thiện nam! Nếu thấy như vậy, gọi là cái thấy chân chánh.

Nay thiện nam! Thân có hai loại: Thân phiền não và Pháp thân. Thân phiền não diệt, giống như ngọn đèn tắt mất, thế nên Ta nói là có pháp vô thường.

Pháp thân không diệt, giống như hư không, thế nên Ta nói là có pháp thường.

Đoạn trừ mọi thứ phiền não chất chứa gọi là giải thoát. Được giải thoát khỏi thân vô thường thì chư Phật Thế Tôn là đoạn kiến.

Nếu các thứ phiền não chất chứa là thường không diệt, thì chư Phật Thế Tôn là thường kiến.

Do trải qua vô lượng a-tăng-kỳ kiếp đoạn hai kiến chấp này, nên chư

Phật Thế Tôn chắc chắn không còn hai kiến: thường – đoạn.

Nếu Như Lai có tướng chúng sinh thì phải là vô thường. Như Lai đã trải qua vô lượng kiếp đoạn tướng chúng sinh. Nếu nói Như Lai có tướng chúng sinh thì hoàn toàn không có chuyện đó.

Này thiện nam! Ví như đại vương xuất cung đi tuần. Khi ở ngoài cung, thì trong cung không thể thấy. Trong cung tuy không thấy, nhưng không thể nói là không có vua. Bên ngoài cũng như vậy.

Đại Bồ-tát trụ vào Tam-muội này thì đã đoạn vô thường. Do vì chúng sinh nên mới thọ thân vô thường. Nếu nói thân Như Lai vô thường, hoàn toàn không có chuyện đó.

Do vậy, Ta nói thường cùng với vô thường, nói ngã với vô ngã, nói chúng sinh với phi chúng sinh, nói nhân với phi nhân, nói mạng với phi mạng, nói sĩ phu với phi sĩ phu. Như Lai thường nói pháp hữu vi đều là vô thường, chứ không nói là thường. Nếu nói thường, chuyện đó hoàn toàn không có.

Lại nữa, này thiện nam! Đại Bồ-tát trụ vào Tam-muội này, đoạn trừ các thứ kiến chấp của thế gian, kiến chấp về thọ mạng, kiến chấp của hàng Nhị thừa, không có tham ái, không lấy, không cầu, thường hằng không biến đổi, thành tựu an trụ, được vô sở úy, không có kiêu mạn, không bị cấu nhiễm. Vì thế, Ta nói là thường, lạc, ngã, tịnh.

Này thiện nam! Ta nói Thanh văn, Phật-bích-chi thừa, tất cả người đời không thể nào lãnh hội được. Mặc dù họ không hiểu nhưng rốt cuộc cũng không thể thủ đắc.

Nói về trí tuệ cũng như vậy. Người đời tuy thấy Như Lai vô thường, vô lạc, vô ngã, vô tịnh, nhưng cũng không thể nói là người có trí tuệ, tức giống với kiến chấp kia.

Những kẻ phước mỏng, căn tánh chậm lụt, hành theo tà đạo, lại nói như vậy: “Như Lai vô thường, vĩnh viễn diệt độ, Niết-bàn”. Nếu nói Như Lai vĩnh viễn diệt độ, nên biết người ấy không lìa khỏi ba nẻo ác.

Này thiện nam! Ví như trong hồ nước vẫn đục sâu rộng kia có ngọc báu, thế nhưng mọi người không ai thấy được. Có người nói: “Trong hồ nước đục kia có ngọc báu”. Nghe thế, mọi người liền vội vàng tìm kiếm. Có người tìm được sỏi, đá, cát, sỏi, hoặc là cỏ cây, nhưng hoàn toàn không ai tìm được ngọc báu. Do tìm không được nên liền cho là dối trá.

Thế rồi có một người khéo léo, biết cách đem bỏ hạt châu vô giá xuống hồ nước đục ấy, nước tức thì trong lại, nhân đó, mọi người đều thấy

châu báu.

Này thiện nam! Các hàng Thanh văn, Duyên giác không hiểu diệu lực của Tam-muội này, nên nói: Như Lai vô thường, vô lạc, vô ngã, vô tịnh, trống rỗng, không thật có. Họ không biết Như Lai thường hằng bất biến, dù luân chuyển trong sinh tử. Đại Bồ-tát trụ vào Tam-muội này khéo giải những mật ngữ của Như Lai. Thế nên đem hạt châu vô giá ấy để dụ cho Tam-muội.

Này thiện nam! Nếu người nam, người nữ nào muốn thấy Như Lai thường hằng bất biến thì phải nên tu tập Tam-muội này. Đại Bồ-tát nào trụ vào Tam-muội ấy thì thấy được Như Lai thường hằng bất biến. Sự giải thoát cũng như vậy.

Này thiện nam! Ví như bóng cây, người đi đường dựa vào đó để nghỉ ngơi. Các vị Bồ-tát trụ vào Tam-muội này cũng như vậy, vì các chúng sinh mà làm bóng mát phủ che.

Thiện nam! Nếu có ai nói Như Lai vô thường, vĩnh viễn vào Niết-bàn thì kẻ ấy chính là đệ tử của ma. Nếu không phải như vậy, người đó mới đích thật là đệ tử của Ta.

Nếu ai nói Như Lai rốt ráo nhập vào Niết-bàn, nên biết kẻ ấy làm ô nhục pháp của Ta. Nếu ai tin nhận những lời như vậy thì thật là đáng thương.

Khi Đức Phật giảng nói xong phần pháp này, bốn phía chúng hội liền phát ra ánh sáng lớn. Ánh sáng màu vàng ấy chiếu khắp ba ngàn đại thiên thế giới, lấn át cả ánh sáng của Phạm thiên, mặt trời, mặt trăng, chỉ không thể lấn át được ánh sáng của Phật, ngoài ra, mọi ánh sáng khác thì bị lu mờ, không hiện. Từ núi Tu-di lớn nhỏ, rừng rậm, cỏ cây, khoảng giữa hai nước, những nơi tối tăm không nơi nào là không có ánh sáng ấy chiếu tới. Những chúng sinh nơi địa ngục gặp được ánh sáng ấy, mọi thống khổ đều chấm dứt, thân được an lạc.

Bấy giờ, phía trước đại chúng liền xuất ra sáu vạn ức hoa sen. Hoa ấy màu sắc vi diệu, hương thơm đầy đủ, ngàn cánh đầy đặn, làm bằng bốn báu. Mỗi một hoa sen phát ra hương thơm thù thắng lan khắp ba ngàn đại thiên thế giới. Nơi các thế giới ấy, ngửi được mùi hương này, các hàng Trời, Rồng, Quỷ thần, Càn-thát-bà, A-tu-la, Ca-lâu-la, Khẩn-na-la, Ma-hầu-la-già, Thích, Phạm, Ma, Sa-môn, Bà-la-môn... tất cả chúng sinh thấy đều đạt sự ưa thích giáo pháp, tâm ưa Đại thừa, mong muốn nghe pháp, dứt mọi phiền não. Hoa này thành tựu hương thơm công đức vi diệu như vậy.

Lúc ấy, ngồi trong chúng hội, thấy những thần biến như thế, Đại Bồ-tát Đại Vân Mật Tạng liền đứng dậy chấp tay, cung kính bạch Phật:

– Bạch Thế Tôn! Đây là hình tướng gì? Diệu lực nơi công đức ấy là của ai, khiến nơi đại hội này xuất hiện hoa vi diệu phát ra hương thơm vô lượng?

Khi ấy, Thiên nữ Tịnh Quang nói với Bồ-tát Đại Vân Mật Tạng:

– Này thiện nam! Tất cả các pháp thấy đều vô tướng, tại sao lại hỏi: “Đây là hình tướng gì?”. Các pháp đều như mộng, sao lại điên đảo hỏi như kẻ mê loạn?

Bồ-tát Đại Vân Mật Tạng nói:

– Lành thay! Lành thay! Này Thiên nữ! Chẳng phải tôi không thấy các pháp như mộng, nhưng vì tôi muốn cắt đứt sự lệ thuộc vào tướng kia nên mới hỏi như vậy.

Thiên nữ nói:

– Đại đức! Vì sao Bồ-tát thấy sự lệ thuộc vào tướng mà nêu ra câu hỏi này vậy?

– Thiên nữ! Như ta đã nói, vì muốn khiến cho chúng sinh được độ thoát nên mới hỏi như thế.

– Đại đức! Nếu không tự mình đoạn dứt cái thấy của ta, cái nghi của ta thì làm sao có thể độ thoát chúng sinh được? Nếu không tự mình đoạn dứt cái thấy của ta, cái nghi của ta, mà muốn đoạn trừ cái thấy, cái nghi cho chúng sinh, điều đó hoàn toàn không thể có.

Phật nói:

– Lành thay! Lành thay! Này thiện nam! Thật đúng như những gì Thiên nữ nói. Đại Bồ-tát trụ vào Tam-muội ấy thì chỉ thấy vô tướng.

Này thiện nam! Nếu người nam, người nữ nào muốn thấy vô tướng, phải nên tinh tấn tu Tam-muội này. Đại Bồ-tát trụ vào Tam-muội này thì có khả năng hiện các loại thân trong ba ngàn đại thiên thế giới.

– Bạch Thế Tôn! Vì sao các vị Bồ-tát trụ vào Tam-muội này, có khả năng hiện các thân trong ba ngàn đại thiên thế giới?

– Này thiện nam! Nếu có huyễn sư hoặc đệ tử của ông ta, ở giữa đại chúng có khả năng biến hóa ra đủ loại hoặc nam hoặc nữ, hoặc lớn hoặc nhỏ, hoặc sống hoặc chết, hoặc tới hoặc lui, hoặc nhà hoặc rừng, hoặc voi hoặc ngựa, hoặc cắt hoặc đứt, hoặc phá hoặc hoại, hoặc kết hoặc đoạn trừ... đại chúng nhìn thấy không sinh lòng kinh ngạc. Vì sao? Vì mọi người đã

thấu rõ sự huyền hóa.

Đại Bồ-tát cũng như vậy. Trụ vào Tam-muội này, tu tập chánh đạo, hóa hiện ra các thân trong ba ngàn đại thiên thế giới là vì muốn độ thoát chúng sinh, nên mới trụ vào Tam-muội ấy. Các vị Bồ-tát thấy sự biến hóa này không sinh lòng kinh ngạc, không có tâm nghi ngờ, tùy thuận theo nghĩa, không có trái ngược. Vì sao? Vì biết chắc rằng đây chính là diệu lực của Tam-muội ấy.

Lại nữa, này thiện nam! Đại Bồ-tát trụ vào Tam-muội này có khả năng hiện thân từng nơi, tùy theo vô số thứ loại hành vi của các chúng sinh nơi ba ngàn đại thiên thế giới.

Hoặc là hiện ở trong thai mẹ tại cõi Diêm-phù-đề. Tất cả chúng sinh thật thấy Bồ-tát ở nơi thai mẹ nhưng thật sự Bồ-tát này không ra khỏi thai. Hoặc tại cõi Diêm-phù-đề, hiện ra khỏi thai mẹ, chúng sinh cũng thấy Bồ-tát ra khỏi thai mẹ nhưng thật sự Bồ-tát này không phải ra khỏi thai.

Hoặc tại cõi Diêm-phù-đề, hiện ban đầu xuống tóc, tạo mọi thứ vui đùa, tất cả chúng sinh đều thấy như vậy, nhưng thật sự Bồ-tát không có tướng này.

Hoặc tại cõi Diêm-phù-đề, hiện đến học đường học các kỹ nghệ, thư số, toán số, tất cả chúng sinh đều thấy Bồ-tát ban đầu mới học tập, nhưng thật ra Bồ-tát này đã tu học trải qua vô lượng kiếp ở quá khứ.

Hoặc tại cõi Diêm-phù-đề hiện hành vi như người, sư tử, ngỗng trắng... tất cả chúng sinh đều thấy Bồ-tát hiện hành vi như người, sư tử, ngỗng trắng... nhưng thật ra Bồ-tát đều không có tướng này.

Hoặc tại cõi Diêm-phù-đề thị hiện có vợ con, vui thú năm dục; tất cả chúng sinh đều thấy tướng ấy, nhưng Bồ-tát đã xa lìa nó từ kiếp xưa, chỉ lấy pháp lạc làm niềm vui thích cho chính mình.

Hoặc tại cõi Diêm-phù-đề thị hiện đại tiện tiểu tiện, tất cả chúng sinh cũng thấy tướng này, nhưng vị Bồ-tát này đắc pháp thân đích thật chẳng phải thân tạp thực.

Tại sao lại có đại tiện lợi, tiểu tiện lợi, nhắm ngậm dương chi, mặc áo, rửa tay, chân mang giày dép, tay cầm dù lọng, thân đeo anh lạc, ăn uống, đói khát, sinh, già, bệnh, chết, hành đàn Ba-la-mật, được làm Chuyển luân vương, nô tỳ, nô bộc, nam nữ lớn nhỏ, hoặc làm người, trời, khổ hạnh Đầu-đà, hiện làm Tỳ-kheo tạo phước lợi cho chúng sinh, hiện quả Tu-đà-hoàn, quả Tư-đà-hàm, quả A-na-hàm, quả la-hán, phá hoại chúng Tăng, nghe pháp, nói pháp, ăn nuốt cơm độc, phạm bốn trọng cấm, gây tội ngũ

ngịch, hiện thân Thanh văn, Phật-bích-chi, xuất gia học đạo, bên gốc Bồ-đề chuyển bánh xe chánh pháp, hiện đại thân tức nhập vào Niết-bàn, hoặc làm Thích, Phạm, Ma Ba-tuần, lưu chuyển các cõi giống như bánh xe cũng như vậy.

Này thiện nam! Tuy Đại Bồ-tát tùy thuận mọi hành vi của thế gian mà làm như vậy, đó là vì muốn độ thoát, hoàn toàn không sinh tướng chúng sinh, thường tu pháp tướng. Vì sao? Là vì diệu lực của Tam-muội ấy.

Đại Bồ-tát không có nơi đắm chấp, không chấp vào Thanh văn, không chấp nơi Duyên giác, vì lòng thương xót tất cả thế gian nên muốn độ thoát chúng sinh, bất kỳ nơi đâu, tùy theo sự ưa thích của họ mà hiện ra thân ấy. Thế nên Bồ-tát tu tập vô tướng, thấy vô tướng. Nếu ai có khả năng thấy vô tướng như vậy, thì gọi là chánh kiến. Thiên nữ Tịnh Quang cũng tu vô tướng. Chư Phật Thế Tôn trụ vào Tam-muội ấy, do đó là không thể nghĩ bàn.

– Bạch Thế Tôn! Thiên nữ Tịnh Quang này đã thành tựu đầy đủ trí tuệ thâm diệu. Nếu cảnh giới vô tướng không thể nghĩ bàn thì những ai tu tập cũng không thể nghĩ bàn.

Bấy giờ, Đức Thế Tôn vui vẻ mỉm cười. Từ nơi kim điện phát ra vô lượng ánh sáng năm màu tỏa chiếu khắp vô lượng vô biên thế giới. Ánh sáng ấy trên chiếu đến cõi trời Phạm Thế, biến khắp tất cả, xoay quanh thân ba vòng rồi thu nhập vào miệng.

Khi ấy, đại địa chấn động đủ sáu cách, trang nghiêm thanh tịnh như cõi Uất-đan-việt. Ba ngàn đại thiên thế giới cũng như vậy. Nhờ vào thần lực của Phật, tất cả chúng sinh thấy đều được thấy.

Lúc này, Bồ-tát Đại Vân Mật Tạng lại đứng dậy, sửa lại y phục, cung kính chấp tay bạch Phật:

– Bạch Thế Tôn! Do nhân duyên gì phóng ra ánh sáng này? Phật đáp:

– Này thiện nam! Ông đã thưa hỏi, Ta đã trả lời, nên mới phóng ra ánh sáng đoan nghiêm này.

Này thiện nam! Về phương Tây của cõi này có một thế giới tên An lạc. Vị Phật nơi cõi ấy hiệu là Vô Lượng Thọ, nay ở đời này thường vì chúng sinh giảng nói chánh pháp, đã bảo một vị Bồ-tát: “Này thiện nam! Tại thế giới Sa Bà, Đức Phật Thích Ca Mâu Ni vì các chúng sinh phước ít, căn chậm lụt mà giảng nói kinh Đại Vân. Ông hãy đến nơi đó, hết lòng nghe, nhận”.

Thế rồi, vị Bồ-tát ấy muốn đến nơi đây, nên trước hết hiện bày tướng

đoan nghiêm.

Này thiện nam! Ông quán tại thế giới đó, thân tướng của các vị Bồ-tát đầy đủ năm vạn sáu ngàn do-tuần.

– Bạch Thế Tôn! Vị Bồ-tát ấy danh hiệu là gì? Vì sao lại đến đây? Có lẽ chẳng phải vì độ thoát chúng sinh mà đến? Cúi xin Như Lai hãy vì các chúng sinh mà phân biệt nói rõ.

– Này thiện nam! Vị Bồ-tát nơi thế giới đó vì muốn lãnh hội việc được thọ ký của Thiên nữ Tịnh Quang và vì muốn cúng dường Tam-muội này nên mới đến đây. Thiện nam! Vị Bồ-tát ấy tên Vô Biên Quang, thông đạt phương tiện, có khả năng khéo dạy dỗ, hướng dẫn.

– Bạch Thế Tôn! Cúi xin Như Lai nói về vị Thiên nữ này đã phát tâm cầu đạt đạo quả Bồ-đề Vô thượng vào thời Đức Phật nào? Và lúc nào sẽ chuyển được thân nữ?

– Này thiện nam! Nay ông không nên hỏi về việc chuyển thân nữ. Thiên nữ trải qua vô lượng a-tăng-kỳ kiếp vì chúng sinh nên hiện thân nữ. Ông nên biết, đây chính là thân phương tiện, chẳng phải là thân nữ thật sự. Tại sao nói là khi nào sẽ được chuyển thân nữ này?

Này thiện nam! Đại Bồ-tát trụ vào Tam-muội ấy, thân được tự tại, có khả năng tạo ra vô số các thứ phương tiện tùy nghi. Mặc dù mang thân hình nữ, nhưng tâm không tham chấp, không bị cấu nhiễm theo tham dục.

– Bạch Thế Tôn! Cúi xin Như Lai hãy vì chúng sinh mà giảng nói về những việc đời sau của Thiên nữ.

– Này thiện nam! Ông hãy lắng nghe, Ta sẽ nói về việc đó: Vào bảy trăm năm sau khi Ta dùng phương tiện nhập Niết-bàn, tại Nam Thiên Trúc này có một nước nhỏ tên Vô Minh. Nước ấy có sông tên Hắc Ám. Hướng bờ phía Nam có thành tên Thục Cốc. Thành đó có vua tên Đăng Thừa. Phu nhân của vua này sinh được một công chúa tên Tăng Trưởng, hình dáng đoan nghiêm, được mọi người yêu mến, hộ trì giới cấm, siêng năng không biếng nhác.

Do sinh nòng công chúa này, đất nước của vị vua ấy luôn được mùa, lúa gạo sung túc, vô cùng an vui. Dân chúng đông đúc, không một mảy may bệnh khổ, lo buồn, sợ hãi, hoạn nạn, thành tựu đầy đủ tất cả việc tốt đẹp. Các vua lân cận đều đến quy thuận.

Pháp hữu vi là vô thường biến đổi, nên nhà vua bỗng nhiên băng hà. Khi ấy, các vị đại thần bèn tôn công chúa lên kế vị vua. Công chúa này nương theo lẽ phải, uy đức hàng phục khắp thiên hạ. Hết thấy các nước

trong toàn cõi Diêm-phù-đề thầy đều tuân theo, không có chống đối.

Nữ vương tự tại, thu phục tà kiến. Vì muốn cúng dường xá-lợi Phật, nữ vương bèn cho xây tháp bảy báu khắp cõi Diêm-phù-đề, đem những vải lụa đủ màu, phướn long thượng diệu, hương chiên-đàn để cúng dường khắp cả. Thấy những ai hộ pháp, trì tịnh giới, nữ vương cung kính cúng dường. Thấy những ai phá giới, hủy hoại chánh pháp, nữ vương quả trách, xử trị, khiến chấm dứt, không còn tái phạm.

Nữ vương tu tập đầy đủ mười Ba-la-mật, thọ trì năm giới, cứu giúp kẻ bần cùng, dẫn dắt, dạy dỗ vô lượng chúng sinh, giảng nói kinh Đại Vân để điều phục tâm họ. Hễ ai nghe kinh Đại Thừa Phương Đẳng thì cung kính cúng dường, tôn trọng, tán thán.

Trọn hai mươi năm thọ trì, đọc tụng, biên chép, giảng nói kinh Đại Vân này, sau đó mạng sống chấm dứt, vào lúc ấy mới chuyển thân nữ. Vì hàng phục chúng sinh, nữ vương thị hiện đại thần thông và cũng vì muốn cúng dường Đức Phật Vô Lượng Thọ nên đã sinh vào thế giới của vị Phật ấy.

– Bạch Thế Tôn! Vị nữ vương này vào đời vị lai có đắc đạt được quả vị Bồ-đề Vô thượng không?

– Nay thiện nam! Vào đời vị lai, trải qua vô lượng kiếp, nữ vương này sẽ thành Phật, hiệu là Tịnh Bảo Tăng Trưởng gồm đủ mười tôn hiệu: Như Lai, Ứng Cúng, Chánh Biến Tri, Minh Hạnh Túc, Thiện Thệ, Thế Gian Giải, Vô Thượng Sĩ, Điều Ngự Trượng Phu, Thiên Nhân Sư, Phật Thế Tôn.

Bấy giờ, thế giới Ta-bà này trở nên trong sạch, sáng sủa. Khi ấy, có thành tên Thanh Tịnh Diệu Hương, chỉ toàn dùng bảy báu trang

nghiêm, vô lượng tối thắng, giống như cung trời Đao-lợi. Trong thành gồm có chín vạn ức người, đất đai bằng phẳng, không có gai góc, sỏi cát, ngói đá. Dân chúng nơi ấy không sinh tà kiến, ái trọng Đại thừa, không có tên Thanh văn, Duyên giác, tất cả chỉ thuần là Bồ-tát Đại sĩ, tu tập tâm từ, bi, hỷ, xả, thành tựu nhẫn nhục, thọ mạng vô lượng.

Nay thiện nam! Nếu có chúng sinh nào nghe danh hiệu của Đức Phật Như Lai này, sẽ không còn bị đọa nơi ba nẻo ác, chuyển sinh nơi hàng trời, người.

Khi Đức Phật giảng nói kinh này xong, vô lượng chúng sinh đắc quả vị Bất thoái chuyển.



SỐ 388

KINH ĐẠI VÂN VÔ TƯỚNG

*Hán dịch: Đời Diêu Tần, Sa môn
Trúc Phật Niệm, người đất Lương Châu.*

Bấy giờ, trong chúng hội có một Phạm chí tên Trục Đạo, từ tòa ngồi đứng dậy, lấy làm kinh ngạc, giơ tay nói:

– Đại chúng đã biết tất cả, Sa-môn Cù-đàm là người đại vọng ngữ. Trước đây Ông ta thường nói: “Gây ra tội ngũ nghịch, phi báng chánh pháp, hủy phá Thánh nhân, lạm dụng vật của pháp Phật cùng Chiêu-đề-tăng, phạm bốn trọng cấm, làm ô uế Tỳ-kheo, Tỳ-kheo-ni, tà kiến mười hạng người ấy là mầm của địa ngục, hiện tại không thể đoạn dứt sự ràng buộc ở cõi Dục, chúng quả Sa-môn, không thể làm tăng trưởng chánh pháp vô thượng”. Thế mà nay lại nói là: “Họ có tâm chánh tín, sám hối những lỗi lầm trước đã gây ra, tội được diệt trừ, lại có khả năng làm tăng trưởng chánh pháp của Như Lai”. Người không tin gọi là người của địa ngục, người có chánh tín gọi là như pháp trụ.

Vì sao Cù-đàm nói hai thứ như thế?: “Ai tin pháp Ta, gọi là chánh kiến. Ai không tin pháp Ta, gọi là tà kiến?”.

Sa-môn Cù-đàm không chịu xét những lời trước đã nói lại nói những lời như vậy, sao gọi là Nhất thiết trí được? Sa-môn Cù-đàm chẳng phải là Nhất thiết trí, chẳng phải là Nhất thiết kiến. Nói Nhất thiết kiến, các ngoại đạo cũng nói như vậy: “Ta là Nhất thiết trí, ta là Nhất thiết kiến. Tin đạo ta gọi là chánh kiến, tin theo Cù-đàm gọi là tà kiến”.

Hai cách nói như vậy có gì khác nhau? Nếu không khác sao lại phân biệt có chánh có tà?

Khi ấy, Đức Thế Tôn bảo Đại Bồ-tát Đại Vân Mật Tạng:

– Nay thiện nam! Ông hãy lắng nghe. Tất cả chúng sinh bị bốn thứ điên đảo trói buộc, lại có bốn pháp không đầy đủ, đó là: giới, kiến, oai nghi, chánh mạng. Nhân nơi tám pháp này nên có thể khiến cho chúng sinh đi

vào nơi chốn tối tăm u ám, không thể phân biệt được tà với chánh, pháp với phi pháp.

Này thiện nam! Phạm chí Trục Đạo này ở giữa đại chúng, lấy làm kinh ngạc, gơ tay nói: “Sa-môn Cù-đàm nói lời hư vọng”. Lời nói này là hư giả. Này thiện nam! Tất cả pháp đều hư giả, Như Lai đã có thể nêu bày, vì thế Như Lai không là vọng ngữ. Tất cả các pháp là không tánh, không định, không thể, không duyên, không thể nói một cách quyết định, trống rỗng, không xuất, không diệt, không gọi là vật, không có tính cùng bất tính, như mộng như huyễn, như bóng trăng dưới nước, như sóng nắng, như âm hưởng của tiếng kèn, như thành Càn-thát-bà, như lông rùa, sừng thỏ, như thể của tham sân si, không có chân thật, do nhân giác quán sai lầm mà phát sinh ra, xưa không nay có, từ có trở về không.

Này thiện nam! Tất cả chúng sinh không nhận biết tướng ấy nên mới nói: “Sa-môn Cù-đàm nói hai cách, hư vọng mà nói”.

Như Lai tuy nói mười loại chúng sinh, người có lòng tin thì có khả năng trừ diệt các tội, kẻ không sinh lòng tin thì nhập vào địa ngục.

Này thiện nam! Nếu người nào có tội, có khả năng quán pháp tướng như vậy thì họ được gọi là người có lòng tin, có khả năng trừ diệt các tội. Nếu ai không thể quán như vậy thì gọi là người không có lòng tin, là người của địa ngục.

Này thiện nam! Có pháp môn Đà-la-ni Sư tử hống nơi bậc trí vô thượng hồi phục nhĩ Vô sinh, vô biên thần túc, nếu có Đại Bồ-tát thành tựu đầy đủ Đà-la-ni này, ở giữa chúng hội tuyên nói một kệ thì có khả năng diệt trừ tất cả tà kiến, phá tâm và tâm số pháp điên đảo, lìa tất cả nghi, có thể diệt trừ tham, sân, si.

Này thiện nam! Nếu có người tạo đủ vô lượng tội, nghe pháp môn tổng trì này, trong vòng bảy ngày, chí tâm niệm Phật, không niệm tất cả việc của thế gian, các kiết sử phiền não, thì người ấy liền thấy tất cả âm, giới, nhập nơi ba đời trong ba cõi, giống như gió lớn. Người đó khi ấy tâm như gió quán tất cả pháp âm, giới, nhập nơi ba đời trong ba cõi đều không có chỗ nào vướng mắc, không thể tuyên nói. Đây gọi là người không vướng mắc nơi các âm, giới, nhập của ba cõi. Khi quán như vậy, ở trong ba cõi, không gọi là thanh tịnh, không gọi là bất tịnh, không gọi là giải thoát, không gọi là trói buộc, không gọi là đây, không gọi là kia, không gọi là phạm phu, không gọi là Thánh nhân, không gọi là đi, không gọi là trụ. Người này không bị rối loạn mê hoặc do pháp của hàng phạm phu, dứt mọi tướng chấp,

mọi điên đảo nơi tâm, nơi nhận thức, thấy năm dục lạc như gió, như hư không. Tuy theo pháp thể gian nói có năm dục nhưng trong tâm đều không bị nhiễm vương, không sinh, không diệt lại có khả năng đoạn trừ tất cả pháp ác.

Như trước Ta đã nói, đây là mười loại chúng sinh.

Này thiện nam! Do không hiểu nên Phạm chí này nói: “Sa-môn Cù-đàm nói hai loại, nói những lời hư vọng”.

Này thiện nam! Nếu ai có khả năng quán pháp tướng này thì người ấy liền chứng đắc pháp nhãn Vô sinh. Nếu ai đạt được nhãn này thì nên biết người ấy chắc chắn thành tựu đạo quả Bồ-đề Vô thượng.

Nếu có thiện nam, thiện nữ nào đạt được pháp môn Đà-la-ni này, tâm vui mừng tán thán, nhớ ơn Tam bảo, hết lòng cúng dường thì người ấy sẽ được tất cả hàng trời, người cúng dường, cũng được hàng trời, người, bốn đại Thiên vương ủng hộ. Mặc dù chưa được giải thoát, nhưng cũng có khả năng trừ diệt tất cả trọng tội, nghiệp chướng, phiền não chướng, báo chướng, pháp chướng, thậm chí ngay trong giấc mộng cũng không đánh mất tâm Bồ-đề, đạt được đầy đủ bốn trí vô ngại, không bị cấu nhiễm theo pháp thể gian, giống như hoa sen, lìa mọi sợ hãi, đại oán, bốn ma không thể tạo ác, có khả năng làm tăng trưởng pháp thiện. Hễ người ấy nói gì, mọi người đều ưa thích nghe nhận, ai thấy liền sinh lòng thương mến, được thương mến thì có thể được cứu giúp, xa lìa tà thư, không thân với bạn ác, thân không mang bốn trăm lẻ bốn thứ bệnh, có khả năng cứu giúp mọi khổ hoạn của chúng sinh, thường ban phát cho họ mọi sự an lạc, tùy ý thọ sinh, các căn hoàn bị, đủ bốn tâm vô lượng, không gì có thể lay chuyển. Thấy những người sợ hãi, tâm khởi thương xót nghĩ đến như cha mẹ, thường được muôn loài ưa nhìn thương mến, tuy không tham lợi nhưng được mọi người cúng dường, xa lìa năm thứ che ngăn, luôn thuận theo pháp thiện. Nếu theo nhân duyên bất thường tạm thời ngủ nghỉ, thì ngay trong giấc mộng tức thấy Như Lai cùng chư Bồ-tát trong mười phương.

Bồ-tát như vậy ban đầu chưa nghe pháp, thấy đều được nghe, phân biệt pháp mười thiện với pháp mười ác, chỉ bày mọi khổ não của sinh tử, mở ra phương tiện lớn, nói giới Bồ-tát. Khi nghe pháp rồi, sinh tâm mừng vui, tin tưởng. Do nhân duyên này nên khi chết, tâm không thoái chuyển, không sinh sợ hãi, được thấy chư Phật trong mười phương, nói lời không sai lầm, xả bỏ thân mạng liền được sinh vào cõi tịnh diệu, thấy Phật, nghe pháp, thường thân gần Phật, tu năm thần thông, sự tu tập tự nhiên sinh khởi,

không do người khác mà đạt được, thường được hóa sinh, không do ba ác, luôn được thấy Phật, ưa nghe chánh pháp, cúng dường chúng Tăng. Vì sao? Nay thiện nam! Vì pháp môn Đà-la-ni này là do tất cả chư Phật ở quá khứ, vì muốn diệt trừ tội chướng của chúng sinh trong đời xấu ác nên đã nói ra. Chư Phật quá khứ đều thấu rõ một cách rõ ràng các chúng sinh ác ở đời vị lai không hay thân gần các tri thức thiện, xa lìa chánh đạo, đi trong tối tăm, tu tập tà kiến, thường bám giữ trong trọng bệnh phiền não, bỏ đạo Bồ-đề. Do nhân duyên ấy, chư Phật quá khứ đều cùng diễn nói Đà-la-ni này.

Nay thiện nam! Hoặc có mười phương chư Phật nơi hiện tại cũng cùng nhau diễn nói Đà-la-ni này. Hoặc mười phương chư Phật nơi vị lai cũng cùng tuyên nói Đà-la-ni này. Tất cả đều vì muốn diệt trừ tội nghịch của Phạm chí Trục Đạo.

Khi ấy, Đức Thế Tôn bảo Phạm chí Trục Đạo:

– Nay thiện nam! Ông nói thân năm đại của chúng sinh, đó là năm âm, mười hai nhập, mười tám giới. Từ trong năm âm này cho đến mười tám giới, chúng sinh điên đảo sinh khởi ngã tưởng. Do nơi ngã tưởng mà lưu chuyển trong sinh tử, giống như bánh xe. Vì nhân duyên bốn điên đảo ấy, chúng sinh sinh ra tối tăm, chết cũng tối tăm, chịu vô lượng khổ, xa lìa sự an lạc nơi hàng trời, người, cùng cái vui vô thượng, tâm không hổ thẹn, không trí tuệ chánh tín, vì thế nên nói bốn đại, năm âm, mười hai nhập, mười tám giới, là ngã, ngã sở.

Nay thiện nam! Nay Ta hỏi ông, tùy ý ông trả lời: Pháp đại địa của ông tức là ngã, ngã sở phải không?

– Không phải, bạch Thế Tôn! Nhân nơi địa đại thì liền có ngã.

– Nay thiện nam! Nếu theo địa đại mà có ngã, thì ngã tức địa, địa là ngã. Thế nên địa cũng gọi là địa, mà cũng gọi là ngã, cũng gọi là chúng sinh, cũng gọi là thọ mạng, cũng gọi là dục khí, cũng gọi là tăng trưởng, cũng gọi là sĩ phu, cũng gọi là ma nạp, cũng gọi là tạo tác, cũng gọi là khiến tạo tác, cũng gọi là khởi, cũng gọi là khiến dậy khởi, cũng gọi là nói, cũng gọi là khiến nói, cũng gọi là thọ nhận, cũng gọi là khiến thọ nhận, cũng gọi là biết, cũng gọi là khiến biết. Các đại còn lại cùng pháp giới nhập cũng như vậy.

Nay thiện nam! Tất cả các đại - âm, giới, nhập đều không gọi là ngã, cho đến khiến biết cũng đều không gọi là ngã.

Nay thiện nam! Tất cả các đại - âm, giới, nhập quá khứ, hiện tại, vị lai chẳng phải là ngã, ngã sở. Thế nên, các đại - âm, giới, nhập là không thể

nắm bắt, không sinh, không diệt, không tạo tác, không thể thấy nghe.

Này thiện nam! Nhãn không, sắc không, nhãn thức không, nhân duyên của ba pháp xúc chạm nhau cũng không, nhân duyên của bốn pháp thọ nhận cũng không. Vì vậy, tất cả các pháp không có chủ, không được tự tại, không bị không thử.

Này thiện nam! Như vậy, các đại - âm, giới, nhập chẳng phải nam, chẳng phải nữ. Tâm, tâm số pháp không gọi là nam, không gọi là nữ. Do nhân duyên đó, tất cả các pháp đều như hư không, sinh diệt ngay trong từng niệm, không có tự tánh, giống như ánh sáng của làn chớp không thể nói được. Nếu ai giết người, mắc vào tội sát sinh, thì người ấy ngay hiện tại thân tâm đều mắc tội, thân tâm quá khứ mắc tội, thân tâm vị lai cũng mắc tội.

Phạm chí nói:

– Bạch Thế Tôn! Quá khứ đã diệt, vị lai chưa sinh, hiện tại không trụ.

Phật nói:

– Vì lý do ấy nên mới không có tội giết. Nếu nói có tội giết thì sao gọi là giết? Địa không giết địa. Tất cả các đại - âm, giới, nhập còn lại cũng như vậy.

Phạm chí nói:

– Bạch Thế Tôn! Do nhân duyên tâm ác nên mới gọi là giết? Phật nói:

– Này thiện nam! Tại sao ông lại nói là do tâm ác nên mới gọi là tội giết? Tâm ác này trụ ở đâu? Ở cõi Dục, cõi Sắc hay cõi Vô sắc? Ở hư không, cõi ý, cõi hữu vi, cõi vô tướng, cõi hữu lậu, cõi vô lậu hay ở cõi hữu, cõi vô?

Này thiện nam! Nếu ai khởi lên tâm ác, tạo nên năm tội nghịch, vậy thì ai là người khởi lên tâm ác ấy? Tâm ấy, lấy gì làm tánh? Ai chuyển động tâm ấy tạo thiện và bất thiện? Trụ ở đâu mà tạo ra sự chuyển động này? Nếu không người tạo tác cùng không người lãnh nhận thì tại sao ông lại nói có ngã cùng ngã sở?

Lúc đó, Phạm chí im lặng không nói.

– Này thiện nam! Vì sao ông không đáp? Phạm chí nói:

– Bạch Thế Tôn! Nay con đã nhập được vào pháp môn này, thấy tất cả pháp là không tạo tác, không thủ, không trụ, không tánh, không thể, không thể nêu bày, giống như hư không, như dợn nắng, như mộng, như

huyền, như bóng trăng dưới nước. Bạch Thế Tôn! Tất cả các pháp không có nơi trụ, không bị không thử. Vì vậy, nay con im lặng không đáp.

Phật nói:

– Lành thay! Lành thay! Nay thiện nam! Đây chính là pháp môn Đà-la-ni Sư tử hống bậc trí vô thượng, hồi phục nhữ Vô sinh, vô biên thần túc, đoạn tất cả khổ, nhập vào môn đại trí, là hạnh đầu tiên của đạo Bồ-đề, đoạn hai loại sinh, xa lìa phiền não trần cấu. Pháp này không cùng chung với tất cả các hàng Thanh văn, Phật-bích-chi.

Nay thiện nam! Nay ông được nhập vào pháp môn ấy, sinh tín tâm lớn, dần dần sẽ được tiêu trừ hết. Mặc dù ông giết cha giết mẹ nhưng chỉ mắc nghiệp nặng, chứ không mắc tội nghịch.

Phạm chí nghe rồi, tâm hết sức vui mừng, liền tới trước Phật đánh lễ, quỳ dài chấp tay, bạch:

– Bạch Thế Tôn! Do con ương bướng, tôi tăm, chê bai lời Phật nói, nay mắc phải tội nghịch cùng lỗi hủy báng Phật. Đứng trước Như Lai, con thành tâm xin sám hối.

– Nay thiện nam! Ông muốn giữ lại phần dư tội này phải không?

– Bạch Thế Tôn! Sao gọi là phần dư?

– Nay thiện nam! Mặc dù sinh hồ thẹn, phát lồ sám hối nhưng nếu ông không phát tâm cầu đạt đạo quả Bồ-đề Vô thượng thì gọi là phần dư. Còn nếu có khả năng thương xót tất cả chúng sinh, phát tâm cầu đạt đạo quả Bồ-đề Vô thượng thì gọi là vô dư. Người ấy cũng có khả năng đoạn dứt bốn điên đảo, cũng đạt Thánh trí, thân gần phạm trụ, tăng trưởng pháp thiện, căn lành kiên cố, mặc dù duyên tan nhưng không thể khiến cho lui mất, đạt trí vô ngại.

Khi ấy, Phạm chí Trục Đạo cùng vô lượng na-do-tha chúng sinh bạch Phật:

– Bạch Thế Tôn! Ngày nay chúng con hết lòng thương xót mọi loài, vì tất cả chúng sinh phát tâm cầu đạt đạo quả Bồ-đề Vô thượng, sám hối những việc làm trước. Cúi mong Như Lai đại từ thương xót mà chấp nhận lời sám hối, lời phát nguyện chân thành của chúng con.

Như Lai đã vì chúng con giảng nói pháp môn Đà-la-ni Sư tử hống bậc trí vô thượng, hồi phục nhữ Vô sinh, vô biên thần túc. Pháp môn Đà-la-ni này chẳng cùng chung với các hàng Thanh văn, Phật-bích-chi. Mặc dù có cùng chung đi nữa, con cũng không cầu.

Nay con chỉ cầu Như Lai về pháp môn Đà-la-ni vô thượng trí đệ nhất nghĩa để có khả năng trang nghiêm tất cả pháp thiện, tất cả pháp thế gian, trí vô thượng của Phật, ban bố sự không sợ hãi, các Đà-la-ni, vì đại chúng mà tăng trưởng pháp thiện, không để quên mất sự thọ trì, có khả năng phá trừ bốn điên đảo, thành đạo Bồ-đề, hủy hoại mọi kiết sử cùng các nghiệp ác.

Đà-la-ni này chính là khối báu lớn Tam-muội vô thượng của các vị Bồ-tát. Chính vì điều này, nên có thể khiến cho tâm Bồ-tát không thoái chuyển, hướng đi rõ ràng, cả ngay trong giấc ngủ. Nếu có ai trong các chúng Sa-môn, Bà-la-môn, Sát-lợi, tâm không sợ hãi, thường thích ban ơn, siêng hành trì tinh tấn, xa lìa tất cả nghiệp ác, nghiệp bất thiện thì có khả năng khiến kẻ oán địch sinh lòng vui vẻ, lìa mọi phóng dật, tà thư, tà kiến cùng tri thức ác, và cũng có khả năng điều phục những người ấy; thường có thể diễn nói pháp môn vô ngại, khiến người giảng nói không có bệnh khổ cùng các việc ác, không bị các ma có cơ hội quấy phá, thường biết đời trước, được thân hóa sinh, lìa các bạn xấu ác, luôn được thân gần chư Phật trong mười phương, nghe nhận chánh pháp, cúng dường chúng Tăng.

Bạch Thế Tôn! Pháp môn Đà-la-ni này gọi là kho tàng bí mật của tất cả các vị Đại Bồ-tát. Cúi xin Như Lai sinh lòng thương xót mà phân biệt giảng nói.

Phật nói:

– Lành thay! Lành thay! Nay thiện nam! Đà-la-ni này đều có khả năng thành tựu vô lượng pháp thiện. Ta sẽ như pháp giảng nói. Ông hãy lắng nghe.

Khi ấy, Đức Thế Tôn liền nói: Ba ly, ca ly, ba ca ly, đa ca ly, đà la tỷ phiệt đề, ba la bán giá na nục khư, ba la chu ma nê, ba la nê, tỷ nhĩ phiệt đề, phiến ba la na nhân đề lê, xa lìa sắc hương vị, xa lìa điên đảo, có thể thiêu đốt tất cả độc, có thể xa lìa tất cả ác quỷ, các bệnh đường dữ, pháp môn vô ngại, pháp môn cụ túc, pháp môn chân thật trí, tâm vô ngại, thí đại pháp, thí pháp đầy đủ có thể phá trừ năm thứ ngăn che, tá ha.

Nay thiện nam! Nếu các hàng đệ tử Phật: Tỳ-kheo, Tỳ-kheo-ni, Ưu-bà-tắc, Ưu-bà-di thọ trì chú Đà-la-ni này, đọc tụng, biên chép, hoặc tám ngày trong tháng tắm rửa sạch sẽ, mặc y phục mới, tâm tư thanh tịnh, ở trước Phật, trước tượng, trước tháp, trước xá-lợi đọc tụng ngàn biến, dùng lụa gút một trăm lễ tám gút, quấn trên đầu, thì người này nếu đi cùng những kẻ ác, có khả năng khiến cho tất cả chúng ác không thấy hình mình, ngủ

không có mộng ác. Đó là một câu Đà-la ni.

Này thiện nam! Lại có một câu, đó là: Tuy mê, ưu mê, u mê, phả lam mê, ưu ba xà nghệ, câu tề, phiệt xà, không mất ý, tâm kiên cố, điện tâm như pháp trụ, thứ đẳng trụ, có thể sinh Như Lai trí quang, vị tỳ đầu mật, tâu bát, vô ngại, tịch tĩnh, niệm tâm tăng trưởng, tá-ha”.

Nếu có thiện nam, thiện nữ nào thọ trì câu Đà-la ni này, đọc tụng, biên chép, ở trước Phật, trước tượng, trước tháp, trước xá-lợi đọc tụng ngàn biến, uống nước mật đen trên chóp sen, trong một ngày có khả năng đọc tụng một ngàn câu, tất đạt được trí biết tâm tư người khác.

Này thiện nam! Nếu có thiện nam, thiện nữ nào, Tỳ-kheo, Tỳ-kheo-ni, Ưu-bà-tắc, Ưu-bà-di nào ở nơi yên vắng, như pháp thành tâm thực hành Đà-la-ni này, thì người ấy không quá bảy ngày sẽ đạt được Tứ thiền, phá tan sự ràng buộc của dục giới, thấy được mười phương Phật, đắc Tam-muội Như chứng ý, có khả năng giáo hóa chúng sinh, diệt trừ tất cả chướng: nghiệp chướng, báo chướng, phiền não chướng; có thể khiến các căn chúng sinh thanh tịnh, có khả năng thiêu đốt tất cả mọi ràng buộc, phiền não, điên đảo của chúng sinh, thân gần, trụ nơi đạo Hiền thánh, không thể khiến thoái chuyển Bồ-đề, thân gần Nhất thiết trí, không theo tha nhân, sinh khởi trí tuệ, đạt được pháp môn vô ngại, vô úy của tất cả chư Phật trong ba đời.

Do diệu lực nơi nhân duyên của Tam-muội này được phát khởi, nên có khả năng làm thanh tịnh tất cả chúng sinh ác, chóng đạt đạo quả Bồ-đề Vô thượng.

Khi Phật giảng nói Đà-la-ni này xong, trong chúng hội có tám vạn bốn ngàn na-do-tha chúng sinh đạt được Đà-la-ni ấy, tám na-do-tha chúng sinh trừ được nhân duyên tạo trọng nghiệp, đắc nhãn như pháp. Vô lượng chúng sinh chưa phát tâm Thanh văn thì khiến được phát tâm, chưa phát tâm Duyên giác thì khiến được phát. Vô lượng chúng sinh chưa phát tâm Bồ-đề Vô thượng thì khiến được phát. Vô lượng chúng sinh đạt được sự không thoái chuyển nơi tâm Bồ-đề.

Bấy giờ, Đại Bồ-tát Đại Văn Mật Tạng bạch:

– Bạch Thế Tôn! Vào đời vị lai, nếu có các hàng Tỳ-kheo thọ trì, đọc tụng kinh Đại Văn này, họ sẽ được công đức như thế nào? Lại có thể trừ diệt các phiền não như thế nào? Có khả năng xa lìa quả báo như thế nào? Lại đạt được diệu lực của trí tuệ như thế nào? Và khi nào sẽ đạt trí tuệ Đại thừa, có khả năng vượt qua biên cả của sự sống chết vô biên? Khi nào sẽ

chuyển bánh xe chánh pháp vô thượng, ban bố khắp chúng sinh pháp nhãn thanh tịnh?

Phật nói:

– Nay thiện nam! Với nghĩa như vậy, Ta không cần trả lời.

Bồ-tát Đại Văn Mật Tạng thưa thỉnh ba lần, Phật vẫn không trả lời.

Lúc này, Bồ-tát Văn-thù-sư-lợi bạch Phật:

– Bạch Thế Tôn! Kinh điển này nên giao phó cho ai để điều phục những chúng sinh xấu ác nơi đời sau? Bạch Thế Tôn! Vào đời vị lai, nếu có những hàng Sát-lợi Chiên-đà-la, Bà-la-môn, Tỳ-xá, Thủ đà Chiên-đà-la cùng với bốn bộ chúng hoặc có người khi chưa nghe kinh này, hoặc đã từng làm việc ác, do nghiệp duyên ấy phải chịu quả báo nơi ba nẻo ác trong suốt vô lượng năm. Cúi mong Như Lai hãy vì những hàng như: Chiên-đà-la v.v... ấy mà diệt trừ quả báo của nghiệp ác. Do nơi quả ấy, kinh điển xin giao phó cho thị giả.

Phật nói:

– Nay Bồ-tát Văn-thù-sư-lợi! Sau khi Ta Niết-bàn, tại thế giới của Phật này, dòng dõi vua chân chánh đoạn diệt không còn, khi đó kẻ xấu ác sẽ lên làm vua. Kẻ ác này đoạn diệt pháp vương chân chánh, kiêu mạn, ganh ghét, tâm không hổ thẹn, nhiều thói buông lung, chẳng phải nơi nương tựa làm nơi nương tựa. Những đại thần, trưởng giả, Bà-la-môn, Sa-môn trong nước này cũng như vậy: phá giới, tham lam keo kiệt, tâm không hổ thẹn, đủ mười pháp ác, không tin Tam bảo, không tâm cúng dường, không chịu thỉnh cầu lại thường ưa nói là không nhân không quả.

Đại Bồ-tát thấy những chúng sinh trong nước này quen làm việc ác như vậy, bèn dời đến cõi tịnh ở một phương khác. Khi các vị Bồ-tát đã dời đi rồi, tại thế giới này đời ác thời ác nổi lên dữ dội, chúng sinh nhiều bệnh tật, gạo lúa khan hiếm, chiến tranh xảy ra vô cùng tàn khốc. Đây chính đều do chúng sinh không biết sự vừa đủ.

Nay thiện nam! Ta sẽ giao phó kinh điển này cho ai? Và ai có khả năng phân biệt giảng nói cho những chúng sinh xấu ác ấy?

Nay thiện nam! Nếu ai có khả năng không tiếc thân mạng, chịu đựng sự đói khát, mọi sự khổ não, mắng chửi, đánh đập thì người ấy vào đời vị lai mới có khả năng lưu hành kinh này rộng khắp. Nếu có người như thế, Ta sẽ đem chánh điển vô thượng giao phó cho họ.

Khi ấy, trong chúng hội có một Bồ-tát tên Vô Úy Công Đức Tật

Hành, từ chỗ ngồi đứng dậy, đầu mặt đánh lễ, quỳ dài rồi bạch:

– Bạch Thế Tôn! Con có khả năng chịu đựng vô lượng khổ: hoặc chặt tay chân, hoặc đập đầu chảy máu, hoặc đói khát, lạnh nóng, đánh, mắng, cả đến những thống khổ ở ba đường ác trong vô lượng kiếp để làm công việc truyền bá rộng khắp kinh điển này của Như Lai. Con có thể đi qua mọi đại thành, thôn ấp, xóm làng trong thế giới của Như Lai, hoặc thế giới rồng, hoặc thế giới quỷ để truyền bá kinh này. Vì muốn đoạn trừ bốn điên đảo cho chúng sinh, con sẽ khiến họ tri giới, siêng năng tinh tấn, đầy đủ chánh kiến, thành tựu Sáu pháp Ba-la-mật, đạt Bồ-đề Vô thượng.

Phật nói:

– Lành thay! Lành thay! Nay thiện nam! Như lời nguyện của ông, ông đều có khả năng làm được, có thể khiến cho vô lượng chúng sinh làm các Phật sự.

Nay thiện nam! Sự thệ nguyện của ông có thể đạt đầy đủ Sáu pháp Ba-la-mật, chóng thành đạo quả Bồ-đề Vô thượng.

Nay thiện nam! Mặc dù có vô lượng đại chúng ở đây, nhưng thật khó có ai được như ông và cũng khó có được những ai ở đời vị lai thọ nhận những lời của ông. Những ai khó thọ nhận ấy, mà lại sinh lòng tin sâu xa, tri đọc, tụng nói, phân biệt chỉ dạy, cũng khó có được. Nếu vào đời vị lai, ai có khả năng thọ trì, đọc tụng, giảng nói, biên chép, ưa thích chỉ dạy thì người ấy đạt được mười thứ công đức. Đó là:

-Thân thường không bệnh.

Không cầu cúng dường y phục, đồ ăn, thức uống, tọa cụ, thuốc men mà tự nhiên được có.

Không cầu thiện hữu mà được thân gần.

Được chư Phật trong mười phương thương yêu, nhớ nghĩ.

Khi nói pháp, mọi người ưa nghe nhận.

Đạt được các pháp chỉ, quán.

Đầy đủ nghĩa của thế gian và xuất thế gian.

Thân tâm vắng lặng.

Tăng trưởng lòng tin Tam bảo.

Đạt được Đà-la-ni vô thượng.

Nay thiện nam! Mặc dù Ta nói mười thứ công đức ấy, nhưng nếu ai có khả năng dạy người sám hối, trừ diệt vô lượng tội ác thì cũng đạt được phước đức vô lượng.

Lại nữa, này thiện nam! Người này nếu vào đời vị lai có khả năng hết lòng thọ trì, đọc tụng, rộng nói cho người khác thì đạt được phước đức vô lượng. Sau khi chết, người này được thấy một cách rõ ràng chư Phật trong mười phương, được nghe mỗi vị nói: “Này thiện nam! Hãy sinh vào thế giới của Ta, nghe chánh pháp của Ta, đoạn dứt bốn điên đảo, diệt trừ các pháp ác, thành tựu Thánh trí, trụ nơi phạm trụ. Khi nhận lãnh giáo pháp của Ta rồi, thường được hóa sinh, đoạn ba đường ác, chóng đạt đạo quả Bồ-đề Vô thượng, cho đến được nhập vào Đại Bát-niết-bàn”.

Người ấy nghe rồi, sinh lòng vui mừng, liền được sinh vào các cõi Phật thanh tịnh.

Này thiện nam! Khi thọ trì pháp này, người ấy lúc sinh ra, các căn đầy đủ, sắc thân thù thắng, tất cả chúng sinh đều ưa thích nhìn, có lòng tin nơi Tam bảo, có khả năng thiết lễ cúng dường. Nếu nghe chánh pháp liền được giải thoát, phá trừ tất cả nghiệp, thọ trì chánh pháp, kiên trì không để mất, đạt được tất cả pháp môn Đà-la-ni, các Tam-muội của hàng Thanh văn, Duyên giác, Bồ-tát, có khả năng vượt qua đạo quả Thanh văn, Phật-bích-chi. Lại có thể giáo hóa vô lượng chúng sinh trụ nơi phạm trụ. Nếu ở đời vị lai có người thọ trì lời nói này sẽ được thành tựu công đức như vậy.

Bồ-tát Văn-thù-sư-lợi bạch:

– Bạch Thế Tôn! Vị Bồ-tát ấy có khả năng phát tâm khó đạt như vậy, thật đáng được đem giao phó kinh điển này.

Khi đó, Đức Thế Tôn nói với Bồ-tát Vô Úy Công Đức Tật Hành:

– Hôm nay Ta đem kinh này giao phó cho ông.

Bấy giờ, Bồ-tát Vô Úy Công Đức Tật Hành cùng vô lượng Bồ-tát kính vâng lời Phật dạy, nhận lãnh kinh điển này. Vô lượng Phạm thiên như Phạm Trụ v.v..., vô lượng Đế Thích như Cấm Mục v.v..., vô lượng quý thần như Tứ Thiên vương v.v..., vô lượng Long vương như Nan-đa Bà-nan-đa v.v... cũng đều cùng thọ trì. Vô lượng chúng sinh phát tâm cầu đạt đạo quả Bồ-đề vô thượng.



SỐ 389

KINH PHẬT THUYẾT BÁT NIẾT BÀN LƯỢC THUYẾT GIÁO GIỚI

(CÙNG GỌI LÀ KINH PHẬT DI GIÁO)

*Hán dịch: Đời Diêu Tân, Tam tạng
Pháp sư Cư Ma La Thập.*

Đức Phật Thích Ca Mâu Ni, chuyển vận bánh xe chánh pháp lần đầu tiên hóa độ Tôn giả Kiều-trần-như, thuyết pháp lần cuối cùng hóa độ Tôn giả Tu-bạt-đà-la. Những người có thể hóa độ, đều đã hóa độ tất cả. Hôm nay, trong rừng Ta-la, giữa cây Song thọ, Phật sắp nhập Niết-bàn. Bấy giờ là lúc giữa đêm, hoàn toàn yên lặng, không một tiếng động, Phật đã vì các đệ tử nói tóm tắt những điều cốt yếu của chánh pháp:

– Nay các Tỳ-kheo! Sau khi Ta diệt độ, các vị phải trân trọng tôn kính tịnh giới, như mù tối mà được mắt sáng, nghèo nàn mà được vàng ngọc. Phải biết tịnh giới là đức thầy cao cả của các thầy. Nếu Ta ở đời thì cũng không khác gì tịnh giới ấy.

Giữ tịnh giới thì không được buôn bán, dối chác, sắm sửa đất nhà, nuôi người, tôi tớ và súc vật, lo việc gieo trồng, kinh doanh tài sản, vật báu. Tất cả việc này, hãy tránh như tránh hầm lửa. Kể cả việc chặt phá cỏ cây và đào cuốc đất đai. Những việc chế thuốc thang, coi bói tướng, xem thiên văn, đoán thời tiết, tính lịch số, đều không thích hợp với các vị. Các vị hãy tiết chế cơ thể, ăn đúng thì giờ, sống bằng cách sống trong sạch, không được tham dự thế sự, lãnh sứ mạng liên lạc. Chú thuật, thuốc tiên, giao hảo với hàng quyền quý và thân thiết với họ rồi hèn hạ, ngạo mạn, tất cả đều không được làm. Phải tự đoạn nghiêm tâm, chánh niệm cầu đạt giải thoát. Không được che giấu lỗi lầm, tỏ ra kỳ dị để mê hoặc quần chúng. Đối với bốn sự hiển cúng thì phải biết tự lượng và biết vừa đủ. Hễ được hiển cúng thì không nên tích trữ.

Đó là Ta nói tóm tắt về sự giữ giới. Giới chính thuận với căn bản của giải thoát, nên Ta mệnh danh là Ba-la-đề-mộc-xoa. Nhờ giới mà phát sinh

thiền định, và trí tuệ có năng lực hủy diệt mọi thứ thống khổ.

Thế nên, các Tỳ-kheo, hãy giữ tịnh giới, đừng hủy phạm, thiếu sót. Ai giữ tịnh giới thì người đó có được pháp thiện. Không có tịnh giới thì mọi công đức không thể phát sinh. Do đó mà biết tịnh giới là chỗ yên ổn nhất, làm nơi trú ẩn cho mọi thứ công đức.

Này các Tỳ-kheo! Đã ở trong tịnh giới thì phải chế ngự năm thứ giác quan, không cho phóng túng vào trong năm thứ dục lạc. Như kẻ chăn bò, cầm gậy mà coi giữ, không cho phóng túng, phạm vào lúa má của người. Phóng túng năm thứ giác quan thì không những chỉ có năm thứ dục lạc, mà nhiều lĩnh vực khác, không thể cầm chế. Như con ngựa hung hãn mà không được chế ngự bằng dây cương, thì sẽ mang người lao xuống hầm hố. Giác cướp làm hại, khổ chỉ một đời, còn giặc giác quan thì gây họa đến nhiều kiếp, tai hại rất nặng, các thầy không thể không cẩn thận. Thế nên người có trí thì chế ngự mà không theo, giữ như giữ giặc, không cho phóng túng. Giả sử phóng túng năm thứ giác quan, thì cũng không bao lâu, ta sẽ thấy chúng tàn diệt tất cả.

Năm thứ giác quan này, tâm là chủ. Vì thế các vị phải chế phục tâm. Tâm còn đáng sợ hơn cả rắn độc, thú dữ, giặc thù, lửa dữ bùng cháy lan tràn cũng chưa đủ để ví dụ tâm. Như một kẻ tay bưng bát mật mà chuyển động chạy nhảy, chỉ thấy bát mật chứ không thấy hổ sâu, như thế không khác gì voi điên mà không có móc sắt, vượn khỉ mà được cây rừng, thì sẽ hung hăng vọt nhảy, khó mà ngăn cản; các vị phải cấp tốc chế ngự, thân giữ, đừng cho phóng túng. Phóng túng tâm ra thì làm tan nát việc thiện của người. Chế ngự tâm lại một chỗ thì không việc gì là không thành. Thế nên, các Tỳ-kheo, hãy nỗ lực tinh tiến mà điều phục tâm mình.

Này các Tỳ-kheo! Thọ dụng đồ ăn thức uống, hãy coi như việc uống thuốc; ngon không ham, dở không bỏ; vừa đủ để duy trì cơ thể cho khỏi đói khát. Như ong lấy hoa, chỉ lấy mùi vị mà không làm tổn thương hương sắc. Người xuất gia cũng vậy, thọ dụng đồ cúng dường của người vừa khỏi đói khát thì thôi; không được ham cầu cho nhiều, phá vỡ niệm thiện của họ – hãy bắt chước kẻ khôn ngoan, biết lượng sức lực con trâu của mình chịu đựng nhiều ít, không dùng quá sức, đến nỗi kiệt lực.

Này các Tỳ-kheo! Ban ngày thì nỗ lực thực tập pháp thiện, không để thì giờ lướt mắt, đầu đêm, cuối đêm cũng đừng phế bỏ, giữa đêm lại phải tụng niệm để tự tiêu trừ sinh trưởng. Đừng vì lý do ngủ nghỉ mà để đời mình trôi đi, không được một chút ích lợi. Hãy nhớ ngọn lửa vô thường đốt

cháy thể gian, để sớm cầu tự độ, đừng ham ngủ nghỉ. Giác phiền não thường rình giết ta, dữ hơn kẻ thù, tại sao ta có thể ngủ nghỉ mà không tự cảnh giác? Phiền não ngủ trong tâm, cũng như rắn hổ mang màu đen nằm ngủ trong nhà, các vị phải dùng móc sắt giữ giới mà cấp tốc móc kéo nó ra. Rắn ngủ ra rồi mới nên yên tâm ngủ nghỉ. Không ra mà ngủ thì thật là kẻ không biết hổ thẹn. Sự hổ thẹn là phục sức đẹp nhất trong mọi thứ phục sức; như cái móc sắt, sự hổ thẹn có năng lực chế ngự mọi thứ phi pháp của con người. Thế nên, các Tỳ-kheo, hãy luôn luôn biết hổ thẹn, đừng bao giờ bỏ, dầu chỉ tạm thời mà thôi. Mất hổ thẹn là mất công đức. Có hổ thẹn là có pháp thiện, không hổ thẹn thì không khác chi cầm thú.

Này các Tỳ-kheo! Nếu ai cắt xả thân thể các vị ra từng mảnh từng đoạn, phải tự kiểm chế tâm mình, đừng cho giận dữ. Lại phải giữ lấy miệng lưỡi, đừng để phát ra lời tiếng không tốt. Tâm giận dữ nổi lên là tự hại đạo nghiệp, hư mất công đức. Đức tính của nhân, giữ giới và khổ hạnh không thể sánh bằng. Thực hành đức nhẫn mới được mệnh danh là bậc thượng nhân có sức mạnh. Kẻ nào không thể tiếp nhận cái độc nhục mạ một cách hoan hỷ như uống nước cam lồ, kẻ ấy không thể được ca tụng là người nhập đạo có trí. Tại sao? Vì giận dữ thì phá hủy hết thầy pháp thiện và sự nổi tiếng đáng quý, hiện tại vị lai không ai muốn nhìn. Sự giận dữ hơn cả ngọn lửa ác liệt, vì thế mà các vị phải đề phòng một cách thường trực, đừng cho xâm nhập tâm trí. Giác cướp công đức, không chỉ hơn giận dữ. Thế gian thọ hưởng dục lạc, không phải kẻ hành đạo, không có phương pháp để tự khống chế, thế nên giận dữ thì còn có thể tha thứ được. Còn người xuất gia hành đạo là kẻ loại bỏ dục vọng, vậy mà giận dữ thì thật chẳng thích hợp; không khác chi giữa bầu trời mây trong mát mà sấm sét nổi lửa, là điều không thích hợp.

Này các Tỳ-kheo! Hãy tự xoa đầu mình: đã bỏ sự trang sức và đồ tốt đẹp, mình mặc áo hoại sắc, tay cầm đồ thích ứng, khát thực để sống; tự thấy như vậy mà kiêu ngạo còn nổi lên, thì phải cấp tốc ngăn chặn, dứt bỏ. Tăng thêm kiêu ngạo là điều mà thế nhân còn không nên có, huống chi người xuất gia nhập đạo là kẻ vì giải thoát, tự giáng mình xuống mà đi khát thực?

Này các Tỳ-kheo! Tâm lý đua nịnh quanh co trái ngược đạo pháp, thế nên các vị phải khiến tâm mình luôn chất trực. Phải ý thức là đua nịnh quanh co chỉ để dối trá, mà người nhập đạo thì không thể như vậy. Vì thế cần phải giữ tâm mình luôn ngay thẳng, lấy đức tính chất trực làm căn bản.

Này các Tỳ-kheo! Phải biết kẻ muốn nhiều, vì nhiều sự cầu lợi, nên

khổ não cũng nhiều. Còn ít muốn thì không cầu tìm, không dục vọng, nên không có cái họa đó. Chỉ có như thế mà thôi, sự ít muốn cũng đã phải thực tập, huống chi sự ấy còn đem lại đủ các công đức. Người ít muốn thì không đua nịnh quanh co để cầu được lòng người, cũng không bị các giác quan lôi kéo. Thực hành đức tính ít muốn thì lòng bình thản, không lo sợ, gặp cảnh ngộ nào cũng thấy thừa thãi, không bao giờ có cảm giác thiếu thốn. Có ít muốn là có Niết-bàn. Đó là hạnh ít muốn.

Này các Tỳ-kheo! Muốn giải thoát khổ não thì hãy cứ xét sự biết đủ. Chính sự biết đủ là giàu sang, vui thú và yên ổn. Biết đủ thì nằm trên đất cũng thấy vui thú, không biết đủ thì dù ở thiên đường cũng vẫn bất mãn. Không biết đủ thì giàu mà nghèo, biết đủ thì nghèo mà giàu. Không biết đủ thì luôn luôn bị cả năm thứ dục lạc lôi kéo, làm cho người biết đủ phải xót thương. Đó là hạnh biết đủ.

Này các Tỳ-kheo! Muốn cầu tịch tĩnh, vô vi và an lạc, hãy thoát ly mọi sự ồn ào và bối rối, ở đơn độc và sống một cách thư thái. Người ở yên tĩnh thì chúa trời Đế Thích và chư Thiên đều tôn kính.

Vì thế hãy thoát ly đồ chúng của mình và đồ chúng của người, ở đơn độc, thư thái và thanh vắng, dùng tư duy tu mà cắt đứt gốc rễ của đau khổ. Nếu thích đồ chúng thì sẽ bị đồ chúng quấy phá, như cây đại thọ mà cả bầy chim chóc tập hợp lại thì vẫn bị cái họa khô gãy. Thế gian ràng buộc, chìm ngập thống khổ, không khác gì voi già sa xuống bùn lầy, hết mong thoát khỏi. Đó là hạnh siêu thoát.

Này các Tỳ-kheo! Nỗ lực tinh tiến thì không có việc gì khó khăn. Thế nên các vị phải thực hành sự nỗ lực tinh tiến. Nước nhỏ mà chảy mãi thì có thể xuyên thủng cả đá. Nếu người hành đạo mà hay biếng nhác, phể bỏ, thì cũng như kéo lửa chưa nóng mà đã ngừng, dầu thiết tha muốn có lửa, lửa cũng khó mà có được. Đó là hạnh tinh tiến.

Này các Tỳ-kheo! Cầu thiện tri thức, cầu thiện hộ trì và cầu thiện hỗ trợ, đều không bằng không quên chánh niệm. Không quên chánh niệm thì giặc phiền não hết cách xâm nhập tâm trí. Thế nên các vị hãy luôn luôn tập trung chánh niệm lại nơi tâm trí. Mất chánh niệm là mất công đức. Nếu chánh niệm có năng lực vững mạnh, thì dầu phải vào trong đám giặc năm dục, cũng không bị chúng sát hại; tựa như tướng sĩ lâm trận mà mặc áo giáp lát đồng, thì không còn sợ hãi gì nữa. Đó là hạnh không quên chánh niệm.

Này các Tỳ-kheo! Tập trung tâm lại thì tâm ở trong thiền định. Tâm ở trong thiền định thì có thể thấu triệt các trạng thái chuyển biến của vũ trụ.

Vì thế phải luôn luôn tinh tiến, nỗ lực thực tập thiền định. Thiền định được thì tâm hết tán loạn. Tiếc nước thì phải đắp đê, sửa bờ cho khéo, hành giả cũng vậy, hãy vì nước trí tuệ mà thực hành thiền định để giữ cho nó khỏi chảy mất. Đó là hạnh thiền định.

Này các Tỳ-kheo! Có trí tuệ thì hết đam mê, luôn luôn tự thức tỉnh và tự dò xét, không để lỗi lầm có thể có được, như thế là trong chánh pháp của ta, người ấy có khả năng thực hiện giải thoát. Không như thế thì đã không phải xuất gia, lại không phải thế tục, không còn biết gọi là gì. Trí tuệ chân thật là chiếc thuyền chắc nhất vượt bể sinh, lão bệnh tử, là ngọn đèn sáng nhất đối với vô minh hắc ám, là thần dược cho mọi kẻ bệnh tật, là búa sắt chặt cây phiền não. Vì thế hãy dùng cái tuệ *Văn, Tu, Tu*, để tự tăng tiến ích lợi. Có trí tuệ soi chiếu, thì dầu mắt thịt, cũng vẫn là kẻ thấy rõ nhất. Đó là hạnh trí tuệ.

Này các Tỳ-kheo! Nếu hý luận đủ thứ thì tâm trí rối loạn. Như vậy, tuy đã xuất gia mà chưa được giải thoát. Thế nên hãy từ bỏ tức khắc sự hý luận làm rối loạn tâm trí. Các vị muốn thực hiện cái vui tịch diệt, thì chỉ có cách cấp tốc diệt trừ cái họa hý luận. Đó là hạnh không hý luận.

Này các Tỳ-kheo! Đối với mọi công đức, hãy thường xuyên nhất tâm tu tập, tránh sự phóng dật như tránh giặc thù. Thể hiện lòng đại bi, ta đã nói chánh pháp tạo lợi ích một cách rõ ràng. Các vị chỉ còn nỗ lực mà thực hành. Hoặc trong rừng núi, hoặc cạnh đầm vắng, hoặc dưới đại thọ, hãy ở một cách thư thái, trong tịnh thất nhỏ, nhớ và chiêm nghiệm chánh pháp đã tiếp nhận, đừng để quên mất. Hãy tự cố gắng một cách thường trực, tinh tiến mà tu tập, đừng để đời mình sẽ chết đi một cách vô ích, và sau này sẽ phải lo sợ, hối hận. Ta như vị lương y, biết bệnh mà nói thuốc, còn uống hay không, không phải lỗi của lương y. Lại như người dẫn đường tốt, chỉ dẫn đường tốt cho người, nhưng nghe rồi mà không đi, thì không phải lỗi của người dẫn đường.

Này các Tỳ-kheo! Đối với bốn chân lý, các vị còn hồ nghi chỗ nào thì có thể chất vấn tức khắc, không được giữ sự hồ nghi mà không cầu giải đáp.

Thế Tôn nói lên ba lần như vậy, nhưng không có ai chất vấn. Vì lẽ Tăng chúng không có ai còn hồ nghi gì nữa.

Bấy giờ, Tôn giả A-nâu-lâu-đà quan sát tâm trí Tăng chúng rồi bạch Phật:

– Bạch Thế Tôn! Mặt trăng có thể làm cho nóng lên, mặt trời có thể

làm cho lạnh đi, nhưng bốn chân lý mà Phật đã dạy thì không thể làm cho khác đi được. Phật dạy khổ thì thật là khổ, không thể làm cho vui lên; tập là nguyên nhân của khổ, thì không còn có nguyên nhân nào khác nữa; diệt là khổ diệt vì nguyên nhân đã diệt, mà nguyên nhân diệt thì kết quả cũng diệt; đạo là phương pháp diệt khổ nên thật là đạo, không có đạo nào khác hơn. Bạch Thế Tôn! Đối với bốn chân lý, các vị Tỳ-kheo đây đã quyết định, không còn hồ nghi.

Tăng chúng lúc ấy, những người việc làm chưa hoàn tất, thì thấy Phật diệt độ, hãy còn bi cảm. Những người mới vào chánh pháp, nghe Phật nói liền được hóa độ, như trong đêm tối mà điện chớp sáng là thấy ngay đường đi. Còn những người việc làm đã hoàn tất, đã vượt qua bể khổ, thì chỉ nghĩ rằng, Thế Tôn diệt độ sao mà mau chóng như vậy.

Do đó, Tôn giả A-nâu-lâu-đa tuy đã bạch Phật: Tăng chúng ai cũng thấu triệt bốn chân lý, nhưng Phật muốn làm cho tất cả đều được kiên định, nên vẫn đem tâm đại bi mà huấn dụ thêm nữa:

– Này các Tỳ-kheo! Không nên buồn rầu, nếu ta ở đời lâu đến một đại kiếp đi nữa, thì sự kết hợp nào rồi cũng sẽ phải tan rã – kết hợp mà không tan rã là điều không thể có được. Chánh pháp tự lợi, lợi tha đã có đầy đủ. Ta sống cho lâu cũng không còn ích lợi gì nữa. Ai có khả năng tiếp nhận hóa độ, thì ở trên chư Thiên hay ở trong nhân loại, ta đã hóa độ tất cả. Ai chưa thể tiếp nhận, hóa độ, thì ta cũng đã tạo yếu tố để hóa độ cho họ. Từ nay về sau, đệ tử của ta hãy lần lượt theo đây mà thực hành. Như thế là pháp thân của ta thường trú bất diệt.

Thế nên, này các Tỳ-kheo! Phải ý thức về toàn bộ cuộc đời luôn chuyển biến vô thường, có kết hợp thì cũng có tan rã, đừng lo buồn gì cả; ngược lại, cuộc đời như thế thì phải nỗ lực tinh tiến để sớm cầu tự độ, đem ánh sáng trí tuệ diệt trừ vô minh hắc ám. Vũ trụ quả thật mong manh, không một thứ chi bền vững. Ta được diệt độ thì cũng như trừ được cơn bệnh khủng khiếp. Đây là vật tội ác và đáng bỏ, giả hiệu là thân thể mà lại chìm ngập trong biển cả già bệnh sống chết, như thế người có trí tuệ ai lại không hoan hỷ khi trừ bỏ được thân này, như trừ bỏ kẻ thù?

Này các Tỳ-kheo! Hãy luôn nhất tâm, nỗ lực dốc cầu tuệ giác giải thoát. Toàn thể vũ trụ, dẫu pháp biến động hay pháp bất động, đều là trạng thái bất an và tan rã. Thôi, các vị hãy yên lặng, không nên nói nữa. Thì giờ sắp hết, ta muốn diệt độ.

Trên đây là những lời giáo huấn tối hậu của Như Lai.



KINH PHẬT LÂM NIẾT BÀN KÝ PHÁP TRỤ

*Hán dịch: Đời Đường, Tam tạng
Pháp sư Huyền Tráng.*

Tôi nghe như vậy:

Một thời, Đức Thế Tôn ở tại rừng Ta-la song thọ, vùng đất Lực sĩ, thuộc thành Ca-thi-na, cùng với vô lượng chúng Thanh văn, Đại Bồ-tát, chư Thiên, nhân, A-tổ-lạc v.v..., tất cả đại chúng trước sau vây quanh.

Bấy giờ, Đức Thế Tôn sắp nhập Niết-bàn, vì thương tưởng muôn loài nên với âm thanh từ hòa, bảo Tôn giả A-nan:

– Không bao lâu nữa, Ta sẽ nhập Niết-bàn. Tất cả pháp hữu vi đều phải hư hoại. Tất cả Phật sự đều đã viên mãn. Ta đã thuyết giảng pháp thoát ly sinh tử, pháp cam lồ vi diệu, pháp tự tại tối thượng và pháp cực kỳ an lạc. Pháp ấy sâu xa, vi diệu, khó hiểu, khó biết, không thể suy luận, vượt qua những phạm trù suy luận, pháp của các bậc đại Thánh đã tự chứng ngộ. Ta đã ba lần chuyển pháp luân vô thượng. Oai lực của pháp ấy đủ mười hai hành mà các Sa-môn, Bà-la-môn, Thiên, Ma vương, Phạm vương v.v... đều không có khả năng chuyển pháp luân chân thật như vậy được. Vì chư Thiên, nhân loại, Ta đã thổi kèn pháp lớn, đánh trống pháp lớn, thức tỉnh họ khỏi giấc ngủ trong đêm dài vô minh. Vì chư Thiên và nhân loại, Ta đã dựng ngọn cờ pháp, đốt ngọn đuốc pháp, chiếu khắp tất cả, trừ diệt tối tăm. Vì các hữu tình đang bị chìm đắm, Ta đã bắc cây cầu lớn, làm chiếc thuyền lớn, để đưa tất cả vượt qua dòng thác dữ. Vì các hữu tình, Ta rót dòng nước pháp, tuôn trận mưa pháp, làm cho tất cả cây cỏ khô héo đều được tươi tốt. Ta đã mở bày chỉ rõ con đường giải thoát chân chính, hướng dẫn những người lạc đường trong thế gian. Những hữu tình nào đáng được độ thì Ta đã độ xong, còn những hữu tình nào chưa được độ thì Ta cũng đã tạo điều kiện cho được độ. Ta đã hàng phục tất cả ngoại đạo, bẻ gãy tất cả tà luận, lật úp cung điện Ma vương, phá tan tất cả quân ma, gầm lên tiếng gầm sư tử để làm Phật sự lớn, thực hiện viên mãn thế nguyện của bậc trượng phu,

hộ trì pháp nhãn, làm cho không bị hư hoại, giáo hóa hàng Thanh văn, thọ ký cho Bồ-tát, làm cho Phật nhãn vô thượng tỏa sáng khắp thế gian, mãi đến đời vị lai, thường không đoạn tuyệt.

Này Tôn giả A-nan! Đối với chánh pháp vô thượng như vậy, các vị nên nỗ lực hộ trì, đừng để bị mai một. A-nan! Lúc này, các việc làm của Ta đã hoàn tất, chỉ còn hướng đến Niết-bàn.

Sau khi nghe Phật dạy, Tôn giả A-nan rất buồn bã, nghẹn ngào, hồi lâu mới thưa:

– Bạch Thế Tôn! Không biết là chánh pháp vô thượng mà Như Lai đã vì các chúng sinh, trải qua ba vô số kiếp dốc sức, khổ nhọc mới đạt được, sau khi Phật diệt độ, tồn tại ở đời được bao lâu để làm lợi ích cho chư Thiên, nhân loại, A-tổ-lạc v.v... rồi mới suy tàn?

Một lần nữa, lại với âm thanh từ hòa, Đức Thế Tôn bảo Tôn giả A-nan:

– Giáo pháp của chư Phật để lại đều như vậy. Tôn giả chớ nên sầu khổ. Sau khi Ta diệt độ, chánh pháp vô thượng sẽ tồn tại ở đời một ngàn năm để làm lợi ích cho chư Thiên, nhân loại, A-tổ-lạc v.v... sau đó mới suy tàn.

Này A-nan! Tôn giả nên biết, trong một trăm năm đầu sau khi Ta diệt độ, giáo pháp của Ta thuộc thời kỳ Thánh pháp vững chắc. Các đệ tử của Ta thông minh, trí tuệ, đa văn, biện tài vô ngại, có khả năng thâm phục các tà luận, đầy đủ đại thần lực, làm nhiều lợi ích cho chúng sinh. Do sự kiện này nên các chúng trời, rồng hoan hỷ, nỗ lực hộ trì; các hàng quốc vương, đại thần, trưởng giả, cư sĩ cũng vậy, họ hiểu rõ phước điền, có lòng tin sâu xa, thanh tịnh, cung kính cúng dường, tôn trọng, khen ngợi Phật, Pháp, Tăng.

Cuối một trăm năm sau đó, có vị đại quốc vương tên là A-du-ca ra đời, đầy đủ oai lực, làm vua châu Thiệm-bộ. Quốc vương này xây dựng tám vạn bốn ngàn ngọn tháp cao rộng, trang nghiêm để cúng dường xá-lợi của Ta, làm cho vô lượng chúng sinh thấy nghe đều hoan hỷ, gieo trồng nghiệp thiện, sinh thiên, giải thoát.

Vào một trăm năm thứ hai sau khi Ta Niết-bàn, giáo pháp của Ta thuộc thời kỳ Tịch tĩnh kiên cố. Các đệ tử của Ta thông minh, trí tuệ, đa văn, xứng đáng là bậc thầy của trời, người, đầy đủ đại oai đức, tạo nhiều lợi ích cho chúng sinh. Do sự kiện này nên các chúng trời, rồng hoan hỷ, nỗ lực hộ trì; các hàng quốc vương, đại thần, trưởng giả, cư sĩ cũng vậy, họ

hiếu rõ phước điền, có lòng tin sâu xa, thanh tịnh, cung kính cúng dường, tôn trọng, khen ngợi Phật, Pháp, Tăng.

Vào một trăm năm thứ ba sau khi Ta Niết-bàn, giáo pháp của Ta thuộc thời kỳ Chánh hạnh kiên cố. Các đệ tử của Ta chứng đắc tuệ - giải thoát, giải thoát trọn vẹn, thân chứng đắc kiến chí, số đến vô lượng trăm ngàn. Do có nhiều người chứng đắc Thánh quả nên các chúng trời, rồng hoan hỷ, thường hết lòng hộ trì; các hàng quốc vương, đại thần, trưởng giả, cư sĩ cũng vậy, họ hiếu rõ phước điền, có lòng tin sâu xa, thanh tịnh, cung kính cúng dường, tôn trọng, khen ngợi Phật, Pháp, Tăng.

Vào một trăm năm thứ tư sau khi Ta Niết-bàn, giáo pháp của Ta thuộc thời kỳ Viễn ly kiên cố. Các đệ tử của Ta ưa ở chỗ thanh vắng, siêng tu thiền quán. Do sự kiện này, các chúng trời, rồng hoan hỷ, thường theo ủng hộ; các hàng quốc vương, đại thần, trưởng giả, cư sĩ cũng vậy, hiếu rõ phước điền, có lòng tin sâu xa, thanh tịnh, cung kính cúng dường, tôn trọng, khen ngợi Phật, Pháp, Tăng.

Vào một trăm năm thứ năm sau khi Ta Niết-bàn, giáo pháp của Ta thuộc thời kỳ Pháp nghĩa kiên cố. Các đệ tử của Ta ưa thích chánh pháp, tinh tấn tu học, luận nghị, quyết đoán. Do sự kiện này, các chúng trời, rồng hoan hỷ, thường dốc sức ủng hộ; các hàng quốc vương, đại thần, trưởng giả, cư sĩ cũng vậy, hiếu rõ phước điền, có lòng tin sâu xa, thanh tịnh, cung kính cúng dường, tôn trọng, khen ngợi Phật, Pháp, Tăng.

Vào một trăm năm thứ sáu sau khi Ta Niết-bàn, giáo pháp của Ta thuộc thời kỳ Pháp giáo kiên cố. Đối với giáo pháp, có nhiều đệ tử của Ta ưa tinh tấn đọc tụng, tu tập không mệt mỏi, không nhàm chán, tạo nhiều lợi ích cho vô số hữu tình. Do sự kiện này nên các chúng trời, rồng hoan hỷ, nỗ lực hộ trì; các hàng quốc vương, đại thần, trưởng giả, cư sĩ cũng vậy, hiếu rõ phước điền, có lòng tin sâu xa, thanh tịnh, cung kính cúng dường, tôn trọng, khen ngợi Phật, Pháp, Tăng, nhưng đối với nghĩa lý sâu xa còn nhiều nghi ngờ.

Vào một trăm năm thứ bảy sau khi Ta Niết-bàn, giáo pháp của Ta thuộc thời kỳ Lợi dưỡng kiên cố. Các chúng trời, rồng, Dược-xoa, A-tổ-lạc v.v... cung kính cúng dường, tôn trọng ngợi khen Phật, Pháp, Tăng. Có những đệ tử của Ta tham đắm lợi dưỡng, sự cung kính, danh dự v.v..., không nỗ lực tu tập ba pháp tăng thượng học: Giới, định, tuệ.

Vào một trăm năm thứ tám sau khi Ta Niết-bàn, giáo pháp của Ta thuộc thời kỳ Tranh cãi kiên cố. Có nhiều đệ tử của Ta hiềm khích, ganh

ghét nhau, cấu kết với kẻ ác, phỉ báng, khinh thường người trì giới, chê bai người học rộng, không nghĩ đến lục hòa, chỉ nghĩ tới việc tranh cãi, biểu hiện xảo trá, bất thiện, không kính bậc sư trưởng, không sống theo chánh trí, lừa dối, dua nịnh, nói lời thô ác như hạng Chiên-đà-la, cạy vào thể lực của hàng quốc vương, đại thần, trưởng giả, bằng mọi cách làm hao tổn tài vật Tam bảo, kết giao với bạn bè xấu ác, buộc tội người lương thiện.

Vào một trăm năm thứ chín sau khi Ta Niết-bàn, giáo pháp của Ta thuộc thời kỳ Sự nghiệp kiên cố. Nhiều đệ tử của Ta nuôi sống bằng cách kinh doanh theo nghề nghiệp thế tục như trồng trọt, buôn bán, lãnh công việc giao dịch, xem thường các học giới do Như Lai chế định.

Vào một trăm năm thứ mười sau khi Ta Niết-bàn, giáo pháp của Ta thuộc thời kỳ Hý luận kiên cố. Nhiều đệ tử của Ta siêng năng học tập các thứ hý luận, xả bỏ chánh pháp xuất thế gian của chư Phật như: Khế kinh, Ứng dụng, Ký biệt, Phúng tụng, Tự thuyết, Duyên khởi, Thí dụ, Bản sự, Bản sinh, Phương quảng, Hy hữu pháp và Luận nghị, mà cố sức học tập các thứ hý luận thế gian như: Luận về vua chúa, về giặc giã, về chiến trận, về sự ăn uống, về y phục, về xe cộ, về ngã, về sự dâm dục, về nam nữ, về các quốc độ, về các sông biển, về các hàng ngoại đạo. Do ưa thích các thứ hý luận ấy nên khiến cho các Sa-môn, Bà-la-môn v.v... khinh chê, lánh xa giáo pháp của Ta. Trong pháp luật của Ta sẽ có các Bí-sô, Bí-sô-ni xấu ác như: tự thân không tu tập giới, định, tuệ mà lại giận hờn, tranh cãi, âm mưu hủy báng nhau, tham đắm các thứ y phục, bình bát, phòng xá, ngoại cụ tốt đẹp. Do tu tập với bè đảng xấu ác nên tuy đã trải qua nhiều năm giữ gìn tịnh giới nhưng trong chốc lát đều hủy phạm hết; tuy đã trải qua nhiều năm tu tập thiện căn nhưng do thường ưu sầu, giận hờn nên đánh mất tất cả. Vì lý do ấy, nên các chúng trời, rồng v.v... buồn rầu, áo não, lánh xa, không ủng hộ nữa; các vị quốc vương, đại thần, trưởng giả, cư sĩ không có lòng tin thanh tịnh mà còn phỉ báng, khinh chê Tam bảo. Do sự kiện ấy nên chánh pháp bị đoạn diệt.

Từ đó về sau, càng có nhiều Bí-sô tạo ra việc ác nên các hàng quốc vương, đại thần, trưởng giả, cư sĩ càng không cung kính. Nhưng oai lực của Tam bảo cũng chưa hoàn toàn mất hẳn. Vì thế, vào thời kỳ ấy vẫn còn có các Bí-sô, Bí-sô-ni thiếu dục, biết đủ, hộ trì giới cấm, tu hành thiền quán, ưa học hỏi, thọ trì Tam tạng giáo pháp của Như Lai, thuyết giảng rộng cho bốn chúng, làm lợi ích, an lạc cho vô lượng hữu tình. Lại có các hàng quốc vương, đại thần, trưởng giả, cư sĩ còn ngưỡng mộ chánh pháp, cúng dường

cung kính tôn trọng, ngợi khen, hộ trì, quên mình để xây dựng Tam bảo, nên biết họ đều là chư Bồ-tát thật không thể nghĩ bàn, do năng lực của bản nguyện sinh vào thời kỳ này để hộ trì chánh pháp vô thượng của Như Lai và tạo lợi ích lớn cho chúng hữu tình.

Bấy giờ, Tôn giả A-nan, chúng Thanh văn, Bồ-tát, tám bộ chúng Trời, Rồng, Dược-xoa, người, chẳng phải người, tất cả đại chúng nghe Đức Thế Tôn huyền ký về thời gian chánh pháp tồn tại ở đời vị lai, phân biệt các hành nghiệp sai biệt nơi các Bí-sô, nên rất cảm kích, đều tín thọ phụng hành.



SỐ 391

KINH BÁT NÊ HOÀN HẬU QUÁN LẬP

*Hán dịch: Đời Tây Tấn, Tam Tạng Pháp sư
Trúc Pháp Hộ, người nước Nguyệt Chi.*

Nghe như vậy:

Một thời, Đức Phật ở tại khu lâm viên Kỳ Đà – Cấp Cô Độc thuộc nước Xá-vệ, cùng với chúng Đại Tỳ-kheo Tăng, chư Thiên, nhân loại, hội họp thuyết giảng kinh.

Lúc ấy, Tôn giả A-nan đến trước chỗ Phật quỳ gối chấp tay, bạch:

– Bạch Thế Tôn! Con có việc muốn thưa hỏi, cúi xin Thế Tôn giảng cho. Sau khi Phật Niết-bàn, bốn chúng đệ tử Tỳ-kheo, Tỳ-kheo-ni, Ưu-bà-tắc, Ưu-bà-di vào ngày tám tháng tư và rằm tháng bảy nên làm lễ Tắm Phật như thế nào?

Phật bảo Tôn giả A-nan:

– Người thực hiện việc Tắm Phật là muốn được phước báo giải thoát nên tự trích lấy tiền của, xén bớt tài vật ưa thích của mình để mong cầu phước báo xuất thế, nên cúng vào chùa đèn thắp, đốt hương, chéps kinh, tạo tượng, hoặc cúng dường chúng Tăng, giúp đỡ người nghèo khổ, nên tổ chức bố thí. Không được hứa mà sau đó không thực hiện. Nếu không thực hiện thì hiện đời nếu trái với lời Phật dạy, với hành động của tâm, miệng ấy sẽ mắc tội vọng ngữ. Vì sao? Vì sấm sửa lễ vật cúng Phật, dùng năm loại nước thơm tự tay tắm Phật, ở trước chư Tăng phát nguyện bố thí, chú nguyện cầu phước. Ngay khi ấy, các chúng trời, rồng, quỷ thần đều chứng giám. Người này bỏ ra của cải tạm bợ, lấy bớt phần của vợ con để mong cầu phước lợi, nhưng ngược lại nếu không thực hiện sẽ mắc năm tội đọa vào ba đường ác.

Năm tội đó là:

Của cải ngày càng hao tổn.

Thường bị nhàm lẫn, sai sót.

Làm ăn, kinh doanh thất bại (theo hướng không có lợi).

Đọa vào địa ngục Thái sơn, bị tra khảo thống khổ khó nói hết.

Đời sau thọ sinh hoặc làm nô tỳ, trâu, ngựa, la, lừa, lạc đà, hoặc làm heo, dê.

Lại còn bị đọa vào ba đường ác:

Đọa làm ngựa quỷ.

Đọa làm súc sinh.

Đọa vào mười tám tầng địa ngục, tội không kể xiết.

Ngày rằm tháng bảy, hướng về bảy đời cha mẹ, năm loại thân thuộc đang chịu khổ dữ nơi các đường ác, nhờ làm lễ Phật, cầu phước mong cho họ thoát khỏi khổ đau nên gọi là Tắm Phật.

Phật là đấng Vô thượng, là vua trong ba cõi, không thọ thức ăn của người thế gian, những vật ấy đều phân chia cho chúng Tăng không nên lấy dùng riêng, sẽ mắc tội rất nặng. Nếu không có chúng Tăng để phân chia thì nên bố thí cho người nghèo khổ, đơn độc, già yếu, đó là gieo trồng thiện căn.

Các đệ tử nghe kinh này rồi đều hoan hỷ lễ Phật và lui ra.



SỐ 392

KINH PHẬT DIỆT ĐỘ HẬU QUÁN LIỆM TÁNG TỔNG

*Hán dịch: Mất tên người dịch, phụ vào
Dịch phẩm đời Tây Tấn.*

Nghe như vậy:

Một thời, Đức Phật du hóa ở nước Hoa Thi, theo phong tục đương thời, Tôn giả A-nan bạch Phật:

– Kính thưa Thế Tôn! Sau khi Thế Tôn nhập diệt, nghi lễ tẩm liệm nhục thân tôn quý của Thế Tôn sẽ thực hiện như thế nào?

Phật bảo:

– Hãy lo tu tập, đừng quan tâm tới việc tống táng Ta. Sau khi Ta diệt độ sẽ có các hàng Phạm chí, Trưởng giả tổ chức chu toàn nghi lễ ấy.

Tôn giả A-nan lại hỏi:

– Bạch Thế Tôn! Nghi lễ ấy được tổ chức như thế nào? Đáp:

– Như nghi lễ tống táng bậc Chuyển luân Thánh vương. Tôn giả A-nan thưa tiếp:

– Con xin được nghe về nghi lễ ấy. Đức Phật nói:

– Khi Chuyển luân Thánh vương băng hà, thân thể được quán bằng một ngàn tấm vải kiếp ba và tẩm nước thơm toàn thân, làm giàn hỏa bằng củi thơm, xếp củi trên, dưới, bốn bên, châm lửa để trà-tỳ, thu nhặt di cốt, rửa bằng nước thơm và đặt vào một bình vàng, sau đó an trí vào một hộp do sáu miếng đá ghép lại, mỗi miếng đá dài, rộng ba thước, trang hoàng cò phướn và các thứ vật phẩm cúng dường thích ứng, ngay tại đó xây tháp bằng đất dùng hoa hương cúng dường. Nghi lễ đối với Như Lai còn hơn thế nữa. Vì sao? Vì Ta trải qua vô số kiếp thực hành bốn tâm vô lượng, sáu pháp Ba-la-mật, cứu độ chúng sinh khắp mười phương. Với công đức vô lượng ấy, Ta mới thành bậc Như Lai, Vô Sở Trước, Chánh Đẳng Giác, Điều Ngự Trượng Phu, Thiên Nhân Sư, Chí Tôn, không ai bằng. Người nào dùng đất cúng dường để xây dựng tháp thì được vô lượng phước đức.

Vào đời mạt pháp uế trước, mọi người bị nguy hại đến tánh mạng, tài sản bị phân tán do *năm nhà*, vì thế Ta lưu xá-lợi và bình bát để cứu giúp sự nguy khốn nơi thế gian, ban phước cho mọi người, làm biểu tượng tôn thờ để mọi người đến chiêm ngưỡng. Nhân đó, Sa-môn thuyết pháp, giáo hóa người chưa ngộ, khiến cho người sống thì vĩnh viễn xa lìa chốn lao ngục, người chết thì thoát khỏi tội nơi ba đường dữ, quyết chắc được sinh lên cõi trời. Nếu ai xây tháp phụng thờ Phật thì công đức còn hơn trước nữa.

Tôn giả A-nan hỏi:

– Đối với bát của Đức Thế Tôn thì phụng thờ như thế nào? Đức Phật đáp:

– Bát của Ta do bốn đại Thiên vương dâng cúng, hợp bốn cái làm một để làm vật đựng thức ăn cho Phật, mọi người không được sử dụng bát này. Sau khi Ta diệt độ, các nước sẽ tranh giành, lòng người điên đảo, xem thường mạng sống, tham đắm dâm dục, trái với hiếu đạo, tôn trọng gian tà, khi ấy bát sẽ hóa hiện hào quang năm màu, bay lên hư không, giáo hóa lòng người, mọi người chiêm ngưỡng, nhớ đến ân đức để dứt bỏ mê tở ngộ, thuận theo chánh pháp, chùa tháp hưng thịnh. Lúc ấy giáo pháp của Phật chuyển sang phía Đông, lưu hành nơi các nước, trừ diệt ôn dịch, vua, quan an ổn, sự ăn mặc phát triển, mọi người vui vẻ, không bị hoạn nạn, vĩnh viễn ra khỏi ba đường dữ, đều được sinh lên cõi trời.

Quốc vương ở vùng cực Đông nhân từ, sáng suốt, bình bát sẽ đến vị ấy. Sau khi vua băng hà, con cháu nổi nghiệp trở nên dâm loạn, bỏ chánh theo tà, lòng dân cũng thế, họ thấy bát mà không cung kính lễ bái; chúng trời, rồng thấy vậy, vừa buồn rầu vừa vui, rước bát đem về biển phụng thờ.

Vua mất bát quý, buồn giận tức thời, truyền rao khắp nước chuộc lại bát với giá ngàn vàng, liên tục nhiều năm tìm kiếm cho ra manh mối. Người dân ham trọng thưởng, tìm kiếm khắp nơi nhưng không được. Khi ấy, có một người nghèo tên Sur, giả làm Tỳ-kheo, ham rượu thịt, sống với vợ con, đang lúc say rượu, cao hứng, ông ta đến cửa thành nói: “Tôi biết bát kia để ở đâu?”.

Nghe nói, vua rất mừng, mời Sa-môn vào, hỏi: “Bát để ở đâu?”. Sur đáp: “Trước hết hãy đem vàng ra”.

Vua ban cho một ngàn lạng vàng.

Sur nói: “Tôi biết chính các Sa-môn đang cất giấu bát đó”.

Vua liền hạ chiếu bắt bớ tra khảo các Sa-môn rất dữ, thấy vậy quan, dân đều oán trách vua.

Vua hỏi: “Ông là hạng Sa-môn nào?”. Đáp: “Su tôi thờ Đức Phật”.

Vua hỏi: “Phật có những giới nào?”. Đáp: “Phật có hai trăm năm mươi giới”. Vua hỏi: “Giới đầu tiên là gì?”.

Đáp: “Thứ nhất là phải thực hành sự nhân từ, ban ân huệ khắp quần sinh, xem thân mạng của chúng sinh trong thiên hạ như thân mạng mình, từ bi tế độ, thương xót hết thảy, đem lòng tha thứ của mình để đối với người khác, hướng dẫn, giáo hóa, che chở cho người cũng như mình, thấm nhuần đến cả cỏ cây, không dối trá, không dứt mắt”.

Vua khen: “Lành thay! Sự giáo hóa nhân từ của Đức Phật bao trùm cả trời đất, lẽ nào chúng sinh không nương nhờ được”.

Sư nói tiếp: “Thứ hai là noi theo sự trong sạch, không cất chứa vật báu phi pháp, tôn trọng làm phồn vinh đất nước, không được lấy vật, cho đến loài cây cỏ như hạt cải không cho thì không được lấy”.

Vua khen: “Lành thay! Có thể gọi là người trong sạch”.

Sư nói tiếp: “Thứ ba là tuân theo sự trinh khiết, tâm không nghĩ việc dâm, miệng không nói bậy, không được nghe tiếng dối trá, nhìn sắc tà vạy, xem vợ của người khác như mẹ, như chị, như em, như con gái của mình, thà đốt thân này chứ không làm việc dâm loạn”.

Vua khen: “Lành thay! Thật là khuôn vàng thước ngọc, sự giáo hóa của Đức Phật là trên hết”.

Sư nói tiếp: “Thứ tư là phải cẩn thận nơi lời nói, không nói hai lưỡi, không nói thô ác, không nói dối, không nói thêu dệt, không khen trước mặt, chê sau lưng, không làm chứng mà không có cứ, không làm yêu quý, tà quái, yếm bùa, chú thuật, thà nuốt cục lửa, chớ nói ra lời độc ác”.

Vua khen: “Lành thay! Sự giáo hóa của Đức Phật thật đáng kính sợ, thức tỉnh, phải luôn cẩn thận với lời nói đến như vậy đây”.

Sư nói tiếp: “Thứ năm là không uống rượu, rượu làm cho vua không nhân từ, bề tôi không trung tín, người thân bất nghĩa, con cái bất hiếu, vợ xa xỉ, dâm dật, quyết mắc ba mươi sáu thứ lỗi, mất nước, tan nhà đều do rượu gây ra. Vì vậy, thà uống chất độc mà chết chớ nên uống rượu mà sống”.

Vua khen: “Lành thay! Sự giáo hóa sáng suốt của Phật làm cho con người thấm nhuần đạo đức, diệt sạch các điều ác, phát triển các điều lành, làm cho thân tâm thanh tịnh, sống đạm bạc, giữ chí hướng. Kinh dạy nhân từ mà ông lại bảo ta giết hại, giới dạy phải thanh tịnh, không tham lam mà

ông lại nhận vàng, giới dạy không dâm mà ông lại nuôi vợ, giới dạy phải thành thật mà ông lại dối trá”.

Sư nói: “Người trộm bát làm tôi mắc tội vô cớ”.

Vua nói: “Giới dạy không uống rượu mà ông lại say sưa đến như vậy, các Sa-môn khác có đủ năm đức như thế không?”.

Đáp: “Họ làm việc xấu ác còn hơn tôi nữa”.

Vua hỏi quan bên cạnh: “Các Sa-môn sống bằng nghề gì?”. Quan đáp: “Họ khát thực, làm nhiều việc xấu ác còn hơn ông sư này”.

Vua nói: “Giới Phật có hai trăm năm mươi giới, nhân từ, đạo nghĩa, thanh tịnh rất trong sạch, rộng lớn như hư không, đáng tin như bốn mùa, sáng hơn mặt trời, mặt trăng”.

Dựa vào các sự việc ấy, trộm pháp phục, lấy bình bát, giả hình Sa-môn, làm loạn chánh đạo đến như thế, một giới không vâng giữ làm sao giữ được hai trăm năm mươi giới? Vua lại ra lệnh cho các quan: “Điện Phật thanh tịnh được các Hiền Thánh tôn thờ, không phải hang ổ của loài chim thú, hãy đuổi người xấu ác đi, không cho ở nơi điện Phật nữa. Người quân tử trong nước muốn làm hưng thịnh chùa tháp, không gì bằng ưa thích, thân cận người hiền và truyền bá lời giáo hóa của Phật”.

Vua lau nước mắt, tự suy nghĩ đến đạo lớn bị xuống dốc, sự giáo hóa của Phật ngày càng suy đồi.

Phật bảo Tôn giả A-nan:

– Tuy Ta diệt độ rồi nhưng vẫn lưu lại Bát và Xá-lợi, nếu có người hiền nào với tâm cung kính, cúng dường, chắc chắn sẽ được sinh thiên.

Tôn giả A-nan thưa:

– Bạch Thế Tôn! Cuối một ngàn năm sau, bát sẽ hiện thân đức, biến hóa như vậy, huông chi là giáo pháp chân chính của bậc Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác thì linh hiển biết chừng nào.

Khi Phật nói kinh này, các chúng trời, rồng, quỷ thần, vua, quan, bốn chúng đệ tử, ai ấy đều ghen ngào, cúi đầu đánh lễ cáo lui.



SỐ 393

KINH CA DIẾP PHÓ PHẬT BÁT NIẾT BÀN

*Hán dịch: Đời Đông Tấn, Sa-môn Trúc Đàm
Vô Lan, người Tây Vực.*

Thuở Đức Phật còn tại thế, trong hàng Tỳ-kheo, Ma-ha Ca-diếp là bậc Trưởng lão tài cao, trí tuệ sáng suốt, toàn thân có màu hoàng kim tươi đẹp. Mỗi khi thuyết pháp, Đức Phật thường cho Tôn giả được ngồi ngang hàng. Thấy như vậy, có người cho rằng Tôn giả là thầy của Phật. Vì vậy, Tôn giả Ca-diếp xin Phật đi đến ngọn núi Phổ Năng nằm trong dãy Y-si-lê, chu vi khoảng một ngàn dặm, cách thành Xá-vệ hai vạn sáu ngàn dặm. Núi có nhiều bảy báu, cây trái sum suê lại có ba loại là hương liệu, thuốc quý, chiên-đàn, trong đó loại thứ nhất còn có cỏ thơm, một loại dùng để trị nhiều chứng bệnh, một loại dùng làm thuốc nhuộm năm màu. Ngoài ra, còn có các loại thuốc thơm khác không thể tính kể. Núi đó cũng có nhiều loại chim bay thú chạy như: sư tử, hổ, chó sói, bạch tượng, kỳ lân, châu tước, phượng hoàng. Trong núi còn có các bậc đạo sĩ tu hành thanh tịnh thuộc các học phái khác, lại có những tảng đá vuông vức bằng phẳng, màu sắc như lưu ly.

Trong khoảng một trăm hai mươi dặm còn có các loài kỳ hoa dị thảo, hoa lá năm màu tỏa bóng che mát, quanh năm tốt tươi bao phủ trên đá.

Tôn giả Ca-diếp trước sau dạy bảo hai ngàn đệ tử đều là những bậc đạo hạnh thanh tịnh, chứng quả La-hán, thường ngồi trên những tảng đá ấy để giảng kinh, hành đạo. Lại có suối nước thơm trong mát chảy quanh bốn mươi dặm, nơi suối này có hoa sen xanh, hoa sen biếc, hoa sen hồng, hoa sen tía.

Một đêm, trong khi ngủ, bảy vị đệ tử của Tôn giả Ca-diếp đều nằm mộng thấy:

– Một vị mộng thấy tảng đá vuông thường ngồi ở giữa bị vỡ và cây thì bị tróc gốc.

Một vị Tỳ-kheo khác mộng thấy cả bốn mươi dặm suối đều khô kiệt, tất cả hoa lá đều héo tàn.

Một vị mộng thấy bên cạnh chỗ ngồi của Câu-la-biên bị sụp đổ. Một vị thì mộng thấy đất nơi cõi Diêm-phù-đề bị nghiêng sụp. Một vị lại mộng thấy núi Tu-di bị sạt lở.

Một vị lại mộng thấy vua Kim Luân băng hà.

Một vị lại mộng thấy mặt trời, mặt trăng rơi xuống, cả thế giới đều tối tăm.

Rạng ngày hôm sau, mọi người đều đem những mộng đã thấy trình với Tôn giả Ca-diếp. Tôn giả bảo:

– Trước đây chúng ta đã mộng thấy ánh sáng rực rỡ, mặt đất chấn động mạnh, nay các vị lại nằm mộng thấy như vậy thì chắc là Phật sắp nhập Niết-bàn.

Bấy giờ, Tôn giả Ca-diếp cùng các đệ tử đi đến nước Câu-di-na-kiệt, trên đường gặp một người Bà-la-môn tay cầm hoa Văn-đà-la. Tôn giả Ca-diếp liền hỏi:

– Ông từ đâu đến và tính đi về nơi nào? Ông có được cành hoa trời này ở đâu vậy?

Người Bà-la-môn đáp:

– Tôi từ nước Câu-di-na-kiệt đến. Đức Phật nhập Niết-bàn đã bảy ngày rồi, chư Thiên đều đem hoa hương cõi trời đến cúng dường nơi thân Phật, hoa này có từ nơi đó.

Nghe nói như vậy, Tôn giả Ma-ha Ca-diếp ngã lăn xuống đất than khóc:

– Nay Phật nhập Niết-bàn, ba cõi đều tối tăm, biết lấy ai nương tựa?

Rồi Tôn giả dẫn các đệ tử tức tốc lên đường, đi chưa đến vài trăm dặm đã thấy các vị Tứ Thiên vương, Đế Thích cùng chư Thiên đều đem lọng bảy báu, hương thơm, hoa đẹp đến cúng dường Phật và trỗi lên mười hai loại âm nhạc. Ngoài ra còn có vua A-tu-la, quý thần, chư Thiên đầy khắp cả hư không. Lại thấy vua nước Câu-di-na-kiệt, vua các nước lân cận cùng đám quần thần vài trăm vạn người. Trông thấy Ca-diếp dẫn các vị đệ tử đến, vua nước Quý-mạt-la-phát liền ra lệnh dân chúng tránh đường để các vị này tiến vào. Ra nghinh đón, Tôn giả A-na-luật nói:

– Đức Thế Tôn nhập Niết-bàn bảy ngày rồi, đã châm lửa để trà-tỳ mà không cháy hay là đợi Tôn giả về chăng?

Tôn giả A-nan thấy Trưởng lão Ca-diếp thì liền ngã lăn ra đất, khóc sụt sùi. Có vị Tỳ-kheo tên là Ba-hoặc ngăn Tôn giả A-nan và nói:

– Thôi thôi đừng khóc nữa! Khi còn tại thế, Phật thường ngăn cấm chúng ta không được tự do. Nay Phật đã nhập Niết-bàn thì chúng ta được tự do làm theo ý mình, vậy sao lại khóc lóc?

Có vị trời nghe Ba-hoặc nói như thế liền đưa tay định đánh. Trưởng lão Ca-diếp vội bước đến nắm tay vị trời lại, nói với Ba-hoặc:

– Nay Phật nhập Niết-bàn, chúng sinh mất nơi nương tựa, chỉ riêng ông ngu si nên tỏ ra vui sướng.

Ba-hoặc nghe lời trách này thì tâm ý chợt tỏ ngộ, liền đắc A-la-hán.

Bấy giờ, Trưởng lão Ma-ha Ca-diếp và các đệ tử chí thành làm lễ sát đất, đi nhiễu quanh kim quan của Phật ba vòng, giọng bi ai, nói:

– Ngày nay chúng con không còn thấy đầu, chân của Thế Tôn ở đâu.

Khi ấy Phật dùng thần thông đưa chân ra ngoài, chư Thiên và mọi người đều cảm động.

Trưởng lão Ca-diếp bèn nói kệ tán thán Phật:

*Phật làm xe ba cõi
Qua vực sâu sinh tử
Đạt cảnh giới Niết-bàn
Vì diệu vượt thế gian.
Phật vô lượng trí tuệ
Chiếu khắp cõi tối tăm
Nguyện vì hết thảy loài
Hiện hiện sáng oai linh.
Phật vì lòng từ lớn
Hóa độ muôn chúng sinh
Thân Phật nơi kim quan
Thanh tịnh tịch nhiên an.
Xin dùng đức từ hòa
Hiện sắc thân tướng hảo
Làm cho khắp trời, người
Phát sinh vô lượng phước.
Phật giảng dạy chánh pháp
Chúng sinh được thấm nhuần
Xe sinh tử được dừng
Người mê vào đường chánh.
Nhờ ân Đức Như Lai
Cúi đầu lễ chân Phật*

Nay chỉ thấy kim quan
Lòng con rất cảm thương.
Tuy Phật vào Niết-bàn
Chánh pháp lưu chân thật
Sợ đời sau nghi ngờ
Đưa chân khỏi kim quan.
Thị hiện thân sinh tử
Vì Phật không lo buồn
Pháp thân tuệ thường còn
Chớ bảo Phật diệt hẵn.



SỐ 394

KINH PHẬT NHẬP NIẾT BÀN MẬT TÍCH KIM CANG LỰC SĨ AI LUYẾN

*Hán dịch: Mật tên người dịch, phụ vào
Dịch phẩm đời Tần.*

Giữa rừng Ta-la, thuộc thành Câu-thi-na, lúc nhập Niết-bàn, Đức Thế Tôn Mâu Ni nằm quay đầu về phương Bắc.

Thấy Đức Phật nhập diệt, Lực sĩ Mật Tích Kim Cang vô cùng sầu não, thưa:

– Đức Thế Tôn thành tựu mười lực vô thượng tối thắng, vì sao nay khí lực vô thường suy yếu đến như vậy? Như Lai đã bỏ chúng con để nhập Niết-bàn, từ nay chúng con không ai để nương tựa, che chở! Buồn đau như tai họa bỗng nhiên ập đến, sầu não ngày càng chứa nhóm như bị mũi tên độc cắm sâu vào tim.

Mật Tích Kim Cang bày tỏ nỗi bi thương đối với Đức Thế Tôn, cảm thấy như bị ngọn lửa sầu thảm thiêu đốt nát cả gan ruột, liền ngã lăn ra chết ngất, ví như núi lở lăn xuống đất, hồi lâu mới tỉnh dậy, nghẹn ngào nói: “Thật là kỳ quái! Thần chết thật ác, cả khối công đức Ba-la-mật vô lượng mà bị tử thần hủy hoại cả. Cúi xin đáng cứu độ nhận lời thỉnh cầu của con mà sống lại, con thật bạc phước không biết nương tựa vào ai. Tại sao Đức Thế Tôn bỏ chúng con mà nhập Niết-bàn một mình? Từ đây về sau, chúng con sẽ mãi mãi xa cách dung nhan của Đức Thế Tôn.

Thân khẩu ý của Đức Thế Tôn đã tịch tĩnh, con không còn được gặp lại và cũng không còn được chiêm ngưỡng vì Đức Thế Tôn đã vào cảnh giới của mình. Xưa kia khi Đức Thế Tôn nhập chánh định, ánh sáng của oai đức hiển hiện thù thắng vi diệu, sắc mặt rạng rỡ còn hơn cả hoa sen mới nở, như mặt trời hiện rõ lúc bình minh. Dung nhan thù thắng như vậy, chúng con không còn được gặp lại. Ở giữa đại chúng, Như Lai nói bằng âm thanh vi diệu như tiếng sấm lớn, chúng con cũng không còn được nghe. Lời nói thành thật, không hai - xa lìa lời tội lỗi, không nói lời giả dối, nói lời rõ ràng dễ hiểu, lời nói mọi người yêu thích. Trong thế giới nhằm diệt trừ các

điều xấu ác dẫn đến thành Niết-bàn không gì hơn pháp Phật.

Than ôi! Đấng Hóa độ thế gian đã vĩnh viễn vào Niết-bàn khiến cho chúng sinh không có người cứu giúp. Trong đêm tối sinh tử mê mông lại không có mắt sáng, không người hướng dẫn thì lấy ai để chỉ đường. Như Lai như đám mây dày thường tuôn mưa cam lồ, nay bị ngọn gió vô thường thổi tan mất. Chúng sinh luôn bị ngọn lửa ái dục thiêu đốt, mà nay Đức Phật nhập Niết-bàn thì ai sẽ tuôn mưa chánh pháp để dập tắt lửa ái đó? Diệt trừ pháp hữu vi, Như Lai chứng đắc đạo vô thượng, làm vị đại y vương, vì các chúng sinh chữa trị bao thứ khổ đau của căn bệnh phiền não cho cả thế giới. Nay Đức Phật nhập Niết-bàn, ai sẽ thương xót đem chánh đạo giáo hóa để chữa lành bệnh kiết sử cho muôn loài. Như Lai được tôn xưng là bậc biết ơn và nhớ ơn. Từ khi ở trong thai cho đến nay, con theo Như Lai như bóng theo hình, hòa kính, phụng hành chưa từng thiếu sót, sao Như Lai không đoái hoài lòng chí thành của con? Con cảm thấy mình như bị bỏ rơi.

Than ôi! Kỳ lạ thay! Đau khổ thay! Chày kim cương này sẽ dùng để bảo vệ ai đây? Thôi vứt bỏ cho rồi, từ nay trở đi còn hộ vệ ai nữa! Ai sẽ xót thương ân cần bảo ban những lời răn dạy cho con? Bao giờ gặp lại tôn nhan của Như Lai?

Vua trời Hộ Thế vì muôn pháp cam lồ được hiển bày nên mới sai con theo hầu Đức Phật. Như vậy sao nay Đức Phật đột nhiên bỏ chúng con mà nhập Niết-bàn? Thân mạng này của con là do nương nơi Đức Phật mà tồn tại, hôm nay Ngài bỏ đi, chúng con biết dựa vào ai để thân mạng này tồn tại?

Than ôi! Như Lai xót thương tất cả nên giảng nói pháp vi diệu, mở trí sáng cho những người ngu tối, sao đột nhiên nay Ngài không còn nói nữa? Sự hiểu biết của Như Lai chính là Nhất thiết chủng trí, vượt hơn tất cả. Đối với những chúng sinh hữu duyên, Như Lai thường suy nghĩ tạo lợi ích cho họ, thế hôm nay Như Lai bỏ đi đâu mà im lìm như vậy, lại không chịu cứu giúp cho chúng con là những người đáng được giáo hóa? Thấy Đức Phật nhập diệt, Ma vương và những người xấu ác đều rất vui mừng. Trong biển sinh tử, Như Lai luôn là vị đại thuyền trưởng mà nay vĩnh viễn không còn cứu độ nữa? Những chúng sinh đó từ vô lượng kiếp đến nay mãi trôi theo dòng sinh tử, chỉ mỗi Như Lai mới có thể đem chánh đạo giảng dạy khiến cho muôn loài vượt nẻo sinh tử tiến tới giải thoát. Như Lai vĩnh viễn đoạn trừ phiền não, làm ánh sáng lớn, phá tan tăm tối cho chúng sinh, nay Như Lai nhập Niết-bàn, thế gian càng thêm u ám vì bị vô minh che lấp.

Mật Tích Kim Cang xót thương than khóc lại nói:

– Như Lai đầy đủ ba mươi hai tướng và trăm phước lớn của bậc Đại nhân, làm sao mà hoại diệt được? Con không thể nào tin có sự việc đó xảy ra!

Than ôi! Bậc phá trừ các ma. Than ôi! Bậc chuyển pháp luân.

Than ôi! Bậc dập tắt ánh sáng đom đóm của hàng ngoại đạo. Than ôi! Bậc có thể hủy hoại thân hữu vi sinh tử.

Than ôi! Những thành quách trí tuệ.

Than ôi! Ngọn đèn pháp bị gió vô thường thổi tắt. Than ôi! Mặt trăng pháp bị thần La Hầu nuốt chửng. Lại thở than:

– Bậc Tịch Tĩnh, Cứu Độ xin nói cho chúng con biết: Hôm nay Thế Tôn đi đâu, đến phương nào, nước nào? Tới Xá-vệ, thành Vương-xá? Ca-tỳ-la, Ba-la-nại, nơi các nước đó Thế Tôn ở nước nào? Hay là ở rừng nào? Rừng Trúc Ca-lan-đa, rừng Am-bà-la hay rừng Kỳ-đà? Trong các khu rừng đó Thế Tôn trụ ở đâu? Núi nào Thế Tôn dừng nghỉ? Tại-tự-thiền, Tỳ-đề-hê hay Kỳ-xà-quật, nơi các núi đó Thế Tôn dừng chân núi nào? Cho con được biết thật sự là Thế Tôn đang ở đâu?

Tám bộ chúng: Trời, Rồng, Dạ-xoa, Càn-thát-bà, A-tu-la, Ca-lâu-la, Khẩn-na-la, Ma-hầu-la-già, những chúng ấy do thấy con thường theo hầu Thế Tôn, giả sử họ hỏi con rằng Đức Phật ở đâu thì con biết nói sao với họ? Ngày xưa Thế Tôn giáo hóa chúng sinh, nếu hơi mệt mỏi cần nghỉ ngơi trong chốc lát thì Thế Tôn buộc tâm vào ánh sáng để tạo lợi ích cho họ. Vì sao hôm nay Thế Tôn từ bỏ tất cả hữu tình, vĩnh viễn vào Niết-bàn không còn tạo lợi ích nữa? Chúng con xin đấng cứu độ hãy tỉnh dậy, ngọn lửa phiền muộn đang thiêu đốt tâm con đau đớn vô cùng, chắc mạng sống của chúng con không thể toàn vẹn. Xin Thế Tôn ban cho con dù chỉ một lời, cũng như rưới nước mát để dập tắt lửa nóng. Con nay đang bị nọc của loài rắn độc buồn khổ hành hạ, xin Thế Tôn ban pháp dược A-già-đa để trừ khử nọc độc cho chúng con. Mùi tên độc hại ưu sầu đang cắm sâu vào tim con, cúi xin Thế Tôn ban cho con cái kim là lời nói để nhổ sạch chúng. Như Lai thường thuyết giảng các pháp để diệt trừ cái khổ “Ái biệt ly” cho tất cả chúng sinh, vì sao riêng con Thế Tôn không thương xót vì con mà diệt trừ những cái khổ ấy?

Chúng con hôm nay bị vô minh che lấp không thể tìm ra chân lý để tự mình giải trừ cơn bệnh ưu sầu trong tâm. Tại sao chúng con không được Thế Tôn an ủi? Chúng con luôn kính thuận Thế Tôn, không hề biết mệt

mỗi, luôn vui thích chiêm ngưỡng tôn nhan của Thế Tôn không hề chán đủ. Chúng con nguyện một lòng thành kính chiêm ngưỡng, tại sao Thế Tôn không thương xót chúng con, nỡ cắt đứt sợi dây nối kết chúng con với bậc Nguru vương, không đưa chúng con vào Niết-bàn, bỏ chúng con bơ vơ một mình. Chúng con mất Như Lai nên đau khổ vô cùng, lại không thấy được chân lý, tại sao Thế Tôn bỏ chúng con mà vào Niết-bàn?

Khổ thay! Lạ thay! Như Lai yên giấc không trở dậy chẳng? Như Lai đã đi rồi không còn trở lại sao?

Giống như ngọn đèn tắt không còn sáng nữa, như lầu cao sụp đổ không dựng lên được, như kho báu bị lấp rồi không thể xuất hiện.

Mật Tích Kim Cang giờ cao tay khóc lớn tiếng, bi thảm, như cây cờ của Đế thích bị đứt đầu mỗi ngã xuống đất không dựng lại được. Tiếng kêu khóc như vò xé tim gan, làm cho cổ họng, môi lưỡi đều khô nứt, đến nỗi hôn mê ngã lăn ra đất hồi lâu mới tỉnh dậy. Do quá thương tiếc Pháp thân công đức của Như Lai nên Mật Tích Kim Cang bèn đưa tay cầm nắm lấy bàn chân có tướng bánh xe ngàn tăm ôm vào lòng, không muốn buông thả. Lại nói: “Chân của Như Lai như hoa sen, như mặt trời mới mọc, sạch sẽ, mềm mại. Chân Như Lai như bánh xe ngàn tăm hiện bày rất tinh xảo, không thể vẽ lại được”.

Chuyển luân Thánh vương tuy có tướng tốt ấy nhưng không rõ ràng. Tướng bánh xe của Như Lai hiện bày rõ cả cãm và vành. Ngón tay, ngón chân nhỏ, dài và khít, xếp chồng lên nhau, không dày cũng không thưa. Móng tay hồng thắm như đồng đỏ. Giữa những ngón tay, ngón chân đều có màn lưới đan liên giống như loài thiên nga. Thân thể Như Lai tròn đầy, da mịn, không một nếp nhăn. Vua nơi cõi trời, cõi người, quỷ thần cho đến vua loài rồng đều y phục chỉnh tề, cung kính đánh lễ nơi chân Phật. Như Lai giáo hóa cho những loài hữu duyên, tướng bánh xe ngàn tăm nơi bàn chân Ngài đi khắp thế giới, nhưng nay đôi chân đó không còn dùng nữa. Khi xưa, tâm chúng con luôn vui vẻ an lạc, bỗng dưng nay Như Lai vào Niết-bàn, lòng chúng con không còn vui vẻ như trước.

Sự vô thường này thật quá ác độc, có thể hủy hoại sắc tướng với vô lượng công đức không thể tính kể. Oai lực của Phật khiến cho ai gặp Ngài đều sinh tâm hoan hỷ. Thân tướng của Như Lai có vô lượng phước đức nhưng sức mạnh của vô thường thật là lớn lao có thể làm cho Như Lai phải đi vào nơi tử biệt. Thân Như Lai với sức nuôi dưỡng của cha mẹ, với diệu lực của thiên định, của trí tuệ, của thần thông, cũng không thoát khỏi sức

mạnh của vô thường.

Ngày trước Tôn giả A-nan khuyên thỉnh Phật trụ thế thêm một kiếp nữa, vì sao Như Lai không nhận lời thỉnh cầu ấy? Bậc cứu độ thế gian đã từng ở trong ba a-tăng-kỳ kiếp thực hành trăm ngàn khổ hạnh, có thể xả bỏ được những sự việc khó bỏ, trải qua vô số kiếp làm thị giả các Đức Như Lai, phụng sự cúng dường để cầu đạt Nhất thiết trí, nhằm cứu độ chúng sinh, vậy mà ngày nay, chỉ trong thời gian ngắn, chưa độ được bao nhiêu đã vội vào Niết-bàn!

Ngày xưa, khi còn làm Bồ-tát, Như Lai giáo hóa chúng sinh còn không mệt mỏi, thế mà ngày nay lại mệt nhọc sao? Chúng sinh đang còn nơi cảnh giới ô trược như nghé mới sinh ra được mười hai tuần, có sao dứt sữa mà bỏ nó ra đi? Xin hãy vì con ban sữa cam lồ đầy đủ cho muôn loài như nghé con cần sữa mẹ!

Bấy giờ, Đế Thích và vô số chư Thiên đến thưa hỏi:

– Tại sao Đức Thế Tôn không giải thích cho họ?

Vị chủ của ngàn thế giới là Phạm thiên vương, đã từng chấp tay thỉnh cầu chánh pháp, sao nay Đức Thế Tôn không giảng nói những pháp cốt yếu để cho chúng con được đầy đủ sở nguyện?

Tuần tự, Thiên vương Tỳ-sa-môn với ngàn vạn Dạ-xoa, Thiên vương Đề-đầu-lại-trá với chúng Càn-thát-bà, Thiên vương Tỳ-lưu-lặc-xoa với chúng Cưu-bàn-trà, Thiên vương Tỳ-lưu-bác-xoa với chúng rồng trước sau vây quanh. Các chúng đó đều muốn được uống dòng nước pháp ngọt ngào mà đến đây. Sao Như Lai không làm vị thầy thuốc giỏi để chữa lành bệnh cho họ? Chúng ngoại đạo đã hủy báng pháp Phật, sao Như Lai không nhanh chóng bẻ gãy những thứ tà luận đó? Khắp nơi trong cõi dục đã hủy hoại làm loạn lạc, sao Như Lai không hàng phục họ? Chúng Thanh văn của Như Lai trí tuệ có giới hạn, không siêng năng tu tập, chán ghét việc học rộng, sao Như Lai không mau ngồi dậy để thuyết giảng những điều cần thiết, khiến họ hiểu rõ về chánh đạo? Tôn giả A-nan là người gần gũi Thế Tôn, nhưng vẫn chưa đoạn hết căn bản phiền não, sao Như Lai không dạy bảo khiến Tôn giả đoạn sạch hết kiết sử ấy?

Than ôi! Thật quá lạ lùng!

Người phước đức lớn lao chắc thật như thế, bỗng dưng cũng bị hoại diệt do sự vô thường này, như voi giữ gìn tài sản đã từng tàn hại vô số, voi ấy thân cao to như núi, xưa kia Đức Thế Tôn đã có thể điều phục voi lớn như vậy, sao bây giờ lại bị vô thường chi phối cho đến tận diệt? Như loài

rồng A-bà-la có thể hủy hoại nước Ma-kiệt-đề, nổi lên trận mây lớn, tạo sấm sét dữ dội, tuôn ra những trận mưa đá tàn phá cây cối. Đức Như Lai có năng lực điều phục được sức mạnh của loài rồng đó, mà nay lại bị vô thường chế ngự. Như Ương-quật-ma là kẻ bạo ngược, tàn hại, cũng có thể điều phục được sức mạnh của kẻ ác. Đức Thế Tôn đã điều phục được kẻ không thể điều phục, mà nay lại bị vô thường làm tổn hại, như quỷ ác Khoáng Dã đã tàn sát hết thảy khiến cho cả nước trống vắng, thế mà Phật đã có thể điều phục khiến nó thọ trì giới cấm, mà nay bị rơi vào lưới vô thường! Như Ưu-lâu-tần-loa Ca-diếp trước chấp ngã chìm đắm trong rừng rậm tà kiến khó có thể ra được, Đức Như Lai đã rủ lòng thương xót hiện mười tám pháp thần thông biến hóa để thu phục, nay lại bị vô thường làm đảo lộn, tất cả chúng sinh do phước mỏng nên biển trí tuệ đã bị mặt trời vô thường làm cho khô cạn, núi chánh trí Tu-di cũng bị chày kim cương vô thường đập nát. Cây công đức của Phật với hoa giác ý vi diệu, trái đạo quả tròn đầy rồi cũng bị cái búa vô thường đốn ngã. Ánh sáng trí tuệ rộng lớn với tiếng khen ngợi khắp nơi có thể thiêu đốt cũi nghiệp sinh tử của tất cả chúng sinh nay cũng bị dòng nước vô thường cuốn trôi.

Sức mạnh nơi vô thường không có pháp gì trị được, không bị bậc trí cản ngăn, chẳng phải cây vào uy lực, danh tiếng sự nhần nhục, tinh tấn, thiền định, trí tuệ dừng mãnh để có thể thoát khỏi.

Than ôi! Sự vô thường tàn khốc đến thế! Bất luận tốt xấu có đức hay không đức, hết thảy đều bị hủy hoại.

Khi Mật Tích Kim Cang nói đến lời đó thì cả đại địa chấn động, đỉnh núi cao bị sụp đổ, sao trời rơi rụng, lửa cháy khắp phía, ánh sáng của mặt trời, mặt trăng và các tinh tú đều không còn nữa, tất cả hàng trời, người thảy đều buồn bã!

Nay con không tự kìm chế được, như muốn vùi sâu vào lòng đất, tâm ý loạn động, mắt nhìn như có hoa đốm đủ màu, quên hết mọi thứ, môi lưỡi khô cứng, nói lời lầm lẫn, âm thanh đứt đoạn, gần kề cái chết, mạng sống hầu như không còn, chắc phải theo Phật rồi.

Lực sĩ Mật Tích Kim Cang với vô số những lời ai oán, áo não thương tiếc mền mọt như thế. Trời Đế Thích nói:

– Thôi đủ rồi! Hôm nay ông thật không còn nhớ một chút nào lời dạy của Đức Thế Tôn. Đức Thế Tôn đã bảo các Tỳ-kheo: “Các hành là vô thường, không thể trụ mãi, không thể hoàn toàn tin cậy, không thể biến đổi. Mọi sự tập hợp đều quy về tan hoại, cao quá ắt phải đổ, có tụ hội ắt có ly

tán, có sinh ắt có tử. Tất cả các hành đó cũng như cây bên bờ sông sắp ngã, giống như vẽ trên nước, vừa vẽ liền tan mất theo tay, như bọt nước, như giọt sương mai trên cành, như thành Càn-thát-bà mất chỉ thấy trong chốc lát. Mạng sống của con người qua nhanh như tên bắn, cuộc sống chuyển biến mau như ánh mặt trời, mặt trăng, sự hủy hoại của vô thường phải nên hiểu rõ. Đối với Phật sự, chỉ khi nào thành tựu trọn vẹn thì mới nhập Niết-bàn, nên đem giáo pháp của Phật phó chúc cho hàng trời, người, đem trọng trách này giao phó cho hàng đệ tử Thanh văn, hướng đến chốn tịch diệt vô úy, các khổ của sinh tử đã dứt hết không còn thọ sinh, các Tỳ-kheo không nên sinh tâm ưu bi sầu não”.



SỐ 395

KINH ĐƯƠNG LAI BIẾN

*Hán dịch: Đời Tây Tấn, Tam tạng Pháp sư
Trúc Pháp Hộ, người nước Nguyệt Chi.*

Nghe như vậy:

Một thời, Đức Phật Thế Tôn ngụ tại khu lâm viên Kỳ Đà - Cấp Cô Độc, thuộc nước Xá-vệ, cùng với năm trăm đại Tỳ-kheo và các Bồ-tát.

Khi ấy, Đức Thế Tôn bảo các Tỳ-kheo:

– Đời vị lai sẽ có Tỳ-kheo nhân nơi một pháp không theo chánh pháp để giáo hóa, khiến cho chánh pháp bị hủy diệt, không thể tăng trưởng. Thế nào là một pháp? Đó là không thọ trì giới cấm, không thể thâm giữ nội tâm, không tu tập trí tuệ, buông lung tâm ý, chỉ cầu tiếng khen, chẳng thuận theo đạo pháp, không siêng năng tu tập pháp xuất thế, chỉ ham sự nghiệp thế gian.

Phật lại bảo các Tỳ-kheo:

– Lại có hai việc khiến cho chánh pháp hủy diệt. Những gì là hai pháp? Đó là:

Không hộ trì giới cấm, không thâm giữ nội tâm, không tu tập trí tuệ, nuôi dưỡng vợ con, tâm ý buông lung, mua bán để sinh sống.

Cùng nhau kết bè đảng, ghét người tu tập chánh pháp, chỉ muốn hãm hại họ, vì thế nên vu khống họ bằng những lời dối trá dua nịnh, trong khi làm việc xấu mà bên ngoài thì giả vờ thanh tịnh.

Phật lại bảo các Tỳ-kheo:

– Có ba điều làm cho chánh pháp hủy diệt. Những gì là ba?

Không thọ trì giới cấm, không thâm giữ tâm ý, không tu tập trí tuệ.

Tự đọc kinh điển nhưng không hiểu rõ về câu nghĩa, nên đem đoạn trước để ra sau, lấy đoạn sau để lên trước, đầu đuôi lộn xộn, vì vậy không thể hiểu rõ về chỗ ý nghĩa hướng đến mà tự cho mình là đúng.

Khi bị người trí quả trách thì không chịu nghe theo, lại ôm lòng sân hận, cho là vì ghét mình.

Người hiểu rõ về nghĩa lý thì ít, người không phân biệt được về nghĩa lý thì nhiều, thành ra cũng tự cho mình là đúng.

Phật lại bảo các Tỳ-kheo:

– Lại có bốn điều làm cho chánh pháp hủy diệt. Những gì là bốn?

Có Tỳ-kheo từ bỏ sự nghiệp thế tục, đến chốn vắng vẻ nhưng không lo sự nghiệp tu học.

Ưu thích dạo chơi, vào những chốn đông đúc náo nhiệt, bàn chuyện phiếm của thế gian, tìm sắm ca-sa tốt đẹp, y phục đầy cả năm màu.

Nghe, nhìn những chuyện xa vời, cho mình là giỏi, tự xem mình là bậc cao đức, không ai bằng, lấy sự hiểu biết vụn vặt ấy mà so sánh với các Tỳ-kheo có trí tuệ.

Không tuân giữ ba nghiệp, không hộ trì các căn, qua lại với phụ nữ, nói nhiều lời hoa mỹ hợp với ý họ gây xao động lòng người, khiến cho sự thanh tịnh biến thành uế trước, tạo việc hoang loạn, phớt bỏ chánh pháp.

Phật lại bảo các Tỳ-kheo:

– Lại có năm điều làm cho chánh pháp hủy diệt. Những gì là năm?

Có Tỳ-kheo ban đầu theo chánh pháp, xuất gia để tu đạo,

nhưng lại phớt bỏ lời dạy sâu xa của kinh điển như: Mười hai nhân duyên, Ba mươi bảy phẩm trợ đạo, kinh Phương Đẳng với trí tuệ sâu xa huyền diệu, Sáu pháp Ba-la-mật phương tiện thiện xảo, Ba cửa giải thoát là không, vô tướng, vô nguyện.

Ngược lại học tập các câu cú thô thiển, kinh điển nhỏ nhặt, vụng về, tạo việc thế gian, đó là nguyên nhân làm rối loạn ba tạng kinh điển. Họ chỉ thích giảng giải sự việc của thế tục biến đổi, để được lòng người, làm vừa ý để có tiếng khen.

Người mới nghe pháp, sự hiểu biết còn cạn cợt lại cho là họ thích thú, người đã thâm đạt không cho đấy là sự thành tựu.

Các chúng trời, rồng, quỷ thần không vui thích hộ trì, ôm lòng buồn bã, miệng thầm than thở: “Pháp lớn sắp hủy diệt nên mới xảy ra sự việc như vậy”.

Bỏ việc giáo hóa theo diệu pháp, ngược lại phơi bày lời lẽ thô tạp, khiến cho chư Thiên rơi lệ, vội vàng bỏ, tránh.

Do vậy, chánh pháp dần dần bị mai một, vì không có người tinh tấn tu học.

Phật lại bảo các Tỳ-kheo:

– Sau khi Ta diệt độ, có mười lăm điều tà loạn đó khiến cho chánh pháp bị hủy diệt, thật là đau đớn.

Nếu có Tỳ-kheo muốn học đạo đúng đắn thì phải xả bỏ trang sức, không cầu danh tiếng, chân thật, chất phác, giảng truyền chánh kinh, giáo hóa theo đúng chánh pháp vi diệu của Phật, không cầu nhiều lời, căn cứ vào nghĩa chính yếu của kinh để thuyết pháp, lời nói đơn giản nhưng chính xác, không mất ý Phật, đời sống giản dị, đạm bạc, được tốt không mừng, bị xấu không buồn, ăn mặc tốt xấu, ngon dở tùy ở tín thí, không bị buồn vui chi phối, luôn phòng giữ thân, khẩu, ý, thân giữ các căn, không trái lời Phật dạy, luôn nhớ nghĩ về mạng sống ngắn ngủi, bổng chốc trôi qua, như mộng thấy có, lúc thức thì không còn, khổ nạn trong ba đường dữ không thể lường được. Phải tinh tấn tu học pháp Phật như cứu lửa cháy dầu, nên tu hành các pháp: Năm giới, Mười thiện, Sáu độ, Bốn tâm vô lượng, Bốn ân bằng trí tuệ và phương tiện quyền xảo. Người ấy tuy không gặp Phật ở đời, nhưng luôn được xuất gia học đạo, với tâm bình đẳng thương xót chúng sinh làm cho tất cả điều nhờ ơn.

Phật thuyết giảng như vậy, các Tỳ-kheo đều xúc động và hoan hỷ, tự quy y Phật, làm lễ và lui ra.



SỐ 396

KINH PHÁP DIỆT TẬN

*Hán dịch: Mất tên người dịch, Đại sư Tăng
Hựu sao lục, phụ vào Dịch phẩm
đời Lưu Tống.*

Nghe như vậy:

Một thời, Đức Phật Thế Tôn ở tại nước Câu-di-na-kiệt, chỉ còn ba tháng nữa là nhập Niết-bàn. Các Tỳ-kheo, Bồ-tát và vô số đại chúng cùng đến đánh lễ nơi chân Phật. Đức Thế Tôn đều yên lặng không nói gì, ánh sáng không hiện ra nữa. Hiền giả A-nan làm lễ và thưa Phật:

– Kính thưa Thế Tôn! Trước và sau khi Thế Tôn thuyết pháp đều có uy quang hiển hiện. Lúc này đại chúng tập hợp đông đủ, nhưng ánh sáng của Thế Tôn không còn hiện nữa. Vì sao như vậy? Tất có lý do, chúng con muốn được nghe.

Đức Phật yên lặng không đáp. Như vậy, đến lần thưa hỏi thứ ba, Phật bảo Hiền giả A-nan:

– Sau khi Ta Niết-bàn, lúc chánh pháp sắp diệt, trong đời năm trước xấu ác, ma ác hưng thịnh, ma làm Sa-môn, phá hoại, làm loạn đạo pháp của Ta, mặc y phục thể tục, thường dùng ca-sa năm sắc, uống rượu ăn thịt, giết hại chúng sinh, tham đắm hương vị, không có tâm từ, ganh ghét lẫn nhau. Khi ấy, có các La-hán, Bích-chi, Bồ-tát tinh tấn tu đức, đáng được kính trọng. Mọi người đều tôn quý và được giáo hóa bình đẳng, thương kẻ nghèo, người già, nuôi dưỡng kẻ khốn cùng, thường đem kinh, tượng khuyên dạy mọi người phụng thờ, làm các công đức, hiển bày sự chân thật, không gây hại người, xả thân cứu vật, chẳng tiếc thân mình, luôn nhẫn nhục, nhân từ. Giả như có những vị ấy, thì các Tỳ-kheo ma cùng nhau ganh ghét, hủy báng, làm tổn thương, xua đuổi đi chỗ khác, không để cho yên. Sau đó, chúng cùng đến ở với nhau, không tu tập đạo đức, chùa tháp hoang vắng, hư nát, chỉ tham tích chứa tài vật, không bỏ ra để làm phước đức, mua bán nô tỳ, cày ruộng trồng trọt, thiêu đốt núi rừng gây tổn hại cho chúng sinh, quên mất tâm từ. Kẻ nô bộc nam làm Tỳ-kheo, hạng nô tỳ nữ

làm Tỳ-kheo-ni, không có đạo đức, dâm dật tạp loạn không phân biệt nam nữ, khiến đạo pháp suy tàn, đều do những hạng này. Họ hoặc tránh phép vua, dựa vào đạo Ta, cầu làm Sa-môn mà không tu trì giới luật. Giữa tháng và cuối tháng, giả danh tụng giới, nhưng biếng nhác, không muốn lắng nghe, cắt bớt đầu đuôi không chịu nói hết. Kinh thì không tụng, giả như có đọc thì không biết rõ văn tự, cố nói là mình đúng, không chịu học với bậc hiểu biết, cao ngạo cầu danh, giả bộ đàng hoàng, chỉ vì lợi dưỡng mong được người cúng dường.

Sau khi chúng Tỳ-kheo ma qua đời, thần thức sẽ bị đọa vào địa ngục Vô gián, tạo năm tội nghịch ấy nên phải chịu Hằng hà sa kiếp đọa làm ngựa quý, súc sinh, sau khi hết tội, được sinh làm người ở nơi biên địa, không có Tam bảo.

Khi chánh pháp sắp diệt, người nữ tinh tấn, thường làm các công đức, người nam thì biếng nhác không thực hành giáo pháp, nhìn thấy Sa-môn như thấy đất cát, không có lòng tin, giáo pháp sắp mai một.

Vào lúc ấy, chư Thiên đều xót xa rơi lệ, mưa nắng bất thường, năm thứ lúa thóc mất mùa, bệnh dịch tràn lan, người chết rất nhiều, dân chúng cực khổ, quan quyền hà khắc, không theo đạo lý, đều thích việc làm loạn, kẻ ác như vậy rất nhiều như cát trong biển, người thiện rất ít, chỉ một hay hai. Khi kiếp tận, ngày tháng ngắn đi, mạng người cũng giảm, bốn mươi tuổi đầu đã bạc. Người nam dâm dật, kiệt sức chết yểu, hoặc thọ đến sáu mươi tuổi. Đàn ông chết sớm, đàn bà sống lâu, bảy mươi, tám mươi, chín mươi cho đến một trăm.

Nước lụt dâng cao, không theo định kỳ, người không tin nên không biết trước. Chúng sinh nhiều loại không kể sang hèn, chìm đắm trong biển, bị cá, rùa nuốt ăn.

Khi đó các Bồ-tát, Bích-chi, A-la-hán bị chúng ma đuổi đi, không gặp sự việc này, các vị trong Tam thừa đều vào núi là nơi chốn tạo phước đức, sống đạm bạc, vui vẻ mạng sống kéo dài, chư Thiên hộ trì, ánh trăng xuất hiện, cùng nhau hỗ trợ làm hưng thịnh đạo Ta trong năm mươi hai lần. Sau đấy kinh Thủ Lăng Nghiêm, kinh Ban Châu Tam Muội bị diệt trước, mười hai bộ loại kinh văn tuần tự bị diệt sau, không còn gì nữa, không thấy kinh văn, ca-sa của Sa-môn trở thành màu trắng. Khi pháp của Ta diệt, cũng như ngọn đèn dầu, khi đèn sắp tắt thì ánh sáng bùng lên rồi lại tắt luôn. Chánh pháp của Ta diệt cũng như đèn tắt, từ đây về sau, lâu dài không thể nói hết, cho đến ngàn vạn năm, khi Bồ-tát Di-lặc ra đời, trở thành

Phật thì thiên hạ thái bình, khí độc không còn, mưa thuận gió hòa, năm thứ lúa thóc dồi dào, cây cối cao lớn, người cao tám trượng đều sống đến tám vạn bốn ngàn tuổi, chúng sinh được hóa độ là vô lượng vô biên, không thể tính kể.

Hiền giả A-nan làm lễ bạch Phật:

– Kinh này tên là gì, nên phụng trì như thế nào? Phật dạy Hiền giả A-nan:

– Kinh này tên là *Pháp Diệt Tận*, nếu khiến cho mọi người đều biết rõ thì công đức là vô lượng.

Nghe Phật giảng nói kinh này, bốn hàng đệ tử đều buồn rầu, sầu não cùng phát tâm vô lượng chánh chân, làm lễ Phật rồi lui ra.

